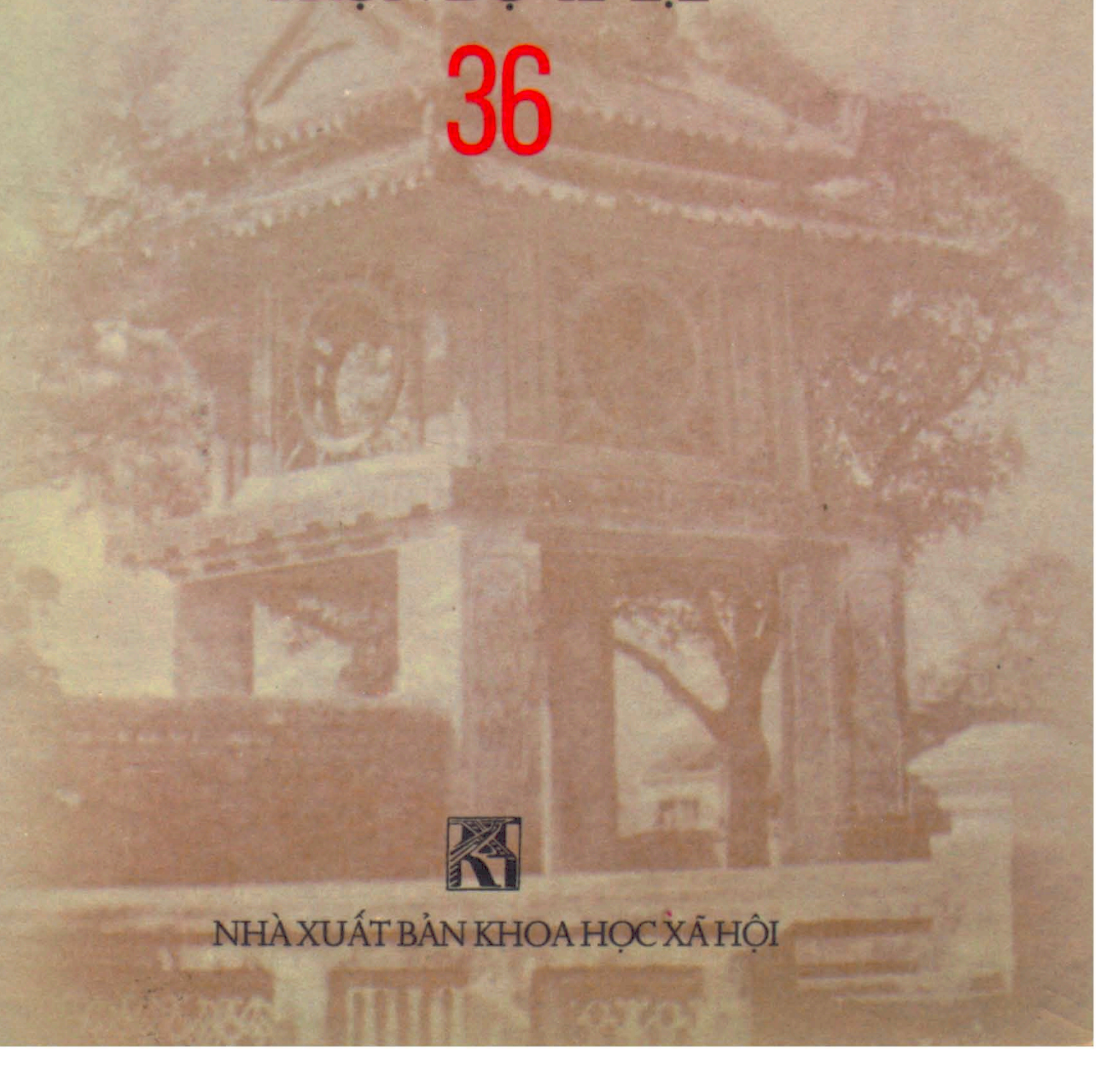
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

36



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 36

Chủ biên: TẠ PHONG CHÂU
Sưu tầm, biên soạn:
TẠ PHONG CHÂU - HOÀNG DUNG
PHẠM NGỌC HY - LỮ HUY NGUYÊN - NGUYỄN THÀNH

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

KHẢI LUẬN

Một nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc thời xưa là Tư Mã Thiên đã viết: "Viết sách, làm thơ đó là điều những người trong lúc cùng dùng để truyền đạt cái ý nghĩ của mình"... Tư Mã Thiên cho rằng viết sách, làm thơ là "để giải bày các nỗi phẫn uất". Ông cho rằng các nhà văn, nhà thơ đều là những người "có những uất ức không biểu lộ ra được, cho nên thuật lại việc xưa mà truyền lại người sau".

Thực tế lịch sử Trung Quốc đã khiến cho Tư Mã Thiên đi đến một quan niệm về văn thơ như vậy. Chính Tư Mã Thiên đã đưa ra những dẫn chứng trong lịch sử của Trung Quốc để làm cơ sở cho lập luận của ông ta: Văn Vương bị tù ở Dũu Lý đã viết *Kinh Dịch*; Trọng Ni gặp nạn ở đất Trần, đất Thái đã viết *Xuân Thu*; Khuất Nguyên bị đuổi viết *Ly tao*; Tả Khâu bị mù viết *Quốc ngữ*; Tôn Tẫn bị cụt chân viết *Binh pháp*; Lữ Bất Vi bị đày sang đất Thục viết sách *Lữ lãm*; Hàn Phi bị tù ở đất Tần viết *Thuyết nan Cô phẫn*,...

Chính Tư Mã Thiên cũng bị bắt giam, bị thiến, đã để lại cho đời sau tác phẩm *Sử ký*.

Đó là thực tế lịch sử ở Trung Quốc.

Ở Việt Nam, thực tế lịch sử hoàn toàn khác: Lý Thường Kiệt làm thơ *Nam quốc sơn hà* lúc đem quân đánh đuổi giặc Tống: Trần Quốc Tuấn viết *Hịch tướng sĩ* lúc chuẩn bị đón đánh giặc Nguyên; Nguyễn Trãi viết *Bình Ngô đại cáo* sau khi đã đánh đuổi được giặc Minh, Nguyễn Huệ viết *Hịch Tây Sơn* khi ra quân đánh giặc Thanh... Ở Việt Nam, làm thơ, viết văn chủ yếu là để nói lên ý chí kiên cường bất khuất đánh đuổi giặc ngoại xâm để cứu nước, người Việt Nam viết văn, làm thơ chủ yếu để ca ngợi chiến công oanh liệt của mình. Đó là truyền thống tốt đẹp của văn học dân tộc Việt Nam.

Tiếp tục truyền thống tốt đẹp đó của văn học dân tộc, văn học cách mạng Việt Nam (trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945) do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, phản ánh cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam chống chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến để giành lại độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Các tác gia cách mạng Việt Nam viết văn, làm thơ để nói lên ý chí cách mạng kiên cường của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam. Họ viết văn, làm thơ để ca ngợi sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc.

Các tác gia cách mạng Việt Nam dùng văn thơ để soi sáng con đường giải phóng của nhân dân. Họ đem ánh sáng chủ nghĩa Mác–Lênin chiếu rọi

vào bóng đêm nô lệ, soi đường cho dân tộc tiến tới độc lập tự do. Họ ca ngợi truyền thống vẻ vang của dân tộc, đem tinh hoa nền văn hiến lâu đời của Việt Nam kết hợp với tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại, vũ trang lại về mặt tinh thần cho nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng.

Văn học cách mạng Việt Nam là sự kế tục nền văn học lâu đời của dân tộc Việt Nam và là bước phát triển của nền văn học đó trong thời đại mới.

*

* *

Văn học là sản phẩm của đời sống xã hội. Văn học của một dân tộc phản ánh đời sống của dân tộc đó. Lịch sử văn học của một nước là do lịch sử xã hội nước đó quyết định.

Dân tộc Việt Nam có lịch sử và văn hóa lâu đời. Lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam là lịch sử đấu tranh kiên cường để chinh phục thiên nhiên và chống ngoại xâm, để dựng nước và giữ nước. Truyền thống kiên cường bất khuất của dân tộc Việt Nam đã được hun đúc trong quá trình đấu tranh lâu dài và bền bỉ đó. Lịch sử dân tộc Việt Nam có nét riêng biệt là không trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ tư bản chủ nghĩa. Ngày trước, dân tộc ta đã tiến từ chế độ công cộng nguyên thủy lên chế độ phong kiến, bỏ qua giai đoạn xã hội chiếm hữu nô lệ. Ngày nay dân tộc ta lại tiến từ chế độ thuộc địa nửa phong kiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong chế độ chiếm hữu nô lệ, một bộ phận dân cư coi bộ phận dân cư khác là súc vật, tùy ý cho sống hay là giết chết. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, một bộ phận dân cư coi bộ phận dân cư khác là hàng hóa, mua sức lao động của họ để bòn rút lợi nhuận. Trong các chế độ đó con người bị tha hóa cao độ. Con người Việt Nam đã tránh được sự tha hóa cao độ của các chế độ xã hội đó.

Những người Việt cổ sống trong những điều kiện cực kỳ ác liệt. Để tồn tại, họ phải đấu tranh không ngừng chống các tai họa thiên nhiên (lũ lụt, bão tố) và nạn ngoại xâm. Hoàn cảnh khách quan đó bắt buộc những người Việt cổ phải sớm khắc phục tình trạng rời rạc, lẻ tẻ, sớm lập ra một quốc gia thống nhất – nước Văn Lang. Đó chính là cơ sở hình thành ý thức dân tộc của người Việt Nam, ý thức "người trong một nước phải thương nhau cùng". Cùng với sự phát triển của lịch sử, ý thức ấy ngày càng thêm sâu thêm mạnh và trở thành ý chí kiên quyết: "Người Việt Nam làm chủ đất nước Việt Nam".

Từ cộng đồng nguyên thủy "ăn chung ở chạ", người Việt cổ tiến lên dựng nước. Dựng nước rồi, người Việt cổ không xóa bỏ *làng* – hình thức công xã nguyên thủy – mà vẫn duy trì làng, hòa hợp làng vào trong nước, biến làng thành đơn vị cơ sở của nước. Người Việt cổ vừa lo việc nước lẫn việc làng, vì việc làng cũng là việc nước, việc nước cũng là việc làng. Làng ít nhiều có tính chất tự trị, song nói chung làng và nước xoắn xuýt với nhau trong một thể thống nhất. Tất cả các làng kết hợp với nhau trong một thể thống nhất cao

hơn là nước mới đủ sức đấu tranh chống địch họa và thiên tai. Có giữ nước mới giữ được làng. Có dựa vào làng mới giữ được nước. Giữ nước, giữ làng, đó là ý chí sắt đá của người Việt Nam trong các thời đại.

Nước ta đã từng trải qua nhiều thế kỷ dưới chế độ phong kiến. Nhưng chế độ phong kiến ở nước ta có những điểm không giống chế độ phong kiến ở nhiều nước khác.

Sau khi dựng nước, xã hội của những người Việt cổ tuy đã có sự phân hóa giai cấp, nhưng sự phân hóa giai cấp đó chưa thật sâu sắc. Trong nước Văn Lang – Âu Lạc cổ, "lạc hầu" thu hoa lợi trên "lạc điền" do "lạc dân" cày cấy. [1] Tuy vậy, sự cách bức giữa lạc vương, lạc hầu, lạc tướng, với lạc dân chưa phải là lớn lắm. Sử cũ chép, thời các vua Hùng "vua tôi cùng đi cày, cha con tắm cùng (sông), không chia giới hạn, không phân biệt uy quyền thứ bậc". [2] Sử cũ cũng chép rằng trong nước Văn Lang "phong tục thuần hậu, mộc mạc" [3]; "Dân đều vẽ mình,... cùng nhau vui chơi vô sự, gọi là đời rất hồn nhiên". [4]

Cũng như giai cấp phong kiến địa chủ các nước khác, giai cấp phong kiến địa chủ nước ta cũng bóc lột áp bức nông dân và các tầng lớp lao động khác. Tuy vậy, do điều kiện lịch sử, chế độ phong kiến ở nước ta có những đặc điểm không giống chế độ phong kiến các nước khác. Đó là vì các lẽ sau đây:

Do nước ta nhiều lần bị bọn phong kiến Trung Quốc xâm chiếm và đô hộ, các vị anh hùng dân tộc nước ta ngày trước đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy đánh đuổi quân xâm lược phương Bắc. Sau khi giành được thắng lợi, các vị anh hùng dân tộc đó, do điều kiện lịch sử hạn chế, đã lên làm vua và lập ra triều đại phong kiến dân tộc. Các vua lập ra các triều đại phong kiến Việt Nam như Ngô Quyền, Lê Hoàn, Lê Lợi, Nguyễn Huệ,... là những anh hùng dân tộc xuất thân từ nhân dân, có liên hệ mật thiết với nhân dân. Các triều đại phong kiến Việt Nam (như nhà Lý, nhà Trần) phải dựa vào dân để kháng chiến chống bọn phong kiến Trung Quốc xâm lược. Họ phải "khoan thư sức dân để làm kế bền gốc, sâu rễ". [5] Họ nhận thức được rằng "cả nước góp sức" [6] là nhân tố căn bản để giành thắng lợi trong chiến tranh giữ nước. Gặp trường hợp vua bạo ngược, đàn áp nhân dân (như Lê Long Đĩnh), thì triều đình đưa

---

1. *Giao Quảng ký* của Hoàng Sâm chép: "Giao Chỉ có ruộng lạc điền, khai khẩn theo nước triều lên xuống. Người hưởng hoa lợi ruộng ấy là lạc hầu".

2. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I. Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1960, tr. 154.

3. *An Nam* chính truyện của Cao Hùng Trưng chép: Giao Chỉ khi chưa đặt quận huyện (chưa bị Trung Quốc chiếm) có ruộng lạc, theo nước triều lên xuống mà làm ruộng. Khai khẩn ruộng ấy là lạc dân. Thống trị dân ấy là lạc vương, người giúp việc là lạc tướng; đều dùng ấn đồng thao xanh. Nước gọi là Văn Lang, phong tục thuần hậu, mộc mạc".

4. Phan Huy Chú: sách đã dẫn, tr. 154.

5. Lời của Trần Quốc Tuấn.

6. Như 1.

người hiền tài thuộc dòng họ khác làm vua (như Lý Công Uẩn).

Trong lịch sử Việt Nam đã từng có trường hợp vua không truyền ngôi cho con cháu, mà lại truyền ngôi cho người hiền tài để thừa kế mình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống xâm lược (Lý Bôn truyền ngôi cho Triệu Quang Phục). Đứng trước nạn ngoại xâm, vì sự sống còn của Tổ quốc, người Việt Nam đặt lợi ích riêng của gia tộc dưới lợi ích chung của đất nước.

Ở nước ta ngày trước, việc cử người hiền tài lên làm vua không phải là trường hợp cá biệt. Lúc nước nhà lâm nguy, ông cha ta đã cử người tài giỏi lên làm vua để lãnh đạo dân tộc kháng chiến đánh đuổi giặc nước ngoài xâm lược. Đó là trường hợp Lê Hoàn được cử làm vua sau khi Đinh Tiên Hoàng bị ám sát.

Khi vua mất lòng dân, không thể dựa vào dân để chống ngoại xâm, cuộc kháng chiến chống giặc xâm lược nước ngoài bị thất bại, vua bị giặc nước ngoài bắt làm tù binh, thì triều đại phong kiến dân tộc sụp đổ. Đó là trường hợp cha con Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương bị bọn phong kiến Trung Quốc đánh bại và bắt đem về Trung Quốc.

Nếu ở Trung Quốc ngày trước tên nước và tên dòng họ làm vua đồng nhất với nhau, thì ở Việt Nam tình hình lại khác. Có thể nói ở Trung Quốc ngày trước không có tên "nước". Dưới chế độ phong kiến, người Trung Quốc lấy tên dòng họ làm vua làm tên nước (Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh...). Ở Việt Nam ngày trước, nước có tên riêng, và tên nước không phụ thuộc vào tên dòng họ làm vua. Thời các vua Hùng tên nước là Văn Lang. Thời vua Thục tên nước là Âu Lạc. Thời vua Đinh tên nước là Đại Cồ Việt. Suốt các đời Lý, Trần, Lê,... tên nước là Đại Việt. Ở nước ta, nước là của chung dân tộc chứ không phải là của riêng dòng họ làm vua. Điều đó nói lên quan niệm của người Việt Nam về "nước". Người Việt Nam sớm có ý thức về quốc gia. Người Việt Nam có ý thức rằng mình là người chủ đất nước Việt Nam.

Đến thế kỷ XIX, chế độ phong kiến ở Việt Nam bị khủng hoảng nghiêm trọng và thối nát cao độ; bọn vua quan triều Nguyễn dựa vào bọn xâm lược phương Tây để chống lại nhân dân. Chúng đầu hàng đế quốc Pháp, nhờ lực lượng đế quốc Pháp để đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân. [1]

Trong lịch sử Việt Nam, nhân dân lao động là lực lượng hùng hậu đấu tranh chống ngoại xâm để giành lại độc lập dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Do đó, ngay dưới chế độ phong kiến, nhân dân lao động vẫn có tiếng nói của mình trong các vấn đề trọng đại của đất nước. Giai cấp phong kiến Việt Nam không thể không đếm xỉa đến sức mạnh của nhân dân lao động trong nước. Chính vì vậy, ngay dưới chế độ phong kiến, xã hội Việt Nam đã có yếu tố dân chủ. Truyền thống nhân dân lao động đòi sử dụng quyền làm chủ đất nước là một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

---

1. Hiệp ước ngày 6–6–1884 do triều đình nhà Nguyễn ký với nước Pháp có điều khoản ghi rõ: "Nước Pháp cam kết bảo đảm từ nay về sau sự toàn vẹn lãnh thổ của vua An Nam, bảo vệ chủ quyền đó chống lại các cuộc xâm lược từ bên ngoài và chống lại các cuộc nổi loạn ở trong nước". (Điều 15).

Không trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ tư bản chủ nghĩa, tiến từ chế độ công cộng nguyên thủy, qua chế độ phong kiến lên thẳng chủ nghĩa xã hội, người Việt Nam duy trì bền bỉ và phát huy những truyền thống tốt đẹp của công xã nguyên thủy như đoàn kết tương trợ, dân chủ, tôn trọng phẩm giá con người, bình đẳng giữa con gái và con trai... Đó là truyền thống "thương người như thể thương thân", "lá lành đùm lá rách", "bầu ơi thương lấy bí cùng"... Những truyền thống tốt đẹp đó đã in dấu sâu sắc lên nền văn học lâu đời của dân tộc Việt Nam.

Con người Việt Nam vốn tính tình đôn hậu, chất phác, thật thà, giàu tình cảm, có tình nghĩa thủy chung, có cuộc sống giản dị, lành mạnh, có lòng yêu chuộng hòa bình và mong muốn sống hữu nghị với các dân tộc khác. Họ hiền lành và mến khách, nhưng kiên quyết và dũng cảm chiến đấu chống kẻ thù để bảo vệ cuộc sống của mình.

Trong di sản văn hóa do chế độ phong kiến để lại, bên cạnh những mặt tiêu cực và độc hại, còn có những mặt tích cực và tốt đẹp như: tinh thần yêu nước, tinh thần chiến đấu bất khuất chống ngoại xâm, ý thức làm chủ xóm làng, làm chủ đất nước, tinh thần tự lực tự cường xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc,... Những người Cộng sản Việt Nam biết thận trọng tách cái mầm lành mạnh, tích cực trong di sản văn hóa dân tộc ra khỏi cái khung cứng nhắc và độc hại của chế độ phong kiến, giữ gìn, bồi dưỡng, phát triển cái mầm quý báu đó làm cái vốn đầu tiên cho việc xây dựng nền văn học mới, nền văn hóa mới của nước ta.

*

* *

Văn học Việt Nam, trải qua quá trình hình thành và phát triển lâu dài, có thể chia làm ba thời kỳ lịch sử lớn:

Thời kỳ thứ nhất từ thế kỷ IX trở về trước. Đó chủ yếu là nền văn học dân gian truyền miệng (về sau được ghi chép lại thành văn). Trong văn học bằng ngôn ngữ nói, về sau được chuyển thành ngôn ngữ viết, có những truyện *Sơn Tinh – Thủy Tinh, Thánh Gióng*, v.v... phản ánh cuộc đấu tranh của những người Việt cổ chinh phục thiên nhiên và chống ngoại xâm để dựng nước và giữ nước. Truyền miệng từ đời này qua đời khác, văn học dân gian là tấm gương phản ánh tâm hồn và tính cách của nhân dân, phản ánh phong tục, tập quán, cuộc sống, sự lao động sáng tạo và cuộc chiến đấu của họ, nói lên quan niệm của họ về cái thiện và cái ác, cái thật và cái giả, cái đẹp và cái xấu, nói lên ý chí và niềm hy vọng của họ. Tuy cuối thời kỳ đó trong xã hội đã bắt đầu có sự phân hóa giai cấp và Nhà nước đã hình thành, nền văn học dân gian từ thế kỷ IX trở về trước chủ yếu thể hiện bộ mặt tinh thần của những người Việt cổ trong thời đại cộng đồng nguyên thủy mà những truyền thống tốt đẹp còn để lại ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội.

Thời kỳ thứ hai từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XX. Bên cạnh văn học truyền miệng tiếp tục phát triển, có thêm văn học viết. Văn học dân gian và văn học bác học song song tồn tại và phát triển. Sau mười thế kỷ bị phong kiến Trung Quốc thống trị, chủ quyền dân tộc được phục hồi, Nhà nước phong kiến dân tộc độc lập được xây dựng và củng cố, văn học Đại Việt trong thời gian đầu phản ánh cuộc Đại phục hưng của dân tộc và góp phần tích cực vào cuộc Đại phục hưng đó. Nền văn học đó là một bộ phận trong kiến trúc thượng tầng của xã hội phong kiến Việt Nam. Hệ tư tưởng chủ đạo của nền văn học đó là hệ tư tưởng phong kiến. Mặc dù có những sự hạn chế về mặt tính giai cấp và tính thời đại, văn học Đại Việt trong hơn mười thế kỷ đó là bức tranh hùng tráng phản ánh sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta. Nó thừa kế và phát huy truyền thống vẻ vang của nền văn hiến Văn Lang – Âu Lạc. Nó để lại cho các thế hệ sau những truyền thống tốt đẹp về tinh thần yêu nước, nhân nghĩa, dân chủ, hòa bình và hữu nghị với nhân dân các nước khác.

Thời kỳ thứ ba bắt đầu từ thập kỷ 20, thập kỷ 30 của thế kỷ XX. Lãnh tụ Hồ Chí Minh đem chủ nghĩa Mác–Lênin truyền bá vào Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử văn học Việt Nam. Ở trong nước, giai cấp công nhân xuất hiện gánh vác sứ mệnh lịch sử lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc; trên thế giới Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi mở ra thời đại mới trong lịch sử nhân loại; các sự kiện lịch sử đó có liên quan đến sự ra đời của nền văn học mới ở Việt Nam. Xét về điều kiện lịch sử, về tính thời đại, về tính giai cấp, về hệ tư tưởng, về lý tưởng thẩm mỹ, văn học Việt Nam trong thời kỳ thứ ba hoàn toàn khác văn học Việt Nam trong hai thời kỳ trước. Nền văn học mới kế thừa những truyền thống tốt đẹp nhất của văn học Việt Nam trong hai thời kỳ trước. Nó là bước phát triển mới, hợp quy luật của văn học Việt Nam, nhằm đáp ứng những yêu cầu của sự phát triển xã hội Việt Nam trong thời đại mới.

Người thầy của cách mạng Việt Nam – Hồ Chí Minh – là người sáng lập nền văn học mới Việt Nam. Những tác phẩm của Người, từ các *truyện và ký* đầu tay viết hồi đầu thập kỷ 20, đến tập thơ *Nhật ký trong tù* viết hồi đầu thập kỷ 40, từ tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* viết ở nước ngoài đến bản *Tuyên ngôn Độc lập* viết ở trong nước... là những viên đá đầu tiên đặt nền móng cho văn học mới Việt Nam. Thấm nhuần các quan điểm cách mạng của Hồ Chí Minh, văn học mới Việt Nam không chỉ là đỉnh cao mới của văn học Việt Nam, mà còn là một trong những nền văn học tiền phong của nhân loại trong thời đại chúng ta.

Căn cứ vào thực tế hình thành và phát triển của nó, có thể chia quá trình của văn học mới Việt Nam cho tới nay thành ba giai đoạn như sau:

Giai đoạn thứ nhất, từ thập kỷ 20 đến Cách mạng Tháng Tám (1945): giai đoạn hình thành và đấu tranh cho sự tồn tại của văn học mới. Trong giai đoạn này văn học mới ở địa vị thống trị, nó phải đấu tranh chống ách thống

trị của bọn đế quốc và phong kiến, cùng văn học của chúng, để tồn tại và phát triển.

Giai đoạn thứ hai, từ sau Cách mạng Tháng Tám (1945) đến giải phóng miền Nam (1975): với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, văn học mới đã giành được địa vị chính thống trong văn học; tuy vậy nó vẫn phải tiến hành một cuộc đấu tranh lâu dài bền bỉ chống bọn thực dân cũ và thực dân mới, cùng văn học của chúng, để giành đi giật lại và giữ vững địa vị chính thống đó.

Giai đoạn thứ ba, từ năm 1975 trở đi: sau khi nước Việt Nam được thống nhất và cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, văn học mới với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc, có tính Đảng và tính nhân dân, trở thành nền văn học chính thống của cả nước Việt Nam.

Nền văn học mới trong giai đoạn thứ nhất (từ những năm 20 đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945), thường được gọi là văn học cách mạng. Các nhà nghiên cứu văn học gọi đó là *văn học cách mạng* vì nó ra đời và chiến đấu dưới ách thống trị của bọn đế quốc, phong kiến; nó phản ánh và phục vụ cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản nhằm đánh đổ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, giành chính quyền Nhà nước về tay nhân dân Việt Nam.

Ngay từ khi mới ra đời, văn học cách mạng đã gặp phải sự đàn áp cực kỳ tàn bạo của quân thù. Người viết cũng như người đọc bị bắt bớ, tù đày, chém giết. Bất chấp sự khủng bố dã man của bọn đế quốc và phong kiến, văn học cách mạng vẫn không ngừng phát triển và góp phần đắc lực vào sự nghiệp giải phóng của nhân dân.

Dưới ách thống trị của bọn đế quốc, phong kiến, các tác phẩm văn học cách mạng bị coi là "đồ quốc cấm", bị cấm lưu hành và tàng trữ, bị tịch thu và thiêu đốt. Một số sách báo cách mạng được quần chúng cách mạng cất giấu, bảo vệ, bất chấp sự nguy hiểm đối với tính mạng của họ. Một số đoạn văn, bài thơ cách mạng vẫn tiếp tục cuộc sống bền bỉ trong trí nhớ của quần chúng cách mạng. Người ta truyền miệng cho nhau từ người này qua người khác, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Rất nhiều tác phẩm văn học cách mạng đã vĩnh viễn mất đi, vì văn bản đã bị địch tịch thu và thiêu đốt; còn những người thuộc lòng các tác phẩm đó không thể sống được tới ngày nay!

Sau ngày cách mạng thắng lợi, công việc sưu tầm văn học cách mạng đã được tiến hành. Đó là một công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi nhiều thì giờ và sức lực. Cũng như các nhà khảo cổ học đào bới đất để tìm kiếm những chiếc rìu đá, rìu đồng... ở Phùng Nguyên, Đồng Đậu, đã trình bày được một phần bộ mặt nền văn minh của người Việt cổ thời đại các vua Hùng, các nhà nghiên cứu văn học sưu tầm các bài văn, bài thơ của các chiến sĩ cách mạng đã khôi phục được một phần bộ mặt nền văn học cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo trước Cách mạng Tháng Tám (1945).

Chúng ta ghi nhận ở đây sự đóng góp quý báu của các nhà sưu tầm, nhờ công sức của họ, chúng ta có cái may mắn được đọc tác phẩm của các chiến sĩ

cách mạng yêu quý của chúng ta. Công việc của họ còn lâu mới kết thúc, vì những bài văn, bài thơ đã sưu tầm được chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ trong tổng số văn thơ mà các chiến sĩ và quần chúng cách mạng đã sáng tác. Tuy chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ so với toàn bộ văn học cách mạng, các tác phẩm đã sưu tầm được, về mặt số lượng, cũng như về mặt chất lượng, cũng đủ để chứng minh rằng, dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta trước Cách mạng Tháng Tám, *văn học cách mạng là chủ lưu của văn học Việt Nam.*

Văn học cách mạng là chủ lưu của văn học Việt Nam thời bấy giờ vì nó có một số lượng tác phẩm đồ sộ, với nội dung hoàn toàn mới, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển xã hội Việt Nam trong thời đại mới. Nó có một phong trào quần chúng rộng rãi tham gia sự sáng tác văn học. Từ phong trào quần chúng sáng tác văn học đó, đã xuất hiện một đội ngũ tác gia đông đảo, trong đó có một số không ít nhà văn có bút pháp riêng, độc đáo. Hơn hẳn các trào lưu văn học khác hồi bấy giờ, văn học cách mạng còn có nền lý luận văn học tiền phong để soi sáng cho lao động sáng tạo nghệ thuật. Văn học cách mạng có một công chúng bạn đọc kiên cường, bất khuất rất đông là quần chúng cách mạng, là nhân dân lao động, "tinh hoa của đất nước", như Lênin đã nói.

Ra đời dưới ách thống trị của đế quốc và phong kiến, văn học cách mạng mau chóng trở thành trào lưu chủ yếu của văn học Việt Nam, tiêu biểu cho văn học dân tộc, điều đó nói lên sức sống mãnh liệt, sự phát triển mạnh mẽ, và tính chất tiên tiến của văn học cách mạng.

*

* *

Người xưa nói: văn là để chở đạo. Nguyễn Đình Chiểu đã từng ví văn như thuyền để chở đạo: "Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm".

Đạo có nghĩa là *đường*. Các nhà tư tưởng Đông – Tây đều nói đến "đạo", đến "đường". Lão Tử nói "đạo"; Giêxu nói "đường". "Đạo" hay "đường" đều là nội dung tư tưởng, mà "văn" là hình thức để diễn đạt.

Lãnh tụ Hồ Chí Minh cũng nói "đường" nhưng đó là *Đường kách mệnh*, một con đường hoàn toàn khác. Nếu Giêxu nói: "Ta là con đường", [1] thì Hồ Chí Minh với tinh thần khiêm tốn vốn là một đặc điểm của Người, chỉ trình bày con đường "của tôi"; Người viết: *Đường kách mệnh*, "*Con đường* dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin"; "muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản". Con đường Hồ Chí Minh là con đường từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa xã hội.

"Đường" của Hồ Chí Minh không chỉ là lý luận, mà còn là thực tiễn nữa. Trong *Đường kách mệnh* của Hồ Chí Minh, lý luận và thực tiễn kết hợp chặt chẽ với nhau, quyện chặt vào nhau như linh hồn với thể xác.

---

1. Giêxu nói với Tôma là môn đệ của ông: "Je suis le chemin, la vérité, la vie" (Ta là con đường, là sự thật, là cuộc sống). *Tân ước* (Gioan 14,6).

Hồ Chí Minh vốn là người *rất thiết thực*. Người không chỉ nói một chiều về tư tưởng, về lý luận. Vì đối với Người, lý luận mà không có thực tiễn là lý luận suông. Mặt khác, Hồ Chí Minh, là người nhìn xa trông rộng, Người cho rằng thực tiễn phải được lý luận soi sáng. Người viết: "Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông".[1] Người chủ trương kết hợp chặt chẽ lý luận với thực tiễn. Đối với Hồ Chí Minh, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản. Chính vì vậy mà Người thường nói "đường". "Đường" là thể thống nhất lý luận với thực tiễn. Trong "đường" của Hồ Chí Minh, vừa có tư tưởng vừa có thực tiễn. Đó không phải là tư tưởng thuần túy. Đó cũng không phải thực tiễn mù quáng (không có lý luận soi sáng). "Đường" của Hồ Chí Minh là một chỉnh thể thống nhất lý luận – thực tiễn. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác–Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Nếu có thể nói như Nguyễn Đình Chiểu, văn là thuyền để chở đạo, thì chúng ta có thể nói rằng: văn cách mạng Việt Nam là con thuyền chở *Đường kách mệnh* của Hồ Chí Minh, người thầy vĩ đại của Cách mạng Việt Nam.

Văn học cách mạng kế thừa những truyền thống tốt đẹp của di sản văn hóa, văn học dân tộc. Tuy vậy, xét về chất, nó hoàn toàn khác các nền văn học đã có từ trước trong lịch sử dân tộc. Nó cũng khác các trào lưu văn học Việt Nam đương thời. Sự khác nhau cơ bản là ở chỗ văn học cách mạng lấy chủ nghĩa Mác–Lênin làm cơ sở tư tưởng. Lý luận Mác–Lênin về triết học, về chính trị kinh tế học, về chủ nghĩa xã hội khoa học là vũ khí tư tưởng của các tác gia văn học cách mạng Việt Nam. Những quan điểm của Mác, Ăngghen và Lênin về văn học và đời sống xã hội, về thế giới quan và sáng tác, về cuộc đấu tranh xây dựng nền văn học mới, là kim chỉ nam hướng dẫn sự sáng tác văn học của họ.

Sung sướng biết bao khi những người yêu nước Việt Nam được tiếp xúc với ánh sáng của chủ nghĩa Mác–Lênin. Lần đầu tiên trong lịch sử, những người yêu nước Việt Nam nghe nói đến giai cấp và đấu tranh giai cấp, đến chuyên chính vô sản và chủ nghĩa cộng sản. Họ biết vận dụng quan điểm giai cấp để phân tích các hiện tượng xã hội.

Họ hiểu ra rằng đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội có giai cấp. Họ thấy được lực lượng cách mạng vĩ đại của giai cấp vô sản, giai cấp có sứ mệnh lịch sử toàn thế giới chôn vùi chủ nghĩa tư bản, xây dựng chế độ xã hội mới – chủ nghĩa cộng sản.

Thể hiện những tư tưởng vĩ đại của Mác và Lênin, văn học cách mạng Việt Nam khẳng định rằng có xóa bỏ chế độ người bóc lột người thì mới giải phóng được con người; rằng có giải phóng tất cả các tầng lớp bị áp bức trong xã hội mới giải phóng được giai cấp công nhân; rằng giai cấp công nhân là

1. Hồ Chí Minh. *Tuyển tập*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 638.

giai cấp đang lên trong xã hội hiện đại, có sứ mệnh lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng loài người. Văn học cách mạng làm cho người đọc thấy rõ rằng, xã hội cộng sản chủ nghĩa là xã hội nhân đạo nhất, bảo đảm cho mọi người có khả năng phát triển nhịp nhàng, toàn diện; rằng lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản là con đường giải phóng loài người; rằng giai cấp công nhân là lực lượng vật chất để thực hiện lý tưởng đó. Đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân công nghiệp, là giai cấp cách mạng triệt để, văn học cách mạng vạch rõ rằng chỉ có dùng bạo lực đập tan bộ máy nhà nước của bọn thực dân phong kiến mới giành được độc lập cho Tổ quốc, và mở đường cho nước nhà tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong các nền văn học ngày trước của nước ta, người ta chưa đưa ra được giải pháp cho các vấn đề, – thậm chí người ta chưa đặt thành vấn đề để giải đáp – các vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt về nhận thức: xã hội phát triển theo những quy luật nào, cơ cấu xã hội ra sao, các thành phần của cơ chế xã hội tác động lẫn nhau như thế nào? Văn học cách mạng, lần đầu tiên trong lịch sử văn học nước ta, nêu lên thành vấn đề và đưa ra được câu trả lời đúng đắn cho các vấn đề đó.

Tinh thần có trước hay vật chất có trước? Đó là vấn đề cơ bản của triết học. Phần lớn các tác gia Việt Nam ngày trước cho rằng tinh thần (linh hồn, lẽ phải...) có trước. Có nhà thơ vĩ đại như Nguyễn Du truyền bá thuyết định mệnh. Cuộc đời "bạc mệnh" của Thúy Kiều diễn ra đúng như lời một người "bạc mệnh" khác là Đạm Tiên đã chết từ lâu "hiện hồn" về báo cho biết trước! Dựa vững chắc vào chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác và Lênin, các tác gia cách mạng Việt Nam khẳng định rằng vật chất là cái có trước; rằng thế giới bao quanh con người không phải do một đấng thần linh nào tạo ra cả; rằng ý thức của con người phản ánh sự vật khách quan, sự vật đó tồn tại độc lập đối với ý thức của con người. Các tác gia cách mạng một mặt phê phán chủ nghĩa duy tâm, mặt khác phê phán chủ nghĩa duy vật máy móc, siêu hình, không biện chứng của những người không hiểu nổi thế giới vật chất trong lịch sử phát triển không ngừng của nó, không đánh giá được đúng lao động thực tiễn của con người làm thay đổi môi trường, đồng thời làm thay đổi cả bản thân con người.

Văn học cách mạng vạch rõ rằng, con người trước tiên cần phải ăn, uống, mặc, ở, rồi sau đó mới có thể nghĩ đến chính trị, khoa học, văn học, nghệ thuật. Vì vậy con người trước hết cần phải sản xuất ra những của cải vật chất để sống, tức là phải lao động. Nhân dân là người làm ra của cải vật chất để nuôi sống xã hội. Chính họ là người làm ra lịch sử. Lao động của họ là cơ sở của mọi nền văn hóa. Con người làm ra lịch sử của chính mình. Trong quá trình hoạt động của con người, con người làm biến đổi tự nhiên, xã hội và biến đổi cả bản thân mình. Xã hội phát triển theo những quy luật nhất định. Điều đó không làm giảm nhẹ vai trò của quần chúng nhân dân mà càng tỏ rõ vai trò chân chính của nhân dân là người làm ra lịch sử.

Vận dụng học thuyết của Mác về khoa kinh tế chính trị, văn học cách mạng Việt Nam vạch rõ sự bóc lột của bọn tư bản thực dân đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta. Nó làm cho mọi người thấy rằng giá trị của mọi hàng hóa là do thời gian lao động xã hội tất yếu để làm ra hàng hóa đó quyết định. Nó vạch rõ mối quan hệ giữa người và người trong quan hệ giữa vật và vật (hàng hóa này đổi lấy hàng hóa khác). Nó chứng minh cho mọi người thấy rằng dưới chế độ thực dân, sức lao động của nhân dân ta là một thứ hàng hóa. Người làm công bán sức lao động của mình cho người chủ nhà máy, chủ hầm mỏ, chủ đồn điền. Người công nhân dùng một phần thời gian lao động để bù vào chi phí nuôi thân và nuôi gia đình mình (tiền công); còn phần thời gian kia thì để làm công không, tạo ra *giá trị thặng dư* cho người chủ tư bản, đó là nguồn lợi nhuận, nguồn làm giàu cho giai cấp tư bản.

Văn học cách mạng vạch rõ sự khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội khoa học và chủ nghĩa xã hội không tưởng. Nó chỉ rõ rằng chủ nghĩa xã hội không tưởng chỉ nguyền rủa chế độ tư bản chủ nghĩa, mơ ước một xã hội tốt đẹp hơn, nhưng không thể đưa ra được một lối thoát thực sự.

Văn học cách mạng vạch rõ rằng chỉ có tiến hành triệt để cuộc đấu tranh giai cấp, đập tan bộ máy Nhà nước của các giai cấp bóc lột thống trị, thiết lập chuyên chính vô sản, xây dựng xã hội mới theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội khoa học, thì mới giải phóng được giai cấp công nhân, những người lao động, và các dân tộc bị áp bức khỏi mọi sự áp bức và bóc lột.

Văn học cách mạng truyền bá rộng rãi ở nước ta lý luận của chủ nghĩa Mác–Lênin về chuyên chính vô sản, về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản, về liên minh công nông, về vấn đề nông dân, về vấn đề dân tộc, về hai chiến lược cách mạng, về xây dựng chủ nghĩa xã hội, v.v...

Chủ nghĩa Mác–Lênin là một học thuyết khoa học. Nó giúp cho người ta có được một thế giới quan mạch lạc, chặt chẽ. Truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác–Lênin ở nước ta, văn học cách mạng đã cung cấp cho nhân dân ta một vũ khí sắc bén để chiến đấu chống bọn đế quốc và bọn phong kiến, giành lại độc lập cho Tổ quốc.

Văn học cách mạng vừa truyền bá chủ nghĩa Mác–Lênin vừa đem đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam thâm nhập quần chúng nhân dân. Đó là đường lối làm cách mạng dân tộc – dân chủ – nhân dân, rồi tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nó nêu cao ngọn cờ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội. Nó thấm nhuần tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập tự do" của người cộng sản Việt Nam vĩ đại Hồ Chí Minh. Thông qua văn học cách mạng, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam thâm nhập quần chúng nhân dân đã trở thành sức mạnh vật chất đánh đổ ách thống trị của bọn đế quốc và phong kiến, giành chính quyền Nhà nước về tay nhân dân Việt Nam.

*

* *

Văn học cách mạng không chỉ là con thuyền chở chủ nghĩa Mác–Lênin và đường lối cách mạng của Đảng, mà còn là tấm gương phản ánh cuộc đấu tranh kiên cường, bền bỉ, vô cùng anh dũng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Qua văn học cách mạng người ta có thể tìm thấy dấu chân của lãnh tụ Hồ Chí Minh bôn ba qua các lục địa để tìm đường cứu nước. Văn học cách mạng ghi lại cuộc đấu tranh gian khổ bền bỉ trong thời gian chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3–2–1930 đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Sự kiện lịch sử đó, cùng với cao trào cách mạng tiếp theo đó, đã tạo ra sự nở rộ của văn học cách mạng mà tiêu biểu là thơ ca Xô viết Nghệ – Tĩnh. Sau thất bại của phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh, nhiều chiến sĩ cộng sản và quần chúng cách mạng bị bọn thực dân Pháp và bọn phong kiến Nam triều bắt bớ, giam cầm. Trong các nhà tù, nhà đày, các chiến sĩ và quần chúng cách mạng làm văn, làm thơ tố cáo tội ác của bọn đế quốc và phong kiến, nêu cao tinh thần đấu tranh anh dũng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nói lên ý chí kiên cường bất khuất và sự tin tưởng vững chắc vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp cách mạng.

Phong trào Mặt trận Dân chủ do Đảng Cộng sản phát động là một dịp tốt để thúc đẩy sự phát triển của nền văn học mới gắn với giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Sử dụng những khả năng hợp pháp do thắng lợi của Mặt trận Nhân dân ở Pháp đem lại, những người cộng sản Việt Nam ra báo, in sách, công khai nói lên lập trường, quan điểm của mình. Dựa trên phong trào quần chúng đấu tranh sôi nổi đòi cải thiện đời sống, đòi tự do dân chủ, bảo vệ hòa bình, nền văn học mới do Đảng Cộng sản lãnh đạo lần đầu tiên ra khỏi bóng tối của hoạt động bí mật, giành được địa vị hợp pháp trên các diễn đàn công khai. Nắm vững vũ khí tư tưởng Mác–Lênin và quan điểm của Đảng, các nhà văn, nhà báo cộng sản và cảm tình Đảng đã mở cuộc tiến công mãnh liệt chống tư tưởng phong kiến và tư tưởng tư sản, phê phán nghiêm khắc chủ nghĩa duy tâm trong triết học và trong văn học nghệ thuật. Họ đấu tranh chống thái độ nô lệ đối với nước ngoài và nêu cao lòng tự trọng dân tộc. Phong trào Mặt trận Dân chủ vừa là một phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, vừa là một cuộc vận động văn hóa mới sâu rộng. Lần đầu tiên ở nước ta, chủ nghĩa Mác–Lênin và đường lối chính sách của Đảng Cộng sản được truyền bá trên sách báo công khai như vậy. Qua phong trào Mặt trận Dân chủ, nền văn hóa mới do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã có bước phát triển mới, bao gồm nhiều thể loại, nhất là văn xuôi.

Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra; đế quốc Pháp thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng ở nước ta. Đảng Cộng sản và các đoàn thể dân chủ bị cấm hoạt động. Sách báo dân chủ và tiến bộ bị cấm xuất bản, lưu hành và tàng trữ. Đảng Cộng sản rút vào bí mật. Các báo bí mật của Đảng được xuất bản và lưu hành trong quần chúng. Các chiến sĩ cộng sản bị địch bắt giam

trong các nhà tù, các trại tập trung, vẫn tiếp tục làm thơ, viết văn. Văn học cách mạng phát triển mạnh không những ở ngoài, mà cả ở trong các nhà tù. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa, năm 1943 Đảng công bố Đề cương văn hóa Việt Nam. Đảng lại tổ chức ra Hội văn hóa cứu quốc để tập hợp các nhà văn, nhà nghệ thuật, các trí thức yêu nước và tiến bộ.

Bất chấp sự khủng bố tàn bạo của kẻ thù, văn học cách mạng Việt Nam ngày càng phát triển mạnh mẽ. Nếu trong những năm 1930 – 1931 văn học cách mạng nhấn mạnh lý tưởng cộng sản chủ nghĩa và lập trường giai cấp vô sản; trong những năm 1936 – 1939 văn học cách mạng nói nhiều về cải thiện đời sống, đòi tự do dân chủ và bảo vệ hòa bình; thì trong những năm 1940 – 1945 văn học cách mạng giương cao ngọn cờ dân tộc, cổ vũ tinh thần yêu nước của đồng bào, đồng chí, kêu gọi mọi người chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành lại độc lập cho Tổ quốc.

Văn học cách mạng là tấm gương phản ánh cách mạng Việt Nam hơn hai mươi năm trước Cách mạng Tháng Tám (1945). Đồng thời, nó là công cụ sắc bén trong tay Đảng Cộng sản để tập hợp lực lượng, chuẩn bị nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân lao động. Văn học cách mạng là một vũ khí sắc bén trong tay Đảng Cộng sản để tiến hành cuộc đấu tranh tư tưởng chống những quan điểm tư tưởng thù địch, giành và giữ quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong tay giai cấp vô sản.

Cuối những năm 20, đầu những năm 30, văn học cách mạng đã đấu tranh quyết liệt chống quan điểm tư tưởng của Việt Nam Quốc dân đảng, – đảng này đòi để cho giai cấp tư sản lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đưa Việt Nam đi theo con đường phát triển chủ nghĩa tư bản. Giữa những năm 30, nó đấu tranh chống những quan điểm tư tưởng tư sản trong triết học và văn học nghệ thuật. Đầu những năm 1940, nó đấu tranh chống chủ nghĩa duy vật máy móc và chủ nghĩa hư vô dân tộc, mà đại diện là bọn Tơrốtkít trong nhóm Hàn Thuyên. Các cuộc đấu tranh tư tưởng mà văn học cách mạng đã tiến hành góp phần quan trọng bảo đảm cho cách mạng Việt Nam đi theo đường lối đúng đắn của Đảng Cộng sản và tiến lên giành thắng lợi.

Trong các cuộc đấu tranh tư tưởng trên báo chí công khai trước Cách mạng Tháng Tám, cuộc bút chiến về vấn đề "nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh" có liên quan trực tiếp đến văn học – nghệ thuật hơn cả. Chính trong cuộc tranh luận này, lần đầu tiên ở nước ta có sự va chạm trực tiếp giữa quan điểm của các nhà văn cộng sản và quan điểm của các nhà văn tư sản về vấn đề văn học – nghệ thuật. Cuộc tranh luận đó diễn ra cách đây hơn bốn chục năm, song "hồ sơ" của vụ đó chưa phải đã được xếp lại. Thỉnh thoảng người ta lại nhắc lại cuộc tranh luận đó. Văn học nghệ thuật là vấn đề phức tạp và tế nhị. Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, ai dám chắc rằng mình có thể có tiếng nói cuối cùng?

Thật là ngây ngô nếu cho rằng những người cộng sản phê phán thuyết "nghệ thuật vị nghệ thuật" là những người không coi trọng nghệ thuật (không

vì nghệ thuật). Thật ra những người cộng sản, hơn ai hết, coi trọng nghệ thuật, vì họ biết rất rõ tác dụng to lớn của nghệ thuật, vì họ hết lòng hết sức chăm lo đời sống của nhân dân, trong đó có đời sống văn hóa, đời sống nghệ thuật.

Cũng lại là một sự hiểu lầm to lớn nếu cho rằng chỉ có những người cách mạng mới chủ trương "nghệ thuật vị nhân sinh". Thật ra giai cấp bóc lột thống trị ở bất cứ nước nào, bất cứ thời đại nào, cũng đều có quan điểm thực dụng về nghệ thuật, vì nó muốn hướng nghệ thuật vào việc thực hiện lợi ích của bản thân nó; cho nên nó chủ trương "nghệ thuật vị nhân sinh".

Sự khác nhau giữa những người cách mạng và bọn bóc lột thống trị không phải là ở chỗ nghệ thuật có vì hay không vì đời sống. Sự khác nhau là ở chỗ nghệ thuật vì đời sống của ai, "ai" ở đây hiểu theo nghĩa giai cấp. Những người cộng sản chủ trương nghệ thuật "vì" đời sống của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Còn bọn bóc lột thống trị thì chủ trương nghệ thuật "vì" đời sống của bọn phong kiến và bọn tư bản.

Không phải chỉ có những người cách mạng mới phê phán thuyết "nghệ thuật vị nghệ thuật". Giai cấp bóc lột thống trị ở các nước đã từng phê phán thuyết đó. Chính Hoàng đế Napôlêông I ở nước Pháp đã gọi thuyết nghệ thuật vị nghệ thuật là sáng kiến tai hại của "các nhà tư tưởng bỉ ổi".

Đương nhiên, những người cách mạng theo chủ nghĩa Mác–Lênin phê phán thuyết "nghệ thuật vị nghệ thuật" từ một phía hoàn toàn khác với bọn vua chúa và bọn tư bản.

Lịch sử nghệ thuật thế giới đã chứng minh rằng, khuynh hướng nghệ thuật vị nghệ thuật xuất hiện ở nơi nào có sự bất hòa giữa các nhà nghệ thuật với hoàn cảnh xã hội chung quanh họ. Khuynh hướng này cho rằng nghệ thuật tự nó là một cứu cánh đối với nó; nếu biến nghệ thuật thành một phương tiện để đạt cứu cánh nào khác, không dính dáng gì với nghệ thuật, thì có nghĩa là hạ thấp giá trị của tác phẩm nghệ thuật. Đấy là một quan điểm sai lầm về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống xã hội. Không phải vì có nghệ thuật mới sinh ra xã hội; mà chính là vì có xã hội mới sinh ra nghệ thuật. Nghệ thuật phải góp phần vào việc thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Những người cộng sản Việt Nam giữa những năm 30 phê phán thuyết "nghệ thuật vị nghệ thuật" không chỉ vì thuyết đó là sai lầm, phản khoa học, mà còn do yêu cầu của đấu tranh giai cấp hồi bấy giờ.

Sau khi phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh bị dìm trong biển máu, bọn thực dân Pháp ở nước ta, một mặt cho bọn bồi bút tay sai ra sức ca tụng "công đức khai hóa" của chúng, mặt khác cố ý dùng văn học – nghệ thuật ru ngủ quần chúng, lái quần chúng thoát ly đời sống, xa rời đấu tranh cách mạng. Thuyết "nghệ thuật vị nghệ thuật" đưa ra hồi bấy giờ có lợi cho việc thực hiện âm mưu đó của bọn thống trị Pháp ở nước ta. Chỉ có việc phê phán nghiêm khắc thuyết đó mới góp phần thức tỉnh quần chúng, đưa quần chúng ra đấu tranh cách mạng.

Việc phê phán thuyết "nghệ thuật vị nghệ thuật" hồi bấy giờ là cần thiết.

Tuy vậy, không phải tất cả những người chủ trương thuyết "nghệ thuật vị nghệ thuật" hồi bấy giờ là những người cố ý phục vụ âm mưu chính trị của thực dân Pháp. Ngoài những trường hợp cá biệt, phần đông đó là những nhà văn bất hòa sâu sắc với chế độ thuộc địa, nửa phong kiến đương thời. Sự bất hòa này không hề gây nguy hại gì cho chế độ xã hội đó. Họ không lên tiếng chống lại chế độ đó. Họ chỉ không bằng lòng với sự hèn hạ, thối nát đầy rẫy trong chế độ đó. Họ coi nghệ thuật là nơi trú ẩn để tránh sự hèn hạ, thối nát của chế độ xã hội đương thời. Họ không muốn đem nghệ thuật phục vụ đời sống thối nát đó; họ chủ trương "nghệ thuật thuần túy", "nghệ thuật vị nghệ thuật". Họ muốn trốn vào "tháp ngà" nghệ thuật để xa lánh xã hội đương thời. Họ là những người đáng thương hơn đáng giận.

Những người cộng sản Việt Nam phê phán thuyết "nghệ thuật vị nghệ thuật" không phải nhằm đả kích cá nhân những người chủ trương thuyết đó, mà chỉ nhằm phê phán những quan điểm sai trái của họ, và nhân đó truyền bá những quan điểm đúng của chủ nghĩa Mác–Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn học và nghệ thuật. Ngày trước, văn học – nghệ thuật thường được coi như là vương quốc thần bí của thiên tài cá nhân, của ngẫu nhiên, không thể giải thích được; thì nay, đối với những người cộng sản, văn học – nghệ thuật là một hình thức hoạt động của con người, chịu sự chi phối của quy luật phát triển của xã hội, có thể và cần được nghiên cứu, giải thích một cách khoa học. Người cộng sản không coi nhẹ vai trò của thiên tài song thiên tài cũng do điều kiện khách quan của xã hội cấu thành. Xét cho cùng, sự phát triển của văn học – nghệ thuật là do điều kiện sinh hoạt của xã hội quyết định. Nghệ thuật không thể đứng ngoài các giai cấp. Nhà văn và nhà nghệ thuật không thuộc giai cấp này, thì thuộc giai cấp khác. Văn học nghệ thuật phục vụ lợi ích của một giai cấp nhất định, biểu hiện xu hướng của giai cấp đó.

Qua các cuộc tranh luận về nghệ thuật, những người cộng sản đã trình bày quan điểm của mình về mỹ học. Ngày trước, mỹ học chỉ là một hệ thống vũ đoán, một lý luận trừu tượng nhằm quy định những tình cảm, tư tưởng và quy tắc không thay đổi về cái đẹp; thì nay, đối với những người cộng sản, mỹ học đã trở thành một khoa học có thể dựa trên lịch sử để giải thích sự phát triển của văn học nghệ thuật, làm cho các nhà văn và nhà nghệ thuật hoàn toàn giác ngộ về vai trò xã hội của mình.

Văn học cách mạng đem lại cho văn học Việt Nam không những một *mỹ học mới* mà còn một *chủ nghĩa nhân văn mới*. Nó đem lại một quan niệm mới về cuộc sống. Nó chiến đấu cho một quan hệ mới giữa người và người. Nó nêu cao phẩm giá của con người. Nó nói lên niềm tin vững chắc vào con người. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng và chủ nghĩa lạc quan cách mạng là những nét nổi bật của các tác phẩm văn học cách mạng.

Chủ nghĩa nhân văn mới được thể hiện một cách sắc sảo và đậm nét trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh. Ngòi bút của nhà văn vĩ đại Hồ Chí Minh quất những đòn đả kích mạnh mẽ, sâu cay, thấm thía vào chủ nghĩa đế

quốc và chủ nghĩa thực dân chà đạp lên phẩm giá con người, nhất là con người ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Hồ Chí Minh kiên quyết bảo vệ phẩm giá của con người. Dưới ngòi bút của Hồ Chí Minh, phẩm giá của con người và phẩm giá của dân tộc có mối quan hệ mật thiết và đều phải được tôn trọng. Người khẳng định, mọi con người và mọi dân tộc đều sinh ra bình đẳng; mọi con người và mọi dân tộc đều có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Các tác gia cách mạng Việt Nam, mỗi người một vẻ, bằng tác phẩm của mình, đã góp phần tích cực xây dựng chủ nghĩa nhân văn mới Việt Nam. Chủ nghĩa nhân văn mới này, trên cơ sở kế thừa và phát triển truyền thống "nhân nghĩa" của văn học Việt Nam trong các thời đại trước, là một trong những nét nổi bật của văn học Việt Nam trong thời đại mới.

Bằng cách phản ánh người chiến sĩ cộng sản Việt Nam, văn học cách mạng tích cực góp phần xây dựng con người mới Việt Nam. Nó miêu tả con người cách mạng Việt Nam không những trong đời công, mà cả trong đời tư; không những trong cuộc chiến đấu quyết liệt chống quân thù, mà cả trong quan hệ vợ chồng, cha con, anh em, bầu bạn,... Nó không những nói lên tinh thần hy sinh vì lý tưởng, vì Tổ quốc, mà còn nói lên những tình cảm bình thường của con người trong đời sống hàng ngày. *Nhật ký trong tù* của Hồ Chí Minh, *Từ ấy* của Tố Hữu, là những tập thơ trữ tình cách mạng, trong đó lý tưởng cách mạng cao cả và tình cảm bình thường của con người kết hợp nhuần nhuyễn với nhau. Trường Chinh, một cây bút luận chiến sắc sảo, tác giả của nhiều bài văn nghị luận hừng hực lửa đấu tranh, lại là tác giả một bài thơ tặng vợ chứa đầy những tình cảm đậm đà, sâu kín.

Văn học cách mạng không những đem lại một lý luận văn học mới, mà còn đem lại một nội dung mới cho văn học. Nội dung mới này phản ánh cuộc sống của một lớp người mới trong xã hội, những người cộng sản và quần chúng công nhân và nông dân do những người cộng sản lãnh đạo. Miêu tả lớp người mới đó, văn học cách mạng mở ra một trang hoàn toàn mới trong lịch sử văn học Việt Nam.

*

* *

Văn học cách mạng Việt Nam là một nền văn học đặc biệt. Các tác gia văn học cách mạng Việt Nam là một loại tác gia đặc biệt. Đó chủ yếu không phải là các nhà văn chuyên nghiệp. Đó là các nhà cách mạng thích văn, thơ, và biết viết văn, làm thơ. Họ viết văn, làm thơ để tuyên truyền cách mạng, và để nói lên ý chí và tình cảm của mình. Viết văn, làm thơ đối với họ là một công tác cách mạng. Cũng như các công tác cách mạng khác, công việc viết văn, làm thơ của các tác gia cách mạng là nhằm đấu tranh chống đế quốc, chống phong kiến, chống tư bản, để giành độc lập dân tộc, dân chủ và chủ

nghĩa xã hội. Các nhà văn cách mạng viết văn, làm thơ, để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Họ viết văn, làm thơ, một mặt do yêu cầu của cách mạng, mặt khác do sự thôi thúc của nội tâm. Họ viết văn, làm thơ không phải để trở thành tác gia. Việc họ trở thành tác gia thường xảy ra ngoài ý nghĩ ban đầu của họ. Khi văn thơ của họ đạt đến chất lượng và số lượng nhất định, được quần chúng cách mạng công nhận, họ nghiễm nhiên trở thành tác gia văn học cách mạng.

Khác với các tác gia yêu nước hồi đầu thế kỷ "viết bằng bút lông", các tác gia cách mạng trong khoảng hơn hai chục năm trước Cách mạng Tháng Tám (1945) "viết bằng bút sắt". Khác với các tác gia yêu nước lớp trước, họ không "khai tâm" bằng sách *Tam tự kinh*, không học các bộ *Tứ thư, Ngũ kinh*, không vác lều chõng đi thi Hương, thi Hội. Việc "vua mở khoa thi" đã bị thực dân Pháp bãi bỏ từ năm 1918. Họ đã từng đi học các "trường Pháp – Việt", tại đó chữ dạy chính thức là chữ Pháp và một phần chữ *Quốc ngữ* ở các lớp dưới. Tại các trường đó, họ đã tiếp thu được một ít kiến thức về văn, sử, địa, toán, lý, hóa, v.v... Người ta kiếm cách "nhồi sọ" họ, nhưng họ không để cho mình bị "nhồi sọ". Dù sao, qua đó họ cũng bắt đầu tiếp xúc được với nền văn hóa hiện đại của thế giới. Có được một ít vốn liếng về tiếng nước ngoài, trước tiên là tiếng Pháp, họ có một phương tiện để tìm hiểu văn học dân tộc, đồng thời với việc tìm hiểu văn học nước ngoài, giúp cho họ tích lũy được một ít kiến thức về văn học. Khi tham gia cách mạng, họ sử dụng văn học như một vũ khí đấu tranh chống kẻ thù để giải phóng nhân dân, giải phóng Tổ quốc.

Các tác gia cách mạng phần lớn xuất thân là những thanh niên yêu nước thuộc các tầng lớp trung lưu trong xã hội. Một số ít thuộc giai cấp công nhân. Một số khác xuất thân từ tầng lớp trên. Họ từ bỏ lập trường giai cấp cũ của họ để chuyển sang lập trường của giai cấp vô sản, của chủ nghĩa Mác–Lênin. Điều đó diễn ra phù hợp với quy luật mà các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã nêu lên trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: khi cuộc đấu tranh giai cấp tiến gần tới giờ phút quyết định, thì cái quá trình tan rã của giai cấp thống trị, của toàn bộ xã hội cũ, có một tính chất rất dữ dội và khốc liệt, khiến một bộ phận nhỏ của giai cấp thống trị tách khỏi giai cấp ấy mà đi theo giai cấp cách mạng, đi theo giai cấp đang mang tương lai trong mình nó. Cũng như xưa kia, một bộ phận của giai cấp quý tộc đi theo giai cấp tư sản, thì ngày nay một bộ phận của giai cấp tư sản đi theo giai cấp vô sản, nhất là bộ phận những nhà tư tưởng tư sản đã tiến tới nhận thức được về mặt lý luận toàn bộ cuộc vận động lịch sử. [1]

Không ít tác gia cách mạng, khi bắt đầu giác ngộ cách mạng, đã vào các nhà máy, hầm mỏ, làm lao động chân tay để "vô sản hóa".

Hầu hết các tác gia cách mạng đều đi con đường mà lãnh tụ Hồ Chí

---

1. Các Mác và F. Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Tuyển tập, tập I, Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 32,33.

Minh đã đi, nghĩa là đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa xã hội. Ban đầu, họ chưa biết đến chủ nghĩa Mác–Lênin. Chính tinh thần yêu nước, căm thù đế quốc đã thúc đẩy họ ra làm cách mạng. Về sau, qua thực tiễn đấu tranh và học tập lý luận, dần dần họ tiếp thu chủ nghĩa Mác–Lênin. Dần dần họ hiểu được rằng: "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ". [1] Phấn khởi biết bao khi họ bắt gặp lý tưởng cộng sản:

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim.

Tố Hữu

Việc tiếp thu chủ nghĩa Mác–Lênin có tác dụng quyết định đối với sự sáng tác văn học của họ. Đương nhiên muốn viết văn làm thơ phải có năng khiếu, phải có tài năng. Dù sao, năng khiếu đó, tài năng đó cũng sẽ được tăng cường rất nhiều nếu nhà văn thấm nhuần tư tưởng giải phóng của thời đại. Khi tư tưởng đó giúp cho họ sáng mắt, sáng lòng, thì với năng khiếu và tài năng của họ, họ có thể sáng tạo được tác phẩm văn học có giá trị. Không một tác phẩm văn học – nghệ thuật nào lại không có nội dung tư tưởng. Đương nhiên, hình thức và nội dung của tác phẩm văn học – nghệ thuật là hai thực thể cùng tồn tại, quyện chặt vào nhau, không thể có cái nọ mà không có cái kia. Và hình thức có vai trò quan trọng rất lớn, vì đã là tác phẩm văn học – nghệ thuật, thì phải được biểu hiện dưới hình thức văn học – nghệ thuật, nếu không thì không còn là tác phẩm văn học – nghệ thuật nữa. Song, xét cho cùng, giá trị một tác phẩm văn học – nghệ thuật do nội dung tư tưởng của nó quyết định. Một tư tưởng sai lầm, nhất định sẽ làm hại đến giá trị của tác phẩm văn học – nghệ thuật. Khi một nhà văn sáng tác theo một tư tưởng sai lầm, thì sẽ làm hỏng tác phẩm của họ. Nói như thế không có nghĩa nói rằng, một tư tưởng đúng, chỉ riêng nó, có thể làm nên được tác phẩm văn học – nghệ thuật. Có sáng tác được văn học nghệ thuật hay không, điều trước tiên là có tài năng về mặt đó hay không.

Tiếp thu được chủ nghĩa Mác–Lênin, các tác gia cách mạng Việt Nam có được một thế giới quan khoa học. Họ được trang bị một hệ thống khái quát các quan điểm, tín niệm và lý tưởng, nhờ đó họ có thái độ đúng với hiện thực chung quanh họ. Họ có phương pháp tư tưởng đúng để nhận thức và phản ánh hiện thực khách quan nhằm cải tạo một cách có ý thức hiện thực khách quan. Họ có thái độ đúng đối với di sản văn hóa do quá khứ để lại. Họ kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp trong vốn cũ văn hóa của dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của văn hóa các dân tộc khác trên thế giới.

Các tác gia cách mạng sáng tác theo lý tưởng chủ nghĩa yêu nước và chủ

---

1. Hồ Chí Minh. Tuyển tập. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 794

nghĩa xã hội. Có người chứng minh tư tưởng của mình bằng lý lẽ lô gích. Có người miêu tả tư tưởng của mình bằng hình tượng. Do đó, văn học cách mạng vừa có văn chính luận, lại có văn nghệ thuật.

Văn chính luận và văn nghệ thuật, mỗi loại có những đặc trưng riêng biệt, không thể lẫn lộn. Nhà chính luận vận dụng lối tư duy lô gích; còn nhà nghệ thuật vận dụng lối tư duy hình tượng.

Văn chính luận chủ yếu nhằm vào lý trí của con người. Văn nghệ thuật chủ yếu nhằm vào tình cảm của con người.

Văn chính luận, bằng sự phân tích của lý trí, rút ra những ý niệm tổng quát từ các hiện tượng sinh động. Văn nghệ thuật, trái lại, bằng sự sáng tạo của trí tưởng tượng, trình bày các ý niệm tổng quát dưới dạng những hình tượng sinh động.

Các tác gia cách mạng trước tiên là nhà chính trị. Là nhà chính trị, họ mưu lợi ích cho giai cấp và cho dân tộc. Họ nhận thức lợi ích đó bằng lý trí. Lĩnh vực của lý trí là sự tính toán. Họ vận dụng tư duy lô gích và thể hiện quan niệm của mình dưới hình thức trừu tượng. Họ là nhà văn chính luận. Mặt khác, họ cũng thích cái đẹp. Họ nhận thức cái đẹp bằng trực giác. Lĩnh vực của trực giác là bản năng. Họ vận dụng tư duy hình tượng, cá tính hóa cái khái quát, miêu tả cái mà họ cho là đẹp bằng hình tượng nghệ thuật. Họ là nhà văn nghệ thuật. Vì vậy, chúng ta không ngạc nhiên khi nhận thấy nhiều tác gia văn học cách mạng vừa là nhà văn chính luận, vừa là nhà văn nghệ thuật.

Quan niệm về cái đẹp của tác gia cách mạng khác với các tác gia tư sản. Đối với các tác gia cách mạng, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tình đồng bào, tình đồng chí, tình hữu ái giai cấp, tinh thần chiến đấu và hy sinh của quần chúng nhân dân, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần đoàn kết quốc tế, v.v... là đẹp. Văn học nghệ thuật là phương tiện làm cho mọi người thông cảm với nhau. Tình cảm được mô tả trong tác phẩm càng cao thượng, thì càng giúp cho mọi người thông cảm với nhau. Giá trị của tác phẩm văn học nghệ thuật là do cái đẹp của tình cảm cao thượng được miêu tả trong tác phẩm đó quyết định.

Như trên đã nói, văn học cách mạng bao gồm cả văn chính luận và văn nghệ thuật. Tuy vậy không thể vạch một ranh giới rõ ràng giữa hai loại văn đó.

Ai cũng biết *Truyện Kiều* là một bài thơ dài, một tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng, trong đó Nguyễn Du đã xây dựng được những hình tượng nghệ thuật có sức sống mãnh liệt. Tuy vậy khi đọc hai câu thơ mở đầu *Truyện Kiều*:

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

thì mọi người đều nhận thấy rằng đó là một thứ tư duy lô gích một trăm phần trăm, trong đó không có một hình tượng nào cả

Trong văn học cách mạng, có những tác phẩm không hẳn là văn chính luận, cũng không hẳn là văn nghệ thuật. Việc xếp loại ở đây không phải là dễ dàng. Đối với các tác gia văn học cách mạng cũng vậy. Trong số các nhà văn

cách mạng, có người chuyên viết văn chính luận, có người chuyên viết văn nghệ thuật (làm thơ...), có người vừa viết văn chính luận, vừa viết văn nghệ thuật.

Tình hình phát triển văn học cách mạng có liên quan chặt chẽ đến hoàn cảnh đấu tranh cách mạng. Trong điều kiện hoạt động bí mật, việc xuất bản sách báo gặp nhiều khó khăn, thì thơ ca, văn vần, phát triển mạnh hơn, vì thơ ca, văn vần có cái lợi là dễ học thuộc lòng để truyền bá bằng miệng. Trong hoàn cảnh đấu tranh hợp pháp, điều kiện xuất bản sách báo dễ dàng hơn, thì văn xuôi phát triển mạnh hơn. Vì vậy, tùy theo sự phát triển của các giai đoạn cách mạng mà số người viết văn xuôi hay viết văn vần, thơ ca nhiều ít, thay đổi có khác nhau. Tình hình này có liên quan đến việc hình thành và phát triển đội ngũ các tác gia văn học cách mạng.

Các tác gia văn học cách mạng có điểm chung giống nhau là tất cả đều trải qua rèn luyện trong đấu tranh cách mạng và có viết văn, làm thơ. Mỗi tác gia cách mạng có một phong cách riêng, mỗi người là một đóa hoa góp thêm sắc, thêm hương vào vườn hoa văn học cách mạng.

Xét về mối quan hệ giữa hoạt động chính trị và hoạt động văn học của mỗi người, có thể phân chia các tác gia cách mạng thành ba nhóm. Nhóm thứ nhất gồm những người hoạt động chính trị song song với hoạt động văn học. Đó là lãnh tụ Hồ Chí Minh, các đồng chí Trường Chinh, Tố Hữu, v.v... Nhóm thứ hai gồm những người hoạt động chính trị là chính và thỉnh thoảng có sáng tác văn học. Đó là các đồng chí Lê Đức Thọ, Xuân Thủy, Đặng Xuân Thiều, v.v... Nhóm thứ ba gồm những người hoạt động văn học là chính, đồng thời hoạt động chính trị, nhóm này hoạt động cách mạng chủ yếu trên mặt trận văn học. Đó là các đồng chí Hải Triều, Trần Huy Liệu, Đặng Thai Mai, v.v... Các tác gia trong mỗi nhóm dành cho sáng tác văn học thì giờ và công sức không giống nhau, nhưng tất cả đều có những đóng góp quý báu đối với sự nghiệp phát triển văn học cách mạng. Tất cả đều đã có những cống hiến to lớn làm giàu tiếng nói của dân tộc bằng một vốn khổng lồ những từ mới về chính trị, về lý luận, về triết học, về kinh tế học, về khoa học xã hội nói chung. Ngày nay chúng ta có một vốn tiếng nói đủ để diễn đạt những lĩnh vực phức tạp và tế nhị của tư duy; để truyền đạt kiến thức từ các lớp mẫu giáo, vỡ lòng, đến các lớp đại học và trên đại học; để soạn thảo các văn kiện của Nhà nước, từ Hiến pháp đến các luật, lệ; để viết báo, viết sách... Thành tựu đó do đâu mà có? Đó là do công lao to lớn của tất cả mọi người Việt Nam, từ thế hệ này qua thế hệ khác, trải qua nhiều nghìn năm phát triển tiếng nói của dân tộc. Đó còn do thành tích của các chiến sĩ cách mạng Việt Nam phát triển tiếng nói của dân tộc để diễn đạt những tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại, để làm phương tiện đưa dân tộc ta tiến lên đạt được trình độ hiện đại của thế giới. Trong thành tích chung này có sự đóng góp xuất sắc của các tác gia văn học cách mạng Việt Nam.

Văn học cách mạng là một giai đoạn đặc biệt trong lịch sử văn học Việt

Nam. Ra đời trong hoàn cảnh đất nước bị giặc Pháp thống trị, văn học cách mạng bị giặc Pháp và bọn phong kiến trong nước thẳng tay đàn áp và tìm mọi cách tiêu diệt. Bất chấp sự khủng bố của kẻ thù, văn học cách mạng vẫn tồn tại và phát triển, và là dòng chính của văn học Việt Nam trong khoảng hơn hai mươi năm trước Cách mạng Tháng Tám. Nó tiếp tục và phát triển lên một bước mới nền văn học yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở nước ta. Nó kế thừa những tinh hoa của văn học dân tộc. Nó tiêu biểu cho sự kết tinh những thành tựu của văn học Việt Nam từ trước cho đến Cách mạng Tháng Tám (1945).

Văn học cách mạng thể hiện tư tưởng, tình cảm, phong cách đẹp đẽ của các chiến sĩ cách mạng Việt Nam. Nó bao gồm nhiều thể loại văn học phong phú, lại có lý luận văn học cách mạng sâu sắc. Nó vừa có phong trào quần chúng rộng rãi sáng tác văn học, vừa có các tác gia có bút pháp vững vàng.

Văn học cách mạng đã có sự đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Qua sự phát triển của văn học cách mạng, đã hình thành một đội ngũ tác gia cách mạng có phẩm chất cao quý, lại biết sử dụng thành thạo vũ khí văn học. Trước Cách mạng Tháng Tám, đội ngũ tác gia cách mạng đã đóng vai trò quan trọng trên mặt trận văn hóa, tư tưởng. Sau Cách mạng Tháng Tám, đội ngũ này vẫn tiếp tục phát huy tác dụng của mình là lực lượng nòng cốt trong công cuộc xây dựng nền văn học mới.

*

*   *

Ngày nay chúng ta đang ở bước đầu của cuộc Đại phục hưng mới của dân tộc. Như một quy luật, sau một thời gian dài bị giặc nước ngoài xâm lược và thống trị, nổi dậy giành lại được độc lập cho nước nhà, dân tộc ta lại bước vào một cuộc Đại phục hưng. Cuộc Đại phục hưng thứ nhất diễn ra sau khi Ngô Quyền tiêu diệt quân Nam Hán ở sông Bạch Đằng, kết thúc hơn mười thế kỷ phong kiến Trung Quốc đô hộ nước ta. Cuộc Đại phục hưng dân tộc thứ nhất cũng là thời kỳ phát triển của văn hóa Đại Việt rực rỡ suốt các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần.

Cuộc Đại phục hưng thứ hai diễn ra sau khi nghĩa quân Lam Sơn đánh đuổi được quân nhà Minh, giải phóng dân tộc ta khỏi ách thống trị tàn bạo của bọn phong kiến Trung Quốc. Cuộc Đại phục hưng dân tộc thứ hai cũng là thời kỳ phát triển văn hóa rực rỡ từ thời Lê Lợi, Nguyễn Trãi đến thời Nguyễn Huệ, Ngô Thì Nhậm.

Ngày nay, sau khi lật đổ được ách thống trị của giặc Nhật, đánh đuổi được thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, dân tộc Việt Nam ta bước vào một cuộc Đại phục hưng mới. Đây là cuộc Đại phục hưng dân tộc thứ ba trên cả nước ta.

Sau hơn một trăm năm bị chủ nghĩa đế quốc xâm chiếm và thống trị, đất

nước bị giày xéo, nhân dân sống kiếp đọa đầy nô lệ, nền văn hóa dân tộc bị phá hoại, ngày nay giành lại được chủ quyền, nước nhà đã được độc lập và thống nhất, dân tộc ta như sống lại, nhân dân ta đã trở thành người chủ nước nhà, đất nước ta đang được xây dựng lại, nền văn hóa dân tộc lại được phục hưng. Sưu tầm, nghiên cứu di sản của dân tộc về văn học là một sự đóng góp vào công cuộc phục hưng dân tộc.

Phục hưng không có nghĩa là trở lại y nguyên như cũ. Phục hưng còn có nghĩa là phát triển trong điều kiện mới. Ngày nay đất nước, xã hội, con người Việt Nam đều đổi mới. Dân tộc và nhân loại đã bước vào thời đại mới.

Phục hưng dân tộc không có nghĩa là đóng cửa, từ chối việc tiếp thu những cái hay cái đẹp của các dân tộc khác. Trong thời đại ngày nay sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc ngày càng phát triển và là một trong những điều kiện để phát triển văn hóa dân tộc. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và F. Ăngghen đã viết: "Tính chất hẹp hòi và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa, và từ nhiều văn học dân tộc và địa phương sẽ hình thành một nền văn học toàn thế giới". [1]

Nhân dân ta đang xây dựng nước nhà từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta tiếp thu có chọn lọc di sản văn hóa của dân tộc. Chúng ta tu bổ và bảo vệ các di tích lịch sử và văn hóa, các công trình mỹ thuật công cộng, các danh lam thắng cảnh. Chúng ta đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc, có tính Đảng và tính nhân dân. Chúng ta xây dựng con người mới có ý thức làm chủ tập thể, yêu lao động, quý trọng của công, có văn hóa, có kiến thức khoa học, kỹ thuật, có sức khỏe, có tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế.

Đảng ta và Nhà nước ta chủ trương "bảo vệ và phát triển những giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới" (*Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* – Điều 38). Chúng ta coi di sản văn hóa dân tộc là cái vốn đầu tiên để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Việc sưu tầm, nghiên cứu văn học dân tộc cũng nhằm phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng nền văn học mới của nhân dân ta.

Văn học cách mạng vừa là di sản văn học của dân tộc ta trước Cách mạng Tháng Tám (1945), vừa là mầm mống đầu tiên của nền văn học mới, xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Những tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là đỉnh cao của văn hóa dân tộc trước Cách mạng Tháng Tám (1945) và là những viên đá đầu tiên đắp móng xây nền cho văn hóa mới ở nước ta. Những tác phẩm của Người là phần tinh túy nhất của văn học cách mạng Việt Nam.

Ngày nay, sau mấy chục năm phấn đấu gian khổ dưới sự lãnh đạo của

1. C. Mác, F. Ăngghen. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản tuyển tập, tập I, Sự thật Hà Nội, 1962, tr. 24.

Đảng, nhân dân ta, giới văn nghệ chúng ta đã xây dựng được một nền văn học – nghệ thuật xã hội chủ nghĩa lành mạnh, phong phú. Trong *Báo cáo chính trị* đọc tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã nói: “Mấy chục năm qua, về cơ bản chúng ta đã xây dựng được một nền *văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa* bao gồm các ngành: văn học, sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, âm nhạc, múa, xiếc, kiến trúc, v.v... mang bản sắc dân tộc khá phong phú, tác động khá sâu sắc vào đời sống tinh thần và tình cảm của nhân dân. Với những thành tựu đã đạt được chủ yếu trong việc phản ánh hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, văn học, nghệ thuật nước ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay”.

Đạt được những thành tựu đáng tự hào đó là nhờ có đường lối văn nghệ đúng đắn của Đảng, nhờ có sự đóng góp của quần chúng nhân dân, nhờ sự cố gắng của các nhà văn và nhà nghệ thuật của chúng ta. Phấn khởi trước những thành tựu rực rỡ đó, chúng ta không quên công lao của những người đã tạo ra những viên gạch đầu tiên, đắp móng, xây nền cho văn học mới ở nước ta. Giới thiệu các tác gia văn học cách mạng và tác phẩm của họ, chúng tôi muốn ghi nhận ở đây sự đóng góp quý báu của những tay thợ đầu tiên đắp móng, xây nền cho văn học mới ở nước ta.

Đọc tác phẩm của các tác gia văn học cách mạng, nếu thấy có chỗ nào đó còn sơ sài, chưa được trau chuốt, xin chớ vội chê bai! Cái rìu đá của thời đại đá cũ bao giờ cũng thô kệch, chưa được đẽo gọt tinh xảo bằng cái rìu của thời đại đá mới. Tuy vậy, nếu không có cái thô kệch của thời đại đá cũ thì làm sao có được cái tinh xảo khéo léo của thời đại đá mới? Cái quý ở đây không phải chỉ là ở chữ và nghĩa; cái quý ở đây là tâm huyết, là trái tim và khối óc, là máu và nước mắt, là cả cuộc đời bỏ ra để sáng tạo văn học mới. Cái quý ở đây là cái công phá núi, mở đường, đắp móng, xây nền cho văn học mới.

*

* *

Đến đây, chúng tôi nghĩ rằng đã có thể kết thúc bài viết này. Tuy vậy, sẽ là một thiếu sót, nếu, trước khi dừng bút, chúng tôi không trình bày ở đây sự suy nghĩ của những người làm công tác lựa chọn tác giả và tác phẩm để đưa vào tập này.

Một vấn đề khó khăn phải giải quyết nữa là lựa chọn những tác phẩm và những tác gia nào để đưa vào tập 37 là tập dành riêng cho tác gia văn học cách mạng? Những người làm công tác biên soạn đã đi đến chỗ nhất trí là phải căn cứ vào chất lượng của tác phẩm và thân thế, sự nghiệp của tác giả. Đã là văn học cách mạng chọn lọc thì tác phẩm cũng như tác giả phải tiêu biểu cho cách mạng. Là người không phải ai cũng có văn. Nhưng đã có văn thì “văn tức là người”. Do đó, đã lựa chọn văn học cách mạng không thể

không xem xét tác giả có phải là người cách mạng chân chính hay không.

Những người làm công tác biên soạn dành ưu tiên hàng đầu cho văn thơ của các liệt sĩ cách mạng. Đó là các bài thơ, đoạn văn của các chiến sĩ cộng sản đã làm trước khi lên máy chém hoặc bị đem đi bắn. Đó là những trang "Viết dưới giá treo cổ" Việt Nam, của những Phuxích Việt Nam. Đó là những tác phẩm của Nguyễn Đức Cảnh, của Nguyễn Nghiêm, của Hoàng Văn Thụ, của Nguyễn Thị Minh Khai, của Phan Đăng Lưu, v.v... Đó là bài thơ của Nguyễn Thị Nghĩa làm trước khi hy sinh. Đó là bài thơ của Tống Văn Trân lấy máu mình viết lên tường xà lim nhà tù, v.v...

Những người làm công tác biên soạn cũng dành vị trí trang trọng để giới thiệu các tác phẩm của các đồng chí lãnh đạo của Đảng có viết văn, làm thơ trong các thời kỳ cách mạng.

Những người làm công tác biên soạn còn giới thiệu một số nhà văn, nhà báo của Đảng, cùng một số tác phẩm của họ.

Ngoài ra, tập này còn giới thiệu một số văn thơ của các nam, nữ chiến sĩ cộng sản đã được thử thách trong quần chúng bạn đọc và được nhiều người ưa thích.

Những người làm công tác biên soạn cũng chú ý xây dựng cho tập này có thể phản ánh được các mặt tiêu biểu cho các phong trào cách mạng của cả dân tộc và của các miền trong cả nước.

Việc lựa chọn như thế có thể nói là đã thể hiện được những mặt cơ bản của dòng văn học cách mạng từ khi nó ra đời, nó phát triển, nó chiến đấu, nó góp phần vào cuộc đại thắng lợi – Cách mạng Tháng Tám (1945).

Các tác gia văn học cách mạng có nhiều. Căn cứ vào thành tựu sưu tầm và nghiên cứu cho đến nay, chúng tôi chỉ giới thiệu một số tác gia. Còn những tác gia khác, chúng tôi chưa giới thiệu được vì chưa đủ tài liệu. Chúng tôi sẽ cố gắng sưu tầm, nghiên cứu và giới thiệu dần dần với bạn đọc. Theo dự kiến của Nhà xuất bản Khoa học xã hội và Hội đồng biên tập bộ *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 37, tức tập các tác gia văn học cách mạng, có thể gồm nhiều quyển. Sau này, dựa vào thành tựu sưu tầm và nghiên cứu có thể đạt được, chúng tôi sẽ biên soạn và in thêm quyển để giới thiệu các tác gia khác, khi điều kiện cho phép.

Về việc sắp xếp các tác phẩm và các tác gia trong tập này, những người biên tập chia tập sách ra làm ba phần, trùng hợp với ba giai đoạn cách mạng: 1925 – 1935, 1936 – 1939, 1940 – 1945. Tác gia nào sáng tác nhiều trong giai đoạn nào thì xếp vào giai đoạn đó. Những văn thơ mà tác gia đó viết trước hoặc sau cũng xếp luôn vào đó để bạn đọc có thể dễ dàng theo dõi các tác phẩm của cùng một tác giả. Còn việc sắp xếp tác gia trong mỗi giai đoạn thì theo thứ tự a, b, c (chữ cái đầu của tên hoặc bút danh của tác gia).

Việc sưu tầm, xác minh, chỉnh lý, biên soạn và giới thiệu văn học cách mạng là một công việc khó khăn, phức tạp. Tìm kiếm những tác phẩm ra đời

cách đây từ 35 năm đến 55 năm không phải là một việc dễ dàng. Tuy vậy, nhờ sự giúp đỡ của nhiều đồng chí, nhiều đoàn thể, của nhiều cơ quan, nhiều địa phương, của đồng bào trong cả nước và kiều bào ở nước ngoài... anh em làm công tác biên soạn đã tập hợp được một số lượng khá lớn văn thơ cách mạng. Anh em sắp xếp văn thơ cách mạng đã sưu tầm được thành các tập theo kế hoạch mà Hội đồng biên tập bộ *Tổng tập văn học Việt Nam* đã đề ra. Đối với các tác gia có nhiều văn thơ trước Cách mạng Tháng Tám, chúng tôi chỉ lựa chọn để giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu nhất. Có những tác phẩm, chúng tôi chỉ trích đoạn để giới thiệu. Chúng tôi lược bỏ bớt một số bài đã được in lại nhiều lần sau Cách mạng Tháng Tám (1945) mà nhiều người đã được đọc, để dành chỗ cho những tác phẩm chưa được in lần nào, hoặc chỉ được in trước Cách mạng Tháng Tám. Cách sắp xếp tác phẩm và tác gia như thế này chắc chắn sẽ không làm vừa ý một số bạn đọc và tác gia. Mong bạn đọc và các tác gia thông cảm.

Do trình độ chúng tôi có hạn, chắc chắn tập này còn thiếu sót.

Mong bạn đọc, khi đọc tập này, thấy chỗ nào sai sót thì viết thư cho chúng tôi, để lần sau có dịp in lại, chúng tôi sẽ sửa chữa cho tập sách được tốt hơn.

HỒNG CHƯƠNG

Mùa xuân năm 1983

PHẦN THỨ NHẤT

NGUYỄN ĐỨC CẢNH
(1908 - 1932)

Nguyễn Đức Cảnh sinh ngày 2-2-1908, tại thôn Diêm Điền, xã Thụy Hà, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, trong một gia đình nhà Nho yêu nước. Ông thân sinh là Nguyễn Đức Tiết thi đỗ Cử nhân khoa Mậu Tý, không ra làm quan, ở nhà dạy học.

Tháng 3-1926, khi đang học ở trường Trung học Nam Định, Nguyễn Đức Cảnh và một số bạn cùng chí hướng đã tổ chức lễ truy điệu Phan Chu Trinh và đòi trả tự do cho Phan Bội Châu. Bọn thống trị đàn áp, học sinh bãi khóa. Nguyễn Đức Cảnh bị đuổi học, lên Hà Nội, học đánh máy chữ, sau sang làm thợ sắp chữ ở nhà in.

Năm 1927, Nguyễn Đức Cảnh được Việt Nam Quốc dân Đảng cử ra nước ngoài gặp Tổng bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội bàn việc thống nhất lực lượng chống đế quốc Pháp. Đến Trung Quốc, được dự lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc tổ chức, hiểu rõ con đường đi đúng đắn của cách mạng Việt Nam, Nguyễn Đức Cảnh ly khai Việt Nam Quốc dân Đảng, tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Về nước, Nguyễn Đức Cảnh được cử làm Bí thư Tỉnh bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Hải Phòng, và đến đầu 1928 thì được cử vào Kỳ bộ Thanh niên Bắc Kỳ, phụ trách thành phố Hải Phòng và khu mỏ Hồng Gai. Tháng 6-1929, Nguyễn Đức Cảnh cùng với một số đồng chí đứng ra triệu tập cuộc Hội nghị tuyên bố thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng. Đầu năm 1930, Nguyễn Đức Cảnh là một đại biểu đại diện cho Đông Dương Cộng sản Đảng, đi Hương Cảng, dự Hội nghị hợp nhất Đảng, do Nguyễn Ái Quốc, đại diện của Quốc tế Cộng sản triệu tập.

Sau Hội nghị, Nguyễn Đức Cảnh được phân công phụ trách báo *Lao động* và tạp chí *Công hội đỏ* của Đảng. Khi tên đốc lý Hải Phòng là Kơrôtécme tổ chức một chiến dịch tuyên truyền chống chủ nghĩa cộng sản, Nguyễn Đức Cảnh đã viết ngay một quyển sách nhỏ nhan đề là *Trả lời Kơrôtécme*, đập tan những luận điệu phản động của tên cáo già thực dân.

Tháng 12-1930, Nguyễn Đức Cảnh được cử vào hoạt động ở Trung Kỳ, tăng cường cán bộ lãnh đạo cho phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, và được bầu vào Ban Thường vụ Xứ ủy Trung Kỳ.

Tháng 4-1931, Nguyễn Đức Cảnh bị bắt ở làng Yên Dũng Hạ, ngoại thành Vinh. Sở mật thám Trung ương biết Nguyễn Đức Cảnh là một cán bộ

lãnh đạo của Đảng, nên đã dùng nhiều đòn hiểm độc, khảo tra suốt mấy tháng liền hòng khai thác tin tức, tài liệu về Đảng. Nhưng Nguyễn Đức Cảnh vẫn kiên trung bất khuất, chúng đành đưa ra tòa và kết án tử hình.

Trong những ngày chờ lên máy chém, Nguyễn Đức Cảnh viết một bản tổng kết về phong trào công nhân, và viết quyển *Công nhân vận động* để gửi ra bên ngoài, tranh thủ truyền lại kinh nghiệm cho Đảng, cho đồng chí mình.

Ngày 31-7-1932, tại Hải Phòng, vào hồi 4 giờ sáng, Nguyễn Đức Cảnh, bình thản bước lên bục máy chém.

Nguyễn Đức Cảnh mồ côi cha từ lúc lên 6 tuổi, mẹ làm nghề buôn vải, đi các chợ, tần tảo nuôi con ăn học. Nhớ đến mẹ già, Nguyễn Đức Cảnh làm bài thơ vĩnh biệt mẹ.

Bài thơ *Gửi mẹ* dưới đây do ông Nguyễn Đức Phúc, anh ruột Nguyễn Đức Cảnh đọc cho ghi.

GỬI MẸ

Lọt cửa sổ gió đông hiu hắt,
Ván xà lim lạnh ngắt như đồng.
Não lòng cho khách anh hùng,
Mơ màng thần mộng tới trong quê nhà.
Xót tình con trẻ mẹ già,
Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi.
Chốc đà bảy tám năm trời,
Huyên đường nay đã da mồi tóc sương. 1
Một mình trằn trọc canh trường,
Nát lòng muôn việc giữa đường chưa xong.
Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
Xông pha giòng tố chi mong độ về.
Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân chưa dễ đền nghì trời mây.
Tạ từ vĩnh quyết từ nay,
Cúi xin từ mẫu chóng khuây nỗi buồn!

1932

Những người sống mãi, tập II.

Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1961.

1. Huyên đường: Nhà huyên. Huyên là một thứ cỏ sống lâu năm và thường trồng ở chái nhà phía bắc mà chái nhà phía bắc là chỗ mẹ ở. Bởi vậy "huyên đường" hay "nhà huyên" chỉ người mẹ

TRẦN CUNG

(1899 – 1989)

Trần Cung, tên thật là Nguyễn Ngọc Cư, bút danh là Hỏa Mai, sinh ngày 12–4–1899, người làng Hội Khê, huyện Vũ Tiên, nay là xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Trần Cung học chữ Nho, đỗ Khóa sinh, và học Trường Mẫu (modèle) ở Thái Bình. Học dở dang Trần Cung về quê dạy học (dạy cả chữ Nho và chữ Quốc ngữ).

Tháng 2–1928, Trần Cung hoạt động trong tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Thái Bình, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên... Ngày 15–8–1929, Trần Cung gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương (chưa hợp nhất). Năm 1931, Xứ ủy lâm thời thứ nhất bị bắt, Trần Cung cùng Lã Văn Khuyến, Bếp Ninh, lập Xứ ủy lâm thời thứ hai, và tiếp tục ra báo của Xứ ủy là tờ *Tiến lên*. Ngày 3–5–1932, do tên phản Đảng Bếp Ninh, Trần Cung bị bắt ở Hải Phòng, bị kết án 20 năm khổ sai, giam ở Hà Nội, Sơn La, và bị đày ra *Côn Đảo*. Thời gian sống trong tù là thời gian Trần Cung làm nhiều thơ hơn cả.

Năm 1936, được trả tự do, trở về Thái Bình, thấy Tỉnh ủy Thái Bình tan vỡ, Trần Cung lại cùng với Ngô Duy Phớn, Trần Đức Thịnh tổ chức Tỉnh ủy lâm thời để lãnh đạo phong trào. Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Trần Cung đã làm phóng viên cho các tờ *Thực nghiệp, Nhành lúa, Tin tức, Bạn dân* và hoạt động công khai trong việc vận động bầu cử Bắc Kỳ dân biểu ở Thái Bình.

Ngày 15–8–1938, Trần Cung bị một tháng tù về tội viết báo vận động bầu cử. Giữa năm 1940, Trần Cung bị bắt và đưa đi căng Bắc Mê. Ngày 18–4–1944, ra tù, Trần Cung tham gia lập chiến khu Đông Triều đánh Pháp, đuổi Nhật. Tháng 8–1945, Trần Cung làm Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương, tháng 2–1946 làm Xứ ủy viên phụ trách ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn. Sau đó, Trần Cung tham gia cấp ủy ở Khu 12, rồi Khu 10 và Khu Tả ngạn. Năm 1958, Trần Cung được điều động lên công tác ở Tòa án tối cao, và đã về hưu năm 1971.

Thơ văn của Trần Cung đã in trong tập *Tiếng hát trong tù*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1962, tập *Thơ ca cách mạng*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1964 và tập *Sống mãi*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Thái Bình xuất bản, 1981. Tất cả những bài thơ dưới đây đều lấy ở ba tập sách trên và đã được tác giả xem lại lần cuối, ngoài ra có một số bài mới do tác giả vừa cung cấp.

VĂN TẾ HỘI ĐỒNG CẢI LƯƠNG HƯƠNG CHÍNH

Than ôi!
Nước mẹ văn minh khai hóa, lập ra Hương hội cải lương; [1]
Dân con lạc hậu thiển thô, đâu hiểu Âu Tây chính trị.
Quan to óc rộng, làm ít hiểu nhiều;
Dân ngu khu đen, thấy sao nói thế!
Thực tình thì:
Vẫn cụ Tiên, thầy Lý, tráp đen, điếu khảm, bộ xênh xang;
Vẫn mẹ Đốp, thằng Câu, dao thớt, mõ tre, tay đáo để. [2]
Thêm Trương tuần, Tộc biểu, áo mũ nghênh ngang;
Thêm Thủ quỹ, Thư ký, ngựa xe bảnh chọe.
Cả một bầy láo nháo, ông dở ông, thằng dở thằng;
Cũng lên mặt vênh vang, người dở người, quỷ dở quỷ.
Quê hương nát bét tương bần:
Làng xóm rối xòe canh hẹ.
Ấy thế mà:
Ba hoa dân chủ, dân quyền;
Nhặng xị quốc hồn, quốc túy.
Rằng giảm thịt xôi, tế đám, đăng cai;
Rằng lập hương ước, nghĩa sương, công quỹ.
Chỉ lòe dưới, bịp trên;
Chỉ dối già, lừa trẻ.
Rõ ràng là:
Của công là của tư;
Cá lớn nuốt cá bé.
Thi nhau chiếm lạm công điền;
Hùa nhau phụ thu sưu thuế.
Trống hai dùi, kéo đến như rươi; [3]

---

1. Nước mẹ: Dịch chữ "mẫu quốc". Bọn nịnh Tây gọi nước Pháp là "mẫu quốc". Nước mẹ còn có nghĩa bóng là "nước mẹ gì" tức là không ra cái gì.

2. Mẹ Đốp, thằng Câu: Chỉ những người "mõ" của làng, tức người phục dịch bọn cường hào. Tác giả dùng những người bị xã hội cũ coi là hèn hạ nhất để đối với Tiên chỉ, Lý trưởng ở câu trên là những người được coi là quyền thế nhất làng.

3. Trống hai dùi: Theo lệ xưa, đánh trống một dùi là đánh trống báo họp, báo động, thúc giục công việc; còn đánh trống hai dùi là đánh trống tế thần, rước thần mà đã tế thần thì tất phải có cỗ bàn chè chén.

Rượu từng hũ, cãi nhau như khỉ.
Đám ma vẫn mổ bò, mổ lợn, đãi giáp, tế ngu;
Đám cưới vẫn thách bạc, thách vàng, nộp cheo, sính lễ.
Cái tục thế, cái tình là thế, bảo cạy răng không nói sao đành;
Yêu dân ai, yêu nước là ai, mà nhắm mắt bước qua được nhỉ?

Hội Khê, Vũ Thư, 1923

*
* *

BẠN CỦA Ả PHIỀN

TIỂU DẪN – Bài thơ dưới đây vạch mặt tên Tri huyện Vũ Tiên hồi bấy giờ là Vũ Thiện Thuật. Hắn nghiện thuốc phiện và chuyên ăn hối lộ. Tác giả có viết một bài tố cáo hắn và kết luận bằng bài thơ này, gửi báo *Thực nghiệp*. Báo *Thực nghiệp* chỉ in phần văn xuôi, không in bài thơ, nhưng bài thơ được truyền miệng trong địa phương. Bọn mật thám Hà Nội mượn cớ, về Vũ Tiên hạch tiền tri huyện Vũ Thiện Thuật. Bọn cường hào tức tối vì bài *Văn tế Hội đồng cải lương hương chính* liền hợp cùng tri huyện Vũ Thiện Thuật trị tác giả. Tác giả bị kết tội "lăng mạ thượng quan trước công chúng" và bị ba tháng tù. Nhờ vụ án này, tác giả được cán bộ cách mạng tìm đến giác ngộ và kết nạp vào Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Quan to đời cứ gọi hung thần,
Bạn của Ả phiền, địch của dân.
Miệng độc phun ra hơi khẳn khẳn,
Phổi đen thốt những tiếng khàn khàn.
Bàn đèn đốt cháy bao xương máu,
Móc mắt nghiền tan mấy ruột gan.
Tay sẵn ba toong ngồi xử kiện,
Không tiền, rắn mặt, biết tay quan.

Vũ Tiên, 1923

VĂN CHƯƠNG MÀ TỘI VẠ

Giam người, giam được miệng người ư?
Ngục tối càng thêm dậy tiếng thơ.
Duyên với văn chương mà tội vạ,
Nợ cùng non nước, mắc lao tù.
Ngăn mây, mây tụ, thành mưa lớn,
Chặn thác, thác dồn, hóa sóng to.
Ai sợ Hỏa Lò, lò thử lửa,
Thơ ca nảy lửa, lửa nung lò.

Hỏa Lò, 1923

*
* *

BA TẦNG ÁP BỨC [1]

Anh chị em công, nông, binh lính,
Ta vì đâu đến cảnh ngộ này?
Đời sao sống đọa thác đày,
Thân sao muôn đắng nghìn cay, ai làm?
Đói vắt ruột, không cơm, không cháo,
Rét buốt xương, chẳng áo quần chi!
Ốm đau chẳng thuốc thang gì,
Sống thì sống sót, chết thì chết oan.
Chết không quách, không quan trần trụi,
Mảnh hình hài dấp dúi, dập vùi.
Đời không thấy sống làm vui,
Kiếp người thực khổ hơn đời ngựa trâu.
Ta thử nghĩ: vì đâu nên nỗi?
Đó chính vì ba tụi mà ra.

1. Bài này đã đăng trong báo bí mật Tiến lên, số 7, báo của Xứ ủy Bắc Kỳ do Tỉnh ủy Thái Bình in, báo gồm những bài của Xứ ủy và của Tỉnh ủy viết, sau có đăng lại trong báo Tiến lên, số 8, sau khi cơ quan Xứ ủy lâm thời thứ hai đặt ở Hải Phòng.

Một là đế quốc Lang sa, [1]
Thị hùng xâm chiếm nước ta bấy chầy,
Dùng bạo lực thẳng tay bóc lột,
Lợi quyền ta còn chút chi mà!
Hai là địa chủ tây – ta,
Ruộng nương cướp sạch, cửa nhà chiếm luôn.
Chúng còn bắt cả con đi ở,
Lại còn lôi cả vợ đi làm,
Chồng thì cày ải, bừa dầm,
Mồ hôi trộn với bát cơm chủ điền.
Ba là bọn tham quan ô lại,
Cùng cường hào là tụi chó săn.
Chui luồn đế quốc kiếm ăn,
Ỷ thần ỷ thế hại dân đủ đường.
Thế là bị ba tầng áp bức,
Khác chi ba tầng thớt đè lên.
Ba tầng chồng chất dưới trên,
Nằm trong bộ máy chính quyền thực dân.
Muốn giải phóng, toàn dân đoàn kết.
Lật ba tầng, trước hết Lang sa.
Công, nông, binh lính chúng ta,
Đoàn quân chủ lực, con nhà Việt Nam.
Phát huy truyền thống Bạch Đằng.
Đống Đa, Hàm Tử, Chi Lăng quật cường!

Thái Bình, 1931

*
* *

1. Lang sa: Phiên âm tiếng Pháp (France), chỉ nước Pháp.

TẾT NHÀ PHA

TIỂU DẪN – Tết đến, tù chính trị tổ chức những cuộc "chơi xuân" trong tù, giống những cuộc chơi bên ngoài, nào cờ tướng, nào ca kịch, nào thi thơ. Nhưng sáng mồng một Tết, tù vẫn phải khiêng thùng phân đi đổ; và bữa ăn lại bê cái "lập là" đựng cơm hôi, cá thối, giống như cái chậu gỗ đựng cám lợn. Để lột cái mặt trái của văn minh đế quốc trong chế độ nhà tù, Tết năm 1933, anh em tù chính trị mở cuộc thi thơ với đầu đề "Tết nhà pha" ở Hỏa Lò, lấy vần "pha".

Bài này được giải nhất trong cuộc thi thơ đó.

Năm mới sang rồi, năm cũ qua,
Đời tù mới, cũ khéo phôi pha.
"Nghinh tân" lễ mễ khiêng "tynét", [1]
"Bái tuế" lom khom bế "lập là". [2]
Mặt trái đời kia toàn mặt quỷ,
Trò chơi xuân đó thiếu "trò ma".
Mùi đời nếm trải, ai sành sỏi?
Có biết mùi này... mặn, nhạt a?

Hỏa Lò, Tết Nguyên đán, 1933

*
* *

SAU PHÉP TẾT

TIỂU DẪN – Dịp tết, người tù mong mỏi được gặp người nhà vào thăm và cho quà (gọi là phép Tết), nhưng sau khi gặp người nhà rồi, tù càng thêm ngao ngán trước cảnh biệt ly, kẻ về quê, người ở lại nhà lao.

Bài này được giải nhất trong cuộc thi thơ lần thứ hai cũng dịp Tết 1933, ở Hỏa Lò.

---

1. Tynét: Phiên âm tiếng Pháp (tinette), nghĩa là thùng phân.

2. Lập là: Phiên âm tiếng Pháp (plat), nghĩa là cái đĩa, ở đây chỉ cái chậu bằng gỗ to và vuông đựng cơm cho 10 người, giống chậu cám lợn.

Ngao ngán khi bưng phép Tết vào,
Người về quê cũ, kẻ nhà lao.
– Sổ lồng, tháo cũi, bao giờ nhỉ?
Cái thú đoàn viên, hẹn lúc nào!

Hỏa Lò, Tết Nguyên đán, 1933

*
* *

TẾT CÔN ĐẢO,

Ỏm tỏi khoe khoang: "lợn với bò",
Suốt năm đói khát, Tết không no!
Xuân về, người vẫn trên hòn đảo,
Năm hết, xiềng chưa khỏi cặp giò.
"Tống cựu", đấu tranh từng mấy cuộc,
"Nghinh tân", ca kịch diễn bao trò,
Tuổi thêm, tù bớt đi năm nữa.
Cái "nợ" bao giờ gỡ hết cho!

Côn Đảo,, 1935

*

NHỚ NHÀ

Từ đảo phương trời cảnh với ta,
Năm lần vắng mặt Tết quê nhà.
– Năm thêm tuổi nữa, con chừng lớn?
– Ngày đuổi xuân đi, vợ hẳn già?
Mơ Tết, mơ Xuân, mơ tiếng pháo,
Nhớ nhà, nhớ cửa, nhớ chồi đa. [1]
Hai chân, một chuỗi xiềng lê nặng,
Ra cửa trông về cố quận xa.

Côn Đảo,, 1935

1. Chồi đa: Sáng mồng một Tết đi hái lộc (cầu tài, cầu lộc), thường lấy lộc cây đa với ý nghĩa đa lộc (nhiều tài lộc) về giắt ở mái nhà trước cửa, theo phong tục cũ vùng quê Thái Bình.

CHIỀU CÔN ĐẢO

TIỂU DẪN – Sau buổi cơm chiều, anh em tù bị dồn hết vào khám. Ngoài sân chỉ còn những cây bàng lớn, những tên Tây, "tà" gác đêm, cảnh vật vừa ảm đạm, vừa rùng rợn, lại thêm tiếng chuông thu không xen lẫn tiếng sóng biển, thật ai oán não nùng!

Một hôm, tác giả là Nguyễn Ngọc Tỉnh ngồi trong song sắt, cao hứng; Nguyễn Ngọc Tỉnh đọc 4 câu đầu, tác giả nối vần thêm 10 câu nữa:

Ngồi trong song sắt trông ra,
Trước sân dữ tợn năm ba cây bàng.
Anh "mã tà", chú "gạc giang", 1
Kẻ mang súng sáu, người mang súng trường. 2
Ngổn ngang nón úp chân tường, 3
Cảnh sao hiu quạnh, lòng nhường vắng tanh!
Căm hờn, kẻng réo ngoài thành,
Họa lời sóng rú đầu ghềnh xa xa...
Tâm hồn man mác bao la,
Bạn bè đây cả, việc xa ai làm?
Một năm, rồi lại một năm,
Quê hương xa tít, nước non mịt mờ.
Dở dang một gánh sơn hà,
Lòng còn tin tưởng, tiền đồ thênh thang.

Côn Đảo, 1935

*
* *

TRỞ LẠI QUÊ NHÀ

Hôm qua mới thoát cảnh đau thương,
Quằn quại năm năm, bốn ngục đường.
Chân mới thoát xiềng, tay thoát xích,
Đứng đi ngượng nghịu, óc bâng khuâng.

---

1. Mã tà: Loại lính do thực dân tuyển mộ ở các thuộc địa khác và đưa đến nước ta. Gạc giang: Lính Tây gác, phiên âm tiếng Pháp (gardien).

2. Bốn câu của Nguyễn Ngọc Tỉnh, chúng tôi in nghiêng.

3. Nón của tù úp ở chân tường ngoài hiên của khám.

Hôm nay về đến quê hương,
Vườn cau xưa đã úa vàng xác xơ.
Lũy tre già đã bơ phờ,
Bèo tây lại phủ ngập bờ ao ta.

Tôi như trong giấc mơ,
Mừng cuống lại buồn xo.
Mừng nhẹ mình rộng cẳng,
Buồn tan cửa, nát nhà.

Nhà tôi, người đến ở,
– Về quê mà bơ vơ!
– Vợ tôi đi đâu nhỉ?
Hỏi con, con khóc òa!
– Giường ai thay giường bố?
Con rằng: – Của người ta!
Cũi đây, Vện đâu, con?
– Vện ơi! Vện mất hay còn?
Tao về, Vện chẳng ra vồn vã tao?
Con tôi đứng nghẹn ngào,
Miệng nói, nước mắt trào:
– U, chú con năm trước,
Giết Vện rồi còn đâu!
Tôi như trong giấc mơ,
Đầu óc rối vò tơ!
Tôi nào trách chi vợ,
Tôi nào trách người ta.
Chỉ căm thù giặc nước!
Mọi sự chúng gây ra.
Gác tình quê cũ, con thơ,
Gửi con lại với quê nhà, lại đi. [1]
– Nín đi con! Khóc nữa chi!
Cờ hồng rợp đất là khi bố về.

Hải Dương, 9–1936

*

1. Theo tập *Tiếng hát trong tù*, câu này ghi là: ***Hai vai nặng gánh sơn hà lại đi.*** Tác giả đính chính lại như trên.

DẠY KHÔN

TIỂU DẪN – Xếp Bật là xếp Giám thị đề lao Thái Bình. Nó hung dữ, dốt nát, nhưng lại có tính thích "lên lớp" dạy khôn người khác. Nó dạy tù chính trị: đừng nên tập thể dục, đừng ngâm, đừng hát to, phải lễ phép đối với nó, phải nhường cơm cho ngựa của nó ăn, có thế mới bình đẳng, mới là cộng sản, đừng đấu tranh đòi cải thiện, phải có tiền và gái làm lễ đút lót cho cả bọn chúng v.v...

– Võ sĩ, quân nhân, đã hiểu chưa?
Vào tù, xếp Bật dạy khôn cho:
– Thể thao, thể dục chi cho mệt,
Nhảy nhót hung hăng nhỡ gãy giò!

– Người thích đàn ca, kẻ thích thơ?
Vào tù, xếp Bật dạy khôn cho:
– Những giờ giải trí, dù cao hứng,
Xin chớ ngâm to, chớ hát to!

– Ai văn minh, bình đẳng, tự do?
Vào tù, xếp Bật dạy khôn cho:
– Ngậm tăm nhìn xếp là vô lễ,
Gặp xếp không chào, có lỗi to!

– Cộng sản là bình đẳng tự do!
Vào tù, xếp Bật dạy khôn cho:
– Phải "bình đẳng" cả người và vật,
Tù bớt mồm cho ngựa xếp no!

– Người cách mạng cần phải đắn đo.
Vào tù, xếp Bật dạy khôn cho:
– Miếng ăn miếng xấu đừng tranh đấu,
Cách mạng là làm những việc to!

Ai bị nghi oan muốn thoát tù,
Vào tù, xếp Bật dạy khôn cho:
– Tiền nhiều, gái đẹp là xong tuốt,
Đờloóc, Talông cũng dễ lo... [1]

Đề lao Thái Bình, 2–1939

1. Đờloóc, Talông: Tên hai thằng mật thám Pháp ở Thái Bình.

CẢNH VẬT BẮC MÊ

Mây làm cho núi bạc đầu,
Mưa làm cho suối kêu gào thâu canh.
– Mây mưa sao khéo đành hanh!
Núi già, suối cũng bất bình nhiều khi.

Buồn chi, hoẵng thét canh khuya?
Bực chi, hổ cũng gầm ghè sườn non?
– Kêu cho hả bực, nguôi buồn,
Cho đời thấu tận lòng son sắt này.

Mây tan, mưa tạnh, rồi đây,
Hoẵng reo, hổ múa mừng ngày tự do.

Hà Giang, Bắc Mê, Xuân 1940

*

* *

SÔNG GẦM – BẾN MÊ

TIỂU DẪN – Bên bến Bắc Mê của sông Gầm, đế quốc Pháp lập ra một trại giam gọi là "Trại tập trung người lao động". Những người bị đưa vào trại tập trung này đều mặc quần áo nâu, không mặc áo tù.

Đồng bào ở vùng Bắc Mê đều là người Tày, cả những người lính gác trong trại cũng vậy.

Sông kia ai gọi "sông Gầm",
Để cho nước thét ầm ầm canh khuya.
Bến kia ai gọi "Bến Mê",
Để người chìm nổi ê chề, hỡi ai?
Đường đời đến "Bắc Mê" thì cũng lạ!
Tù chả tù mà phu chả ra phu.
Bộ nâu sồng xúng xính giống thầy tu,
Thêm bạn mới, học thêm nhiều tiếng mới.
Ốc phỉ, ốc neo, pây khoái khoái,

Kín canh, kín khẩu, bố mì cưa [1].
Nào đào cây, nào đốn củi, nào khiêng vôi, gánh đá,
dãi nắng, dầm mưa,
Dẫu vô tội cũng như tù tội.
Lâu lâu cũng quen quen đời khổ ải,
Vị đắng cay nếm mãi hóa ngọt lừ!
Mùi đời còn miếng này ư?

Bắc Mê, 1940

*
* *

XUÂN BỊ TÌNH NGHI

TIỂU DẪN – Tối 30 Tết, tù đang ăn Giao thừa vui vẻ, đàn hát nô đùa, thì bỗng nhiên có kèn báo động. Rồi Tây, lính vây kín doanh trại, chĩa súng bắn vào để dập tắt cuộc vui đùa của tù. Xuân sang, người ta vui đùa đón xuân mà cũng bị khủng bố – khủng bố cả tù và cả xuân nữa!

Đón xuân với chiếc giò con,
Với thùng cơm nếp, với lon chè đường.
Vịt, gà những xẩu cùng xương,
Chén tre, mâm lá xuềnh xoàng mà vui.
Đương khi cao hứng nô cười,
Bỗng kèn báo động liên hồi rúc vang.
Lính bao vây kín quanh tường,
Súng Tây ngỡ pháo nổ ran bốn bề.
– Nào Xuân có tội tình gì!
Mới sang cũng bị tình nghi như người?

Bắc Mê, Tết 1941

*
* *

1. Tiếng Tày nghĩa là: – Đi ỉa, đi đái, đi mau mau,
– Ăn canh, ăn cơm, không có muối.

Mấy chữ "bố mì cưa" dần dần thành tiếng nói vui: "nhạt lắm !". Những bài làm theo điệu ca trù thường có hai câu thơ chữ Hán chêm vào, ở đây tác giả đã thay bằng hai câu tiếng Tày.

HOA CŨNG NHƯ NGƯỜI

Xuân sang, rừng cũng hoa đào,
Trai lơ nhí nhoẻn, hoa trêu ghẹo người.
Thấy ta, hoa đã lả lơi,
Thấy hoa, ta cũng mỉm cười với hoa.
Hái về cắm lọ nứa già,
Cho đời điểm sắc, sơn hà lại tươi.
– Ôi thôi! Hoa cũng như người,
Sống trong tù túng còn vui nỗi gì!...
Bao giờ ánh sáng xuân về,
Lòng người lại ấm, hoa kia lại hồng?...

Bắc Mê, Xuân 1941

*
* *

SỐNG MÃI

Trong, ngoài tường đá, hai phương trời,
Xa cách tình thân, xa cách đời.
Chuyện dữ, chuyện lành, người sống chết,
Năm này, tháng khác, bặt tăm hơi.

Anh Phớn cùng tôi từ thuở trước, [1]
Bạn cùng chiến đấu, bạn tù đày.
Anh hy sinh bởi đòn tra tấn,
Hơn một năm rồi, tôi mới hay.

– Phán Tảo dã man hay Bắcca? [2]
Chúng treo dốc ngược, lộn mề gà.
Hàng tháng không khai, anh chỉ mắng,
Mình sưng, mặt tím, máu trào ra.

---

1. Ngô Duy Phớn, một chiến sĩ cách mạng ở Thái Bình bị mật thám đánh chết tháng 3–1940, tại Nam Định.

2. Phán Tảo là mật thám người Việt, Bắcca là mật thám người Tây.

Chết đi, sống lại đã bao lần,
Tất thở, anh còn bị đá lăn,
Bị kéo ngược đi như kéo gỗ,
Xích hai tay, lại xích hai chân.

Rồi một đêm nào... đêm bất bình,
Hai thằng "quỷ sứ" vào lôi anh.
Vất lên xe rác đem đi mất,
Hình bóng anh từ đấy vắng tanh!

– Anh Phơn thân yêu đã mất rồi!
Lòng anh sống mãi trong lòng tôi.
Trong lòng đồng chí, lòng dân tộc,
Anh chết, phong trào thêm sục sôi.

Nhà pha Nam Định, 4–1941

*

* *

"TIỆC TÀU BAY"

Xuân lại xuân, rồi ta vẫn ta,
Kinh, Mèo, Thổ, Mán chật nhà pha!
Lau cùm, rửa trại "nghinh tân" đến,
Hót rác, khiêng thùng "tống cựu" ra.
Quản vác dùi cui vào "chúc Tết", [1]
Tây đeo súng lục đến "xông nhà".
Tha cùm, cấm phép, không xôi thịt,
Đặt "tiệc tàu bay": kẹo, thuốc, trà... [2]

Hỏa Lò, 1943

*

1. Quản: Đội xếp cảnh sát.

2. Tàu bay: Chỉ việc nhờ người mua đồ, mua quà "bay" qua chỗ kiểm soát của lính gác đem vào cho. "Hôm nay có tàu bay", tức là ám hiệu bảo nhau: có người mua giúp đồ dùng, quà bánh. Cuối năm 1942, sau cuộc đấu tranh bằng hình thức hò la, anh em tù chính trị bị phạt cùm mấy tháng. Đến Tết, anh em được tha cùm lại bị cấm phép. Nhưng anh em cũng nhờ người mua quà vào tổ chức "tiệc trà".

HAI CẢNH XUÂN

Chúa Xuân sao khéo xỏ đời,
Thịnh thời đằm thắm, suy thời làm thinh.
Phồn hoa giữa đất Hà thành,
Mà sao có thứ "văn minh Hỏa Lò".
Ngoài tường đậm nét điểm tô,
Trong tường để một buồng thu lạnh lùng.

Dù xuân tây vị bất công,
Trong đen tối, có ánh hồng sáng tươi.
Xuân người, xuân của tiền tài,
Xuân ta, xuân của trăm người tạo chung.

Xuân người sắc đậm hương nồng,
Trăm hoa vàng, trắng, thắm, hồng lả lơi.
Xuân ta là những nụ cười,
Là trăm bông nở thắm tươi hoa lòng.

Xuân người nhắm tốt, rượu nồng,
Họp cùng thân quyến vui cùng ái ân.
Xuân ta rượu mạnh tinh thần,
Nhắm ngon lý tưởng, quây quần Bắc, Nam.

Xuân người quần trắng, áo lam,
Nhởn nhơ nhẫn ngọc, kiềng vàng xa hoa.
Xuân ta áo số trắng lòa,
Cùm lim, xích sắt vào ra khôn đàng.

Xuân người tiếng pháo nổ ran,
Tiếng chuông hòa nhịp, ngân vang đêm ngày.
Xuân ta giòn giã pháo tay,
Du dương giọng hát càng say sưa lòng.

– Chúa Xuân ơi! Có biết không?
Mai đây trời đất, non sông chuyển mình.
Con người đem sức bình sinh,
Tạo nên một cảnh xuân xanh bốn mùa.

Hỏa Lò, 1944

*

VĂN TRUY ĐIỆU LIỆT SĨ

TIỂU DẪN – Năm 1943 có tới trăm người chết tại Hỏa Lò. Đồng chí Lương Khánh Thiện bị tử hình, đồng chí Nguyễn Thượng Mẫn, rồi nhiều đồng chí khác chết dồn dập vì bệnh tê phù, bệnh chấy rận. Tối 30 Tết, anh em tù chính trị ở Hỏa Lò tập trung truy điệu, nghe đọc bài văn này, nhiều người đã xúc động khóc như ở một đám tang.

Than ôi!

Xích xiềng phong kiến, nước Việt Nam trong cảnh lao lung;
Gót sắt thực dân, người Việt Nam sống đời tù tội.
Hỏa Lò là "địa ngục" nhân gian;
Phát xít là "Diêm vương" thế giới.
Đã vào đây thì khó lòng ra;
Như mắc bẫy gỡ sao cho khỏi.

Nhớ các bạn xưa!

Người ở vùng trên;
Kẻ từ miền dưới.
Trong Mặt trận công nông, binh lính, một dạ một lòng;
Các giai tầng trí thức, công thương, cùng thuyền cùng hội.

Xông pha cứu nước, cứu nhà;
Gắn bó vì quyền, vì lợi.
Đang khi vung cánh chim hồng;
Bỗng chốc sa hầm lang sói.
Đem gan dạ đọ cùng roi điện của tụi chó săn;
Lấy tinh thần thi với dùi cui của phường hổ đói.
Thà chết không khai;
Trơ gan chẳng nói.

Thế rồi:

Có bạn chết thì xương gãy, máu trào;
Có bạn chết còn chân cùm, tay trói,
Có bạn chết bởi lưỡi gươm, hòn đạn, tòa án dã man!
Có bạn chết trong buồng tối, xà lim nhà tù quỷ quái!

Bị giết ngầm bằng muỗi khảo, rệp tra;
Bị đầu độc bằng cơm hôi, cá thối.
Ngạt hơi vì tường cao, cửa kín bốn bề;
Sinh bệnh bởi hố xí, thùng phân giữa trại.
Gần một năm trời;
Bao người khuất núi.

Giờ đây:
Họp anh em chờ đón tân xuân;
Nghĩ tình nghĩa nhớ thương đồng đội!
Nhắc đến lời ăn tiếng nói, óc những bâng khuâng;
Ghi sâu hận nước thù nhà, lòng càng tức tối!

Nhớ những khi:
Sát cánh, kề vai;
Ban chiều, buổi tối.
Chống ma trơi, trừ quỷ sứ, góp sức góp tài;
Bên cùm sắt, dưới hầm sâu, chung chăn chung gối.

Mà hôm nay:
Kẻ vẫn trong lao;
Người về dưới suối.
– Nấm mồ đâu! Ai kẻ viếng thăm?
– Tết nhất đến! Ai chăm hương khói?

Các bạn ơi!
Các bạn đã làm tròn nhiệm vụ tiên phong;
Chúng tôi xin học tập tinh thần tiền bối.
Người trước ngã rồi;
Người sau tiến tới.
Giương cao cờ Đảng, hướng đồng bào tới cảnh tự do;
Quét sạch quân thù, đưa Tổ quốc đến ngày chói lọi.

Hỏa Lò, Tết Nguyên đán, 1944

*
* *

Ở CHÙA

Tránh Tây, ta phải giả thầy chùa,
Xúng xính nâu sồng bộ pháp sư.
Không đạo, đóng vai người mến đạo,
Chẳng tu, làm bộ kẻ chân tu.
Hai mươi thu trải năm nhà ngục,
Bốn chục xuân qua năm độ tù.
Chiến sĩ mấy phen nương bóng Phật.
Tụng kinh mácxít, niệm "nam mô"... [1]

Chùa Bắc Mã – 1945

Sống mãi. Ban Nghiên cứu
lịch sử Đảng Thái Bình, 1979

*

---

1. Trong đời hoạt động cách mạng của đồng chí Trần Cung, có hai lần ở chùa; năm 1938 ở chùa Thuận An, và năm 1945 ở chùa Bắc Mã

HỒ TÙNG MẬU
(1896 - 1951)

Hồ Tùng Mậu (với nhiều biệt hiệu khác: Hồ Quốc Anh, Mộc Công, Lương Tử Anh, Phan Tài...), tên thật là Hồ Bá Cự, xuất thân từ một gia đình Nho học, có truyền thống chống Pháp, ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Năm 1916, Hồ Tùng Mậu cùng với một số thanh niên yêu nước bí mật qua Thái Lan, rồi sang Trung Quốc tìm đường hoạt động cách mạng. Tại Quảng Châu, năm 1923, Hồ Tùng Mậu cùng với Lê Hồng Sơn thành lập Tâm tâm xã, một tổ chức yêu nước. Năm 1924, Hồ Tùng Mậu gặp Nguyễn Ái Quốc mới từ Liên Xô sang Quảng Châu. Được sự giáo dục và huấn luyện của Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tùng Mậu sớm trở thành một cán bộ xuất sắc của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Những năm 1927, 1928, 1929, Hồ Tùng Mậu ba lần bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam cùng nhiều cán bộ cách mạng Việt Nam khác đang hoạt động ở Trung Quốc. Cuối năm 1929, lần thứ ba Hồ Tùng Mậu được trả lại tự do, cũng chính là lúc Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô sang Trung Quốc để vận động hợp nhất các nhóm cộng sản ở Việt Nam. Hồ Tùng Mậu đã giúp Người và góp phần tích cực vào Hội nghị hợp nhất lịch sử này.

Tháng 6 năm 1931, Nguyễn Ái Quốc bị cảnh sát Hương Cảng bắt giam, Hồ Tùng Mậu đã tìm cách liên hệ với Hội Quốc tế Cứu tế đỏ để nhờ can thiệp và vận động luật sư Lôdơbai bào chữa cho Nguyễn Ái Quốc. Ngay cuối tháng 6 năm ấy, Hồ Tùng Mậu lại bị cảnh sát Anh bắt giam ở Hương Cảng. Nhưng không đủ chứng cớ để buộc tội, chúng một lần nữa phải trả lại tự do cho Hồ Tùng Mậu. Song, chúng có âm mưu giao Hồ Tùng Mậu cho thực dân Pháp, nên chúng tuyên bố trục xuất Hồ Tùng Mậu khỏi Hương Cảng. Hồ Tùng Mậu phải đi Thượng Hải, tại đây, khi vừa mới ở dưới tàu Malôtô của Nhật bước lên, Hồ Tùng Mậu bị mật thám Pháp vây bắt, mang về tô giới Pháp. Chúng giải Hồ Tùng Mậu về nước, tuyên án khổ sai chung thân, giam lại nhà lao Vinh, rồi Lao Bảo, Kông Tum, Buôn Ma Thuột, Trà Khê. Tháng 3-1945, Hồ Tùng Mậu đã cùng với một số tù nhân khác phá trại Trà Khê trở về hoạt động ở Trung bộ.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Tùng Mậu được cử làm Giám

đốc, kiêm Chính ủy Trường Quân chính Trung bộ. Cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, Hồ Tùng Mậu được cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính Liên khu IV, và là Ủy viên chấp hành Đảng bộ Liên khu IV. Năm 1947, Hồ Tùng Mậu được cử làm Tổng Thanh tra của Chính phủ. Tại Đại hội Đảng Lao động Việt Nam, năm 1951, Hồ Tùng Mậu được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ngày 23 tháng 7 năm 1951, trên đường vào Liên khu IV công tác, Hồ Tùng Mậu đã hy sinh vì máy bay giặc Pháp. Hồ Chủ tịch đã viết một bài điếu văn thương khóc thống thiết, và thay mặt Đảng, Chính phủ truy tặng Hồ Tùng Mậu Huân chương Hồ Chí Minh "để nêu công lao tận trung với nước, tận hiếu với dân" (chữ dùng của Hồ Chủ tịch trong điếu văn).

Trong những năm bị tù đày, Hồ Tùng Mậu đã làm thơ văn để giáo dục động viên đồng chí. Hồ Tùng Mậu đã từng tham gia Ban biên tập một "Tờ báo miệng" ở Nhà lao Vinh (bài vở được chuẩn bị bằng miệng đến thuộc lòng, và được đọc to lên mỗi buổi trưa cho anh chị em tù các phòng cùng nghe, khi bọn Giám thị đã về nghỉ). Với lối "xuất bản miệng ấy", Hồ Tùng Mậu cũng là đồng tác giả một cuốn tiểu thuyết nhan đề *Giọt máu hồng*, ca ngợi lòng chung thủy với cách mạng của các chiến sĩ cộng sản bị sa vào tay quân thù. *Giọt máu hồng* đã từng làm say mê "độc giả", vì nội dung cách mạng của cốt truyện, vì các tình tiết ly kỳ, và nhất là lối kể chuyện hấp dẫn của Hồ Tùng Mậu. Khi *Giọt máu hồng* được chuyển thành kịch, và mang ra diễn trong nhà tù, Hồ Tùng Mậu đã thủ vai chính. Tại Nhà ngục Kon Tum, Hồ Tùng Mậu đã góp phần sáng lập một "Ngục thất Tao đàn", và tiếp tục sáng tác *Tục giọt máu hồng*. Trong một cuộc thi thơ của Tao Đàn này tổ chức, bài thơ *Vịnh tám mộ chiến sĩ* của Hồ Tùng Mậu được giải nhì.

TIN TƯỞNG [1]

Cái nợ non sông trót hẹn hò,
Đường đời bao quản bước quanh co.
Tuy không bằng kẻ phong da ngựa, [2]
Song cũng hơn phường vác mặt mo.
Cách mạng đã gieo thì kết quả,
Cường quyền không đốt cũng ra tro.
Anh hùng khôn luận nơi thành bại,
Thà chết còn hơn mất tự do.

Xô viết Nghệ Tĩnh qua một số thơ văn
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959.

*
* *

VIẾNG MỒ CHIẾN SĨ

TIỂU DẪN – Trong cuộc đấu tranh lưu huyết ngày 12–12–1931, tại nhà tù Kông Tum, tám chiến sĩ cách mạng đã anh dũng hy sinh. Thi thể các liệt sĩ bị bọn coi tù vùi xuống cạnh nhà lao. Mấy tháng sau, nhân dịp tu bổ các nấm mồ nói trên, hội "Tao đàn nhà tù" ra đầu đề thi thơ: *Viếng mồ chiến sĩ*. Bài dưới đây của Hồ Tùng Mậu được giải nhì. Hai bài thơ khác của các đồng chí Trịnh Quan Xuân và Võ Trọng Bành được giải nhất và giải ba.

Tám mồ chiến sĩ táng kề nhau,
Nấm mới vun thêm, dậu mới rào.
Thể phách dẫu vùi miền đất đỏ,
Tinh thần còn tỏ giữa trời cao.
Khí xông mất vía phường cai trị, [3]

---

1. Đầu đề do chúng tôi tạm đặt.
2. Kẻ phong da ngựa: Chỉ người hy sinh ở chiến trường, lấy da ngựa bọc thây mà chôn.
3. Có bản ghi: Khí thiêng mất vía phường cai trị.
Máu đỏ kinh hồn tụi xếp lao.

Máu đổ kinh hồn tụi xếp lao.[1]
Sớm tối đi về lòng thổn thức,
Thấy người nằm đó, nghĩ mình sao?

Tiếng hát trong tù. Nhà xuất bản
Thanh niên, Hà Nội, 1973

*

VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ

Cũng tai cũng mắt cũng hình dong,
Dắt díu nhau lên thẳng cõi "hồng".
Trưng, Triệu gương xưa còn chói lọi,
Tú, Lan nếp mới quyết mang gông.[2]
Sục sôi máu đỏ nghiêng trời đất,
Phấp phới cờ đào vạch núi sông.
Rầm rập bốn phương đều đứng dậy.
Rúc còi nổ súng lệnh theo cồng.

Từ khi có Đảng. Nhà xuất bản
Phụ nữ, Hà Nội, 1971.

*
* *

VIẾNG CHỊ TÂM

TIỂU DẪN – Năm 1931, chị Tâm, một đảng viên Quốc dân đảng (của Nguyễn Thái Học) bị giam ở Sở mật thám Hà Nội, tự tử. Các đảng viên Cộng sản rất xót thương, nhưng không thể không phê phán thái độ tiêu cực đó. Bấy giờ, Hồ Tùng Mậu vừa bị giải từ nước ngoài về, đang bị giam ở Sở mật thám Hà Nội, đã viết bài thơ này để viếng chị Tâm, và cũng để phê phán thái độ tiêu cực của chị.

Chị Tâm ơi, hỡi chị Tâm ơi!
Đời chị như nay đã thế rồi.

---

1. Có bản ghi: Khí thiêng mất vía phường cai trị.
Máu đỏ kinh hồn tụi xếp lao.

2. Tú, Lan: Tú tức Trịnh Dục Tú, nữ chiến sĩ cách mạng Trung Quốc; Lan tức Mađam Rôlăng (Madame Roland), nữ chiến sĩ cách mạng Pháp.

Đã được nhẹ nhàng thân phận chị,
Riêng phần cách mạng trút cho ai?
Riêng phần cách mạng trút cho ai?
Nghĩ một sao không biết nghĩ mười?
Cảnh ngộ giam cầm ai chẳng khó.
Chị sao tự sát một mình thôi.

Chị sao tự sát một mình thôi,
Tiếng khóc bên tai lẫn tiếng cười.
Khen chê đành nhẽ, màng chi đó,
Luống để xôn xao cái miệng đời.

Luống để xôn xao cái miệng đời:
Tử sinh há phải chuyện làm chơi.
Nhất thất túc thành thiên cổ hận, [1]
Chị Tâm ơi, hỡi chị Tâm ơi!

Tiếng hát trong tù. Nhà xuất bản
Thanh niên, Hà Nội, 1973.

*
* *

GỬI BẠN LAO TÙ BUÔN MA THUỘT

Chốn ngục thất ai say ai tỉnh?
Hãy cùng nhau xác định đừng quên:
Mấy lời gửi lại anh em,
Phá tan giấc mộng mà xem sau này...
Người nam, bắc, đông, tây mọi chỗ,
Bị sa cơ bắt bỏ vào đây.
Xót thân đầy đọa bấy nay,
Từng chua chát lắm từng cay đắng nhiều.
Từng đã trải nhiều điều phải trái,
Từng đã quen khôn dại đôi phen,
Lòng đời ai trắng, ai đen,
Ai hay, ai dở, từng quen thuộc nhiều.

1. Một lần lỡ chân để hận muôn đời.

Tôi xin kể những điều áp bức,
Để anh em nhận thức cho tường.
Tù chính trị, có đâu thường,
Lẽ đâu lại phải đắp đường đào cây.
Thế mà nó hàng ngày bắt buộc,
Đem lưỡi lê roi vọt thị hùng,
Bắt làm cho nó được công,
Đáng làm một tháng bắt xong mười ngày.
Đường lắm khúc gian nguy nhiều nỗi,
Đá lô nhô trên suối dưới khe.
Sớm khuya vất vả nặng nề,
Giang tay thẳng cánh, ê chề nắng mưa.
Mệt muốn nghỉ, dây dưa một phút,
Roi sau lưng đã vút vào đầu.
Mồ hôi nước mắt nhìn nhau,
Mặt trông thấy mặt, lòng đau đớn lòng.
Ấy cái khổ làm công như thế,
Lại nói qua cái tệ cơm rau.
Cơm thì thóc trấu lẫn nhau,
Lè ra chẳng được, nuốt vào chẳng trôi.
Cá thường bị cá hôi cá thối,
Ăn làm sao biết nói làm sao!
Bữa thường bưng bát nhìn nhau,
Không ăn thì đói, nuốt vào thương tâm.
Áo chỉ phát một năm hai bộ,
Lại cấm rằng chớ có mặc đôi.
Đến khi rách rưới tả tơi,
Xin đà bị đánh, lại ngồi xà lim.
Rét cầm cập khôn yên giấc nghỉ,
Nằm thương người đồng chí đêm đông.
Mỏi mòn đôi mắt trông mong,
Công tâm, công lý thấu không chăng là?
Lại nói qua cái nhà chữa bệnh,
Vừa hẹp, rồi vừa ỉnh vừa tanh.
Bước chân vào những giật mình,
Nhà thương như thế thôi đành chẳng thương.
Khốn nạn thay cái phương cứu chữa!
Mạch bốn mươi mà chửa được tiêm

Ký ninh chỉ được một viên,
Tống xuôi bốt gác nằm yên cho rồi.
Lấy cao su, lấy roi trị bệnh,
Vút lung tung nào có tính chi:
Ốm đau vất vả thế ni,
Làm ăn cực khổ còn gì mà mong!
Cái xác thịt sống cùng chết cực,
Bị giày vò có tức hay không?
Máu ta vẫn có máu nồng,
Lòng ta có phải cái lòng chi chi?
Sao ta chịu đập đi, hò đứng?
Làm thân trâu mang tiếng cứng đầu.
Nỗi niềm càng nghĩ càng đau,
Càng toan muốn rút cái dao bất bình.
Ngán thay nỗi nhân tình quá dại!
Bỏ mặt mày làm hại anh em.
Sao không máu chảy ruột mềm?
Lợi riêng chửa thấy, anh em hại rồi.
Chắc có được trót đời vẹn kiếp?
Khi một mai lửa huyết bùng thiêu.
Sờ sờ trước mắt đã nhiều,
Hỏi ai có biết những điều chi không?
Muốn tốt phải đem lòng hối cải,
Suy đường ngay lẽ trái cho rành.
Trước là ích lợi thân mình,
Sau là khỏi tiếng ô danh với đời.
May sống sót tái hồi xứ sở,
Còn mặt mày trông vợ ngó con.
Người còn tư cách hãy còn,
Mau mau bảy vía ba hồn tỉnh chưa?
Cũng có kẻ mới vừa thất thế,
Nghĩ cuộc đời vô kế khả thi.
Đa sầu đa cảm chi chi,
Chán đời cũng lắm, vụng suy cũng nhiều.
Óc non nớt nhiều điều chưa trải,
Đã hay rằng khôn dại sá chi.
Sống mà dại mãi thế ni,
Đã không ích lợi, lại nguy hiểm nhiều.

Nay gặp lúc phong triều chuyển biến,
Anh em ngoài tính chuyện xung phong.
Truyền đơn, cờ đỏ, bãi công,
Nào Nam, nào Bắc, nào Trung liền liền.
Ngoài cực khổ gây nên như thế,
Khổ trong này có nghĩ gì không?
Sục sôi một khối máu hồng,
Yên nhiên như thế ngồi không được nào?
Xét nông nỗi càng nao tấc dạ,
Thấy chúng mình vất vả mà thương.
Trông nhau mặt những võ vàng,
Thương nhau luống những hai hàng lệ rơi.
Tôi nay sẽ rời chân nhẹ gót,
Tặng ít câu gọi chút lòng thành.
Phong trần gửi lại các anh,
Từ nay nắng dữ, mưa lành quản chi.

Lao Buôn Ma Thuột, 1936

Tạp chí Nghiên cứu Văn học,
tháng 9–1961.

NGUYỄN THỊ NGHĨA

(? - 1931)

Nguyễn Thị Nghĩa, không rõ năm sinh, là người tỉnh Hà Đông cũ, nay là tỉnh Hà Tây (có sách nói người Hưng Yên).

Nguyễn Thị Nghĩa nguyên là một nữ học sinh, sống trong một gia đình khá giả. Được giác ngộ cách mạng, Nguyễn Thị Nghĩa thực hiện chủ trương vô sản hóa, làm công nhân ở Xưởng Bát Hải Phòng, ở Nhà máy Dệt Nam Định, rồi Nhà máy Diêm Hàm Rồng, Thanh Hóa, để vận động cách mạng. Và sau đó, Nguyễn Thị Nghĩa được Đảng giao làm công tác giao liên cho Xứ ủy Trung Kỳ và Trung ương Đảng.

Khi cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh đang lên cao, Nguyễn Thị Nghĩa đem chỉ thị của Trung ương từ Hà Nội vào Vinh thì bị địch bắt ở ga Bến Thủy. Một trăm ngày giam giữ là một trăm ngày địch tra tấn Nguyễn Thị Nghĩa hết sức dã man, ngớt trận đòn này, tiếp sang trận đòn khác. Nhưng Nguyễn Thị Nghĩa nhất quyết giả câm, chỉ ú ớ đưa tay ra hiệu. Địch không khai thác được gì, nên hết sức nghi ngờ, cho người rình mò, cho bác sĩ đến thẩm tra bệnh câm cũng đều vô hiệu.

Ngày 30 tháng 3, âm lịch, biết sức mình đã kiệt, không thể sống được nữa, Nguyễn Thị Nghĩa đã nhờ hai nữ đồng chí cùng tù, vực chị ngồi dậy, để trăng trối đôi lời với tất cả các đồng chí có mặt tại đó, và đọc bài thơ cuối cùng, hô khẩu hiệu: "Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!". Nguyễn Thị Nghĩa tắt thở vào quãng 9 giờ sáng ngày 1 tháng tư, Âm lịch (1931).

Theo sách *Những người sống mãi*, Nhà xuất bản Sử học, Viện Sử học, Hà Nội, 1961, Nguyễn Thị Nghĩa sáng tác 15 bài thơ, nay chưa sưu tầm được.

Bài thơ dưới đây do Nguyễn Thị Văn, ở Nam Đàn tỉnh Nghệ An, cùng bị giam với Nguyễn Thị Nghĩa, đã chứng kiến buổi trăng trối, cung cấp. Bài thơ in ở *Thơ văn Xô viết Nghệ Tĩnh*, Hội Văn nghệ Nghệ Tĩnh xuất bản, 1977.

CÒN QUÂN GIẶC, TA CÒN HY SINH

Chúng ta đồng chí hy sinh,
Đem thân khách địa vì tình nước non. [1]
Tiếng ầm quân giặc kinh hồn, [2]
Trời Nam đánh thức người còn dày mê. [3]
Chúng ta liễu yếu thơ nhi,
Tinh thần cũng chẳng kém gì trượng phu.
Giận thay đế quốc quân thù, [4]
Còn ta, ta quyết đền bù giang sơn.
Đêm khuya tiếng trống canh dồn, [5]
Lòng lo việc nước muôn vàn xót xa.
Rồng, Tiên con cháu nước nhà,
Nước ta tuy mất, thân ta vẫn còn [6]
Còn trời, còn nước, còn non,
Hãy còn quân giặc, ta còn hy sinh.

*

1. Khách địa: Nơi xa nhà, cũng như đất khách, quê người.

2. Tiếng ầm: Ý nói phong trào cách mạng Xô viết Nghệ Tĩnh nổi dậy như một tiếng vang lớn làm cho giặc sợ và quần chúng thức tỉnh.

3.4.5.6 Theo bản Những người sống mãi:
Trời Nam đánh thức người còn say mê.
Trên đầu đế quốc quân thù,
Đêm khuya tiếng trống canh tàn,
Nước ta tuy mất, mồm ta vẫn còn.

NGUYỄN NGHIÊM

(1903 - 1931)

Nguyễn Nghiêm sinh năm 1903, ở làng Tân Phong, xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trước những năm 1930, Nguyễn Nghiêm hoạt động trong tổ chức Cộng ái ở Quảng Ngãi, rồi gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Tháng 3–1930, Nguyễn Nghiêm được cử làm Bí thư Tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi.

Khi phong trào Xô viết ở hai huyện Nam Đàn, Thanh Chương của Nghệ An bắt đầu bùng nổ rầm rộ, thì ở Quảng Ngãi đêm 8–10–1930, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh Đảng bộ, cũng nổ ra cuộc biểu tình phá huyện đường Đức Phổ. Và cao trào cách mạng của Quảng Ngãi bắt đầu được dấy lên từ đấy, kéo dài cho đến tận tháng 5–1931.

Để có điều kiện cho tổ chức hoạt động, Nguyễn Nghiêm đã bán phần đất riêng của gia đình được 600 đồng, mua một xe đạp cho bộ phận giao thông liên lạc, và xây dựng bốn tờ báo của tỉnh: *Sống chung, Dân cày, Bạn gái, Tiến lên.*

Thực dân Pháp và bọn tay sai sợ phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi cũng lan rộng ra như ở Nghệ An, chúng một mặt thẳng tay đàn áp phong trào, một mặt ra lệnh truy lùng Nguyễn Nghiêm rất gắt gao.

Ngày 24–2–1931, Nguyễn Nghiêm bị chúng vây bắt ở làng Nhu Năng, phủ Tư Nghĩa. Chúng tra tấn, dỗ dành nhiều cách, nhưng Nguyễn Nghiêm vẫn một dạ trung thành với Đảng, với nhân dân, chúng tuyên án xử tử ngày 23–4–1931.[1]

Ngày 24–4–1931, chúng đã xử chém bêu đầu Nguyễn Nghiêm trên bờ sông Trà Khúc.

Trước khi ra pháp trường, Nguyễn Nghiêm đã đọc bài thơ *Tử sanh, sanh tử là gì?* để từ biệt và dặn dò các đồng chí mình ở lại giữ vững tinh thần tranh đấu.

Thái độ hiên ngang và lòng khẳng khái của Nguyễn Nghiêm đã làm quân thù khiếp sợ. Cái chết của Nguyễn Nghiêm đã khắc sâu thêm mối thù đối với quân cướp nước. Quần chúng truy điệu Nguyễn Nghiêm ở nhiều nơi, ngày nay còn sưu tầm được nhiều bài thơ, văn truy điệu ca ngợi tinh thần kiên cường bất khuất của Nguyễn Nghiêm.

Nguyễn Nghiêm rất có ý thức trong việc dùng sáng tác văn học để tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho quần chúng. Tiếc rằng hiện nay chỉ mới sưu tầm được bốn bài thơ của Nguyễn Nghiêm.

---

1. Theo tư liệu mới nhất: Báo Nghĩa Bình, cơ quan Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghĩa Bình (cũ), ngày 12–6–1982.

CỔ ĐỘNG ĐẤU TRANH

Hữu thành tiên hữu bại,
Lăn vào đời phải xét xa xa...
Thuyết bình quyền khi mới phát sinh ra,
Biết bao nỗi máu sông cùng xương núi.
Thuyết xã hội khi vừa phát khởi,
Cũng biết bao súng bể với đạn rừng.
Dân Việt Nam đang lúc trầm luân,
Ách nô lệ ngày lần thêm nỗi khổ!
Đế quốc Pháp mượn danh bảo hộ,
Đè nén ta cực khổ đủ trăm đường!
Hút máu me, rồi gặm đến thịt xương,
Dân chúng chịu lầm than khôn xiết kể!
Lòng căm tức quyết dời non lấp bể,
Đem thân ra mà luyện đá vá trời.
Cờ chỉ huy phấp phới khắp nơi nơi,
Xông pháo đạn quyết đòi quyền lợi lại.
Chẳng quản trẻ, già, trai, gái,
Họa lớn này là cái họa chung.
Hè cùng nhau đứng dậy đùng đùng,
Nương dưới bóng cờ hồng xông lướt tới.

Đế quốc Pháp ra oai khủng bố,
Bắt dân ta tra tấn đủ trăm điều.
Tai nạn này chưa phải bấy nhiêu,

Thẳm tiêu diệt mới là ghê gớm nữa.
Nếu ta chẳng bền lòng trong một thuở,
Ắt nghìn thu nòi giống phải hao mòn.
Việc giờ này mới là việc cỏn con,
Đường sắp tới mới là trường oanh liệt.
Trên thế giới trời long đất chuyển,
Gương đòi quyền xuất hiện đã nhiều nơi.
Này, các anh, các chị mình ơi!
Người rong ruổi há mình ngồi yên lặng?

Hè một tiếng, một phen bước tới,
Thất bại kia là thắng lợi sau này.
Đại đồng reo khắp Đông, Tây,
Anh em ta quyết phen này đấu tranh.
Chữ "Bại" là mẹ chữ "Thành".

Quảng Ngãi, 1930

Thơ ca cách mạng (1925 – 1945).
Nhà xuất bản Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

*
* *

HÃY XỐC TỚI

TIỂU DẪN – Bài này tác giả làm sau khi Tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi ra đời, đầu năm 1930. Hồng Hà, vợ tác giả đọc cho ghi.

Hãy xốc tới, phá tan nền thống trị,
Đạp chông gai, xây dựng cột dân quyền.
Nổi phong ba đế quốc đã ngả nghiêng,
Dậy sấm sét rung rinh bè quân chủ.
Sóng cách mạng ào ào trong vũ trụ,
Chớp lửa lòng sáng rực ánh tương lai.
Đường đấu tranh hiện tại hãy còn dài,
Là trận cuối diệt trừ loài giặc dữ.
Hỡi tất cả bạn đồng tâm, đồng chí!
Xin cùng nhau gắn chặt nghĩa keo sơn:
Còn người, còn nước, còn non,
Hễ còn áp bức, ta còn đấu tranh.

Văn thơ yêu nước cách mạng Quảng Ngãi,
Hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1975.

*
* *

CUỘC ĐỜI CÁCH MẠNG

TIỂU DẪN – Vào dịp Tết Đinh Mùi, Tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi tổ chức hàng chục cuộc biểu tình với hàng chục vạn người tham gia, ngày đêm trống mõ ầm vang thôn xóm. Ngày 6 tháng Giêng âm lịch, tức 24–2–1931, Nguyễn Nghiêm xuống cơ sở để nắm tình hình, chẳng may lọt vào tay giặc. Tại nhà lao Quảng Ngãi, trước khi bị quân giặc kết án tử hình (23–4–1931), Nguyễn Nghiêm làm bài thơ này.

Nhan đề bài thơ do chúng tôi đặt. Tài liệu viết theo báo Nghĩa Bình, cơ quan của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghĩa Bình (cũ), ngày 12–6–1982.

Cuộc đời cách mạng chẳng mấy thu,
Sái bước thân thiên chết mặc dù.
Noi gương kẻ trước thờ non nước,
Tiếp chí người sau rửa hận thù.
Lá cờ giai cấp bền tay phất,
Lưỡi kiếm anh hùng cố điểm tu.
Rồi đây bão táp vùi thây giặc,
Việt Nam độc lập đẹp muôn thu.

Lao Quảng Ngãi, 1931

*
* *

TỬ SANH, SANH TỬ LÀ GÌ?

Tử sanh, sanh tử là gì?
Đem thân ra trận mà thi mới hào.
Đền nợ nước với máu đào,
Đã vì nghiệp cả sá nào tình riêng.
Đời còn lắm nỗi truân chuyên,
Nước non ly loạn đâu yên việc nhà.
Tình dân nghĩa nước bao la,
Phất cao cờ Đảng xông ra chiến trường,
Thân dầu thịt nát, xương tan,
Giống nòi sống mãi non sông huy hoàng.
Lòng ta chan chứa nhiệt thành,
Dẫu rằng ngã xuống đâu đành nằm im.
Biến thành hồn nước thiêng liêng,
Hòa trong sông cả dâng lên diệt thù.
Đôi lời nhắn bạn chinh phu:
Tử sanh há dễ mờ lu chí hùng.

Quảng Ngãi, 1931

Văn thơ yêu nước cách mạng Quảng Ngãi.
Hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1975.

HỒ VĂN NINH
(1904 - 1982)

Hồ Văn Ninh sinh ngày 5–2–1904, ở xã Trung Lễ (Lạc Thiện, Đức Trung), huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Sinh trưởng trong một xã có truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm liên tục từ những năm 1885, đặc biệt trong những năm 1917 – 1929, được gần gũi cụ Lê Văn Huân, một chiến sĩ cách mạng nổi tiếng ở vùng Nghệ Tĩnh, Hồ Văn Ninh sớm có tinh thần yêu nước, yêu thích thơ ca cách mạng.

Giác ngộ cách mạng từ năm 1925, vào Đảng Tân Việt năm 1927, gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930, Hồ Văn Ninh tham gia xây dựng cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng ở Nghi Xuân, ở Đức Thọ, trong phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh (1930 – 1931). Tháng 6–1931, Hồ Văn Ninh bị bắt ở Đức Thọ, bị kết án 13 năm tù khổ sai, và từ năm 1931 đến cuối năm 1940 (10 năm), Hồ Văn Ninh đã trải qua các Nhà lao Hà Tĩnh, Kỳ Anh, Kông Tum và Buôn Ma Thuột...

Sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Văn Ninh công tác ở một bộ phận của Bộ Nội vụ (nay tách ra thành Bộ Thương binh – Xã hội), và giữ chức Vụ trưởng.

Từ năm 1925, Hồ Văn Ninh đã sáng tác nhiều thơ ca, có nhiều bài đăng ở báo *Tiếng dân* của Huỳnh Thúc Kháng như: *Đêm đông đất khách, Người lái đò, v.v...* Hồ Văn Ninh là một người trong nhóm thơ ca cách mạng ở Nghi Xuân từ năm 1925 đến năm 1929, và sau này là Hội viên tích cực của "Ngục thất Tao đàn" ở Nhà lao Kông Tum (1933). Những bài Văn *truy điệu đồng chí Nguyễn Phong Sắc, Lá cờ của Đảng, Ngồi cùm ngựa, Nhớ quê hương,* của Hồ Văn Ninh đều có tác động mạnh mẽ trong bạn đọc hồi bấy giờ.

Hồ Văn Ninh từ trần hồi 11 giờ 30 phút, ngày 27–8–1982, thọ 78 tuổi.

Tất cả những bài thơ chúng tôi tuyển dưới đây đều do chính tác giả cung cấp và chính tác giả sữa chữa lần cuối.

LÁ CỜ CỦA ĐẢNG

Ngọn cờ vô sản búa liềm đôi,
Vùng vẫy Đông, Tây bóng rợp trời.
Sắc đỏ vừng son thua nét tía,
Than hồng núi lửa kém màu tươi.
Lẫy lừng trước gió, nêu đường chính,
Phất phới trên không, đảo cuộc đời.
Sắc đỏ nhuộm thêm màu máu đỏ,
Đã từng chiến thắng khắp đòi nơi.

1-5-1930

*

* *

NGỒI CÙM NGỰA [1]

Pháp luật dã man mãi cứ còn,
Bắt ngồi cùm ngựa dáng chon von.
Tay choàng xiềng sắt, tay thêm cứng,
Đít tựa kỳ lim, đít chẳng mòn. [2]
Tréo gót nâng niu vừng nhật nguyệt, [3]
Nợ vai gìn giữ cột càn khôn. [4]
Cường quyền khéo diễn tuồng cay nghiệt,
Sấm sét khôn sờn dạ sắt son.

Sở mật thám Hà Tĩnh, 7-1931

---

1. Cùm ngựa là một dụng cụ trong khi tra tấn của Sở mật thám Hà Tĩnh. Khi dùng cùm này mà cùm thì phạm nhân vừa bị đau đít, đau hai cổ chân, hai cổ tay, khuỷu tay, đau lưng, đau ngực, muốn cựa quậy, trăn trở không được, muốn nhào cho cùm đổ cũng không được. Và khi phạm nhân đã bị cùm chắc rồi, chúng tha hồ tra tấn, dí điện vào người.

2. Kỳ: tiếng Nghệ An, Hà Tĩnh, chỉ xương sống của trâu bò (kỳ trâu, kỳ bò), ở đây chỉ đường sống sắc cạnh của cùm mà phạm nhân phải ngồi lên trên để cho đau đít, nhức nhối khó chịu.

3. Chỉ hai chân phạm nhân bị cùm bắt chéo trong hai lỗ tròn của cùm.

4. Nợ: tiếng Nghệ Tĩnh, chỉ động tác nâng lên, rướn lên, ở đây chỉ tư thế phạm nhân phải tựa vào cọc cùm mà rướn người lên cho đỡ đau.

NHỚ QUÊ HƯƠNG

Nhớ ai, ai nhớ suốt canh thâu,
Tưởng nghĩa cầm chung nhớ bạn bầu.
Nhớ giọng văn chương thơ họa vận,
Nhớ câu tâm huyết rượu nghiêng bầu.
Nhớ khi ngoạn cảnh trên cồn cát,
Nhớ lúc đàm tâm dưới bóng lau.
Gặp buổi gian truân người một ngả,
Nghĩ càng đòi đoạn ruột tằm đau.

Ruột tằm đòi đoạn mối tơ vương,
Đất khách quê người nhớ cố hương.
Nhớ chỗ quây quần dân bảy xóm,
Nhớ nơi trù mật cảnh hai làng.
Nhớ hồi Trung Lễ còn chung bộ,
Nhớ buổi Lạc, Quy đã rẽ đường. [1]
Thuở trước quốc gia, nay xã hội,
Kiên cường mấy độ với tang thương.

Mấy độ tang thương vận đảo điên.
Nghề nông lại nhớ cảnh điền viên,
Nhớ đồng trồng tỉa, hồ nuôi cá,
Nhớ đất cày bừa, vũng thả sen.
Nhớ vụ bát chiêm dùng tuế nguyệt, [2]
Nhớ mùa hoa quả lợi đồng niên.
Ao liền ruộng mẫu dân trù mật,
Nhớ đến càng thêm gợi múi phiền.

Gợi múi phiền này đã mấy đông,
Hoài, Hoan chạnh nhớ cảnh non sông,
Nhớ dòng Lam thủy song song ngả, [3]
Nhớ đỉnh Hồng Sơn chín chín trùng. [4]

---

1. Trong phong trào văn thân chống Pháp, Trung Lễ bị xóa bỏ tên làng, và sau đó bị chia thành hai thôn Lạc Thiên và Quy Nhân.

2. Vụ bát chiêm: Vụ lúa chiêm cấy giống lúa bát ngoạt (tên một giống lúa).

3. Sông Lam từ trên nguồn đổ xuống do hai dòng, rồi nhập lại thì thành Lam Giang.

4. Núi Hồng Lĩnh có 99 ngọn.

Nhớ đất hàng sinh người dũng cảm,
Nhớ quê sẵn có nếp anh hùng.
Trường Thi, Bến Thủy, quê hương Đỏ,
Thổn thức đêm ngày dạ nhớ trông.

Nhớ nhớ trông trông, kể chẳng cùng,
Nhớ ân, nhớ nghĩa, nhớ tình chung.
Nhớ người, nhớ cảnh, lòng sôi sục,
Nhớ nước, nhớ nhà, dạ nấu nung.
Nhớ nợ mày râu còn nặng trĩu,
Nhớ ơn trời bể chửa đền xong.
Rồi đây thoát khỏi vòng luy tiết, [1]
Thỏa mãn lòng này nhớ với trông.

Buôn Ma Thuột, 9-1933

*

* *

VÀO HỘI "TAO ĐÀN"

TIỂU DẪN – Mùa mưa năm 1932, sau khi đi làm đường sáu tháng ở Đắc Pết về, anh em chính trị phạm ở Nhà lao Kông Tum (Lao Sát) tổ chức một Hội làm thơ, lấy tên là "Ngục thất Tao Đàn". Hội gồm hơn ba mươi đồng chí, trong đó có Hồ Tùng Mậu, Trịnh Quang Xuân, Nguyễn Ngọc Tâm, Võ Trọng Bành, Hồ Văn Ninh, v.v... Mở đầu cho sinh hoạt Tao đàn, anh em đề xuất mỗi người hãy làm một bài thơ, với mục đích động viên nhau tham gia Tao đàn để cùng học tập, nâng cao trình độ văn nghệ. Bài làm xong do tập thể Nhà lao chấm, và năm bài khá nhất sẽ được thưởng. Bài sau đây được giải nhất.

Chơi thú gì, trong cảnh ngục lao?
– Chỉ nghề thơ phú mới thanh tao.
Trước là ôn luyện nền văn nghệ,
Sau để nấu nung chí hận thù.
Vật chất trăm bề đều bó buộc,
Tinh thần mọi vẻ phải dồi trau.
Hỡi ai, thức giả xin lưu ý!
Vào hội Tao đàn dạy bảo nhau.

7-1932

1. Vòng luy tiết: Vòng tù tội.

CẢNH CUỐI MÙA KHÔ Ở BUÔN MA THUỘT

Rừng Đê hưu quạnh, cảnh Đê buồn,
Chim hót tìm bầy, vượn hú con.
Man mác cỏ cây vàng úa lẫn,
Mịt mù non nước, khói mây tuôn. [1]
Lưng trời gió cuốn tung màn bụi,
Mặt đất mưa sa trỗi thẩm bùn.
Cảnh ấy, tình này, cơ hội nọ, [2]
Khiến người luy tiết lửa lòng hun.

1936

*

* *

THẢM CẢNH TRÊN ĐƯỜNG 14 (ĐẮC TÔ, ĐẮC SÚT, ĐẮC PẾT) VÀ CUỘC ĐẤU TRANH ĐỔ MÁU Ở NHÀ LAO KÔNG TUM

TIỂU DẪN – Từ mùa khô năm 1930 đến những năm 1931, 1932..., thực dân Pháp và bọn phong kiến Nam triều bắt tù chính trị trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 đày lên Kông Tum đi làm đường 14, từ Đắc Tô, Đắc Pết ra Quảng Nam. Chế độ làm đường vô cùng cực khổ. Chúng đày đọa, bắn giết anh em rất dã man. Và trong những ngày ấy, ở đây đã nổ ra hai cuộc đấu tranh quyết liệt, 16 anh em bị chết, hơn 30 anh em bị thương, gần 100 anh em bị tăng án, một số bị đày đi Lao Bảo, song cuối cùng quân thù đã phải nhượng bộ.

Ký sự *Ngục Kông Tum* của Lê Văn Hiến, *Nhà ngục Kông Tum* của đồng chí Tràng và Lê Văn Mỹ, cùng với bài này là những bản thảm trạng xung quanh sự việc vừa kể trên.

1. Ở rừng cao nguyên, vào mùa đốt rẫy, trông phương hướng nào cũng thấy khói và mây mù mịt.

2. Lúc này Mặt trận Bình dân lên cầm quyền ở Pháp, tác động đến Đông Dương khá nhiều.

Con đường 14 tới Tân An, [1]
Vượt núi qua khe suốt dặm ngàn.
Rải rác đầy đường dòng máu thắm,
Ngổn ngang gò núi đống xương tàn.
Nước non thương nhớ người vô tội,
Cây cỏ âu sầu kẻ thác oan.
Nào lợi, nào quyền về đế quốc,
Anh em vô sản chịu lầm than.

Cảnh lầm than nói càng chua xót,
Nghĩ nguồn cơn như đốt tâm can.
Thực dân Pháp rất dã man,
Đem dùng thủ đoạn tham tàn giết ta.
Bắt tù phạm đày qua mạn ngược,
Để mở đường xâm lược thực dân.
Tây Bắc Kông Tum tiến dần,
Tháng ngày khổ dịch muôn phần gian lao.
Thảm cảnh ấy bút nào tả xiết,
Người trong cảnh lược viết vài câu:
Kể từ Đắc Sút, Đắc Pao,
Đắc Tô, Đắc Pết, Đắc Tao đổi đời.
Đường cách trở một trời một núi,
Cảnh tiêu điều nước xối cây rung.
Bô Ven non nước trùng trùng, [2]
Gió mưa sầu thảm một vùng tối tăm.
Năm Một nghìn chín trăm ba mốt.
Bị đày lên vừa ngót ba trăm (292 người),
Đọa đày trong khoảng nửa năm,
Đã hơn phần nửa xương nằm sườn non.
Tụi lính tráng miệng dồn tay đánh,
Bọn xếp lao thẳng cánh giày vò.
Chém cha những lũ hung đồ!
Ra tay tàn sát, tự do hoành hành.
Chúng đập đánh tan tành xương thịt.
Giữa xăngchê xem hệt sa trường. [3]

1. Đường từ Sài Gòn qua Buôn Ma Thuột, Plây Cu, Kông Tum, Quảng Nam, Thừa Thiên.
2. Cao nguyên Bôlôven.
3. Xăngchê: Phiên âm tiếng Pháp (chantier), nghĩa là công trường làm đường.

Thịt rơi, máu đỏ lênh lang,
Dẫu cho dạ sắt, gan vàng cũng kinh.
Mặc sức chúng tung hoành ngang dọc,
Thôi thiếu gì chước độc mưu gian.
Thực hành đủ thói dã man:
Trói treo đầu núi, ngâm làn nước trong. [1]
Thân cắm cúi dưới vòng súng đạn,
Cố sức làm bao quản sớm trưa.
Áo quần trăm mảnh xác xơ,
Nón tơi chẳng có, nắng mưa đội trời.
Cơm tráng miệng, ăn rồi lại đói,
Nước đầu khe sớm tối đỡ lòng.
Tiếng oan rên rỉ trong phòng,
Lời lời ảo não, dòng dòng châu rơi.
Trông quang cảnh ngậm ngùi sầu thảm,
Kẻ bệnh tình nào dám nghỉ ngơi [2].
Hãi hùng, báng súng ngọn roi,
Than thân tủi phận xót đời truân chuyên.
Cũng có kẻ đồng thuyền, đồng hội,
Lúc vận cùng học thói tinh ma.
Tựu trung ta có hại ta,
Quàng xiên phu bếp, gian tà Bát Kinh. [3]

Hết sáu tháng về miền thành thị, [4]
Với Tỉnh, Tòa năn nỉ kêu ca.
Chung quy chẳng được chi mà,
Ngọn roi báng súng vẫn là như xưa.
Không có lẽ ngồi chờ đợi chết,
Mới cùng nhau đoàn kết sắt son.
Nặng lòng thề với nước non,
Cùng nhau định kế sinh tồn tương lai.
Sau khi ấy, người người tỉnh ngộ,

---

1. Anh em trong giờ làm việc, lên cơn sốt rét, bị chúng trói treo lên cây, hay trói ngâm nước suối.

2. Người có bệnh nặng cũng không được nghỉ việc.

3. Một tên lính mộ qua Pháp, hồi 1914 - 1918 được thưởng Bát phẩm, bị bắt trong cuộc biểu tình. Vào lao, nó làm tay sai chỉ điểm hãm hại anh em.

4. Mùa khô đi làm đường ở Đắc Pết, mùa mưa về làm ở tỉnh lỵ

Dốc một lòng đánh đổ dã man.
Bất bình chịu vậy sao an?
Vạch mặt đế quốc, xé gan quan trường.
Quyết phản đối làm đường Đắc Pết,
Dẫu tan xương nát thịt quản chi.
Một niềm cương quyết không đi,
Thử xem đế quốc làm gì được ta?

Hết mùa mưa trời đà êm tỏ,
Lại đến ngày máu đổ xương rơi. [1]
Trung tuần tháng Chạp, Mười Hai (12-12-1931),
Chúng đem xe đến ép nài đi lên.
Bốn chục chẵn ghi tên kêu số. [2]
Đều đứng lên đối phó lại ngay.
Bao nhiêu tội ác xưa nay,
Chỉ tên vạch mặt giãi bày trước sau.
Kể tội ác ồn ào mắng nhiếc,
Bọn Tỉnh, Tòa khôn xiết hổ ngươi. [3]
Giả vờ khuyên nhủ một hai,
Xem chừng cụt lý phải xoay kế cùng.
Oanh liệt nhỉ, anh Lung, anh Trọng. [4]
Chỉ mặt Tây giương bụng thách mời.
Ghê thay xem chết như chơi!
Anh em lúc ấy đồng thời đứng lên.
Đồng đứng lên xông tên rượt đạn,
Quyết hy sinh cứu nạn diệt vong.
Một phen súng nổ đùng đùng,
Tám anh đã chết trong vòng xông pha.
Tưởng khủng bố cho ta run sợ,
Hóa gây ra cái họa kinh thiên.
Lao ngoài tranh đấu vừa yên, [5]

---

1. Lại đến mùa khô phải lên Đắc Pết làm đường.
2. Ở lao ngoài, chúng kêu số 40 anh em đem đi trước lên Đắc Pết.
3. Chỉ bọn Tỉnh trưởng Nam triều và Tòa Công sứ Pháp.
4. Nguyễn Huy Lung người Hà Tĩnh, Trương Quan Trọng người Quảng Ngãi.
5. Kông Tum lúc này có hai nhà lao: Lao ngoài ở gần bờ sông, chúng nhốt anh em chính trị phạm; lao trong, tức lao của tỉnh, chúng nhốt anh em chính trị phạm sắp được tha và tù thường.

Lao trong hưởng ứng tuyên truyền đấu tranh.
Trăm rưởi người đồng thanh nỗ lực,
Hô khẩu hiệu tuyệt thực tranh đua.
Vỗ tay, diễn thuyết, reo hò,
Đế quốc mật vỡ, hung đồ hồn bay.
Tiếng van la đêm ngày huyên náo,
Tụi tay sai ngơ ngáo nhìn nhau.
Tỉnh, Tòa sấp mặt cúi đầu,
Lại mang mặt lạ ra vào khuyên can.
Càng khuyên can, mưu gian càng lộ,
Tội ác xưa đều thú thực tình.
Những toan kiếm chước điều đình,
Hứa sau chẳng dám hoành hành mưu gian.
Tuy đã thấy hưng tàn nhận lỗi,
Nhưng thù kia chẳng đội trời chung.
Một niềm hăng hái giao phong,
Bền gan vững chí dốc lòng xông pha.
Tụi lang sói vào ra ngơ ngẩn,
Bạn nhà pha cứ bận hò reo.
Cờ giăng, giấy yết dập dìu [1],
Này câu phản đối, nọ điều tuyên ngôn.
Cuộc tranh đấu bốn hôm kinh động,
Khắp trong ngoài quần chúng xôn xao.
Ghê thay "cơn sốc ba đào",
Làm cho rạng vẻ phong trào Công–Nông.
Quân thống trị trong lòng bối rối,
Kế đã cùng dở thói dã man.
Thương ôi! Khói tỏa súng ran!
Anh em vô tội chết oan tám người!
Còn bị thương trong ngoài không kể [2],
Tụi sài lang áp chế đủ đường.
Nói ra trăm mối sầu vương.
Tấm thân ngang dọc ra tuồng cá, chim!
Nghĩ thương ai ba chìm bảy nổi;
Kiếp phù sinh ngẩn ngủi mà đau!

1. Anh em treo cờ Đảng và khẩu hiệu nói rõ mục đích của cuộc đấu tranh.
2. Chúng bắn hai lần chết 16 anh em, và bị thương hơn 30 người.

Trải qua một cuộc bể dâu,
Lửa nào tiếc ngọc, nắng nào xót hoa!
Chết vì nghĩa ấy là được chết,
Sống mà cam tiêu diệt hay sao?
Chết này rạng mặt anh hào,
Ngàn thu tỏ vết máu đào Công – Nông.
Chết trả nợ tang bồng hồ thỉ,
Thay anh em tuyết sỉ phục thù [1],
Chết này để tiếng ngàn thu.
Dựng bia cách mạng tiền đồ Đông Dương.
Chết như thế treo gương nghĩa khí,
Kính chúc hồn liệt sĩ muôn năm!
Chết này rạng chữ đồng tâm,
Một mình chịu chết cứu trăm bạn bầy,
Nay ta tạm vui vầy vô sự,
Thắng lợi này bởi tự đấu tranh.
Ai ơi, nghĩ lại cho mình!
Tự mình bảo vệ lấy mình mới yên.
Này bao nhiêu lợi quyền đắc thắng,
Phải trải qua trăm đắng ngàn cay.
Giữ gìn mọi vẻ cho hay,
Cho đành lòng kẻ chân mây cát lầm.
Khuyên nhau ghi giữ đồng tâm,
Đồng tâm là một phương châm sinh tồn.

Sinh tồn thuyết ấy khó gì đâu,
Hợp lực đồng tâm thuyết nhiệm mầu.
Ra sức đào non, non vẫn nhỏ,
Đồng lòng tát biển, biển nào sâu.
Xem phe tư bản đà lay gốc,
Bởi bạn Công – Nông đã xuất đầu.
Đa số rồi đây quật thiểu số,
Đổi nền kinh tế khắp năm châu.

Nhà lao Kông Tum, 1932.

*

* *

1. Tuyết sỉ phục thù: Trả thù để rửa nhục.

VĂN TRUY ĐIỆU ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHONG SẮC

TIỂU DẪN – Nguyễn Phong Sắc bí danh là Thịnh, Xứ ủy Trung Kỳ, hoạt động trong phong trào Xô viết Nghệ -Tĩnh. Từ năm 1929 qua 1930 – 1931, Nguyễn Phong Sắc luôn luôn bám sát cơ sở, chỉ đạo phong trào, đấu tranh liên tục với địch. Trong một chuyến đi công tác ở Hà Nội, ngủ trọ tại quán cơm Nam Lai, gần ga Hàng Cỏ, Nguyễn Phong Sắc bị mật thám Hà Nội bắt, đem về Vinh, giam và tra tấn, rồi xử bắn tại đồn Song Lộc (Cửa Hội).

Bài này có đăng ở báo Xiềng Sắt, cơ quan tuyên huấn của chính trị phạm ở nhà lao Buôn Ma Thuột, hồi tháng 4–1934.

Than ôi! Hồng Lĩnh mây tuôn;
Lam Giang sóng vỗ.
Trường chiến đấu được thua thua được, nghĩ ngậm ngùi thương kẻ hàm oan;
Cảnh ba đào chìm nổi nổi chìm, tưởng nông nỗi xót người lao khổ.

Nhớ đồng chí xưa:
Vững chí trung kiên;
Bền gan tiến thủ;
Áng công danh xem bằng dép nát, phó mặc phường hám lợi bôn ba.
Trường cách mạng nhận rõ khuôn vàng, cùng vô sản tiến lên chính lộ.
Máu nhiệt thành một niềm cương quyết, gióng trống đại đồng,
Phất cờ xã hội, lấy đấu tranh đòi lại tự do;
Tài mạo hiểm trăm trận xông pha, diệt quân tư bản, đánh đổ Nam triều, giành quyền lợi về bên đa số.

Lúc bấy giờ:
Phong trào sôi nổi, công việc nặng nề;
Hoàn cảnh éo le, tiếng tăm bại lộ.
Đế quốc tầm nã khắp cả Bắc Nam;
Anh vẫn tung hoành những nơi hiểm cố.
Trong cơ quan, ngoài trận địa, biết bao phen nếm mật nằm gai;
Khi thành thị, lúc nông thôn, từng lắm lúc dầm mưa dãi gió;
Nghệ An, Nam Định, gánh sinh tồn bao quản bước chông gai;
Hà Nội, Sài Gòn, đường hiểm trở sá gì oai hùm hổ.

Hỡi ôi!
Tiền đồ chưa thỏa ước mong;
Hoạn nạn vì đâu cắc cớ.

Quán Nam Lai ghê thay phường tẩu cẩu, khéo trổ tài bắt dấu tìm hơi;
Đồn Song Lộc căm bấy lũ tàn hung, rặt những thói giết người cướp của.[1]
Ách khủng bố ba kỳ dồn dập, bạn công nông cửa nát nhà tan;
Nạn trường hình nửa tháng giày vò, thân chiến sĩ thịt rơi máu đổ;[2]

Ôi thương ôi!

Mấy năm bôn tẩu, chí Lênin chưa đạt cảnh đại đồng;
Một phút hành hình, thân Bành Bái đã ra người thiên cổ[3].
Người thế ấy, can trường thế ấy, ngàn vàng khôn chuộc khối trung kiên;
Luật mất nghiêm, súng đạn cũng mất oai, trơ mặt nạ những phường thượng võ.
Vẫn biết: đã hiến thân cho cách mạng, tù như không, mà sống thác cũng như không;
Chỉ vì: bước đầu sôi nổi phong trào, gốc sẵn có, mà nhân tài còn hiếm có.
Ngao ngán bấy! Ngàn trùng sát khí che kín núi sông;
Xót xa thay! Một nấm cỏ xanh dãi dầu mưa gió.
Hình hài lấp, tinh thần nào lấp, mảnh gương trong muôn thuở không mờ;
Chuyên chế còn, cách mạng hãy còn, cờ vô sản năm châu vẫn đỏ.

Sau lúc ấy:

Phong trào tuy tạm thời lắng xuống, nhưng xét qua thời cuộc Đông Dương, tình hình thế giới, bước tương lai còn lắm vẻ lạc quan.
Sự nghiệp dù chưa vẹn công lao, từng nêu rõ lợi quyền quần chúng, lộ tuyến công nông, người tiền bối đã hoàn thành nhiệm vụ.
Mấy lời truy điệu, trả nghĩa đồng tâm!
Một bức điếu văn, tỏ tình ái mộ.
Ôi thương ôi!

Buôn Ma Thuột, 4–1934

*

* *

1. Đồn Song Lộc, nơi giam đồng chí Sắc thuộc Cửa Hội – Nghệ An.

2. Nửa tháng đồng chí Sắc bị giam ở Song Lộc là nửa tháng bị đánh đập tra tấn rất dã man.

3. Bành Bái là một đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, năm 1927, tham gia lãnh đạo cuộc bạo động ở Quảng Châu, bị bắt và bị kết án tử hình ở đó.

TÔN QUANG PHIỆT
(1900 – 1973)

Tôn Quang Phiệt sinh năm 1900, trong một gia đình Nho học tại xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Từ lúc còn là sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, Tôn Quang Phiệt đã chịu ảnh hưởng của phong trào yêu nước, sớm tham gia cách mạng.

Năm 1925, Tôn Quang Phiệt tham gia thành lập các nhóm cách mạng ở Hà Nội, ở Vinh, được bầu là Hội trưởng Hội Phục Việt ở Hà Nội; năm 1926, được Hội Hưng Nam cử ra nước ngoài công tác, giữa đường bị bắt, rồi bị tù.

Năm 1927 ra tù, Tôn Quang Phiệt tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, và công tác ở Bắc Kỳ. Trong thời gian vận động thống nhất các tổ chức cách mạng Việt Nam, Tôn Quang Phiệt ở trong nhóm Tân Việt cách mạng đảng, rồi Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Đầu năm 1930, Tôn Quang Phiệt bị bắt, bị kết án 7 năm tù và đày đi Buôn Ma Thuột. Năm 1934, ra tù, và bị quản thúc. Từ đó, Tôn Quang Phiệt dạy học ở các trường tư tại Vinh và Huế, hoạt động trong Hội truyền bá chữ *Quốc ngữ*, vận động Đại hội Đông Dương và tham gia phong trào Mặt trận Dân chủ ở Huế.

Năm 1945, Tôn Quang Phiệt hoạt động trong Mặt trận Việt Minh, và tham gia cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Tôn Quang Phiệt làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng và Ủy ban Hành chính tỉnh Thừa Thiên.

Từ năm 1946 đến năm 1973, Tôn Quang Phiệt liên tục là đại biểu Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, và giữ nhiều chức vụ quan trọng: Ủy viên Ủy ban dự thảo Hiến pháp năm 1946, Tổng Thư ký Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết nhân dân Á–Phi của Việt Nam, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Hội khoa học lịch sử Việt Nam.

Tôn Quang Phiệt mất ngày 1–12–1973, thọ 73 tuổi.

THƠ VỀ NHÀ TÙ
(Tuyển một trong bốn bài liên hoàn)

Đã mấy năm nay lại tới lao,
Chốn này hương hoả của ta sao?
Đã quen trước ở bên buồng nhất,
Không biết nay đem đến chốn nào?
Một dãy thành dài và cửa kín,
Mấy gian nhà rộng với tường cao.
Lính đi mình cũng đi theo lính,
Đến bót Xalinh mới được vào. [1]

1929

*
* *

Ở XÀ LIM ĐỀ LAO VINH

Một mình riêng đội một ông xanh,
Tù đến xà lim mới bọn sành.
Nhà hẹp cao cao tường bốn bức,
Đêm dài cốc cốc mõ cầm canh.
Trời dòm kiêu tử, trời nghiêng mắt, [2]
Gió rỡn tình lang, gió thổi vành.
Khối giận tay non đang chứa chất,
Tiếng kèn tò tẽ nó kêu quanh.

ĐÀY LÊN BUÔN MA THUỘT

Xứ Buôn Ma Thuột đến đây rồi,
Vò võ phương trời mấy dặm khơi.

---

1. Bót: Phiên âm tiếng Pháp (poste), nghĩa là trạm gác, trạm cảnh binh của đế quốc Pháp.

2. Kiêu tử: Người không chịu khuất phục. Ở đây chỉ các chiến sĩ cách mạng.

Dài lưỡi, thằng Tây hăm hở doạ,
Ngắn răng, chú "mọi" choét choe cười. [1]
Vài câu tri kỷ vui cùng bạn,
Hai bữa cơm canh sống với người.
Cùng với công, nông lo phấn đấu,
Lao tù há để tháng ngày trôi.

10–1930

Thơ ca cách mạng (1925 – 1945).
Nhà xuất bản Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

*
* *

CÂU ĐỐI ĐIẾU NGUYỄN SĨ SÁCH

TIỂU DẪN– Nguyễn Sĩ Sách, người thôn Tú Viên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Từ năm 1927, Nguyễn Sĩ Sách tham gia Tân Việt cách mạng đảng, rồi được cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp bồi dưỡng chủ nghĩa Mác–Lênin do Nguyễn Ái Quốc mở. Về nước, Nguyễn Sĩ Sách làm Bí thư Kỳ bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Trung bộ Nguyễn Sĩ Sách bị đế quốc Pháp bắt năm 1929, đày lên Lao Bảo, và bị chúng giết ngày 19–12–1929.

Tôn Quang Phiệt bị đày ở Buôn Ma Thuột, được tin Nguyễn Sĩ Sách hy sinh, đã làm đôi câu đối viếng dưới đây:

Chết không nhắm mắt, sống há lẽ nhăn răng, ngậm ngùi giọt máu tha hương, bể khóc non kêu, vang tai giục khách tang bồng, oan ức có khi trời ngoảnh cổ;

Khóc cũng hổ ngươi, cười càng ra nước mắt, đau xót tấm lòng cố hữu, rày trông mai tưởng, bấm bụng dành câu tâm sự, tao phùng còn đợi đất vùi xương.

1930

Thơ văn Xô Viết Nghệ – Tĩnh.
Hội Văn nghệ Nghệ Tĩnh xuất bản, 1977.

1. Chú "mọi" chỉ bọn tay sai người Thượng.

TIỄN BẠN NGUYỄN THỪA DUYỆT

TIỂU DẪN– Nguyễn Thừa Duyệt là một chiến sĩ cách mạng trung kiên, cùng bị đày với tác giả ở Buôn Ma Thuột. Khi thực dân Pháp chuyển Nguyễn Thừa Duyệt sang lao Lao Bảo, tác giả làm bài thơ này để tiễn.

Mở đầu:

Quân đế quốc là quân tàn bạo,
Thừa Duyệt phải đày đi Lao Bảo.
Dẫu đày, dẫu chết, dẫu chi chi,
Cách mạng Đông Dương cũng cứ láo. [1]

Quang Phiệt có tính hay làm thơ,
Không lẽ thấy thế lại làm lơ.
Nên có bài này để tiễn biệt,
Xin anh nhớ lấy cho tôi nhờ.

Thơ rằng:

Kẻ ở người đi luống ngại ngùng,
Con đường chia rẽ tấm lòng chung.
Đem thân phấn đấu còn hăng hái,
Gặp bước gian lao chớ hãi hùng.
Dưới ách thực dân còn bó buộc,
Trên đường cách mạng phải xung phong.
Có ngày thoát khỏi vòng luy tiết,
Vui thú cùng nhau cuộc đại đồng.

1932

Thơ ca cách mạng (1925 – 1945).
Nhà xuất bản Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

*
* *

1. Láo: tiếng Nghệ An, có nghĩa là tự hào, không sợ gì cả

TỪ BUÔN MA THUỘT DỜI VỀ QUẢNG NAM

Tuy chửa về, nhưng cũng gọi về,
Phen này khách Doạn giã làng Đê. [1]
Dấu chân hồ hải còn dây xích,
Mà gánh quan sơn bớt nặng nề.
Ngoảnh lại ba năm mưa gió nặng,
Trông theo ngàn dặm khói mây che.
Ta đi, ta nhớ người đương ở,
Vượn hót, ve kêu, quốc gọi hè.

1933

Tác phẩm mới, tháng 1–1974, số 33.

*
* *

HỊCH ĐUỔI RỆP

Kẻ có lòng phải biết lo xa, góp sức lại mỗi người một ít;
Loài hút máu kíp nên trừ khử, để nó ra thêm hại thêm nhiều.
Hỡi xa gần ai nấy đều nghe!
Phải thu xếp một phen ra trận.
Như chúng ta đây:
Tối ngủ năm canh;
Ngày ăn hai bữa.
Kể công tác xây nên thành luỹ, vì nhân quần mưu việc công an;
Lúc thanh nhàn nói chuyện văn thơ, cho xã hội nếm mùi đồng lạc.
Lấy nhân đức đãi loài sinh vật, có miếng cơm thừa canh cặn, lũ chó heo mặc sức no nê;
Đem oai nghiêm trừ lũ hung tàn, đủ đồ quạt giấy, chăn bông, giống ruồi muỗi dám đâu xâm phạm.
Có tài có đức, ai dám khinh thường;
Đủ ân đủ uy, chúng đều khiếp phục.

1. Khách Doạn: Chỉ người Kinh. Làng Đê: Ở đây chỉ các buôn, làng vùng Tây Nguyên.

Ai ngờ như lũ rệp kia!
Quen thói tham lam;
Ổ nơi kín đáo.
Dòng dõi nhà ai để lại, sách ngày xưa chép chuyện Tề Hiền; [1]
Lỗ hang nơi kín trốn đi, lúc đêm vắng học chàng Đạo Chích. [2]
Có lúc giật mình tỉnh dậy, nghe cả người ngứa ngáy không yên;
Có khi liếc mắt nhìn qua, thấy chúng nó sum vầy từng ổ.
Chúng đã thành hàng, thành ngũ;
Tha hồ đút ngược, đút xuôi.
Trần Tùng từng nổi giận nhiều phen, bẻ lẻ vót que, gươm tre nọ nó không chút sợ; [3]
Đăng Lưu đã ra oai mấy độ, lấp hang nhét kẹt, thành vôi kia nó dám coi thường. [4]
Chúng càng dở thói hoành hành;
Ta phải tìm phương phòng ngự.
Mỗi khi đi ngủ, phải quét giường cho kỹ, rũ chiếu cho đều;
Mỗi lúc đi làm, phải sắm đơm cho nhiều, vót que cho nhọn.
Thấy đâu đánh đấy, không để chúng thành bạn, thành bè;
Bắt được giết liền, không để chúng sinh con, sinh cái.
Phải truy cho đến sào, đến huyệt;
Phải trừ cho hết giống, hết nòi.
Ta mà hết sức giữ gìn;
Chúng sẽ khó bề sống sót.
Nếu ai có đem lòng dung ẩn, để nó ở kẽ giường chân chiếu, tố giác ra khôn tránh lưới trời;
Nếu ai mà sợ việc đề phòng, cho nó chui khuy áo lai quần, xưng xuất sẽ chịu theo phép nước.
Một tiếng hô hào, truyền ra cho khắp;
Ba quân thiên hạ, ai nấy đều nghe!

Buôn Ma Thuột, 1932

Thơ ca cách mạng (1925 – 1945).
Nhà xuất bản Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

---

1. Truyện Tề Hiền: Một tích truyện xưa bên Trung Quốc.
2. Đạo Chích: Một tên ăn trộm.
3. Trần Tùng: Tức Trần Hậu Tùng, người Hà Tĩnh là một chiến sĩ cách mạng cùng bị giam với tác giả
4. Đăng Lưu: Tức Phan Đăng Lưu (cũng là một tác giả văn học trong tập này) lúc đó mang án 7 năm tù khổ sai cùng bị giam với tác giả.

MAU MAU ĐỨNG DẬY

(Bài cổ động phong trào cộng sản)

Mau mau hỡi, mấy người nghèo khổ!
Kíp đứng lên đánh đổ quân thù.
Thân ta nắng dãi, mưa dầu,
Ta làm cho họ nên giàu nên sang.
Quân Chính phủ muôn đường áp bức,
Bọn nhà giàu hết sức vét vơ.
Mồ hôi nước mắt của ta,
Họ ngồi họ hưởng béo nhà sướng thân.
Sưu với thuế tăng dần lên mãi,
Bạn bình dân ngày lại điêu tàn.
Đốt than kiếm củi trên ngàn,
Kiểm lâm bóc lột khó khăn trăm bề.
Miền bãi bể, cái nghề muối mắm,
Nhà đoan kia đã nắm vào tay. [1]
Anh em cặm cụi suốt ngày,
May ra còn lại một vài đồng xu.
Kẻ chợ búa bó rau bát đậu,
Đánh thuế đà có cậu tuần đinh.
Tính ngang tính dọc đủ vành,
Mười phần nó đã cướp giành hai ba.
Chốn thành thị các nhà máy cả,
Bạn thợ thuyền vất vả biết bao!
Hằng ngày cực khổ gian lao,
Lợi quyền thằng chủ vét vào túi tham.
Kể tình cảnh hàng trăm nỗi cực,
Tây dã man áp bức, giày vò.
Ngày ngày, tháng tháng, quanh co,
Tay làm nuôi miệng, còn lo cơ hàn.
Khi đau ốm, khó khăn nhiều nỗi,
Tay không làm, miệng đói, ai nuôi?
Sống là phúc, chết thì thôi!

1. Nhà đoan: Cơ quan thuế của đế quốc.

Cái thân nô lệ nào ai đoái hoài?
Nơi thôn ổ dân cày lam lũ,
Cho mấy thằng điền chủ làm giàu.
Ra công cày kỹ, bừa sâu,
Quản chi nắng dãi xiết bao mưa dầm!
Nghề nông phố quanh năm cặm cụi,
Bọn nhà giàu ngồi đợi mà ăn.
Có thân thêm lụy cho thân,
Lầm than đến mực, nợ nần tríu tro.
Bạn binh lính là đồ khí dụng,
Đem thân mình mũi súng hy sinh.
Khi vinh thì họ được vinh,
Trăm điều khổ nhục về mình cả trăm.
Nơi chiến địa thân nằm bãi cát,
Hồi binh đao bỏ xác như chơi.
Thịt da ai cũng là người,
Lẽ nào rẻ rúng cái đời xuân xanh!
Chưa kể lịnh nhà binh nghiêm ngặt,
Bọn quan trên bắt nhặt, bắt khoan.
Mấy năm vụ lính cho hoàn,
Phạt tù, hành dịch, thân còn ra chi?
Mãn hạn lính hết thời tráng kiện,
Ngẩng mặt trông đã đến tuổi già.
May ai sống sót về nhà,
Rủi ai chết quách, ấy là bỏ đi!
Mất của cải cũng vì mất nước,
Tước chủ quyền là cướp áo cơm.
Ta ngồi chịu nhục cho cam,
Kết đoàn nhau lại, tính làm sao đây?
Chim còn biết trương hầu, giơ mỏ,
Thú còn hay cất vó, nhăn nanh.
Người sao chịu nhục cho đành?
So loài điểu thú phận mình ra sao.
Bạn thợ thuyền, mau mau đứng dậy!
Nhà máy là nhà máy của ta.
Bao nhiêu hàng hóa làm ra,
Sức ta, ta hưởng, ấy là lẽ công.
Mấy thằng chủ đem lòng man rợ,

Mấy tên cai bợ đỡ làm giàu,
Chúng là một lũ với nhau,
Mưu sâu phải giữ, thù sâu phải đền.
Bạn dân cày, kíp nên đứng dậy!
Ruộng đất chung ta lấy chia nhau.
Bao nhiêu mấy đứa nhà giàu,
Là phường hút máu lẽ nào lại dung?
Của trời đất, của chung của chạ,
Sẵn cơm khoai đầy rá, đầy nồi.
Ta làm, ta lấy, ta xơi,
Anh em lao động, nào ai đói nghèo!
Bạn binh lính, mau mau tỉnh dậy!
Cùng công, nông giành lấy lợi quyền.
Bạn, thù ranh giới đôi bên,
Nồi da nấu thịt, sao yên tấm lòng?
Kíp trở giáo, quay cung bắn giặc!
Anh em ta ra sức phen này.
Chờ khi đất trở trời xoay,
Đồng tâm ắt cũng có ngày thành công.
Người cả nước một lòng một dạ,
Cuộc đấu tranh càng ngã, càng hăng.
Quyết tâm lượm cát sông Hằng,
Bể Đông ta lấp cho bằng mới thôi.

Buôn Ma Thuột, 1932

Thơ ca cách mạng (1925 – 1945).
Nhà xuất bản Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

*
* *

NGUYỄN KHÁNH TOÀN
(1905 - 1994)

Nguyễn Khánh Toàn sinh ngày 1–8–1905 tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Học xong tiểu học ở Vinh, Nguyễn Khánh Toàn vào Huế học trung học tại Trường Quốc học, sau đó ra học Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, Ban Văn học, từ năm 1923 đến năm 1926.

Trong thời gian học ở Hà Nội, Nguyễn Khánh Toàn tham gia các phong trào yêu nước của học sinh, sinh viên, đòi thực dân Pháp trả lại tự do cho nhà yêu nước Phan Bội Châu và để tang nhà yêu nước Phan Chu Trinh. Nguyễn Khánh Toàn viết bài đăng trên báo *L' Argus Indochinois (Con Trĩ Đông Dương)* do A. Clêmăngti chủ trương (khi đó có huynh hướng tiến bộ), chống lại những hành động đàn áp phong trào yêu nước Việt Nam và phê phán các báo chí phản động, công cụ của chủ nghĩa thực dân.

Được bạn đồng học có tư tưởng tiến bộ chuyển cho đọc các báo *Le Paria (Người cùng khổ), L' Humanité (Nhân đạo), cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp* từ Pháp gửi về, cùng với nhiều cuốn sách mácxít khác, Nguyễn Khánh Toàn bắt đầu có xu hướng tìm hiểu chủ nghĩa Mác–Lênin.

Vì hoạt động chống Pháp, nên mặc dầu tốt nghiệp Trường Cao đẳng Sư phạm, Nguyễn Khánh Toàn không được bổ nhiệm đi dạy học. Nguyễn Khánh Toàn vào Sài Gòn với ý định tìm đường xuất dương để có điều kiện tìm hiểu sâu sắc chân lý cách mạng. Trong khi chưa thực hiện được mơ ước đó, Nguyễn Khánh Toàn tham gia viết báo *L' Annam (An Nam)*, là tờ báo tiến bộ nhất lúc bấy giờ, có xu hướng mácxít, do Luật sư Phan Văn Trường chủ trương – thay thế cho tờ *La Cloche fêlée (Tiếng chuông rè)* của Nguyễn An Ninh bị đình bản.

Nguyễn Khánh Toàn còn làm chủ nhiệm báo *Le Nhà quê*. Báo mới ra được một số, ngày 11–2–1926 thì bị cấm. Sau đó báo *L' Annam* cũng bị cấm.

Tháng 7–1927, Nguyễn Khánh Toàn bị thực dân Pháp bắt và kết án tù về tội "phần tử vô chính phủ" cùng với một số người khác, bị giam một thời gian tại Khám Lớn, Sài Gòn.

Tháng 10–1928, Nguyễn Khánh Toàn mới thực hiện được mộng xuất dương, lên đường sang Pháp, ít ngày sau, đi Liên Xô, vào học tại Trường Đại học Cộng sản lao động phương Đông của Quốc tế Cộng sản, lấy tên là

Minime. Sau khi học xong, Nguyễn Khánh Toàn ở lại Liên Xô công tác cho đến tháng 3–1939 thì được Quốc tế Cộng sản giới thiệu sang Khu giải phóng Trung Quốc và công tác ở đó cho đến tháng 10–1945 thì về nước.

Thời kỳ ở Liên Xô, Nguyễn Khánh Toàn đã viết nhiều bài gửi đăng trên các báo *L' Humanité (Nhân đạo)* của Đảng Cộng sản Pháp, các tạp chí *La correspondance internationale (Thư tín quốc tế) và L' Internationale communiste* (Quốc tế Cộng sản) của Quốc tế Cộng sản.

Về nước, Nguyễn Khánh Toàn tham gia nhiều công tác quan trọng của Đảng và Nhà nước, tham gia lãnh đạo ngành giáo dục lâu năm, và trong Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III được bầu là Ủy viên dự khuyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng. Nguyễn Khánh Toàn đã đóng góp nhiều cho ngành khoa học xã hội với cương vị là Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia). Nguyễn Khánh Toàn là Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học của hai nước: Liên Xô và Cộng hòa Dân chủ Đức.

Nguyễn Khánh Toàn viết nhiều sách báo xuất bản ở trong nước và ngoài nước về các vấn đề văn học, giáo dục, triết học, sử học..., chỉ đạo một số công trình nghiên cứu khoa học xã hội của Nhà nước.

Các bút danh của Nguyễn Khánh Toàn từ trước đến nay là: Thanh Yên, T.Y., Thanh Lương, T.L., Nguyễn Khánh Toàn, N.K.T., H., Nguyễn Khánh, Nguyễn Quốc Tế, Hoàng Hoài Nam, ký tên L' Annam trên một số bài ở báo *L' Annam*, và Trần Quốc Bảo trên báo *Sự thật*.

Nguyễn Khánh Toàn mất năm 1994 tại Hà Nội.

ĐÁP LẠI[1] BỨC THƯ NGỎ CỦA QUAN NĂM ĐỖ HỮU CHẤN[2]

Chúng tôi đã nhận được bức thư dưới đây của một thông tin viên tòa báo chúng tôi. Đây là một lời đáp đanh thép, nhưng lịch sự, đối với bức thư của ông quan năm Đỗ Hữu Chấn đăng trên các báo Nam Kỳ mới đây.

Bạn đọc sẽ đánh giá.

Hiện nay, chúng tôi chỉ rút ra kết luận sau đây về bức thư này. Từ sau cuộc chém giết quy mô ở châu Âu, thế giới đã đổi khác, và thời kỳ của những lời phỉnh phờ đã qua rồi.

L.T.S.

Sài Gòn, ngày 15 tháng 7 năm 1926

Thưa ông quan năm.

Xin ông hãy cho phép một đồng bào trẻ tuổi của ông, bằng những dòng chữ này, được trả lời bức thư mà ông đã gửi từ nước Pháp về cho những người An Nam, bức thư mà báo chí Nam Kỳ đã quảng cáo rộng rãi.

Là người kém tuổi ông và do đó chưa có kinh nghiệm như ông, cũng chưa được phụng sự nước Pháp một cách đắc lực như ông, lẽ ra tôi phải xem tất cả những điều ông đã nói như Kinh thánh; nhưng vì bức thư của ông đã đề ra một nguyên tắc có liên quan tới toàn thể dân chúng Đông Dương, cho nên tôi là người cũng tự coi là mang nặng tình yêu sâu sắc đối với Tổ quốc tôi, tôi tự đặt cho mình một bổn phận, dĩ nhiên là táo bạo, nhưng là rất cần thiết, phải trả lời ông.

Tôi không có tham vọng nói thay cho tất cả đồng bào chúng tôi, vì rằng, về mặt đó, tôi tuyệt nhiên không đủ tư cách bằng ông; vả lại, tôi biết rằng, vẫn có một hạng người Đông Dương nào đó cùng quan niệm với ông, nhưng bởi vì ông đã định dạy khôn cho đảng Thanh niên, hay nói đúng ra là cho thanh niên An Nam, thì tôi, vì có vinh dự là một thành viên của đảng đó, tôi tự cho phép mình tranh luận những ý kiến mà ông đã đề xuất; tuy nhiên, cùng với việc đó, tôi vẫn

---

1. Bài viết bằng tiếng Pháp, đăng Xã luận trong báo L' Annam, xuất bản ở Sài Gòn, chiếm cả bốn trang, số báo ra ngày 15-7-1926.

2. Đóng quan năm (đại tá) trong quân đội Pháp, con của tên đại việt gian Đỗ Hữu Phương, đã giúp giặc tàn sát đồng bào ta từ khi thực dân Pháp chiếm Nam Kỳ. Tất cả nhà Đỗ Hữu Phương là "dân Tây". Quan năm Chấn lấy vợ đầm

đảm bảo sự kính trọng mà chúng tôi thường dành cho những người như ông.

Trong bức thư của ông, ông đã bắt đầu bằng lời mở đầu tuyệt diệu sau đây, điều đó tự nó cũng vô tội vạ, nhưng nó đã để lộ một sự vụng về nào đó mà chúng tôi không thể ngờ tới ở một nhân vật đường bệ như ông: "Mặc dù khoảng cách phân chia chúng ta, tôi không quên rằng chúng ta cùng một nòi giống, rằng tất cả (nguyên văn) những gì liên quan tới các bạn không thể làm tôi dửng dưng được, tôi không quên rằng tôi là anh cả của các bạn và, với tư cách đó, bổn phận của tôi là cho các bạn những lời khuyên không vụ lợi, và làm cho các bạn thừa hưởng kinh nghiệm của tôi, bởi lẽ hơn ba mươi năm tiếp xúc với những người Pháp bảo hộ chúng ta mà không bao giờ hy sinh một mẩu nhỏ của sự vĩ đại và lòng tự tôn của nòi giống chúng ta, cho phép tôi hiểu rõ tinh thần và tâm lý của hai chủng tộc". – Ông muốn nói tới khoảng cách nào đây? Phải chăng là về khoảng cách hình học? Ít ra tôi cũng muốn tin như vậy. Nhưng thưa ông quan năm, sự thật hiển nhiên là, chưa bao giờ tôi thấy người nào mà không gian lại làm cho anh ta quên nòi giống của mình cả. Tuyệt nhiên không cần phải có học thức như ông, phải có kinh nghiệm như ông, mới nhớ được ít ỏi như vậy. Về việc này, trí nhớ kém nhất cũng đủ. Ông hãy xem một người Minh Hương, nghĩa là con của một người Trung Quốc, và một người An Nam, và tổ tiên hầu hết là người An Nam; anh ta luôn luôn đòi hỏi được mang quốc tịch Trung Hoa ngay trên đất An Nam; huống hồ ông, bố ông, là An Nam chính cống, mẹ ông là gái nước Nam, và tổ tiên ông đều là con Hồng cháu Lạc. Ông sinh ra trên một mảnh đất đã từng chứng kiến cái sống và chết của biết bao vị tiền bối của ông, cũng như (đã từng chứng kiến) sự nảy sinh và tiêu vong của biết bao sự huy hoàng của một quá khứ lịch sử hiển hách, thì dù tự đặt mình ở điểm nào trên quả đất, ông cũng không thể quên được nòi giống ông, cái nòi giống An Nam mà một sự ngẫu hợp tình huống độc lập, ngoài ý muốn của nó, đã đặt nó dưới ách của một dân tộc khác. Là một người An Nam thực thụ, ông phải luôn luôn nghĩ đến tình cảnh sỉ nhục của Tổ quốc thống khổ, để hơn lúc nào hết nhớ lấy gốc gác của mình.

Ông khẳng định một cách trịnh trọng rằng, không có điều gì liên quan đến chúng tôi có thể làm cho ông dửng dưng. Đây lại thêm một sự thú nhận về sự ngây thơ khó tưởng tượng nổi của ông. Nếu không phải là một kẻ bán mình, một kẻ phản quốc, người ta không thể thờ

ơ trước công việc của đất nước mình, mà phải coi đó như những công việc của chính bản thân mình. Từ khi bị xâm chiếm, người An Nam sống trong tủi hờn, ô nhục, hơn bao giờ hết phải nghĩ đến tình cảnh nguy khốn của mình. Đối với bất kỳ người nào thực sự yêu nước, nếu họ thuộc một dân tộc độc lập, thì sự lớn mạnh của dân tộc phải được coi là nguyên tắc và cứu cánh của mình, là đường lối hành động trong suốt đời mình. Nếu họ thuộc một dân tộc nô lệ, thì việc giải phóng nòi giống phải là điều ám ảnh ý nghĩ của họ lúc ban ngày, và nuôi dưỡng những giấc mơ của họ lúc ban đêm, và, sau khi chỉ là lý tưởng đối với anh ta, cuối cùng sẽ đi đến cụ thể hóa, đến mức thu hút hoàn toàn con người đó, cho tới cái ngày nghìn lần đáng ban phúc lành: ngày giải phóng Tổ quốc.

Tôi nghĩ rằng một người dân An Nam lại cần phải làm như Việt vương Câu Tiễn của nước Trung Hoa cổ đại, là phải dùng đến những hành xác như nằm gai và nếm mật trong mỗi bữa cơm, để không thể quên sứ mệnh của mình là một ngày kia phải đuổi quân thù ra khỏi đất nước. Những điều bất công sỉ nhục đối với đất nước chúng ta chồng chất quá nhiều, khiến mỗi chúng ta không thể không nghĩ đến. Chỉ riêng việc nhìn thấy mảnh đất trên đó tổ tiên chúng ta yên nghỉ bị gót giày ngoại bang chà đạp đã là một vết thương đau nhói trong lòng mỗi chúng ta. Thật xấu hổ và đáng nguyền rủa kẻ nào không cảm thấy đau đớn vì điều đó!

"Rằng tôi là người anh cả của các bạn", ông đã nói như vậy. Cũng được. Chúng tôi đành công nhận ngay cho ông cái tư cách ấy, cái tư cách mà ông đã tự gán cho mình một cách rộng rãi. Nhưng, trong khi không có tham vọng cho ông một bài học luân lý, chúng tôi thú nhận là tuyệt đối không có khả năng làm điều đó, chúng tôi muốn rằng ông nên khiêm tốn hơn. Sự khiêm tốn của ông sẽ không hạ thấp sự trân trọng của chúng tôi đối với ông, mà trái lại, chúng tôi sẽ để cho ông tự hỏi xem ông đã có những hành động xứng đáng nào nhằm đưa lại hạnh phúc cho đồng bào ông, lên địa vị anh cả của họ? Ông đừng quên rằng, danh hiệu anh cả của một dân tộc có hai mươi triệu người, mà những người anh cả trước đây của họ là những Lê Đại Hành, những Trần Hưng Đạo, những Lê Lợi, và những Quang Trung, tất cả đều mang dũng khí chiến đấu của mình ra chống lại làn sóng xâm lăng, danh hiệu đó nói lên một tài năng vượt hẳn lên trên cái bình thường, rằng danh hiệu đó phải được chứng tỏ bằng những chiến công kỳ diệu và do đó, nó có quyền được sự kính trọng của mọi người

khi còn sống, và được tôn thờ vĩnh viễn sau khi họ đã chết. Dĩ nhiên, khi người ta tự phong cho mình một cách không công và một cách inh ỏi một danh hiệu mà mình không có quyền mang một cách chính đáng, thì tiếng cười là món tiền mà công chúng được giải trí sẽ trả cho anh ta về những cảnh hài kịch hay ho như thế!

Ông có nói rằng ông muốn làm cho chúng tôi thừa hưởng được kinh nghiệm của ông. Nhưng, thưa ngài quan năm, trừ những ngoại lệ rất hiếm hoi, chúng tôi đây, chúng tôi đều có một kinh nghiệm nào đó. Kinh nghiệm ấy, chúng tôi đã thu được trong suốt một nửa thế kỷ đau khổ, và do trường học khắc nghiệt của thân phận nô lệ đã dạy cho chúng tôi. Và chính là để nhằm làm tiêu tan những nỗi thống khổ của mình và kết thúc cuộc đời nô lệ của mình, mà tất cả chúng tôi muốn sử dụng một cách có ích kinh nghiệm của chúng tôi.

Ông nói rằng ông biết rõ tinh thần và tâm lý của hai chủng tộc. Tôi có quyền nghi ngờ điều đó. Ông chỉ hiểu tâm lý người An Nam qua tâm lý của chính bản thân ông mà thôi. Nhưng, có thể là tâm lý của ông khác một cách sâu sắc với tâm lý của phần lớn người An Nam, và không bắt buộc là điều gì ông suy nghĩ, cũng là điều mà chúng tôi suy nghĩ. Về tâm lý người Pháp, ông chỉ biết nó qua sự giao du với những người Pháp có danh vọng, những người đã yêu mến ông, tỏ lòng vô cùng tôn trọng ông, bởi vì, là một người lính quả cảm, ông đã phụng sự một cách trung thành đất nước họ trên chiến trường; nhưng có một điều mà lẽ ra ông phải biết, là những người Pháp đó không có những quan hệ tốt nhất với tất cả đồng bào ông, và quy tắc chung cho tất cả diễn viên trên thế giới là thay đổi mặt nạ ngay sau khi đã chuyển cảnh. "Câu chuyện của những kẻ âm mưu" do luật sư Phan Văn Trường soạn, xác nhận luận điểm của tôi. Ông hoàn toàn có lý khi ông nói rằng nước Pháp quá rộng lượng, nên không thể quên sự đóng góp của chúng ta trong chiến tranh. Quả vậy, khi một người bạn giúp ta một việc gì, chúng ta khó có thể quên người đó, trái lại chúng ta yêu mến người đó hơn bao giờ hết, chúng ta càng tìm cách gắn bó người đó với chúng ta, không rời anh ta một khoảnh khắc, có phải không, thưa ông? Tại sao lại từ bỏ một vật chừng nào nó có ích đối với ta và, trong khi nó có thể giúp ích cho ta về mặt nào đó, chúng ta hãy giữ lấy nó để tận dụng nó.

Khi ông tâng bốc chủ nghĩa tự do của chính phủ Pháp, ông đã làm cho chúng tôi trố mắt lên vì kinh ngạc. Người ta tưởng ông từ cung trăng rơi xuống. Ông hãy từ bỏ trong giây lát hai tư cách, là

người Pháp, và là một vị quan năm, ông hãy chui vào trong cái xác của một người nhà quê An Nam, và ông sẽ có thể đánh giá được cái thứ chủ nghĩa tự do mà ông đã tán tụng hết lời.

"Về phía chúng ta, chúng ta đã dùng những phương tiện xứng đáng với nòi giống chúng ta để thu hút sự chú ý của nước Pháp hay chưa?", ông đã mắng mỏ chúng tôi với một vẻ oai vệ như vậy. Thế thì ông thực sự không hài lòng về những phương tiện mà đồng bào của ông đã dùng hay sao? Nhưng thưa ngài quan năm, phẩm cách thực sự của một người An Nam là ở chỗ mong muốn giành lại độc lập cho xứ sở, chứ không phải ở chỗ tìm cách thu hút một cách lén lút sự chú ý của những kẻ áp bức mình, giống như một con chó xu nịnh, phải bò lê, rên rỉ, quẫy đuôi, và liếm tay chủ, nhằm xin chủ nó một cái đá yêu. Hẳn ông có biết nhà yêu nước Phan Chu Trinh khi ông này còn sống? Khi Phan Chu Trinh mất, những người An Nam ở Đông Dương, theo một truyền thống mạnh mẽ và cao quí, đã tỏ lòng thương tiếc một con người dũng cảm như vậy, do đó họ đã tổ chức tang lễ trong các đền chùa. Sở mật thám Đông Dương đã được trao nhiệm vụ thanh toán càng nhiều càng tốt những cuộc biểu tình chỉ mang tính chất hoàn toàn tôn giáo đó, và những người biểu tình sau đó đã là nạn nhân của mọi thứ đàn áp. Ông hãy xem đấy, đâu là lòng tự tôn và đâu là sự đê tiện. Sự kiện tôi vừa dẫn ra là một trong trăm ngàn ví dụ, và tôi muốn tha cho ông khỏi phải đọc một bảng thống kê dài dòng, vì tôi tin chắc rằng, đối với một người có phần học thức, có phần thông minh, một vài chữ cũng đủ để làm sáng tỏ. Ông là người đã học lịch sử nước Pháp, há ông lại không biết rằng, để lấy lại hai tỉnh bị mất Andaxơ và Loren, sáp nhập vào Đức từ cuộc chiến tranh năm 1870, nước mẹ của ông đã phải mất bốn mươi năm chuẩn bị phục thù hay sao? Những kẻ bò sát đất để ăn xin từng mảnh nền tự do mà người ta đã tước đi của chúng ta bằng sức mạnh, đều tỏ ra hèn hạ, nô lệ và ngu ngốc. Về chính trị, không thể có thỏa hiệp với quân thù, và mọi phương tiện đều có thể sử dụng, miễn là mục tiêu đeo đuổi phải là mục tiêu cao quí.

Ông sợ rằng, với những cuộc biểu tình gần đây, chúng tôi đã đi nhầm đường chăng. Chúng tôi không ngờ rằng những cuộc biểu tình của chúng tôi lại nghiêm trọng đến mức gây ra cho ngài quan năm Chẩn dũng cảm một mối lo sợ mạnh mẽ như vậy. Nếu chúng tôi có đủ sáng suốt để đoán định một tình cảm như vậy ở ông ta, thì chúng tôi đã dùng đủ mọi hình thức phòng ngừa nhằm ngăn chặn không để

cho những tin tức khẩn cấp ở Đông Dương đến được tai ông ta.

Một nhóm sinh viên đòi tự do cho một đồng bào của họ, [1] một người đã không phạm tội ác nào khác ngoài việc tìm đường trốn ra nước ngoài để mong thoát khỏi thảm cảnh đất nước đang làm mồi cho những niềm đau khổ, dân chúng bày tỏ lòng thương tiếc trước cái chết của một nhà Nho [2] đã dũng cảm bảo vệ sự nghiệp của họ, học sinh bãi khóa, một vài bài diễn văn [3] bày tỏ với viên toàn quyền mới những lời thỉnh cầu chính đáng của người An Nam, và phàn nàn về hiện trạng. Ông thấy có gì kỳ lạ trong tất cả những cuộc biểu tình bình thường này để tìm ra trong đó điều mới lạ có tính chất lật đổ? Thực ra, không một người An Nam nào công khai tuyên truyền nổi loạn cả, và những người bảo hộ chúng ta đã cho chúng ta một bằng chứng rực rỡ về sự vụng về của họ, về lòng hẹp hòi và sự thiếu can đảm của họ khi họ đàn áp những phong trào trên đây với một sự tàn nhẫn không đáng với tính chất và tầm của những phong trào đó. Người ta đã đối xử với một số đảng viên Đảng Thanh niên như thể họ đã gây ra một cuộc tổng khởi nghĩa trên toàn Đông Dương vậy.

Việc ông trách móc đảng này có những tham vọng quá đáng có đúng không? Tôi không hiểu tại sao ông, là người nói tiếng Pháp ngót sáu mươi năm nay, ông lại không chịu khó nghĩ ra cái định nghĩa chính xác của từ "tham vọng". Như vậy, là ông xem việc một người bị mất hết của cải, mà lại đòi nó, là một điều kỳ lạ, mà hơn nữa người này lại đòi nó với thái độ bình tĩnh, lễ phép, và có thể nói là rụt rè nữa, anh ta cũng chẳng dùng đến những phương tiện nhờ đó người ta cướp của cải của anh ta. Thưa ông quan năm, chừng nào mà dân tộc An Nam còn sống trong cảnh nô lệ, không những dân tộc đó luôn luôn có quyền, mà còn có bổn phận tìm cách giành lại nền tự do đã bị cướp đi.

Ông đã có lý khi nói rằng bọn thực dân Pháp không hề chịu từ bỏ chút nào đặc quyền của chúng, nhưng tại sao ông còn nói người cu li này khi ốm đau tuyệt nhiên không được nghỉ ngơi, không được chăm sóc, chết gục một cách khốn khổ trong một xó rừng, còn chủ họ

---

1. Vụ án xử nhà yêu nước Phan Bội Châu tại Hà Nội tháng 12–1925.

2. Lễ truy điệu nhà yêu nước Phan Chu Trinh tổ chức tại đền Hai Bà Trưng ở Hà Nội, tháng 3–1926.

3. Diễn văn (do Nguyễn Khánh Toàn thảo) đọc trước Toàn quyền Varenne, khi y đến thăm Câu lạc bộ sinh viên Việt Nam (Foyer des Etudiants Annamites), số 5 phố Vọng Đức Hà Nội (tháng 4–1926).

thì không mảy may lo nghĩ đến số phận của họ. Không có một đạo luật lao động nào được đặt ra bảo vệ cho những kẻ khốn khổ đó, thế mà ông lại nói đến đời sống hạnh phúc vật chất của họ, và ông còn muốn cho rằng bọn thực dân lo lắng đến hạnh phúc và tinh thần của dân bản xứ. Nhưng người ta đã chứng minh một cách toán học như A cộng B rằng, đạo đức của phần lớn bọn thực dân già đời đó chẳng có gì là hơn đạo đức của dân An Nam. Làm sao ông lại muốn rằng bọn họ làm cho người khác những điều mà họ không thể làm được cho chính bản thân họ? Ý thức công bằng đòi hỏi ông không nên buộc họ phải có một sự hy sinh quá cao so với ý muốn của họ. Chúng tôi xin cảm ơn ông đại tá khuyên chúng tôi rằng, nếu chúng tôi có những yêu cầu chính đáng, và hoạt động trong trật tự và tôn trọng pháp luật, thì Nhà nước bảo hộ sẽ chỉ định một Ủy ban để tiếp nhận và xem xét với tinh thần rộng lượng những nguyện vọng của chúng tôi.

Hơn thế nữa: Ủy ban cũng sẽ gồm hai thành viên độc lập người bản xứ, nghĩa là, về hình thức, không bị lệ thuộc vào chính quyền, như ông Phạm Quỳnh, và những người đồng lõa với ông ta chẳng hạn. Thế cũng chưa đủ. Những thành viên đó sẽ là những người mà lòng trung thành đã được thử thách, nghĩa là khi mẫu quốc cần đến sự đóng góp tiền nong của cô con gái Á châu, thì những kẻ đại diện đó cho nguyện vọng của nhân dân, với một lòng hiếu thảo không gì lay chuyển nổi, sẽ xả thân tuyên truyền đắc lực cho việc tăng thuế, hoặc nặn ra các thứ thuế má đập vào lưng những người An Nam cùng nòi giống với họ. Số còn lại của cái ủy ban đó, không đáng cho người ta nói đến. Mọi người đều biết rõ về những tình cảm đáng khen của những vị đó đối với dân chúng.

Ông có nói rằng, chúng tôi cũng có thể sẽ có đại biểu trong Hội đồng thuộc địa tối cao. Nhưng ngay cách nói của ông cũng khẳng định rằng, chưa có cái gì là chắc chắn cả, rằng đó là một điều có thể có, chứ chưa phải là điều có lẽ sẽ có. Cho tới đây, mọi việc đều tuyệt đẹp. Nhưng cuối cùng, khi ông tuyên bố rằng, nước Pháp sẽ hy sinh đến người lính cuối cùng nếu lá cờ của nó bị đe dọa ở Đông Dương thì, ngoài ý muốn và sự hiểu biết của ông về điều đó, ông đã đứng ra làm người buộc tội nước mẹ của ông, kẻ đã ban đầy ơn cho ông. Thực vậy, ông có vẻ như nói rằng, nước Pháp nắm chắc Đông Dương như nắm chắc cuộc sống của nó, rằng nước Pháp không thể bỏ được cái xứ thuộc địa rộng lớn và giàu có của nó, đó là tất cả đối với nó, là cái gì quí giá hơn cả danh dự của nó, bởi vì, cái danh dự đó, nước Pháp đã

mất nó một lần vào năm 1871 trong cuộc chiến bại, trong khi nó không chịu hy sinh vào đó người lính cuối cùng của nó. Như vậy, thì, chế độ thực dân là một tổng hợp của những thủ đoạn không lấy gì làm lương thiện nhằm bóc lột kẻ yếu, và thuộc địa là một mảnh đất bóc lột rộng lớn, bởi vì nếu những kẻ bảo hộ chúng ta đến với mục đích thực sự làm người dẫn dắt không vụ lợi trên con đường vận mệnh của chúng ta, thì họ sẽ không khỏi giận dữ một cách cao cả, rút đi một cách tự trọng nếu, về phía chúng ta, chúng ta nghi ngờ sự trong sạch của những ý đồ của họ, bằng cách nói với họ những điều ít êm tai. Khi một người giúp đỡ chúng ta một cách vô tư, mà chúng ta lại buộc tội họ là vụ lợi, thì việc làm đầu tiên của họ trong trường hợp đó là xa lìa càng nhanh càng tốt kẻ vong ân bội nghĩa. Tâm lý con người là như vậy đó. Một số người An Nam ranh mãnh muốn thử thách phẩm chất của những kẻ bảo hộ chúng ta: họ công kích chính phủ Pháp bằng lời lẽ phần nào mạnh mẽ. Các nhà giáo dục của chúng ta đã nổi giận, đã dọa bỏ ra đi! Đúng là người ta đã chờ đợi điều đó. Nhưng họ có đủ can đảm để cho lời nói đi đôi với việc làm không? Ồ, không đâu! Sự giận dữ của họ rất mực hiền lành. Họ quá yêu cô con gái nuôi của họ, nên không thể đối xử một cách nhẫn tâm như vậy được. Họ luôn luôn làm ra vẻ như sắp vĩnh biệt xứ Đông Dương, nhưng lại không muốn buông tha nhả nhớm nó ra.

Nhưng thưa ông quan năm dũng cảm, trong khi những kẻ đi chinh phục có quyền và có bổn phận hy sinh đến người lính cuối cùng để giữ lấy một đất nước không phải của họ, thì những người bị chinh phục càng có bổn phận hy sinh đến người cuối cùng để giành lại mảnh đất của cha ông họ, vậy thì ông tính sao? Hay là, ngược lại, ông sẽ xem họ như những người nổi loạn, những người chống Pháp, và dùng những từ khác nữa rập khuôn theo kiểu thực dân, mà chắc ông cũng biết rõ như tôi? Vấn đề chính là ở đó.

Để kết thúc, tôi nhắc lại với ông rằng, nhiều đồng bào của chúng ta không thừa nhận cái uy quyền mà chắc ông tưởng có thể chờ đợi ở những lời lẽ của ông, và họ không chấp nhận đường lối mà lời lẽ của ông muốn vạch ra.

Xin ông quan năm hãy nhận lời chào trân trọng của tôi.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

Báo *L' Annam*, ngày 15–7–1926.
Bản dịch: Phan Gia Bền.

LẠI THÊM MỘT NHÀ KHAI HÓA CẦM DÙI CUI!

Mới đây, một sự việc khá nghiêm trọng đã xảy ra tại bàn giấy Sở Bưu điện Hà Đông (Bắc Kỳ). Một viên Phó Sứ phụ trách việc hộ tại Tòa sứ Hà Đông đến Sở Bưu điện và thấy cửa vẫn còn đóng (lúc ấy là hai giờ trưa), ông ta nổi giận, đi tìm được người phụ trách là dân bản xứ.

– Tại sao đến giờ này vẫn còn đóng cửa?

Người kia rất lễ phép trả lời:

– Thưa ông, hai giờ rưỡi Sở mới mở cửa. Đó là quy định.

– Theo tao đến Tòa sứ! – Người Âu đó giận dữ quát lên trước câu trả lời rất bình thường ấy.

Người phụ trách Bưu điện từ chối không đi. Viên Phó Sứ bèn túm lấy ông ta và biến người dân bản xứ bất hạnh đó thành một đống thịt tươi, máu me nhoe nhét. Thật là một cảnh thương tâm mà các nhân viên Sở Bưu điện đều chứng kiến, hoảng sợ và bất lực.

Để đền bù cho những sự nhục mạ đó, đồng bào của chúng ta đã được cái gì? Chỉ được một sự im lặng tuyệt đối của ông Tổng Thanh tra Bưu điện mà nạn nhân tưởng là cần phải cầu cứu sự bảo vệ.

Ác hại hơn nữa là viên Y sĩ người bản xứ mà ông ta tìm đến, đã khước từ mọi tình cảm tương lân, đoàn kết, không cấp cho ông ta chứng chỉ về những thương tích của ông.

Những cảnh người Pháp hành hung người An Nam, chẳng vì cơn cớ gì, hay chỉ là vì thích hành hung chơi, thường xảy ra luôn. Cách tốt nhất để chấm dứt những chuyện đó là, như một độc giả của chúng tôi đã nói rất đúng "dùng bạo lực đẩy lùi bạo lực" khi nào có thể được. Có lẽ người ta còn nhớ câu tục ngữ này của người An Nam "Đòi được vạ thì má đã sưng". Câu tục ngữ đó lại càng đúng, vì đây không phải là mẹ đẻ, mà là mẹ ghẻ. Kêu gọi tinh thần công lý của một người Pháp khi bị một người Pháp hành hung thì thật chẳng khác gì con cừu sắp bị chó sói ăn thịt lại cầu cứu một con chó sói khác.

Các nhân viên Sở Bưu điện đã tỏ thái độ bàng quan có tội trong vụ này, viên Y sĩ từ chối không chịu hạ một nét bút giúp đỡ người

anh em đồng bào của mình đòi bồi thường, đều có một tư cách thật sự đáng chê trách. Nhưng muốn thay đổi cái tâm trạng đó thì làm gì được. Câu hỏi này có vẻ chứa đựng nhiều khó khăn và người An Nam sẽ chỉ cảm thấy có thể giúp nhau một tay trong công cuộc đấu tranh chống áp bức và chuyên chế khi trong số họ, có bớt công chức đi. Cho nên, cần phải chống lại chế độ công chức trong bất cứ trường hợp nào, vì nó là nguồn gốc sự yếu đuối hiện nay và sự sa đọa tương lai của chúng ta, đó là chưa kể những tai vạ đã qua.

THANH YÊN

Báo *L'Annam*, số 147, *ngày* 21-3-1927.

Bản dịch: Ngô Vĩnh Viễn.

BẮC KỲ TRONG CẢNH LẦM THAN DƯỚI SỰ BẢO HỘ TỐT LÀNH CỦA NƯỚC PHÁP

Thật đáng buồn nhận thấy rằng sau bảy mươi năm đô hộ, Chính phủ bảo hộ đã tỏ ra trì trệ đến như vậy trước những cảnh lầm than của một dân tộc mà chính phủ đó bảo là bảo đảm hạnh phúc. Lúc nào cũng đem ra khoe mấy đoạn đường sắt đã đặt, vài nghìn cây số đường chạy ô tô được mà người ta đã làm, những dinh thự đẹp đẽ cất lên ở các thành phố lớn, đến điện mà nhiều thành phố còn thiếu, như thế chưa đủ.

Tất cả những cái đó là tiến bộ, là văn minh, là sự tiến hóa của dân tộc Việt Nam và nước Pháp thực dân vin vào đó để xưng là "Người giải phóng vũ trụ".

Ta hãy thừa nhận rằng cuộc sống hiện tại với những nhu cầu nhiều mặt của nó, không thể có tất cả những tiện nghi vật chất ấy. Nhưng gạt bỏ sang bên mọi sự vận động cố ý, mọi khẳng định trước, chúng ta nhận thấy rằng các vị bảo hộ chúng ta, trong sự hưởng thụ các lợi ích vật chất đó đã chiếm phần lớn nhất. Và trong số hai mươi triệu người Việt Nam sống trên đất này, ai là người được chính phủ bảo hộ bố thí cho chỗ phúc lợi còn lại? Trước hết là giai cấp những kẻ mới giàu, tức là những kẻ, sau cuộc chinh phục, đã vội vã phục vụ các ông chủ mới. Sau là đến các công chức. Do nghề nghiệp của họ, những người này buộc phải sống ở thành phố và trực tiếp nhận được những cái lợi của văn minh phương Tây mà thật ra người ta cũng bắt họ phải trả giá đắt.

Còn quần chúng nông dân thì chỉ là cái máy đóng thuế, con bò vắt sữa, bầy súc vật người, đời đời kiếp kiếp còng lưng dưới ách và bị đánh, bị đâm tới tấp, máu chảy ròng ròng, làm món ăn cho bầy cá mập thuộc địa.

Từ gần một thế kỷ nay, chẳng những số phận họ không hề thay đổi mà họ còn càng đau khổ thêm vì những thuế mới Chính phủ bảo hộ ngày càng đổ lên đầu họ để nuôi dưỡng bọn tay sai của Chính phủ như những ông hoàng. Liệu Chính phủ đó có thể khoe khoang được là nó đã cải thiện được mặt này hay mặt khác tình cảnh của dân Bắc Kỳ chẳng hạn không?

Các trận lụt ở Bắc Kỳ đã giải đáp dứt khoát câu hỏi đó.

Với cả đội quân kỹ thuật mà Chính phủ xưa nay vẫn khoe khoang tài cán, Chính phủ vẫn chưa giải quyết được vấn đề đê điều. Chính phủ có biết tội xưa kia dành cho các viên quan chịu trách nhiệm về việc vỡ đê không? Thường thường các viên quan đứng đầu một tỉnh có đê bị vỡ là phải lấy đầu mình ra trả cho hàng ngàn sinh mạng bị nước vô tình cuốn đi do sự sơ suất của viên quan đó. Ngày nay, hàng năm người ta tính ra ở đó có tới hàng vạn người là nạn nhân của lũ lụt mà Chính phủ chẳng hề bận tâm gì đến! Thật là ảo tưởng nếu tin rằng tất cả chỗ tiền bạc đã quyên góp được dùng vào việc cứu trợ các nạn nhân. Các viên tỉnh trưởng thường chịu trách nhiệm thu nhận các món quyên góp bằng tiền hoặc hiện vật, đã nghĩ ngay đến ngân sách trước. Nếu có sự thâm hụt do thiên tai thì họ lấy chỗ tiền cứu trợ các nạn nhân đó đem bù vào. Chẳng hạn viên Công sứ tỉnh Hải Dương, viện cớ dân chúng tỉnh này không đóng thuế một năm họ bị nạn lụt, đã đem bỏ vào quỹ Chính phủ bốn mươi ngàn đồng là tiền cứu trợ những người tị nạn. Dĩ nhiên, những viên quan cai trị cỡ ấy thường có những kẻ cộng sự xứng đáng với họ. Năm ngoái, viên Tri huyện Gia Lâm (Bắc Ninh) nhận được lệnh bắt trong huyện phải nộp tre để làm cừ chặn nước lũ từ thượng du đổ về, đã bắt những người dân khốn khổ đó đóng vào quỹ của tỉnh sáu mươi đồng tiền phạt vì đã không nộp tre chiều dài đều nhau.

Sau lũ lụt, nhiều gia đình bị nước cuốn mất nhà cửa, đồ đạc, trâu bò, thóc lúa, đã phải đi ăn mày và cầu bơ cầu bất.

Sau khi nước rút, các nhà không bị lụt cuốn trôi đi thì cũng không ở được nữa. Người ta đứng trước một bãi sình lầy hôi thối, ngổn ngang xác chết và rác rưởi đủ các loại. rồi dịch tả và dịch hạch hoàn thành nốt sự nghiệp của nước, giết nốt những người mà nạn đói chưa giết chết.

Ấy thế mà, trong lúc hàng vạn người An Nam chết đói lăn ra dọc các ngả đường thì những cuộc truy hoan của Chính phủ, tiệc tùng và vũ hội vẫn cứ tiếp diễn như không có chuyện gì khác thường xảy ra. Có thể nói là các vị bảo hộ đang khiêu vũ trên xác những người dân bảo hộ.

Nỗi đau lòng làm ngòi bút tôi phải dừng lại ở đây. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này với những ý kiến bổ ích.

Chính phủ vừa mới ra lời kêu gọi tình nguyện đóng góp để vực đồng "phờrăng" và chuẩn bị phát hành công trái mới. Để ngăn cản việc quyên góp giúp đỡ những người bị lụt có thể làm hại đến việc

quyên góp mà Chính phủ sắp tiến hành cho mình, Chính phủ đã ra thông báo chính thức trên báo chí cho biết rằng từ nay, mọi sự cứu trợ cho người bị lụt đều phải gửi về cho Ủy ban mà Chủ tịch là Bác sĩ Lơ Roa đờ Barơ. Tất cả đồng bào miền Bắc hẳn là đều biết rõ ông Lơ Roa đờ Barơ.

Bất chấp sự cảnh cáo đó, người ta vẫn cứ không chịu nhờ đến những nhân viên trung gian của Chính phủ để giúp đỡ những người bị nạn. Thái độ hoài nghi này của dân bảo hộ đối với những người bảo hộ họ đã được xác minh đầy đủ là đúng. Là vì rằng người Việt Nam, được soi sáng bằng kinh nghiệm của họ, không muốn nuôi béo quỹ Chính phủ mà làm thiệt hại đến những người bị lụt khốn khổ. Mặt khác, họ cũng có kinh nghiệm biết rằng những người bảo hộ họ vốn có thói quen tự gán cho mình những công lao mà chỉ có họ phải bỏ công sức ra mà thôi.

Và họ tin thế nào được cái Chính phủ này vì nhiều đại diện của nó như Công sứ Hải Dương, mà chúng tôi đã nói đến lần trước, chỉ cần nêu một thí dụ đó thôi, đã phạm những tội lừa gạt tệ hại như vậy?

Người Việt Nam chờ đợi gì được ở một Chính phủ chỉ ra sức bóp nghẹt mọi tình cảm đoàn kết của họ?

Chính phủ đã làm cho họ hoàn toàn mất lòng tin vì những thủ đoạn không trung thực của mình. Chẳng hạn, ai không biết Chính phủ đã tung rất nhiều mật thám theo dõi những người Việt Nam đi phát chẩn cho các làng bị lụt. Người ta đã thấy có những tên mật thám cải dạng làm lái đò...

Do bọn mật thám đó hầu hết đã bị lột mặt nạ, nên Chính phủ cuối cùng đã đưa ra một tên nữ mật thám, theo ý các vị bảo hộ của chúng ta, tên nữ mật thám này là một con người hoàn hảo đối với chúng ta, vì ả tự giới thiệu là con gái một thủ lĩnh quân sự ghê gớm. Để thành công tốt đẹp trong tấn hài kịch này, các nhà chức trách Pháp đã trả tiền rất hậu hĩ những ảnh chụp cảnh lụt lội mà ả đó chịu trách nhiệm đem bán.

Người Việt Nam không thể tin cậy ở Chính phủ được ngay cả khi Chính phủ muốn thành thực làm điều tốt cho họ. Nói chung, Chính phủ rất bận, nên trao việc cho những kẻ cộng sự thiếu lương tâm. Và Chính phủ đã làm như vậy trong việc ban phát cứu trợ cho những người bị lụt.

Thí dụ, ở tỉnh Thái Bình, Ủy ban Cứu trợ gồm toàn những người thuộc cùng một dòng họ. Ở Bắc Kỳ, ai ai cũng công phẫn về sự lựa

chọn đó, nó đã gây ra những chuyện hà lạm hết sức đáng tiếc. Bên cạnh những kẻ lợi dụng nạn đói đó, còn những người Việt Nam tìm cách, không hiểu tại sao, hay nói cho đúng hơn, người ta hiểu rõ quá, chống lại mọi biểu hiện đoàn kết của đồng bào họ.

Thí dụ, hai Ủy viên Hội đồng thành phố Hà Nội, những người làm báo nổi tiếng, đã thẳng tay gạt một đề nghị đưa ra với họ nhằm thành lập một Ủy ban Cứu trợ những người bị nạn lụt. Dư luận buộc tội họ là đã nhận được lệnh của Chính phủ phải cản trở mọi hành động từ thiện có thể đạt mất một phần kết quả dự tính cho việc cứu vãn đồng "phơrăng" hay công trái sắp phát hành, để đem làm lợi cho dân bản xứ. Như vậy là những người đó phải chịu trách nhiệm về cái chết của hàng ngàn nạn nhân hiện nay của tỉnh Thái Bình.

Độc giả có thể nhận thấy, qua hai bức ảnh đăng ở bên cạnh bài báo này, dân tộc Việt Nam sống dưới sự bảo hộ của nước Pháp thực dân có nguy cơ bị tiêu diệt vì những tai họa chồng chất.

Hỡi đồng bào miền Nam! Không để anh em chúng ta ở miền Bắc chết đói!

Lần này hãy chú ý đừng để cho tiền quyên góp của các bạn rơi vào quĩ của Chính phủ!

Cho đến nay nền kỹ thuật Pháp đã tỏ ra hoàn toàn bất lực trước những vụ nước lũ của sông Hồng.

Đây là cả một vấn đề, và chúng tôi đồng ý là một vấn đề vào loại gay go nhất: tìm cách ngăn chặn những vụ lụt thường kỳ ở xứ Bắc Kỳ. Những khó khăn của vấn đề này chủ yếu là thuộc về phương diện địa lý.

Sông Hồng từ một độ cao 2.500m đổ xuống và không có, như sông Mê công, một cái gì để điều hòa như kiểu hồ Tônglê Sáp. Lũ sông Hồng dữ dội và nhanh đến mức có thể cuốn phăng đi hết thảy. Và chẳng có gì cho phép dự liệu được rằng tình hình này sẽ thay đổi trong một tương lai gần gụi. Các công trình bảo vệ hiện có chỉ là những kế tạm bợ.

Kỹ thuật bác học của Pháp cũng chẳng làm gì được hơn chủ nghĩa kinh nghiệm cổ truyền của Việt Nam. Về lý thuyết, nó đề ra khá nhiều giải pháp, nhưng trên thực tế nó chỉ có làm mỗi việc duy trì các đê điều do Chính phủ Việt Nam xưa kia đã đắp. Tình hình thảm hại này một mặt là do sự bất tài của các kỹ sư Pháp và mặt khác, do thiếu phương tiện vì những lãng phí trắng trợn đã ngốn hết mọi thu nhập của ngân sách.

Chính phủ đã cho tra cứu nguồn gốc của tai họa này và Nha Lục lộ đã đề nghị một số phương sách.

Người ta qui tội cho việc phá rừng quá đáng ở thượng du Bắc Kỳ và ở Vân Nam đã gây ra lũ liên tiếp ở triền sông Hồng. Tóm lại, người ta nói vậy, tai họa là do phá rừng mà ra, phải cứu vãn bằng cách trồng rừng lại. Nhưng khi muốn đi vào con đường đó thì người ta đã dừng lại trước những lý do mâu thuẫn nhau. Người ta nói rằng trồng rừng lại là ít có hiệu quả vì xưa kia ở Pháp người ta đã ghi nhận có những vụ lũ hết sức dữ dội mặc dầu núi non vẫn còn rừng. Nhưng tình hình hai bên không giống nhau. Sông Hồng là một con sông miền núi theo cái nghĩa nó chảy qua vùng thượng du Trung Hoa - Việt Nam trước khi tới vùng châu thổ Bắc Kỳ. Ở Pháp, các vụ lụt lớn hầu hết là do độ thấm nước của đất đai, do đất hút nước quá nhiều đến mức không còn hút được nữa, giống như một mảnh vải bông vậy. Còn lũ sông Hồng thì lại do các thác cung cấp nước cho nó gây ra.

Mặt khác, muốn trồng rừng lại các núi non miền Vân Nam, nơi sông Hồng chảy qua, cần phải có sự đồng ý của Chính phủ Trung Quốc.

Khó khăn thứ hai này, theo ý chúng tôi, không phải là không thể khắc phục được. Nước láng giềng phía Bắc của chúng ta sẽ chẳng có lý do chính đáng nào để phản đối một công việc có tính chất đơn thuần kinh tế mà bản thân họ cũng được lợi do chỗ việc đó sẽ bảo đảm an toàn cho đồng bào của họ sống dọc châu thổ Bắc Kỳ. Còn dân Vân Nam trực tiếp bị thiệt thòi vì bị cấm không được tự do đốn gỗ, thì có thể dễ dàng làm họ hài lòng được bằng cách, với sự đồng ý của Chính phủ Trung Quốc, cấp cho họ một món tiền bồi thường hàng năm do ngân sách Đông Dương trả.

Giải pháp thứ hai được đề nghị là xây dựng những hồ chứa nước. Nhưng, các nhà bảo hộ của chúng ta nói vậy, đó là những công trình hết sức tốn kém và cách điều hành các hồ chứa nước này rất khó khăn. Ta hãy cứ tạm chấp nhận các lý lẽ đó, mặc dầu chúng mơ hồ và chẳng lôgíc mấy, vì như một Thượng Nghị sĩ đã đề nghị mới đây, ta có thể sử dụng một vài lưu vực như lưu vực sông Đà, đó là một nơi chứa nước tự nhiên sẵn có vì sông chảy giữa hai triền núi rất gần nhau.

Giải pháp thứ ba là tu bổ hai chi lưu của sông Hồng là sông Đáy và sông Đuống. Nhưng sông Đáy dài hơn sông Hồng kể từ chỗ hợp lưu cho đến cửa sông và Chính phủ ưng để nó y nguyên vì công trình tu bổ, theo Chính phủ, sẽ tốn tiền. Còn sông Đuống vốn chảy ra biển nhanh hơn thì người ta e ngại, một mặt sẽ làm cho cảng Hải Phòng bị ứ nhiều bùn quá, mà cảng này thì vốn đã nhiều bùn rồi; mặt khác sông Hồng có thể bất thần đổ nước sang dòng mới. Chuyện này đã từng xảy ra với sông Hoàng (Trung Quốc), năm 1853 đã làm vỡ đê.

Giải pháp thứ tư là đào rất nhiều kênh lạch ở khắp châu thổ, dùng các kênh lạch đó là nơi chứa nước sông Hồng trong mùa lũ. Nhưng người ta bảo làm như thế rất khó khăn.

Vậy còn lại giải pháp cuối cùng là đắp đê. Đó là giải pháp cổ truyền. Trước khi người Pháp tới, người Việt Nam đã biết phương pháp phòng vệ này rồi.

Về công việc đắp đê, chúng tôi xin phép độc giả kể lại câu chuyện sau đây:

Năm ngoái, tại Hà Nội, nước sông Hồng lên nhanh, đe dọa tràn qua đê. Các nhà bảo hộ của chúng ta đi ô tô đến rất đông để tò mò nhìn mức nước sông lên, đã bắt các người Việt Nam qua đường, cùng với những người phu đang làm việc ở đó phải khuân những tảng đất đến đắp cho đê cao lên.

Một bài học dân chủ hay một biện pháp tiết kiệm? Đây là một biện pháp tiết kiệm vì những người bị đi phu nhất thời đó không được trả công. Tốt lắm, nhưng vậy thì phải trưng dụng tất cả dân chúng Hà Nội không phân biệt màu da, da trắng cũng như da vàng, mới được.

Ông bạn đồng nghiệp *L'Argus* [1] của chúng tôi đã có ý nghĩ hào hiệp là phản đối sự bóc lột đáng xấu hổ này. Ông nói rằng ông sẽ sung sướng được thấy tất cả người Pháp cũng tham gia vào công việc lao dịch đó, vì như thế công bằng hơn.

Sau hết, tổ chức một hệ thống phòng vệ hữu hiệu chống lại nước sông Hồng không phải là việc không thể làm được; nhưng Chính phủ

---

1. *L'Argus Indochinois* (*Con trĩ Đông Dương*) là một tờ báo do A. Clêmăngti làm chủ nhiệm, một thời gian có xu hướng tiến bộ

bảo hộ của chúng ta cho rằng tất cả các giải pháp đã được đề nghị đều là quá tốn kém cả và chẳng tìm được biện pháp nào hay hơn là bằng lòng với những con đê cổ lỗ của chúng ta, và những con đê này để chế giễu kỹ thuật Pháp, đã giở trò năm nào cũng vỡ chơi.

Không có tiền để bảo vệ người Việt Nam chống lại lũ lụt hằng năm đã giết chết hàng ngàn người, nhưng lại có tiền cho những cuộc viễn chinh sang Xiri và Marốc, cung cấp vũ khí, đạn dược cho T'ang K'i Yao, xây dựng một nhạc viện, mở những cuộc vũ hội và đủ thứ hội hè dưới con mắt hấp hối của một dân tộc đang chết dần chết mòn vì đói... Không cần phải bình luận, có phải không?

THANH YÊN

Báo *L'Annam*, số 151, 152, 154,
ngày 4-4, 7-4 và 14-4-1927.
Bản dịch: Ngô Vĩnh Viễn.

PHÁP ĐÌNH TRUNG CỔ CỦA PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG

Ở thế kỷ XX, và sau một nửa thế kỷ khai hóa của nước Pháp, chúng ta đang chứng kiến, trên đất nước đầy phước lành của Đông Dương, sự tái sinh hay tiếp tục tồn tại của chế độ hình phạt cổ xưa của Việt Nam. Chẳng cần phải trở lại thời gian xa trước đây trong quá khứ, dưới đây là một số bằng chứng chỉ gần đây thôi:

1. B.D., đúng sai không biết, đã bị bắt rồi, bị Tòa án của quan lại kết án chín năm đi đày. Bố anh ta, chỉ vì mỗi tội là bố của anh ta, – xin độc giả đừng cười – đã bị bắt giam nhiều tháng để phòng ngừa và kết án bị đánh đòn bằng roi mây, có thể chuộc bằng tiền.

Xin đừng cãi rằng, nếu quả có như vậy, thì chỉ nên bực mình với công lý của quan lại. Nhà nước bảo hộ chẳng liên-can gì hết! Vì các quan Việt Nam chỉ là những con rối do các nhà bảo hộ của chúng ta giật dây và họ không thể làm việc gì mà không có lệnh hay sự đồng ý của các nhà bảo hộ đó. Với lại, hai thí dụ dưới đây chứng tỏ rằng các nhà khai hóa của chúng ta có liên can trực tiếp, cũng bất công chẳng khác gì các quan ta, những công cụ ngoan ngoãn của họ.

2. Một người Bắc Kỳ, ông Phạm Tất Đắc có viết một cuốn sách bị xem là có tính chất chống Pháp và cách mạng: "Chiêu hồn nước". Chẳng những họ bắt tác giả cuốn sách mà các ông chủ của chúng ta còn định đưa bố ông ta ra Tòa nữa... Nhưng vì ông cụ đáng kính trọng đó đã có một thái độ kiên quyết và dũng cảm nên các vị Phán quan Trung cổ của chúng ta đã phải đầu hàng và thả cụ ra.

3. Nhà nước bảo hộ vốn nhát như cáy, sợ những cuộc bãi khóa mới và có thể cả một cuộc tổng nổi loạn (?!) của trẻ em Việt Nam ở Trung Kỳ, đã quyết định học sinh nào không ở với bố mẹ, thì mỗi người phải có một người liên lạc chịu trách nhiệm, bằng đơn viết hẳn hoi, về hạnh kiểm của đứa trẻ.

Trên thế giới, có nước "văn minh" nào ngoài xứ Đông Dương thuộc Pháp ra, mà bố mẹ lại bị trừng phạt vì hành vi của con cái mình đã trưởng thành, mà các người liên lạc lại phải nhận trách nhiệm về hạnh kiểm của học sinh? Quả thật sứ mệnh khai hóa của nước Pháp thì chỉ có bọn theo "chủ nghĩa đề huề" mới tin được mà thôi!

Báo *L'Annam* số 162, ngày 16-5-1927.
Bản dịch: Ngô Vĩnh Viễn.

TÂM TRẠNG MỚI CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

Gần đây có tin từ Bắc Kỳ và Trung Kỳ cho chúng tôi thấy rằng ở hai xứ đó của Liên bang, đang hiện lên một tâm trạng mới. Đó là hai bộ phận của Liên bang bị đau khổ nhiều nhất vì chủ nghĩa thực dân cầm dùi cui được tô điểm bằng cái tên rất kêu là "bảo hộ". Sự áp bức ngày càng nặng nề mà họ là nạn nhân cuối cùng đã đẩy đồng bào miền Bắc và miền Trung phản ứng lại, đúng vào lúc sự thức tỉnh của các dân tộc châu Á kêu gọi họ đấu tranh cho tự do.

Vào lúc này, cuộc đấu tranh nhất định là không cân sức rồi. Những kẻ chinh phục được vũ trang đến tận răng, còn những người bị chinh phục thiếu tất thảy.

Trong cuộc đấu tranh xã hội, cái chính là sự tổ chức nhau lại. Vậy mà chúng ta lại thiếu tổ chức và lý do là thái độ vô tâm của chúng ta.

Dẫu sao thì cũng đã có những dấu hiệu rõ ràng cho thấy người Việt Nam bắt đầu thoát ra khỏi tình trạng mê ngủ của họ.

Mới đây, một số đông dân chúng Hà Nội đã tới biểu tình trước cửa một tờ báo bằng tiếng Việt do bọn tay chân chuyên nghề khiêu khích được Chính phủ thuê tiền tung ra.

Trước đó ít lâu, dân chúng Trung Kỳ, trong khi bầu Viện Dân biểu, đã từ chối không bỏ phiếu cho các ứng cử viên của Chính phủ mặc dầu Chính phủ đã vận động rầm rộ cho bọn này, và đã dành phiếu cho những cựu chính trị phạm và những người "không có mề đay" như họ vẫn gọi.

Những sự việc trên đây, tuy không quan trọng, nhưng không phải là không chứng tỏ rằng ngày nay người Việt Nam đã bắt đầu có ý thức về bản thân mình.

Mong sao nửa đường không quay lui.

THANH YÊN

Báo *L' Annam*, số 163, ngày 19-5-1927.

Bản dịch: Ngô Vĩnh Viễn.

CHẾ ĐỘ KỲ LẠ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Tất cả các thể chế của thực dân đều nhằm vào cùng một mục đích: nô dịch hóa các dân tộc bản xứ. Để bênh vực lợi ích của chế độ thực dân, mọi biện pháp đều tốt. Chúng ta thấy một thí dụ nổi bật trong chế độ kỳ lạ của trường Đại học Hà Nội.

Trường này, ta có thể gọi nó là trường dạy làm nô lệ. Chỉ cần xem cách tổ chức và hoạt động của nó là đủ thấy rõ thủ đoạn quỉ quyệt của Chính phủ bảo hộ của chúng ta.

Các thanh niên được nhận vào trường Đại học Hà Nội đều là những người được Chính phủ cấp học bổng, họ giàu hay nghèo cũng vậy.

Tại sao lại có sự lẫn lộn đó? Chế độ dân chủ Pháp mà! Có những người ngây thơ nghĩ vậy, trong đồng bào chúng ta vẫn còn có nhiều người như thế. Bạn có suy nghĩ về điều đó không? Nếu các nhà bảo hộ của chúng ta dân chủ đến như vậy thì lẽ ra họ đã phải bắt đầu bằng việc hủy bỏ chế độ quân chủ và chế độ quan lại ở Trung Kỳ rồi. Nhưng họ hoàn toàn không làm thế. Lý do là vì vua quan, đối với họ, là những công cụ quí báu để áp bức nhân dân. Sự thực là khi cấp học bổng cho sinh viên, Chính phủ đã khóa tay họ lại.

Bất cứ người Việt Nam nào muốn xin vào học một trường gọi là Cao đẳng đều phải đồng thời xin cấp học bổng. Nếu đơn của anh ta được chấp nhận thì anh ta phải làm giấy cam kết phục vụ Chính phủ ít nhất 10 năm kể từ sau khi ra trường, nếu không bắt buộc phải trả lại tiền phí tổn trợ cấp cho anh ta ăn, học khi ở trường.

10 năm đâu phải là suốt đời! Vả chăng làm công chức vẫn còn là mơ ước của nhiều đồng bào chúng ta. Thế là họ mắc bẫy.

Ảo tưởng tươi đẹp đó chẳng bao lâu tan vỡ! Khi đã được nhận là sinh viên, được trợ cấp học bổng của trường đại học, người thầy thuốc tương lai hay ông giáo sư tương lai phải chịu đựng đủ mọi thứ nhục nhã và phiền hà của các giám thị người Pháp, phần lớn là những tên thô bạo hỗn láo như gấu mà lẽ ra các nhà khai hóa của chúng ta nên để lại ở vùng núi Pyrênê thì hơn [1]. Và anh ta bị giám sát một cách bỉ

1. Pyrênê: Núi ở miền Nam nước Pháp, có nhiều gấu.

ổi, mọi lời lẽ của anh ta đều bị ghi lại cẩn thận. Anh ta bị cấm không được trò chuyện với sinh viên ngoại trú, nếu không, sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc.

Tại sao lại có cái chế độ nội trú khả nghi ấy? Chỉ là để ngăn cản các đồng bào trẻ tuổi của chúng ta khỏi hướng về cái sân khấu đang quyết định số phận của các dân tộc Viễn Đông. Chế độ bỉ ổi vẫn tồn tại, mặc dầu đã có những lời phản đối của viên cựu Tổng Giám đốc Học chính Giubanh.

Thật ra đây là chế độ giam cầm chứ không phải chế độ nội trú.

Sau các cuộc biểu tình của sinh viên ủng hộ Phan Bội Châu, người ta đọc thấy trên tờ *Đông Dương Cộng hòa (Indochine républicaine)* những lời khuyên nhủ về việc tổ chức an ninh nội bộ của trường đại học mà sinh viên ở đó, người ta ám chỉ như vậy - có thể là bị thanh niên Trung Hoa lôi kéo!

Phải chăng người ta không biết rằng trong các cuộc biểu tình đó của ý thức dân tộc, trên hết thảy, có một nhân tố không thể phủ nhận được: Nhân loại cứ tiến lên, bất chấp những con người độc ác tìm cách ngăn trở sự tiến hóa của nó.

THANH YÊN N.K.T.

Báo *L'Annam*, số 164, ngày 23-5-1927.

Bản dịch: Ngô Vĩnh Viễn

CĂN BỆNH LÀ CHẾ ĐỘ THỰC DÂN

Có những chân lý hiển nhiên và đơn giản đến nỗi người ta phải tự hỏi không biết có đáng nói lên không. Nhưng có lẽ chính vì những chân lý đó hiển nhiên quá và đơn giản quá, nên một số người hình như không biết đến, vì thế lòng ngay thật của họ có thể bị những ngụy biện của những kẻ xấu bụng lừa gạt. Cái chân lý nhỏ bé mà tôi sắp nói ra đây là thuộc loại các chân lý đó. Tôi sẽ nêu nó lên, dĩ nhiên không phải để thuyết phục các nhà bảo hộ của chúng ta và bọn theo chủ nghĩa "Pháp – Việt đề huề"... chuyên nghiệp, mà là để đồng bào chúng ta vốn bị nhồi sọ mạnh mẽ, có thể mắc những ảo tưởng tai hại – biết mà đề phòng.

Khi tôi nghe thấy họ than phiền về những hành động xấu xa của bọn thực dân cầm dùi cui, bọn này hằng hà sa số, tôi e rằng một số đồng bào chúng ta đã không đi sâu đến cùng ý nghĩ của mình và không rút ra từ những nỗi đau khổ của mình những kết luận bao hàm trong đó. Tôi không thể không hỏi họ: "Các bạn than phiền về những hành động xấu xa của những người tự xưng là khai hóa cho chúng ta. Bạn nghĩ chúng ta phải tự làm gì?". Hầu như lần nào các câu người ta trả lời tôi cũng rút lại là như sau: Bọn thực dân áp bức và bóc lột chúng ta. Chúng ta hãy đuổi chúng đi hay ít ra cũng yêu cầu người ta đuổi chúng đi và thay thế chúng. Sabachiê là một tiểu bạo chúa khát máu và dâm ô: ta hãy yêu cầu người ta trừng phạt nó, và cử đến Đắc Lắc một viên Công sứ Pháp khác. Cônhắc là một tên làm giấy bạc giả và phung phí của công, tức là các đồng tiền Đông Dương: ta hãy yêu cầu một viên Toàn quyền lương thiện và liêm khiết. Bôđoanh khủng bố những người Khơme đáng thương và cho tay chân hãm hiếp những cô gái Cao Miên xinh đẹp để thu thuế cho đủ: hãy tống cổ nó đi đày và cử một Thống sứ khác tới Cao Miên. v.v..

Hỡi ơi! Những câu trả lời đó cho thấy có nhiều sự ngây thơ, nếu không phải là một sự lầm lạc nghiêm trọng của lẽ phải thông thường. Những người nói như vậy có vẻ tin rằng những tệ nạn làm chúng ta đau khổ chỉ có nguyên nhân duy nhất là lòng tham lam và tính độc ác của bọn thực dân cầm dùi cui. Theo ý họ thì chỉ cần gạt bỏ bọn Sabachiê, Cônhắc, Bôđoanh và bè lũ ra khỏi Đông Dương là tiêu diệt được hết mọi bất công mà người bản xứ là nạn nhân; chỉ

cần thay thế "các nhà khai hóa vô lương tâm vô đạo đức" bằng những nhà khai hóa chân chính thành thực, công bằng, thật sự muốn điều hay điều tốt cho dân tộc bị chinh phục là đủ để biến chính phủ thực dân thành một chế độ lý tưởng đem lại cho chúng ta hạnh phúc tối đa có thể mong muốn được. Nhưng, chỉ cần những người đề ra ý kiến sai lầm đó bình tâm suy nghĩ một lát và nhất quán với bản thân mình là nhất định họ sẽ lên án ý kiến đó.

Các bạn tưởng rằng thay thế những tên thực dân tham tàn và bất công là sẽ chấm dứt được những tệ lậu sao? Thật là không tưởng! Ai bảo các bạn rằng chính những kẻ thay thế lại không phải là những tên thực dân còn tham tàn và bất cộng hơn cả những tên thực dân mà chúng thay thế? Các bạn yêu cầu thay thế Sabachiê, Bôđoanh, Cônhắc ư? Nhưng các viên quan cai trị kế tục chúng chẳng phải sẽ là hoặc là trở thành những kẻ chẳng thua kém gì bọn tiền nhiệm sao? Theo tôi thì rất có thể là như vậy. Khi người ta là ông chủ tuyệt đối, nắm quyền hành không có gì kiểm soát được một cách hữu hiệu, tại một tỉnh heo hút trong dãy Trường Sơn thì làm thế nào mà cưỡng lại được sự cám dỗ làm một tên tiểu bạo chúa khát máu và bạo dâm? Một tên quan cai trị khác biết đâu cũng sẽ chẳng làm giống như Sabachiê? Tôi biết là cũng có những siêu nhân, những siêu nhân hiếm lắm. Vả lại, bản thân các bạn hãy thành thật tự hỏi lòng, ở vào địa vị Sabachiê, các bạn liệu có phạm những tội ác đó không? Biết thế nào được? Nếu bạn được tự do bốc tiền trong quĩ đầy ắp giấy bạc không phải do bạn đổ mồ hôi trán ra mới có được thì bạn sẽ làm gì?

Vậy thì ta hãy căm thù bọn Sabachiê, Cônhắc, Bôđoanh và tất cả những kẻ bóc lột, áp bức chúng ta, chúng ta hãy đấu tranh chống lại chúng trong phạm vi khả năng của chúng ta, nhưng chớ có quên rằng không phải thay đổi người mà chấm dứt được chế độ. Con người ta ai cũng như ai, đặt vào hoàn cảnh, môi trường như nhau, họ sẽ có những hành động giống nhau và những tội lỗi giống nhau hoặc gần như thế. Bản thân A. Varen, người được người ta ca ngợi tinh thần xã hội chủ nghĩa và việc ông ta lên cầm quyền đã gây nên bao niềm hy vọng, tuy rằng nói cho đúng, ông ta chỉ là cựu đảng viên xã hội, ông ta đã làm được gì, nếu không phải chỉ là những cải cách chuột nhắt?

Vậy ta hãy ghi lại: căn bệnh chính là chế độ thực dân! Chính nó là nguồn gốc sâu xa của mọi nỗi đau khổ của chúng ta. Trong khi đấu tranh chống lại mọi sự lộng hành mà nó sản sinh ra, trong khi đấu tranh chống lại bọn thực dân cầm dùi cui, ta chớ quên rằng nguyên

nhân chủ yếu, cái chịu trách nhiệm chính về những đau khổ của chúng ta, chính là chế độ thực dân. Cuộc đấu tranh chống mọi lộng hành và bọn thực dân cầm dùi cui là cần thiết và đúng đắn, nhưng chừng nào chúng ta chưa nhổ bỏ được nguyên nhân thật sự thì chúng ta vẫn chưa tiêu diệt được triệt để những sự bất công mà chúng ta đang than phiền.

Chỉ bằng lòng với việc yêu cầu thay người là không đủ, vả lại, làm thế là mặc nhiên chấp nhận chế độ người ta áp đặt cho chúng ta. Một nhà luân lý nói rằng tai họa lớn nhất do cảnh nô lệ gây ra là nó làm chính nạn nhân của nó lại yêu quý nó. Con chó trong bài ngụ ngôn, khi khoe khoang những cái êm ái của cuộc sống của nó với con chó sói gầy rạc, cho thấy rằng nó thích cảnh nô lệ hơn tự do. Chẳng lẽ chúng ta lại như nó?

Báo *L'Annam*, số 165, ngày 30-5-1927.

Bản dịch: Ngô Vĩnh Viễn.

GIAI ĐOẠN THỨ HAI CỦA NHIỆM KỲ TOÀN QUYỀN CỦA ÔNG VAREN

Phó vương Varen đã trở lại cầm đầu Chính phủ thuộc địa. Từ khi Đông Dương bị tai họa mất độc lập, việc lên cầm quyền của một viên Thống đốc kiểu La Mã cổ đại là một trong những sự kiện chính nếu không phải là một trong những sự kiện lớn nhất trong đời sống của nó là một đất nước bị chinh phục. Việc "tái đăng quang" của Varen như vậy là đáng để chúng ta nói tới và rút ra những bài học của nó.

Trước hết cần có nhận xét: sự khác nhau giữa lần đổ bộ thứ nhất và lần đổ bộ thứ hai của ông Varen lên đất Đông Dương. Ai không nhớ niềm hy vọng và phấn khởi đã đón tiếp cái tin ông ta đến cai trị, năm ngoái? Kế tục tên Meclanh lạc hậu là một đảng viên xã hội, mà lại là một đảng viên xã hội chiến đấu - một số báo chí nào đó dễ hy vọng đã không bỏ lỡ cơ hội nhấn mạnh điều này. Than ôi! Nhà xã hội chủ nghĩa đó đã chẳng xã hội hóa cái gì ở Đông Dương; nhà hoạt động đấu tranh này đã chẳng đấu tranh gì hết cho dân bản xứ! Chúng ta còn nhớ rằng khi đến thăm Trụ sở sinh viên Việt Nam ở Hà Nội, đáp lại bài diễn văn của sinh viên, một bài diễn văn bị các nhà bảo hộ của chúng ta nhận định là có tính chất phiến loạn, nhà hoạt động đấu tranh này đã giở bộ mặt dữ tợn mà đe rằng: "Tôi không có sợ những tư tưởng cực đoan cũng như những lời lẽ dữ dội! Tôi đã từng là một người hoạt động tranh đấu!".

Khi ông Varen lần đầu tiên đặt chân lên đất nước chúng ta, một đám đông đã phấn khởi tiếp đón ông ta; từ khắp nơi khắp chốn của xứ Nam Kỳ, những đại diện có đủ tư cách ít hay nhiều của tầng lớp trí thức bản xứ đã kéo về Sài Gòn và họp nhau tại dinh Toàn quyền để trình với ông ta một bản nguyện vọng. Bằng chứng không thể chối cãi được về niềm tin tưởng của đại đa số nếu không phải là của toàn thể người Việt Nam đối với ông ta. Than ôi! Kinh nghiệm cho thấy rằng niềm tin đó đặt không đúng chỗ, hy vọng đó là không có cơ sở. Không có một nguyện vọng nào được thỏa mãn cả.

Ngày nay khi ông Varen trở lại với chúng ta, thì việc ông ta trở lại đã diễn ra trong sự thờ ơ lãnh đạm chung. Ngay cả bọn "đề huề" cũng không tỏ ra hoặc không dám tỏ ra hí hửng, sợ làm mọi người ngạc nhiên và không ai hưởng ứng. Ông Toàn quyền đã được dân

chúng đón tiếp rất lạnh nhạt. Chỉ có các đại biểu chính thức đi đón và chúc mừng ông ta mà thôi.

Ông Varen đáng được đối xử lạnh nhạt như thế. Thật vậy, cho đến nay, ông ta đã làm được cái gì? Ông ta đã tự khoe khoang về mình rất nhiều ở Nghị viện và ở Hội Nhân quyền. Cứ nghe ông, tưởng đâu như ông đã thiết lập được sự trị vì của Công bằng ở Đông Dương và mọi sự ở thuộc địa đều tốt đẹp hết sức. Sự thật là ông ta đã chẳng làm gì cho dân bản xứ. Hay nói cho đúng hơn, ông ta có làm vài cuộc cải cách quan trọng đến nỗi người ta đặt tên là những "cải cách chuột nhắt"; người bản xứ được vào ngạch Tây nếu có học vị của chính quốc; đưa chế độ chính trị vào các nhà tù (!). Cần chú ý là cải cách này chỉ được áp dụng ở Nam Kỳ. Còn ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, tù chính trị vẫn bị nhốt cùng xà lim với tù thường phạm. Hơn nữa, họ còn bị ngược đãi hơn. Những cải cách khác thì mới chỉ là dự án, chẳng hạn việc cải tổ các trường Luật và trường Y khoa ở Hà Nội và các trường phổ thông.

Cải cách quan trọng nhất, nếu quả đó là cải cách, đã ra đời dưới triều đại trị vì của ông Varen là... thuế tiêu dùng 2%. Chắc hẳn mọi người sẽ phải đồng ý với chúng tôi rằng cái đó không hề nhằm phục vụ cho hạnh phúc của dân Đông Dương.

Vị Toàn quyền cựu đảng viên xã hội đó không ngừng tuyên bố, cũng phải nói là rất khéo léo, rằng giai đoạn thứ nhất của sự trị vì của ông ta hoàn toàn được dành cho việc nghiên cứu các vấn đề Đông Dương và phải đợi đến giai đoạn thứ hai mới có được các giải pháp cho các vấn đề đó. Bây giờ giai đoạn thứ hai đã bắt đầu rồi! Hỡi các vị "để huề" và những kẻ ủng hộ Varen, các vị hãy chờ đón những thay đổi lớn lao và hãy chuẩn bị ca ngợi những thay đổi đó cho xứng đáng! Miễn là các vị không phải cất tiếng ca tụng những cải cách chuột nhắt khác!

Tuy nhiên, cho phép chúng tôi được hoài nghi. Trước hết, ông Varen là cựu đảng viên xã hội, vì ông ta đã bị đảng của ông ta khai trừ rồi. Sau nữa, chế độ thực dân là một cái gì vô luân lý và hủ bại đến mức nó làm hư hỏng tất cả những gì nó đụng chạm đến và tất cả những ai dính dáng đến nó. Cuối cùng, có biết bao sức ỳ và thế lực phản động cản trở sự tiến bộ của xứ thuộc địa này, nên người ta có thể tin được rằng các cuộc cải cách là không thể thực hiện được và vô hiệu quả, dù cho ông Varen có thực lòng và kiên quyết muốn cải thiện số phận dân bản xứ. Muốn thắng các sức ỳ và thế lực phản

động đó đang chống lại sự giải phóng của chúng ta, sự tiến hóa không ăn thua gì mà phải cần có cách mạng.

Chúng ta không còn mắc lừa những lời phỉnh phờ, những lời hứa hẹn của những bài diễn văn chính thức nữa. Chúng ta không chia sẻ sự lạc quan ngây thơ hay vụ lợi của bọn "đề huề". Chúng ta đã quyết định khước từ những ảo tưởng giả dối, dù cho những ảo tưởng đó êm ái và an ủi chúng ta đến đâu đi nữa. Chúng ta không còn hy vọng rằng sự bóc lột và áp bức dân bản xứ sẽ chấm dứt ở xứ thuộc địa này chỉ vì có một ông Toàn quyền này đứng đầu chứ không phải ông khác! Chúng ta chỉ chấm dứt được những sự lộng hành, chỉ hưởng đầy đủ các quyền của chúng ta bằng sự giải phóng! Nhưng các ông chủ của chúng ta sẽ không bao giờ tự ý ban cho chúng ta sự giải phóng đó!

H.

Báo *L' Annam*, số 166, ngày 2–6–1927.
Bản dịch: Ngô Vĩnh Viễn.

CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN Ở ĐÔNG DƯƠNG

Xin đừng chờ đợi các dòng chữ dưới đây là một công trình nghiên cứu bác học và tinh vi mà chúng tôi khiêm tốn tự nhận là không đủ sức làm, vả chăng về đề tài này cũng không thể làm một công trình nghiên cứu như thế được. Những nhận xét xoàng xĩnh các bạn sẽ đọc, ai cũng có thể có được, miễn là có tí chút lẽ phải thông thường, là cái phổ biến nhất, theo Đềcáctơ, và một chút thiện chí, một cái rõ ràng là hiếm hoi hơn nhiều. Sở dĩ chúng tôi quyết định nói những nhận xét đó là vì, con người ta căn bản vốn độc ác, trái với *Tam tự kinh*, thiện chí đó thường bị bóp nghẹt và cái lẽ phải thông thường đó cũng bị cái lợi và tình cảm làm sai lạc đi.

Chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương! Quả là một đề tài thời sự. Một số nhà bảo hộ của chúng ta phải luôn luôn sởn da gà đó sao, chỉ vì, trong cơn sợ hãi thường xuyên của họ, họ coi bất cứ người dân bản xứ nào cũng là người triệt để ủng hộ chủ nghĩa bônsêvích? Đối với họ, sự đô hộ của người Pháp đang bị một cuộc nổi dậy sắp nổ ra đến nơi đe dọa, vì chẳng bao lâu nữa lá cờ đỏ của chủ nghĩa cộng sản Đông Dương sẽ giương lên, báo hiệu sự giải phóng 20 triệu nô lệ! Có những kẻ khác, khôn ngoan hơn, không tin chuyện đó cũng chẳng khác gì dân vô đạo không tin ở Hoài thai trinh khiết, [1] nhưng vẫn cứ sử dụng nó làm ngoáo ộp tiện lợi cho việc dọa dẫm những kẻ cả tin ở chính quốc, làm một cái cớ dễ dãi để chứng minh cho sự độc ác và chuyên quyền của họ. Những người Việt Nam tìm cách thoát khỏi nhà ngục Bastiơ Đông Dương đã bị bỏ tù, những học sinh vô tội, đáng thương bị "dồn" về quê, thư từ của tư nhân bị xâm phạm, làm thế nào để đem lại một sự chứng minh bề ngoài cho sự xét xử bất công đó, cho biện pháp bỉ ổi, cho công việc thối tha đó? Người ta nêu lên bóng ma của chủ nghĩa bônsêvích, cứ nêu lên luôn luôn, nêu mãi!

Một số trí thức Việt Nam, bị buộc tội một cách công khai hay ngấm ngầm là theo chủ nghĩa cộng sản, đã chối đây đẩy tựa hồ như đó là một thứ học thuyết hết sức tồi tệ – thật ra, dưới mắt họ, nó gây ra nhiều liên lụy. Họ còn khẳng định rằng học thuyết "cực đoan" này không được ai biết đến ở Đông Dương, và không thể được hoan nghênh

1. Immaculée Conception: một tín điều của Kitô giáo, trong đó nói Thánh Mẫu không giao cấu với đàn ông mà có mang Kitô gọi là Hoài thai trinh khiết.

ở Đông Dương vì chế độ sở hữu ở nước ta, vì ý thức mức độ của dân tộc chúng ta v.v... và trong khi quả quyết như vậy, họ bị thúc đẩy bởi lòng mong muốn – mà là lòng mong muốn đáng khen, chứng minh rằng chẳng có gì bào chữa được cho những tội ác của bọn thực dân.

Mới đây, chúng tôi nhận được những tiếng vang của một cuộc họp ở Câu lạc bộ Ngoại ô Paris, các diễn giả đã tranh cãi nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề sau đây: "Có một chủ nghĩa cộng sản Đông Dương không?" Chúng tôi sẽ trả lời vắn tắt câu hỏi này và trước hết, để tránh mọi hiểu lầm, tuyên bố rằng câu trả lời của chúng tôi không hề xuất phát từ một định kiến có sẵn nào là chỉ nhằm nói lên sự thật thôi. Sự thật ư? Đây là sự thật, nói vắn tắt, không úp mở: chủ nghĩa cộng sản Đông Dương không tồn tại lúc này, nhưng dân bản xứ sẵn sàng hoan nghênh chủ nghĩa cộng sản. Chế độ sở hữu nhỏ ư! Ý thức mức độ của dân bản xứ ư? Chà! Những lý do rỗng tuếch, sặc mùi chủ nghĩa "đề huề".

Nếu chủ nghĩa cộng sản Đông Dương mới chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của các nhà chinh phục chúng ta, thì đó là vì đã không hề có một sự tuyên truyền cộng sản nào ở nước ta. Ở đây cũng như mọi nơi khác, và hơn cả mọi nơi khác, quần chúng bị bóc lột, và nếu như cho đến nay họ để cho mình bị áp bức, bóc lột thì thái độ cam chịu của họ là do ở chỗ họ không có ý thức về quyền lợi và sức mạnh của họ. Các bác nhà quê của chúng ta vẫn luôn bị bòn rút, áp bức bởi bọn nhà giàu và kỳ hào ở làng, bọn vua quan. Cộng vào cái ách đó lại có thêm cái ách của chủ nghĩa đế quốc nước ngoài, còn bỉ ổi hơn nữa. Như vậy là ngày nay người nhà quê bị bòn rút và áp bức bởi các kỳ hào, quan lại và nhất là Chính phủ thuộc địa. Không nghi ngờ gì nữa, phần lớn đám quan lại, kỳ hào, tuy họ là những nạn nhân đầu tiên của chế độ ăn cướp mà họ là những công cụ ngoan ngoãn, đã đồng tình với các kẻ chinh phục và mong muốn cảnh nô lệ của chúng ta cứ kéo dài mãi. Chắc chắn rằng, trong đám trí thức Việt Nam, cũng có những người chủ trương, với một sự thành thật hoặc ít hoặc nhiều, thuyết "Pháp – Việt đề huề" quá ư lố bịch và không tưởng. Nhưng quần chúng chịu đau khổ vì chế độ ăn cướp của bọn thực dân và sự phản bội của chính những kẻ, do địa vị xã hội của chúng, lẽ ra phải làm người hướng dẫn cho quần chúng trong cuộc đấu tranh cho sự giải thoát chung, nên vẫn ấp ủ sự bất mãn và lòng tức giận của mình.

Muốn cho quần chúng thức tỉnh, chỉ cần quần chúng nhận thức

được quyền lợi và sức mạnh của mình. Và chính chủ nghĩa cộng sản tự đặt cho mình nhiệm vụ đem lại cho quần chúng ý thức về sức mạnh và quyền lợi đó. Dân bản xứ hầu hết không biết gì về học thuyết này, nhưng biết rất rõ một điều là những người cộng sản có khẩu hiệu "đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc". Họ khâm phục cái đẹp và cái hào hiệp của học thuyết đó, đã được thực hiện một cách cao cả ở Liên Xô, ở Trung Quốc, ở Giava, ở Marốc. Những ai đọc báo đều biết cuộc đấu tranh anh dũng của báo Nhân đạo, của các Nghị sĩ Cộng sản ở ngay đất Pháp... và dĩ nhiên họ không thể không chia sẻ sự phấn khởi của họ với các đồng bào của họ ít học hơn. Thành thử, đối với tất cả mọi người, Đệ tam Quốc tế vừa là hiện thân của Công lý vừa là hiện thân của sức mạnh, sẽ sửa lại những sự bất công, bênh vực người yếu và giải phóng những người bị áp bức.

Niềm hy vọng đó của cả một dân tộc có cơ sở hay không? Hay chỉ là ngây thơ? Ảo tưởng? Theo ý chúng tôi, do chế độ bóc lột và áp bức chúng ta đang sống, do thái độ của Đảng Cộng sản trên thế giới, hy vọng đó là rất chính đáng. Vả chăng, tại sao lại nhận xét về nó? Chúng tôi chỉ cần nói lên sự thật, có thế nào nói vậy. Chúng tôi cũng không sợ những người nhút nhát trách chúng tôi mắc mưu bọn phản động, chắc chắn chúng sẽ lợi dụng những điều chúng tôi nói để tăng cường các tội ác của chúng, giả bộ là để ngăn chặn sự đe dọa của chủ nghĩa cộng sản Đông Dương. Vài sự bất công nữa đối với chúng tôi đã từng phải chịu đựng nhiều rồi, có sao đâu? Chúng sẽ chỉ thúc đẩy nhanh thêm bước tiến của chúng ta tới giải phóng. Vũ lực làm gì nổi học thuyết giải phóng, lẽ phải, quyền lợi của chúng ta?

H.

Báo *L' Annam*, số 167, ngày 9-6-1927.
Bản dịch: Ngô Vĩnh Viễn.

ĐỨNG TRƯỚC TÌNH HÌNH

... Một người Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc, lúc này vào khoảng 35 tuổi, quê ở tỉnh Nghệ An (Vinh), theo lời tuyên bố của viên Chánh án Tòa án Thượng thẩm Hà Nội, khi xử mười bảy người xuất dương – đã thành lập ở Quảng Châu và ở Matxcơva hai trường lớn có rất nhiều người Việt Nam theo học, chuẩn bị đi vào võ nghiệp.

Hơn nữa, theo báo chí Trung Quốc, bảy tám nghìn người Việt Nam sống ở Quảng Châu cũng đang tích cực theo đuổi cùng một mục đích như vậy.

Những tin tức đó, theo nguồn Pháp, làm mọi người tin là có một tổ chức quan trọng và có phương pháp của người Việt Nam ở đất nước của Tôn Dật Tiên.

Về phía họ, người Pháp đang theo dõi.

Tin tức của ARIP đưa ra về tình hình Trung Quốc tới được Đông Dương thì đã bị bóp méo hoặc xuyên tạc đi rồi.

Báo chí địa phương thì tỏ ra ít đối địch hơn đối với những người miền Nam. Thậm chí họ còn chủ trương một sự liên minh với Chính phủ Quảng Châu.

Nhưng bên trong, Chính phủ Pháp lộ khuynh hướng muốn xiết chặt dân bản xứ. Do đó, họ đã coi bọn "đề huề" chẳng ra gì và làm bọn này nản lòng.

Chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả: các nhà bảo hộ của chúng ta, về mặt biện pháp cai trị, chỉ biết có vũ lực mà thôi.

Muốn đi đến một sự hợp tác chặt chẽ hơn với dân bản xứ – họ nói vậy – ,để cho dân bản xứ có phần lớn hơn trong quản lý công việc của mình, họ đã lập ra các Hội đồng Dân biểu gồm hoàn toàn người Việt Nam. Nhưng thật ra, dù muốn hay không, các tổ chức được bầu ra đó chỉ là những cái xác không hồn. Chính phủ đã tạo ra chúng, đã thu xếp để biến chúng thành những cái máy phát thông báo và nguyện vọng để chính phủ đó muốn làm thế nào thì làm.

Nước Pháp thực dân không phải không biết rằng nếu đất nước xôn xao, thì không phải những con người đó, đã ký cam kết hợp tác với nó, là những kẻ đề xướng ra bất cứ phong trào nào.

Ngay từ bây giờ, chúng tôi đã có thể khẳng định được rằng thuyết "Pháp – Việt đề huề" không còn cái vẻ quyến rũ của nó như

cách đây một năm hay thậm chí vài tháng. Người ta thấy rõ điều đó khi ông Toàn quyền "xã hội chủ nghĩa" Varen trở lại Đông Dương. Qua kinh nghiệm, người Việt Nam biết rằng họ không thể trông cậy được ở Chính phủ Pháp cũng như ở các Toàn quyền Pháp.

Vậy thì vấn đề đặt ra là họ đã hoặc sẽ có thái độ như thế nào?

Dẫu sao đi nữa, họ cũng cần phải đề phòng những lời phỉnh phờ chính thức của các nhà bảo hộ của chúng ta và những kẻ gọi là lãnh tụ Việt Nam, bọn này vì vụ lợi đã phụ họa với họ, đang tung ra những lời phỉnh phờ về sự bất tài bất lực của người Việt Nam trong việc tự cai trị mình và về tình trạng hỗn loạn họ sẽ rơi vào khi họ gạt bỏ sự bảo hộ của người Pháp v.v...

Những tên lang băm chính trị đó tưởng lừa gạt được ai? Khi tuôn ra những lời phỉnh phờ đó, chúng hoàn toàn xuất phát từ nỗi lo sợ mất cái Thiên đường Đông Dương của chúng, mà bọn tư bản Pháp muốn giữ bằng bất cứ giá nào để bóc lột, bòn rút một cách vô liêm sỉ.

H.L.

Báo *L'Annam*, số 169, ngày 16-6-1927.

Bản dịch: Ngô Vĩnh Viễn.

*

* *

TỐNG VĂN TRÂN
(1907 - 1935)

Tống Văn Trân người làng Tân Cầu, huyện Phong Doanh, nay là huyện Ý Yên,tỉnh Nam Định.

Năm 1927, Tống Văn Trân tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, sau đó gia nhập Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở Ý Yên. Tống Văn Trân trước kia làm nghề giáo học.

Ngày 27–10–1929, Tống Văn Trân bị bắt ở làng Hưng Thượng, huyện Ý Yên. Sở mật thám Nam Định đã tra tấn rất dã man, nhưng không lấy được một lời khai nào của Tống Văn Trân. Ngày 16–1–1930, chúng đành đưa Tống Văn Trân ra xử ở Tòa án Nam Định. Tống Văn Trân ra tòa, đeo ca vát đỏ, cầm mùi xoa đỏ, ngâm bài thơ đã viết bằng máu ngón tay mình trong xà lim, lên án bọn đế quốc, kêu gọi giai cấp công nhân và nông dân đứng lên đánh đổ giai cấp thống trị, và hát *Quốc tế ca*.

Khi bị giải lên Hà Nội, lúc qua Ga Hàng Cỏ, qua phố Quán Sứ, Tống Văn Trân rút mùi xoa đỏ, phất lên, hô hào đánh đổ giai cấp thống trị, và vạch mặt tên phản bội Kim Tôn, kịp thời thông báo cho Đảng bộ khu vực biết.

Ngày 18 – 6 – 1930, Tống Văn Trân bị đày ra Côn Đảo. Mang số hiệu tù 5245, Tống Văn Trân đục đá ở Sở Đá trắng. Lao động khổ sai không làm nhụt chí phấn đấu của người cách mạng như Tống Văn Trân.

Tháng 4 – 1934, [1] Tống Văn Trân đã tổ chức đóng thuyền vượt ngục thành công và khi bắt được liên lạc với Đảng, Tống Văn Trân được phân công phụ trách công tác Tuyên huấn của Xứ ủy Nam Kỳ.

Tháng 5–1935, trong khi đang xây dựng cơ sở Đảng ở Phan Rang, Tống Văn Trân bị địch bắt. Bọn thực dân Pháp đã giam Tống Văn Trân ở Khám lớn Sài Gòn, và tra tấn cho đến chết.

Tống Văn Trân làm nhiều thơ, nhưng chưa sưu tầm được. Bài thơ viết bằng máu trên tường xà lim ở Nam Định đã tìm được đầy đủ. Gần đây, ông Nguyễn Khôi và ông Lê Hiện, học trò cũ của tác giả, ở xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, có gửi cho chúng tôi một số bài thơ, và chúng tôi đã chọn in ba bài dưới đây.

---

1. Trong cuốn *Hồi ký về Đoàn*, Nhà xuất bản Thanh niên, có viết về năm vượt ngục của Tống Văn Trân là 1933. Theo đồng chí Vũ Công Phụ, người cùng vượt ngục một chuyến với Tống Văn Trân cho biết thời gian đó là khoảng tháng 4 – 1934.

NHỚ...

Bâng khuâng hồn nước cũ,
Đau đớn nhớ người xưa.
Nhớ ngọn cờ lau phất, [1]
Nhớ thanh bảo kiếm đưa, [2]
Nhớ sông Đằng sóng vỗ, [3]
Nhớ mặt Hát trăng mờ. [4]
Trời đất này ngao ngán!
Lòng ai bối rối tơ...

Khoảng 1928 – 1929

*
* *

LỜI CHỊ NGUYỆT
(Trích)

Trời vừa mưa tạnh gió tan,
Vén mây trông xuống khắp làng trần gian.
Đông, Tây các nước khôn ngoan,
Nơi nơi giàu thịnh, vẻ vang lạ thường.
Đoái trông về dải Nam phương
Người nhiều đất rộng, kho tàng sạch không...
... Tình dân khốn khổ trăm bề,
Thân giun, phận dế dám bề thở than.
Dân cùng, chẳng kẻ hỏi han,
Dân nghèo, chẳng kẻ tính bàn làm sao.
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Rồng, tiên nỡ để đàn ngâu lấn dần!

---

1. Chỉ Đinh Bộ Lĩnh lúc nhỏ, dùng cờ lau tập trận, sau lớn lên thống nhất 12 sứ quân.

2. Chỉ Lê Lợi được thanh bảo kiếm, đã đánh đuổi quân Minh giải phóng đất nước.

3. Chỉ những chiến công hiển hách của Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn trên sông Bạch Đằng.

4. Hát: Tức sông Hát Giang, nơi Hai Bà Trưng tuẫn tiết.

Hỡi ai là kẻ đồng tâm!
Thương nòi Hồng Lạc ân cần cho nao...
... Gan cho vững, dạ cho bền,
Hợp người, hợp sức thì nên đó mà.
Nên chăng cũng bởi tại ta,
Gan vàng, dạ sắt đúc ra chữ "đồng".
Chữ rằng: Quyết chí thì xong!
Khuyên em giữ lấy chữ "đồng" làm ghi.
"Thời lai" rồi cũng có khi.

Khoảng 1928 – 1929

*

* *

MỘT BÀI THƠ MÁU

TIỂU DẪN – Khi bị giam ở Nhà lao Nam Định, Tống Văn Trân đã cắn ngón tay mình, lấy máu viết lên tường xà lim bài thơ này. Khí phách cách mạng ấy và bài thơ đã cổ vũ tinh thần chiến đấu vì giai cấp, vì dân tộc của nhiều chiến sĩ cộng sản hồi bấy giờ.

Trong cuốn *Hồi ký về Đoàn* (Nhà xuất bản Thanh niên), đồng chí Đào Văn Lưu có dẫn mấy đoạn thơ, và gọi là bài *Ngục trung huyết lệ* thư.

Toàn bộ bài thơ đã được đăng trong tạp chí *Sinh hoạt nội bộ*, cơ quan Trung ương Huấn luyện công tác và lý luận của Đảng ta, số 4 và 5, tháng 11, 12–1947, số kỷ niệm lần thứ 18 ngày thành lập Đảng, với tên bài: *Một bài thơ máu.*

Chốn ngục thất đau lòng khôn xiết!
Cắn ngón tay mà viết mấy câu.
Than ôi, trên mặt địa cầu!
Công, nông các nước có đâu thế này!
Riêng Việt Nam đắng cay mọi nỗi,
Vị cường quyền quen thói dã man.
Bao nhiêu chế độ tham tàn,
Bạc vàng vơ vét, mình làm chúng xơi.
Anh em hỡi! Đồng thời đứng dậy!
Tuốt gươm ra đòi lấy chính quyền!

Dân cày cùng với thợ thuyền,
Chiến duyên hợp nhất cho liền một dây.
Đế quốc Pháp phải ngay đạp đổ,
Phong kiến kia trừ bỏ chẳng tha.
Bao nhiêu chế độ thối tha.
Tiêu diệt cho hết mới là công, nông.
Anh em hỡi! Đồng lòng hiệp sức!
Nông nỗi này đã cực lắm rồi!
Thân ta dù có thiệt thòi,
Làm gương phấn đấu cho đời mai sau.
Dậy làm cách mạng mau mau!

Nhà lao Nam Định, 1930

*

LÊ MẠNH TRINH
(1896 - 1983)

Lê Mạnh Trinh sinh năm 1896, trong một gia đình Nho học, quê xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Học chữ Hán và đậu Tú tài, Lê Mạnh Trinh được người làng lúc bấy giờ quen gọi là ông Tú Đắc.

Sớm giác ngộ cách mạng và tham gia phong trào Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, năm 1926, Lê Mạnh Trinh trốn sang hoạt động ở Quảng Châu, được dự lớp huấn luyện cách mạng do Nguyễn Ái Quốc tổ chức. Sau đó Lê Mạnh Trinh được cử về hoạt động trong phong trào yêu nước của Việt kiều ở Thái Lan. Năm 1948, Lê Mạnh Trinh trở về nước, tham gia Khu ủy Liên khu IV. Được ít lâu, Lê Mạnh Trinh lại được Trung ương điều ra Việt Bắc tham gia Ủy ban Liên Việt Trung ương. Tiếp đó, Lê Mạnh Trinh công tác ở Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc cho đến năm 1953 mới về nước.

Trước khi về hưu, Lê Mạnh Trinh là Phó Giám đốc Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc và là Phó Trưởng ban nghiên cứu lịch sử Đảng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trong những ngày bôn ba hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Lê Mạnh Trinh thường có làm thơ. Một số bài thơ của Lê Mạnh Trinh sưu tầm được đã in đậm dấu ấn tâm trạng của một cán bộ hoạt động ở ngoài nước. Lê Mạnh Trinh từ trần hồi 12 giờ, ngày 18-2-1983, thọ 87 tuổi.

Tất cả các bài thơ in dưới đây đều do chính tác giả cung cấp.

YÊU NƯỚC PHẢI ĐOÀN KẾT

Người một nước vốn cùng chung một giống,
Dù nhục, vinh, chết, sống phải cùng nhau.
Bốn ngàn năm chung giọt máu đào,
Phải nước lã chi đâu mà đểnh đoảng.
Sao ta những lìa tan chểnh mảng?
Nghĩ nguồn cơn thêm cay đắng trăm đường!
Vận nước nhà gặp buổi tang thương.
Sao mình nỡ Sâm, Thương người một ngả?
Thơ rằng:
Trâu, ngựa chi mà cam nhục nhã,
Tiên, Rồng đâu chịu kiếp lao lung.
Hỡi ai ơi, con cháu Lạc Hồng!
Rời rạc mãi thù chung sao trả được?
Thôi kể chi sự đã qua về trước,
Giải đồng tâm ta thắt chặt từ đây.
Sum vầy bõ lúc lưu ly!

Thái Lan, 1927

Báo *Đồng Thanh* là báo của
kiều bào ta ở Thái Lan bấy giờ.

*
* *

KHUYÊN ĐỌC BÁO "THÂN ÁI"

TIỂU DẪN – Báo *Đồng Thanh* ra được hai số thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc khuyên nên đổi tên. Người bảo: hai chữ "đồng thanh" kiều bào khó hiểu, ta đang khuyên đồng bào thân ái với nhau, sao không đặt tên là *Thân ái*? Vâng lời Người, từ đó báo *Đồng Thanh* đổi tên là *Thân ái*.

Cuộc thế giới bất bình lắm nỗi,
Vận nước nhà chìm nổi đôi phen.
Người sang sao ta chịu hèn?
Người chen ta phải đua chen với đời!

Bước tiến thủ lấy ai chỉ bảo,
Cờ tiền phong có báo đưa đường.
Tiếng còi cách mệnh kêu vang,
Gọi người trong lúc canh trường chiêm bao.
Hỡi gần xa, kiều bào ba vạn!
Cánh bèo trôi chiếc nhạn lạc đàn.
Sao cho cốt nhục vẹn toàn.
Trong ngoài muôn dặm, báo chương một tờ.
Hỡi đồng bào, tỉnh chưa chưa tỉnh?
Thù non sông ta tính sao đây?
Đoàn là bạn, báo là thầy,
Yêu nhau hơn thiệt, ta bày giải nhau.
Hỡi ai đó, mau mau tỉnh dậy!
Nhớ lấy câu "máu chảy ruột mềm",
Lòng mình tự hỏi mình xem,
Canh khuya tờ báo, ngọn đèn với ta.

Thái Lan, 1928

*

* *

MỪNG XUÂN

Một ngàn chín trăm hai chín qua,
Một ngàn chín trăm ba mươi tới.
Quả đất xoay quanh đủ bốn mùa,
Người đời mỗi năm thêm một tuổi.
Giấc xuân mơ mộng, hỡi ai ơi!
Tỉnh dậy mà nghe chúa xuân gọi:
Hỡi ơi, nước mất giống nòi tan!
Bèo nước bấy lâu chìm lại nổi.
Muốn cho thân thế được sum vầy,
Thân ái cùng nhau đoàn kết lại!
Hỡi ai, nước mắt lẫn mồ hôi!
Vất vả quanh năm rét lại đói.
Muốn cho thân thế được bảnh bao,
Phấn đấu mà tranh lấy quyền lợi!

Xuân nói như thế rồi xuân đi, [1]
Xuân hẹn sang năm xuân lại tới.

1930

*

* *

KHÓC LÀNG CỔ AM

TIỂU DẪN – Từ Thái Lan, đọc báo biết tin làng Cổ Am bị thực dân Pháp ném bom để trả thù cho cháu Hoàng Cao Khải là Hoàng Gia Mô bị giết, tác giả xót thương đồng bào vô tội của mình, nên viết bài thơ này.

Nước Nam ta từ ngày Pháp cướp,
Đồng bào ta ai được sống đâu!
Chết vì thuế nặng sưu cao,
Chết vì tật dịch, binh đao cũng nhiều!
Trăm cái chết ta đều đã trải,
Chết dây dưa, chết mỏi, chết mòn!
Phen này chết đống, chết cồn,
Thảm thay cái chết dân làng Cổ Am!
Lửa thành cháy, vạ lan ao cá,
Núi lửa bùng, ngọc đá đều tan.
Mịt mù sấm dậy tiếng oan,
Trên tạc đạn dưới cơ quan sang xổ vào! [2]
Trường cá thịt biết bao mạng số,
Thịt xương rơi, nhà cửa tan tành!
Chết em, tống táng không anh,
Chết cha, khóc lóc phải đành không con.
Chết chồng, khóc nỉ non không vợ,
Chết con rồi, cha mẹ còn đâu?
Than ôi, cỏ héo hoa rầu!
Đang vui bỗng hóa một màu vắng tanh,
Xôn xao những diều giành, quạ liệng,
Tiếng người đâu, rành tiếng chim kêu!

---

1. Nhân dịp tết, Việt kiều ở Thái Lan tụ họp nhau để vui xuân. Tác giả mượn mùa xuân để kêu gọi Việt kiều đoàn kết, thân ái. Cũng trong dịp Tết đó, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ Thái Lan ra đi. Người hẹn năm sau trở lại. Hai câu cuối tác giả ngụ cái ý nhắn nhủ của Người.

2. Cơ quan sang: Súng máy, súng liên thanh.

Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Quê người đất khách càng rầu ruột gan!
Nghiến răng thù trả, nghĩa đền!

Thái Lan, 1930

*

* *

BỊ TRỤC XUẤT CẢM TÁC

TIỂU DẪN – Trong những năm ở Thái Lan, tác giả nhiều lần bị chính quyền Thái Lan cầm tù và trục xuất. Bài này làm khi bị trục xuất lần đầu cùng với nhiều Việt kiều khác.

Đừng học chi ai lệ vấn dài,
Đau lòng kẻ ngược với người xuôi.
Mặt này không nhẽ lừa non nước,
Thân đó đi đâu cũng đất trời.
Mắt hãy trông đời, gan vẫn tím,
Đầu chưa xuống đất, máu còn tươi.
Loài người ắt có ngày bình đẳng,
Thịt nát xương tan cũng ngậm cười.

Thái Lan, 1930

*

* *

THỢ TRẺ EM LÀM TRONG MỎ
(Theo điệu xẩm)

Em bước chân lên con đường đá sỏi,
Trên vai gánh mỏi, dưới chân đi chói.
Cả ngày được có mấy xu,
Cha mẹ sinh em mười mấy tuổi đầu,
Đói cơm, rách áo, dãi dầu em có ngại chi.
Mo hỏi mỏ, chi huyền chì!
Bây giờ chưa học, lấy gì em lớn em khôn.
Em tiếc công ai lấp bể phá nguồn,
Giang sơn tấc đất tấc vàng này để cho ai?
Cái gánh nặng này!

Thái Lan, 1933

THỢ GÁI THAN THÂN
(Theo điệu xẩm)

TIỂU DẪN – Sau Xô viết Nghệ Tĩnh, nhiều cán bộ cách mạng bị thực dân Pháp truy lùng khủng bố, nên có người phải tránh sang Thái Lan. Và phần lớn những người này đều bị đứt liên lạc với tổ chức. Lúc bấy giờ, tác giả đang sống ở Thái Lan, liền soạn ra bài hát này và bài *Thợ trẻ em làm trong mỏ,* rồi cho đi tìm những người hát xẩm về dạy cho thuộc, tung đi hát khắp nơi, với dụng ý qua nội dung bài hát, giúp những cán bộ bị mất liên lạc nhận tìm ra tổ chức Đông Dương cách mạng viện trợ Bộ, mà tác giả là người phụ trách tổ chức đó.

Em đây phận gái nhà nghèo,
Cơm khoai, rau cháo được buổi chiều chưa có buổi mai.
Phận liễu bồ bao quản lúc trần ai!
Bán mình vào xưởng thợ, để sinh nhai cho nó qua thì,
Ngờ đâu thằng chủ Tây, nó bóc lột không thiếu cách gì,
Vì mấy đồng xu nhỏ mà nó bắc chì cái thân em.
Từ sáu giờ sáng cho đến bảy, tám giờ đêm,
Máu say vì lửa, mặt đen với xăng dầu.
Cái đời em có được thấy bóng dương đâu,
Về khuya, đi sớm trên đầu ngày nào cũng chỉ thấy có trăng sao.
Bát mồ hôi, đổi lấy hào rưỡi, hai hào,
Lại gặp cơn gạo kém cơm cao thế này.
Không may ra gặp buổi sốt mặt váng mày.
Cái ngày nghỉ ốm là cái ngày em phải nhịn suông.
Đi chậm giờ thì chủ nó chặn lương,
Lại đèo thêm cái tai, cái thụi thêm bẽ bàng cho phận hồng nhan.
Chú cai kia thêm nỗi phũ phàng,
Tay em vừa lau mồ hôi trán, roi kia chú đã quất ngang bên cạnh sườn.
Kể sao cho hết nỗi đoạn trường!
Vì quân tư bản bọn cơ hàn mới tội tình ri,
Tính sao cho trọn mọi bề!

Thái Lan, 1932

PHẦN THỨ HAI

NGUYỄN VĂN CỪ
(1912 - 1941)

Nguyễn Văn Cừ sinh ngày 9-7-1912 tại làng Phù Khê, tổng Nghĩa Lập, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, nay là làng Phù Khê, xã Phù Khê, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Năm 1927, sau khi đỗ tiểu học, Nguyễn Văn Cừ vào học Trường Bưởi, Hà Nội. Ở Trường Bưởi, một số thanh niên học sinh giác ngộ cách mạng, rời bỏ trường đi hoạt động. Cuối năm 1928, Nguyễn Văn Cừ được các bạn cùng trường đã gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội tuyên truyền, giác ngộ và kết nạp vào hội. Tháng 6-1929, Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời ở Hà Nội. Nguyễn Văn Cừ được kết nạp vào chi bộ cộng sản đầu tiên. Thực hiện chủ trương "vô sản hóa" của Đảng, tháng 7-1929, Nguyễn Văn Cừ được phân công ra hoạt động ở mỏ than Vàng Danh và xây dựng cơ sở Đảng ở đây. Được sự chỉ đạo của Nguyễn Văn Cừ, từ tháng 2 đến tháng 4-1930, các chi bộ Đảng ở mỏ Mạo Khê, Uông Bí, Vàng Danh, Hòn Gai, Cẩm Phả, Cửa Ông lần lượt ra đời và tờ *Mỏ than* cũng bí mật xuất bản. Nhiều cuộc đấu tranh liên tiếp nổ ra và giành thắng lợi, chủ mỏ buộc phải tăng lương, giảm giờ làm.

Tháng 2-1931, Nguyễn Văn Cừ bị thực dân Pháp bắt ở vùng mỏ. Ngày 13-5-1931, chúng đưa Nguyễn Văn Cừ ra xử ở Hội đồng đề hình Hà Nội, kết án tù khổ sai chung thân và đày đi Côn Đảo.

Ở Côn Đảo, để góp phần giáo dục tư tưởng, phổ biến đường lối và chỉ đạo đấu tranh, tờ báo ở nhà tù *Ý kiến chung* ra đời. Nguyễn Văn Cừ và Lê Duẩn là hai cây bút viết bài đều đặn. Ngoài tờ *Ý kiến chung*, ở khám 5, Nguyễn Văn Cừ còn chủ trì tập san *người tù đỏ*.

Năm 1936, trước phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta và được sự ủng hộ của nhân dân Pháp, thực dân Pháp phải trả lại tự do cho nhiều tù chính trị trong đó có Nguyễn Văn Cừ. Bị đưa về quê quản thúc, Nguyễn Văn Cừ liền tìm liên lạc với các đồng chí khác, tích cực hoạt động khôi phục cơ sở và hệ thống tổ chức của Đảng. Đầu năm 1937, khi Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ thành lập, Nguyễn Văn Cừ được cử làm Bí thư Xứ ủy. Tháng 8 và 9-1937, thay mặt Xứ ủy, Nguyễn Văn Cừ vào Nam Kỳ dự Hội nghị Trung ương họp ở Bà Điểm, quận Hóc Môn, tỉnh Gia Định và được cử vào Ban chấp

hành Trung ương. Tháng 3–1938, Ban chấp hành Trung ương cũng họp ở Bà Điểm, cử Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư của Đảng, khi ấy mới 26 tuổi.

Với cương vị Tổng Bí thư, Nguyễn Văn Cừ đã có những cống hiến xuất sắc vào việc xây dựng, vận dụng quan điểm lý luận của Đảng ta về Mặt trận Dân chủ, về phòng thủ Đông Dương, chống chủ nghĩa phát xít, vạch mặt bọn tờrốtkít, bọn cải lương, phân tích các khuynh hướng sai lầm "tả" khuynh, hữu khuynh trong Đảng và ngoài Đảng thời bấy giờ.

Nguyễn Văn Cừ là người sáng lập báo *Dân chúng*, cơ quan trung ương của Đảng và trực tiếp chỉ đạo báo đó trong thời kỳ đầu. Tờ báo này là một tờ báo viết bằng tiếng Việt được phát hành công khai tại Sài Gòn.

Cuối năm 1938, Nguyễn Văn Cừ bị trục xuất từ Sài Gòn ra Bắc Kỳ. Ở Hà Nội, Nguyễn Văn Cừ vừa làm công tác Đảng với cương vị Tổng Bí thư vừa trực tiếp chỉ đạo Xứ ủy Bắc Kỳ và Thành ủy Hà Nội. Nguyễn Văn Cừ lãnh đạo rất sát những báo chí của Đảng ở Hà Nội cũng như tờ *Dân chúng* ở Sài Gòn. Sau cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt Nam Kỳ năm 1939, trong nội bộ Đảng ta ở Nam Kỳ có một số nhận thức sai lầm về việc đánh giá thất bại của cuộc tranh cử, nhận thức lệch lạc về chính sách Mặt trận của Đảng ta, Nguyễn Văn Cừ viết tập *Tự chỉ trích* để nói rõ quan điểm của Đảng.

Nhiều bài báo và sách của Nguyễn Văn Cừ được in với bút danh là Thợ Nguội, Trí Thành, Trí Cường hoặc không ký tên.

Mùa thu năm 1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Đế quốc Pháp phát xít hóa bộ máy cai trị ở Đông Dương. Trước tình hình ấy, Trung ương Đảng thấy cần phải có chủ trương mới để đưa phong trào cách mạng tiến lên. Nguyễn Văn Cừ bí mật vào Sài Gòn, cùng với Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần... họp Hội nghị thứ sáu của Trung ương Đảng vào tháng 11–1939. Nhấn mạnh giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Đông Dương. Hội nghị này đánh dấu một sự chuyển hướng cơ bản về chỉ đạo chiến lược, giương cao ngọn cờ dân tộc, đoàn kết toàn dân trong Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Giữa lúc cách mạng đang chuyển sang một bước ngoặt mới, Đảng rất cần những cán bộ lãnh đạo, thì ngày 18–1–1940, Nguyễn Văn Cừ bị địch bắt ở một cơ quan đường Nguyễn Tấn Nghiệm (Sài Gòn). Biết Nguyễn Văn Cừ là Tổng Bí thư, địch dùng mọi thủ đoạn thâm độc, dã man để khai thác tin tức và sự hoạt động của Đảng, nhưng đều không có hiệu quả. Mặc dầu bị bắt trước cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ khá lâu, nhưng thực dân Pháp đã trắng trợn ghép Nguyễn Văn Cừ vào tội "chủ trương bạo động", "có trách nhiệm tinh thần trong cuộc khởi nghĩa", để kết án tử hình.

Nguyễn Văn Cừ đã anh dũng hy sinh ngày 28 – 3 – 1941.

MẤY LỜI CÙNG ĐỘC GIẢ

TIỂU DẪN – Theo luật báo chí của Nghị viện Pháp ban hành ngày 29-7-1881 thì ở Pháp và các thuộc địa của Pháp, các báo chí phát hành không phải xin phép trước, chỉ cần làm một tờ khai, báo cho Cục Biện lý biết. Đạo luật này được ban hành ở Nam Kỳ theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 12-9-1881.

Nhưng sau đó, một số sắc lệnh của các Toàn quyền Đông Dương, nhất là sắc lệnh của P. Đume ngày 30-12-1898, và của A. Varen ngày 4-10-1927, lại bác bỏ đạo luật trên, buộc mọi tờ báo tiếng Việt phát hành ở Đông Dương đều phải có đơn xin phép, và được giấy phép, rồi mới được phát hành. Từ đó, các báo chí tiếng Việt bất kỳ do ai chủ trương đều phải tuân hành sắc lệnh mới.

Dựa vào phong trào cách mạng của quần chúng đang phát triển mạnh mẽ ở trong nước và sự ủng hộ của nhân dân Pháp, đồng thời dựa vào đạo luật về tự do báo chí ngày 29-7-1881 đã trở thành cơ sở pháp lý, Trung ương Đảng quyết định cho phát hành một tờ báo công khai bằng tiếng Việt, là cơ quan Trung ương của Đảng, lấy tên là *Dân chúng*, số 1 ra ngày 22-7-1938, không xin phép.

Về điều kiện khách quan và chủ quan cho việc phát hành một tờ báo như vậy là đầy đủ. Nhưng để cho chính quyền thực dân khỏi kiếm cớ bóp chết tờ báo ngay sau khi ra mắt, số 1 đăng một bài phi lộ chung chung, lời lẽ dịu dàng, nhẹ nhàng. Đến ngày 30-8-1938, chính quyền thực dân buộc phải công nhận ở Nam Kỳ có tự do báo chí. Báo *Dân chúng* nghiễm nhiên từ nửa hợp pháp trở thành hợp pháp.

Ngày 5-10-1938, *Dân chúng* số 22 đăng bài dưới đây do Nguyễn Văn Cừ viết, là bài phi lộ chính thức của tờ báo.

Trong lúc mà toàn thể nhân dân xứ này khao khát, đương đòi hỏi các quyền tự do dân chủ, đương khó khăn vì nạn xin giấy phép ra báo, giữa lúc mà người ta buôn bán tờ giấy phép ra báo và bọn tờrốtkít đương trổ tài đê hèn cướp báo, giữa lúc mà các nhà viết báo đương nằm đầy trong khám, thì chúng tôi căn cứ vào đạo luật 1881, nương tựa vào lực lượng tranh đấu của toàn thể quốc dân và lực lượng ủng hộ của Mặt trận Bình dân Pháp mà xuất bản tờ *Dân chúng* không xin phép. Nhà cầm quyền ở đây phải nhìn nhận, cách một tuần sau được Chính phủ chính quốc ra lệnh thủ tiêu sắc lệnh 1898, và ban bố Đông Dương có quyền tự do xuất bản.

Thật ra thì cái quyền ấy ta có từ 57 năm nay mà bây giờ chúng ta mới đòi lại được.

Giành lại được quyền tự do xuất bản! Đó chỉ là một bước đầu mà thôi. Dân chúng còn có những trách nhiệm lớn lao nặng nề này:

Chủ trương ngôn luận đúng đắn, không "tả" mà cũng không "hữu", bợ đỡ, rụt rè;

Dùng lý luận hợp thời và tiến bộ giúp độc giả tìm chân lý và vũ khí đấu tranh sắc bén;

Chọn tin tức đích xác và cần thiết cống hiến cho độc giả, giúp đồng bào hiểu rõ thời thế;

Kịch liệt tranh đấu chống chủ nghĩa phát xít và các lý luận phản động, hành động khiêu khích của bọn tơrốtkít và các màu lý luận phản động khác;

Phô bày những uất ức, những nỗi thống khổ, những nguyện vọng thiết tha và bênh vực tận tụy quyền lợi hằng ngày của các lớp quần chúng;

Nghiên cứu sự thắng lợi và thất bại trong các cuộc tranh đấu để nâng cao lực lượng tranh đấu và tinh thần đoàn kết của các lớp nhân dân, mong kết chặt lực lượng thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tranh đấu đòi các quyền tự do dân chủ, đòi hòa bình và hạnh phúc, chống chế độ thuộc địa dã man, chống phát xít, chống chiến tranh.

Chủ trương ấy chúng tôi đã tuyên bố từ tờ báo *Việt dân, Phổ thông cũ* và ngày nay, tờ *Dân chúng* vẫn đeo đuổi. Dân chúng tuy mới ra đời, nhưng ra đời một cách tự do nên được các tầng lớp nhân dân toàn xứ hết sức ủng hộ. Đồng thời Dân chúng lại có một đoạn lịch sử trên bước đường tranh đấu cả về lý luận và thực hành, được các lớp nhân dân yêu mến và tin cậy. Bởi vậy mà *Dân chúng* sống, sống nhờ lực lượng ủng hộ của dân chúng. *Dân chúng* phát triển, số độc giả ngày càng thêm đông, bài vở, tin tức ở các nơi càng như tuyết xuống.

Muốn làm vừa lòng độc giả, muốn cho tin tức được đầy đủ và mau lẹ hơn, muốn giá báo càng nhẹ cho quảng đại quần chúng có thể mua, *Dân chúng* sẽ ra tuần ba kỳ. Song đó chỉ là điều dự định. Sự dự định ấy có thể thực hành đặng cũng nhờ sự ủng hộ của các độc giả giúp bằng tiền, mua báo dài hạn, cổ động thêm độc giả, làm đại lý, đưa ảnh hưởng *Dân chúng* đi khắp ngõ hẻm, hang cùng.

Giúp cho *Dân chúng* phát triển, tức là giúp cho trình độ chính trị giác ngộ của quần chúng lên cao.

Giúp cho *Dân chúng* sống, tức là giúp cho tên lính đầu tiên đã tranh được giải tự do xuất bản sống và càng thêm mạnh mẽ để làm việc cho quốc dân, cho đồng bào.

Dân chúng là cơ quan ngôn luận của các anh chị em. Nó có sống lâu, vững chãi, thì tiếng hô hào của anh chị em càng vang lừng, cuộc chiến đấu với hết thảy địch nhân của dân chúng thắng lợi khắp các mặt trận.

Dân chúng thắng, ấy là quảng đại quần chúng xứ này chiến thắng vậy.

Báo *Dân chúng*, số 22, ngày 5–10–1938.

NHỮNG THÁI ĐỘ SAI LẦM CỦA MẤY ÔNG DÂN BIỂU BẮC KỲ

TIỂU DẪN – Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Đảng ta không đưa ra khẩu hiệu đòi giải tán hay tẩy chay các Viện Dân biểu và Hội đồng quản hạt mà chủ trương lợi dụng các tổ chức đó. Biết rằng chế độ tuyển cử không dân chủ, quyền hạn các Viện về cơ bản vẫn phụ thuộc vào chính quyền thực dân, nên không mang lại lợi ích thật sự cho nhân dân, nhưng lợi dụng nó làm diễn đàn đấu tranh cho dân chủ, kết hợp với đấu tranh trong nghị viện với phong trào quần chúng là một chủ trương hoàn toàn đúng.

Xứ ủy Bắc Kỳ chủ trương vận động cho một ứng cử viên là thành viên của Mặt trận Dân chủ ra tranh cử vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ, kết quả thắng lợi.

Khi tham gia Hội nghị thường kỳ của Viện Dân biểu năm 1938, một số Nghị viên có những sai lầm trong đấu tranh. Nguyễn Văn Cừ đã viết bài phê bình, uốn nắn kịp thời những sai lầm đó.

Mấy Nghị viên được nói đến tên trong bài: Võ Đức Diên (kiến trúc sư), Phạm Hữu Chương (bác sỹ) sau này đều thoái hóa về chính trị.

Hết thảy mọi người, ai cũng thừa nhận rằng chế độ tuyển cử ở Đông Dương rất eo hẹp, chỉ diễn trò cho có chuyện chớ không có quyền hành gì để bênh vực quyền lợi cho nhân dân một cách có hiệu quả.

Song chính vì chế độ tuyển cử rất chật hẹp, quyền hạn của dân biểu không có, nên các ông dân biểu phải cùng với nhân dân thống nhất hành động, kiên quyết đấu tranh để đòi cho được mở rộng các ban hội đồng, các viện dân biểu thành các cơ quan nghị trường rộng rãi theo tinh thần tư sản chủ nghĩa. Đồng thời, cần phải lợi dụng chế độ nghị trường rộng rãi theo tinh thần dân chủ để phô bày lời yêu cầu của các lớp quần chúng và chính sách của các đảng phái và chỉ rõ chính sách bóc lột của nhà thống trị cho mỗi người đều thấy.

Trái lại với nguyên tắc ấy, các ông Nghị ở Viện Dân biểu Bắc Kỳ đã tỏ ra nhiều cử chỉ rất sai lầm. Những cử chỉ ấy chỉ có ích cho kẻ thống trị, cho bọn phản động.

Lúc ông Bổng phái Bảo Hoàng đắc cử Nghị trưởng thì có ông Nghị tỏ ý bất bình, muốn từ chức.

Nếu ông Nghị là một người có tư tưởng dân chủ cấp tiến, mà ông ấy muốn từ chức, thì đó là một sự sai lầm, vì ông từ chức, nếu không

may lại thêm một ông Nghị phản động khác vào nghị trường thì càng có hại cho dân chúng. Ở đây, tôi chỉ nói về lập trường chính trị, còn về nguyên cớ cá nhân thì lại là chuyện khác.

Trong các cuộc Hội nghị về vấn đề lao động, ông Võ Đức Diễn (đảng viên Xã hội) làm tờ trình chỉ nói qua vài hàng. Các bạn đồng Viện hỏi tại sao ông lại lãnh đạm với vấn đề lao động và vấn đề Viện dành riêng cho đại biểu Xã hội săn sóc, thì ông trả lời: chúng tôi bênh vực lao động không phải chỉ ở trong Viện. Sở dĩ tôi không làm tờ trình theo ý muốn của tôi là vì tôi đã thấy gương của người bạn tôi năm ngoái là ông Trịnh Văn Phú làm tờ trình hẳn hoi, chẳng ai đếm xỉa tới và tìm cách thoái thác không nhận tờ trình đó.

Thái độ ấy là một thái độ tiêu cực, vô ích cho quần chúng và có lợi cho bọn phản động càng trông cho mình ít nói, để chúng nó mang mặt nạ được lâu dài. Chúng ta cần phải đem chương trình của mình để cho quần chúng càng thấy rõ ai là kẻ thù nghịch của mình.

Ông Chương đọc tờ trình về quản thủ điền thổ, địa chính, thú y, chỉ đọc vờ ít câu để phản đối chế độ hẹp hòi của Viện.

Những cử chỉ ấy có tính chất "tả" khuynh, hành động cô độc, không có ích gì cho sự thực hành. Các ông muốn cho quyền hạn Viện được nới rộng, chế độ tuyển cử được rộng rãi hơn, các ông hãy tranh đấu theo lối khác, tranh đấu bằng cách hăng hái thành lập Mặt trận Dân chủ trong Viện và ngoài Viện để phối hợp các cuộc tranh đấu của nghị trường với các cuộc tranh đấu của các lớp dân chúng để đạt mục đích của mình.

Chỉ có cuộc hành động thống nhất rộng rãi, bao gồm các đảng phái, các lớp nhân dân thì mới chống nổi thế lực phản động ở thuộc địa và đòi được các điều cải cách dân chủ tiến bộ và chính đáng.

TRÍ THÀNH

Báo *Dân chúng*, số 22, ngày 5-10-1938.

MẶT TRẬN DÂN CHỦ VỚI MẶT TRẬN CÔNG NÔNG TRONG VỤ TUYỂN CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN HẠT

TIỂU DẪN – Trong cuộc tranh cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ năm 1939. Mặt trận Dân chủ của Đảng phải đương đầu với các ứng cử viên phản động các loại, trong đó đáng chú ý là bọn tờrốtkít đưa ra chiêu bài Mặt trận Công nông để lừa gạt quần chúng và cử tri.

Qua bài báo này, Nguyễn Văn Cừ trình bày rõ quan điểm, đường lối của Đảng ta và thái độ của Mặt trận Dân chủ đối với các đảng phái trong cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ, cải thiện đời sống, chống phát xít, chống chiến tranh...

Tác giả vạch mặt bọn tờrốtkít lần này lại dùng thủ đoạn cũ để lừa dối và chỉ rõ sự hòa hợp với bọn tờrốtkít từ trước đến nay là sai lầm. Cuộc sống thực tế đó đã giáo dục cả Đảng viên và quần chúng thấy rõ bộ mặt thật xấu xa của tờrốtkít và chính sách đúng đắn của Đảng Cộng sản.

Kiên quyết chống bọn tờrốtkít và các đảng phái phản động, Đảng ta phân biệt những kẻ thật sự phản động với những người lầm đường theo chúng, nhằm phân hóa các tổ chức phản động, tranh thủ quần chúng ủng hộ Mặt trận Dân chủ, hay ít nhất cũng có thái độ trung lập.

Bài báo này là sự chuẩn bị về tư tưởng và chính trị cho các cử tri và quần chúng trong cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt Nam Kỳ tháng 4-1939.

Trong vụ tuyển cử sắp tới, kẻ có tiền hiếu danh, họ không có mặt trận nào; mà chỉ đổ tiền ra để lập thành mặt trận rượu thịt, đĩ điếm để cổ động và lôi kéo cử tri. Đó là phương pháp thông thường của họ, ngoài ra còn ai có các chương trình ứng cử nào nữa thì chưa rõ, song hẳn rằng sẽ có. Đó là theo lệ thường...

Còn bọn tờrốtkít xứ này thì đã đề ra sổ duy nhất của Mặt trận Công nông, đứng đầu là Tạ Thu Thâu (lãnh tụ tờrốtkít) và anh Nguyễn Văn Tạo, chiến sĩ của phái Đệ tam quốc tế.

Đứng về lập trường liên hợp các đảng phái, thì đề nghị của mấy ông tờrốtkít giống như hợp thời, song xét kỹ thì nó chỉ là một mưu kế gian trá của bọn ấy mà thôi. Nếu quốc dân còn nhớ, thì mấy năm trước, bọn tờrốtkít nhờ sự hợp tác sai lầm của phái Đệ tam ở tờ báo

La lutte *(tranh đấu)* [1] và vụ tuyển cử Hội đồng thành phố mà bọn Thâu, Thạch đắc cử và lan rộng ảnh hưởng. Lần này, chúng còn giở ngón cũ để lừa gạt, mong nhờ những sự "lộn sòng" ấy để đánh lừa quần chúng, mong che đậy hành động và lý luận phá hoại phản động, mong gây thêm thế lực và ảnh hưởng của chúng ở xứ này cho có hiệu quả hơn.

Sự hòa hiệp với bọn tờrốtkít trong thời kỳ đã qua là một sự sai lầm. Song nó cũng là một bước đường phải trải qua để cho những kẻ còn lầm bọn tờrốtkít có tính chất phản đế, cách mạng tả, sẽ do kinh nghiệm mà nhận thấy mặt thiệt hại của bọn tờrốtkít và sẽ đủ chứng cớ để hiểu con đường chính sách đúng đắn thành thật của chúng tôi.

Trên trường hoạt động chính trị, nhiều khi mặc dầu một chính đảng đã nhận rõ một vấn đề chính trị nào rồi, mà lúc thực hành còn cần phải lập lại vấn đề ấy để cho quần chúng tự kinh nghiệm mà nhận rõ. Đối với bọn tờrốtkít ở xứ này, kinh nghiệm đau đớn ấy cũng đủ rồi: mưu đoạt tờ báo *La lutte (tranh đấu)*, cướp tờ báo *Phổ thông* [2] một cách đê hèn, phá cuộc Đông Dương Đại hội bằng cách đăng bài khiêu khích hăm dọa mấy câu cách mạng tả đầu môi để đuổi những phần tử do dự thoát ly Đại hội, kết quả làm lợi cho thế lực phản động, phá các cuộc bãi công, các cuộc mít tinh, v.v...

Bây giờ bọn tờrốtkít ở *Tạp chí Tháng Mười* [3] thì hô hào lập sổ tuyển cử duy nhất của Thâu – Tạo; còn Tạ Thu Thâu thì tán thành đứng độc lập "tua" đầu, đến "tua" thứ nhì sẽ lập sổ duy nhất.

Đó là kế hoạch của họ. Chúng tôi không cần thí nghiệm nữa và quần chúng cũng thừa hiểu rồi.

Một lần nữa chúng tôi tuyên bố rằng: bọn tờrốtkít ở các nước cũng như ở đây, họ hô hào cách mạng ở đầu miệng mà sự thực thì họ

---

1. Báo *La lutte (tranh đấu)* là cơ quan ngôn luận chung của mấy đảng viên Cộng sản hoạt động công khai với những người theo chủ nghĩa quốc gia và tờrốtkít chủ trương, ra đời ngày 24-4-1933 đến 2-6-1933 ngừng một thời gian, rồi 4-10-1934 lại ra tiếp đến năm 1939. Từ tháng 6-1937 báo *La lutte (tranh đấu)* bị bọn tờrốtkít chiếm làm cơ quan chống Đệ tam Quốc tế, chống Đảng ta và Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

2. Báo *Phổ thông* nguyên là của Lê Hoàng chủ trương, số 1 ra ngày 16-10-1936. Đảng ta thuê tờ báo đó của Lê Hoàng chuyển thành báo cách mạng dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, ra số 1 ngày 18-2-1938 đến số 16 ra ngày 3-6-1938, sau đó Lê Hoàng đòi lại tờ báo và cho bọn tờrốtkít thuê; từ đó tờ *Phổ thông* trở thành báo phản động, chống cách mạng và Đảng ta.

3. *Tạp chí Tháng Mười* là tạp chí của bọn tờrốtkít, đứng đầu là Hồ Hữu Tường chủ trương, ra tháng 9-1938 đến tháng 4-1939, có 4 số.

đã mật thiết liên lạc với bọn phản động phát xít, ăn tiền phụ cấp để do thám cho chúng, v.v...

Chúng tôi đã nhiều lần tuyên bố rằng: *trong lúc này, chúng tôi thành thật liên hợp với các đảng phái chính trị vô luận cách mạng hay cải lương, miễn là cách mạng thì phải thành thật cách mạng, cải lương thì phải thật lòng cải cách.* Vì sự thật lòng đó tuy có khác nhau, nhưng trong một thời gian nhất định, sự thật lòng đó sẽ đưa tới một ít thành tích đích thực cho quần chúng, cho xứ sở.

Còn bọn cách mạng giả, cải lương lừa thì nó chỉ là phỉnh phờ, đạt tới quyền lợi cá nhân của họ mà thôi, dân chúng xứ này chẳng để cho họ lừa gạt đâu.

Bởi vậy chủ trương liên hợp các đảng phái của chúng tôi là liên hợp các đảng phái có một yêu cầu thiết thực tối thiểu, có quan hệ mật thiết với quyền lợi thiết thực hàng ngày của quốc dân.

Chúng tôi không chủ trương liên hợp với những phần tử tư bản và địa chủ phản động, cũng như không liên hợp với bọn giả cách mạng tờrốtkít. Chúng tôi không ghen ghét một cá nhân nào, một đảng phái nào. Chúng tôi chỉ ghét bọn phản động. Chúng tôi thân thiện với hết thảy lực lượng tiến bộ.

Song chúng tôi cần tuyên bố rằng chúng tôi không thù địch với quần chúng lầm theo bọn phản động và bọn tờrốtkít. Chúng tôi nhận thấy rằng còn có những kẻ mắc lầm theo bọn đó, nên chi đối với quần chúng ấy, chúng tôi hết sức thiết thực liên lạc và hoan nghênh họ trở sang con đường tranh đấu vì quyền lợi thực tế, không ảo tưởng viển vông. Đó là chỗ muốn của chúng tôi và cũng là chỗ muốn của các tầng lớp nhân dân xứ này.

Mặc dầu bọn tờrốtkít có một ít tay trí thức đủ điều kiện ra ứng cử Hội đồng, song chúng tôi đứng trên lập trường quyền lợi quốc dân, chúng tôi không thể vì thấy họ có ít căngđiđa mà vội bỏ [1] nguyên tắc chính trị để đi nhập bọn với bọn phản động khác vậy.

Chúng tôi sẽ có sổ ứng cử của Mặt trận Dân chủ, đứng đầu có Mai, Tạo, và nhiều phần tử cấp tiến khác trong các lớp nhân dân Nam Kỳ. Bản chương trình tranh đấu tối thiểu của Mặt trận Dân chủ sẽ đăng trên báo cho hết thảy các lớp dân chúng, các cử tri, các căngđiđa thảo luận.

---

1. Căngđiđa: Phiên âm tiếng Pháp (candidat), nghĩa là ứng cử viên.

Những căngđiđa ký tên và tuyên thệ trung thành với chương trình, thành tín với lời hứa, sẽ kiên quyết đấu tranh thống nhất ở nghị trường để tiêu biểu cho một lớp người ở xứ Nam Kỳ. Nó sẽ như những ông Nghị cấp tiến ở dân viện Trung Kỳ và khác hẳn với những ông Nghị đội lốt Mặt trận Dân chủ Bắc Kỳ [1] đã làm dơ bẩn danh giá cá nhân, phụ lòng tin cậy của quần chúng và trước hết đối với các cử tri tán thành Mặt trận Dân chủ. Họ không làm dơ được Mặt trận Dân chủ, vì họ tự phản bội, trái lại, họ chỉ làm cho quần chúng nhẫn mặt và căm tức bọn gian giảo và sau này cho họ bài học quý báu rằng *muốn chấp hành chương trình của Mặt trận Dân chủ cần phải cẩn thận lựa chọn những phần tử dân chủ chân chính, ít nữa cũng phải lựa chọn kẻ có lương tâm, thành thực trung tín với lời nói.*

Muốn có mặt trận thực hành (Mặt trận Dân chủ) hay muốn có mặt trận nói dóc (Mặt trận Công nông của tờrốtkít), hay là mặt trận đầu hàng quỵ lụy thế lực thuộc địa phản động, các cử tri có lương tâm, có giác ngộ quyền lợi quốc dân hãy tự chọn lấy.

TRÍ THÀNH

Báo *Dân chúng*, số 52, ngày 7-3-1939.

---

1. Cuộc tranh cử vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ năm 1938. Mặt trận Dân chủ giới thiệu những ứng cử viên là thành viên của mình, kết quả 14 người trúng cử, sau đó một số đảng viên Đảng Xã hội (SFIO), thành viên của Mặt trận, bị bọn phản động mua chuộc, quay ra phản bội Mặt trận, ủng hộ bọn phản động Bảo hoàng Phạm Lê Bổng, như Nguyễn Văn Lộ, Đặng Ngọc Phơn, Phan Gia Hội. Chúng ta vận động các báo chí ủng hộ Mặt trận Dân chủ lên án bọn Nghị viện phản bội và vận động chi nhánh Đảng Xã hội (SFIO) Bắc Đông Dương khai trừ chúng khỏi Đảng Xã hội.

SAU CUỘC TỔNG TUYỂN CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN HẠT NAM KỲ

TỰ CHỈ TRÍCH

TIỂU DẪN – Trong cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt Nam Kỳ tháng 4-1939, những người do Mặt trận Dân chủ giới thiệu bị thất bại, bọn tờrốtkít và một số phần tử phản động giành được các ghế Nghị viện.

Việc thất bại của Mặt trận Dân chủ trong cuộc tuyển cử đó có những nguyên nhân khách quan và chủ quan, cần được phân tích một cách khoa học. Nhưng một số cán bộ ở Đảng bộ Nam Kỳ khi ấy không thấy rõ vấn đề, đi tới những kết luận sai lầm, đã viết bài đăng lên báo, gây một quan hệ không tốt trong nội bộ và ảnh hưởng xấu trong quần chúng.

Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư của Đảng khi ấy ở Hà Nội, theo dõi chặt chẽ cuộc tuyển cử, đọc các bài báo tranh luận của một số cán bộ của Đảng, thấy rõ được bản chất của vấn đề, đã kịp thời viết bài gửi cho báo *Dân chúng* cơ quan Trung ương của Đảng, nhưng tòa soạn lại không đăng, nên Nguyễn Văn Cừ đã sửa các bài đó, viết thành cuốn *Tự chỉ trích*, tại một gác xép của Ngân hàng Nhà nước, do một đảng viên cộng sản làm việc tại đó bố trí.

Mục đích của cuốn sách là từ sự phân tích cụ thể cuộc tranh cử, khái quát rõ ràng sự đúng đắn, sáng tạo lớn trong đường lối, quan điểm, chính sách, sách lược của Đảng về Mặt trận Dân chủ nhằm thống nhất tư tưởng, tổ chức và hành động cho toàn Đảng, khắc phục những xu hướng lệch lạc "tả" khuynh và "hữu" khuynh, đồng thời uốn nắn phương pháp đấu tranh không bônsêvích của một số cán bộ, đảng viên.

Cuốn sách này ra đời vào lúc thế lực phản động ở Pháp và ở Đông Dương đang phản công các lực lượng dân chủ. Biết rằng địch sẽ tịch thu sách và khủng bố những người đọc sách này, nên sau khi in xong, Xứ ủy Bắc Kỳ đã tổ chức phát hành rất nhanh chóng vào Nam Kỳ, Trung Kỳ, Lào, Miên đưa về các cơ sở của Đảng, chỉ để lại vài quyển bày bán ở hiệu sách Đồng Xuân. Khi mật thám biết tin, đến tịch thu thì chỉ có mấy quyển.

Cho đến nay, tác phẩm của Nguyễn Văn Cừ vẫn giữ nguyên giá trị lý luận mà những người nghiên cứu lịch sử cách mạng Việt Nam và văn học cách mạng Việt Nam không thể không tìm hiểu một cách nghiêm túc.

Ở đây, chúng tôi in lại cuốn *Tự chỉ trích* theo đúng bản in lần đầu do Tập sách *Dân chúng* xuất bản, Nhà in Ngô Viết Viên ở 10 Cité Immobliere Hà Nội in, năm 1939.

Thêm vài bài học quan trọng của cuộc tổng tuyển cử Hội đồng quản hạt. Thử thảo luận về ý kiến "đánh đổ Đảng Lập Hiến" của anh Nguyễn Văn Tạo và chủ trương "Không đánh đổ một giai cấp nào, một đảng phái nào, của người bản xứ" của anh T.B.

Sau cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt, các lớp nhân dân có quan tâm đến thời cuộc trong xứ đều đương bàn luận về kết quả cuộc tuyển cử, về những nguyên nhân đã làm cho số Mặt trận Dân chủ của nhóm *Dân chúng* đưa ra bị thất bại, còn số tờrốtkít: Thâu, Hùm, Thạch [1] được đắc cử ở Quận Nhì; thì bài chỉ trích của anh Nguyễn Văn Tạo đăng ở *Đông phương tạp chí* số 6 và những bài của anh T.B. đăng ở *Dân chúng* số 67, 68, 69 đã đem thêm một mớ tài liệu cho cuộc thảo luận kia, đồng thời đặt ra một vài vấn đề mà dư luận độc giả, quốc dân và nhất là các đồng chí cộng sản vẫn đang xôn xao bàn luận.

Những vấn đề ấy là chủ trương "đánh đổ Đảng Lập hiến" của anh Tạo và chủ trương "không đánh đổ một đảng phái nào, một giai cấp nào của người bản xứ" của anh T.B.

Người viết bài này, không thể giữ thái độ lãnh đạm hay mù mờ với những việc xảy ra trên kia. Cũng như tất cả các đồng chí cộng sản khác, tôi thấy có bổn phận phải phân tích xác thực hoàn cảnh, không bi quan hoảng hốt mà cũng không đắc chí tự mãn, để tìm ra những nguyên nhân thất bại và nghiên cứu phương pháp sửa lỗi và tiến thủ. Cũng như tất cả các đồng chí khác, tôi thấy có trách nhiệm phải tham gia vào cuộc thảo luận của anh T.B, với anh Tạo, phải định rõ thái độ đối với những ý kiến mà các anh ấy đã đưa ra.

Thấy rằng những bài phân tích kinh nghiệm cuộc tuyển cử còn bỏ sót nhiều bài học quan trọng, nên tôi vội viết bài bổ khuyết. Không đồng ý với bài phê bình của anh Tạo, mà tôi cho là đầy lòng tự ái và có xu hướng tả khuynh, cô độc, và cũng không thể thừa nhận chủ trương của anh T.B. mà tôi cho là có nhiều xu hướng thỏa hiệp hữu khuynh, mặc dầu anh T.B. đã đưa ra nhiều nguyên tắc rất đúng, đã trích nhiều câu nói rất hay của Lênin – Stalin, nhưng anh đã đem ứng dụng một cách sai lầm. Vì thế, sau khi đọc hết bài của anh Tạo ở Đông Dương tạp chí số 6 và bài của anh T.B. ở *Dân chúng* số 67, 68,

1. Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch.

69, tôi lại viết một bài thảo luận về những ý kiến của các anh ấy đưa ra. Cả hai bài, bài trước viết cách đây đã gần hai tháng, bài sau cách đây hơn một tháng, tôi đều gửi cho Tòa soạn báo *Dân chúng* nhờ đăng, vì tôi nghĩ đăng *ở Dân chúng* thì có thể dễ thảo luận với anh T.B. và anh Tạo, với độc giả và các đồng chí đương phân vân bàn luận. Nhưng không hiểu vì bài vở thất lạc hay vì lẽ gì, điều mong mỏi của tôi không thực hiện được. Bất đắc dĩ tôi phải gửi in bài báo này vào Tập sách *Dân chúng*. Sự quyết định của tôi, tuy có miễn cưỡng, nhưng cần thiết, vì:

a) Vấn đề còn trong phạm vi thảo luận, ý kiến phê bình của anh Tạo và chủ trương "không đánh đổ giai cấp nào, đảng phái nào của người bản xứ" của anh T.B. chỉ có thể coi như ý kiến của cá nhân phát biểu ra, chứ chưa phải ý kiến thống nhất của toàn Đảng, vì chủ trương của Đảng không phải thế, vậy mỗi đảng viên có quyền tự do thảo luận, tự do chỉ trích, miễn là sự thảo luận luôn luôn giữ theo tinh thần bônsêvích, không làm giảm uy tín của Đảng;

b) Không thể chờ lâu hơn nữa được, vì các độc giả, các đồng chí trong xứ đương xôn xao thảo luận; nhiều người phân vân lộn xộn, vậy phải góp thêm ý kiến cho rộng đường thảo luận;

c) Những cuộc thảo luận điều khiển một cách đúng đắn là cần thiết để thống nhất tư tưởng, một sự thống nhất thật sự, mạnh mẽ, dựa trên sự giác ngộ và trung thành của mọi người;

d) Nhân dịp cuộc thảo luận này, tôi thử giải bày cái cốt yếu của chính sách Mặt trận Dân chủ mà Đảng Cộng sản đề xướng và đương thực hành.

Chính vì những lý do đó, nên tôi quyết định đem in cuốn *Tự chỉ trích này;* một phần lớn vẫn giữ nguyên văn bài đã gửi cho báo *Dân chúng,* chỉ có sửa đổi vài chỗ và thêm một vài đoạn cho thích hợp hơn.

Cũng vì những lý do đó, nên những kẻ nghịch chớ vội hý hửng tìm thấy ở một sự chia rẽ hay mầm bè phái gì giữa những người cộng sản mà uổng công. Vì sau khi thảo luận rõ ràng rồi, bao giờ trong hàng ngũ chúng tôi, thiểu số cũng phải phục tùng đa số, và chừng ấy chỉ có một ý chí duy nhất là ý chí của Đảng, ngàn người sẽ như một để thực hành ý chí ấy.

Tôi chắc chắn bạn T.B. và bạn Tạo là những chiến sĩ có trách nhiệm cũng đồng ý như thế.

Sau hết, một điều cần chú ý là, tôi chỉ có thể nói được ở đây mấy chỗ cốt yếu của chính sách Mặt trận Dân chủ mà phạm vi bài này cho phép. Còn muốn phô bày một cách rõ ràng, có hệ thống về chính sách Mặt trận Dân chủ thì phải cả một cuốn sách. Đó là vấn đề chính trị trung tâm ở xứ ta trong lúc này. Tôi hứa với các bạn sẽ thử bàn cái vấn đề đặc biệt quan trọng ấy trong một cuốn sách sẽ xuất bản nay mai.

Viết ngày 20-7-1939.

TRƯỚC HẾT HÃY NHẬN THẾ NÀO LÀ TỰ CHỈ TRÍCH BÔNSÊVÍCH?

Tự chỉ trích bônsêvích không phải là công kích Đảng, mạt sát Đảng, đặt danh dự cá nhân lên trên tất cả quyền lợi của Đảng, của cách mệnh như lối anh Tạo đã viết trong *Đông Dương tạp chí*. Anh Tạo lấy ý kiến không rõ ràng trong một bài báo của một bạn nào viết mà sau đó không thấy cải chính, cho đó là ý kiến chính thức của Đảng rồi công kích Đảng, đối chọi với Đảng. Cử chỉ như thế không có gì, giống với một người bônsêvích chân chính biết trọng uy tín của Đảng, coi nó làm cốt yếu, luôn luôn làm cho nó được tăng gia. Đối với uy tín của Đảng, thì danh dự cá nhân mình không có nghĩa lý gì hay nói đúng ra không có nữa, vì một người đảng viên cộng sản chỉ biết lấy uy tín, lấy danh dự chung của toàn Đảng làm danh dự của mình mà thôi.

Đây chưa bàn đến ý kiến của anh Tạo đúng hay không đúng, chỉ mới nói về cái lối chỉ trích không bônsêvích của anh. Đảng Cộng sản Đông Dương có con đường chính trị xác đáng, đã cương quyết tận tụy, bênh vực quyền lợi cho dân chúng; điều ấy đã hẳn và được chứng tỏ. Nhưng cũng chắc rằng Đảng vì còn trẻ tuổi, nên còn phạm nhiều điều khuyết điểm, nhiều sự sai lầm; điều ấy Đảng luôn luôn tự chỉ trích thành thật và mạnh dạn công nhận để sửa đổi. Mỗi đảng viên có quyền tự do thảo luận và tự chỉ trích, nhưng phải có nguyên tắc như trên đã nói.

Hơn nữa, theo những điều kiện đặc biệt về hoạt động ở xứ ta, Đảng Cộng sản chưa được công khai tổ chức; chính sách phản động thuộc địa đàn áp; do đó sự thống nhất ý chí và hành động gặp nhiều sự

khó khăn, vì vậy, căn cứ theo tinh thần những báo cáo và Nghị quyết của Đại hội thứ bảy của Quốc tế Cộng sản, một sự "bớt tập trung" (décentralisation) là có thể và cần thiết. Phải cần để cho sáng kiến và sự hoạt động do theo sáng kiến (activitéautonome) của các đảng viên được phát triển. Phải cần làm cho các đảng viên giác ngộ rõ ràng và đầy đủ trách nhiệm của mình, biết xoay phương hướng trong những hoàn cảnh khó khăn nghiêm trọng, biết tự chỉ trích đúng và kịp thời những khuyết điểm, sai lầm; đồng thời Đảng phải tìm cách củ soát một cách thiệt sự hơn những hành động của mỗi đảng viên. Vậy nếu anh Tạo thấy ý kiến của một đồng chí nào có chỗ mù mờ lộn xộn hay sai lầm, anh có quyền và cần chỉ trích, và nói cho cùng ra nếu Đảng ta có chỗ sai mà anh Tạo sáng suốt hơn, thấy trước được, anh cũng có thể đem ra chỉ trích và nếu anh chỉ trích đúng thì Đảng rất hoan nghênh. Nhưng bao giờ sự chỉ trích cũng là tự chỉ trích Bônsêvích, nghĩa là để huấn luyện quần chúng và giúp đảng viên tự huấn luyện, để làm tăng uy tín và ảnh hưởng của Đảng, để cho Đảng càng được thống nhất và củng cố, để đưa phong trào phát triển lên, đưa cách mạng tới thắng lợi; chứ không phải đặt cá nhân mình lên trên Đảng, đem ý kiến riêng - dù cho đúng - đối chọi với Đảng, vin vào một vài khuyết điểm mà mạt sát Đảng, phá hoại ảnh hưởng của Đảng, gieo mối hoài nghi, lộn xộn trong quần chúng, gây mầm bè phái chia rẽ trong hàng ngũ Đảng. Anh Tạo và mấy anh chủ trương Bộ biên tập *Đông phương tạp chí* có lẽ đã dư biết điều này, tôi rất mong các anh thành thực nhận cái sai lầm về chỗ chỉ trích sai nguyên tắc ấy.

Còn anh T.B. trong khi chỉ trích hành động của anh Tạo và bênh vực công cuộc của Đảng đã tỏ ra một chiến sĩ biết đặt quyền lợi của Đảng, của cách mạng lên trên hết, điều đó đáng hoan nghênh. Nhưng anh nói anh Tạo đã "nối giáo cho giặc", chúng tôi sợ có thể làm cho độc giả hiểu lầm; hơn nữa, dùng câu ấy hình như chính anh T.B. cũng chưa nhận rõ vấn đề chỉ trích. Công khai, mạnh dạn, thành thực vạch những nhầm lỗi của mình và tìm phương châm sửa đổi, chống những xu hướng thoạt đầu thỏa hiệp, như thế không phải làm yếu Đảng, mà làm cho Đảng được thống nhất, mạnh mẽ. Làm như thế không sợ địch nhân lợi dụng, chửi rủa, vu cáo cho Đảng; không sợ "nối giáo cho giặc". Trái lại, nếu "đóng kín cửa bảo nhau", giữ cái vỏ thống nhất mà bề trong thì hổ lốn một cục, đầy dẫy bọn hoạt đầu, đó mới chính là để cho quân thù chửi rủa; hơn nữa, đó tỏ ra không phải là một Đảng tiền phong cách mạng, mà là một Đảng hoạt đầu cải lương.

MỘT VÀI BÀI HỌC NỮA VỀ CUỘC TUYỂN CỬ CẦN VẠCH RÕ

Tôi rất đồng ý với bài phân tích của T.B. đã vạch những kinh nghiệm của cuộc bầu cử; nhưng tôi muốn nhấn mạnh vào chính sách đàn áp những người ứng cử cộng sản và Mặt trận Dân chủ, vì đó không phải là một nguyên nhân không quan trọng. Đồng thời tôi thấy cần phải chỉ rõ một vài kinh nghiệm nữa. Chúng ta không bao giờ có thể đổ hết những nguyên nhân thất bại cho việc quân thù đàn áp và cử tri chưa giác ngộ. Chúng ta phải biết nhìn nhận những khuyết điểm về chủ quan mà chính ta gây ra, chính ta phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Về phương diện này, không phải chỉ có một nguyên nhân chính là sự rắc rối căng thẳng do anh Tạo gây ra mà còn những sai lầm khác:

1. Mặt trận Dân chủ chưa hẳn hoi thành lập được là vì ta chưa được mạnh.

Chúng ta vận động để thành lập Mặt trận Dân chủ từ hơn hai năm nay. Đặc biệt trong cuộc tuyển cử, ta lại tăng sức hô hào các đảng phái, các phần tử dân chủ liên hiệp lại, bởi vì cuộc tuyển cử là một cơ hội thuận tiện cho các đảng phái liên hiệp. Tuy nhiên, Mặt trận Dân chủ với các đảng phái vẫn chưa thành lập hẳn hoi, mặc dầu có một ít nhà ứng cử cấp tiến ít nhiều. Điều đó vẫn biết một phần tại chính sách đàn áp, tại các phần tử tư bản tự do còn do dự, yếu ớt, nhưng phải nhận phần chính là tại ta chưa đủ sức lãnh đạo quảng đại quần chúng thúc giục các đảng phái, nhân vật, cấp tiến liên hiệp hành động, tại phong trào quần chúng chưa đủ mạnh để làm cho họ tin và mạnh dạn tham gia vào Mặt trận Dân chủ. Vậy ta chớ vì thấy ảnh hưởng Đảng và chính sách Mặt trận Dân chủ đương phát triển, đừng thấy Đảng đã lãnh đạo được nhiều cuộc tranh đấu, tờ báo *Dân chúng* in ra mỗi kỳ 7,8 ngàn số chẳng hạn mà mộng tưởng tự mãn cho rằng Đảng "đã có cơ sở vững chãi trong quảng đại quần chúng", như anh T.B. đã viết trong *Dân chúng*, anh T.B. ạ! Ta còn phải làm nhiều nữa, làm việc không ngớt để lan rộng ảnh hưởng Đảng trong những tầng lớp dân chúng rất đông đúc chưa giác ngộ, để lôi kéo

những đám quần chúng lớn lao xưa nay vẫn nằm yên hay lãnh đạm, rụt rè, tham gia và sinh hoạt chính trị, để kéo họ ra trường tranh đấu để cho lực lượng tổ chức của ta theo kịp ảnh hưởng lan rộng ấy, để gây cơ sở vững chãi trong quảng đại quần chúng, làm cho Đảng thành một Đảng chân chính của quần chúng tiến lên thực hiện Mặt trận Dân chủ thống nhất.

2. Những khuyết điểm về cách tuyên truyền và ứng dụng chính sách Đảng.

Chính sách lập Mặt trận Dân chủ thống nhất của Đảng ta chủ trương là rất thích hợp và đã được khá nhiều thành tích tỏ rằng được các lớp nhân dân hoan nghênh. Tuy nhiên, trong sự thực hành còn rất nhiều lầm lỗi. Mỗi cuộc thất bại là một dịp cho ta kinh nghiệm, coi những khẩu hiệu ta đề ra có được quảng đại quần chúng hiểu, công nhận và thực hành không. Nói chung, sự tuyên truyền vận động của ta từ trước đến giờ vẫn còn nhiều tính chất trừu tượng, nhiều di tích cô độc. Ví dụ như ta hô hào chống phát xít và chiến tranh mà ít chú ý đến những thủ đoạn tàn bạo của phát xít, những cảnh thảm khốc của chiến tranh phô bày trước mắt quần chúng hay như ta kêu gọi quần chúng chống sinh hoạt đắt đỏ, chống tăng thuế, tăng tiền mướn phố, mà không chú ý mở những cuộc điều tra xác thực để gần gũi quần chúng, để hiểu rõ nguyện vọng thiết tha của họ hơn. Nói riêng về cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt, chúng tôi thấy rằng ta quá thiên về cái nguy cơ phát xít Nhật mà ít nói tình cảnh các tầng lớp dân chúng bị đế quốc, bị thế lực phản động thuộc địa áp bức, bóc lột: ta hô hào dân chúng chống xâm lược phát xít Nhật, điều đó đã đành là cần thiết, nhưng ta lại cần chỉ rõ và kêu gọi quần chúng chống phản động thuộc địa để đòi các điều cải thiện cần kíp. Cuộc thất bại tuyển cử vừa qua bắt buộc ta phải suy xét, phải củ soát lại mà nhìn nhận những khuyết điểm về phương sách vận động của ta.

Sự tuyên truyền chống phát xít Nhật lại sai lầm đến nỗi trong một vài bài cổ động chỉ thấy nêu lên chống Nhật mà không hề đả động tới cuộc tranh đấu chống phản động thuộc địa, đòi tự do và cải thiện sinh hoạt cho dân chúng. Ấy chính sự ứng dụng và giải thích sai lầm về chính sách của Đảng, ấy chính những ý kiến và xu hướng hữu khuynh ấy, nó đã làm cho một số cử tri có tinh thần phản đế hiểu lầm, bị câu cực tả của bọn tờrốtkít lừa gạt. Nhiều bạn lại lộn xộn không hiểu rõ chính sách lập Mặt trận Dân chủ của Đảng là sự

liên hiệp các lớp nhân dân, các đảng phái tiến bộ để chống phát xít và chế độ thuộc địa phản động, là một hình thức đặc biệt của mặt trận phản đế rộng rãi. Vì không hiểu như thế, nên anh Mai Thọ Châu đã viết trong Dân chúng số 66 rằng:

"Chỉ trong 3 năm trời, Mặt trận Dân chủ chưa được phổ cập trong nhân dân, chưa ấn được tinh thần phản đế đã có hơn 70 năm nay".

Những sự giải thích chính sách Đảng như kiểu trên đây chỉ có thể phá hoại ảnh hưởng Đảng, làm tai hại cho Đảng. Xin các đồng chí từ nay về sau, trước khi muốn tuyên truyền chính sách của Đảng trên mặt báo, sách, phải có thảo luận với nhiều anh em đã.

3. Đừng khinh thường nạn tờrốtkít.

Về cuộc thất bại tuyển cử vừa qua, ta còn cần vạch ra một nguyên nhân rất quan trọng, ấy chính là sự khinh thường nạn tờrốtkít, sự khinh thường này đã thành như một cái bệnh ăn sâu trong đầu óc nhiều đồng chí ta. Chúng ta hễ thấy thất bại sơ sơ là đâm hoảng hốt bi quan. Song, ta phải có can đảm mở to mắt ra mà nhìn sự thật.

Bọn tờrốtkít, xét đến cốt tuỷ của chúng thì chúng chỉ gồm những cặn bã của phong trào nhóm họp nhau để chống cộng sản, chống cách mệnh, chia rẽ và phá hoại phong trào quần chúng. Nhưng vì chế độ áp bức bóc lột tàn nhẫn của bọn tư bản phản động, nhờ những câu "cách mệnh cực tả", nhờ che đậy bằng trăm nghìn mặt nạ, nên bọn tờrốtkít có thể phỉnh phờ lừa gạt được một số trí thức tiểu tư sản mà ngay cả một số thợ thuyền quá nóng nảy. Ở Nam Kỳ, đặc biệt ở Sài Gòn, Chợ Lớn, chúng lại nhờ núp dưới bóng cờ cộng sản mấy năm trước mà kiếm được ít nhiều ảnh hưởng. Hiện giờ, chúng đương hết sức luồn lỏi trong quần chúng, nhiều khi mạo nhận là cộng sản để chia rẽ. Đối với một kẻ thù hết sức nguy hiểm như thế, một vài bài báo vạch mặt nạ nó không đủ làm cho quần chúng nhận rõ. Cần phải thâm nhập vào các tầng lớp dân chúng, chú ý từng lời nói từng hành động của bọn tờrốtkít để vạch những mưu mô khiêu khích của chúng ra, đặc biệt chú ý giao thiệp với anh em trí thức và thợ thuyền nghe lầm theo chúng. Nhận định rằng phần đông cử tri đã bỏ thăm cho chúng là vì cảm tình cá nhân, một số ít vì thái độ phản đối suông, nhận định như thế là tỏ ra khinh thường tờrốtkít. Sự thật vẫn có một số người vì cảm tình cá nhân mà bỏ thăm cho bọn Thâu, nhưng có một số đông vì bất bình chính sách phản động thuộc địa và vì lầm

tờrốtkít là cách mệnh nên bầu cho chúng. Ý kiến của anh bạn nào (có lẽ là anh T.B.) trong bài *Kết quả lần tuyển cử thứ nhất (Dân chúng số 59)* nói: "Đa số cử tri đã phun nước miếng vào mặt chúng" (tờrốtkít ở quận Nhì) đã biểu lộ rõ một sự tự mãn (suffisance), một xu hướng khinh thường nạn tờrốtkít.

Phạm vi bài này chỉ có thể nói được bấy nhiêu. Có dịp khác chúng tôi sẽ bàn tới cách tranh đấu để tẩy trừ con sâu độc tờrốtkít. Bây giờ ta sẽ bàn sang vấn đề: "Không chủ trương đánh đổ một giai cấp nào, một đảng phái nào của người bản xứ".

KHÔNG THỂ LIÊN HIỆP VỚI CÁC ĐẢNG PHẢN ĐỘNG

Trước hết phải nói ngay rằng chủ trương "không đánh đổ một giai cấp nào, một đảng phái nào của người bản xứ" là ý kiến riêng của anh T.B, chứ không phải là chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương như anh T.B đã viết trong *Dân chúng* số 68. Chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trong lúc này là: *Liên hiệp hết các lớp nhân dân, các lực lượng cải cách dân chủ tiến bộ*, không phân biệt giai cấp, *đảng phái, tôn giáo, dân tộc, vào một mặt trận dân chủ thống nhất để chống phản động thuộc địa, chống phát xít, đòi tự do, cơm áo, hòa bình"*. Hai ý kiến trên đây mới nghe thấy nói: một đằng "không đánh đổ một giai cấp nào, đảng phái nào của người bản xứ", một đằng "không phân biệt giai cấp đảng phái" thì như tuồng giống nhau. Nhưng sự thực khác nhau nhiều, vì chủ trương của Đảng Cộng sản tuy "không phân biệt giai cấp đảng phái" nhưng vẫn có giới hạn, có nguyên tắc rõ ràng, nó chỉ *liên hiệp không phân biệt giữa những đảng phái cách mệnh hay cải lương đứng trên lập trường của một bản chương trình hành động tối thiểu, tranh đấu chống phản động, chống phát xít. Không bao giờ Đảng chủ trương "liên hiệp hết các đảng phái người bản xứ, không phân biệt cải lương với phản động, mà chỉ kịch liệt công kích và đánh đổ những phần tử phản động thôi, vô luận thuộc về đảng phái nào,-giai cấp nào"*, như bài của anh T.B trong *Dân chúng* số 68 đã nói.

Chắc anh T.B sẽ đưa ra câu trả lời anh Tạo hỏi: "Đảng Cộng sản Đông Dương có đi chung với đảng Bảo hoàng của Phạm Lê Bổng không?" mà cãi lại rằng anh đã tuyên bố: "Trong lúc này chúng tôi thành thực liên hiệp với các đảng phái chính trị vô luận cách mạng hay cải lương, miễn là cách mạng phải thành thực cách mạng, cải lương phải thực lòng muốn cải cách". Phải, câu này thì đúng, nó hợp với chủ trương của Đảng Cộng sản. Nhưng khốn nỗi ở dưới đó một chút, anh T.B lại viết luôn "chúng tôi không liên hiệp với những phần tử địa chủ, tư bản phản động, cũng như không liên hiệp với bọn giả danh cách mạng tờrốtkít." Ở chỗ khác anh T.B lại viết: "Theo chủ trương của Đảng – không phải, anh T.B. ạ của anh đấy! – thì chỉ đánh đổ những phần tử phản động, trong các đảng phái, trong các giai cấp, như vậy thì còn có một bộ phận lớn giai cấp đi với mình".

Rõ ràng là anh T.B. lộn xộn, không nhận rõ mối tương quan giữa *phần tử và đảng phái,* không nhận rõ *đảng phái* là một danh từ rộng hơn *phần tử;* nên mới có chỗ anh viết: "liên hiệp với đảng phái cách mạng hay cải lương"; mà những chỗ khác, an lại viết "Liên hiệp với các đảng phái của người bản xứ, chỉ trừ những phần tử phản động". Cái sai lầm của anh T.B. là không phân biệt *một đảng phái cải lương và đảng phái phản động, không biết nhận rõ ràng: trong chính sách liên minh, chúng ta, những người cộng sản, chỉ có thể tùy theo hoàn cảnh mỗi lúc mà liên hiệp với những đảng phái cách mạng hay những đảng phái cải lương, tiến bộ ít nhiều, chứ còn với những đảng phản động thì không bao giờ có thể liên minh được.* Ở Pháp người cộng sản không thể liên minh với đảng Hoả thập tự, [1] đảng Đôriô, [2] đảng Cagula phát xít. [3] Ở Đông Dương người cộng sản cũng không thể có liên minh với những tổ chức phát xít, những tổ chức làm tay sai cho phát xít, cho phản động thuộc địa, dù của người Pháp hay người bản xứ!

---

1. *Hỏa thập tự* (Croix de feu): Một tổ chức phát xít ở Pháp, đứng đầu là Đờ La Rôcơ (De La Rocque).

2. *Đôriô*(Doriot): Nguyên là Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, Ý sau đầu hàng bọn phát xít, phản bội Đảng Cộng sản Pháp.

3. *Cagula* (Cagulardes): Một tổ chức phát xít bí mật ở Pháp ủng hộ bọn phát xít Đức và Ý: do bọn tài phiệt tổ chức, hoạt động phá hoại trên nhiều thành phố ở nước Pháp và cả Angiêri (khi đó là thuộc địa Pháp).

CÁC ĐẢNG PHẢN ĐỘNG NGƯỜI BẢN XỨ LÀM TAY SAI CHO PHÁT XÍT VÀ ĐẾ QUỐC

Ở thuộc địa, vì hoàn cảnh đặc biệt nên phong trào phát xít, các tổ chức phát xít phát triển theo những đường lối và hình thức khác, song ta chớ nên coi thường.

Căn cứ vào cái quan niệm: chế độ phát xít là một chế độ độc tài khủng bố của những phần tử phản động nhất, sô vanh nhất, đế quốc nhất, tư bản tài chính: chế độ phát xít phát triển trên cái nền tư sản dân chủ đã phá sản; chính bọn xã hội dân chủ đã dọn đường cho phát xít lên cầm quyền – thì cố nhiên ở xứ thuộc địa và bảo hộ không thể có một thứ phát xít như thế.

"Tuy vậy, ta không chối rằng trong nhiều xứ thuộc địa và bảo hộ trong mấy năm gần đây, nhất là từ khi bọn phát xít lên cầm quyền ở Đức, cái phong trào gọi là phát xít đã phát triển lên" *(Vương Minh, trong bài báo cáo về" Mặt trận thống nhất ở các xứ thuộc địa", đọc tại Hội nghị thứ Bảy của Quốc tế Cộng sản).*

Riêng ở Đông Dương, chúng ta đã thấy đảng Trật tự xã hội của bọn quan năm Xi (See) và tên sát nhân Đáclờ (Darles). Sở dĩ tổ chức của chúng còn sơ sài, hoạt động của chúng không kịch liệt, là vì hiện giờ chính sách thuộc địa và bộ máy cai trị đã phản động lắm rồi. Chúng ta lại đương thấy bọn phong kiến mục nát và những phần tử địa chủ, tư sản phản động nhất lăm le lập đảng Bảo hoàng (hay có thể là một đảng gì đó) để làm tay sai cho đế quốc, xin tăng quyền cho bọn vua quan đàn áp phong trào dân chúng và cách mệnh.

Chính vì cái phong trào phát xít hay có thể gọi là phát xít không phải là không có ở xứ thuộc địa, cho nên đồng chí Vương Minh, cũng trong bài báo cáo nói trên, lại có nói: "Chúng ta tuyệt nhiên không nên coi thường cái vai trò và sự quan trọng của phong trào phát xít tổ chức ở thuộc địa, vì, đúng theo ý nghĩa các phần tử phản động nhất trong bọn địa chủ và tư sản ở các xứ thuộc địa và bảo hộ đang dùng cây cờ phát xít "thành một" để chống lại cách mệnh dân chúng và làm cho cái ách đế quốc lại càng nặng nề hơn đối với dân chúng và xứ sở".

MẶT TRẬN THỐNG NHẤT Ở BÊN TRÊN VÀ MẶT TRẬN THỐNG NHẤT Ở BÊN DƯỚI

Đối với những đảng phái có tính chất và chương trình ít nhiều cải cách, Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương thống nhất hành động, nếu trong các đảng ấy có bọn lãnh tụ phản động thì công kích và đánh đổ bọn lãnh tụ ấy, nhưng vẫn tán thành liên minh với đảng ấy. Còn đối với bọn phản động làm tay sai cho đế quốc, cho phản động thuộc địa *thì dù cho người ngoại quốc hay người bản xứ tổ chức,* Đảng Cộng sản cũng chủ trương đánh đổ tất cả những đảng phản động ấy. Cố nhiên là Đảng Cộng sản Đông Dương sẽ luôn luôn vạch rõ mặt nạ của những tổ chức phản động ấy để kéo những lớp nhân dân nào còn theo lầm ảnh hưởng chúng về phe Mặt trận Dân chủ, cũng như Đảng Cộng sản Pháp chống Đảng Hỏa thập tự, đồng thời cố kéo lấy đám quần chúng lầm theo bọn ĐờLa Rốccơ. Đó là chính sách mặt trận thống nhất ở bên dưới, chứ không phải là thống nhất từ dưới lên trên như đối với các đảng cải lương hay cách mệnh.

TRONG MỘT GIAI CẤP CÓ THỂ CÓ NHIỀU ĐẢNG

Anh T.B. lúng túng trong những chữ *phần tử và giai cấp,* lộn xộn giữa đảng phái cải lương và phản động, là vì anh không nhận rõ trong một giai cấp có nhiều tầng lớp và có thể có nhiều đảng phái chớ không nhất thiết chỉ có một đảng, nên anh mới có chủ trương "không đánh đổ một đảng phái nào của người bản xứ", mà chỉ "đánh đổ những phần tử phản động", cho rằng như thế mới "còn một bộ phận lớn của giai cấp tư sản bản xứ đi với mình". Nhưng một đảng không nhất thiết đại biểu cho cả một giai cấp, mà nhiều khi, nó chỉ đại biểu cho một tầng lớp (couche) của giai cấp ấy. Vì thế ta có thể đồng thời đánh đổ đảng phái phản động của những phần tử đại địa chủ, tư sản và liên minh với tất cả các đảng phái cải lương; và như vậy vẫn có thể kéo được một bộ phận lớn của tư sản bản xứ đi về phe Mặt trận Dân chủ.

NGƯỜI CỘNG SẢN LÀ CHIẾN SĨ THỰC TẾ, NHƯNG KHÔNG PHẢI LÀ BỌN CHÍNH TRỊ CẬN THỊ

Có người muốn bào chữa cho anh T.B. nói rằng: chủ trương của anh T.B. là chỉ căn cứ vào hiện tình các đảng phái ở Đông Dương trong lúc này, anh chưa có ý kiến đánh đổ đảng phái phản động của người bản xứ, vì hiện thời những đảng phái ấy chưa có. Nhưng sự bào chữa ấy không đứng vững, vì:

1. Hiện thời đảng Bảo hoàng, do bọn phong kiến và những phần tử địa chủ, tư bản bản xứ phản động nhất như Phạm Quỳnh, Phạm Lê Bổng vận động tuy chưa thành tổ chức đàng hoàng, song nó đương thành hình và bọn chủ mưu đương chạy sang Pháp luồn lọt các giới tư bản phản động để xin thêm ân huệ cho chúng để chúng làm tay sai cho đế quốc.

2. Người cộng sản chẳng bao giờ hô hào những chuyện cao xa viển vông cho sướng miệng, nhưng căn cứ vào sự thực, đồng thời nắm lấy sự đi tới (le devenir) của sự vật, hiểu thấu luật tiến hóa của xã hội. Chiến sách lập Mặt trận Dân chủ không phải chỉ thực hành từ mấy năm vừa qua cho đến ngày hôm nay thôi, nó sẽ còn thực hành mấy năm nữa... Không ai có thể nhận định trước cho đến khi tình thế thay đổi thì chiến sách sẽ thay đổi. Nhưng từ nay cho đến lúc ấy, những đảng phái phản động do người bản xứ tổ chức, sẽ thành lập hẳn, vậy người cộng sản vận động Mặt trận Dân chủ phải có một thái độ chung đối với những đảng phái phản động ấy, mà cái thái độ ấy không thể là liên hiệp với hết thảy các đảng phái không phân biệt cải lương hay phản động như chủ trương của anh T.B.

CĂN CỨ VÀO HÀNH ĐỘNG ĐỂ XÉT ĐOÁN NGƯỜI CÁCH MỆNH

Còn có người muốn bào chữa cho anh T.B lại nói: có lẽ anh viết không rõ ràng, chứ anh không hề nhận định có thể liên hiệp với đảng phản động đâu. Phải, tôi cũng có thể tin như thế, nhưng vì:

1. Xét một người cách mệnh cũng như một đảng chính trị, người ta chỉ căn cứ vào chương trình và hành động của họ, chứ ai lại căn cứ vào ý nghĩ không hề nói ra của họ.

2. Chủ trương sai lầm của anh T.B không phải chỉ thấy trong đoạn này, nó đã biểu lộ trong suốt bài này và trong nhiều bài khác, ở nhiều dịp khác, nó không phải là một sơ xuất tình cờ, nó đã gần thành một xu hướng mà ta có thể gọi là *xu hướng thỏa hiệp, xu hướng hữu khuynh*. Vì vậy, lý lẽ bào chữa trên kia cũng không đứng vững được.

KHÔNG ĐÁNH ĐỔ CÁC GIAI CẤP BẢN XỨ TRONG GIAI ĐOẠN LẬP MẶT TRẬN DÂN CHỦ

Bây giờ bàn đến chủ trương "không đánh đổ giai cấp nào của người bản xứ". Anh T.B. đã viết trong *Dân chúng* số 68: "Nếu người cộng sản Pháp mà ra khẩu hiệu: không chủ trương đánh đổ giai cấp nào của người bản xứ, thì đó là sai. Song, người cộng sản xứ thuộc địa có thể đề ra câu ấy; trong hoàn cảnh này lại càng đúng". Ý kiến này của anh T.B. cũng lại có chỗ mù mờ. Đã hay rằng trong hoàn cảnh này (phát xít tấn công), ta phải chủ trương lập Mặt trận Dân chủ để dự bị điều kiện cho cách mệnh phản đế và thổ địa (tư sản dân chủ), chủ trương không đánh đổ một giai cấp nào của người bản xứ là đúng *trong lúc này* và chỉ trong lúc này thôi. Còn nói theo luận điệu của anh T.B. như trên thì độc giả có thể hiểu lầm rằng trong hoàn cảnh này, chủ trương "không đánh đổ một giai cấp bản xứ nào..." đã đúng, thì trong những hoàn cảnh khác (ví dụ như hoàn cảnh trực tiếp làm cách mệnh tư sản dân chủ chẳng hạn) cũng có thể đề ra câu ấy. Mà như thế là sai, vì trong thời kỳ làm tư sản dân chủ cách mệnh, tuy chưa đánh đổ giai cấp tư sản bản xứ, nhưng giai cấp địa chủ thì cần phải đánh đổ chứ? Có lẽ anh T.B. cũng nhận như chúng tôi, song những ý kiến và luận điệu của anh rất lờ mờ lộn xộn và vì vậy có thể là sai lầm nguy hại. Theo chúng tôi, đối với câu hỏi: "Có đánh đổ một giai cấp bản xứ nào không?" phải trả lời rõ như sau: "Chúng tôi là người Cộng sản Đông Dương, chúng tôi không giấu giếm mục đích cách mệnh mà chúng tôi theo đuổi, nghĩa là chúng tôi chủ trương làm cách mệnh tư sản dân chủ (phản đế và thổ địa), giải phóng dân tộc,

thủ tiêu những di tích phong kiến và để tiến lên cách mệnh xã hội, thủ tiêu sự bóc lột tư bản và xây dựng xã hội chủ nghĩa, thực hiện cộng sản chủ nghĩa. Như thế nghĩa là trong bước quá trình cách mệnh ấy, chúng tôi không những chủ trương đánh đổ một giai cấp mà chúng tôi đánh đổ tất cả những giai cấp nào muốn duy trì chế độ người bóc lột người. Trong cuộc cách mệnh tư sản dân chủ, chúng tôi đánh đổ đế quốc và phong kiến địa chủ; khi tiến lên, chúng tôi đánh đổ giai cấp tư sản bóc lột.

Nhưng đứng trước hoàn cảnh hiện tại: phát xít tấn công, nguy cơ Nhật Bản hăm dọa, chính sách phản động nặng nề, chúng tôi chưa đánh đổ một giai cấp nào của người bản xứ, chỉ đánh đổ những phần tử và những đảng phái phản động; chúng tôi chủ trương thống nhất hành động của hết thảy các lớp nhân dân, các lực lượng cải cách dân chủ để đòi tự do tiến bộ.

ĐỊA VỊ VÀ NĂNG LỰC CỦA CÁC ĐẢNG PHÁI VÀ LÃNH TỤ CẢI LƯƠNG

Muốn ứng dụng đúng và thắng lợi chính sách Mặt trận Dân chủ không phải chỉ đề lên mấy nguyên tắc chung như thế là đủ; cần phải lấy con mắt của người cách mệnh thực tế mà xem xét rõ địa vị và năng lực của các đảng phái và lãnh tụ cải lương ở Đông Dương.

Ta không thể đem những khái niệm "đảng phái", "lãnh tụ", "quần chúng" ở các xứ tư bản Âu - Mỹ mà đặt một cách máy móc vào hoàn cảnh Đông Dương. Ta phải biết phân tích tình hình theo mác xít, phải biết những điều kiện đặc biệt của Đông Dương. Ở các xứ tư bản, các đảng cải lương đã phát triển hàng mấy chục năm, có tập truyền và cỗi rễ sâu xa trong quần chúng, có hệ thống tổ chức và quy tắc đàng hoàng; còn ở Đông Dương, vì điều kiện phát triển của lịch sử, giai cấp tư sản bản xứ rất hèn yếu, các đảng phái của nó phần nhiều chỉ có tên, chớ còn sự hoạt động gần như không có gì, lại thường không có quy tắc rõ ràng; nếu như có một vài tay lãnh tụ cải lương được một số người hoan nghênh thì nhiều khi cũng chỉ vì cái tài ba cá nhân hoặc thái độ cứng cỏi ít nhiều của họ, chớ ít khi tập hợp chung quanh một chương trình. Sự quan hệ giữa "lãnh tụ" cải lương và "quần chúng" theo họ đã mỏng manh như thế, cái vai tuồng của

các đảng phái cải lương trong sinh hoạt chính trị trong xứ đã yếu ớt như thế, nên đứng về người chiến sĩ thực tế (réaliste), xét mối tương quan lực lượng các giai cấp để định chiến thuật cách mạng, tuy không khinh thường và xua đuổi mấy tay lãnh tụ cải lương, tuy vẫn tìm cách liên hiệp hành động với họ, song ta cũng đừng quá tôn trọng họ, quá tâng bốc họ một cách không đáng.

Cái cốt yếu của Mặt trận Dân chủ là sự liên minh giữa các tầng lớp nhân dân chống phát xít, chống phản động. Câu nói này lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và càng hết sức đúng cho xứ Đông Dương là xứ mà các đảng phái cải lương đã vừa rất ít lại vừa rất hèn yếu. Mặt trận Dân chủ thực hiện được hay không chỉ cốt yếu là do lực lượng tranh đấu của quần chúng. Đồng thời, ta vẫn thành thực vận động khiến cho các đảng phái và các phần tử tư sản tự do vì quyền lợi của giai cấp họ và quyền lợi của dân tộc, mạnh dạn cùng đi với dân chúng đòi các điều cải cách cần kíp.

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI ĐẢNG LẬP HIẾN

Nhiều người đã biết Đảng Lập hiến không có quy tắc và tổ chức gì rõ rệt cả, mà chỉ đại biểu cho một xu hướng cải cách của tư sản và địa chủ. Lúc đầu nó được một bộ phận giai cấp tư sản và địa chủ ủng hộ mà cũng có một số quần chúng công, nông, tiểu tư sản thành thị hoan nghênh, nhưng sau vì chủ trương quỵ lụy, đầu hàng đế quốc, vì thái độ hèn nhát và ích kỷ của bọn lãnh tụ, nên dân chúng đã hết sức chán ghét, cả những tầng lớp tư sản và địa chủ ngày càng mất tín nhiệm, vì đó bọn Chiêu, Liêm, Nhường, Liêng, Chín [1] bị tẩy ra khỏi Hội đồng quản hạt trong kỳ mới rồi. Cái xu hướng cải cách của Đảng Lập hiến còn có đôi chút những tầng lớp tư sản, địa chủ, song cái tên Đảng Lập hiến đã bị thiên hạ khinh khi, thậm chí những lãnh tụ Lập hiến trước kia cũng đã từng theo con đường thỏa hiệp đầu hàng mà nay không theo hẳn hoặc ly khai bọn lãnh tụ phản động Chiêu, Liêm (như các ông Long, Khá, Sâm) [2] cũng đều phủi tay, không nhận mình là Lập hiến nữa. Đó là sự thực, chứ không phải là

1. Bùi Quang Chiêu, Lê Quang Liêm, Vương Quang Nhường, Đặng Thúc Liêng, Huỳnh Văn Chín.

2. Nguyễn Phan Long, Trần Văn Khá, Nguyễn Văn Sâm.

chuyện trong đầu óc. Cho nên, đối với Đảng Lập hiến cần phải nói rõ như thế cho quần chúng hiểu và cần phân biệt rõ như vậy:

1. Đánh đổ bọn lãnh tụ phản động Chiêu, Liêm và tất cả cái chủ trương, cái xu hướng Lập hiến (theo kiểu Chiêu, Liêm) nghĩa là quỵ lụy đầu hàng đế quốc.

2. Đối với các tay lãnh tụ gần đây có đôi chút xu hướng đứng về phe cải lương tấn bộ (như Long) hoặc còn rất lừng chừng hèn nhát (như Khá) thì phải chỉ trích những sai lầm về trước và thái độ do dự, cô độc hiện thời của họ, thúc giục họ hãy hành động theo như những lời tuyên bố, để cho việc làm đi đôi với lời nói, kéo họ về phe Mặt trận Dân chủ.

3. Còn đối với các tầng lớp địa chủ và tư sản bản xứ có xu hướng Lập hiến, hay nói chung, có xu hướng cải cách thì phải chỉ cho họ rõ thái độ phản động hoặc hèn nhát của bọn lãnh tụ, khuyến khích họ thống nhất hành động với các lớp nhân dân để đòi cải cách, vì chỉ có con đường ấy mới đòi lại được tự do bình đẳng. Con đường đầu hàng chỉ đưa đến phá sản và bị khinh khi.

CẦN PHÂN BIỆT BỌN PHẢN ĐỘNG VỚI BỌN CÔ ĐỘC HÈN NHÁT ĐỂ KÉO KẺ CÓ THỂ ĐỒNG MINH

Anh Tạo chủ trương không phân biệt bọn phản động với bọn hèn nhát, bọn đã làm tay sai cho đế quốc với bọn đang do dự, lừng chừng, tức là không biết lợi dụng những mâu thuẫn giữa phe địch để kéo kẻ có thể đồng minh, để thúc giục họ hành động chống kẻ thù nguy hiểm hơn hết, kẻ thù chung. Người cách mạng mà không biết đi quanh co, không biết đi tìm hiểu đồng minh, lại xua đuổi trước những kẻ có thể đồng minh thì thật không phải là kẻ lãnh đạo phong trào. Và đó chỉ là một xu hướng "tả" khuynh cô độc, không biết xông pha trong những đường núi gập ghềnh hiểm trở, không biết chèo chống trong những cơn phong ba bão táp. Chắc hẳn bạn Tạo cũng nhớ câu nói sau này của Lênin trong cuốn *Bệnh ấu trĩ của chủ nghĩa cộng sản:* "Lãnh đạo cuộc chiến tranh chống giai cấp tư bản đế quốc là cuộc chiến tranh trăm lần khó khăn, lâu dài hơn, phức tạp hơn, vô luận cuộc chiến tranh nào giữa các nước tư bản, mà từ chối trước

không chịu đi quanh co, không biết lợi dụng (dù chỉ trong chốc lát) những mâu thuẫn về quyền lợi giữa quân thù mình, không chịu ký hiệp ước (dù chỉ tạm thời, không chắc chắn) với kẻ có thể đồng minh, như thế có phải là ngu xuẩn đến cực điểm không"?

NHƯNG CŨNG CẦN PHÂN BIỆT THÁI ĐỘ BỌN CẢI LƯƠNG LỪNG KHỪNG HÈN NHÁT VỚI CHỦ TRƯƠNG THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG ĐỂ KÉO QUẦN CHÚNG TRANH ĐẤU

Còn chủ trương như anh T. B. viết trong bài *Kết quả kỳ tuyển cử lần thứ nhất (Dân chúng số 58)* chỉ vạch mặt nạ bọn lãnh tụ phản động Chiêu, Liêm và nói suông một câu rằng: "cử tri đã bầu cho Khá, Thuận [1] là tỏ ra giác ngộ đôi chút", mà sau đó không chỉ rõ cho quần chúng thấy thái độ cô độc, khiếp nhược của mấy người ấy, đem đối chiếu với chủ trương thống nhất hành động chống phát xít, chống phản động của người cộng sản để kêu gọi quần chúng công, nông, tiểu tư sản và các tầng lớp hữu sản bản xứ liên hiệp tranh đấu đòi tự do, cải cách chung cho cả dân tộc, xứ sở, chủ trương như anh T. B. đó có tính chất và xu hướng thỏa hiệp hữu khuynh.

Chúng ta vận động thực hiện Mặt trận Dân chủ song không vì đó mà hóa ra cải lương.

Chúng ta vẫn giữ độc lập về chính trị và tổ chức. Và như vậy, chúng ta không thể để cho quần chúng lờ mờ lộn xộn, chúng ta phải giữ quyền lãnh đạo cho vô sản, kéo quần chúng ra đấu tranh "khôn khéo liên lạc sự tuyên truyền chính sách Mặt trận Dân chủ với chủ nghĩa Mác – Lênin..." như Đimitrốp đã dặn.

Chỉ có như thế ta mới tranh đấu thực hiện được Mặt trận Dân chủ, đòi được các quyền tự do dân chủ. Và cũng chỉ có như thế ta mới có thể đẩy cuộc vận động dân chúng tới xa hơn nữa, *dự bị một cách thật sự* lực lượng cho cách mệnh phát triển.

Đồng chí Đimitrốp cũng đã dặn ta: "Trong khi liên minh với Đảng Xã hội phải luôn luôn chỉ trích chủ nghĩa xã hội dân chủ hoạt đầu".

---

1. Trương Công Thuận.

Thật vậy, chỉ trích cũng có nhiều thứ: có thứ chỉ trích theo kiểu tờrốtkít, nghĩa là chửi rủa, vu cáo để phá hoại phong trào; nhưng cũng có thứ chỉ trích của người cách mệnh tìm tòi những lầm lỗi của mình, nghiên cứu phương pháp để sửa đổi, để tiến lên; có thứ chỉ trích của người cách mạng vạch mặt nạ bọn phản động; có thứ chỉ trích thân mật những chỗ nhu nhược của bạn đồng minh; có thứ chỉ trích nghiêm khắc kẻ lung lay, do dự để mong kéo họ về mình. Chúng ta không vu cáo như bọn tờrốtkít. Chúng ta không cãi vã những chuyện nhỏ nhen. Chúng ta là người cách mạng, chúng ta đứng về lợi ích và công cuộc của dân chúng mà chỉ trích những khuyết điểm, những chỗ lừng chừng hoặc hèn nhát để đẩy phong trào phát triển mạnh mẽ rộng rãi hơn.

Nhận như thế, ta không thể đồng ý với anh T. B. khen suông một câu rằng cử tri đã bầu cho Khá, Thuận là có phần cấp tiến. Ta cũng không thể hoàn toàn đồng ý với anh T. B. nói suông rằng Đông Dương Đại hội bị thất bại là vì bọn tờrốtkít chửi rủa chia rẽ. Vì đó mới chỉ là một nguyên nhân, còn những nguyên nhân quan trọng nữa, như chính sách đàn áp của đế quốc, thái độ hèn nhát của các phần tử cải lương cũng cần chỉ rõ ra. Và nhất là cần phải chỉ ra cái nguyên nhân hết sức quan trọng là: cuộc vận động dân chúng tuy bồng bột, nhưng chưa được sâu sắc, mạnh mẽ, cuộc thống nhất hành động của các lớp nhân dân chưa được gắn bó chặt chẽ, vì vậy bọn phản động bóp nghẹt dễ dàng.

MUỐN THỰC HIỆN MẶT TRẬN DÂN CHỦ PHẢI KHUYẾCH TRƯƠNG CUỘC VẬN ĐỘNG CỦA DÂN CHÚNG

Phải, như anh T. B. đã viết, chúng ta "không cố chấp những sai lầm hiềm thù đã qua, cũng không trông về tương lai lâu dài, mà chỉ xét hành động gần đây của các đảng phái, các cá nhân để quyết định sự trung lập hay hợp tác".

Nhưng cũng cần nói rõ: Mặt trận Dân chủ thực hiện được hay không, điều cốt yếu không phải ở sự mưu mô ký kết, o bế các đảng phái, các lãnh tụ của họ. Kinh nghiệm đã chỉ cho ta thấy rằng những sự ký kết trong phòng giấy đã dẫn tới nhiều sự phản bội nhơ nhuốc.

Chúng ta vẫn thiết tha kêu gọi các đảng phái thống nhất hành động. Nhưng chúng ta không bao giờ chỉ nhìn thấy có một vài đảng phái cải lương yếu ớt, không có quần chúng, và có khi lại bị quần chúng chán chê nữa, chúng ta không bao giờ chỉ nhìn thấy mấy tay lãnh tụ phản động hay lung lay, mà phải nhìn đến cả số đông trong giai cấp hữu sản bản xứ, nhìn đến tất cả các tầng lớp dân chúng. Mặt trận Dân chủ được thực hiện, điều cốt yếu là phải thâu phục quảng đại quần chúng nhân dân, phải kéo các tầng lớp hữu sản bản xứ, dù các "lãnh tụ" của họ theo hay không theo.

Mặt trận Dân chủ phải thực hiện trong quá trình cuộc tranh đấu: mỗi cuộc mít tinh, biểu tình, bãi công đòi tự do dân chủ và cải thiện sinh hoạt là một yếu tố xây đắp Mặt trận Dân chủ. Những tổ chức quần chúng như các ái hữu, tương tế của thợ thuyền, nông dân, các hợp tác xã của tiểu thủ công, tiểu thương, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ đều là bộ phận khăng khít của Mặt trận Dân chủ, là nền tảng để thực hiện Mặt trận Dân chủ thống nhất.

Cho được thực hiện Mặt trận Dân chủ rộng rãi, người cộng sản phải khuyếch trương các tổ chức quần chúng, những tổ chức ấy phải rộng rãi để bao quát những đám quần chúng mênh mông hiện còn rời rạc vô tổ chức. Cho được thực hiện Mặt trận Dân chủ rộng rãi, người cộng sản phải lãnh đạo quần chúng tranh đấu mạnh mẽ để đòi cải cách, đồng thời để thúc giục mấy đảng phái, nhân vật cải lương thống nhất hành động. Chủ trương o bế bọn lãnh tụ lừng chừng, kìm hãm bớt phong trào quần chúng, sợ rằng phong trào mạnh mẽ làm cho bọn cải lương bỏ chạy, chủ trương ấy là theo đuổi bọn tư sản cải lương, ấy là xu hướng hữu khuynh.

PHÂN BIỆT KẺ NGUY HIỂM NHIỀU VỚI KẺ NGUY HIỂM ÍT

Người cộng sản, khi đặt chiến thuật tranh đấu có thể và cần phải phân biệt kẻ nguy hiểm nhiều với kẻ nguy hiểm ít. Nhưng phân biệt như thế không phải tâng bốc hay theo đuổi kẻ nguy hiểm ít, để ôm ấp mãi cái nguy hiểm ít (moindre mal) như bọn cải lương. Người cộng sản phân biệt nguy hiểm nhiều với nguy hiểm ít là cốt lợi dụng mâu thuẫn trong dinh lũy quân thù, tập trung hết mũi nhọn chống kẻ

nguy hiểm hơn hết để dự bị lực lượng cho cách mệnh. Vì phân biệt như thế nên người cộng sản trong lúc này bênh vực tự do tư sản, chống phát xít, nhưng không phải để duy trì mãi chế độ tự do tư sản mà *cốt để mở rộng cuộc tranh đấu đặng thực hiện một chế độ hoàn toàn tự do*. Vì phân biệt như thế nên người cộng sản trong lúc này tán thành liên minh với các đảng phái cải lương, nhưng không phải là người cộng sản hóa theo cải lương mà để *kéo phe cải lương qua lập trường tranh đấu đòi tự do, tấn bộ để gây dựng điều kiện thuận tiện cho cách mạng phát triển*.

Ý kiến phân biệt bọn Lập hiến nguy hiểm ít hơn bọn tờrộtkít nguy hiểm nhiều, cần phải phát biểu cho rõ ràng và dè dặt; chớ còn nói như anh T. B. có thể làm cho độc giả hiểu lầm và lộn xộn. Tôi thiết tưởng nên phân biệt rõ như vậy:

1. Xét về ảnh hưởng chung trong quần chúng, bọn lãnh tụ Lập hiến rõ mặt phản động, Khá, Chiêu, Liêm làm tay sai cho phản động thuộc địa có thể ít nguy hiểm hơn bọn tờrốtkít giả danh cách mệnh làm tay sai cho phát xít; vì bọn trước hoàn toàn bị lột mặt nạ, còn bọn sau còn che đậy lừa gạt quần chúng được. Nhưng cả hai bọn phản động ấy ta đều phải đánh đổ, không thể ủng hộ bọn nào cả.

2. Bọn Lập hiến (hay nói chung bọn cải lương) cô độc, hèn nhát, ít nguy hiểm hơn bọn tờrốtkít tay sai cho phát xít, vì bọn trước tuy lung lay, hèn nhát, nhưng có ý muốn đòi cải cách, còn có đôi chút tính chất tiến bộ. Nhưng cũng phải kịch liệt chỉ trích thái độ khiếp nhược của họ và chỉ cho quần chúng (kể cả những đám hữu sản) thấy rõ chỉ có con đường tranh đấu dưới Mặt trận Dân chủ thống nhất mới đòi được quyền lợi.

Sau nữa, khi anh T. B. đem ứng dụng ý kiến của anh, anh lấy sự giác ngộ của mình làm sự giác ngộ cử tri, cho rằng cử tri biết phân biệt Lập hiến nguy hiểm ít với tờrốtkít nguy hiểm nhiều. Sự xét đoán ấy rất sai. Thật vậy, đứng về phương diện khách quan mà xét, thì bầu cho Lập hiến hèn nhát có phần ít nguy hiểm hơn bầu cho tờrốtkít phản cách mạng. Nhưng đứng về phương diện chủ quan của cử tri thì một số đông những người đã bầu cho Thâu, Hùm có tinh thần phản đế nhiều hơn những người bầu cho Khá, Thuận, vì những cử tri đó quả thật đã lầm tưởng bọn tờrốkít là cách mạng, phản đế. *Người cộng sản có bổn phận nói sự thật với quần chúng, dẫn đường*

cho quần chúng, chớ không phải theo đuôi họ hay phỉnh phờ họ. Những chủ trương chính trị mà lấy ý kiến của mình làm ý muốn của quần chúng như anh T. B. là rất sai lầm và nguy hiểm; nó làm cho Đảng xa quần chúng và có thể dẫn tới những thất bại nặng nề đau đớn.

KẾT LUẬN

Chính sách Mặt trận Dân chủ của Đảng ta thi hành mấy năm nay đã có được ít nhiều thành tích: Nó đã thực hiện từng phần ở Viện Dân biểu Trung Kỳ, trong Ủy ban liên lạc giữa những người cộng sản với chi nhánh Đảng Xã hội Bắc Kỳ cùng các đoàn thể quần chúng, nó đã thực hiện trong các cuộc liên hiệp hành động để tổ chức ngày kỷ niệm lao động 1 – 5, kỷ niệm phản đối chiến tranh 1 – 8; quyên tiền giúp dân bị lụt, tổ chức chợ phiên giúp dân Tàu, kỷ niệm Đại cách mệnh Pháp v.v... Nó đã vang dội ảnh hưởng trong nhiều ban hội đồng; giữa Đại hội đồng kinh tế đến các Viện Dân biểu Bắc Kỳ, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Hội đồng thành phố Hà Nội, đã thấy có những tiếng nói nổi lên đòi cải cách.

Hẳn rằng, nó còn nhiều khuyết điểm, phong trào quần chúng chưa được thật rộng rãi mạnh mẽ để thực hiện một Mặt trận Dân chủ thống nhất bao gồm hết các tầng lớp nhân dân, hết các đảng phái chống phản động, chống chiến tranh, đòi tự do, no ấm, an toàn, để thực hiện Mặt trận Thống nhất liên hiệp cả các đảng phái ở bên trên lẫn các Ủy ban quần chúng ở bên dưới theo như hình ảnh cuộc vận động Đông Dương Đại hội, nhưng rồi nó sẽ rộng rãi mạnh mẽ sâu sắc hơn.

Trong khi thực hành chính sách mới, chúng ta đã gặp biết bao trở lực khó khăn, sức đàn áp của quân thù, những điều vu khống của bọn tờrốtkít khiêu khích; nhưng rốt cuộc chúng ta vẫn cứ tiến.

Chúng ta phải chiến thắng những xu hướng sai lầm trong hàng ngũ: Xu hướng "tả" khuynh, cô độc, nó muốn làm cho Đảng cô lập, rất hẹp hòi, biệt phái, cách xa quần chúng, và xu hướng thỏa hiệp "hữu" khuynh, lung lay trước những tình hình nghiêm trọng, nhãng quên hoặc che lấp sự tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin, lăm le rời bỏ những nguyên tắc cách mệnh.

Cho được bảo đảm sự thực hiện Mặt trận Dân chủ thống nhất, chúng ta cần tranh đấu tẩy trừ những xu hướng "tả" khuynh lẫn xu hướng "hữu" khuynh trong hàng ngũ.

Thống nhất tư tưởng; thống nhất hành động!

Củng cố hàng ngũ để chóng thực hiện sự thống nhất các lớp nhân dân!

Tự chỉ trích, *Tập sách*
Dân chúng xuất bản, 1939.

VÕ NGUYÊN GIÁP
(Sinh năm 1911)

Võ Nguyên Giáp sinh năm 1911 ở xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Năm 1925 – 1926, Võ Nguyên Giáp tham gia phong trào học sinh, đấu tranh đòi trả tự do cho nhà yêu nước Phan Bội Châu, và để tang nhà yêu nước Phan Chu Trinh; năm 1927, tham gia Tân Việt cách mạng đảng; năm 1929, tham gia Đông Dương Cộng sản liên đoàn, và sau đó tham gia Đảng Cộng sản Đông Dương.

Năm 1930, Võ Nguyên Giáp hoạt động trong Cứu tế Nghệ An đỏ, bị đế quốc Pháp bắt và kết án tù 2 năm. Ra tù, Võ Nguyên Giáp đi dạy học ở các trường tư và tìm mọi cách truyền bá tư tưởng yêu nước và cách mạng trong đông đảo các học sinh.

Năm 1936, Võ Nguyên Giáp cùng với các cán bộ của Đảng hoạt động ở Hà Nội chủ trương ra báo, và viết nhiều bài cho các báo đấu tranh cho Mặt trận Dân chủ: *Le Travail (Lao động), Rassemblement (Tập hợp), En avant (Tiến lên), Notre voix (Tiếng nói của chúng ta), Hà Thành thời báo, và viết một số sách do Tập sách Dân chúng* xuất bản với các bút danh: Vân Đình, Hồng Thạch và nhiều bài báo không ký tên.

Được phân công hoạt động nửa hợp pháp, trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Võ Nguyên Giáp đã gây được ảnh hưởng lớn cho Đảng trong giới trí thức, sinh viên và học sinh, qua các cuộc vận động Đại hội Đông Dương (1936); "Đón" Gôđa (1937). Tham dự các Hội nghị báo giới Trung Kỳ (3–1937), và hội nghị báo giới Bắc Kỳ (4–1937) với tư cách là đại diện cho những tờ báo cánh tả, Võ Nguyên Giáp đem tiếng nói chính nghĩa, đúng đắn của Đảng Cộng sản đấu tranh chống những quan điểm cải lương, phản động của bọn bồi bút thực dân và những tờ báo do thực dân bảo trợ giành uy tín lớn cho những nhà báo, cộng sản và báo chí cách mạng.

Những năm 1938–1939, Võ Nguyên Giáp lại được Đảng chỉ định cùng với một số trí thức cảm tình của Đảng đứng ra tổ chức và lãnh đạo Hội Truyền bá chữ quốc ngữ.

Năm 1940, ra nước ngoài, Võ Nguyên Giáp được gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Cuối năm 1941, Võ Nguyên Giáp lại về hoạt động ở Cao – Bắc – Lạng,

tham gia công tác xây dựng căn cứ địa cách mạng chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang, năm 1944 được giao nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.

Tháng 4–1945, Võ Nguyên Giáp tham gia Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ và làm Tư lệnh các lực lượng vũ trang cách mạng mới thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân. Tháng 8–1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng cử Võ Nguyên Giáp vào Ban chấp hành Trung ương. Tại Quốc dân Đại hội họp ở Tân Trào, Võ Nguyên Giáp được cử vào Ủy ban giải phóng dân tộc toàn quốc.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Võ Nguyên Giáp tham gia Ban Thường vụ Trung ương Đảng, làm Bí thư Quân ủy Trung ương.

Tại các Đại hội Đảng lần thứ hai năm 1951, thứ ba năm 1960 và lần thứ tư năm 1976, Võ Nguyên Giáp được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và tham gia Bộ Chính trị. Tại Đại hội Đảng lần thứ năm, năm 1982, Võ Nguyên Giáp được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương.

Võ Nguyên Giáp đã làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ (1946), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân, Phó Thủ tướng Chính phủ. Năm 1948, Võ Nguyên Giáp được phong quân hàm Đại tướng và liên tục là đại biểu Quốc hội từ khóa I trở đi.

Những cuốn sách đã xuất bản trước năm 1945:

– *Vấn đề dân cày* (cùng viết với Trường Chinh) *1937, 1938*.

– *Vấn đề dân tộc ở Đông Dương, 1939.*

– *Lược sử cuộc Đại cách mạng Pháp, 1939.*

– *Kinh nghiệm Việt Minh ở Việt Bắc, 1944.*

VẤN ĐỀ DÂN TỘC Ở ĐÔNG DƯƠNG

TIỂU DẪN – Đầu năm 1939, ở Châu Âu, phát xít Đức – Ý khiêu khích và gây chiến tranh ở nhiều nơi; ở Châu Á, phát xít Nhật mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc, chiếm quần đảo Trường Sa của Việt Nam và đe dọa xâm lược Đông Dương. Nguy cơ Chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng đè nặng lên nhân dân các nước.

Ở Đông Dương, bọn phản động thuộc địa trắng trợn khủng bố các chiến sĩ tích cực đấu tranh cho quyền tự do dân chủ, trước hết là các Đảng viên cộng sản.

Đảng Cộng sản Đông Dương thấy rõ sự phát triển phức tạp của tình hình, ra sức động viên nhân dân một mặt khép chặt hàng ngũ trong Mặt trận Dân chủ, đấu tranh giữ vững và phát triển những quyền lợi dân chủ đã giành được; mặt khác, đề cao cảnh giác, tham gia phòng thủ Đông Dương, chống nguy cơ phát xít Nhật xâm lược. Trong tình hình đó, Võ Nguyên Giáp – ký tên Vân Đình – viết cuốn *Vấn đề dân tộc ở Đông Dương*, do *Tập sách Dân chúng* xuất bản và phát hành tháng 6 –1939.

Dưới ánh sáng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, căn cứ vào các Nghị quyết mới nhất của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, tác giả cuốn *Vấn đề dân tộc ở Đông Dương* phân tích quan điểm cơ bản của Đảng ta về đấu tranh cho độc lập dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc, về mối quan hệ giữa đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực hàng ngày, trước mắt, với đấu tranh cho giải phóng dân tộc; về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với mục đích cuối cùng là xây dựng chủ nghĩa cộng sản, về tính nguyên tắc và tính linh hoạt trong việc vận dụng chiến lược và sách lược chống chủ nghĩa đế quốc; về mối quan hệ giữa chống chủ nghĩa đế quốc và chống chủ nghĩa phát xít; về thái độ đối với phong trào dân tộc giả hiệu do tay sai của phát xít; về mối quan hệ giữa việc tham gia Mặt trận Dân chủ Đông Dương với cuộc vận động phản đế theo đường lối của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Muốn đấu tranh cho Mặt trận Dân chủ, chống phản động thuộc địa và phát xít, phải đồng thời vạch mặt bọn Bảo hoàng, bọn Lập hiến chủ trương Pháp – Việt đề huề; phải chống bọn tờrốtkít và thuyết thất bại phản cách mạng; phải liên kết Mặt trận Dân chủ Đông Dương với Mặt trận Nhân dân Pháp, với giai cấp công nhân và nông dân Pháp, chống óc bài ngoại hẹp hòi.

Để thực hiện được nhiệm vụ chính trị nặng nề và vẻ vang đó, yếu tố cơ bản, quyết định mà tác giả đề ra là: tăng cường công tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ về các mặt lý luận, tư tưởng, chính trị, tổ chức.

Cuốn sách này vừa phát hành thì có lệnh của chính quyền thực dân cấm lưu hành trên toàn cõi Đông Dương, vì chúng rất sợ cuốn sách đến tay đông đảo người đọc.

I. NHIỆM VỤ PHẢN ĐẾ CỦA CHÚNG TA

Vấn đề dân tộc có hai phương diện: một là vấn đề giải phóng dân tộc bị áp bức khỏi ách đế quốc chủ nghĩa, hai là, vấn đề dân tộc thiểu số ở trong nước.

Phạm vi cuốn sách này, chỉ bàn về phương diện thứ nhất, về vấn đề dân tộc giải phóng mà thôi.

Vấn đề dân tộc ở các thuộc địa cứ chung mà nói, chỉ có một cách giải quyết, là tranh đấu chống đế quốc chủ nghĩa, đòi quyền độc lập cho xứ thuộc địa.

Các quan điểm phản đế (đánh đổ đế quốc chủ nghĩa) ấy, ngoài bọn cải lương hoạt đầu ra, ai đã tự xưng là cách mạng, đều phải thừa nhận là thiết thực, là chính đáng.

Chúng tôi đã là người cộng sản, người chiến sĩ tận tụy hơn hết trong cuộc tranh đấu để bênh vực những quyền lợi hàng ngày và những quyền lợi xa của dân chúng, chúng tôi lại càng phải thừa nhận quan điểm ấy hơn ai hết, lại càng phải tranh đấu để thực hiện quan điểm ấy hơn hết.

Tuy mục đích tối hậu của chúng tôi là giải phóng dân chúng khỏi các ách áp bức bóc lột, là chủ nghĩa cộng sản không còn giai cấp chứ không giải phóng khỏi ách đế quốc mà thôi, nhưng chúng tôi vẫn luôn luôn tham gia mật thiết vào cuộc vận động phản đế, chỉ huy mặt trận phản đế, hy sinh đến cùng trong cuộc tranh đấu phản đế, để đưa nó đến chỗ hoàn toàn thắng lợi cuối cùng.

Và ở trong giai đoạn lịch sử này, nghĩa là ở trong thời kỳ thế giới bị khủng hoảng về kinh tế và chính trị này, có chiến tranh và cách mạng này, cuộc tranh đấu phản đế lại càng cấp thiết hơn nữa, nhiệm vụ phản đế của người cộng sản lại càng nặng nề hơn nữa.

Vài lời tuyên bố:

Tại đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Đimitrốp, Tổng Bí thư của Quốc tế, đã từng tuyên bố:

"Đứng trước tình hình quốc tế và trong nước đã thay đổi, vấn đề lập Mặt trận Thống nhất phản đế trở nên đặc biệt quan trọng trong cả các xứ thuộc địa và nửa thuộc địa."

(Tờ Báo cáo đọc ngày 2–8–1935).

Cũng tại Đại hội lần thứ VII, đồng chí Vương Minh, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Tàu, đã từng tuyên bố:

"Đế quốc chủ nghĩa, hắn là kẻ thù chính, kẻ thù căn bản của các dân tộc thuộc địa và nếu những đồng chí cộng sản không biết đi đầu hàng ngũ của dân chúng mà chống lại đế quốc, thì dân chúng làm thế nào mà có thể nhìn nhận các Đảng Cộng sản là đội tiên phong, là kẻ chỉ huy".

(Diễn văn đọc ngày 7-8-1935).

Nói như vậy, có phải là ở thuộc địa nào, ở trường hợp nào, ở hoàn cảnh nào, cuộc tranh đấu phản đế cũng theo một hình thức như nhau không?

Chiến thuật của người cộng sản không phải là một quy củ cố định, mà khi nào cũng linh hoạt, cũng "sống", cũng theo hoàn cảnh mà biến đổi để ứng dụng với nhu cầu của hoàn cảnh.

II. NHIỆM VỤ CHỐNG PHÁT XÍT CỦA CHÚNG TA

Chế độ phát xít, kẻ thù số một của nhân loại.

Tình thế ngày nay cố nhiên không phải giống hệt với tình thế mười năm về trước.

Ngày nay, vì cuộc kinh tế khủng hoảng làm cho nền móng tư bản chủ nghĩa bị lung lay hơn, vì phong trào quần chúng bồng bột tợn, bọn tư bản không thể đứng vững với chế độ dân chủ được nữa. Chúng bèn xoay ra hết sức khủng bố quần chúng, hết sức lừa gạt quần chúng, lập nên một hình thức quốc gia mới, một hình thức độc tài tuyệt đối: chế độ phát xít.

Chế độ phát xít dù là ở Đức, ở Ý, ở Nhật, là một chế độ hung tàn, bạo ngược, giết hại hàng vạn thợ thuyền dân cày, giết chết tự do, giết chết văn hóa: một nước ở dưới chế độ phát xít chỉ là một trại khổ sai mênh mang đem nhân loại trở lại đời sống Trung cổ.

Đồng thời bọn phát xít lại rầm rộ dự bị chiến tranh muốn kéo cả thế giới vào một cuộc lưu huyết xưa nay chưa từng có. Đức nuốt Áo, nuốt Tiệp, nuốt Mơmen, [1] hăm dọa Đăngzic [2]. Ý giày xéo

1. Mơmen (Memel) sau này gọi là Cơlaipêđa (Klaipeda) một cửa biển trên biển Baltich.

2. Đăngzic (Dantzig) là một cửa biển ở Châu Âu, có lúc thuộc Vương quốc Ba Lan, lúc thuộc Pháp, năm 1939 bị Đức chiếm.

Abitxini, [1] Anbani, lăm le Tuynidi, Nam Tư, Hy Lạp. Cả Đức và Ý cùng nhau giết hại dân chúng Tây Ban Nha. Về Á Đông, Nhật xâm lược Tàu, và mặc dầu bọn tờrốtkít đã tuyên bố với báo Đông Dương ở Sài Gòn rằng: Nhật không còn dư con mắt dòm ngó Đông Dương, phát xít Nhật vẫn theo đuổi chương trình Nam tiến: chiếm Hải Nam, chiếm quần đảo Trường Sa, bao vây Đông Dương ở phía Đông, gây phong trào thân Nhật ở Sài Gòn, Hà Nội v.v...

Bọn phát xít xâm lược được nước tiểu nhược nào, tức thì nước ấy biến thành một nhà ngục lớn, bao nhiêu dân lương thiện đều bị chúng giết chóc, bao nhiêu của cải ruộng vườn đều bị chúng cướp đoạt, chúng luôn luôn cai trị bằng lối "đốt chém" bằng "mồi lửa và lưỡi lê". Cái gương Đài Loan, Mãn Châu, Tàu, Áo, Tiệp, Tây Ban Nha còn sờ sờ trước mắt ta đó.

Phải chống phát xít đến cùng

Đứng trước tình thế ấy, một người Việt Nam xưng là cách mệnh có thể trực tiếp hay gián tiếp, hữu ý hay vô tình làm việc cho phát xít, và riêng cho phát xít Nhật được không? Không! Quyết là không.

Chúng ta đây, ai là người còn chút tinh thần tiến bộ cũng đều cho làm việc cho phát xít và riêng cho phát xít Nhật là đắc tội với dân chúng Đông Dương và thế giới, với cách mệnh Đông Dương và thế giới.

Thế thì, con đường chính đáng của chúng ta hợp với quyền lợi dân chúng và tiền đồ cách mệnh là chống phát xít, nhất là phát xít Nhật.

Vì sao?

Chống phát xít, nhất là phát xít Nhật, là vì phát xít Nhật và phát xít quốc tế bị bại, tức là tư bản đế quốc quốc tế bị bại, cách mệnh vô sản thế giới mà thành trì là Nga cộng sản có cơ tiến tới nhanh, hạnh phúc nhân loại sẽ có cơ thực hiện nhanh chóng.

Chống phát xít, nhất là phát xít Nhật, là vì phát xít tức là chiến tranh, một ngày phát xít còn sống thì cái thảm trạng xương núi máu sông còn tiếp tục diễn ra ở Tàu và có thể diễn ra ở Đông Dương và thế giới.

---

1. Abitxini (Abyssinie) nay là nước Cộng hòa Êtiôpia.

Chống phát xít Nhật là vì, nếu xứ Đông Dương rơi vào hàm con thú phát xít Nhật thì cái cảnh tượng thợ thuyền làm lụng khổ sở và bị bắn giết nếu lăm le đòi tăng lương, dân quê bị cướp ruộng đất, từng tổng, từng huyện, kẻ buôn bán phải nhường không cửa hàng cho tôi tớ Thiên Hoàng sẽ diễn ra trên bán đảo hình chữ S. Chúng ta bị bóc lột, bị áp bức đã nhiều rồi, chúng ta muốn tranh đấu để mưu cuộc giải phóng, chúng ta muốn *đi tới*, chính vì vậy mà chúng ta không muốn *giật lùi*, chúng ta không muốn bọn phát xít Nhật chồng chất những cái thống khổ khác nữa lên trên bao nhiêu cái thống khổ hiện giờ của chúng ta, chúng ta không muốn bọn phát xít Nhật đè bẹp chúng ta thêm nữa làm cho cuộc tranh đấu giải phóng của chúng ta càng gay go, càng tổn hại, càng xa xôi.

III. THÁI ĐỘ NGƯỜI MÁCXÍT – LÊNINNÍT CHÂN CHÍNH

Làm thế nào cho trọn cả trách nhiệm chống phátxít và nhiệm vụ phản đế?

Ở Áo, Tiệp, Đài Loan v.v..., thái độ của người Mácxít – Lêninnít rất dễ ấn định trong những trường hợp mà hai vấn đề:

1. Vấn đề chống phát xít trực tiếp quan hệ với cách mệnh thế giới.

2. Vấn đề phản đế, tức là dân tộc giải phóng phát triển theo một chiều một hướng.

Nói cho rõ hơn, thái độ người Mácxít – Lêninnít chân chính rất dễ ấn định khi nào đánh đổ đế quốc đòi quyền độc lập ngay là lợi cho cả cuộc dân tộc giải phóng và cách mệnh thế giới.

Tôi lấy vài ví dụ: dân chúng xứ Áo, xứ Tiệp đang bị phát xít Đức đè nén và dân chúng Triều Tiên, Đài Loan, Mãn Châu, đương nằm trong bàn tay sắt của phát xít Nhật.

Cuộc vận động độc lập của dân chúng Áo và Tiệp không những là giải quyết được vấn dân tộc giải phóng của các xứ ấy, mà lại *"một trong những phương pháp tối thiểu quan hệ để làm cho cuộc cách mệnh ở Đức phát triển" (Pête Viêđen, trong bài chủ nghĩa mácxít và cuộc vận động độc lập của Áo).*

Cũng như ở Viễn Đông, cuộc vận động độc lập ở Đài Loan, Mãn Châu không những là giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng của các xứ ấy, mà lại là một cuộc tranh đấu cho cách mạng ở Nhật chóng phát triển.

Ở các xứ ấy, cố nhiên người Mácxít – Lêninnít là người đứng mũi chịu sào trong cuộc vận động dân tộc giải phóng và, ngày nay bọn phát xít Nhật kéo dân chúng Mãn Châu, Đài Loan, Triều Tiên vào cuộc tàn sát đàn bà trẻ con Tàu, thì cố nhiên, người cộng sản Mãn Châu, Đài Loan, Triều Tiên chủ trương quay súng đánh bọn quân phiệt Nhật, để đòi độc lập cho xứ sở mình và giúp dân chúng Tàu chiến thắng phát xít Nhật.

Làm như vậy, người Mácxít – Lêninnít chân chính ở Triều Tiên, Đài Loan, Mãn Châu đã giúp cho cuộc cách mệnh Nhật và thế giới chóng tiến triển...

Theo lời chỉ thị của Lênin trong tình thế này chúng ta phải nhìn vào *toàn thể*, vào vấn đề cách mệnh vô sản *thế giới*. Và, chính vì chúng ta là những người cộng sản, những *người tranh đấu một cách thiết thực hiệu nghiệm, cho cách mệnh thế giới và dân tộc giải phóng cho nên chúng ta "không ủng hộ"*, chúng ta chống những cuộc vận động giả danh là dân tộc mà kỳ thực làm "lợi khí" của những bọn tăng lữ, tài phiệt bảo hoàng nước ngoài, làm "lợi khí" của bọn tay chân Thiên hoàng, bọn phát xít Nhật Bản, Chúng ta quyết không theo bè phái Cường Để, cái bung xung của Cận vệ, Bình Chiểu đòi quyền độc lập, nghĩa là đòi quyền cho phát xít Nhật giày xéo các dân tộc Đông Dương, đòi quyền cho chúng là làm cho khó khăn gấp trăm, gấp nghìn cuộc tranh đấu giải phóng của chúng ta, đòi quyền cho chúng dìm hãm cuộc cách mạng vô sản thế giới xuống nơi vực thẳm! Chúng ta noi gương Đảng Cộng sản và dân chúng Phi Luật Tân, gỡ mặt nạ bọn Sắcđalít [1] (Sakdalistes) miệng thì nói đòi "độc lập" mà kỳ thực dọn đường cho phát xít Nhật nuốt sống xứ Phi Luật Tân dân chủ!

Con đường chính đáng duy nhất

a) Chống phát xít Nhật đến cùng

Chúng ta, những người Mácxít – Lêninnít chân chính quyết không nói một câu gì, làm một việc gì có thể trực tiếp hay gián tiếp lợi cho phát xít Nhật một ly, một tý.

---

1. Sắcđalít là bọn gian tế Phi Luật Tân, tay sai của phát xít Nhật, đứng đầu là Sắcđan

Chúng ta lại càng không "hăng hái" ru ngủ dân chúng, để một ngày kia dâng miếng mỡ Đông Dương cho con thú dữ Phù Tang, không "hăng hái" làm việc lấy tiền hay không công cho phát xít, cho kẻ thù của dân chúng Việt Nam và cả nhân loại.

Chúng ta sẽ tận tụy phấn đấu kêu gọi tất cả các phần tử dân chủ tiến bộ liên hiệp lại cho chặt chẽ để chống với nạn ngoại xâm phát xít Nhật.

Nói như vậy không phải là ủng hộ đế quốc, theo đuôi đế quốc trong cuộc tranh đấu chống phát xít. Người cộng sản chủ trương phải kêu gọi tất cả các tầng lớp dân chúng tham gia cuộc đấu tranh chống phát xít. Đối với người cộng sản, chống phát xít Nhật, phòng thủ Đông Dương không phải như Chính phủ thuộc địa chủ trương, không phải chỉ đúc thêm đại bác, mua thêm phi cơ, tuyển thêm vài vạn lính mà được.

b) Muốn chống phát xít, phải chống phản động thuộc địa

Muốn chống phát xít cho hiệu nghiệm, dân chúng Đông Dương lại phải đấu tranh chống phản động thuộc địa, chống sưu thuế đánh vào tầng lớp trung lưu và dân nghèo, đòi tự do dân chủ, phổ thông đầu phiếu, đòi cải thiện sinh hoạt của dân chúng v.v...

c) Vì sao vậy?

Mặc dầu cái mâu thuẫn giữa phản động thuộc địa và phát xít Nhật, sự phân tích mácxít chỉ cho chúng ta biết rằng cái mâu thuẫn, chính cái mâu thuẫn căn bản, vẫn là mâu thuẫn giữa tư bản đế quốc đi áp bức và vô sản dân tộc thuộc địa bị áp bức. Chính vì vậy mà chính sách phản động ở thuộc địa không bao giờ đặt mâu thuẫn giữa bọn đi áp bức với nhau hẳn lên trên cái mâu thuẫn giữa họ và dân chúng. Một là, bọn phản động thuộc địa không cương quyết chống phát xít, ta hãy xem những việc như đóng biên giới Bắc Kỳ độ nọ, thái độ nhu nhược đối với sự xâm chiếm Hải Nam, Trường Sa, hăm dọa Côlăngdơ, không cương quyết trừng trị bọn thân Nhật. Hai là, bọn phản động thuộc địa trút sưu thuế lên đầu dân nghèo, đàn áp phong trào dân chúng như vậy không những là giam hãm dân chúng ở trong vòng áp bức, bóc lột, mà lại là gián tiếp dọn đường cho bọn cổ động thân Nhật, cản trở phong trào chống phát xít Nhật một cách triệt để. Muốn phòng thủ Đông Dương một cách hiệu nghiệm, người cộng sản Đông Dương chủ trương lập Mặt trận Dân chủ chống phát xít Nhật và phản động thuộc địa.

Mặt trận Dân chủ, con đường giải phóng thiết thực của các dân tộc Đông Dương

Người cộng sản chủ trương lập Mặt trận Dân chủ chống phát xít Nhật và phản động, là vì đứng về phương diện phong trào cách mệnh vô sản thế giới mà giải quyết vấn đề dân tộc, người cộng sản, *trong giai đoạn lịch sử có phát xít và có chiến tranh này*, không thể tán thành những cuộc vận động tự xưng là "độc lập" do bọn tay sai ăn tiền hay không công của phát xít Nhật gây nên.

Tuy vậy, nói rằng Mặt trận Dân chủ không có tính chất phản đế là nhầm to. Có phải nối giáo cho bọn Cường Để hay bọn tay sai vô ý thức khác của Nhật, vận động độc lập giả hiệu kìm hãm dân chúng Đông Dương dưới cái ách phát xít mới gọi là phản đế hay sao? Có phải một khẩu hiệu phải có những chữ giải phóng, độc lập thì khẩu hiệu ấy mới là phản đế hay sao? Trong tình thế ngày nay, Mặt trận Dân chủ là hình thức duy nhất của một cuộc vận động phản đế *thiết thực,* vì cuộc tranh đấu chống phát xít Nhật và phản động thuộc địa là con đường duy nhất đưa dân tộc đến chỗ giải phóng hoàn toàn.

Nói cho rõ hơn, chính vì, đối với người cộng sản, hai chữ phản đế và cái quyền dân tộc không phải là những chữ rỗng tuếch; chính vì, đối với người cộng sản cái chữ tốt đẹp kia không bao giờ trùm bọc những hành vi hại cho dân tộc, lợi cho phát xít, mà người cộng sản mới chủ trương cái chiến thuật Mặt trận Dân chủ.

Hơn nữa, chủ trương cái chiến thuật Mặt trận Dân chủ, người cộng sản đã tỏ rằng: không những mình không quên vấn đề phản đế, mà lại không bao giờ quên vấn đề cách mệnh vô sản ở thế giới nữa.

Chủ trương lập Mặt trận Dân chủ, người cộng sản đã làm trọn cả nhiệm vụ chống phát xít và nhiệm vụ *phản đế ở trong giai đoạn này.*

IV. CHÚNG TA PHẢI TRANH ĐẤU!

Chống phản động

Cái chiến thuật Mặt trận Dân chủ có phải chỉ tuyên bố lên báo chương là có thể thực hiện được, là bọn phản động để cho ta tự do thực hiện được hay không?

Cố nhiên là không!

Bọn phản động không phải thấy người cách mệnh Đông Dương ủng hộ phòng thủ mà bớt đi đàn áp phong trào Mặt trận Dân chủ. Trái lại, bọn phản động hiểu rằng Mặt trận Dân chủ là một khí giới tuyệt diệu chống phát xít và chống cả bọn phản động thuộc địa.

Bọn phản động hết sức ngăn cản sự liên hiệp của dân chúng dưới ngọn cờ Mặt trận Dân chủ, hết sức đàn áp những người cộng sản, những chiến sĩ tận tụy nhất của Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Từ khi khẩu hiệu Mặt trận Dân chủ đưa ra, biết bao nhiêu người cộng sản và chiến sĩ Mặt trận Dân chủ bị hình phạt, bị tù tội, trong khi bọn tờrốtkít, bọn "tả đầu lưỡi", bọn tự xưng là cách mệnh mà lại chống Mặt trận Dân chủ được tương đối tự do: việc ấy cố nhiên không phải là một sự sơ suất của Chính phủ thuộc địa mà cũng không phải là một sự ngẫu nhiên không cắt nghĩa được.

Người cộng sản bị đàn áp vì vận động chống phát xít một cách triệt để. Chính vì thế mà người cộng sản thấy rằng việc kẻ thù đàn áp không có gì lạ, họ không bao giờ thốt ra những lời phàn nàn.

Muốn thực hiện chủ trương của mình, chủ trương chung của cả dân chúng, người cộng sản không bao giờ mong ở lượng khoan hồng của ông khâm sứ, ông thống sứ này, của ông toàn quyền kia, người cộng sản tận tâm tận lực tranh đấu, kêu gọi các tầng lớp dân chúng tham gia vào cuộc tranh đấu. Mặt trận Dân chủ ngày nay được dân chúng hoan nghênh cũng là nhờ sự hy sinh và chí phấn đấu của các chiến sĩ dân chúng. Mặt trận Dân chủ muốn được rộng rãi hơn, cũng sẽ nhờ sức hy sinh và chí phấn đấu của các chiến sĩ dân chúng.

Chống bọn Pháp - Việt đề huề

Trong cuộc tranh đấu để thực hiện chiến thuật Mặt trận Dân chủ, chúng ta không quên công kích bọn thường gọi là Pháp - Việt đề huề, dù chúng thuộc về phái Bảo hoàng hay Lập hiến cũng vậy.

Nhưng bọn Phạm Lê Bổng, Lê Quang Liêm, Bùi Quang Chiêu v.v...không còn nghĩ gì đến quyền lợi chung của dân chúng. Chúng nó chỉ là bọn tay sai của phản động thuộc địa, chỉ biết bợ đỡ Chính phủ, để xin xỏ quyền lợi nhỏ mọn cho chúng hay cho những tầng lớp phản động mà chúng làm đại biểu. Chúng chỉ mong có cơ hội để tuyên bố trung thành với Chính phủ thuộc địa. Chúng nhắm mắt tán thành chính sách phòng thủ Đông Dương theo chủ trương của Chính phủ, dù chủ trương ấy trút cả gánh nặng lên đầu hạng trung lưu và dân nghèo, dù chủ trương ấy không nới rộng chút quyền tự do nào cho dân chúng.

Nếu thỉnh thoảng trên mặt báo, chúng có viết bài kêu ca này nọ, thì đấy là vì chúng muốn "nịnh dân" để nuôi chút ảnh hưởng trong dân chúng, để dựa chút ảnh hưởng ấy mà tự bán mình một giá đắt cho Chính phủ phản động.

Chống bọn Tờrốtkít

Chúng ta lại phải nên đặc biệt chú ý đến bọn giả danh cách mạng, bọn tờrốtkít và chỉ rõ bộ mặt thực của chúng nó cho dân chúng biết. Trước hết, chúng ta cần phải biết rõ cái luận điệu và hành vi của chúng:

a) Chống cái thái độ ru ngủ dân chúng

Cái khởi điểm của luận điệu bọn tờrốtkít là: Ở Đông Dương không có họa Nhật Bản. Chúng đợi đến lúc mà Nhật ném bom xuống khắp nơi, rồi mới nhận là có họa Nhật Bản. Cuộc vận động ngấm ngầm của Nhật ở Đông Dương, chương trình đại lục [1] của Điền Trung, cái tính chất cực kỳ hiếu chiến của chủ nghĩa phát xít, đấy không phải là cái họa Nhật Bản thì là gì? Gần đây bọn tờrốtkít ở báo Đông Dương lại viện một lý do mới: không có nạn Nhật Bản nữa (nghĩa là chúng đã nhận rằng trước đây thì có!) là vì Nhật đã bị núng thế ở Tàu. Chúng không hiểu rằng một người cách mạng không bao giờ khinh thường kẻ thù địch của mình như chúng, dù nhờ sức phấn đấu của dân chúng Trung Hoa mà bọn phát xít Nhật đã phải gặp nhiều bước khó khăn, dân chúng Trung Hoa cũng đều biết rằng cuộc huyết chiến còn kéo dài ít nhất một vài năm nữa và cố nhiên trong lúc ấy không phải cứ ngồi khoanh tay như bọn tờrốtkít mà cái bọn Nhật Bản sẽ biến khỏi Đông Dương. Rút cục cái luận điệu của chúng chỉ ru ngủ dân chúng, làm cho giảm sức phấn đấu chống phát xít của dân chúng đi. Những lời nói nguy hiểm của chúng thật không khác gì những lời ru ngủ của bọn thân Nhật Phôcơnô (Fauquenot) hay những lời ưa chuộng hòa bình của bọn phát xít Nhật Bản: [2]

1. Chương trình của Thủ tướng Nhật Bản Điền Trung nhằm xâm lược lục địa Châu Á, gồm Trung Quốc, Mông Cổ, Việt Nam, Lào, Campuchia, Mianma, Thái Lan, v.v.

2. Trong báo Alerte *(Báo động)* của tên Pháp Phôcơnô làm mật thám cho Nhật xuất bản ở Sài Gòn, có bài *Craintes injustifiables (Những điều lo ngại vô lý)* đại ý nói rằng sau vụ Nhật chiếm Hải Nam, người Việt Nam không có gì đáng lo ngại cả. Bộ trưởng Bộ ngoại giao Nhật Arita cũng thường tuyên bố: "Chúng ta không có một sự dòm ngó nào đối với Đông Dương". Với kiểu tuyên bố như thế, tên trùm phát xít Hítle biết bao nhiêu lần nói như vậy về Áo, Tiệp. Tất cả những hành động xâm lược của phát xít đã bóc trần lời nói giả dối của chúng và cả bọn tay sai.

b) Chống cái thuyết "thất bại" phản cách mạng

Bọn tờrốtkít lại chống Mặt trận Dân chủ, chống phòng thủ Đông Dương, chủ trương chủ nghĩa thất bại nếu một cuộc chiến tranh nổ bùng giữa Nhật và Pháp. Chủ nghĩa thất bại, cách mệnh hay phản cách mệnh? [1] Chúng tưởng rằng vào trường hợp nào có chiến tranh là cũng chủ trương thất bại cả. Chúng không biết rằng có nhiều trường hợp, chủ trương thất bại chỉ giúp cho kẻ thù giết hại dân chúng và cách mệnh mà thôi. Năm 1871 ở Pháp, thợ thuyền Pari có chủ trương thất bại không hay chính vì họ không chịu nhận cái chính sách thất bại của Chie [2] nên mới nổi lên làm cách mạng Pari công xã?

Chuyên môn vu cáo cộng sản, bọn tờrốtkít cũng không biết rằng hiện giờ ở Nhật Bản, mặc dầu những nguy hiểm tày trời, Đệ tam Quốc tế vẫn chủ trương thất bại chủ nghĩa để đánh đổ quân phiệt Nhật [3] và nếu ở Đông Dương, Đệ tam Quốc tế không chủ trương thất bại chủ nghĩa, cố nhiên không phải là đầu hàng, mà chính vì, Đông Dương, thất bại chủ nghĩa chỉ làm lợi cho phát xít Nhật, nối giáo cho chúng giết hại dân chúng Đông Dương và kìm hãm phong trào cách mệnh ở Đông Dương, ở Nhật và ở thế giới. Chủ trương thất bại phản cách mạng trước cuộc ngoại xâm, đấy là cách bọn tờrốtkít thực hành khẩu hiệu *"chống phát xít"* chúng thường phơi lên trên báo chương của chúng! Chống phát xít như chúng, rõ thực là kỳ quặc!

c) Bọn Cường Để giả danh nguy hiểm hơn bọn thân Nhật ra mặt

Có người nói rằng: tuy chính sách của bọn tờrốtkít sai lầm,

---

1. Chủ nghĩa thất bại cách mạng là dùng hành động cách mạng để làm thất bại mọi mưu toan của kẻ thù, giành thắng lợi cho cách mạng, như Đảng Cộng sản các nước bị Nhật xâm lược vận động nhân dân chống Nhật để giải phóng dân tộc. Chủ nghĩa thất bại phản cách mạng là hành động của bọn phản cách mạng dùng mọi thủ đoạn gian trá, xảo quyệt kể cả đầu hàng kẻ xâm lược nước ngoài để làm cho cách mạng trong nước thất bại.

2. Chie (Thiers): (1797 – 1877) điên cuồng chống lại Công xã Pari 1871 và đầu hàng thế lực xâm lược Đức, ký hiệp ước Phơrăngpho với Đức để tập trung chống cách mạng, làm Tổng thống nước Pháp từ 1871 – 1873.

3. Tờ báo Tin *Hương Cảng* ra ngày 21–5–1939 cho biết đảng viên Đảng Cộng sản Nhật hiện nay đang hoạt động mạnh... Ở các xưởng quân nhu và khu công nghiệp, Đảng Cộng sản Nhật đều có những cuộc vận động chống chiến tranh. Hiến binh và cảnh binh đi lùng bắt đảng viên Cộng sản Nhật đó là Thực Thôn, trung úy Nhĩ Kiến v.v... tất cả 11 người, cùng Ban Chấp hành đảng bộ Đông Kinh là Y Đằng và 21 người khác. Tất cả đều bị đưa ra tòa xử. Trung úy Nhĩ Kiến bị tội tử hình. Thực Thôn và Y Đằng bị 18 năm tội đồ, còn thì bị 10 năm, 8 năm.

nhưng chúng vẫn có lòng thành thực, ta không nên công kích tợn chúng nó. Thành thực và không thành thực, đấy chỉ là một câu chuyện hoàn toàn cá nhân giấu kín trong óc mỗi người, căn cứ vào đâu mà đo lường được. Lịch sử chỉ biết đến hành vi, chỉ căn cứ vào hành vi mà phán đoán. Hành vi bọn tờrốtkít rất nguy hại cho tiền đồ cách mệnh, chúng ta không vì một lẽ gì mà dung thứ chúng được.

Trong cuốn *Duy vật chủ nghĩa và thực nghiệm phê phán chủ nghĩa*, Lênin công kích Lunátsacxki (Lounatcharsky), một "đồng chí" tự nhận là Mácxít mà kỳ thực đi theo triết lý tư bản, có nói: "Chủ trương của Lunátsacxki đê nhục, chính ở chỗ anh ta có thể buộc những chủ trương ấy vào những ý định hay. Chỗ tai hại của thuyết ấy, chính là chỗ thuyết ấy thừa nhận rằng những phương pháp ấy, những kết luận ấy có những mục đích hay. Chỗ tai hại chính vì, những ý định tốt nhiều khi chỉ là một việc cá nhân của anh Pierơ (Pierre), anh Gian (Jean) và anh Pôn (Paul) mà chỉ riêng những anh ấy biết, còn ảnh hưởng tai hại của những lời tuyên bố như thế đối với xã hội thì không có trường hợp nào có thể dung thứ được và không ai có thể chối cãi được và cũng không thể dùng cách che đậy hay bồi bổ nào để làm giảm ảnh hưởng tai hại ấy đi được". [1]

Cũng như Lênin đã coi Lunátsacxki không khác gì bọn triết học tư bản mặc dầu Lunátsacxki có "ý định tốt", có lòng "thành thực", chúng ta cũng không vì lẽ gì mà không đặt bọn tờrốtkít ngang hàng với bọn phá hoại ra mặt dù bọn tờrốtkít có "thành thực" chăng nữa.

Vả chăng thành thực và không thành thực, căn cứ vào đâu mà vạch giới hạn? Lịch sử chỉ cho ta thấy rằng bọn phá hoại vô tình rất dễ dàng trở nên bọn phá hoại hữu ý. Bọn tờrốtkít ở Nga, đã từ cái quan điểm chính trị sai lầm mà đi đến chỗ liên kết với phát xít. Bọn tờrốtkít ở Tây Ban Nha đã từ quan điểm chống Mặt trận Bình dân đi đến chỗ làm mật thám cho Phờrăngcô. Bọn Trương Mộ Đào, Từ Duy Liệt, Tôn Nghĩa Hải, Hoàng Phật Cái ở Tàu đã từ cái quan điểm "thất bại chủ nghĩa" đi đến chỗ nhận tiền của Thổ Phi Nguyên, liên kết với phát xít Nhật.

Ở Đông Dương, bọn tờrốtkít hô hào không có họa Nhật Bản, một hành vi có lợi cho phát xít Nhật. Chống Mặt trận Dân chủ lại một

---

1. Ngày nay cuốn sách này được dịch tên là: *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán.*

hành vi lợi cho phát xít Nhật nữa, chủ trương chủ nghĩa thất bại – một hành vi thứ ba hết sức đúng với quyền lợi của phát xít. Nghĩa vụ chúng ta là phải gỡ mặt nạ phản cách mệnh của bọn Cường Để giả danh cách mệnh ấy, trước khi chúng trở nên những tên Cường Để rõ mặt.

Chống cái óc "bài ngoại"

Trong cuộc tranh đấu, chúng ta cũng không quên đánh đổ một tâm trạng sai lầm: cái óc "ghét Tây", chúng ta phải vạch rõ cho các tầng lớp dân chúng đều hiểu rằng chúng ta phải phân biệt "Tây thuộc địa", "Tây đế quốc" với "Tây thợ thuyền", "Tây dân cày". Chống hạng trên, dân chúng Đông Dương phải biết liên lạc, liên hiệp với hạng dưới, với dân chúng Pháp và con đường của chúng ta phải tóm tắt ở trong khẩu hiệu này: dân chúng Đông Dương cùng dân chúng Pháp, hay Mặt trận Dân chủ Đông Dương, liên minh với Mặt trận Bình dân Pháp để chống phát xít Nhật và phản động thuộc địa, đòi những cuộc cải cách về kinh tế xã hội, đòi những tự do dân chủ, phổ thông đầu phiếu và tiến đến cuộc giải phóng dân tộc sau này.

KẾT LUẬN

Ghép chặt hàng ngũ, chúng ta sẽ thắng lợi cuối cùng!

Đã có một con đường chính trị chính đáng, chúng ta hãy mạnh bạo tiến tới, tranh đấu để kết hợp cả lực lượng tiến bộ vào hàng ngũ Mặt trận Dân chủ chống phát xít Nhật, chống phản động thuộc địa.

Ta phải biết rằng có một con đường chính trị chính đáng là cần, những vẫn chưa đủ cho ta đi đến thắng lợi. Cái giá trị của một con đường chính trị, nó còn tùy ở những người đem ra thực hành. Nếu những người phụ trách việc thực hành hoặc là không đủ kiên quyết để chống sự tấn công của bọn phản động, hoặc là kém giải thích, vụng giải thích, để dân chúng hiểu lầm, hay bị bọn phá hoại mê hoặc, thì con đường chính trị chính đáng của chúng ta khó và chậm thực hiện được mà cái lỗi đó chính là tại chúng ta.

Vì vậy, cho nên cái vấn đề "người phụ trách", cái vấn đề cán bộ là một vấn đề tối quan thiết. Muốn cho có đủ chiến sĩ mà thực hiện chính sách chúng ta, hàng ngũ chúng ta cần phải mạnh, mạnh thêm mãi, mạnh vì đông đúc, mạnh vì tổ chức, mạnh vì trình độ lý luận khá.

Nhiệm vụ của chúng ta thật là to tát. Chúng ta phải nêu cao ngọn cờ chân chính Mác – Lênin – đạp dấp bọn Pháp – Việt đề huề, đạp dấp những chiêu bài giả hiệu tả đầu lưỡi của bọn tờrốtkít, tranh đấu để tỏ cho dân chúng biết rằng những người cộng sản là những chiến sĩ tận tụy, có con đường chính trị chính đáng của giai cấp cần lao và cả dân chúng Đông Dương, là những người tranh đấu để đưa dân chúng Đông Dương đến chỗ giải phóng hoàn toàn và đến xã hội chủ nghĩa.

VÂN ĐÌNH

Vấn đề dân tộc ở Đông Dương.
Tập sách Dân chúng xuất bản, 1939.

KỶ NIỆM LẦN THỨ 150 CUỘC CÁCH MẠNG PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH CỦA CHÚNG TÔI VỀ CUỘC PHÒNG THỦ ĐÚNG ĐẮN XỨ ĐÔNG DƯƠNG

TIỂU DẪN – Ngày 14–7–1789, cuộc cách mạng tư sản bùng nổ ở Pháp lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế do Lui XVI cầm đầu, lập ra chế độ Cộng hòa thứ nhất. Đây là cuộc cách mạng tư sản được giai cấp vô sản, nông dân và quần chúng lao động tham gia đông đảo, đã tiến hành triệt để chống chế độ phong kiến, mở đường cho xã hội Pháp phát triển mạnh mẽ trên con đường tư bản chủ nghĩa. Nhưng sau khi giai cấp tư sản cầm quyền rồi, chúng ra sức củng cố nền chuyên chính tư bản, phản lại những người bạn đồng minh đã là chỗ dựa đưa cách mạng đi tới thắng lợi, cho nên giai cấp vô sản, nông dân phải liên tục đấu tranh cho quyền lợi sống còn của mình, tiến tới cách mạng vô sản.

Ngày 14–7–1939 là ngày kỷ niệm lần thứ 150 cuộc cách mạng Pháp. Giai cấp tư sản Pháp nhân kỷ niệm vào năm chẵn, muốn đề cao vai trò của chúng, xuyên tạc ý nghĩa nội dung lịch sử tích cực, tiến bộ của cuộc cách mạng, ngụy biện để bảo vệ lập trường tư sản trước sự uy hiếp và đe dọa nghiêm trọng của chủ nghĩa phát xít, trực tiếp là phát xít Hitle.

Lợi dụng ngày kỷ niệm này, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương phát biểu quan điểm của mình về thời cuộc, từ phân tích ý nghĩa cách mạng của cuộc cách mạng Pháp năm 1789 đến sự thoái hóa và phản động của giai cấp tư sản, đế quốc chủ nghĩa Pháp, nhân dân ta phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh cho dân chủ và hòa bình, chống phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, chống bọn tờrốtkít, bọn Bảo hoàng và đòi tự do, cơm áo. Các cuộc mít tinh quần chúng được tổ chức ở thành phố lớn. Các báo chí cách mạng và tiến bộ đăng hàng loạt bài nghiên cứu, bình luận, thơ, tiểu phẩm về cách mạng Pháp.

Dưới đây là một bài trong hàng loạt bài trên báo cách mạng viết nhân dịp kỷ niệm lần thứ 150 cuộc cách mạng tư sản Pháp.

Cách đây hai tuần, Đại hội đồng Kinh tế và Tài chính Đông Dương đã họp phiên họp bất thường, nhân danh công cuộc phòng thủ Đông Dương, đã đề nghị nhân dân lao động nước ta chịu thêm một khoản đóng góp là 10 triệu.

Đối lập với chính sách thực dân phản động, nhằm đồng nhất

công cuộc phòng thủ với sự nghèo khổ của dân chúng vì thuế má nặng nề, là chính sách phòng thủ *chắc chắn Đông Dương* do những người cộng sản chủ trương, đã nêu lên trong các cuộc biểu tình của quần chúng, trên các báo chí cộng sản, vạch ra rằng công cuộc phòng thủ Đông Dương phải gắn liền với việc giảm bớt thuế má cho quần chúng, cải thiện điều kiện sinh hoạt của quần chúng.

Chính sách của chúng tôi ngày nay, nhằm bảo vệ lợi ích của các dân tộc Đông Dương, làm nản lòng mọi âm mưu xâm lược của chủ nghĩa phát xít Nhật Bản, đã có một tiền lệ hiển nhiên trong chính sách của những người Giacôbanh những năm 1792, 1793 nhằm cứu nước Pháp khỏi sự đe dọa của bọn bạo chúa. [1]

Nỗ lực vũ trang của nước Pháp thời ấy quả thực là lớn. Công nhân một phân xưởng máy mới ở Pari, ngày 3 –11 –1793 đến tặng Quốc hội sáu khẩu súng đầu tiên do họ chế tạo, đã nhanh chóng đạt tới mức 1.000 khẩu súng một ngày. Ba nhà máy cũ của hoàng gia trước đó sản xuất chưa được 8.000 khẩu súng một tháng năm 1794. Đồng thời, việc sản xuất diêm tiêu, thứ "muối báo thù", chiếm 75% thành phần thuốc súng đã được đẩy mạnh một cách phi thường. Sở sản xuất thuốc súng ở Gơrơnen, lớn nhất Châu Âu, cung cấp trong tháng "đồng cỏ" [2] năm thứ II từ 6 đến 8 ngàn kilô thuốc súng một ngày và tháng sau, tháng "gặt", [3] hơn 20 ngàn kilô!

Đó chỉ là một vài ví dụ trong vô số những thí dụ khác cho thấy không những nhiệt tình cách mạng mà cả cố gắng tài chính lớn lao đòi hỏi ở nền tài chính Cộng hòa trẻ tuổi.

Vậy mà người Giacôbanh có lúc nào nghĩ đến việc đòi hỏi dân chúng phải "hy sinh", nhân danh công cuộc phòng thủ và làm cho tình cảm của họ càng thêm cơ cực đâu?

Hãy nghe lời tuyên bố của Sanh Giúytstơ, người "Giacôbanh thép", "người đại diện tuyệt vời của thế hệ trẻ trong lò lửa cách mạng"; *"tất thảy đều chứng tỏ rằng các ông phải đánh thuế bọn nhà giàu"*.

Khi đi công cán ở Strátbua, Sanh Giúytstơ đã buộc các nhà giàu phải thu xếp trong vòng 24 tiếng đồng hồ 200 giường ở bệnh viện và

---

1. Những người Giacôbanh là những người tham gia câu lạc bộ cộng hòa trong thời kỳ đầu của cách mạng tư sản Pháp, kiên quyết bảo vệ nền dân chủ chống lại sự khôi phục chế độ quân chủ chuyên chế đã bị lật đổ.

2. 3. Tháng "đồng cỏ" và tháng "gặt" là những tên thường gọi những tháng theo lịch Cộng hòa của Pháp đặt ra ngày 24–11–1793. Tháng "đồng cỏ" từ 22–5 đến 21–6 và tháng "gặt" từ 22–6 đến 22–7 của dương lịch vẫn thường dùng.

nộp 20.000 đôi giày cho binh sĩ.

Rồi là những tiền vay cưỡng bức (khác hẳn với công trái thông thường), thuế cách mạng, trưng thu các loại đối với bọn nhà giàu!

Một sắc lệnh của Quốc hội để ngày 12-9-1792 buộc bố mẹ nào có con trốn ra nước ngoài "cứ có một con bỏ đất Cộng hòa phải cung cấp quần áo cho hai người". Tài sản của những kẻ thù của nhân dân bị tịch thu và để cho nhân dân sử dụng vào công cuộc phòng vệ đất nước. Có biết bao nhà cửa của bọn bỏ trốn ra nước ngoài đã được biến thành xưởng chế tạo vũ khí.

Và người Giacôbanh có cho phép bọn đầu cơ "đục nước béo cò", làm nhân dân lao động chết đói, gây ra nạn đất đỏ một cách phi pháp đâu? Luật ngày 27-7-1793 quy định xử tử tất cả những kẻ nào hoạt động "vơ vét lương thực".

*

Đó, phải làm như vậy cho công cuộc phòng thủ quốc gia! "Hy sinh về tài chính" là bọn có khả năng trả tiền, bọn nhà giàu phải chịu! Và tăng cường trong dân chúng cái tình cảm là trong khi bảo vệ đất nước, họ cải thiện số phận của họ, chứ không phải làm cho số phận của họ thêm trầm trọng.

Những người cộng sản, thừa kế những truyền thống tốt đẹp nhất của các dân tộc đấu tranh, đặc biệt là các truyền thống cách mạng, vào giờ phút này chủ trương chính sách duy nhất có thể bảo đảm được một công cuộc phòng thủ đúng đắn, một chính sách đã từng tỏ rõ hiệu lực của nó trong lịch sử.

Thật là nghịch lý nếu muốn bảo vệ Đông Dương mà lại bắt đầu bằng việc tăng thuế đánh vào các tầng lớp trung lưu và nghèo, tăng thêm sự bất mãn của dân chúng.

"Hãy bắt các nhà giàu phải đóng góp, hãy buộc chúng phải trả tiền cho nỗ lực vũ trang hiện nay!". Chúng ta phải đấu tranh cho thắng lợi của chính sách này, vào năm nay là năm kỷ niệm lần thứ 150 của cuộc Cách mạng Pháp.

HỒNG THẠCH

Báo *Notre voix (Tiếng nói của chúng ta)*,
số 21, 4-6-1939.
Bản dịch: Ngô Vĩnh Viễn.

GIÁ SINH HOẠT TĂNG LÊN, THEO CÁC CON SỐ CHÍNH THỨC.

Việc giá sinh hoạt tăng lên đã trở thành một tai họa thật sự đổ ập lên đầu các tầng lớp trung lưu và nghèo.

Từ gần một tháng nay, giá sinh hoạt tăng lên vùn vụt kể từ khi thuế má, thuế phụ thu bị nâng lên mà người ta chứng minh một cách ngụy biện bằng những nhu cầu phòng thủ đất nước.

Vậy mà trước tháng Tư, giá sinh hoạt đã tăng lên rất nhiều rồi. Các thống kê chính thức được công bố cho thấy rõ điều đó, đặt biệt các thống kê về quý I của năm 1939. Thật vậy, các chỉ số của quý I - 1939 là như sau:

177 cho giai cấp công nhân "bản xứ".

193 cho các giai cấp trung lưu "bản xứ".

178 cho người Âu.

(Chỉ số cơ sở là 100 cho năm 1914), trong khi đó, năm 1936, các chỉ số theo thứ tự như trên đây là 111, 128, 127, tức là đất lên 60%, 50%, và 40%. Như vậy là các con số chính thức tự chúng đã nói lên khá rõ, nhất là trong khi soạn các con số đó, các giá bán lẻ thực phẩm thường sai vì bị giảm bớt đi quá nhiều, chứ không bao giờ bị thổi phồng lên quá đáng.

Nguyên nhân chủ yếu

Những nguyên nhân đã gây ra sinh hoạt đắt đỏ lên như vậy là gì?

Có rất nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân chủ yếu, tác động đến các nguyên nhân khác vẫn là, trong suốt thời kỳ trước tháng 5 - 1939, hay nói cho đúng hơn, những sự mất giá của đồng tiền. Có thể thấy được nguyên nhân đó một cách khá rõ, khá dễ dàng: thoạt tiên, ba đường biểu đồ về giá sinh hoạt, cho ba hạng người: Người Âu, các tầng lớp trung lưu, giai cấp công nhân, khiến ta để ý thấy ngay hướng đi lên đột ngột và song song của chúng vào nửa cuối của năm 1936, vào thời kỳ phá giá đồng "phơrăng" của Blum. Sau đó, giá sinh hoạt tăng lên đều đều, không đột ngột nữa: vì rằng sau đó, đồng "phơrăng" và đồng "píatstơrơ" [1] gắn liền với nó luôn luôn thăng trầm, mất giá liên tục.

1. Tiền Đông Dương (N.D.).

Nếu không có nạn đầu cơ

Nếu muốn đi sâu thêm một chút, ta sẽ nhận thấy rằng bình thường ra, loại trừ yếu tố *"đầu cơ"*, giá sinh hoạt tăng lên, giá cả tăng lên phải là không đồng đều đối với tất cả các thứ hàng. Lôgic mà nói, nó phải bắt đầu ảnh hưởng đến các hàng nhập cảng hoặc các hàng cần đến nguyên liệu nhập cảng để chế tạo. Và chính từ lĩnh vực nhạy cảm đó mà dần dần, làn sóng tăng giá mới lan ra, ụp lên các hàng hóa khác. Lôgic mà nói, làn sóng này càng lan tới các hàng hóa có ít liên quan đến thị trường ngoài nước thì nó phải càng yếu đi. Có thể nói rõ những "ca" cụ thể, nhưng khuôn khổ bài báo này không cho phép chúng tôi làm được như vậy.

Bản thân khái niệm về hàng hóa nhập cảng cũng cần phải được nói rõ. Ở đây nó chỉ những hàng hóa nhập từ những nước có chế độ tiền tệ hoàn toàn độc lập và gạt ra mọi hàng hóa lưu thông trong nội bộ một nước có tiền tệ bị mất giá và những nước có chế độ tiền tệ gắn liền với nhau – như trường hợp đồng "phơrăng" và đồng "píatstơrơ".

Trở lại trường hợp Đông Dương, về lôgic, sự tăng lên của giá cả lẽ ra chỉ ảnh hưởng sâu sắc đến:

1. Những hàng hóa Pháp bán cho Đông Dương với giá cao hơn.

2. Những hàng Đông Dương cần đến nguyên liệu của Nhật hay của Trung Quốc mới chế tạo được, những hàng hóa này không quan trọng mấy.

3. Những hàng nhập trực tiếp từ nước ngoài: Inđônêxia, Anh, Trung Quốc, Nhật Bản, v.v...

Các hàng hóa khác, thường bị ảnh hưởng về giá cả tăng lên do lây lan, chỉ bị ảnh hưởng ở một mức độ thấp, tùy thuộc vào quan hệ giữa chúng với thị trường bên ngoài.

Nguyên nhân lớn khác

Vậy mà sự đối chiếu các con số cho thấy rằng giá sinh hoạt kể từ 1936, đã tăng 40% đối với người Âu, 50% đối với các tầng lớp trung lưu và 60% đối với công nhân. Nói thế có nghĩa là mức tăng lên là cao đối với những người tiêu thụ nhiều hàng hóa thuộc các loại đã kể ra trên đây, *cao hơn* đối với những người tiêu thụ các hàng hóa đó ít hơn và *cao hơn nữa* đối với những người hầu như không bao giờ tiêu thụ các loại hàng hóa đó.

Xem xét về *trọng lượng* nằm trong sự tính toán các chỉ số xác nhận ý kiến đó của chúng tôi. Các chỉ số của giai cấp công nhân dựa

trên một trọng lượng 70% "lương thực", mà nói cách khác 70% là "hàng hóa hoàn toàn trong nước", trong khi đó, cũng trong hạng mục này chỉ số đó là 45% đối với các giai cấp trung lưu và chỉ có 35% đối với người Âu.

Như thế là thế nào nếu không phải rằng công nhân và các giai cấp trung lưu, nạn nhân của một sự tăng giá rất mạnh mặc dầu họ chỉ tiêu dùng, hoặc chủ yếu tiêu dùng, các hàng hóa trong nước, là con mồi dễ dàng, không có gì bảo vệ, cho bọn đầu cơ vô liêm sỉ?

Đả đảo bọn đầu cơ!

Nạn đầu cơ, đó là nguyên nhân lớn khác của giá sinh hoạt tăng lên. Bọn nhập cảng ra hiệu trước, bằng cách cường điệu sự tăng giá sinh hoạt vốn chỉ do những nguyên nhân về mặt tiền tệ gây ra; những kẻ nắm giữ nhiều sản phẩm trong nước lập tức theo gót bọn đó. Chúng vơ vét hàng hóa, chặn các kho hàng lại, gây ra những sự tăng giá giả tạo, phi pháp! Vả chăng tại sao chúng lại không làm thế kia chứ? Trong cuộc chạy đua để bóc lột, có bao giờ chúng vấp phải một cái hãm pháp lý nào đâu?

Vài biện pháp đã được đề ra để xoa dịu nhất thời những người tiêu dùng đang tức giận, đã nhanh chóng trở thành giấy lộn. Ủy ban Vật giá thản nhiên ngủ gà ngủ gật và để mặc cho bọn đầu cơ tích trữ tha hồ tăng giá. Chưa bao giờ nạn đầu cơ tích trữ lại trơ tráo như từ một tháng nay, kể từ khi đặt ra thuế vũ trang nổi tiếng. Chưa bao giờ sức ỳ của Chính phủ, sự lờ đờ của Ủy ban đó lại rõ ràng hơn, tệ hại hơn, đáng căm giận hơn!

Thế nào thì rồi cuối cùng cũng phải trị nạn đầu cơ, trừng phạt bọn vơ vét tích trữ, bỏ tù chúng! Thế nào thì rồi cuối cùng Chính phủ cũng phải hành động chống lại những tên phạm tội thuộc đủ các cỡ đó!

Thực tế chứng tỏ rằng các giai cấp trung lưu và nghèo là những người bị thiệt hại nhất; chính họ cần phải phối hợp hành động, kết hợp đấu tranh để buộc Chính phủ có những biện pháp mạnh mẽ chống lại bọn đầu cơ, những kẻ thù của nhân dân đang làm giàu một cách quá quắt, đánh vào túi tiền lép xẹp của công nhân, viên chức, nói tóm lại của người nghèo.

VÂN ĐÌNH

Báo *Notre voix (Tiếng nói của chúng ta)*, số 22, ngày 11-6-1939.
Bản dịch: Ngô Vĩnh Viễn.

LIÊN HIỆP LẠI VÀ TRANH ĐẤU

TIỂU DẪN – Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 150 cuộc Đại cách mạng tư sản Pháp 1789, đế quốc Pháp bày trò vận động sáp nhập Bắc Kỳ với Trung Kỳ, đặt dưới quyền cai trị của triều đình Huế. Sự kiện này mệnh danh là "trở lại hiệp ước 1884", một hiệp ước bán nước và cướp nước ký giữa một bên là Nguyễn Văn Tường, Phạm Thận Duật và Tôn Thất Phán thay mặt cho triều đình nhà Nguyễn, và bên kia là Giuyn Patơnốt (Jules Patennôtre) thay mặt Chính phủ Pháp, ký ngày 6–6–1884 ở Huế.

Dịp kỷ niệm Đại cách mạng Pháp năm 1939, Bảo Đại, Phạm Quỳnh và viện trưởng Viện Dân biểu Bắc Kỳ Phạm Lê Bổng cùng với Trần Văn Tùng đi Pari để âm mưu bàn với Bộ Thuộc địa Pháp giao Bắc Kỳ cho triều đình Huế.

Một số tờ báo đưa tin là ngày 25–7–1939, Tổng thống Pháp đã ký sắc lệnh sáp nhập Bắc Kỳ vào với Trung Kỳ dưới quyền Chính phủ Nam triều. Tin này làm chấn động dư luận.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, những cuộc đấu tranh sôi nổi, rầm rộ lan khắp nước chống lại âm mưu thâm độc của đế quốc Pháp, kết hợp những cuộc biểu tình quần chúng – nhất là cuộc biểu tình của gần 1.000 dân Hà Nội kéo qua vườn hoa Canh Nông, trên đường Điện Biên Phủ ngày nay, tối 6–8–1939, với việc vận động các Nghị viên trong Viện Dân biểu Bắc Kỳ đồng thanh phản đối chủ trương đó, làm thành quyết nghị gửi toàn quyền Đông Dương và Bộ thuộc địa Pháp; in hàng triệu tờ truyền đơn và áp phích dán khắp nơi với viết hàng loạt bài trên các báo chí cách mạng: *Dân chúng, Đời nay, Notre voix (Tiếng nói của chúng ta), Đông Dương, Thế giới, Lao động, Mới, Ngày mới, Người mới* và nhiều tờ báo đứng trong mặt trận báo chí dân chủ vạch mặt bọn Bảo hoàng và tố cáo chính sách phản động của đế quốc Pháp.

Cuộc tiến công mãnh liệt của nhân dân ta đã buộc đế quốc Pháp phải thủ tiêu âm mưu đó, Bộ thuộc địa Pháp phải ngượng ngùng thông báo "tin sáp nhập Bắc Kỳ vào Huế chỉ là một tin đồn nhảm mà thôi!"

Mặc dầu đế quốc Pháp đã thừa nhận sự thất bại nhục nhã, Đảng ta vẫn vận động dư luận truy kích đến cùng, đến khi chiến tranh bùng nổ, mọi báo chí cách mạng bị cấm, mọi cuộc hội nghị quần chúng bị đàn áp tàn bạo mới ngừng hẳn.

Dưới đây là một bài của Võ Nguyên Giáp, với bút danh Vân Đình, viết trong cuộc đấu tranh này. Tác giả, một mặt tiếp tục phê phán chính sách phản động của nhà cầm quyền thực dân đối với nước ta, với cả xứ Đông Dương, mặt khác, vận động quần chúng tích cực đấu tranh đòi thực hiện các quyền dân chủ, thực hiện thống nhất đất nước, thống nhất dân tộc Việt Nam

theo một Hiến pháp dân chủ với tinh thần "Trung – Nam – Bắc một nhà đầm ấm".

Chống việc sáp nhập Bắc Kỳ vào Triều đình Huế!
Đòi ban hành một hiến pháp dân chủ!
Đòi thống nhất Trung Nam Bắc và toàn thể Đông Dương dưới một chế độ dân chủ!

CÂU CHUYỆN VẪN CẤP THIẾT

Trước khi đi vào vấn đề, một vấn đề hết sức quan trọng, có quan hệ đến vận mệnh, tương lai của cả dân tộc Việt Nam chúng ta, chúng tôi tưởng nên trả lời câu hỏi này đã:

Về việc sáp nhập Bắc Kỳ vào Triều đình Huế, hôm 11 – 8 đã có tờ lai cảo cải chính của Phủ Thống sứ. Vậy thì cái vấn đề ấy, chúng ta có nên bàn đến nữa hay không?

Phải. Sau khi tất cả các tầng lớp dân chúng nhao nhao nổi dậy phản đối, Chính phủ có gửi bức thư lai cảo sau này cho các báo:

"Quan Thống sứ Bắc Kỳ lấy làm hân hạnh báo tin cho dân chúng Bắc Kỳ biết rằng: theo như bức điện tín của quan Tổng trưởng thuộc địa gửi cho quan Toàn quyền Đông Dương về việc sáp nhập Bắc Kỳ vào Nam triều, quan Thống sứ được phép cải chính những tin đồn này nọ về việc ấy, và cho biết rằng việc cải cách đang dự định sẽ cốt yếu có tính cách dân chủ".

Thử đọc kỹ lại bức lai cảo, các bạn sẽ thấy rằng đấy là một lời cải chính chả cải chính gì sốt. Phủ Thống sứ cải chính "những tin đồn này nọ" nhưng chẳng nói rõ ràng cho chúng ta biết việc sáp nhập là có hay không.

Một sự mơ hồ có thể ru ngủ ta, và vì thế nó buộc ta càng phải thận trọng càng phải tiếp tục cuộc tranh đấu! Chúng ta không thể căn cứ vào tờ lai cảo không rõ ràng mà không để ý tới một vấn đề tối quan trọng, đến nỗi một ngày kia Bắc Kỳ sáp nhập vào Nam triều lúc nào ta không biết!

Vả chăng, Bộ thuộc địa hứa một cuộc "cải cách có tính chất cốt yếu dân chủ" mà không nói rõ nội dung cuộc cải cách ấy ra thế nào. Chúng ta lại càng phải thận trọng. Năm kia, ông Saten hứa cải cách

thuế khóa "theo một nguyên tắc dân chủ". Trong bài diễn văn ở Đô Lương, ông Brêviê cũng đã từng hứa sẽ ban hành luật tự do lập nghiệp đoàn. Rút cục, ông Saten đưa lại cho dân Bắc một chế độ thuế khóa hết sức bất công; còn ông Brêviê thì chả ban hành cho chúng ta cái tự do nào cả!

Kinh nghiệm dạy cho chúng ta rằng: chúng ta không nên quá tin ở những lời hứa "vàng ngọc". Ông Măngđen đã hứa cải cách, chúng ta nên biết vậy, và về phần chúng ta, muốn khỏi mong hụt, thì phải:

1. Nói rõ chúng ta muốn cải cách thế nào!

2. Tranh đấu đòi cho được cải cách!

Chính vì những lẽ ấy, mà bổn phận mỗi người dân Việt Nam trong lúc này là phải để cả tâm lực vào vấn đề hiệp ước 1884 và vấn đề cải cách chế độ hiện hành.

1. Chống trở lại điều ước 84 đến cùng!

Cho đến lúc Phủ Thống sứ chưa nói rõ cho ta biết: không sáp nhập vào triều đình Huế, cho đến lúc bọn Bảo hoàng chưa hết vận động để mở rộng quyền vua quan và kìm hãm chúng ta vào một chế độ khốc liệt hơn, chúng ta còn phải mãi mãi kêu to: chống trở lại điều ước 84 đến cùng!

Bọn *Nam Cường* [1] và cả bè lũ Bảo hoàng, chúng hết sức đem những lời ngụy biện ra để đánh lừa dân chúng. Chúng bảo trở lại điều ước 84 tức là trả quyền lại cho nước Nam! Chúng ta không bao giờ chịu để cho bọn chúng dùng những danh từ "người Nam, nước Nam" mà "bịp" chúng ta được. Chúng ta trả lời cho họ rằng: "Trở lại 84 chỉ là mở rộng quyền vua An Nam, mà vua quan An Nam đâu phải là nước Nam, đâu phải là dân Nam, trái lại quyền vua quan rộng chừng nào, thì quyền dân lại càng bị lột chừng nấy, dân đen lại càng bị khổ chừng nấy". [2]

Có một bọn giả vờ trung lập, chúng đem luật lệ này kia ra lòe thiên hạ, thậm chí là để căn cứ vào văn tự mà lừa dân chúng, nói với dân chúng rằng luật pháp ở Trung Kỳ cũng tương tự với luật pháp ở Bắc Kỳ. Nguy hiểm! Một chế độ đâu có phải chỉ có thể biểu lộ ra ở văn tự luật pháp, nó còn biểu lộ ra một phần lớn ở cách thi hành

1. *Nam Cường* là tên tờ báo của bọn Bảo hoàng do Phạm Lê Bổng chủ trương.

2. Điều 16 của điều ước – Đại Nam Hoàng đế vẫn chỉ huy bộ máy cai trị ở trong nước như cũ... (chú thích của tác giả).

luật pháp ấy nữa. Một đạo Nghị định Bộ Lại cấm một lần hơn 200 quyển sách, vụ báo Dân bị tù vì một tin vặt đã cải chính, vụ Đinh Chương Dương bị 10 năm tù vì gửi dân nguyện cho dân biểu, Bùi Định bị 10 năm khổ sai vì biểu tình cách mạng Pháp v.v... Sự thật còn sờ sờ trước mắt chúng ta đó và luôn luôn nhắc nhở cho chúng ta rằng chúng ta không thể tin lời nói của phái "văn tự" và nếu không khí Bắc Kỳ đã khó thở, thì không khí Trung Kỳ phải đến ngạt!

Sự thực, vua quan An Nam mạnh, tức là phản động thuộc địa mạnh! Mà cái khẩu hiệu 84, chẳng qua là một cái khẩu hiệu phản động ngấm ngầm đưa ra. Ông Quỳnh, Ông Bổng, tự họ, tự cái vai trò tay sai của họ, bao giờ lại dám đòi hỏi gì! Họ chỉ đòi những cái mà người ta bảo họ đòi mà thôi vậy. Có gì khó hiểu đâu! Phong trào quần chúng bồng bột, bọn phong kiến đã thành những cái "lợi khí dễ dàng" – chính lời nói của Phạm Quỳnh lúc chưa vào Kinh! – của đế quốc Pháp. Thì có cách gì đàn áp quần chúng tiện hơn là mở rộng quyền vua quan: cái bình phong phong kiến vững chừng nào, địa vị của phản động thuộc địa vững chừng nấy, phong trào quần chúng càng bị đè đẹp chừng nấy, tình cảm dân chúng càng khốn khổ chừng nấy.

Không! Chúng ta không thể không tố cáo cuộc âm mưu của bè lũ Bảo hoàng trước dư luận được! Chúng ta quyết không muốn đi lùi về dĩ vãng hơn một nửa thế kỷ!

Chúng ta sẽ chống lại sự trở lại 84 đến cùng!

2. Chúng ta đòi những cải cách gì?

Các bạn hẳn thường nghe bọn thống trị mỗi một lần nói đến dân chúng thì thả cái giọng miệt thị: "Dân An Nam chỉ biết chống cái này chống cái kia, nhưng họ chẳng hề biết họ muốn gì!"

Vẫn biết đấy chỉ là lời vu khống không đâu, nhưng về phần chúng ta, về vấn đề 84 này, chúng ta cũng nên nói rõ chúng ta muốn gì, để làm câm miệng bọn vu khống! Vả chăng, có biết rõ chúng ta muốn gì thì cuộc đấu tranh chung mới dễ tiến hành, sự thống nhất hành động mới dễ thực hiện.

Chống trở lại 84, nhưng đòi những cải cách gì?

Chúng ta có muốn duy trì chế độ hiện hành với cái Viện Dân biểu vô quyền, với cái chế độ thuế thân Saten, với không biết bao nhiêu sự áp bức khác nữa không?

Quyết là chúng ta không muốn thế rồi!

Thế thì chúng ta có muốn đem tất cả quyền lực trao cho Pháp, để bọn phản động thuộc địa cai trị thẳng chúng ta không? Cũng lại không nữa! Chúng ta đã biết cái chính sách của bọn phản động thuộc địa nó ra thế nào, thì nhất quyết không thể tán thành sự trao cả quyền lực cho họ được. Đứng về một phương diện khác mà nói, chúng ta là một dân tộc có lịch sử vẻ vang, đã bao phen tỏ là giàu sinh lực và sở năng, nay nếu hoàn toàn ở dưới quyền bọn phản động thuộc địa, thì làm thế nào mà mở mang, mà tiến bộ, mà đi tới một tương lai tốt đẹp được?

Chúng ta không muốn mở rộng quyền vua quan.

Chúng ta cũng không muốn mở rộng quyền bọn phản động thuộc địa.

Chúng ta là những người mong được một đời sống dễ chịu hơn, chúng ta chỉ muốn mở rộng quyền lực của chúng ta, của dân chúng!

Chương trình của chúng ta?

Đơn giản hết sức, và hết sức hợp với trình độ tiến hóa của dân tộc Việt Nam và các dân tộc Đông Dương. Chúng ta đòi:

1. Ban hàng một Hiến pháp dân chủ cho dân tộc Việt Nam, cho Trung - Nam - Bắc và cho toàn xứ Đông Dương. Hiến pháp này cố nhiên là một trời một vực với Hiến pháp tam giác của Phạm Quỳnh. Nó sẽ gồm những điều cốt thiết này:

a) Tự do dân chủ và nghiệp đoàn.

b) Phổ thông đầu phiếu; dân viện có quyền lập pháp; một chính phủ có trách nhiệm nghĩa là lúc nào dân viện không tín nhiệm thì không phải "vững như trồng" như bây giờ, mà bắt buộc phải từ chức.

c) Cải cách chế độ cai trị theo nguyên tắc dân chủ, nhất là nguyên tắc tam quyền phân lập (ông Tổng đốc, ông Sứ, ông Huyện sẽ không phải là những ông chúa tể, những ông "vua con" trong địa hạt của mình nữa).

Nói cho rõ hơn, theo Hiến pháp dân chủ của chúng ta: Trung - Nam - Bắc, nghĩa là dân tộc Việt Nam, sẽ hợp nhất lại: một dân viện, một Chính phủ, một chế độ tự do và dân chủ. Trung - Nam - Bắc sẽ sum họp lại một nhà, nhưng không phải "sum họp" ở dưới gót sắt của vua quan nữa mà lại sum họp trong một không khí tự do và dân chủ cả ba kỳ.

Chống trở lại 84, chúng ta đã chống cái chủ trương nguy hại: *Trung - Bắc, một trại khổ sai.*

Đòi Hiến pháp dân chủ, chúng ta đòi *"Trung - Nam - Bắc một nhà đầm ấm"*.

Sự thống nhất dân tộc Việt Nam ta sẽ là một điều kiện cho sự liên minh các dân tộc ở Đông Dương theo tinh thần tự do và dân chủ.

Chương trình chúng ta như vậy đó, một chương trình như vậy tất sẽ được tất cả các tầng lớp của dân tộc Việt Nam tán thành, trừ bọn phản quốc ra mặt hay giấu danh.

Một chương trình đã hợp với tình thế, hợp với ý nguyện của cả dân chúng thì chỉ còn sức phấn đấu của dân chúng nữa là thực hiện được!

Tương lai của dân tộc ta, hạnh phúc của dân tộc ta, hoàn toàn tùy sức phấn đấu của chúng ta!

Chúng ta hãy gắng lên.

Liên hiệp lại và tiếp tục cuộc tranh đấu!

Có liên hiệp thật chặt chẽ, có tranh đấu thật kiên quyết, thì mới mong có ngày thắng lợi vẻ vang, có cuộc cải cách thiết thực!

VÂN ĐÌNH

Báo *Thế giới*, số đặc biệt,
ngày 17-8-1939.

DIỄN TỪ ĐỌC TRONG BUỔI LỄ THÀNH LẬP ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN

Các đồng chí,

Ngày hôm nay, 22 – 12 – 1944, theo mệnh lệnh của Đoàn thể, chúng ta tập trung ở chốn rừng xanh núi đỏ này, giữa tổng Trần Hưng Đạo và tổng Hoàng Hoa Thám trong liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng để khai hội thành lập Đội Tuyên truyền Việt Nam giải phóng quân.

Các đồng chí hẳn biết: lúc chúng ta đang nhóm họp ở đây, chính là lúc cuộc giao tranh giữa hai mặt trận phát xít và dân chủ sắp hạ lớp màn cuối cùng ở bên trời Âu: chủ nghĩa phát xít Đức bị tiêu diệt đến nơi rồi. Còn ở Á Đông, thì cuộc giao tranh ấy cũng bước vào thời kỳ quyết liệt với cuộc tấn công của Nhật vào Hoa Nam, với cuộc đổ bộ của Mỹ lên Phi Luật Tân. Rồi đây nước Việt Nam chúng ta rất có thể bị lôi cuốn trực tiếp vào vòng binh lửa, và chủ nghĩa phát xít Nhật thế nào cũng bị dẫn vào chỗ diệt vong.

Các đồng chí hẳn biết: lúc chúng ta đang nhóm họp ở đây, chính là lúc từ Tây sang Đông, làn sóng cách mệnh tân dân chủ, cuộc vận động dân tộc giải phóng đang dâng lên sôi nổi, lôi cuốn hàng trăm triệu nhân dân các nước bị áp bức. Từ Nam Tư Lạp Phu đến Trung Quốc, biết bao nhiêu dân tộc đang phấn đấu oanh liệt để tranh thủ lấy độc lập, tự do, hạnh phúc.

Trong lúc đó, ở nước ta, trước cảnh đàn áp bóc lột đến cùng, sự mâu thuẫn giữa Pháp, Nhật ngày càng sâu thêm, cuộc cách mệnh dân tộc giải phóng Việt Nam đi đôi với trào lưu thế giới mà sắp bước vào giai đoạn trực tiếp võ trang tranh đấu. Kìa, dân chúng ta chẳng phải đâu đâu cũng sôi nổi, chờ đợi ngày tranh đấu quyết liệt hay sao? Ở Thái Nguyên, ngọn cờ võ trang tranh đấu chẳng phải đã được nêu cao rồi đấy hay sao?

Để ứng phó cho kịp thời cơ và bảo đảm sự thành công cho cuộc cách mạng giải phóng, Việt Nam độc lập đồng minh đã nêu lên một công tác mới: Võ trang tuyên truyền; và trong liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng, phó thác công tác đó cho chúng ta, cho Đội Tuyên truyền Việt

Nam giải phóng quân mà ngày hôm nay chúng ta khai hội để thành lập, trong một quang cảnh giản đơn, đạm bạc mà long trọng.

Các đồng chí,

Nhiệm vụ mà Đoàn thể ủy thác cho chúng ta là một nhiệm vụ quan trọng, nặng nề. Chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến, nhiệm vụ ấy có tính chất là một nhiệm vụ giao thời. Vận dụng vũ trang tuyên truyền để kêu gọi toàn dân đứng dậy, chuẩn bị cơ sở chính trị và quân sự cho cuộc khởi nghĩa sau này. Chúng ta cần nhận thức điều đó cho rõ ràng, để thực hành cho đúng, và nỗ lực đến cùng trong lúc thực hành. Đoàn thể ủy thác cho chúng ta nhiệm vụ này, tức là đặt nhiều niềm tin tưởng và hy vọng vào chúng ta. Chúng ta sẽ thực hành đúng chỉ thị để khỏi phụ lòng của Đoàn thể.

Thế là từ giờ phút này trở đi, chúng ta cùng nhau tiến lên trên con đường vũ trang tranh đấu. Chúng ta nêu cao tinh thần anh dũng hy sinh, gian nan không ngại, khổ sở không từ, dù đầu rơi máu chảy cũng không lùi bước. Chúng ta quyết tiến tới để làm trọn nhiệm vụ. Bao nhiêu oán hờn của dân tộc, bao nhiêu sự tàn khốc thê thảm đang chờ đợi một cuộc thanh toán. Chúng ta nguyện đem xương và máu mà làm việc đó. Chúng ta sẽ vạch rõ cho toàn dân rằng con đường sống duy nhất là con đường đoàn kết vũ trang đứng dậy. Quân giải phóng sẽ tỏ rõ rằng mình là một đội quân của dân, của nước, đi tiên phong trên con đường giải phóng dân tộc.

Quân giải phóng sẽ là một đội quân rất trọng kỷ luật, tuyệt đối phục tùng thượng lệnh; sẽ là một đội quân giàu tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ. Chúng ta sẽ quả cảm và thận trọng, thắng không kiêu, bại không nản. Kinh nghiệm chúng ta còn non, nhưng có làm mới có kinh nghiệm, và làm thì tất nhiên sẽ có kinh nghiệm. Chúng ta tin tưởng ở thắng lợi. Phải, chúng ta nhất định thắng lợi. Dân Nam Tư Lạp Phu đã đem xương máu mà giành lại non sông đất nước. Dân Pháp, dân Trung Quốc cũng đang đem xương máu đổi lấy giải phóng tự do. Không lẽ gì mà những công cuộc dân Nam Tư, dân Pháp, dân Trung Quốc làm được mà dân ta lại không làm được. Là con cháu của Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám, chúng ta sẽ giải phóng đất nước ta, sẽ xứng đáng với tổ tiên ta. Và, hẳn không phải là một sự ngẫu nhiên mà ngày hôm nay, Đội Tuyên truyền chúng ta lại thành lập ngay ở giữa tổng Trần Hưng Đạo và tổng Hoàng Hoa Thám.

Các đồng chí nhớ: tham gia đội quân Giải phóng đầu tiên là một vinh dự cho chúng ta, chúng ta sẽ chứng tỏ rằng chúng ta xứng đáng với vinh dự đó. Đã bao lâu các đồng chí chờ đợi giờ vũ trang tranh đấu. Giờ ấy đã đến rồi.

Theo chỉ thị của Đoàn thể, dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, tôi xin tuyên bố Đội Tuyên truyền Việt Nam Giải phóng quân thành lập và hạ lệnh cho các đồng chí tiến lên trên con đường vũ trang tranh đấu.

Từ giờ phút này, các đồng chí sẽ noi theo ngọn cờ mà tiến trên con đường máu. Chúng ta tiến, tiến mãi cho đến ngày giải phóng của toàn dân.

Để nêu cao tinh thần khắc khổ, hy sinh, để tỏ lòng ghi nhớ những tấm gương oanh liệt của các anh hùng dân tộc đời trước và kiên quyết noi theo, tôi xin đề nghị tối hôm nay, Đội chúng ta cùng nhau ăn một bữa cơm chay, không rau không muối, và suốt đêm nay, chia nhau từng tiểu đội mà túc trực dưới cờ và niệm những lời thề danh dự, bên cạnh những đống lửa du kích mà chúng ta sẽ đốt lên trong khu rừng này. Đêm nay là đêm du kích đầu tiên của Đội Tuyên truyền chúng ta.

Cuối cùng, tôi xin thay mặt Đoàn thể và toàn Đội mà cảm tạ lòng sốt sắng ủng hộ của dân chúng trong liên tỉnh, đặc biệt là các anh các chị đã không quản nguy hiểm mà đến đây, úy lạo bộ đội và tham gia lễ thành lập Đội của chúng tôi. Chúng tôi sẽ giết giặc, cứu nước, để đền bù thịnh tình của dân chúng.

Tôi xin hô to:

Kiên quyết tiến lên trên con đường chiến đấu!
Tinh thần quân Giải phóng Việt Nam muôn năm!
Việt Nam độc lập đồng minh muôn năm!
Việt Nam độc lập muôn năm!

Nhật lệnh, Diễn từ,
Thư động viên (1944 – 1962).
NXB, Sự thật,
Hà Nội, 1963, tr. 5.

LÊ VĂN HIẾN

(1902 - 1997)

Lê Văn Hiến sinh năm 1902 tại làng Phước Ninh, nay là phường Phước Ninh thuộc thành phố Đà Nẵng, tỉnh Đà Nẵng.

Lê Văn Hiến tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1925, bị bắt ba lần vào các thời kỳ (1930 - 1936, 1936 - 1939, 1939 - 1945). Trong thời kỳ 1936 - 1939, thực hiện chủ trương của Xứ ủy Trung Kỳ, Lê Văn Hiến viết tập tài liệu về cuộc đấu tranh đẫm máu ở Nhà ngục Kông Tum, nơi mà Lê Văn Hiến đã từng bị giam, gửi cho Đảng Cộng sản Pháp và Mặt trận Bình dân Pháp, vận động hai tổ chức này đòi Chính phủ Pháp đại xá chính trị phạm và cho các quyền tự do dân chủ khác. Tài liệu này sau được Nhà xuất bản *Tư tưởng* mới in thành sách với tên *Ngục Kông Tum*. Sách vừa mới ra mắt bạn đọc thì thực dân Pháp ra lệnh cấm lưu hành và bắt giam tác giả mười tháng.

Được tự do một thời gian, năm 1940, Lê Văn Hiến lại bị thực dân Pháp bắt đưa lên cầm tù ở Đắc Pết và Đắc Tô. Tháng 5–1945, Lê Văn Hiến được trả tự do, trở về Đà Nẵng bí mật tham gia lãnh đạo khởi nghĩa. Lê Văn Hiến được cử làm Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa, rồi làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng Đà Nẵng.

Từ năm 1945 đến 1976, Lê Văn Hiến đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng của Nhà nước: Bộ trưởng Bộ Lao động, Bộ trưởng Bộ Tài Chính, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Vương quốc Lào. Sau đó, Lê Văn Hiến đã nghỉ hưu.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, *Ngục Kông Tum* được in lại: lần thứ hai, do Nhà xuất bản Hoa Lư, năm 1946; lần thứ ba, do Nhà xuất bản Hội Nhà văn, năm 1958; lần thứ tư do Nhà xuất bản Văn học, năm 1970. Cuối năm 1937 và đầu năm 1938: tác phẩm này được Đặng Thai Mai dịch một phần ra tiếng Pháp, và đăng trên báo *Le Travail (Lao động)*.

Xin trích một số đoạn trong *Ngục Kông Tum*.

NGỤC KÔNG TUM
(Trích)

VÌ SAO TÔI XUẤT BẢN QUYỂN NGỤC KÔNG TUM?

Trong thời gian gần đây, một số anh em chính trị phạm được may mắn từ giã các ngục đường nguy hiểm như Côn Lôn, Buôn Ma Thuột, Lao Bảo, v.v...

Sau khi về, nhiều anh em đã ôn chí chép lại những sự xảy ra trong đời "tù" của mình. Vì thế mà những chuyện trong ngục lần lượt ra đời, hoặc đăng lên báo, hoặc in thành sách kể cũng đã nhiều,

Nếu câu chuyện xảy ra ở Ngục Kông Tum cũng giống như các ngục đường khác, thì bất tất tôi phải kể thêm ra đây.

Sau khi lên cầm quyền, nếu Chính phủ Bình dân Pháp thi hành chính sách ân xá cho tất cả chính trị phạm ở Đông Dương thì tập ký ức này cũng chưa nhất thiết phải in ra.

Trái với sự mong mỏi của nhân dân Đông Dương, một số chính trị phạm còn lăn lóc chịu đựng khốn khổ trong các ngục Côn Lôn, Buôn Ma Thuột, Sơn La, v.v... Hơn thế nữa, một số người sau các cuộc biểu tình trong lao, phản đối sự ăn uống thiếu, công việc nặng, bị đánh đập nhiều, số người ấy bị tăng án một cách quá đáng, và lại bị liệt vào hàng tù thường mà không được hưởng chế độ chính trị.

Vì những sự bất công ấy, nên *Ngục Kông Tum* phải ra đời để cung cấp cho Toàn quyền Brêviê, Tổng trưởng thuộc địa Mutê và Ủy ban điều tra của Chính phủ Bình dân Pháp một tài liệu. Nhắc lại những sự thống khổ trước kia để mong tránh các điều tệ hại sau này, đó là mục đích của *Ngục Kông Tum* này.

Viết tại Đà Nẵng, ngày 14-11-1937

LÊ VĂN HIẾN

Từ Vinh vào Quy Nhơn, không ai biết là đi đâu, từ Quy Nhơn đáp xe hơi lên Kông Tum, anh em mới bắt đầu nhìn nhau tỏ dấu nghi ngờ. Trong anh em có người cũng đã biết Kông Tum là một tỉnh miền

Cao Nguyên có tiếng là chỗ nước độc. Nhưng cũng có người tưởng Kông Tum là một nơi khí hậu mát mẻ, như những chỗ nghỉ mát của người Pháp ở Bana, Đà Lạt, v.v... Phần nhiều đối với Kông Tum cứ vẫn lạc quan!

Vừa đến Kông Tum thì thấy ngay sự thay đổi lạ thường, nhà phạt [1], bị giao cho một bọn lính khố xanh trông coi dưới quyền chỉ huy của viên quan một tên là Panmêsani (Palmésani). Mới gặp nhà phạt, Panmêsani đã thi hành ngay chính sách khủng bố. Khi nhận kiểm nhà phạt, hắn đã sắp lính đứng xung quanh, nạt một tiếng lớn, bắt nhà phạt sắp hai hàng, ngồi xuống, cúi đầu. Rồi, tay cầm một cây gậy mây lớn, Panmêsani nhắm ngay đầu từng người một mà đánh rất mạnh, vừa đánh vừa đếm một, hai, ba... Đếm xong, giao nhà phạt cho lính lục soát trong mình.

Kiểm soát xong, đem nhà phạt nhốt vào một nhà lao chật hẹp, tối tăm, dơ bẩn. Lúc bấy giờ anh em mới bắt đầu nhìn nhau ngơ ngác!

Sự khủng bố "không tiền khoáng hậu" bắt đầu từ đây. Hy vọng "tự do sinh hoạt" của anh em đã theo luồng gió Kông Tum mà tiêu tan vào rừng núi.

Anh em chính trị phạm bấy giờ mới biết là mình lầm. Hùm thiêng khi đã vương dây còn phải để mặc tay kẻ thợ, huống chi thân người yếu đuối, không có mảy may gì hộ thân, ngoài cái còng còn bị một lần cửa khóa! Họa chăng, chỉ còn hy vọng vào tinh thần phấn đấu của mình mà sống!

Trên đường đi Đắc Pao

Ở lao Kông Tum được một hôm, thì quan một Panmêsani và lính đưa một trăm năm mươi chính trị phạm lên Đắc Pao. Mỗi người trên lưng đã sẵn một mang: chiếu, chăn, quần, áo, nồi, v.v... Ngoài ra còn phải khiêng các rương hòm và đồ vật dụng của lính. Đi bộ năm ngày, đường xa gánh nặng, chân chồn mỏi lưng, sức không đủ, đi đường lại còn bị bọn lính ra sức bổ hèo, gậy vào người, bất kể đầu, vai, lưng, bụng; đụng đâu đánh đó không chừa một chỗ nào. Được lệnh "ông quan" (lính thường gọi tất cả người Pháp bất kỳ là người nào, bằng

1. Nhà phạt: Từ của bọn lính gác ngục thường dùng để gọi những người tù.

("ông quan") cho phép đánh nhà phạt, nên chúng tha hồ thẳng tay. [1]

Bọn lính phần nhiều không biết tiếng Kinh, còn người biết tiếng Kinh chút ít lại không nghe quen giọng của người Nghệ Tĩnh, thành thử không thể nói năng phải trái với chúng được, càng mở miệng ra càng bị "ăn" hèo mây và báng súng.

Ngậm hờn, nuốt tủi, ai nấy chỉ nhìn nhau mà chịu. Có người lại nghĩ lẩn thẩn hy vọng vào quan một Panmêsani; họ tưởng rằng "bọn lính tàn ác đã đành, nhưng còn viên quan Một là người Pháp văn minh, nhân đạo hơn, thì dẫu có xem chính trị phạm là thù địch chăng nữa, cách đối đãi tuy có nghiêm khắc, nhưng cũng không đến nỗi như những người lính".

Luận điệu ấy nghe qua hầu như có lý, nhưng sự thật thì khác hẳn; hy vọng chỉ là ảo vọng mà tuyệt vọng lại thêm tuyệt vọng. Thái độ tàn ác của Panmêsani sau đây đã đưa thẳng lòng mong mỏi của anh em xuống vực sâu hố thẳm!

Hành động tàn bạo của Panmêsani

Đi bộ từ Kông Tum lên tới trạm Bô Kô, gần hai mươi nhăm cây số. Rồi từ trạm Bô Kô đến Đắc Tô là hai mươi nhăm cây số nữa. Đi đường mấy ngày, nhà phạt đều đã rụng rời mỏi mệt. Gánh nặng, đường xa, phần lại bị lính đánh đập hành hạ dọc đường, nhiều người sức đã cùng kiệt, phải gắng gượng lắm mới theo kịp đoàn.

Lúc ấy, có một anh em học sinh quê ở Hà Tĩnh, tên là Duân, nguyên ở lao Qui Nhơn đã bị đau sốt rét chưa lành; vừa tiếp đi bộ mấy ngày, bệnh lên cơn nặng. Đến quãng đường cách Đắc Tô chừng năm cây số, Duân đuối sức quá, nằm lăn ra đường, không thể bước được nữa. Thế là gậy hèo bổ lên mình anh rất dữ dội, nhưng sức Duân đã cùng kiệt quá, không gắng được nữa, chỉ kêu gào, rên rỉ mà chịu.

Quan Một Panmêsani vừa đến. Duân van xin cho nghỉ trong giây lát rồi đi. Tưởng Panmêsani động lòng thương xót, cho khiêng người bệnh đi theo, nào ngờ đâu hắn ta, tay rút súng sáu, miệng nói: "Nếu mày không bằng lòng đi thì tao bắn".

---

1. Số lính được chọn để đưa chính trị phạm đi làm đường số 14, toàn là người trong các dân tộc miền núi. Đây cũng là chính sách chia rẽ dân tộc của thực dân Pháp. Số lính này được huấn luyện đặc biệt để coi giữ và khủng bố chính trị phạm, cho nên họ trở thành hung bạo tàn ác và rất ghét nhà phạt.

Duân nghe nói hoảng hốt, cố gượng đứng dậy đôi ba lần, nhưng không tài nào đứng nổi. Gượng lên, ngã xuống, hết sức gượng đứng lên một lần nữa cũng vô hiệu, anh bèn tha thiết van: "Xin quan, tôi yếu quá, không thể đi được nữa".

"Đoàng", một tiếng súng sáu vừa buông, Duân loay hoay giãy giụa vài cái, rồi chết.

Sau hành động tàn ác ấy, Panmêsani lấy tay chỉ thây Duân mà nói với tất cả nhà phạt: "Chúng bay liệu hồn, nếu không đi được, thì cũng theo một số phận như thằng này".

Một hơi thở dài của một trăm bốn mươi chín người, biểu hiện biết bao nỗi đau lòng, căm phẫn!

Ngày nay những người khách qua đường, ai đi đến cách Đắc Tô chừng năm cây số, vẫn còn thấy xờ xạt một nấm mồ hoang nho nhỏ bên đường trải bao phen gió táp mưa sa, nhưng vẫn còn dấu vết, ấy là mồ của người chiến sĩ trên đây...

III
ĐẮC PAO

Cuộc khủng bố

Một trăm bốn mươi chín chính trị phạm đến Đắc Pao thì có sẵn sàng hai gian nhà tranh làm giữa rừng, chung quanh rào dây thép gai. Bốn phía lao trống lổng, không có phên dậu, mỗi lao dựng bốn dãy cùm. Giường nằm bằng chõng tre, kê cách đất độ ba tấc. Cái lao trông không lấy gì làm kín đáo và kiên cố, chỉ nhờ có mấy hàng rào sắt và mấy dãy cùm, nêm chặt lại, thế là không trốn tránh đâu được nữa. Mỗi người được lãnh một ống tre để luôn bên cạnh mình mà phóng uế.

Vừa đến Đắc Pao, Panmêsani lại thị uy một lần nữa; cách thị uy sau này thật là mới!

Cách lao chừng một trăm năm mươi thước, có khe nước chảy, xuống khe phải đi qua một con đường hẹp, eo hẻm, hai bên cây cối sum suê và đá lốc chốc. Panmêsani sắp hai hàng lính đứng hai bên đường, súng đạn chỉnh tề, mỗi người cầm một cây hèo mây rất lớn của họ vừa chặt trên núi và hơ lửa cho dẻo như cao su. Sắp lính xong,

Panmêsani ra lệnh cho nhà phạt xếp hàng đi xuống khe tắm rửa.

Đi bộ mấy ngày đường, nhọc mệt, dơ bẩn trong mình đã lấy làm khó chịu, nay được bữa tắm rửa, ai nấy đều vui mừng sung sướng, đua nhau cởi quần áo chạy xuống khe lặn lội. Mới vừa ngâm mình một lát thì nghe tên quan Một hô một tiếng "lên", tức thì mấy mươi lính, sắp đặt luyện tập từ bao giờ, như một bộ máy, đùng đùng xông tới, miệng thì hô "lên", tay thì đánh vào nhà phạt như mưa. Thương hại anh em nhà phạt, mình trần thân trụi, vừa ngâm nước mới lên, da thịt nở nang, bị hèo gậy xát vào, thật là đau đớn, tê tái không còn chỗ nói; anh em xô lấn nhau mà chạy về lao, khi chạy qua đường hẻm lại bị hèo gậy của hai hàng lính giáng xuống. Lính thì thẳng tay, gặp ai bổ hèo vào nấy, nhà phạt thì mạnh ai nấy chạy, lao nhao lúc nhúc như bầy cừu gặp đàn muông sói.

Thế là sau khi tắm xong, về tới nhà lao, mỗi người đều thịt nát, da bầm, máu tươi khắp người.

Bấy giờ anh em đều bầm gan, tím ruột, đau đớn trăm phần, nhưng biết làm sao? Cá nằm trên thớt, thôi thì phó mặc cho dao rựa nó dần, đành ôm bụng nhìn nhau than thở. Có người ôm mặt khóc nức nở; có người can đảm hơn bặm môi ngậm nuốt sự đau đớn, nhưng vì quá xúc cảm, trông anh em, ngẫm lại thân mình, tuy không muốn khóc mà tự nhiên cũng ứa đôi hàng lệ!...

IV
CẢNH SỐNG CỦA NHÀ PHẠT

Bữa ăn lót lòng

Con đường đã vạch sẵn, chỉ theo lằn gạch ấy mà làm rộng ra cho thành một con đường hoàn toàn. Công việc chỉ là đào cây, bắn đá, gánh đất, cuốc đường; nơi cao thì hạ thấp, nơi thấp thì đắp bằng, việc làm tuy nặng nề mệt nhọc, nhưng không có gì khó khăn và nguy hiểm đến tính mạng.

Nhưng chỉ vì cái chính sách ác nghiệt đối với nhà phạt, nên công việc trở thành khó khăn và nguy hiểm vô cùng.

Sáng sớm năm giờ tháo cùm, nhà phạt ra ngoài lĩnh các thứ: cuốc, beng, búa, giỏ, đòn, v.v... rồi ngồi sắp hàng tư cho "quan" đếm

và giao cho lính, cứ bốn người nhà phạt thì một người lính. Cách đếm người nào có phải nhẹ nhàng êm ái gì đâu! Cầm một cây hèo mây to tướng, "quan" nhằm ngay vào đầu người ngồi đầu hàng, đánh một cái "bốp" rất mạnh, đếm: một, hai, ba... làm cho ai ngồi đầu hàng rất lấy làm đau đớn, kinh sợ, vì thế mà mỗi khi ra sắp hàng đi làm, ai cũng lo tránh ngồi hàng đầu, làm cho mất trật tự, lại thành ra một cớ bị đánh đập nữa, không buổi mai nào là không xảy ra sự đánh đập như thế; cho nên nhà phạt thường gọi là "bữa ăn lót lòng".

Công việc làm và giờ nghỉ

Lĩnh khí cụ xong, một người lính dẫn bốn người nhà phạt sắp thành hàng mà đi ra sở làm. Khi sở làm ở gần thì còn đi chầm chậm, khi nào sở làm ở xa, cách lao chừng ba, bốn cây số thì phải chạy cho khỏi mất thì giờ. Vừa đến sở là bắt đầu làm việc ngay. Người cuốc, kẻ khiêng, người đào cây, kẻ bắn đá, công việc làm không hở tay. Ngoài ra chậm chân một nhát là bị năm bảy hèo đánh vào, hở tay một chút là bị đôi ba báng súng vào hông, vào sườn, vào đầu, vào mặt. Nhiều khi muốn tiêu khiển, hai, ba người lính theo lệnh ông Cai, cầm hèo mây đi từ đầu này đến đầu kia, gặp ai đánh nấy, không sót một người: đánh như thế để cho người này nhăn mặt, người kia nhíu mày, người lạy, kẻ van... Bọn lính lấy thế làm vui mắt. Cách chơi ấy ngày nào, buổi nào cũng có; nhà phạt thường gọi là "phát thưởng chung!".

Công việc làm, khó nhọc nhất là khiêng cây và bắn đá. Vào trong rừng xa, đốn cây thật lớn, đáng lẽ phải mười người khiêng mới đủ sức thì chỉ giao cho năm sáu người. Đường núi khúc khuỷu, gai góc, lên dốc, xuống dốc thật là khó khăn, nguy hiểm, thế mà đi chậm một chút là bị báng súng hoặc mũi súng ở sau thúc tới, nhiều người yếu sức không chịu nổi phải té sấp, bị cây đè lên mình giập xương, trầy da, đi không được nữa, phải cõng về nhà bệnh.

Bắn đá thì từ sáng đến trưa, tay cầm xà beng (barre à mine), người lính ngồi một bên, thấy hở tay là đánh, thành thử có người chỉ trong một buổi mà da tay đã bị lột, đau đớn vô cùng. Người chép chuyện này còn nhớ một anh em vì làm nhiều đến nỗi da tay bị bỏng lột, đau đớn quá, không cầm nổi xà beng, vì thế mà bị tên đội Kíap lấy xà beng nhằm ngay vào đầu ném một cái rất mạnh, may người kia né khỏi, chỉ xoảng một chút mà cũng gần vỡ đầu nằm bệnh hàng tháng. (Anh này tên là Trần Chương, số hiệu hai trăm chín mươi hai,

quê ở Nha Trang, sau này đã được tha về).

Như trên kia đã nói, công việc làm thì không khó, nhưng chỉ bắt làm việc quá sức và đánh đập quá tàn nhẫn, cho nên sức người không chịu nổi. Buổi sáng từ năm giờ rưỡi đến mười một giờ, chiều từ một giờ đến năm giờ, mỗi ngày làm việc đến mười giờ, không kể khi đi và khi về; vả chăng khi đi và khi về cũng mệt nhọc lắm; nhà phạt phải chạy từ lao đến chỗ làm, có khi trên ba, bốn cây số.

Buổi trưa, vì đường xa nên không về lao, phải nghỉ tại chỗ làm.

Buổi nghỉ trưa này cũng không dễ chịu gì mấy. Giữa rừng, bốn bề cây cối um tùm, vả lại lính lại phải chia nhau đi ăn uống không ai coi ngó nhà phạt, sợ nhà phạt trốn, nên "các quan" phải phòng bị. Cách phòng bị này đơn giản lắm, nghĩa là sau khi làm việc xong, cứ hai người một, đưa cánh tay ra cho lính trói lại. Trói xong, nhà phạt mới được ngồi lại ăn uống, và nghỉ. Cái kiểu hai người trói lại một khó chịu làm sao? Khi ngồi ăn uống còn dễ, người này cử động gì, người kia cũng phải cử động theo, lúc ngồi cùng ngồi, lúc đứng cùng đứng. Khốn nạn nhất là khi có việc cần, như đi tiểu, đi tiêu, ví dụ một người ngồi, người kia cũng phải ngồi theo một bên, người có việc khó chịu đã đành, người ngồi theo phải hưởng cái mùi không lấy gì làm thích thú lắm!

Cả buổi trưa ngồi giữa đường, chung quanh có lính bao vây, nắng như mưa, mưa như nắng, phần nhiều đưa đầu trần mà chịu. Lúc đầu mới lên, mỗi người còn có một cái nón, sau bao nhiêu nón đều bị lính đánh đập xé nát, ném xuống hố, chỉ phải đầu trần mà chịu trong sáu tháng, nhiều người phải lấy quần áo cũ may thành mũ bêrê, lót dày năm bảy lớp, để che nắng và đỡ ngọn hèo.

Nghỉ trưa xong, mở dây trói, thì kíp nào theo kíp ấy ra làm việc. Buổi chiều cũng như buổi sáng, công việc làm không hở tay. Mệt nhọc nhất là lúc gần giờ về, tay chân ai nấy đều đã mỏi mệt mà bọn lính lại còn thúc giục đánh đập thêm hăng: đánh đập thúc giục như thế để cho vui lòng "ông quan", vì lúc này là lúc "ông quan" thường hay ra xem xét công việc làm của nhà phạt.

Làm việc cả ngày, tối về phải đưa cẳng vào cùm, bấy giờ mới yên chí mà nghỉ ngơi một chút...

Mà nào nghỉ cũng có yên ổn gì đâu! Có lệnh bắt buộc nhà phạt ban đêm phải nằm, không ai được ngồi. Mỗi khi có việc cần như đi

tiêu, đi tiểu, thì phải hô to một tiếng "ỉa" hoặc "đái" cho lính nghe thấy rồi mới được ngồi dậy. Ai vô ý ngồi mà không hô mấy tiếng trên kia, thì bị lính xách nêm cùm vào đánh cũng đến bạc mạng!

Vì thế mà mỗi đêm, trong mấy trăm người, cứ thay phiên nhau đầu này "ỉa", "đái", đầu kia "đái", "ỉa", mà váng tai nhức óc. Người mới đến không tài nào ngủ được. Nhưng nhà phạt ở lâu ngày quen tai, vả lại ban ngày làm việc đã mệt nhọc vất vả lắm cho nên tối về miễn đặt lưng xuống chiếu là thiêm thiếp...

ĂN UỐNG

Ăn cơm trấu

Bị đánh đập tàn nhẫn, công việc làm quá sức, nếu ăn uống mà có người trông nom coi sóc, cho được chu tất, thì nhà phạt cũng còn phương sống. Nhưng đằng này cơm ăn không đủ no, đồ ăn toàn là xác mắm, thỉnh thoảng mới được năm ba cành rau muống, một miếng dưa, cà, gọi là chất rau. Mười ngày được một bữa thịt trâu hoặc thịt bò. Mà có gì đáng gọi là thịt đâu, mổ một con bò ra, bao nhiêu miếng ngon thì dành cho các "quan" và lính, còn nhà phạt thì được một ít bạc nhạc, gân và xương. Lâu lâu được một bữa "canh cao su" thật đã lấy làm may mắn lắm!

Từ Kông Tum lên Đắc Pao đường xa hơn một trăm cây số, sự chuyên chở bằng xe bò rất chậm chạp và bất tiện. Vả lại không ai để ý săn sóc cơm nước cho nhà phạt, giao cho bọn lãnh thầu, tha hồ chúng bóc lột, gạo cơm trộn trấu, mắm lộn giòi, tệ hại không còn chỗ nói. Bọn lãnh thầu vẫn biết rằng nhà phạt không có phép kêu nài gì, chúng muốn cho ăn gì thì cho, người nào dám cả gan "mở miệng" phàn nàn này nọ, thì bị tặng cho là "cứng đầu" rồi tha hồ bị hành phạt!

Viết đến đây, tôi nhớ lại, khi mới lên Kông Tum, ăn cơm lần thứ nhất, thấy trong xác mắm có giòi rất nhiều, lợm mình không ăn được, ra công lượm cho sạch giòi rồi mới ăn. Nhưng mất công nhiều mà giòi lượm cũng không thấy hết, bất đắc dĩ phải đánh bạo ăn càn. Ăn xong, xem trong mình không thấy gì thay đổi, từ đấy về sau cứ mạnh bạo ăn như tất cả mọi người không còn chút gì ghê tởm!

"Tủi lúc mình trần, thân trụi, mưa không tơi, nắng không nón, cảnh phong trần đến thế nghĩ mà ghê!

"Buồn khi tay trói, chân cùm, cơm pha trấu, mắm pha giòi, ơn đế quốc đãi mình xem đã riết..."

Đó là câu văn tả cảnh cùng cực của anh em chính trị phạm ở Đắc Pao.

Những người đau nằm nhà, thì chỉ được ăn cháo, hoặc uống nước hồ, người nào ăn các thứ đó thì mới được xem là người thật bệnh, nếu đòi ăn cơm thì bị cho là "giả đau, làm biếng", ăn một trận hèo, rồi bị kéo ra làm việc.

Uống nước khe

Ăn thì thế, uống lại tệ bằng hai. Ở Kông Tum đã có tiếng là độc nước, thì ở Đắc Pao, Đắc Tao tất nhiên là nước cũng không tốt. Mỗi lao đều ở gần một khe nước nhỏ, ăn uống tắm giặt gì cũng tại khe đó. Thậm chí mỗi ngày một lần đổ xia, cũng đổ ở đó. Lúc bấy giờ chưa có nước chè, chỉ uống nước khe, tuy dơ bẩn hết sức, nhưng cũng phải uống.

Một buổi mai, hai người đem theo một nồi nước, nồi nước ấy xách chạy từ nhà lao đến nơi làm việc, may ra chỉ còn một nửa, mà nửa nồi ấy lại hết một phần đất bùn khi chạy váng lên. Chừng ấy nước mà hai người dùng, chỉ trong nửa buổi là hết ngay, chừng chín giờ trở đi là nhịn khát. Nhiều lúc túng lắm phải đi cách ba, bốn cây số tìm khe mà lấy nước. Có người phải bỏ tiền ra mua một lon (sữa bò) nước mà đến năm xu hoặc một hào...

Lúc đến Đắc Pao số người chết nhiều quá, có bác sĩ lên khám bấy giờ mới được uống nước chè. Nhưng cũng chỉ được ít lâu, sau lại phải uống nước khe.

Đến khoảng tháng tư, tháng năm bắt đầu mưa, khi ấy lại chỉ uống nước bùn. Múc nước dưới khe lên, để một chốc, bùn đứng xuống rồi lóng đi mà uống. Nước tanh mùi bùn, vừa hôi mùi cây lá mục, hớp vào thấy lợm mình lắm, nhưng mặc dầu, cũng phải nhấp một miếng cho mát cổ, để làm cho đến giờ nghỉ... làm cho đến ngày hết thở!

Một dịp làm giàu cho lính

Ăn uống thiếu thốn và cực khổ như thế, cho nên trong khoảng sáu tháng, người nào cũng hết sức khao khát, thấy gì ăn được là thèm, không còn biết phải trái gì nữa, xem miếng ăn như vàng, thèm

từng chén hồ, từng miếng cơm cháy, thậm chí có người ra lượm lặt những xương bò tươi sống mà người ta ném ngoài khe đem về gặm nhai, máu vấy khóe môi như loài thú, cái cảnh tượng người nhai thịt sống, trông thấy thật quá đau lòng! Con người trông không ra người nữa; Xương bọc lấy da, đôi mắt sâu, hai má hóp, chẳng khác chi cái thây ma dưới mồ.

Viết đến đây, tôi hồi tưởng lại cảnh tượng năm xưa như còn hiển hiện ra trước mắt, không thể tả hết sự thực. Cảnh huống của hơn mấy trăm người đói khát, gầy mòn, thật ra ngoài sức tưởng tượng.

Nhà phạt có người đem tiền theo được ít nhiều, nhưng chẳng được phép mua gì, muốn ăn gì cũng không có, có người ôm tiền mà chết thèm. Bọn lính lợi dụng tình cảnh ấy, đêm khuya đem bắp, chuối, vào bán cho nhà phạt. Hai trái bắp nướng, hoặc bắp luộc, theo giá thường một xu, mà nó bán một hào, hai quả chuối theo giá là nửa xu, mà chúng cũng bán một hào. Thế mà nhà phạt đều tranh nhau mua, xem quả bắp, quả chuối như một vật rất quý. Bọn lính nhờ thế mà vơ vét tiền bạc, áo quần của nhà phạt một số khá nhiều.

THUỐC MEN

Người nào bị bệnh thì được nằm tại lao. Nhưng được nằm không phải do người khám bệnh, công nhận rồi cho phép ở nhà đâu. Được nằm bệnh, tức là phải trải qua nhiều sự đau khổ, nguy hiểm. Mỗi buổi đi làm đều có lính xách hèo vào nhà bệnh thấy ai nằm thì đánh, không một người nào khỏi bị đánh. Người liệt nhược lắm không dậy nổi, mới được xem là thiệt bệnh, những người khác còn sức chút ít, chịu đánh không nổi, phải tất tả chạy đi làm việc. Vì thế mà mỗi buổi ra đi làm, đều có một lần "lọc mấy thằng làm biếng" (lời của lính), làm cho nhiều người đau nặng cũng phải bị đánh đập, tiếng rên la thảm khốc. Nhiều lúc có người nằm phủ chăn kín, chân vẫn để trong cùm, chúng cầm gậy ra sức đánh đập, càng không thấy cựa quậy rên la, chúng lại càng đập thêm, sau dở chăn ra, thì, trời ôi, người kia đã chết từ bao giờ rồi!

Mỗi ngày đi làm về là thêm một số người bệnh, què chân, gẫy tay, thủng đầu, vỡ óc. Phần nhiều sức lực đã cùng kiệt lắm, thân thể gầy mòn, dễ làm mồi cho các thứ bệnh.

Khi mới lên được vài tháng thì đã gần một phần ba nằm bệnh. Dần dần thì còn một phần nửa đi làm, sau rốt thì trong hai trăm chín mươi nhăm người, chết và nằm bệnh gần hết, chỉ còn lại tám chín chục người bắt buộc phải gắng gượng đi làm. Tôi nói "bắt buộc phải gắng gượng" đi làm, là vì trong số người mạnh ấy cũng bị bệnh lở dở hết và sức lực cũng đã gần đuối.

Vì có số người đau lở dở mà phải gắng gượng đi làm nên thường khi trong buổi làm việc nhiều người lên cơn rét, nằm ngang nằm dọc, run rẩy lăn lóc dọc đường, tha hồ mưa nắng giầy vò. Nằm chèo queo như thế trong vài giờ, qua cơn sốt rét, lại tất tả đứng dậy làm việc.

Những người đau kiết lỵ vì phải đi tiêu nhiều lần và mỗi lần hết nhiều thì giờ, sợ lính đánh, nên nhiều người phải trần truồng mà làm việc, vừa làm vừa tiêu cho khỏi bị bọn lính thúc giục đến nỗi phải tiêu trong quần như nhiều người khác. Cái cảnh tay cầm cuốc, đem hết sức lực còn lại mà cuốc đất, trên cuốc dưới tiêu, khác nào như con trâu già vừa kéo cày vừa ỉa. Trâu kéo cày còn được đứng lại nghỉ một chốc, nhà phạt cuốc không hở tay, hở tay là chết!

Đi theo nhà phạt lên Đắc Pao, chỉ có một người khán hộ [1] để cho thuốc men nhà phạt. Thuốc thì lui tới cũng chỉ mấy vị "trị bá chứng" [2] như suynfát đờ sút (sulfate de soude), tanhtuya đi ốt (teinture d'iode). Đau bụng cho suynfát đờ sút, nhức đầu, tức ngực cũng suynfát đờ sút. Trầy da, chảy máu, cho tanhtuya đi ốt, đau xương, đau mình cũng tanhtuya đi ốt! Một tháng hai lần nhà phạt được cấp mỗi người hai viên ký ninh. Nhiều khi cũng tiêm kim, chích thuốc, nhưng số người nhiều mà không bao giờ thấy thay kim, nấu kim, như người ta thường làm vì thay kim như thế mất nhiều thì giờ!

Về sau nhiều người chết quá, có bác sĩ lên khám, mới cho thêm một người khán hộ nữa, nhưng bệnh nhân càng ngày càng nhiều, thuốc men thì rất ít, lửa xe, nước gáo, [3] hiệu lực chẳng thấm vào đâu, chẳng qua cũng làm qua loa cho xong việc.

Nhà phạt đều như ma đói, trông hình thù chẳng khác gì các bộ xương. Hàng trăm người như thế nằm la liệt trong nhà bệnh, loi nhoi lúc nhúc, cơm không ăn được, thuốc men không có, nhiều người liệt

---

1. Khán hộ: Y tá.

2. Trị bá chứng: Chữa mọi bệnh, ở đây dùng với nghĩa mỉa mai.

3. Lửa xe, nước gáo: Lửa thì những một xe, nước chỉ có một gáo, đây là thành ngữ dùng để chỉ: bệnh thì nhiều và nặng mà thuốc thì thiếu, chữa sao cho khỏi bệnh được.

nhược quá, ngồi dậy không nổi, chân còn phải bị cùm, nằm đâu ỉa đó, một tuần, hai tuần... có khi hàng tháng như thế, áo quần chăn chiếu không giặt rửa, troi trùng [1] nhoi nhúc, mùi hôi thối xông lên không tài nào chịu nổi.

Đêm lại, tiếng rên la, tiếng khóc lóc, giữa chốn rừng xanh, thỉnh thoảng chen tiếng mõ canh, tiếng hô gác của lính nghe rất não nùng... khiến cho khách trong vòng đêm khuya canh chày, gác tay lên trán biết bao suy nghĩ... bồi hồi...

Tôi hồi tưởng lại cảnh tượng mắt thấy tai nghe lúc bấy giờ, tiếc không thể nào tả cho hết sự thực, họa may mười phần chỉ nói lên được một hai phần.

Ngày nào cũng có người chết, đêm nào cũng có người chết, nên chỉ mỗi lần lính đổi gác, chúng giao lại cho nhau, thường đếm cả người sống, cả người chết. Cách đếm giao nhà phạt của chúng cũng "ngộ nghĩnh" lắm. Chúng làm một cây gậy dài, đứng đầu xa – vì lại gần, có mùi hôi thối – gõ đầu từng người một mà hỏi: "Thằng này chết chưa? Thằng này chết chưa?" Khốn nạn! nhà phạt ban ngày làm việc mệt nhọc, vất vả, mong tối về được nghỉ, thế mà mỗi đêm thường phải thức dậy đến năm ba lần để trả lời: "Dạ bẩm tôi còn sống", "Dạ bẩm tôi chưa chết". Cảnh tượng mới phiền, bực làm sao!...

Người bệnh thì nhiều, thuốc men cứu chữa thì không đủ, cơm nước thiếu thốn. Sự đối đãi lại rất tàn ác, nên mấy trăm nhà phạt chết lần, chết hồi, chết mòn, chết mỏi. Người chết đã yên thân, người sống, thấy thân phận anh em, ngẫm lại thân mình, hết hy vọng sống.

Một lần Công sứ Kông Tum vì thấy số chết nhiều quá, cho đem một xe camion [2] lên để chở những người bệnh nặng về Kông Tum cứu chữa. Gần hai mươi người đau nặng được hân hạnh đi chuyến xe ấy. Nhưng thảm hại thay: trong số hai mươi người, về đến Kông Tum chỉ còn lại có một người! Người sống sót ấy là anh Đinh Văn Đảng người Hà Tĩnh, bị án chung thân.

---

1. Troi trùng: Giòi bọ (tiếng miền Trung).
2. Camion: Xe tải.

V
CÁCH ĐỐI ĐÃI CỦA NHÀ PHẠT

Đánh đập của lính

Như trên kia đã nói, công việc làm không có gì là khó khăn nguy hiểm. Chính trị phạm tuy mang tiếng là "cứng đầu", nhưng đến đây cũng như vào hang hổ, ai cũng mong cho tạm yên thân. Vả chăng nơi núi hoang, rừng vắng, biểu tình tranh đấu mà mong kết quả được gì? Lấy ai làm hậu thuẫn? Còn nỗi người ta xem mạng người như con thằn lằn, con muỗi thì liều thân cũng vô ích. Vì nghĩ thế, nên tất cả chính trị phạm đều ôm bụng, ép lòng, nhất nhất tuân theo "lệnh quan", "roi lính", mà làm việc mong qua khỏi bước hiểm nghèo.

Nhưng nào có được thế đâu! Từ quan đến lính, chỉ chăm vào sự đánh đập, hành hạ nhà phạt đến cùng: "giết được chừng nào hay chừng ấy" (à supprimer le plus possible)..., đó là lệnh bí mật của bọn thực dân đối với chính trị phạm.

Bọn lính lại được huấn luyện đặc biệt, nên sai làm gì thì chúng làm thẳng tay. Được lệnh quan truyền, thôi thì chúng tha hồ "đánh chết bỏ..."

Không làm việc bị đánh, mà làm việc cũng bị đánh; không tuân lời bị đánh, mà tuân lời cũng bị đánh. Chỉ thấy đánh là đánh, nhà phạt thất điên bát đảo, không biết làm thế nào mà chạy tránh "đường" roi.

Mà có phải bị đánh đập bằng hèo mây mà thôi đâu! Gặp cuốc thì chúng ném cuốc, gặp beng thì quăng beng, gặp búa thì xáng búa; báng súng cũng "tống", mũi súng cũng "tống" bất kể đầu, vai, lưng, bụng. May không trúng chỗ hiểm thì còn sống, rủi nhằm chỗ nguy hiểm, bỏ mạng là thường. Chẳng qua chỉ tốn một tờ giấy làm "rấp bo" (rapport) [1] là cùng! "Chết vì nước độc, chết vì kiết lỵ". Ai mà chẳng tin! Có ai biết đâu mà kêu nài?...

---

1. Rấp bo: phiên âm tiếng Pháp, nghĩa là báo cáo.

Thủ đoạn của Panmêsani

Mỗi buổi sáng, sau khi kèn "đoạn trường" thổi Rêvây (réveil), [1] lính tráng "sắpmăng" (rassemblement) [2] thì quan đã "tiêuly" (théorie) [3] trước. Không biết "quan" dạy gì mà mỗi buổi ra làm, nhà phạt bị lính đánh mỗi ngày thêm tàn khốc.

Có nhiều lúc quan Một Panmêsani cũng chính trị lắm!

Một lần sáu bảy người lính đua nhau bổ hèo mây vào một người nhà phạt, tiếng la gào, kêu khóc dậy đất, vang trời; khi đó "quan" đứng chẳng cách bao xa, thế mà "quan" cũng làm ngơ, chờ khi nào nhà phạt bị đòn đã đáo để rồi, "quan" mới giả vờ từ đầu xa chạy lại, vừa chạy vừa la lớn: "Thôôôi!... Thôi! Thôi...", hình như "quan" lấy làm xót thương lắm, và chạy lại, can ngăn. Lúc đầu thì ai cũng tưởng "quan" thật lòng thương xót, sau này mới rõ là cử chỉ lừa dối của "quan", vì những lệnh truyền đánh đập đều do "quan" mà ra cả.

(Lệnh truyền bằng tiếng dân tộc thiểu số, lúc đầu nhà phạt chưa ai hiểu, về sau nhiều người thông thạo, nghe hiểu được hết).

Câu chuyện khiêng cây

Câu chuyện khiêng cây sau đây cũng thật là kỳ quái. Mới nghe như câu chuyện khôi hài, nhưng lại chính là sự thực trăm phần trăm, và rất thường xảy ra.

Một lần khiêng cây thì tùy theo cây lớn nhỏ mà lấy số người. Trong số ấy có kẻ cao, người thấp, kẻ mạnh người yếu. Nếu cứ để yên cho nhà phạt tự liệu mà khiêng và sắp đặt người thấp theo người thấp, người cao theo người cao, thì việc gì mà chẳng làm được. Bọn lính đã không sắp đặt như thế, để lộn xộn, mà lại ra sức đánh đập, bắt khiêng cho kỳ được. Trong lúc khiêng, chúng lại nom kỹ nếu người nào vai không kề sát vào cây là đánh, mà người nào còng lưng cũng đánh, vì chúng cho là làm biếng, tránh nặng. Chúng không thấy rằng: nếu người cao khiêng được, thì người thấp phải hổng vai, mà người thấp khiêng được thì người cao phải còng lưng xuống. Thế là ai

---

1. Chính trị phạm gọi là kèn "đoạn trường", vì mỗi buổi mai, khi kèn rêvây vừa thổi, thì tự nhiên có một tiếng thở dài của mấy trăm nhà phạt đưa ra, biểu hiện sự đau đớn, tuyệt vọng của mọi người, nghe thật là bi thảm! Thổi rêvây: Phiên âm tiếng Pháp có nghĩa là kèn thổi gọi dậy.

2. "Sắpmăng": Phiên âm tiếng Pháp, là tập hợp, xếp hàng.

3. "Tiêu ly": Phiên âm tiếng Pháp, là lên lớp, giảng dậy, nói lý thuyết.

cao cũng bị đòn, mà ai thấp cũng bị đánh. Khổ nhất là những người cao, nhiều lúc phải ráng sức bình sinh mà khiêng cây cho nổi, nhưng lại còn bị mấy người thấp vì sợ bọn lính dòm vào thấy vai hở cây, thì nó đánh, nên lại phải "đù đìu" vào cây, làm cho cây vì thế mà nặng bằng hai.

Cái không ngờ của Panmêsani

Một hôm mấy chục nhà phạt đương đào một cây "săng lẻ" rất lớn, bề cao hàng chục thước, nhánh lá sum suê, đào đã lâu mà chưa ngã. Viên quan Một Panmêsani thường ngày ra xem nhà phạt đào cây; hôm ấy khi cây gần trốc gốc cũng có hắn ta tại đó, nhưng đứng cách xa tưởng cây có đổ cũng không đụng tới được. Ai ngờ đâu, từ chỗ hắn đứng đến chỗ đào cây, lại có một cây "săng lẻ" thứ hai ở vào khoảng giữa. Cây này cũng to lớn lắm. Khi cây kia trốc gốc ngã rầm vào cây thứ nhì làm cho cây này chuyển động, một nhánh rất lớn gãy ngang, rớt xuống đánh nhằm Panmêsani ngã xuống chết ngay, cái chết thật không ngờ!

Mấy trăm nhà phạt và lính tráng nhìn nhau sửng sốt.

"Trời phạt! Trời phạt!" nhiều người lợi dụng cái chết của Panmêsani mà "dọa hơi" bọn lính để họa may chúng có nhụt bớt ngọn hèo.

"Vì đánh giết nhà phạt nhiều, nên bị ông trời phạt" đó là câu của anh em tuyên truyền ra, bọn lính nhiều người nghe cũng tin như thật. Cách "dọa hơi" ấy mấy ngày đầu cũng có ít nhiều hiệu quả, nhưng về sau... than ôi! Về sau khi quan một Xêdarini (Césarini) lên thay, thì chính sách khủng bố tàn ác lại vẫn nguyên như trước.

Hắn ta lại giao nhà phạt dưới quyền hai viên đội: tên đội nhì Kiap, và tên đội nhất Nghiên, cho nên bọn này tha hồ đánh giết nhà phạt.

VI
HIỆU LỰC CỦA TIẾNG "QUAN"

Trong binh lính có nhiều cấp, mỗi cấp có một tiếng kêu riêng để phân biệt với cấp khác như "bác" bếp, "thầy" cai, "ông" đội, "quan" quản. Đối với binh lính người dân tộc thiểu số cũng thế, phải theo

trật tự như trên mà xưng hô, không được nhầm lẫn lộn xộn. Nếu có nhầm lẫn thì cứ xưng tăng lên, như cai mà xưng "lầm" là "ông" cai..., đội mà gọi "lầm" là "quan" đội thì không can chi, còn lỡ miệng mà gọi xuống thì nguy to như đội mà gọi là "bác" đội thì đánh cũng đến chết.

Nhưng đối với anh em nhà phạt ta, cách xưng hô như thế cẩn thận và khéo léo lắm, nhiều khi lợi dụng nữa là khác.

Một hôm, một người cai có tiếng là hung dữ, đương đánh một người nhà phạt. Trong lúc ngọn hèo vùn vụt, thì người nhà phạt kia vừa chắp tay vừa van: "Bẩm quan, xin quan tha cho". Vừa nghe được tiếng "quan", tên cai chẳng những dừng tay thôi đánh, mà lại vỗ về an ủi: "Thằng này làm việc chút chút, thì tao không đánh". Thế là tiếng "quan" cũng có mãnh lực phi thường!

Từ đó về sau, bên nhà phạt, thôi, tha hồ tung ra tiếng "quan" quan Đội, quan Cai, quan Bếp, cho đến lính mà cũng quan, miễn tránh được ngọn hèo, tiếc gì không "quan"!

Thế là giữa đám rừng xanh núi đỏ, tự nhiên nảy ra một cái triều đình, đầy những "quan" là "quan".

Nhưng khốn nạn, lúc đầu tiếng "quan" còn có ít nhiều hiệu lực, về sau dần quen tai bọn binh lính, càng "bẩm quan" bao nhiêu, càng "ăn hèo" bấy nhiêu.

Những kiểu chơi tàn ác của các "quan"

Bọn lính có tính chơi đùa, mà chơi đùa rất nghịch, rất tàn ác, xem cái chết của nhà phạt rất thường. Xin kể một vài chuyện để chứng cái nghịch cực kỳ dã man của chúng.

Một người nhà phạt trong lúc làm việc, bị sốt rét, khát nước, xin phép đi uống. Bọn lính lấy một cái thùng nước đầy, ép uống cho hết. Nhà phạt bị đánh đập ép uống phải uống, uống cho đến nỗi ọe mửa, rồi nằm lăn ra chết giấc.

Có lúc, chúng bắt người nằm ngửa dưới khe, lút cả thân mình, chỉ chừa cái mặt vừa đủ thở. Nằm như thế hàng hai ba giờ, không cần nói cũng biết mấy người bệnh ấy không gắng gượng được bao lâu nữa.

Một số người khác (phần nhiều là các cụ già) thường bị chúng lấy cứt trâu, cứt bò, có khi đến cứt người, rồi đánh đập bắt ăn. Tội nghiệp các cụ, bất đắc dĩ vì muốn sống, cũng phải "nếm" ít nhiều cho qua chuyện, nếu không thì chết. Một lần, về sau chúng nó thấy nhà

phạt ăn, lại càng chơi thêm nhiều nữa. Vì cách "chơi" ấy mà nhiều người bị đánh đến lâm bệnh nặng.

Trên núi có một thứ kiến đen rất lớn. Thứ kiến ấy cắn đau khó chịu lắm, thường đào đất hay gặp. Mỗi khi gặp tổ kiến là chúng nó hay chơi đùa, bắt nhà phạt trói trên đống kiến. Thế là người kia vùng vẫy lăn lóc, tiếng kêu la vang cả góc rừng. Bọn lính lấy thế làm thích tai, vui mắt!

Một hôm trong khi làm việc, có một người bị sốt rét, đứng không được, xin phép nghỉ. Lính lấy dây trói hai tay, hai chân, rồi treo lơ lửng trên triền núi từ sáng đến trưa. Người kia kêu la vùng vẫy một hồi, đến trưa khi hết giờ làm, lên mở dây thì người kia đã bất tỉnh từ lâu rồi.

Như trước kia đã nói, mỗi buổi mai, trước khi đi làm, lính thường vác hèo vào đánh đập những người nằm bệnh để "lọc mấy thằng làm biếng". Vì thế mà nhiều người đau cũng phải gắng gượng đi làm, nên mỗi buổi đi làm về, đều có người kiệt sức nằm dọc đường, lại thành một dịp cho các "quan" chơi nghịch. Chúng nắm chân người bệnh mà kéo chạy một mạch hàng cây số, mặc kệ người kia van la vùng vẫy. Khi về đến nhà lao thì lưng, bụng, chân, tay đều rời rã, bầm xương nát thịt, quần áo tan tành, rồi nằm bệnh cho đến chết. Có lúc kéo như thế được một hồi, thì người kia sặc máu chết tươi.

Những người bệnh nặng thường ở nhà, chân đút vào cùm rồi nằm liệt một đống, đắp chăn kín, không cựa quậy, người sống cũng như người chết, người chết nằm lẫn lộn với người sống!!!... Lính mỗi lần vào nhà bệnh, chúng hay đứng trên chân người bị cùm mà nhún một cái rất mạnh, làm cho người ta kêu la lên mà cười, có lúc chúng lại đứng lên trên bụng người bệnh mà nhún lên nhún xuống làm cho người bệnh nặng chịu không nổi đến phải chết.

Nếu mà kể cho hết những cái chơi đùa dã man tàn ác của lính, thì không thể nào kể hết được, có nhiều điều quá tục tĩu, quá ghê tởm không thể viết ra được.

Tên đội nhì Kiáp

Nhắc lại tên đội nhì Kiáp, tôi thấy lù lù ra trước mắt một con gấu dữ tợn, hung ác, nanh vuốt chơm chởm, cả ngày cặp mắt đỏ ngầu, lườm nhà phạt, hay là một con chó sói, đói lâu ngày, đương đứng gườm bầy cừu, những muốn ăn tươi nuốt sống.

Trong mấy trăm nhà phạt chết tại Đắc Pao, Đắc Pét, một phần lớn là do tay đội Kiáp. Giết người không gớm tay, đánh đập người ta kêu gào, van, la đến tắc tiếng, nó vẫn chưa vừa ý.

Viên quan Một Xêdarini lại tin nó, giao nhà phạt cho nó sai khiến, nên nó muốn làm gì thì làm, nhà phạt chỉ cúi đầu mà chịu, hở ra thì nó đánh nó giết. Nói với nó phải "bẩm quan", đi ngang qua nó phải cất nón, cúi đầu, lệnh của nó truyền ra, nhà phạt phải tuân ngay. Lạ nhất là nó thấy ai cười, thì nó đánh chết, mà khóc nó cũng đánh. Ra làm ngoài đường, mà kíp nào làm gần "quan đội Kiáp" thì chỉ sợ chết, không biết mình sẽ chết vì beng, vì búa, vì đạn, hay vì hèo...

Vì có người chủ trương lo lót cho nó, nên bao nhiêu tiền bạc của những người mới đày lên, đều thâu góp lại để cống hiến cho nó. Có thế, khi ra làm nó truyền lệnh nới tay ra đôi chút. Thấy ai có áo mới, như dilê, hoặc pulôvơ, tất thì nó hỏi mua, rồi lấy luôn không trả tiền.

Một hôm, năm mươi nhà phạt ở Vinh lên chưa kịp lo lót cho nó, nên buổi sáng mới ra làm việc trong vài giờ, từ sáu đến tám giờ, nó đánh năm người rất nặng, hai người chết ngay tại chỗ làm, còn ba người phải khiêng về nằm bệnh ít lâu rồi cũng chết. Hai người chết tên là Cao Kiều và Lê Thơ, người ở phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Cả hai đều chôn một hố ở quãng đường Đắc Pao lên Đắc Tao.

Trong mấy trăm nhà phạt không mấy người tránh khỏi tay đội Kiáp.

Tôi còn nhớ khi đầu tôi mới lên Đắc Tao, anh em nhà phạt chỉ tên Kiáp mà nói:

– Con hùm dữ ở đây, anh phải xem chừng nó.

Tôi trông thấy bộ Kiáp hung hăng dữ tợn, trong bụng đã lấy làm lo. Bấy giờ có người khán hộ biết tôi, thấy tôi lâm vào chỗ nguy hiểm, động lòng thương xót, muốn giúp tôi một tiếng nói. Ông ta thừa khi nói chuyện với đội Kiáp, chỉ tôi cho nó mà thôi:

– Người này cũng là người làm việc, ông nới tay cho đôi chút.

Đội Kiáp trả lời bằng tiếng Pháp:

– Nó làm việc trên tờ giấy được, nhưng nếu cuốc đất không xong, tôi cũng đánh (Lui moyen travailler papier mais si pas moyen travailler la terre, moi frapper quandmême).

Câu nói của Kiáp bấy giờ vẫn còn văng vẳng bên tai tôi. Thấy thái độ nó, tôi rất lấy làm lo, đêm hôm ấy không tài nào ngủ yên được.

Qua hôm sau, tôi ra làm việc, đem hết sức ra mà cuốc đất để cho khỏi bị hèo, thế mà cũng không tránh khỏi. Tự nhiên thấy năm sáu tên lính cầm hèo mây to tướng, đua nhau bổ vào người tôi như mưa giông, tôi nằm lăn dưới đất, lăn lóc dưới trận mưa hèo, kêu la hết sức mà chúng cũng cứ thẳng tay. Còn tên Kiáp thì ngồi từ trên cao nhìn xuống, lấy làm đắc ý lắm.

Xong một ngày đầu, về, trong mình tôi như phỏng lửa, đỏ bầm thâm tím, không còn chỗ sót lằn roi. Người khán hộ trông thấy tôi, động lòng trắc ẩn, đem thuốc tanhtuya điốt lại bôi cho tôi, làm cho tôi hết sức cảm động. Đêm hôm ấy, nằm gác tay lên trán, mười phần không hy vọng sống được phần nào.

Bạn nằm gần tôi là Đồng Sĩ Bình mới trao cho tôi một cái "bí mật" là ngày mai phải mặc ít nữa là ba cái quần, năm cái áo như mọi người, để khỏi chết dưới ngọn hèo của lính. Té ra anh em ai nấy đều thùng thình trong bộ năm, bộ ba cả mà tôi không biết.

Nhớ lời "bí truyền" ấy, nên qua ngày mai tuy bị hèo nhiều, nhưng cũng đỡ bớt đau đớn.

Nói đến tội ác của Kiáp thì không cùng, xin kể qua một việc sau này cũng thấy rõ cái ác tính của nó.

Ba anh em ruột: 1. Hương Tựu – 2. Thủ Bộ Điệu – 3. Hương Bộ Vy, quán làng Xuân Linh huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Cả ba đều can án chính trị bị đày lên Kông Tum từ tháng Chạp 1930. Ba anh em đều già, trong mấy ngày đầu, hai người anh chết, chỉ còn lại người thứ ba là Hương Bọ Vy sống sót lại đến tháng năm. Lúc ấy đến mùa mưa, nhà phạt đã sắp sửa chỉ còn ít ngày nữa thì về Kông Tum. Ai nấy đều hy vọng được về, nhất là cụ Vy, vì hai anh đã chết chỉ trơ trọi một mình, trông được sống sót mà về.

Một hôm, tất cả nhà phạt phải đi khiêng ván cầu cách xa đến bốn, năm cây số. Ván cầu thì nặng, đường núi khúc khuỷu lên dốc xuống hố, vả lại trời mưa, đất trơn, đi trượt lên trượt xuống thật là vất vả.

Buổi sáng ấy, khi sắp hàng ra đi làm, cụ già Vy trong mình bị đau, sợ khiêng cầu ván không nổi, xin nằm bệnh ở nhà. Lính cho là giả dối, đánh cụ bị thương trên đầu, và bắt đi làm cho kỳ được. Vì bị đánh nặng, máu ra nhiều nên cụ Vy sức lại yếu thêm.

Thường thường: những người đau mà phải đi làm, sức yếu, theo

không kịp đoàn nên phải đi sau, mà đi sau là phải khổ, vì chạy nhiều và hay bị lính đánh. Nhà phạt thường đi hàng hai, vừa đi vừa chạy. Khi qua những cầu tạm chỉ có một cây cầu nhỏ bắc ngang, đi được một người, người sau phải đứng lại. Qua cầu lại sắp hàng hai và đi luôn, vì thế cho nên mấy người đi chậm lại, sau phải chạy... Ai đi trước chạy ít, đi sau chạy nhiều. Cụ già Vy sức yếu quá chạy không nổi, bị lính đánh dọc đường, nhiều khi phải nằm ngay không dậy nổi. Ra đến chỗ làm, cụ đứng không vững, làm việc không được, lại bị đánh nữa.

Trưa hôm ấy, trong buổi nghỉ, cụ Vy biết mình khó sống gọi những anh em quen biết đến than thở một cách thảm thiết: "Anh em ôi, chúng tôi ba anh em, chết hết hai rồi, còn lại một mình tôi, hết sức gắng gượng để sống cho đến ngày về Kông Tum, còn có mấy hôm nữa, mà sự sống không được nữa rồi, anh em có cách gì cứu tôi với?". Nói xong, lâm ly hai hàng nước mắt, cụ khóc òa, làm cho anh em có người phải khóc theo. Nhưng giúp cụ thì giúp thế nào? Tất cả anh em ai nấy đều chưa chắc đã sống được đến ngày về.

Chiều hôm ấy đến buổi khiêng ván, hai người khiêng một tấm nặng. Cụ Vy cũng phải khiêng như mọi người. Đường núi dốc lại trơn, cụ ta trèo dốc không nổi, chợt té nằm lăn giữa đường, không dậy được nữa. Tên lính chạy lại, miệng nói: "thằng già làm biếng" tay lấy tấm ván nhằm đầu ông cụ mà đánh ba bốn cái rất mạnh. Thế là cụ Vy nằm ngay, không cựa quậy. Tên đội Kiáp ở sau vừa đi đến, nó cho là cụ giả vờ, liền rút súng sáu trong mình đưa ra, ngắm ngay vào chỗ tai, bắn một phát vừa nói: "Mày giả đau, để tao cho mày một viên thuốc!"

Thế là cụ Vy chết theo hai người anh!

Sau khi bắn chết cụ Vy rồi, đội Kiáp bắt nhà phạt đào lỗ chôn mộ bên đường. Về nhà, có rắpbo với quan Một là cụ Vy chạy trốn trong rừng, nó bắn chết.

Ngày hôm sau, trưởng đồn Đắc Xút tên là Ruđi (Roudy) lên chơi, đi với Xêdarini ra xem nhà phạt làm việc. Khi đi ngang qua đường thấy cái mồ của một người nhà phạt mới chôn: Bày chân, bày mặt, bày râu (vì hôm ấy chôn không kỹ, ban đêm trời mưa: đất trôi, bày người ra), nhìn biết một ông già mới chết, Ruđi liền hỏi quan Một Xêdarini vì sao có người chết và chôn cẩu thả như thế. Xêdarini trả lời: "Tên nhà phạt ấy chạy trốn nên bị bắn chết", Ruđi hoài nghi nói:

"Người nhà phạt đã già, thây ốm như thây ma, lẽ nào dám chạy trốn? Đã trốn trong rừng, sao bắn chết lại chôn ở bên đường?... vả lại dùng súng sáu mà bắn, tức là phải đứng gần" (La preuve, c'est servi de son révolver). Đó là những câu hỏi làm cho cả hai người đều sinh nghi. Ruđi bảo Xêdarini nên mở cuộc điều tra để cho rõ sự thực.

Đến đây, tôi xin tạm ngừng để nói qua chuyện bất bình xảy ra giữa Xêdarini và đội Kiáp, để cho rõ vì sao Kiáp lần này không chối cãi được tội mình.

Hồi tháng năm, nhà phạt sắp làm xong con đường Đắc Pét, Xêdarini muốn cho mau rồi, để về Kông Tum, nên không kể chủ nhật, ngày lễ, đều bắt nhà phạt đi làm, mà hễ nhà phạt đi làm thì lính tráng, cai, đội, cũng phải đi, vì thế mà lính bất bình. Đi làm được hai ngày chủ nhật, qua ngày chủ nhật thứ ba thì lính làm reo không làm việc.

Hôm ấy, sau khi thổi kèn tập trung, lính gác tháo cùm cho nhà phạt, nhưng tất cả lính và cai, đội không có người nào mang súng, và nai nịt chỉnh tề như mọi ngày thường. Xêdarini hô: "Rassemblement!" mấy tiếng luôn, nhưng lính cũng không ai tuân lệnh. Xêdarini phải nhượng bộ, bất đắc dĩ phải để lính và nhà phạt ở lại trại mà nghỉ.

Sau cuộc làm reo ấy, Kiáp bị nghi là chủ mưu, nên không được Xêdarini tín nhiệm như trước nữa, và càng ngày càng ghét Kiáp.

Tiếp đến xảy ra chuyện bắn giết ông Hương Bộ Vy, Xêdarini, người đã từng hiểu biết hết những cuộc đánh đập bắn giết nhà phạt hàng ngày, biết chắc Kiáp giết người là tự ý làm càn, chứ không phải tại nhà phạt chạy trốn, và nhân cơ hội này Xêdarini tổ chức cuộc điều tra để trị Kiáp.

Ở đây cũng cần nói rõ thêm một âm mưu nữa của Xêdarini mà cũng là của bọn cầm quyền thực dân lúc bấy giờ là nhân cơ hội này trút lên đầu Kiáp tất cả tội ác đối với nhà phạt mà chính bọn chúng mới là thủ phạm và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Thâm tâm của chúng là đánh lừa dư luận bằng cách trị tội Kiáp và đổ hết trách nhiệm cho người tay sai mà trước đây chúng cho là đắc lực nhất.

Về Kông Tum, Kiáp bị kêu án sáu năm tù và đầy đi Lao Bảo. Nghe nói sau khi Kiáp ở tù ba năm thì được tha.

Lúc Kiáp còn đương bị giam ở lao Kông Tum, vừa gặp anh em nhà phạt ở Đắc Tao về, cũng giam chung vào một chỗ. Kiáp sợ anh

em trả thù, nên hết sức khẩn khoản, xin lỗi nhà phạt, và nói sự đánh đập nhà phạt do lệnh "quan" truyền ra cho chúng, v.v...

Nhà phạt biết Kiáp là đứa tiểu nhân, hung bạo, và chẳng qua cũng chỉ là kẻ "thừa hành", ngày nay thất thế, như chim vào lồng, nên đối với nó cũng không thù ghét gì. Chỉ thương hại cho mấy trăm nhà phạt, dưới chế độ tàn khốc của bọn thực dân và tay sai của chúng phải chịu mọi điều thảm khốc và chết một cách rất oan ức. Khốn nạn, có kẻ án chỉ một vài năm, có người còn năm, bảy tháng, thậm chí có người chưa thành án [1], đến khi được trắng án, giấy đưa lên tha về thì, than ôi, xác đã chôn từ bao giờ rồi!...

VII
SAU SÁU THÁNG TRỜI KHỦNG BỐ

Ngày về Kông Tum

Tháng sáu năm 1931, nghĩa là sau sáu tháng trời chịu lằn roi mũi đạn, khi Đắc Tao, lúc Đắc Pét, anh em nhà phạt được trở về Kông Tum.

Khi đi, trước sau là hai trăm chín mươi lăm người, lúc về chỉ còn được tám mươi người còn sức gắng gượng đi bộ về Kông Tum, và một số người bị bệnh nặng phải ngồi xe bò, còn bao nhiêu thì chôn xương tại Đắc Pao, Đắc Tao, Đắc Pét.

Từ Đắc Tao về Kông Tum đi gần một tuần lễ. Nhà phạt đều đã liệt nhược, mà còn phải khiêng gánh nặng nề, phần mang đồ vật dụng của mình, phần mang rương hòm của lính. Ai còn chút sức nào là đem ra hết, để gắng gượng về cho đến Kông Tum.

Về Kông Tum! Về Kông Tum! Tiếng "về Kông Tum" đối với nhà phạt bấy giờ nhẹ nhàng êm ái biết bao! Anh em như đứng trước ngọn gió xuân mát mẻ, cởi được biết bao nỗi đắng cay, sầu thảm, trút được biết bao sự nhọc nhằn đau khổ, trong lòng phơi phới như được tái sinh...

1. Trong số người án chưa chung thẩm có một người may mắn còn sống sót, tiếp được giấy tha. Người ấy tên là Phùng, nguyên học sinh ở trường Cao đẳng Công chính Hà Nội. Phùng được tha và vào học lại, về sau Phùng đỗ tốt nghiệp và ra làm tham tá công chính (Agent-technique).

Từ giã Đắc Tao ra đi, ai nấy đều hớn hở: trong sáu tháng trời trải qua biết bao thảm cảnh, cái chết nhiều khi đã đến bên mình, ngày nay sống sót, mang gói ra về, trong lòng biết bao mừng rỡ!

Ngảnh đầu lại, trông mấy dãy cùm, mấy hàng rào sắt, mà ngậm ngùi thương xót cho hàng trăm anh em thiệt phận; từ đây đất vàng một nắm, gió táp mưa sa, nghìn năm biết ai thăm viếng!

Than ôi! Son sắt một lòng, âm dương đôi ngả, cảm tưởng của ai được về, đối với xác người còn ở lại, thật là ngổn ngang trăm mối...

Xin chép ra đây bài văn tế của anh em được về Kông Tum làm ra để truy điệu mấy anh em chết tại Đắc Pao, Đắc Tao, Đắc Pét;

BÀI VĂN TRUY ĐIỆU CÁC CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG CHẾT TẠI ĐẮC PAO, ĐẮC TAO, ĐẮC PÉT TRÊN CON ĐƯỜNG SỐ 14 NĂM 1930 - 1931

Cơn dâu bể ba chìm bảy nổi, khách hữu tâm bao quản bước truân chuyên;

Trường cạnh tranh chín nhịn mười ăn, thân vô sản đã dày phen thua thiệt.

Vẫn biết trên đường tranh đấu, thắng bại lẽ thường; Xót vì giữa bước tồn vong, tâm tình khôn xiết!

Nhớ anh em xưa!

Sinh đất Hồng Lam;

Vốn dòng Nam Việt.

Tư trời hun đức chí hy sinh;

Nết đất sẵn sàng lòng cảm quyết.

Tức tối nhẽ! Mấy nghìn năm nước cũ, mất chữ tự do, mất quyền sinh hoạt, đoái non sông thêm bận dạ anh hào;

Xót xa thay! Năm sáu giống loài người, chịu bề áp bức, chịu nỗi bất bình, thấy nòi giống vẫn căm gan tuấn kiệt.

Phu đài, sưu thuế, trăm việc nặng nề;

Bắt bớ, cùm giam, đủ điều ác nghiệt.

Kẻ đèn sách khuya nghiên bút, miếng chung đỉnh đã kề môi gần miệng, nghĩ nỗi anh xơ em xác, vào luồn ra cúi, vinh thân mình như thế được là bao;

Người ruộng trâu khuya sớm cày bừa, trải nắng mưa vừa miệng lủm tay vo, nghĩ khi thuế bắt sưu gia, đem của nuôi người, khổ cái xác nói ra càng thêm mệt.

Thương những kẻ thợ thuyền áp bức, lương thưởng chi mà được tối mất mai;

Tủi cho người lính tráng nhọc nhằn, canh gác mệt còn bơ đầu đá đít.

Dưới bể thuế thuyền thuế muối, thương chánh cầm quyền;

Trên rừng cấm gỗ cấm săn, kiểm lâm bắt hiếp.

Lấy chi mà gọi chút công tâm;

Nín sao được cái bầu nhiệt huyết.

Gặp hội cơ trời đổi lúc; mấy nghìn triệu anh em chung cực khổ, hăm hở giơ liềm dựng búa, vỗ tay lên toan đòi lại lợi quyền.

Nhân nay cơ hội xui nên, bảy mươi năm chìm đắm đã chán chường, ngổn ngang vỗ cánh giương vây, cất đầu dậy quyết theo gương Xô viết.

Có kẻ đứng treo cờ, rải giấy, liều thân mình vào những chốn cơ nghiêm;

Có người ra đầu đạn mũi tên, hô quần chúng bước lên đường kịch liệt.

Khi quốc dân càng tiến lại càng hăng;

Hồn "đế quốc" mỗi ngày e mỗi khiếp.

Những tưởng thời cơ đã đến, chí quyết tháo lồng sổ cũi, dắt anh em lên thẳng cõi đài xuân;

Nào hay đế quốc dã man, hãy còn gượng phép làm uy, bắt chí sĩ nhốt vào vòng luy tiết.

Trời cao đất thẳm biết tỏ cùng ai;

Nghĩa trọng thân khinh thôi liều với kiếp.

Phát vãng lúc đào cây, xẻ núi, trải Đắc Pao, sang Đắc Pét khôn xiết dãi dầu;

Nhộn nhàng khi gặp cuốc, cắp beng, "roi binh lính", "lệnh quan Tây" ghê đường thảm thiết!

Tủi lúc mình trần thân trụi, mưa không tơi, nắng không nón, cảnh phong trần đến thế nghĩ mà ghê!

Buồn khi tay trói chân cùm, cơm pha trấu, mắm pha giòi, "ơn" đế quốc đãi mình xem đã riết!

Lúc ngọa bệnh thuốc trời thang đất, bát cháo hồ bữa có bữa không;

Buổi lâm chung quan dế, quách trùn, mảnh chăn rách nửa đùm nửa bít!

Thân bách luyện trải trăm than nghìn lửa, dẫu mấy tuyết sương bao quản, mượn non sông, làm gối cả màn vây;

Bước thiên gian khi một vực một trời, thương thay mưa nắng vô tình, đem hồn phách theo hang cùng núi biếc.

Ôi thôi thôi!

Cây tàn lá đổ, cuốc thảm khóc sương;

Gió dập mưa dồn, ve sầu gọi nguyệt.

Ngảnh đầu lại: mấy mồ lưu lạc, một vùng cỏ áy, nước non rầu rĩ khóc hồn oan;

Đau lòng thay: những kẻ điêu linh, nửa nấm đất vàng, cây cỏ ngậm ngùi thân tử biệt.

Tiếc là tiếc thân như thế, can trường như thế, sao chẳng sống ít năm chi nữa, nhân quần còn lắm lúc thảnh thơi;

Thương là thương người thế này, cảnh ngộ thế này, bỗng vì đâu một phút mà xa, cửa Phật mở trông mây tối mịt.

Trên xã hội đương hồi bay nhảy, ai kẻ thêm lông chắp cánh, dạ bi hầu ngẫm nghĩ những xót xa;

Trách hóa công sao khéo phũ phàng, người đâu vắng tiếng xa tăm, thân giá áo đi về thêm bận bịt.

Ôi than ôi!

Sông lở lúc bồi;

Trăng tròn khi khuyết.

Truyện thiên cổ, hỏi các hàng hào kiệt, mấy ai mà hài cốt ở quê hương?

Cuộc bách niên, thương mấy bậc công khanh, lấp đất cũng thảo vu cùng tuế nguyệt.

Anh em ta:

Nặng nghĩa đồng tâm;

Nhẹ tình phân khuyết.

Nước non lạnh lẽo chốn tha hương;

Ngày tháng ngậm ngùi vòng khổ tiết.

Hồn tinh vệ vẩn vơ vơ vẩn, bể Nam Minh mong hết sức đền bồi;

Tiếng đỗ quyên rầu rĩ rĩ rầu, giọng cố quốc vì ai mà ríu rít?

Lấy giọt lệ hỏi người chín suối, mấy hòn máu nóng đã tan chưa?

Đem văn Nôm kể lể đôi hàng, một khúc u trường chăng có biết?"

Lúc về ngày đi đêm nghỉ, gặp đâu nghỉ đấy, hoặc nhà dân, hoặc chuồng heo chuồng bò, chỗ nào cũng dùng để nhốt nhà phạt được. Khi về cũng như khi đi, hèo mây và báng súng của lính vẫn cứ luôn luôn cử động. Thân nhà phạt đều như thây ma, thế mà vẫn còn bị hành hạ trăm bề.

Có nhiều người đi được một đổi đường thì ngã lăn ra kêu van không đi được nữa. Lính không chờ cho xe bò đến chở, chúng bứt dây trong rừng trói hai tay hai chân, rồi bắt nhà phạt khiêng đi như khiêng một con lợn. Mấy người bị khiêng như thế, chỉ sống thêm được một ngày, qua hôm sau thì chết.

Tôi cũng có một hôm phải khiêng con "lợn người" như thế. Khiêng con lợn còn dễ, vì tiếng kêu la của con vật mình còn có thể thản nhiên không quan tâm đến, chớ khiêng một mạng người, tiếng than khóc kêu van làm sao mà nhìn lơ giả điếc cho đành?

"Nhẹ nhẹ anh em ôi! Chết tôi đi anh em ôi!". Đó là những tiếng than khóc dọc đường. Người bị khiêng đau đớn đã đành, mà người khiêng cũng hết sức khổ tâm. Lên dốc xuống đèo, trên vai một gánh trìu trịu, đi hàng ngày đường như thế, cái lưng như gãy làm hai. Khi đầu còn động lòng nghe theo lời anh em mà đi từ từ, bước nhẹ nhẹ để tránh sự đau đớn cho người bị khiêng, nhưng sau bị bọn lính đánh dập thúc giục, lại phải dồn bước mà theo cho kịp đoàn. Vì thế mà đối với tiếng khóc lóc kêu van của anh em, bấy giờ cũng phải làm lơ giả điếc.

Đi được một đổi đường, người bị khiêng cũng hết kêu la, hình như trong người tê tái không còn biết đau đớn là gì nữa. Tối hôm ấy thì nằm liệt một chỗ, hơi thở hấp hối, qua hôm sau thì chết.

Trong lúc đi đường, ngày nào cũng có ba bốn người chết. Có

người chỉ vừa hấp hối, hơi thở còn đương thoi thóp mà chúng cũng bắt chôn càn. Một buổi sáng trong lúc nhà phạt sắp hàng ra đi thì có người hấp hối, sức không đi được nữa mà cũng không ngồi xe bò được. Viên quan Một phải để một người lính và hai người nhà phạt ở lại, chờ khi nào người kia chết, chôn xong rồi sẽ đi sau. Nhưng đi chưa đầy năm bảy cây số, thì thấy lính và mấy người kia đã theo kịp. Hỏi ra mới biết rằng tên lính ấy không đợi cho người kia chết, chờ lâu quá nó bắt nhà phạt đào lỗ chôn, để nó đi cho kịp. Một số người bị chôn sống dọc đường là vì thế...

Khi về gần đến Kông Tum, cách chừng năm mươi cây số mới bắt đầu nghe tiếng gà kêu, tiếng chó sủa, lần lần mới thấy bóng một vài đồng bào. Bấy giờ anh em như thấy mình qua một cảnh đời khác, mừng mừng tủi tủi lai láng cảm tình... Thở một hơi dài, ai nấy đều như muốn trút hết mối tuyệt vọng ra ngoài không khí!

Sáu tháng ở Kông Tum

Sau khi ở Đắc Tao về, có nhiều nhà phạt đau liệt nhược lắm, nếu đem đến nhà thương cho đủ thuốc men và ra sức chạy chữa thì cũng còn phương cứu được. Nhưng cứ để tại nhà lao, người đau thì nhiều, bệnh thì trầm trọng, mà thuốc men không đủ, chữa lại sơ sài, cho nên những người đau nặng cứ lần lượt chết. Còn những người đau nhẹ thì sau một thời gian sức lực cũng dần dần trở lại, nhưng số này chẳng được bao nhiêu. Ngoài ra, còn một số người bị cố tật như què, bại, v.v... chỉ ăn rồi ngồi một chỗ không làm gì được nữa.

Về Kông Tum được nghỉ ít hôm, nhà phạt đã bắt đầu ra làm việc. Công việc làm thì cũng đào cây lượm đá, gánh đất đắp đường so với Đắc Tao nặng nhọc cũng chẳng hơn kém là bao nhiêu, nhưng vì ăn uống có phần khá hơn, thời giờ làm việc thư thả hơn, mà nhất là sự chơi đùa tàn ác, sự đánh đập dã man của lính thì không có như trước, cho nên nhà phạt đều an tâm làm việc cho qua ngày tháng.

Trong bọn binh lính cũng còn nhiều tay độc ác như bọn quan Muk, "chèo bẻo", "pake", "Đầu heo", "Mặt ngựa" (tên của nhà phạt đặt ra) v.v..., chúng vẫn còn quen thói hung bạo như ở Đắc Tao, nhiều khi cũng đánh đập nhà phạt bằng lưỡi lê báng súng, nhưng lúc bấy giờ ở thị xã Kông Tum có quần chúng đông đảo, nhiều cuộc biểu tình hoặc tuyệt thực, hoặc đình công phản đối đánh đập đều có ít nhiều hiệu quả. Vì thế mà sự đối xử tàn ác có phần bớt hơn trước.

Được ít lâu, nhà phạt ở các tỉnh như Huế, Quy Nhơn, Vinh, Hà Tĩnh, v.v... lần lượt bị đày lên nữa. Lần này thì chọn lựa những người nặng án, nghĩa là từ chín năm đến chung thân. Số nhà phạt lên sau này cũng gần một trăm năm mươi người.

Anh em mới lên, mắt thấy những người bị bệnh ở Đắc Tao về, tai nghe những điều anh em ở Đắc Tao kể lại, ai nấy đều kinh tâm táng đởm. Ngày đêm chỉ lo sợ đến phiên mình bị đày đi Đắc Tao, Đắc Pét.

Chuẩn bị cuộc đấu tranh

Số nhà phạt mới và cũ, cộng tất cả non ba trăm người, chia ra ở hai nhà lao: lao ngoài và lao trong. Lao ngoài giam những người án từ năm năm trở lên, lao trong giam những người án từ năm năm trở xuống. Hạng sau này, một số đã được tư giấy ân xá hoặc ân giảm chỉ chờ ngày được về.

Thế là nhà phạt ở lao trong được an tâm hơn, và chờ ngày được tha, không lo sợ phải đi Đắc Tao lần thứ hai.

Còn nhà phạt lao ngoài thì ngày đêm lo ngại, chỉ sợ sẽ phải đi Đắc Tao. Trong số này có nhiều người đã trải qua cảnh ngộ Đắc Tao rồi, nên đối với cuộc đi lần thứ hai, họ lấy làm lo sợ và tuyệt vọng lắm.

Trong sáu tháng trời làm việc ở Kông Tum, anh em lao ngoài tuy bên ngoài tỏ ra thái độ trầm tĩnh, nhẫn nại, công việc vẫn làm tử tế, nhưng bề trong đã ngấm ngầm tổ chức, nhất định cương quyết phản đối, nếu xảy ra cuộc đi Đắc Tao lần thứ hai.

Ý định như thế, nên công việc sắp đặt của nhà phạt trong lao rất chu đáo, nào đặt ra trật tự, nào tổ chức hàng ngũ chặt chẽ để cùng nhau đồng tâm hiệp lực đấu tranh cho có hiệu quả. Lấy cái chết chống với cái chết, tất cả nhà phạt không còn một người nào do dự.

Đi Đắc Tao thì chết, mà chết một cách rất đau đớn, thê thảm, chết sau khi đã chịu trăm cay ngàn đắng.

Khi đi Đắc Tao thì phải liều chết, mà thà chết ở Kông Tum còn hơn.

"Phản đối đi Đắc Tao, Đắc Pét!", "phản đối chính sách tàn ác của chính quyền thực dân đối với chính trị phạm!", đó là mấy khẩu hiệu của nhà phạt lúc bấy giờ. Công việc anh em sắp đặt rất êm đềm lặng lẽ.

Người ngoài cho đến viên đội Muléc (Mouléc) là phụ trách nhà lao lúc bấy giờ cũng không hay không biết gì cả.

Một số người đã tự nguyện, nếu việc đi Đắc Tao xảy ra nữa là quyết chí hy sinh tính mệnh của mình để cứu vớt toàn thể anh em.

Viết đến đây tôi nhớ lại lời nói của một số anh em trong lúc đêm trường canh vắng, lưng dựa trên cùm, cùng nhau than thở, thật não nùng thống thiết không biết ngần nào. Anh em nói rằng:

"Trên đường đời, chúng ta không phải là không hy vọng sống, nhưng vì đã đến bước cùng, ta cần phải hy sinh ít nhiều người, để mưu sự sống cho toàn thể anh em. Trước cái chết, ta không nhường lại cho ai được nữa, ta phải nhận lấy, vui lòng nhận lấy để cho sau khi ta chết rồi, họa may mấy trăm anh em mới còn phương sống".

Rồi, giữ theo lời nói, anh em đều vì nghĩa vụ hy sinh một cách rất can đảm, hùng dũng ngày 12 tháng Chạp năm 1931.

Than ôi! Ngày nay anh em không còn nữa, nhưng lòng khẳng khái, chí hy sinh của anh em vẫn còn, khiến cho người còn được sống sót, hồi nhớ lại câu nói của anh em, hành vi của anh em, trong lòng xiết bao bùi ngùi cảm động!

CÁC CUỘC BIỂU TÌNH PHẢN ĐỐI Ở KÔNG TUM

Cuộc đấu tranh lưu huyết ngày 12-12-1931

Như trên kia đã nói, bên nhà phạt đã chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với cuộc đi Đắc Tao lần thứ hai. Còn bên Chính quyền thực dân cũng lo sắp đặt để đem nhà phạt đi.

Ngày 12, tháng Chạp cũng như các ngày thường, viên đội Muléc đem sổ vào kêu nhà phạt đi làm. Nhưng hôm nay có điều đặc biệt là Muléc kêu riêng một số bốn mươi người để ở nhà; còn bao nhiêu đều đi ra ngoài làm việc. Thấy sự bất thường, bốn mươi nhà phạt đã đem lòng nghi ngại ngơ ngác nhìn nhau mà tự hỏi: "Cuộc đi Đắc Pét đã đến rồi chăng?"

Thực vậy, cuộc đi Đắc Pét đã đến rồi. Một chiếc xe camion vừa lên, chở theo một toán lính nai nịt súng đạn chỉnh tề, lại đem theo một dây xiềng sắt.

Bốn mươi anh em nhà phạt không nghi ngờ gì nữa:

– Không đi Đắc Pét! Không đi Đắc Pét!

Anh em đồng thanh la hét nhất định không đi Đắc Pét. Tiếng tung hô khẩu hiệu, tiếng vỗ tay làm náo động cả một góc trời. Cửa lao gài rất kiên cố, nhà phạt vây nhau đứng giữ quyết không cho lính vào cưỡng bách một người nào.

Viên đội Muléc thấy nhà phạt chống lại, nên không dám vào lao, đứng ngoài cửa mà hỏi:

– Chúng bay muốn gì?

– Chúng tôi nhất định không đi Đắc Pét. Nhà phạt trả lời.

– Vì sao chúng bay không đi?

– Lần trước bị hãm hại một cách rất tàn ác, anh em chúng tôi chết hết hai phần ba. Bây giờ bắt chúng tôi đi nữa cho chết hết hay sao?

– Nếu chúng bay không đi, chúng bay cũng sẽ chết. Muléc nói.

– Phải, chúng tôi không đi cũng chết, nhưng thà chết ở đây còn khỏe thân hơn lên Đắc Pét, bị trăm điều khổ sở rồi mới chết.

Những câu trả lời đó là do anh Nguyễn Lung, số hiệu tù 299 (quê ở Hà Tĩnh) nói ra một cách rất cương quyết. Lung một mặt trả lời cho Muléc, một mặt hô to các khẩu hiệu để cổ vũ khuyến khích anh em quyết tâm phấn đấu cho đến cùng. Thấy Lung hăng hái và cả quyết như thế, Muléc rất để ý, vả lại thấy tất cả nhà phạt đều một mực phản đối như Lung, nên Muléc buộc lòng phải ra về, báo tin cho Công sứ và Giám binh.

Một hồi sau, Công sứ, Giám binh, các viên quan Một ở các đồn và lính tráng rầm rộ kéo đến. Lính thì súng đạn chỉnh tề, bổ vây chung quanh nhà lao, và chĩa súng vào nhà phạt để chờ lệnh. Còn Công sứ, Giám binh, đội Muléc, và các quan Một trên tay mỗi người đều có khẩu súng sáu, thái độ người nào cũng hung hăng dữ tợn.

Trong lao thì nhà phạt hô to khẩu hiệu: "Phản đối đi Đắc Pét! Phản đối đi Đắc Pét!" rồi tất cả đều kêu nhau sắp hàng đứng trước cửa lao, thái độ người nào cũng quả quyết, hăng hái không sợ chết chút nào. Người đại diện cho anh em lúc bấy giờ là Trương Quang Trọng, số hiệu tù 303; người Quảng Ngãi đứng hàng đầu. Thái độ của Trọng trầm tĩnh oai nghiêm và hết sức quả quyết.

Theo lệnh Công sứ, Muléc tay cầm súng sáu, vừa bước vào cửa lao vừa hỏi:

– Thằng hai trăm chín chín ở đâu?·(Où est – il 299?).

Khi nghe kêu số hiệu của Lung, anh em nhà phạt đều la lớn:

– Không có, không có, không có ai hết.

Nhưng lúc ấy, Trọng đứng hàng đầu, vừa nghe Muléc kêu Lung, thì Trọng tay lần mở nút áo, phanh ngực, rồi chỉ vào ngực mà trả lời cho Muléc bằng tiếng Pháp:

– Le voici! (Nó ở đây!).

Muléc đưa thẳng súng sáu vào ngực Trọng nảy một phát vừa nói:

– Le voilà! (Nó đó).

Tiếng súng sáu vừa ra, Trọng liền ngã xuống.

Điều nên chú ý là số hiệu của Trọng là 303 mà số hiệu tù của Lung là 299. Khi Muléc hỏi 299 là cố kêu Lung ra để bắn, vì cho Lung là chủ trì cuộc phản đối, nhưng Trọng tự xưng mình ra để chết thay cho bạn. Trọng bình thường là người ôn hòa, thuần hậu, không hay nói, nhiều người đã cho Trọng như "con gái nhà lành". Trọng đối với anh em hay có tính vị nể, nên trong công việc thường không cương quyết lắm. Thế mà khi lâm sự, trước cái chết, Trọng giữ thái độ rất quả quyết, can đảm. Trương Quang Trọng nguyên là sinh viên trường Cao đẳng Hà Nội, năm 1929 can án Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, bị án chín năm tù. Tháng bảy, năm 1931, Trọng bị đày lên Kông Tum, qua tháng Chạp bị bắn [1].

Khi Trọng ngã, anh em ở sau tiến lên, vừa tiến vừa hô to khẩu hiệu phản đối, một tiếng súng thứ hai vừa ra, người thứ hai lại ngã, người sau lại tiến lên, hô to mấy khẩu hiệu, dũng cảm đương đầu với súng đạn.

---

1. *Chú thích của tác giả:* Trọng trước đã có vợ, vợ chết. Trọng có viết bốn chữ thờ: "Biết đâu mà tìm". Và sau khi vừa có vị hôn thê thì Trọng bị bắt và bị giam tại Quy Nhơn. Lúc ấy, vị hôn thê của Trọng thỉnh thoảng có vào thăm và trao cho Trọng một cái áo cánh lót bông bên trong có thêu mấy chữ để làm kỷ niệm. Nhiều lúc trao đổi tâm sự. Trọng thường nói: "Cái áo này may ra chỉ bọc đống xương tàn của mình, chớ mình vị tất đã gặp người yêu". Thật vậy về sau, khi bị bắn chết, Trọng vẫn mặc cái áo cánh ấy trong mình.

Sau này, khi mãn án về, tôi có tìm đến thăm nhà Trọng, theo lời dặn cuối cùng của bạn. Trong lúc kể lại câu chuyện cũ, mẹ Trọng lâm ly nước mắt. Đứng trước cảnh mẹ già đau đớn khóc con, kêu gào than vãn rất thảm thiết tôi rất lấy làm bùi ngùi, hồi nhớ lại lúc Trọng đương hăng hái lần tay mở áo, đưa ngực mà chịu mũi súng sáu một cách vô cùng anh dũng.

Cuộc biểu tình tuyệt thực

(Từ 12 đến 16 tháng Chạp năm 1931).

Khi bốn mươi nhà phạt ở lao ngoài bị bắn, thì tất cả nhà phạt khác còn đương làm việc ngoài rừng. Văng vẳng xa nghe tiếng súng nổ và tiếng la vang, ai nấy đều đoán biết cuộc phản đối lưu huyết đã bắt đầu rồi.

Một viên đội Pháp đi xe hơi ra truyền lệnh cho lính đưa hết nhà phạt về nhốt ở lao trong. Chúng tưởng là cuộc phản đối chưa ai biết, nên đem nhà phạt cả hai lao dồn lại một. Không dè đâu cuộc biểu tình phản đối nhà phạt đã sắp đặt trước rồi, cho nên khi anh em hai lao vừa gặp nhau là tiếng vỗ tay, tiếng la ré dậy trời, hô lớn các khẩu hiệu: "Kịch liệt phản đối đi Đắc Pét!", "Kịch liệt phản đối bắn giết nhà phạt ở lao ngoài!".

Tiếng la hét làm chấn động cả thị trấn Kông Tum.

Công sứ Dêrudalêmi (Jérusalémy), Quản đạo Tôn Thất Toại, Giám binh Đờrêimêdơ (Dereymez) và các viên quan Một, sau khi bắn giết nhà phạt ở lao ngoài rồi, đem hết lính tráng vào lao trong để hăm dọa. Nhưng nhà phạt lúc ấy căm phẫn kịch liệt, vì một là nghe tin anh em lao ngoài chết, hai là thấy bọn cầm quyền quả quyết đem nhà phạt đi Đắc Pét, nên ai nấy một lòng, liều sống chết phản đối đến kỳ cùng. Bọn cầm quyền càng hăm dọa bao nhiêu, nhà phạt càng hăng hái quyết liệt bấy nhiêu.

Công sứ Kông Tum thấy thế không hăm dọa được, nên phải lấy lời dụ dỗ.

– Vì sao chúng bay phản đối?

– Lần trước các ông đem chúng tôi lên Đắc Tao mà hành hạ ba phần chết hai, lần này các ông còn muốn cho chúng tôi chết nữa, chúng tôi buộc lòng phải phản đối.

– Còn hơn một trăm người chưa chết...

Nghe câu trả lời của Công sứ, một người nhà phạt tên là Hoàn, áo hiệu tù 2, thái độ giận dữ, đứng lên la lớn:

– Chúng bay là người, chớ choa [1] đây là chó cả hay sao?

Công sứ nghe nói, ngước mắt nhìn và rất chú ý người nói. Vì thế mà qua mấy hôm sau, Hoàn bị bắn chết trong lao (Hoàn là dân cày,

---

1. Choa: Chúng tao (tiếng địa phương Nghệ Tĩnh thường dùng).

tính tình mộc mạc, ăn nói ngay thẳng, bị án chung thân, lần trước đã đi Đắc Tao, khi về đau gần chết; về sau sức khỏe được tương đối khá hơn, nhưng thân thể vẫn còn gầy yếu như cây sậy, nên nói đến chuyện phản đối đi Đắc Pét là Hoàn liều chết đầu tiên. Trong lúc biểu tình tuyệt thực, Hoàn rất hăng hái).

Công sứ và Quản đạo hết sức dụ dỗ, nhưng nhà phạt đều không tin, càng dụ dỗ bao nhiêu, nhà phạt càng hô hào phản đối bấy nhiêu. Các "quan" buộc lòng phải đem lính tráng ra về.

Từ đó, nhà phạt bắt đầu tuyệt thực. Mỗi ngày hai buổi vỗ tay la hét dậy đất vang trời: cơm không ăn, nước không uống. Hễ có Công sứ và Quản đạo, hoặc Giám binh vào, thì lại vỗ tay la hét, hô khẩu hiệu phản đối. Quang cảnh trong lao lúc bấy giờ thật là náo nhiệt. Lao thì chật hẹp tối tăm dơ bẩn, ngày thường chỉ chứa được sáu bảy chục người là vừa, nay nhốt hơn hai trăm người không có chỗ cựa quậy, chỉ chen chúc với nhau mà chịu. Ban ngày còn đỡ, ban đêm thật là khốn khổ. Phải chia ra hai tốp, một tốp nằm thì một tốp ngồi, rồi đến tốp này nằm tốp khác lại ngồi, thay đổi nhau như thế mà ngủ. Còn một số nữa phải nằm ngổn ngang dưới đất. Trong lao dơ bẩn, ẩm thấp, phần thì hơi người ta đông, không khí hôi hám uất trệ. Ngày đầu còn ít, qua ngày thứ hai, thứ ba không tài nào tả nổi cái khổ của anh em. Nhiều người đã liệt nhược, nằm mê, tay chân cử động không nổi, có người khát nước quá, chịu không nổi phải lấy nước tiểu hòa với dầu (loại dầu Nhị thiên đường) mà uống cho đỡ khát. Uống rồi đái, đái rồi uống, cảnh tượng trông mà ngao ngán!

Mỗi ngày hai buổi, bọn cầm quyền cho đem cơm nước vào trước sân lao mà "nhem thèm" nhà phạt:

– Chúng bay có ăn không? Chúng bay có ăn không?

Tôi còn nhớ, trong lúc tuyệt thực, có một viên đội người Pháp tên là Ácnôn (Arnold) vào gọi chúng tôi mà hỏi:

– Sao chúng bay ngu dại, phản đối làm gì cho khổ?

Thay mặt anh em, tôi trả lời:

– Trước ông có ở đây, chắc ông đã biết, lần thứ nhất chúng tôi đi Đắc Tao tất cả bao nhiêu người? Khi về còn lại bao nhiêu? Mà người sống sót, lại chỉ là những cái thây ma sống dở chết dở; cái khổ cảnh của chúng tôi ông lẽ nào không biết? Ngày nay bắt chúng tôi đi vào chỗ chết một lần nữa, chúng tôi chẳng phải là con trùn, con dế, bảo

chúng tôi không phản đối sao được? Nếu ông mà ở vào cảnh ngộ chúng tôi, thì ông làm thế nào? Tôi chắc ông sẽ phản đối kịch liệt hơn chúng tôi nhiều nữa...

Nghe lời tôi nói, Ácnôn rún vai, lắc đầu làm thinh bỏ đi...

Trong số nhà phạt tuyệt thực, có người chỉ bị án một hai năm, có người còn năm bảy tháng, chỉ trong ít lâu nữa là được về. Gặp cuộc tuyệt thực phản đối, anh em đều hăng hái tham gia. Vì thế cho nên về sau, có người án chỉ có ba năm mà bị tăng lên đến mười hai năm hoặc chung thân như các anh Ngô Đức Đệ, Nguyễn Uyển (tức Mười), Nguyễn Thể, v.v... tất cả có trên năm mươi người hiện nay [1] còn ở tại lao Buôn Ma Thuột và lại bị liệt vào hạng tù thường không được hưởng chế độ chính trị phạm...

Ngày 16 tháng Chạp 1931

Nhà phạt tuyệt thực và tuyệt ẩm đã bốn ngày.

Qua ngày 16, vào lúc 7 giờ sáng, các sĩ quan và lính tráng súng đạn chỉnh tề, rầm rộ kéo đến sắp hàng trước sân lao, súng chĩa ngay vào nhà phạt.

Nhà phạt lúc ấy người nào người ấy đều liệt nhược, đi đứng không vững, chỉ ôm nhau nằm chồng chất trong nhà lao.

Khi bọn sĩ quan vào gần nhà lao, một người trông thấy liền đứng dậy la lớn: "Anh em ơi! Chúng đến đây rồi", tức thì nghe "đoàng", một tiếng súng nổ ra, anh liền ngã xuống. Tên anh là giáo Thuyên, quê ở Nghệ An (phủ Diễn Châu).

Lúc ấy nằm kề bên Thuyên, tôi nghe tiếng súng nổ vẫn còn ngờ là bắn dọa, sau thấy Thuyên ngã xuống nằm ngang trên mình tôi, rờ vào người Thuyên thấy không cựa quậy mới hay là Thuyên đã chết.

Sau khi Thuyên ngã xuống, tất cả nhà phạt đều đứng dậy chạy quanh quẩn trong lao và la hét. Lao chật hẹp mà hơn hai trăm người chen chúc chạy qua chạy lại, đầu này ngã nhào, đầu kia té sấp, lao nhao lúc nhúc, cảnh tượng chẳng khác chi bầy cừu gặp đàn chó sói.

Bên ngoài thì các sĩ quan và binh lính, đầu này bắn, đầu kia bắn, thấy ai mở miệng ra thì bắn, ai đưa tay lên cũng bắn.

Có một người bị một phát súng vào bụng, ruột lòi ra thòng lòng mà chưa chết, anh ta hoảng hốt bò lăn bò lóc, bò đến đâu ruột lòi ra đến đó, một hồi sau thì chết. Người này tên là Viện quê ở Nghệ An.

---

1. Tức là vào khoảng 1937 – 1938.

Một người nữa tên là Hào, quê ở Hà Tĩnh, đang ngồi trong góc kín, dưới cái rầm ván, thế mà cũng bị tên quan Một Hila (Hilard) cầm khẩu súng trường, lòn dưới rầm, nhằm ngay Hào bắn một phát, viên đạn đi dọc theo thân người, từ dưới lên trên, Hào chết ngay!

Trong mấy phút đồng hồ, hết mười bốn người vừa chết vừa bị thương. Sau đây là tên mấy người chết:

1. Nguyễn Hoàn – Di Luân, Nghệ An (án chung thân).
2. Trần Hữu Dương – Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh (án chín năm).
3. Võ Thuyên, tức giáo Thuyên – Diễn Châu, Nghệ An (án chín năm).
4. Bùi Đạt – Diễn Châu, Nghệ An (án bẩy năm).
5. Hoàng Văn Bé – Hưng Yên, Nghệ An (án ba năm).
6. Nguyễn Hào – Thạch Hà, Hà Tĩnh (án ba năm).
7. Nguyễn Huệ – Cam Lộ, Hà Tĩnh (án ba năm).

Trong số bảy người bị thương, có mấy người bị thương nặng, về sau mang cố tật:

1. Lý Sinh – Hà Tĩnh.
2. Cố Uy – Nghệ An.
3. Cố Giốc – Hà Tĩnh.
4. Nguyễn Thể – Hà Tĩnh.
5. Nguyễn Điện – Quảng Ngãi.
6. Lâm – Nghệ An.

Còn 1 người nữa tôi không nhớ tên.

Sau khi bắn giết nhà phạt xong, bọn lính mở cửa xông vào lao bắt những người còn sống sót lại, tay xiềng chân xích, đem camion chở thẳng ra lao ngoài và cùm lại hết.

Còn thi hài anh em bị bắn chết, lính mang ra ngoài, đào một hố sâu, rồi xô nhào xuống, lấp đất lại. Về sau nhà phạt xin đào chỗ ấy lên thì thấy mấy bộ xương, người ngồi kẻ đứng, người còng lưng, kẻ vẹo cổ, không một người nào nằm ngay thẳng. Anh em mới đem ra từng người một, sắp lại hài cốt, rồi xây đắp chung thành một ngôi mộ lớn. Ngôi mộ ấy hiện nay vẫn còn tại nghĩa địa Kông Tum.

Trơ trọi một nấm mồ hoang, rêu cỏ phủ đầy, khiến cho khách qua đường trong khi dừng bước, không khỏi ngậm ngùi thương tiếc cho thân phận người chiến sĩ đã vì nghĩa hy sinh.

(...)

1937

Ngục Kông Tum,
NXB, Văn học, Hà Nội, 1970.

NGUYỄN VĂN HOAN

(Sinh năm 1907)

Nguyễn Văn Hoan, bí danh là Kính Trắng sinh năm 1907, tại thành phố Nam Định, nay thuộc tỉnh Nam Định.

Năm 1926, Nguyễn Văn Hoan tham gia tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Hà nội. Năm 1927, sau khi dự một lớp chính trị mở ở Bản Đáy, Bằng Tường, Nguyễn Văn Hoan được cử về tổ chức chi bộ đầu tiên của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam và làm Bí thư Liên tỉnh bộ của ba tỉnh nói trên. Ngày 21 – 6 – 1929, Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập ở Ninh Bình, Nguyễn Văn Hoan làm Bí thư.

Để kỷ niệm lần thứ 12 ngày thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, ngày 7–11–1929, Nguyễn Văn Hoan và Lương Văn Tụy treo lá cờ đỏ búa liềm trên ngọn núi Non Nước ở Ninh Bình.

Năm 1930, đế quốc Pháp bắt, giam Nguyễn Văn Hoan ở Hỏa Lò, Hà Nội, và ngày 18–6–1930 đày ra Côn Đảo. Ở đâu, Nguyễn Văn Hoan cũng tích cực tham gia viết báo bí mật của Đảng, là biên tập viên của tờ *Tù nhân báo, Đường cách mạng ở* Hỏa Lò, Hà Nội, và tờ *Tiến lên, Ý kiến chung ở Côn Đảo.*

Tháng 7–1936, được trả tự do, Nguyễn Văn Hoan về đất liền, làm báo của ta, viết một hồi ký dài nhan đề *Côn Lôn* (poule Condore) bằng tiếng Việt, được Phan Tử Nghĩa dịch ra tiếng Pháp, đăng liền trên hai số *Le Travail (Lao động)* số 9, ngày 10–11–1936, và số 10, ngày 20–11–1936, tố cáo tội ác của đế quốc Pháp đối với các tù chính trị ở Côn Đảo, góp phần vào việc đấu tranh đòi đại xá tù chính trị.

Ngày 26–9–1939, Nguyễn Văn Hoan bị trục xuất khỏi Hà Nội và bị quản thúc ở Nam Định, sau ở Thái Bình.

Năm 1944, Nguyễn Văn Hoan trốn về Nam Định hoạt động. Tháng 8–1945, cách mạng thắng lợi, Nguyễn Văn Hoan được cử làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định. Từ năm 1948 đến 1960, Nguyễn Văn Hoan chuyển sang công tác ở ngành Tư pháp. Năm 1961, Nguyễn Văn Hoan nhận nhiệm vụ về Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương. Hiện nay, Nguyễn Văn Hoan hưu trí ở Hà Nội.

Nhiều bài thơ của Nguyễn Văn Hoan đã in trong hai tập thơ *Tiếng hát trong tù*, Nhà xuất bản Thanh Niên, 1973 – 1974, và *Thơ ca cách mạng (1925 – 1945)*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1973. Lần này, sưu tầm thêm được nhiều bài mới, tất cả những bài thơ in dưới đây đều đã được tác giả chỉnh lý lần cuối, do đó chúng tôi không làm khảo dị.

GỬI NGƯỜI CÙNG BỊ BẮT

Sa cơ lỡ bước,
Chốn lao tù ai dễ được tới đây!
Cảnh xà lim cửa kín tường dày,
Thu đủ cả xích, cùm, cơm, nước!
Trăm mối hận thù quân đế quốc,
Một lòng cống hiến bạn công nông.
Ngoảnh nhìn xem các nước Tây, Đông,
Sóng cách mạng như triều dâng thác đổ.
Khắp Liên Xô rực bầu trời cờ đỏ,
Công, nông, binh hớn hở nắm chính quyền.
Muôn trái tim đều hướng Mác – Lênin,
Đấy là cơm áo, tự do và hạnh phúc!
Đường ta đi là con đường gai góc,
Đầy gian nan, chết chóc và đau thương.
Nhưng cũng là con đường hiển hách phi thường,
Là nghĩa vụ đối với lớp sau và người trước.
Kiên quyết một lòng tiến lên vững bước,
Dưới lá cờ của Đảng Cộng sản Đông Dương.
Dưới lá cờ của Quốc tế dẫn đường, [1]
Ta nhất định lấy lại giang sơn Tổ quốc!
Đường vạn dặm chẳng may lỡ bước,
Cảnh lao tù ta thấy trước từ xưa.
Quyết vững tâm giữ lấy cơ đồ,
Cho con cháu ngàn thu hưởng mãi!
Đường cách mạng sá chi thất bại,
Bại hôm nay nhưng lại thắng ngày mai.
Nước non non nước tình dài,
Tấm lòng chung thủy gửi người nước non.
Ta thề giữ mãi lòng son!

Trại giam Ninh Bình, 11-1929.

---

1. Quốc tế: Chỉ Quốc tế Cộng sản.

BÀI CA KÊU GỌI CÔNG, NÔNG, BINH LÀM CÁCH MẠNG

Trời Nam một cõi mênh mông,
Đoái nhìn Tổ quốc mà lòng xót xa!
Trung, Nam, Bắc một nhà còn đó,
Giống Lạc Hồng trăm họ còn đây.
Trải bao dâu bể đổi thay,
Vẫn non sông ấy vẫn cây cỏ này.
Mà sao chịu đắng cay cùng khuất,
Tám mươi năm nước mất nhà tan.
Trải bao xiết nỗi gian nan,
Quân thù táng đởm biết gan anh hùng!
Ông cha trước vẫy vùng là thế,
Đến như ta càng kể càng đau!
Tủi mình đứng ở năm châu,
Xót thân mất nước lệ sầu chứa chan!
Quân Pháp kia tham tàn quá độ,
Ngoài mặt thời ra bộ hảo tâm.
Mà trong gươm giáo chất ngầm,
Ngày ngày nó cứ âm thầm giết ta.
Thuốc phiện kia thực là thuốc độc,
Rượu cồn làm suy nhược giống nòi.
Sưu cao thuế nặng, ai ơi!
Nó tìm hết cách triệt nòi giống ta.
Đồng bào hỡi con nhà đất Việt,
Phải mau mau phân biệt thực hư:
Từ Tây cai trị đến giờ,
Có đường xe lửa cũng nhờ tiền ta.
Có nhà cao cũng là cửa rộng,
Có tàu bè, súng ống, điện xa. [1]
Trăm công nghìn việc ở ta,
Nếu không nó đã hóa ra ăn mày!

---

1. Điện xa: Xe điện.

Đồng bào hỡi, chua cay là thế!
Nỗi niềm này càng kể càng đau!
Có thân ta phải liệu mau,
Lẽ nào cứ chịu ngựa trâu cho người!
Phải đứng dậy! Còn ngồi chi nữa?
Hiệp đoàn mau, vác búa liềm lên!
Dân cày đi với thợ thuyền,
Cùng binh lính cướp chính quyền mau mau.
Làm cho khắp năm châu sung sướng,
Công, nông, binh an hưởng thái bình.
Mấy lời tâm huyết giãi trình,
Hỡi người mất nước thấu tình này chăng?

Trại giam Ninh Bình, 11-1929.

*
* *

TRƯỚC TÒA ÁN THỰC DÂN

Thực dân ngồi giữa bọn chân tay,
Chúng gọi là "Tòa" thật mỉa thay!
Giặc bảo: "Vô ơn Nhà nước mẹ!"
Ta rằng: "Xâm lược lũ quân bay!"
Tự do, độc lập không lâu nữa,
Áo ấm, cơm no cũng chẳng chầy!
Khẩu hiệu hô vang quân giặc hoảng,
Bài ca Quốc tế mọi người say! [1]

Trại giam Ninh Bình, 1930.

*
* *

---

1. Trước tòa án của đế quốc Pháp, Nguyễn Văn Hoan đã lên án chế độ thực dân, kết tội chúng là quân xâm lược, và sau đó hô khẩu hiệu, hát *Quốc tế ca*.

PHÚT CHIA LY

I

Đã làm cách mạng phải hy sinh
Nặng với non sông, nhẹ với mình!
Thấy trước nhà tù cùng máy chém,
Và đâu là nhục với đâu vinh!

II

Mang án chung thân nặng trĩu xiềng, [1]
Đày đi Côn Đảo giặc kêu tên.
Xốn xang giờ phút chia ly ấy,
Nhớ đến quê hương đến mẹ hiền!

III

Ngàn trùng Côn Đảo tít mù khơi,
Chỉ thấy mông mênh nước với trời!
Vượt sóng con tàu lìa đất Tổ,
Càng xa sông Vị với non Côi! [2]

IV

Mẹ ơi, có thấu nỗi này chăng!
Xa mẹ lòng con biết nói năng?
Yêu mẹ lại càng yêu Tổ quốc,
Thù nhà nợ nước diệt xâm lăng!

V

Chia ly chưa phải bước đường cùng,
Cách mạng đang dâng khắp núi sông.
Quật ngã quân thù giành độc lập,
Quê nhà ắt mẹ thỏa lòng mong!

Trên đường đi Côn Đảo, 1930.

---

1. Theo luật của thực dân Pháp, người tù bị án khổ sai chung thân phải mang xiềng suốt trong thời gian ở tù.

2. Sông Vị, non Côi: Sông vị, non Côi thuộc tỉnh Nam Định, quê hương của tác giả.

CẢNH NHÀ TÙ CÔN ĐẢO KHI MỚI ĐẾN

Xa xa Côn Đảo cảnh nên thơ,
Đặt gót chân lên đã gớm chưa!
Ngục thất âm u sừng sững đứng.
Roi song tua tủa phũ phàng mưa!
Mênh mông sóng hận lưng trời thét,
Vi vút hồn oan đỉnh gió đưa,
Nặng trĩu xích xiềng chân vững bước,
Gian nan đã thấy tự bao giờ!

1930

*
* *

SAY

Mười mấy xuân xanh tôi đã say,
Say về lịch sử nước non này.
Say bà Trưng, Triệu giương cờ nghĩa,
Say cụ Phan, Hoàng đánh giặc Tây. [1]
Say Mác vạch ra đường lối tiến, [2]
Say Lê mang lại cuộc đời thay. [3]
Xà lim không sợ! Còn say nữa,
Say đến cờ hồng phấp phới bay!

1930

*
* *

1. Phan, Hoàng: Chỉ Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám.
2. Mác: Chỉ Các Mác.
3. Lê: Lênin.

TỰ HÀO

Trong ngục Côn Lôn vẫn tự hào!
Làm trai há sợ bước gian lao?
Phá tan xiềng xích đời tôi tớ,
Xây đắp non sông giọt máu đào!
Thân dẫu đọa đày, đời dẫu khổ,
Lòng càng son sắt, chí càng cao!
Trông lên trông xuống không hề thẹn,
Trong ngục Côn Lôn vẫn tự hào!

Côn Đảo, 1930

*
* *

HẬN

Vừa mới sinh ra đã hận rồi,
Hận vì non nước cảnh đầy vơi!
Hận quân đế quốc đè dân tộc,
Hận lũ vua quan bán giống nòi.
Hận bọn thổ hào xâm chiếm đất, [1]
Hận thằng tư bản chạy theo đuôi. [2]
Bây giờ lại hận tù Côn Đảo,
Chẳng lẽ non sông hận suốt đời!

Côn Đảo, 1930

*
* *

1. Chỉ bọn địa chủ, phong kiến.
2. Chỉ tư sản mại bản.

CẢNH XÀ LIM CÔN ĐẢO

I

Đế quốc giam ta mãi chốn này,
"Mả chôn người sống" phải chăng đây? [1]
Cửa lim nặng trĩu hai lần khóa,
Vách đá âm u bốn mặt vây.
Cùm sắt bao phen cưa thối cẳng,
Ba toong lắm trận quất què tay, [2]
Không quần, không áo, không chăn chiếu,
Sàn lạnh xi măng suốt tháng ngày!

II

Tháng ngày dằng dặc tháng ngày qua,
Cái cảnh cô đơn ta với ta.
Mỗi bữa cầm hơi cơm một nắm,
Cả ngày nhấp giọng nước lưng ca.
Ước ao ngọn gió không khe hở,
Khao khát mặt trời chẳng lối ra!
Chỉ một buồng tim sôi sục máu,
Làm trai bền chí quyết xông pha!

Xà lim Côn Đảo, 1930

*
* *

LÀM THƠ TRÊN CÙM

Ngoài hầm lác đác hạt mưa ngâu,
Rền rĩ đêm dài những tiếng sâu...
Trả lại cô đơn cho đế quốc,
Trên cùm thơ vẫn dệt từng câu!

Xà lim Côn Đảo, 1930

---

1. Mả chôn người sống: Xà lim Côn Đảo là một nhà hầm xây nổi, người tù đặt cho nó cái tên như trên.

2. Ba toong: Cái gậy, phiên âm tiếng Pháp.

NGHE CHIM HÓT

Tiếng chim ríu rít buổi ban mai,
Thổn thức lòng người án khổ sai!
Quý nhất tự do nay đã mất,
Trái tim vẫn gửi ở tương lai!

Xà lim Côn Đảo, 1930

*
*   *

NGƯỜI TÙ

Đầu trọc, chân không bám đất trời,
Màu chàm quần áo ngả sang tươi.
Người tù đeo số ngang trên ngực,
Vì nước tương lai vẫn sáng ngời!

Côn Đảo, 1930

*
*   *

HÔM NAY

Vì nước hôm nay nhốt ở đây,
Chân cùm tay xích suốt đêm ngày!
Đấu tranh trong chết tìm ra sống,
Cách mạng thành công cũng chẳng chầy!

Xà lim Côn Đảo, 1930

*
*   *

NGÀY MAI

Ngày mai cờ đỏ rực non sông,
Nợ nước thù nhà đã trả xong.
Không một trường thành ngăn cản nổi,
Con đường cộng sản rộng mênh mông!

Xà lim Côn Đảo, 1930

TRÔNG VỀ TƯƠNG LAI

Chân chốt trên cùm mắt vẫn trông,
Tương lai rạng rỡ của non sông.
Ngọn cờ độc lập bay toàn quốc,
Đất nước thanh bình có chủ ông!
Người thợ nắm quyền: dòng điện sáng,
Dân cày được ruộng: bát cơm bông!
Con đường cách mạng còn đi nữa,
Hạnh phúc ngàn năm cõi đại đồng!

Xà lim Côn Đảo, 1931

*
* *

Ở HẦM ĐÁ

Một năm trong tối ở hầm ra,
Vũ trụ quay cuồng trong mắt ta.
Co dúm đôi chân không nhấc nổi,
Nhưng lòng vẫn vững trước phong ba!

Côn Đảo, 1932

*
* *

ĐẬP ĐÁ

Mấy chục năm xưa cũng đảo này,
Tây Hồ đập đá ở nơi đây. [1]
Nay ta đập đá như người trước,
Bằng búa Lênin rất chắc tay!

Côn Đảo, 1932

1. Tây Hồ: chỉ nhà yêu nước Phan Chu Trinh.

KÉO GỖ

Rừng sâu vang dội tiếng "dô ta",
Tốp kéo người seo để lấy đà.
Bất gỗ cúi đầu lao xuống núi,
Đồng lòng sức mạnh ở đâu xa?

Côn Đảo, 1932

*
* *

GIẤC MƠ

Đêm qua trong giấc triền miên,
Thăm quê Ilích Lênin sáng ngời.
Nơi đây Cách mạng Tháng Mười,
Cờ hồng rực đỏ bầu trời Liên bang.
Đây Lêningrát vinh quang,
Biết bao sự việc vẻ vang Tháng Mười.
"Rạng Đông" tiếng súng qua rồi,
Nhưng còn vang mãi bóng người thủy quân!
"Mùa Đông cung điện" dừng chân,
Khen ai bắt sống những quân bịp đời!
Đâu đây văng vẳng những lời:
"Chính quyền", "Ruộng đất"... Đúng rồi Lênin!
Cõi trần lạc đến cảnh tiên,
Đã đi, đi hết thỏa nguyền ước mơ!
Này đây Hắc Hải năm xưa,
Gió reo còn tưởng quân thù thở than!
Này đây các nước Liên bang,
Các dân tộc sống ngang hàng anh em.
Ai ơi, đứng lại mà xem!
Này đây công đức Lênin đời đời!
Chính quyền Xô viết nơi nơi,
Công, nông, con ở, nay thời chủ ông!
Nhà máy, hầm mỏ, ruộng đồng,
Núi, sông, rừng, biển, của chung một nhà.

Người người áo ấm, cơm no,
Người người có đủ tự do con người!
Hỡi quân thống trị trên đời!
"Đường về La Mã", lỗi thời bay ơi!
Bánh xe lịch sử chuyển rồi,
Mốtxcu mới chính là nơi đường đời. [1]
Ban mai chuông vẫn đổ hồi,
Bài ca Quốc tế sục sôi tâm tình!
Bước chân vào điện Cẩm Linh, [2]
Cúi đầu tưởng nhớ Lênin tuyệt vời!
Phòng xưa đã vắng bóng Người,
Gặp đồng chí Xít mỉm cười đón tôi! [3]
Hai năm thực đã rõ mười,
Con đường Cách mạng Tháng Mười là đây!
Rượu ngon càng uống càng say,
Ra đi càng nhớ lấy ngày hôm nay!
Đã say thì phải thật say,
Đệ tam Quốc tế hẹn ngày đến thăm!
Tiếp người đồng chí xa xăm,
Cả ban Thường vụ ôm chầm hôn tôi.
Tình sâu dào dạt biển trời,
Nào lời thăm hỏi, nào lời khen chê!
Quà mang gánh nặng ra về,
Bệnh ấu trĩ, sách tên đề Lênin.

Từng mây bay bổng cánh chim,
Giã từ Xô viết, trời Nam trông vời!

Mơ màng trống trại đổ hồi,
Giật mình tỉnh dậy: chân đôi vòng cùm!
Bâng khuâng trong ngục Côn Lôn,
Lạnh lùng trong cảnh trần truồng xà lim!
Bởi vì chỉ một trái tim,
Bước theo Ilích Lênin thiên tài!

1. Mốtxcu: Chỉ Mátxcơva.
2. Điện Cẩm Linh: Điện Kremli, phiên theo âm Hán – Việt.
3. Xít: Xtalin.

Bước theo Cách mạng Tháng Mười,
Cờ hồng Non Nước họa bài đồng ca [1]
Con đường cách mạng không xa,
Việt Nam sẽ thắng như là Liên Xô.
Lanhtécnaxiônalơ,
Lênin vạn tuế ngọn cờ tiền phong!

Côn Đảo, Lao I, Xà lim số 12, tháng 1-1932

*
* *

NHỚ QUÊ

Văng vẳng đêm khuya tiếng tắc kè, [2]
Cảnh tù như gợi tấm lòng quê!
Non Côi, sông Vị bao lưu luyến!
Nghĩa mẹ, công cha những nặng nề.
Áo ấm quên sao đồng chí Ghẻ, [3]
Cơm no nhớ mãi cụ bà Vê. [4]
Trông vời đất Tổ tình lai láng,
Xin hẹn không lâu cũng sắp về!

Xà lim Côn Đảo, 1932

*
* *

1. Non Nước: Núi Non Nước ở thị xã Ninh Bình, nơi đây ngày 7-11-1929, tác giả đã cùng với liệt sĩ Lương Văn Tụy treo lá cờ đỏ búa liềm kỷ niệm lần thứ 12 Cách mạng Tháng Mười.

2. Ở Côn Đảo, trong những năm 30, nghe tiếng tắc kè kêu, anh em thường đùa và nhại lại: "Sắp về! Sắp về!".

3. Đồng chí Ghẻ: Đồng chí Nguyễn Văn Phúc, tức Cả Ghẻ, đã hy sinh.

4. Bà Vê: Bà cụ Vóc, gọi tắt là Vê để giữ bí mật, quê ở thị trấn Nho Quan (Ninh Bình) là cơ sở của cách mạng trước và sau năm 1930.

NHỚ MẸ

Côn Đảo phương trời đã bấy lâu,
Bồi hồi nhớ mẹ suốt đêm thâu.
Quê nhà, muôn dặm mòn con mắt,
Đất Tổ, ngàn năm bạc mái đầu!
Cái nghĩa công, nông là nghĩa nặng,
Mối tình mẫu tử cũng tình sâu!
Xà lim mượn gió xin thưa mẹ:
Cách mạng thành công chẳng muộn đâu!

Xà lim Côn Đảo, 1932

*
* *

CẤY

Lom khom cấy lúa ruộng bùn lầy,
Lòng thẳng không cần phải kéo dây!
Gian khổ xá chi mưa với nắng,
Bông vàng có lúc ắt về tay.

Côn Đảo, 1932

*
* *

QUÉT ĐƯỜNG

Tay chổi đưa nhanh khắp mặt đường,
Bao nhiêu rơm rác đẩy ra mương.
Những quân bán nước đều như rác,
Hố đã đào xong ở pháp trường!

Côn Đảo, 1932

*
* *

XE GẠCH

Đoàn tù xe gạch chạy như bay,
Hùng hổ theo sau một lũ Tây.
Đừng tưởng xây nhà là ở mãi,
Mai ta làm chủ ở nơi đây!

Côn Đảo, 1932

*

* *

XAY LÚA

Bốn cặp chân xiềng những cánh tay,
Quay tròn cối thóc một giằng xay.
Sao cho có gạo anh em sống.
Nuôi sức mai ngày đánh đuổi Tây!

Côn Đảo, 1933

*

* *

ĐƯỜNG XA GÁNH NẶNG

Gánh gạo trên vai mấy chục cân,
Trông vời Đất Dốc rảo đôi chân. [1]
Đường xa mỏi gối không chùn bước,
Khối nặng è lưng chẳng quản thân!
Rừng núi đón chào người chiến sĩ,
Cỏ hoa chờ đợi khách thi nhân.
Đỉnh cao chót vót nhìn đây đó,
Cái đích xa xa đã đến gần!

Côn Đảo, 1933

---

1. Đất Dốc: tên một Sở đốn cây cách nhà tù Côn Đảo khoảng mười cây số. Đường đi phải vượt qua rừng, núi, suối, đèo. Mỗi tuần, cứ đến sáng thứ bảy, một số tù từ Đất Dốc được cử về thị trấn Côn Lôn lĩnh lương thực và thực phẩm. Bài thơ tả cảnh lúc đi lĩnh gạo về, nhưng cũng ngụ ý nói lên con đường gian khổ của cách mạng với lòng tin tưởng ở tương lai.

SÀNG GẠO

Theo tay, thóc gạo chạy quanh sàng,
Gạo lọt còn trơ hạt thóc ngang.
Bởi gạo trơn tru qua được ải,
Con người có luyện mới thành gang!

Hầm xay lúa Côn Đảo, 1933

*
* *

VÁC GẠO

Vác cả non sông chẳng quản gì,
Dăm ba bao gạo có ra chi!
Trăm cân sừng sững trên vai đứng, [1]
Nặng trĩu chân xiềng vững bước đi!

Hầm xay lúa Côn Đảo, 1933

*
* *

GÁNH NƯỚC

Đôi thùng kĩu kịt gánh trên vai,
Vì nước vì dân há dám sai!
Tưới nữa cho cây mau kết quả,
Cho đời thấy rõ có ngày mai!

Côn Đảo, 1934

*
* *

1. Ở nhà tù Côn Đảo, nhiều người thích vác đứng bao gạo trên vai cho dễ đi hơn.

KHÓC ĐỒNG CHÍ LƯƠNG VĂN TỤY [1]

I

Em Tụy, ôi thôi, đã chết rồi!
Thương người chiến sĩ tuổi đôi mươi!
Kéo cờ Non Nước, hai còn một,
Viết báo Dân cày, một lẻ đôi. [2]
Quần chúng nức lòng như mở hội,
Quân thù tái mặt hết khua môi!
Ngàn năm sống mãi cùng Non Nước,
Man mác lòng anh góc biển trời!

II

Man mác lòng anh góc biển trời,
Nhớ em, khôn xiết tả nên lời!
Bức tranh Côn Đảo, bao hình ảnh, [3]
Miếng võ Mai Hoa nặng ý đời. [4]
Chí lớn dập vùi nơi sóng gió,
Đường xa khấp khểnh bước chông gai.
Tấm gương yêu nước treo kim cổ,
Tiếp bước em đi lớp lớp người!

Côn Đảo, 1934

*

* *

---

1. Lương Văn Tụy, quê ở xã Quỳnh Lưu, huyện Hoàng Long (Ninh Bình) là người đoàn viên Thanh niên Cộng sản đầu tiên của tỉnh Ninh Bình. Ngày 7-11-1929, Lương Văn Tụy đã cùng tác giả treo lá cờ đỏ trên núi Non Nước ở thị xã Ninh Bình để kỷ niệm lần thứ 12 Cách mạng Tháng Mười, sau đó Lương Văn Tụy bị bắt và bị đày ra Côn Đảo. Năm 1933, Lương Văn Tụy vượt ngục, trốn về đất liền, nhưng giữa biển, bè vỡ, đã hy sinh.

2. Cuối năm 1929, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình của Đảng Cộng sản Đông Dương xuất bản bí mật tờ báo *Dân cày* do hai đồng chí Hoan và Tụy phụ trách.

3. Lương Văn Tụy vừa biết vẽ vừa biết võ dân tộc. Trong nhà tù, đồng chí có vẽ bức tranh về Côn Đảo bằng mực tàu, và hay múa bài quyền Mai Hoa.

4. Như trên.

NHÂN CÁI CHẾT CỦA ANH BÌNH

TIỂU DẪN – Khoảng năm 1934, vì không chịu nổi chế độ hà khắc của nhà tù Côn Đảo, các anh Vũ Tiến Sự, Trần Bình, Doãn, Bướu đã tự vẫn. Bốn anh đều là đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng. Bài này phê phán tư tưởng tiêu cực của số người cách mạng quốc gia nói chung và bốn anh nói trên.

Hỡi ôi! Cái chết của anh Bình,
Cái chết sao mà chẳng chút vinh!
Các bạn hỏi nhau sao lại thế?
Vì đâu đến nỗi phải quyên sinh!

Có phải vì do nhớ mẹ già?
Nhớ người vợ trẻ ở xa xa...?
Những người cách mạng ai không cảm:
Có nước rồi sau mới có nhà?

Có phải vì do cảnh khổ đau?
Nhà tù, xiềng xích bấy nhiêu lâu...?
Con đường cách mạng đầy gai góc,
Gian khổ xưa nay vẫn bước đầu!

Quân thù chẳng chút mủi lòng thương,
Chúng lại tăng thêm sức bạo cường,
Chỉ có đấu tranh đòi cải thiện.
Mới làm khuất phục lũ vô lương.

Thất bại ta không chút nản lòng,
Tiến lên phấn đấu ắt thành công.
Ngọn trào cách mạng dâng cuồn cuộn,
Cuốn cả quân thù, cả xích gông!

Côn Đảo, 1934

ĐÓN XUÂN TRONG XÀ LIM

Ô hay, xuân đến bao giờ?
Tha cùm mới biết xuân vừa mới sang. [1]
Lòng ta chẳng khỏi xốn xang,
Sáu xuân là cả thời gian ngồi tù.
Giao thừa cảnh cũ năm xưa,
Hoa Đào, pháo nổ bây giờ còn đâu?
Chuông chùa vắng tiếng bấy lâu,
Trống tù chợt điểm tưởng đâu trống đình!
Còn đâu hình ảnh thân tình,
Mẹ già xông đất với cành lộc ngâu!
Giờ đây trời, biển một màu,
Gió hòa với sóng trên đầu véo von!
Ca cơm, miếng thịt cỏn con, [2]
Đón xuân rồi cũng chẳng còn nữa xuân!
Mai đây cùm lại chốt chân,
Vẫn hầm kín mít, vẫn quân bạo tàn!
Vẫn cơm trộn muối khô khan. [3]
Vẫn ba toong gộc, vẫn bàn tay beo. [4]
Tháng ngày dằng dặc tiếp theo,
Xuân qua xuân lại đã nhiều gian nan.
Ngày xuân ngắn ngủi tấc gang,
Tuổi xuân chẳng để thời gian xóa nhòa!
Những mong xuân khắp mọi nhà,
Nước non rạng rỡ nở hoa bốn mùa!
Đón xuân bằng mấy vần thơ,
Đón xuân với cả ước mơ con người.
Xuân ơi, ta hẹn một lời:
Cờ hồng có lúc rợp trời đón xuân!

Côn Đảo, Tết Ất Hợi (1935)

---

1. Ở xà lim Côn Đảo, người tù bị cùm hai chân suốt cả năm, chỉ được tha cùm trong ba ngày Tết Âm lịch, và một ngày trong dịp Quốc khánh Pháp (14-7). Nằm lâu trong xà lim, không được tiếp xúc với bên ngoài, họ thường quên ngày tháng, nhất là ngày tháng Âm lịch.

2. Cũng theo chế độ nhà tù Côn Đảo, mỗi năm người tù chỉ được ăn thịt lợn và thịt trâu bò già vào dịp Tết ta và ngày Quốc khánh Pháp (14-7).

3. Những người bị phạt giam xà lim, cứ mỗi tháng ăn cơm với muối 15 ngày.

4. Ý nói bàn tay hung ác của bọn chúa ngục.

TẾT Ở CÔN ĐẢO

TIỂU DẪN – Hai bài thơ dưới đây tác giả lâm ở nhà tù Côn Đảo. Bài thứ nhất làm vào dịp Tết Nguyên đán Tân Mùi (1931), khi chưa có Chi bộ Đảng. Bài thứ hai làm vào dịp Tết Bính Tý (1936) là Tết đầu tiên ở Côn Đảo, địch đã phải chịu nhượng bộ để anh em tù chính trị tổ chức Tết. Có cuộc đấu tranh đó là nhờ có sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng ở Côn Đảo. Bởi sự liên hệ như vậy, chúng tôi xếp liền hai bài thơ Tết này để bạn đọc tiện việc nghiên cứu.

I

Nhà tù Côn Đảo buổi xuân sang.
Muôn trái tim căm lũ bạo tàn!
Chúc Tết: mưa roi đàn quỷ trút,
Đón xuân: nổi nhạc, nhịp xiềng vang!
Ca cơm sạn sỏi nhai thêm những...
Miếng thịt cao su nuốt lại càng...
Gian khổ sá chi đời cách mạng,
Còn xuân ắt hẳn có vinh quang!

Côn Đảo, 1931

II

Nhà tù Côn Đảo Tết năm nay,
Chẳng rượu Phôngten cũng thấy say! [1]
Tiệc kẹo đón xuân ba dãy chiếu,
Mét tinh nổ pháo một tràng tay.
Quảng Châu kịch nói: anh em thú, [2]
Quốc tế ca vang: lũ quỷ cay!
Thắng lợi đấu tranh là thế đấy,
Van xin đế quốc, có ăn mày! [3]

Côn Đảo, 1936

---

1. Rượu Phôngten: Tên một hãng nấu rượu độc quyền của tư bản Pháp ở nước ta hồi ấy.

2. Quảng Châu: Chỉ vở kịch do anh em tự biên tự diễn, tả lại cuộc khởi nghĩa ở Quảng Châu (Trung Quốc) năm 1927.

3. Ngụ ý đả kích bọn phản động Việt Nam Quốc dân đảng; bọn này chống lại cuộc đấu tranh trong nhà lao, và chủ trương xin xỏ quân thù.

RA VỀ NHỚ BẠN

Bấy lâu chung khám, chung banh, [1]
Chung cơm gạo lứt, chung canh dền già.
Chung nhau thùng nước, chiếc ca,
Chung nhau đến cả xó nhà, chiếu manh.
Chung nhau hàng ngũ điểm danh. [2]
Chung nhau xe đá xây banh, xây cầu.
Chung nhau bốc vác bến tàu,
Chung nhau cối thóc hai đầu giằng xay. [3]
Chung nhau hầm tối đọa đày,
Chung nhau bụng rỗng những ngày hò la. [4]
Chung nhau một sợi xiềng tra,
Chung nhau lý tưởng cao xa con người.
Chung nhau lẽ sống cuộc đời,
Chung nhau theo gót thiên tài Mác – Lê...
Bây giờ kẻ ở người về,
Con tàu rẽ nước bốn bề sóng reo.
Côn Lôn phủ đám mây chiều,
Ngoảnh nhìn trở lại bao nhiêu tâm tình:
Thương người nằm dưới cỏ xanh,
Xương tàn luống để gia đình ngóng trông.
Mai sau những khách sang sông,
Hỏi ai, ai có nhớ không người chèo?
Ngậm ngùi cây cỏ Hàng Keo, [5]
Hận thù càng bốc ngọn triều càng dâng!
Đường về chẳng khỏi bâng khuâng,
Tình sâu nghĩa nặng một vầng trăng sao.
Nhớ người ở lại trong lao,
Chia tay lòng những dạt dào niềm riêng.

---

1. Khám: Phòng giam. Banh: Trại giam.
2. Điểm danh: Gọi số tù của mỗi người đi làm công việc khổ sai hàng ngày.
3. Giằng xay: Chỉ việc hai người vừa bị xiềng vừa phải xay lúa.
4. Ý nói những cuộc đấu tranh tuyệt thực và hò la đòi cải thiện chế độ nhà tù.
5. Hàng Keo: Chỉ nghĩa trang dành riêng cho người tù, xung quanh có trồng cây Keo, do đó, anh em tù gọi là nghĩa trang Hàng Keo (nay gọi là Hàng Dương).

Dặn nhau nghĩa vụ thiêng liêng,
Kẻ về người ở vẹn tuyền cả đôi.
Côn Lôn chìm đắm chân trời,
Nhưng còn vọng lại những lời núi sông!
Thương ai ấp ủ trong lòng,
Nhớ ai, ta hát bài *Hồng quân ca.* [1]

Trên biển Côn Đảo, Sài Gòn, 7-1936

*

1. Bài hát "Cùng nhau đi Hồng binh..." của đồng chí Đinh Nhu, một chiến sĩ cộng sản quê ở Hải Phòng, đã hy sinh.

CÔN LÔN
(POULO CONDORE)

TIỂU DẪN – Năm 1936, một phần do thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp, số đông tù chính trị được trả tự do, nhưng một số ít vẫn bị giữ lại ở nhiều nhà tù trong nước. Đảng ta chủ trương mở một cuộc vận động sâu rộng dưới mọi hình thức đòi thực hiện triệt để toàn xá. Bài viết này của đồng chí Kính Trắng (Nguyễn văn Hoan) cũng nhằm phục vụ yêu cầu nói trên. Hồi ấy, vì chế độ kiểm duyệt khắt khe của thực dân Pháp, bản tiếng Việt không được đăng trên các báo tiếng Việt. Báo *Le Travail (Lao động)* số 10 và 11 tháng 11–1936 đăng bài này bằng tiếng Pháp, do đồng chí Phan Tử Nghĩa dịch. Hiện nay mấy số báo này lưu ở Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam: bản tiếng Việt cũ thất lạc, đây là bản dịch mới.

Kính tặng những người bạn tù của chúng tôi, già và trẻ, đã chết hay còn sống, kính tặng những người đã từ đó trở về, những người vẫn còn rên xiết ở nơi ấy.
Trang báo này, được viết nên bằng máu và nước mắt, bằng những nỗi lo âu, những tiếng thở dài, bằng những nỗi đau đớn, những niềm hy vọng của họ, và nhất là bằng nhiệt tình chiến đấu bao giờ cũng hăng hái, không bao giờ chịu bại... [1]

CÔN LÔN, ĐỊA NGỤC TRẦN GIAN

Những hòn đảo

Côn Lôn là tên trỏ một hệ thống đảo nhỏ rải rác ở biển Đông, phía Đông Nam bờ biển Nam Bộ. Ngoài đảo chính – Côn Lôn – nó còn gồm một nhóm đảo: Hòn Cau, Bãi Cạnh, Hòn Bông Lang, Hòn Trác nhỏ, Hòn Trác lớn, Hòn Tài, Hòn Bà, Hòn tre lớn, Hòn tre nhỏ v.v...

Từ phía biển nhìn vào, quần đảo này chẳng có gì ghê gớm, thậm chí còn có vẻ đẹp và hấp dẫn nữa là khác. Trên cái nền mênh mông vô tận một màu xanh trong, dưới một bầu trời quang đãng, trên một dải nước trắng nhờ nhờ uốn lượn, người ta trông thấy nổi lên một hệ

1. Lời đề tặng của Tòa soạn báo *Le Travail (Lao động)*.

thống những hòn đảo nhỏ màu lục biếc, hình thù lạ lùng và toàn bộ quần đảo đó, trong cái viễn cảnh mơ hồ và sâu thẳm, thấp thoáng hiện lên bóng dáng một chiếc ngai bồng bềnh giữa làn nước. Tuy nhiên, quang cảnh bên trong thì thật đáng chán. Chỉ toàn những dải cát hẹp, chạy dài, khô cằn, những ngọn đồi trơ trụi có những bụi cây gầy guộc một màu xanh sẫm không che lấy nổi màu đỏ kệch của những tảng đá khổng lồ, trơ trụi. Đây đó, những khóm cây còm nhom đang tàn héo. Cỏ mọc lưa thưa cằn cỗi, nửa xanh nửa vàng lan trên một mảng đất bạc màu. Vẻ khắc khổ của nơi đây lại càng đậm nét thêm trên những bức tường âm u của một nhà tù đơn độc, nhà tù khủng khiếp nhất trên toàn cõi Đông Dương. Tiếng gào thét của những con sóng đồ sộ đánh vào các tảng đá, bọt trắng bắn tung tóe, ghê rợn càng làm tăng thêm vẻ thê lương. Rừng rú chiếm 9/10 diện tích hòn đảo địa ngục này.

Vua Gia Long đã nhượng toàn bộ quần đảo này cho nước Pháp vào cuối thế kỷ XVIII. Một thời gian dài những người dân Nam Kỳ đã ra sinh sống ở đây. Nhiều tên đất, tên làng ghi lại lịch sử của một thời chưa xa mấy: một ngôi chùa – chùa Thổ – ghi lại tên tuổi một vị phật đã bị lãng quên. Một ngọn núi còn mang tên Núi Chúa. Các làng có tên là An Hải, An Tường, một con suối vẫn còn được gọi là suối Bà Hạp. Sau khi bị người Pháp chiếm cứ, dân ở đảo đã buộc phải trở về đất liền và hòn đảo trở thành nơi tù đày nổi tiếng với cái tên Côn Lôn.

Phía sau hòn đảo này, trước mặt các hòn đảo nhỏ Hòn Tài và Bãi Cạnh, trên một dải đất hẹp chạy dọc bờ biển, diện tích khoảng 0,200 km2, có một vài ngôi nhà trắng, lợp ngói đỏ hoặc lợp tôn, và nghe có tiếng còi rền rĩ hoặc tiếng búa nện choang choang lên đe: đó là trung tâm của Côn Lôn. Chỉ có vài phố, mang những tên như bến Anđua (Andouart), phố các Công sở, phố Mátxari (massarie), phố Maria Đátxu (Maria d'Assous). Một phong cách kiến trúc âm u, hỗn loạn, tạp nham và dã man thể hiện rõ sự lo lắng ghê gớm của một chế độ thực dân đang run rẩy ngay tận trong nền móng của nó. Các công sở gồm có dinh Giám Đốc, phòng làm việc của Ban Giám đốc, Kho bạc, trại lính mang tên Galiêni (Galliéni), Sở Bưu Điện, Sở Dây thép gió, [1] Nhà Thương, Nhà chủ ngục v.v... Tất cả các tòa nhà đó đều có đèn điện, vườn có trồng hoa. Bọn "ma tà" mỗi đứa có một căn phòng riêng, thấp và tối, trong một trại lớn không cây, không vườn.

1. Nay gọi là vô tuyến điện báo.

Có bốn cửa hàng phục vụ đám người đó: hai là của người Việt Nam và hai là của người Hoa kiều.

Cuối cùng, đa số dân chúng của đảo là những người tù, khoảng chừng 2000, bị nhốt trong ba nhà ngục khác nhau, nhà ngục số III vừa mới được hoàn thành năm 1935.

Những người bị án khổ sai được chia vào nhiều trại: những người đánh cá vào Sở lưới, những người thợ rèn, thợ nguội v.v... vào Sở bản chế, hoặc Sở rẫy ông Lớn. Ngoài ra còn có những "kíp" chăn bò trong Sở chuồng bò, bốn kíp đốn củi, hai "kíp" làm vườn, một lò gạch, một chuồng nuôi lợn và một lò đốt than...

Một số "kíp" khác làm việc bên ngoài, tại các Sở: đục đá, nấu muối, đốn củi, sửa đường, đốn cây, làm ruộng, các lò vôi, Sở dẫy săng đá [1] v.v...

Tù chính trị bị kết án cấm cố hoặc phát lưu hoặc phóng trục đều bị giam ở "banh" (trại) số II. Ngày 15 tháng 10 năm nay, có khoảng 400 tù chính trị.

Những người bị án khổ sai hoặc bị án giam thường được chia thành những "kíp" làm trong các loại công việc khác nhau, giam ở "banh" (trại) số I.

Chúng tôi bị đày ra nơi đây vào một đêm hè, năm 1930. Đoàn tù chúng tôi tới đây ngày 22 tháng 6, vào khoảng 21 giờ. Bọn "ma tà" đón chúng tôi ở bến tàu, miệng la hét: "A, những thằng chó chết ở Yên Bái đây! Rồi chúng mày sẽ biết tay ông!...". Sau đó bọn gác ngục, bọn lính người Pháp giải chúng tôi, bốn người một, chân bị xiềng, và đưa chúng tôi đến "banh" số II. Chúng nhốt chúng tôi 90 người vào một buồng giam.

Cách đây 20 năm

Phần lớn anh em chúng tôi bị đày ra Côn Lôn từ 1929. Khi tới nơi, chúng tôi gặp một vài tay kỳ cựu là tù chính trị hoặc thường phạm: người Hoa kiều Voòng A Đức đã sống ở đây 27 năm; A Bội, một Hoa kiều khác đã sống ở đây 28 năm; Phó Vụ 32 năm, Già Viễn 37 năm. Họ đã thấy nhiều tên Giám đốc thay chân nhau thống trị đảo như Anđua, Bétna (Bernard), Lămbe (Lambert)..., đó chỉ là kể ra mấy tên chính.

Theo lời những người đã sống sót này, chế độ ở đảo xưa kia còn

1. Vườn trồng rau của quân đội thực dân.

hà khắc hơn hồi 1929 rất nhiều (trong những chương dưới đây bạn đọc sẽ được biết chi tiết chế độ mà chúng tôi đã phải chịu đựng hồi 1929). Họ đã phải sống bằng gạo đỏ loại xấu nhất, đã mốc meo từ lâu, cơm không đủ, họ phải ăn đu đủ xanh, nõn chuối rừng. Lúc nghỉ cũng như khi đi làm "cỏ vê" [1] lúc nào chân họ cũng bị xiềng, lại đèo thêm một quả tạ bằng sắt rất nặng tới 10 ký. Bị xiềng như vậy, khi đi làm họ vẫn buộc phải đi cho nhanh, vừa chạy vừa đẩy những xe bò chở đầy gạch, đá hay củi gỗ. Hơi chểnh mảng một chút là người tù bị đánh đập tàn nhẫn: roi song, ba toong quật xuống đầu, xuống người anh ta như mưa. Họ phải kéo những chiếc xe chở đá từ tít trên đồi Ma Thiên Lãnh về nhà ngục hoặc những xe chở đá san hô, lấy từ dưới biển lên. Cái mà bây giờ người ta gọi là đàn áp, xưa kia vô cùng tàn khốc. Bọn gác ngục, bọn "ma tà" có quyền giết tù với cái cớ là người tù đã "tìm cách" vượt ngục. Chỉ cần hạ thủ người tù, cắt tai anh ta đem trình Giám đốc đảo là được thưởng ngay 10 đồng. Do đó bọn đội Thạc, Sum v.v... đã lợi dụng sự khờ khạo của những người tù mới để giết họ lĩnh tiền thưởng của "đảo". Một ngày nào đó, chúng chọn trong đoàn tù dài dằng dặc, một người tù ngờ nghệch và bảo anh ta rằng: "Này chú em, chú chịu khó chạy lên trên đồi kia lấy cho tớ vài lá bứa, trưa nay tớ sẽ dành cho chú em một bát canh rau ngon!". Người tù mới chẳng hay biết gì hết, vội tưởng làm thế sẽ lấy lòng tên "ma tà". Nhưng anh ta chạy chưa được mười bước, thì đã trúng đạn lăn ra chết. Tên sát nhân đem tai của người tù về và lĩnh 10 đồng với những lời khen nhiệt liệt của Chúa đảo. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sự lạm dụng biện pháp này lọt đến tai các nhà chức tránh bản xứ và khiến chúng cũng phải lo ngại, nên tiền thưởng đó đã bị bãi bỏ được mười lăm năm nay rồi.

Một chế độ như vậy thỉnh thoảng lại gây ra những vụ chống đối, phản kháng; những cuộc bạo loạn, bao giờ cũng bị đàn áp khốc liệt, đẫm máu. Chẳng hạn tù nhân Sửu Nhỏ dùng súng ngắn bắn chết tên Giám đốc Andua, anh Đức đã đánh tên gác ngục Sốtsidie (Chaussidière). Tên gác ngục Arun (Aroul) cũng bị tù nhân Giáp đánh trọng thương, tên Quản Điển bị tù nhân Nam giết chết. Nếu kể ra hết tất cả các vụ mưu sát, những vụ giết những tên cai tù chọn ngay trong đám tù thì bản liệt kê sẽ là vô tận, vậy mà chế độ đối xử với tù có thay đổi gì mấy đâu?

1. Làm tạp dịch.

CHẾ ĐỘ

A. Khổ sai

Khai thác đá. Sau trận bão ngày 5 –11–1930, các nhà ngục đều đổ sụp. Tại nhà máy điện, chuồng bò, nhà thương hủi có hàng mấy trăm người bị thương. Ở nhà hầm III xay lúa của "banh" số I có ba người chết. Nhà giam của Sở lưới đổ làm chết 75 mạng. Cần chú ý là giữa lúc bão to nhất, người ta cũng không hề nghĩ đến việc mở cửa các khám giam đưa tù nhân ra ngoài.

Sau cơn bão, phải sửa sang, xây dựng lại nhiều nhà ngục. Tù bị đưa đi lấy đá ở núi Chúa. Năm 1932, họ lại bị đưa đi một lần thứ hai khi cần sửa các cầu tàu của đảo. Một "kíp" 40 tù làm việc suốt ngày không được nghỉ dưới sự chỉ huy của tên Gácniê (Garnier), tên quản Tuy, tên cai (cập rằng) Nam Sanh số tù 5166. Mìn nổ liên tục không ngớt. Cứ mỗi xe goòng có 4 người đẩy. Họ phải chuyển một mét khối đá đi xa hơn 1,8 km. Họ phải đẩy như vậy buổi sáng bốn chuyến xe, buổi chiều ba. Họ phải chạy hết tốc lực dưới gậy của bọn cai, lúc nào cũng giơ lên sẵn sàng giáng xuống đầu họ. Tháng 9–1932, tên Chúa ngục bắt tù đi lấy đá dưới chân một hòn núi đá. Bỗng một tảng đá to chừng 300 mét khối, bị lở chân, rơi xuống. Ba tù chính trị và hai tù thường chết. Nhiều người bị thương và đồng chí Găng gãy chân. Sau tai nạn này đã phải đưa hàng trăm tù đi moi xác những nạn nhân, mỗi xác để trên một xe goòng riêng. Chúng tôi đã được nhìn thấy những xác chết đó. Xác nào cũng mất một chân một tay. Thịt da tả tơi, xương gãy lòi qua da, máu chảy ròng ròng. Lý Ấu Xuân tội nghiệp bị vỡ đầu, chân phải và cánh tay phải mất đâu không tìm thấy.

Ngày hôm sau, báo cáo được thảo ra, gửi cho Thống đốc Nam Kỳ: "Một tảng đá đổ xuống làm năm người chết". Người khai tử là tên Giám đốc Buviê (Bonvier), có hai người làm chứng: tên gác ngục Gácniê và tên quản Tuy. Những người chết được đem chôn!

Đốn gỗ. Một kíp người lang thang nay đây mai đó, tới những nơi nào có rừng là cắm trại. Cây bắt đầu thưa thớt là họ lại bỏ đi nơi khác. Từ 1929 đến 1936, họ đã lần lượt lao động tại Đất Dốc, Đá Trắng, Bãi Bàng, Ông Lân. Năm 1930, 1931 và 1932, họ làm việc dưới sự chỉ huy của tên "ma tà" Giáp số 42 và tên "cập rằng" (cai) Nhứt.

Mỗi kíp gồm 70 tù chia làm hai toán. Người thì đẵn gỗ, người thì kéo gỗ. Số người đẵn gỗ là 15 và mỗi ngày ít ra phải đốn được một cây có đường kính 0,80 mét. Lại còn phải róc vỏ, đẽo nhẵn nhụi, làm thành khúc cho dễ kéo. Để hoàn thành nhiệm vụ, họ phải làm việc từ 5 giờ rưỡi sáng cho đến 5 giờ rưỡi chiều. Những người được cắt vào công việc kéo gỗ cũng vậy, cứ 5 giờ sáng theo tiếng mõ lệnh đã phải dậy rồi. Sau khi điểm danh họ phải đi kéo, xe các cây gỗ đã đốn. Đến 10 giờ rưỡi thì được nghỉ nấu cơm. Đến một giờ, công việc lại tiếp tục và chỉ dừng lại khi trời tối sập, khoảng sáu giờ rưỡi. Mỗi ngày mỗi người tù được phát hai ca cơm gạo đỏ và một hay hai con cá khô bé bằng ngón tay út; gạo được nửa ký. Người ta phải tự thổi cơm lấy vào giờ nghỉ. Ác một nỗi là ở bờ biển, trên sườn đồi, sườn núi đá, những cái bếp tạm bợ đó luôn luôn bị gió ngoài khơi thổi vào đánh bạt ngọn lửa. Cơm thường dở chín dở sống, nhưng cũng cứ phải cố nuốt lấy được. Khốn khổ là suất ăn không bao giờ đủ, chúng tôi phải đi bới củ ráy, củ nứa rừng – ăn rất ngứa và rát cổ – đem trộn vào cơm "cho đầy dạ dày để có sức làm việc". Việc kéo gỗ luôn luôn nguy hiểm chết người. Trên một con đường dốc đứng, lởm chởm đá, gai góc, dưới trời mưa, dưới cái nóng nung nấu, chân tay xây xát, ê ẩm, chúng tôi phải kéo những cây vừa mới đốn xong. Chúng tôi phải cởi trần truồng để làm việc vì sáu tháng người ta mới phát cho chúng tôi một chiếc áo và một cái quần bằng vải thô màu xanh. Phải để dành những áo quần đó để mặc những đêm trời mưa, chờ cho đến khi có "bộ cánh" mới. Hằng ngày chúng tôi phải kéo những thân cây to nhỏ khác nhau từ rừng ra đến bờ biển. Mỗi kíp phải kéo năm cây gỗ nếu là cây to, tám chín cây nếu là cỡ trung bình. Rồi còn phải đóng thành bè, phải có dây song to cột lại. Mỗi người tù phải nộp 60 đoạn song róc bỏ lá, gai, chẻ thành sợi mây, mỗi sợi dài 6m. Từ sáng sớm, họ đã phải dậy, đem gạo theo, đi vào rừng. Ai mà chiều về không đủ 60 đoạn song đã quy định thì, tai họa đến ngay! Bọn "ma tà" liền cho người đó một trận bằng roi "gân bò" hoặc báng súng.

Ngày hôm sau, từ tờ mờ sáng, bắt tay vào đóng bè. Các cây gỗ được kéo ra bờ biển từ hôm trước, bị thủy triều đẩy giạt tới chân núi đá. Chúng tôi lại phải kéo từng cây ra bờ biển. Vào tháng 7, tháng 8 trời mưa như trút, ròng rã một ngày và các cây gỗ luôn luôn bị thủy triều dâng lên đánh tan tác, nên chúng tôi phải làm lại công việc đó nhiều lần. Chúng tôi đói, chúng tôi rét. Đến 12 giờ rưỡi trưa, chúng tôi quay lên ăn cơm rồi đến 12 giờ 50 lại trở lại làm việc. Đến 8 giờ

tối, chúng tôi rời khỏi nơi làm việc để đi thổi cơm tối. Đến 11 giờ đêm mới được ăn. Tới nửa đêm thì cứ mỗi bè gỗ có 4 người chèo, 5 người đẩy ven theo bờ biển trở về Sở Bản chế. Ở đó, tên "xếp" Đuybăng (Durban) kiểm tra gỗ. Trên bờ biển, rải rác những mảnh gỗ vụn, vẩy cá, vỏ sò, vỏ ốc sắc, cứa chân cẳng chúng tôi, chảy máu. Một tối, ngày 27-8-1931, chúng tôi phải đưa một bè gỗ về, có tên "ma tà" Giáp số 42, đi kèm. Chúng tôi ra sức chèo, đẩy, bỗng một luồng gió xô một con sóng rất lớn, lật bè, xô bè vào một tảng đá vỡ tan. Hoàn toàn do may mắn mà chúng tôi thoát chết. Quần áo chúng tôi bị sóng cuốn đi mất hết. Chúng tôi phải tránh lên bờ, thức suốt đêm trên một tảng đá, trần truồng, rét run cầm cập. Ngày hôm sau, tên cai Nhứt chạy đi báo với "xếp" của nó. Đến 4 giờ rưỡi sáng, tên "ma tà" Giáp cầm gậy đi đến, đánh đập chúng tôi tàn nhẫn vì không cứu được bè gỗ. Chúng tôi phản đối. Do ba bè gỗ khác cũng bị sóng đánh tan, nó mới thôi không đánh chúng tôi nữa, nhưng bắt chúng tôi phải làm một bè khác thay thế. Phải bắt tay vào việc ngay lập tức. Nhưng chúng tôi đói, khát, mệt lử. Chúng tôi đành phải khoanh tay chịu và đấu tranh bãi công. Tên "ma tà" bèn bắt đi hai người trong chúng tôi là Đỗ Hữu Vân số 5249 và Nguyễn Văn Hoan số 5246 mà nó cho là cầm đầu. Nó bắt hai người nằm ra, hai chân tra vào cùm, đầu lộn xuống dưới và cứ thế nó đánh họ một trận rất tàn nhẫn. Sau một ngày cực hình, hai người đã tìm cách trốn được về nơi đặt bàn giấy của Chúa ngục. Họ trình bày "ca" [1] của họ, nhưng chúng không thèm nghe. Theo báo cáo của tên "ma tà" Giáp, bị buộc tội tìm cách vượt ngục, họ đã bị nhốt 30 ngày trong hầm tối và lại bị tên Chúa ngục Pherăngđini (Ferrandini) cùng các tên tay sai của nó là Vaya (Vaillard), Sốtxiđie (Chaussidière), Béctiốt (Berthillod) và "mà ta" Giáp đánh đập rất ác liệt.

Về phần chúng tôi, chúng tôi lại phải bắt tay vào việc và nộp đủ số bè cho tên chủ Sở Bản chế vào ngày hôm sau.

Mỗi tháng, mỗi "kíp" phải nộp hai chuyến gỗ, gồm 3 hoặc 4 bè, mỗi bè có từ 35 đến 40 cây.

Đốn củi. Tại chuồng bò, có 4 tốp đốn củi. Củi này dùng cho các bếp của các nhà tù, các lò nung vôi, các lò gạch, nhà máy điện và xưởng cưa v.v...

1. Trường hợp.

Để làm than củi, các nhà tù phải chọn những loại gỗ chắc như bông xanh, thị, xăng đá v.v... Trước khi nộp cho xưởng cưa và nhà máy đèn, củi phải được bổ sẵn.

Mỗi "kíp" có một "ma tà", một "cập rằng" cai quản. Người tù làm khoán và mỗi ngày nộp một mét khối củi.

Chúng tôi tới nơi đây vào một ngày tháng 10, năm 1931. Sau khi ghi tên vào sổ tù, người ta nhốt chúng tôi vào một gian phòng dài 15 mét, rộng 6m, có cửa sổ có chấn song sắt, mỗi cửa sổ rộng 50cm cao 80cm. Chúng tôi có 120 người tất cả. Đêm đến ngủ chồng chất lên nhau. Mỗi lần có ai đi đại tiểu tiện là phải giẫm lên người các bạn của mình đang nằm chen chúc nhau, hỗn độn trên sàn. Chúng tôi phải tự kiếm ca, đũa và một ống bơ để đựng cơm và đồ ăn được phát. Những người tù kỳ cựu khi thấy chúng tôi tới, kêu lên: "Trời ơi! Sức vóc thế kia thì làm việc ở đây thế nào được?". Về sau họ cho chúng tôi biết đốn củi là công việc cực nhọc nhất, nhiều người tù đã phải tự chặt chân, chặt tay để được thay thế; bọn "ma tà" ở đây dã man nhất đảo và sau hết ai không nộp đủ số củi đã định hàng ngày sẽ bị hành hạ và nhốt vào hầm tối lập tức... Cả đêm đầu tiên, chúng tôi run sợ trước một tương lai hãi hùng.

Hôm sau khoảng 5 giờ, tên đội Bề đến mở cửa quát: "Đi ra!" Chúng tôi bị chia thành từng "kíp", mỗi "kíp" 7,8 người. Bọn "ma tà" và bọn cai "kíp" ghi tên, ghi số tù chúng tôi vào sổ tay. Rồi phát cho chúng tôi mỗi người một cái búa không cán. Sau đó, chúng dẫn chúng tôi đến núi An Hải, cách thị trấn Côn Lôn của đảo 3km. Trước hết, chúng tôi mất gần một ngày trời để làm cán búa. Rồi đốn củi. Đến 10 giờ, theo kiểng tù và, chúng tôi trở về nhận suất cơm gạo đỏ. Cơm dở sống dở chín, cá khô thì thậm chí sống nguyên. Rồi lại làm việc. Những ngày đầu, chúng tôi mỗi người không nộp nổi 0,200m khối củi. Bọn "ma tà" tỏ ra rộng rãi. Nhưng chẳng bao lâu chúng dứt khoát đòi mỗi người chúng tôi phải nộp $1m^3$ củi một ngày. Ai không đạt mức đó lập tức bị tên "ma tà" Kiều số 1 trói lại và đánh đập ngay. Tên "ma tà" số 1 này nổi tiếng là một quỷ ác của nhà tù. Độc giả trước hết cần phải có một ý niệm rõ ràng về công việc đốn củi ở Côn Đảo. Trên đảo có nhiều rừng, nhưng lại ít gỗ kể từ sau trận bão ngày 5 tháng 11 đã làm đổ hết cây lớn cây nhỏ. Những năm sau đó, chỉ còn thu nhặt được những cây còn sót lại. Muốn có một bó củi, phải leo lên đỉnh núi, băng qua các bụi rậm, đi vào các khe sâu để đem bó củi về

chỗ tên "ma tà" đứng canh, lại phải mất hàng mấy giờ nữa. Ở đâu cũng vậy, do công việc của chúng tôi, chúng tôi phải cởi trần truồng vì bị gai góc cào xé. Khi trời mưa đường trơn tuột ngã có thể chết người. Lại còn con vắt, con muỗi, con ong đốt và rắn độc cắn. Đặc biệt có một loại "móc" lông bám chặt vào da gây ngứa kinh khủng. Những ròng rọc dùng thả củi từ trên cao xuống nặng tới 15kg. Bất cứ lúc nào chúng cũng có thể rơi xuống đầu người tù. Đầu năm 1931, viên Thanh tra thuộc địa, do Chính phủ thuộc địa cử đến đã trông thấy người tù số 1007 tên là Tâm bị các ròng rọc đó quật tử thương.

Mỗi ngày 10 "kíp" tù phải cung cấp $100m^3$ gỗ, mỗi mét khối giá 0,8 đồng.

Lấy đá san hô. Đây là một thứ đá vôi không phải loại san hô người ta vẫn dùng để làm vòng đeo tay và hoa tai. Ở một số nơi, loại đá này rải đầy đáy biển, hòn to hòn nhỏ đủ các cỡ. Hình thù của nó rất kỳ dị, khi thì tròn như cái mũ hoặc như nắm đấm, khi thì lởm chởm gai nhọn như "sừng hươu, sừng nai". Có hai mùa lấy đá san hô, và tùy theo nước triều lên xuống, những người tù rời nhà giam vào buổi chiều lúc 1, 2 giờ hoặc buổi tối lúc 11, 12 giờ. Tháng tháng bắt đầu từ ngày 24, một "kíp" 80 tù khổ sai được lấy đi làm công việc cực nhọc vất vả này, dưới sự chỉ huy của 3 "ma tà" và 2 hay 3 tên cai tù. Trên hai xà lan dành riêng cho công việc này, chúng tôi phải chở cả một bộ dụng cụ nặng nề và cồng kềnh: hai cây đòn xeo to, sáu cây đòn xeo nhỏ,[1] 3 cuộn dây thừng bằng gai bện, 4 xàbeng, 20 cuốc chim, 60 giỏ mây. Nếu là ban đêm thì lại còn phải thêm 70 bó đuốc làm bằng vỏ cây chai. Chúng tôi ra xa bờ từ hai đến 3km và thả neo ở những chỗ đã định. Ngay từ khi rời bờ, tất cả các tù khổ sai đều phải hoàn toàn trần truồng. Theo lệnh của "ma tà", họ phải lập tức nhảy xuống nước lạnh và sâu. Nước lên tới ngực, có khi tới cổ họ. Và bọn "ma tà" dùng gậy gộc buộc chúng tôi phải ra sức làm việc. Dưới ánh sáng yếu ớt của 3,4 ngọn đuốc, chúng tôi chậm chạp di chuyển trên một cái nền gập ghềnh và nguy hiểm để tìm các tảng san hô. Chân chúng tôi rách nát vì các mảnh đá nhọn và sắc, trượt trên những tảng đá đầy rêu, giẫm lên những con đỉa biển lầy nhầy, những con chuôm chuôm đầy gai, vừa bị đau lại vừa có cảm giác lạnh ghê gớm, nhiều khi đến ngất đi. Khi tìm thấy một tảng san hô là hai ba người

1. Đòn xeo nói ở đây là cả cây gỗ. Đòn xeo to dài 6 m, đường kính 0,25 m. Đòn nhỏ dài 5 m, đường kính 0,20 m.

tù cũ, thành thạo công việc này, bèn bắt tay vào việc đào những cái hốc dưới tảng đá. Người ta sẽ luồn vào những cái "miệng đó", sâu 0,60 m đến 1,20 m, hai cái cây đòn xeo to mỗi cái còn có ba cây đòn xeo nhỏ hỗ trợ. Thế là cuộc tập thể dục rùng rợn bắt đầu: chúng tôi đứng lên các đòn bẩy đó, cùng nhún nhảy nhịp nhàng để bẩy khối san hô lên. Hễ ai làm sai nhịp là bị ngã lộn ra liền, rơi xuống hòn đá đang nằm phơi ra khi nước triều rút, ngã như thế thường vỡ sọ, chí ít thì cũng gẫy chân, gãy tay.

Mà lại phải làm việc hối hả, không được ngơi tay. Từ 1929 đến 1934, mỗi buổi, mỗi người chúng tôi phải nộp 40 tảng san hô to bằng cái nón, năm 1935, cả tốp phải cung cấp hai xà lan đầy. Thiếu hụt là bị phạt bỏ vào hầm tối hoặc bị đeo xiềng. Thủy triều dâng lên từ lâu, chúng tôi như bị chìm nghỉm mà bọn "ma tà" vẫn còn bắt chúng tôi làm việc. Những người phải chịu cực khổ nhất là số 150 anh em từ Sơn La tới: vừa đến Côn Lôn, họ đều sốt rét suốt lượt; vậy mà mặc dầu nước da họ xanh bủng, bụng to tướng, họ vẫn bị đưa đi lấy đá san hô. Một số người lên cơn sốt rét ngay ngoài biển, xin nghỉ một chút cũng không được; bọn "ma tà" tàn bạo trả lời họ bằng đánh đập và chửi rủa "Quân cọc cạch khốn nạn! Đồ giả vờ, chúng mày lại giở trò lười biếng à?".

Vì thế mà các anh Trần Bình và Bướu không chịu nổi những sự hành hạ như vậy đã tự sát một cách thảm khốc. [1] Anh Trần Bình đã tự treo cổ trên cây, trên một ngọn núi đằng sau Sở rẫy Ông Hội. Anh chết đã được mấy ngày rồi, dây rừng thấm nước mưa đứt, xác anh rơi xuống làm mồi cho cáo, quạ, mà ở nơi giam anh, người ta vẫn không biết tin tức gì về anh. Chúng tôi chỉ được đánh động khi con chó "Đốm" của tên "cập rằng" Sáu Phụng số 4581 tha cái đầu lâu của anh về! Anh Bướu chết lại còn thảm hơn nữa. Anh leo lên một ngọn cây cao nhất ở Lò Vôi, chờ tên Giám đốc Buviê (Claude Bouvier) và tên xếp ngục Santi đi qua để cho chứng kiến một cảnh rùng rợn và đau lòng: trước mặt chúng, anh lao đầu xuống một đống đá, chết ngay tức khắc! Cả hai anh đều muốn dùng cái chết của mình để phản đối cái chế độ tàn khốc đang làm các tù chính trị chết dần chết mòn. Nhưng đó là một sự phản đối vô hiệu quả, vì sau đấy, những người còn sống chẳng được hưởng một sự cải thiện nào.

Chúng tôi từ chỗ lấy san hô về Lò Vôi – cách 3 km – vào khoảng 2, 3 giờ sáng. Mặc dầu mệt mỏi đến kiệt sức, chúng tôi vẫn phải bốc

1. Việc này đã nói rõ ở bài thơ trên: Nhân cái chết của anh Bình, *tr. 293*.

đá nộp cho lò xong xuôi mới được về trại giam. Các giỏ, cuốc, xà beng, đòn xeo trả lại cho kho. Và, tối hôm sau, hay nói cho đúng hơn, ngay tối hôm đó, chúng tôi lại phải tiếp tục đi lấy san hô!

Sau bao nhiêu tiếng đồng hồ ngâm mình trong nước mặn, giữa các tảng đá và rác rưởi dưới đáy biển, chúng tôi không được phép tắm rửa, thậm chí dội qua cái người cũng không được. Vì đưa yêu sách đòi tắm, Trần Văn Bích số 210, Tăng Văn Mạnh số 6054, Vi Văn Lộc số 5553, Trần Văn Thiêm, Nguyễn Văn Hoan số 5246 v.v... đã bị nhốt vào hầm tối và đeo xiềng; Bích đã bị đánh chết ngất.

B. Ăn uống và mặc

Theo sổ sách nhà thầu, mỗi suất gạo một ngày của chúng tôi là 0,750 kg. Thật ra, khẩu phần đó luôn luôn bị rất nhiều những kẻ trung gian ăn bớt và chỗ gạo đến tay chúng tôi bao giờ cũng lẫn cát, sỏi, trấu, mảnh sành! Cá khô "của chúng tôi" lấy từ các nơi đánh cá của hồ Tônglê Sáp (Tonlé Sap), nhưng đó là một thứ cá rất đặc biệt về loại cá và về cách bảo quản! Khô tra, khô lóc, khô bông là dành riêng cho tầng lớp quý tộc của đảo; về phần chúng tôi, chúng tôi bao giờ cũng chỉ nhận được cá cơm, cá sặt, cá thác lác, vừa bé lại lắm xương, dễ thối, lại có mùi dầu rất khó ngửi. Khẩu phần rau lại càng đáng sợ hơn nữa: khi thì là những thân cây chuối dại, thái to, khi thì là rau sam, rau càng cua, rau dền dại, tất cả các loại rau này đều hái ở trên núi, khi thì là khoai lang vừa già vừa xơ, nhai mãi cũng không nổi. Thỉnh thoảng cũng có cà, rau xà lách, bí, mướp v.v... từ Sài Gòn đưa ra, nhưng mặc dù được ghi vào khoản "dành cho tù", chúng tôi bao giờ cũng chỉ nhận được một phần rất nhỏ toàn những thứ đã khô héo, thối, bị sâu đục. Nước mắm người ta phát cho chúng tôi cố nhiên là loại bét: pha muối, pha nước lã đến 7/10, ngửi mùi đến lộn mửa. Mỡ dành cho chúng tôi là thứ mỡ hứng của các con lợn quay và để cho nặng thêm cân, người ta pha bột vào. Còn muối thì chúng tôi tự sản xuất lấy. Quanh năm, giống như nông dân Pháp thời Trung cổ, chúng tôi chỉ được nếm mùi thịt có một lần, đó là vào dịp Tết. Của đáng tội, kể từ 1935, sau những cuộc bãi công phản đối, người ta đã phải đồng ý cấp thêm cho chúng tôi mỗi tuần 100 g thịt lợn.

Theo quy định, mỗi bữa cơm chỉ được kéo dài 10 phút. Quá thời gian đó, bọn "ma tà" và gác ngục dùng roi gân bò đuổi chúng tôi vào phòng giam. Những ai không may nuốt không nhanh là không ăn hết được phần suất của mình. Thế là họ phải vội vàng gói cơm vào khăn đem theo. Cố nhiên, họ chỉ được mang trót lọt với sự làm ngơ của

bọn gác ngục và không phải hiếm khi có những tên nổi giận vì hành động "giấu giếm" ấy và ném chỗ cơm đó xuống đất. Đờrốtsờ (Deroch), Títnê (Tisné), Muxađo (Mouchador), Philông (Filon), đội Thanh, "ma tà" số 39, đội Trà nổi tiếng khe khắt về vấn đề này.

Về các "Kíp" làm ở xa, thì gạo được giao cho "ma tà", tên này đích thân phân phát cho tù. Người ta có thể dễ dàng hình dung được những sự hà lạm mà bọn xấu xa này có thể làm thiệt hại cho người tù như thế nào. Năm 1933, đội Đẩu bị tên Cẩm Vốttờrốtsơki (Costroski) bắt quả tang ăn cắp gạo. Nhưng nó chỉ bị trừng phạt là không được trông coi chuồng bò nữa, có thế thôi. Và liệu hồn những người tù nào bị ăn bớt mà lại dám phản đối. Trong cảnh ngộ đó, sự kêu ca của họ nhất định sẽ dẫn họ vào hầm tối. Cho nên, ăn quá thiếu, chúng tôi cứ một phần gạo lại phải nhồi bụng thêm hai phần củ hoặc rau.

Chính quyền bắt tù chúng tôi thì chính quyền phải nuôi và cũng phải cho chúng tôi quần áo. Mỗi năm, cứ đến ngày 14–7 [1] và ngày tết, người ta phát cho chúng tôi mỗi người một bộ quần áo xanh bằng vải thô, nói cho đúng chỉ là lược qua thôi chứ không phải khâu thực sự. Độc một bộ quần áo đó làm sao đủ dùng được sáu tháng trời? Chúng tôi cần giặt quần áo ư? Thế là chúng tôi buộc phải ở truồng. Phần lớn thời gian ở các trại lao động, chúng tôi ở truồng và nếu không may gặp mưa quần áo bị ướt, thế là cả đêm phải trần truồng như nhộng, ngay cả khi có gió lạnh. Những anh em tháo vát tìm cách quấn người bằng những mảnh chiếu cũ. Già, trẻ, khỏe mạnh hay ốm đau, chẳng bao giờ chúng tôi được biết mùi êm ái của một chiếc chăn của chính quyền! Phải chịu đựng một chế độ như vậy, phải ở trong những phòng giam ngột ngạt như vậy, mỗi tối chúng tôi đi làm về, người đầy cát, vôi, bụi, vậy mà không được phép tắm rửa. Mọi yêu sách về điểm này đều khiến cho người tù bị đánh đập hoặc chịu những trừng phạt còn ghê gớm hơn nữa.

C. Trừng phạt ở nơi tù đày

Trong bài này, chúng tôi đã nhiều lần nói đến những sự tàn bạo mà người tù phải chịu đựng bất kỳ lúc nào. Để cho tài liệu đầy đủ hơn, chúng tôi xin nêu thêm những đối xử thường dùng ở đảo để trừng phạt những người "có tội".

---

1. Ngày 14–7: Quốc khánh Pháp.

Nói chung đối với những "ca" không nghiêm trọng lắm, người ta không cho ra chơi ở trong sân trại giam hoặc cắt phần ăn như thường lệ và bắt phải ăn theo chế độ cơm nắm. [1] Nhưng còn có cả một loạt trừng phạt khác cho những tội nặng. Khi thì người tù đi làm buộc phải mang xiềng nặng tới 3,5 ký ở chân thậm chí còn mang cả xiềng đôi trong một thời gian từ 8 đến 15 ngày. Thí dụ, đó là "ca" của đồng chí Lê Ngọc Rư. Khi thì người ta nhốt người tù vào hầm xay lúa hay bỏ vào hầm tối.

Hầm xay lúa là nơi nhốt những tù định vượt ngục hoặc phạm tội đánh nhau, cãi nhau trong tù. Khu vực này, gồm hai phòng: phòng ngủ và hầm xay lúa có chấn song sắt, dài 15m rộng 10 mét. Hầm xay lúa có 5 cối xay làm bằng những thùng "tonnô" cũ. Phải 8 người tù mới đẩy nổi một trong những cái cối đó. Những người bị nhốt ở đây phải làm từ 6 giờ sáng đến 5 giờ chiều, cứ hai người xiềng làm một. Suốt ngày lúc nào cũng bụi mù mịt và nhiều người tù đã mờ mắt sau một năm ở nhà xay lúa: đó là "ca" của đồng chí Tôn Đức Thắng số 5289, Tô Chấn số 5616, Phan Văn Ngô số 5270.

Hầm tối là một xà lim dài 2m, rộng 1m, chỉ để hở một cái lỗ nhỏ, có lưới sắt bịt kín. Sàn nằm bằng xi măng. Trên sàn có chôn một cái cùm gồm một suốt và hai vòng sắt; người tù bị chốt hai chân vào đó suốt ngày. Một tháng anh ta phải ăn 10 ngày cơm nắm. Sau thời gian ở hầm tối ra, nhiều người tù không bước được nữa, thậm chí đứng cũng không vững. Mắt họ không chịu nổi lần đầu tiên khi bị ánh sáng bên ngoài đập vào. Đồng chí Đào Xuân Mai đã bị nhốt ở đây 90 ngày. Các cửa đều đóng kín suốt ngày, chỉ hé mở một phút vào giờ ăn để đút cơm cho người tù. Thường thường họ phải uống nước trước khi có cơm. Năm 1930, 31 và 32, nhiều người tù nhốt trong hầm tối đã bị cắt Xuất ăn ba ngày liền. Ngày thứ tư, người ta cho một nắm gạo xay dối, đến ngày thứ năm họ mới cho một nắm cơm con. Nhiều người tù đã chết trong hầm tối, như các đồng chí Huân số 5348 và Soi số 5338.

---

1. Một nắm cơm nhỏ trộn với muối.

CUỘC ĐẤU TRANH Ở NƠI TÙ ĐÀY

Chúng tôi đã nói qua về phong trào phản đối của những người tù chống lại chế độ nhà tù trước năm 1930. Bạn đọc sẽ thấy dưới đây lịch trình sơ lược của cuộc đấu tranh do các đồng chí của ta lãnh đạo từ 1930 đến 1936.

Cho đến năm 1932, số tù bị đày ra Côn Lôn lên tới 2.500 người. Tuy nhiên sau đó, một phần bị đưa sang Inini, một số chết; phần lớn phải làm việc lao động trong các "kíp" ở bên ngoài thị trấn Côn Lôn. Do đó, chúng tôi bị chia rẽ, lực lượng chúng tôi tản mạn, và mọi sự kháng cự đều vô hiệu quả. Vả lại người ta đã cố giam chúng tôi với những người tù thường. Thật ra lúc đầu, chính sách này đã đem lại kết quả như chính quyền nhà tù mong muốn. Các tù thường phạm này phần lớn là những người ương bướng, ngỗ ngược, cho nên họ đã không bỏ lỡ một cơ hội nào để hành hạ chúng tôi. Tuy nhiên, cuộc sống chung và tinh thần hy sinh, tận tụy, lòng thành thật của nhiều đồng chí chúng tôi chẳng bao lâu đã dần dần làm cho họ ngả về phía chúng tôi. Bản thân họ cũng dần dần có ý thức về nhân phẩm của họ, hiểu ra lợi ích của họ và đồng ý đứng cùng một mặt trận với chúng tôi để đấu tranh và chúng tôi đã làm cho họ chấp nhận quan điểm của chúng tôi, từ bỏ phương pháp kháng cự của họ là tổ chức những cuộc manh động mà kết quả chỉ là một vụ ám sát với tất cả những hậu họa mà nó gây ra. Từ tháng 7 - 1934, sự đoàn kết giữa tù chính trị và tù thường phạm đã được khẳng định một cách dứt khoát. Chúng tôi bèn đi vào đường đấu tranh. Chúng tôi tổ chức những cuộc lãn công, bãi công, tuyệt thực. Có hàng mấy trăm cuộc đấu tranh như vậy, không tài nào kể hết ra đây được. Để bắt đầu, trong khi chở củi từ núi An Hải đến lò than, chúng tôi đã chống cự lại những sự đánh đập của tên gác ngục Ludôuých Đờ Lít (Ludowic de Lys), xếp "chuồng bò". Rồi nổ ra một cuộc phản đối của tất cả các tù trên đảo đòi một chế độ ăn uống khá hơn. Chúng tôi đòi không được phát cho chúng tôi cá khô mục và thịt thối của bò ốm. Rồi chúng tôi đòi thay đổi chế độ nhà tù. Ngày 3 tháng 3 năm 1935, tên Giám đốc Cờrêmadi (Crémazy), theo lệnh viên Thống đốc Nam kỳ, bắt 120 người trong chúng tôi nhốt vào khám 6 [1] và 7, banh I mà chúng tôi gọi là khám

1. Tiếng gọi của hồi ấy, nay là phòng giam.

"bất phục tùng", cứ hai người xiềng làm một.

Tuy nhiên, phong trào vẫn lan rộng, vẫn tăng cường, nó được toàn nhà tù thừa nhận là phương pháp hữu hiệu duy nhất. Các cuộc bãi công xảy ra ngày một nhiều. Chúng tôi chống lại sự tàn bạo của bọn "ma tà", chúng tôi đòi quyền được tắm rửa, đòi có thêm quần áo, đòi có đèn sáng hơn ở trong phòng giam. Khi ông già Tài và ông già Một chết, chúng tôi nhất trí phản đối bọn đã giết chết họ là tên gác ngục Căngtanh (Cantin) và tên "ma tà" Kang Wang. Sau đó, chúng tôi đòi thực hiện chế độ tù chính trị. Tên Giám đốc Cờrêmadi (Crémazy) và tên Chúa ngục Cờríttiani (Cristiani) tuyên bố với chúng tôi: "Các khẩu mútcơtông của chúng tao sẽ trả lời yêu sách của chúng mày!". Tuy vậy, trước thái độ kiên quyết của chúng tôi, chúng đã phải nhượng bộ, và chấp nhận để chúng tôi được hưởng một số quyền lợi mà từ xưa đến nay chưa từng có ở đảo. Những thắng lợi giành được từng bước một như vậy càng cổ vũ tinh thần đấu tranh hăng hái của mọi người và những cải cách nửa vời của Cờrêmadi không hề làm thỏa mãn những đòi hỏi của 2500 người tù. Tháng 3 – 1936, Cờrêmadi đi nghỉ phép; Cờlôđơ Buviê (Claude Bouvier), sau một năm ở Pháp, trở lại thay Cờrêmadi. Tên giết người này không hề hay biết gì về những việc xảy ra ở đảo trong thời gian nó vắng mặt. Nó vẫn tiếp tục thi hành chính sách tàn bạo của nó xưa kia, và ra lệnh cho tay chân của nó hành hạ chúng tôi.

Bọn quỷ sứ Bêduymông (Besumont), Rônhông (Rognon), Căngtanh (Catin), Vilát (Viat) và đội Thanh nhận nhiệm vụ thi hành các lệnh của nó và dần dần rút bỏ hết các quyền lợi của chúng tôi. Cuộc đấu tranh mới lại nổ ra, gay gắt hơn. Các cuộc tuyệt thực lại tiếp diễn kéo dài 9 ngày ở các nơi giam tù chính trị, 6 ngày ở nơi giam tù thường phạm. Buviê đối phó bằng khủng bố, đánh đập tàn nhẫn một người Hoa kiều tên là Khâu số 5930. Người này đã chết trong cuộc tuyệt thực đó (18 – 3). Ngày 27 và 28 tháng 5, sau thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp, chúng tôi lại mở cuộc đấu tranh quyết liệt hơn, thảo ra những nguyện vọng gửi cho Thủ tướng, Tổng trưởng Bộ Thuộc địa và Thống đốc Nam Kỳ. Chúng tôi đòi tổng đại xá, đòi áp dụng chế độ tù chính trị, đòi cải thiện đối với tất cả mọi người tù trên đảo.

Ngày 28 – 5, Buviê dùng mútcơtông ra sức đàn áp chúng tôi. Sự đối phó đẫm máu này đã được tường thuật trên cơ quan ngôn luận

của những người lao động Nam Kỳ: tờ *Tranh đấu (La Lutte)*. Hàng trăm đồng chí chúng tôi bị thương và đưa vào bệnh xá. Ngày 11 – 6, một cuộc bãi công lại nổ ra để nhắc lại những yêu sách của chúng tôi ngày 27 và 28 – 5 và đòi tổng đại xá.

Một vài lời để kết luận phần đầu những trang viết này của những người bị tù đày chúng tôi:

Chế độ nhà tù Côn Lôn là một chế độ Trung cổ. Cuộc toàn xá chỉ mới thực hiện một phần.

Lúc này đây, ở Côn Lôn vẫn còn hơn 200 người tù đang nóng lòng đợi được toàn xá như đã được ghi trong cương lĩnh của Mặt trận Bình dân.

Và chúng tôi khẩn cấp kêu gọi mọi người có thiện chí hành động ở Pháp và ở Đông Dương, kêu gọi Ủy ban Đại xá tù chính trị Đông Dương, kêu gọi Phân hội Pháp của Cứu tế Đỏ Quốc tế hãy đòi thi hành triệt để luật toàn xá trên toàn cõi Đông Dương.

KÍNH TRẮNG

Báo *Le Travail (lao động)*
số 10 và 11 tháng 11–1936.
Ngô Vĩnh Viễn *dịch*.

*

TỐ HỮU
(Sinh năm 1920)

Tố Hữu tên thật là Nguyễn Kim Thành, sinh ngày 4–10–1920 ở làng Phù Lai, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế.

Đang học ở trường Quốc học Huế, Tố Hữu bỏ học, đi hoạt động cách mạng. Bấy giờ là thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Được sự dìu dắt của Nguyễn Chí Diểu, Phan Đăng Lưu, Tố Hữu giác ngộ cách mạng, gia nhập Đoàn Thanh niên cộng sản 1936. Thơ của Tố Hữu đăng trên các báo công khai của Đảng và của Đoàn Thanh niên sớm được sự hoan nghênh của đông đảo quần chúng cách mạng. Năm 1938, Tố Hữu được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, năm 1939 được cử làm Thành ủy viên Thành ủy Huế, phụ trách tuyên truyền và thanh niên.

Tháng 4–1939, thực dân Pháp bắt Tố Hữu ở Huế, kết án 2 năm tù, giam ở nhà lao Thừa phủ Huế. Trong tù, Tố Hữu tham gia các cuộc đấu tranh, bị tăng án, đầy đi Lao Bảo, rồi Buôn Ma Thuột. Mãn hạn tù, Tố Hữu lại bị đưa đi trại tập trung ở Đắc Lây. Tháng 3–1942, Tố Hữu vượt ngục Đắc Lây, về xây dựng cơ sở ở Thanh Hóa. Từ 1943–1945, Tố Hữu làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, tham gia lãnh đạo chiến khu Quang Trung, rồi lại vào Huế, tổ chức lại Xứ ủy lâm thời Trung Kỳ, làm Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Huế.

Năm 1946, Tố Hữu ra Trung ương phụ trách công tác văn hóa và thanh niên, nhưng đầu kháng chiến chống Pháp, lại về làm bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa. Từ 1947, Tố Hữu lên Việt Bắc phụ trách công tác tuyên truyền văn nghệ, văn hóa của Trung ương. Tại Đại hội lần thứ hai của Đảng, năm 1951, Tố Hữu được bầu làm Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng. Năm 1955, Tố Hữu được cử làm Ủy viên chính thức Trung ương Đảng, và năm 1958 vào Ban Bí thư. Năm 1960, tại Đại hội lần thứ ba của Đảng, Tố Hữu lại được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, vào Ban Bí thư và làm Trưởng Ban tuyên huấn, Trưởng Ban khoa giáo. Năm 1976, Tố Hữu là Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng, năm 1980 là Ủy viên chính thức, giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thơ Tố Hữu trước Cách mạng Tháng Tám 1945, được tập hợp trong tập *Thơ Tố Hữu* do Hội Văn hóa cứu quốc xuất bản năm 1946, rồi tái bản trong tập *Từ ấy* do Nhà xuất bản Văn hóa in năm 1956. Những bài thơ của Tố Hữu in trong sách này đều rút từ tập *Tố Hữu: Tác phẩm (thơ)*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, in 1979.

MỒ CÔI

Con chim non rũ cánh
Đi tìm tổ bơ vơ
Quanh nẻo rừng hiu quạnh
Lướt mướt dưới dòng mưa.

Con chim non chíu chít
Lá động khóc tràn trề
Chao ôi buồn da diết
Chim ơi biết đâu về?

Gió lùa mưa rơi rơi
Trên nẻo đường sương lạnh
Đi về đâu em ơi
Phơi thân tàn cô quạnh!

Em sưởi trong bàn tay
Cho lòng băng giá ấm
Lìa cành lá bay bay
Như mảng đời u thẩm!

Con chim non không tổ
Trẻ mồ côi không nhà
Hai đứa cùng đau khổ
Cùng vất vưởng bê tha.

Rồi ngày kia rã cánh
Rụi chết bên đường đi...
Thờ ơ con mắt lạnh
Nhìn chúng: "Có hề chi"!

Huế, tháng *10–1937*

HAI ĐỨA BÉ

Tôi không muốn mời anh đi xa lạ
Tìm đau thương trong xã hội điêu tàn
Kể làm sao cho hết cảnh lầm than
Lúc trái ngược đã tràn đầy tất cả!

Này đây anh, một bức tranh gần gũi:
Nó thô sơ? Có lẽ. Nhưng trung thành.
Nó tầm thường? Nhưng chính bởi hồn anh
Chê chán kẻ bị đời vui hắt hủi.

Hai đứa bé cùng chung nhà, một tuổi
Cùng ngây thơ, khờ dại, như chim non
Bụi đời dơ chưa vẩn đục hồn non
Cùng trinh tiết như hai tờ giấy mới.

Ồ lạ chửa! Đứa xinh tròn mũm mĩm
Cười trong chăn và nũng nịu nhìn me.
Đứa ngoài sân, trong cát bẩn bò lê
Ghèn nhầy nhụa, ruồi bu trên môi tím!

Đứa chồm chập vồ ôm ly sữa trắng
Rồi cau mày: "Nhạt lắm! Em không ăn!"
Đứa ôm đầu, trước cổng đứng treo chân
Chờ mẹ nó mua về cho củ sắn!

Đứa ngây ngất trong phòng xanh mát rượi
Đứa ngựa ngà, dây lính thổi kèn tây.
Đứa kia thèm, giương mắt đứng nhìn ngây
Không dám tới, e đòn roi, tiếng chửi!

Vẫn chưa hết những cảnh đời đau khổ
Nhưng kể làm chi nữa, bạn lòng ơi!
Hai đứa kia như sống dưới hai trời
Chỉ khác bởi không cùng chung một tổ:
Đứa vui sướng là đứa con nhà chủ
Và đứa buồn, con mụ ở làm thuê.

Huế, tháng 10–1937

ĐI ĐI EM

Rứa là hết! Chiều ni em đi mãi
Còn mong chi ngày trở lại Phước ơi!
Quên làm sao, em hỡi, lúc chia phôi
Bởi khác cảnh, hai đứa mình nghẹn nói.

Em len lét, cúi đầu, tay xách gói
Áo quần dơ, cắp chiếc nón le te
Vẫn chưa thôi, lời day dứt nặng nề
Hàng giây tiếng rủa nguyền trên miệng chủ!

Biết không em, nỗi lòng anh khi đó?
Nó tơi bời, đau đớn lắm em ơi!
Bàn chân em còn luyến tiếc không rời
Nơi em đã cùng anh vui phút chốc.

Những đêm tối, anh viết bài em học
Cho em quên bớt nỗi nhọc ban ngày
Nơi bao nhiêu âu yếm tuổi thơ ngây
Anh đã trút cho lòng em tất cả!

Em ngoái cổ nhìn anh: ta chỉ trả
Thầm cho nhau đôi mắt ướt ly sầu!
Biết làm sao, em hỡi, nói cùng nhau?
Tiếng chửi mắng, vẫn phun hoài, nhục nhã!

Thì em hỡi! Đi đi, đừng tiếc nữa!
Ngại ngùng chi? Nấn ná chỉ thêm phiền!
Đi đi em, can đảm bước chân lên
Ư đói khổ phải đâu là tội lỗi!

Anh mới hiểu: càng ngậm ngùi khổ tủi
Càng dày thêm uất hận của lòng ta
Nuôi đi em, cho đến lớn, đến già
Mầm hận ấy, trong lồng xương ống máu.

Để thêm nóng mai kia hồn chiến đấu
Mà hôm nay anh đã nhóm trong lòng!

Huế, tháng *2-1938*

*

VÚ EM

Nàng gởi con về nương xóm cũ
Nghẹn ngào trở lại đẩy xe nôi
Rồi từ hôm ấy, ôm con chủ
Trong cánh tay êm, luống ngậm ngùi.

Nàng nhớ con nằm trong tổ lạnh
Không chăn, không nệm ấm, không màn.
Biết đâu trong những giờ hiu quạnh
Nó gọi tên nàng tiếng đã khan!

Rồi từ hôm ấy, dưới đêm sâu
Hồi hộp nàng ra vịn cửa lầu
Nhìn xuống ven trời dày bóng nặng
Tìm nghe trong gió tiếng con đâu.

Gió vẫn vô tình lơ đãng bay
Những tàu cau yếu sẽ lung lay
Xạc xào động cánh đau lòng mẹ
Nghe tiếng lòng con vẳng tới đây!

Ta thấy nàng nghiêng mình rũ rượi
Gục đầu thổn thức trong bàn tay...
Bạn ơi, nguồn thảm sầu kia bởi
Số phận hay do chế độ này?

Huế, tháng 5-1938

*
* *

LÃO ĐẦY TỚ

Lão trương hai bàn tay
Nhìn tôi và trắng trợn;
"Tôi không hay đùa bỡn,
Làm việc quá trâu cày

Đến già, còn bửa củi
Gánh nước, cuốc vườn cau
Đất bụi lấm đầy đầu
Mà chủ còn hắt hủi!

Như cái kiếp ăn mày
Ngồi ăn trong góc xó
Buồn thiu như con chó
Áo rách chẳng ai may

Quần rách giơ tuốt cả!
Lạnh thì nằm cong queo
Trơ trụi như con mèo
Không có vài tấm rạ"

Tôi riết chặt bàn tay
Của lão: "Bao nhiêu nỗi
Đau buồn và tức tối
Sẽ tan biến ngày mai...

Ông đã nghe ai nói
Có một xứ mênh mông
Nửa tây và nửa đông
Mạnh giàu riêng một cõi?

Nơi không vua, không quan
Không hạng người ô uế
Không hạng người nô lệ
Sống đau xót lầm than.

Nơi tiêu diệt lòng tham
Không riêng ai của cải
Hàng triệu người thân ái
Cùng chung sức nhau làm

Để cùng nhau vui sướng
Ai già nua tật nguyền
Thì cứ việc ngồi yên
Đã sẵn tiền nuôi dưỡng".

Lão ngơ ngác nhìn tôi
Rối rít: "Ồ hay nhỉ!
Ai già nua được nghỉ
Cũng no ấm trọn đời?

Ai cũng có nhà cửa!
Cũng sung sướng bằng nhau?
Đã không ai đè đầu
Làm chi có đầy tớ?

Cậu bảo: Cũng không xa?
– Nước Nga?
– Ờ nước ấy"
Và há mồm khoan khoái
Lão ngồi mơ nước Nga...

Tháng 6–1938

*
* *

HẦM NGƯỜI

Bao nhiêu hy vọng đem ngày mới
Với cả trời vui phủ địa cầu
Tôi đã nuôi trong lòng phấn khởi
Từ ngày chân bước xuống hầm sâu.

Nơi rộng mênh mông không giới hạn
Cơ chừng xây trải mấy muôn năm
Hồn tôi – ôi đã, theo đến bạn
Trông thấy xương khô trắng đất hầm!

Và bên hài cốt khô vàng ấy
Nhô nhúc – trời ơi một khối người
Đang mải cuốc, cày, cưa kéo đẩy
Như nhau, không biết một ngày vui!

Đây một thân rơi thành xác chết
Hàng ngàn thây khác nối nhau rơi.
Ngổn ngang xương lạnh đầy áo huyết
Giữa lúc tầng cao dội tiếng cười!

Tôi đã nghe trong bầu uất nặng
(Hơi trời không thể lọt vào đây)
Sặc nồng khí hận rung thầm lặng
Và khối người kia bỗng đứng ngay

Cùng tung muôn nắm tay sừng sộ:
"Sao chúng ta còn mãi ở đây
Đời ta đâu phải đời trâu, chó?
Không, chúng ta không ở chốn này!

Này phá *dô ta*! này ta phá!
Dô ta! Cho mở cửa hầm sâu!"
Có nghe không bạn hầm đang rã
Bởi khối người kia đã ngẩng đầu!

Huế, tháng 6–1938

*

* *

DỬNG DƯNG

Du khách bảo đây vườn kín đáo
Với hương dìu dịu, ý ngàn xưa
Trời mây xanh nhạt màu hư ảo
Đây xứ mơ màng, đây xứ thơ...

Cô gái thẫn thờ vê áo mỏng
Nghiêng nghiêng vành nón dáng chờ ai
Ven bờ sông phẳng con đò mộng
Lả lướt đi về trong gió mai...

Thành quách trăm năm sầm mặt lạnh
Ngọn cờ uể oải vật vờ lay

Lâu đài đường bệ màu kiêu hãnh
Áo gấm hài nhung cánh phượng bay.

Ta nện gót trên đường phố Huế
Dửng dưng không một cảm tình chi!
Không gian sặc sụa mùi ô uế
Mà nước giòng Hương mãi cuốn đi.

Ý chết đã phơi vàng héo úa
Mùa thu lá sắp rụng trên đường
Mơ chi ảo mộng ngàn xưa nữa?
Cây hết thời xanh đến tiết vàng!

Ai tưởng ngàn năm nương đất ấy
Mầm non thêm nhựa, lá thêm tươi
Ôi mỉa mai! Hồn ta chỉ thấy
Rêu hèn sống gửi nhánh khô thôi.

Ai tưởng thiên đường sao nhấp nhánh
Tài hoa tinh khiết, ngọc long lanh
Ta chỉ thấy nơi đây mồ lạnh
Chôn linh hồn đắm đuối hư danh.

Huế, tháng 5-1938

*
* *

TIẾNG HÁT SÔNG HƯƠNG

Trên dòng Hương Giang
Em buông mái chèo
Trời trong veo
Nước trong veo
Em buông mái chèo
Trên dòng Hương Giang.

Trăng lên trăng đứng trăng tàn
Đời em ôm chiếc thuyền nan xuôi dòng

Thuyền em rách nát
Mà em chưa chồng
Em đi với chiếc thuyền không
Khi mô vô bến rời dòng dâm ô!
Trời ơi em biết khi mô
Thân em hết nhục giày vò năm canh
Tình ôi gian dối là tình
Thuyền em rách nát còn lành được không?

– Răng không, cô gái trên sông [1]
Ngày mai cô sẽ từ trong tới ngoài
Thơm như hương nhụy hoa lài
Sạch như nước suối ban mai giữa rừng
Ngày mai gió mới ngàn phương
Sẽ đưa cô đến một vườn đầy xuân
Ngày mai trong giá trắng ngần
Cô thôi sống kiếp đầy thân giang hồ

Ngày mai bao lớp đời dơ
Sẽ tan như đám mây mờ đêm nay
Cô ơi tháng rộng ngày dài
Mở lòng ra đón ngày mai huy hoàng.
Trên dòng Hương Giang...

Tháng 8–1938

*

* *

THÁP ĐỔ

Ai lẩn thẩn đem màu tươi hoa lá
Rắc trên cành khô chết nhựa trong cây?
Ai khờ dại nhặt từng viên gạch rã
Băng bó sườn cổ tháp đã lung lay?
Cây dù gượng xanh lại ngày xuân cũ
Tháp dù mong hàn lại vết phong sương

1. Răng: Tiếng Huế, như chữ "sao".

Mộng ảo tất! Gió lùa cây xiêu đổ
Tháp chênh vênh tan sập dưới chân tường.
Thi sĩ hỡi! Đi tìm chi vớ vẩn
Trong hồn già đã chết những yêu ma?
Có lành đâu vết thương đầy oán hận
Có tan đâu khí uất tự bao giờ

Này hãy nghe cả lâu đài xã hội
Chuyển rung trong biển máu ngập tràn trề.
Này hãy nghe một thời đang hấp hối
Trong mồ đệm dĩ vãng sắp lui về

Hãy cắt đứt những dây đàn ca hát
Những sắc tàn vị nhạt của ngày qua
Nâng đón lấy màu xanh hương bát ngát
Của ngày mai muôn thủa với muôn hoa.

Tháng 3–1938

*
* *

HÃY ĐỨNG DẬY

"Người ta lớn bởi vì người cúi xuống
Hỡi nhân dân, hãy đứng thẳng lên!"
MARAT[1]

Người ta lớn bởi vì ta quỳ xuống
Có gì đâu ta cầu khẩn van lơn?
Có gì đâu ta ôm mãi căm hờn
Hãy đứng dậy, ta có quyền vui sống!

Ai đi gõ vào cửa lòng lạnh ngắt
Và thiết tha năn nỉ với hồn say
Trên muôn thây, tiệc rượu, máu tràn đầy?
Không! Không thể sống như bầy hành khất!

1. Marat (1743 – 1793): Một trong những nhà lãnh đạo xuất sắc của Cách mạng tư sản Pháp, tham gia Ủy ban Cứu quốc trong thời kỳ Công ước quốc dân.

Hãy đứng dậy! Ta có quyền vui sống!
Cứ tan xương, cứ chảy tủy, cứ rơi đầu!
Mỗi thây rơi sẽ là một nhịp cầu
Cho ta bước đến cõi đời cao rộng.

Huế, tháng 4-1938

*
* *

LAO BẢO

Đèo cao vút vươn mình trong lau xám
Đá uy nghiêm trầm mặc dưới trời tro
Gió nói gì với rừng sâu u ám
Đường sao run, tê tái cả hồn thơ.

Xe dừng lại! Tường ai xây tháp núi?
Một thành trì đổ nát những ngày xưa
Của một giống dân vùi trong máu bụi
Nay điêu tàn, khối đá đứng trơ vơ?

Vũng nước đóng ven bờ hoen sắc gạch,
Đàn muỗi rừng huyên náo vù vù bay
Chao hiu quạnh! Trên vùng khô đỏ chạch
Không vết chân, không một dấu đường cày.

Là Lao Bảo, chốn này đây, Lao Bảo
Tên đun sôi sùng sục tủy xương tàn
Là nơi đây, nấm mồ bao khối não
Là nơi đây, huyết ứ dưới lời than!

Là nơi đây, pháp trường thân chiến sĩ
Nát bầm da quằn quại, là nơi đây
Roi đế quốc, báng súng trường quất xé
Thịt hy sinh của những kiếp đi đày!

Nhắm mí mắt: chờn vờn trong đêm tối
Nhánh xương khô khua rợn cả lòng tôi

Tim không khóc, nhưng sôi lên, dữ dội
Sóng máu hờn trào uất khí tanh hôi.

Hỡi chiến sĩ rữa tan trong mả loạn
Hãy về đây trong đáy giếng hồn tôi!
Hãy về đây những ảnh hình ly tán
Nấu sôi niềm oán hận của muôn đời!

Cho tôi hưởng tinh thần hăng chiến đấu
Cho da tôi dày dạn với ngày mai
Cho tôi hiến đến cuối cùng suối máu
Để nhuộm hồng bao cảnh xám bi ai!

Tháng 6–1938

*

* *

LIÊN HIỆP LẠI

Vô sản thế giới liên hiệp lại!
CÁC MÁC

Khóc là nhục. Rên, hèn. Van, yếu đuối
Và dại khờ là những lũ người câm
Trên đường đi như những bóng âm thầm
Nhận đau khổ mà gởi vào im lặng.

Đời ta đã chứa bao nhiêu cay đắng
Bao nhiêu xương, bao nhiêu máu oan hồn
Chưa vừa ư, những xác không mồ chôn
Những thi thể khô gầy đương mòn mỏi!

Đời đói lạnh bởi không hề đòi hỏi
Ngậm căm hờn mà chuốc những ưu tư
Nẻo đường ra đã vạch tự bao giờ
Mời chân bước mà vẫn còn e ngại!

Hãy đứng dậy! Nào ta liên hiệp lại
Hỡi tù nhân khốn nạn của bần cùng!
Ngày mai đây, tất cả sẽ là chung
Tất cả sẽ là vui và ánh sáng!

Tháng 7–1938

*
* *

NHƯ NHỮNG CON TÀU

Khi ta đã say mùi hương chân lý
Đời đắng cay không một chút ngọt bùi
Đời đau buồn không một tiếng cười vui
Đời đen tối phải đi tìm ánh sáng.

Ta bước tới. Chỉ một đường: Cách mạng
Vững lòng tin sẽ nắm chắc thành công
Như những con tàu giữa biển mênh mông
Còn xa đất vẫn tin ngày cập bến.

Cũng có lẽ, hỡi bạn đời yêu mến
Bờ dương mờ, hải cảng hãy còn xa
Có lẽ nhiều mỏm đá với phong ba
Sẽ đánh đắm một đôi tàu mỏng mảnh!

Đời tranh đấu có bao giờ yên tĩnh
Bạn đường ơi! Nhưng nếu chí bình sinh
Ta đem phơi trải với dạ chung tình
Với huyết khí của tinh thần mãnh liệt?

Sự sống đã phát sinh từ cái chết
Thì gian nguy hiểm nạn có hề chi!
Ta hãy là đoàn chiến hạm ra đi
Hùng dũng tiến, đạp đầu muôn ngọn sóng.

Tương lai đó, trước mặt ta biển rộng
Trên đầu ta, lồng lộng gió trời cao!
Rồi mai đây, giữa một buổi xuân đào
Ta sẽ tới ru mình trong vịnh bạc.

1938

TỪ ẤY

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.

Tôi đã là con của vạn nhà
Là em của vạn kiếp phôi pha
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bất cù bơ...

Tháng 7–1938

*
* *

ĐÔNG KINH NHUỘM MÁU

Tặng những người đàn bà Nhật
chết trên đường sắt Đông Kinh.

Nhật Hoàng! Nhật Hoàng
Trên ngai vàng chễm chệ
Uất hận của Phù Tang
Đã vang cùng sóng bể!

Trong lầu son lộng lẫy
Phe phẩy quạt ngà xinh
Nghe không ngươi huyết chảy
Trên đường sắt Đông Kinh?

Nghe không ngươi lời van
Từ đáy lòng tha thiết:

– Thôi bàn tay hung tàn
Bắt chồng con ta chết!

Biết bao nhiêu quả phụ
Nhăn trán nhìn va–gông
Bao nhiêu nàng ủ rũ
Run rẩy đứng trông chồng!

Bỗng lay động ngàn binh
Còi tàu vang tiếng thét
Và đoàn xe rùng mình
Sắp lăn vào cõi chết!

Và khối người kinh hãi
Xúc động bởi tình thương
Như một đoàn hổ dại
Cùng tuôn đổ ra đường.

Tung cao muôn bàn tay
Những bàn tay rối loạn:
– Hỡi thiên tử cao dày
Vì chúng tôi cứu nạn!

Lần thứ hai còi thét
– Mặc! Chúng tôi nằm đây!
Hỡi Thiên hoàng soi xét
Chiến địa đã tràn thây!

Còi lại thét. Không thôi
Vẫn những lời nức nở:
– Trả chồng con chúng tôi
Hỡi Thiên hoàng muôn thuở!

Thiên hoàng trong cung điện
Xa quá, nghe gì đâu?
Và đoàn xe cứ nghiến
Tan nát những xương đầu.

Nhật hoàng! Nhật hoàng!
Trên ngai vàng chễm chệ
Uất hận của Phù Tang
Đã vang cùng sóng bể!

Huế, tháng 5–1939

*
* *

HY VỌNG

Liên Xô nở trước đời tôi ba tuổi
Hai mươi xuân gội nhựa ướt đầu xanh
Có bao nhiêu đem khởi cuộc hành trình
Tôi chất cả vào rương còn lưng lẻo
Ồ vui quá! Rộn ràng trên vạn nẻo
Bốn phương trời và sau dấu muôn chân
Cũng như tôi, tất cả tuổi đương xuân
Chen bước nhẹ trong gió đầy ánh sáng
Tay hái sắc giàu như trăm móng ráng
Đường thơm tho như mật bộng trưa hè
Không gian hồng như giấc mộng đê mê
Tim bồng bột hát những lời âu yếm...
Anh, bước lại cùng tôi, ta sẽ nếm

Bên đường đây, đôi ba trái ngọt hiền
Vui ăn đi! Có lẽ một bà tiên
Đã để đó cho những hồn thanh khiết
Khoan khoái chút như trong ba bữa tết

Rồi đứng lên, ta lại bước vang đường
Tỏa đầy nơi hơi mát của muôn sương
Và của gió nhịp tưng bừng linh hoạt!

Cứ như thế, cho tới ngày giải thoát
Cả Loài ta. Và khi đó, Tự nhiên
Sẽ trố nhìn, ngơ ngác, lớp thanh niên
Xây thế giới cao quá trời xanh thẳm.

1–8–1938

NHỮNG NGƯỜI KHÔNG CHẾT

Kính tặng anh Nguyễn Chí Diểu

Anh với tôi giữa bốn tường vôi lạnh
Lặng nhìn nhau, lựa phải nói năng chi!
Anh nghe thu rứt lá gọi đời đi
Tôi thấy cả một mùa xuân bước lại.
Anh là thuỷ thủ già vững lái
Tôi, bên anh, là bạn mới cầm chèo
Gần nhau đây mà xa biết bao nhiêu
Giữa hai đứa mênh mông là biển rộng!

Thuyền anh đã bao lần leo ngọn sóng
Trôi điêu linh trên vực mặn không cùng
Cánh buồm xưa kiêu hãnh gạt cuồng phong
Nay tơi tả rủ dòng trên cột lỏng
Và mạn ván miên man theo nhịp sóng
Chiều hôm nay giông tố giạt vô bờ
Chiều hôm nay, trên bãi đá chơ vơ
Tôi đứng ngó thuyền anh trơ xác chết
Ôi trong đó biết bao ngày oanh liệt!

Chết hay không, nhân loại, những linh hồn
Đã từng đau khổ lắm, đã tiêu non
Tất cả máu của một thời trai trẻ
Để đem lại cho Người ngày mới mẻ?
Không! Không! Không! Anh không chết. Trong tôi
Ý đời anh đã nảy lộc đâm chồi
Trong cân não của một loài cơ cực
Anh đương sống với bao nhiêu sinh lực
Của thân cây đương buổi nhựa lên cành!

Kim nam châm đã hướng dẫn đời anh
Tôi sẵn có trong tay, từ thuở ấy
Đường đi đó, nhổ sào lên tôi lái

Chiếc thuyền tôi vui lướt giữa muôn thuyền
Nào cần chi biển rộng dẫu bình yên
Hay ghê gớm nổi cồn cao sóng dữ
Tôi cứ lái cho tới ngày mệt lử
Một chiều kia, rồi lại cũng như anh
Trở về đây trong mạn ván tan tành

Giữa lúc những thuyền kia lướt tới.

Mùa thu 1938

*

* *

ĐI TÂY

Kính tặng những bà quả phụ hồi Âu chiến.

Một mảnh khăn đen trùm mái tóc
Nàng bồng con, lủi thủi ra ga...
Tơi bời như lá... nàng không khóc,
E lệ tình khô phút tiễn đưa...

Hàng cây lay động, nàng run rẩy...
Không hiểu vì đâu sợ vẩn vơ,
Như những nàng kia cùng cảnh ấy,
Cũng khăn trùm tóc, cũng bơ phờ.

Lạ lùng nàng có biết ai đâu,
Mà lũ người kia dáng thẩm sầu
Ôm gối thẫn thờ bờ cỏ ướt,
Lặng nhìn như hiểu nỗi lòng nhau.

Rồi bỗng cùng tuôn lệ dạt dào,
U tình nàng đã những nao nao...
Buồn không ai hẹn, thầm nên một,
Nàng cúi nhìn con khóc nghẹn ngào.

Đi Tây đi lính, là đi... chết!
Ai biết rồi đây, cuối xóm xa,

Ly biệt hôm nay thành vĩnh biệt
Đôi hàng sùi sụt, gọi chồng... ma!

Nỗi tình đau đớn nào ai thấy,
Mà chính lòng kia dẫu nhớ thương.
Có hiểu đâu trường chinh chiến ấy
Do bàn tay máu lũ buôn xương!

Và mỗi thây rơi ngoài trận địa
Càng gây thêm vững núi vàng dơ
Của loài đế quốc – ôi mai mỉa!
Say máu cười trông lũ dại khờ!

12–1938

*
* *

Ý XUÂN

Xuân bước nhẹ trên nhành non lá mới
Bạn đời ơi, vui chút với trời hồng!

Hết lạnh rồi, gió bấc với mưa đông
Đây nắng tới với chim ca lanh lảnh
Thì vui chút cho hồn thêm nhựa mạnh
Gân thêm săn và máu hận thêm nồng!
Đời lạt mùi và đau đớn bất công
Là để việc cho thời xuân sức khỏe
Kiêu hãnh chút, bạn đời ơi, tuổi trẻ
Say tương lai là tuổi của anh hùng!
Đứng lên đi, xây dựng cuộc đời chung
Nắm tay sắt quyết đồng tâm lật đổ
Cả chế độ hung tàn gây thống khổ
Và tỵ hiềm, và gian dối, điêu vong!
Đứng lên đi, hỡi tuổi trẻ xung phong
Sóng cách mạng đang gầm rung thế giới!
Xuân bước nhẹ trên nhành non lá mới
Bạn đời ơi, vui lắm, cả trời hồng!

Xuân 1939

TÂM TƯ TRONG TÙ

Cô đơn thay là cảnh thân tù!
Tai mở rộng và lòng sôi rạo rực
Tôi lắng nghe tiếng đời lăn náo nức
Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu!
Đây âm u đôi cánh lạt ban chiều
Len nhè nhẹ qua rào ô cửa nhỏ
Đây lạnh lẽo bốn tường vôi khắc khổ
Đây sàn lim, mảnh ván ghép sầm u...

Cô đơn thay là cảnh thân tù!
Tai mở rộng và lòng sôi rạo rực
Tôi lắng nghe tiếng đời lăn náo nức
Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu!
Nghe chim reo trong gió mạnh lên triều
Nghe vội vã tiếng dơi chiều đập cánh
Nghe lạc ngựa rùng chân bên giếng lạnh
Dưới đường xa nghe tiếng guốc đi về...

Ôi! Hôm nay sao nhựa sống tràn trề
Trong những tiếng nghe chừng quen thuộc quá!
Nghe gió xối trên cành cây ngọn lá
Nghe mênh mang sức khỏe của trăm loài
Tôi mơ hồ nghe tất cả bên ngoài
Đang ríu rít giữa một trời rộng rãi
Đang hút mật của đời sây hoa trái
Hương tự do thơm ngát cả ngàn ngày...
Ôi! Bao nhiêu ảo tưởng của hồn ngây
Tôi phút bỗng như quên đời thê thảm
Ở ngoài kia... biết bao thân tù hãm
Đọa đày trong những hố thẳm không cùng!
Tôi chiều nay giam cấm hận trong lòng
Chỉ là một giữa loài người đau khổ
Tôi chỉ một con chim non bé nhỏ
Vứt trong lồng con giữa một lồng to

Chuyển đời quay theo tiếng gọi tự do
Tôi chỉ một giữa muôn người chiến đấu
Vẫn đứng thẳng trên đường đầy lửa máu
Chân kiêu căng không thoái bộ bao giờ!
Tôi, hôm nay, dầu xa tạm ngọn cờ
Hồn tranh đấu vẫn còn thôi thúc não
Nơi đày đi là Đắc Pao, Lao Bảo
Là Côn Lôn, thế giới của ưu phiền?
Tôi sẽ cười như kẻ sẵn lòng tin
Giữ trinh bạch linh hồn trong bụi bẩn.
Tôi chưa chết nghĩa là chưa hết hận
Nghĩa là chưa hết nhục của muôn đời
Nghĩa là còn tranh đấu mãi không thôi
Còn trừ diệt cả một loài thú độc!

Có một tiếng còi xa trong gió rúc...

Xà lim số 1, lao Thừa Thiên 29–4–1939

*
* *

CON CHIM CỦA TÔI

Nó chết rồi, con chim của tôi
Con chim se sẻ mới ra đời!
Hôm qua nó hãy còn bay nhẩy
Chỉ một ngày giam, đã chết rồi!

Tôi muốn cô đơn dịu bớt sầu
Nên tôi yêu nó, có gì đâu!
Tình thương vô ý gây nên tội
Tôi đã tù, sao bắt nó tù?

Sao nỡ dù trong giây phút thôi
Bắt con chim nhỏ hận câm lời
Sao không trả nó về mây gió
Cho nó say sưa uống ánh trời?

Tôi dẫu dành cơm mớm nó ăn
Đủ làm sao được: thiếu không gian!
Sao tôi không hiểu, sao không hiểu?
Để tội tình chưa, nó chết oan!

Xà lim số 1, lao Thừa Thiên
Tháng 5-1939

*
* *

QUANH QUẨN

Có ngang dọc mới hiểu buồn quanh quẩn
Khổ vô biên của ngày tháng khô khan.
Đây con tàu im lặng vượt thời gian
Toa lớn nhỏ quanh năm vừa chật chỗ.
Khách chen chúc trên hai hàng sập gỗ
Một lối đi vừa rộng giữa bờ vai
Những tường cao và những chấn song gài
Chuồng tiêu giữa hai ô phòng nho nhỏ
Giản tiện quá: chơi, nằm, ăn, ỉa đó.
Đủ ba mùi: vôi, cứt, với mồ hôi
Trộn hòa nhau làm nên một thứ mùi
Cay nồng nặc của bọn người khốn nạn
Mà muỗi rệp cũng hè nhau đốt cắn
Mà đến loài chí rận cũng không tha!
Mỗi người đi khi lãnh vé vào toa
Là cảm thấy mình sa vào địa ngục
Nơi phải nuốt chua cay và tủi nhục
Trọc lóc đầu, số áo đã thay tên
Bàn tay trơn còn đâu nữa tự quyền
Còn đâu nữa mênh mông trường hoạt động!
Thân giam cầm như con thuyền biển rộng
Sống loanh quanh trong một vũng ao tù
Đời lặng thầm không một tiếng vang to
Trăm ý nghĩ không ngoài khuôn chật hẹp.

Ngày cứ thế, vươn lên rồi cửa khép:
Nghĩa là trưa: lại mở: nghĩa là chiều

Rồi là đêm, cửa khóa. Ngọn đèn treo
Bật cháy sáng. Thì thầm rồi yên tĩnh
Toa tàu đổi làm một căn phòng bệnh
Những chăn đơn phủ kín những hình hài...
Rồi lại mai, trưa, chiều, tối: một ngày mai
Tuy khác đến, nhưng để rồi lại cũ
Mùa đổi áo trên những cành gội nhỏ
Một khung trời mưa nắng, bốn tường câm.
Ga thời gian, từng chặng, mất vừa tầm
Khách đôi kẻ trông ra ngoài tính nhẩm...
Ngày đi chóng bởi không chờ, tháng chậm
Khách dài lâu ngao ngán rủa bâng quơ
Ở ngoài kia, bao kẻ đợi người chờ!
Bao đồng chí, những ai còn ai mất?
Trái đất hỡi, sao mà mi vẫn chật!
Đừng ai vô thêm nữa, bạn đời ơi
Rát mắt trông ra, cửa sắt ngăn trời
Ôi đêm tối những nơi nào lửa đỏ?

Nếu đôi lúc ta hát thầm nho nhỏ
Dưới gầm xai, hay cười nói huyên thiên
Như một thằng trẻ dại, một thằng điên
Là để khổ trong những giờ im lặng

Để nuốt bọt với bao nhiêu mật đắng
Của một đời cách biệt khối đời chung
Để nao nao với những mộng không cùng
Để cháy ruột mơ những ngày hoạt động.

Lao Thừa Thiên
Tháng 6–1939

*
* *

KHI CON TU HÚ

Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây bàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...
Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu tú ngoài trời cứ kêu!

Huế, tháng 7-1939

*
* *

NHỚ ĐỒNG

Tặng Vịnh

Gì sâu bằng những trưa thương nhớ
Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!

Đâu gió cồn thơm đất nhả mùi
Đâu ruồng che mát thở yên vui
Đâu từng ô mạ xanh mơn mởn
Đâu những nương khoai ngọt sắn bùi?

Đâu những đường con bước vạn đời
Xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi
Giữa đồng ngày tháng âm u đó
Không đổi, nhưng mà trôi cứ trôi...

Gì sâu bằng những trưa hiu quạnh
Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!

Đâu những lưng cong xuống luống cày
Mà bùn hy vọng nức hương ngây
Và đâu hết những bàn tay ấy
Vãi giống tung trời những sớm mai?

Đâu những chiều sương phủ bãi đồng
Lúa mềm xao xác ở ven sông
Vẳng lên trong tiếng xe lùa nước
Một giọng hò đưa *hố* não nùng.

Gì sâu bằng những trưa thương nhớ
Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!

Đâu dáng hình quen, đâu cả rồi
Sao mà cách biệt, quá xa xôi
Chao ôi thương nhớ, chao thương nhớ
Ôi mẹ già xa đơn chiếc ơi!

Đâu những hồn thân tự thuở xưa
Những hồn quen dãi gió dầm mưa
Những hồn chất phác hiền như đất
Khoai sắn tình quê rất thiệt thà!

Đâu những ngày xưa, tôi nhớ tôi
Băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời
Vẩn vơ theo mãi vòng quanh quẩn
Muốn thoát, than ôi, bước chẳng rời.

Rồi một hôm nào, tôi thấy tôi
Nhẹ nhàng như con chim *cà lơi* [1]
Say đồng hương nắng vui ca hát
Trên chín tầng cao bát ngát trời...

Cho tới chừ đây, tới chừ đây
Tôi mơ qua cửa khám bao ngày
Tôi thu tất cả trong thầm lặng
Như cánh chim buồn nhớ gió mây.

Gì sâu bằng những trưa hiu quạnh
Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!

Tháng 7–1939

1. Cà lơi: Loại chim sơn ca.

14 THÁNG 7

Tung ngục tù ra, tung ngục tù ra!
Ai đâu giam cấm được hồn ta
Ai đâu giam cấm được lời ca
Thuở oanh liệt của muôn đời tất nghỉ!
Ta nhắm mắt để thời gian trên mi
Trở thuyền hồn lên những bến bờ qua
Bữa nay ta lại tới cấm thuyền ta
Giữa những tiếng reo hò dân nước Pháp.

Tháng bảy nóng, bụi mờ và nắng ngập
Tất cả Pari nổi dậy tưng bừng
Không gian xanh dội tiếng hát vang lừng
Hồn Cách mệnh đã châm ngòi thuốc nổ.
Người hỗn loạn, đổ xô ra đường phố
Vạn gia đình căm hận đạp lồng ra
Và lớn, và bé, đàn ông, đàn bà
Tất cả chiếm, mỗi người đôi khí giới
Anh hàng thịt vung con dao sáng chói,
Người lính già quắc thước múa chuôi gươm

Và anh hàng giày quần áo rách tươm
Anh thợ dệt đang nằm sau cửa xưởng
Cùng trỗi dậy, oai nghi như võ tướng
Giật thanh đao, khẩu súng nhảy ra ngoài.
Những thằng con bé bỏng cũng giương oai
Phồng má thổi kèn sau gót bố.

Những bà cụ tưởng không hề biết sợ
Và những nàng con gái dáng thơ ngây
Chạy lăng xăng trên những cỗ xe đầy
Kho thuốc đạn mà toán người hì hục
Đẩy nhanh lên hướng thành cao cửa ngục
Nơi muôn người vô tội rục nhừ xương
Nơi dung thân cả chế độ bạo cường
Giết giết sạch cả một loài bạo chúa!

Cửa ngục đổ. Cả Pari rầm rộ
Kéo nhau về tràn ngập điện Hoàng gia
Muôn cánh tay xây dựng Cộng hòa
Xô xuống đất chiếc ngai vàng mục nát
Cùng lúc đó, từ đồng xa tiếng hát
Tiếng hò reo vang dậy đất bùn lầy
Lời hoan hô của nước Pháp dân cày
Vang giọng sấm: "Chúng ta chào Cách mệnh!"

Toàn dân tộc, một loài chim trói cánh
Đang âm thầm náo nức khát không gian
Bỗng vươn lên trên chế độ điêu tàn
Nghe rạo rực trong tim đời mới dậy
Nghĩa Bình đẳng, Tự do, và Bác ái
Từ hôm nay chói lọi với ba màu
Ôi ngọn cờ dân chủ đẹp làm sao!
Ôi những sắc diệu huyền gây phấn khởi!

Dân tộc Pháp hỡi! Dân tộc Pháp hỡi!
Cho hồn ta theo hưởng phút vui điên
Ta muốn nghe tiếng hát dập ưu phiền
Ta muốn nhảy lên ngọn cờ dân chủ
Để ta trộn hồn ta trong sắc đỏ
Để đôi màu xanh trắng quấn làn da!
Ta muốn bay ra ánh sáng bao la
Mà thịt vẫn nằm lì trong ngục tối!
Hồn mi hỡi! bao giờ ta thoát khỏi
Basti này và những xích xiềng đây [1]?
Còn bao lâu mi hỡi, bảo ta hay?
Đêm đang biến nghĩa là ngày đang dậy.

Lao Thừa Thiên. Kỷ niệm 14-7-1939

*
* *

1. Basti (Bastille): Tên nhà ngục của chế độ quân chủ Pháp.

GIỜ QUYẾT ĐỊNH

Không thể nữa, lưng chừng hay tính toán
Trọn đời ta rút gọn ở giờ này
Bão đã rốc thổi già trên biển loạn
Sống là đây mà chết cũng là đây!

Không thể nữa, lơi chèo hay quay lái
Đằng sau kia còn bãi cát nào đâu?
Chỉ ghê gớm núi chồm lên sóng dại
Chực quăng ta vào mỏm đá nhô đầu!

Không thể nữa, cầu xin êm gió nước:
Gió vô tri và nước cũng điên cuồng
Phật vẫn lặng như ngàn năm thủa trước
Và Trời hay Thiên chúa chỉ hư không!

Không thể nữa, không bao giờ được nữa!
Đoàn ghe ta chỉ sống ở trăm tay
Bão cố xé cho đoàn ta tan rã
Thì mau lên, riết chặt mối ngàn giây!

Xích sát lại, cặp kề nhau vững chắc
Dầu sóng tung hay gió quật thâm người
Da rét, mặc! tả tơi quần áo, mặc!
Phải gắng lên, mỗi đứa chúng mình ơi!

Tay bình tĩnh cứ ghì ôm vững lái
Còn bao nhiêu cứ cắm cổ bơi chèo!
Không một tiếng thở dài buông rã rượi
Không một lời để chán nản thầm gieo!

Dầu phải chết một phần ta, cứ chết!
Không kêu ca, không tiếc hối, than phiền.
Quyết không để cả đoàn tan nát hết
Bạn thuyền ơi! Nỗ lực bơi chèo lên!

Tháng 4–1940

*

* *

TRANH ĐẤU

Tôi đã sống những ngày điên phẫn uất
Nhưng chưa hề một bữa như hôm nay.
Tôi đã nghe ran nóng máu hăng say.
Rung cơ thể khắp đầu tay ngọn tóc
Nhưng chưa biết có bao giờ lại mọc
Ở trong tôi, một núi lửa hơi đầy
Thét vang trời ghê gớm như hôm nay.

Tôi bước giữa một đoàn quân dũng mãnh
Tuy rất ít, nhưng tinh thần cách mệnh
Đủ làm cho nó hóa một sư đoàn
Trán gân mo nhuộm tím máu căm hờn
Chân đánh nhịp vang một gian khám hẹp
Mà song kín, tường cao và cửa thép
Vẫn không ngăn tiếng thét của tâm hồn.
Tôi sợ gì sức yếu với cô đơn
Lúc tay nắm thành những thanh chùy sắt
Đoàn quân nhỏ, một tinh thần thống nhất
Hai mươi lăm người, chỉ một đầu thôi
Nghiến chặt răng và sủi bọt quanh môi
Rít lên những tiếng dài ghê rợn:
"Đả đảo tra tấn! Đả đảo tra tấn!"
Những tiếng kêu từ đáy ruột dồn lên
Xé gan khô, cắt đứt những thanh huyền
Và mạch máu tưởng tuôn trào khóe mắt!

Cần chi biết đây là gian khám chật
Hay thênh thang đất rộng của muôn người?
Tôi chỉ gào và chỉ nhớ còn tôi
Tôi cố thét, sao vẫn còn nhỏ quá!
Những tức tối, trời ơi! Không thể hả
Như một con chó dại bỗng lên cơn
Tôi lồng lên, tôi cố thét to hơn
Để căm giận trút ào trong tiếng phổi!

Tôi chẳng biết cũng không cần tự hỏi
Bao lâu rồi. Cho đến lúc tàn hơi.

Cho đến khi cuống họng vỡ toang rồi
Và huyết quản đứt dòng, tim hộc máu
Tôi sẽ chết sau những giờ chiến đấu.
Cần biết chi gươm súng của quân thù
Chĩa vào đầu Cách mệnh vẫn cao hô:
"Chống khủng bố! Chống khủng bố!"
Và giữa lúc những giày đinh man rợ
Dùi cao su và những ván dần lưng
Quăng mình theo chiến đấu với đoàn quân
Tôi ngạo nghễ với trăm dòng tư tưởng...

Trong đoàn thể, đi tìm kho lực lượng
Phải, đây rồi, đang những phút nguy nan
Không gì hăng bằng sức một quân đoàn
Giương mắt chĩa vào quân thù ác độc
Những ánh lửa xanh lè và hằn học
Hận trào lên khinh cái chết kề bên
Chí miên man theo ý nghĩ lưu truyền:
Phải đạp đổ cường quyền quân đế quốc!
Dù chăng nữa để hồi sinh dân tộc
Phải tan đầu, nát óc, ta cần chi?

Và tự hào, trong những phút đê mê
Tôi thấy cả một đoàn quân chiến thắng
Mà lũ khốn đang già tay đánh mắng
Vẫn than ôi, một lũ chó đê hèn!
Trong niềm vui nóng hổi bốc hơi men
Tôi vụt thấy một ảnh hình: Lê Chưởng [1]
Đang quằn quại bỗng nghiêng tai sung sướng
Riết câm môi, nhận cái chết không lời
Lúc ngoài kia dân chúng ở trăm nơi
Nghe tiếng réo hận thù vang mặt đất

1. Đồng chí Lê Chưởng bị bắt và bị tra tấn dữ dội tháng 6-1940. Cuộc đấu tranh chống tra tấn này nhằm mục đích ủng hộ đồng chí trong khi tuyệt thực.

Như đám cháy trong gió lồng rần rật
Muôn nghìn trái tim, một ngọn lửa thiêng
Triển gân lên, rung chuyển cả giây xiềng
Đồng đứng dậy đạp đầu quân khốn nạn!

Lao Thừa Thiên, tháng 7–1940

*
* *

DẬY LÊN THANH NIÊN

Lời Tổ quốc

Hỡi những con khôn của giống nòi
Những chàng trai quý, gái yêu ơi!
Bâng khuâng đứng trước đôi dòng nước
Chọn một dòng hay để nước trôi?

Hỡi những con khôn của giống nòi
Đã từng đau tự thuở trong nôi
Đã từng thấy Mẹ lăn trong máu
Lệ đã chua cay ngấm nụ cười.

Mẹ đã vì con khổ vạn đời
Hận thù đế quốc quyết không nguôi
Còn chi đâu nữa nuôi con lớn
Vú mẹ giờ đây cạn sữa rồi!

Há để ai bênh vực lợi quyền
Dậy lên, tất cả những thanh niên!
Dậy lên, hỡi những linh hồn thép
Dân tộc lưu đày vạn tập truyền!

Phất ngọn cờ lên, tung bước lên
Với kho hùng khí của thanh niên
Vang lừng mặt trận rung trăm trống
Cách mạng quân ta cướp chính quyền!

Cờ tự do bay rợp chiến đài
Bốn phương trời đỏ rực tương lai
Dậy lên, hỡi những linh hồn trẻ
Máu của con yêu nhuộm thắm đời!

Tháng 5–1940

*
*   *

NĂM XƯA

Năm xưa tôi đến chốn này
Trông vời ngọn núi, đá xây thành trì
Băng ngàn lớp lớp mây đi
Gió lay từng trận, rừng cây sóng dồi...

Rồi bỗng bao nhiêu mối hận sầu
Trong lòng tôi, khoét vết thương sâu
Giữa miền địa ngục trần gian ấy
Ôi đã hy sinh biết mấy đầu!

Tôi nhớ đàn anh tự thuở xưa
Thiết tha, tuy chửa gặp bao giờ
Tôi hình dung những linh hồn ấy
Để tặng tình thương trong cõi mơ...

Năm nay lại tới chốn này
Trông vời ngọn núi, đá xây thành trì
Băng ngàn lớp lớp mây đi
Gió lay từng trận, rừng cây sóng dồi...

Xưa cũng trời đây, cũng đá đây
Khách qua đường cũ, cũng tôi rày
Cũng từng ấy cảnh, chi đâu khác?
Duy chỉ đời tôi đã đổi thay.

Tôi thấy lòng tôi sao dửng dưng
Vô tâm như một khách quen đường
Những hình ảnh cũ treo lên đó
Song chẳng làm tôi khóc cảm thương.

Có phải chi đâu gió bụi đời
Đã làm khô cạn suối tình tôi?
Phải đâu vì lệ không gieo nữa.
Mà hận cừu chung đã dập rồi.

Tôi khóc năm xưa những kiếp tù
Bởi đời tôi đã khổ chi đâu
Đứng ngoài đau khổ, ta thường khổ
Hơn lúc vào trong cảnh khổ đau.

Tôi của năm nay lại chốn này
Thân đày, xích sắt nặng còng tay
Trên đường theo dấu chân muôn bạn
Gót rỗ hằng quen giẫm bước gai.

Đau đớn làm tôi hóa dạn dày
Như dòng sông giá buốt tê tay
Lòng không muốn khóc rên than nữa
Tôi chỉ cười thôi, ôi đắng cay!

Lao Bảo, tháng 9–1940

*

*   *

CHÂU RO

Châu Ro ơi, xa rừng quê núi cũ
Từ nơi đây buồn lắm phải không anh?
Người Thượng già đương mải ngó xa xanh
Với đôi mắt dại đờ trong tuyệt vọng
Bỗng quay lại, cơ chừng nghe xúc động
Cả một lòng thương nhớ, dưới chiều đi
Anh nhìn tôi, đau đớn, rồi thầm thì:
"Tôi nhớ lắm, chui cha, tôi nhớ lắm!"

Ôi tiếng nhớ sao mà nghe buồn thảm
Nó kéo dài như một tiếng dê kêu
Lạc bầy đi ngơ ngác dưới sương chiều...

Tôi để lặng nghe nỗi lòng đau khổ
Của anh bạn, trong khi sầu não đó
Kể bên tai, bằng một giọng rừng non:
"... Mấy năm rồi, xa cái vợ cái con
Tôi nhớ lắm! Nhớ cái nhà cái cửa
Nhớ cái rẫy nhiều khoai, nhiều bắp lúa
Nhớ con bò to, nhớ mấy con heo
Không biết còn, hay Ông bắt chết queo [1]
Để con đói với vợ nghèo trong núi?"
Rồi bỗng lặng trầm ngâm anh rã rượi
Há hốc mồm như để gió rừng xa
Của quê hương đem lại chút hơi nhà...
Và dưới bóng mây đen, trong hộc tối
Như hang đá chiều hôm dày khí núi
Đọng sương mờ trên đôi mắt chứa chan
Bao nhớ nhung, thờ thẫn, ngó lên ngàn...
Anh không khóc nhưng vì đâu chẳng biết
Có lẽ bởi bao nhiêu điều nhớ tiếc
Trong lòng anh hun lại khối căm hờn
Những bàn tay độc ác đã chia tan
Tổ yên ấm trên đầu ngàn ngọn núi
Tôi bỗng thấy chớp lòe lên dữ dội
Lửa thù trong đôi mắt tối chiều đông
Đôi vành môi thành một lưỡi dao cong
Anh nghiến chặt hai hàm răng lẩm bẩm:
"Đau cái bụng, ui chui cha, tức lắm!" [2]

Và hồi lâu, bên ngưỡng cửa song tù
Tôi còn nghe tiếng nói của Châu Ro:
"Đau cái bụng, ui chui cha, tức lắm".

Lao Bảo, mùa đông 1940

*

* *

1. Ông: Theo cách gọi của người Thượng là chỉ bọn quan cai trị người Pháp.
2. Đau cái bụng: Một lối nói của người Thượng để chỉ sự uất ức trong lòng.

ĐÔI BẠN

Một đêm tối không mưa mà gió lạnh
Thổi hiu hiu vào những chấn song dày
Tôi nằm rên, đói lắm, đã năm ngày
Đèn đợi tắt. Bỗng nhiên ngày lặng lẽ
Có tiếng bước chân ai, dè dặt, nhè nhẹ
Rồi âm thầm hiện trước cửa xà lim
Một bóng đen. Người lính gác đi rình?
Tôi nghĩ thế, và làm thinh chỉ ngó.
Cái bóng sẽ nghiêng đầu qua cửa sổ
Rồi kêu vô bằng giọng cổ: "Tường ơi!"
Tiếng quen quen. À phải, bạn đây rồi!
Tôi nhổm dậy, tới gần se sẽ đáp:
"Bác đấy bác? Tường đây, mai lại gặp
Đêm lạnh rồi, cơ khổ bác mang tơi!
Cái tơi gà xích lại ngó vào tôi
Rồi nức nở: "Tường ơi! Anh đói lắm?
Tôi chỉ sợ qua đây đà quá chậm
Mất anh rồi, tôi khổ biết bao nhiêu!"

Cả lòng tôi khi ấy rối trăm chiều!
Tôi muốn nói một đôi lời an ủi
Nhưng lại sợ động lòng anh quá vội
Nên nghẹn ngào, chỉ ấp úng: "Bác ơi!
Thôi bác đừng khóc nữa, khổ lòng tôi!"
Người lính sẽ đưa tay, chùi nước mắt
Tôi những tưởng nỗi lòng anh tạm tắt
Nhưng mà không, anh mếu máo: "Tường này!
Mới khi mai, cụ sứ tuốt lên đây
Hắn nói rứa: "chết thì cho manh chiếu".

Rồi không đợi tôi phân trần anh hiểu
Người bạn già lại nức nở trong tơi...
Biết làm sao ngăn cản được bằng lời
Tiếng khóc của chân tình đau đớn ấy!

Tôi chỉ đợi cơn buồn anh dịu lại
Mới nên lời khuyên giải một vài câu:
"Bác, đừng nên khóc nữa, đã chi đâu
Đói chỉ mới dăm ngày, chưa đến liệt
Mà dẫu phải mai đây rồi sức kiệt
Anh em tôi có chết một đôi người
Chết đôi người nhưng để được ngày mai
Quyền lợi cướp dành lui cho kẻ sống
Thì chết đói có chi đâu là uổng?
Dứt đời đi mà vẫn cứ yên lòng!
Đời chúng ta còn lắm nỗi lao lung
Mà muốn sống phải xông vào cái chết
Phải tranh đấu đến kỳ cùng, quyết liệt
Còn một giây, còn một chút tàn hơi
Là phải còn tranh đấu mãi không thôi
Lấy xương máu mà chọi cùng sắt lửa!"
Người lính gác đứng im đi, không khóc nữa
Chỉ nghẹn ngào kể lể với lòng tôi:
"Rồi anh em nếu chết một đôi người
Đau đớn thế, tôi cầm sao nước mắt?"
Tôi chẳng nói, chuỗi tay qua cửa sắt
Và ngậm ngùi: "Bác cầm lấy tay cho!"
Cái bàn tay lính riết cái tay tù
Đôi cơ thể ôi tưởng hòa trộn máu
Với tất cả bao nhiêu tình ngọc báu
Của đôi linh hồn khổ tới hôm nay
Phút đậm đà, tôi sẽ kéo bàn tay
Dày dạn đó, nghe chuyển đầy sức mạnh
Và cúi xuống hôn nồng trong tay lạnh...
Rồi bâng khuâng đôi bạn dưới đêm mờ
Trông lên trời le lói ánh sao xa
Cùng im lặng để nghe lòng chung điệu.

Lao Bảo, tháng 11–1940
(Trong những ngày tuyệt thực)

*
* *

TRĂNG TRỐI

Từ thuở ấy, quăng thân vào gió bụi
Đến hôm nay phút chết đã kề bên
Đến hôm nay kiệt sức, tôi nằm rên
Trên ván lạnh không mảnh mền, manh chiếu.
Đời cách mạng, từ khi tôi đã hiểu
Dấn thân vô là phải chịu tù đày
Là gươm kề tận cổ, súng kề tai
Là thân sống chỉ coi còn một nửa
Bao khổ ấy, thôi cần chi nói nữa
Bạn đời ơi! Ta đã hiểu nhau rồi.

Nếu mai đây có chết một thân tôi
Hai mươi tuổi, tim đang dào dạt máu
Hai mươi tuổi, hồn quay trong gió bão
Gân đang săn và thớ thịt căng da
Đời mặn nồng hứa hẹn biết bao hoa!
Hai mươi tuổi mới qua vòng thơ bé
Dù phải chết, chết một đời trai trẻ
Liệm thân tàn bằng một mảnh chiếu con
Rồi chôn xương rục thối dưới chân cồn
Hay phơi xác cho một đàn quạ rỉa?
Tôi chẳng tiếc, chỉ cười trong mai mỉa
Bao nhiêu hình ảnh đó vẽ quanh tôi.

Tiếc làm chi? Thế cũng đã sống rồi
Trường giông tố mấy năm trời vật lộn
Với cách mạng, tôi không hề đùa bỡn
Và không hề dám chối một nguy nan,
Dẫu bao nhiêu thành quả của thanh xuân
Tôi mới hái một đôi lần ít ỏi
Và bên bạn, chỉ là tên lính mới
Gót chân tơ chưa dày dạn phong trần
Tôi vẫn hằng tự nghĩ: "Miễn quên thân
Dâng tất cả để tôn thờ chủ nghĩa

Thế cũng được, lựa chi nhiều tài trí
Mới là tên lính quý của đoàn quân?
Và lòng vui, trí nhẹ đủ trăm phần
Tôi sẽ chết bình yên, không hối hận

Tôi sẽ chết như bao nhiêu số phận
Nẻo đường xa, đã mạnh dấn chân vào
Đã từng lăn trong máu dưới gươm trào
Thân sẽ nặng bởi bao gông xiềng xích!
Tôi đã chết, tuy chưa hề tới đích
Nhưng cần chi, đã có bạn chung đời
Tung hoành trên mặt đất bốn phương trời
Trường giao chiến không một giờ phút lặng!
Rồi chiến thắng sẽ về ta, chiến thắng
Và tương lai, ta sẽ chiếm về ta!
Trường đấu tranh là một bản hùng ca
Ta sẽ chết trong điệu đàn tranh đấu.

Đây là tiếng, hỡi bạn đời yêu dấu
Của một người bạn nhỏ, trước khi đi
Đây là lời trăng trối để chia ly
Hãy đón nó, bạn đời ơi, đón nó!
Đường tranh đấu không một giờ thoái bộ
Sống đã vì cách mạng, anh em ta
Chết cũng vì cách mạng, chẳng phiền hà!
Vui vẻ chết như cày xong thửa ruộng
Lòng khỏe nhẹ anh dân quê sung sướng
Ngửa mình trên liếp cỏ ngủ ngon lành
Và trong mơ thơm ngát lúa đồng xanh
Vui nhẹ đến trên môi cười hy vọng.

Lao Bảo, tháng 11–1940
(Trong những ngày tuyệt thực)

*

CON CÁ, CHỘT NƯA

Năm sáu ngày mệt xỉu
Thuốc làm khuây mấy điếu
Vài ba hớp nước trong
Suy nghĩ chuyện bao đồng [1]
Vẫn không ngoài chuyện đói.
Đầu sàn, canh bốc khói
Chén cá nức mùi thơm
Lên họa với mùi cơm
Sao mà như cám dỗ!
Muốn ngủ mà không ngủ
Cái bụng cứ nằn nì:
"Ăn đi thôi, ăn đi
Chết làm chi cho khổ!"
Nghe hắn thầm quyến rũ
Tôi đỏ mặt bừng tai:
"Im đi cái giọng mày
Tao thà cam chịu chết!"

Hắn nằm im đỡ mệt
Rồi tha thiết van lơn:
"Đời mới hai mươi xuân
Chết làm chi cho khổ!"
Hắn nói to nói nhỏ
Kể lể chuyện đê hèn
Tôi vẫn cứ nằm yên
Hắn liền thay chiến thuật:
"Thôi thì thôi, cứ vật
Nhưng phải ráng cầm hơi
Theo với bạn, với đời
Cho đến ngày kết quả.
Ăn đi vài con cá
Năm bảy cái chột nưa

1. Bao đồng: Lan man.

Có ai biết ai ngờ?
Thế vẫn tròn danh dự!
Không can chi mà sợ
Có hôi miệng hôi mồm
Còn có nước khi hôm
Uống vô là sạch hết!"

Lần này tôi thú thiệt:
Lời hắn cũng hay hay
Lý sự cũng đủ đầy
Nghe ra chừng phải quá!
Ăn đi vài con cá
Năm bảy cái chột nưa
Có ai biết, ai ngờ
Thế vẫn tròn danh dự!
Nhưng mà tôi lưỡng lự
Suy nghĩ rồi lắc đầu
Đành không ai biết đâu
Vẫn không làm thế được!
Từ khi chân dấn bước
Trên con đường đấu tranh
Tôi sẵn có trong mình
Đôi mắt thần: chủ nghĩa.
Đã đứng trong đoàn thể
Bênh vực lợi quyền chung
Sống chết có nhau cùng
Không được xa hàng ngũ
Không thể gì quyến rũ
Mua bán được lương tâm
Danh dự của riêng thân
Là của chung đồng chí
Phải giữ gìn tỉ mỉ
Như tròng mắt con ngươi
Đến cạn máu tàn hơi
Không xa rời kỷ luật!
Phải trải lòng chân thật
Không một nét quanh co
Không một bóng lờ mờ

Không một nhăn ám muội!
Bụng nghe, chừng biết tội
Từ đó hết nằn nì
Không dám thở than chi
Và tôi cười đắc thắng

Lao Bảo, tháng 11-1940
(Trong những ngày tuyệt thực)

*
*   *

QUYẾT HY SINH

Kính tặng các đồng chí hy sinh
trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, 1940.

Các anh chị bước lên đài gươm máy
Đầu sắp rơi mà môi vẫn cười tươi!
Chỉ còn đây một giây sống nữa thôi
Mà mắt đó vẫn trông đời bình thản.
Giữa lúc giặc hầm hầm tay lắp đạn
Anh hùng lên tấm ván vẫn hiên ngang
Vẫn oai nghi, như bao thuở, đường hoàng!
Hơi chiến sĩ vẫn rền vang, dõng dạc:
"Hỡi giặc Pháp, tám mươi năm tội ác
Trên đầu bay. Sống thác ta cần chi!
Giết ta đi, lũ khốn, giết ta đi
Máu ta thấm vào muôn lòng rên xiết
Bay sẽ thấy cả Việt Nam đoàn kết
Đứng phắt lên, giết chết cả loài bay
Đứng phắt lên, chặt đứt xích xiềng này?
Một thây ngã, một trăm đầu xốc tới
Trăm đầu rụng thì muôn chân lính mới
Sẽ xông lên! Cờ phấp phới bay cao
Sẽ không rơi xuống đất một giây nào!
Kèn xung trận kêu gào muôn chiến sĩ!
Quyết chiến thắng, hỡi đồng bào, đồng chí!
"Nước Việt Nam độc lập..."
Ôi thương đau

Lời chưa xong chiến sĩ đã rơi đầu!
Các anh chị
Hãy ngàn năm yên nghỉ!
Bao lời ngọc, chúng tôi ghi xương tủy
Và xin thề trước bóng dáng thiêng liêng:
Quyết hy sinh, phá tan hết gông xiềng
Cho Tổ quốc muôn muôn năm độc lập!

Buôn Ma Thuột, tháng 2-1941

*
* *

BÀ MÁ HẬU GIANG

Trời Hậu Giang, tù và dậy rúc
Phèng la kêu, trống giục vang đồng
Đường quê đỏ rực cờ hồng
Giáo gươm sáng đất, tầm vông nhọn trời
Quyết một trận, quét đời nô lệ
Quăng máu xương, phá bẻ xiềng gông!

Hỡi ôi! Việc chửa thành công
Hôm nay máu chảy đỏ đồng Hậu Giang
Giặc lùng, giặc đốt xóm làng
Xác xơ cây cỏ, tan hoang cửa nhà
Một vùng trắng bãi tha ma
Lặng im, không một tiếng gà gáy trưa.
Có ai biết, ai ngờ trong đó
Còn chơ vơ một ổ lều con
Đạn bom qua, hãy sống còn
Núp sau lưng rộng một hòn đá to
Có ai biết trong tro còn lửa
Một má già lần lữa không đi

Ở đây sóng gió bất kỳ
Má ơi, má ở làm chi một mình?
Rừng một dải U Minh tối sớm
Má lom khom đi lượm củi khô

Ngày đêm củi chất bên lò
Ai hay má cất củi khô làm gì?
Hay má lẫn quên vì tuổi tác
Hay má liều một thác cho yên?
Bỗng đâu một buổi mai lên
Trên đường quê ấy, qua miền nghĩa quân
Một toán quỷ rần rần rộ rộ
Mắt mèo hoang, mũi chó, râu dê
Súng trường nhọn hoắt lưỡi lê
Khét nồng khí chết, tanh dề máu oan!
Chúng rảo bước. Lính quan nện gót
Mắt nhìn quanh lục mót dạng người
Đồng không, lạnh vắng, im hơi
Chỉ đôi bóng quạ ngang trời loáng qua
Ách – là! Thằng quan Ba dừng bước [1]
Rút ống nhòm, và ngước mắt nheo.

Xa xa sau lớp nhà xiêu
Một tia khói nhỏ ngoằn ngoèo bay lên...
Hắn khoái trá cười điên sằng sặc
Nhe hàm răng sáng quắc như gươm
Vẫy tay lũ tớ gườm gườm
Như bầy chó đói chực chồm miếng ăn
Rồi lẳng lặng bước chân hùm sói
Tiến dần lên tia khói, vây quanh...

Má già trong túp lều tranh
Ngồi bên bếp lửa, đun cành củi khô
Một mình má, một nồi to
Cơm vừa chín tới, vùi tro, má cười...
Chết! Có tiếng gì rơi sột soạt?
Má già run, trán toát mồ hôi
Chạy đâu? Thôi chết, chết rồi!
Gót giày đâu đã đạp rơi liếp mành.
Một thằng cướp, mắt xanh mũi lõ
Đốc gươm dài tuốt vỏ cầm tay

1. Ách là: Phiên âm tiếng Pháp nghĩa là đứng lại.

Rung rinh bậc cửa tre gầy
Nghênh ngang một ống chân đầy lối đi!

Hắn rướn cổ, giương mi, trợn mắt
Như hổ mang chợt bắt được mồi
Trừng trừng trông ngược trông xuôi
Trông vào bếp lửa: một nồi cơm to.
Hắn rống hét: "Con bò cái chết!
Một mình mày ăn hết này sao?
Đừng hòng che được mắt tao
Khai mau, du kích ra vào nơi đâu?
Khai mau, tao chém mất đầu!"
Má già lẩy bẩy như tàu chuối khô
Má ngã xuống bên lò bếp đỏ
Thằng giặc kia đứng ngó trừng trừng
Má già nhắm mắt, rưng rưng
"Các con ơi, ở trong rừng U Minh
Má có chết, một mình má chết
Cho các con trừ hết quân Tây!"
Thằng kia bỗng dậm gót giày
Đạp lên đầu má: "Mẹ mày, nói không!"
Lưỡi gươm lạnh toát kề hông
"Các con ơi! Má quyết không khai nào!"
Sức đâu như ngọn sóng trào
Má già đứng dậy, ngó vào thằng Tây

Má hét lớn: "Tụi bay đồ chó!
Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!
Tao già không sức cầm dao
Giết bay, có các con tao trăm vùng!
Con tao, gan dạ anh hùng
Như rừng đước mạnh, như rừng tràm thơm!
Thân tao chết, dạ chẳng sờn!"
Thương ôi! Lời má lưỡi gươm cắt rồi!
Một dòng máu đỏ lên trời
Má ơi, con đã nghe lời má kêu!
Nước non muôn quý ngàn yêu
Còn in bóng má sớm chiều Hậu Giang.

Đầu năm 1941

DẬY MÀ ĐI

Dậy mà đi! Dậy mà đi!
Đừng tiếc nữa, can chi mà tiếc mãi?
Ai chiến thắng mà không hề chiến bại
Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần?
Huống đường đi còn bước gian truân
Đây chưa phải trận sau cùng chiến đấu!
Thì đứng dậy, xoa tay, và tự bảo:
Chí còn đây sức lực hãy còn đây!
Lòng không nghèo tin tưởng ở tương lai
Chân có ngã thì đứng lên, lại bước.
Thua ván này, ta đem bày ván khác
Có can chi, miễn được cuộc sau cùng
Dậy mà đi, hy vọng sẽ thành công
Rút kinh nghiệm ở bao lần thất bại:
Một lần ngã là một lần bớt dại
Để thêm khôn một chút nữa trong người.
Dậy mà đi, hỡi bạn dân nghèo ơi!

Tháng 5–1941

*

* *

ĐỜI THỢ

Tặng Lung

Một đêm nữa, rồi thôi ra ngục tối
Mà lòng anh sao vẫn nặng trăm chiều
Ngoài song giăng, trăng sáng biết bao nhiêu
Mà anh thấy trời đen như vực thẳm!
Mừng lo đó, cuốn trăm vòng rối rắm
Hết tù nhưng đời vẫn lắm xiềng gông!
Ừ mai đây, chân lại sẽ thong dong
Thân rảnh nhẹ không vướng còng xích nữa
Anh lại sẽ trở về đeo kiếp thợ

Sống hôm nay chẳng biết có ngày mai
Hai bàn tay, ấy đó cả gia tài!
Anh lại sẽ lần hồi đi bán dạo
Bao tủy máu, mua ngày hai bữa gạo
Với quanh năm, đôi bộ áo quần xanh.
Thế rồi sao, còn vợ với con anh?
Trong mí mắt, cảnh gia đình hiện tới
Anh lại thấy ở nhà tranh rách rưới
Ngoài ngoại ô, rác bẩn như chuồng heo
Nằm soi lưng lở lói dưới ao bèo.
Đây là góc buồng xưa trong bóng tối

Có tiếng khóc nghe sao buồn nhức nhối
Một đứa con ghẻ mụn bám đen ruồi
Đang chao mình tấp tểnh đẩy tao nôi
Để ru ngủ một thằng em quặn đói.
Mẹ chúng nó còn lang thang bước mỏi
Ngoài đường xa phố sáng bán chè rao
Đó con anh và đó vợ năm nào
Xưa đã khổ mà nay càng thêm khổ!
Chừ anh lại về nơi đau đớn cũ
Hết tù nhưng rồi biết tính sao đây?

Cứ đeo theo mà chắp nối dòng ngày
Chỉ trôi tới một vũng lầy biết trước
Rồi sẽ chết, ôi vô duyên vô phước
Ngựa khô hơi quỵ gối bên đường trường!
Chừ sao đây? Về ấp lại tình thương
Để lưng vợ tạm nương ngày tháng lạnh
Con đỡ đói tới khi vừa mạnh cánh
Khỏi dầm sương dãi nắng kiếp lang thang?
Chừ sao đây? Kéo cờ trắng đầu hàng
Hay chuyển sức trăm cân đầu búa sắt
Gạt phăng hết những tình riêng nhỏ nhặt
Để tay ghì riết chặt khối đời to?

Chết con ta? Nhưng sống vạn đời thơ
Ừ chúng cũng là con ta đó cả.

Vợ ta chết? Nhưng sống muôn êm ả [1]
Nhà ta tan? Nhưng sống vạn gia đình
Không, phải hy sinh, phải nhất thiết hy sinh
Lòng vô sản phải mang tình nhân loại
Chí đã quyết ra đi là tiến mãi!
Ngoài song giăng, đêm đã biến từ nào
Có con nhồng đâu đó hót trên cao
Mây ửng đỏ ở ven trời xa rộng...

Xà Lim Quy Nhơn, tháng 10 –1941.

*
* *

NGƯỜI VỀ

— Rồi một hôm nào cởi áo xanh
Hết cùm hết xích hết roi canh
Nghiêng vai trút nhẹ đời giam cấm
Anh trở về anh của gia đình.

Đây nẻo làng quen tự bé thơ
Tre thân ngoắt ngọn ý mong chờ
Mái nhà ai khói làm lên đó
Có phải nhà anh những thuở xưa?

Có lẽ cọn anh lớn lắm rồi
Chúng đương đùa nghịch hét vang cươi [2]
Anh về, chắc chúng ngừng vui lại
Bỡ ngỡ rồi la: "Cha! Cha ơi!"

Và vợ anh đương thổi lửa chiều
Run mừng quẳng đũa bỏ nồi niêu
Đôi hàng tóc xõa tung không búi
Ôm lấy anh mà khóc giận yêu.

1. Ả: Chị.
2. Cươi: Sân.

Nhưng ngõ nhà xưa đã tới đây
Cột sơn đã đuổi liếp tre gầy
Bảng mờ ai khắc tên lên đó?
Anh thấy sao như kẻ lạc loài.

Chân muốn vô song lại ngập ngừng
Chó nhà đâu đã sủa người dưng
Anh nhìn len lét vườn cau mới
Và tấm bình phong đứng lạnh lùng.

Không, chính xưa anh ở chốn này
Tre già còn đó, miếu còn đây
Lòng bâng khuâng mãi ôn ngày cũ
Chợt tiếng người đâu: "Chú hỏi ai?"

Anh hỏi nhà anh – "Không phải đây!"
Rồi thôi quay đóng cửa then gài
Để ngoài sương gió chiều nghe lạnh
Bên khóm tre già, khách đứng ngây...

Tháng 9–1941

*
* *

TIẾNG HÁT ĐI ĐÀY

Tặng Huỳnh Ngọc Huệ

Đường qua mấy phố Quy Nhơn
Nhà sao trông lại yêu hơn mọi lần
Người đi quần áo chen chân
Ở sao như đã quen thân từ nào?

Xe ơi, chậm chậm ngừng giây phút
Kẻo nữa rồi đây lại khát khao!

Nhưng nhà đá rải lơ thơ
Người đi mấy bóng vẩn vơ trên đường
Đồng xanh gợn nhớ quê hương
Bơ vơ tiếng hát bên nương nắng chiều.

Xa rồi bóng dáng yêu thương cũ
Nhạt nhạt ngàn xa buồn cô liêu...

Đường lên xứ lạ Kông Tum
Quanh quanh đèo chật, trùng trùng núi cao
Thông reo bờ suối rì rào
Chim chiều chiu chít, ai nào kêu ai?

Muốn gầm một tiếng tan u uất
Hận bỗng tuôn theo gió thổi dài

Đường lên Đắc Sút, Đắc Pao
Đèo leo ngọn thác, cầu theo mặt ghềnh
Đìu hiu mấy ải đồn canh
Lòng đau lại nhớ các anh những ngày...

Chao ôi, xưa cũng chốn này đây
Thân bạn vùi xương dưới gốc mây
Roi vụt rát tay bầy lính rợ
Máu dầm khoái mắt lũ đồn Tây!
Mỗi hòn đá đó, bao hòn huyết
Một khúc cầu đây, mấy khúc thây!
Hỡi những anh đầu qua trước đó
Biết chăng còn lắm bạn đi đày!
Đường lên đỉnh núi Đắc Lay
Heo heo gió lạnh, sương dày vắng chim

Gà đâu gáy động im lìm
Mơ mơ mấy xóm tranh chìm trong mây
Đồn xa héo hắt cờ bay
Hiu hiu phất lại buồn vây vây lòng.

Có ai hiểu nỗi hờn ghê gớm
Trên mắt người trông với núi sương
Núi hỡi! Từ đây băng xuống đó
Chừng bao nhiêu dặm, mấy đêm đường?

Tháng giêng, 1942

*
* *

DƯỚI TRƯA

Gió khét bụi nồng hè nắng gắt
Khách đường xa dưới mặt trời trưa
Chân gõ nhịp đi lên bước nhặt
Miệng vang lừng huýt gió say sưa.

Bóng về cội, cây không rưới mát
Nóng thiêu đầu, nóng rát chân trơn
Đôi má đỏ, mồ hôi trán ướt
Khách lau qua với vạt áo sờn.

Rải rác bên đường, đôi quán trọ
Dừng chân uống ngụm nước rồi thôi
Băn khoăn khách lại lên đường cũ
Không dám cầm lâu phút nghỉ ngơi.

Tình đã phân chia cùng đất rộng
Lòng không vướng nợ, bén duyên gì
Dầu ngăn lối đó, bao nhu cảm
Chân vẫn bình yên vượt bước đi.

Và cứ tưng bừng theo lửa sống
Đường xa vô hạn, đích vô cùng
Chân trời lui mãi lan lan rộng
Hy vọng tràn lên đồng mênh mông...

Tháng 5–1942

*
* *

TƯƠNG THÂN

Tôi gặp bà con mới một lần
Mà sao lòng đã thấy yêu thân
Như quen biết tự ngày xưa ấy
Mỗi mặt phong trần, mỗi nét nhăn.

Ở cũng bàn tay đã nắm qua
Ngón dày gân guốc nhám chai da
Cũng mùi lưng khét quen mưa nắng
Cũng như lời quê, ý thiệt thà.

Thôi kể làm chi nỗi đoạn trường
Sau ruồng tre ấy, chốn quê hương
Tháng ngày chát cỗ cơm khoai sắn
Rách rưới lều che tạm gió sương.

Hiểu nhau rồi, hiểu lắm bạn ơi
Chừ đây, không đợi nói nên lời
Tay cầm tay với lòng chung một
Mau xúm lưng nhau dựng lại đời.

Tháng 9–1942

*
* *

ĐÊM GIAO THỪA

Đêm nay pháo nổ giao thừa
Mà người chiến sĩ không nhà còn đi
Truông dài, bái rậm, đồng khuya
Người đi như chẳng nhớ gì tết xuân
Người đi quên hết gian truân
Say mê như một dân quân trên đường
Xóm làng phảng phất quê hương
Nước non man mác tình thương mặn nồng
Song trong mưa gió lạnh lùng
Tái tê chân cũng ngại ngùng bước gieo
Nép lưng vào miếu tranh nghèo
Nao nao lòng lại mơ theo cờ hồng.

Xuân 1943

*

TIẾNG HÁT TRÊN ĐÊ

Thương chồng, em phải thay chồng
Thay chồng đi đắp đê công suốt ngày
Suốt ngày em lội dưới lầy
Lùa bùn vác đất đắp dầy đường cao
Bụng em không hạt cơm nào
Củ chuối em đào, ăn với hồng xanh [1]
Trời ơi! Mưa gió còn hành
Áo chiếu tan tành, em rét buốt xương!
Thầy cai ông xếp không thương
Roi bò còn vụt còn tương lên đầu!
Chém cha ba đứa đánh phu
Choa đói choa rét, bay thù gì choa?
Bay coi Tây Nhật là cha
Sướng chi bay hại nước nhà, bà con?
Liệu hồn bỏ thói du côn
Bằng không đòn lại trả đòn cho coi!

Mùa đông 1944

*
* *

ĐI

Tặng bạn trẻ

Đi, bạn ơi, đi! Biệt tháng ngày
Hoang mang không định hướng tương lai
Buồn thiu như dưới chiều quê lặng
Dải nước mương lê xuống vũng lầy.

Đi, bạn ơi, đi! Sống đủ đầy
Sống trào sinh lực bốc men say
Sống tung sóng gió thanh cao mới
Sống mạnh, dù trong một phút giây.

1. Hồng: Quả đu đủ (tiếng Thanh Hóa).

Đi, bạn ơi, đi! Cả cuộc đời
Của ta nào chỉ của ta thôi!
Đã vay dòng máu thơm thiên cổ
Phải trả ta cho mạch giống nòi!

Trả hết, không quyền tiếc mảy may
Trả ngay, không hẹn khất rày mai
Nước non rên xiết trong xiềng xích
Đã giục ta ra giữa chiến đài!

Và vạn anh hùng trên gió mây
Và nghìn thế hệ tới sau đây
Đương nhìn ta đó! Đi đi bạn
Cất nhẹ thân lên giữa phút này!

Nỗ lực bình sinh diệt địch cừu
Chúng ta nào phải lũ phiêu lưu
Tung bừa sinh mạng lên đùa bỡn
Với gió mây như đứa thả diều.

Ta đã đi, là ta quyết đi!
Đạp bằng trở lực, vượt gian nguy
Ngực còn thoi thóp, tim còn đập
Còn nghiến răng giương thẳng nghĩa kỳ!

1944

*
* *

ĐÓI! ĐÓI!

Lúa mùa mất sạch mọi nơi
Giặc còn vơ vét hết nồi đến thăng!
Đói xo khắp xóm khắp làng
Rau dưa chết giá, ngô lang xạc xờ
Buồn trông đồng trắng bãi khô
Lúa chiêm thôi hết ước mơ đầy nồi!

Một quan gạo sáu lon thôi
Không tiền mua cám mà nuôi mẹ già
Cháu thơ đói lả ôm bà
Con đeo chân bố khóc la đêm ngày!

Bà con ơi, tính sao đây?
Bã nâu thính trấu nhét đầy bụng sao?
Ăn xin, xin chẳng có nào
Nằm lăn mà khóc, mà gào ai thương?
Há đành chết lặng trên giường
Há đành gục xuống bên đường chết queo?

Dậy đi, hỡi bạn đói nghèo
Tay cầm thúng mủng, lưng đèo cháu con
Sợ chi dọa nạt roi đòn
Rủ nhau ta tới công môn ta đòi
Phát cho ta gạo ngô khoai
Cứu dân đi hỡi các ngài mặt mo!
Lúa ta chất ứ đầy kho
Dành cho ai hưởng, chẳng cho ta dùng?
Phát ngay cho kẻ bần cùng
Mẹ cha, con cháu, vợ chồng ta ăn!
Bà con ơi, chớ tần ngần
Cứu đời ta sống, phải cần tay ta!
Tiến lên hăng nữa, đừng tha
Cầm dao, cầm súng xông ra phen này!
Đánh cho giặc Nhật tan thây
Vằm cho nát mặt cả bầy Việt gian
Diệt trừ phát xít dã man
Việt Nam độc lập hoàn toàn tự do
Đời dân ta mới ấm no!

4–1945

*
* *

XUÂN ĐẾN

Hôm nay xuân ốm dậy
Buồn như đông, nhợt nhạt, mưa phùn.
Trên đường quê nhớp nháp đầy bùn
Đôi bóng xám nghiêng nghiêng trong gió rét.
Ôi xuân đó, những mắt viền bóng chết
Những mảnh buồm xơ xác phủ vai gầy
Những chân run bấm ngón trên đường lầy
Không biết định về đâu, nơi sống sót!
– Hỡi người bạn đã bao ngày đau xót
Lòng ưu tư giá lạnh như chiều nay
Hãy đưa tôi nắm chặt lấy bàn tay
Của bạn! Trong mưa phùn gió rét
Lòng sẽ ấm cùng nắm tay đoàn kết
Ta đi đi, tìm hạnh phúc từ đây!
Cùng những ai chán ngán cuộc đời này
Ta hớn hở riết bàn tay huynh đệ
Không gì mạnh bằng đoàn quân nô lệ
Mà hờn căm đã bốc lửa ran đầu
Cả loài người đau khổ đã kêu nhau
Vùng đứng dậy, nghiến chặt răng chiến đấu!
– Hỡi người bạn! Vui lên đi! Ất Dậu
Sẽ là năm khởi nghĩa, năm thành công!
Trời hôm nay dầu xám ngắt màu đông
Ai cản được mùa xuân xanh tươi sáng
Ai cản được những đàn chim quyết thắng
Sắp về đây tắm nắng xuân hồng?

Xuân Ất Dậu (1945)

*
* *

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh
Người lính già
Đã quyết chí hy sinh
Cho Việt Nam độc lập
Cho thế giới hòa bình!
Người đã sống năm mươi năm vũ bão
Vì nhân loại
Người quyết dâng xương máu
Vì giang sơn
Người quyết dứt gia đình!

Hồ Chí Minh
Người đã quyết
Mặc phong ba giá tuyết
Mặc gươm súng xiềng gông
Làm tên quân cảm tử đi tiên phong
Đánh trăm trận, thề trăm phen quyết thắng!
Bao thất bại dầu xát lòng cay đắng
Hồn vẫn tươi vui thơm ngát tình đời
Bước trường chinh dẫu mỏi gối khan hơi
Tim gang thép vẫn bừng bừng lửa chiến
Cờ đã phất, phải giương cao quyết tiến!

Người xông lên
Và cả đoàn quân, thừa huyết khí thanh niên
Rập bước tiến bên người Cha anh dũng
Tiếng Người thét
Mau lên gươm lắp súng!

Và cả đoàn quân
Đã bao nhiêu năm tháng trải phong trần
Mắt sáng quắc tay xanh lòe mã tấu
Vụt ào lên quyết hy sinh chiến đấu

Diệt cường quyền!
Ôi sức mạnh vô biên!

Hồ Chí Minh
Hỡi ngọn đuốc thiêng liêng
Trên đầu ta, ngọn cờ dân tộc
Trăm thế kỷ trong tên Người: Ái Quốc
Bạn muôn đời của thế giới đau thương!
Chúng tôi đây
Lớp con cháu trên đường
Gươm tuốt vỏ, súng cầm tay, xốc tới
Ngọn cờ đỏ sao vàng bay phấp phới
Nước non Hồng vang dội Tiến quân ca.

Hồ Chí Minh
Người trẻ mãi không già!

26-8-1945

*
* *

TRẦN ĐÌNH LONG

(1904 – 1946)

Trần Đình Long sinh ngày 1–3–1904 tại thành phố Nam Định, nay thuộc tỉnh Nam Định.

Học xong trung học ở Nam Định, Trần Đình Long sang Pháp học và tham gia hoạt động cách mạng trong phong trào do Đảng Cộng sản Pháp lãnh đạo, rồi được cử sang học ở Trường Đại học Cộng sản lao động Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, khóa 1928 – 1931.

Học xong, Trần Đình Long lại qua Pháp, rồi về nước. Đến Sài Gòn, Trần Đình Long bị bắt, bị đưa về Bắc Kỳ giam bốn tháng vì tội trốn đi Nga bất hợp pháp. Nhưng do không có chứng cớ cụ thể, Trần Đình Long được ra tù.

Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Trần Đình Long viết báo *Le Travail (Lao động)*, được phân công làm chủ nhiệm báo *Khỏe*, nhưng báo chưa kịp ra mới được quảng cáo rộng rãi, đã bị thu giấy phép, sau đó viết cho báo *Rassemblement! (Tập hợp!), En avant (Tiến lên)*, làm quản lý báo *Thời thế*, báo ra đến số 13, ngày 12–2–1938 là số cuối cùng. Trần Đình Long còn là biên tập viên của nhiều báo công khai của Đảng như *Tin tức, Đời nay, Notre voix (Tiếng nói của chúng ta)* trong những năm 1938 – 1939.

Năm 1940, Trần Đình Long bị thực dân Pháp bắt vì tội làm báo cộng sản và đưa đi giam ở Sơn La.

Tháng 3–1945, nhân cuộc đảo chính Nhật – Pháp, Trần Đình Long cùng nhiều đồng chí khác được chi bộ nhà tù bố trí cho vượt ngục ra ngoài hoạt động. Trần Đình Long về đến Hà Nội, bắt ngay được liên lạc với cơ sở, góp phần vào việc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Trần Đình Long được Đảng phân công giúp việc Chủ tịch Hồ Chí Minh trong công tác đối ngoại. Đầu năm 1946, bọn Việt Nam Quốc dân Đảng, tay sai của Tàu – Tưởng Giới Thạch, bắt cóc Trần Đình Long ở nhà riêng, đem về trường Đỗ Hữu Vị (nay là trường Phan Đình Phùng, ở phố Cửa Bắc) tra tấn dã man cho đến chết.

Trong công tác viết sách làm báo, Trần Đình Long thường ký bút danh là Lương Phong, nhiều bài chỉ ghi tắt là T.Đ.L, hay L.P. Tất cả các bài đều xoay quanh chủ đề tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản: giới thiệu Liên Xô, nêu rõ đường lối của Mặt trận Dân chủ, phê phán bọn xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, đấu tranh chống bọn phát xít.

BA NĂM Ở NGA XÔ VIẾT

(Ký sự)

TIỂU DẪN – Trong khi bọn đế quốc xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản, nói xấu Liên Xô, ký sự dài *Ba năm ở Nga Xô viết* ra đời, giới thiệu công khai, cụ thể mọi mặt đời sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân lao động Liên Xô, làm cho quần chúng cách mạng Việt Nam phấn khởi, tin tưởng hướng về Liên Xô, về chủ nghĩa cộng sản. Trần Đình Long viết *Ba năm ở Nga Xô viết*, thoạt đầu cho đăng dần dần ở báo *Thời thế*. Báo *Thời thế* bị cấm, tác giả chuyển sang cho đăng ở báo *Tin tức*. Báo *Tin tức* bị cấm, thiên ký sự vẫn chưa đăng hết.

Chúng tôi trích in hai chương đăng ở tờ Tin tức, cơ quan của Xứ ủy Bắc Kỳ dưới danh nghĩa Mặt trận Dân chủ, trong những số ra ngày 14, 17–9–1938.

ĐÀN, HÁT, NHẢY, MÚA...

Cũng như về nghệ thuật văn chương, Chính phủ Xô viết hết sức sưu tầm và bảo tồn những điệu đàn, hát, nhảy, múa của từng địa phương để giữ gìn lấy những cái hay, cái đặc biệt của mỗi dân tộc. Cái đặc biệt của những giọng đàn hát, điệu nhảy múa ở chỗ thôn quê là vẻ ngây thơ, chất phác; tiếng đàn, câu hát của dân tộc Á Đông có một giọng âm thầm, kín đáo. Bảo tồn được những cái hay, cái đặc biệt ấy là giữ lại được cái tinh túy về phong tục, tập quán và hiện tượng lịch sử của mỗi dân tộc, là bồi bổ để làm giàu cho môn nghệ thuật đàn, hát, nhảy, múa. Có những tài tử chỉ chuyên sưu tầm và luyện tập những điệu hát bình dân. Chính phủ phải gửi họ đến tận những nơi xa xăm, khuất nẻo, từ miệt Viễn Đông đến những nơi bãi biển, rừng sâu, để thu thập những giọng hát, điệu múa đặc biệt của từng dân tộc. Người ta còn đem cả những nghệ nhân của dân tộc ấy về các đô thành lớn để biểu diễn những câu hát, những điệu múa trên những sân khấu, nhà hát, trong các câu lạc bộ của lao động. Tôi đã từng được nghe, được xem những điệu hát, múa ấy, và cũng nhận thấy mỗi địa phương có một vẻ hay riêng. Tôi đã thấy những anh chị em thợ thuyền, trí thức nhiệt liệt hoan nghênh những giọng hát, điệu

múa ấy bằng những tiếng vỗ tay, tiếng hô "bis"[1] vang động muốn đổ cả nhà hát. Bảo tồn, gìn giữ những điệu hát bình dân không phải là cản trở sức phát triển của nghệ thuật. Không, nó vẫn phát triển tự do với cái tinh túy, đặc tính, phong thục, tập quán riêng của nó. Nó không phải phát triển như cách hát điệu Tây bằng tiếng An Nam, nghe như mắng vào tai người ta vậy.

Cũng như văn chương, nghệ thuật đàn hát không còn là của riêng của đám người giàu nữa. Đàn ngọt hát hay thì ai mà không thích. Song dưới chế độ tư bản, quần chúng xa cách với môn nghệ thuật đó, không phải là quần chúng không biết thưởng thức, mà là vì không đủ điều kiện. Lương ít, giờ làm nhiều, thất nghiệp, quần chúng chỉ lo ăn còn chưa xong, còn óc đâu mà nghĩ đến đàn với hát. Ở trên đất Xô viết, quần chúng đã có đủ những điều kiện ấy, lại được Chính phủ chú ý mở mang, nên môn đàn, hát, nhảy, múa rất thịnh hành ở khắp mọi nơi. Đem giọng hát, tiếng đàn, điệu múa làm cho vui vẻ, khoan khoái tâm trí người lao động cũng là một công việc nâng cao trình độ sinh hoạt dân chúng. Để môn nghệ thuật đó thâm nhập khắp các tầng lớp dân chúng, Chính phủ có đặt ra những lớp dạy đàn, hát, nhảy, múa ở các câu lạc bộ. Các bạn đã biết không có một tổ chức lớn nào là không có câu lạc bộ. Dùng câu lạc bộ làm nơi truyền bá, là một cách lôi kéo được hết thảy mọi người chú ý vào môn nghệ thuật đó. Những Công hội, Nông hội phải phụ trách săn sóc, mở mang các câu lạc bộ, đồng thời phải cổ động và khuyếch trương những lớp dạy về mỹ thuật. Trong những câu lạc bộ đều có lớp dạy đàn, lớp dạy hát, lớp dạy múa, lớp dạy diễn kịch... Lớp dạy đàn có đủ các thứ đàn và có 3, 4 thầy dạy. Thầy thì chuyên dạy đàn pianô, thầy chuyên về viôlông, măngđôlin. Những người đến học không phải trả tiền một xu nhỏ. Mỗi năm câu lạc bộ còn phát phần thưởng cho những người học giỏi, để khuyến khích dân chúng theo học cho đông. Về các lớp dạy hát trước hết người ta dạy hát những bài công cộng như các bài về cách mạng, về thanh niên, Hồng quân, để những khi ngồi tụm với nhau, những khi dắt nhau một lũ đi làm, đi tắm hay đi chơi, những khi đi biểu tình, đi tập trận cùng nhau cất đều tiếng hát nghe rất vui vẻ phấn khởi. Tiếng hát vang lừng trầm bổng làm người ta quên không thấy mệt nhọc. Những người có giọng tốt hát hay thì học những bài hát khó hơn, hát một mình hòa với

---

1. Bis: Lần nữa. Tiếng hô đề nghị biểu diễn lại lần nữa.

tiếng đàn, rồi có thể đi biểu diễn trên sân khấu. Những người có biệt tài, muốn theo đuổi môn nghệ thuật của mình cao hơn nữa, thì Công hội gửi đi học ở các trường nghệ thuật. Nhiều người trở nên những tay đàn ca rất giỏi. Có người thích làm một nhà tài tử, bỏ hẳn xưởng máy mà sống với môn nghệ thuật của mình.

Về điệu nhảy múa cũng vậy. Có hai lối nhảy múa bình dân, lối nhảy công cộng (mouvement d'ensemble) và lối nhảy riêng. Lối sau được người ta ưa thích hơn. Lối nhảy một mình là theo dịp đàn, tiếng hát hay dịp vỗ tay của người đứng vòng chung quanh mà nhảy múa những bước, những điệu rất lanh lẹ khéo léo. Lối này anh em Hồng quân nhảy rất khéo. Vì sau những giờ học tập ở trong trại, sau những khi tập trận ở trên bãi cỏ, anh em xúm nhau lại kẻ hát người vỗ tay, người theo nhịp nhảy múa rất vui vẻ và đẹp mắt. Anh em lao động những khi tụ họp trong câu lạc bộ hay ở nhà nghỉ thường cũng xúm lại hát những bài công cộng, hay lần lượt mỗi người khoe một điệu nhảy ngoắt nghéo, khó khăn để cho những người chung quanh hè nhau mà đánh nhịp. Điệu nhảy Côcadơ được nhiều người thích. Mỗi khi có đám đông người, là anh em đem ra chơi, không biết chán. Cái lối một người đàn ông và một người đàn bà ôm lấy nhau mà nhảy như nhảy tănggô, phốcxtrốt, rumba, [1] không còn thấy anh chị em lao động chơi nữa. Trước kia điệu nhảy đó cũng có, song dân thợ thuyền ít người biết đến. Tuy điệu nhảy ấy cũng là một thứ nghệ thuật đấy, song trông nó trưởng giả quá, nó dễ cho người ta lợi dụng cái thứ nghệ thuật ấy để giết chết nghệ thuật, để "gỡ gạc" lấy những cái cọ sát, để thỏa thích lòng dâm dục. Những điệu nhảy bình dân, những trò chơi công cộng đã đè bẹp lối nhảy trưởng giả, khiêu dâm ấy mà đem lại cho anh chị em lao động một vẻ vui đẹp ngây thơ.

Đấy là những điệu hát, múa bình dân, mỗi người đều có thể tự chơi lấy, hay là tham dự vào cuộc chơi được. Nó là một môn nghệ thuật thông thường để anh chị em lao động giải trí trong những lúc quây quần, tụ họp với nhau. Còn những món đàn, hát, nhảy, múa khó và cao hơn, thì đã có những tay chuyên môn, những nhà nghề biểu diễn cho các anh chị em thưởng thức. Không những quần chúng có đủ điều kiện để được ưa thích, yêu chuộng môn đàn, hát, nhảy, múa mà còn có trí xét đoán, biết thưởng thức môn nghệ thuật ấy nữa. Vốn mỗi người đều là một tay tài tử trong những điệu nhảy múa bình dân, nên anh chị em

1. Tănggô, phốcxirốt, rumba: Tên các điệu nhảy.

lao động dễ nhận định được cái hay, cái khéo trong nghệ thuật ca vũ của những tay nhà nghề. Môn nghệ thuật này cũng chiếm một địa vị vẻ vang rực rỡ trong đám quần chúng lao động Xô viết và trên nền nghệ thuật thế giới. Muốn thưởng thức những tiếng đàn hát du dương trầm bổng, nghe phải ngẩn ngơ lòng, những điệu múa uyển chuyển, mềm mại, lanh lẹ, ngoắt nghéo xem đến phải lác mắt, xin mời các bạn ung dung vào một vài rạp hát của anh em vô sản Nga.

... VÀ TRÊN MÀN ẢNH

Môn nghệ thuật diễn kịch có ảnh hưởng với công việc giáo dục, với đời sống dân chúng, với nền kiến thiết chủ nghĩa xã hội thế nào, thì ảnh hưởng của môn nghệ thuật chiếu bóng lại còn trội hơn một bực. Cách diễn tả của nghề diễn kịch đã rất gần với đời thực tế, nhưng cách diễn tả của các phim ảnh lại gần gũi, thiết thực rõ ràng hơn gấp bội. Cũng như các môn nghệ thuật khác, nghề chiếu bóng ở Nga Xô viết tiến bộ rất mau và hoàn toàn tiến theo một con đường cách mạng.

Về phương diện ích lợi cho nhân loại cố nhiên phim ảnh tư bản không thể bì được với phim ảnh Xô viết, nhưng về phương diện mỹ thuật phim Xô viết cũng ăn đứt cả những phim tư bản. Nhiều nhà dàn cảnh trứ danh, nhiều báo chí lớn ở các nước tư bản cũng phải công nhận như vậy. Một người không sành về môn chiếu bóng khi xem một cuốn phim Xô viết và một cuốn phim tư bản cũng có thể nhận biết ngay cuốn nào hay hơn. Cái hay của những phim tư bản là những cái cầu kỳ, đồ sộ, công phu, tốn phí như phim Mỹ; tình tứ, cảm động, lịch sự, sang trọng như phim Pháp. Những thứ cốt yếu để làm nổi bật những cái hay của phim ấy là: lâu đài nguy nga, tráng lệ, quần áo bóng bẩy, tha thướt, là những cặp đùi mũm mĩm, những cặp vú núng nính, những cặp mắt lẳng lơ, là những "sen" nhảy múa nhõng nhẽo, những điệu đàn rún rẩy, rộn rịp; và những cái hôn nồng nàn rung động. Phi những thứ đó, trừ dăm ba cuốn mỗi năm, còn thì hầu hết những cuốn phim tư bản không còn biết tìm cái hay ở chỗ nào nữa. Mà những cái hay ấy đều là những của riêng của bọn quý phái, trưởng giả, nó xa hẳn với đời sống của dân chúng. Nó chỉ có tính cách phô trương cách ăn xài xa hoa, phung phí khoe khoang cái hóm hỉnh, mánh khóe hơn người. Nó ít có đụng chạm đến việc xây dựng hạnh phúc cho nhân loại. Phim Xô viết thì khác hẳn. Khác cả

về tinh thần và hình thức. Những nhà dàn cảnh không phải mượn những dinh thự nguy nga, đồ đạc choáng lộn để làm đẹp cho cuốn phim mà lấy ngay những hầm than đen thui, những nhà máy đồ sộ, những cánh đồng lúa bát ngát, những nhà ở mộc mạc để bày cảnh. Như vậy đã không kém vẻ đẹp chút nào, lại làm cho cuốn phim tăng giá trị lên, vì nó đúng với sự thực, vì đấy là đời sống hằng ngày của dân chúng. Không cứ phải có đồ đạc đẹp, người đẹp, cuốn phim mới trở nên đẹp. Phim đẹp là do ở sự sắp đặt và kỹ thuật quay phim. Một phần lớn do nơi in phim cho đúng, lấy ánh sáng cho khéo để hình ảnh được nổi, rõ ràng và êm dịu. Nhất là việc chọn phong cảnh và cắt phong cảnh, những nhà dàn cảnh Xô viết lại có tài đặc biệt. Các bạn thử tưởng tượng một bức ảnh hoạt động, chưng một cánh đồng lúa mông mênh, bát ngát, dính sát tận chân trời. Luồng gió nhẹ nhàng lướt trên thảm lúa dịu dàng mềm mại, làm thành những đợt sóng uyển chuyển, rung rinh như những lớp sóng uốn khúc trên mặt biển rộng. Rồi ở đằng xa tít, in vào nền trời phủ bằng một lượt mây mỏng bay phất phơ đủng đỉnh, một chị nông dân tay nhẹ nhàng đẩy đưa chiếc hái. Cái hái đưa đi một dịp lại làm cho chị nông dân dần dần lại gần ta và cho ta trông rõ nét mặt không son phấn, ngây thơ, tươi đẹp, mỉm cười với lúa, với gió, với mây. Cảnh đẹp đó êm ái biết chừng nào, ngoạn mục biết chừng nào. Những nhà dàn cảnh ở nước tư bản ít biết tìm những cảnh đẹp ấy, vì họ còn mải kiếm ở những "sen" musichall lộng lẫy, ở những bộ quần áo sang trọng, rực rỡ. Lối dàn cảnh ở cuốn phim *La Symphonie inachevée* (Bản giao hưởng bỏ dở) là một hình thức chịu ít nhiều ảnh hưởng của nền nghệ thuật Xô viết. Cuốn phim *Audel du Rhin* của Đức thì thật là hoàn toàn theo lối xếp đặt như những phim của anh em vô sản.

Về phần tài tử, họ cũng không phải mượn cái đẹp ở những bộ quần áo "kẻng", những bộ tóc uốn, những cặp lông mày kẻ, mà họ chỉ để bộ mặt trần với những quần áo xoàng xĩnh như anh thợ, chị dân cày thường mặc hằng ngày. Thảng hoặc, có khi đóng những vai "buốcgioa" [1] họ mới cần đến bộ đồ sang trọng. Nhưng những vai này thỉnh thoảng mới cần đến; còn phần nhiều là những phim tả những hiện tượng của xã hội hiện tại. Phim Xô viết không phải chỉ để làm thích mắt cho người xem trong chốc lát, mà chủ ý của nó là dùng nghệ thuật để cảm hóa những phần tử xã hội để xây đắp cõi hạnh

---

1. Buốcgioa: Phiên âm tiếng Pháp (bourgeois) nghĩa là thị dân, tư sản.

phúc cho nhân loại. Ở đất Xô viết, người ta có thể ví cuốn phim như thang thuốc để chữa các thứ bệnh của xã hội; bệnh mê tín, bệnh say rượu, bệnh lười biếng, bệnh thơ dại... Nó cũng là thuốc bổ để bồi bổ cho sức kiến thiết xã hội thêm mạnh mẽ, cường tráng. Nói rõ hơn, không một cuốn phim nào của Nga Xô viết là không đánh vào một yếu điểm của xã hội, hoặc để đề phòng, cải thiện hay cổ động cho yếu điểm đó.

Tuy vậy, như trên tôi đã nói, không phải cứ ép mỗi cuốn phim phải đụng chạm đến một vấn đề xã hội là làm mất tinh thần nghệ thuật đâu. Cũng như diễn kịch và còn rộng hơn diễn kịch, cái hay của mỗi cuốn phim là do ở nghệ thuật trước tác, dàn cảnh và những tài tử đóng trò. Dựa vào mỗi vấn đề khác nhau, thì cốt truyện của mỗi cuốn phim cũng khác nhau. Cốt truyện của nhiều phim, rất ly kỳ, lý thú làm cho người xem phải say sưa, cảm động, song tựu trung nó vẫn ám chỉ một nết xấu nào của xã hội; hay và có ích. Nó phải là một nền nghệ thuật để phụng sự cho nhân sinh; chứ không phải chỉ nghệ thuật là nghệ thuật.

Làm ra những cuốn phim ấy là một công việc của nghệ thuật Xô viết, làm cho nó qua được mắt hết các tầng lớp dân chúng lại là một công việc nữa của Chính phủ. Chỉ công việc trên là khó. Chính phủ phải luôn luôn săn sóc, báo chí phải luôn luôn bình phẩm để cho nền nghệ thuật thứ bảy luôn luôn đổi mới, không để nó nhắc đi nhắc lại mãi một cốt chuyện, một lối dàn cảnh. Còn công việc thứ hai thì rất dễ, vì có đủ điều kiện thuận tiện. Dân chúng vốn đã khát khao thèm muốn thưởng thức nghệ thuật. Một khi đã được sống một cuộc đời rộng rãi, sung túc, thì không cần cổ động lắm, dân chúng đã sẵn sàng đến giải trí mua vui trong các rạp hát, rạp chiếu bóng. Gia dĩ hết thảy các tổ chức của thợ thuyền, dân cày, trí thức, thanh niên, phụ nữ, nhi đồng đều có câu lạc bộ là chỗ rất thuận tiện để phô diễn nền nghệ thuật, nên chi mỗi cuốn phim làm ra, nếu nó không trình qua mắt được toàn thể dân chúng thì cũng được đại đa số dân chúng thưởng thức.

Từ năm 1926 trở đi, những rạp chiếu bóng đua nhau mở, mà cũng không đủ chỗ cho người xem. Nguyên một thành phố Mốtxcu, từ năm 1926 đến năm 1930 số rạp chiếu bóng mở thêm đến 50 cái, đấy là chưa kể hàng ngàn câu lạc bộ mà mỗi tuần hay mỗi ngày đều có chiếu phim cho anh chị em lao động coi. Cây tươi tốt phải mọc trên miếng đất tốt. Phải có những điều kiện như ở Liên bang Xô viết nền nghệ thuật mới khỏi bị lợi dụng, mới phát triển được tự do, mới giúp ích được cho nhân loại.

MỘT ĐÊM U ÁM
(Truyện ngắn)

TIỂU DẪN – Trần Đình Long viết nhiều thể loại, có nhiều bài văn chính luận, truyện ngắn. Dưới đây, chúng tôi chọn truyện ngắn *Một đêm u ám*, đăng trong báo *Tin tức*, số 23, ngày 6–8–1938. Câu chuyện nói lên một cuộc khủng hoảng tinh thần của một thanh niên – qua nhân vật Minh – trong những ngày đầu tham gia cách mạng. Xác định rõ con đường mình đi, Minh đã sẵn sàng gạt bỏ những tình cảm nghĩ đến gia đình "ân hận, áy náy, Minh tự thấy thẹn thùng, tuy cái ý nghĩ ấy chỉ một mình Minh biết".

Đêm ấy vào cuối tháng Bảy, trăng sao không có, trời tối đen như mực. Những giọt mưa Ngâu cứ rỉ rả rơi, như những giọt nước mắt của người thổn thức sụt sùi. Trong xà lim số 18 ở Sở mật thám Hà Nội, Minh nằm co quắp trên cái phản lim giá ngắt. Trơ trụi không chăn, không chiếu, không gối, Minh nghiêng mình gối đầu lên tay, hai đầu gối co sát vào tận ngực. Minh run bắn lên, hai hàm răng đập vào nhau cầm cập. Minh đương lên cơn sốt. Đã mấy hôm nay, Minh mắc bệnh đi ly. Không khí dơ bẩn trong xà lim, đồ ăn thiếu hết chất bổ mỗi ngày một tàn phá cái cơ thể khỏe mạnh của Minh, làm cho Minh cứ yếu sức dần, rồi đến hôm nay thì trụy hẳn. Minh rét lắm. Rét mà không có một tý gì để đắp cho đỡ. Trừ cái áo cánh và cái quần trắng ra, tìm khắp xà lim không còn một vật gì khả dĩ che đậy lấy người được. Minh phải dùng hai tay, hai chân để làm cái chăn đắp điếm lấy mình qua cơn sốt. Nhưng cơn sốt hành hạ Minh mãi mà chưa tàn. Người Minh nóng rực lên như than hồng, hai mắt đỏ ngầu, môi thì se lại, cuống họng thì khô hẳn. Minh khát nước lắm. Nếu ai cho Minh một chén nước thì thực là cải tử hoàn sinh cho Minh. Nhưng xin ai, mà ai cho? Mở mắt ra nhìn tứ phía, Minh chỉ thấy lờ mờ bốn bức tường phẳng lặng với cái khóa cửa khóa kín mít nhỏ trơ trơ lãnh đạm với một người ốm đương năn nỉ khẩn cầu. Minh cảm thấy cái cảnh chua chát của cái thân tù tội bị đọa đày rẻ rúng. Rồi những ý tưởng vẩn vơ cứ liên miên đến ám ảnh Minh trong lúc tinh thần đương khủng hoảng. Minh hồi tưởng đến những ngày Minh còn là một cậu học trò ngoan ngoãn. Mỗi khi Minh giở trời nóng sốt là cả

nhà lo lắng, săn sóc đến Minh. Mẹ Minh, với một vẻ mặt hiền từ lo lắng, một giọng êm đềm âu yếm luôn luôn nhắc nhở Minh những câu: "Con đã đỡ chưa? Mẹ hâm thuốc cho con uống nhé? Con cố ngủ đi cho chóng khỏi". Chị Minh yêu thương Minh cũng chẳng kém. Tuy nhà túng thiếu nhưng vẫn cố mua những quả lê, quả cam thực ngon, thực tươi, để Minh ăn cho tỉnh táo. Không lúc nào là ngơi giường Minh nằm, lúc nào cũng sẵn sàng để làm cho Minh vui bụng, mỗi cái cựa mình của Minh là mẹ và chị Minh cũng chú ý đến. Cái chăn hơi xê xích là cái bàn tay yêu dấu kia đã kéo đắp lại. Những cái nhìn đầy vẻ yêu thương hiền từ ấy, những giọng nói thân mật âu yếm ấy, những cái vuốt ve dịu dàng êm ái ấy, cái cảnh âu yếm ấy đã tám năm nay Minh không được thấy và cũng không còn thời giờ nghĩ đến nữa. Minh đã quyết đi theo tiếng gọi của phận sự, mà đành để một mối thương nhớ cho gia đình. Không phải Minh liều hay muốn thử chơi một cuộc mạo hiểm. Cái phong trào, cái tình thế lúc ấy không để cho một thanh niên giác ngộ hăng hái ngồi điềm nhiên an hưởng thú vui gia đình. Vì vậy mà Minh không ngần ngại ra đi cũng như hàng ngàn thanh niên khác, ra đi để tìm một con đường giải thoát cho mình, cho giai cấp mình. Thế rồi trên đường tranh đấu, Minh cứ vui vẻ, hùng dũng tiến bước, không bao giờ nghĩ vơ vẩn đến chuyện nhà.

Cho đến ngày nay... Dù Minh bị bắt đã bốn tháng trời, Minh cũng chỉ ôn lại bước đường đã qua, và sửa soạn những câu đối đáp khi phải căn vặn trước nhà chức trách. Minh vẫn thản nhiên như không. Cái ngày bị tù tội giam cầm, Minh đã biết thế nào nó cũng sẽ đến.

Nhưng đêm nay!

Cơn sốt mê người, cơn khát xé cổ đã kéo tâm hồn Minh vào thời kỳ dĩ vãng. Trong lúc mê man vơ vẩn, Minh đã sống lại trong tưởng tượng những phút êm đềm an tĩnh của lạc thú gia đình, rồi Minh đâm ra nhớ mẹ, nhớ chị, nhớ cả đến nơi ăn chốn nằm, đường đi lối lại. Một thứ tình cảm chạy đến rất mạnh, nó làm cho tâm hồn Minh rung động thổn thức. Minh thương mẹ, thương chị, không biết thân thế những người thân yêu ấy bây giờ ra sao? Rồi tâm tư càng khủng hoảng rối loạn. Minh muốn bỏ cả cuộc tranh đấu để về với gia đình yêu dấu. Minh muốn đứng phắt dậy, đạp tung cửa ra để chạy một mạch về ấp ủ vào lòng người mẹ hiền từ, lúc nào cũng thương yêu Minh, cũng sẵn lòng tha thứ cho Minh mọi tội lỗi.

Nhưng... Cơn sốt lên đến chỗ cao cùng cực đến lúc phải hạ dần.

Sau cơn giông tố, thời tiết trở lại tạnh ráo. Cơn khủng hoảng tinh thần của Minh cũng ngán dần với cơn sốt. Rồi lúc tinh thần được trấn tĩnh, Minh lấy làm rất hối hận với cái ý nghĩ hèn nhát trong cơn mê mẩn hôm qua. Minh ân hận, áy náy, Minh tự thấy thẹn thùng, tuy cái ý nghĩ ấy chỉ một mình Minh biết.

Tiếng chổi quét sền sệt trước sân, nhắc cho Minh đã gần đến sáng. Minh như sợ sệt bóng mặt trời sẽ soi tỏ cái ý nghĩ nhu nhược của Minh, Minh càng bồn chồn, bứt rứt.

Ngoài trời, giọt mưa Ngâu đã tạnh, vừng kim ô đã hửng đỏ làm tan cái đêm u ám tối tăm, đem lại cho trần gian một ánh sáng rực rỡ. Ánh nắng buổi sáng vừa êm dịu, vừa mát mẻ đem sinh khí lại, làm cho người ta phấn khởi, hăng hái trên con đường tranh đấu.

Đứng dậy, ngước mắt lên cửa sổ, ưỡn ngực hít vào, rồi thở ra thật mạnh, Minh thấy nhẹ hẳn người, như đã trút hết những cái nặng nề ám ảnh trong cái đêm u ám vừa qua.

LƯƠNG PHONG

MỘT CUỘC ĐIỀU TRA MUỐI
(Phóng sự)

TIỂU DẪN – Trong thời kỳ thực dân Pháp thống trị, chúng giữ độc quyền việc quản lý sản xuất, phân phối và xuất khẩu muối – một nhu cầu quan trọng trong đời sống hằng ngày của mọi người. Chúng dùng nhiều thủ đoạn tàn nhẫn để áp bức, bóc lột, hành hạ người dân làm muối.

Trần Đình Long được phân công tìm hiểu về đời sống của dân làm muối ở một vùng tương đối điển hình – vùng biển Nam Định, và xây dựng cơ sở cách mạng trong nhân dân lao động ở đây. Anh đã viết thiên phóng sự điều tra này, phản ánh sinh động, chân thực về đời sống người dân làm muối, những yêu cầu và nguyện vọng chính đáng của họ đòi nhà cầm quyền thay đổi chính sách độc quyền vô lý để cải thiện đời sống.

Tình cảnh đói khổ và những tiếng kêu ca thống thiết của dân làm muối đã thúc giục một vài ông Nghị viên phải lên tiếng giữa đại Hội nghị để tỏ rõ cách sinh nhai bị trăm điều ức bách của họ, đã bắt buộc Chính phủ phải họp một buổi Hội đồng có đại biểu Chính phủ, ông Chánh Đoan, các ông Nghị viên và đại biểu các nhà làm muối để bàn định về phương pháp cải cách vấn đề muối. Nhưng việc can thiệp của mấy ông Nghị viên, việc bàn bạc của Chính phủ, hình như chỉ làm để lấy lệ, vì hơn nửa năm đã qua, những tiếng than vãn, những tiếng tố cáo sự hà hiếp, áp bức của Tây Đoan mà các nhà làm muối nói trắng ngay giữa Hội đồng, đến bây giờ không những không có kết quả gì, trái lại, tình cảnh của dân làm muối càng khổ cực hơn nữa.

Những tin tức, những lời than vãn kêu ca hằng ngày ở các vùng làm muối đưa lại, càng cho chúng tôi thấy con đường sinh hoạt của dân làm muối đã đến bước cùng quẫn. Trong cuốn *Vấn đề dân cày*, anh Qua Ninh đã nói qua về hoàn cảnh khốn khổ của dân làm muối, cho được rõ rệt hơn, xác thực hơn chúng tôi phải đến tận nơi để xem xét. Một điều các bạn cần nhớ là cuộc điều tra của chúng tôi chỉ chú ý về đường sinh hoạt của dân làm muối, chứ không có tính cách về nghề nghiệp nghĩa là khảo xét về cách thức làm muối.

Văn Lý

Văn Lý là trung tâm điểm của những nơi sinh sản muối, cách Nam Định 45 cây số, song phải đi hết gần 4 giờ, vì ô tô nhà quê phải chờ một vài giờ, chừng nào hành khách chật cứng không còn cựa quậy được nữa, xe mới chạy. May mà không bị om, không bị bỏ rơi ở đường, không bị xe hỏng máy thì cũng phải 2 giờ chói xương, ngốt hơi mới qua được quãng đường 45 cây số. Ô tô chỉ chạy Chợ Cồn, phải một hào xe tay nữa mới tới Văn Lý. Nhưng ngay cuối phố Chợ Cồn đã phảng phất thấy hình ảnh độc đoán, ngang ngược của nhà Đoan, hình ảnh tiều tụy, nhăn nhó của đám dân làm muối. Hai cái hình ảnh ấy nó âm thầm chứa chất trong 6 cái kho bằng đá lợp bổi, to lớn, đồ sộ đứng sừng sững ở trong hàng giậu dài mà ngoài có biển đề mấy chữ: "Kho muối".

Phải! Đây chính là kho trữ muối, nếu không muốn nói là kho trữ mồ hôi, nước mắt, trữ bao nỗi phẫn uất, đói khổ của hàng vạn dân sống về nghề làm muối.

Đi khỏi kho muối này chừng 300 thước về phía tay mặt, cách đường cái chừng 200 thước đã thấy những ruộng muối nối liền nhau, dài dằng dặc, rộng bao la, trên điểm lô nhô những mốc quét vôi trắng như cột mốc ở bên đường. Những mốc ấy là của nhà Đoan bắt trồng để biên số đánh dấu từng thửa ruộng một.

Bắt đầu từ chỗ này là thuộc về tổng Tân Khai, một tổng sinh sản muối nhiều nhất. Văn Lý chỉ là một địa phận trong tổng này, song người ta quen gọi cả một vùng này là Văn Lý, vì ở Văn Lý có đồn, có nhà Đoan, có nhà Dây thép, bao nhiêu muối làm xong đều đem cả về đấy.

Chung quanh ruộng muối

Dọc theo miền Duyên Hải dài hơn 20 cây số, bắt đầu từ Cồn Tròn đến Quất Lâm, số ruộng vỡ để làm muối có đến 1.200 mẫu ta. Trong 1.200 mẫu ruộng muối thì:

Hạ Trại: 200 mẫu
Cồn Tròn: 100 mẫu
Tân Khai: 700 mẫu
Quất Lâm: 200 mẫu

Mỗi mẫu ruộng muối phải có từ 2 đến 4 gia đình làm, nghĩa là mỗi mẫu phải có 10 người khỏe mạnh và ít nhiều trẻ con giúp thêm sức.

Ở miền này, tổng cộng có gần 10.000 người sống về nghề làm muối. Ngoài hạt muối ra họ không có kế sinh nhai gì khác. Ruộng vườn rất ít, vì gần nước mặn không trồng cấy được gì. Chài lưới cũng chả có gì, vì miền này ít cá, và dân cũng không có vốn để sắm dụng cụ. Muối là mối lợi độc nhất của đời sống dân chúng ở đây. Dân làm muối có thể chia ra làm 4 hạng:

1. Hạng có ruộng vừa làm lấy, vừa cho làm rẽ, chiếm 1%.
2. Hạng có ruộng làm lấy, chiếm 60%.
3. Hạng đi thuê, làm rẽ, chiếm 37%.
4. Hạng làm công nhật, chiếm 2%.

Cách cho làm rẽ: cứ được 10 phần thì chủ ruộng ăn 4 phần, người làm rẽ ăn 6 phần.

Cách trả công nhật mỗi ngày làm xong được bao nhiêu muối chia làm hai, chủ ruộng lấy đứt đi một nửa, còn một nửa thì chia cho những người làm công nhật, nếu có 7 người thì chia làm 7, trong đó có cả một phần người chủ ruộng, vì họ cũng cùng làm với những nhân công kia. Làm như vậy ngày nào nhiều nhất được 0,đ25, và ít nhất được 0,đ06.

Muốn vỡ một ruộng để làm muối thì phải xin phép nhà Đoan. Nếu nhà Đoan cho thì dân làng cũng phải tuân theo một cách máy móc. Vỡ một mẫu ruộng muối phải tốn hết 200đ, đó là tiền đập đất, xây nề và sắm dụng cụ. Tiền này có khi nhà Nông phố Ngân hàng, bỏ cho vay rồi cho nhà Đoan trừ dần mỗi khi đem muối đến nộp.

Thì giờ và cung cách làm việc

Mỗi mẫu ruộng làm muối có 42 cái "nề" để phơi muối. Nề xây bằng xi măng và vôi cát, một bề 3 thước, một bề 6 thước, sâu chừng 3 phân. Nước bể đã lọc rồi thì đổ lên nề này phơi nắng thành ra muối. Trừ nề ra là đất rất bằng phẳng dùng để phơi cát, cát đó dùng để lọc nước bể, lấy chất mặn rồi đổ vào "chạt" (bể để đựng nước muối đã lọc), để trữ đấy. Gặp trời nắng, mới múc nước ở "chạt" đổ lên nề phơi lấy muối.

Người làm muối phải dậy từ 3 giờ sáng, không ăn uống gì, phải ra ruộng ngay. Bắt đầu vào công việc rải cát ra phơi, rồi đổ nước vào

nề, rồi dỡ "chạt". Đến 9 giờ về nhà ăn cơm, chừng 12 giờ lại ra ruộng, thu cát phơi lại, lọc nước vào "chạt", xong phải ngồi chực sẵn để dỡ muối. Họ ngồi chờ chực như một đứa ăn mày, chờ chung quanh mâm cháo chúng sinh, hễ ông thầy cúng dứt tiếng mõ là xô nhau vào cướp.

Thì ở đây cũng vậy, tuy dân làm muối không phải cướp của ai, song phải vội vàng hấp tấp quá ăn cướp. Vì nếu chậm sẽ bị người ta tặng cho những cái "cà vạt" chói đến xương.

Đúng hai giờ rưỡi, trên chòi các cậu lính Đoan đứng canh, kéo cờ lên, thì người nọ phải giúp người kia xúm nhau vào làm ồ ạt cho đến 3 giờ phải xong hết, nghĩa là trong nửa giờ phải lấy muối cho xong. Các ông Tây Đoan bắt phải làm nhanh chóng như vậy, để dân làm muối không thể chuồn muối đem bán lậu thuế được. Nhưng cũng còn may là dân được lấy muối làm hai "phùa" (fois) [1]. Theo đúng tiếng dân làm muối dùng, nên dân ở ruộng đầu này mới giúp dân ở ruộng đầu kia được, chứ lấy làm một "phùa" thì không tài nào lấy kịp.

Lấy xong muối, dân lại phải xe hay gánh đến tận kho để nộp. Từ ruộng muối đến kho phải đi từ 1 đến 3 cây số, hai bên có lính kèm đi như kèm tù, nếu đi chậm sẽ bị roi song vụt điếng người.

Sau bao nhiêu nỗi khổ cực, vất vả, bao nhiêu nỗi lo lắng, sợ hãi, bao nhiêu tạt tai, đá đít, dân làm muối trả được muối vào kho, lĩnh được cái thẻ về, thế là nhẹ nợ, thoát nạn được một ngày hôm ấy. Trả được muối vào kho xong cũng đã 6 giờ rưỡi chiều, thu xếp đồ đạc về đến nhà là vừa đúng 7 giờ. Vậy là họ làm việc từ 3 giờ sáng đến 7 giờ tối, tất cả là 16 giờ. Trưa nghỉ được 3 giờ về nhà ăn cơm. Xong 3 giờ nghỉ trưa ấy, lắm khi không còn mấy phút, lắm khi đương cầm bát cơm ăn mà bất thình lình trời đổ mưa, cũng phải bỏ cả cơm mà chạy ra ruộng lo gạt muối vào "chạt", thu lấy cát, kẻo nước mưa làm nhạt đi thì lại phải đến 3 ngày mới phơi được muối. Vậy tính trung bình dân làm muối phải làm việc đến 14 giờ trong một ngày.

Số tiền kiếm được mỗi năm

Làm mỗi ngày 14 giờ dưới bao nỗi cực nhọc, đau đớn, sợ hãi, hốt hoảng, ta hãy tính xem mỗi năm, một gia đình làm muối kiếm được bao nhiêu.

1. Phùa: Lần, phiên âm tiếng Pháp "fois".

Mỗi một mẫu ruộng tốt nhất như ở Tân Khai, gặp được trời nắng to mỗi ngày sinh sản được 400 ki lô muối. Ruộng xấu như ở Hạ Trại mỗi ngày chỉ được 250 ki lô. Cứ 100 ki lô nhà Đoan trả cho 0,đ75. Song chỉ được lĩnh 0,đ70 thôi, vì mỗi 100 ki lô phải "để ra 0,đ05 đóng sưu chung cho cả tổng gọi là tiền phụ đinh. Nhà nước chơi cái lối trịch thượng, nắm đằng chuôi, không những người làm muối phải đóng sưu cho mình, mà còn phải đóng cho dân cùng đinh nữa. Nhà Đoan giữ lại như vậy, cứ hết một mùa muối, trừ tiền đóng sưu cho cả tổng cũng còn thừa tới 2, 3 ngàn đồng. Đó là nhà Đoan nói vậy, dân cũng chỉ biết vậy. Số tiền thừa đó thì nhà Đoan lấy một nửa, chia cho làng một nửa. Một nửa nhà Đoan lấy, bảo để xây cống, lát đường, dân cũng chỉ biết vậy. Còn một nửa chia cho làng thì làng không được tiêu, mà phải dùng để đắp đê, mua đá bỏ kè. Cái lối hụt tiền và chia tiền này nó bất công, ức hiếp một cách rõ rệt quá, tôi không cần phải chỉ trích nữa, hãy cần quay lại với cái tính trên kia. Lấy số trung bình thì mỗi ngày một mẫu sản xuất được 300 ki lô, bán được 0,đ70 một trăm ki lô, cộng là 2,đ10, mỗi mẫu trung bình có 3 gia đình làm. Nếu ngày nào cũng được 2,đ10 thì 3 gia đình này trông vào đấy cũng được tạm no đủ. Song từ năm 1936 Nghị định chỉ cho làm mỗi năm 6 tháng thôi. Mà trong 6 tháng được làm đó chỉ chừng bảy, tám mươi ngày nắng. Nghĩa là mỗi năm chỉ làm muối được 70 đến 80 ngày. Vậy tính sát số lợi tức hằng năm của mỗi mẫu ruộng muối được 200đ là nhiều nhất. Trong số 200đ này còn phải trừ đi 30đ tiền mua xi măng, vôi, cát để chữa nề và 10đ sắm các thứ dụng cụ. Vậy là mỗi năm một mẫu chỉ kiếm ra được 160đ. Số tiền ấy phải chia cho 3 gia đình và có khi chia làm 4 nữa. Để đồng mỗi gia đình một năm kiếm được 50đ là nhiều nhất. 50đ một năm, mỗi tháng hơn 4đ. Mỗi gia đình ít nhất là 5 miệng ăn. Với 4đ mà nuôi 5 miệng ăn trong một tháng, các bạn đã thấy rõ sự thiếu thốn đến bực nào. Đây là mới tính đến một gia đình có ruộng làm lấy, chưa tính đến hạng phải thuê ruộng làm rẽ và hạng làm công nhật. Tình cảnh của hai hạng sau, còn khổ cực gấp mấy nữa. Đây cũng chưa tính đến những số tiền nhà Đoan phạt bất thường, chưa tính đến số tiền lãi mà dân nghèo phải lĩnh "thẻ non". "Thẻ non" một cách bóc lột mà còn được hàm ân. Những ngày mưa, dân nghèo phải đến vay chủ nợ 1,đ10 về ăn. Hôm nắng có muối đem nộp kho phải trả họ 10 cái thẻ giá 1,đ40. Bất cứ hôm nay vay, mà mai có muối cũng phải trả 10 thẻ. Vậy là họ cho vay 1,đ10 trong một ngày mà được lãi 0,đ30. Tính ra lãi một tháng

đến 900 phân. Trong 6 tháng không được làm muối, mà phải ăn nợ chờ đến mùa thì chủ nợ càng khe khắt và lãi càng nặng. Một bọn chỉ nguyên kiếm ăn về cách cho vay lãi, vì hết thảy dân làm muối (trừ một số rất ít) không một ai tránh khỏi nạn vay "thẻ non".

Đây mới là nói đến tình trạng dân làm muối ở miền ruộng tốt và ở gần kho muối. Tình trạng dân làm muối ở Kiên Chính và Cồn Tròn còn cực khổ hơn nữa. Hai nơi này ở xa kho muối, nên phải thuê thuyền chở hết 0,đ15 một trăm ki lô, và hết 0,đ025 tiền đội từ thuyền vào kho, tất cả hết 0,đ175 mỗi 100 ki lô. Ngoài ra còn phải trừ mỗi 100 ki lô 0,đ05 tiền phụ đinh và 0,đ05 tiền nợ nhà nước. Những nơi ở xa kho được trả 0,đ80 một trăm ki lô, song phải chi phí hết cả là 0,đ275, vậy mỗi 100 ki lô chỉ còn lĩnh ra được 0,đ525. Như vậy lợi tức hằng năm của mỗi mẫu không được đến 200đ mà chỉ được độ 150đ. Tiền thu vào ít hơn, mà tiền phải chi cũng không kém gì các nơi khác, nên tình cảnh dân ở Kiên Chính và Cồn Tròn lại càng đói khổ hơn nữa.

Một tí lịch sử

Kể từ khi người Pháp chưa hạ thành Nam Định, chế độ "Rêgi" (Régie – độc quyền thương chính) chưa rời "gót ngọc" đến chốn đồng chua nước mặn, dân chúng còn được quyền tự do làm muối, thì dân cư ở miền này vẫn được sống một cách bình tĩnh, no đủ với nghề làm muối. Mỗi một sề muối (20 ki lô) bán được sáu, bảy hào. Với cái giá muối ấy, dân chúng có thể thu được số lợi tức đủ cung cấp cho những món chi phí hằng năm, có khi còn dư dật là khác. Vui vẻ, yên ổn, no đủ. Nhưng giữa cái cảnh thái hòa bình tĩnh ấy, một hôm nọ, một vị hung thần đến quấy nhiễu, phá phách. Rồi từ đấy, cái cảnh êm vui kia mỗi ngày một trụy lạc, tàn phá không còn có lối mà ra, không còn có phương mà sống. Vị hung thần đó tức là Tây Đoan vẫn nghiễm nhiên hống hách giữa thanh thiên, bạch nhật đến bây giờ, không bùa phép nào trừ nổi. Dù rằng hầu khắp dân làng muối đều theo đạo Gia tô, hằng ngày có đức cha che chở, cầu nguyện cho mà cũng không trừ nổi hay làm giảm bớt uy quyền vị hung thần kia. Trái lại cảnh thống khổ lại càng thêm thống khổ. Trước khi thi hành chế độ "Rêgi", nhà Đoan cũng làm bộ công bằng, phái người về bắt dân khai số muối làm mỗi ngày, mỗi năm và giá muối là bao nhiêu. Lạ gì

đám dân quê hiền lành, nhu nhược thấy Tây về hỏi han tra xét đã lo sợ, cuống quít. Tưởng đâu họ hỏi để đánh thuế, nên số muối làm thì khai bớt đi, mà giá tiền bán muối thì khai ít lại. Giá thường bán 6, 7 hào một sề, mà lại khai với nhà Đoan bán mỗi sề là 1 hào. Vớ được chỗ khờ dại đó sau khi thi hành chế độ "Rêgi" nhà Đoan cứ việc trả cho dân 1 hào một sề. Thực là công bằng, thực là nhân đạo. Đã trót khai như thế rồi, dân còn kêu ca gì nữa. Thế là mỗi một sề muối dân mất đứt đi 5, 6 hào. Rồi trải qua bao nhiêu năm trường, đồng bạc mỗi ngày một hạ giá, giá hàng hóa, giá gạo đắt lên gấp hai, ba mà cái giá 0,đ10 một sề kia đến bây giờ mới lên được 0,đ14. Ngoảnh lại cái cảnh no ấm hồi xưa, mấy ông già không khỏi mủi lòng rơi lệ.

Nhà Đoan

Đối với dân làm muối, hễ nói đến nhà Đoan tức là nói đến sự khủng khiếp, run sợ, uất ức, căm hờn, khổ cực, đói rét... Họ mất ăn, mất ngủ, ốm o, gầy mòn vì nhà Đoan. Họ mất vợ, mất con, tan nhà, nát cửa vì nhà Đoan. Dân quê sợ nhà Đoan hơn hết thảy các thứ sợ. Thì đây ta hãy xem nhà Đoan làm việc: 11 giờ rưỡi là lúc muối bắt đầu nổi bông, những chú lính Đoan đã chỉnh tề cả trên các chòi để coi chừng, để thúc giục, từng cử chỉ, từng việc làm của những người làm muối. Hai giờ rưỡi, nổi hiệu dỡ muối, nếu ai lấy chậm hay làm lụng sơ ý, lúng túng là bị người ta quất vào lưng, vào đầu không tiếc tay, bằng những cái "cà vạt" vừa rắn, vừa dẻo. Đội muối đến kho đi chậm cũng bị đòn. Rồi lúc đóng muối lại quá tệ nữa. Năm ngoái, mỗi sề muối cân nặng 24 ki lô thì được tính thành 20 ki lô, vì phải trừ bì 2 ki lô và trừ hao 2 ki lô. Nhưng năm nay sề phải cân nặng 26 ki lô mà vẫn chỉ được tính 20 ki lô. Trừ bì và trừ hao mất 4 ki lô, dân không hiểu còn 2 ki lô lấy dư ra nữa để trừ vào khoản gì? Cũng cái sề ấy năm ngoái cân 24 ki lô, thì người ta chỉ gạt cho bằng là đúng. Song năm nay phải cân lên thành 26 ki lô, nên khi đong phải rung, phải lắc cho muối xuống chặt. Đong rồi đội vào kho, gần tới cửa hai chú lính cầm sề lắc xem muối còn xuống được nữa không. Cách 4 thước nữa, hai chú lính khác lại lắc một lần nữa. Tội nghiệp cho cái đầu dân làm muối, đã đội nặng, lại phải lắc đi lắc lại 2 lần rồi mà đã được yên đâu. Đến cửa ông Tây Đoan cầm cái dùi đập mạnh vào sề, rồi thọc mạnh một cái vào muối, nếu không lũng xuống, ông ấy mới

phát thẻ cho đem vào kho đổ, nếu lún một chút bắt đem ra cân lại. Cân lại nếu thiếu không tới nửa ki lô thì nhà Đoan không cho bù thêm mà bắt phải phạt 3đ và 2đ10 tiền bút giấy. Có nơi phạt tới 7đ cả thảy. Nếu không có tiền nộp phạt thì 3 ngày không được làm muối. Cách phạt như vậy rất bất công, dân quê sợ Tây Đoan như cọp, khi nào dám đong sai. Song có đôi khi đong thiếu chút đỉnh là muối có khi nhẹ khi nặng. Muối phơi gặp được nắng to thì chắc hột và nặng. Muối gặp nắng bé thì bồng hột mà nhẹ. Nhưng nhà Đoan cứ phạt. Oan ức, kêu khóc mặc kệ. Ngoài lối phạt này, nhà Đoan còn nhiều cách phạt nữa. Lấy muối chậm, phải phạt, dỡ muối còn sót: phải phạt, lấy một bát muối về nhà ăn, phải phạt. Giấu một bát nước "chạt" nước muối ở nhà, phải phạt. Mỗi lần phạt ít nhất là 3đ. Một khi nhà Đoan đã phạt thì có một cách là nộp phạt, không kêu ca, năn nỉ với ai được hết.

Nhà Đoan cho phép dân làm một buổi cuối cùng để lấy muối ăn cả năm. Song vô phúc cái buổi cuối cùng ấy bị mưa thì suốt cả năm dân làm muối phải mua muối chợ về ăn bằng một giá đắt gấp 5 lần giá mình bán. Với những hạt muối dính ở xe, ở thúng, dân quê đem về vỗ ra cũng tạm đủ được ăn 1 ngày. Song nhiều khi gặp chú lính ác nghiệt, bắt đem xe, đem thúng xuống nước rửa đi hết mới cho đem về. Còn gì tàn nhẫn hơn nữa không? Uy quyền của một ông Tây Đoan đối với dân làm muối chẳng khác một ông chúa đối với bọn nông nô ở thời kỳ phong kiến.

Năm nào được ông Tây Đoan nới tay một chút, dân chúng cũng còn đỡ khổ sở. Năm nào phải ông Tây Đoan tàn ác (loại này chiếm đại đa số) thì dân chúng trăm bề cực khổ, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ.

Câu chuyện bên ruộng muối

Trời nắng chang chang, ngồi nấp bóng trong một cái sề để nghiêng, một ông râu đen, mặt sạm vì muối nắng và cát đang ngồi ngóng chờ và đưa mắt nhìn theo những đám mây êm lặng từ phía bể bay tới. Đám mây tan. Ông nhìn xuống những nề muối đã bắt đầu se thành hột. Tôi lại gần:

– Ông có bao nhiêu ruộng cát? (ruộng muối)

– Năm sào, đó mười miếng đấy!

– Có ai được vài chục mẫu ruộng muối không ông?

Câu hỏi của tôi phát ra làm cho ông ngạc nhiên. Mấy người làm đang ngồi trông và chờ đến giờ xúc muối cũng giật mình ngơ ngác. Sau một phút, họ hiểu tôi đã tưởng lầm rằng cũng có những tay địa chủ trong nghề làm muối như nghề làm ruộng, họ đều tủm tỉm cười một cách kín đáo, ranh mãnh.

– Chúng tôi người nào có một mẫu là nhiều nhất. Còn thì 5 sào, 4 sào, 3 sào hay 2 sào. Chỉ có mươi lăm người có chừng trên 5 mẫu.

– Thế còn ruộng hoang có thể làm được ruộng muối không?

– Ở đây chúng tôi cũng có đến 30 mẫu ruộng có thể làm ruộng muối mà phải để hoang. Ở Tang Điền có đến 100 mẫu, ở Xương Điền có đến 200 mẫu, ở ngoài Kiên Chính, Hạ Trại có đến 500 mẫu phải bỏ hoang. Cứ trong 6 xã làm muối ở vùng này thì kể ra làng nào cũng có từ vài chục đến hàng trăm mẫu có thể làm muối phải bỏ hoang. Nhà nước đã hạn chế thời gian làm muối; lại hạn chế không cho vỡ thệm và lập thêm ruộng muối, thành ra dân cư mấy năm nay đói lắm.

– Đói thì các ông làm gì mà ăn?

– Ấy người nào biết chài lưới, thì đi chài lưới kiếm năm ba xu, một hào; một số cuốn khăn gói ra Cẩm Phả – Uông Bí làm culi độ trong ít tháng. Còn phần đông thì bóp bụng ăn nợ ở nhà chờ đến vụ muối năm sau.

– Các ông bắt đầu làm việc từ mấy giờ?

– Ba giờ sáng dậy, là phải ra ruộng làm ngay.

– Thế không ăn gì lót lòng à?

Bằng một giọng đau đớn, chán nản, ông già đáp:

– Ấy chẳng thà đi làm canh điền gặp ngày mùa còn được ăn một ngày 3 bữa, chứ chúng tôi thì vào ngày mùa, mà chỉ những ngày làm muối được, mới được một ngày 2 bữa, còn những ngày vào mùa "nghỉ" thì 2 ngày một bữa.

– Đi làm sớm thế mà không ăn uống gì thì chịu sao nổi?

– Thì phải bóp bụng mà chịu, chứ biết làm sao? Ông tính đến một ngày 2 bữa còn không đủ, lấy đâu mà ăn lót dạ. Chúng tôi thấy bụng cồn cào cứ uống nước nhiều vào cho đỡ đói.

– Các ông làm có bị đánh đập gì không?

– Bây giờ cũng đỡ đỡ, nhưng thí dụ khi nào lính Đoan bắt được lấy chừng một bát, một nắm muối là nó có thể đánh đập hay lôi phạt. Đánh đập vùng này cũng đỡ. Song trong những khi đi đổi thẻ lấy tiền thì thỉnh thoảng những thói dã man ấy lại hiện ra. Có lẽ ông chưa được biết cái cảnh tượng ngày lĩnh thẻ ở đây. Muối gạt rồi, đổ vào kho rồi, nào đã được tiền ngay. Người ta phát cho mỗi gạt một cái thẻ tre, thẻ tre ấy đến hôm đi lĩnh tiền phải đổi lấy thẻ đồng. Rồi thẻ đồng mới đổi lấy tiền. Trước kia đổ muối chỗ nào thì hôm sau lĩnh tiền ngay chỗ ấy. Bây giờ lại không thế 5, 6 xã châu cả vào lĩnh tiền ở một chỗ. Mà một tuần mới có 3 lần lĩnh tiền. Thành ra như ở Văn Lý, hàng ngàn người chen cả vào một cái sân chật hẹp ở nhà Đoan chính, chen nhau, chờ nhau sốt cả ruột. Phần thì thẻ để lưu 2, 3 ngày, phần thì vì người ta bận việc xa xôi, hay sợ yếu không chen được, đem thẻ gửi cả vào một người, thành ra có khi một người vào lĩnh có ở trong tay 2, 300 thẻ. Thường cái nghề nhà quê ta đã dốt lại nhát. Đến lúc đem hết sức bình sinh ra lách chen được vào đến lượt đổi thẻ, có khi quên bẵng không còn nhớ đúng là bao nhiêu thẻ cả thảy, vì người gửi 12 thẻ, 15, 17, hay 20. Bấy giờ hấp tấp hoảng lên đếm vội, đếm vàng, đáng 350 thẻ xướng 250 hay 320. Thế là toi đi đứt 30 hay 100 thẻ – có lạy van thầy ký rằng con lầm, thì thầy cho xơi thêm mấy cái bạt tai, dọa cho vào tù và vu cho là đến để vu oan cho thầy, vì mỗi lần lầm lẫn như thế chắc ông cũng đoán biết ai được hưởng chỗ lầm ấy.

Câu chuyện đang dở thì ở mạn cuối ruộng nhà Đoan đã ra lệnh cho cào. Một anh trẻ tuổi cũng mải nghe chuyện, thấy nói đến cào, vùng đứng dậy cào muối. Mấy người đàn bà vội la lên: Muốn phải phạt hay sao đấy? Người thanh niên bấy giờ mới tỉnh hồn và biết là mình đã làm trái phép, nhớ lại rằng đó là lệnh cho những người ở đầu kia cào, chưa đến chỗ mình. Mà đã chưa được cào, đã cào thì sẽ bị phạt ngay. Dần dần tiếng "sột, sột, sột" của những chiếc cào tôn, không răng đã nghe rõ. Những sề tròn xoay đầy muối trắng tinh nằm ngửa trên những chiếc xe một bánh trông như những chiếc vỏ sò lớn tướng đã cút kít tiến ra đường. Chỗ tôi đứng họ cũng bắt đầu cào, đánh đống.

Tôi ra đường đi theo những chiếc xe muối về kho Đoan. Người lính Đoan chia nhau ra từng chặng đứng canh.

Tình cảnh dân làm muối

Trở lên trên các bạn đã thấy anh chị em làm muối sống một cách điêu đứng thế nào. Song chưa phải là hết, tình cảnh họ còn nhiều nỗi đau thương, khổ cực. Tất cả hy vọng của họ dồn vào 6 tháng làm muối. Trong 6 tháng ấy, họ chỉ hy vọng có nắng. Được ngày nắng, họ hý hửng dậy từ 3 giờ sáng để ra ruộng làm muối. Cái kết quả đã trông thấy, muối đã nổi bông, chỉ chờ đến 2 giờ rưỡi là dỡ, thì một trận mưa đổ xuống. Bao nhiêu giọt mồ hôi, bao nhiêu công khó nhọc đã theo với nước mắt họ mà trôi theo với hạt mưa. Nếu nhà Đoan rộng rãi một chút thì tuy gặp mưa, họ cũng dỡ vớt vát được ít nhiều. Nhưng nhà Đoan không cho thế, nếu gặp mưa mà 2 giờ thì dù muối có nổi hột, họ cũng bắt gạt xuống "chạt", không cho dỡ một hột nào. Ác nghiệt đến thế là cùng. Nghề làm muối rất cần nắng, nên người làm muối phải liều thân với nắng. Suốt ngày ở ngoài nắng. Ven theo ruộng muối chạy dài hàng 4, 5 cây số, chỗ nào tôi cũng thấy vừa đàn ông, vừa đàn bà làm lụng quần quật dưới ánh nắng thiêu người. Hơi muối bốc lên lòa mắt, cái nóng giẫm phải bỏng chân, thế mà họ cứ hì hục làm, không làm thì chết đói. Một cảnh còn thương tâm hơn nữa là cái cảnh đọa đày của những đứa trẻ vô tội. Bố mẹ ra ruộng làm cả, nên phải đem cả con ra, đặt ở bên ruộng dưới trời nắng chang chang. Mũi dãi nhem nhuốc, khóc lóc mặc kệ, bố mẹ không rảnh tay mà săn sóc được. Còn những đứa trẻ để ở nhà thì lại càng khốn nạn hơn nữa. Năm ngoái nguyên một tổng Tân Khai người ta có tính tất cả 10 đứa trẻ chết đuối. Một nhà 4 đứa trẻ ngã xuống ao, vớt lên chỉ cứu được 2 đứa, còn 2 đứa bụng đã trương lên như bụng cóc. Năm nay mùa muối mới bắt đầu, đã có 2 đứa trẻ chết đuối. Vùng này có nhiều ao chuôm, những người lớn phải ra hết ngoài ruộng làm muối, để trẻ con thơ thẩn chơi với nhau ở nhà, nên thường xảy ra nạn chết đuối. Con đẻ rứt ruột ra ai chẳng yêu quý, song anh em nghèo khổ chỉ vì miếng ăn phải bỏ liều, bỏ lĩnh con cái, thực là không còn phương kế gì khác. Vì nếu ở nhà giữ con thì cũng đến chết đói cả nút. Chết đói, dân ở đây đã từng có người chết đói, cái đói đối với dân làm muối không phải xa lạ gì. Trong 6 tháng làm muối, chỉ những ngày nắng, dân chúng mới được đủ 2 bữa. Ngày nào mưa đã phải lĩnh "thẻ non" ăn bữa cơm, bữa cháo rồi! 6 tháng không được

làm muối mới là 6 tháng kinh khủng, thảm thiết. Có nhà mỗi ngày được một bữa cháo loãng. Có nhà 2 ngày mới được một bữa cháo loãng.

Cảnh đói năm ngoái càng thấy ghê gớm nữa, bao nhiêu củ khoai, củ ráy đều bị đào trộm hết. Suốt làng không còn một cái củ chuối. Họ đã xới lộn cả đất lên, gặp được cái gì làm đầy dạ dày được là họ ăn, họ ngốn cho qua ngày đoạn tháng. Trước cái tình cảnh nguy ngập năm ngoái, anh chị em làm muối đương hồi hộp lo sợ đến cái "mùa chết" năm nay. Chả vậy mà ngay trong lúc có việc làm, họ vác cái dạ dày rỗng không ra ruộng làm từ 3 giờ sáng đến 10 giờ mới được miếng cơm vào bụng.

Ngoài những nỗi đói khổ, túng thiếu, dân làm muối còn bị áp bức đủ thứ, bị đánh đập như tôi mọi. Vậy ông Bờrêviê (Brévié), ông Saten (Châtel) đứng trước cái cảnh bất bình, khổ cực ấy, lý nào các ông cứ để hơn 15.000 người bị đọa đầy, đói khổ chết dần, chết mòn.

LƯƠNG PHONG

Báo *Tin tức*, số 11 (18→25–6–1936),
số 16 (9→13–7–1936), số 19 (20→23–7–1936),
số 20 (23→27–7–1936), số 21 (27→30–7–1936).

PHAN ĐĂNG LƯU
(1902 - 1941)

Phan Đăng Lưu sinh ngày 5-5-1902, ở xã Tràng Thành, (nay là xã Hoa Thành) huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Lúc nhỏ, Phan Đăng Lưu học chữ Hán, sau học chữ quốc ngữ và Pháp. Khi sắp đến kỳ thi tốt nghiệp trung học ở Huế, Phan Đăng Lưu bỏ không thi và xin vào học ở Trường Canh nông Tuyên Quang. Tốt nghiệp Trường Canh nông, Phan Đăng Lưu đến làm việc ở Nhà thí nghiệm canh nông Thanh Ba (tỉnh Phú Thọ), sau chuyển về Vinh. Ở Vinh, được gặp những bạn cùng chí hướng, Phan Đăng Lưu tham gia Hội Phục Việt, sau đổi là Hưng Nam, rồi Tân Việt Cách mạng Đảng. Thực dân Pháp theo dõi sự hoạt động của Phan Đăng Lưu rất gắt gao. Và để ngăn cản không thể hoạt động được, chúng luôn luôn đổi Phan Đăng Lưu từ nơi này qua nơi khác. Song, không có hiệu quả, cuối cùng chúng quyết định cách chức Phan Đăng Lưu.

Ngày 14-7-1928, tại Đại hội thành lập Tân Việt Cách mạng Đảng, Phan Đăng Lưu được bầu làm Ủy viên thường vụ Tổng bộ, phụ trách Tuyên huấn và cuối năm 1928, được phân công sang Quảng Châu, Trung Quốc, gặp Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội để bàn thống nhất hoạt động. Ngày 21-5-1929, Phan Đăng Lưu về nước báo cáo và đề đạt ý kiến của mình về việc tổ chức một Đảng Cộng sản. Tháng 9-1929, Phan Đăng Lưu lại được cử sang Quảng Châu, song vì bị kẻ phản bội tố giác, cho nên bị địch bắt, bị kết án 7 năm tù khổ sai, đày đi Buôn Ma Thuột.

Ở tù, Phan Đăng Lưu vận động anh em cùng học tiếng dân tộc Êđê, đã làm công tác binh vận và dân vận, ra báo tại nhà tù, và viết bài gởi ra đăng báo ở ngoài tố cáo chế độ tàn bạo của thực dân Pháp đối với người tù.

Năm 1936, Phan Đăng Lưu được ra khỏi nhà tù, nhưng bị quản thúc ở Huế. Với trí thông minh, tài năng, dũng khí, Phan Đăng Lưu đã có những đóng góp xuất sắc vào các cuộc vận động hợp pháp và nửa hợp pháp ở Trung Kỳ như: Đại hội Đông Dương (1936), "đón" Gôđa, Hội nghị báo giới Trung Kỳ, tranh cử và đấu tranh trong Viện Dân biểu Trung Kỳ (1937). Phan Đăng Lưu trực tiếp chỉ đạo các báo *Sông Hương, tục bản, Dân*, Nhà xuất bản *Tư tưởng mới* ở Đà Nẵng và viết nhiều bài nghị luận chính trị, luận văn châm biếm chống bọn phản động thuộc địa, vạch mặt bọn phản động tay sai, bọn tơrốtkít, giới thiệu cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân Trung Quốc chống

phát xít Nhật. Phan Đăng Lưu còn viết sách về lý luận chính trị và nghiên cứu văn học, thường dùng các bút danh: Đông Tùng, Phi Bằng, Bằng Phi, Tân Cương, Sông Hương, Dân,...; và nhiều bài báo viết không ký tên.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thi hành chỉ thị của Đảng, Phan Đăng Lưu rút vào hoạt động bí mật.

Tháng 11–1939, Phan Đăng Lưu tham dự Hội nghị Trung ương do đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư, chủ trì. Hội nghị này quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng cho phù hợp với tình hình mới. Tháng 7–1940, với tư cách là Ủy viên Trung ương khi dự Hội nghị của Xứ ủy Nam Kỳ bàn về chuẩn bị khởi nghĩa, Phan Đăng Lưu được Hội nghị cử ra Bắc xin ý kiến Trung ương. Trung ương quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ. Trở về tới Nam Kỳ, chưa kịp truyền đạt Nghị quyết Trung ương thì Phan Đăng Lưu bị địch bắt ngày 22–11–1940.

Trong phiên tòa ngày 25–3–1941, Phan Đăng Lưu bị đế quốc Pháp kết án tử hình. Ngày 28–8–1941, tại Bà Điểm, quận Hóc Môn, tỉnh Gia Định, Phan Đăng Lưu anh dũng hy sinh.

Những tác phẩm của Phan Đăng Lưu:

– *Xã hội tư bản*. Tư tưởng mới xuất bản, Tuaran, 1937.

– *Thế giới cũ và thế giới mới*. Tư tưởng mới xuất bản, Tuaran, 1938.

– *Thi văn các nhà chí sĩ Việt Nam*. Tân Thanh xuất bản, Huế, 1939.

NẠN CƯỜNG HÀO

TIỂU DẪN – Khi còn là học sinh, trong các cuộc tế lễ ở đình làng, thấy cảnh xôi thịt, bóc lột của bọn cường hào. Phan Đăng Lưu làm bài thơ này:

Sông Dinh, núi Gấm cảnh thần tiên, [1]
Vì bọn cường hào đến đảo điên.
Ăn uống sình nang quân đít đỏ, [2]
Gánh gồng trễ cổ bạn khu đen.
Mất phần tri hộ, trương gân nạt, [3]
Hỏng miếng hoa cà, lộn tiết lên. [4]
Sâu mọt lũ kia chưa quét sạch,
Xóm làng khôn hưởng chữ bình yên.

1. Sông Dinh, núi Gấm: Tên sông và núi ở quê hương Phan Đăng Lưu thuộc huyện Yên Thành – Nghệ An.

2. Nang: Dạ dày (tiếng địa phương Nghệ An). Đít đỏ: Bọn chức sắc thường đi võng điều, nên người ta gọi mỉa là "quân đít đỏ".

3. Tri hộ: Một chức sắc nhỏ trong làng.

4. Hoa cà: Bộ phận sinh dục của con lợn đực mà bọn chức sắc trong làng thường tranh nhau ăn.

CÂU CHUYỆN HÀNG TUẦN

TIỂU DẪN – Để kịp thời phục vụ cho cuộc tranh cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ, tháng 8–1937, Xứ ủy Trung Kỳ mua lại báo *Sông Hương* của Phan Khôi, cải thành *Sông Hương, tục bản*, từ tháng 6–1937, và cử Phan Đăng Lưu phụ trách.

Sông hương, tục bản, bước vào cuộc đấu tranh, đưa ra chương trình tối thiểu của Mặt trận Dân chủ, vận động cho những ứng cử là thành viên của Mặt trận, vạch mặt chỉ tên bọn Bảo hoàng, bọn buôn dân bán nước, bọn lợi dụng nghị trường để xoay xở làm giàu, chống lại quyền lợi của nhân dân và phục vụ cho bọn phản động thuộc địa, bọn phong kiến Nam triều.

Kết quả, hầu hết những tên bị vạch mặt đã bị gạt khỏi danh sách Nghị viên, chỉ có một tên lọt vào được.

Dưới đây là một số bài trong mục *Câu chuyện hàng tuần và Góp nhặt...* do Phan Đăng Lưu viết:

PHƠI GAN TRẢI RUỘT CHO QUỐC DÂN BIẾT

Mỗi một kỳ tuyển cử, các ông Nghị lên diễn đàn tay múa miệng nói:

"Hỡi anh em cử tri! Tôi đã được anh em thương nên cử cho một khóa rồi. Tôi thiệt lòng vì dân vì nước lắm, tôi xin trải ruột phơi gan cho quốc dân biết, mong anh em thương tình lại bầu cho tôi một khóa nữa".

Hùng hồn thay những lời nói ấy! Có ông quá hăng hái như ông Phạm Huy Lục ở Bắc Kỳ đòi rút quả tim ra để hiến cho quốc dân. Nhưng cũng may cho quốc dân, sợ quả tim ông có chất độc, nên không dám xào nấu món gì, thành việc hiến tim cho quốc dân đành phải bỏ đi vậy.

Cho biết ra làm Nghị viên phải phơi gan, phải trải ruột, phải hiến tim. Cái chuyện mới nghe thì dễ, nhưng xét lại thật khó đáo để. Vì dám chắc các ông Nghị có miệng nói, chớ chắc không có ông nào có tay làm.

Nghị Toét tôi năm nay cũng ra ứng cử, nhưng quyết không dám nói dóc phơi gan trải ruột ra cho người ta biết, vì tưởng nói dóc chơi, nhưng đến khi quốc dân họ lại cho là thiệt rồi, họ đòi mổ bụng mình ra, không nữa họ đem chiếu rađiô, thấy cái ruột gan mình tóe loe toét loét thì tính làm sao chớ?

Các ông Nghị nào muốn phơi gan trải ruột, chúng ta đem chiếu điện rađiô xem thử nào?

Hãy chiếu ruột gan ông Lê Thanh Cảnh trước.

Trong góc tim non có một mớ tiền Thơ ký và Thường trực Viện Dân biểu trước chưa tiêu hết. Bên phải lá gan có một vài mảnh giấy tờ của Hội góp họ Tiên Long thương đoàn. Dưới bậu ruột bên trái có lòng thòng một ít bài ngà và sắc phong giả. [1] Chính ngay giữa bọc chứa có cái hình ảnh một hoa khôi Hội chợ đăngxinh 1938. [2]

Nghị Toét sau khi chiếu điện ông bạn đồng nghiệp này phải chép miệng mà than rằng: Ruột gan ông này, trời cho chứa chỉ từng ấy chuyện, thiệt ít quá vậy ôi!

Lại qua chiếu điện ruột gan ông Nghị Nguyễn Quốc Túy. Ôi thôi! Cái bao tử chỉ bằng quả cam mà đã chứa gần nửa xái thuốc phiện. Trong góc tim non còn phưởng phất hơi của Ban Thường trực cũ. Và nơi bậu ruột già còn di tích một ít tiền của nạn dân bị lụt ở Thái Bình.

Thôi để ông Túy đó, qua chiếu gan ruột ông Trần Bá Vinh. Chính ngay giữa bao tử chứa đầy cả bã hèm rượu Nam Đồng Ích, hơi men lên nghi ngút. Trong tim non, còn hiện hiện tiền phụ cấp đi Đại hội đồng kinh tế vừa qua. Dưới bậu ruột già một cục giấy báo lá cải chưởi quần chúng, chưởi tự do ngôn luận, dọa lý hào; cục báo ấy nằm gần hậu môn và ngày càng nhờ có phụ cấp ở trên thượng tầng xuống nên càng trướng dần ra.

Bây giờ thử đem mấy ông Nghị hưu quan ra chiếu, chúng ta thấy ông nào cũng như ông nấy chính ngay giữa bụng có một con cù rút nằm ngủ say sưa. [3] Chính con cù rút này làm các ông Nghị đến Hội đồng là mở mắt không nổi.

Mới chiếu điện ngần nấy ông mà Nghị Toét đã mệt lè lưỡi. Hôm sau sẽ chiếu tiếp theo các ông Nghị cũ còn sót lại cần phải chiếu và những ông Nghị mới ra, cũng cần "bátxê radiô" [4] một chuyến thì Nghị Toét mới chắc bụng.

(Còn nữa)

NGHỊ TOÉT

Báo *Sông Hương, tục bản*,
số 4, ngày 10-7-1937.

*

1. Lê Thanh Cảnh làm ở tòa khâm sứ, thường bán bằng, sắc để kiếm tiền.
2. Đăngxinh: Phiên âm tiếng Anh (dancing), nghĩa là nhảy đầm.
3. Cù rút: Còn gọi là con cu li, một con vật ở trong rừng, ngủ suốt ngày.
4. Bátxê radiô: Phiên âm tiếng Pháp, nghĩa là đưa sang chiếu điện.

RAĐIÔ MẤY ÔNG NGHỊ

Hôm trước Nghị Toét nhơn cuộc tuyển cử sắp tới, vì quốc dân nên đem mấy ông căngđiđa [1] ra soi điện để xem ruột gan họ thế nào cứ quyết một, quyết hai định đưa ra trình diện với cử tri.

Soi được một mớ rồi, nhưng vì mệt quá nên phải nghỉ để đến hôm nay đem soi cho hết, chắc bà con nóng muốn biết rêdunta [2] về rađiô của các ông Nghị sau này ra thế nào nhỉ! Nghị Toét đã soi rồi xin trình bày với bà con đây:

Ông Phan Văn Giáo
căngđiđa ở Thanh Hóa:

Trong ruột non có chất thuốc Tây tên là atbêrinh, trăng trắng, chua chua, thứ thuốc này rất kỵ với thuốc bắc thuốc nam, chính vì thế mà ông Nghị Giáo vào nghị trường chỉ bênh thuốc Tây và ra tay trị thuốc bắc, thuốc nam kịch liệt lắm.

Ông Nguyễn Văn Nguyên
căngđiđa ở Thanh Hóa:

Cũng như ông Nguyễn Quốc Túy, trong dạ dày chỉ rành chứa xái thuốc phiện.

Ông Hồ Khắc Quảng
căngđiđa ở Nghệ An:

Trong tim non còn phảng phất mùi rượu của các cô đào ở xóm Khâm Thiên xăngtê [3] cho ông, hồi ông còn làm báo lá cải ở Hà Nội. Trong bọc chứa cũng chỉ xái thuốc phiện trộn lẫn với tiền trợ cấp ở đâu đến không biết, nhưng vẫn có dấu tích rõ ràng.

Ông Hoàng Văn Giao
căngđiđa ở Nghệ An:

Ông này chính giữa bọc chứa có một tiếng thịt trâu đen thui thủi. Tương truyền rằng ông Nghị mãn khóa này thường thích xơi thứ thịt trâu lạc chủ. Sau lưng ông này có một cái lưng con rùa khom khom. Chính vì thế nên vào cửa quan ông khúm núm như ông Chánh Tổng vào huyện nha, mà chính ông cũng thật là cựu Chánh Tổng. Hồi

---

1. Căngđiđa: Phiên âm tiếng Pháp, nghĩa là người ứng cử viên.
2. Rêdunta: Phiên âm tiếng Pháp, nghĩa là kết quả
3. Xăngtê: Phiên âm tiếng Pháp, nghĩa là hát.

phong trào 1930, một tay ông đã dẹp cộng sản rất gắt gao, nên danh nên phận là nhờ đó.

Ông Võ Cộng Hòa
căngđiđa ở Hà Tĩnh:

Trong ruột non của ông cựu Nghị viên nằm một mớ tiền hồ của các chiếu bạc và trong bao tử một mớ vinh dự – như chức Nghị viên chẳng hạn – đều do người con gái tuyệt sắc giai nhân của ông đã đưa đến một cách bất ngờ.

Ông Trần Nhật Tân
căngđiđa ở Đồng Hới:

Trong bao tử còn sót một ít tiền két của hãng dầu xăng nọ ở Quảng Bình. Ruột non cũng giống ông Võ Cộng Hòa, có một ít tiền hồ bao các chiếu bạc. Dưới bậu ruột già đầy cả đất sét, thứ đất mà ông đã bắt dân tư ích đắp đường để lên đồn điền của ông.

Ông Nguyễn Tiệp
căngđiđa ở Quảng Trị:

Ruột non ông này có lắm thứ tiền, xuất xứ nhiều chỗ kể không hết. Nhưng có một điều lạ là trong ruột non còn một mảnh áo lương và vài đồng bạc mà ông đã mượn khéo ông Tôn Quang Phiệt hồi tù huýt tù huy, ấy thế mà mãi đến bây giờ nó chưa chịu tiêu cho, quái thiệt!

Ông Nguyễn Đình Điện
căngđiđa ở Quảng Trị:

Trong ruột, thơm mùi khuynh diệp, vì ông này hồi trước làm ở K.D. Nhưng không bao lâu ông K.D. vui lòng mời ông thôi. Và ra khỏi Sở K.D. thời ông cũng nấu ra vô số cái diệp, diệp, diệp nữa. Cho nên ruột gan ông chỉ dành một mùi ấy thôi.

Ông Cao Văn Chiểu
căngđiđa ở Thừa Thiên:

Trong bao tử, chứa bộn bộn tiền học phí của học trò Phú Xuân, tuy vậy bên ruột non có găm mấy lá đơn kêu cứu của mấy ông giáo trường ông xin tăng lương kẻo hạ quá, đơn đưa tận tòa Khâm, mà kết cuộc mấy ông giáo chỉ lè lưỡi trừ, chẳng được gì ráo. Bên tim non ông Nghị Chiểu lại lòng thòng đeo một cái mề đay của cụ Thượng Phạm đã thưởng cho cái công khó nhọc của ông. Chính giữa buồng ngực có một Oeil de Lynx to và sáng quắc. Oeil de Lynx là con mắt thú gì, chính Nghị Toét dịch chữ Tây ra chữ An Nam không nổi, chỉ biết bạn

đồng nghiệp Phong hóa gọi là "con mắt mèo". Nếu "con mắt mèo" này mà vào nghị trường chắc các bạn đồng nghiệp tôi có phen mất vía vì nó kêu ngheo ngheo cũng đủ giật mình rồi.

NGHỊ TOÉT

Báo *Sông Hương, tục bản*,
số 5, ngày 17–7–1937.

*

CÒN CHIẾU ĐIỆN!

Có hai ông Nghị (đều ở Huế) cùng nhau đi đò, bàn mưu định kế đóng cửa *Sông Hương*, số sau sẽ đem hai ông ra chiếu điện lại lần nữa.

GÓP... NHẶT...

CHUYỆN TẦM PHÀO

Họ thì thào với nhau rằng: cuộc tổng tuyển cử Trung Kỳ năm nay, ba ông Nghị Túy – Vinh – Cảnh ra lại. Ba ông ấy là bộ ba xe pháo mã ở Viện Dân biểu khóa trước.

Bộ ba xe pháo mã này định ăn đứt nước cờ dân biểu sắp tới năm nay. Trong một bữa tiệc, ba ông đã rung đùi nói với nhau: Ở đời này nói đến anh hùng chỉ có ba chúng ta. Cố gắng thêm một khóa "vì dân vì nước". Nếu không may mà bị thua thì chúng ta sẽ "treo ấn từ quạn" về xoay nghề khác. Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh. Cái nghề làm Nghị viên, làm cho tinh cũng sống lắm. Nhưng không có nghề Nghị viên thì nghề khác cũng được, miễn cho tinh là được.

Thế rồi, ba ông trù tính cái nghề mới để thay cho nghề Nghị viên, nếu không may mà bị hỏng.

Ông Túy định về buôn xe tẩu và thuốc phiện ở Lào, vì đó là cái sở trường của ông.

Ông Vinh định xin chức lính đoan bắt rượu lậu.

Còn ông Cảnh, ông quyết mở đăngxinh với bán bài ngà.

Những tin như tin này, đã gọi là vào lỗ tai ra lỗ miệng, tất nhiên tam sao thất bổn. Điều tra nếu không đúng sự thực một trăm phần trăm thì chúng tôi sẽ cải chánh trong một số sau vậy.

Có một ông Nghị đã già có mang cái nạn thuốc phiện, mới rồi ông tuyên bố với các cử tri ông rằng: Bốn năm qua, tôi sở dĩ không làm được gì là vì vợ tôi tức giận tôi, tới bắt gián bỏ vào trong thuốc tôi hút, thành ra cái óc tôi bị mờ, nên không suy nghĩ được việc nước việc dân; năm nay các ngài cứ bầu cho tôi rồi mà xem; thuốc phiện tôi hút không có mùi gián vào thì quốc dân sẽ được hưởng nhiều quyền lợi.

Lại một Nghị còn trẻ mà cũng hút thuốc phiện như ông già nói trên, lại tuyên bố rằng: Tôi hút thuốc phiện chả phải tôi ham muốn nghiện ngập gì đâu, chẳng là tôi muốn điều tra cho kỹ càng về mức độ thứ thuốc độc ấy, để khóa sau đây tôi sẽ kịch liệt với Nha thương chánh.

Ông Trần Nhật Tân khi ra ứng cử đã đọc cho dân Quảng Ninh, Lệ Thủy nghe một bản chương trình mấy trang đặc sệt, toàn là chuyện ích quốc lợi dân hết, có nhiều người nghe đến giờ đương còn ngớp mắt. Nay mãn khóa, dân hai phủ huyện ấy xét xem ông Nghị Tấn đã làm việc gì chưa? Ông xin mấy nghìn công tư ích đắp đường cho ô tô ông lên đồn điền Phủ Quỳ của ông.

Ở Ba Đồn, ông xin lập sổ đánh thuế trâu bò của dân để bỏ túi mỗi tháng sáu chục đồng.

Ông vận động được thăng hàm Kiểm tu và Thưởng thọ canh nông tỉnh. Sợ dân hai hạt quên công của ông, nên ông đã tự xây một cái bia ở đình Thạch Lũy. Cái bia ấy đã làm bia cho các báo một hồi.

Nói mười voi không được một bát nước xáo! Dân Quảng Ninh, Lệ Thủy đã chán ông...

Và ông còn lăm le ra ứng cử khóa này nữa sao?

Đó là ông Nghị mãn khóa, còn ông Nghị đạp vỏ chuối nằm kia nữa.

Michel Ngọc khóa trước thình lình ở trong núi mang một gói nặng này ra ứng cử.

Dân hai hạt chán ông nên ông hụt. Khóa này ông lại ra nữa. Song cả hai hạt cũng tinh lắm, họ không bị lừa đâu, đợi xem.

BỌ QUAY

Báo *Sông Hương, tục bản*,
số 6, ngày 21-7-1937.

THƯ TÀU BAY

QUÂN NHẬT TÀN BẠO – QUÂN TÀU HĂNG HÁI – HỒNG QUÂN ĐẠI THẮNG – ĐỒ ĐỆ TỜRỐTKÍT PHÁ HOẠI

TIỂU DẪN – Phan Đăng Lưu thác lời một người con gái Việt Nam tên là "Phan Thị Hồng Anh" từ Nam Kinh, Trung Quốc viết thư về cho "Bằng Phi". Dụng ý của tác giả muốn lấy cuộc kháng Nhật của nhân dân Trung Quốc để nói với nhân dân ta về nguy cơ phát xít Nhật mở rộng xâm lược đến Đông Dương, phải đề cao tinh thần cảnh giác và tin tưởng rằng cuộc chiến đấu chống phát xít Nhật nhất định thắng lợi, đồng thời nhận rõ bọn tờrốtkít bất kể ở đâu cũng đều đã trở thành phản động, làm tay sai cho phát xít.

Nam Kinh, ngày 30–9

Anh Bằng Phi,

Hôm nay trời mưa, tàu bay Nhật không ném bom được, em mới được yên ổn ngồi viết thư trả lời anh.

Anh tưởng em đã chết rồi?

Phúc nhà em còn to lắm anh ạ.

Anh nghe em kể chuyện này, chắc phải rùng mình.

Hôm 23–9, lúc 10 giờ sáng, em cùng hai người chị em bạn đương đi dạo phố bỗng nghe vù vù rồi một tiếng còi thổi! Kẻ nhảy xuống hố, người nằm bẹp xuống đất, bao nhiêu phố xá đóng cửa hết. Đùng! Đùng! Đùng! Tàu bay Nhật ném bom!

Em cùng hai người chị bạn nằm bẹp sát mặt đất, im thiêm thiếp, không cụ cựa, không thở. Bên tai cứ: Đùng! Đùng! Đùng! Một lát, một vật gì nặng rơi trên lưng em. Thôi! Chắc là rồi đời! Nhưng mà không, không nghe nổ gì hết. Tuy vậy, bấy giờ em khiếp quá, nằm mê đi. Đến lúc nghe tiếng người xôn xao, em mở mắt ra: những người nằm chung quanh mình đều dậy cả; những người núp dưới hố, cũng lục tục kéo lên; cạnh mình em một vật gì tròn tròn như trái bưởi. Chao ôi! Cái đầu máu me của một đứa con nít! Hú vía! Trước mặt một bức

thành lửa dựng ngang trời: mấy dãy phố đông đúc về phía nam thành đương làm mồi cho ngọn lửa. Cách chỗ em độ vài chục thước tây, chồng chất vô số là xác chết; chung quanh đó rải rác: đây một cái tay, đó một cái chân, chỗ này một đống ruột, lẫn lộn với mấy mảnh vỏ bom, chỗ kia một cái đầu không còn mắt mũi gì nữa!

Em cùng mấy người chị em bạn ôm lấy nhau mà run. Một người đứng sau lưng em kêu rộ lên! Ngoảnh mặt lại thì cái áo "lơ muya" mới may của em phía sau nhuộm đỏ máu và vương đôi thớ thịt sau lưng.

Từ đó, em kệch, không dám đi dạo phố nữa. Cậu mợ em cũng một hai giữ em lại trong tòa lãnh sự Pháp, không cho rời ra một bước.

Ở xứ này, người ta sống luôn luôn trong cảnh phập phồng lo sợ anh ạ! Anh thử nghĩ: không ngày nào là tàu bay giặc không ném bom. Mỗi ngày ném có mấy lần, có ngày trong khoảng 7 giờ đồng hồ, gần 100 chiếc tàu bay liên tiếp tới, ném luôn những 5 lần mà mỗi lần có mấy trăm quả, mỗi quả nặng từ 275 tới 300 ki lô! Ghê không?

Đồng thời, ở Thượng Hải, ở Quảng Đông, ở Hán Khẩu, ngày nào chúng cũng cho tàu bay đi gieo cái chết trong đám lương dân. Vô số nhà cửa, dinh thự, nhà thương, trường học bị tàn phá. Bây giờ em mới được thấy rõ cái mặt thật của tụi phát xít anh ạ. Vậy mà giữa lúc này, ở bên thành Béclanh, Mútxôlini và Hítle đương ca tụng chủ nghĩa mọi rợ của chúng.

6 giờ chiều, hôm 25, em đương ngồi trong phòng đọc báo, bỗng nghe tiếng reo hò, tiếng vỗ tay xen lẫn tiếng pháo nổ, vang dậy một góc trời. Chưa đoán được ra chuyện gì thì cậu em tất tả từ ngoài chạy vào vỗ tay reo: Hồng quân đại thắng! Hồng quân đại thắng ở Sơn Đông! Ở Thượng Hải, Tàu cũng đại thắng! Hỏi ra thì theo điện tín hôm ấy, quân cộng sản gồm 8 vạn người do tướng cộng sản Chu Đức cầm đầu, đã đánh lấy được Đại Đồng và thẳng tiến ra ngoài Vạn Lý Trường Thành: quân Nhật bị chết 3.000 người và bỏ lại rất nhiều khí giới. Trận này là trận đại thắng thứ nhất. Ở mặt trận Thượng Hải quân Nhật cũng bị thua liểng xiểng, một lữ đoàn bị phá tan tành, có 2.500 người bị bắt.

Đến hôm ấy, tất cả thành phố Nam Kinh vui mừng vô hạn. Cậu em cũng đặt tiệc ăn mừng. Sướng quá!

Hằng ngày đọc báo, được những tin này chắc anh cũng vui sướng như chúng em ở bên này vậy. Dân An Nam nhà mình thì chỉ sướng cái sướng của người ta thôi.

Nhờ mấy trận đại thắng vừa rồi, người Tàu tuy mất Bảo Định phủ, song tinh thần họ cứ vững, không núng một chút nào. Họ càng vững vì gần đây đã xảy ra nhiều việc có lợi cho họ:

1. Quân Mãn Châu luôn luôn nổi dậy phản Nhật.

2. Phong trào chống chiến tranh ở trong nước Nhật càng ngày càng lan rộng; nhiều nơi thợ thuyền và dân cày không chịu đi lính. Hôm nay, có tin 8 triệu học sinh cao đẳng và trung đẳng Nhật phái đại biểu lên chất vấn Chính phủ vì sao mà đánh Tàu? Ở Thượng Hải, hằng ngày nhiều lính và kiều dân Nhật bị quan binh Nhật bắt bỏ tù vì tội chống chiến tranh.

3. Dân chúng Triều Tiên, thuộc địa Nhật, đã xục rục [1] bạo động.

4. Chính sách xâm lược độc ác tàn nhẫn của phát xít Nhật đã gây ra mối ác cảm giữa các nước Âu – Mỹ, Anh, Pháp, Nga phản đối kịch liệt việc ném bom ở Nam Kinh, Thượng Hải, Hán Khẩu, Quảng Châu. Pháp, Anh phản đối vụ ném bom ở đảo Hải Nam. Anh căm tức vụ tàu ngầm Nhật bắn mấy chiếc thuyền đánh cá của người Tàu giết chết 300 mạng, trong đó có người Anh. Hội Quốc liên kết lên án chính sách hung tàn của Nhật.

5. Dân chúng các nước đã ra mặt phản Nhật: mấy hôm nay, phong trào tẩy chay hàng hóa Nhật ở nước Anh rất mạnh và lan tràn một cách mau chóng lạ thường. Chính các giáo hội Anh cũng đứng lên hô hào ở Ấn Độ, Đảng Quốc dân cũng hưởng ứng theo: ở Nuven Dê lăng (Nouvelle Zélande) thợ thuyền đã quyết nghị không chịu chở những đồ dùng về chiến tranh qua Nhật.

6. Chính sách "liên Nga, liên Cộng" đã hoàn toàn thành sự thực.

À! Trong thư trước anh hỏi em thế lực và thái độ của tụi tờrốtkít trong cuộc chiến tranh Tàu – Nhật này. Bảo rằng thế lực thời sự thật chúng không có gì cả, dù phe tờrốtkít ở đây đã có trên mười năm nay, nhưng không ảnh hưởng mấy trong quần chúng, vì những chủ trương của chúng viển vông quá, không sát hoàn cảnh, sát thực tế một chút nào.

1. Xục rục: Chuẩn bị, sắp (tiếng địa phương Nghệ An)

Chúng khăng khăng chủ trương lập Mặt trận vô sản, chúng phản đối Mặt trận nhân dân.

Chúng công kích Đảng Cộng sản Đệ tam Quốc tế, làm như thế là phản giai cấp vô sản; đã bỏ chủ nghĩa Mác – Lênin, đã nhắm mắt trước bài học thất bại đau đớn năm 1927... Chúng công kích đủ điều. Nhưng mà may! Cái giọng "tả đầu lưỡi" của chúng có ma nào nghe.

Em đây không phải Đệ tam hay Đệ tứ; em không phải đồ đệ Stalin hay Tờrốtkít, nhưng em có thể tự phụ rằng em có trí phán đoán, hiểu biết lẽ phải là cái gì. Trước kia, người ta nói với em rằng tụi tờrốtkít với phát xít là hai anh em sinh đôi, hơn nữa tụi tờrốtkít là chó săn của phát xít. Nhưng em ngờ, người ta vì óc đảng phái mà lừa dối mình chăng?

Song, ngày nay thì em đã tin chắc như đinh đóng rằng tụi tờrốtkít là tụi phản cách mạng rồi.

Em cũng phải nhận rằng trong tụi chúng nó, có một số vì quá hấp tấp, quá nóng nảy mà đi lầm đường, gồm những phần tử trí thức tiểu tư sản, cả đời nằm queo trong buồng đọc sách, chưa bao giờ lăn lộn trong quần chúng, không hiểu thực tế là cái gì, rồi bị người ta lòe mà hùa theo; song, kỳ dư thì em xét ra toàn là những phần tử chẳng ra gì cả: nào là tụi trước kia bị Đảng Cộng sản khai trừ; nào là tụi mật thám của Tưởng Giới Thạch, thậm chí có tụi chó săn của Nhật nữa. Rõ ràng là một ổ phản động, mang cái lốt "cực tả" để chửi chủ nghĩa cộng sản, chửi Liên bang Xô viết, phá Mặt trận Bình dân các nước.

Em nghe anh nói ở nước mình hiện nay cũng có tụi tờrốtkít và chúng cũng đương đeo đuổi cái công cuộc chia rẽ phá hoại như anh em chúng ở các nước khác, em rất phiền. Các anh hãy gắng mà lật tẩy chúng nó ngay đi!

Thôi chào anh!

Nếu Nhật còn bắn phá Nam Kinh mãi và nếu Kinh Đô sẽ dời qua Thành Đô thì có lẽ em sẽ từ giã cậu mợ em mà về nước. Rồi em lại sẽ được gặp anh, sẽ được đi chơi thuyền ở sông Hương và sẽ được... nghe ông Nguyễn Tiến Lãng diễn thuyết về truyện *Hoa Tiên và Truyện Kiều* nữa. Sao cái xứ mình nó lại quá "thái bình" đi thế anh nhỉ?

MỘT NẮM TAY

Báo *Sông Hương, tục bản*,
số 13, ngày 7-10-1937.

DÂN CƯỜI

CON CHÓ CỦA CỤ SỨ HAY LÀ DÂN ĂN TIỀN QUAN

Xưa nay người ta chỉ thường nghe quan ăn tiền dân, ấy thế, mà nay K.Đ. lại biết một chuyện dân ăn tiền quan, nói mới lạ chứ!

Gần đây, một tỉnh ở T.K. có một cụ Sứ nuôi một con chó giống Tétnơ (Terre–neuve) to đại đột xấp xỉ bằng con bò con, lông lá bù xù xem oai nghiêm bệ vệ lắm; nhất là tiếng sủa của nó thì thật sấm rầm, dân trong tỉnh ai cũng biết nó là chó cụ Sứ.

Cụ Thượng trong tỉnh một đôi khi qua chơi nhà cụ Sứ, thấy đẹp cũng vuốt ve đôi cái lấy tình; bất ngờ cụ Sứ lại tưởng cụ Thượng thích chơi chó, nên cho cụ Thượng đem về nuôi cho vui.

Cụ Sứ còn khuyên cụ Thượng nuôi con Tôtô (tên con chó) cho kỹ, vì mỗi ngày hắn ít nhất cũng 2 kg thịt bò và tối ăn cháo phổi heo, ngày nào cũng phải tắm xà bông và đến chiều cho lính đưa nó ra bãi chạy chơi cho ráng cẳng và tiêu cơm.

Cụ Thượng từ cũng khó từ, lãnh cũng khó lãnh, đắng cay như ngậm quả bồ hòn, nhưng cũng đành phải đưa cái con nợ đời ấy về nhà vậy.

Ôi thôi! Tôtô về đến dinh cụ Thượng, thì cả nhà như nổi lên một trận giặc. Ngày nào cũng như ngày nào, hắn đòi ăn cho đủ 2 kg xúp thịt bò, ăn cháo phổi heo, đòi đi chơi, đòi đi tắm. Thiếu một chuyện gì là hắn cứ vác mõm lên trời mà réo tru rầm rầm lên, đến nỗi bên lầu cụ Sứ cũng nghe răng răng. Tôtô tru chừng nào thì cụ Thượng bà lại hét cao chừng nấy: "Ông báo tôi, ông giết tôi, ông theo hầu theo hạ, rồi bây giờ ông lại theo chó theo mèo; chó mô mà ăn thịt bò; chó mô mà chó tắm xà bông thơm".

Cụ Thượng chỉ nuôi được một tháng mà cả nhà đều xớm rờm đều bí beng. Bực bội quá, cụ mới nghĩ ra được một diệu kế là: mời quan Bố qua, và gửi quan Bố cũng nuôi chơi cho vui, nhất là nuôi sao cho tử tế kẻo mất lòng cụ Sứ.

Ặn khó ăn, nói khó nói, quan Bố lại phải đưa "cái án mạng" ấy

về nhà. Trời đất ơi! Tôtô qua nhà quan Bố, cái tấn kịch tam bành ở nhà quan Bố cũng nổi lên ầm ầm không thua gì ở nhà cụ Thượng. Điếc óc long xương trong mười lăm ngày, quan Bố lại phải dùng cái kế "chuyển sức tri luân" mà gửi qua cho quan Án.

Quan Án chỉ nuôi được mười ngày rồi cũng chịu không thấu, đành phải độ lên và dùng chước "giải hồi nguyên quán".

Cụ Thượng thấy Tôtô về như thấy quỷ sứ hiện hình, bực hơn nữa là chỉ mới gần hai tháng mà con chó nó gầy ốm, trương cánh bộ xương sườn lên ngó chướng mắt quá. Nếu trong lúc ấy mà cụ Sứ thấy được thì thật nguy to!

Câu chuyện chó chạy quanh ấy trong dinh ai cũng biết cả, mà ai cũng sợ cả. Từ quan Kinh, quan Phán, quan Đề, thầy Thừa, thầy Đội, thấy chó đâu là lo tránh mặt vì lỡ mà cụ gặp được, cụ gán cho thì cũng chết.

Cụ Thượng băn khoăn lo nghĩ mấy ngày đêm mất ăn mất ngủ, không biết làm cách nào mà xử sự cho yên.

Thú bất tri, có thằng dân kia lại vào hầu kiện, cụ lớn như ánh sáng xé mây, đã tìm ra một diệu kế tuyệt diệu, hớn hở gọi hắn vào hậu tiễn và nói nhỏ:

"Tau cho mi con chó ni, về mà giữ bò". Thằng dân này vốn thằng khôn lanh, hắn cũng phong phanh nghe chuyện chó ấy rồi, nên hắn một lạy hai lạy xin lãnh cho về. Cụ lớn như cởi tấm lòng, mừng muốn trẻ lại, nhưng thằng kia hắn xảo lắm, hắn đã đi được một chặng đường lại đem chó về trả. Cụ lớn hoảng hốt:

– Ủa, chó mô mà mi còn đem trả lại cho tau nữa?

– Bẩm lạy cụ lớn, người ta nói con chó ni chỉ ăn thịt bò chứ không biết giữ bò.

– Thằng ngu, tau cho mi, thì mi muốn làm nem, làm chả chi thì làm chớ.

– Dạ bẩm lạy cụ, con không dám.

– Sao lại không dám.

– Bẩm lạy cụ lớn, con nghe nói chó cụ Sứ, con không dám.

– Chó cụ Sứ mà tau cho mi thì mi làm chi thì làm, cũng được chớ sao?

– Bẩm lạy cụ, con xin vô phép nói, thứ chó ni thợt (thịt) hôi khét lắm, ăn uống chi được.

– Mi là đồ chó chết, thôi cho năm đồng đây nè, đem về mà mua thêm màu mè cho thơm, cút ngay đi, chớ mi đem chó trở lại đây một lần nữa, tau sai bỏ tù mi rục xương.

Thế là thằng dân kia đã được cái phước vừa ăn được tiền quan mà lại đánh chén được thịt chó cụ Sứ nữa vậy.

(Chuyện này bảo đảm có sự thật đúng 100%)

K.Đ.

Báo *Dân*, số 6, ngày 12-8-1938.

DIỄN VĂN BẾ MẠC HỘI NGHỊ THƯỜNG NIÊN VIỆN DÂN BIỂU TRUNG KỲ (21-9-1938)

TIỂU DẪN – Hoàng Văn Khải là một nhân sĩ dân chủ, sinh năm 1876 ở tỉnh Thanh Hóa, tham gia Tân Việt cách mạng Đảng, bị thực dân Pháp bắt, kết án tù, đưa ra Côn Đảo và khi hết hạn tù trở về là thôi không hoạt động trong tổ chức nào nữa.

Trong cuộc tuyển cử Viện Dân biểu Trung Kỳ, Xứ ủy Trung Kỳ chủ trương tranh thủ ông, đưa ra tranh cử. Ông trúng cử dân biểu và được vận động tranh chức Viện trưởng, cũng trúng cử.

Cuộc họp hằng năm của Viện Dân biểu Trung Kỳ tháng 9-1938 sắp bế mạc. Thượng thư Bộ Lại Thái Văn Toản đã chuẩn bị sẵn một bài diễn văn được Khâm sứ Gờrápphơi thông qua, rồi giao cho ông để đọc ở buổi lễ bế mạc ấy.

Diễn văn đưa xuống cho ông cùng lúc với giấy mời đi dự tiệc. Ông bèn đưa bài diễn văn làm sẵn đó cho Phan Đăng Lưu xem. Phan Đăng Lưu xem xong, liền viết luôn một bài diễn văn khác thay thế bài đó. Khi ăn tiệc về, ông xem qua vài dòng bài diễn văn mới viết, rồi đi ngủ.

Hôm sau ra họp, ông mang bài diễn văn Phan Đăng Lưu viết đọc trước Viện. Bài của Thái Văn Toản đưa cho ông, trước đó đã được dịch sẵn ra Pháp văn, để khi ông đọc tiếng Việt thì phiên dịch đọc tiếng Pháp cho bọn Pháp ngồi dự nghe. Nhưng đây ông lại đọc một bài khác, bị bất ngờ, phiên dịch không dịch được, bọn Pháp ngồi im không hiểu, ngơ ngác nhìn nhau. Bọn quan lại và các phần tử tay sai rất bực bội. Riêng các dân biểu là thành viên của Mặt trận Dân chủ thì lại thỏa lòng.

Hôm sau, Thái Văn Toản nổi giận chất vấn ông: "Sao ông không đọc bài diễn văn của Bộ Lại đưa xuống, mà lại đọc bài ở đâu viết?". Đụng vào lòng tự trọng, ông trả lời: "Bài tôi đọc là bài của "dân biểu" còn bài của Cụ là "quan biểu"?".

Ngày 28-9-1938, báo *Dân* đăng bài diễn văn của Hoàng Văn Khải đọc trong buổi bế mạc Hội nghị Viện Dân biểu ngày 21-9-1938, đã được Phan Đăng Lưu sửa lại phần nào và rút ngắn cho nhẹ nhàng hơn. Báo Dân *chúng* cơ quan Trung ương của Đảng, số 22 và 24, ra ngày 5 và 12-10-1938 đăng lại bài của báo *Dân*. Ở đây, chúng tôi in lại nguyên văn bài Phan Đăng Lưu viết, được Hoàng Văn Khải đọc trong buổi lễ bế mạc chính thức.

Trong hoàn cảnh đấu tranh hợp pháp dưới ách thống trị của thực dân Pháp, tác giả đã dùng sách lược mềm dẻo, nhân danh Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ, đòi bọn thống trị phải đáp ứng những nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân.

Thưa quan Khâm mạng,

Thưa quan đại diện Khâm sứ đại thần,

Thưa các ngài,

Hội đồng thường niên lần thứ hai của Dân viện chúng tôi hôm nay đã đến ngày bế mạc.

Trước khi chúng tôi từ giã phòng này để về xứ sở, trả lời cho dân chúng tôi biết những việc làm của chúng tôi và những cách giải quyết của Nhà nước, chúng tôi muốn thừa vài giây phút còn lại đây, đem một tấm chân thành vị quốc vị dân mà chung cáo cùng hai Chính phủ, mong rằng hai Chính phủ lưu ý ngay cho [1].

Viện chúng tôi thành lập đến nay đã 12 năm rồi, chúng tôi chưa từng thấy một năm nào mà chúng tôi đứng trước một tình thế nghiêm trọng như năm nay.

Chắc các ngài cũng dư biết, suốt một tuần nay, cả thế giới đều bối rối trước tình hình nguy ngập ở Âu châu mà khói lửa chiến tranh có thể xảy ra một mai, một chiều. Còn đến như ở Viễn Đông thì chúng tôi không cần nói, các ngài cũng thấy đạn trái pháo đương nổ ngay cạnh nhà chúng ta. Nhưng vài dư âm của nó đã theo làn sóng của tàu trận mà dồn dập vào bán đảo Đông Dương như sắp đến một cơn giông bão.

Trước tình hình nguy ngập như thế mà Chính phủ lại đưa ra một dự án có tính chất tăng thuế, chúng tôi thiết nghĩ đó là một điều, nếu chúng tôi không nói đó là thất sách, thì cũng là bất hợp thời.

Chúng tôi cũng nhận trên nguyên tắc, bản dự án của Chính phủ vẫn nhằm vào một mục đích nhân đạo và công bằng. Nhưng xét đến phương pháp thi hành, thì chúng tôi lại thấy kết quả chỉ làm cho dân nghèo và tầng lớp trung lưu thêm nặng gánh.

Chúng tôi nghĩ rằng đứng trước tình hình thế giới có thể xảy ra chiến tranh, Chính phủ cho biết có thể sẽ dùng tất cả những phương pháp để cho dân chúng thêm những lực lượng để đảm bảo cho hậu phương, khi hữu sự, Nhà nước có thể gọi đến, dân chúng sẵn sàng đáp ứng một cách đầy đủ. Dân Trung Kỳ chúng tôi đất hẹp, người nhiều, thuế khóa lại nặng nề, sự sống muôn phần cực khổ. Ấy thế mà Chính phủ lại tăng thuế trong lúc này, chúng tôi lo ngại không biết rồi đây gặp nhiều những sự khó khăn trên trường quốc tế, dân chúng tôi có làm trọn cái phận sự mà Nhà nước gọi đến không.

1. Hai Chính phủ: Tức Chính phủ thực dân Pháp và Chính phủ Nam triều tay sai.

Những lý do mà Nhà nước viện để tăng thuế, Viện chúng tôi đã xét kỹ và đã thấy rằng đối với tình thế hiện thời, những lý do ấy chưa phải là cần kíp và xác đáng.

Trong mười ngày họp Hội đồng, chúng tôi đã tiếp hơn 300 lá đơn kêu cứu với 5.906 người khắp các tỉnh Trung Kỳ điểm chỉ và ký tên. Chúng tôi lại còn tiếp 74 bức điện tín và nhiều tin tức các cuộc biểu tình ở thành phố và thôn quê, đều chứng tỏ rằng dân chúng tôi đã nghèo khó quá, không thể nào nộp thuế thân được nữa. Cái thái độ của Viện chúng tôi đối với vấn đề thuế khóa tức là phản ánh của nguyện vọng dân chúng, và chúng tôi hết sức mong rằng Nhà nước trong những giờ nghiêm trọng này, không nên về vấn đề thuế khóa mà để cho dân chúng tôi thêm một lần thất vọng nữa. Trước những sự dòm ngó hàng ngày của các nước độc tài phát xít, chúng tôi nghĩ rằng Chính phủ bao giờ cũng săn sóc đến dân chúng tôi, làm thế nào cho dân chúng tôi, nhận rằng dưới quyền của Chính phủ bảo hộ và Nam triều hiện tại, dân chúng vẫn được hưởng nhiều sự khoan hồng hơn các dân tộc nội thuộc của các nước khác. Chính vì thế nên vấn đề yêu cầu Chính phủ thi hành những điều tự do dân chủ đã trở nên cấp bách. Vấn đề ấy, Viện chúng tôi nhắc đi, nói lại ở nghị trường này cũng đã nhiều lần lắm rồi mà vẫn chưa được Chính phủ trả lời một cách cho minh bạch. Trong khi nói đến các điều tự do dân chủ chúng tôi không có ý nghĩ gì về sự thay đổi một chế độ chính trị ở xứ này, mà chúng tôi chỉ trông mong Chính phủ thi hành những điều tự do phổ thông cần thiết cho sự sống của dân chúng, như tự do báo giới, tự do ngôn luận, tự do kết xã lập hội, tự do hội họp, tự do đi lại trong nước và ngoài nước. Một điều nên mừng là vừa rồi sắc lệnh của quan Tổng thống hủy bỏ sắc lệnh năm 1898 cho báo giới Đông Dương được xuất bản tự do. Mà cũng chính vì điều ấy đã làm cho chúng tôi ái ngại vô cùng, vì là sắc lệnh tự do báo giới nói trên, nếu chúng tôi nghe không sai, Chính phủ Đông Dương định ban hành riêng cho xứ Nam Kỳ thôi. Chúng tôi thiết tưởng cùng chung một dân tộc, dẫu trên danh nghĩa có bảo hộ với thuộc địa, nhưng giữa sự thực vẫn đều núp dưới bóng cờ ba sắc của nước Pháp cộng hòa, thì không một lẽ gì mà trong lúc dân xứ này được hưởng tự do, dân xứ khác lại không được gì cả, như thế chẳng bất công lắm sao?

Nhân tiện chúng tôi nhắc lại vấn đề lập Hội ái hữu trong lúc luật nghiệp đoàn chưa thi hành, Chính phủ có hứa công nhận cho các lớp lao động lập hội ái hữu. Ấy thế mà trong hai năm nay, không biết

bao nhiêu đoàn thể đã đưa đơn xin phép lập hội ái hữu đã gặp nhiều điều khó khăn trong việc thành lập. Chúng tôi rất lấy làm phàn nàn.

Cái chính sách trì diên [1] ấy làm cho dân chúng tôi hoài nghi những lời hứa của Chính phủ. Từ đức Hoàng đế đến các vị Toàn quyền cùng các quan Thủ hiến lần lượt tới trọng nhậm xứ này, biết bao nhiêu lần đã thừa nhận cái quan hệ của Viện chúng tôi đối với dân chúng. Vả chăng nhân dân Trung Kỳ ngày nay đã tiến lên một trình độ khá cao, như thế mà vẫn còn giữ Viện chúng tôi trong quyền hạn tư vấn, thiệt là một sự chậm trễ rất đáng phàn nàn. Trước những tình thế nghiêm trọng như ngày nay, nếu Nhà nước cần phải đếm xỉa đến tình, đến lý, đến sự ước mong của nhân dân, thì việc mở rộng quyền hạn cho Viện chúng tôi đã trở nên một vấn đề cấp bách hiện thời. Biết bao nhiêu lần, Viện chúng tôi đã kêu gọi Chính phủ mở rộng quyền hạn cho Viện, để có thể dần dần đi tới một cơ quan lập pháp. Lời yêu cầu quan trọng và cần kíp ấy, nay chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa. Nếu lời yêu cầu đó có được thỏa mãn thì Viện Dân biểu Trung Kỳ mới thật là một cơ quan chính thức đại biểu cho dân, để làm trọn cái phận sự và gánh lấy trách nhiệm nặng nề mà trong những giờ nghiêm trọng, Chính phủ sẽ gọi đến.

Một tiếng kêu thống thiết nữa của nhân dân chúng tôi là trông mong Chính phủ đại xá tù chính trị. Những hạng người ấy vì một lý tưởng chính trị mà phải bị tù tội giam cầm, chịu lao khổ đến nay cũng đã lâu lắm rồi. Thí cái ân ấy cho họ, e Chính phủ sẽ giảm bớt được bao nhiêu nỗi oán thán trong dân gian. Nhà nước không nên lo xa rằng họ sẽ như ngựa quen đường cũ. Không đâu! Gặp một Chính phủ minh chánh, khoan hồng, họ sẽ tận tâm công tác, làm việc ích lợi cho dân, cho nước. Nói đâu xa, chính ngay như tôi đây cũng chung cái số kiếp áo xanh, tưởng chừng đã bỏ xác ở Côn Đảo. Đến khi đem mảnh thân già này về nơi cố thổ, cũng tưởng rằng thôi thì đóng cửa xem văn, chớ cũng không muốn ra dự việc đời làm chi nữa. Ấy thế mà đến khi gặp một Chính phủ còn biết tôn trọng dân quyền, còn biết nghĩ đến dân sinh, trước sự thôi thúc của quần chúng và tiếng gọi của phận sự, tôi lại ra cộng tác với Chính phủ để mưu cầu hạnh phúc cho quốc dân. Cái thái độ của tôi là một cái biểu chứng rằng khi nào Chính phủ thật khoan hồng minh chánh, thì sự đại xá chính trị

1. Trì diên: Kéo dài lâu ngày.

phạm không lẽ gì đáng để cho Chính phủ lo ngại, mà trái lại là một điều ân huệ trong hoàn cảnh này vậy.

Năm ngoái, Viện chúng tôi đã yêu cầu đại xá chính trị phạm một lần rồi. Năm nay, chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa.

Thưa anh em đồng Viện,

Trước khi bế mạc, tôi không thể ngăn cản sự mừng rỡ của tôi mà nói to lên rằng, Viện chúng ta năm nay có cái đặc điểm rất đáng ghi nhớ: một là sự đồng tâm hiệp tác, hai là cách làm việc đã có trật tự quy củ.

Trước bao nhiêu vấn đề Chính phủ đưa ra hỏi ý kiến chúng ta, mà nhất là vấn đề thuế đinh, điền. Anh em toàn Viện đã biết hy sinh các lợi nhỏ mọn, những tư tưởng đảng phái mà chung sức nhau lại để làm việc như thế, thực quý hóa vô cùng. Đó là một cái chứng minh rằng: trước vấn đề sinh mạng của dân chúng, anh em chúng ta đã biết đồng tâm hiệp lực bênh vực quyền lợi cho dân.

Cái tinh thần đoàn kết và cách làm việc có trật tự của chúng ta tỏ ra có thể thống với Chính phủ, lại ảnh hưởng trong nhân dân. Mà việc làm có ảnh hưởng, có thể thống thì Chính phủ mới lưu ý đến những lời đề nghị, yêu cầu và phê bình của chúng tôi.

Tôi mong rằng Dân Viện ta luôn luôn giữ chặt tinh thần đoàn kết ấy và sắp đặt cách làm việc cho hoàn hảo hơn để theo đuổi thực hiện chương trình tối thiểu đã tuyên bố trong kỳ Hội đồng năm ngoái. Như thế chúng ta mới khỏi phụ tấm lòng tín nhiệm của sáu triệu đồng bào đã gửi cho chúng ta.

Nhân tiện, tôi xin thay mặt toàn Viện cảm ơn các quan đại diện cho Chính phủ Nam triều, các quan Giám đốc các công sở cùng các viên chức trực thuộc đã đến dự mấy kỳ Hội đồng của Viện chúng tôi và đã giảng giải, thảo luận một cách chu đáo với chúng tôi về tất cả các vấn đề xã hội và kinh tế xứ này. Chúng tôi cũng xin cảm ơn các quan Tây, Nam và các nhân viên các nhà báo đến dự lễ bế mạc này.

Tôi xin hô to: Đại Pháp vạn tuế!

Đại Nam vạn tuế!

BỨC THƯ CUỐI CÙNG CỦA PHAN ĐĂNG LƯU

TIỂU DẪN – Thư viết bằng bút chì, trên một tờ giấy do Khám Lớn Sài Gòn phát cho vừa làm phong bì vừa làm giấy viết thư. Giấy khổ 15 x 20. Mặt ngoài đề địa chỉ người nhận. Ở góc có 2 dấu bưu điện đề ngày 2–5–1941. Mặt trong là bức thư bằng tiếng Pháp, có lẽ để bọn Pháp kiểm duyệt ngay, không phải qua khâu phiên dịch.

Đây là bức thư của Phan Đăng Lưu trước ngày bị hành quyết. Nội dung bức thư ngắn, gọn nhưng đủ nói lên sự bình thản, ý chí vững vàng của một chiến sĩ cách mạng kiên cường.

Bức thư này do Phan Đăng Tài giữ được và đưa đến lưu trữ tại Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Đầu đề trên là do chúng tôi đặt.

Con thân yêu,

Chắc là con đã biết qua báo chí tin cha bị án tử hình...

...

Nhưng, con thân yêu, con đừng buồn. Con cố gắng làm dịu bớt nỗi đau của mẹ con. Hãy an ủi mọi người trong gia đình. Cốt nhất là đừng có chạy chọt: điều đó chỉ uổng công vô ích thôi.

Trong lúc chờ quyết định cuối cùng từ Pháp sang, cha hiện bị nhốt tại Khám Lớn Sài Gòn, phòng 13. Chế độ dành cho cha và các bạn tù có thể nói là không chê trách được, nếu như ở đây không khí không ngột ngạt, vì phòng giam đúng là một cái lò, trong đó mọi người bị rang lên thật sự! Chỉ sợ cha và các bạn không thể sống lay lắt cho đến ngày hành quyết.

Dẫu sao, cha cũng bình thản chấp nhận cái tình cảnh đã dành cho mình và kiên cường chịu đựng.

Một lần nữa, cha khuyên con đừng buồn và hãy an ủi tất cả những người mà cha thương mến. Con trả lời cha càng sớm càng tốt.

PHAN ĐĂNG LƯU

Tài liệu lưu trữ của Viện Bảo tàng
Cách mạng Việt Nam,
Ngô Vĩnh Viễn *dịch*.

NGUYỄN VĂN NĂNG
(1902 - 1964)

Nguyễn Văn Năng sinh ngày 19–10–1902, ở làng Thượng Phúc, nay thuộc xã Đông Phong, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nguyễn Văn Năng là Bí thư đầu tiên của Tỉnh bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội tỉnh Thái Bình. Tháng 3–1929, đế quốc Pháp bắt Nguyễn Văn Năng đày ra Côn Đảo, ở đảo Hòn Cau ba năm. Được trả lại tự do, Nguyễn Văn Năng về quê cùng với Phạm Quang Lịch và một số đồng chí khác trực tiếp gây dựng phong trào cách mạng ở Thái Bình. Nguyễn Văn Năng được cử vào Tỉnh ủy lâm thời Đảng Cộng sản Đông Dương ở tỉnh Thái Bình.

Tháng 11–1933, đế quốc Pháp lại bắt Nguyễn Văn Năng, đày đi Sơn La. Năm 1936, được trả lại tự do, Nguyễn Văn Năng tích cực tham gia phong trào Mặt trận Dân chủ. Trên tờ *Thời thế, Tin tức, Đời nay,* với bút danh Thôn Dân, Nguyễn Văn Năng viết nhiều bài thơ, bài luận văn tố cáo mạnh mẽ bọn quan lại và vạch trần nỗi khổ của nông dân.

Cuối năm 1939, đế quốc Pháp lần thứ ba bắt Nguyễn Văn Năng, đưa đi an trí ở Hà Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên. Đầu năm 1945, Nguyễn Văn Năng ra tù, trở về quê hương, tham gia giành chính quyền ở địa phương.

Năm 1945, Nguyễn Văn Năng được cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Bình, được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa I. Năm 1948, Nguyễn Văn Năng làm Chánh văn phòng Bộ Lao động.

Nguyễn Văn Năng mất ngày 26–10–1964, tại Hà Nội.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, thơ văn của Nguyễn Văn Năng được sưu tầm và in rải rác trong các sách: *Văn thơ yêu nước và cách mạng* – Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1959; *Tiếng hát trong tù* – Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1973; *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập IV* – Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1963. Những bài được tuyển sau đây, chúng tôi đều lấy từ cuốn: *Sống mãi* – Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Thái Bình xuất bản, 1981.

TRỜI HÈ

TIỂU DẪN – Tác giả làm bài thơ này sau những ngày bị đuổi học khỏi trường Thành chung Nam Định, vì lý do đã cùng với một số bạn hữu đứng ra tổ chức lễ truy điệu Phan Chu Trinh vào cuối tháng 3-1926.

Non nước trời hè những tức hơi,
Nguồn cơn ai hỡi, thấy chăng ai?
Quạt hoài chưa hết cơn nồng nực,
Đập mạnh mong tan đám muỗi ruồi.
Trông ngóng gió lên đời mát mẻ,
Đợi chờ mưa xuống cảnh vui tươi!
Vung tay muốn phá vòng u uất,
Khắc khoải quyên kêu vẳng góc trời!

Nam Định, 1926

*
* *

TIỄN ANH

TIỂU DẪN – Giữa năm 1926, Nguyễn Danh Đới lên đường đi Quảng Châu dự lớp huấn luyện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mở, Nguyễn Văn Năng làm bài thơ này trong lúc chia tay bạn.

Đêm nay trăng sáng tiễn anh đi,
Rực rỡ ngày mai anh trở về
Đem lại cho nhau muôn ánh đẹp,
Còn tôi, tôi hứa vững lời thề!

Nam Định, 1926

*
* *

VÀO CUỘC ĐẤU TRANH

TIỂU DẪN – Để tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước và gây cơ sở cách mạng, Nguyễn Văn Năng cùng với một số đồng chí đã đứng ra lập trường tư thục Minh Thanh ở thị xã Thái Bình. Với tư cách là Hiệu trưởng, Nguyễn Văn Năng làm bài thơ này để nói rõ mục đích đó.

Chẳng phải vì ham kiếm lợi danh,
Mở trường dạy học để mai hành.
Làm cho dân chúng đầu thêm sáng,
Xây lại non sông chí quyết thành.
Giặc muốn ngàn năm nhồi sọ mãi,
Ta sao muôn kiếp chịu tâm đành!
Anh em đồng chí ta bền vững,
Quyết thắng, lăn vào cuộc đấu tranh!

Thái Bình, 1927

*
* *

PHÒNG TU

TIỂU DẪN – Trước việc làm của thực dân Pháp: bắt tất cả các tù nhân giam ở Hỏa Lò, Hà Nội phải cạo trọc đầu, Nguyễn Văn Năng đã làm bài thơ này để chế giễu và nói lên chí khí của mình.

"Cảnh Phật" tường cao cửa sắt lồng,
"Phòng tu" khóa chặt một "sư ông".
Cơm chay xót ruột, đau đời bạc,
Áo giấu che thân, quyện bụi hồng
"Đọc kệ" cốt chiêu hồn chủng tộc,
"Tụng kinh": mong cứu khổ non sông.
Chúng sinh chưa thoát nơi cùm kẹp,
Quyết mở đường lên tới đại đồng.

Hỏa Lò, 1929

BÀI CA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI [1]

TIỂU DẪN – Nguyễn Văn Năng viết bài này nhân dịp kỷ niệm lần thứ 14 Cách mạng Tháng Mười thành công. Bài đã được đăng trên tờ báo bí mật *Lao tù tạp chí* ngày 7–11–1931.

Sóng cách mạng vang ầm mặt đất,
Công, nông Nga đã phất cờ đầu.
Mười ngày chấn động hoàn cầu, [2]
Làm gương cho bạn năm châu trông vào.
Biết bao thuở máu đào, xương trắng,
Chí đấu tranh quyết thắng đến cùng.
Làm tròn sứ mệnh công, nông,
Mở đường thế giới đại đồng mai sau.
Ngay từ thuở cùng nhau tổ chức,
Bọn Nga hoàng đã chực phá tan.
Biết bao thủ đoạn dã man,
Mưu sâu cũng lắm, chí gian cũng nhiều.

Chúng những chực làm tiêu Cách mạng,
Nào ngờ đâu Cách mạng còn hăng.
Phong trào ngày một thêm tăng,
Con đường lịch sử ai ngăn được nào!
Lửa đã cháy, dầu vào thêm cháy,
Chết một người nổi dậy hàng muôn.
Thịt tan, xương nát, máu tuôn,
Một năm cách mạng nổi luôn hai lần [2].
Nhân gặp lúc những quân đế quốc
Gây chiến tranh để cướp thị trường [3]
Biết bao những nỗi thảm thương.
Công nông bia đạn chiến trường phơi thây!

1, 2. Kể từ đêm pháo hạm Rạng Đông bắn vào Cung điện Mùa Đông (25–11–1917) đến ngày thành lập xong Chính phủ cách mạng ở Mátxcơva là 10 ngày.

2. Chỉ cuộc Cách mạng tháng Hai, chính quyền lọt vào tay giai cấp tư sản và cuộc Cách mạng Tháng Mười giai cấp vô sản đã giành lại được chính quyền.

3. Chỉ cuộc Đại chiến thế giới lần thứ I (1914–1918).

Hung – Áo – Đức chung tay đấu sức,
Pháp – Anh – Nga hợp lực kết liên.
Thi nhau cướp lợi, tranh quyền,
Trời Âu sát khí xung thiên mịt mù!

Nga phong kiến cơ đồ sụp đổ,
Nên bật ra hơi thở cuối cùng.
Ngọn đèn sắp tắt, lửa bùng,
Thẳng tay tàn sát, hãi hùng gớm ghê!
Nào sưu thuế nặng nề vô hạn,
Nào cửa nhà lửa đạn phá tan.
Vang trời dậy đất khóc than,
Khí căm máu uất chứa chan đã nhiều.

Biết bao cảnh tiêu điều thảm thiết,
Cứu lấy mình phải quyết hy sinh.
Cùng nhau nỗ lực đấu tranh,
Phá cho phong kiến tan tành mới nghe.
Đảng Xã hội chỉ huy bạo động. [1]
Khắp nhân dân cổ động tuyên truyền.
Các đoàn quần chúng nổi lên,
Không lâu đã nắm chính quyền trong tay.

Liền lập tức đổi thay Chính phủ,
Kêrăngxki Chính phủ lâm thời.
Công nông vẫn kiếp tôi đòi,
Thoát nơi miệng rắn, vào nơi hang hùm! [2]
Bọn tư sản ngấm ngầm chuyên chế,
Chẳng nghĩ gì sinh kế công, nông.
Bánh mì, ruộng đất cũng không,
Chiến tranh vẫn cứ ầm ầm nổi lên.

Sưu thuế nặng ngày càng thêm nặng,
Chốn sa trường uổng mạng biết bao!
Tự do nào thấy đâu nào?

1. Chỉ Đảng Xã hội dân chủ Nga, sau đổi là Đảng Cộng sản (Bônsêvích) Liên Xô.
2. Ý nói thoát được vòng chuyên chế Nga hoàng lại rơi vào ách áp bức của giai cấp tư sản mà đại diện là Chính phủ Kêrăngxki.

Xích xiềng thêm cứ buộc vào mãi thôi.
Giới vô sản đã hoài xương máu,
Lại phải thêm tranh đấu một lần,
Phen này đem hết tinh thần,
Diệt cho sạch gọn những quân hại đời!

Phải đạp đổ lâm thời Chính phủ,
Mặt nạ kia lật bỏ đi ngay.
Võ trang bạo động định ngày,
Diệt trừ tư sản thẳng tay cho rồi.
Hai mươi lăm tháng Mười nổi dậy, [1]
Toàn công, nông hết thảy đấu tranh,
Phố phường chật ních biểu tình,
Thôn quê lũ lượt tuần hành thị uy,
Quân lính cũng quay về với Đảng.
Diệt thù chung quyết chẳng dung tha,
Đảng Bônsêvích đứng ra,
Cầm quyền lãnh đạo xông pha chiến trường.
Lênin đứng chủ trương mọi việc,
Đem tinh thần quyết liệt đấu tranh.
Mười hai chiến sĩ tung hoành, [2]
Gói tên, mưa đạn hy sinh chẳng nề.

Bọn tư sản đến kỳ mạt lộ,
Kêrăngxki phải bỏ trốn ngay.
Thợ thuyền cùng với dân cày,
Toàn Nga vui vẻ mừng ngày thành công.
Bảy dân tộc cùng chung đoàn kết,
Lập ra thành Xô viết liên bang. [3]

1. Theo lịch Nga là 25-10, nhưng tính theo Dương lịch lại là ngày 7-11, bởi thế, ngày nay kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, đều làm vào ngày 7-11.

2. Chỉ những người lãnh đạo cách mạng lúc bấy giờ như Lênin, Xvéclốp, Decdinxki, Xtalin, Kalinin, Môlôtốp, Vôrôsilốp...

3. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết thành lập ngày 30-12-1922, gồm có: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết liên bang Nga, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết Ucraina, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết Bêlôrutsi, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết liên bang ngoại Cápcadơ, (gồm có Grudia, Adécbaidan, Ácmêni) - Xem Tuyển tập tư liệu 1917 - 1924. Nhà xuất bản Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Mátxcơva - Lêningrát, 1949, tr. 333. Trong bài thơ trên, tác giả viết "Bảy dân tộc" là không đúng. Nhưng để tôn trọng nguyên bản, chúng tôi in lại như cũ và thêm chú thích này.

Công, nông sung sướng muôn vàn,
Hết đời áp bức, hoàn toàn tự do!

Bọn đế quốc những lo tiêu diệt,
Đem binh đoàn quyết liệt tiến công.
Liên minh Nam, Bắc, Tây, Đông,
Xô Liên bị hãm trong vòng nguy nan [1].
Ngoài, đế quốc kéo quân can thiệp,
Phản động trong, cũng nổi lung tung.
Bàn nhau liên kết một lòng,
Mưu phá cơ sở công, nông tan tành!

Song vô sản đâu đành chịu chết,
Diệt thù chung quyết liệt hy sinh.
Cùng nhau tổ chức Hồng binh,
Phá cho đế quốc liên minh tơi bời.
Bọn đế quốc bên ngoài tháo chạy,
Phản động trong cũng lạy xin hàng.
Công, nông sung sướng muôn vàn!
Trên đường kiến thiết ngày càng tiến mau.

Song lại thấy năm châu vô sản,
Bị trong vòng tư bản dã man.
Sao cho hết giống tham tàn,
Đại đồng thế giới hoàn toàn vui chung.
Lênin lại gắng công lập kế,
Tổ chức ra Quốc tế đệ tam. [2]
Năm châu vô sản kết đoàn,
Cùng dân nhược tiểu phá tan quân thù.

Nền cách mạng cơ đồ bền vững,
Cuộc thành công cũng chẳng bao lâu.
Đông Dương ta phải mau mau.
Cứu ta, ta phải cùng nhau một lòng.

---

1. Chỉ 14 nước bao vây Liên Xô, và đem quân giúp bọn phản cách mạng các loại chống lại Liên Xô.

2. Tháng 10-1919, Lênin thành lập Quốc tế thứ III, tức Quốc tế Cộng sản.

Chớ mơ mộng ngóng trông thần, Phật,
Chớ ngu si vái đất, lạy trời.
Cũng đừng ỷ lại thiên tài,
Tự ta, ta phải liệu bài đấu tranh.

Gương sáng tỏ rành rành ra đó,
Xích xiềng kia phá bỏ cho mau.
Đời chúng ta hướng cùng nhau,
Đại đồng thế giới, năm châu một nhà!

Hỏa Lò, 1931

*

* *

NGÀY VỀ

Ở lại đau thương, về cũng buồn
Sắp về dòng lệ, cảm như tuôn
Thương bao đồng chí còn lao ngục
Xót nỗi nhân dân phải cúi luồn.

Luyện đức kiên trì không nản chí
Diệt thù kiên quyết chẳng buông gươm
Một lời xin chém lên muôn đá
Nhất định vùng reo lớp sóng cồn.

Côn Lôn, 1933

*

* *

KÊU GỌI PHỤ NỮ

...
Đời tiến bộ có tay phụ nữ,
Đời đau thương hỏi thử ai không?
Thế mà trăm cái bất công,
Bấy lâu nữ giới thực không ra gì!

Chị em hỡi, dại chi chịu trói!
Mình phải mau tự cởi cho mình.

Những trò bình đẳng trá hình,
Tự do giả tạo, chúng mình đập tan.

Cuộc cách mạng dâng tràn thế giới,
Ngọn cờ hồng phấp phới tung bay.
Phong trào phụ nữ đã xây,
Dâng lên rầm rập, đó đây không ngừng.

Gái Xô viết phá tung xiềng xích,
Gái như trai, đều trách nhiệm chung.
Gái trai vang nhịp tơ đồng,
Xây nền hạnh phúc, vô cùng mai sau.

Trời Nam Việt bấy lâu mù mịt,
Giặc Tây vào bưng bít miệng, tai.
Cả già trẻ, lẫn gái trai,
Cái thân nô lệ, suốt đời đau thương!

Trước trừ bọn hung tàn bạo ngược,
Là những phường đế quốc dã man.
Sau là cả lũ tham tàn,
Cường hào, địa chủ, vua quan một loài.

Giết được giặc, đường dài tốn sức
Toàn dân ta góp sức, góp tài.
Tiến lên mở một ngày mai,
Ngày mai tươi sáng cả trời Việt Nam.

Thái Bình, 1937
THÔN DÂN

*
* *

ĐỜI SỐNG NÔNG DÂN

Công nợ còn lo ruột vấn vương,
Tiếng gà đã gáy giục tinh sương.
Lầu son đệm gấm ai đương mộng?
Mình đã đầy thân kiếp đoạn trường!

Dụi mắt ngồi lên, chạy khỏi giường,
Đem mình hứng lấy những làn sương.
"Cỗ" nhà địa chủ đương chờ đợi,
Mấy bạn chờ mình tán chuyện suông!

Trợn má phùng mang nuốt một hơi,
Cố trôi cơm hẩm với cà ôi.
Ăn xong lại rít vài hơi thuốc,
Cày vác lên vai cất gót rời!

Mặt trời đỏ ối đã chào mình,
Gió chẳng hơi rung động lá cành.
Nắng dãi mồ hôi đầm áo rách,
Nghĩ mình thêm ngán kiếp phù sinh.

Giờ đây chúng nó vẫn nghênh ngang,
Ngồi mát cơm ngon với bát vàng.
Riêng có trâu, mình chung một kiếp,
Tắm bùn, cho kẻ hưởng giàu sang.

Kiệt sức tàn hơi, đứng bóng rồi,
Tưới ra đã lắm bát mồ hôi.
Buông trâu ngồi nghỉ trên bờ cỏ,
Ngán cảnh "thần tiên" trên đất trời.

Cái thú thần tiên lắm thú thay,
Cơm cà buổi sáng lại nằm đây.
Trời xanh xanh ngắt cao vòi vọi,
Mở mắt nhìn xa choáng váng say.

Mệt lử lảo đảo bước ra về,
Con, vợ trông mong được những gì?
Có mấy xu công – còn gửi chủ,
Dành phần sưu đó – dám tiêu chi!

Bụng đói con kêu vợ sụt sùi,
Bịt tai ngủ tít, đợi ngày mai.

Ngày mai rồi cũng như ngày trước,
Thống khổ sao đành cũng thế thôi!

Ngẫm nghĩ nào đâu phải tại trời,
Bởi phường áp bức tạo nên thôi!
Kết đoàn hợp sức cùng tranh đấu,
Nhất định ta xoay lại cuộc đời!

Thái Bình, 1937
THÔN DÂN

Báo *Tin tức, 1937*.

*
* *

TÔI KHÔNG CHẾT VÀ TÔI CÒN SỐNG MÃI!

TIỂU DẪN – Năm 1942, ở "căng" Bắc Mê, một lần tù nhân đấu tranh, tên chủ ngục Pagu tống giam 40 người vào một căn phòng nhỏ hẹp. Trời nóng nực ngột ngạt, những người bị giam đều có ý nghĩ là tất cả sẽ phải chết, riêng Nguyễn Văn Năng lại cho rằng sẽ còn sống mãi, và sau đó sáng tác bài thơ này.

Chết hay sao? Tôi đau đớn lạ kỳ?
Đầu choáng váng, trái tim như ngừng lại:
Toàn thân thể chân tay như liệt bại,
Tôi tưởng nằm trên một bãi tha ma,
Màn óc tôi chiếu lại những ngày qua.

– Thương tiếc quá! Trời ơi! Rùng rợn quá!
Ngực tôi thấy như dưới muôn tầng đá,
Giương mắt nhìn thăm thẳm mịt mù đen,
Lắng tai nghe, toàn cóc nhái gào rền,
Như tiếng thét của muôn hồn thê thảm!

Trời lặng lẽ, im lìm và u ám
Tôi đành ư? Để xác chết hồn mê!
Không! Không! Đây dẫu súng chĩa, gươm kề,
Tôi không chết và tôi còn sống mãi.

– Tôi không chết! Trong giờ đây tạm bại,
Nước triều lui chẳng phải nước triều tan.

Lá cây rơi chẳng phải gốc cây tàn,
Đương chứa đựng để đâm chồi mạnh đẹp.

Sông nước chảy trong khe rừng nhỏ hẹp,
Sẽ tràn ra biển rộng mênh mang.
Đây Bắc Mê, ôi, muôn cảnh phũ phàng!
Tôi không chết và tôi còn sống mãi!

– Tôi sống mãi giữa muôn hồn hăng hái,
Kế tiếp nhau xây lại cuộc sinh tồn.
Giờ mai đây, hoa rực rỡ đầy vườn,
Tôi tin chắc hưởng một phần hương vị.

Nếu hơi tắt, thịt xương tàn không kể,
Đời giả tàn, đời thật vẫn không tan!
Đời thật tôi dầu rìu búa muôn vàn,
Tôi không chết và tôi còn sống mãi!

– Tôi sống mãi giữa lời thơ trầm bổng,
Lời thơ tôi là những giọng bi hùng.
Cả tiếng vang thời đại chất bên trong,
Với một sức vô cùng, không tuyệt vọng.

Tôi cứ sống và tôi còn cứ sống,
Cứ say sưa tin tưởng sức muôn người.
Keng! Keng! Keng! Tiếng kẻng vẳng bên tai,
Tôi đạp mạnh, vung tay ngồi phắt dậy.

Một tia sáng mờ xa đưa rọi lại,
Kế tiếp ngay vang dậy tiếng gà rừng.
Rồi tiếp luôn những khúc hát tưng bừng,
Của chim chóc thét lên đòi ánh sáng...

Tôi thấy cả một bầu trời u ám,
Bỗng nhạt mờ rồi sán lạn hồng reo.
Tôi muốn cùng nhân loại nhảy hô theo:
"Tôi không chết và tôi còn sống mãi"!

Bắc Mê, 1942

TRẦN ĐỨC SẮC

(Sinh năm 1913)

Trần Đức Sắc viết báo, viết sách với các bút danh Cựu Kim Sơn, Văn Giang, Văn Tân... Trần Đức Sắc sinh ngày 1-9-1913 ở xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây trong một gia đình trung nông.

Năm 1930, Trần Đức Sắc tham gia phong trào cách mạng, làm Bí thư Nông hội xã. Tháng 10-1932, thực dân Pháp bắt Trần Đức Sắc và giam ở Hỏa Lò, Hà Nội. Tháng 10-1937, được tự do, Trần Đức Sắc làm biên tập viên của báo *Tin tức và Tập sách Dân chúng* của Đảng.

Tháng 10-1939, đế quốc Pháp lại bắt Trần Đức Sắc cùng nhiều chính trị phạm khác, đưa đi giam ở Sơn La, Bá Vân, Nghĩa Lộ. Ngày 17-3-1945, Chi bộ nhà tù quyết định cho một số đảng viên vượt ngục, trong đó có Trần Đức Sắc.

Tháng 7-1945, Trần Đức Sắc cùng bộ đội du kích từ chiến khu Vần vào giải phóng Nghĩa Lộ, sau đó tham gia lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Yên Bái.

Tháng 11-1945, Trần Đức Sắc được điều động về Hà Nội, tham gia Bộ Biên tập của báo *Cứu quốc*, lúc ấy xuất bản hằng ngày. Năm 1946, với bút danh Văn Tân, Trần Đức Sắc viết cuốn *Vấn đề chính đảng*. Từ đó đến nay, Văn Tân đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn học, sử học và ngôn ngữ.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Trần Đức Sắc đã viết và cho xuất bản trong *Tập sách Dân chúng* những tác phẩm sau: *Đời chị em, Chị em phải làm gì? Chị em Xô Liên, Lênin* (ký Văn Giang), *Vượt ngục.*

CHỊ EM PHẢI LÀM GÌ?
(Trích)

TIỂU DẪN – Trong thời kỳ đế quốc Pháp thống trị Đông Dương, Đảng ta đã nghiên cứu tình hình sinh hoạt và vị trí của phụ nữ, đề ra cách giải quyết vấn đề phụ nữ theo quan điểm cách mạng trong mối quan hệ chung với các giai cấp và tầng lớp xã hội khác trên cơ sở đấu tranh cho thắng lợi của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ vận động dân chủ, Đảng ta chủ trương tập hợp và đoàn kết rộng rãi các tầng lớp phụ nữ, bao gồm cả phụ nữ lao động, tư sản, trí thức và những phụ nữ xuất thân từ giai cấp địa chủ tán thành khẩu hiệu đấu tranh cho tiến bộ xã hội, để nhằm mở rộng và tăng cường Mặt trận Dân chủ Đông Dương, cô lập cao độ kẻ thù là bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng.

Dựa theo đường lối chỉ đạo của Đảng, Xứ ủy Bắc Kỳ chủ trương xuất bản "Loại sách phụ nữ" trong *Tập sách Dân chúng*.

Cựu Kim Sơn và Văn Huệ (hai tên của một tác giả: Trần Đức Sắc) viết cuốn thứ nhất: *Đời chị em*, sau đó cuốn thứ hai: *Chị em phải làm gì? Tập sách Dân chúng* xuất bản 1938.

Cuốn *Chị em phải làm gì*? có hai phần:

Phần thứ nhất nói về những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội đòi hỏi phải giải phóng phụ nữ; phê phán những quan niệm sai lầm chung quanh vấn đề đấu tranh giải phóng phụ nữ, đề ra phương thức, khẩu hiệu đấu tranh hiện tại cho lợi ích của giới phụ nữ nói chung và cho phụ nữ thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau nói riêng. Đây là vấn đề cấp bách trước mắt.

Phần thứ hai phân tích về mặt lý luận: đấu tranh giành được thắng lợi dân chủ, phụ nữ vẫn chưa được hoàn toàn giải phóng, vì xã hội vẫn chưa độc lập, giai cấp bóc lột chưa bị xóa bỏ. Tác giả lập luận về sự tất yếu phải phát triển cuộc đấu tranh cho dân chủ thành đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và có thực hiện được chủ nghĩa xã hội thì phụ nữ mới thực sự được giải phóng. Dưới đây xin trích một số đoạn ở cả hai phần.

Phần thứ nhất

CHỊ EM PHẢI LÀM GÌ TRONG THỜI KỲ HIỆN TẠI?

1. Tại sao phải giải phóng phụ nữ Đông Dương?

...

Có thể và có nên để cho phụ nữ ở mãi trong tình trạng như tình trạng ngày nay không?

Có thể và có nên kéo phụ nữ trở lại sống trong gia đình chật hẹp như thời đại phong kiến không?

Chủ trương để phụ nữ ở mãi trong tình trạng hiện nay, tức là chủ trương để cho phụ nữ vô sản cứ phải cặm cụi ăn than hút bụi ở trong lò máy, trong hầm mỏ, mà vẫn chẳng đủ nuôi thân, mà vẫn bị chủ và đốc công hành hạ đủ điều; tức là chủ trương để cho phụ nữ nông dân quanh năm thức khuya, dậy sớm, chân lấm tay bùn, mồ hôi nước mắt, mà vẫn sống một cảnh khham khổ, ăn đói mặc rách tức là chủ trương các chị em đi làm con sen, con ở phải làm lụng đầu tắt mặt tối suốt ngày mà ăn uống chỉ toàn cơm thừa canh cặn, nằm ở xó bếp, dưới sàn; tức là chủ trương để cho phụ nữ tiểu thương cứ phải chịu mấy lần thuế nặng, cứ phải ngồi chờ đến ngày phá sản; tức là chủ trương để cho phụ nữ trí thức, sau bao nhiêu năm học hành mà vẫn phải ăn bám gia đình, chứ không thể nuôi sống lấy mình, và nếu có công việc làm, thì tiền lương bao giờ cũng kém tiền lương đàn ông; tức là chủ trương phụ nữ phong kiến, tư bản cứ đành chịu cho chồng lấy năm, bảy vợ rồi lại bạc đãi với họ; tức là chủ trương không cho phụ nữ tham dự đến việc làng việc nước, những việc có quan hệ đến đời sống của đàn bà cũng như của đàn ông.

Chủ trương để cho phụ nữ ở mãi trong tình trạng hiện nay, còn có những kết quả xấu xa gì?

Ta đã thấy chế độ kinh tế và chế độ hôn nhân cho phần đông trai gái thanh niên không được và không dám yêu nhau. Nhiều người phải khổ vì tình, nhiều người phải tự tử vì tình. Câu "tình là dây oan" đã thành một sự thực, vì ở xã hội ta, vướng víu đến tình thường gặp nhiều sự khổ sở.

Chế độ xã hội đã làm cho nam nữ thanh niên khó lấy nhau, lại làm cho nam nữ thanh niên khó bỏ nhau khi họ chẳng thể yêu nhau được nữa. Giữ phụ nữ sống mãi dưới chế độ hiện tại là để cho chồng áp bức vợ, mẹ chồng hành hạ nàng dâu, là giữ người đàn bà ở mãi địa vị phụ thuộc sống gửi thác nhờ, là bắt người đàn bà phải gánh bao trách nhiệm mà không được hưởng mấy tý lợi quyền.

Giữ phụ nữ mãi trong chế độ hiện tại là bắt một bọn phải kiềm chế dục tình và bắt một bọn phải làm vợ chung của thiên hạ, là giam hãm họ mãi trong cảnh tối tăm ngu dốt, là bắt họ phải nhịn nhục, nhát hèn.

Những việc xảy ra trước mắt hằng ngày đã chứng tỏ rằng ta không nên và không thể giam hãm phụ nữ mãi trong chế độ này.

Song, ta có thể và có nên kéo phụ nữ trở lại sống trong cảnh gia đình chật hẹp như trong thời đại phong kiến không?

Không, vì một lẽ rất giản dị là những cái ách mà phụ nữ ngày nay phải đeo đẳng phần nhiều chính do chế độ phong kiến để lại. Những ách đó là chế độ đa thê, là tam tòng tứ đức. Những ách đó ở trong thời đại phong kiến còn ghê gớm tai hại gấp mấy mươi ngày nay.

Như vậy, ta không nên và không thể giữ những ách ấy được. Ta không nên giữ những ách ấy vì ta đứng về mặt đạo đức, nghĩa là nếu ta là người ưa nhân đạo trong công lý, ta không nỡ đứng ngắm một chế độ nó dày vò, áp bức người cùng loại với ta. Ta không thể giữ những ách ấy, vì nhiều lẽ về khoa học.

Tại sao ta *không thể* giữ được?

Nền tảng kinh tế ở xã hội đã biến đổi. Chế độ gia đình công nghệ dần dần nhường chỗ cho chế độ đại công xưởng. Người đàn bà không thể ở trong gia đình mà canh cửi vá may hay làm một nghề thủ công nào mà sống được nữa. Họ phải bỏ gia đình chạy vào xưởng máy hay hầm mỏ để kiếm ăn. Hằng ngày cùng chen vai thích cánh với đàn ông, cùng làm lụng như đàn ông, nên họ đã nhận biết cái giá trị của họ, họ đã biết họ có làm mới có ăn, chứ chẳng thể theo cha mẹ, theo chồng con mà sống nhờ sống gửi.

Tam tòng, bởi vậy, đối với họ chẳng có ý nghĩa gì.

Hằng ngày, tiếp xúc với đàn ông và phải làm những công việc cần phải có sự lanh lẹ, khỏe mạnh nên công việc, lời ăn, tiếng nói, dáng điệu và tính hạnh của họ cũng khác xưa.

Do đó, tứ đức đối với họ cũng chẳng còn ý nghĩa gì, hay nói một cách khác, họ có một quan niệm mới mẻ đối với tứ đức.

Vì sự sinh hoạt của họ độc lập, vì tiền lương của người đàn ông vô sản chẳng thừa thãi gì, nên họ chỉ bằng lòng chế độ một vợ một chồng. Vẫn biết sự thờ phụng tổ tiên làm cho người đàn ông vô sản đôi khi phải lấy vợ lẽ, nếu vợ cả không có con, những trường hợp này hiếm lắm. Chế độ đa thê đã bị thủ tiêu.

Xét qua như trên, ta thấy sự biến đổi của nền kinh tế đã làm cho tứ đức tam tòng phải dần dần tiêu diệt, đã làm cho chế độ đa thê phải lung lay, nghĩa là sự biến đổi về sinh hoạt đã làm cho những ách đè ép người phụ nữ vô sản - và cả một số phụ nữ trí thức nữa - phải suy đồi rồi đổ sụp.

Vậy thì muốn giữ những ách giam cầm phụ nữ là không thể được.

Trái lại, cần phải giải phóng họ cho hợp lẽ tiến hóa. Vấn đề phụ nữ giải phóng ở Đông Dương đã thành một vấn đề cấp thiết đòi giải quyết ngay.

2. Cuộc vận động giải phóng phụ nữ ở Đông Dương

Bây giờ ta xét xem ở Đông Dương người ta đã giải quyết vấn đề phụ nữ giải phóng như thế nào và bằng cách gì?

Trước hết hãy nói cuộc vận động giải phóng phụ nữ tư sản. Bọn tiên phong cho phong trào vận động giải phóng của phụ nữ tư sản là bọn phụ nữ trí thức. Bọn này nhờ gia cảnh sung túc được ăn học, nên nhiễm tư tưởng tự do, bình đẳng. Vả, trong bọn này có những người được làm giáo học hay cô đỡ, thư ký nhà buôn, họ được tiếp xúc với xã hội, họ có nghề nghiệp để tự nuôi sống, nên cha mẹ họ không trói buộc họ, chồng con họ không giam hãm được họ. Họ nhận thấy nhiều lễ văn chế độ ràng buộc, áp bức họ, nên họ có tư tưởng giải phóng. Về mặt lý luận họ hô hào bình quyền, bình đẳng trên mặt sách báo. Về mặt thực hành, cuộc vận động giải phóng của họ biểu lộ ra bằng các cuộc xung đột với cha mẹ trong gia đình về vấn đề hôn nhân. Cuộc xung đột khi ôn hòa, khi kịch liệt, nhưng lúc nào cũng có, nên thường xảy ra lắm thảm trạng như bỏ nhà trốn đi, hay tự tử để khỏi phải lấy những người mà họ không yêu. Cuộc vận động giải phóng của họ lại biểu lộ ra bằng các cuộc xung đột với chồng và họ hàng nhà chồng nữa.

Họ không thể để cho chồng áp chế khinh rẻ họ, coi họ như thứ

đồ chơi máy đẻ, nên họ thường nổi dậy chống lại với chồng luôn. Những cử chỉ của bọn phụ nữ này thường làm chướng mắt chồng: họ thường giao thiệp với nhiều đàn ông, và có những cử chỉ dâm đãng là những biểu hiện của sự phong hóa đồi bại.

Theo lễ giáo cũ, người con gái về nhà chồng phải kính cẩn lễ phép với cha mẹ chồng, anh em và họ hàng nhà chồng. Người con gái về nhà chồng chẳng những phải sợ chồng mà còn phải sợ cả người nhà chồng nữa. Hạng phụ nữ có tư tưởng mới không thể sợ thế được, họ chỉ tùy từng lúc mới kính cẩn và lễ phép với cha mẹ, anh em họ hàng nhà chồng. Họ chỉ là vợ của người chồng, chứ không phải là tôi mọi của cha mẹ, anh em chồng. Vì những lẽ đó nên bọn phụ nữ mới thường xung đột với nhà chồng, và phản đối chế độ gia đình. Được ra tiếp xúc với đời, họ thấy họ thấp kém đàn ông về nhiều phương diện, nên họ hết sức hô hào phụ nữ giáo dục, phụ nữ chức nghiệp, phụ nữ thể thao.

Như về phụ nữ giáo dục có vài tờ báo (như *Phụ nữ Tân văn* ở Sài Gòn) và vài cái Tùng san (như *Phụ nữ Tùng san* ở Huế) làm cơ quan, nhưng các sách báo đó chỉ ra đời ít lâu là chết.

Về phụ nữ chức nghiệp, chỉ có Nữ công học hội ở Huế.

Một điều đáng tiếc là phụ nữ có tư tưởng mới chỉ hô hào suông chứ ít khi thực hành.

Chúng tôi lại thấy nhiều khi họ không dám thực hành nữa. Việc phụ nữ đi xe đạp, họ hô hào bao nhiêu lâu mà vẫn không dám thực hành, kết cục đến chị em me tây thực hành trước, rồi họ mới lục tục theo sau.

Về cách ăn mặc tân thời cũng vậy, ta cũng thấy chị em me tây đánh răng trắng trước, đi giày cao gót trước, mặc các thứ áo mới lạ trước, rồi mới thấy các chị em tư sản theo sau.

Ngay đến những công cuộc từ thiện (chợ phiên, diễn kịch) cũng thấy chị em me tây, ả đào, gái nhảy tham gia trước.

Hiện tượng đó cũng không phải lạ mà cũng không riêng gì ở Việt Nam.

Như thế là vì bọn phụ nữ tư sản ở trong gia đình bị cha mẹ ràng buộc, chồng ràng buộc. Cha mẹ và chồng muốn ràng buộc con gái hay vợ là muốn duy trì nề nếp cũ, vì nề nếp cũ có lợi cho họ. Nên hễ thấy con gái hay vợ hành động cái gì trái với ý muốn họ thì họ hết sức

ngăn cản, thóa mạ. Theo sau cha mẹ và chồng, bọn có đặc quyền đặc lợi trong xã hội, vì muốn duy trì quyền lợi đã có, cũng ra sức ngăn cản, thóa mạ chị em phụ nữ mới để họ yên thân ngồi trên chế độ bất bình [1] mà hưởng sung sướng.

Khác hẳn các phụ nữ tư sản, các chị em me Tây, ả đào đã bị chế độ cũ làm khổ, làm cho họ phải lìa bỏ gia đình, nên hễ thấy việc gì họ thích hay làm cho hạnh phúc họ tăng lên, là họ làm ngay, họ làm mà không bị ai ngăn cản bó buộc.

Xét phong trào phụ nữ giải phóng của phụ nữ tư sản, ta thấy phụ nữ tư sản phần nhiều chỉ tranh đấu chống lại phong tục, chứ ít đấu tranh chống lại chế độ kinh tế và chính trị.

Thật vậy, ngoài một số chị em tham gia vào các đảng chính trị như Thanh Niên, Tân Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng, Việt Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Đảng, phong trào Đông Dương đại hội, còn phần đông chị em chỉ tranh đấu chống phong tục.

Chính trong *Phụ nữ Tân văn* số 39, có bài khuyên chị em không nên làm quốc sự bằng cách vận động chính trị. Vì, theo chị em, thì *"giữ gìn quốc hồn chăm lo học nghiệp, để cho trong bọn lầu son gác tía, cũng nảy ra hạng học rộng tài cao, mở mặt cho chị em, giúp ích cho xã hội, cũng là quốc sự, biết lo về ruộng nương, gắng công về nghề nghiệp để cho trong nước được giàu thịnh cũng là quốc sự. Những việc của cá nhân mà có ích hoặc gần hoặc xa cho nhân quần xã hội đều là quốc sự cả".*

Sở dĩ chị em tư sản thờ ơ lạnh nhạt với chính trị, và có những quan niệm sai lầm về việc vận động chính trị, là vì chị em ở dưới một chế độ cho chị em thừa ăn thừa mặc, có khi còn cho chị em được bóc lột áp bức những kẻ nghèo nàn, nên đối với chế độ đó chị em không cần đánh đổ. Trái lại, chị em cần đánh đổ những phong tục, tập quán để chị em được tự do hơn trước.

Công cuộc vận động giải phóng của chị em, bởi vậy, là một cuộc đấu tranh nửa chừng như không có quan hệ đến cuộc tranh đấu về chính trị. Cuộc tranh đấu của chị em, có khi biến thành cuộc nam nữ tranh đấu (lutte des sexes), chứ không phải giai cấp đấu tranh (lutte des classes).

Trong *Phụ nữ Tân văn* ngày 28-6-1934, chị T.N.B. viết:

---

1. Bất bình: Ý nói bất bình đẳng.

"Chị em tự giam thân vào vòng đạo đức của phái nam tử đã lập ra, tự ỷ mình vào chúng nó để cầu lấy sống".

Câu nói đó đã biểu lộ ý kiến của một bọn phụ nữ tư sản coi đàn ông là thù địch, là bọn người không thể cộng tác được.

Cuộc vận động giải phóng của phụ nữ tư sản tuy gặp nhiều bước trở ngại, nhưng vẫn tiến như thường. Ta thấy phong trào phụ nữ đi xe đạp, phụ nữ thể thao, phụ nữ tham dự các cuộc từ thiện, mỗi ngày một mạnh. Những cuộc vận động này vẫn không có quy củ, không có tổ chức, nên kết quả không được là bao nhiêu.

Thường nhận rõ cái khuyết điểm đó, nên một số chị em tư sản gần đây đã dự định lập ra hội Tố liên (do báo *Phụ nữ* đề xướng) để tập hợp lực lượng tranh đấu chống phong tục lễ giáo.

3. Cuộc vận động giải phóng của phụ nữ bình dân

Cuộc vận động giải phóng của phụ nữ bình dân có từ lâu, có trước cuộc vận động của phụ nữ tư sản nhiều. Cuộc vận động đó ta có thể nói, bắt đầu từ khi nền kinh tế công nghệ mở mang ở xứ này.

Nhưng cuộc vận động của chị em bình dân rất êm đềm, nên không mấy người biết đến. Tuy cuộc vận động của chị em êm đềm nhưng có rất nhiều kết quả.

Thật vậy, trong khi chị em tư sản đang hô hào phá đổ tứ đức tam tòng, đòi bình quyền, bình đẳng với đàn ông, thì chị em bình dân, vì cảnh sinh hoạt, đã phải bỏ cha mẹ, anh em ra đi, đâm đầu vào xưởng máy, hầm mỏ để kiếm ăn, nên tứ đức tam tòng đã hóa ra vô nghĩa, nên chị em đã được bình đẳng với đàn ông về nhiều phương diện. Trong khi chị em tư sản đang hô hào tự do kết hôn, tự do ly hôn, thì một số chị em bình dân, vì cảnh sinh hoạt khó khăn không thể cưới cheo lôi thôi phiền phí, cũng đã thực hành tự do kết hôn, tự do ly hôn rồi!

Trong khi chị em tư sản hô hào phụ nữ thể thao, thì chị em bình dân vì phải làm lụng khó nhọc nên thân thể đã vạm vỡ, sức vóc đã khỏe mạnh rồi.

Cảnh sinh hoạt đã cho chị em bình dân thoát khỏi sự trói buộc của lễ giáo phong tục, chính vì lẽ đó nên cuộc vận động giải phóng của chị em bình dân êm đềm mà nhiều kết quả.

Nhưng thoát khỏi sự áp bức của lễ giáo, phong tục, chị em bình dân mới đi được một bước dễ dàng nhất trên con đường giải phóng.

Con đường giải phóng của chị em còn dài và gồ ghề khúc khuỷu.

Các chị em ngày nay vẫn còn bị các ông chủ áp bức bóc lột. Nhiều khi chị em bình dân thiếu ăn, thiếu mặc đã phải cúi đầu cam chịu bao nhiêu xích xiềng của các ông chủ buộc vào cổ chị em. Các chị em vẫn phải làm đêm; khi chửa đẻ, các chị em vẫn chẳng được ăn lương, gặp lúc ốm đau tai nạn chị em không được người chạy chữa.

Ngoài ra, còn bao nhiêu chị em thôn quê bị địa chủ, quan lại áp bức bóc lột mà phải phá sản rồi phải đi mãi dâm để sống.

Tóm lại, phong tục lễ giáo mới nới tay ra thì chế độ tư hữu lại buộc chặt chị em lại, chế độ tư hữu càng làm cho chị em nhơ nhuốc, xấu xa và cực khổ.

Chế độ tư hữu đã khiến cho kẻ có nhà máy, hầm mỏ, có ruộng thẳng cánh cò bay, còn chị em chỉ trơ hai bàn tay trắng. Chế độ tư hữu đã cho chị em hóa thành một thứ của riêng của bọn phú hào. Nên chị em hiểu rằng: nếu chế độ tư hữu còn, thì chị em còn bị áp bức khổ sở. Chỉ phá đổ chế độ đó, chị em mới được hoàn toàn giải phóng, hoàn toàn sung sướng. Chị em hiểu rằng, chị em bị giai cấp phú hào áp bức một cách dã man tàn bạo, chứ chị em chỉ bị bọn đàn ông áp bức một phần rất nhỏ thôi. Bọn đàn ông bình dân, ở trong nhà máy hay ở thôn quê cũng bị địa chủ tư sản áp bức như các chị em, vậy thì chẳng có lẽ gì lại coi bọn đàn ông đó là thù địch. *Nên cuộc vận động giải phóng của chị em bình dân lại là cuộc giai cấp tranh đấu nữa.* Cuộc giải phóng của chị em, bởi vậy mật thiết quan hệ với cuộc vận động chính trị. Xét phong trào phụ nữ giải phóng của chị em bình dân, ta thấy đúng thế. Ta thấy phong trào phụ nữ giải phóng đi đôi với phong trào chính trị, phong trào chính trị cao tức là phong trào phụ nữ cao, phong trào phụ nữ thấp tức là phong trào chính trị thấp. Ta thấy luôn luôn chị em chen vai với bọn đàn ông để tranh đấu.

Từ 1928 trở lại đây, trong các Đảng Thanh Niên, Tân Việt, Việt Nam Cộng sản, Đông Dương Cộng sản, nhiều chị em bình dân, trong đó, một số đông chị em tiểu tư sản giác ngộ nhận giai cấp vô sản làm giai cấp của mình – đã hăng hái đấu tranh về chính trị, lòng hy sinh, quả cảm không kém gì bạn trai.

Vào khoảng 1930 – 1931, các chị em nông dân ở Nghệ Tĩnh đã tham gia nhiều cuộc biểu tình để đòi cải thiện đời sống cho đám bình dân. Hội Xô viết Nghệ An thành lập, có chị đã được xung vào Ban chấp ủy. Trong các cuộc biểu tình, nhiều chị em lại tự nguyện đi hàng đầu.

Ngoài ra, các chị em còn tham dự vào các Ban cứu tế để nâng cao tinh thần các chiến sĩ nam nữ nữa.

Năm 1930, các chị em ở chợ Đồng Xuân, Hà Nội, đã bãi thị để tranh đấu chống thuế chợ quá nặng, cũng năm ấy, các chị em công nhân Nhà máy sợi Nam Định cùng với anh em công nhân tranh đấu đòi tăng lương. Khoảng năm 1931 – 1932, trong nhiều cuộc biểu tình của công nông từ Nam chí Bắc, các chị em đã tham gia một cách sốt sắng. Cuối 1936, các chị em công nhân ở mỏ Hồng Gai đã đi đôi với anh em mỏ ấy đấu tranh, kết cục được thắng lợi. Sau đó, các chị em lao động tiểu thương lại tham dự các cuộc đón tiếp đại sứ Gôđa (Gôdart) và ông toàn quyền Bơrêviê (Brévié) để đòi quyền tự do lập nghĩa đoàn và các quyền tự do dân chủ.

Tháng 5–1937, 500 chị em buôn bán ở chợ Đồng Xuân lại bãi thị để yêu cầu giảm thuế chợ. Tinh thần trọng trật tự của chị em đã làm nhiều người phải kính phục. hồi giữa 1937, anh em công nhân Trường Thi sở dĩ đình công được ngót một tháng trời, một phần cũng nhờ lòng sốt sắng của chị em Nghệ Tĩnh hết sức ủng hộ bằng cách quyên tiền để giúp những anh em nghỉ việc. Cuối 1937, các chị em bình dân lại dắt tay anh em các giới biểu tình ở trước Tòa Đốc lý Hà Nội để phản đối dự án tăng thuế của ông Viếcgiti (Virgitti). Đầu 1938, chị em Nghệ An lại tổ chức "Hàng ngày xuân" (gồm có sách báo bình dân) đi bán khắp mấy tỉnh ở phía Bắc Trung Kỳ lấy tiền giúp vào công cuộc có ích cho phong trào bình dân.

Hôm kỷ niệm Quốc tế lao động mồng 1–5–1938, hàng mấy ngàn thợ thuyền, nông dân, tiểu thương, học sinh, ả đào các tỉnh, ngoài các khẩu hiệu riêng của nữ giới, đã hô lớn, đòi những quyền lợi mà toàn thể dân chúng xứ này đang tha thiết kêu đòi: Hòa bình, Cơm áo, Tự do.

Cùng hô lớn các khẩu hiệu đó với anh em các tầng lớp dân chúng, các chị em đã tỏ ra rằng *quyền lợi của các chị em có quan hệ với quyền lợi của các tầng lớp dân chúng.*

Trong cuộc tổng tuyển cử ở Bắc Kỳ vừa qua, các chị em phụ nữ đã sốt sắng ủng hộ những người ra tranh cử đứng về lập trường dân chủ, và đã tham gia vào cuộc biểu tình hoan hô sự đắc thắng của Mặt trận Dân chủ. Một điều đặc biệt trong cuộc vận động giải phóng phụ nữ do chị em bình dân lãnh đạo là chị em chỉ đòi giải phóng, chứ không đòi "quyền" như các chị em tư sản, vì các chị em đã hiểu rõ rằng hiện nay anh em bình dân ngoài mấy cái quyền đóng thuế, nộp

sưu cũng chẳng có quyền gì, nghĩa là chị em biết số phận chị em chẳng khác số phận anh em bình dân. Thế thì chỉ bao giờ anh em bình dân được giải phóng, chị em mới được giải phóng. Cái ách nó đè ép chị em, cũng đè ép cả anh em bình dân. Khi anh em bình dân lật đổ được cái ách đó, thì chị em cũng được giải phóng như anh em bình dân vậy.

Phong trào giải phóng của phụ nữ tư sản trước đây có một lúc rầm rộ, nhưng ngày nay có sụt đi, nhường chỗ cho phong trào giải phóng của chị em bình dân, phong trào sau này ngày một mạnh mẽ, đương bước vào con đường tổ chức có quy củ.

Vẫn biết rằng quyền lợi các chị em bình dân có nhiều chỗ giống quyền lợi của anh em cùng giai cấp, cùng cảnh ngộ, nhưng còn có nhiều chỗ đặc biệt. Thế mà chị em chưa có một tổ chức riêng rộng rãi để tập trung hết tất cả các lực lượng của chị em để đòi các quyền lợi ấy, thì thật là một điều khuyết điểm lớn.

Xét phong trào giải phóng của chị em bình dân, ta thấy chị em quá chú trọng về mặt thực hành, mà rất lơ đễnh với lý thuyết, chị em tư sản trước có những tờ báo *Phụ nữ Tân văn*, *Phụ nữ Thời đàm*, Đàn bà mới để làm cơ quan tuyên truyền vận động.

Trái lại, chị em bình dân suốt từ Nam chí Bắc không có lấy một cơ quan ngôn luận riêng để bênh vực quyền lợi của chị em.

Chính vì vậy, cuộc vận động giải phóng của chị em chưa thu phục được quảng đại quần chúng phụ nữ.

Một điều ta nên biết là cuộc vận động giải phóng của chị em bình dân chú trọng bênh vực những quyền lợi kinh tế, chính trị văn hóa cho phụ nữ như: đòi cơm ăn, áo mặc, đòi phá bỏ các hủ tục phong kiến, đòi bình đẳng với nam giới, phương pháp của chị em là đấu tranh có tổ chức, có quy củ. Còn cuộc vận động giải phóng của chị em tư sản thường chỉ chú trọng về một ít điều cải cách lặt vặt, như cách ăn mặc, học nữ công v.v... và nhiều khi vì không hiểu mà lại đi vào con đường mơ màng phóng đãng.

4. Trách nhiệm hiện tại của cuộc vận động giải phóng phụ nữ ở Đông Dương

Trong cuốn *Đời chị em*, chúng tôi đã từng xét sinh hoạt của phụ nữ Đông Dương về mặt kinh tế, chính trị, xã hội. Đầu cuốn *Chị em phải làm gì?* này, chúng tôi đã xét cuộc vận động giải phóng phụ nữ

ở xứ này từ trước đến giờ. Dựa vào những tài liệu đó, chúng tôi nhận thấy rằng: trong cuộc vận động giải phóng phụ nữ ở thời kỳ hiện đại, chị em tư sản và chị em bình dân phải đòi những khẩu hiệu:

KHẨU HIỆU CỦA CHỊ EM BÌNH DÂN

1. *Việc làm ngang nhau, tiền công đàn ông và đàn bà phải ngang nhau*. Việc làm bằng đàn ông mà lương kém đàn ông, chẳng những do phái chủ định đoạt mà lại được Chính phủ thừa nhận nữa.

Thí dụ như ở khu Hà Nội và Hải Phòng, số lương tối thiểu của đàn ông là 0p25 [1] mà đàn bà chỉ được 0p20. Đòi khẩu hiệu *"lương đàn ông, đàn bà ngang nhau nếu việc làm ngang nhau"*, chẳng những nâng cao được trình độ sinh hoạt của phụ nữ, mà đồng thời lại nâng cao được địa vị của phụ nữ lên nữa.

2. Nếu không thi hành được luật lao động, ít ra cũng phải *quy định giờ làm, tiền công và cách đối đãi những chị em đi ở vú, làm con sen, v.v...*

Đó là khẩu hiệu cần kíp phải đòi thực hiện ngay, nếu ta chẳng muốn để cho các chị em đó bị coi như súc vật và có khi bị coi như một thứ đồ chơi không mất tiền mua của các ông chủ.

3. *Cấm dùng đàn bà làm đêm và làm trong các hầm mỏ*. Trong luật lao động cũng đã cấm dùng đàn bà làm đêm và làm trong hầm mỏ, nhưng phái chủ nhất định không chịu thi hành, chị em lao động phải tranh đấu đòi thực hiện khẩu hiệu đó. Đòi thực hiệu khẩu hiệu đó là bảo vệ phụ nữ, không cho phụ nữ vốn yếu đuối phải làm những việc vất vả, trong những chỗ thiếu vệ sinh, nguy hiểm, chứ không phải là đuổi phụ nữ ra khỏi nhà máy không cho họ làm việc, như phái chủ đã cố ý hiểu sai để chị em phải thiệt thòi; về luật lao động chị em phải được đổi giờ làm đêm ra giờ làm ngày, những công việc dưới hầm mỏ đòi đổi ra những công việc làm nhẹ hơn ở ngoài.

4. *Đàn bà trước khi đẻ bốn tuần lễ và sau khi đẻ bốn tuần lễ được nghỉ ăn lương*. Đàn bà lúc sắp đẻ và sau khi đẻ, sức rất yếu, thế mà ở xứ ta các chị em công nhân vẫn không được nghỉ thì thật là hại vệ sinh và vô nhân đạo. Khẩu hiệu này đòi hỏi phải thực hiện ngay.

---

1. P: Viết tắt chữ piattơrơ (piastre), tức là đồng bạc Đông Dương; 0p25 là hai hào rưỡi.

CÁC KHẨU HIỆU RIÊNG CHO CHỊ EM TƯ SẢN

5. *Nếu đủ tài năng, đàn bà cũng được làm các chức việc trong các sở công và tư như đàn ông*. Hiện nay, có nhiều chị em tư sản có văn bằng Thành chung, Tú tài, Cử nhân, mà phải ngồi nhà ăn bám gia đình, nếu họ không tìm được chỗ dạy học trong các trường tư hay làm kế toán cho các hãng buôn. Vận động cho chị em đó được vào làm trong các sở công và tư như đàn ông tức là khuyến khích việc giáo dục phụ nữ, nâng cao giá trị phụ nữ, làm cho phụ nữ thoát khỏi sự áp bức của cha mẹ, chồng con. Trong kỳ hội nghị, để đặt chương trình tối thiểu cho các người ra ứng cử, đứng về lập trường của Mặt trận Dân chủ ở Bắc Kỳ, chính đại biểu phụ nữ Hà thành đã ghi khẩu hiệu này và khẩu hiệu "Việc làm ngang nhau, tiền công đàn ông đàn bà ngang nhau" vào chương trình.

6. *Đặt luật cho đàn bà cũng được hưởng quyền thừa tập như đàn ông*. Ở xứ ta, con gái không được thừa hưởng gia tài như con trai. Chồng chết, vợ không được hưởng gia tài của chồng, nếu vợ muốn tái giá. Vì vậy, nhiều người đàn bà bất buộc phải ở góa một đời để lấy chỗ nuôi thân. Trái lại, khi vợ chết, dù chồng có đi lấy vợ kế, cũng vẫn được hưởng gia tài của vợ. Đó là một điều bất công mà phận sự cuộc vận động phụ nữ giải phóng phải san bằng.

CÁC KHẨU HIỆU CHUNG CHO TOÀN THỂ PHỤ NỮ

7. *Bỏ chế độ đa thê*: Chế độ đa thê, như trong cuốn *Đời chị em* đã nói, làm cho người đàn bà phải thiệt thòi, khổ sở và gây ra nhiều thảm trạng trong gia đình và ngoài xã hội, chính chị em phụ nữ đã công nhiên lên tiếng công kích chế độ ấy. Chị Nguyễn Thị Khiêm ở Sài Gòn trước đây đã diễn thuyết để bày tỏ nỗi bất bình của chị em và sự tai hại do chế độ đa thê gây ra.

8. *Mở nhiều trường nữ học đủ các cấp*: Chị em phải đòi Chính phủ mở nhiều trường để phổ cập giáo dục trong đám phụ nữ, chị em lại nên gia nhập thật đông vào Hội truyền bá chữ quốc ngữ, một hội

mở ra các lớp học không lấy tiền vào buổi trưa, buổi tối để dạy các chị em thất học.

9. *Mở trường dạy nghề nghiệp cho phụ nữ*: để làm cho ai cũng có một nghề nuôi sống mình. Có thế, chị em mới sống độc lập và do đó mới được tự do. Ngoài các khẩu hiệu đặc biệt trên ra, các chị em cần phải liên hiệp khăng khít với anh em bình dân nam giới để đòi.

10. *Tự do kết hôn và tự do ly hôn*: trai gái xứ ta ở trong nhà thường bị cha mẹ giam hãm, ra ngoài bị xã hội ràng buộc và lại còn bị những tục lệ cưới cheo phiền phức tốn kém ngăn trở, nên ít khi lấy được người mà họ yêu mến. Vì vậy mà họ thường khổ vì ái tình. Họ phải trốn tránh, tự sát. Cho họ được tự do kết hôn tức là tránh được những tai nạn ấy và làm cho người đàn bà khỏi thành ra một thứ hàng. Vẫn biết hiện giờ những đôi trai gái yêu nhau có quyền tự do kết hôn, nhưng sự kết hôn ấy không được xã hội thừa nhận, nên không có giá trị gì, phải vận động cho xã hội thừa nhận quyền tự do kết hôn.

Những trai gái bị ép uổng lấy nhau ở xứ ta rất nhiều. Họ không yêu nhau mà phải ở với nhau, thì thật khổ vô cùng! Nhưng pháp luật và đạo đức ở xứ ta làm cho sự ly hôn rất khó khăn. Nhất là đàn bà muốn ly hôn lại càng khó khăn hơn nữa. Thừa nhận quyền tự do ly hôn tức là làm cho trai gái được hưởng hạnh phúc về ái tình.

11. *Toàn thể nam nữ được ứng cử và tuyển cử*: Hiện nay quyền đầu phiếu chỉ một số tư bản, địa chủ, quan lại công chức và một số thương gia được hưởng. Còn đại đa số dân chúng nam giới và toàn thể nữ giới không được hưởng quyền ấy. Công việc chính trị có mật thiết đến đời sống của họ, vậy mà họ không được quyền ứng cử, tuyển cử thì thật bất công. Nhất là các chị em cũng phải đóng thuế và phải đóng sưu nữa [1] mà không được hưởng một ít công quyền! Phải đòi quyền tuyển cử và ứng cử cho toàn thể nam nữ thì mới cải thiện đời sống của phụ nữ được dễ dàng. Đó là những khẩu hiệu mà phụ nữ Đông Dương phải đòi thực hiện trong thời kỳ này.

Nhưng làm thế nào để đòi được những khẩu hiệu ấy? Muốn giải quyết vấn đề này trước hết tất cả các chị em phải đoàn kết với nhau

---

1. Về pháp luật, đàn bà không phải đóng sưu, nhưng sự thật đàn bà cũng phải đóng sưu. Vì theo chế độ thuế thân mới, người đàn bà có gia sản phải đóng thuế thân cho con cháu hay họ hàng của mình không có gia sản, như "ca" bà Nguyễn Thị Ba ở Tây Mỗ (Hà Đông) và bà Nguyễn Thị Vay cũng ở Hà Đông.

cho chặt chẽ thống nhất, sau nữa phải liên hiệp với các lớp nhân dân, đặc biệt là với anh em lao động, vì họ là những người bị áp bức hơn hết, vì chỉ có họ mới có năng lực xây dựng một xã hội không có giai cấp, không có áp bức, nam nữ tuyệt đối bình đẳng.

Đành rằng quyền lợi của chị em tư sản có những chỗ không giống với quyền lợi của chị em bình dân. Nhưng cũng có nhiều chỗ giống nhau. Công cuộc vận động phụ nữ giải phóng từ trước đến giờ đã chứng minh rằng lời nói trên là đúng.

Thật vậy, dù ở giai cấp tư sản hay ở giai cấp bình dân, người đàn bà nào cũng chẳng muốn tham dự vào việc làng việc nước, những việc có quan hệ mật thiết đến đời sống của họ? Người đàn bà nào chẳng muốn thừa hưởng gia tài của cha mẹ, của chồng, như đàn ông? Có tài năng như đàn ông, đàn bà nào chẳng muốn làm trong các công sở, tư sở như đàn ông, và được lương bổng bằng đàn ông? Người đàn bà nào chẳng muốn tự do trao gửi trái tim cho người mà mình yêu mến? Người đàn bà nào mà chẳng muốn ly dị người mà mình ghét bỏ? Người đàn bà nào chẳng muốn có đủ trường cho mình và cho con cái mình học tập?

Quyền lợi của chị em tư sản và chị em bình dân đã có nhiều chỗ giống nhau như thế, thì chẳng vì lẽ gì mà chị em tư sản và chị em bình dân lại không liên hiệp cùng nhau để đòi những khẩu hiệu chung.

Những khẩu hiệu được toàn thể phụ nữ tán thành ủng hộ bao giờ cũng có hiệu quả hơn những khẩu hiệu chỉ được một phái phụ nữ tư sản hay một phái phụ nữ bình dân tán thành và ủng hộ.

Trước những tiếng kêu của toàn thể phụ nữ, bọn hưởng đặc quyền đặc lợi chẳng còn lý gì bưng tai bịt mắt, mà cũng chẳng thể bưng tai bịt mắt được. Những yêu sách do toàn thể phụ nữ đưa ra, dù bọn hưởng đặc quyền đặc lợi chưa chịu giải quyết ngay, nhưng ít nhất họ cũng phải để ý đến, rồi sẽ giải quyết trong một phần nào.

Cuộc vận động phụ nữ giải phóng ở xứ này đã để lại nhiều kinh nghiệm.

Những yêu sách của toàn thể chị em phần nhiều chưa được thỏa mãn, chẳng phải do chị em tư sản và chị em bình dân không biết liên hiệp cùng nhau sao? Chẳng phải tại chị em chỉ hô hào suông trên sách báo và chị em bình dân chỉ tranh đấu một cách lẻ loi cô độc,

không có dư luận ủng hộ cho yêu sách của mình và không có lý luận để hướng dẫn cuộc tranh đấu của mình sao?

Một cuộc đấu tranh có toàn thể phụ nữ các giai cấp tham gia cũng chật vật lắm mới thu được kết quả, huống chi phụ nữ mỗi giai cấp lại tranh đấu một cách riêng rẽ, thì mong gì đạt tới mục đích, đòi được quyền lợi.

Tóm lại, *thực hiện Mặt trận Thống nhất của phụ nữ Đông Dương là một điều cốt yếu trong cuộc vận động phụ nữ giải phóng ở xứ này.*

Phần thứ hai

CHỊ EM PHẢI LÀM GÌ VỀ TƯƠNG LAI?

1. Đòi được những quyền tự do dân chủ và thực hiện được mười một khẩu hiệu và việc làm kể trên, chị em vẫn chưa được hoàn toàn giải phóng

Trong phần thứ nhất, chúng tôi đã nói rõ trách nhiệm hiện tại của cuộc vận động giải phóng phụ nữ ở Đông Dương, nghĩa là chúng tôi mới căn cứ vào tình thế hiện thời mà vạch ra con đường gần của chị em.

Làm trọn những trách nhiệm đó, đi hết con đường đó, tuy chị em đã chinh phục được nhiều quyền lợi, tuy chị em được dễ thở hơn trước, nhưng chị em nhất là chị em lao động vẫn chưa được hoàn toàn giải phóng.

Ta thử xét xem có thực tế không?

Chị em lao động đòi được khẩu hiệu "việc làm ngang nhau, tiền công đàn ông đàn bà ngang nhau", thì đời sống của chị em tuy có hơn trước, nhưng chị em vẫn là những người làm công cho chủ, nghĩa là chị em vẫn bị các chủ áp bức bóc lột. Tiền công của chị em ngang bằng đàn ông, không phải là địa vị các chị em ngang bằng với hết thảy đàn ông, mà chỉ ngang bằng với những đàn ông đồng giai cấp với chị em mà thôi: như thế là chị em thoát khỏi xiềng áp bức của đàn ông, các chị em lại sa vào xiềng áp bức của các ông chủ.

Các chị em đi làm con sen, con ở, dẫu có được chủ đối đãi tử tế, làm lụng có giờ giấc, nhưng chị em vẫn là con sen, con ở, vẫn bị chủ sai khiến hành hạ được.

Còn ở dưới quyền sai khiến của chủ, những chị em đó sao gọi là đã được giải phóng?

Dù các chị em được phổ thông đầu phiếu, dù các chị em được quyền ứng cử, tuyển cử như đàn ông, nhưng các chị em nghèo khổ khó mà dùng hết cái quyền đó được. Các chị em vốn là con nhà nghèo khổ, ít học hành thì ai bầu vào nghị trường để bênh vực quyền lợi cho các chị em. Vì vận động được một ghế ở nghị trường, nào phải là một việc dễ dàng? Muốn vào nghị trường, phải có tiền, có báo sách để cổ động, chị em lao động thì làm gì ra tiền và báo sách? Các chị em ấy lại thường bị tiền tài mua chuộc và báo chương mê hoặc, nên chị em thường bầu cho những người chỉ muốn lợi dụng chị em để áp bức các chị em. Vì những lẽ đó mà chị em lao động tuy có quyền tham dự chính trị mà nhiều khi quyền đó có cũng như không, chị em có được hưởng quyền thừa tập, nhưng quyền đó đối với chị em lao động không ích lợi chi mấy: cha mẹ, chồng chị em, mấy người có của cải, mà chị em mong thừa hưởng gia tài? Quyền thừa tập thực ra chỉ lợi cho các chị em tư sản.

Trường nữ học dù mở đủ các cấp, nhưng chị em lao động tiền đâu mà nuôi con đi học đến bậc trung học, đại học?

Trường nữ công dù có, nhưng không phải vì thế mà chị em ai cũng có công ăn việc làm. Trong xã hội tư bản, chính sách hợp lý hóa, cách tổ chức sự sinh sản sao cho nhanh chóng, đỡ tốn nguyên liệu và đỡ tốn nhân công làm cho số thợ thất nghiệp ngày càng nhiều. Thế thì dù chị em có nghề nghiệp cũng chỉ một số thật lành nghề có việc làm, còn cũng đến phải sung vào đội trù bị cho công nghệ cả (tức là thợ thất nghiệp).

Bọn tư bản cần phải để cho con, đứa con được thừa hưởng gia tài đó cần phải là đứa con được pháp luật thừa nhận là đứa con "chính hiệu", vì vậy mà bọn tư bản cần có chế độ hôn nhân hợp pháp. Vì vậy mà bọn tư bản cần phải được người đàn bà cùng giai cấp họ phải giữ trinh tiết mà họ coi là "cái đảm bảo độc nhất, chứng minh rằng họ là cha đẻ ra con họ, họ làm việc khó nhọc vì máu mủ họ, không có đảm bảo ấy, thì không có gia đình". Chế độ hôn nhân hợp pháp đã là một điều cần thiết cho sự lưu truyền tư bản, thì chế độ tự do hôn nhân dù có được pháp luật thừa nhận, cũng mất giá trị. Đứa con do đôi vợ chồng tự do kết hôn cũng vẫn không có giá trị bằng đứa con "chính hiệu". Trong một số xã hội có chế độ của riêng, trai gái trước

khi lấy nhau thường phải lo đến sự sinh hoạt trước đã, nghĩa là trai phải nghĩ đến của hồi môn của vợ, gái phải nghĩ đến gia sản nhà chồng. Vì vậy trai gái lấy nhau ít khi vì tình ái mà chỉ vì tiền tài thế lực thôi. Lắm khi một đôi trái gái yêu nhau rồi lấy nhau, nhưng cái tình yêu đó đã xây dựng lên trên tiền và thế lực mà họ không biết. Anh A con chủ đồn điền lấy chị B con chủ nhà máy gạch, vì yêu chị B, song nếu chị B không phải là con chủ nhà máy gạch, có chắc rằng anh A yêu và lấy chị B không? Trái lại, nếu anh A không phải là con ông chủ đồn điền, thì vị tất chị B đã yêu anh. Anh C chủ nhà máy lấy một gái giang hồ cũng bảo là vì ái tình mà lấy nhau. Nhưng nếu anh C không phải là chủ nhà máy thì ả giang hồ kia chưa chắc đã lấy anh. Anh C lấy ả giang hồ thực ra cũng chỉ vì mê cái sắc đẹp trong chốc lát mà lấy, chứ thực ra chẳng phải vì hiểu biết, vì ái tình mà lấy ả. Bỏ tiền ra mua ả về rồi nuôi ả, đâu phải là vì chân chính ái tình, chính vì thế mà sau khi anh dày vò ả chán, anh lại đi kiếm ả khác cho thỏa lòng nhục dục của anh. Hiện nay ở những nước mà phụ nữ đã được rộng quyền như Anh, Mỹ v.v... có những chàng thanh niên độ 25, 26 tuổi cam tâm lấy những bà già giàu có ngoài 50 tuổi để nương nhờ vợ mà sống.

Bởi những lẽ đó, trong xã hội có chế độ tư hữu, ít có chân chính ái tình.

Người ta ít được hưởng chân chính ái tình vì tự do ly hôn trong xã hội tư bản rất khó thi hành. Nhiều đôi vợ chồng không yêu nhau nữa mà vẫn không bỏ được nhau, vì mỗi khi bỏ nhau lại phải chia tài sản rất tốn kém.

Trong xã hội tư bản, đàn ông vẫn thường là chủ nền kinh tế gia đình và xã hội, nên đàn bà thường phải sống nhờ, sống bám vào đàn ông. Bởi vậy người vợ không yêu chồng hay bị chồng hắt hủi hành hạ cũng không dám bỏ chồng, ngay những đàn bà có nghề nghiệp, vì sự sinh đẻ yếu đuối, thường phải nhờ vả đàn ông, nên khi họ không yêu chồng nữa cũng không dám xin ly dị.

Bọn tư bản coi "trinh tiết là cái bảo đảm độc nhất, chứng tỏ rằng họ là cha mẹ đẻ ra con họ", nên những gái bỏ chồng vẫn không được xã hội chuộng.

Xét như trên, ta nhận thấy rằng khi đã thực hiện được mười một khẩu hiệu nói trên, chỉ phụ nữ tư sản được hưởng lợi quyền hơn hết, còn phụ nữ lao động chỉ được giải phóng đôi chút thôi.

Muốn chứng tỏ điều này, không gì bằng ta xét qua tình hình sinh hoạt của phụ nữ các nước Anh, Mỹ, Ái Nhĩ Lan, Đan Mạch, Ácgiăngtin v.v..., sau khi họ đã đòi được những khẩu hiệu gần giống như mười một khẩu hiệu mà chúng tôi đã nói.

Ở những nước vừa nói đó, tuy phụ nữ gọi là được quyền lợi, nhưng thực ra vì những lẽ đã kể, họ vẫn bị áp bức. Chế độ chính trị và phong tục mới cởi thả họ ra một chút, thì chế độ kinh tế lại thẳng tay trói chặt họ lại. Máy móc càng tinh xảo, số phụ nữ thất nghiệp càng nhiều, số phụ nữ mãi dâm càng nhiều. Riêng thành phố Nữu Ước, số gái đĩ có tới 9 vạn người. Nếu tính cả nước Mỹ, số gái đĩ có tới hàng triệu. Ở nước Ácgiăngtin, trong số tiền thuế thâu nhập, tiền thuế mãi dâm chiếm một phần quan trọng, những hộp đêm (boite de nuit: nhà thổ) ở Buênốt Airét đã nổi tiếng là cái đặc sắc của nước Ácgiăngtin, làng chơi ở khắp Nam Mỹ đều kéo đến đó. Những chị em thất nghiệp đã sa vào cảnh trụy lạc khổ sở như thế. Còn các chị em có việc làm, số phận cũng chẳng hơn gì mấy, số thợ thất nghiệp nhiều, bọn chủ tha hồ bắt bí thợ, họ trả lương ít, họ đánh đập thế nào cũng phải chịu. Chị nào có nhan sắc không cho chúng thỏa nhục dục, là bị đuổi.

Trong nhà máy nhiều nước Âu, Mỹ có hạng gái đĩ gọi là "gái non nhà máy" (les garconnes d'usines) chuyên nghề bán dâm để kiếm tiền. Ngoài những hạng này ra, còn các chị em khác tuy không sống hẳn về nghề mãi dâm, nhưng vì túng thiếu nên hễ có khách mua dâm thì họ cũng chẳng tiếc gì mà không bán.

Lòng dâm ác (le sadisme) của bọn tư sản thật không biết thế nào là cùng cực!

Bọn phụ nữ lao động vì nghèo đói mà phải bán dâm. Một điều lạ là bọn tư sản thừa ăn thừa mặc ở các nước Âu, Mỹ cũng bí mật hay công khai mãi dâm nữa. Ta đã xét hôn nhân trong xã hội tư bản lấy tiền làm thế lực căn bản, trong bọn tư bản, việc kết hôn lại càng vì tiền, vì thế nên sau khi lấy nhau, đôi vợ chồng ít khi thật yêu nhau. Họ không thật yêu nhau, nhưng bị gia tài ràng buộc, nên họ không mấy khi dám bỏ nhau. Trai đành phải tìm một người đàn bà khác để san sẻ tình yêu. Bọn tư bản Âu, Mỹ bây giờ thường có những gái bao (filles entretenues), bọn gái do họ bỏ tiền ra nuôi cho ăn mặc. Đã có một hồi bọn tư bản bắt vợ phải thừa nhận cho họ có ý trung nhân chính thức (maitresses légitimes), bọn đàn bà thấy thế cũng viết

sách, viết báo đòi chồng phải thừa nhận cho mình có tình lang chính thức (amants légitimes).

Thế là trong xã hội tư bản đã bày hiện tượng chung chồng, chung vợ thật thối tha, nhơ nhuốc! Bọn gái đĩ là vợ chung thiên hạ, đến các vợ chồng có phép cưới hẳn hoi cũng là vợ chung chồng chung nữa!

2. Phụ nữ giải phóng và xã hội chủ nghĩa

Dựa vào sự suy lý và hiện tình phụ nữ các nước tư bản Âu, Mỹ ta thấy rằng phụ nữ Đông Dương dù có thực hiện được mười một khẩu hiệu đã nói, cũng vẫn chưa được hoàn toàn giải phóng. Ta vẫn thấy chị em lao động bị tư bản áp bức, bóc lột rất khổ sở. Ta vẫn thấy chị em lao động bị thất nghiệp rồi phải làm nghề mãi dâm để nuôi thân, ta vẫn thấy các chị em đó không được học hành đến nơi đến chốn để làm cho tài năng được phát triển. Đây là nói riêng chị em lao động, chứ toàn thể phụ nữ (cả tư sản và vô sản) cũng không được hưởng ái tình chân chính, cũng thường khổ về tình duyên và cuộc khủng hoảng về tình dục (crise sexuelle).

Vậy làm thế nào chữa được tất cả các chứng bệnh ấy?

Muốn thế, trước hết phải tìm cho ra căn bệnh ấy, căn bệnh của chị em. Ở trong cuốn *Đời chị em* và trong cuốn này tưởng chúng tôi cũng đã nói rõ ràng lắm rồi, nghĩa là chúng tôi đã bày rõ ràng bao nhiêu nỗi thống khổ của chị em đều do chế độ tư bản gây nên.

Thật thế chị em lao động bị áp bức bóc lột chẳng vì bọn tư bản ư? Chị em bị thất nghiệp chẳng vì chính sách hợp lý hóa hay sự sinh sản vô chính phủ của tư bản ư? Nếu hỏi: sao chị em phải mãi dâm? Ta cũng phải trả lời rằng: chị em phải mãi dâm là vì tư bản bóc lột khiến cho chị em thiếu ăn thiếu mặc, nên phải đi làm nghề vợ chung nhơ nhuốc đó. Nếu chẳng thế thì cũng vì tình duyên ép uổng chị em không được thỏa mãn về dục tính, nên phải đi mãi dâm, lại còn những chị em vì thất nghiệp, mà phải mãi dâm, còn chị em phải ngu dốt hèn kém, cũng vì bị người ta áp bức bóc lột nên làm cũng chẳng đủ ăn, thì còn lấy đâu mà ăn học cho đến nơi đến chốn?

Ngoài ra, chế độ tư bản làm cho tất cả các chị em, nhất là chị em tư sản không được thỏa mãn về ái tình và không được hưởng một cuộc đời đầy hạnh phúc.

Tóm lại chế độ tư bản là nguyên nhân đẻ ra hết thảy sự thống khổ của các chị em.

Muốn thoát khỏi vòng khổ sở, chị em phải đánh đổ chế độ tư bản.

Đánh đổ chế độ tư bản đâu phải là việc riêng của phụ nữ. Vô sản giai cấp và quần chúng cần lao cũng bị chế độ tư bản áp bức bóc lột khổ sở, nên họ cũng đã tổ chức ra các chính đảng như Đảng Xã hội Quốc tế Lao động, hay Đảng Cộng sản để lãnh đạo cho họ làm cách mạng đánh đổ chế độ tư bản.

Muốn chóng được giải phóng, các chị em phải liên hiệp với giai cấp vô sản và quần chúng cần lao.

Đến đây, ta thấy vấn đề phụ nữ giải phóng có quan hệ mật thiết với cuộc cách mạng vô sản. Cách mạng vô sản có thành công thì phụ nữ mới được giải phóng. Vấn đề phụ nữ, bởi vậy là một trong các vấn đề xã hội. Chính vì thế nên Ôguýt Bêben (Aguste Bebel) đã nói:

"Các vấn đề xã hội có giải quyết được đến nơi đến chốn, thì vấn đề phụ nữ mới giải quyết được đến nơi đến chốn. Trai gái không được hoàn toàn độc lập và bình đẳng, thì nhân loại không bao giờ được giải phóng".

Lênin cũng nói: *"Nếu phụ nữ không được hưởng hoàn toàn tự do, vô sản giai cấp cũng không bao giờ được hoàn toàn giải phóng"*.

Nghĩa là cái ách nó đè ép vô sản giai cấp lại đè ép cả phụ nữ, phụ nữ muốn giải phóng, vô sản giai cấp muốn giải phóng thì phải bắt tay nhau cùng lật đổ cái ách đó đi, vô sản giai cấp là giai cấp bị áp bức bóc lột khổ sở nhất, nếu vô sản mà được giải phóng, thì nhân loại không còn ai áp bức bóc lột nữa. Điều kiện giải phóng vô sản là điều kiện giải phóng toàn nhân loại, nghĩa là cả phụ nữ nữa.

Thật thế, chỉ bao giờ xã hội chủ nghĩa thực hiện, nghĩa là bao nhiêu sản nghiệp như nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, đường vận tải v.v... là của chung của xã hội, mới không có kẻ giàu người nghèo, mới không có giai cấp, thì mới hết sự người nọ áp bức bóc lột người kia, giai cấp nọ áp bức bóc lột giai cấp kia, phụ nữ cũng vì vậy mà thoát khỏi sự áp bức bóc lột. Nhận rõ như vậy, nên trong bài diễn văn cổ động phụ nữ tham gia vào cuộc bầu cử Xô viết ở Mốtxcu tháng 2 - 1920, Lênin đã nói:

"Chỗ nào còn có tư bản, địa chủ, thì ngay trước pháp luật, cũng không có sự bình đẳng giữa nam và nữ. Chỗ nào không có tư bản, địa chủ, chỗ nào chính quyền lao động không cần gì bọn sâu mọt đó, cũng xây dựng được một cõi đời mới, thì mới có sự bình đẳng giữa nam và nữ".

Nhìn vào sự thực ở Xô Liên, một nước mà hầu hết công cụ sinh sản là của chung xã hội, ta thấy đúng như thế. Ở Xô Liên ngày nay *không còn có giai cấp nữa*, nên phụ nữ được giải phóng hơn hết, được tự do hơn hết, phụ nữ ở Xô Liên không những được bình đẳng với đàn ông trước pháp luật mà thôi, phụ nữ Xô Liên còn được bình đẳng với đàn ông trong sự sinh hoạt nữa. Trong việc quản trị các sản nghiệp công cộng và việc quản trị quốc gia, có một số rất đông phụ nữ tham dự.

Ở Xô Liên ngày nay cũng thế, sự sinh sản ở Xô Liên dựa vào nhu cầu của mọi người, nên không bao giờ có sự sinh sản quá nhiều (sur production) và cũng không bao giờ có sự sinh sản ít (sous poduction), nền kinh tế Xô Liên vì vậy không bao giờ khủng hoảng, dân chúng Xô Liên cũng không bị đói rét thất nghiệp. Trong xã hội công cộng, máy móc càng tinh xảo, chính sách hợp lý hóa càng thịnh hành, loài người càng sung sướng nhàn rỗi, chứ không bao giờ bị thất nghiệp cả.

Khi cách mạng mới thành công, thợ thuyền ở Xô Liên đều được ngày làm 8 giờ. Cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa càng thắng lợi, công nghệ càng phát đạt, máy móc càng tinh xảo, cảnh sinh hoạt của dân chúng Xô Liên cũng càng sung sướng thêm lên. Hiện nay toàn thể thợ thuyền Xô Liên chỉ làm ngày 7 giờ, nhiều ngành công nghệ, thợ chỉ phải làm có 6 giờ 1 ngày.

Trong xã hội không có kẻ nghèo người giàu, ai cũng được sung sướng, lẽ tất nhiên ai cũng được ăn học như nhau.

Việc này Xô Liên đã làm được từ lâu rồi. Hiện nay ở Xô Liên cả đàn ông, đàn bà, hầu hết ai ai cũng đều biết chữ cả. Mọi trường học đều mở rộng cửa để cho ai cũng có thể học tập được. Ta xem những con số sau này đủ biết việc học ở Xô Liên tiến bộ thế nào. Trong các trường Đại học Luật khoa có 257 nữ học sinh, nghĩa là chiếm 22,6% tổng số học sinh, trong các trường Đại học Lao động có 235 nữ học sinh, nghĩa là chiếm 35% tổng số học sinh, số nữ giáo sư dạy Khoa Luật chiếm tới 11,1% số giáo sư.

Ta lại kể một việc sau này để chứng minh rằng việc học ở Xô Liên tiến bộ là chừng nào.

Chị Anastasia hiện giờ làm Chánh án Tòa Thượng thẩm xứ Carêli (Caréllie), trước kia là một người phụ việc trong xưởng thợ xẻ Lêningrát (Lénigrad). Năm 1919 chị làm ở xưởng may Lênin ở Duvrátki (Doubravki), gần Lêningrát. Vừa đi làm, chị vừa học, chẳng

bao lâu chị tốt nghiệp ở trường Luật khoa tại Mốtxcu. Được ít lâu chị làm đến chức Chánh án.

Vấn đề luyến ái là một vấn đề mà xã hội tư bản không thể giải quyết nổi. Bọn tư bản vì chế độ của riêng, bao giờ cũng muốn cho đàn bà cùng giai cấp giữ trinh tiết, trái lại họ muốn đàn bà ở giai cấp bị bóc lột phải trụy lạc, phải đi mãi dâm để họ quăng tiền ra mua về làm đồ chơi giải trí. Một đằng không được thỏa mãn về tình yêu, một đằng được "tự do" bán tình yêu cho thiên hạ!

Tình yêu như vậy, còn gì là thanh thú?

Trên kia, ta đã xét ở trong xã hội tư bản người ta lấy nhau vì tiền hơn là vì tình, nên chữ tình và chữ tiền thường đi đôi với nhau.

Người ta bị khổ vì tình, chẳng qua cũng vì bị khổ vì tiền. Các nam nữ thanh niên bị khủng hoảng về tình dục chẳng qua cũng vì tiền cả, chỉ bao giờ xã hội chủ nghĩa thực hiện, bao giờ không có sự người áp bức, bóc lột người, bao giờ ai cũng được no đủ, sung sướng, được ăn học đến nơi, lúc đó người ta yêu nhau, lấy nhau mới thật vì ái tình. Ái tình lúc đó mới thật đáng cho thi nhân ca tụng.

Như thế, cuộc khủng hoảng về tình dục, về ái tình chỉ giải quyết được, khi đã giải quyết được các cuộc khủng hoảng trong xã hội.

Nói rõ hơn, chỉ bao giờ xã hội chủ nghĩa thực hiện, người ta mới khỏi bị thiếu thốn về luyến ái và mới được hưởng chân chính ái tình.

Việc này Xô Liên đã làm được một phần lớn rồi. Bây giờ trai gái ở Xô Liên cứ đến tuổi 18 là được tự kén chọn người yêu. Khi họ lấy nhau, họ muốn vào sổ giá thú hay không cũng được, vì ái tình bao giờ cũng quan trọng hơn giấy má (L'amour est plus important que les papersses), trai gái đều được xã hội đảm bảo cho về sự sinh hoạt, nên họ lấy nhau chỉ vì yêu nhau, hiểu nhau, chứ không còn vì một thế lực gì khác nữa.

Khi họ đã không ưa nhau, pháp luật lại cho họ quyền tự do ly hôn để tìm người khác.

Vì được tự do kết hôn, và tự do ly hôn, nên trai gái ở Xô Liên thường lấy được người yêu mến và, do đó, họ được hưởng hạnh phúc về ái tình.

Những người có đầu óc hẹp hòi bảo rằng gái đã bỏ chồng, những gái hoa tàn nhị rữa như thế, thì làm gì có ái tình chân chính. Họ đã lầm ái tình với cái xử nữ mạc (màng trinh: hyménée).

Ông Mácgơrít (V. Marguerite) đã nói: "Giá trị cái màng trinh chỉ

là giá trị cái răng sữa (dent de lait), còn cái màng trinh hay mất màng trinh không có quan hệ gì đến ái tình cả, vì ái tình là chỗ hiểu nhau, thương yêu nhau".

Nếu cái màng trinh không phải là ái tình thì chính vì được tự do ly hôn mà trai gái tìm được chân chính ái tình.

Nói đến đây, chúng tôi thấy sự cần thiết phải đánh đổ những dư luận bất chính cho rằng trong xã hội công cộng nền kinh tế đã là của chung xã hội, thì vợ cũng sẽ là vợ chung của mọi người. Vì, theo những ý kiến đó, thỏa mãn nhu cầu về ái tình tức là thỏa mãn nhục dục cũng như khát được cốc nước.

Nhục dục đã thỏa rồi thì cần gì phải vợ chồng cho bận bịu, cũng như khát đã được cốc nước rồi thì còn thiết gì nữa.

Những kẻ tưởng nền kinh tế là của chung thì ái tình cũng phải là của chung là những kẻ chẳng mácxít tý nào. Ái tình đâu phải là một thứ công cụ mà đem sung công!

Trong cuộc nói chuyện với Cờlara Détkin (Clara Zetkin), nữ đảng viên cộng sản Đức có tiếng, Lênin đã đánh đổ những ý kiến sai lầm vừa nói đó.

"Phải, khát cần phải uống, nhưng, một người bình thường, ở trong hoàn cảnh bình thường, có nằm sấp xuống đất ở giữa phố để vục đầu vào một vũng nước mà uống không? Có ghé môi vào cốc đã có hàng mấy chục người đã ghé miệng đến không?

Nhưng uống nước chỉ là một việc cá nhân chứ về ái tình chỗ quan trọng là mặt xã hội. Về ái tình có một trai, một gái rồi lại có một yếu tố thứ ba, một yếu tố mới nữa".

Cái yếu tố thứ ba, cái yếu tố mới mà Lênin nói đây là cái tinh thần do tình yêu đẻ ra để ràng buộc hai người.

Sự thực trong xã hội tư bản mới có chế độ vợ chung. Những vợ chung tức là ả đào, nhà thổ. Trong xã hội công cộng ai cũng no đủ về mặt vật chất, thỏa mãn về tinh thần, thì làm gì còn có nghề mãi dâm đê tiện. Nạn mãi dâm chỉ bị tiêu diệt khi đã thực hiện được xã hội chủ nghĩa thôi.

Ta hãy xem Xô Liên thì đủ biết:

Năm 1928, lúc bắt đầu thi hành kế hoạch năm năm lần thứ nhất, ở kinh thành Mốtxcu có 4.000 gái đĩ. Lúc đó có 8.000 người đàn bà thất nghiệp. Đến cuối 1930 khi nạn thất nghiệp đã hết, số gái đĩ rút xuống 700 người. Đến nay số gái đĩ ở Mốtxcu chỉ còn độ hơn 300 người. Số gái đĩ ngày một giảm, thế mà dân số ở Mốtxcu ngày lại

một tăng. Hiện nay dân số ở Mốtxcu có tới 3.500.000 người, nghĩa là gấp đôi năm 1913.

Rồi đây vài năm nữa, công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa càng tiến thì nạn mãi dâm sẽ hoàn toàn tiêu diệt.

Việc trừ nạn mãi dâm ở Xô Liên có hiệu quả là vì Xô Liên đã hiểu rõ nguyên nhân nạn mãi dâm, và đã trừ tận gốc nạn mãi dâm. Trong khi ở các nước người ta hết dùng chính sách quy định luật lệ mãi dâm, lại dùng chính sách thủ tiêu luật lệ mãi dâm để chống nạn mãi dâm mà vẫn không có hiệu quả, thì Xô Liên cứ từ từ kiếm và dạy việc làm cho gái đĩ và công nhận sự tự do kết hôn và ly hôn, nên nghề mãi dâm đã bắt đầu bị tiêu diệt.

*

* *

Xem như trên, các chị em chắc đã nhận biết rằng chỉ khi nào thực hiện được xã hội chủ nghĩa, phụ nữ mới được hoàn toàn giải phóng.

Đã biết thế, các chị em càng phải tranh đấu sao cho xã hội chủ nghĩa chóng thực hiện.

Vẫn đành rằng, trong việc tranh đấu để thực hiện xã hội chủ nghĩa, chị em lao động sẽ là những người hăng hái nhất, vì đời sống của chị em buộc chị em phải tranh đấu.

Nhưng các chị em tư sản cũng không nên lãnh đạm với xã hội chủ nghĩa.

Sau khi đòi thực hiện được mười một khẩu hiệu đã nói nhiều lần, các chị em chớ tưởng đời chị em đã hoàn toàn sung sướng tự do.

Trái lại, vì chế độ của riêng, chị em vẫn bị coi là một thứ đồ chơi, các chị em vẫn khổ về tình duyên.

Khi đã đòi được mười một khẩu hiệu, nếu các chị em không tranh đấu để tiến đến xã hội chủ nghĩa thì có khi chị em lại bị khổ sở như ở đời phong kiến.

Các chị em có biết, sau khi bọn phát xít Mútxôlini và Hítle lên cầm quyền, chúng đã tiêu diệt hết những quyền lợi của phụ nữ. Chính bọn Hítle đã tuyên bố rằng: "Đàn bà phải là người mẹ các anh hùng Đức, những tay chinh phục thế giới".

Chúng chỉ muốn cho người đàn bà là cái máy đẻ thôi. Theo chúng, địa vị người đàn bà không phải ở trong nhà máy, mà là ở nhà, ở bếp (la place de la femme n'est pas à l'usine, elle doit être à la maison, à la cuisine).

Tờ *Đấu thủ tự do (Le Lutteur libre)* cơ quan của bọn Hítle đã viết: "Chúng tôi muốn có những người đàn bà đẻ ra các anh hùng Đức, chứ không muốn những đàn bà trơ trẽn quên mất thiên chức thiêng liêng của họ, chính vì chúng tôi chỉ muốn những người mẹ thôi, nên chúng tôi không muốn cho đàn bà con gái tham dự vào việc sinh sản.

Sở dĩ chúng tôi không muốn cho đàn bà có một ghế nào ở nghị trường, là vì chúng tôi muốn cho đàn bà làm trọn cái thiên chức *người mẹ Đức*".

Bọn phát xít lại không cho phụ nữ học đến các bậc trung đại học nữa. Chúng chỉ muốn cho đàn bà ngu dốt để chúng dễ sai khiến áp bức.

Mútxôlini đã tuyên bố với các nhà báo: "Chúng tôi đặt người đàn bà ở hẳn trong gia đình".

Bọn phát xít đã bạc đãi, hành hạ khinh bỉ đàn bà rành rành ra đó.

Các chị em phải tự chọn lấy đường đi. Để cho bọn phát xít tiến, tức là chị em sẽ chuyên giữ cái phận sự kẻ tôi đòi. Để cho xã hội chủ nghĩa thắng, tức là các chị em được hoàn toàn tự do bình đẳng.

Lại một lần nữa, các chị em nên ghi lấy câu nói của Lênin:

"Chỗ nào còn có tư bản, địa chủ, thì ngay trước pháp luật, cũng không có sự bình đẳng giữa nam và nữ. Chỗ nào không có tư bản, địa chủ, chỗ nào chính quyền lao động, không cần gì bọn sâu mọt đó cũng xây dựng được một cõi đời mới, thì mới có sự bình đẳng giữa nam và nữ".

...

CỰU KIM SƠN và VĂN HUỆ

Tập sách *Dân chúng* xuất bản, 1938.

VƯỢT NGỤC
(Trích)

TIỂU DẪN- Trần Đức Sắc viết chuyện bảy người tù vượt ngục Hỏa Lò, Hà Nội, đêm 24-12-1932; đó là bảy người tù cộng sản: Sao Đỏ (Nguyễn Lương Bằng), Nguyễn Văn Cuội (Nguyễn Tạo), Hào Lịch (Phạm Quang Lịch), Bùi Xuân Mẫn, Nguyễn Trọng Đàm, Cương và Tuyển.

Theo lời tác giả, tập *Vượt ngục* này mới viết về Nguyễn Tạo, tức Nguyễn Phủ Doãn, với bí danh Nguyễn Văn Cuội, sinh năm 1905, người làng Thái Yên, xã Quảng Chiêm, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Tập *Vượt ngục* này đã được *Tập sách Dân chúng* xuất bản năm 1939,nhưng liền đó bị cấm lưu hành.

Chúng tôi trích in sau đây đoạn đầu và đoạn tổ chức trốn khỏi Hỏa Lò, Hà Nội.

Vài lời giới thiệu

Chuyện bảy người tù chính trị vượt ngục ở nhà pha Hỏa Lò (Hà Nội), trừ Sở mật thám và một số chính trị phạm, còn chưa ai biết cả.

Muốn viết câu chuyện rất ly kỳ ấy một cách kỹ càng phải một cuốn sách dày hàng mấy trăm trang.

Nhưng nhiều lẽ riêng buộc chúng tôi chưa thể làm được như thế.

Ngày nay, chúng tôi hãy tạm viết chuyện một vai quan trọng trong số bảy người vượt ngục: Nguyễn Văn Cuội.

Còn chuyện sáu người kia, rồi đây nếu không có điều gì trở ngại, chúng tôi sẽ xin đem cống hiến các bạn trong một cuốn sách sau.

TÁC GIẢ

Cúi mình xuống thùng tonô [1] nước vối, Cuội thấy bóng mình tiều tụy quá.

Hai năm trước đây, ngay những khi anh trút bộ tây trang, mặc cái quần vải nâu bạc phếch, cái áo xanh hoen ố, lê đôi guốc mộc đi chui rúc vào đám thợ thuyền để tuyên truyền vận động, anh cũng không đến nỗi quá xấu xa như thế.

Cái quần số bằng vải Nam Định dày cộp như mo cau đã hẹp lại ngắn hững hờ đến đầu gối, cái áo số cũng bằng thứ vải ấy chỉ ngắn đến rốn và bó chặt lấy người, đến nỗi áo còn mới nguyên mà các đường khâu đã tung hết chỉ; thêm vào đấy, một cái đầu trọc lốc, không phải trọc, theo kiểu carê [2] rắn rỏi, cũng không phải trọc một cách phẳng phiu, nhẵn thín như khách trú, mà lại trọc nhớp nhơ bẩn thỉu: chỗ ngắn chỗ dài, những tóc ở gáy, ở mang tai vẫn còn từng mảng nguyên chưa cắt, tất cả những cái ấy và nước da đen sạm làm cho anh không còn là một thanh niên tráng kiện, tinh anh như trước nữa. Anh quả thật là một "thằng tù", theo đúng nghĩa đen chữ ấy.

Bùi ngùi đứng lên, ngoảnh lại trông các bạn đồng lao nằm ngủ sóng sượt ở hai bên sàn như những thây ma trong nhà xác, anh thở dài chán nản.

Ngắm mình và nghĩ đến tương lai mình, anh thấy rạo rực cả người.

Ba mươi tuổi đầu rồi mà, ngày qua tháng lại, hết năm ấy, sang năm khác, anh vẫn chưa làm được nên công chuyện gì vừa ý. Ngót mười năm trời hoạt động trên trường chính trị, anh chỉ gặp những bước thất bại hoài. Năm 1927, anh vào Đảng Tân Việt. Cuối năm 1928, anh vào Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, cuối năm 1929, anh vào Đảng Cộng sản Đông Dương, một chính đảng có đường lối chính trị phân minh và khoa học.

Anh đã tìm thấy đường đi. Từ đấy anh đem hết tinh thần nghị lực làm việc cho Đảng. Lúc vào Trung, khi ra Bắc luôn luôn anh lăn lộn ở đám dân chúng cần lao. Song chưa bao lâu, anh cùng một số đông đồng chí sa vào vòng pháp luật. Cái án 20 năm cầm cố, anh mới ở được gần hai năm, còn 18 năm nữa, anh mới hết hạn ra về. Hơn 18 năm trời sống trong một nơi thiếu cơm, thiếu áo, thiếu cả khí trời là

1. Tonô: Thùng, phiên âm tiếng Pháp tonnean.

2. Carê: Kiểu tóc ngắn, phiên âm tiếng Pháp caré.

một điều không thể được. Nên ngay từ khi bước chân vào Hỏa Lò, anh đã kiếm kế thoát thân. Đọc tiểu thuyết trinh thám, anh vẫn nhớ những thủ đoạn vượt ngục của các tù nhân. Nhưng các thủ đoạn ấy nếu chẳng bịa đặt ra, cũng không sao thi hành được ở Hỏa Lò.

Quả vậy, người ta vượt ngục ở Hà Đông, Nam Định, Cao Bằng, Lạng Sơn, chứ ở nhà pha Hỏa Lò vượt ngục thật chưa có bao giờ. Ở Hỏa Lò lại chỉ có một lần một người tù chui xuống cống định lẩn ra, nhưng lại bị bắt lôi lên ngay.

Nguyễn Thế Long, một chính trị phạm chiếm giải quán quân về vượt ngục, thế mà khi về đến Hỏa Lò cũng đành chịu bó tay.

Chuyện 10 người tù chính trị bị án tử hình vượt ngục (L'évasion de dix condamnés à mort) nổi tiếng trong lịch sử cách mạng Ba Lan là một chuyện thực, mà Cuội không tin là thực.

Mười người tù chính trị bị án xử tử sắp đến ngày phải đem ra hành hình, thì một cơ quan cách mạng ở Ba Lan gọi điện thoại bảo viên chủ ngục rằng mình là cảnh sát trưởng vâng lệnh trên sẽ phái người đến nhà tù đem 10 người tù ra pháp trường. Viên chủ ngục tin là thực nên giao 10 người bị án tử hình cho bọn sen đầm giả. Thế là 10 người thoát khỏi nhà tù.

Mỗi khi nghĩ đến chuyện vượt ngục này, Cuội lại bật cười. Anh không cho nó là một chuyện hoang đường, nhưng anh cho ở Hỏa Lò mà giở cái lối giả cảnh sát trưởng, giả sen đầm thì chẳng những 10 người tù vẫn đành chịu chết mà thêm vào đấy còn một số người nữa bị vào tù.

Hỏa Lò quả là một ngục thất vững bền chắc chắn. Nhìn bốn bức tường đá đồ sộ lởm chởm cắm những mảnh thủy tinh sắc lém, trên lại chằng mấy lần dây điện cũng đủ làm cho nhiều người phải rùng mình.

Vì vậy mà nuôi chí vượt ngục ngay từ khi bị bắt ở Hải Phòng, nhưng lúc bọn lính khố xanh Hải Phòng vừa đưa anh đến cổng Hỏa Lò thì hai cánh cổng sắt to lớn lực lưỡng sơn đen ngòm đã làm chí ấy tiêu tan gần hết. Sau khi người cai khố xanh gõ cửa, viên giám thị gác cổng ghé mắt qua một lỗ hổng ở cạnh cổng nhìn và hỏi bọn anh cẩn thận rồi mới cho vào. Đi vài bước anh lại vướng một cái cửa ở gần buồng Xếp. Đi mươi bước qua buồng Xếp, anh lại thấy một cửa. Qua cửa này vào vườn hoa, anh thấy lúc nào cũng có một viên giám

thị luôn luôn đứng ở đấy. Rẽ về phía tay phải vào trại Văngxông [1] vừa đi khỏi buồng phó Xếp, trước mắt anh lại có một cánh cửa sắt ngoài bọc "tôn" đứng chặn đường. Quay hai vòng chìa khóa, cánh cửa sắt mở ra, anh vào đến sân con. Đi hết sân con, anh vướng phải một dãy hàng rào sắt giữa có một cái cổng tôn sơn hắc ín. Vượt qua lần cổng tôn đến sân lớn. Trại nhất, Trại nhì, Lô cốt và Trại ba đứng ở cạnh sân này và sân con. Viên giám thị phải mở một lần cửa gỗ và một lần cửa sắt nữa, mới đưa anh vào đến Trại nhì.

Khi vào Hỏa Lò quanh co, khuất khúc, khó khăn như thế, nên anh bỏ hẳn cái ý định trốn ra đàng cổng.

Đã có lần anh nghĩ đến cách vượt ngục của Nguyễn Thế Long ở Hải Phòng: chằng dây leo lên xà nhà khoét mái ngói, bò lên mái nhà rồi nhảy vọt ra đường. Nhưng không được. Ở Hỏa Lò, muốn khoét mái ngói, trước hết phải phá một lần trần kiên cố. Hễ đục trần gạch vôi sẽ ầm ầm rơi xuống trại là đủ lộ mưu gian. Chứ đừng nói gì đến khi đã khoét được mái ngói bò lên nóc nhà thì viên lính Tây tay cầm súng lắp đạn lúc nào cũng tỉnh táo đứng ở chòi, sẽ chẳng để anh sống mà bước đi một bước.

Một lần anh giả sưng quai bị để vào xà lim định đào hầm chui ra ngoài đường phố.

Vào đến hành lang, anh đã thấy lúc nào cũng có viên giám thị ngồi cạnh đấy. Độ mươi lăm phút, y lại ngó mặt qua cái cửa gỗ con nhòm vào xà lim xem tù ngủ hay thức. Xin được một đầu mẩu thuốc lá anh vừa định đem ra hút thì có tiếng vang vang ở buồng xà lim trước mặt đưa lại:

– Cuội ơi! Sắp đổi gác rồi đấy, gác điêng (gardien) sắp vào roỏng (faire la ronde – dò xét), đừng có say sưa gì nhé.

Anh vừa giấu mẩu thuốc lá xuống gầm sàn xong, thì cửa sắt ngoài sịch mở, viên gác điêng Tây đi vào ngó mỗi xà lim một lượt.

Bây giờ anh mới biết anh tính lầm. Tình hình xà lim như thế, còn khó trốn gấp mấy mươi lần ở ngoài trại. Thật không còn lúc nào vắng vẻ để đào hầm. Dù viên giám thị và viên gác điêng Tây có sơ ý để cho anh đào, thì trong một đêm cũng không sao đào xuể một đường hầm chạy từ xà lim ra đường phố dài chừng 15 thước. Đất đào

1. Văngxông (Prévention): Trại giam những người chưa thành án, sau dùng để giam tù chính trị.

lên sẽ đổ đi đâu? Nếu để dở thì hôm sau, 6 giờ sáng, khi giám thị vào mở xà lim đuổi tù ra rửa mặt là mưu gian bại lộ. Cuội nặn óc mãi, cũng không sao tìm được kế thoát ra khỏi nhà tù.

Chín giờ, gác đã đổi, đèn đã tắt mà ở trong trại anh vẫn thơ thẩn một mình đi bách bộ. Sau một hồi suy nghĩ vẩn vơ, anh lắc đầu chép miệng:

– Mình có lẽ phải ở 18 năm ở Hỏa Lò!

Mười tám năm nữa ở Hỏa Lò! Anh nghĩ đến khi anh hết hạn ra về thì đã 50 tuổi. Lúc ấy tóc đã bạc phơ chứ không còn hồ nghi gì nữa. Đến thằng Chi con mới 17 tuổi đầu mà, sau hai năm ăn cơm hẩm, cá mắm thối, thịt trâu dai như quai guốc, tóc cũng đã hoa râm, thì một người 50 tuổi sau 20 năm ở tù, tóc làm gì không trắng xóa. Anh tưởng tượng lúc ấy anh là một ông già đầu bạc, lưng gù, da răn, má lõm do hai người lính khố xanh giải về làng mà anh đã vắng mặt ngót ba chục năm trời. Đường sá, nhà cửa, họ hàng anh không còn nhận được gì nữa. Khi lý trưởng dẫn anh đến một tòa nhà, anh vừa đẩy cánh cổng bước vào thì một đàn chó đâm xổ ra sủa om lên. Một bà cụ độ 50 tuổi và một chàng thanh niên độ 30 tuổi chạy ra trông thấy khách lạ và viên lý trưởng thì chắp tay lễ phép hỏi:

– Cụ và thầy lý hỏi gì nhà cháu?

Viên lý trưởng nhanh miệng trả lời:

– Đây là ông Nguyễn Văn Cuội mới hết hạn 20 năm cấm cố, được về.

Bà cụ và chàng thanh niên mừng cuống quít, chạy vào nhà trong gọi lớn:

– Chú Hai đã về! Chú Hai đã về!

Một lũ người trong nhà chạy ồ ra ôm lấy anh. Rồi người nọ giới thiệu người kia, anh mới biết chàng thanh niên chính là cháu anh hồi ở nhà nó mới lên 5 tuổi, còn bà cụ kia chẳng phải ai xa lạ, chính là người vợ vô duyên của anh do cha mẹ anh ép lấy từ hồi anh mới ngót hai mươi tuổi.

Nghĩ đến đây, anh bỗng bật cười. Anh cho anh nghĩ quẩn. Từ xưa đến nay, đã ai sống được 20 năm ở Hỏa Lò? Đừng nói gì hằng năm cứ cuối xuân sang hạ, bệnh thương hàn, dịch tả nó giết hại hàng trăm tù. Cứ được vô sự sống trong cái cảnh chung quanh chỉ có tường vây cao ngất, và cùm xiềng xích, ăn chỉ cơm hẩm, thịt dai, cá thối, cảnh

vật trăm ngày như một, thì cũng đến chết vì buồn bực. Huống chi rồi đây thế nào người ta chẳng lôi anh đi Sơn La, hay Côn Đảo.

Đi Sơn La đối với anh, tức là đối với tất cả mọi người tù, đồng nghĩa với đi lên máy chém.

Sực nghĩ đến cái chết của Hiền ở nhà tù Sơn La do một bạn anh kể lại, anh rùng mình ghê sợ:

Ngay sau khi lên Sơn La được một tháng, Hiền bị sốt liên miên. Một đêm, sau cơn sốt, Hiền thấy ráo cổ và khát nước. Anh cố ngóc ngồi dậy, sẽ lật chiếc chăn chiên thấm đầy cứt đái và mủ ghẻ lở, rồi cố rạch ra góc trại để lấy cái ống tre đựng nước, thì ống tre đã hết nước tự bao giờ! Nhăn mặt, lắc đầu thở dài rồi Hiền cố lê về chỗ ngủ. Lấy hơi, Hiền bíu lấy thành sàn để bò lên, nhưng vì run rẩy quá nên Hiền trượt tay ngã lăn kềnh xuống đất. Dưới ánh sáng mờ của ngọn đèn dầu tây tỏa khói, xuýt xoa chốc lát, Hiền lại cố ngoi ngóp bò lên. Lên được sàn, Hiền vừa lấy chăn đắp, vừa hồng hộc thở. Vừa ấm chỗ và hết thở thì lại đến cơn ngứa ran cả người. Hiền chỉ sẽ lấy tay xoa mình cho dễ chịu chứ không dám gãi, vì khắp mình mẩy Hiền không chỗ nào là không lở loét. Nhất là ở mông và ở đùi, những nốt ghẻ chi chít đã đóng thành bánh. Lắm lúc Hiền mân mê bóc từng mảng vảy ra như bánh đa, đưa lên mũi ngửi rồi vội vứt ngay xuống gầm sàn.

Hôm sau lại lên cơn sốt, rồi đến tối Hiền đái ra máu, một thứ bệnh đã giết hàng trăm người ở Sơn La. Người ta vội khiêng Hiền ra nhà thuốc; song một lúc Hiền thấy rạo rực cả người. Cố nâng cánh tay lên vẫy vài anh em đứng đấy, Hiền rưng rưng nước mắt khóc rồi phều phào nói:

– Tôi không... không sống... sống được đâu. Tôi tiếc... tiếc tôi... tôi mới... 21 tuổi... tuổi... chưa làm được gì... gì mà.

Chưa dứt lời, Hiền đã co quắp cả người. Anh há hốc mồm và mắt vẫn lờ đờ nhìn các bạn như muốn bày tỏ hết ý mình. Viên khán hộ đang tiêm thuốc dở cho một người tê phù nằm gần đấy, vội vàng chạy lại sờ, thì thân thể Hiền đã cứng đờ, và lạnh ngắt, mắt Hiền vẫn đầm đìa hạt lệ.

Viên khán hộ thản nhiên nhìn mọi người, pha trò:

– Lại có phân bón gốc ổi [1] rồi!

---

1. Gốc ổi là nơi chôn tù ở Sơn La.

Lấy manh chiếu rách phủ xác Hiền xong, y rửa tay bằng cồn rồi lặng lẽ ra về như mọi hôm khác vậy.

Nghĩ đến đấy. Cuội thấy rùng rợn cả người. Anh tưởng tượng tử thần đã hiện ra trước mắt để điệu anh lên Sơn La hành tội, để giết anh đang lúc tuổi xanh, đang lúc anh chưa làm được tròn phận sự, đang lúc xã hội cần có những người linh hoạt như anh.

Đứng ngây người ra một lúc, rồi anh lắc đầu lẩm bẩm:

– Ta quyết không ngồi chịu chết ở nhà tù!

*

Bốn hôm rồi, mà Cuội không ăn uống gì. Cứ đến chiều anh lên cơn sốt. Thỉnh thoảng anh lại rúc lên từng cơn ho sù sụ. Mắt và má anh đã sâu hoắm: râu ở mép và ở cằm mọc ra tua tủa làm cho mặt anh càng thêm bơ phờ và hốc hác.

Lúc anh Phèn, một viên giám thị kiêm khán hộ, vào khám bệnh cho thuốc, anh chỉ ngóc đầu lên nói như người hết hơi:

– Chiều nào... tôi cũng lên cơn sốt, tôi... tôi đổ mồ hôi trộm... thỉnh thoảng tôi ho như xé phổi, nhất là buổi sáng... tôi lại càng ho dữ, và...

Chẳng cần nghe hết bệnh, ông Phèn đưa cho Cuội mấy viên ký ninh, bảo:

– Uống cái này mai sẽ khỏi.

Rồi ông rảo bước đi ra như sợ tù xúm nhau lại vây lấy ông để xin bông, băng và canhkidốt (teinture d'iode).

Lối ông Phèn xưa nay vẫn thế. Thuốc của ông là thuốc trừ bách bệnh, tù nhân không còn ai không biết. Người sốt cũng cho ký ninh, người ho, ông cũng cho ký ninh. Thậm chí có một người ghẻ đến xin thuốc, ông cũng dúi cho vài viên ký ninh rồi bảo:

– Đây, cầm lấy vài viên ký ninh dùng tạm.

Hình như ông cho tù chỉ quấy rầy ông, chứ không ai có bệnh, nên hễ khi ông vào cho thuốc là ông cầm sẵn một nắm ký ninh để bạ ai ông cũng phát, rồi ông an ủi vài câu thường lệ, đoạn ông rảo cẳng bước ra thật nhanh cho thoát nợ.

Cầm hai viên ký ninh, Cuội bỏ vào mồm rồi từ từ đắp chăn nằm nghỉ.

Các bạn tù ái ngại đứng nhìn anh. Có người phát cáu nói:

– Cái lão Phèn hễ không mắng vào mặt lão thì người ta ốm sắp chết, lão cũng coi thường.

Thế rồi, bọn tù lại khoác vai lũ năm, lũ ba kéo nhau ra sân đi bách bộ. Họ bàn tán có lẽ Cuội đã ho lao. Vì chiều lên cơn sốt, tối đổ mồ hôi trộm, sáng sớm ho, chẳng phải triệu chứng của bệnh lao là gì?

Tin Cuội ho lao tung ra làm cho nét lo âu lộ ra trên mặt các tù chính trị. Những người nằm gần anh đã ôm chăn chiếu đi tìm chỗ khác để anh nằm một mình một quãng rộng đến hai chiếc chiếu.

Vinh ốm, một anh tù lúc nào trông cũng có vẻ ốm o, chạy lại bảo Cuội:

– Mày phải bảo những thằng cùng ăn một lập là với mày để riêng cho mày đôi đũa và mấy cái gáo dừa [1], chớ đừng ăn chung nữa kẻo lây bệnh. Vì tao xem có lẽ mày ho lao đấy.

Rồi chạy ra sân đứng dưới gốc cây bàng xờ xạc lá, Vinh ốm vuốt bộ ngực lép kẹp như muốn dò xem vi trùng lao có đục khoét phổi, đoạn than cùng các bạn:

– Đến thằng Cuội cũng ho lao thì chúng mình thoát sao khỏi cái bệnh tai ác ấy.

Như mọi người đã đoán trước, mấy viên ký ninh không làm Cuội giảm bớt bệnh chút nào. Anh vẫn sốt như trước và có lúc lại ho như muốn nôn ọe cả ruột gan ra.

Chiều ông Phèn vào cho thuốc, anh đang lên cơn sốt. Khi ông Phèn cho thuốc, anh cầm lấy thuốc quẳng ngay xuống sàn rồi càu nhàu gắt:

– Tôi ho như rút ruột mà cụ cứ tống cho ký ninh. Cụ định giết tôi ư?

Đoạn anh nằm ềnh ra chiếu và ôm mặt ho sù sụ làm át hẳn lời phân trần và an ủi của ông Phèn. Bỗng anh lại ngồi nhỏm dậy, đưa mắt ra hiệu bảo bạn đem cho chiếc tinét – một cái thùng dùng để đựng nước đái, cứt đờm hay rác, rồi anh khạc ra một đống đờm lẫn máu.

Xanh mặt, mọi người lấy tay che mũi rồi vội đứng lùi ra làm như vi trùng bệnh lao đã bay khắp cả trên không.

---

1. Trong tù thường không có bát đĩa, đều phải dùng gáo dừa.

Ông Phèn luống cuống bảo:

– Chết chửa! Có lẽ ho lao rồi, sao không nói với tôi từ trước.

Nói xong, ông tất tưởi chạy đi. Một lúc ông lại vào theo sau có ba người cỏ vê [1] tù thường phạm.

Ông bảo một người cõng Cuội, một người ôm chăn chiếu, còn một người ông bắt lấy nước kêdin tẩy uế chỗ Cuội nằm.

...

Viên khán hộ vừa ra khỏi xà lim trong nhà thương Phủ Doãn, Cuội đắc chí khúc khích cười.

Mọi việc xảy ra đúng như ý muốn của anh.

Biết rằng chỉ có nhà thương Phủ Doãn là chỗ anh có thể thoát thân, nên từ lâu anh vẫn cố cầy cục xin ra nhà thương chữa bệnh. Nhưng mấy lần, anh đều bị đốc tờ và ông Phèn cho là vô bệnh. Vì thế anh phải giả ốm, tuyệt thực trong bốn hôm trời làm cho thân mình anh gầy rạc và yếu đuối để cho ông Phèn chú ý đến anh. Những cơn sốt run người mấy hôm ở Hỏa Lò chỉ là cơn sốt "nhân tạo" và những cơn ho rút ruột cũng chỉ là những cơn ho anh đã rặn ra.

Chờ đến khi người đã gầy võ, anh mới cắn lưỡi cho chảy máu ra, rồi khạc ra một đống đờm lẫn máu làm cho ông Phèn và tất cả anh em tù đều tưởng anh ho lao thực.

Anh lại khôn ngoan nhổ toẹt ngay đống đờm vào thùng tinét bẩn ghê người để che những con mắt tò mò và xét nét.

Quả nhiên, ông Phèn mắc mưu, cho anh ra nhà thương chữa bệnh.

Ngồi im trong xà lim một lúc, rồi chờ lúc vắng vẻ anh mới gõ cửa báo cho Hào Lịch, Đàm, Tuyển, Mẫn, biết anh đã được ra nhà thương.

Đàm chạy lại vỗ vai Cuội và khen ngợi mưu kế của anh:

– Trong lúc bao nhiêu người ốm thật cũng bị đuổi về Hỏa Lò, mà mày ra được đây kể cũng có tài.

Hào Lịch nói:

– Đàm! Mày tính một thằng tổ chức được cơ quan làm căn cước giả khiến các nhà chuyên trách cũng phải lầm, một thằng đã "độn

---

1. Cỏ vê: Làm tạp dịch, phiên âm tiếng Pháp.

thổ" được ở Hải Phòng, thì làm gì nó không dùng cách ra được nhà thương.

– Nó "độn thổ" ở Hải Phòng thế nào?

Mỉm cười, Lịch dõng dạc và thủng thẳng thuật lại câu chuyện hồi xưa:

– Trên một căn gác ở Hải Phòng, nó (Cuội) khoét ra một miếng tường to bằng miệng thúng. Nó chỉ khoét ở phía tường bên trong còn phía tường bên ngoài trông ra ngoài vườn nó vẫn để một lượt gạch và một lượt vôi nguyên như cũ. Nó lấy một cái tủ đứng mặt trước mặt sau đều có cửa kê sát ngay vào lỗ thủng. Một lần mật thám vào khám nhà nó ở, thấy một mâm cơm ăn dở còn nghi ngút khói, mà trong nhà không thấy bóng một người. Mật thám đã tưởng nó biết phép độn thổ. Sau xét ra: khi nó thấy ở ngoài có tiếng động, nó và một đồng chí phụ nữ chui ngay vào tủ, đóng cửa tủ đằng trước lại và mở cửa tủ đằng sau, rồi nó đạp tung hàng gạch và lượt vôi ra, đoạn nó túm lấy một cái thừng treo sẵn trong tủ tụt xuống vườn trốn mất.

Lấy tay xoa đầu Cuội, rồi Lịch nói thêm:

– Nếu không biết chuyện, ai không bảo là câu chuyện trong trinh thám tiểu thuyết hay câu chuyện xảy ra tận Mỹ.

Thấy anh em khen mình, Cuội ngượng ngùng nói:

– Thôi tôi xin các anh đừng cho tôi ăn bánh thánh nữa. Và lúc này, các anh khen tôi không lợi. Bây giờ có gì các anh cho tôi ăn đã, kẻo đến tối nay là năm ngày chưa được miếng gì.

Tiếng người ở ngoài đi vào làm cho các anh tù người nào về xà lim người ấy. Viên khán hộ dẫn một người đàn bà culi san (coolie de salle) vào đưa cho Cuội chai sữa nóng.

Viên khán hộ và chị culi san vừa đi ra, anh cầm lấy chai sữa tu một hơi gần hết. Uống sữa thấy khoan khoái cả người, anh nghĩ có lẽ chỉ vài hôm nữa là lại sức. Nhưng lại lấy làm lo, vì anh chóng khỏe mạnh bao nhiêu thì đốc tờ chóng đuổi anh về Hỏa Lò bấy nhiêu. Vậy nhân lúc này phải mau mau tính kế trốn ra nếu không sẽ hỏng hết.

Anh vội đứng dậy gọi Hào Lịch, Đàm, Mẫn, Tuyển sang bàn tính, nhưng rút cục năm người cùng một ý, phải xét hoàn cảnh kỹ càng đã, nếu để lỡ ra một tý thì chẳng những thất bại, mà lại hại lây cả mọi người.

Chiều hôm sau, một người lính khố xanh vào dẫn tù đi sang nhà tắm. Cuội được quan sát đường đi lối lại một cách kỹ càng.

Mặc anh em đùa vầy, Cuội vừa kỳ ghét vừa đưa mắt qua khe cửa liếc ra ngoài. Anh thấy người lính lúc đầu gác đã sơ sài, sau lại chạy hẳn đến chỗ hàng bán quà chuyện gẫu xem chừng không để ý đến bọn tù.

Mắt Cuội sáng ra vì sung sướng. Như đoán được ý anh, Lịch sẽ bấm vào đùi anh rồi trỏ ra ngoài cửa. Sợ mọi người để ý Cuội để ngón tay lên miệng rồi đưa mắt nhìn Lịch, ra hiệu bảo im.

Bỗng Viễn, một tù thường phạm bị số đỏ (bị lưu xứ chung thân) chạy lại vỗ vai bảo Cuội:

– Này anh, xem chỗ này có thể trốn được, lần sau anh em ta liệu sắm sửa mà chuồn.

Hoảng người, Cuội trừng mắt nhìn Viễn từ đầu đến chân như có ý ngờ y muốn cho anh vào tròng để tâng công. Rồi trầm ngâm một lát, anh đem lòng thử Viễn.

– Trốn thế nào được? Ngoài mặt tuy lính họ hững hờ nhưng thật ra lúc nào họ chẳng để ý đến mình. Nếu có trốn được từ trước đến giờ đã bao nhiêu người trốn rồi.

Song Viễn vẫn cứ bô bô để tỏ ra mình là người hiểu biết:

– Chúng nó dát như cáy thì trốn gì? Chúng nó chỉ ngồi yên chờ ân xá. Còn bọn lính họ hững hờ thật, chứ không phải họ giả vờ đâu. Tôi ở đây ít lâu đã biết: anh lính nào đến phiên giải tù đi tắm là cũng chúi đầu vào hàng tán hão với cô hàng nước, lắm khi tù tắm xong phải ra gọi, lính mới đưa về.

– Dù sao cũng hãy thư thả, kẻo lỡ thất bại thì hại to.

Nói thế, chẳng qua Cuội chỉ muốn có đủ thì giờ sửa soạn với anh em, chứ thật ra anh cũng biết Viễn nói rất phải. Nhà tắm quả là một chỗ trốn rất dễ dàng. Sở dĩ chưa ai trốn là vì không ai đủ can đảm trốn hay không cần trốn. Những người nhẹ án thì không bao giờ họ trốn. Những người nặng án thì một số người được tin vua Bảo Đại Bắc tuần sẽ ân xá cho một số tù phạm, nên họ chỉ ngồi chờ ngày ân xá; còn một số vì dút dát hay ngu dại nên không dám tính đến việc trốn bao giờ.

Về xà lim, Cuội vội bảo Lịch, Đàm, Mẫn, Tuyển:

– Phải liệu trốn cho nhanh, bằng không thằng Viễn nó trốn trước thì chúng ta không trốn được nữa. Vả, thằng ấy tính nó cứ bô bô thì dù nó có chờ mình, nhưng để lâu tất lộ chuyện.

– Phải đấy. Lịch nói, dịp này chúng ta không nên bỏ qua. Vậy liệu sắm sửa đồ đạc đi thôi.

– Sắm sửa gì? Đàm hỏi.

Giơ ngón tay ra bấm, Lịch vừa ngẫm nghĩ vừa kể:

– Mỗi người phải kiếm lấy ít ra là một bộ quần áo nhà chứ khi trốn không thể mặc quần áo số hay quần áo nhà thương được. Mỗi người lại phải có năm bảy đồng bạc làm lộ phí.

Cuội thêm vào ý kiến Lịch:

– Mỗi người lại phải có một cái khăn vuông nữa.

Tưởng dùng khăn gói để bọc quần áo. Đàm nói:

– Cần gì khăn vuông. Có bao nhiêu quần áo mặc cả vào mình vừa ấm vừa khỏi phải xách lôi thôi.

Bật cười, Cuội lấy tay gõ vào đầu Đàm, nói:

– Khăn vuông để bịt cái đầu trọc lốc này, chứ ra ngoài mà cứ nghênh ngang vác cái đầu này đi rong phố thì chết đầu nước. Nhưng đấy mới là những điều phụ thuộc, còn những điều cần yếu, anh em phải bàn kỹ lưỡng hơn.

Rồi, như sợ có người nghe trộm, Cuội hạ giọng nói một cách trịnh trọng:

– Chúng ta vượt ngục lần này cố nhiên không phải để ra hưởng khoái lạc ở ngoài. Trước kia chúng ta làm bao nhiêu điều lầm lẫn. Những kinh nghiệm chúng ta gom góp được ở nhà tù phen này phải đem ra ngoài ứng dụng để nâng cao phong trào lên. Vậy chúng ta phải chia mỗi người đi hoạt động một nơi và phải hẹn nhau chỗ liên lạc thì sự hoạt động của chúng ta mới có nhiều kết quả và có hệ thống.

Đưa mắt nhìn anh em một lượt, rồi Cuội tự phân công:

– Mẫn về Nam Định, vì quê mày ở đấy; Hào lịch về Thái Bình vì mày có tín nhiệm với dân tỉnh ấy; thằng Tuyển và tao ở Hà Nội; còn thằng Đàm?

Nửa đùa, nửa thật, Đàm thủng thẳng trả lời:

– Tao, chúng mày đặt đâu tao ngồi đấy.

Cắn môi, ngẫm nghĩ một lúc, Cuội nói:

– Tuy mày cương quyết nhưng mày tính chậm, nên tao e ra ngoài mày khó sống được lâu.

Mẫn nói:

– Thôi để nó về Nam Định với tao.

Tiếng chìa khóa loảng xoảng chạm vào nhau ở ngoài đưa lại, năm người biết giờ chơi đã hết và lính đã vào khóa cửa xà lim, nên ai nấy đứng dậy về xà lim mình, còn để ngày mai bàn nốt.

*

Xúm xít ở trước xà lim, Cuội, Lịch, Đàm, Mẫn, Tuyển, sau khi sắm sửa mọi cái đầy đủ, đang vui cười tán dóc thì bỗng người Cai khố xanh tay cầm chìa khóa hớt hơ hớt hải chạy đến, vừa xua tù vào vừa nói:

– Đi vào! Đi vào! Có tù trốn ở nhà tắm rồi. Vào! Vào!

Năm người thất sắc nhìn nhau. Gạt tay người Cai, Cuội quay lại cố hỏi gặng:

– Có phải thằng Viễn trốn không?

– Phải, thằng Viễn răng vàng trốn rồi. Anh em vào đi!

Khóa cửa xà lim xong, người Cai lại ra ngay.

Cuội lắng tai nghe thấy ở ngoài rộn rịp lắm. Một lúc anh thấy tiếng quát tháo và tiếng kêu khóc vang ầm. Anh đoán là bọn lính đang đánh bọn tù thường phạm đi tắm lúc nãy.

Buổi sáng hôm sau, tù không được ra chơi. Viên khán hộ vào trong xà lim phát thuốc, song lại khóa cửa đi ra.

Hào Lịch thở dài, gọi Cuội bảo như có ý dò xem Cuội có mưu kế gì không:

– Thế là suông cả.

– Sẽ chứ, tình hình chưa có gì đáng tuyệt vọng. Điều cần phải làm ngay là chúng ta phải giấu kỹ các đồ chúng ta sắm để trốn. Thua keo này, bày keo khác, miễn là chúng ta vẫn cứ được ở đây. Thôi anh em đi nghỉ cả đi. Lúc này không nên chuyện lắm.

Một việc không ngờ là sáng hôm sau, lính lại vào mở cửa trại và cửa xà lim cho tù ra chơi và tắm rửa như thường, chỉ khác một điều là lính canh rất cẩn thận.

Cuội đoán: có lẽ Viễn là một tên thường phạm, nên người ta mới không làm khó dễ người khác.

Mừng lắm, anh gọi bốn người bạn lại, bảo:

– Chúng ta không thể trốn ở nhà tắm được nữa, nhưng chúng ta cũng phải liệu cách trốn chỗ khác, chứ không thể để lâu được nữa.

– Làm thế nào trốn bây giờ! Lịch hất hàm hỏi.

Không đáp, Cuội sẽ kéo anh em đi thăm các xà lim, đến xà lim Tuyển ở, Cuội dừng lại nói:

– Xà lim này trông ra phía ngoài đường, lại ở vào trong nên có thể dùng làm chỗ thoát thân.

Đoạn nhảy lên sàn, vơ lấy chấn song sắt cửa sổ vừa lắc, Cuội vừa nói:

– Chúng ta có thể cưa chấn song này.

– Cưa chấn song sắt? Đàm ngạc nhiên hỏi thế.

– Thì cưa chấn song sắt chứ sao? Mua nước axit (acide = nước cường toan) thật tốt bôi vào đấy rồi cưa đi là phăn phắt.

– Nhưng mày tưởng dễ bịt tai bịt mắt được mọi người sao? Tuyển mỉm cười hỏi.

Cuội để cho anh em ngơ ngác nhìn nhau, rồi thong thả trả lời:

– Thế mà tao bịt được cả tai, cả mắt con người, cho chúng mày xem. Này nhé: thằng Tuyển vẫn giả điên thì từ nay cứ cố giả điên thêm nữa, nghĩa là từ nay mày cứ chịu khó đập cửa hát rống mãi lên thì hôm cưa chấn song sẽ làm lấp tiếng cưa đi. Còn bịt mắt?

Cuội đưa mắt hỏi anh em, rồi lại tự trả lời:

– Hôm ấy tao sẽ nhận trách nhiệm phá cửa xà lim ra trói lính và khán hộ lại, rồi bịt mắt và nhét giẻ vào mồm họ là xong chuyện.

Thấy anh em có vẻ nghi ngại. Cuội nói:

– Thôi, chúng mày cứ tin ở tao. Hôm ấy sẽ hay.

Đang nói chuyện, tên nhà bếp mở cửa xách một bọc đầy bánh, quít vào đưa cho Cuội.

Anh đem ngay phân phát cho hết tất cả các anh em tù chính trị và thường phạm.

Luôn mấy ngày hôm sau, sáng nào anh cũng bỏ ra một đồng bạc mua quà bánh thết tất cả mọi người.

Hào Lịch cằn nhằn mắng Cuội:

– Vẫn biết nên thết anh em, nhưng lúc này đang cần tiền ra ngoài dùng, sao mày cứ tiêu hoang vô ích thế?

Cuội điềm nhiên trả lời:

– Tao lại không biết lúc này chúng mình đang cần tiền ư? Nhưng tao hoang hay không thì mày sẽ biết, rồi mấy hôm nữa mày sẽ thấy sự tiêu hoang của tao đem lại cho chúng mày những lợi ích gì.

Lịch lắc đầu cười nhạt, không tin.

Một hôm anh đang thầm thì với tên nhà bếp, chị culi san chạy lại quát om sòm:

– Nhà bếp lại cứ thậm thụt với nhà pha để đưa tin ra ngoài. Được rồi, tôi sẽ bảo cho các anh.

Chẳng để cho ai kịp phân trần, nói xong chị ta nguây nguẩy, chạy đi.

Ngẩn người, Lịch chưa biết tính sao. Anh chạy vào xà lim để cất những đồ mà anh vừa mua được thì bỗng chị culi san chạy thẳng vào buồng, ngắm nghía mọi nơi một hồi rồi lại lẳng lặng chạy ra ngay, làm cho anh lại càng nghi sợ.

Tưởng chị đã biết rõ mưu mình, anh vội gọi anh em lại kể chuyện ấy và để bàn cách đối phó.

Đàm lắc đầu buông ra một câu thất vọng:

– Thôi, lộ bí mật rồi! Thế là hỏng cả!

Cuội ung dung đáp:

– Chưa chắc nó đã biết chúng mình định vượt ngục. Có lẽ nó thấy chúng mình giao thiệp với nhà bếp để nhờ mua bán mà không nhờ nó để kiếm lợi, nên nó ghen rồi làm ra to chuyện đấy thôi. Vì từ lâu, tôi thấy nó vẫn hầm hè với nhà bếp.

Lịch nói:

– Để hỏi nhà bếp xem, sẽ biết.

Đến bữa ăn anh em hỏi bếp, thì quả nhiên chị culi san và anh bếp vẫn thù ghét lẫn nhau. Anh em đều nhận rằng phải dùng cách lấy lòng culi san không thì hỏng cả.

Cuội tự nhận lấy việc này.

Lúc culi san vào quét dọn, anh liền gợi chuyện:

– Ban nãy, cô nói cũng phải, thằng nhà bếp cứ làm như đây là nhà nó, nên nó làm lắm điều chướng mắt. Nó có biết đâu rằng để quan biết nhà pha giao thiệp với nhà bếp thì nhiều người sẽ bị hại lây, nhất là chúng tôi sẽ không còn nhờ được ai mua bán giúp.

Ra vẻ có người hiểu rõ lòng thành thực của mình, chị culi san tiến lại gần Cuội rồi kể lể một hồi những việc chị ta giúp nhà pha từ trước đến giờ:

– Bác đây là người hiểu biết tôi mới nói, không có người ta lại bảo tôi trâu buộc, ghét trâu ăn. Chứ từ trước đến giờ tôi giúp tù đã nhiều. Đừng nói quà bánh, ngay thuốc phiện và rượu tôi cũng mua hộ là thường. Nhưng tôi mua gì thì chỉ tôi và người nhờ tôi mua hộ biết mà thôi.

– Được người cẩn thận như thế, ai chẳng muốn nhờ. Thế từ rày có gì tôi phiền cô mua giúp nhé?

– Được, cần gì bác cứ đưa tôi mua giúp, tôi chẳng thèm ăn bớt của bác đâu.

– Chết! Cô cho chúng tôi còn được, chứ đời nào cô lại ăn bớt của chúng tôi.

Cuội móc túi lấy luôn tờ giấy bạc một đồng đưa cho culi san và nói:

– Đây, phiền cô sáng mai mua giúp hộ 0đ50 bánh tây và chả.

Chị culi san cầm tiền vui vẻ đi ra. Cuội lấy làm mừng đã lấy lợi để bịt miệng chị ta. Từ đấy anh cùng anh em được yên trí để tiến hành việc vượt ngục.

Một buổi chiều thứ bảy, vào cuối tháng Chạp Tây, anh em đang bàn chuyện thì cửa trại sịch mở, mấy người culi khiêng hai người tù cổ lênh láng máu. Anh em xúm lại xem thì ra Sao Đỏ [1] và Cương Con.

Viên khán hộ băng bó cho hai người cẩn thận và tiêm cho mỗi người một phát thuốc rồi đưa cho mỗi người một chai sữa và khuyên ăn cho lại sức.

---

1. Sao Đỏ: Bí danh của đồng chí Nguyễn Lương Bằng.

Sao Đỏ lắc đầu uể oải nói:

– Nếu chúng tôi ăn thì chúng tôi đã chẳng ra đây.

Đoạn, anh cố ngồi dậy thuật rõ cái lẽ anh không ăn cho viên khán hộ nghe:

– Sa chân vào tù ai chẳng muốn ở yên, nhưng nào người ta có cho tôi ở yên đâu. Người ta cố dày vò hành hạ chúng tôi. Người ta không cho chúng tôi mua thuốc lào đường sữa, người ta cấm chúng tôi không được viết lách học hành.

Trỏ cái áo số nhọ nhem rách mướp, Sao Đỏ nhìn người khán hộ rồi nói tiếp:

– Áo rách vá bẩn đến thế này mà người ta vẫn không đổi.

Ái ngại nhìn lại người tù, viên khán hộ an ủi:

– Đã đành thế nhưng đã ra đến đây cũng nên ăn uống cho khỏe mạnh để chờ ân xá ra về.

Nói xong y cúi đầu chào hai người rồi lại vội vã đi ra.

Lẻn ngay đến chỗ Sao Đỏ, Cương Con nằm, Hào Lịch nói sẽ:

– Chúng mày ăn đi chứ?

Sao Đỏ cau mày, gắt:

– Mày mà cũng thở ra cái giọng ấy à? Anh em trong Hỏa Lò nhịn đói đã 7 ngày rồi. Trước cảnh họ sống dở chết dở, chúng tao đã phải liều thân cất cổ để giúp sức anh em. Thế mà ra đây chúng mày đã chẳng nâng cao tinh thần cho chúng tao thì chớ, chúng mày lại khuyên chúng tao ăn.

Lịch mỉm cười ghé vào tai Sao Đỏ và Cương Con cho hai người biết ý định của mình.

Ngồi phắt dậy, Sao Đỏ sửng sốt hỏi:

– Thật đấy à?

– Thì ai lừa chúng mày trong lúc này. Thôi ăn đi, ăn đi cho lại sức.

– Nhưng sao không hoãn lại vài hôm nữa?

– Hoãn thế nào được. Tối mai đúng vào tối lễ Nôen nhiều người làm trong nhà thương được nghỉ, còn người nào đi làm cũng chểnh mảng, nên chúng tao mới định để tối mai. Thôi, chúng mày uống sữa đi.

Sao Đỏ và Cương Con ngoan ngoãn mỗi người vớ lấy một chai sữa tu lấy tu để. Bỏ chai sữa xuống bàn, ngồi thở một lát, Sao Đỏ nói:

– Tao thấy tao lại sức rồi.

Đoạn, anh nhảy xuống đất, thất thểu tập đi.

Tiếng giày lộp cộp đi vào. Sao Đỏ vừa leo lên sàn, thì người Cai gác đã vào đến xà lim. Y nhìn xà lim một lát rồi hất hàm hỏi:

– Đã ăn chưa?

– Đã.

Mừng vì không phải khuyên dỗ và roỏng, người Cai lại gần Sao Đỏ, hỉ hả nói:

– Phải, nhịn lắm thì khổ mình, chứ người ta thiệt gì mà người ta sợ. Vận nước mình chưa đến, nên đến cụ Phan Bội Châu cũng chẳng làm gì được nữa là mình! Nên các cậu cứ chịu khó nhẫn nhục chờ thời là hơn cả.

Thấy Sao Đỏ ngồi im, y tưởng Sao Đỏ phục lý luận của y, nên y phởn chí, huyên thuyên nói mãi. Nào y kể ông cha nhà y trước cũng từng dự vào Đông Kinh Nghĩa Thục, nào y nói bây giờ y không làm gì, chẳng qua cũng nhẫn nhục chờ thời, chứ y cũng chẳng phải là người hèn kém.

*

Tám giờ tối hôm Chủ nhật.

Cuội đang lúi húi pha cà phê. Lịch tiến đến bảo:

– Phải, mày tính phải lắm, đêm nay chúng mình phải thức suốt đêm mà lại được uống cà phê thì còn gì hay bằng.

Bỗng tiếng cười đùa của bọn thường phạm ở ngoài trại đưa vào làm Lịch bật ra một ý nghĩ, anh vỗ đùi nói:

– Bây giờ tao mới nghĩ ra một điều, không biết giải quyết ra sao. Anh em tù ở đây rất đông họ qua lại chơi xà lim chúng ta luôn trong khi cưa chấn song thế nào họ chẳng biết, lỡ họ bảo lính thì làm thế nào?

Đàm gật gù, nói thêm:

– Ấy tao cũng nghĩ như mày đấy. Không làm gì mà bị vạ lây, thì thế nào họ chẳng báo cho lính biết.

Lịch nhìn Cuội nói:

– Mày có kế gì không?

– Tao không có kế gì cả.

Để cho anh em ngơ ngác nhìn nhau một lúc, Cuội mới tươi cười nói tiếp:

– Tao dọa chúng mày đấy. Chứ từ khi nảy ra ý kiến cưa chấn song sắt, tao đã nghĩ đến việc ấy rồi. Ít lâu nay tao bỏ tiền mua quà thết anh em thường phạm cũng cốt để giải quyết việc ấy.

Sao Đỏ cười nhạt chặn lời:

– Mày định đấm mõm người ta rồi bảo người ta mặc cho chúng mình muốn làm gì thì làm chăng?

Lườm Sao Đỏ, rồi Cuội gắt:

– Đời nào tao lại ngu đến nỗi đấm mõm người ta rồi bảo người ta im.

Sờ túi móc ra một gói nhỏ trong đựng những viên thuốc trắng bé tựa viên ký ninh, Cuội giơ cho mọi người xem, rồi bảo:

– Mỗi cốc cà phê tao cho một viên thuốc ngủ gácđênan [1] này vào, mời mỗi người xơi một cốc thì chúng mình có phá xà lim họ cũng không biết. Từ trước tao thường mua quà mời họ cũng cốt gây cảm tình với họ thì nay mời họ uống cà phê họ mới không nghi ngờ chứ. Nếu bỗng nhiên mời họ, chắc gì họ uống và tránh sao họ chẳng nghi ngờ.

– Mày nghĩ xa thật. Nhưng còn lính gác thỉnh thoảng họ vào roỏng thì mày tính sao?

– Tao đã liệu cả rồi. Trước kia tao đã hẹn với chúng mày rằng hễ lính gác vào tao sẽ trói gô lại rồi nhét giẻ vào mồm họ. Thì hôm nay tao sẽ dùng cách bịt mồm, bịt mắt họ. Thôi bây giờ chúng mày hãy bưng cà phê ra mời anh em uống đi.

Chuông nhà thờ lớn đã khua vang động. Anh em tù thường phạm sau khi uống mấy cốc cà phê đã ngủ lăn lóc.

Cuội bảo Tuyển vừa cưa chấn song vừa hát, Lịch giả làm điên đấm cửa để làm lấp tiếng cưa đi.

Một song sắt vừa đứt, thì đằng xa có tiếng giày lộp cộp đi vào.

Giá chưa một song sắt nào đứt thì lính gác có vào cũng chẳng việc gì, nhưng khốn nỗi một song sắt đã rời ra khỏi cửa sổ, dùng quần áo che chỗ ấy chỉ tổ làm gợi tính tò mò của lính canh.

---

1. Gácđênan: Tên một thứ thuốc an thần, phiên âm tiếng Pháp gardénal.

Anh em đương hồi hộp lo sợ thì thấy Cuội quát to:

– Này chết! Ông Quyền, ông lui ra, không thằng điên nó vung cứt bây giờ.

Tiếng quát vừa dứt thì đánh "bộp" một cái, một bọc cứt to tướng ném ra giữa hành lang bắn tung tóe cả lên tường.

Người lính gác vội nhảy lùi lại một bước thật nhanh đến nỗi va cả đầu vào tường. Y vừa xuýt xoa vừa nói:

– Úi chà! Cậu không bảo nhanh thì quần áo tôi đầy những cứt.

Rồi quay ra, y vừa đi vừa nói một mình:

– Ở với thằng điên thật là khổ, lúc nó đập cửa nó hát, lúc nó vung cứt. Như thế còn ai chịu được nữa!

Anh em hú vía. Tuyển lại càng lên giọng nghêu ngao hát lớn. Cuội đắc chí cười. Anh ung dung trút bỏ bộ quần áo nhà thương để mặc quần áo nhà, rồi anh ra đứng trước cửa xà lim, vừa trông ra phía ngoài trại vừa cắn móng tay tính những việc phải làm sau khi vượt ngục...

...

Hơn ba giờ sáng hôm thứ Hai vào tuần lễ cuối cùng tháng Chạp Tây năm 1932. Chuông nhà thờ đã thôi không đánh nữa.

Khu san tù nhà thương Phủ Doãn bấy giờ yên lặng cả. Ngoài cửa san, người lính gác dựa súng vào tường gật gù ngủ; gần đấy, trong gian buồng thuốc, viên khán hộ, sau bữa rượu lễ Nône, cũng gục đầu vào bàn ngủ. Trong san tù chỉ có tiếng ngáy khò khè của bọn tù thường phạm.

Và ở đằng xa thỉnh thoảng có tiếng rên rỉ của các bệnh nhân ở các san đưa lại làm cho cảnh nửa đêm về sáng ở nhà thương lại càng trầm tịch não nùng.

Mấy chấn song sắt đã cưa xong. Bảy người tù đã mặc quần áo gọn gàng. Họ run cả người vì cảm động. Mà không cảm động sao được? Ròng rã mấy năm trời họ đã phải sống cách biệt hẳn cái xã hội mà họ yêu mến, nay bao nhiêu công khó nhọc họ lại được ra sống cùng cái xã hội ấy để hy sinh hoạt động, thì lúc sắp sửa leo lên tường nhảy ra ngoài, trái tim họ làm gì chẳng hồi hộp?

Bám lấy chấn song sắt còn nguyên, Cuội rún người nhảy lên cửa sổ; khi chui đầu qua quãng song sắt đã cưa, anh quay đầu lại giơ tay

nắm chặt lấy hai chấn song để trút người ra ngoài, rồi áp ngực vào tường, anh sẽ tụt dần xuống đất.

Bảy người lần lượt ra khỏi xà lim. Họ sẽ bước qua con đường rải đá sỏi trong nhà thương. Bỗng một tiếng hét như xé cảnh tịch mịch ở nhà thương làm cho họ dừng bước đứng lại:

– Mau!

Họ nín thở đứng lắng tai nghe.

Trong nhà thương vẫn yên lặng. Bảy người lại rón bước, bước đến bức tường trông ra đường Julien Blanc. [1]

Họ công kênh cho nhau leo lên tường, rồi nhảy ra ngoài đường phố.

Trận gió lạnh rung động hai rặng cây ở đường làm những hạt sương đọng ở lá cây rào rào rơi xuống hè như mưa.

Xốc cái áo và cài lại cái khuy, Sao Đỏ chạy lại ghé vào tai anh em bảo:

– Chúng mày có cảm thấy gì không? Tao, tao cảm thấy cái thú của đàn chim sổ lồng bay về rừng.

Cuội đáp:

– Đã hẳn thế. Nhưng mày và thằng Cương nên đi trước đi. Để chúng tao ở đây chờ thằng Tuyển.

Mười phút sau, vẫn không thấy Tuyển ra, Cuội ra vẻ nghi hoặc nói:

– Quái! Thằng Tuyển sao mãi không ra? Chẳng lẽ lại xảy ra chuyện gì? Thôi chúng ta đi trước thôi.

Thế là bốn người tù (Cuội, Lịch, Đàm, Mẫn) yên lặng rẽ ra phố Trường Thi. Gần đến Bờ Hồ, Cuội đứng lại bảo anh em:

– Chúng ta phải đi cách quãng nhau mỗi người 50 thước để khách qua đường khỏi chú ý, và người nọ bị bắt thì người kia còn đủ thì giờ chạy trốn.

Trên đường chợ Hôm bấy giờ đã đông người qua lại. Những người trồng rau ở Bạch Mai đã gánh rau hay đẩy xe rau lên chợ Đồng Xuân. Bốn người tù vượt ngục đã hơi yên tâm vì đường đã đông người qua lại. Đến Ô Cầu Dền, một bọn tuần canh đứng lố nhố ở giữa

---

1. Julien Blanc: Tên đường phố, nay là phố Phủ Doãn.

đường, làm cho Hào Lịch người đi đầu phải lúng túng một hồi. Anh đã suýt quay lại đi đường khác. Sau anh nghĩ ngay ra được một kế làm cho bọn tuần canh không hỏi thẻ anh.

Anh bù lu bù loa lên vừa khóc vừa rêu rao:

– Có ai biết con tôi ở đâu không? Ối con ơi là con ơi!

Mấy tên tuần canh chạy lại xúm quanh hỏi:

– Lạc con hay sao, mà khóc ầm lên thế, bác?

– Khốn nạn, vợ chồng nhà cháu nửa đời người mới có một mụn con không biết cháu lạc đi đâu. Cháu mới lên 9, đầu trọc, má bên trái cháu có một cái sẹo con. Lúc cháu đi mặc một cái áo dài thâm.

Nói xong, Lịch lại vừa đi vừa rêu rao:

– Ông bà nào biết cháu ở đâu, cho tôi chuộc. Ông bà nào biết cháu ở đâu cho tôi chuộc.

Bốn người thế là đều được vô sự qua khỏi bọn tuần canh, men đường xe lửa đi bộ về Phủ Lý.

...

CỰU KIM SƠN

Tập sách Dân chúng xuất bản, 1939.

HẢI TRIỀU
(1908 - 1954)

Hải Triều tên thật là Nguyễn Khoa Văn, sinh ngày 1–10–1908, tại làng An Cựu, ngoại ô thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Hồi còn đi học, Hải Triều đã tham gia phong trào bãi khóa của học sinh. Năm 1927, Hải Triều tham gia Đảng Tân Việt, sau cải tổ thành Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Tháng 6–1930, Hải Triều được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và được cử vào Tỉnh ủy Thừa Thiên. Tháng 8–1930, Hải Triều vào hoạt động ở Sài Gòn, rồi tham gia Thành ủy Sài Gòn– Chợ Lớn. Ở đây Hải Triều viết bài cho báo *Cờ đỏ,* cơ quan của Trung ương Đảng hồi bấy giờ.

Ngày 3–11–1931, thực dân Pháp bắt Hải Triều ở Sài Gòn, đưa về Huế, kết án 9 năm khổ sai và 8 năm quản thúc. Tháng 7–1932, Hải Triều ra tù và từ đấy chuyên viết bài cho các báo hợp pháp để truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin và các quan điểm của Đảng. Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, trên các tờ *Hồn trẻ, Tiếng vang, Nhành lúa, Tin tức, Dân...,* Hải Triều là một cây bút quen thuộc của bạn đọc. Những cuốn sách của Hải Triều như *Văn sĩ và xã hội, Chủ nghĩa mácxít phổ thông* hồi đó rất có tiếng vang.

Từ tháng 8–1940 đến tháng 3–1945, Hải Triều bị thực dân Pháp bắt đi an trí tại huyện Phong Điền (Thừa Thiên).

Năm 1945, Hải Triều tham gia giành chính quyền ở Huế rồi làm Giám đốc Sở Tuyên truyền Trung Bộ. Trong thời gian kháng chiến chống Pháp, Hải Triều là Giám đốc Sở Tuyên truyền Liên khu IV và là Ủy viên Ban Chấp hành Chi hội Văn nghệ Liên khu.

Năm 1954, sau chuyến đi công tác ra Việt Bắc trở về, Hải Triều ốm nặng. Ngày 6–8–1954, Hải Triều từ trần tại bệnh viện Hà Lũng, tỉnh Thanh Hóa.

Hải Triều là một nhà lý luận và phê bình văn học xuất sắc của

Đảng. Hải Triều sử dụng nhiều thể loại văn học để chiến đấu: thơ, tiểu luận, tuồng. Trong tập này, chỉ in phần luận văn chính trị, thơ, tuồng, còn phần phê bình và lý luận văn học in ở tập 37 của *Tổng tập văn học Việt Nam*.

CẢNH TÙ

Tựa cửa trông ra một lỗ tròn,
Lạnh lùng cảnh ngục lúc hoàng hôn.
Lính canh trước cửa năm, ba chú,
Đàn vịt ngoài sân sáu, bảy con.
Cụ Quế xách roi đi lửng thửng, [1]
Ông Gioong vác chổi chạy lon xon. [2]
Đến đây mới biết rằng trời nhỏ.
Không nhỏ sao thâu một lỗ tròn.

Xà lim Huế, 1930

Thơ ca cách mạng (1925 – 1945).
Nxb, Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973, tr. 245.

*
* *

1. Cụ Quế: Tên người quản ngục.
2. Ông Gioong: Tên người làm vệ sinh trong nhà lao.

THANH CẢNH ĐỘNG ĐẠI NÁO

TIỂU DẪN – Báo *Sông Hương* xuất bản ở Huế trong những năm 1936 – 1937 do Phan Khôi chủ trương. Báo này trong giai đoạn đầu, từ ngày 1–8–1936 đến ngày 27–3–1937, là một tờ báo lạc hậu, thỉnh thoảng bộc lộ những quan điểm chính trị phản động.

Sông Hương xuất bản đến số 32, ngày 27–3–1937 thì đình bản "vì tài chính quẫn bách" – theo lời thanh minh của Phan Khôi.

Hồi này, các tờ báo cách mạng xuất bản ở Huế như *Nhành lúa, Kinh tế tân văn*... đã bị cấm. Để có một tờ báo làm cơ quan vận động trong cuộc tranh cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ, Nguyễn Cửu Thạnh được tổ chức cách mạng giao trách nhiệm đứng ra giao thiệp với Phan Khôi mua lại tờ *Sông Hương,* và Phan Khôi bằng lòng tuyên bố "nhường quyền tục bản lại cho Nguyễn Cửu Thạnh".

Báo *Sông Hương*, tục bản với nội dung hoàn toàn mới, do Phan Đăng Lưu trực tiếp chỉ đạo. Số 1 *Sông Hương*, tục bản ra ngày 19–6–1937, và đến số 14, ngày 14–10–1937 thì bị cấm, thu hồi giấy phép.

Bài *Thanh Cảnh động đại náo* đăng trong số 6 của *Sông Hương, tục bản* ra ngày 21–7–1937. Sau khi đăng bài này, báo Sông Hương bị Lê Thanh Cảnh kiện và phải ra trước tòa án Nam triều. Nguyễn Khắc Niêm ngồi ghế chánh án buộc Nguyễn Cửu Thạnh – Chủ nhiệm báo – vào tội phỉ báng, vi phạm điều khoản 321 của *Hoàng Việt hình luật*, và phạt 20 đồng. (Xem thêm những bài viết về đề tài này ở phần tác giả Phan Đăng Lưu).

> *Hài kịch một hồi, một xen, sẽ diễn trước ngày tổng tuyển cử để giúp cho ông Nghị Cảnh và ông Nghị Túy cùng tất cả các ông Nghị rờm lúc hồi hưu, vì không có hưu bổng của Nhà nước.*

*

MẤY LỜI CỦA NGƯỜI DÀN CẢNH

Rạp đặt ở đâu cũng được, miễn có cái bàn, vài cái ghế, trên bàn, nhớ để một chồng báo Tràng An, *bên cái sập có một bàn đèn thuốc phiện. Trên vách bên trái treo vài cái sắc phong, ở cột treo vài cái bài ngà; bên vách tay trái, có cái văn bằng* Tiên long thương đoàn cựu quản lý, *chính giữa có bức hoành lớn với chữ to bằng con mẹ gà:* Lễ, nghĩa, liêm, sỉ.

*
* *

Kép Thanh Cảnh trong màn bước ra, hai mắt tròn xoe đảo qua liếc lại, mặt hầm hầm giận dữ, hai chân đi giày "ítcátbênh", nghiêng nghiêng bước tới, tay gãi sau tai, thít tha hét lên một tiếng như sấm, liền bổ xuống ba ngoai; đứng phăng dậy, xá khán giả một xá, rồi mới vào ngồi bàn. (Nên nhớ trong lúc này trống chiêng, trống chầu và xập xõa đánh inh ỏi thì mới thần tình). Kép Cảnh tay cầm bình rượu, đập xuống bàn một cái độp, miệng hét:

– Cha! Cha! Lộng quá là lộng, tụi Sông Hương dám đả động đến mỗ à... Thôi thôi, phen này mỗ quyết không tha; để cho chúng biết tay ta là lợi hại.

(Khoát tay một cái khoan thai, rồi nói vãn): Như ta đây: họ Lê tên Cảnh, vốn dòng dõi quan sang, nhưng chỉ vì bị bổ trật hàm, nên phải lui về rơtờrét. [1](Nhưng rứa mà) Hội Tiên long chính ta giữ két, phòng dân biểu mổ thị Nghị viên *(trống chiêng đoạn này đánh gấp ba hồi, hát Bắc).*

Ai! Ai! Dân biểu Nghị viên ta giữ thư ký. Nghĩ như ta đây: lương trăm hai hú hí cũng vừa chơi *(tang xùng, cắc tang xùng, cắc cà lắc cắc tang xùng, bình, bình, bình).*

(Ra vẻ buồn nói vãn) Rứa mà năm ni, lại gặp kỳ tuyển cử, ta biết lấy phương gì giữ lấy miếng ăn. *(Gãi tai thít miệng)* Nhưng ngờ đâu trời ơi, có bọn viết báo ác tăng dám căng mỗ ra mà chiếu điện!

Ai, ai, chừ tôi biết mần răng đây (*hát Nam*):

Đem mỗ chiếu điện (ôi chao ôi) ghế Nghị viên (từ đây) hết tính chuyện lâu dài *(tang xùng, tang xùng, cắc cà lắc cắc, tang xùng, bình, bình, bình).*

(Ra vẻ dữ tợn, cười gằn, chống tay suy nghĩ, rồi ngấc đầu lên nói vãn):

À! À thôi! Chớ có phân vân, ta đây sẵn chước quỷ mưu thần, há lại chịu thua quân quỷ sứ.

(Đập bàn thét thiệt lớn):

– Lâu la!

– Dạ! Dạ!

1. Rơtờrét: Phiên âm tiếng Pháp (retraite), nghĩa là về hưu.

Ở ngoài buồng chạy ra một bầy, mặt mày nhớn nhác, miệng rộng, mũi gò, mặt xám, tay cầm mác cầm giáo: nào Thanh Tuyên, Thanh Địch, lại thêm tên chạy hiệu Thanh Tuân và một bầy adăng êlếctôran [1] *lương ba đồng cơm ăn áo mặc kể không xiết. Ra xong sắp hàng hai, sụp xuống lạy rồi đứng dậy.*

Thanh Tuyên, Thanh Địch, Thanh Tuân đi quyền mấy hiệp, rồi cúi vái và rống thiệt to:

Dạ, dạ, muôn tâu lệnh soái;
Chẳng hay có việc chi mà gọi vào chầu.
Hay là thua bạc ở đâu đâu,
Để chúng tướng mau mau đi rút lại!

(Thanh Cảnh ra bộ giận dữ):

– Không phải, không phải, vốn là ta ra ứng cử năm nay; bị bọn Sông Hương bắt ngay chiếu điện.

(Ba tụi lâu la hét lên một tiếng):

– Cha chả gan quá là gan, để chủ tướng phá tan hoang cho nó biết *(đoạn này phải nói lối cho rập mới hay).*

Thanh Tuyên hét:

– Chủ tướng! Mau mau sắm đủ binh lương. Ta quyết nhắm Sông Hương trực chỉ. (Ôi thân phụ ôi!) Phen này đây, con quyết chí trả thù cha *(cắc, bờm, tang xùng, xùng tang, bình, bình).*

Thanh Địch hét:

– (Chớ còn như ta đây) Viết báo có mục trò đời, rành viết những chuyện thối hôi rình rình.

Hát Nam: Hôi rình rình thì chúng mới kinh. (Phen mô chứ phen ni) Tau viết cho một cột cho bay thất kinh tức thì.

Thanh Tuân hét:

– Ta đây chỉ bán báo rong, làm tên chạy giấy loong toong có tài.

Hát Nam: *Sông Hương* này hỡi bay ơi! Tao không bán báo báo bay ra đời nhà ma *(tang xùng, cắc bờm, tang xùng, bình, bình).*

Vừa trong lúc ấy, trong trướng vọt ra một tướng lưng cù rút, cẳng thấp cẳng cao, mặt đen môi sẫm, gò má lõm, lưỡng quyền dô. Hét lớn:

---

1. Adăng êlếctôran: Phiên âm tiếng Pháp (agent électoral), chỉ người chuyên đi cổ động tuyển cử

– Khoan đã, khoan đã, còn có ta đây!

(Lâu la cúi rạp xuống chào; Thanh Cảnh đứng dậy cười giòn như pháo nổ):

– À ra Quốc Túy tiên sanh đây mà, chẳng hay có việc chi mà ca ca ghé lại tệ xá đó mơ.

Kép Túy cứ làm bộ chưa nghe, nhìn ra khán giả vái một cái. Rồi quay lại tay múa miệng hát:

Như ta đây, húy là Quốc Túy,
Vốn là chí sĩ tiên sanh.
Chỉ không may gặp nạn lụt Thái Bình,
Nay bọn quỷ sứ rinh ra chiếu điện.

Hát Bắc pha Nam: Bọn quỷ rinh ra chiếu điện. (Trời đất ơi!) Thời nghị viên thời thuốc phiện biết tìm đâu?

Lại vãn: Nhưng mà ta đây có sẵn mưu sâu; cùng bác Cảnh mau mau lập kế *(nói rồi đi lại gần Thanh Cảnh nói nhỏ vào tai*: như vậy, như vậy... – *Cả hai đồng thời cười xòa lên ra vẻ sung sướng. Cảnh hét):*

– Chư tướng! Rượu đâu? Rượu đâu? Hãy bày biện ra đây, để mổ thưởng ngay Quốc Túy. Ha ha ha!... *(cười cho giống Tào Tháo mới hay).*

Thanh Tuyên, Thanh Địch, Thanh Tuân quỳ xuống dâng rượu. Cảnh, Túy vách chân rung lục lạc kiêu kiêu tự đắc.

Cảnh hét:

– Chư tướng! Ta đây đã có mưu cao, phen này quyết phá huyệt sào *Sông Hương (cả tụi đồng vâng, hát Bắc):*

Sông Hương, ơi hỡi *Sông Hương*!
Chúng tao bóp mũi bay hết đường nói năng
Thằng dân thì mặc chó thằng dân,
Nghị viên ông lãnh bạc trăm sướng đời.
(Bình! Bình! Bình!)

Hạ màn từ từ cho đẹp mắt.

Báo *Sông Hương, tục bản,*
số 6, ngày 21-7-1937.

VẤN ĐỀ DÂN SINH
PHÊ BÌNH MỘT VÀI LÝ THUYẾT VỀ XÃ HỘI – SINH HOẠT CỦA HỌC GIẢ ĐÔNG PHƯƠNG

Người viết bản sách đạo đức để dạy đời, chưa hẳn là một nhà thuần đạo đức. Người viết bài phê bình các nhà triết học, chưa hẳn là một nhà rành triết học. Chẳng qua nghĩ rằng: mỗi chế độ thường có một học thuyết riêng; chế độ thay đổi, tất học thuyết cũng thay đổi theo. Vả lại, giá trị và công dụng của mỗi học thuyết chỉ nằm trong chế độ tương đương của nó. Trái lại, chế độ mới mà học thuyết còn giữ cũ, thì học thuyết ấy chỉ hóa ra cái máy hãm, để hãm cái bánh xe tiến bộ của loài người.

Chính vì cái lẽ ấy mà ký giả viết bài này.

*

Dục vọng của người đời vẫn nhiều và vô cùng nữa. Nhưng tựu trung ta có thể nhận được hai cái dục vọng căn bản:

1. Dục vọng tham sống.

2. Dục vọng sống cho được sung sướng.

Cứ lấy chỗ nhân loại chưa tiến bộ mà nói, thì muốn thỏa mãn điều dục vọng thứ nhất, người ta chỉ cần điều kiện tất nhu của sự sinh hoạt rất đơn giản. Ăn, mặc, ở, theo lối phác dã; xem như cách sinh hoạt của người dân miền thượng du xứ ta thì rõ. Đến như muốn thỏa mãn điều dục vọng thứ hai, thời phải tùy theo sự sinh sản có phát triển và sự phân phối có quân bình hay không, theo từng xã hội, từng thời đại, mà biến đổi lần lần.

Bình tĩnh mà nói, một người sống trong một xã hội, một mặt phải cống hiến cho xã hội những công tác cần yếu: một mặt có quyền được hưởng những món đền trả của xã hội ứng cấp cho mình. Những vật đền trả ấy, theo trạng huống sự sinh sản chưa được mười phần phát đạt như ngày nay mà xét, thì chưa gọi gì là dư đủ. Chẳng qua chỉ những điều kiện tất nhu để nuôi sống một người cho được khương kiện mà thôi. Những điều kiện ấy tùy thời và tùy địa mà khác nhau.

Ví dụ một người sống về thời đại thượng cổ mà nay bỗng nhiên tái sinh vào đời này, gặp ta, ta bảo: "Anh lên hỏa xa đi du lịch với tôi chơi?", anh kia chắc sẽ kinh ngạc mà không hiểu ta muốn nói cái gì. Trái lại, một anh thơ ký nào hiện đời bây giờ, chưa đủ sức sắm được ô tô, ta thử bảo rằng: "Này cho anh mượn ô tô dạo chơi phố phường"; ta dám chắc rằng không những anh thơ ký kia vui mừng mà đến người ngoài nghe cũng thích lắm. Như vậy ta thấy rõ rằng cái dục vọng sinh hoạt cho được sung sướng tùy thời mà biến đổi. Lại cũng tùy xứ mà khác nhau nữa, tỷ như một người nhà quê trên núi, dầu ban đêm không có đèn điện cũng không lấy chi làm khó chịu, chớ một anh công tử ở chốn phồn hoa, mà bị cái cảnh thấp đèn dầu phụng thì lấy làm khổ sở vô cùng.

Cái đó mà xét thì một người sống ở đời không phải chỉ có cái dục vọng tham sống mà thôi, mà lại còn có cái dục vọng sống cho sung sướng. Nếu chỉ cái dục vọng tham sống mà thôi, thì bọn tù tội vẫn được hưởng cái ăn, mặc, ở, đủ sống, mà sao ai cũng cho là khổ? Thế thì ngoài cái đủ sống ra, người ta lại còn muốn cái sống cao hơn nữa! Chính cái dục vọng ấy tùy thời và tùy địa mà cao thấp so le nhau, không có cái gì mà làm tiêu chuẩn nhất định cả, mà nhân đó mới sinh ra lắm vấn đề khốn nạn. Giải quyết vấn đề ấy, xưa nay, đông tây, học giả bàn luận đã nhiều.

Nay chỉ bàn về lý thuyết của học giả Đông phương.

Cái quan niệm chung của học giả Đông phương về vấn đề này là: vật chất dục vọng thật vô cùng, mà nhân lực thì hữu hạn không thể nào làm đầy đủ được cái dục tâm vô hạn ấy, "bòn chét chét, nhét miệng ông voi", chỉ vĩnh viễn hãm vào vòng khổ não mà thôi, không bao giờ thoát ra nổi.

Đến cái phương pháp để giải quyết vấn đề "khốn nạn" ấy, thì mỗi người đề xướng mỗi cách, lý luận rất phồn tạp, kế hoạch rất rối rắm, nhưng ta có thể phân ra làm hai phái lớn nhất:

1. Phái "tuyệt thánh khí trí" nghĩa là bài trừ cả thánh nhân, đả phá cả trí thức. Làm cho thiên hạ loạn là vua Nghiêu, vua Thuấn (Đạo Thích); phá hộc bẻ câu mà dân hết tranh, không thấy sự tham lam, thì lòng hết loạn (Trang Tử). Phá bỏ cơ khí chủ nghĩa mà trở lại lối thủ công chế độ: quay tơ, dệt vải, trồng lúa, rồi trao đổi cho nhau mà sinh hoạt, tất dục tâm hết, chiến tranh tiêu, nhân loại sẽ được sung sướng. Đó là quan niệm của Lão Trang và Găngđi với một số học giả Ấn Độ.

Nói tóm lại là đem bao nhiêu cái văn minh vật chất ngày nay tiêu giảm cho hết, thì nhân loại sẽ thoát ly được sự khốn khổ bây giờ.

2. Phái "Tùy ngộ nhi an" tùy cảnh ngộ của mình mà an phận. Bể khổ không bờ, quay đầu lại ấy là bến, nghĩa là cứ đeo đuổi cái dục tâm thì cứ khổ hoài, chớ quay đầu mà an phận thì được thoát khổ. "Vui" theo cái "ý của trời" mà chịu "cái mạng" mình, dù gặp gì cũng tốt cả. Đó là quan niệm rất sâu của một phần đông học trò ông Khổng Tử và nhà Nho sau. Ta vẫn dàm tai mà nghe họ nói: "bôn ba không qua số mạng, an thường thủ phận là hơn".

Xét hai phái ấy, phái trên có vẻ tích cực, phái dưới có vẻ tiêu cực. Nhưng tích cực hay tiêu cực cũng chỉ nằm trong vòng lý luận suông. Nếu ngó đến chỗ thực tế thì chưa dễ đã giải quyết vấn đề căn bản của loài người nổi.

Tuy vậy chớ hai cái quan niệm trên ấy, nó đã bám chặt, ăn sâu vào trong não của mấy trăm triệu người Á Đông. Cái hay của nó ở vào chế độ nào thì không được biết, chớ hiện tại không thể không hoài nghi.

Đối với lý thuyết của phái trên: kéo nhân loại thoát ly cái hiện trạng văn minh vật chất ngày nay để trở lại cái thời đại Hy Hoàng ăn lông ở lỗ, "cá mè một lứa", thật là một cái mộng tưởng mà không thể nào thực hành được.

...

Đối với lý thuyết thứ hai, cứ lấy đại đa số mà luận thì không đủ điều kiện để thực hành. Bảo chúng ta "tùy ngộ nhi an" thì ít nữa cũng phải nhân cái "sở ngộ" của chúng ta mà gặp phải bước cơm không đủ no, áo không đủ ấm, ở không đủ chỗ, nhiều khi đến quần rách áo ôm, nhà xiêu cửa nát, thì khi ấy bảo "an" là "an" cách thế nào. Dầu thánh hiền mà ở vào đây cũng không "an" nổi, huống hồ là dân ngu, mà thánh hiền có an được như Nguyễn Hiến, Nhan hồi cũng chỉ một phần trong muôn ức thôi.

*

Một người sống cần phải cống hiến cho xã hội những công tác cần yếu, nhưng được quyền hưởng thụ những món đền trả của xã hội ứng cấp cho để nuôi sống. Con người ấy quyết không phải sống đơn độc một mình, mà sống trong một xã hội, tất nhiên có nhiều mối quan hệ liên lạc với các phần tử khác. Nếu sau khi cống hiến công tác của mình, trở lại sự cung cấp của xã hội đối với cá nhân lại phân

cách nhau thái quá, tất nhiên không tránh khỏi sự ganh ghét. Cái hiện tượng rắc rối chính do mối bất bình ấy mà gây ra.

Nếu có kẻ bênh vực cho lý thuyết trên mà bác chúng ta rằng: hạnh phúc của nhân loại đời nay, so với hạnh phúc của nhân loại đời xưa thì đã sướng lắm rồi. Nói một cách khác là lấy cái "sở ngộ" của nhân loại đời nay, so với cái "sở ngộ" của nhân loại đời xưa thì nhân loại đời nay đã cao lắm, còn gì nữa mà còn có cái tâm lý bất mãn? Ngày xưa bọn nông nô các nước bị bao nhiêu là công hầu, bá tước bác đoạt, chớ ngày nay dầu gặp cuộc nông nghiệp khủng hoảng vừa rồi cũng không đến nỗi khốn đốn như trước. Cái loạn Lý Sâm và Hồng Dương ở Trung Quốc ngày xưa giết người như rạ, dầu bây giờ quân phiệt hoành hành cũng chưa khổ sở bằng hồi cũ.

Phải, chúng ta cũng công nhận đó là một bước tiến bộ của loài người. Nhưng cái hạnh phúc của nhân loại không thể lấy bề dọc làm tiêu chuẩn, mà chính phải lấy bề ngang, nghĩa là không thể lấy cái hạnh phúc đời xưa so với cái hạnh phúc hiện tại, chính phải lấy sự hạnh phúc của xã hội so với sự hưởng thụ hạnh phúc của cá nhân, nếu sự cung cấp và sự hưởng thụ phân cách nhau, thì không thể tránh cái tâm lý bất mãn, do đó mà phát hiện.

Nhưng có kẻ bác lại thế này: sức sinh sản bấy giờ còn eo hẹp, nền kinh tế của người ta còn đương thời kỳ ấu trĩ, sản vật thiếu thốn, giao thông không tiện lợi, thì tất nhiên những sự hưởng thụ của mỗi người cũng không được lấy gì làm đầy đủ. Hiện trạng kinh tế như thế thì phải chịu thế thôi.

Phải, chúng ta cũng nhận rằng nền kinh tế của loài người bây giờ còn đương ấu trĩ, tất nhiên sự cung cấp cũng không thể mười phần đầy đủ. Nhưng đã nói đến kinh tế không chỉ nói về sinh sản mà thôi mà còn phải bàn đến sự phân phối và sự tiêu thụ nữa. Theo trên lịch sử xã hội nguyên thủy, sức sinh sản vẫn eo hẹp mà nhờ sự phân phối và tiêu thụ quân bình, nên xã hội vẫn được an tịnh trong thời gian khá dài. Đó không phải là một chứng rằng: ít mà đều, thì lòng người được tự an đó ru?

Lịch sử đã chứng minh cho ta rằng: xã hội an tịnh là do các phần tử trong xã hội sinh hoạt được sung túc. Các phần tử ấy sinh hoạt được sung túc là nhờ sức sinh sản đầy đủ, lại cần phải sự phân phối cho quân bình. Pháp luật và đạo đức chỉ là đồ phụ tùng để làm cho hoàn thiện thêm đó thôi. Vả lại chính trong hoàn cảnh ấy thì pháp luật và đạo đức mới có cái giá trị và cái công dụng của nó. Trái lại,

một xã hội sau khi cá nhân đã cống hiến công tác của mình rồi, trở lại hai cái dục vọng căn bản trên kia (tham sống và sống cho sướng) đều tuyệt vô hy vọng, túng thì biến, dầu tội ác gì cũng nhắm mắt làm liều, mà đạo đức và pháp luật, đối với xã hội ấy, toàn mất cả hiệu lực. Người ta nói: "đói không có lỗ tai" chính là cái trạng thái của xã hội "sống không quân bình" kia vậy.

"Vựa lúa đầy mới biết lễ tiết, ăn mặc đủ mới biết vinh nhục". "Cứu chết không rồi, rồi đâu mà trị lễ nghĩa". Ai thường than: đạo đức ngày nay suy đồi, ai thường mắng: nhân dân ngày nay háo loạn, tưởng cũng nên đọc lại hai câu trên mà tìm cho đến nguyên nhân nó.

*

Ngoài hai cái lý thuyết (tuyệt thánh khí trí, tùy ngộ nhi an) đã bàn trên, nay xin bàn phụ thêm một cái lý thuyết thứ ba nữa, thuyết này tuy ảnh hưởng trong quần chúng không có bao nhiêu, nhưng nó vẫn phảng phất trong não của một số trí thức Trung Quốc và trí thức nước ta. Thuyết ấy là thuyết của Mặc Tử.

Mặc Tử cho nguyên nhân nguy loạn là tại loài người không biết thương nhau, vì vậy nên đề xướng thuyết "kiêm ái" nghĩa là thương khắp cả mọi người, coi nhau như anh em một nhà, tất bao nhiêu sự phân tranh đều tiêu diệt.

Lý thuyết vẫn hay, nhưng nó chưa giải quyết vấn đề căn bản của loài người, vì nó thiên về mặt "duy tân" mà sót mất bên "duy vật". Nhìn đến sự thật, ta hãy giả thiết vài câu hỏi.

– Vì sao mà phân tranh?

– Vì không tương ái?

– Vì sao mà không tương ái?

Đó là câu hỏi "bí". Nếu chỉ tìm quanh trong tư tưởng giới, cảm tình giới, thì quyết không bao giờ có một câu trả lời cho triệt để.

Vậy ta phải tin rằng: ý thức hay cảm tình của ta nếu không có cái gì xúc động thì ta vẫn là từ bi, kém gì đức Thích Ca, đức Gia Tô kia đâu. Khổ vì phần sống về đường tinh thần và đường thể xác, thường tự thấy chỗ thiếu thốn không đầy đủ, phản chiếu của vật chất lại kích thích thêm nữa, nên ta có thể quả quyết mà trả lời rằng:

– Bất tương ái là vì kẻ no người đói, kẻ sướng người cực không đều đó thôi.

Báo *Tiếng dân*, số 569, ngày 8–3–1933
và số 570, ngày 11–3–1933.

BÁO "TIẾNG DÂN" ĐỨNG GIỮA TRỜI

Ông Phan Khôi phê bình báo *Tiếng dân*. Chúng tôi cũng phê bình báo *Tiếng dân*. Nhưng ông Phan phê bình theo cách ông. Chúng tôi phê bình theo cách chúng tôi.

Đứng về mặt tâm lý, ông Phan chỉ phê bình cái cá nhân của cụ Huỳnh: siêng năng, không chơi bời, bảo thủ, câu cẩn.

Đứng về mặt "nhà nghề", ông Phan phê bình tờ *Tiếng dân*: đứng đắn, không phát đạt, hay công kích ngầm, dùng nhiều chữ Nho.

Hãy để cho hai ông cụ ấy họ cãi vã với nhau về "Cái tôi thế này với cái ông thế khác". Chúng ta có phê bình là phê bình cái lập trường của tờ *Tiếng dân* đối với xã hội, chớ công đâu mà đi bàn cái tư đức của cụ Huỳnh.

Một ngày kia nhân cùng ông bạn đồng nghiệp qua Huế lại hầu thăm cụ. Nói chuyện gì đó mà lần lần đưa qua chuyện sự phát triển của xã hội ta trên đường phân lập giai cấp; cho nên báo giới ta rồi lần lượt cũng phải đeo theo cái tính chất ấy. Do đó mà ông bạn tôi hỏi cụ: cứ cái hiện tình ấy, tờ *Tiếng dân* sẽ đứng về mặt nào. Cụ nhìn chúng tôi rồi lúng túng nói:

"Tờ *Tiếng dân* đứng giữa trời!"

Nghĩa là tờ *Tiếng dân* không đảng phái gì, không dính dáng ai.

Câu ấy tôi còn văng vẳng bên tai, bây giờ mở báo *Tiếng dân* số 637, 638 ra xem lại thấy cụ đem tờ báo của cụ ví với *"cây tùng ở cồn đất sỏi"* một mình chống chọi với gió thu nắng hạ, thế mà *"vẫn trơ trọi giữa trời, không hề đổi sắc"*. Đến như mấy bạn đồng nghiệp khác "như cây tạp trong vườn", trải qua một trận mưa gió là tan nát.

Thế là cụ vẫn lấy cái tờ báo của cụ đứng riêng ra một mình một cõi, làm tự đắc. Đó là một cái tính chất của tờ Tiếng dân mà tôi rút lại. Lại còn cái tính chất này nữa nó phản chiếu cái tinh thần của cụ ở trong cái thí dụ này: Cụ vẫn nhận cái xe điện là tiện lợi, văn minh. Nhưng lại không nhận các bác lái cầm máy xe, mà nhất là *"những tay phụ lái không hiểu máy móc ra sao, thả máy phóng đại, không kể đến tính mạng của bao nhiêu hành khách đương nằm trong tay"*.

Chính vì thế mà cụ nhận tờ *Tiếng dân* chẳng thà là *"nước lã"*

(chữ của ông Phan Khôi) hơn là những phương thuốc của *anh thầy lang dở.*

Tôi trích những câu tôi đã từng nghe, từng đọc ra đó là để mà phê bình cái chỗ của tờ *Tiếng dân* đứng, và cái đường mà tờ *Tiếng dân* đi.

Hãy bàn rộng ra một cái chơi đã.

Hiện ngày nay xã hội ta có một hạng người tự cho mình là anh hùng hào kiệt, là chí sĩ kỳ nhân, là thanh cao siêu việt, là cây tùng trước gió, là cái đích của ngàn vạn tên. Họ cho xung quanh họ toàn là một hạng người tục tử, dung nhơn, phù hữu, cấp táo v.v...

Xét cho kỹ cái quan niệm của họ, cái địa vị của họ chỉ là cái sản vật của một thứ xã hội thôi. Này chú có tiền có của, chú trở lại khinh tôi; anh có tài có học *anh đứng riêng ra một cõi để "làm cao thượng" với bề tôi, thời cũng vậy thôi.*

Tư tưởng và hành động của hạng người ấy họ vẫn tự cho là "khác đời", "chống đời", kỳ thật cũng chả có gì là "khác" mà cũng chả có gì là "chống". Chẳng qua là họ thu cái ảnh hưởng tinh thần của giai cấp trí thức phong kiến và tiểu tư sản đối với vấn đề gì cũng đưa cái "bộ cao thượng" ra.

Họ muốn làm "anh chị" đi trước bước đầu cho xã hội. *Nhưng đến một giai đoạn nhất định trong lịch sử, xã hội lại biết trước họ.* Khi ấy họ chỉ còn có cách là thả giọng thần thánh, trên trời dưới đất ra, để chửi đời, chê đời, cười đời chơi.

Họ cho cây tùng sống dai là quý, khinh cây cỏ mới gặp nắng đã khô mình. Đó cũng là cái ảnh hưởng của cái chế độ ích kỷ, "duy ngã độc tôn" đó thôi. Nào biết đâu họ có nghĩ đến cái ý sống dai chưa chắc là tốt mà chết sớm chưa hẳn là không hay.

Đến ra gặp việc thì họ quá cân nhắc tính toán nên không bao giờ dám đụng đến sự lầm. Họ sợ họ lầm, họ sợ thiên hạ lầm. Nhưng họ có biết đâu rằng chính sự *tiến hóa của nhân loại là đi trên con đường lầm lớn và biết sửa đổi lại. Cái không lầm nó đẻ trong cái lầm ra. Cái không sai nó đẻ trong cái sai ra. Những cái ấy nó chống chọi nhau, nó sửa đổi nhau mà đưa xã hội loài người đi tới.* Tôi dám chắc rằng một người cũng thế, một xã hội cũng thế, nếu không gặp vài cái lầm lớn, và cái sai lớn, để bao giờ mà mở mắt ra được.

Hạng người ở trên họ chỉ biết thóa mạ cái lầm, cái sai của kẻ khác chớ thật ra họ chưa hẳn đã có cái sức, có cái gan mà dám làm cái lầm ấy, cái sai ấy.

Họ tự cho họ là *"vô hại"*, *vô hại như "nước lã"*, hơn phương thuốc dở. Tôi cho cái "vô hại" ấy cũng dở lắm. Trước người bệnh nặng, một phương thuốc đưa ra, chỉ có hai đường: một sống, một chết. Gặp thầy hay, thuốc tốt, thời bệnh lành; đụng thầy dở, thuốc xấu, thời bệnh chết. Ừ, chết đi, có chết đi cho người sau chừa cái mặt anh thầy ấy với phái thuốc ấy; để kiếm lấy một thầy khác hay hơn với một phương thuốc khác trúng hơn. *Chớ ai lại đi uống nước lã mà chữa bệnh bao giờ.*

Thôi lý luận thì cũng trìu tượng quá rồi. Nhưng đó chính là những lý lớn ta dựa vào để phê bình tờ *Tiếng dân*.

Tờ *Tiếng dân* do ông Chủ nhiệm kiêm chủ bút của nó nói ra là nó đứng giữa trời, lại ví như cây tùng (còn sống sót sau trận gió), tuy một câu nói tự phụ, nhưng nó phản chiếu được cái chân địa vị của tờ báo ấy bây giờ, khác hẳn với ngày xưa.

Bảy năm về trước, tờ *Tiếng dân* ra đời nó *ứng hợp với các nguyện vọng cần thiết chung*, nên tờ báo được hoan nghênh một cách đặc biệt.

Lịch sử trải qua một chặng đường khác. Cái tâm lý và tư tưởng người ta phân lập rõ ràng. Cái bí quyết của tờ báo ấy hồi đó là điều hòa tân với cựu, cấp tiến với ôn hòa, thanh niên với lão thành v.v... bây giờ không thích dụng được nữa.

Vả lại hạng trí thức phong kiến và tiểu tư sản thành phố, trước chính là cái lực lượng ủng hộ cho *Tiếng dân* thì bây giờ họ rẽ lần qua các đường khác.

Như thế thì báo *Tiếng dân* đứng vào đâu nữa mà không "đứng giữa trời"?

Tôi nói chơi đó; chẳng qua tôi muốn kết lại cái ý của cụ Huỳnh đã nói ra; chớ thật thì tờ báo tiên thánh gì mà đứng giữa trời được. Tờ báo còn xuất bản thì còn người xem. Vậy hiện tại hạng nào trong xã hội xem *Tiếng dân*? Câu ấy đã có cụ Huỳnh trả lời cho chúng ta trong số báo 638: "Độc giả *Tiếng dân* người nhà quê chiếm một phần đông; mà người nhà quê đó phần nhiều là nhà Hán học còn sót..."

Thật thế, cứ suy cái luận của chúng tôi ở trên, thì dầu cụ Huỳnh không nói ra, chúng ta cũng đoán được độc giả *Tiếng dân* chỉ có mấy *"nhà Hán học còn sót"* là nhiều thôi.

Hỏi đến dụng tâm của các ông ấy đọc báo *Tiếng dân* là để làm gì? Câu hỏi ấy cụ Huỳnh cũng trả lời cho chúng ta trong khi cụ trích vài câu chuyện của mấy ông ấy nói:

"... Nghe đọc một câu thành ngữ chữ Hán hay là câu Đường thi,

câu *Minh tâm* gì thì cái não tôi tự nhiên cảm xúc không khác gì ở nơi đất khách quê người mà bỗng gặp người quen, vui sướng vô cùng..."

"Thỉnh thoảng gặp một vài câu chữ Hán nói về tính nết cần kiệm, tôi giảng cho nghe [1] để chữa bớt cái xa hoa kia".

Thế là tờ *Tiếng dân* chỉ là *tiếng đờn hoài cổ, cái cổ từ mấy ngàn năm bên Tàu kia*. Thế là tờ *Tiếng dân* chỉ là *ông thần luân lý để cứu linh hồn cho các cậu công tử bột* chăm vào cái mốt giày, mũ, áo văn minh kia. [2] Rõ thật hoài công.

Trong bài phê bình báo *Tiếng dân* của *Phụ nữ thời đàm* số 6, ông Phan Khôi nói:

"Lúc bấy giờ hoặc cả đến bây giờ nữa, hình như người Trung Kỳ coi tờ *Tiếng dân* là một cái hồn chung".

Ông Phan Khôi là người Trung Kỳ sao mà ông lóa mắt chớ ông không thấy tờ *Tiếng dân* ngày nay chỉ là cái *"hồn" riêng của các cụ hay sao?*

Tôi viết mục *Nói thật* đến đây là bài thứ ba. [3] Một ông bạn đến xem cười mà nói: anh không sợ "cái coalition des cụ" [4] để chống với mình à?

Không biết tôi khi ấy nghĩ gì, buột mồm nói:

– Đến giờ rồi anh ạ.

Bạn tôi hoảng hốt hỏi: giờ gì!

Tôi chậm rãi trả lời:

– Giờ trục bớt những cái cột cái mục nát trong tư tưởng giới.

Hai chúng tôi lẳng lặng nhìn nhau...

Tái bút: Huỳnh tiên sanh lượng hiểu cho rằng tôi bao giờ cũng rất kính mến cái tư cách cá nhân của tiên sanh. Nhưng đó là một vấn đề riêng. Chớ trên mặt trận lý thuyết tôi với tiên sanh nếu đã có chỗ không hợp thì cứ việc cãi. Xin tiên sanh nhận rõ cho thế.

Báo *Đông phương*, số 896, ngày 18–11–1933.

---

1. Giảng cho nghe: Bài của cụ Huỳnh mà tác giả trích ở trên, đăng trong báo *Tiếng dân*, số 638, và theo nội dung bài đó, thì "giảng cho nghe" là giảng cho con cháu các cụ ấy nghe.

2. Ý và chữ trong câu này, tác giả cũng lấy từ bài của cụ Huỳnh đăng trong báo *Tiếng dân*, số 638.

3. Ba bài trong mục *Nói thật* của tờ báo *Đông phương*, năm 1933 của Hải Triều là:– Bài *Ông Phan Khôi không phải là một học giả duy vật, báo Đông phương*, số 891, ngày 21–10–1933.

– Bài *Cụ Sào Nam giải thích chữ văn học thế là sai lầm, báo Đông phương*, số 893, ngày 1–11–1933.

– Bài *Tờ báo "Tiếng dân" đứng giữa trời*, báo *Đông phương*, số 896, ngày 18–11–1933.

4. Cái coalition des cụ: Tiếng Pháp ghép lẫn với tiếng Việt, cả đoạn có nghĩa là sự đồng minh của các cụ già

HỘI NGHỊ KINH TẾ THẾ GIỚI HAY LÀ CÁI THÁP BABEN CỦA CON CHÁU ÔNG NÔÊ [1]

Ông Nôê ngày xưa biết thờ phụng trời, trời thương. Còn cả loài người không biết thờ phụng trời, trời ghét. Trời ghét, nên trời dâng cho một trận đại hồng thủy, tấm mén gì cũng chết nhăn răng. Chỉ một mình ông Nôê sống, thật nhờ phước trời. Nhưng con cháu ông Nôê muốn chơi "khăm", định xây một cái tháp gọi là tháp Baben để lên trời chơi. Trời thấy tụi này muốn đi "nước cao", nên làm cho chúng một phép "mầu", để chúng biết tay, trời bèn vặn sái ống cổ của con cháu ông Nôê, thành ra chúng nó đương nói một thứ tiếng bỗng nhiên đâm ra líu lo, rầm rì gì gì, không thể nào hiểu nhau, đặng u ơ một hồi, rồi đâm khùng ra, nên choảng nhau lung tung, thành ra tháp Baben không bao giờ xây nổi.

Đó là chuyện thời cổ sơ, nhưng đến chuyện đời nay cũng thế.

Các nước họ thờ phụng nền kinh tế ngày nay cách thế nào không biết mà trở lại nền kinh tế ấy ghét cay ghét đắng họ, nên cũng đánh cho một trận đại khủng hoảng ghê gớm không thua chi trận đại hồng thủy ngày xưa. Đến nỗi bác Sam vốn là "con cưng" của nền kinh tế ấy, lại không được cái phước lớn như ông Nôê "con cưng" của trời; ông Nôê thì sống mà bác Sam lại bị làn sóng kinh tế khủng hoảng đánh cho thất điên bát đảo. Chỉ nói về tài nghiệp, một tờ báo kia đã tính, bên Mỹ cứ mỗi tuần ít nhất là 15 cái Nhà băng đổ.

Vì tình hình nguy khốn ấy, nên các nước hợp nhau ở Luân Đôn để xây một cái tháp, cái tháp này không phải để lên trời chơi mà chính là cái tháp để thoát trận lụt kinh tế khủng hoảng. Ý của họ là muốn lập một nền kinh tế chỉ huy để thay cho nền kinh tế hỗn độn ngày nay. Ngày 12–6 khi các đoàn đại biểu mới bắt đầu khai hội thì chúng tôi đã có bài bàn đến. hồi ấy, chúng tôi chỉ dùng cặp kính bi quan mà nhìn công việc Hội nghị, đến bây giờ công việc Hội nghị lại quá bi quan mà không cần đến cặp kính của chúng tôi.

Khi mới vào Hội nghị ông Mác Đônan và các đoàn đại biểu đều hoan hỷ, lạc quan, trăm miệng một lời tán câu hòa hảo. Nhưng qua đến nửa cuộc hội nghị thì các nước đâm ra đổi giọng, chẳng khác nào

1. Tháp Baben, hay còn gọi là Babilon, Baben có nghĩa là cổng trời.

như con cháu ông Nôê trước tháp Baben. Líu lo mỗi người một tiếng, không ai hiểu ai, không ai chịu ai. Nước Mỹ nhất định bỏ kim bản vị, không chịu bình giá đồng đôla. Nước Pháp quyết giữ kim bản vị, nước Anh đi nước đôi, khi bên này khi bên kia, cuối lại chạy theo Mỹ. Các nước vì vậy mà chia bè lập phái. Phái bạc với phái vàng. Chưa kể nước Nga kia ở vào một phái nào nữa. Bàn cãi lung tung, kết quả Hội nghị sắp đình hoãn mà các đại biểu mặt buồn xo, xách cặp da về nước.

Vì sao Mỹ cố dùng chính sách phá giá đồng đôla. Trong ấy có hai lẽ: đối nội và đối ngoại. Trong nước nếu trụt giá đồng bạc xuống tất thế nào thì giá nguyên liệu cũng tăng lên. Xem như sau khi đồng đôla trụt xuống 40% thì giá nguyên liệu tăng lên 66%. Như vậy là có lợi. Các công nghiệp, nông nghiệp làm việc lại, thợ thuyền có chỗ làm, tiền công nhật cao, sức tiêu phí của quần chúng tăng lên, công nghiệp và thương nghiệp nhờ đó mà phát đạt. Còn đối với nước ngoài hàng hóa xuất cảng theo đồng đôla (đã sụt giá) thế nào cũng rẻ hơn hàng hóa xuất cảng ở các nước còn giữ kim bản vị. Chính sách của Mỹ thực hành rất có hại cho các nước có kim bản vị là thế.

Đồng phậtlăng [1] vẫn được giữ vững, vì hiện tại Nhà băng Pháp có gần trên 80 ngàn triệu phậtlăng vàng (theo báo *Le Temps: Thời gian)*. Cho nên nước Pháp không việc gì mà bỏ kim bản vị. Nhưng bây giờ Mỹ và Anh [2] dùng chính sách phá giá tiền tệ thì nước Pháp biết liệu làm sao?

Thiệt câu chuyện kinh tế thế giới đã rối, mà đến riêng câu chuyện tiền tệ trong kinh tế thế giới lại rối bòng bong.

Ngày xưa con cháu ông Nôê xây tháp không thấu trời cũng chỉ vì tiếng líu lo. Ngày nay Hội nghị kinh tế thế giới không có kết quả gì cũng bởi cái cảnh "ông nói gà, bà nói vịt".

Tháp Baben không thành là vì trời khiến thế!

Hội nghị kinh tế thế giới không thành là vì cải cách sinh sản của nền kinh tế ngày nay bảo thế.

Con cháu ông Nôê không hiểu nhau sinh ra choảng nhau.

Các nước không hiểu nhau có choảng nhau chăng? Chờ xem...

Báo *Đông phương*, số 868,
ngày 26-7-1933.

---

1. Phậtlăng: Phiên theo âm Hán - Việt, từ chữ Pháp: "franc" (phơrăng).
2. Đồng tiền Anh sụt giá 30% (chú thích của tác giả).

CUỘC LIÊN MINH CHỐNG NGA XÔ VIẾT

Hítle lên cầm quyền rồi, phải làm một việc gì cho thật lớn lao để lấy ảnh hưởng, đốt pháo rồi, đốt nghị viện rồi, đốt sách rồi, bắn giết, bắt các đảng viên Cộng sản, Xã hội, Quốc gia, Thiên chúa rồi, bây giờ phải nghĩ làm một cái chi là lạ về mặt ngoại giao để mê hoặc quần chúng. Chỉ có hai việc: một là khởi chiến tranh với Pháp để xóa hòa ước Vécxay, hai là khởi chiến tranh với Nga Xô viết để triệt chủ nghĩa cộng sản và lấy đất Nga làm thuộc địa. Muốn chống với Pháp và các nước Tây Âu tất phải liên với Nga, điều ấy đối với Hítle thì cực phi lý, vì nước Đức Hítle không thể nào đi đôi với Nga cộng sản. Chỉ còn cách dưới là: dựa vào thế lực một vài liệt cường ở Tây Âu mà xâm lược Liên bang Xô viết. Cuộc chiến tranh phạt cộng này Hítle cho là cuộc chiến tranh thần thánh hồi xưa, nên lấy làm hy vọng lắm.

Nước Đức sau Âu chiến là nước thân thiện với Nga Xô viết hơn ai cả. Trong khi Đức đương tả xung hữu đột với các nước đồng minh thì Chính phủ Nga chịu ký hòa ước với Đức tại Bờrétlitốp, năm 1918. Lại qua năm 1922, hai nước cùng nhau ký Điều ước thân thiện tại Rapalô. Rồi đến năm 1926, hai nước lại ký Điều ước bất tương phạm ở Béclanh. Về mặt chính trị, hai nước đã thân mật như thế, tất về mặt kinh tế giao thiệp lại càng thân mật hơn. Sau khi Thương ước Đức – Nga ký năm 1925 rồi, thì một phần lớn máy móc của Nga dùng, Nga đều mua của Đức. Trái lại, Đức mua rất nhiều sản vật nông nghiệp cho Nga.

Một cái công trình ngoại giao như thế, mà bây giờ Hítle lên cầm quyền tính xô đổ sạch. Hãy nghe đoạn trong sách nhan đề là Mein *Kampf* [1] của hắn: "Nếu muốn có đất ở châu Âu, chỉ có thể lấy vào đất Nga. Nhưng thế thì nước Đức sẽ trở lại con đường mà các kỵ sĩ Nhật Nhĩ Man ngày xưa đã vạch ra, và chỉ cái mũi giáo Đức kiếm đất ruộng cày cho Đức cày, và cho bánh hằng ngày cho dân Đức". [2]

Nhưng mà một cái chính sách như thế, ở châu Âu chỉ có được nước đồng minh là nước Anh.

---

1. Mein Kampf, tiếng Đức, có nghĩa là *Cuộc chiến đấu của tôi*, sách viết năm 1924 – 1925.

2. Nhật Nhĩ Man: Một dân tộc ở châu Âu trong thời đại La Mã chiếm một phần lớn châu Âu, hiện các nước Đức, Anh, Mỹ là hậu duệ của dân tộc ấy. Bởi vậy, thường gọi dân tộc nước Đức là Nhật Nhĩ Man.

Chỉ có nước Anh là nước có thể chen lưng đấu cật để bắt đầu lên con đường tấn công của Nhật Nhĩ Man.

Đó là về mặt lý luận, nếu mặt thực hành kế hoạch xâm lược thì Hítle giao cho Rôdănbe là ngoại giao ủy viên của Đảng Quốc gia xã hội trù tính. Rôdănbe trù chiếm lấy miếng đất giàu nhất của Nga là miếng Uycơren để bù thiệt hại cho đồng minh và nước Ba Lan sẽ trả xứ Pômêrani và toàn xứ Xilêdi cho Đức.

Chính sách đương trù tính thì đại biểu Đức là Huygăngbe tại hội nghị kinh tế thế giới, hấp tấp đem ra tuyên bố xin liệt cường xâm chiếm nước Nga! Thế giới chưng hửng. Hítle thấy Huygăngbe tuyên bố sớm quá không chịu nhận là ý của Chính phủ Đức, nhưng kỳ thật cái chương trình xâm lược đất Nga vẫn trước sau không thay đổi.

Người bạn đồng minh của Đức trên con đường tấn công Liên bang Xô viết là đế quốc Anh. Vì sao Anh chống với Nga dữ thế, chẳng qua quyền lợi của Anh đi đâu cũng chạm phải quyền lợi của Nga cả. hồi Cách mạng Tháng Mười năm 1917, Anh muốn chiếm thị trường của Pháp ở Nga, nên đứng trước nhất ra lập thương ước với Liên bang Xô viết (1921). Rồi thừa nhận trước nhất Chính phủ vô sản (1–2–1924). Đó cũng chỉ là cách mưu lợi của tâm lý con buôn. Nhưng đến sau khi thấy phong trào tẩy chay hàng hóa Anh ở Tàu, phong trào quốc gia ở Ấn Độ, cuộc tổng bãi công thợ mỏ ở Anh, các nước Ba Tư, A Phú Hãn, Thổ Nhĩ Kỳ bỏ Anh mà theo Nga, dầu hỏa của Nga tràn khắp thế giới và tranh hơn dầu Anh, Anh thấy quyền lợi và thế lực mình càng ngày càng sụt xuống, nên nhất định đối phó với Nga. Năm 1927, Anh – Nga tuyệt giao và sắp sửa đánh nhau. Đến tháng 4–1930 lại lập thương ước lại, nhưng đến tháng 10 –1930 lại xóa bỏ đi, hai bên trở lại tuyệt giao kinh tế lần nữa, trên con đường chống với Nga, nước Anh đã tìm được một người bạn "đồng chí" là nước Đức Hítle vậy.

Trên các chiến tuyến đánh Nga, Anh và Đức lại còn có được một viên tướng... ở Á Đông giúp sức là nước Nhật vậy. Không đợi nói nhiều quyền lợi của Nhật và Nga ở Mãn Châu và một phần lớn của Bắc Bộ nước Tàu đương xung đột nhau kịch liệt, Nhật chỉ thừa một cơ hội mà liên hợp với Đức, Anh để triệt Nga. Hiện tại phái bộ Nhật đương ở Đức, được đồ đệ Hítle ưu đãi trọng hậu lắm. Dụng tâm của phái bộ ấy là bí mật kết ước chống Nga vậy.

Trận thế đã bày ra đó, ai có tâm ý với thời cuộc nên biết.

Báo *Đông phương*, số 875,
ngày 26–8–1933.

AI ĐỐT NGHỊ VIỆN ĐỨC?

Tình hình nước Đức cuối năm 1922 hỗn độn quá. Các đảng phái như Quốc gia xã hội, Dân chủ, Cộng sản, Gia tô, Quốc gia,... tranh nhau rất kịch liệt. Mấy cuộc tuyển cử tiếp theo hồi ấy, Đảng Cộng sản Đức cứ thắng số mãi. Trái lại, đảng Xã hội – dân chủ và Đảng Quốc gia xã hội trút bớt ghế đi. Dư luận của phái tài phiệt, tư bản, công nghệ, địa chủ, phong kiến, xôn xao sợ hãi, tin chắc sẽ có một cuộc cách mạng xã hội làm cho Đảng Cộng sản Đức sẽ hoàn toàn thắng thế. Muốn cứu vãn cái tình thế nguy ngập cho mình, Đảng Quốc gia do Huygăngbe làm lãnh tụ, đại biểu cho phái công nghiệp nặng; Vôn Papen, đại biểu cho địa chủ và phong kiến, cùng nhau tới cầu cứu Hítle, lãnh tụ của Đảng Quốc gia xã hội, đại biểu cho phái tài phiệt và tư bản ngoại quốc. Bỏ thù oán xưa mà bắt tay thân thiện, ba chú này lập lên một Chính phủ đồng minh, Hítle làm Thủ tướng, Vôn Papen làm Phó Thủ tướng, Huygăngbe làm Bộ trưởng Bộ Kinh tế.

Cuối năm 1932, Hítle vốn biết thế lực mình yếu dần, nên phải tạm dựa vào thế lực của Huygăngbe và Vôn Papen. Nhưng bao giờ hắn cũng có cái não độc tài muốn chiếm riêng thế lực cho mình thôi. Hắn bèn nghĩ một cái mưu gì để triệt hại các thế lực rất lớn ở Đức là Đảng Cộng sản và đảng Xã hội – dân chủ. Hai đảng này mà tiêu trầm, tất những đảng như Quốc gia, Gia tô, v.v... không thể nào đối địch nổi với Đảng Quốc gia – xã hội của hắn.

Đảng Cộng sản Đức 16 năm nay vẫn nằm trong vòng hợp pháp, Chính phủ nào cũng để cho ở trong Nghị trường, họ biết đảng ấy chưa làm chi nổi, vì còn chống chọi với vô số thế lực như cảnh sát, quân đội, các công đoàn, Đảng Xã hội – dân chủ, các đảng tư bản, các hội vị quốc cảnh binh của Hítle, đội quân nón sắt. Như thế thì Đảng Cộng sản chưa có hy vọng gì nắm chính quyền cả. Thế mà Chính phủ Hítle và Vôn Papen trở lại đi thủ tiêu đảng ấy.

Muốn kiếm cớ để giải tán, bọn Hítle cho viên cảnh sát trưởng thành Béclanh là tên Ménse đến khám xét nhà Liépnét là cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Đức. Nhưng không kiếm được một tài liệu gì, vì Đảng Cộng sản Đức biết trước, nên đã đổi nhà đi rồi. Viên cảnh sát Ménse làm việc không xong nên một viên khác tên Lơvêđốp người của đảng Hítle tới thay chân.

Bỗng nhiên ngày 28–2–1933 nhà Nghị viện Đức bị đốt cháy. Hítle tới đó nói như viên sứ nhà trời sai xuống: "Đây là một cái điềm của trời, ta sẽ giết bọn chó má ấy bằng một bàn tay sắt, bọn cộng sản nghĩ bậy mà làm sự ác hại này". Thế là cảnh sát chưa điều tra vụ này, mà Hítle đã vu cáo ngay cho Đảng Cộng sản.

Đến xét trong Nghị viện bị cháy, tìm ra đến sáu mươi hay bảy mươi chỗ châm lửa, đã biết rằng không phải là công chuyện một người làm nổi, mà chính là một số người rất đông. Số người ấy vào Nghị trường do Gơrin tay chân của Hítle, làm Chủ tịch, thế mà Gơrin không biết, điều ấy thật đáng nghi lắm.

Sau khi bắt được một tên thủ phạm là Vănđe Lúp mang một cái giấy đảng viên cộng sản Hà Lan; xét ra thì tên này đã bị Đảng Cộng sản Hà Lan khai trừ từ hai ba năm nay rồi, về tội phản trắc; vả lại giấy tờ thông hành của Vănđe Lúp, do Chính phủ Hà Lan cấp cho, mà lại có bao giờ đốt đến nỗi viết lầm qua một vài chữ Đức!

Xét kỹ ra, Vănđe Lúp chỉ là tay sai của Hítle chịu vỗ ngực ra thọ tội, để Hítle lấy cớ mà kết án Đảng Cộng sản và đảng Xã hội – dân chủ.

Lại còn một chứng này nữa đủ rõ cái mưu quỷ quyệt của đảng Quốc gia xã hội. Sau khi lính vào đuổi bắt mấy tên thủ phạm thì một bọn chừng 10 đứa đâm chạy vào hầm lò sưởi đi qua phòng ông Chủ tịch Gơrin. Trong khi ấy, lính của Hítle vẫn bao bọc Nghị viện mà không cho ai vào cả.

Việc này xảy ra, Hítle không những bắt tù tội các đảng viên có danh tiếng của Đảng Cộng sản Đức mà thôi, lại bắt luôn cả các đảng viên của đảng Xã hội – dân chủ nữa. Từ đó hai đảng này phải thủ tiêu luôn. Đảng Hítle mặc sức mà tung hoành. Các đảng như Quốc gia, Gia tô, v.v... phải khoanh tay xếp vó.

Đến tháng 9 này đây, đảng Hítle định đem vụ đốt cháy Nghị viện ra xử tại tòa Thượng thẩm Lépdi. Thế giới sẽ được xem mặt cuộc gian trá và vu cáo "một trăm phần trăm" [1] của một đảng rất tàn bạo trong thế kỷ XX là đảng chữ "vạn" vậy.

Báo *Đông phương*, số 884,
ngày 27–9–1933.

---

1. Bọn Hítle thường hay dùng con số ấy (chú thích của tác giả).

CÁI VÒNG LUẨN QUẨN CỦA KINH TẾ NƯỚC MỸ BÂY GIỜ

Trước năm 1928, các nước trên thế giới đều quay nhìn qua nước Mỹ, tưởng chừng bên ấy là đất cực lạc. Dầu đâu đâu cũng có vết chân của anh thần khủng hoảng, chớ ở xứ sở của bác Sam thì thần khủng hoảng làm chi mà bước cẳng tới được. Có ngờ đâu đến tháng 10 –1929, sau khi nhà hối đoái Nữu Ước đổ, thế rồi liên tiếp nhau các Nhà băng đua nhau mà phá sản như mang phải bệnh dịch. Có báo tính mỗi tuần trung bình 15 cái Nhà băng đổ, từ năm 1929 đến năm 1932 chừng 4.600 cái đóng cửa.

Ai cũng biết rằng nền kinh tế ngày nay là do Nhà băng nắm, Nhà băng mà đổ thời bao nhiêu công nghiệp, thương nghiệp đều đình đốn hoặc phá sản. Thợ thuyền phải thải ra, số thất nghiệp lại tăng lên gấp bội. Hiện tại ở Mỹ có đến 15 triệu người nghèo đói.

Trước năm 1929, bên Mỹ họ cứ tin chắc rằng không có khủng hoảng nên đâm ra tranh nhau để sinh sản. Sinh sản nhiều quá, tiêu thụ không hết, vật hóa đọng lại và sụt giá đến 40%. Nhà tư bản chỉ còn có cách là đóng cửa xưởng lại. Nhưng khốn một nỗi hóa vật buôn bán chạy là nhờ cái sức tiêu thụ của quảng đại quần chúng. Nay cửa xưởng bị đóng, thợ bị thải hồi thì có tiền bạc đâu mà mua hóa vật cho nhà tư bản. Sức tiêu thụ của quần chúng càng sụt xuống, hóa vật lại càng ứ lại. Khủng hoảng càng khủng hoảng thêm. Đó là cái vòng luẩn quẩn mà nền kinh tế của đế quốc Hoa Kỳ cứ lúng túng ở trong, không biết cách thế nào mà tháo ra cho nổi.

Nền kinh tế Mỹ sở dĩ khủng hoảng quá như thế là vì nó là một nền kinh tế không có chỉ huy, không có tổ chức.

Muốn cứu cái tình cảnh ấy, Tổng thống Mỹ Rôdơven định lập một cái chương trình kinh tế mới. Lại lập ra một cái Hội gọi là "Ban trị sự chấn hưng kinh tế quốc gia" để thi hành chương trình ấy.

Cái mục đích của Tổng thống Mỹ là cố xây dựng sức tiêu thụ của quần chúng. Muốn thế nên Ban trị sự đã hội họp các nhà tư bản, địa chủ để ký những bản luật về công nghiệp. Các đại biểu tư bản, thợ thuyền và Chính phủ hội lại để giải hòa những xung đột. Các chủ xưởng sẽ rút bớt thời giờ làm việc xuống chừng 40 giờ một tuần thôi. Như thế tất nhà tư bản phải cần thợ thêm, số thợ thất nghiệp sẽ tụt xuống. Tăng thêm tiền lương về hạng thấp nhất cho đủ sức mua dùng

ngang với năm 1929. Hạn chế sự sinh sản quá thặng, diệt trừ sự dùng trẻ con làm việc.

Chương trình xem qua giống như có phần thiệt thòi cho nhà tư bản, nhưng xét thật ra, gây dựng sức mua dùng cho quần chúng, tất hàng hóa mau tiêu thụ, giá hóa vật nhờ thế mà tăng lên, nền kinh tế được bình phục lại, nhà tư bản sẽ thâu được lời thêm. Đó là về mặt lý luận, nghe cũng êm tai lắm, nhưng nói đến chuyện thực hành thì không phải là dễ.

Về mặt thợ thuyền thì họ nói rằng: bớt giờ làm cũng tốt, thêm thợ lại càng tốt. Nhưng bớt giờ làm mà đừng có bớt lương. Chớ bớt lương để thâu thợ thêm thì chẳng khác nào người thợ mới vào đó chỉ chia lương của họ mà ăn. Họ không chịu thế.

Về mặt nhà tư bản thì họ cho Chính phủ Rôdơven làm như vậy là để sắp đặt con đường quốc gia hóa các công nghiệp trong nước, lập ra luật công nghiệp là Chính phủ cố ý đặt tay vào công việc riêng của họ. Họ không chịu.

Trong phái tư bản phản đối lại chương trình kinh tế của Chính phủ, có ông vua ô tô Pho đứng đầu. Ông ấy nói rằng: luật công nghiệp đặt ra để cho thợ thuyền được nhàn rỗi và lương được cao thêm, thế thì hiện nay ở công xưởng ấy, thợ thuyền đều được như thế rồi, ông không cần phải tán thành điều luật ấy nữa. Đó chẳng qua là cái câu chuyện bề ngoài, chớ kỳ thật ông Pho không muốn để cho Chính phủ kiểm soát công nghiệp của mình.

Chính phủ định cương quyết đối phó lại, nên định tẩy chay ông, và nếu ông chậm ký bản luật kia thì mỗi ngày phải bị phạt 500 đôla.

Ông Pho vẫn thản nhiên mà trả lời: "Nếu làm cho tôi sập thì hiện 6 vạn thợ của tôi sẽ thất nghiệp, chưa kể hàng ngàn người buôn to buôn nhỏ cũng thất nghiệp theo. Các anh muốn rút bớt số thất nghiệp xuống, kỳ thật nó sẽ tăng lên". Ông Pho lại còn lập ra một cái luật riêng của ông bề ngoài có vẻ rộng rãi hơn, cho thợ được chia một phần lời. Nhưng thủ đoạn ấy là cố phá cái luật của Chính phủ đó thôi.

Dư luận thế giới đều chú ý xem cuộc chống chọi giữa Chính phủ Mỹ và phái ông Pho. Nếu Chính phủ trị không nổi thì chương trình kinh tế của Chính phủ mất hết thanh thế. Nhưng nói trị cho được những tay tư bản "kếch sù" như vua ôtô, không phải là một chuyện dễ.

Kinh tế Mỹ rồi cũng chỉ chạy quanh trong cái vòng luẩn quẩn mà không biết đâm đầu vào đâu?

Báo *Đông phương*, số 893,
ngày 1-11-1933.

ỦNG HỘ BÌNH DÂN TÂY BAN NHA

Cả thế giới đều nóng ruột: bản đồ Tây Ban Nha bị quân phát xít mọi rợ nhuộm đầy máu đỏ. Bình dân Tây Ban Nha quyết liệt đổ giọt máu cuối cùng để giữ gìn văn minh cho thế giới. Quần chúng khắp năm châu đều ủng hộ cho Chính phủ bình dân Tây Ban Nha để đả đảo bọn dã man phát xít quốc tế.

*

Từ năm 1930 trở lại đây, mỗi trang lịch sử của Tây Ban Nha là viết bằng máu. Cái lỗi ấy tại đâu?

Ba vạn năm ngàn người đã phơi thây trên chiến địa, mười vạn con người đã bị những viên đạn "đồng bào" làm cho gãy tay, cụt chân, xám mặt, mất tai; cái thảm họa ấy là tại ai?

Ấy là do bọn phát xít dã man, là do tụi quân phiệt tàn bạo.

Mấy trăm triệu công nông ở Đức, ở Ý, ở Tàu bị dày xéo dưới gót sắt của những bọn quân phiệt và độc tài như Tưởng Giới Thạch, Mútxôlini, Hítle. Bây giờ lại đến phiên quần chúng Tây Ban Nha bị nhận chìm vào bể máu đào bởi tên giết người Phờrăngcô, và thủ hạ.

Chính phủ Bình dân Tây Ban Nha là một Chính phủ hợp pháp, do đại đa số quốc dân tín nhiệm, mà bầu cử lên. Như thế mà ngày nay có bọn đứng ra đánh đổ Chính phủ ấy tất là mưu đồ cướp đoạt quyền lợi của quốc dân vậy. Vì thế cho nên quần chúng Tây Ban Nha quyết hy sinh cho đến kỳ cùng để ghìm giữ cái nền móng chính trị và xã hội của họ, đã tốn biết bao nhiêu tâm huyết mới gây dựng lên nổi.

Bọn Phờrăngcô, Môla là bọn nào? Chúng không phải hạng người xuất thân trong quần chúng, chúng cũng không phải là đại biểu cho quyền lợi của công nông. Chúng chỉ là những tên quân phiệt tôi tớ trung thành của phế đế Anphôngsơ XIII, và viên độc tài đã quá cố Pơrimô đờ Rivera. Ngày nay, Phờrăngcô, Môla chỉ là những tay sai của bọn đại tư bản trong nước và ngoại quốc, quyết dùng chính sách vũ lực mà đàn áp, mà chém giết quần chúng để thực hành cái chính thể tàn bạo như ở Ý, ở Đức vậy thôi.

Trước làn sóng giác ngộ của bình dân mỗi ngày một dồn dập tới, bọn đại tư bản, đại địa chủ đã lần lần thấy cái giờ chết của mình sắp

tới nơi rồi. Muốn đối phó lại, chúng chỉ có một phương sách thôi: chém giết, chém giết thả cửa, chém giết không gớm tay những hạng người mà ngày thường chúng ra bộ đạo mạo gọi là "đồng bào" là "cùng nòi giống".

Xưa nay họ vẫn cả hơi lớn tiếng kêu gào nghĩa ái quốc ái quần, ngày nay họ đã tự cắt đất nhường cho ngoại quốc như Ý như Đức để tiện việc mượn binh khí.

Xưa nay họ thường tuyên bố nghĩa độc lập quốc gia, bất xâm phạm quốc giới, ngày nay họ đã kéo binh ở nước ngoài vào để xâm chiếm nước nhà.

Trên con đường đấu tranh giai cấp chúng ta thấy rõ rằng bọn đại tư bản, đại địa chủ đã bỏ cái nghĩa quốc gia trước và đã bày ra cái mặt phản phúc rõ ràng.

Bọn phát xít quốc tế ở Ý ở Đức và ở tất cả các nước khác đều liên hiệp nhau để hô hào sự tàn sát công nông Tây Ban Nha, chúng lại ra mặt gửi quân bị, khí giới, tàu bay, tàu ngầm, trái phá, qua giúp sức Phờrăngcô, Môla để hoàn thành cái công cuộc tàn bạo của chúng nó. Trước cái hiểm trạng ấy, quần chúng Tây Ban Nha, tả xung hữu đột, quyết đối địch với bọn ngoại quốc dã man, quyết diệt trừ bọn phản quốc khốn nạn. Lá cờ đỏ thắm máu bình dân phấp phới trên các mặt trận Guadalajara, Ôviêđô, Huétxca v.v... là đại biểu cho cái tinh thần hy sinh vô cùng oanh liệt của quần chúng thợ thuyền và dân cày quyết gìn giữ lấy giang sơn Tổ quốc.

Trên con đường đấu tranh này, bình dân Tây Ban Nha đã có một bài học rất tốt là ở cuộc chiến tranh giải phóng của Nga khi mới lập quốc (1919 - 1922). Bọn cựu tướng sĩ Nga hoàng như Đênikin, Kônchắc Vrăngen, v.v... đã dựa vào đế quốc Anh, Nhật, Mỹ... kéo vào xâm chiếm gần tận Mốtxcu. Nhưng nhờ cái chí quả quyết hy sinh của công, nông, binh ở Nga thật mạnh mẽ quá, nên không bao lâu đã đuổi tiệt quân thù cả trong lẫn ngoài; vẻ vang thay!

Bình dân Tây Ban Nha ngày nay quyết noi theo con đường ấy.

Vô sản, nông dân và các bạn trí thức nghèo trên thế giới đều hồi hộp nhìn cuộc đấu tranh oanh liệt của công nông Tây Ban Nha. Họ nhận thấy rằng, nếu không may mà Chính phủ bình dân ở Tây Ban Nha bị đánh đổ đi, tất là tăng gia cái thế lực của bọn phát xít quốc tế gấp bội lần. Bọn phát xít mỗi nước mặc sức mà bóc lột, mà đè nén,

mà chém giết họ. Vì thế cho nên quần chúng thế giới nhất là ở Pháp, ở Nga không thể điềm nhiên tọa thị [1] được, họ đứng lên hăng hái ủng hộ anh em bình dân Tây Ban Nha. Họ ủng hộ bằng tiền bạc, bằng khí giới, bằng sinh mạng, bằng tinh thần. Họ quyết thề tham gia vào trận đánh cuối cùng này, để tỏ cho bọn quân phiệt phát xít biết cái lực lượng quốc tế của công nông không phải là nhỏ. Họ giúp cho anh em Tây ban Nha, chính là họ giúp cho họ đấy, chính là để ủng hộ cho nền hòa bình của thế giới. Vì phát xít thắng lợi tất là thế giới chiến tranh nổi lên. Họ giúp cho Tây Ban Nha tất là gián tiếp bênh vực cho Chính phủ bình dân Pháp và cho Liên bang Xô viết, Tổ quốc của thợ thuyền dân cày trên thế giới. Họ giúp Tây Ban Nha tất là bênh vực cho cái nền móng văn hóa của nhân loại khỏi bị cái gót sắt của quân dã man đạp đổ. Vì phát xít thắng lợi tất là khởi điểm cho những hành động cực kỳ quái ác như đốt sách báo, đốt nghị viện, tù tội, chém giết anh tài, v.v...

Duhô, Bí thư trưởng của Tổng Công hội Pháp, tuyên bố câu này rất chí lý: "Trước cái tình trạng của Tây Ban Nha ngày nay, thợ thuyền Pháp không thể nói là trung lập được. Cái khẩu hiệu cũ kỹ bất can thiệp đã thiệt thòi cho chúng ta lắm rồi. Mà nó còn thiệt thòi cho chúng ta hơn nữa... Những chính sách của Hítle, những chiến tranh của Mútxôlini và cuộc khởi loạn của Phờrăngcô ngày nay đều có dính dáng với nhau cả, và có thể nói rằng, bọn quân phiệt phát xít Tây Ban Nha đã do quân phát xít Ý và Quốc gia xã hội Đức hiệp nhau giúp sức một cách rõ mặt... Trong Điều ước của Hội Quốc liên có điều thứ 10 không cho gây ra tôn giáo chiến tranh, nhưng vẫn không buộc các nước dân chủ ngồi yên mà nhìn mấy nước bạo ngược chung sức nhau để giết nền Cộng hòa của nước khác...

Họ phải liên hiệp với nhau để bênh vực cái chính thể của họ và không cho phát triển chính sách độc tài... Khi nào mà công lý xã hội thực hành được, ấy là ngày thế giới mới thấy sự hòa bình vậy".

Hồn trẻ, tập mới, số 12,
ngày 27-8-1936.

1. Tọa thị: Ngồi mà xem.

PHẦN THỨ BA

TRƯỜNG CHINH
(1907 - 1988)

Trường Chinh tên thật là Đặng Xuân Khu, sinh ngày 9 –2–1907, tại làng Hành Thiện, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Năm 1925, Trường Chinh tham gia cuộc vận động đòi đế quốc Pháp trả tự do cho nhà yêu nước Phan Bội Châu; năm 1926, là một trong những người lãnh đạo cuộc bãi khóa của học sinh trường Trung học Nam Định và phong trào truy điệu nhà yêu nước Phan Chu Trinh.

Năm 1927, Trường Chinh gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Tháng 6–1929, Trường Chinh vào Đảng Cộng sản Đông Dương, viết báo *Búa liềm* và tạp chí *Công hội đỏ* – là những báo chí của Đảng phát hành bí mật hồi bấy giờ. Năm 1930, Trường Chinh là Ủy viên Ban Tuyên truyền cổ động của Trung ương.

Tháng 11–1930, Trường Chinh bị đế quốc Pháp bắt, bị kết án 12 năm cấm cố và bị bắt giam ở các nhà tù Hà Nội, Sơn La. Tháng 10–1936, Trường Chinh được ra tù, nhưng đế quốc Pháp đưa về quê quản thúc; hai tháng sau Trường Chinh lại tiếp tục hoạt động hợp pháp trong phong trào Mặt trận Dân chủ. Tháng 5–1938, Trường Chinh tham gia Xứ ủy Bắc Kỳ.

Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Trường Chinh thường nhân danh đại diện của những người cộng sản trong các cuộc mít tinh và biểu tình quần chúng, quan hệ với Chi nhánh Đảng Xã hội Pháp (SFIO) miền Bắc Đông Dương, v.v...; làm Giám đốc chính trị các tờ báo công khai của Xứ ủy Bắc Kỳ, viết nhiều bài văn nghị luận cho các báo chí cách mạng: *Tin tức, Notre voix (Tiếng nói của chúng ta), Đời nay, Ngày mới,* trực tiếp chỉ đạo *Tập sách Dân chúng* xuất bản những sách phổ thông về lý luận Mác – Lênin, sáng lập và chỉ đạo hoạt động của Hội Truyền bá chữ quốc ngữ.

Khi chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu, thực hiện Nghị quyết của Đảng, Trường Chinh chuyển vào hoạt động bí mật. Từ cuối năm

1930, địch ra sức khủng bố Đảng ta, nhiều Ủy viên Trung ương rơi vào tay địch, kể cả Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Tháng 10 -1940, Hội nghị Trung ương được triệu tập và cử Trường Chinhvào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 5 -1941, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Trường Chinh được cử làm Tổng Bí thư Trung ương Đảng.

Tháng 5–1943, đế quốc Pháp lập Tòa án binh xử tử hình vắng mặt Trường Chinh. Không khí cách mạng chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang sục sôi ở khắp nơi. Tháng 8 -1945, Trường Chinh được phân công phụ trách Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

Trong thời kỳ hoạt động bí mật (1939 – 1945), Trường Chinh là người sáng lập và trực tiếp chỉ đạo báo *Cờ giải phóng, Tạp chí Cộng sản,* viết nhiều bài xã luận và bình luận chính trị với một văn phong trong sáng, lập luận chặt chẽ, giàu hình tượng, có tác dụng hướng dẫn kịp thời phong trào cách mạng. Năm 1943, Trường Chinh viết *Dự thảo Đề cương văn hóa Việt Nam.* Trường Chinh còn là một nhà thơ, nhiều bài thơ ký bút danh Sóng Hồng được quần chúng cách mạng ưa thích. Những bút danh đã dùng là: Qua Ninh, Q.N., Trường Chinh, T.C., Sóng Hồng, Tân Trào, C.T., C.G.P.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Trường Chinh phụ trách công tác tuyên huấn của Đảng trong nhiều năm, thường xuyên viết bài đăng trên báo chí và có nhiều công trình nghiên cứu in thành sách. Tháng 2–1951, tại Đại hội thứ hai của Đảng, Trường Chinh được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị và Tổng bí thư. Tháng 5–1960, Trường Chinh giữ chức Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ năm 1986 đến 1987, Trường Chinh là Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Tổng Bí thư BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam – giai đoạn đầu tiên của thời kỳ đổi mới.

Đồng chí mất ngày 30–9–1988.

Những tác phẩm xuất bản trước năm 1945:

– *Vấn đề dân cày (viết cùng với Võ Nguyên Giáp).*

– *Một dự án cải cách thuế thân (viết cùng với Khuất Duy Tiến).*

– *Chính sách mới của Đảng.*

– *Chiến tranh Thái Bình Dương và cách mạng giải phóng dân tộc Đông Dương.*

NHỚ BẠN

Trăng kia ơi,
Xuống đây chơi,
Lơ lửng làm chi ở giữa trời?
Gió lùa đèn tắt,
Bụi bám gương soi;
Trăng xuống làm gương em chải tóc,
Làm đèn anh học suốt canh dài.
Hoa kia ơi,
Lại đây chơi,
Lẻ loi vườn rộng biết cùng ai?
Lò hương lạnh lẽo,
Tấc dạ bồi hồi;
Hoa đến cho ta còn nói chuyện,
Cùng ta sánh mặt mỉm môi cười.

Chim kia ơi,
Xuống đây chơi,
Đêm khuya xao xác bay xa vời.
Bạn bè xa cách,
Đôi ngả đôi nơi;
Chim xuống cho ta còn mượn cánh,
Để ta bay khắp bốn phương trời.

Nam Định, mùa xuân 1927

Thơ của *Sóng Hồng*. Nxb,
Văn học, Hà Nội, 1967.

*

* *

TIN TƯỞNG

Quản chi nếm mật với nằm gai,
Trời biển mênh mông vẫn đợi người.
Chí lớn nấu nung trong ngục tối,
Sẽ đem thi thố một ngày mai.

Gian khổ trau dồi bao trái tim,
Trau dồi bao khối óc thanh niên!
Gang kia đã luyện nên thành thép,
Thép có tôi rồi mới rắn thêm.

Ngọn cờ chiến thắng khắp năm châu,
Cách mạng Tháng Mười đã phất cao.
Quỷ trắng hung hăng chừng mấy nả,
Hãy xem cuộc thế chuyển vần mau.

Bình minh hửng sáng ở phương Đông,
Xé toạc màn sương phủ cánh đồng.
Đêm sẽ qua đi ngày sẽ lại,
Trời quang mây tạnh ánh dương hồng.

Con thuyền cách mạng lướt phong ba,
Lớp lớp trùng dương quyết vượt qua.
Bởi có địa bàn tay vững lái, [1]
Qua cơn bão táp tiến càng xa.

Hỏa Lò, Hà Nội, 1931

*
* *

ĐI XE NƯỚC [2]

Ngày ngày xe nước được rong chơi,
Mỏi cánh chồn chân, ta vẫn vui.
Việc nước nặng nề ai gánh vác?
Đầy vơi trách nhiệm ở hai người.

Nhà tù Sơn La, 1935

*
* *

1. Có chủ nghĩa Mác – Lênin và có Đảng (chú thích của tác giả).
2. Anh em tù chính trị Sơn La thay phiên nhau, cứ hai người một, đánh xe bò đi lấy nước suối về dùng. (Chú thích của tác giả).

LẤY CỦI [1]

Rủ nhau lấy củi sườn non,
Chim kêu vượn hót bồn chồn ruột gan.
Đồng bào đau xót lầm than,
Mà ai nắng xế, sương tan qua ngày!
Đốt cho tiêu kiếp tù đày,
Cho bừng lửa hận, biết tay anh hùng.
Có về không, có về không?
Bước mau, mau bước non sông đợi chờ.

Nhà tù Sơn La, 1935

*
* *

ĐI

Tặng vợ tôi

Nhớ buổi cùng nhau vui ước mơ,
Trăng tròn đang độ, nhụy đang tơ.
Yêu nhau ta hẹn cùng yêu nước,
Xao xuyến lòng anh bao ý thơ!

Rung rinh cây lá đượm hương tình,
Ríu rít chim ca rộn trước mành.
Muốn bắt quang âm ngừng lại chút,
Cho thêm nồng thắm những ngày xanh.

Lòng ta man mác, gió hây hây,
Câu chuyện tâm tình lẫn nước mây.
Em biết đời anh say Lý tưởng,
Em mừng nhưng sợ cánh chim bay.

Rồi một chiều thu anh ra đi,
Chưa vui sum họp sầu chia ly.

---

1. Anh em tù chính trị Sơn La hàng ngày vào rừng lấy củi về đun. (Chú thích của tác giả).

Tiễn anh, em đứng trong khung cửa,
Giọt lệ như ngừng đọng dưới mi.

Trên đường nghĩa vụ chí lâng lâng,
Quyết vẹn lời thề với núi sông.
Biết hẹn làm sao ngày trở lại?
Thù nhà nợ nước trả chưa xong.

Nhưng một ngày kia khắp hải hồ,
Em nghe súng nổ lẫn reo hò.
Trông ra cờ đỏ bay phơi phới,
Em đón anh về với Tự do.

Thái Bình, mùa đông năm 1939

*

* *

TẠM BIỆT

Tặng em H. [1]

Em sắp sửa cùng hai anh tạm biệt,
Lúc chông gai tràn ngập ở ngang đường.
Vượt lên trên tất cả góc gai vương,
Anh ngoảnh lại bắt tay em lặng lẽ.
Em cảm động nhìn anh qua mắt lệ,
Vẻ ngây thơ thoảng lộ nét phong trần.
Lúc gian nan em chẳng nỡ dời chân,
Lòng những muốn cùng hai anh san sẻ.
Những phong vị chua cay đời chiến sĩ.
Nhưng em ơi, đường phấn đấu còn dài,
Vội chi em, với cái tuổi mười hai,

---

1. Em H. là con một gia đình cách mạng. Mẹ em chết từ lúc em còn bé. Năm 1941, khi đi "thoát ly" để hoạt động cách mạng, cha em đã trao các con cho Đảng, nhờ Đảng giáo dục cho thành những người cộng sản. Em H. đã đến cơ quan bí mật của Đảng một thời gian. Nhưng lúc đó phát xít Pháp - Nhật khủng bố gắt gao, cơ quan phải di chuyển luôn. Các đồng chí ta phải gửi em ở một gia đình địa phương. Trước khi em lên đường, tác giả làm bài thơ này để an ủi và dặn dò em. (Chú thích của tác giả).

Không thiếu dịp thi gan cùng bão táp.
Kiên nhẫn chút chờ hai anh khai phát,
Chốn hoang vu, vạch một lối phong quang.
Rồi mai đây cất gót lại lên đường,
Nghe tiếng gọi hai anh, em nhẹ bước.
Đường cách mạng kẻ đi sau người trước,
Sự nghiệp chung tiếp tục đến thành công.
Miễn làm sao em giữ mảnh hồn trong,
Không vẩn đục bởi xa hoa nô lệ.
Gan sắt đá có cứ gì lớn bé,
Cứu đồng bào trách nhiệm gái như trai.
Tuổi thanh xuân bao hứa hẹn ngày mai,
Anh sẽ phất cùng em cờ giải phóng.
Trên thế giới mênh mông đầy bão sóng,
Dẹp nghê kình, anh sẽ dắt tay em.

Phú Thọ, tháng 8-1941

*
* *

DIỆT PHÁT XÍT

Hỡi các bạn Hồng quân Nga Xô viết,
Những anh hùng vĩ đại biết nhường bao!
Chính vì ai các bạn đã gian lao?
Vì các bạn, vì nhân quần tất cả.
Tiến lên trước với hùng tâm sắt đá,
Phất cao cờ liềm búa, gạt cuồng phong.
Thét vang lên, chấn động cả Tây Đông:
"Hỡi vô sản, nhân dân toàn thế giới!
Hãy đứng dậy, ngoắc cánh tay chặt lại,
Dựng trường thành cao ngất khắp năm châu.
Diệt hùm beo phát xít, cứu cho nhau,
Khỏi nô lệ, dã man thời Trung cổ!
– Phát xít đổ và thế nào cũng đổ –
Rồi tiến lên vác búa đập cho tan
Cả gông xiềng hủ bại khắp nhân gian
Dựng vĩnh viễn hòa bình trên thế giới".

Dân Việt Nam hỡi! Dân Việt Nam hỡi!
Nghe thấy chưa tiếng gọi của Hồng quân?
Gia nhập mau Mặt trận của nhân dân,
Thống nhất để tiêu trừ quân Pháp – Nhật.
Giờ giải phóng rung rồi, giờ quyết liệt,
Chuông tự do vang dậy khắp bầu trời.
Cuộc đấu tranh, Xô viết tiến lên rồi,
Chúng ta phải tham gia cùng chiến đấu.
Nền độc lập đúc trong lò lửa máu,
Gương anh hùng sáng rực cả non sông,
Trên vũ đài nhân loại cuộc vui chung,
Có tiếng hát dân Việt Nam hùng tráng.
Hãy tiến bước với trọn bầu máu nóng,
Của Hồng quân quyết thắng cả hoàn cầu.

Ngoại thành Hà Nội, tháng 2–1942

*
* *

LÀ THI SĨ

Tặng các nhà thơ Việt Nam

Nếu "thi sĩ nghĩa là ru với gió,
Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây",
Để tâm hồn treo ngược ở cành cây,
Hay lả lướt đìu hiu cùng ngọn liễu;
Nếu thi sĩ nghĩa là nhăn với mếu,
Nghĩa là van Thượng đế rủ lòng thương.
Hồn bơ vơ lạc lõng ở mười phương,
Khóc rả rích như ve sầu tháng hạ;
Nếu thi sĩ vùi đầu mai miết tả,
Cặp "tuyết lê" hồi hộp trước tình yêu,
Cho cuộc đời là mộng ái cao siêu,
Chìm đắm ở thương hoa và tiếc ngọc;
Nếu thi sĩ nghĩa là đem gấm vóc,
Phủ lên trên xã hội đã điêu tàn,
Véo von ca cho át tiếng kêu than,
Của nhân loại cần lao đang giãy giụa;
Thì bạn hỡi, một nhà thơ như rứa,

Là tai ương, chướng họa của nhân quần,
Nhọc tơ lòng mà phí cả ngày xuân,
Để ca ngợi bất công và tàn ngược;
Uốn gối trước cường quyền và mong được
Lượm hương thừa, phấn thải để qua ngày;
Khiến loài người đắm đuối và mê say,
Sống thoi thóp dưới gông xiềng nô lệ.
Không, không được! Hỡi các nhà văn nghệ,
Các nhà thơ yêu dấu của đồng bào,
Các nhà thơ trong sạch và thanh tao,
Hoa thơm ngát trong vườn xuân đất Việt!
Là thi sĩ phải là hồn cao khiết,
Chí kiên cường và sứ mệnh cao siêu;
Ca tự do, tiến bộ với tình yêu
– Yêu nhân loại, hòa bình và công lý –
Cao giọng hát những bài ca chính khí,
Của anh hùng đã vì nước quên mình,
Sống quang vinh mà chết cũng quang vinh,
Của Bãi Sậy, Thái Nguyên và Yên Bái...
Là thi sĩ nghĩa là theo gió mới
Tìm ý thơ trên ngọn sóng Bạch Đằng,
Để tâm hồn dào dạt với Chi Lăng,
Làm bất tử trận Đống Đa oanh liệt.
Dốc cho hết cả một bầu nhiệt huyết,
Tưới tâm can đồng loại lúc tàn đông;
Thả trái tim hòa nhịp với Đô Lương,
Với lục tỉnh, Bắc Sơn và Đình Cả.
Là thi sĩ nghĩa là cao khúc họa
Cuộc đấu tranh vĩ đại của hoàn cầu
Chống hung tàn xâm lược khắp năm châu,
Trên trái đất dựng cao cờ dân chủ.
Dùng bút làm đòn chuyển xoay chế độ,
Mỗi vần thơ: bom đạn phá cường quyền,
Và lúc cần, quẳng bút lấy long tuyền.

*

Hỡi thi sĩ! Hãy vươn mình đứng dậy!
Thời rượu nồng, đệm gấm đã qua rồi.

Thôi thôi đừng khóc gió với than mây,
Hãy nhịp bước trên con đường tiến bộ.
Dùng thi khúc mà lạnh lùng soi tỏ
Những bệnh căn xã hội đã tràn đầy;
Cùng công nông vun xới cuộc tương lai
Đã chớm nở từ Liên Xô hùng vĩ.

Ngoại thành Hà Nội, tháng 6–1942

*
* *

ĐAN ÁO [1]

Gửi cô Oanh

Tiền không có, lấy gì mua len sợi
Tặng cho Oanh đan áo mặc mùa đông?
Gió bấc về mây sắt cuốn trên không,
Da lạnh lắm nhưng lòng đâu có lạnh!
Bầu nhiệt huyết nổi sôi trào nhựa mạnh
Muốn chan ra tưới ấm khắp nhân quần,
Để rồi mai căng nở những mầm xuân,
Vườn nhân loại hoa cười trong nắng mới.
Chim oanh hót, gió tương lai rời rợi,
Khắp nhân gian vang dậy nhạc hòa bình
Và còn đâu rách rưới với mong manh,
Với hiu quạnh, thê lương ngày tháng đọng.
Oanh có rét thì đây mền hy vọng,
Khoác thử coi, nồng ấm biết bao nhiêu!
Và nếu còn rét nữa ít hay nhiều,
Hãy nghĩ đến Hồng quân đang kháng chiến;
Trong bão tuyết lăn mình hăng máu tiến,
Cứu nhân quần, mang ấm lại cho ta,
Và giục Oanh say chiến đấu xông pha
Đan áo ấm cho ngày mai nữa nhé.

Phúc Yên, tháng 10–1942

---

1. Đây là một bức thư viết theo thể thơ để trả lời cô Oanh, một giao thông của Đảng, đã biên thư cho tác giả xin tiền mua len để đan áo rét. Cô Oanh đã chết trong kháng chiến. (Chú thích của tác giả).

XUÂN ĐÃ VỀ

Sáng nay Xuân đã về,
Gieo mầm non, hoa thắm khắp sơn khê
Và gió thổi ấm vào tâm hồn chiến sĩ
Vì nhân quần nên chiến đấu say mê.
Hỡi chiến sĩ!
Hãy tạm ngừng gót giang hồ
Cho nàng Xuân phủi tuyết sương trên áo
Và dâng cả một bầu trời tạnh ráo,
Ngát mùi hương và tràn ngập ý thơ.

Chiếc cốc đời đang tràn đầy máu lệ
Và lẫng trần gian nặng trĩu đau thương,
Nhưng trời ửng hồng và xa xa lặng lẽ
Đang mọc lên một thế giới huy hoàng.

Nên sáng hôm nay nàng Xuân về
Với pháo nổ.
A! Những chuỗi cười trong như pha lê,
Như thúc giục muôn người ra hoạt động
Trong năm mới long lanh màu hy vọng.

Ngoại thành Hà Nội, tháng 2–1943

*
* *

ĐỨNG LÊN!

Nhật Pháp cùng áp bức,
Ta một cổ hai tròng.
Mệnh dân treo sợi tóc,
Bà con có biết không?

Giặc "lùn" và giặc "lõ", [1]

---

1. Ngày đó nhân dân ta thường gọi giặc Nhật và giặc Pháp như thế. (Chú thích của tác giả).

Trợn mắt với phồng mang.
Theo sau từng đàn chó
Sủa bậy và cắn càn.

Đồn điền nơi thịt đổ,
Nhà máy trại khổ công.
Máu rơi vung ngục thất,
Lệ rỏ thấm ruộng đồng.

Bắt nhổ ngô trồng lạc,
Lại nhổ lúa trồng đay,
Vì chiến tranh Đại Á,
Vì chiến tranh Âu Tây.

Dân nộp tiền nộp thóc, [1]
Phải đi lính đi phu;
Chết đói và chết dịch,
Chết trận lại chết tù.

Phố phường, ôi hoa lệ!
Xác ai gục bên hè?
Kho thóc đầy ăm ắp,
Xác ai gục bờ đê?

Hỡi con Hồng cháu Lạc,
Chịu mãi thế này a?
Không, không, mau đứng dậy,
Cứu nước và cứu nhà!

Sắm sửa ngay vũ khí,
Đứng vào hàng ngũ thôi!
Việt Minh đang kêu gọi,
Thời cơ đến nơi rồi!

Xiềng xích chặt kỳ hết.

1. Vì chính sách "thu thóc tạ" của phát xít Nhật – Pháp, cuối năm 1944 đầu năm 1945, hơn hai triệu đồng bào ta đã chết đói. (Chú thích của tác giả).

Gông cùm đập cho tan!
Tiêu trừ quân cướp nước.
Đừng tha lũ Việt gian!

Xứng đáng với Hưng Đạo,
Với Lê Lợi, Quang Trung...
Cùng năm châu tiến bước,
Mở mặt dưới trời Đông.

Phúc Yên, tháng 1–1945

*

* *

GỬI NGƯỜI CHỊ CÁCH MẠNG [1]

Đừng khóc nữa, chị ơi, tôi chưa chết,
Vẫn đấu tranh nơi tiền tuyến xông pha;
Máu vẫn nồng, tim vẫn đập đây mà,
Tôi phải sống bởi chưa tròn sứ mệnh.
Song dù có chết trong giờ quyết định
Tôi sẽ cười nhìn thẳng bước gian nguy.
Đã đấu tranh sống chết có hề chi,
Có cái chết mà muôn đời vẫn sống.
Nhưng không sao, tôi vẫn đang hoạt động,
Cùng anh em xây đắp cuộc tương lai.
Chết làm sao những thợ của ngày mai
Rèn sắt nóng dựng lên lầu bác ái!
Lòng hồi hộp chị luôn luôn lo ngại,
Phương trời xa theo dõi bước tôi đi;
Bởi quá thương giọt lệ đã tràn mi,
Điều trong mộng chị cho là sự thật.
Đừng khóc nữa, chị ơi, tôi chưa mất,

1. Chị C. là một đảng viên. Trong thời kỳ hoạt động bí mật, có hồi tác giả đã cùng một vài cán bộ khác ở nhà chị và được chị giúp đỡ rất chu đáo. Nhưng sau cơ quan chuyển đi nơi khác; đến gần một năm, anh chị em cán bộ không về nhà chị. Một hôm chị C. nằm mơ thấy tác giả bị bọn đế quốc bắt và xử tử hình. Chị khóc rất nhiều. Được tin này, tác giả đã gửi cho chị một bức thư theo thể thơ trên đây để báo tin mình vẫn an toàn và cổ vũ người chị cách mạng.

Vẫn còn đây, tôi vẫn sống trên đời
Tôi sống trong mạch máu của muôn người
Đang chiến đấu phá gông xiềng đã gỉ.
Tôi sống với muôn vàn dũng sĩ
Của Liên Xô và cả của Trung Hoa [1]
Hòa nhịp lòng với vũ trụ bao la,
Tôi sống mãi với muôn loài thay đổi mới,
Bao chiến sĩ mình tôi đâu chị hỡi
Trên đường ta rong ruổi biết bao người.
Bước thành công đã sắp tới kia rồi,
Cười lên chị cho lòng tươi thắm chút.

Phúc Yên, tháng 2-1943

*

* *

1. Lúc đó nhân dân Trung Quốc đang đấu tranh chống bọn phát xít quân phiệt Nhật.

VẤN ĐỀ DÂN CÀY
(Trích)

TIỂU DẪN – Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, nhiều sách báo của Đảng được xuất bản công khai và phát hành rộng khắp trong nước. Trong số các sách nghiên cứu, cuốn *Vấn đề dân cày*, do *Tập sách Dân chúng* xuất bản thành hai quyển trong những năm 1937–1938, là một tác phẩm nổi tiếng. Tác giả *Vấn đề dân cày* là Trường Chinh (lúc đó ký tên là Qua Ninh) và Võ Nguyên Giáp (lúc đó ký tên là Vân Đình). Theo dự kiến ban đầu của hai tác giả, vấn đề này sẽ viết thành ba quyển sách mỏng, nhưng hai quyển hoàn thành đã ra mắt độc giả, còn quyển thứ ba mới là bản thảo, chưa kịp đưa in, thì bị thất lạc.

Ngoài *Lời nói đầu*, quyển Một có ba chương:

– Chương I: Tại sao phải bàn đến vấn đề dân cày?

– Chương II: Dân cày là hạng người thế nào?

– Chương III: Tình hình hiện tại của dân cày.

Quyển Hai cũng có ba chương:

– Chương IV: Thuế gián tiếp.

– Chương V: Dân cày thiếu ruộng.

– Chương VI: Tiếp tục nghiên cứu về đời sống của dân cày.

Vấn đề dân cày xuất bản được một thời gian ngắn thì bị chính quyền thực dân Pháp cấm lưu hành, nhưng đảng viên và quần chúng cách mạng vẫn bí mật chuyền tay nhau đọc vì *Vấn đề dân cày* là một bản cáo trạng hùng hồn lên án chế độ thực dân và nửa phong kiến một cách dũng cảm, sắc bén. Qua việc nghiên cứu điều kiện sinh sống của nông dân Việt Nam, tác giả đã bóc trần những lề thói áp bức bóc lột của bọn thống trị và làm cho bạn đọc phải quan tâm đến vai trò của nông dân trong cách mạng.

Năm 1959, Nhà xuất bản Sự thật đã in lại hai quyển *Vấn đề dân cày* thành một quyển và được tác giả chỉnh lý những điểm cần thiết. Dựa vào bản này, chúng tôi chỉ trích ra đây một vài vấn đề ở một số chương.

Từ Cách mạng Tháng Tám 1945 đến nay, dưới chế độ ta, nhiều điều cơ bản của *Vấn đề dân cày* nêu ra đã được giải quyết, nhưng không ít điều còn đang là mối quan tâm của Đảng và Nhà nước.

LỜI NÓI ĐẦU

Vấn đề dân cày ra đời giữa lúc quần chúng dân cày vừa tham gia đấu tranh đòi quyền sống, giữa lúc một số dân cày đang bị tù tội vì đã dự vào mấy cuộc biểu tình "thuế" vừa qua.

Nó muốn cãi hộ những người ấy chăng? Phải. Không những thế.

Không những chỉ cãi riêng cho số dân cày hiện ở trong vòng xiềng xích mà còn muốn bênh vực cho tất cả dân cày Đông Dương cũng đang đau khổ dưới cái ách khổng lồ của chế độ.

Dân cày rất ưa bình tĩnh. Tính chất của họ cũng ôn hòa, bình tĩnh như việc làm của họ trên cánh đồng. Nhưng ôn hòa đến đâu họ cũng chịu khổ được có chừng hạn! Khổ quá, họ phải vùng dậy, mà khi đó tình thế buộc họ phải liều lĩnh, hy sinh.

Mấy năm 1930–1931 đã để lại trong trí ta những trang lịch sử dân cày đẫm máu.

Ở Đông Dương, tuy chủ nghĩa tư bản đã bắt đầu phát triển, song vẫn còn nhiều tàn tích phong kiến. Sống dưới chế độ bóc lột của thực dân và phong kiến, dân cày Đông Dương quá điêu linh, xờ xạc. Đã bao năm bị bóc lột, lường gạt, đàn áp, hắt hủi, họ đang khao khát một chính sách mới cải thiện đời sống cho mình.

Phải chăng ông toàn quyền Bờrêviê (Brévié), người đại diện Chính phủ Mặt trận Bình dân ở Đông Dương, đã thấy chỗ đó, cho nên ông đã nói đến dân cày và muốn thi hành một chính sách dân cày ở thuộc địa.

Trong quyển Hai (tiếp theo quyển này), chúng tôi sẽ đặt chính sách ấy dưới ánh sáng của thực tế, xem nó có thích hợp với nguyện vọng dân cày Đông Dương không?

Nước Pháp Bình dân đã lập một Ủy ban điều tra thuộc địa. Trách nhiệm của Ủy ban này là phải nghiên cứu nguyện vọng của các hạng quần chúng nhân dân ở thuộc địa; nó cần phải tránh những thủ đoạn che lấp sự thật của bọn phản động. Cuốn sách này mong giúp cho công việc ấy một vài phần.

Sinh hoạt ở thành thị và thôn quê rất mật thiết liên hệ với nhau. Công nghiệp, thương nghiệp ở thành thị sống được, một phần lớn là nhờ ở dân cày; vì ở xứ nông nghiệp như Đông Dương dân cày chiếm số đông trong những người tiêu thụ.

Tuy nhiên, có nhiều người ở thành thị ngó dân cày bằng con mắt lạnh lùng, khinh bỉ. Thật là đáng tiếc! Cũng có người muốn hiểu dân cày, nhưng không sao nhìn rõ được đời sống của dân cày trên cánh đồng lúa, qua lũy tre xanh.

Thật ra sinh hoạt trong nông thôn rất phiền phức mà mờ mịt. Những thủ đoạn áp bức, bóc lột dân cày cũng tỉ mỉ và kỳ cục, lắm cái không thể tưởng tượng được. Nhiều người nhìn dân cày qua những thành kiến sai nhầm; chủ trương của họ đối với dân cày do đó cũng nhầm theo. Với những người ấy chúng tôi xin hiến một tài liệu nghiên cứu.

Trong sách này, trước hết chúng tôi đặt vấn đề dân cày trong tình hình hiện tại. Sau chúng tôi xét tính chất giai cấp của dân cày và tình cảnh hiện nay của họ ra sao. Xét đến tình cảnh dân cày, chúng tôi không quên những vấn đề ruộng đất, địa tô, sưu thuế, cho vay nợ lãi, hối lộ, giáo dục, v.v...

Xét trong tình cảnh dân cày, chúng tôi mới bàn đến chính sách dân cày của ông Bờrêviê và đề nghị những điều cần phải cải cách. Nhân đó chúng tôi đặt một bản yêu sách của dân cày Đông Dương trước Mặt trận Bình dân Pháp.

Hơn nữa, chúng tôi còn bàn đến cách giải quyết vấn đề dân cày một cách triệt để hơn.

Vấn đề dân cày rất bao la, phức tạp. Chúng tôi không tự cho tài liệu này là đầy đủ. Nhất là về tình cảnh dân cày ở Nam Kỳ, Cao Miên và Ai Lao thì sự hiểu biết của chúng tôi không được là bao.

Bàn đến vấn đề dân cày, chúng tôi chú ý chứng minh ý kiến chúng tôi bằng những sự việc xảy ra trong thôn quê ai nấy đều có thể kiểm soát.

Chúng tôi không có kỳ vọng viết một đề cương chính trị. Mục đích của chúng tôi không ngoài sự *muốn giúp vào công cuộc cải thiện đời sống dân cày*. Cho nên chúng tôi hết sức ghi chép những điều mắt thấy, tai nghe về dân cày một cách khách quan và rõ rệt. Chúng tôi không muốn chỉ trích suông, nên trong những quyển sau chúng tôi sẽ bày tỏ những phương pháp có thể và cần phải làm để cho dân cày đỡ khổ.

Hà Nội, 25-7-1937
TÁC GIẢ

QUYỂN MỘT

Chương I

TẠI SAO PHẢI BÀN ĐẾN VẤN ĐỀ DÂN CÀY

....

Vấn đề ruộng đất và vấn đề dân cày:

trụ cột của vấn đề Đông Dương

Đông Dương là một xứ nông nghiệp, điều đó không còn ai chối cãi. Muốn cho dân đỡ khổ phải làm cho nền kinh tế nông nghiệp được dồi dào.

Nhưng ở Đông Dương, một mặt công nghiệp nặng, cụ thể là công nghiệp luyện kim khí, đúc máy móc không có; một mặt ruộng đất bị bọn địa chủ chiếm gần hết. Theo thống kê của Chính phủ thuộc địa năm 1931 thì số người có ruộng đất ở Đông Dương chỉ có 2.179.500 người trong tổng nhân dân là 20.170.000 người. Kỹ thuật kém cỏi, cách ăn làm cực kỳ lạc hậu; 200 gia đình [1] giữ độc quyền đúc máy bán cho Đông Dương, bán giá rất đắt, dân không thể mua cày máy, bừa máy mà thay đổi cách làm ăn cũ rích từ mấy mươi thế kỷ để lại. Đường giao thông không được mở mang, trong một xứ nhỏ như Đông Dương này mà có chỗ thừa thóc gạo bỏ mốc trong kho, có chỗ dân quê chết đói không đường cứu chữa.

Nhiều tỉnh ở đồng bằng Bắc Kỳ (Nam Định, Thái Bình), và miền Bắc Trung Kỳ (Thanh, Nghệ, Tĩnh), có chỗ nhân dân ở chen chúc đến 430 người trong một cây số vuông; lại có chỗ hơn 1.200 người. Trái lại, trong những cánh đồng lầy chưa khai khẩn ở Nam Kỳ, Cao Miên và trong các tỉnh ở Ai Lao, có cây số vuông không có tiếng gà gáy, chó sủa.

Những tình trạng trái ngược ấy, làm cho dân cày khổ cực. Họ bỏ quê ra tỉnh, vào nhà máy, hầm mỏ không được; hai ba người phải chung nhau kéo một cái xe; một người làm trong xưởng thì có mấy người ngấp nghển ngoài cửa. Dân cày bỏ cái cảnh thất nghiệp một phần ở nhà quê thì lên tỉnh may mắn mới khỏi thất nghiệp hoàn

---

1. 200 gia đình: 200 nhà tư bản tài chính giàu nhất nước Pháp bóc lột nhân dân Pháp và nhân dân thuộc địa.

toàn. Rốt cuộc đi đâu cũng mặt xanh xao, bụng lép kẹp. Cực chẳng đã, đàn bà làm mồi cho mẹ mìn buôn gái sang Trung Quốc, làm nghề mãi dâm, sung vào đội gái nhảy. Đàn ông trộm cướp, macàbông, đi ở hoặc rủ nhau ký giấy giao kèo nô lệ đi Tân Thế Giới, sa vào các đồn điền đất đỏ Nam Kỳ. Bệnh nghèo nàn, thất nghiệp đã thành ra cố tật. Nghèo nàn, thất nghiệp xơ xạc, điêu linh, đó là bộ mặt thật của dân cày Đông Dương.

Đứng trước cảnh lầm than, trụy lạc ấy, người ta phải nhận rằng: mấu chốt của vấn đề Đông Dương là làm sao *cho dân cày có đất cày cấy.*

Dân cày Đông Dương và Chính phủ Mặt trận Bình dân

Chính phủ Mặt trận Bình dân lên cầm quyền thấm thoát đã được một năm. Đối với dân cày Pháp, đã đặt Túc mễ cục (office de blé), mở quỹ giúp nhà nông, cho vay dài hạn, cấp tiền cho dân cày làm ruộng; dân cày, công nhân nông nghiệp được quyền tự do lập nghiệp đoàn; đã sửa đổi chế độ lĩnh canh và quy định quyền lợi của tá điền. Ta có thể nói là dân cày Pháp đã được đôi chút quyền lợi.

Nói đến dân cày nước mình, thật là chửa được gì hết. Ngày 30 tháng 12 năm 1936 ông Mariuýt Mutê (Marius Moutet) đã ban bố sắc lệnh sửa đổi chế độ lao động ở Đông Dương, luật xã hội đã bắt đầu được thi hành một phần. Tuy tụi chủ làm xiên đi, song thợ thuyền cũng đã được hưởng một vài điều cải cách. Nhưng còn đối với dân cày?...

Bà Ăngđờrê Viôlít (Andrée Viollis) [1] có lần qua Đông Dương, thấy tình cảnh nông dân ta khốn đốn, đã bật ra câu: "Phải thi hành một chính sách mới về ruộng đất cho dân cày".

Thanh tra đại sứ Gôđa (Godart) sang điều tra ở Đông Dương cũng phải nhận rằng dân cày Đông Dương cực khổ (theo ông thì Chính phủ Bình dân nên chú ý đến họ hơn thợ thuyền nữa). Ông toàn quyền Bờrêviê thoạt bước chân sang đây đã nói: "Phải cho dân có cơm ăn trước".

Gần đây trong bài diễn văn đọc ở Đô Lương, ông Bờrêviê đã dành một phần lớn cho vấn đề dân cày. Giữa phong trào yêu sách, đó là một thắng lợi của quần chúng đấu tranh. Thắng lợi, vì lần này là lần đầu tiên một vị Thủ hiến chịu nhìn nhận đôi chút sự thật trong đời sống của quần chúng.

---

1. Một nhà báo tiến bộ Pháp, một người bạn của nhân dân Đông Dương, đã tố cáo chính sách dã man của thực dân Pháp một cách rất dũng cảm.

Chính sách dân cày của ông Bờrêviê có thật hợp với quyền lợi dân cày Đông Dương không? Điều đó sau này chúng ta sẽ xét đến.

Nhìn qua chính sách của ông Bờrêviê, ta nhận thấy những vấn đề như sau:

– Dẫn thủy nhập điền,

– Di dân,

– Hợp tác xã nông nghiệp,

– Cho vay lãi nhẹ, v.v...

Còn những nguyên nhân chính làm cho dân cày Đông Dương sa sút, nghèo nàn, như chủ điền bóc lột địa tô, chiếm đoạt ruộng đất của dân và sưu cao thuế nặng thì ông Bờrêviê không đả động tới.

Cái đó tỏ ra rằng nhà thực dân lão luyện chưa chịu nắm cái then chốt của vấn đề dân cày trong công cuộc cải cách thuộc địa.

Nguyện vọng của dân cày thật là thiết tha, cần kíp. Biết như thế cũng chưa đủ; muốn thật sự giải quyết vấn đề dân cày, cần phải để dân cày la lớn nguyện vọng của họ lên. Phải hỏi ý kiến dân cày. Cho mở Đông Dương Đại hội là một cách.

Hiện nay dân cày đang tham gia vào phong trào yêu sách rộng lớn chưa từng có ở Đông Dương. Khi đấu tranh họ nêu khẩu hiệu "Ủng hộ Mặt trận Bình dân!" là muốn tỏ ra sẵn lòng ủng hộ một chính sách cải thiện đời sống cho họ, nhưng điều đó cũng đủ chứng tỏ rằng một phần dân cày đã hiểu rõ quyền lợi của mình và không cam chịu cúi đầu dưới chế độ bóc lột quá khắc nghiệt nữa. Trong khi tin cậy Mặt trận Bình dân Pháp, dân cày Đông Dương không quên điều cốt yếu nhất là *trước hết mình phải tự tin mình.*

Ủy ban điều tra thuộc địa của Hạ nghị viện Pháp đã được thành lập. Không biết đến bao giờ Ủy ban mới sang Đông Dương và có sang hay không? Song bây giờ đây những người đại diện cho Mặt trận Bình dân và Ủy ban điều tra cần phải biết rằng: dân cày Đông Dương mong muốn một chính sách giải quyết cho mình được dễ thở hơn trước, mà giải quyết trong một thời gian ngắn, chứ đừng kéo dài ra hàng chục năm, vì nếu như thế thì trước khi được hưởng đôi chút kết quả của công cuộc cải cách xã hội của Chính phủ Mặt trận Bình dân, dân cày đã chịu những cái ách sưu cao, thuế nặng, nợ lãi, mất mùa, đè bẹp từ bao giờ rồi. Vậy cần phải xét ngay, xét cho chu đáo những nỗi thống khổ của dân cày và bắt tay vào việc.

Làm sao những điều cải cách đối với dân cày được thích hợp với hoàn cảnh thôn quê Đông Dương và không trở lại kẹp cổ dân cày như luật xã hội đem thi hành ở Đông Dương đã có chỗ trở lại kẹp cổ thợ thuyền (ví dụ luật cấm dùng đàn bà, trẻ em làm đêm trong xưởng đã làm cớ cho bọn chủ quẳng đàn bà, trẻ em ra khỏi nhà máy, một thủ đoạn buộc đàn bà, trẻ em phải tình nguyện làm đêm).

Tóm lại, kinh tế Đông Dương là kinh tế nông nghiệp. Đại bộ phận nhân dân Đông Dương là dân cày. Dân cày lại khổ cực vì không có đất, lại chết chẹt dưới nhiều cái ách. Xưa nay người ta ít chú ý đến dân cày, hoặc không thật sự giải quyết vấn đề dân cày. Những người đại diện cho Mặt trận Bình dân Pháp đã gợi đến số phận dân cày.

Song dân cày chưa được hưởng gì về chính sách mới của Chính phủ Mặt trận Bình dân. Chính sách dân cày của ông Bờrêviê chưa được thích hợp với quyền lợi dân cày.

Đó là những nguyên nhân thúc giục chúng tôi phải đem vấn đề dân cày ra bàn xét.

Chương II

DÂN CÀY LÀ HẠNG NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

Trước khi đi thẳng vào vấn đề dân cày, chúng ta phải định tính chất giai cấp của dân cày, địa vị dân cày trong xã hội hiện tại, thái độ và xu hướng của dân cày. Xét như thế để khỏi có những điều ngộ nhận về dân cày và tránh những chủ trương sai lầm đối với một hạng người khá quan trọng ấy.

Địa vị giai cấp của dân cày

Ta thường nghe thấy nói "sĩ, nông, công, thương". Đó là câu phân biệt từng hạng người theo cái óc "tôn ti trật tự" của thời phong kiến, chứ không phải một câu phân biệt giai cấp. Thật ra dân cày thuộc về giai cấp tiểu tư sản ở nông thôn, nghĩa là một hạng người có ít công cụ sản xuất để làm mà nuôi sống lấy mình. Dân cày nói chung không phải thuộc về giai cấp vô sản, vì dân cày nói chung còn có ít nhiều ruộng đất, cày bừa, trâu bò, nhà cửa, vườn tược, v.v... Còn thợ thuyền chỉ có hai bàn tay trắng, bán sức lao động cho tư bản mà sống, mới thật là vô sản.

Dân cày cũng không phải là người tư sản, vì dân cày tự mình làm nuôi sống cho mình; chứ không ngồi đấy mà bóc lột sức lao động của thợ thuyền như bọn chủ xưởng. Dân cày là giai cấp đứng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Dân cày chia ra làm nhiều lớp khác nhau:

a). *Cố nông* là lớp dân cày không có mảnh đất cắm dùi, không có trâu bò, cày bừa chi hết, quanh năm phải đi làm thuê, làm mướn cho địa chủ, phú nông; bị bóc lột thậm tệ và rất nghèo khổ.

b). *Bần nông* là lớp dân cày nghèo, có ít ruộng, không đủ nuôi sống cho mình, phải đi làm thuê, cấy rẽ cho nhà giàu. Hạng này cày cho mình ít mà đi làm thuê cho người nhiều.

c) *Trung nông* là lớp dân cày trung bình; họ có ruộng đủ để cày cấy lấy mà sống, không phải cho thuê và nói chung không phải mướn thợ cày.

d) *Phú nông* là lớp dân cày giàu, có thừa ruộng đất, tự mình và vợ con mình cày cấy lấy một phần, còn một phần không cày cấy được phải mướn người làm hoặc cho cấy rẽ. Như thế là phú nông cũng bóc lột sức lao động của những người cày thuê, cấy mướn.

Cố nông chính là vô sản ở thôn quê. Hạng canh điền, lực điền ở các làng Bắc Kỳ, điền tốt ở các ấp, thợ cày ở các đồn điền, chính là cố nông. Ở thôn quê, cố nông hăng hái muốn đổi đời nhất, rồi đến bần nông.

Trong các hạng người nói trên, tại một vài vùng ở nước ta còn một số người gọi là thợ làm mùa, ngày mùa bỏ nhà máy hoặc bỏ về đồng ruộng làm, ngày dưng lại bỏ đồng ruộng vào nhà máy và mỏ, và một số nữa gọi là nửa công nửa nông, vừa làm ở nhà máy vừa làm ruộng. Hạng này thường ở các làng xung quanh thành phố. [1]

Tá điền là dân cày không có ruộng, hoặc có ít, không đủ sống, phải mướn ruộng của địa chủ cày cấy. *Quá điền* là hạng mướn ruộng của địa chủ đem cho người khác mướn lại, đứng giữa lấy lời. Ruộng của địa chủ chỉ qua tay họ xuống tay tá điền, họ chịu trách nhiệm với địa chủ, đến mùa phải thu tô ở tay tá điền, rồi chồng thóc hoặc chồng tiền cho địa chủ. Bọn quản ấp tức là quá điền. Ở Bắc Kỳ có nhiều địa

1. Ví dụ, một số công nhân máy sợi Nam Định làm theo cách này. Vì họ làm theo kíp cho nên họ vẫn có thể tham gia công việc đồng áng một phần nào.

chủ nhỏ vay nợ của địa chủ lớn phải đợ ruộng cho chủ nợ, đến mùa chồng thóc cho chủ nợ. Bọn địa chủ nhỏ này biến thành quá điền.

Bên trên phú nông có *giai cấp địa chủ*. Bọn này có ruộng cho cấy rẽ, ngồi không thu lợi, không hề mó tay tới cái cày. Họ hoàn toàn sống về sự bóc lột sức lao động của nông dân.

Ở Đông Dương có một bọn địa chủ, phần nhiều là người Pháp, có đồn điền, dùng máy móc trong nghề làm ruộng, tổ chức đồn điền của mình như một xí nghiệp trong đó thợ cày làm có giờ, chia thành từng kíp, mỗi kíp làm một loại công việc, đến kỳ tiền phát lương cho thợ. Bọn chủ đồn điền này gọi là địa chủ tư bản (propriétaires capitalistfes). Họ tuy là địa chủ, song cách bóc lột hệt như tư bản.

Ta xem trên đây thì biết: các lớp dân cày khác nhau là ở địa vị của họ trong công việc sản xuất khác nhau chứ không nhất định bởi họ giàu nghèo khác nhau. Tên Ba có 5 mẫu ruộng, đến mùa cứ chiếu hai cây ăn một mà lấy, là một địa chủ trăm phần trăm. Trái lại, tên Hai có 10 mẫu, tự mình làm lấy một phần, còn một phần thuê người làm, là một phú nông chứ không phải là địa chủ.

Trung nông nghèo và bần, cố nông hơi giống nhau. Những lớp người ấy không bóc lột ai, mà đều bị bọn địa chủ, phú nông bóc lột. Họ khác nhau ở chỗ bần, cố nông ít ruộng hơn trung nông và phải bán sức lao động, làm thuê cho địa chủ, phú nông nhiều hơn trung nông.

Vị trí dân cày trên mảnh đất Đông Dương

Ở Đông Dương, bọn địa chủ, tập trung và nhiều ruộng nhất ở Nam Kỳ. Người ta nói: "Công tử Bạc Liêu" tức là con em bọn địa chủ ấy. Họ sinh hoạt như tư sản, mà sự thật một số địa chủ này đã bỏ vốn vào công nghiệp, có cổ phần trong các nhà máy gạo hoặc các nhà máy khác. Trước kia, khi nói đến đồng ruộng mênh mông của địa chủ, người ta nói: "ruộng thẳng cánh cò bay", nay đối với ruộng của đại địa chủ Nam Kỳ, câu nói đó không hoàn toàn đúng nữa, vì ruộng của họ phải đi ô tô hàng giờ mới hết.

Ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ có hạng tiểu địa chủ, chỉ có mươi, mười lăm mẫu ruộng cho cấy rẽ, ngồi không mà hưởng địa tô. Lại có nhiều làng không có địa chủ, chỉ có từ phú nông trở xuống. Trái lại, bần cố nông chiếm số đông.

Nếu ta tin ở thống kê của ông Ivơ Hăngri (Yves Henri) [1] thì ta thấy: "Ở Bắc Kỳ dân số hơn 8 triệu người mà số dân quê có trên một mẫu là 970.379 người, nghĩa là một phần hai mươi trong nhân dân. Nếu có từ 5 mẫu trở lên, mới không phải làm thuê, làm mướn cho địa chủ, phú nông, thì ở Bắc Kỳ phần đông dân quê phải bán sức lao động hoặc nhiều hoặc ít. Thật thế ở thôn quê họa chăng chỉ có địa chủ, phú nông không phải làm thuê, cấy rẽ, còn từ cố nông đến trung nông, ai đã thoát khỏi chế độ bóc lột địa tô, nợ lãi và chế độ bóc lột bằng cách trả tiền công?"

Dân cày Đông Dương bị nhiều tầng lớp bóc lột: nào địa chủ bóc lột địa tô, nào sưu cao thuế nặng, nào vay nợ lãi, nào phải tiêu dùng hàng công nghiệp một cách đắt đỏ, nào kỳ hào bóp họng. Nạn kinh tế khủng hoảng dằng dai lại càng làm cho dân cày chóng phá sản. Ruộng đất càng chóng tập trung vào tay địa chủ; một số ít phú nông rơi xuống làm bần nông, một số trung nông rơi xuống làm trung nông, một số bần nông rơi xuống làm cố nông. Hạng cố nông đông quá, thiếu việc làm, một phần phải bỏ nhà quê ra tỉnh, đi mỏ hoặc đi đồn điền. Phong trào vô sản hóa mỗi ngày một mạnh. Cũng có phú nông nhảy lên làm địa chủ, song đó là số ít, còn bần nông rơi xuống làm cố nông thì rất nhiều. Trong quá trình của kinh tế nông nghiệp, địa vị dân cày bấp bênh hết sức!

Khuynh hướng chung của dân cày

Dân cày thuộc về giai cấp tiểu tư sản tức là một giai cấp đứng giữa hai giai cấp tư sản và vô sản. Quyền lợi của phú nông hơi giống quyền lợi tư sản, nên họ nghiêng về phía tư sản. Quyền lợi của bần cố nông hơi giống quyền lợi của vô sản, nên họ nghiêng về phía vô sản.

Quyền lợi của các hạng dân cày cũng hơi khác nhau, cho nên tư tưởng của dân cày không hoàn toàn thống nhất; họ thường có thái độ bấp bênh, nhất là trung nông. Xét lịch sử ta thấy khi họ đi với giai cấp này, khi họ đi với giai cấp nọ.

Trong khi cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789), dân cày đi với giai cấp tư sản để lật đổ giai cấp quý tộc phong kiến; đến năm 1793, họ đi với giai cấp công nhân đòi quyền tự do dân chủ, đẩy cuộc cách mạng tư sản ở Pháp tiến lên một bước. Ở Nga, dân cày đi với vô sản,

1. *Ivơ Hăngri: Kinh tế nông nghiệp Đông Dương* (Yves Henri–Economie agricole de l'Indochine).

nên cuộc Cách mạng Tháng Mười thành công năm 1917. Nhưng lúc ở Ý năm 1925, dân cày đã đi với tụi phát xít trong lúc nó lên cầm quyền. Hiện nay dân cày Nga đương đi đôi với giai cấp công nhân để kiến thiết chủ nghĩa xã hội.

Tính chất dân cày là như thế. Song dân cày thường chiếm đa số trong nhân dân, dân cày là một lực lượng hậu bị khá mạnh của cách mạng, cho nên phàm một cuộc cải tạo xã hội một cách lớn lao phải có dân cày tham gia mới có kết quả. Cuộc Công xã Pari (Commune de Paris) không thể đứng vững, một nguyên nhân chính là bởi thợ thuyền cách mạng thành Pari không được dân cày các tỉnh nổi dậy hưởng ứng.

Cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789) và cuộc cách mạng vô sản Nga (1917) thành công một cách vẻ vang, một phần là nhờ ở thái độ cách mạng của dân cày.

Hítle biết như thế, nên chủ nghĩa của hắn có hẳn một phần đối với dân cày; hắn có chương trình ruộng đất để lường gạt dân cày, cố sao kéo được dân cày, khiến bọn Quốc xã [1] tăng thêm lực lượng.

Lênin rất thận trọng đối với dân cày, cho rằng thợ thuyền và dân cày là hai hạng người sản xuất để nuôi sống cho xã hội, lại bị xã hội tư bản này bạc đãi, bóc lột hơn hết, phải liên minh với nhau. Thợ thuyền muốn cải tạo được xã hội phải kéo dân cày đi đôi với mình trong các thời kỳ cách mạng. Vì quyền lợi và thái độ các lớp dân cày có chỗ khác nhau, cho nên Lênin chủ trương cuộc cách mạng xã hội càng tiến lên thì chính sách của thợ thuyền đối với các tầng lớp dân cày cũng theo đó mà biến đổi, không thể lúc nào cũng như lúc nào được. Đó là một vấn đề thuộc về sách lược cách mạng. Chủ nghĩa Lênin còn nói đến vấn đề cách mạng ruộng đất: tịch thu ruộng đất của địa chủ giao cho dân cày và tiến lên một bước nữa, phải xã hội hóa nông nghiệp, nghĩa là tổ chức những hợp tác xã – những nông trang tập thể – cấp cày máy, bừa máy cho dân cày, bày cách cho dân cày chung ruộng đất lại, cày chung cấy chung, như ở Liên bang Xô viết hiện nay.

Tính chất dân cày

Sau khi xét khuynh hướng của dân cày, ta hãy xét qua tính chất dân cày.

---

1. Quốc xã: Đảng của bọn Hítle, tức đảng phát xít Đức.

Thoạt tiên ta nhận thấy dân cày có tính *cần cù lao động*. Quanh năm họ làm ăn vất vả, chân lấm tay bùn, đổi bát mồ hôi lấy bát cơm.

Những lúc khó khăn họ thường giúp đỡ nhau làm lụng và đỡ đần nhau trong lúc túng thiếu. Nhưng dân cày cũng có *óc tư hữu*. Họ ăn riêng làm rẽ lâu đời đã quen. Nói đến cách làm ăn tập thể thì họ hoài nghi. Bàn đến góp tiền làm những việc có ích chung, phần nhiều họ không thích. Những tổ chức phổ thông của dân cày Việt Nam có từ lâu đời, như những phường nuôi chung lợn, cấp vốn làm nhà, những tốp chơi họ, hội hiếu hỷ, v.v... đều có tính chất lợi riêng cho từng hội viên hơn là có tính chất xã hội, nghĩa là lợi chung cho cả tổ chức hoặc cho xã hội mà cá nhân cũng có một phần ở đó. Ta chưa thấy dân cày tự động tổ chức được những hội có tính chất thật ích chung như hợp tác xã làm ruộng, hội bài trừ hủ tục, v.v...

Một đặc điểm của dân cày là óc *mê tín*. Dân cày Đông Dương cũng như dân cày các nước, hay mê tín thần quyền. Việc học không được phổ thông trong dân quê làm cho họ không hiểu khoa học. Họ rất ít đọc sách đọc báo, vì ít biết chữ. Cách làm ăn của họ một phần lớn nhờ vào thời tiết, nhờ sức tự nhiên, thêm vào đó bao nhiêu áp bức, bóc lột, bao nhiêu thiếu thốn, làm cho họ luôn luôn lo sợ. Tình hình ấy khiến họ dễ tin vào "sức thiêng liêng" của Trời, Phật. Vì thế họ rất hay cầu đảo, rất hay cúng lễ. Bọn thầy cúng, cô đồng, phù thủy, địa lý lợi dụng lòng mê tín của họ *xoay xu*. Óc mê tín đó làm cho dân cày chậm giác ngộ.

Bên cạnh óc mê tín, dân cày Đông Dương còn *chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến* nữa. Họ vẫn ôm khư khư những quan niệm cũ rích từ lâu đời; họ thừa nhận thuyết "sang hèn, trên dưới". Người ta thấy một người dân quê vào quan xun xoe, gãi đầu gãi tai hay vái gù là thường.

Dân cày đối với bọn chủ ruộng thì coi là thầy; gặp ngày nhà chủ ruộng có việc đình đám, họ đem lễ đến, xoa chân xoa tay: "chúng con là chỗ đầy tớ, gọi là có chút lễ mọn, xin ông bà (hay cụ ông cụ bà) nhận cho".

Nhưng mặc dầu có những nhược điểm trên đây, dân cày rất đáng cho ta mến phục: khi nào họ được giác ngộ, có tổ chức và có lãnh đạo thì họ có *một sức mạnh quật cường to lớn*. Lúc đó họ sẵn sàng san phẳng những trở lực trên bước đường tiến thủ của họ và của dân tộc. Song tất cả vấn đề là ở chỗ: *giác ngộ, tổ chức và lãnh đạo được dân cày*.

Một hôm chúng tôi có dịp tranh luận với một anh tá điền về vấn đề "dân cày mướn ruộng của địa chủ có bị địa chủ bóc lột không?"

Chúng tôi hỏi:

– Địa chủ cho mướn ruộng, đến mùa thu một nửa hoa lợi, lấy địa tô có phải là bóc lột không?

Tá điền đáp:

– Nói bóc lột thì quá; tôi không có ruộng, được người ta cho mướn ruộng làm là may cho tôi, kẻ có công người có của, đến mùa hai cây ăn một là công bằng chứ còn gì nữa.

– Địa chủ ngồi không mà được hưởng một nửa hoa lợi, còn anh cày cấy, tát nước, cào cỏ quanh năm, lại phải bỏ tiền mua hạt giống, phân bón, v.v... mà cũng chỉ được một nửa thôi. Như thế anh cho là công bằng sao? Phần ruộng kia, nếu không có sức anh làm, thử hỏi địa chủ có gặm ra mà ăn được không, hay là ngồi đó mà chờ chết đói? Nếu anh có ruộng thì đến mùa được bao nhiêu hoa lợi về tay anh hết, song chỉ vì tay anh không có ruộng, nên phải chia một phần hoa lợi anh đã làm cho chủ ruộng, nghĩa là phải nộp tô cho nó. Địa chủ cậy có ruộng bóc lột địa tô. Dân cày vì không có ruộng phải chịu sự bóc lột đó.

– Ấy chỉ vì người ta có ruộng, tôi không có ruộng.

– À! Then chốt của câu chuyện là ở chỗ có ruộng và không có ruộng. Anh cho địa chủ được hưởng quyền sở hữu về ruộng đất; anh cho địa chủ có ruộng là có quyền; vậy chúng tôi xin hỏi: ruộng của địa chủ kia ở đâu mà có? Quyền có ruộng của địa chủ có phải quyền chính đáng không?

– Ruộng ấy của cha mẹ người ta để lại.

– Nói thế tức là anh lại thừa nhận cả quyền thừa hưởng gia tài của địa chủ rồi. Vậy anh có xét phần ruộng cha mẹ nó để lại ở đâu mà ra không?

– Có người trước kia cha mẹ cũng chỉ có một phần ruộng đủ ăn, sau xén nhặt tậu thêm, mướn canh điền làm mỗi ngày một thịnh vượng, rồi có của để lại cho con.

– Đó, anh xem cha mẹ "mướn canh điền" tức là bóc lột sức lao động của thợ cày mới trở nên giàu có, mới có "của để lại cho con".

– Có người, cha mẹ làm quan, tậu được ruộng rồi chia cho con cái.

– Làm quan bóc lột dân mới có của. Ngay đến lương tháng của quan xét cho cùng cũng là mồ hôi nước mắt của nhân dân, vì dân có làm ruộng mới có tiền đóng thuế cho Chính phủ thuộc địa, Chính phủ thuộc địa mới có tiền trả lương cho quan. Vậy làm quan có tiền tậu ruộng, ruộng ấy, xét cho cùng, là kết quả của sự bóc lột, là một thứ "của bóc lột".

– Bây giờ anh có muốn nghe lịch sử ruộng đất của loài người không?

– Nói đi mà nghe, anh tá điền xem chừng chú ý, đáp.

– Xét từ cổ sơ, người còn thưa, ở thành bầy, lang thang du mục, nay đồi này, mai núi nọ. Lúc đó chẳng ai cần nhận chỗ nào là phần ruộng riêng của mình. Ruộng đầu tiên là của chung. Có một bọn đi chăn nuôi ở các đồng cỏ, tìm được nghề trồng cây. Từ đó trở đi mới có hạng lấy nghề trồng trọt, cày cấy làm nghề căn bản để sống trên một khoảnh đất. Nhưng họ không coi đất đó là của riêng. Khi nào họ thấy đất màu kém đi, hoa lợi sa sút, họ liền bỏ đi nơi khác. [1]

Đến sau có bọn tràn xuống đồng bằng, cày cấy ở những nơi cố định. Lúc đó ruộng vẫn còn là của chung.

Nhưng người mỗi ngày một đông, nhu cầu ngày một nhiều. Một người không thể làm hết mọi việc để có đủ ăn, đủ mặc, cho nên trong xã hội có bọn người chuyên nghề cày cấy, bọn người chuyên nghề chăn nuôi, bọn chuyên làm dụng cụ, vũ khí. Bọn này trao đổi vật dụng cho bọn kia.

Ruộng đất trước là của chung cả bầy, cả bộ lạc, sau là của chung từng tộc đoàn. Những người trong tộc đoàn cày chung cấy chung, hoa lợi hưởng chung. Đến khi trong xã hội có sự phân công, bọn chuyên làm nghề này, bọn chuyên làm nghề khác, không phải phần nhiều chỉ làm ruộng như trước nữa; việc cày chung cấy chung không thực hành được, tộc đoàn phải giao ruộng cho từng nhà. Vì thế ruộng đất thành của riêng từng gia đình.

Khi đó người ta đã tìm được nhiều kế sinh nhai: cày cấy, chăn nuôi, đánh cá, săn bắn, làm dụng cụ, v.v... Những kế sinh nhai ấy thâu tóm trong tay người đàn ông. Quyền kinh tế trong gia đình ở người đàn ông. Người chồng chết đi để lại ruộng cho con trai. Chế độ

1. Ở thượng du Bắc Kỳ có một thứ ruộng của người Mèo, người Thổ, v.v... gọi là "nương" có tính chất như thế.

phụ quyền thành lập. Bởi lệ cha mẹ chia gia tài cho con, ruộng đất trải qua đời này sang đời khác, biến hẳn thành của riêng từng nhà.

Vì có bọn người từng làm việc chuyên môn cho nên có sự trao đổi hàng hóa và trong xã hội sinh ra một hạng chuyên làm nghề buôn bán, đồng thời sinh ra tiền và nạn cho vay nợ lãi. Người ta đã có thể tậu bán được ruộng đất. Bọn con buôn dùng cách buôn bán, cho vay, tậu ruộng, chiếm ruộng của từng nhà. Một phần ruộng đất thành của riêng bọn trục lợi.

Cũng có khi hai bộ lạc đánh nhau, bọn chiến thắng (được trận) chiếm đất của bọn chiến bại (thua trận), đem chia nhau. Ruộng đất của bọn chiến bại biến thành của riêng bọn chiến thắng. Bọn chiến bại hóa làm nô lệ của bọn kia và phải cày cấy, trồng trọt, kiếm hoa lợi cho họ.

Vậy lịch sử chứng tỏ rằng: quyền sở hữu về ruộng đất không phải là quyền tự nhiên "trời sinh ra thế" như người ta thường nói. Quyền có ruộng đất làm của riêng không phải đã có ngay từ khi loài người mới sinh ra. Thoạt tiên nó là kết quả của sự phân công, sau là kết quả của sự chiếm đoạt, ăn cướp và bóc lột.

Tóm lại, địa chủ có ruộng, ruộng đất ấy không phải nó mang theo từ bụng mẹ nó mà ra, cũng không phải trên trời rơi xuống cho nó; quyền có ruộng của địa chủ là quyền không tự nhiên, quyền phi nghĩa.

Thấy anh dân cày có vẻ hơi hiểu và để ý nghe, với cặp mắt sáng hơn trước, chúng tôi nói tiếp:

– Bây giờ chúng tôi trở lại vấn đề địa chủ ngồi không, bóc lột địa tô. Anh đã thấy rằng vì sự bất công mà nó có ruộng đất, lại vì sự bất công mà nó được hưởng hoa lợi do dân cày làm ra; nó ngồi không, chiếm một nửa, như thế là bóc lột.

– Thế ra từ trước đến nay chúng tôi vẫn bị bóc lột?

– Thì cố nhiên.

Ta xem câu chuyện trên đây đủ biết dân cày có nhiều thành kiến, bị giáo dục xấu xa, bị tập quán của chế độ nhồi sọ từ lâu đời, đến nỗi tưởng rằng mình không bị bóc lột, lại mang ơn người bóc lột mình, tự coi mình là người nhà, là đầy tớ của chủ. Thật là nguy hiểm hết sức!

Dân cày ăn ở riêng rẽ, không tập trung vào một chỗ như thợ thuyền, cho nên không tự mình trông rõ lực lượng của mình, kém óc

xã hội. Cách ăn làm của họ khiến họ khó nhận rõ được trạng thái giai cấp bóc lột trong xã hội. Ở nhà quê đường giao thông ít mở mang, sách báo hiếm, cho nên óc mê tín và những thành kiến còn nhiều. Dân cày chia làm nhiều lớp, không phải là một giai cấp thuần nhất như giai cấp công nhân, vì vậy tư tưởng cũng không được thống nhất. Đó là những cái không lợi cho dân cày. Trái lại, dân cày chiếm đại đa số trong nhân dân, lại bị nhiều từng áp bức bóc lột, cho nên dân cày có một sức mạnh tiềm tàng, đáng chú ý và đáng khâm phục. Chúng ta phải thấy hết ưu điểm và nhược điểm của dân cày, nhưng tuyệt đối không được coi thường dân cày.

...

QUYỂN HAI

Chương V

DÂN CÀY THIẾU RUỘNG

Dân cày sống về ruộng đất, nhưng ruộng đất ở Đông Dương lại không nuôi sống đầy đủ cho dân cày.

Sự thật ấy hình như người ta chưa chịu để ý. Ta không thể không vạch rõ nó ra khi ta bàn đến vấn đề nông dân. Những vấn đề ruộng đất mênh mang, phiền phức. Chưa sưu tầm đủ tài liệu, chúng tôi chỉ xin bàn qua về việc phân chia ruộng đất ở Đông Dương, chú trọng nhất về công điền, công thổ mà chúng tôi cho là then chốt của vấn đề ruộng đất trong thời kỳ này.

Hiện tượng tập trung ruộng đất và sự lũng đoạn ruộng đất

Xét lịch sử nước Việt Nam phong kiến, ngày xưa tất cả ruộng đất là của công, hay nói một cách khác, là của nhà vua. Mỗi khi một đời này thay thế quyền chính cho đời kia, ruộng đất cũng chuyển tay, hình như là gia tài riêng của các đời vua vậy. Dân cày phải nộp thuế cho triều đình và với một phần hoa lợi còn lại sinh nhai một cách rất khổ.

Từ đời Lê Đại Hành đánh đuổi bọn xâm lược Trung Quốc đến nhà tiền Lê, nhà vua cấp cho những vị khai quốc công thần một phần ruộng làm của riêng, gọi là *công thần điền*.

Cuối đời Lý, nhà vua cho công thần Lê Phụng Hiểu đứng trên đỉnh núi ném con dao đến đâu được quyền có ruộng ra đến vùng đó. Ruộng ấy biến thành ruộng tư, gọi là *thác đao điền*. Đời Hậu Lê có tục cấp ruộng cho Sứ thần. Ruộng này cũng biến thành của tư, gọi là *sứ thần điền*. Đấy là chưa kể những chuyện chiếm ruộng công làm ruộng tư của những bọn nịnh thần, về phe chúa Trịnh hay chúa Nguyễn. Ví dụ: quận Nhưỡng (Hải Dương) chiếm thật nhiều ruộng đất.

Đến triều Nguyễn, với chính sách đạc điền và chính sách "Minh cương giới" của Gia Long, người ta thấy tư điền và công điền phân chia địa bạ rất minh bạch.

Đầu thế kỷ XIX, ruộng đất mới tập trung một phần nào. Đứng về nguyên tắc, chế độ công điền làm cho trong nông thôn không có hạng người thật vô sản, vì ai nấy đến tuổi 18 đều được hưởng một phần ruộng công. Nhưng đứng về thực tế lại khác hẳn, như ta sẽ thấy trong đoạn nói về công điền ở dưới. Bên cạnh những ruộng tư của ông Hoàng, bà Chúa, công thần, khoa mục, v.v..., phần nhiều ruộng đất lúc bấy giờ là của công.

Từ khi người Pháp sang Đông Dương, ruộng đất cứ ngày một tập trung vào tay đại địa chủ, nhất là các cố đạo, các nhà thực dân người Pháp.

Nguyên nhân là vì người Pháp sang Đông Dương đã mang theo chủ nghĩa tư bản, làm biến chuyển cả nền kinh tế của nước Việt Nam cố.

Họ chở tư bản sang Đông Dương mở mang hiệu buôn, nhà máy, khai thác mỏ và đồn điền, làm cho công nghiệp và thương nghiệp bắt đầu phát triển. Một mặt họ sản xuất ra một ít hàng hóa ở đây, một mặt họ chở hàng hóa bên Pháp sang bán cho dân thuộc địa.[1] Những công nghiệp phẩm, hoặc nói một cách khác những hàng hóa chế tạo bằng máy móc tràn ngập vào trong xứ. Không cạnh tranh nổi, công nghiệp và thủ công nghiệp của người bản xứ phải đổi bại. Dân cày phần nhiều có nghề thủ công là nghề phụ thuộc để sống ngoài ngày mùa, do đó bị phá sản rất nhiều. Tình cảnh của họ sa sút, rồi ruộng vườn phải bán cho địa chủ, đi làm thuê cho địa chủ, phú nông, hoặc lên tỉnh làm thợ, vào nhà máy, đi các mỏ và đồn điền.

---

1. Công nghiệp nào mở mang ngay ở đây mà không hại cho công nghiệp bên chính quốc thì được phép mở mang, ví dụ: công nghiệp dệt, diêm, xi măng, v.v... Còn công nghiệp luyện gang thép, chế tạo máy móc thì độc quyền mở mang bên chính quốc.

Ở các thành thị, các chợ to, các huyện ly đông đúc, đường giao thông tiện lợi, thương mại phát triển, ta thấy sản sinh ra một bọn người làm giàu về nghề buôn. Họ thừa tiền cho vay nợ lãi và lần lần choán ruộng đất của dân cày nghèo bằng cách bắt người có nợ phải gán ruộng, bán đoạn hoặc bằng cách cầm ruộng.

Trải qua những năm từ 1924 đến 1929, thủ công nghiệp bản xứ sa sút, ruộng đất tập trung vào tay địa chủ, số dân cày vô sản hóa rất đông. Đến khi kinh tế đại khủng hoảng, dân cày nhiều nơi phải cầm đợ ruộng đất cho nhà giàu, rồi đến hạn không trả được phải bán đoạn cho chủ nợ với một giá rất hạ. Ruộng đất càng tập trung mạnh vào tay bọn địa chủ hoặc nhà Nông phố Ngân hàng.

Nhưng bên cạnh sự tập trung ruộng đất bởi luật cạnh tranh và phát triển của kinh tế như đã nói ở trên, ta còn thấy ruộng đất tập trung do sự *chiếm đoạt*. Theo pháp luật của Chính phủ bảo hộ, ông Thủ hiến Đông Dương có quyền cho cá nhân từ 1.000 mẫu tây đến 4.000 mẫu; quá số ấy quyền cho đất phải ở trong tay ông Thượng thư thuộc địa. Chế độ cho đất (institution de concessions) này đã đẻ ra những đồn điền khổng lồ của người Pháp.

Nhất là vào khoảng những năm 1885 – 1890, quân Cờ Đen, Cờ Vàng hiệp lực với người Việt Nam chống lại người Pháp, ở Bắc Kỳ có một số dân chạy loạn, bỏ ruộng đất mà đi. Một phần ruộng bị bỏ hoang. Chính phủ bảo hộ ký Nghị định nhượng cho những nhà thực dân làm đồn điền. Cũng có nơi thuộc tỉnh Bắc Giang, sau khi biến loạn, dân trở về quê cũ, Chính phủ bắt họ khai lại ruộng đất; họ khai ít đi để trốn một phần thuế. Mấy chú "cô lông" (colons) láu cá biết thóp đứng ra xin khẩn những phần đất không khai. Lúc đó Chính phủ cũng yết thị cho dân ai thấy việc xin khẩn kia phạm đến ruộng đất của mình thì có quyền khiếu nại. Nhưng ra hạn ngắn quá, dân quê không chú ý; hết hạn bọn Tây thực dân kia cứ chiếu địa đồ cắm lấy ruộng. Đồn điền của "bà chủ" Táctaranh (Tartarin) ở Hiệp Hòa là một ví dụ. Dân mất ruộng là dân các làng Châu Lỗ, Tiên Sơn, Hưng Châu, huyện Hiệp Hòa (Bắc Giang). Dân có phần ruộng đất kia bỗng hóa ra tá điền cho chủ mới.

Nhưng thật ra những việc ấy cũng chưa bất bình bằng việc chiếm đoạt hơn 4.000 mẫu ruộng của 22 làng thuộc các huyện Gia Lâm, Văn Giang, Văn Lâm (Bắc Ninh).

Năm mươi năm trước đây, ở Bắc Kỳ có xảy ra một cuộc khởi

nghĩa mà người ta thường gọi là "Giặc Bãi Sậy", rồi gặp luôn đến cuộc vỡ đê Văn Giang. Dân cư 22 làng kia không làm ăn được, phải bỏ hoang một phần lớn ruộng đất. Đến khi loạn lạc đã yên, sự cai trị trong hương thôn đã được ổn định, dân lại nộp thuế cho Chính phủ, mặc dầu ruộng vẫn bỏ hoang chưa cày cấy. Vào khoảng 1907 - 1908, Mácty (Marty), một người Tây côlông, sau khi đã xin Chính phủ khẩn trương, về chiếm đứt ngay của dân một vùng rộng chừng hơn 4.000 mẫu. Người ta đem người về đạc điền, cắm ruộng, chôn mốc, đào hào, đắp lũy, vượt lên một cái đồn điền ăn vào vùng địa hạt của 22 làng. Dân làng có địa bạ Gia Long làm bằng cứ, song vẫn bị cướp ruộng trốc tay. Cực chẳng đã phải liều mạng ra ngăn cản; một bên công nhân của chủ đồn điền mộ từ xa tới, một bên dân mất ruộng đã nhiều phen xung đột; có khi xảy ra án mạng, rốt cuộc vẫn vô hiệu. Dân cày đã nhiều lần kiện cáo, quan cứ làm lơ. Thế cô đành phải chịu; rồi một số biến thành tá điền cho người đã chiếm đoạt ruộng đất của mình.

Nỗi oan ức ấy không biết kêu vào đâu được!

Năm 1929 chực chiếm ruộng của dân Dương Am, Hải Dương, Pátxinha (Passigna) [1]đã gây ra một cuộc dân cày đấu tranh kịch liệt.

Mà cần chi phải kể những việc xảy ra từ lâu. Hãy nói ngay đến việc cướp ruộng của 2.000 dân cày hạt Long Xuyên năm 1937. Hai nghìn dân cày đã đem mồ hôi nước mắt ra khai khẩn 1.378 mẫu tây từ lâu đời. Họ vẫn nộp mỗi mẫu 2đ10 thuế cho Chính phủ. Tưởng rằng đất bỏ hoang, ai nhận khai khẩn trước thì được quyền hưởng lợi, dân cày không nghĩ đến việc trước bạ ruộng đất để tránh những sự bất trắc xảy ra về sau. Họ ngại đi lại cửa công và rất sợ giấy tờ phiền phức. Ngờ đâu ông chủ tỉnh Long Xuyên tuyên bố 1.378 mẫu kia là ruộng công. Rồi trong một phiên Hội đồng hàng tỉnh người ta thấy đa số tán thành cho ông Lê Quang Liêm, một nhà đại địa chủ Nam Kỳ kiêm Hội đồng quản hạt, ký giao kèo thuê đứt số ruộng ấy. Thế là trong giây phút 2.000 dân cày hạt Long Xuyên bị cướp ruộng, biến thành tá điền. Không muốn thế, họ đã đấu tranh, xung đột với bọn người nhà ông Liêm đến đổ máu.

Ở Nam Kỳ hiện nay, miền Hậu Giang luôn luôn xảy ra những chuyện lôi thôi về tranh chiếm ruộng đất. Có nhiều lô đất Chính phủ đã nhượng cho bọn thực dân hoặc cho địa chủ bản xứ từ lâu đời. Dân

1. Một nhà thực dân người Pháp.

cày không biết, đầu đơn xin khẩn. Chính phủ cũng cứ cho. Đến khi đã tốn bao nhiêu công sức phá hoang thành ruộng, tưởng đã yên thân. Bỗng nhiên một ngày kia, bọn thực dân hay địa chủ đem một tụi côn đồ đến cấm lấy ruộng, công nhiên chiếm đoạt.

Tình trạng ấy làm cho cuộc xung đột giữa địa chủ và dân cày trong Nam ngày thêm gay gắt. Và đó là nguyên nhân chính của các cuộc dân cày đấu tranh hiện thời ở xứ này.

Ngoài Bắc gần đây có việc chiếm ruộng ở Thiện Tường (Thái Bình) là đáng chú ý hơn cả. Hơn 40 năm trước đây, một nhà đại địa chủ (Nam Định) xin lĩnh trưng một thửa đất bồi ở bờ biển Thái Bình (thuộc huyện Tiền Hải). Chưa kịp khai khẩn y đã chết. Nối nghiệp cha, con cái y chiêu mộ dân đinh đến cày cấy. Chỗ ruộng mới vỡ thật ra ở vào hai nơi sát bờ biển cách nhau hai cây số. Hai nơi này không bao lâu đã thành hai thôn của một làng đặt tên là Thiện Tường. Không may gặp bão mồng hai tháng năm (1905), nước biển dâng to, mùa màng mất, nhà cửa giạt trôi, dân cư xiêu bạt. Qua cơn bão, tụi địa chủ chỉ chú trọng tu bổ một thôn đỡ hại, còn thôn kia bỏ mặc tá điền. Không được một chút giúp đỡ, những người này ráng sức làm lụng, gây lại ruộng vườn. Họ đắp đê ngăn nước.

Không bao lâu trên thôn Thiện Thành cũ đã mọc lên một cái làng mới lấy tên là Thiện Tường. Việc này có ông Đavít (David), Công sứ Thái Bình lúc đó cho phép và chứng thực.

Sau 20 năm cần lao, chống với sức tự nhiên, dân Thiện Tường đã có được 165 mẫu ruộng. Quang cảnh ngày một trù phú.

Tụi địa chủ Nam Định trông thấy mà thèm. Họ chiếu giấy xin lĩnh trưng của ông cha kiện dân Thiện Tường, chiếm lại ruộng đất.

Tòa xử cho họ được kiện. Thế là dân cày bị cướp không 165 mẫu mà mình đã tốn bao nhiêu công sức gây nên. [1] Một số bỏ đi, còn một số đành nuốt hận làm tá điền cho bọn bóc lột.

Trên đây là mấy cái ví dụ chứng tỏ dân cày bị địa chủ chiếm ruộng. Và đó là một nguyên nhân bất thường làm cho ruộng đất ngày càng tập trung vào tay bọn người ăn bám kia!

....

1. Khi Mặt trận Bình dân lên cầm quyền, dân làng Thiện Tường làm đơn kêu Chính phủ. Ông Côlat (Côlas), Công sứ Thái Bình, bắt tụi địa chủ phải trả lại cho dân một nửa ruộng làm công điền của làng. Nhưng họ vận động không trả, khiến cho giữa bọn đi bóc lột và người bị bóc lột đã xảy ra nhiều cuộc xung đột dữ dội.

Chương IV

TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU VỀ ĐỜI SỐNG CỦA DÂN CÀY

...

Hối lộ: một tai nạn xã hội rất ghê tởm

Dân Đông Dương nghèo vì nạn cho vay nợ lãi, khánh kiệt về nạn hối lộ của quan trường.

Ở Việt Nam, "ăn của đút" đã thành cái tật.

Khi quan mới về nhận chức, người ta xúm nhau lại biện lễ mừng. Ai sơ suất không "làm tròn phận sự" sẽ bị "trù" và khi nào xảy ra việc gì sẽ phải trả nợ sự sơ suất kia bằng một giá rất đắt. Muốn có tiền lễ quan ngày giỗ ngày Tết, bọn kỳ lý phải bóp họng dân. Mỗi năm vào vụ thuế, các quan từ Tri phủ, Tri huyện đến Tổng đốc, Tuần phủ, ai nấy đều có "bổng". Bọn kỳ hào phù thu lạm bổ phải dành một phần tạ quan mỗi khi đem cho quan duyệt y sổ bổ hoặc đăng trình. [1]

Nhiều quan phủ, huyện không chấp đơn nếu lá đơn không kèm theo một vài đồng bạc. Dân ăn khao, vào đám, mổ trâu, mổ bò phải xin phép quan và muốn được phép phải biện lễ. Những vụ kiện cáo chia gia tài, tranh chiếm ruộng đất và nhiều vụ kiện khác rất nhỏ nhen, tỉ mỉ, đều là những dịp khiến cho quan nha nạt dân lấy tiền.

Một người dân đâm đơn kiện phải chè lá cho chánh phó lý; lên huyện phải đút tiền cho nha, lệ, cho các cậu nho, một hạng thư ký riêng của các thầy thừa; vào hầu quan lại phải biện lễ cho quan, đút lót người nhà trong, quan bà, cai cơ, cậu lệ. Việc lên đến tỉnh phải vào "hầu" cụ Thượng, cụ Án, và chè lá cho quan Tham, thầy Ký ở các sở, các tòa. Việc xong, nếu được kiện lại phải lần lượt "hậu tạ" từ trên đến dưới. Được kiện đã đành là khánh kiệt gia tài, mà thua kiện thì chắc chắn là sạt nghiệp và có khi phải ngồi tù nữa là khác. Bên nguyên, bên bị chỉ làm béo cho quan nha.

Song món béo bở nhất của quan trường là những việc bầu bán công danh.

---

1. Đem thuế lên nộp ở tỉnh.

Nhà nào có máu mặt ra ứng cử hương lý, mua tậu chức dịch trong làng, phải đút hàng nghìn vào miệng các quan "phụ mẫu".

Tết quan, giỗ nhà quan, cậu ấm lấy vợ hoặc quan cưới nàng hầu, mỗi thứ là một thứ tiền. Cuối năm quan đi soát điếm canh: tiền. Gần Tết cậu lệ về nhờ các cụ, các ông trong làng "vài đồng tranh pháo": cũng tiền. Dân quê thật là con bò vắt sữa của tụi tham quan, ô lại. Chúng dùng lời đường mật mà thí giỗ, hoặc roi vọt, gông cùm dọa nạt, làm cho phải vọt tiền ra mới nghe.

Những thủ đoạn ăn tiền của bọn mọt dân rất khéo léo và quỷ quyệt. Ngày xưa hạng quan nhà Nho sinh hoạt còn tương đối giản dị; họ chịu ảnh hưởng của đạo Khổng nhiều và còn biết kiêng dè dư luận một phần nào. Có người học Nho mà ra làm quan cũng tham ô vô độ. Nhưng phần nhiều ngày xưa quan trường không đến nỗi thối nát như bây giờ. Ngày nay, tụi quan trường tân học đua nhau sinh hoạt theo lối Âu, thi nhau làm tiền; anh nào có thủ đoạn quỷ quyệt của anh nấy. Ở Bắc Kỳ có một bọn quan muốn tránh tiếng ăn của đút bèn nghĩ ra cách nhận lễ gián tiếp. Họ cho cai cơ đứng ra giả vờ bán chè rượu cho dân ngay trong dinh. Người dân nào muốn đầu đơn phải mua chè rượu của bọn này. Mua ngay trong dinh rồi bưng lên quan. Làm như thế công chúng đỡ nhòm ngó. Số tiền mua chè rượu kia, tụi cai cơ không được bỏ túi; họ phải nộp lại cho quan và số chè rượu dân biếu quan trở lại tụi cai cơ và nằm dưới trại, đợi một người dân khác đến sẽ diễn lại tấn tuồng hối lộ giấu mặt của "quan phụ mẫu".

Chè rượu kia là chè rượu chỉ có vỏ. Dân cũng quen thủ đoạn ấy, cứ bảo nhau làm trò quỷ thuật: biến tiền ra chè rượu vỏ, biến chè rượu vỏ ra tiền.

Có ông quan tỉnh cho bao thầu hối lộ. Muốn tránh tiếng tham ô, ông này cho một ông quan phủ, huyện nào đó bao những việc công danh. Mỗi khi ai ra làm lý trưởng, chánh tổng, cứ đưa tiền cho quan huyện rồi quan huyện đưa lên tỉnh nộp quan trên sau khi đã giữ lại một phần cho mình; như thế là quan tỉnh và quan huyện chia nhau ăn của đút. Muốn che mắt bàng quan, họ cũng có tổ chức.

Với những ông quan tân học, hối lộ đã thành một cái thuật của nhà nghề.

Nhưng có nhiều ông quan ăn tiền rất đê mạt, họ công nhiên nạt

dân lấy của và họ thật là một tên ăn cướp ban ngày. Tháng Chạp năm 1936, một viên tri phủ ở Thái Bình, bắt tên cựu thư ký Tống Văn Hiển làng Thượng Phú phải ra ứng cử lý trưởng để có dịp ăn tiền, vì thấy tên này cũng có máu mặt. Hiển không chịu, quan liền hạ lệnh tống giam dưới trại ba ngày, không cho ăn.

Tháng 10 năm 1936, viên chủ quận An Can vì can 29 vụ hối lộ mà bị huyền chức. Trong 29 vụ đó có nhiều việc rất nhơ bẩn. Ví dụ:

– Tên Phòng hiếp dâm Thị Ngoa 12 tuổi rồi sợ ở tù, nhờ tên Chánh đem lo ông quận 50 đồng;

– Ông quận đòi lột chức xã Từ Công Trọng rồi ăn 50 đồng;

– Hai tên Gác và Nhâm vì tranh đất giết chết tên Đước, rồi anh rể là Hương lo quan 50 đồng, v.v... [1]

Ngày 30–9–1936, Nguyễn Văn Đàm, Tri phủ Tĩnh Gia (Thanh Hóa) bị "tại ngoại hậu cứ" vì đã sai viên lại mục thầy tớ bẩm để ăn tiền của dân. [2] Tri phủ Đàm còn can tội "bắt dân biện lễ mỗi khi đến lĩnh trích lục, đến nộp thuế, và gá bạc cho tổng lý đánh để ăn hồ". [3]

Đó, là những thành tích quý hóa của các "quan phụ mẫu"!.

Đôi khi Chính phủ cũng có trừng phạt, nhưng chỉ trừng phạt những vụ quá trơ tráo đã gây dư luận rất xấu trong nhân dân, muốn bịt đi cũng không được.

Cuối năm 1936, viên tri huyện Đặng Trần Cung bị gọi về tòa Nhì phủ Thống sứ để chờ ra trước Hội đồng kỷ luật.

Viên Tri phủ Phó Bá Thuận bị huyền chức một năm bởi Nghị định ngày 16 –4–1935.

Viên tri huyện Lê Sỹ Vỹ cũng bị như thế bởi Nghị định ngày 24–8–1935. Viên tri huyện Nguyễn Quang Thân cũng bị huyền chức.

Một điều đáng chú ý là phần nhiều những viên quan đã làm nhơ bẩn quan trường lại được trở lại làm việc. Ví dụ: Phó Bá Thuận, Lê Sỹ Vỹ, Nguyễn Quang Thân, Nguyễn Huy Can v.v... Một quan Phủ bị phát giác về việc bắt ép người ta phải "tình nguyện" ra làm lý trưởng chỉ phải đổi đi nơi khác. Nhiều quan lại bị kiện về chuyện ăn hối lộ, có nhiều tiền lễ các "quý quan" cũng xong việc như thường.

---

1. *Báo Đông Pháp* ngày 4–10–1936.
2. Xem báo *Trung Bắc* ngày 30–9–1936.
3. Như trên.

Sự trừng phạt không đến nơi đến chốn của Chính phủ không đủ làm cho bọn mọt dân sợ sệt.

Người ta bàn đến việc chấn chỉnh quan trường đã nhiều, nhưng không mấy khi chịu xét đến nguyên nhân nạn hối lộ, một cái ung nhọt trong quan trường. Thật thế, quan trường ăn hối lộ là một hiện tượng cũng như hết thảy các hiện tượng khác, đều có nguyên nhân. Một ông quan khéo làm tiền, chịu luồn lọt thì chóng được thăng trật. Trái lại, ông nào thanh liêm trong thời điểm này sẽ gặp nhiều nỗi khó khăn. Sống trong đám quan trường lên xe, xuống ngựa, nhảy đầm, ăn tiệc, mà một mình sinh hoạt giản dị, vợ con không được "tân thời", bạn đồng nghiệp sẽ cho là hủ lậu và tẩy chay, không chơi với. Trong một tỉnh, các quan phủ, huyện đều chung tiền giỗ bố quan tuần, riêng mình không, tất không khỏi mua oán vào thân. Mỗi lần lên tỉnh hội thương, cụ tuần bảo ngồi "hầu" tổ tôm, mạt chược, không có bạc trăm để thù tiếp cũng không xong. Trăm món tiêu xài phung phí. Hoàn cảnh ấy thúc giục các quan ăn hối lộ.

Trong quan trường ngày nay, từ trên đến dưới, người ta đều cho hối lộ là chuyện tất nhiên. Cho nên người ta che chở lẫn nhau. Tổ chức nhau trong ngạch cai trị mà ăn cho khỏi lộ. Không may vỡ chuyện thì vội vàng đút lót quan trên, tìm hết cách bưng bít đi. Ông quan nào cũng nghĩ ra trăm nghìn thủ đoạn ăn tiền. Ai thạo ngón xoay xu lại lấy làm vinh hạnh!

Dân quê ít học, không biết luật pháp là gì. Động có việc là đi kiện nhau, bị quan tham, lại nhũng, thầy cò, thầy kiện phỉnh phờ, dọa nạt. Ruộng, vườn, nhà, cửa dần dần rơi vào túi tham không đáy của chúng.

Tóm lại, hoàn cảnh quan trường cám dỗ quan ăn hối lộ mà trình độ giác ngộ của dân còn thấp. Nếu không cải thiện đời sống cho dân, nâng cao trình độ của dân và nếu không trừng trị thẳng cánh bọn ăn hối lộ, thì nạn hối lộ nhơ bẩn khó bề tránh khỏi, và còn lâu nữa nó vẫn là cái ung chảy mủ trong ngạch cai trị ở xứ này.

Chế độ cai trị mục nát trong nông thôn

Ở nước ta, mỗi làng có một tổ chức cai trị riêng. [1] Làng Bắc Kỳ có ban Hội đồng làng hay Hương hội; làng Nam Kỳ có ban Hội tề. Những ban này, phần nhiều bị địa chủ, phú nông chiếm giữ. Tuy có Nghị định ấn định sự bầu cử nhưng người ta không cần; ai giàu có trong làng cứ việc vung tiền ra chạy chọt, đút lót; đến khi chức trách trong tay thì tha hồ bóc lột đàn em, xà xẻo của công để bù đắp lại số tiền khao lễ lúc ra ứng cử. Chức chánh tổng, lý trưởng nông thôn rất béo bở, cho nên thường khi ta thấy tranh nhau ứng cử, bán cả gia tài.

---

1. Ở Nam Kỳ, ban Hội tề có:
- Hương cả.
- Hương chủ (như tiên chỉ ở Bắc Kỳ).
- Hương trưởng.
- Hương chính, giữ việc xử kiện trong làng.
- Hương giáo, dạy học.
- Hương bộ, giữ sổ sách.
- Hương quản, giữ việc canh phòng (có lương).
- Hương chánh, giữ sổ sinh tử giá thú.
- Hương thân, thu thuế với xã trưởng (có lương).
- Hương hào.
- Xã trưởng, cũng như lý trưởng (có lương).
- Ban Hội tề mỗi khi khuyết một chân thì bọn kỳ hào cử người thay. Dân không được dự việc cử.

Ở Bắc Kỳ ban Hương hội gồm có:
- Chánh hương hội, có khi cũng là tiên chỉ.
- Phó hương hội.
- Lý trưởng, thu thuế, xử kiện trong làng.
- Phó lý, giữ việc tuần phòng.
- Thủ quỹ, giữ quỹ cho xã.
- Thư ký, giữ việc giấy tờ.
- Chưởng bạ, giữ sổ đinh, điền.

Dưới ban Hương hội còn có ban Tộc biểu, nhiệm vụ chỉ là giúp lý trưởng trong việc thu thuế, bắt phu.

Ở Trung Kỳ, Hội đồng làng có những "bộ" như sau:
- Lý trưởng.
- Phó lý.
- Hương bản.
- Hương kiểm.
- Hương mục.
- Hương dịch.
- Hương bộ.
- Hương thơ (người đưa giấy ở nhà quê, giúp việc "Phắctơ").
- Hương yên (cũng như chưởng bạ ở Bắc Kỳ).

Bán gia tài mà không thiệt. Đó chẳng qua chỉ là một cách "thả vỏ quýt, ăn mắm ngấu". Chỉ vài vụ thuế cũng đủ hòa vốn. Vả lại ra đình được ăn, được nói, được chiếm ruộng công, được đầu gà má lợn [1] và sau hết khỏi phải mang tiếng là "bạch đinh".

Từ năm 1925 trở về trước, ở Bắc Kỳ chưa "cải lương hương ước", trong làng chỉ có chánh phó lý đẽo khoét dân đen. Từ ngày "cải lương", người ta đặt ra Hội đồng làng, lại thêm cho dân một tụi bóc lột. Hội đồng làng có những người chuyên môn, phân công nhau mà cai trị; nếu có những người có năng lực và ngay thẳng trong nông dân lao động ra làm việc thì các tổ chức ấy cũng không đến nỗi vô ích. Nhưng trong điều kiện hiện nay, Hội đồng ấy chỉ là cơ quan phiền phức khiến cho bọn địa chủ lợi dụng để áp bức bóc lột dân cày, lợi chưa thấy đâu, chỉ thấy hại. Ai có xem Hội đồng làng làm việc mới thấy rõ sự "bí bét" của nó. Cãi cọ nhau như mổ bò. Chẳng đoán định được gì ra trò hết. Biên bản, giấy tờ phần nhiều là giả dối che mắt quan trên. Nhiều nơi ban này cả năm chẳng bao giờ họp. Bao nhiêu quyền hành đều do lý trưởng hoặc một mình chánh hội nắm hết (như làng An Phú, Thái Ninh, Thái Bình). Quan trên có sức về khai sổ chi thu thì chánh hội bịa đặt các khoản điền vào tờ khai kiểu mẫu, làm cho xong chuyện. Có làng chánh phó hội chết cả mà công việc làng vẫn "chạy" như thường. Có lẽ Chính phủ biết thế, cho nên cũng không thấy sức bầu lại. Xem như làng Thượng Phú (Thái Ninh, Thái Bình) không có hương hội đã năm năm nay thì đủ rõ.

Bọn hương hội, kỳ mục không phải chỉ chuyên việc trị an trong hương thôn. Họ còn phải thu thuế, canh đê, trông nom việc tế lễ thần thánh..., mỗi việc là một cớ cho họ đục khoét dân, và đến vụ thuế họ phù thu lạm bổ, làm tiền mạnh.

Mượn cớ thế thần, họ thường hay chiếm ruộng công của dân. Làng Hiến Nạp (Duyên Hà, Thái Bình), có 33 mẫu công điền; bọn cường hào chỉ cấp cho dân mỗi người 5 thước, hết tất cả 12 mẫu. Trong số 26 mẫu còn lại, họ đem cố 10 mẫu trong 8 năm lấy 500đ bỏ túi. Làng Đại Hữu (Tiền Hải, Thái Bình) có hơn 70 mẫu công điền;

---

1. Ta hãy xem cách chia phần của làng Vy Sĩ (Thái Bình) thì đủ biết quyền lợi của kỳ hào ở chỗ xôi thịt như thế nào. Khi có việc tế lễ trong làng, người ta làm như sau:

– Sỏ lợn biếu tiên chỉ,

– Khoanh cổ biếu kỳ mục,

– Bụng biếu cựu hương chức,

– Chân giò biếu tộc biểu, v.v...

Hương hội tự tiện đem bán đấu giá lấy tiền ăn uống, không làm được việc gì lợi cho dân lại còn cả gan trích thẳng ra 13 mẫu, 2 sào, 2 miếng để dùng vào việc kỷ niệm sinh nhật người nhà viên chánh hội.

Làng Hành Nghĩa (Vũ Tiên, Thái Bình) bọn kỳ hào và con cháu của chúng chiếm đoạt của công, ức hiếp dân đen, làm nhiều điều vô lý. Trong dân có người can đảm đứng lên phản đối. Chúng liền bỏ rượu vào ruộng đi báo Đoan, hoặc bày ra trộm cướp rồi bảo đầy tớ chiêu xưng làm cho phải tù tội. Năm 1932, bọn anh Tu vô tội đã bị tù vì cái chính sách "nhổ gai trước mắt" của bọn cường hào này.

Bà già Trần Thị Ruyên làng Cổ Tiết (Đông Quan, Thái Bình) bị người nhà Phó tổng Long đánh một trận nhừ tử; chỉ vì trên ruộng tư của bà có một bình rượu mà bà chắc chắn rằng bọn cường hào lập kế phao vu để trả thù bà [1].

Đêm hôm mồng 10–11–1936, theo lời người báo có "đám hội họp" ở làng Trà Xuyên, ông huyện Võ Giàng (Bắc Ninh) cho chánh tổng Châm Kê, chánh phó hội và lý trưởng Trà Xuyên đến nhà anh Nguyễn Văn Hữu khám xét. Đến nơi thì thấy mấy người trong họ đang mổ lợn cúng giỗ. Bọn kỳ hào lập biên bản rồi đòi giải cả người cùng thịt thà, lễ vật lên quan. Mãi đến 10 giờ sáng hôm sau, chủ nhà giục chúng giải đi cho xong chuyện, chúng cứ dùng dằng đòi ăn lễ. Đến 11 giờ ông huyện sốt ruột thân hành về tận nơi xem. Tụi kỳ hào khai là sự chủ kháng cự không cho họ "thừa hành chức vụ"; nhưng ông huyện chỉ thấy mấy thúng thịt thiu phơi ngoài nắng, còn ngoài ra không có chuyện gì hết. Thì ra bọn kỳ lý lợi dụng trát quan nhũng nhiễu dân quê. [2]

Tháng 3 năm nay (1938), anh Phạm Muộn ở làng Nhuận Ốc, tổng Bồng Hải, (Yên Khánh, Ninh Bình), bị ngờ là làm thơ mạt sát chính sách hà khắc của quan trên và chánh tổng. Chúng "trù mặt", chờ dịp trả thù. Tháng 5 năm 1938 xảy ra một đám cướp ở làng; nhà khổ chủ chính là chân tay của chánh tổng. Việc xảy ra, tên chánh tổng cho bắt giam cả 4 anh em Phạm Muộn tra khảo rất dã man. Hắn còn bắt em Phạm Muộn ký giấy nhận rằng 6 giờ tối có sang nhà khổ chủ để có cớ mà buộc tội. Còn Phạm Muộn, anh bị chánh tổng bắt quỳ vào hai cái trôn bát có muối và đá dăm, rồi bị nhốt vào buồng, buộc hai ngón chân cái treo lên xà nhà và bị đánh sưng tím

1. Coi *Việt báo* ra ngày 22–10–1936.
2. Theo các báo hằng ngày ở Hà Nội tháng 10 năm 1936.

mình mẩy. Máu chảy ra, quân cường hào bắt liếm đi.

Đó là những việc rất thảm thương, khốn nạn trong nông thôn đủ chứng tỏ rằng bọn cường hào là cái nạn của dân cày.

Không phải chúng tôi chỉ căn cứ vào dăm ba việc mà kết tội chung các chức dịch. Trái lại, chúng tôi nhận rằng: mấy năm nay cũng có người hiểu biết ra nhận việc làng, cố gắng cải cách trong hương thôn, ví dụ: chánh hội Khương Thượng (Hoàn Long, Hà Đông), Kỳ lý làng Thượng Phú (Thái Ninh, Thái Bình), v.v... Nhưng nhìn chung, ta phải nhận rằng những người tiến bộ ra làm việc làng rất ít. Còn phần nhiều một bọn cường hào, lý toét tham lam, ích kỷ, tàn ngược, nhỏ nhen, chỉ khỏe bí bét nơi đình chung, nạt dân cho nhiều, xôi thịt đánh cho đẫy.

Chúng tôi quả quyết rằng: bộ máy cai trị ở nông thôn đã mục nát; phải tẩy uế đi, phải mở rộng chế độ ứng cử và bầu cử trong làng để những người lao động, tiến bộ được dự việc làng, việc xã.

Cách ăn ở và vệ sinh trong thôn quê

Trong thôn quê nhiều nhà gianh, rất ít nhà gạch. Song dù gianh hay gạch thì phần nhiều kiến trúc cũng gần giống như nhau.

Ở Bắc Kỳ, có tục làm nhà quay về hướng Nam để hóng gió mùa bức, và hầu hết chỉ mở cửa một mặt, để tránh gió Bấc thổi thốc vào phía sau. Đằng trước có mấy bức dại. Hai đầu có hai cái cửa đi ra xối nhà. Nền nhà phần nhiều bằng đất nện. Trong nhà rất tối tăm, ẩm thấp, không thoáng hơi chút nào. Nhất là hai cái buồng ngủ thì hết sức tối. Ngoài cái cửa ra vào thường không có cửa sổ.

Cứ lấy nhà trung bình hoặc hơi giàu một chút ở Bắc Kỳ mà xét, ta thấy một gia đình có một cái nhà chính gọi là nhà trên dùng để ở, một cái nhà phụ gọi là nhà dưới để chứa thóc, làm gạo, dệt cửi. Nhà dưới châu đầu vào xối nhà trên. Một đầu nhà dưới là cái bếp, còn một đầu kia – có khi sát liền với nhà dưới, có khi cách xa mấy bước – là cái chuồng lợn và cạnh đó một cái hố xí (có khi lại không có hố xí nữa). Trước nhà có một cái sân. Qua sân là vườn rau hoặc vườn hoa. Rồi bên ngoài vườn là cái ao nước lờ lờ xanh, trên thả bèo để nuôi lợn, thả rau muống để người ăn. Một đầu ao có một cái cầu ao để xóc gạo, rửa bát, giặt quần áo; còn một đầu kia, về phía chuồng lợn có một cái cầu khác dùng để rửa đít.

Những nhà nghèo cố nhiên không được như thế. Một số cố nông,

thợ cày không có nhà phải đi ở nhờ, làm canh điền, cày thuê, hầu hạ người ta. Còn một số, phần nhiều bần nông, ở những túp lều mục nát, xiêu vẹo tối như hang chuột, bếp thổi ngay cạnh chỗ nằm. Trước nhà một mảnh sân nhỏ xíu, lát vỏ sò cho đỡ lội hoặc không lát gì hết; thành ra sau một trận mưa, gặp nắng to, sân nứt nẻ bong lên từng tảng hình như róc vảy. Bẩn nhất là nhà người Mường, nhà người Thổ. Họ làm nhà sàn, cách mặt đất chừng hai thước tây; người ở trên, trâu bò ở dưới, mùi hôi thối xông lên mũi.

Nhà trong Nam Kỳ nhiều khi tường làm bằng ván ghép. Nhà nghèo vách bằng phên giát cỏ gianh. Các làng trong Nam thưa nhà hơn ngoài bắc; dân quê ăn ở tương đối vệ sinh hơn.

Ngoài Bắc, chung quanh nhà phần nhiều là giậu tre vây kín chỉ để hở một cái cổng ra vào. Trong một làng vùng đồng bằng Bắc Kỳ, tính trung bình mỗi nhà chiếm hai sào rưỡi đất. Nghìn nhà đã chiếm 250 mẫu ta. Cách ở riêng rẽ trong thôn quê chiếm mất nhiều đất. Nếu bỏ những thổ cư của riêng từng nhà và sắp đặt lại chỗ ở như phố thì có thể dôi ra nhiều đất để cày cấy.

Ở Bắc Kỳ có nhiều nhà địa chủ chiếm một cái thổ rộng hàng hai ba mẫu tới mười mẫu. Họ ở một cách "ông quận", làm cho bao nhiêu đất không thể sản xuất được. Trái lại, có nhiều làng bần nông, cố nông chen chúc trên mảnh đất chật chội, tưởng chừng như đến ngạt thở.

Đường sá trong làng phần nhiều là chật hẹp, lầy lội. Cống rãnh không thông. Người dân quê đổ rác bừa bãi. Trẻ con ra đường phóng uế là thường. Trâu bò đi lại rất bẩn thỉu. Sau một phiên chợ thì rác vứt tứ tung, người ta không chịu thu quét. Vệ sinh trong làng không có ai chăm sóc. Bọn hào lý không để ý đến. Cống rãnh nhà nào bẩn cũng kệ, không có ai thúc giục thu dọn cho sạch sẽ. Ruồi muỗi rất nhiều.

Cho nên động có dịch tả là chết lăn ra như rạ. Những vi trùng truyền nhiễm cứ nhân điều kiện sinh hoạt khốn quẫn, ăn ở mất vệ sinh mà lan tràn ra rất nhanh.

Không cần phải nói đến bệnh dịch, hãy nói ngay mấy thứ bệnh kinh niên phổ thông của dân cày. Sự ẩm thấp, lầy lội, chỗ ở tối tăm, bẩn thỉu, rơm thóc bụi bặm làm cho một phần đông dân cày bị bệnh đau mắt hột; một số bị toét mắt. Ở Đông Dương tỷ lệ người mù trong toàn thể nhân dân đông hơn các nước nhiều.

Một thứ bệnh nữa cũng khá thịnh hành là bệnh hủi. Tuy ở Đông

Dương có những trại hủi, nhưng số người có bệnh đút tiền cho kỳ lý, lẩn lút trong làng cũng khá nhiều. Vả lại số trại hủi còn ít quá. Có nhiều người hủi thật nhưng chưa đến nỗi lở loét quá, người ta cho phép ở nhà, giữa đám dân lành lặn, chỉ vì một lẽ trại hủi không đủ chỗ chứa.

Ăn nước ao tù, dân quê hay bị bệnh giun sán, đau bụng kinh niên. Trẻ em nhiều đứa bụng ỏng đầy giun. Nhiều làng dân quê không ăn nước ao, đã có nước giếng. Nhiều cái giếng nước vàng như gạch cua. Đôi khi có con chuột, con chó chết nổi lềnh bềnh, người ta cũng cứ gánh nước về uống. Nếu không sẽ phải đi gánh từ xa. Đó là một việc phiền phức, mất thì giờ, dân quê không muốn.

Ăn ở bẩn, khí hậu ẩm thấp, có năm dịch thương hàn, dịch tê liệt, dịch cúm, dịch đậu mùa...

Đã thế mà số nhà phát thuốc ở thôn quê lại ít. Mấy năm nay Chính phủ đã mở thêm những phòng phát thuốc ở các phủ, huyện, nhưng vẫn chưa thấm vào đâu.

Vấn đề y tế và vệ sinh là một trong những vấn đề quan hệ tới vận mệnh của dân tộc.

Phong tục và giáo dục

Phong tục của nước ta là một thứ phong tục phong kiến đã đến ngày đồi bại. Nền tảng kinh tế phong kiến bị chủ nghĩa tư bản làm cho lay chuyển, sinh hoạt của nhân dân đã biến đổi một phần. Những "thuần phong mỹ tục" của đời xưa dần dần đã thành ra giả dối và không hợp thời nữa.

Chúng ta chắc đã nhiều lần lấy làm khó chịu khi thấy các bà ở nước ta lợi dụng cái chết của bà con mà khóc đay, nói móc lẫn nhau. Ở nhà quê là nơi còn nhiều tàn tích phong kiến, một người thanh niên có tư tưởng mới nhìn chỗ nào cũng thấy những điều trái tai gai mắt. Còn vô lý gì bằng tục bắt con cháu phải kiêng tên ông bà, chú, bác. Nhiều khi nghe một cụ nhà Nho nói một câu kiêng nhiều tiếng quá phải nói trệch đi, làm cho ta tưởng cụ nói ngọng. Nhỡ ai không biết lấy tên ông tổ nhà mình đặt tên cho con, thì mình cũng lấy tên ông tổ nhà người ta gọi con mình để móc lại. Thật là nhỏ nhen, khốn nạn hết chỗ nói!

Một hôm chúng tôi được biết một việc rất đáng giận mà lại buồn cười nôn ruột. Một bà cô, bố đã chết, còn mẹ già ở với em trai; thấy em dâu bỏ liều mẹ, chị lập kế làm cho em sợ. Bà ta đến nhà em, vào trước bàn thờ nhảy như con choi choi, lên đồng tự xưng là bố về. Rồi

"ông bố vờ" luôn mồm chửi rủa, quát tháo nàng dâu, bảo từ nay không được bỏ liều mẹ. Hơn nữa "bố vờ" lại ôm lấy bà cụ già mà khóc, làm như chồng thương vợ thật. Bà nàng dâu mê tín sợ hết vía, còn khách bàng quan tinh ý ôm bụng mà cười. Hủ bại nhất là tục xôi thịt. Họ, phe, giáp, làng, chỗ nào cũng xôi thịt được cả. Mỗi ngày giỗ là một dịp tế ruồi rồi chè chén, cãi nhau. Nhiều nhà khổ về giỗ; làm con trưởng, một năm đến hai chục cái giỗ, mỗi cái tốn dăm bảy đồng; không mấy chốc mà kiệt quệ.

Mỗi năm trong phe có người lên lão là con em đã được xôi thịt linh đình. Năm nào làng cũng có tế: tiễn sâu, cầu mát, xuân thu nhị kỳ, đảo vũ, kỳ phúc, thượng tân, v.v... biết bao cơ hội mổ lợn tế thánh... và tế cả dạ dày nữa! Lúc chia phần "nhằm nhau như nhằm miếng mọc". Vô phúc không biếu quan viên đủ lệ bộ thì "giám ty" hay "cai đám" bị lôi thôi to. Đuôi lợn, phao câu là những miếng không thể thiếu với ông tiên chỉ. Mỗi khi hội việc làng phải có chén, ý kiến mới dồi dào; ý kiến dồi dào quá đâm ra chửi nhau, đánh nhau, vỡ đầu, xẻ tai cũng nên.

Ma chay ở nhà quê cũng là một dịp ăn uống. Bất luận người chết về dịch tả hay bệnh thường, hãy dọn mấy mâm cỗ mời bà con đánh chén đã. Ăn vào không may bị lây truyền, quay ra chết lại đổ tại số.

Làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) có lẽ là làng "xôi thịt" hơn đâu hết. Cứ tính ra làng này trong một năm có đến 80 ngày ăn uống, cưới xin hoặc hội hè.

Nếu cỗ bàn, mời mọc ở nhà quê là một cách trả nợ lẫn nhau thì cưới xin ở nhà quê thường là câu chuyện gả bán. Người nàng dâu về nhà chồng vì thế dễ bị mẹ chồng hành hạ. Nhất là nhà mình nghèo, nhà chồng giàu lại càng chắc chắn bị hắt hủi; có khi bị mẹ chồng ác nghiệt đánh chửi, vùi dập là khác. Người đàn bà nước ta còn chưa có quyền. Luyến ái không chút tự do. Ở nhà quê có khi người ta gả bán cho nhau khi con còn ở trong bụng. Cô gái quê lấy chồng thật là một sự may rủi. Ca dao đã có câu:

Đàn bà như hạt mưa sa,
Hạt vào gác tía hạt ra ruộng cày.

Lại còn tục lấy lẽ và tục tảo hôn nữa mới tệ làm sao chứ! Những người nhà giàu hoặc khá giả thường lấy vợ lẽ. Có người lấy hai ba vợ. Nhiều khi vợ cả, vợ lẽ ghen nhau, đánh chửi nhau om sòm. Vợ lẽ nhà giàu thường chỉ là những người đi ở không công đó thôi. Thật ra, đây

không phải là vấn đề yêu đương, mà chính là vấn đề bóc lột nhân công một cách tàn nhẫn. Ở nông thôn, nhà giàu hiếm con trai hoặc neo người thường hay lấy vợ cho con khi còn nhỏ tuổi. Vì thế, có cô mười tám, đôi mươi vớ phải anh chồng lên chín, lên mười. Thế rồi vợ chê chồng, bỏ chồng hoặc sống một đời sầu tủi; chồng lớn lên chê vợ, bỏ vợ hoặc lấy vợ lẽ. Những tệ tục ấy chứng tỏ ở xã hội Việt Nam này người ta khinh miệt phụ nữ đến chừng nào! Không phải là một chuyện ngẫu nhiên mà trong văn chương Việt Nam những tác phẩm hay vào bậc nhất lại chính là những tiếng kêu than cho số phận người phụ nữ. *Kim Vân Kiều, Chinh phụ ngâm, Tần cung oán* và gần đây *Tố Tâm*, v.v... là gì nếu không phải là những tiếng căm hờn của phụ nữ Việt Nam đối với chế độ phong kiến?

Về *giáo dục*, ở Đông Dương nói chung và ở Việt Nam nói riêng, chính sách ngu dân đã được thi hành một cách có hệ thống. Người ta không muốn cho dân có học vì sợ dân giác ngộ, đấu tranh chống những sự bất công. Số người mù chữ ở Đông Dương chiếm một tỷ lệ kinh khủng: 95% hoặc hơn nữa.

Trường Cao đẳng chỉ được mấy trăm sinh viên mà toàn là con em nhà giàu và con quan. Con em công nông có được học lên đến cấp cao bao giờ! Số trường Cao đẳng tiểu học rất ít và con nhà lao động cũng ít được bén mảng tới. Trường Tiểu học cũng chẳng lấy gì làm phát triển và con nhà nghèo thường không được đi học hoặc chỉ được học đến lớp hai, lớp ba là cùng. Còn con nhà cố nông thì thật không làm sao mà đi học được, vì mới mươi mười hai tuổi đã phải đi ở chăn trâu cho nhà giàu rồi.

Dân cày thất học cho nên ít đọc báo, xem sách; quanh năm họ làm ăn quá vất vả, công việc đồng áng lại hoàn toàn phụ thuộc vào sức tự nhiên, do đó họ càng mê tín, dị đoan.

Ở nông thôn, thường xảy ra những chuyện rất thương tâm: dân cày nghèo không cơm ăn phải đi vay của nhà giàu; vì không biết chữ, họ phải mượn người viết văn tự, và có khi chỉ vì trong văn tự viết sai một chữ mà suốt đời họ phải kéo cày trả nợ cho nhà giàu. Trong một lá đơn của dân cày gửi lên quan hoặc gửi cho nhà báo, người đầu đơn thường điểm chỉ thay cho chữ ký và có lá đơn mang hàng trăm nốt điểm chỉ trông đen ngòm như đời sống của dân cày. Tình hình ấy đòi hỏi một cuộc đấu tranh bền bỉ chống nạn mù chữ, chống đồi phong bại tục, chống mê tín dị đoan.

HẾT

LUẬN ĐIỆU "CÁCH MẠNG MỒM" NÔNG NỔI VÀ VÔ CHÍNH TRỊ CỦA BỌN TỜRỐTKÍT

Báo *Phụ nữ Thời đàm* cơ quan tờrốtkít ở Bắc Kỳ, ra ngày 15 –9 vừa rồi có viết:

"Mặt trận Dân chủ lập ra với mục đích gì?"

Mục đích đòi cơm áo, hòa bình và tự do cho dân chúng. Hơn nữa, chống nạn phát xít và chiến tranh.

Mặt trận Dân chủ có đạt được mục đích ấy không!

Chúng tôi nói nhiều rồi; bây giờ chúng tôi kể lại những kết quả mà quần chúng xứ này đã trông thấy: "cơm áo": giá sinh hoạt càng ngày càng tăng, giai cấp nghèo lâm vào cảnh bần cùng đói khổ. Bọn chủ vẫn làm giàu.

"Hòa bình": đế quốc chủ nghĩa tăng ngân quỹ chiến tranh bắt người đi lính. Mùi thuốc đạn tràn khắp trên mặt địa cầu. Mảnh đất Đông Dương cũng không tránh được.

"Tự do": thợ thuyền Nam Định bị đàn áp dữ dội vì tiếp rước ông Saten (Châtel) và xin lập ái hữu. Luật xã hội, kết quả của sức tranh đấu quần chúng, bị phá hoại...

Đoạn văn "hùng hồn" thay! Chỉ một đoạn văn này cũng đủ tỏ rõ cái nông nổi và vô chính trị của bọn "cách mạng mồm"!

Phải, chúng tôi lúc nào cũng theo đuổi cái mục đích "chống phát xít và chiến tranh, đòi cơm áo, hòa bình và tự do" của Mặt trận Dân chủ. Song một điều đáng thương cho bọn tờrốtkít là họ tưởng rằng hễ cứ nêu cái danh từ "Mặt trận Dân chủ" thì tức khắc cơm áo, hòa bình và tự do sẽ bay đến liền. Muốn được tự do, cơm áo hòa bình phải tranh đấu. Muốn cản đường chiến tranh cũng như muốn ủng hộ luật lao động, phải tranh đấu. Mà, muốn tranh đấu cho hiệu quả, phải đoàn kết dân chúng cho chặt chẽ và rộng rãi. Chính cái quan điểm ấy nó bảo cho chúng ta phải có một mặt trận dân chủ trong hoàn cảnh Đông Dương hiện thời. Mặt trận ấy chưa hoàn toàn thành lập, nó mới đoàn kết được một số lực lượng dân chủ xứ này và chưa thể đòi ngay được tự do, cơm áo và hòa bình. Nhưng, trong khi chửi Mặt

trận Dân chủ Đông Dương cũng như chửi Mặt trận Bình dân Pháp, bọn tờrốtkít thờ chủ nghĩa tiếu mạ và phá hoại, đã cố ý nhắm mắt trước những hiệu lực của Mặt trận Bình dân là: nếu không có sự liên hiệp những phần tử yêu chuộng tự do, hòa bình để chống với chiến tranh thì thế giới chiến tranh đã bùng ra từ bao giờ và thợ thuyền còn bị đàn áp hơn nữa. Vì có thái độ chối sự thực như vậy, nên mấy tháng nay, bọn tờrốtkít luôn luôn phản tuyên truyền, nguyền rủa Mặt trận Dân chủ, chuyên chú gieo mối hoài nghi đối với Mặt trận Dân chủ đến nỗi những phần tử chân thành, ngay thẳng trong dân chúng phải cùng chúng tôi đánh một cái dấu hỏi: phải chăng bọn tờrốtkít đã được thế lực phản động nào ra mệnh lệnh, cho nên mới phun ra nọc độc cố phá hoại sự thành lập của Mặt trận Dân chủ?

Nhưng bọn tờrốtkít nói: chúng tôi không tán thành Mặt trận Dân chủ vì mặt trận này sẽ gồm cả tư bản bản xứ, mà tư bản bản xứ là kẻ thù của vô sản.

Cách mạng ghê! Trong sạch ghê! Tuyệt đối ghê! Nhưng khốn thay bọn tờrốtkít đã tỏ ra không hiểu chiến thuật bônsêvích [1] ở thuộc địa và bán thuộc địa.

Trước hết phải nhớ rằng đối với tư bản bản xứ, Mặt trận Dân chủ chỉ công nhận phái tư bản bản xứ cấp tiến; nó gác ra ngoài những phần tử tư bản thủ cựu, phản động chống lại những sự cải cách tiến bộ. Mặt trận Dân chủ, – nhất là Mặt trận Dân chủ ở thuộc địa – có thể và cần phải liên minh với tư bản cấp tiến bản xứ. Vì ở thuộc địa bọn tư bản tài chính ngoại quốc bóc lột và kìm hãm tư bản bản xứ không cho họ tự do mở mang kỹ nghệ; chiếm lấy thị trường thuộc địa khiến cho họ bị đè bẹp vì không đủ sức cạnh tranh. Và ở thuộc địa, quần chúng cần lao bị áp bức đã đành, mà chính bọn tư bản bản xứ cũng không được hưởng những quyền tự do dân chủ.

Gia dĩ, ngày nay chủ nghĩa phát xít, quân phiệt chực lan tràn ra khắp thế giới. Bọn phát xít đi đến đâu là thi hành chính sách chủng tộc (racisma) tiêu diệt các giống khác để phát triển nòi giống mình. Nếu xứ Đông Dương bị phát xít hóa, thì chính dân Đông Dương, trong đó có cả bọn tư bản bản xứ, chịu chung số phận bị đồng hóa, hắt hủi, tiêu diệt.

---

1. Bônsêvích là chân chính cách mạng, đúng con đường của chủ nghĩa Mác – Lênin, nghĩa đen là phái đa số (chú thích của tác giả).

Không nhận rõ quyền lợi của tư bản bản xứ, không nhận rõ sự thay đổi của tình hình thế giới đã làm cho bọn tư bản bản xứ phải thay đổi thái độ đôi chút, không phân tích nổi tình thế theo phương pháp duy vật biện chứng: chỉ nhắm mắt mà thét tư bản là phản động! Đả đảo hết thảy các lớp tư bản ở bất cứ một hoàn cảnh nào! Như thế là tỏ ra không hiểu chủ nghĩa Mác – Lênin, không biết ứng dụng chiến thuật cách mạng của Mác – Lênin trong một tình thế nhất định.

Lại một điều ngộ nhận nữa của bọn tờrốtkít. Chúng nói: "Cơm áo: giá sinh hoạt càng ngày càng tăng, giai cấp nghèo lâm vào cảnh bần cùng đói khổ. *Bọn chủ vẫn làm giàu*".

Câu cuối cùng mà chúng tôi gạch đít đó đã tỏ rõ ra cái gì! Đã tỏ ra bọn "cá trê" tưởng Mặt trận Dân chủ là Mặt trận Cách mạng, nó có trách nhiệm tịch thu nhà máy của tư bản.

Không! Lầm lắm. Mặt trận Dân chủ mới là Mặt trận chống phản động thuộc địa, đòi cải thiện đời sống cho dân chúng. Nếu thi hành cái chương trình của nó, chẳng qua việc "làm giàu" của tư bản mới bị hạn chế, bọn tư sản mới phải nhả ra một phần lợi tức để dùng vào việc giúp đỡ dân cày nghèo.

Mặt trận Dân chủ chưa phải là Mặt trận cốt để phá đổ chế độ tư bản. Giai đoạn nào có chiến thuật của giai đoạn ấy.

Bọn tờrốtkít trên tờ *Phụ nữ Thời đàm* đã nói ra những điều trống rỗng, nó chỉ có cái vỏ cách mạng, mà sự thật nó phản lại quyền lợi quần chúng, làm mê hoặc quần chúng.

Với cái luận điệu "cách mạng mồm", nông nổi, vô chính trị của chúng, anh chị em phải coi chừng!

1938

Q. N.

Báo *Tin tức*, số 38
ngày 28–9–1928

*

NHÂN BÀI PHỎNG VẤN TỜRỐTKÍT CỦA ÔNG TRƯƠNG TỬU

BỌN TỜRỐTKÍT NÓI LUNG TUNG VÀ CHỬI SỰ THỰC

I. Mâu thuẫn

Đọc xong bài phỏng vấn tờrốtkít đăng trong *Quốc gia* số 3, trước hết chúng tôi nhận thấy một điều: dưới giọng văn hùng hồn, lưu loát của ông Trương Tửu, ẩn nhiều cái mâu thuẫn.

Chúng tôi không nói đến những cái mâu thuẫn của ông Trương Tửu, chúng tôi chỉ muốn nói những cái mâu thuẫn của bọn tờrốtkít do ngòi bút ông Trương Tửu viết ra.

Theo ông Trương Tửu thuật lại thì bọn tờrốtkít đã tuyên bố:

"... Bao nhiêu sự cải cách vụn vặt hiện thời chỉ là những cái màn để che đậy những cái xấu xa mục nát của chế độ tư bản. Các sự cải cách đó, ở một phạm vi rất chật hẹp, không những đã không lợi gì cho vô sản, lại còn làm cho vô sản ảo tưởng đến các thứ không thể có được nếu không tranh đấu. Chúng tôi không muốn những cuộc cải cách chỉ có lợi cho một số ít người..." [1]

Câu nói trên thật đã ăn khớp với một câu khác đăng trong *Phụ nữ Thời đàm* số 3 mà chúng tôi đã chỉ trích trên tờ báo này:

"Quần chúng không nên hy vọng rằng trong phạm vi chế độ tư bản còn có thể cải thiện được sinh hoạt, còn có thể đòi được tự do dân chủ".

Như thế nghĩa là bọn tờrốtkít cho rằng: trong chế độ tư bản, sự sinh hoạt của quần chúng không mong được cải thiện. Vì những cuộc cải cách "vụn vặt" (réformes partielles) không những "không lợi gì" cho quần chúng mà còn ru ngủ quần chúng là khác.

Nhưng cũng trong lời tuyên bố với ông Trương Tửu, bọn tờrốtkít lại nói:

"Công việc làm của chúng tôi trong phút này là : lo củng cố đội tiên phong vô sản, mở rộng sự tổ chức của quần chúng, nâng cao tinh

---

1. Bọn tờrốtkít muốn nói một ít quần chúng. (Chú thích của tác giả.)

thần giác ngộ và lực tranh đấu của họ lên để đòi thực hiện những cải cách cần thiết *cho đời sống, và từ đó đi đến chỗ giải phóng hoàn toàn".*

Thật là mâu thuẫn! Chỗ thì chúng phản đối những cải cách mà chúng cho là không có lợi, chỉ có hại cho quần chúng. Chỗ chúng lại *"đòi thực hiện những cải cách"* mà chúng nhận là *"cần thiết cho đời sống"* của quần chúng.

Bị sách của tờrốtkít nhồi sọ, đầu óc của chúng lủng củng những điều phải trái, lộn xộn, đập lẫn nhau. Không hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, không có một lý luận căn bản chắc chắn, chúng chỉ quen tuyên bố những giọng thật kêu cho sướng miệng, và trong cơn mê sảng chúng đã tuôn ra những điều mâu thuẫn, tự mình phản trái lại mình.

II. Có thể có được những cuộc cải cách trong phạm vi chế độ tư bản không?

Theo Mác – Lênin, người cộng sản kịch liệt phản đối chủ nghĩa xã hội cải lương (le social – réformisme), vì chủ nghĩa này chủ trương cải cách dần dần chế độ tư bản, để hóa nó một cách êm đềm sang chế độ cộng sản. Nhưng người cộng sản không hề tẩy chay hoặc xua đuổi hết thảy các cuộc cải cách (repousser systématiquement toutes les réformé).

Những cuộc cải cách giật lùi, phản động, làm cho đời sống của dân chúng đã khổ càng khổ thêm, thì người cộng sản kịch liệt phản đối. Trái lại, những cuộc cải cách có tính chất cấp tiến, thực tình cải thiện cho dân chúng trong một phạm vi nào, thì người cộng sản tán thành, hơn nữa, lãnh đạo dân chúng tranh đấu mà đòi lấy.

Bọn tờrốtkít nói: "Trong phạm vi chế độ tư bản, quần chúng đừng mong cải thiện đời sống..." Nhưng sự thực đã chứng minh rằng ngay trong chế độ tư bản, thợ thuyền đình công tranh đấu, vẫn có thể bắt tụi chủ phải nhả cho mình ít nhiều quyền lợi, như tăng tiền lương, bớt giờ làm, bỏ đánh đập, bớt phạt v.v... Những cái đó đều là cải cách "vụn vặt", nhưng không ai có thể chối cãi sự ích lợi của nó đối với đời sống dân chúng.

III. Cải cách và cách mạng

Vì thấy bọn cải lương, bọn phản động đưa những cuộc cải cách ra làm cái màn che đậy cho những cái xấu xa mục nát của chế độ này

mà bọn tờrốtkít hoảng hốt quên cái công dụng của các cuộc cải cách ấy. Tư bản dùng máy để tăng gia sự bóc lột thợ thuyền. Song có nên vì thế mà hô hào đả đảo máy móc và khoa học không?

Cái vấn đề nói đây không phải ở những cuộc cải cách, mà ở cách người ta dùng những cuộc cải cách ấy. Bọn cải lương dùng những cuộc cải cách phỉnh phờ, ru ngủ quần chúng. Bọn tờrốtkít chống lại, và nói rằng những cuộc cải cách là vô ích và có hại. Đấy cũng chính là một cách khác để ru ngủ quần chúng, làm cho quần chúng lười tranh đấu, bi quan đối với tranh đấu, trong khi quần chúng tự biết chưa đủ lực lượng làm cách mạng. Bổn phận của người cách mạng chúng ta là phải chống lại cả hai cách "ru ngủ" ấy của bọn tư bản cải lương và của bọn cách mạng đầu lưỡi. Chúng ta phải luôn luôn tranh đấu, mục đích không phải chỉ đòi cải thiện đời sống. Đó chẳng qua mới chỉ là một phần việc. Một phần nữa, phần chính, là luyện tập mình trong cuộc tranh đấu ấy, khiến cho lực lượng thêm mạnh, để giữ gìn những điều đã đòi được và dự bị những cuộc tranh đấu sau. Và tranh đấu đòi những cuộc cải cách lẻ tẻ là cần. Vì có tranh đấu như thế, quần chúng mới giác ngộ một cách rõ rệt sự mâu thuẫn quyền lợi giữa chủ và thợ; có giác ngộ như thế, quần chúng, bởi những bài học kinh nghiệm của mình, càng thấy rằng hễ còn chế độ tư bản thì họ còn bị bóc lột, và hễ còn bị bóc lột thì họ vẫn còn khổ. Lúc bấy giờ họ mới thật giác ngộ sự cần thiết phải đánh đổ chế độ tư bản, làm cách mạng giải phóng cho mình.

Như thế ta thấy rằng cuộc tranh đấu đòi những cuộc cải cách lẻ tẻ là một phương pháp để đưa quần chúng đến cuộc cách mạng; hơn nữa, là một điều kiện cần thiết để thực hiện cuộc cách mạng ấy.

Theo quan điểm người cộng sản, sự tương quan giữa cải cách, và cách mạng là thế. Vì không hiểu đúng mối tương quan ấy, nên bọn tờrốtkít lúng túng, mâu thuẫn trong khi nói đến những sự cải cách và phong trào đòi cải cách lẻ tẻ của dân chúng, đến nỗi họ tuyên bố một cách khờ khạo với ông Trương Tửu rằng:

"Chúng tôi không muốn những cải cách chỉ có lợi cho một số ít người".

Xin hỏi các ông tờrốtkít cách mạng mồm: các ông có dám phản đối cuộc bãi thị hôm mới đây đã bỏ lệ nộp môn bài cho phần nhiều chị em bán hàng chợ Bạch Mai không? Bỏ lệ nộp môn bài là một cuộc "cải cách vụn vặt". Nó chỉ có lợi cho một số chị em bán hàng chợ

Bạch Mai, chứ không phải cho đại đa số chị em buôn bán các chợ Hà Nội hay toàn xứ. Các ông có dám phản đối việc "cải cách chỉ lợi cho một số ít người" ấy không?

IV. Bọn điên đầu

Bọn tờrốtkít tự phụ là theo chủ nghĩa thực tế cách mạng (réalisme révolutionnaire), song thật ra chúng lý luận trên không và nhai đi nhai lại những danh từ cách mạng mà chúng không hiểu nghĩa. Nóng mặt lên thì chúng hoa chân múa tay, đỏ mặt tía tai, văng ra hàng tràng khẩu hiệu và lý luận trống rỗng. Những ý kiến phát ra trong khi điên đầu ấy nhiều lúc đập lẫn nhau và chửi sự thực rành rành!

Cám ơn ông Trương Tửu đã nhắc lại cho chúng tôi những khẩu hiệu và lý luận trống rỗng, mâu thuẫn và chửi sự thực ấy, khiến cho chúng tôi có dịp giải thích cho các bạn đọc khỏi lầm cái luận điệu của bọn tờrốtkít.

1938

Q. N.

Báo *Tin tức*, số 39,
1- 5 tháng 11-1938.

*

TRỞ LẠI BÀI PHỎNG VẤN TỜRỐTKÍT CỦA ÔNG TRƯƠNG TỬU

Trong bài trước, chúng tôi đã phân tích một vài câu nói lung tung và chửi sự thực của bọn tờrốtkít để các độc giả khỏi bị nhầm.

Những câu ấy đã khoác một cái áo rất hào nhoáng: văn ông Trương Tửu.

Nhưng rủi thay cho bọn tờrốtkít, đó là một thứ áo bóng, nó để cho người ta trông suốt được những nốt ghẻ trong người. Nó còn cho chúng ta thấy nhiều luận điệu lúng túng, mâu thuẫn, chối sự thực của bọn tờrốtkít.

Nên chúng tôi còn phải viết, viết mãi. Chúng tôi quyết tranh đấu đến cùng, tranh đấu về chiến thuật, kỳ cho các bạn nào xưa nay bị bọn tờrốtkít dùng giọng cách mạng mồm lừa phỉnh, nhận rõ những chỗ phản chủ nghĩa Mác – Lênin của chúng.

Thì đây chúng tôi lại phân tích một vài câu nói của bọn tờrốtkít để các bạn coi.

Bọn tờrốtkít chối sự thực hay sự thực chối bọn tờrốtkít

Bị phỏng vấn bởi ông Trương Tửu, bọn tờrốtkít nói:

"Họ (chỉ những người cộng sản Đệ tam) không hiểu rằng đế quốc Pháp bây giờ không thể ban các tự do dân chủ cho các xứ thuộc địa được. Nó cần đi tới chế độ phát xít để củng cố địa vị của nó và dự bị chiến tranh đế quốc sắp tới".

Đó là một câu nữa chối sự thực.

Vì sự thực đã chứng tỏ rằng: *trong thời kỳ này, thời kỳ phản cải lương của đế quốc chủ nghĩa,* dân Angiêri, Tuynidi, Xênêgan, Xiri v.v... đã bắt đầu được hưởng những quyền tự do dân chủ trong một phạm vi nào, mặc dầu những nước ấy vẫn dưới quyền bảo hộ của đế quốc Pháp.

Thực vậy, ở Angiêri, Mặt trận Bình dân thắng lợi, dân chúng đã có quyền tự do tổ chức. Đảng Cộng sản công khai đã nhận cả những người bản xứ và công nhân (cả kỹ nghệ lẫn nông nghiệp), đã được quyền tự do nghiệp đoàn.

Ở Tuynidi cũng thế. Tự do nghiệp đoàn có từ trước Mặt trận Bình dân và đến cuối năm 1936, phong trào nghiệp đoàn đã tổ chức được: 50.000 lao động. Các tự do dân chủ, tuy không được hoàn toàn, song cũng đã ban bố. Đảng Cộng sản hoàn toàn công khai.

Ở Xiri, tuy tự do dân chủ chưa được ban bố hẳn hoi, nhưng về thực tế, dân chúng đã bắt đầu được hưởng những quyền ấy. Ở kinh thành Đamát có hơn 24 nghiệp đoàn. Đảng Cộng sản đã được công khai hóa và cuối năm ngoái số đảng viên đông đến 3.500 người.

Ở Đông Dương ta, tự do dân chủ chưa có, nhưng người thành thật phải nhận rằng từ khi Mặt trận Bình dân thắng lợi, không khí ở thuộc địa có phần dễ thở hơn trước.

Đó không phải là một cái ân huệ của bọn tư bản tài chính Pháp, cũng không phải là kết quả của lòng nhân đạo của đế quốc chủ nghĩa Pháp. Trái lại, đó là kết quả của sức tranh đấu quần chúng các xứ ấy và của Mặt trận Bình dân Pháp, nó đã buộc Chính phủ Bình dân phải cải cách cho dân thuộc địa.

Bổn phận của người chiến sĩ cộng sản, không phải là chối cãi sự thật ấy, mà chính là phải cố vận động mở rộng phong trào tranh đấu của dân chúng, cột chặt sự liên lạc giữa dân chúng xứ thuộc địa và dân chúng chính quốc để phản đối những cách khủng bố đòi Chính phủ phải ban bố những quyền tự do dân chủ ở những nơi chưa có, và mở rộng những quyền ấy ở những nơi đã có, nhưng chưa được hoàn toàn. Chính đấy mới là con đường để tiến đến cuộc cách mạng. Bọn tờrốtkít cứ luôn mồm: cách mạng, cách mạng; nhưng trong việc làm họ đã làm hại phong trào cách mạng khá nhiều rồi. Họ không hiểu lý thuyết Mác – Lênin, phần nhiều cứ đứng về chủ quan mà chửi bậy.

Họ chỉ nhai đi, nhai lại câu: tư bản đã bước vào thời kỳ phản cải lương, đến nỗi quên cả sự thực.

Phải, đế quốc chủ nghĩa bây giờ muốn đi đến chế độ phát xít, hủy bỏ tất cả các tự do dân chủ đã ban bố. Nhưng ở những nước bọn tư bản tài chính, bọn đế quốc chưa phá đổ được những quyền tự do dân chủ, chưa thành lập được chế độ phát xít, thì giai cấp vô sản có thể liên hiệp với các lớp trung sản để cản đường chúng, không cho chúng tiến lên phát xít. Ở Đức, phát xít thắng, vì ở đấy giai cấp thợ thuyền chia rẽ, giai cấp trung sản khủng khiếp để cho chúng lôi kéo. Nhưng ở Pháp, gặp Mặt trận Thống nhất của vô sản, và Mặt trận Bình dân của dân chúng thì trái lại, quân phát xít đã không thắng,

các liên đoàn phát xít lại bị giải tán, các quyền tự do dân chủ lại được nới rộng thêm, và những dân chúng thuộc địa của Pháp cũng chịu ảnh hưởng sức tranh đấu của Mặt trận Bình dân mà được thêm quyền lợi, được đôi chút khoan hồng cải cách. Bọn tờrốtkít khi nói đến câu: thời kỳ này là thời kỳ phản cải lương, chỉ nhận thấy một phương diện của vấn đề. Chúng không gần quần chúng, không tin ở quần chúng, nên chúng không biết rằng đối lại cái xu hướng phát xít hóa của bọn tư bản tài chính, còn có phản động lực của quần chúng (la réaction des masses). Sức ấy khá mạnh, có thể khóa mõm được con ác thú phát xít (kinh nghiệm ở Pháp). Cho nên, theo chỗ nhận định của chúng tôi, cái vấn đề gấp rút ngày nay là phải gây nên một phong trào rộng rãi chống phát xít để đòi cho được các tự do dân chủ, hay nếu đã có rồi, để bênh vực nó, đòi mở rộng nó ra.

Vì đó mà có khẩu hiệu lập Mặt trận Bình dân ở Pháp, Mặt trận Dân chủ ở Đông Dương để thống nhất hành động của dân chúng.

Bọn tờrốtkít, với lý luận "cách mạng" của họ, đã tự tỏ ra không tin ở lực lượng quần chúng và hoảng hốt thất vọng trước cái tình thế phản cải lương của đế quốc chủ nghĩa.

Bọn tờrốtkít tự mình chống lại mình

Cũng trong lời tuyên bố với ông Trương Tửu, bọn tờrốtkít nói:

"Với Mặt trận Dân chủ, bọn éttaliniêng [1] ở đây đã giết chết phong trào đấu tranh của vô sản".

Câu này lại kỳ cục hơn nữa!

Bọn tờrốtkít bảo với Mặt trận Dân chủ, chúng tôi đã giết chết phong trào đấu tranh của vô sản mà sự thực là: chính ngay hôm Mặt trận Dân chủ dự vào việc tranh cử dân biểu ở Hà Nội, nó đã tham gia vào hai cuộc biểu tình quần chúng: một cuộc biểu tình hàng nghìn người đi từ Đốc Lý về Cửa Nam hôm 10 –7, và cuộc biểu tình hơn nghìn người ở bờ sông hôm 17–7. Một khẩu hiệu chính của quần chúng tranh đấu khi ấy là: đòi quyền tự do dân chủ.

Bọn tờrốtkít bảo chúng tôi thực hiện Mặt trận Dân chủ để giết phong trào tranh đấu mà chính tờ *Phụ nữ Thời đàm* của họ thường đăng những tin tức tranh đấu từ khi Mặt trận Dân chủ nhóm lên. Trong tờ *Phụ nữ Thời đàm* số 5, họ cũng buộc chúng tôi "giết chết hẳn" và "đánh gãy" phong trào quần chúng. Nhưng cũng chính trong số báo ấy, họ đăng những *tin tranh đấu* sau này:

---

1. Éttalinieng: Những người theo Stalin, phiên âm theo tiếng Pháp.

1. Hơn 500 dân cày Phước Long (Nam Kỳ) biểu tình.

2. Hơn 500 thợ "đềpô" xe lửa Di An (Nam Kỳ) biểu tình.

3. Nhiều cuộc mét tinh chống tăng thuế ở Quảng Trị (Trung Kỳ).

4. Thợ xẻ nghỉ việc đòi tăng lương ở Nam Định (Bắc Kỳ).

5. Một cuộc đình công khổng lồ ở sở chè Đà Lạt (Trung Kỳ).

6. Culy xe tranh đấu thắng lợi ở Tourane (Trung Kỳ).

7. Cuộc biểu tình ở trước Viện Dân biểu Huế của 400 thợ thuyền, dân cày, thanh niên, tiểu thương với hai tấm băng và hô mấy khẩu hiệu:

a) Dân viện liên hiệp lại!

b) Sửa đổi thuế thân cho công bằng hơn!

c) Chống dự án tăng thuế thổ trạch!

d) Mở rộng quyền hạn Dân Viện!

e) Ban hành tự do dân chủ! (chắc hẳn đây không phải là khẩu hiệu của tờrốtkít).

f) Toàn xá chính trị phạm!

g) Chống nạn thất học!

Những cuộc tranh đấu và những khẩu hiệu ấy đủ bảo vào mặt bọn tờrốtkít rằng: Mặt trận Dân chủ ra đời không làm tắt, không giết chết phong trào tranh đấu của quần chúng, của vô sản như chúng đã bịa đặt!

Ấy là chưa kể những cuộc tranh đấu ở Bắc Kỳ như những cuộc bãi thị của chị em bán hàng chợ Bạch Mai và chợ Kiến An.

Sự thực như thế, tại sao bọn tờrốtkít còn chối cãi? Phải chăng chúng phát điên, không nhìn nổi sự thực? Không thế thì sao chúng dám nói mọc ngược lên rằng: với Mặt trận Dân chủ, chúng tôi đã giết chết phong trào tranh đấu của quần chúng vô sản!

Ai là người không chịu cho bọn tờrốtkít nhồi sọ, ai là người chịu nhìn vào sự thực, đều nhận thấy ngay chỗ lừa dối và mâu thuẫn của bọn tờrốtkít. Không phải lần đầu chúng chối sự thực.

Xã hội chủ nghĩa đã và có thể kiến thiết trong một nước được (như ở Liên bang Xô viết), mà chúng cứ nhắm mắt bưng tai, nằng nặc chối không!

Đáng thương thay cho bọn "cá trê" thiếu óc khôn và thiếu cả sự thành thực!

1938

Q.N.

Báo *Tin tức*, số 42,
ngày 12 – 15 tháng 11–1938.

DIỄN VĂN TIỄN BIỆT CAPUY

TIỂU DẪN – Trong dịp Capuy, Thư ký Đảng Xã hội (SFIO) tại Chi nhánh Bắc Đông Dương, trở về Pháp, ngày 23–4–1939, Chi Đảng Xã hội Pháp tổ chức một tiệc trà tiễn Capuy ở chùa Hàng Buồm Hà Nội, có tới trên 1.000 người dự, đứng cả ở trong và ngoài chùa. Trong buổi tiễn, Capuy và các đại biểu công nhân, phụ nữ, thanh niên dân chủ, thanh niên xã hội, cộng sản, xã hội đọc diễn văn. Cuối cùng, tất cả mọi người dự cùng hát *Quốc tế ca.*

Trường Chinh thay mặt những người cộng sản đọc bài diễn văn sau đây:

Thưa đồng chí Capuy thân mến,

Thưa các bạn và các đồng chí thân mến,

Trước tôi, đại biểu của nhiều nhóm khác nhau đã nói lên niềm xúc động sâu sắc và chân thành với tất cả các bạn và với đồng chí Capuy. Họ đã đem lại cho buổi tiệc trà tiễn biệt này ý nghĩa đẹp đẽ nhất có thể có được, biến nó thành một dịp để khẳng định những yêu sách của họ, ý chí đấu tranh của họ, ý chí đoàn kết của tất cả chúng ta.

Là những người cộng sản, con của nhân dân, sống trong nhân dân, lẽ đương nhiên là chúng ta rất xúc động vì những lời nói của họ, coi những yêu sách của họ là yêu sách của chúng ta và cũng như họ, chúng ta tin tưởng đồng chí Capuy sẽ bênh vực những yêu sách đó trước dư luận, các nhóm cánh tả và Chính phủ chính quốc.

Đồng chí Capuy thân mến,

Một khi về Pháp, chúng tôi hy vọng rằng đồng chí sẽ liên hệ không những với Đảng Xã hội, mà cả với Đảng Cộng sản, Hội Cứu tế nhân dân Pháp, Tổng Liên đoàn lao động, Hội Nhân quyền. Và, với sự ủng hộ của các tổ chức đó, đồng chí sẽ tiến hành một cuộc vận động mạnh mẽ nhất trong phạm vi có thể được, tôi muốn nói là trong chừng mực mà tình hình hoàn toàn không thuận lợi ở Pháp cho phép, để phơi bày sự thật về Đông Dương – sự thật bi thảm vốn chỉ tới được Pháp dưới dạng bị che giấu, cắt xén, bị bóp méo, thậm chí còn được tô vẽ cho đẹp lên, để "họ bênh vực các lợi ích chính đáng của các dân tộc Đông Dương, để họ được hưởng những cải cách cần thiết".

Nhưng, thưa các đồng chí, cuộc đấu tranh giành cải cách không thể chỉ được hoàn toàn tiến hành ở chính quốc mà thôi.

Tất nhiên không một ai trong chúng ta đánh giá thấp nhân tố chính quốc, nhất là trong thời gian gần đây, tất cả chúng ta đã được thấy những tác động trực tiếp và đa dạng của chính sách ở Paris đối với chính sách thuộc địa ở Đông Dương.

Nhưng chúng ta cũng đã thấy rằng, phe phản động ở chính quốc luôn luôn tìm cách lần lữa, trì hoãn, chống lại.

Để chứng minh cho ý đồ xấu ấy, tinh thần phản nhân dân ấy của phe phản động, tôi chỉ xin nêu lên những lời lẽ sau đây của ông Mutê, khi đó là Bộ trưởng Bộ Thuộc địa:

"Khi tôi tới phố Oudinot" [1] – ông ta nói: tôi nhận thấy có một dự luật xã hội cho các thuộc địa, được đề ra đã hai năm nay. Trên bìa tập hồ sơ này có ghi "Quá sớm". Phải 10 người chết ở Pôngđisêri, [2] người ta mới hiểu ra được".

Phe phản động không bao giờ muốn hiểu gì cả, trừ phi nó bị ép buộc, trừ phi nó thấy cải cách là cái hại ít hơn.

Chúng ta cũng đã thấy rằng bọn phản động thực dân luôn luôn tìm cách giảm bớt các biện pháp tốt của Chính phủ thứ nhất của Mặt trận Nhân dân đối với chúng ta.

Mặt trận Nhân dân đã cấp cho chúng ta Bộ Luật Lao động, chúng ta đã thấy bọn phản động ra sức phá hoại việc áp dụng Bộ Luật này.

Mặt trận Nhân dân đã quy định cải cách thuế khóa; chúng ta đã thấy bọn phản động ban cho chúng ta, áp đặt với chúng ta những cải cách... ngược lại.

Thưa các đồng chí, vì vậy cho nên ở đây, ở Đông Dương này và hiện nay hơn bao giờ hết, chúng ta phải tăng cường đấu tranh, thắt chặt và đồng thời mở rộng hàng ngũ của chúng ta, đi vào quần chúng, giáo dục quần chúng, đoàn kết quần chúng.

Chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ trọng yếu này như chúng ta đã bắt đầu nó, cũng như chúng ta sẽ tiếp tục nó, một cách kiên quyết,

---

1. Nơi đặt trụ sở Bộ Thuộc địa.

2. Pôngđisêri (Pondichéry): Một thuộc địa của đế quốc Pháp trên đất nước Ấn Độ trước kia.

bình tĩnh, bất chấp mọi khó khăn và luôn luôn dưới dấu hiệu của *Đoàn kết, thống nhất,* khẩu hiệu mà chúng ta đã đề ra từ lâu và ngày nay chúng ta sung sướng thấy ngay trước mắt chúng ta, bằng chứng có thể nói là vật chất của những tiến bộ của khẩu hiệu đó.

Nhiệm vụ đó, chúng ta, những người xã hội, những người cộng sản, những người tiến bộ, những người lao động, những người tiểu thương, thanh niên, phụ nữ, luôn luôn đoàn kết như ngày hôm nay, hơn ngày hôm qua, nhất là lúc này khi Đông Dương đang bị chủ nghĩa phát xít Nhật Bản trực tiếp đe dọa, chúng ta sẽ hoàn thành nó.

Nhiệm vụ đó, thưa các đồng chí, tôi xin nhắc lại, chúng ta sẽ hoàn thành nó bằng cách tăng cường Mặt trận Dân chủ, mời tất cả các nhóm tiến bộ người Pháp hay người Đông Dương, tham gia hàng ngũ của nó cho thêm đông đảo, củng cố các cơ sở quần chúng của nó trong nhân dân lao động. Như các bạn cũng đã đoán ra, nói như vậy, chúng tôi có ý mời tất cả các người dân chủ trong nước, nhất là Hội Nhân quyền mà, như mọi người đều biết, đã luôn luôn chiến đấu theo cùng một hướng với chúng tôi.

Thống nhất! Thống nhất! Thống nhất!

Chỉ có đoàn kết, thống nhất mới đảm bảo cho thành công! Chỉ có đoàn kết, thống nhất mới đưa chúng ta đến thắng lợi!

Thưa đồng chí Capuy thân mến, tôi tin chắc đồng chí đồng ý với chúng tôi về vấn đề này. Sự hiểu biết lẫn nhau giữa những người xã hội và những người cộng sản chúng ta đã đạt được những tiến bộ thật sự trong các cuộc đấu tranh chung của chúng ta.

Đồng chí sắp đi. Đồng chí không phải đi nghỉ mà còn là đi làm nhiệm vụ. Thưa đồng chí, đồng chí mang theo một sự ủy nhiệm của Liên đoàn Xã hội chủ nghĩa và những người lao động ở nước này trao cho đồng chí, và tôi tin chắc rằng đồng chí sẽ không phụ lòng tin cậy của chúng tôi.

Thưa đồng chí Capuy, trong cuộc đấu tranh của đồng chí, xin đồng chí hãy tin chắc ở sự ủng hộ của chúng tôi, ở tình đoàn kết tích cực và cảnh giác của chúng tôi.

1939

Báo *Tiếng nói của chúng ta (Notre voix),*
số 16, ngày 30–4–1939.
Ngô Vĩnh Viễn *dịch.*

NHÂN SỰ LẦM LẠC CỦA CỤ PHAN BỘI CHÂU

TIỂU DẪN – Saten (Châtel) là một tên thực dân phản động làm Thống sứ Bắc Kỳ lâu năm, có lệnh gọi về Pháp tháng 3–1939. Bọn thực dân và tay chân của chúng tổ chức tiệc tiễn đưa linh đình.

Cụ Phan Bội Châu gửi một bức thư đến Saten, trong thư có những câu "Tôi thiết tưởng quan lớn với tôi khác nhau bằng sắc da mà in nhau bằng lòng ruột... Tuy riêng nhau vì hoàn cảnh mà chung nhau vì tâm lý". Cụ Phan nhắc lại trong thư buổi gặp Saten khi y còn làm Công sứ một tỉnh ở Trung Kỳ năm 1927, đã tặng cụ một nhành hoa, và ngỏ ý mong: "các nhà chính trị Pháp ở xứ Đông Dương này mà toàn được như quan lớn cả, thời cái chính sách Pháp – Việt đề huề mà tôi đã đề xướng trước đây 20 năm, chắc nhờ những người như quan lớn mà rày mai được hoàn toàn thực hiện". Kết thúc bức thư là một bài 4 câu thơ:

"... Nghe ngài về lại nhớ ngài thêm,

Nhành hoa năm cũ hương còn mới".

...

Lúc này, bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương thi hành chính sách của bọn phản động ở Pháp trắng trợn khủng bố, đàn áp cách mạng, làm cho một bộ phận trong Mặt trận Dân chủ bắt đầu hoang mang. Thư của cụ Phan gửi Saten làm xuất hiện hai luồng dư luận: một luồng chê trách, đả kích cá nhân cụ cho là cụ Phan thoái hóa, đi ngược lại quyền lợi nhân dân, ca tụng bọn cướp nước; một luồng khen cụ Phan thức thời, phản ánh đúng tình hình mới và những người chống đối cần cảnh tỉnh theo hướng cụ Phan.

Để giữ vững lòng tin cho quần chúng vào vai trò lãnh đạo của Đảng ta, uốn nắn, phê phán những nhận thức lệch lạc chung quanh bức thư của cụ Phan, Xứ ủy Bắc Kỳ biểu thị thái độ của mình trên một loạt bài báo, đăng ở các báo *Đời nay, Tiếng nói của chúng ta (Noitre voix) và Ngày mới.*

Đứng trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử và lập trường của Đảng ta, Trường Chinh viết hai bài dưới đây đăng trên báo *Ngày mới*, đánh giá con người yêu nước Phan Bội Châu một cách khách quan, khoa học, gắn con người với bối cảnh lịch sử và điều kiện xã hội cụ thể, sự phát triển của tình hình khách quan và nhận thức chủ quan lỗi thời của cụ Phan, vạch ra con đường đi đúng đắn tiến tới tự do, giải phóng, dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, và chân thành khuyên cụ Phan giữ thái độ chính trị đúng đắn trong tình hình hiện nay.

LÃNH TỤ VỚI PHONG TRÀO

Phân tích lý do hành động sai lầm của nhà cách mạng họ Phan, và giải thích theo quan điểm duy vật biện chứng sự hết sứ mạng của một phong trào quốc gia: phong trào văn thân mà cụ Phan là tiêu biểu.

Bài thơ của cụ Phan Sào Nam gửi mừng ông Saten lên đường về Pháp đã làm chảy biết bao nhiêu mực!

Người ta phàn nàn cho ông già bến Ngự, người ta thống trách nhà lãnh tụ của phái văn thân. Người ta nhao nhao đàm luận về cụ Phan trong khi ông Saten hý hửng đã vớ được một cái "bằng" để khoe với Chính phủ Pháp rằng mình khôn khéo đến nỗi nhà đại cách mạng Phan Bội Châu cũng phải làm thơ ca ngợi; trong khi bọn An, Tá [1] khúc khích cười thầm vì đã đưa được cụ Phan vào tròng, hơn nữa, đã nhờ tay cụ Phan đặt viên đá đầu tiên để bắc cái cầu tiến thân. Sự căm tức của quốc dân rất chính đáng: Người ta không thể tha thứ cho một người làm tiêu biểu cho tinh thần phản đế lại hòa nhịp với bọn phản dân mà ca ngợi chính sách phỉnh dân.

"Bổn phận chúng tôi – bạn Nguyễn Thành Lâm đã nói kỳ trước– là phải bênh vực cái lý tưởng của cụ, phải giữ gìn cho trong sáng tấm gương quý báu cụ đã treo cao...". [2]

Chính thế. Tôi rất đồng ý với bạn Nguyễn Thành Lâm cũng như các bạn khác đã chỉ trích cụ Phan một cách thành thực và đúng đắn. Song tôi muốn rút ở cái hành động đáng tiếc của cụ Phan vừa rồi một bài học.

Cụ Phan có thể "nông nổi", cụ lại có thể "mắc lừa" như lời nhiều bạn đã quá cảm tình với cụ mà muốn bênh vực vớt vát cho cụ. Nhưng ta không thể chối cãi được điều này: cụ Phan đã mất cái giác quan cách mạng nó chỉ dẫn ngôn ngữ, hành động của người cách mạng trong khi nguy hiểm cũng như trong lúc bình thường.

Đó là một điều đáng tiếc. Đó là một sự làm nhiều bạn phải đau đớn, phải ngạc nhiên; nhất là khi người ta biết rằng cụ Phan đã là

1. An, Tá: Vũ Văn An, Phạm Tá, nghị viên Viện dân biểu.

2. Báo *Ngày mới*, số 1, ngày 19–4–1939.

một tay lãnh tụ của phái quốc gia cách mạng, một nhân vật thông minh cực điểm của phái nhà Nho, một phái lấy *tín nghĩa* làm đầu, lấy *tiết tháo* làm cốt.

Cụ Phan đã hết là một nhà cách mạng. Cụ Phan lại không giữ nổi cái *tiết tháo* của một nhà Nho thông thường. Cái cá nhân của cụ đã mờ dần cũng như sao Mai gần tắt trong lúc mặt trời sắp mọc.

Người ta có thể nói cái trụy lạc của cá nhân cụ Phan không đáng kể; cái đáng kể chỉ là phong trào. Nhưng ta phải tìm ra nguyên nhân của sự trụy lạc ấy để gây một lòng tin mới cho những ai vừa bị bài thơ của cụ dội một dòng nước lạnh vào lưng, vừa nhân chỗ mất tin nhà cựu chiến sĩ mà để cho một sự buồn nản, thất vọng tràn ngập trong lòng.

Cụ Phan là một nhân vật cách mạng.

Cá nhân đóng một vai trò khá quan trọng trong phong trào cách mạng, cũng như trong phong trào chính trị chung. Mác cho rằng: *"Rốt cuộc chính người đã làm ra lịch sử của loài người"*. Nhưng phải hiểu chữ người ấy, không phải chỉ có những anh hùng, hào kiệt, những bậc "thượng lưu", tài giỏi đã làm ra lịch sử. Kẻ làm ra lịch sử là dân chúng, mẹ đẻ ra những bậc anh hùng, tài giỏi kia. Và gần đây Stalin cũng viết: *"Những bậc vĩ nhân có giá trị trong phạm vi họ biết hiểu một cách đúng đắn những điều kiện ấy (điều kiện xã hội) và biết thay đổi những điều kiện ấy như thế nào"*.

Song cái sức mạnh của một vĩ nhân ở đâu? Ở những mối liên lạc của vĩ nhân ấy với quần chúng, ở chỗ họ hiểu quần chúng để giác ngộ quần chúng và luôn luôn học thêm ở quần chúng.

Một nhân vật lỗi lạc đến đâu cũng có thể trụy lạc, sa ngã. Đời chính trị của họ có thể phá sản, nếu họ ly khai quần chúng, xa lánh quần chúng, để yên nghỉ trong cái "tháp ngà".

"Sự mất liên lạc với quần chúng, sự sao nhãng những quyền lợi cốt yếu của phong trào, sự ruồng bỏ những trách nhiệm và những nguyên tắc thực tế của cuộc đấu tranh cách mạng, làm cho cá nhân của người lãnh đạo mất cái sức mạnh và ảnh hưởng mà họ đã có khi làm tròn trách nhiệm của kẻ bênh vực quyền lợi giai cấp cách mạng" (*Pravda* ngày 27–11–1938).

Cho nên ông già bến Ngự trụy lạc, mất sức mạnh, mất ảnh hưởng là vì từ ngày ra khỏi nhà tù, ông chỉ lấy thi ca, trăng, nước để

tiêu dao ngày tháng. Sau mấy mươi năm phiêu bạt nước ngoài, xa lìa dân chúng, lúc về ông lại đành chịu cái cảnh "tù giam lỏng" mà thả thuyền buông theo dòng nước sông Hương, cũng như phó mặc sự đời trôi đi cùng thời khắc. Ông đã sao nhãng những quyền lợi cốt yếu của phong trào, quên những trách nhiệm vận động cách mạng, không giác ngộ được quần chúng, thì khỏi sao không mất trí sáng suốt cách mạng. Vả lại, cơ thể suy nhược của tuổi già cũng giúp thêm vào làm cho tinh thần mau trụy lạc.

Ông già ấy đã quá mùa. Tinh thần đã úa, xác thịt đã héo. Chỉ còn đợi ngày rụng.

Sự nghiệp xưa của ông, ta không quên. Nhưng ta cũng đừng quá tin ông để khỏi phải quá thất vọng về ông. Ông đã mất trí sáng suốt, mất giác quan cách mạng thì ông bị bọn An, Tá đánh lừa hay ông biết mà cứ viết thư chúc ông Saten đi nữa, cái đó không lấy gì làm lạ đối với những ai biết nhận chân sự thực, với những ai chỉ tin ở sức quần chúng, và coi cá nhân chỉ là sản vật của phong trào, mặc dầu cá nhân có thể ảnh hưởng đến phong trào và điều khiển được phong trào.

5-1939

QUA NINH

Báo *Ngày mới*, số 6, ngày 27-5-1939.

SỨ MẠNG PHÁI VĂN THÂN ĐÃ HẾT TỪ LÂU RỒI

Nhưng cái phá sản chính trị của cụ Phan không phải của riêng cụ.

Cái phá sản của cụ là phá sản của cả một phong trào quốc gia cổ. Giác ngộ ở phong trào Văn Thân, cụ xông vào trường cách mạng với tư tưởng bài ngoại. Thi đỗ nhưng không chịu làm quan cho triều Nguyễn và xu phụ cường quyền, cụ xuất dương nghe theo tiếng gọi của cuộc cách mạng Tàu, và phong trào canh tân ở Nhật. Thúc giục bởi bao cảnh lầm than nô lệ của đồng bào, cụ quyết đi tìm phương pháp để phụng sự cho phong trào giải phóng quốc gia.

Khi ấy những người như cụ, nghĩa là đám trí thức Nho học, con cái giai cấp tiểu tư sản, con cái dân cày hay địa chủ nữa, là bọn giác ngộ quyền lợi của giai cấp và dân tộc. Họ đứng ra lãnh đạo phong trào phản đế. Thời kỳ oanh liệt của họ là thời kỳ Văn Thân.

Khi Việt Nam thành thuộc địa Pháp thì phong trào Cần Vương của bọn quý tộc địa chủ nổi dậy. Tiếp đến phong trào Văn Thân. Từ sau cuộc Đại chiến (1914 - 1918), phong trào Văn Thân bị sút kém. Đế quốc chủ nghĩa Pháp hết sức mở mang kỹ nghệ, khai thác thuộc địa để cố kiếm lợi, bù đắp lại thương tích chiến tranh. Những nhà máy, đồn điền, mỏ được mở mang thêm lên nhiều. Giai cấp dần dần *phân hóa rõ rệt.*

Từ năm 1923 đến năm 1929, kỹ thuật phát triển làm phá sản một phần thủ công nghiệp. Ruộng đất dần dần tập trung vào địa chủ. Bọn tiểu tư sản thành thị và thôn quê cảm thấy quyền lợi mình bị cạnh tranh, bị lấn át. Họ giác ngộ phản đế và gây nên phong trào quốc gia rất bồng bột vào dịp cụ Phan Châu Trinh chết (1926), cụ Phan Sào Nam bị ra tòa (1926) và kéo dài ra đến đầu năm 1930 với cuộc Yên Bái bạo động.

Nhưng nếu phong trào quốc gia cũ, phong trào Văn Thân, đã hết với cuộc Thái Nguyên bạo động, cuộc đánh đồn Tà Lùng (Cao Bằng), thì phong trào quốc gia mới, do bọn trí thức tiểu tư sản mới chỉ huy, cũng đã lên đến cực điểm với cuộc Yên Bái bạo động. Rồi từ đấy nó xuống hẳn để nhường chỗ cho phong trào cách mạng của thợ thuyền và dân cày.

Vì việc mở mang kỹ nghệ ở Đông Dương từ năm 1923 đến năm 1929, đã đẻ ra một giai cấp mới, giai cấp vô sản kỹ nghệ. Hạng thợ thuyền nhà máy, phu mỏ, phu đồn điền, họp với bọn thợ cày nơi đồng ruộng thành giai cấp vô sản Đông Dương. Dần dần tập trung vào các sản nghiệp tư bản, giai cấp này càng ngày càng có ý thức về quyền lợi. Họ lại khổ hơn hết, bị bóc lột hơn hết, trực tiếp với bộ máy kinh tế và chính trị của giai cấp tư bản và địa chủ, họ rất mau giác ngộ và hăng hái hy sinh hơn hết. Họ đã tỏ rõ tinh thần và sức mạnh của họ trong các cuộc đình công, biểu tình khổng lồ từ năm 1930 đến nay. Càng tranh đấu, họ càng nhận thấy rằng lúc này giai cấp vô sản Đông Dương muốn giải phóng cho toàn thể dân tộc. Vì thế họ đã tranh đấu quyết liệt để chinh phục lấy quyền lãnh đạo cách mạng ở Đông Dương.

Kinh tế Đông Dương càng phát triển, giai cấp phân hóa càng rõ rệt, thì quyền lãnh đạo cách mạng cũng từ tay bọn quý tộc địa chủ chuyển sang tay bọn tiểu tư sản; từ tay bọn tiểu tư sản sang tay giai cấp vô sản. Vai trò của phái quốc gia cũ (Văn Thân) đã hết. Lãnh tụ của nó, cụ Phan Sào Nam tuy vẫn còn sống, nhưng cũng đã thành ra một người của lịch sử. Nếu cụ đã không thể giác ngộ quyền lợi vô sản để tiến lên cho kịp phong trào thì bước trụy lạc của cụ cũng không lấy gì làm khó hiểu. Việc cụ tặng thơ ông Saten chỉ là một triệu chứng thêm vào nhiều triệu chứng khác tỏ ra vai trò lãnh đạo của phái quốc gia đã hết, sứ mạng của đám văn thân đã hết.

Kẻ lãnh đạo cách mạng lúc này phải tìm ở trong phong trào vô sản, cũng như quyền lãnh đạo cách mạng phải ở trong tay giai cấp vô sản.

Nghĩ lắm lúc bầm gan tím ruột,
Vạch trời kia mà tuốt gươm ra.
Cũng xương, cũng thịt, cũng da,
Cũng hòn máu đỏ con nhà Lạc Long.
Thế mà chịu trong vòng trói buộc,
Mấy mươi năm nhơ nhuốc lầm than...

Người viết ra những câu hùng tráng lâm ly ấy nay đã không phải là bậc lãnh đạo cho chúng ta nữa.

Những chiến sĩ xưa bị trụy lạc, đã có nhiều chiến sĩ mới thế

chân. Bước đường mới phải có chiến sĩ mới. Chiến sĩ họ Phan chỉ đắc dụng trong thời buổi quá khứ.

Hậu sinh chúng ta hãy chúc cho cụ mau giác ngộ quyền lợi của bình dân, họa chăng còn đóng được vai trò ủng hộ phong trào quần chúng trong một phạm vi nào. Bằng không thì cụ hãy yên nghỉ tuổi già trên con thuyền bến Ngự và xin cụ đừng để cho những người như Phạm Tá lừa bịp cám dỗ và bôi nhọ vào đời cụ.

Sự nghiệp chung cụ bỏ dở đã có người tiếp tục. Ta không vì cái sự trụy lạc của cụ mà đâm ra hoài nghi vận mệnh của phong trào dân chúng.

6–1939

QUA NINH

Báo *Ngày mới*, số 7, ngày 3–6–1939.

*

PHẢI TIẾN GẤP!

Hiện nay ách Nhật – Pháp đối với dân ta đã quá nặng nề. Hai lũ giặc lùn, quỷ trắng thi nhau hà hiếp, bóc lột dân ta theo lối "mạnh ai nấy được". Một lũ nhặng xanh, ỷ thế giặc, tàn hại đồng bào quá tệ!

Tuy nhiên, hai bọn cầm quyền Nhật, Pháp lại xung đột nhau. Sự xung đột ấy ngày thêm gay gắt. Trục càng bại, Nhật càng suy. Bọn Pháp ở Đông Dương – trong đó có Pháp Đờ Gôn – dần dần ngóc đầu dậy. Chúng đã ngang nhiên đàn áp bọn lãnh tụ Việt gian thân Nhật mà Nhật phải ngoảnh mặt làm thinh. Lực lượng so sánh giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương dần dần đi đến chỗ quân bình. Chính vì thế Nhật do dự, chưa làm đảo chính ngay đặng truất hẳn quyền Pháp.

Trên thế giới, cuộc chiến đấu vĩ đại của phe dân chủ, có Liên Xô đi đầu, đang đẩy bọn phát xít xâm lược đến chỗ chết. Phát xít Nhật – Pháp, kẻ tử thù của nhân dân Đông Dương, không thể đứng vững, Liên Xô đang tiến tới chỗ toàn thắng. Thành trì cách mạng thế giới được củng cố và mở rộng. Ăn nhịp với cuộc tiến quân của Liên Xô và các nước Đồng minh, một cao trào cách mạng đang lan tràn trên các đại lục. Sát Đông Dương, Trung Quốc, Anh, Mỹ đánh Nhật không ngớt. Và quân Tưởng tập trung tại biên giới Bắc Kỳ để sẵn sàng thừa dịp đột nhập Đông Dương đánh Nhật.

Tóm lại, bên trong dân ta cực khổ. Cả Đông Dương như một cánh đồng cỏ khô; tàn lửa cách mạng động rơi vào đâu cũng có thể bốc cháy. Hai quân thù Nhật, Pháp cầm cự, giữ miếng nhau, hơn nữa lại tiêu hao lực lượng của nhau, làm cho quyền thống trị của chúng ở Đông Dương yếu dần. Bên ngoài, phong trào cách mạng phát triển mạnh. Nhân dân ta có nhiều bạn đồng minh cùng chiến đấu và bất thần có thể cùng chúng ta chống phát xít xâm lược trên đất Đông Dương. Và một khi mặt trận ấy thành lập ở Đông Dương thì hàng ngũ bọn áp bức chúng ta sẽ trở nên rối bét: Nhật, Pháp sẽ bắn nhau; bọn Việt gian thân Nhật và thân Pháp sẽ hoang mang, dao động đến cực điểm.

Các chiến sĩ cách mạng Đông Dương! Các giới đồng bào yêu nước! Thời cuộc trong ngoài hết sức có lợi cho ta. *Dịp tốt ngàn năm có một đang lại.* Hãy tiến gấp! Hãy kíp sửa soạn khởi nghĩa theo chỉ

thị đã ra. Các đồng chí hãy kiên nhẫn và mạnh dạn thuyết phục đồng bào. Hãy thi nhau phát triển tổ chức; thi nhau đẩy mạnh phong trào đấu tranh quần chúng. Vận mệnh các dân tộc Đông Dương đã đặt trong tay chúng ta. Phải hy sinh, phấn đấu. Phải kiên quyết, tích cực. Bỏ lỡ cơ hội là một tội ác. Phải sẵn sàng đón lấy thời cơ và chuẩn bị đủ điều kiện tóm lấy nó.

Những kêu than, hờn oán của đồng bào ta hiện nay không đủ làm cho chúng ta bầm gan, sôi máu sao?

Gương chiến đấu bền bỉ của dân tộc ta không đủ thúc giục ta dũng cảm tiến lên sao?

Những thắng lợi vẻ vang của Hồng quân Liên Xô và của cả Mặt trận chống phát xít xâm lược không đủ làm cho chúng ta phấn khởi sao?

Tiến lên các chiến sĩ!

Tiến lên chuẩn bị cầm súng, tuốt gươm, giải phóng cho dân tộc khỏi ách nặng nề của phát xít Nhật, Pháp! Tiến lên dự một phần vẻ vang vào công cuộc tiễu trừ phát xít, dựng lại hòa bình, hạnh phúc cho loài người.

7-1944
C.G.P.

Báo *Cờ giải phóng*,
số 6, ngày 28-7-1944.

*

CÁI NHỌT BỌC SẼ PHẢI VỠ MỦ!

Quân Hítle đang bị quét sạch ra khỏi đất Pháp. Dân quân Pháp đã nổi dậy, phối hợp với cuộc tiến công của Đồng minh đánh đuổi quân thù.

Chính phủ bù nhìn Visi (Vichy) đổ sụp. Bọn Pháp gian phản quốc Pêtanh, Lavan chạy trốn sang Đức, núp dưới nách Hítle. *Chính phủ lâm thời của nước Pháp Cộng hòa* đóng ở Pari do tướng Đờ Gôn làm chủ tịch.

Quyền thống trị của Đức Quốc xã ở Pháp bị đạp đổ. Chế độ Visi thân Đức rã rời. Sự kiện lớn lao ấy ảnh hưởng không nhỏ đến Đông Dương. Một mặt, những hiệp ước giữa Đông Kinh, Bá Linh và Visi về Đông Dương không còn lý do tồn tại nữa. Mặt khác, tình hình biến đổi bên Pháp bắt bọn Đờcu ở Đông Dương phải tỏ rõ thái độ: hoặc tiếp tục trung thành với Trục [1] và nếu thế, phải phản đối nước Pháp Cộng hòa mới, phải tuyên chiến với Anh – Mỹ; hoặc chạy sang phe Đờ Gôn và công khai chống lại quân đội Nhật ở Đông Dương.

Song thái độ mập mờ của bọn Đờcu không thể lọt qua mắt giặc Nhật.

Thật thế, khi biết Chính phủ Visi phải đổ, bọn Đờcu liền vin vào luật ngày 18 tháng 2 năm 1943 của Chính phủ đó, họp Thượng hội nghị Đông Dương, tự nhận có toàn quyền hành động, mặc dù tình hình Pháp biến đổi như thế nào.

"Để giữ mối liên lạc trung thành giữa Đông Dương và chính quốc trong mọi trường hợp". Câu ấy của bản thông cáo ban hành Sắc lệnh nói trên có nghĩa là dù nước Pháp thoát khỏi vòng xiềng xích của Trục, Đông Dương vẫn gắn bó với Pháp.

Chưa hết. Trong bài diễn văn đọc tại Sài Gòn ngày 30 –8–1944, nhân dịp kỷ niệm năm thứ tư ngày thành lập đội Lê dương, Đờcu thốt ra một câu đáng chú ý: "Nước Pháp sẽ lấy lại được chủ quyền, hòa giải các con cái".

---

1. Trục: Trục Đức, Ý, Nhật.

Đó, Đờcu và phe lũ muốn chơi lối "lựa gió bẻ buồm" như Đáclăng, Girô ở Bắc Phi. Những thất bại ê chề và liên tiếp của Đức và Nhật đã làm cho chính trong hàng ngũ bọn phát xít Pháp ở Đông Dương cũng có nhiều phần tử không tin tưởng ở "thắng lợi cuối cùng" của Trục nữa. Sự tháo lui của quân đội Hítle trên đất Pháp đi đôi với những thất bại đau đớn của Nhật ở Bắc Miến Điện và Thái Bình Dương đã đẩy bọn Pháp ở Đông Dương ngóc đầu dậy.

Nhưng bọn Nhật biết thế, cho nên ngay sau hôm kỷ niệm ngày thành lập đội Lê dương, bọn Đờcu bị Nhật bắt phải thanh minh về thái độ của mình. Đồng thời, Nhật đưa ra những yêu sách mới, buộc bọn Pháp ở Đông Dương phải tuyên chiến với Anh – Mỹ, phải nhường cho Nhật nhiều đồn trại quan trọng và chịu cho võ quan Nhật trực tiếp chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương v.v... Rồi để ngăn ngừa bọn Pháp quay phản và để ủng hộ cho những yêu sách trên kia, lực lượng Nhật được tăng viện ở Bắc Kỳ. Tình hình Nhật, Pháp căng thẳng.

Do đài Ăngkara (Ankara) ở Thổ, Nhật gián tiếp tuyên bố đòi "công khai chiếm cứ Đông Dương". Ngày 2–9, quân Nhật định xông tới chiếm đóng trại lính Pháp ở Lạng Sơn bị lính Pháp bắn lại. Ngay hôm ấy, lính khố đỏ và lính Pháp ở các thành phố lớn như Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng, Đáp Cầu, Sơn Tây v.v... được phát thêm đạn và cấm không được ra khỏi trại.

Bọn Pháp sẵn sàng đánh Nhật nếu chúng bị Nhật bắt ép. Thái độ Pháp ở Đông Dương đã bướng hơn, cho nên sau đó Nhật, Pháp dàn xếp, "thỏa thuận" và tình hình Nhật, Pháp hiện ở chỗ hòa hoãn tạm thời, *nhùng nhằng không quyết*.

Lực lượng so sánh giữa hai lũ giặc Nhật, Pháp hiện đang thay đổi. Hơn một năm nay, luôn luôn thua bại, quân lực lại phải chia đi chống giữ nhiều nơi cách xa nhau, giặc Nhật quả đã suy yếu.

Chúng không dám mạo hiểm làm ngay cuộc "đảo chính" để truất hẳn quyền bọn Pháp và tước vũ khí lính Pháp, vì chúng biết làm như thế nhất định bọn Pháp sẽ bắn lại và cuộc xung đột quyết liệt giữa Nhật, Pháp sẽ nổ ra. Quân Đồng minh thừa dịp kéo vào Đông Dương và cách mạng Đông Dương, cũng nhân cơ hội nổi dậy. Như thế Nhật lại có thêm một mặt trận nữa. Đó là một điều chúng rất e ngại.

Còn bọn Pháp, tuy đã được tình hình nước Pháp và trên thế giới khuyến khích, nhưng tự xét chưa đủ lực lượng mở cuộc tiến công Nhật trước để giành lại độc quyền bóc lột nhân dân Đông Dương, cho nên cố chờ một cơ hội thuận tiện hơn nữa mới công khai chống Nhật. Chúng biết rằng tình thế mỗi ngày thêm có hại cho Nhật và có lợi cho chúng, cho nên chúng cố thỏa thuận bề ngoài với Nhật một lần nữa để tranh lấy thời gian, chuẩn bị lực lượng, củng cố thêm vây cánh trước khi công nhiên khai chiến với Nhật. Và cả hai quân giặc Nhật, Pháp đều gờm cách mạng Đông Dương. Chúng rất sợ khi chúng cắn xé nhau chí tử thì cách mạng Đông Dương thừa dịp nổi dậy tiêu diệt chúng. Chính vì thế Nhật, Pháp lại có thể "hòa hoãn" bề ngoài với nhau một lần nữa.

Nhưng sự "hòa hoãn" này có khác chi một cái nhọt bọc, chứa chất bên trong biết bao nhiêu vi trùng và máu mủ, chỉ chờ dịp chín mõm là vỡ tung ra.

Một điều đáng chú ý là giặc Nhật không dám quét sạch ngay bọn Pháp ở Đông Dương lúc này tức là chúng đã tự thú rõ ràng suy yếu. Phát xít Đức đang đi tới chỗ chết. Đức bại, mặt trận phương Tây im tiếng súng thì Liên Xô và các nước Đồng minh có thể chuyển thêm lực lượng sang Viễn Đông, cho Nhật một đòn cuối cùng. Hội nghị Kêbéc (Québec) đã bàn cách mở rộng cuộc phản công Nhật trước khi mặt trận châu Âu kết thúc. Cho nên, nếu ngay lúc này giặc Nhật không dám hất cẳng bọn Pháp ở Đông Dương, thì sau này chúng khó có dịp thi hành kế hoạch ấy hoặc nếu tình thế bắt buộc phải làm, thì cũng chỉ là túng bí làm liều mà thôi.

Tóm lại, cả hai quân thù của nhân dân ta là Nhật và Pháp đang đóng một tấn kịch giả dối, vô cùng nguy hiểm cho chúng. Cả hai đều đang sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mày chết, quyết liệt cùng nhau.

Nhưng chúng còn "nhân nhượng" nhau ngày nào, nhân dân ta còn thống khổ dưới hai tầng xiềng xích của chúng ngày ấy. Và toàn thể đồng bào ta sẽ bị chúng tranh nhau hà hiếp, bóc lột thậm tệ hơn trong những ngày sắp tới đây. Do đó, quần chúng nhân dân nước ta sẽ cách mạng hóa nhanh hơn nữa.

Hỡi quốc dân đồng bào!

Hỡi các đảng phái cách mạng!

Hỡi các chiến sĩ cứu quốc!

Chúng ta đang tiến tới tình hình tổng khủng hoảng chính trị ở Đông Dương. Phải kíp mài gươm, lắp súng để mai đây Nhật, Pháp bắn nhau, kịp nổi dậy tiêu diệt chúng, giành lại giang sơn, Tổ quốc. Muốn thế phải tiếp tục đấu tranh chống Nhật và bọn Việt gian thân Nhật; nhưng, đồng thời, phải đặc biệt chú trọng đánh đổ những xu hướng ngây thơ tin tưởng vào nước "Pháp phục hưng" và bị động trông chờ ở Chính phủ Đờ Gôn những cải cách vụn vặt.

Phong trào dân chủ và độc lập dân tộc đang sôi nổi trên thế giới. Nhân dân Đông Dương không thể công nhận bất cứ một chính quyền đế quốc nào. Lênin nói: *"Những vấn đề lớn của đời sống các dân tộc chỉ có thể giải quyết được bằng vũ lực"*.

Đoàn kết, thống nhất, dùng vũ lực nổi dậy giành chính quyền, nhân dân Đông Dương mới có được cơm áo, độc lập và tự do.

9-1944
C.G.P.

Báo *Cờ giải phóng*,
số 7, ngày 28-9-1944.

*
* *

CUỘC KHÁNG CHIẾN ANH DŨNG CỦA CHÚNG TA

Tiếng súng "đảo chính" của Nhật nổ thì tức thời tiếng súng chống Nhật, cứu nước của các đơn vị bộ đội du kích Đông Dương cũng nổ.

Các dân tộc bị áp bức Đông Dương đã ngang nhiên dùng súng đáp lại mưu mô cướp nước của giặc Nhật. Họ đã dùng súng đáp lại chủ trương thay thầy đổi chủ của bọn Việt gian. Họ đã dùng súng đáp lại những lời dụ hàng ngu xuẩn của quân đội Nhật và trả lời một cách đích đáng những bức thư đề nghị "hợp tác" của bọn thân Nhật không có óc.

Tiếng súng du kích nổ sau ngày 9–3–1945 đã mở đầu cho một cuộc kháng chiến anh dũng trong lịch sử vận động cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Dương, ngót một thế kỷ nay. Nó đã mở đầu cho một thời kỳ chiến đấu mới của các dân tộc bị áp bức Đông Dương *quyết phen này giành cho được tự do, độc lập.*

Cuộc kháng chiến của nhân dân Đông Dương càng thêm anh dũng, vì nó phát triển mạnh mẽ và mau lẹ, trong khi cuộc "kháng chiến" yếu ớt của người Pháp ở Đông Dương đã thất bại mau chóng một cách ê chề!

Một sự thật vừa được ghi trong lịch sử chiến đấu của các lực lượng chống phát xít: bọn Pháp ở Đông Dương có bao nhiêu quân đội và vũ khí mà không duy trì nổi cuộc "kháng chiến" của họ; trái lại, các dân tộc Đông Dương, với vũ khí thô sơ và thiếu thốn, đang kiên quyết một mình đảm đương công cuộc kháng chiến chống Nhật trong những điều kiện hết sức khó khăn.

Mặc dù quân Đồng minh chưa đổ bộ vào Đông Dương cùng nhân dân ta đánh Nhật, cuộc kháng chiến của nhân dân ta vẫn không ngừng phát triển. Đến nay nó đã qua hai bước.

Thoạt tiên, quân ta tước vũ khí của tàn quân Pháp thua chạy không để cho họ đem súng ra hàng giặc Nhật hoặc chạy ra nước ngoài. Và trong khi lực lượng kháng chiến của Pháp tan rã, quân ta đã tiến đánh một số đồn trại, chiếm lấy những căn cứ cần thiết cho cuộc kháng chiến chống Nhật của ta, đồng thời đoạt lấy số vũ khí ở đó, không để lọt vào tay giặc Nhật.

Hành động của chúng ta có cản trở cuộc kháng chiến của Pháp không? Quyết không! Trái lại, mặc dù bọn Pháp Đờ Gôn ở Đông Dương hoài nghi, ngoan cố và đầy tham vọng, không chịu lập Mặt trận Dân chủ chống Nhật với ta trước cuộc "đảo chính", trong giờ quyết liệt ta cũng đặt nhiệm vụ chống phát xít Nhật lên trên hết và cùng họ thống nhất hành động ở những nơi họ thành lập kháng chiến (như ở Sóc Giang, Cao Bằng và Ngân Sơn, Bắc Cạn). Nhưng sự hối lỗi muộn mằn của vài bọn Pháp kháng chiến lẻ loi (đến bước đường cùng mới bám lấy cách mạng Việt Nam) không đủ cứu vãn cho toàn bộ cuộc kháng chiến của Pháp. Rốt cuộc, quân đội Pháp ở Đông Dương tan rã hoặc chạy trốn qua biên giới Việt – Trung, hoặc bị bắt làm tù binh.

Pháp bại, cuộc kháng chiến của nhân dân ta tiến lên một bước mới. Quân ta tiếp tục chiến đấu, đương đầu thẳng với Nhật; phá hoại đường giao thông vận tải của Nhật, đánh chặn quân Nhật định tiến chiếm các căn cứ địa của cách mạng Việt Nam, quét sạch lực lượng Nhật trong những căn cứ địa ấy v.v... Đánh đến đâu, quân ta động viên quần chúng nhân dân tham gia du kích đến đó và thành lập những *Ủy ban nhân dân cách mạng,* dựng chính quyền cách mạng lâm thời ở địa phương. Được bộ đội du kích và quần chúng vũ trang ủng hộ, những Ủy ban nhân dân cách mạng đang thực hiện những nguyện vọng tha thiết của đồng bào. Hơn một triệu người trong *Khu giải phóng* đã được miễn trừ sưu thuế, có thêm ruộng đất, được hưởng quyền tự do dân chủ v.v... Trong quá trình đấu tranh chống Nhật, *Việt Nam giải phóng quân* đã chính thức thành lập, bao gồm các lực lượng của Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và của Việt Nam Cứu quốc quân. Các chiến khu đã được quy định rõ ràng. Trường quân chính kháng Nhật đã mở ở căn cứ địa để đào tạo cán bộ quân sự. Các chiến sĩ của ta đang được rèn luyện trên trường chiến đấu thực tế hoặc trong các lớp huấn luyện quân sự, chính trị. Bằng cách chiếm vũ khí của giặc, quân ta vừa đánh vừa vũ trang thêm. Các bộ đội, du kích của ta đang phát triển lực lượng để chuẩn bị tiến lên đuổi giặc Nhật ra khỏi nước, thành lập nước *Việt Nam dân chủ cộng hòa.*

Vẻ vang thay!

Trong khi một nhúm Việt gian ca tụng giặc Nhật để xin xỏ một ít canh cặn, cơm thừa, thì đồng bào ta, dưới lá cờ đỏ sao vàng của Việt Minh, đang hy sinh chiến đấu, giành lại đất nước. Cuộc kháng

chiến của ta là một bằng chứng sắt đá chỉ cho thế giới biết rằng: *Dân tộc ta không hèn đớn nép mình dưới gót ủng của Nhật, cũng không chiến đấu cho quyền thống trị của Pháp như chính phủ Đờ Gôn đã tuyên bố, không ỷ lại trông chờ ở lực lượng viện trợ bên ngoài.*

Hiện nay, nạn đói vẫn đang hoành hành một cách ghê gớm. Đối với dân ta, giặc Nhật chém giết tàn nhẫn, bóc lột thẳng tay. Không bao giờ dân ta đau khổ như lúc này. Chúng ta đang góp một phần hy sinh xương máu với các nước Đồng minh để tiễu trừ phát xít Nhật và lập lại hòa bình cho loài người. Chúng ta không bị thuyết "Đại Đông Á" của Nhật lừa phỉnh. Chúng ta biết đứng dậy cầm vũ khí tự chặt xiềng, phá ách, giành lấy quyền sống chính đáng. Cuộc vũ trang kháng Nhật của chúng ta phải được vang dội đến diễn đàn Cựu Kim Sơn. Chúng ta đang đổ máu để đặt trước Hội nghị Cựu Kim Sơn điều yêu sách lớn của dân tộc: *hoàn toàn độc lập và tự do.*

Chúng ta chống Nhật đến cùng. Song chúng ta sẵn sàng chống tất cả thế lực nào định bắt ta trở lại đời nô lệ cho chủ nghĩa đế quốc Pháp hoặc cho bất cứ một chủ nghĩa đế quốc nào khác, sau khi quyền thống trị của Nhật đổ.

Chỉ có cầm vũ khí trong tay, đoàn kết chiến đấu, dân tộc ta mới tự quyết định được số phận của mình trong những ngày sắp tới đây.

6–1945
C.G.P.

Báo *Cờ giải phóng,*
số 14, ngày 28–6–1945.

LÊ TẤT ĐẮC

(Sinh năm 1906)

Lê Tất Đắc sinh năm 1906 ở xã Hoằng Phúc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, trong một gia đình nhà Nho nghèo, tham gia Đảng Tân Việt năm 1928, rồi chuyển sang Đông Dương Cộng sản liên đoàn năm 1929, sau gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, Lê Tất Đắc ba lần bị bắt, bị giam ở các nhà lao Nghệ An, Thanh Hóa, Lao Bảo, Buôn Ma Thuột, Hỏa Lò, và hai lần vượt ngục (vượt ngục Buôn Ma Thuột năm 1942 cùng với Nguyễn Chí Thanh, Phan Văn Giá; vượt ngục Hỏa Lò năm 1945 cùng với Trần Đăng Ninh, Vũ Kỳ v.v...).

Trước Cách mạng Tháng Tám, Lê Tất Đắc đã kinh qua nhiều công tác: cán bộ Xứ ủy Trung Kỳ, Bí thư tỉnh ủy Thanh Hóa, cán bộ của Trung ương.

Sau Cách mạng Tháng Tám, Lê Tất Đắc làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Thanh Hóa, Chủ nhiệm kiêm Chủ bút báo *Sao vàng* (sau đổi tên là *Vệ quốc quân, rồi Quân đội nhân dân*), Ủy viên Ban Tuyên huấn Trung ương, kiêm Phó Giám đốc trường Nguyễn Ái Quốc, Ủy viên Ban Tổ chức Trung ương, Thứ trưởng Bộ Nội Vụ (nay là Bộ Thương binh và xã hội). Lê Tất Đắc đã về hưu năm 1977.

Lê Tất Đắc cũng như nhiều cán bộ cách mạng khác đã dùng thơ ca làm một thứ vũ khí để vận động cách mạng. Nhiều bài ca dao cứu quốc của tác giả như bài *Chửi Việt gian, Chống Nhật nhổ ngô, Chống bắt phu...* đã được phổ biến rộng rãi và có tác dụng trong việc động viên quần chúng đấu tranh trong thời kỳ tiền khởi nghĩa.

Tất cả những bài thơ in ở đây đều đã được tác giả chỉnh lý lần cuối.

RA TÙ

TIỂU DẪN – Tháng 8–1939, từ nhà tù Buôn Ma Thuột, tác giả được trả lại tự do, và làm thơ này để xác định vị trí chiến đấu của mình, đồng thời để động viên các đồng chí khác còn ở trong tù.

Bàn gì kẻ ở với người ra,
Đây đấy cùng chung một cảnh mà!
Mặt đất hãy còn tay bóc lột,
Gầm trời chưa hết tiếng rên la.
Tuy vòng tù tội đà ra khỏi,
Nhưng nạn cơ hàn khó tránh xa!
Cách mệnh một đường ta tiến thẳng,
Đi đâu vô sản cũng là nhà.

1939

*

* *

HIỆU TRIỆU PHẢN ĐẾ

Này hỡi anh chị em dân tộc!
Dậy nghe chuông cứu quốc để hồi.
Tình hình nguy ngập lắm rồi,
Nằm mơ chi nữa, mau thời đứng lên!
Khắp Âu, Á lửa tên dữ dội,
Cuộc chiến tranh sôi nổi lan tràn.
Trên đường chém giết dã man,
Đông Dương đâu khỏi máu tràn xương xây.
Ôi! Nghĩ đến mà gai gan óc,
Thảm thương thay dân tộc xứ ta.
Việt, Lào, Miên, Thổ, Nùng, Kha,
Mán, Mường, Mèo, Thượng, một nhà Đông Dương.
Chịu dưới ách bạo cường áp bức,
Gần trăm năm cơ cực lầm than.
Bọn đế quốc, lũ vua quan,
Gây ra tai nạn cơ hàn khắp nơi,

Nay dân chúng còn hơi thoi thóp,
Chúng lại toan đè bóp không thương.
Bày ra những cuộc chiến trường,
Dân còn chút máu chúng mang đổ bừa.
Rồi tài sản chúng vơ vét sạch,
Mượn tiếng sung vào ngạch "quốc phòng".
Nói bao nhiêu những đau lòng,
Tổ tiên sự nghiệp thôi xong còn gì?
Thân nô lệ sống đê, sống mạt,
Sống không bằng súc vật chúng nuôi.
Than ôi, một kiếp ở đời!
Đông Dương dân tộc e rồi diệt vong.
Huống nay lại thêm còng, thêm xích,
Của những loài phát xít Phù Tang.
Lại thêm nanh vuốt phũ phàng,
Của quân Đức, Ý cũng phường hùm beo.
Trăm cái chết đã treo sau gáy,
Phải tự ta cứu lấy ta mau.
Hỡi dân tộc! Hỡi đồng bào!
Việt Nam với cả Miên, Lào đứng lên!
Và cùng các anh em thiểu số,
Thượng, Mèo, Kha, Nùng, Thổ, Mán, Mường,
Lập mau Mặt trận Đông Dương,
Phản đế cứu quốc mở đường tồn sinh.
Đả đảo hẳn chiến tranh xâm lược,
Cùng những phường mãi quốc tà gian.
Đông Dương độc lập hoàn toàn,
Xây nền dân chủ nhân dân cộng hòa.
Công việc ấy ắt là khó nhọc,
Chúng ta nên gắng dốc một lòng.
Phất cờ dân tộc tiến công,
Rung chuông ái quốc vẫy vùng bước lên.
Kìa những đấng tổ tiên ngày trước,
Đã nhiều phen vì nước xông pha.
Đem bao xương, thịt, máu, da,
Giữ gìn, bồi đắp sơn hà Đông Dương.
Nay ta phải noi gương oanh liệt,
Gọi bảo nhau đoàn kết cho đông.

Giang tay nắm chặt dải đồng,
Sắp một trận tuyến ta cùng đứng lên.
Chuyển gân thép của tiên phong đội,
Sôi máu đào của mọi nghĩa dân.
Phản đế cứu quốc hô ran,
Đạp phăng lửa đạn, phá tan bạo cường.
Giải phóng, giải phóng Đông Dương!

Thanh Hóa, 1940

*

* *

GỬI CÁC BÀ MẸ

Hỡi hết thảy tâm hồn yêu quý,
Những bà già mẹ đẻ chúng tôi.
Đã từng thổn thức bồi hồi,
Đã từng khổ cực vì đời lũ con.
Mờ mắt yếu mỏi mòn trông đợi,
Rạn tim già tê tái nhớ thương.
Tháng ngày ôm mối kinh hoàng.
Sống trong những phút mơ màng sớm hôm.
Xin đừng trách đàn con vụng nghĩ,
Bỏ các bà sau lũy tre xanh.
Dấn thân vào chốn ngục hình,
Dửng dưng không chút động tình phân ly.
Lòng chiến sĩ phải gì gỗ đá,
Không biết thương, biết nhớ chi đâu?
Song vì xã hội nguy đau.
Gọi người tâm huyết dự vào cứu thương.

Lo tìm kế, tìm phương thần diệu.
Để tiêu trừ ức triệu ương tai.
Cho loài người được yên vui.
Trên đường hạnh phúc thảnh thơi nói cười.
Ấy chúng con, những người đang đảm,
Được phép đâu lộ cảm như người,
Điềm nhiên nuốt những ngậm ngùi,
Lưỡi lê tân khổ, nụ cười vẫn xinh.

Cho con, đã hy sinh hết thảy,
Không đo lường, không nghĩ không suy.
So trong vũ trụ những gì,
Tấm lòng bà mẹ vẫn thì quý hơn!
Nên cùng với giang sơn sống mãi,
Tên các bà trong cõi lòng con.
Trải bao gió dập mưa dồn,
Mà hình ảnh mẹ không mòn, không phai.
Và những buổi chiều trời xa ngắm,
Bóng tà dương thăm thẳm một màu.
Tuổi già cảnh chết xa đâu,
Đêm là cõi tối đi sau ánh chiều.
Nghĩ tới đó lòng xiêu xiêu động,
Ôi! Các bà khó sống được lâu.
Rồi đây để lại mối sầu,
Trong lòng con trẻ mai sau trở về.
Vì trách nhiệm nặng nề, to tát,
Chúng con đành chôn chặt tình yêu.
Song khi bên cảnh đìu hiu,
Chính là những phút hồn theo các bà.
Ôi! Những giọt lệ già hoen máu
Là cường toan nhỏ thấu tim non.
Trải bao gió dập mưa dồn,
Khác nào búa đập ngực con nặng nề
Các bà hãy vui đi mà hát,
Nơi xa xăm ru mát lòng con.
Tưởng nghe những tiếng cười giòn,
Xé tan u uất chờn vờn bao quanh.
Lòng người mẹ hy sinh hơn hết,
Hơn những ai tha thiết yêu đời.

Công phu chưa chút đền bồi,
Báo ân chưa được vài lời ủi an.
Nay con trẻ bị thân ràng buộc,
Dù muốn sao khó được như lòng.
Thôi đành lấy sự thành công,
Mọi người dân tộc ước mong tháng ngày.

Ấy quà quý mà đời đưa lại,
Đền ơn người đã phải hy sinh.
Vì con, chịu những cảnh tình,
Gian nan, cực khổ, điêu linh hãi hùng.
Chúng tôi nếu như không gặp mẹ,
Các bà già rủi bị mất con.
Cũng nên gác tủi gác buồn,
Vui cùng thắng lợi của toàn nhân dân.
Và xem đó là phần thưởng chính,
An ủi mình trong cảnh nhớ thương.

Buôn Ma Thuột, 1941

*
* *

TRONG TÙ

Xã hội ngày nay tệ lắm rồi,
Bàn gì đến Tết nữa ai ôi!
Thằng giàu phưỡn bụng ngồi thu lễ,
Kẻ khó còng lưng chạy khất lời.
Chó lũ quý quyền nằm ựa thịt, [1]
Con nhà lao khổ đứng nhai khoai. [2]
Lại còn độc ác, điên rồ nữa,
Gây chiến đem bom giết triệu người!

Buôn Ma Thuột, 1941

*
* *

---

1. Theo tập *Tiếng hát trong tù*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1974, hai câu này in có khác:

Chó lũ quí quyền nằm ngấy thịt,
Con nhà lao khổ đứng thèm khoai.

Tác giả cho chúng tôi biết: dùng từ "ựa thịt", vì lũ chó ăn nhiều quá, nên mửa ra thịt; "nhai khoai" vì lũ trẻ đâu được ăn khoai lang củ, phải "nhai" khoai lang dây, những củ mới ở dạng dây.

2. Như trên.

TRÊN ĐƯỜNG VƯỢT NGỤC [1]

Chống tay đứng ngắm ánh hồng reo,
Đây phút say sưa với hiểm nghèo.
Thẳng cánh, ô kìa chim vượt gió,
Phương trời xa mới, ta nhìn theo.

Phương trời xa mới, ta nhìn theo.
Đạp phăng chông gai, vượt suối đèo.
Nắng cuốn mây mù, sông núi rạng,
Lòng ta, hồn nước tưng bừng reo.

Rừng núi Tây Nguyên, 2-1942

*

* *

GÁI RA TRẬN KÊU GỌI [2]

Chị em ta, chị em ta!
Nằm mơ chi nữa, dậy mà lắng, trông.
Gái ra trận, boong, boong, boong,
Gọi vang cứu quốc khắp vùng khắp nơi.
Cũng tai, cũng mắt như người,
Lẽ đâu chịu mãi cuộc đời bất công.
Gái ra trận, boong, boong, boong,
Gọi vang cứu quốc khắp vùng, khắp nơi.
Trai tài thì gái cũng tài,
Đó dòng Lê Lợi, đây nòi Triệu, Trưng.
Gái ra trận, boong, boong, boong,
Gọi vang cứu quốc khắp vùng, khắp nơi.
Quản chi nếm mật, nằm gai,
Xếp gương lược lại, theo đòi kiếm cung.
Gái ra trận, boong, boong, boong,
Gọi vang cứu quốc khắp vùng, khắp nơi.
Đánh cho Nhật, Pháp tơi bời,

1. Chỉ lần tác giả vượt ngục Buôn Ma Thuột.
2. Đã đăng ở tờ báo *Gái ra trận*, cơ quan của Phụ nữ Cứu quốc tỉnh Thanh Hóa.

Trừ cho tiêu sạch những loài tàn hung.
Gái ra trận, boong, boong, boong,
Gọi vang cứu quốc khắp vùng, khắp nơi.
Dựng nền độc lập muôn đời,
Việt Nam sum họp, giống nòi Tiên Long [1].
Gái ra trận, boong, boong, boong...!

Thanh Hóa, 1942

*

* *

CHỬI VIỆT GIAN

Chẳng thà chịu cảnh hiếm hoi,
Còn hơn sinh phải cái nòi Việt gian.
Chẳng thà chịu cảnh cô đơn,
Còn hơn lấy đứa Việt gian vô loài.

Chẳng thà chịu cảnh mồ côi,
Còn hơn có bố là nòi Việt gian.
Chẳng thà chịu cảnh cơ hàn,
Còn hơn làm giống Việt gian dơ đời.
Chẳng thà chịu tiếng dốt hoài,
Còn hơn vác mặt trổ tài Việt gian.
Việt gian là lũ chó săn,
Theo chân Nhật, Pháp để ăn đồ thừa.
Việt gian hại nước, hại nhà,
Nhục danh cha mẹ, ông bà, tổ tiên.

Thanh Hóa, 194.

*

* *

TẶNG CÁC CHỊ CƠ SỞ [2]

Các chị ơi, các chị ơi!
Trông thấy các chị mà tôi động lòng.
Hai tay con bế, con bồng,

---

1. Tiên Long: Rồng Tiên.
2. Có chồng bị tù, các chị vẫn làm tiếp công tác của chồng.

Không quên công việc mà chồng đã giao.
Một mình chân thấp, chân cao,
Giúp đỡ bè bạn qua cầu gian nan.
Thật là vững chí, bền gan,
Chẳng nề khó nhọc, không van thiệt thòi.

Thanh Hóa, 1942

*
* *

BÀI CA BINH VẬN

TIỂU DẪN – Bài này sáng tác nhằm tuyên truyền, vận động lính khố xanh, khố đỏ của thực dân Pháp.

Bài làm theo lối vấn đáp của hai vợ chồng lính.

Mỗi lần nghe giục kẻng đồn
Anh ơi, em cảm tâm hồn xôn xao!
– Chàng rằng: cửa rộng, nhà cao,
Lúa bồ, tiền chuỗi, còn nao sợ gì?

Thang mây, đóng chức Cai nhì,
Cái ngày lên Đội, cũng thì không xa!
– Nàng rằng: đâu dám tưởng mơ,
Lên xe, xuống ngựa như là người ta.
Dầu cho vóc, nhiễu, gấm, là,
Em càng cảm thấy xót xa bội phần.
Đời người dễ có mấy thân,
Tháng ngày lặng lẽ cứ dần trôi suông!
– Chàng rằng: tóc đượm xuân hương,
Đời còn dài rộng sao nàng sớm lo?
Buồn kia dù chỉ nửa giờ,
Lâng lâng nhẹ trút, đeo mà làm chi?
Cứ vui đi, cứ sống đi,
Sao cho cuộc sống tràn trề nhựa vui.
– Nàng rằng: khói lửa khắp nơi
Lâu đài cũng nát, nữa người cỏn con!
Xương xanh rồi chất thành non,
Chiếc thân vô tội biết chôn chỗ nào?

– Chàng rằng: em nói dở sao,
Nếu còn sợ chết, anh hào nỗi chi?
Yếu hèn mang thói nữ nhi,
Trăm năm rồi có ra gì nữa đâu?
Đã không đeo ấn phong hầu,
Làm trai cũng phải chiến bào khoác qua.
– Nàng rằng: vì Nước, vì nhà,
Kẻ đi ra trận, ai mà dám ngăn,
Em dù gối chiếc chăn đơn,
Cũng vui êm ấm như gần bên nhau,
Song anh có biết vì đâu,
Nhìn anh, em những quặn đau tấc lòng?
– Chàng rằng: những kẻ tình chung,
Để ai tránh khỏi não nùng phân ly!
Mặt em đầy nét ủ ê,
Thì lòng anh cũng tê mê lạnh buồn!
Chung ân ái, trộn tâm hồn,
Xa nhau ai chẳng bồn chồn nhớ thương!
– Nàng rằng: tán, tụ lẽ thường,
Yêu nhau, ai lại buộc ràng chân nhau.
Tưởng cao, mà nghĩ chẳng sâu,
Anh xông mình dưới bụi mù chiến tranh.
Hỏi rằng: đi chết cho anh,
Cho nhà, cho Nước, cho tình, cho em?
Mà đi một cách thản nhiên,
Không mang sầu não, không thèm sợ lo!
– Chàng rằng: nói lạ hay chưa,
Người ta khai hóa, người ta giúp mình.
Bây giờ gánh việc đao binh,
Cũng là bảo hộ văn minh nước nhà.
Cạn lòng chẳng biết nghĩ xa,
Trước là trả nghĩa, sau là nên danh.
– Nàng rằng: em vái xin anh.
Thử nhìn xem thử quanh mình ra sao?
Văn minh khai hóa đâu nào,
Hay là tất cả sưu cao, thuế chồng?
Hay là đói rét, khốn cùng?
Hay là tất cả xiềng gông, ngục tù?

Hay là hèn yếu, mê ngu,
Hay là tất cả đui mù, điếc câm?
Hay là rên rỉ, hờn căm,
Hay là tất cả đau ngầm, nhục sâu?
Văn minh khai hóa gì đâu
Chỉ là bọn cướp, bọn thù dã man!
Của Tổ quốc, của giang san,
Của chàng, của thiếp, của toàn nhân dân!
– Chàng rằng: sung sướng muôn phần,
Hai lòng như một, còn cần giấu chi?
Sống nơi đồng ruộng, thôn quê.
Em còn hiểu biết nữa thì anh đây!
Cái ngày vác súng lên vai,
Là ngày anh cũng: một, hai tính rồi.
Đã mang khí huyết giống nòi
Anh quên sao được kiếp người ngựa trâu!
Rửa thù phải lấy máu đào,
Phải đâu nước mắt tuôn rào mà xong!
Chí sâu ấp ủ trong lòng,
Chỉ chờ giờ phút nổ bùng, tung cao!
Yêu nhau mà vẫn giấu nhau,
Vì anh chẳng muốn em sầu, em lo!
– Nàng rằng: thật khéo đắn đo,
Yêu nhau mà lại làm cho khổ lòng!
Lấy chồng, chồng giúp thù chung,
Chẳng thà ở vậy, mà không tội gì.
Thấy anh kiên quyết một bề,
Em như nuốt phải vật chi đắng lòng!
Chỉ mong sớm thác cho xong
Sống làm gì nữa, để cùng nhục lây?
– Chàng rằng: những giọng chua cay,
Khéo sao, em cứ kéo dài không thôi.
Yêu nhau đã hiểu nhau rồi,
Thương nhau xin nhớ những lời của nhau.
Em ơi, đừng có âu sầu!
Dù cho anh có rơi đầu, tan xương!
– Nàng rằng: tất cả vinh quang,
Ấy là cái chết trên trường đấu tranh.

Này ngày em tiễn đưa anh
Là ngày em đã tôn hình trong tim!
Rồi đây em sẽ đi tìm,
Tìm anh, em đọc những thiên sử hồng.
Sướng vui nảy nở đầy lòng,
Em sẽ cảm thấy anh cùng sống bên.
– Chàng rằng: sự nghiệp vững bền,
Ấy là chiến sĩ sống trên cõi đời.
Xưa nay những bực anh tài,
Mấy ai khỏi chết trong thời thanh xuân!
Rằng trăm năm cũng một lần,
Sao cho xứng với tinh thần người xưa.
Lai rai mang cái sống thừa,
Dù hơn trăm tuổi, sống mà kể chi?
Từ em, anh sẽ ra đi,
Ra đi chiến đấu, ngày về còn lâu!
– Nàng rằng: em sẽ khấn cầu
Gươm anh tắm đẫm máu đào địch quân.
Chiến trường anh có bỏ thân,
Cũng đà giết chết cừu nhân trăm, ngàn.
Đánh tan bọn giặc xâm lăng,
Tổ quốc độc lập, vinh quang muôn đời.

Thanh Hóa, 1942

*
* *

CHỐNG NHẬT NHỔ NGÔ [1]

Bài I

Những mong ngô trổ mau bông,
Ai ngờ ngô bị nhổ tung đầy đồng.
Nhìn ngô nước mắt tuôn ròng,
Ôm ngô mà héo cả lòng, ngô ơi!

Thanh Hóa, 1942

1. Bài thơ trên đây đã đăng ở báo *Cứu quốc*, cơ quan của Tổng bộ Việt Minh, năm 1943.

Bài II [1]

Trong lòng ôm đứa con thơ,
Chị Nam ngồi khóc ngô tơ giữa đồng.
Khóc ngô, rồi lại khóc chồng,
Khóc ngô bị nhổ, khóc chồng đi phu.
Chém cha giặc Nhật côn đồ,
Bắt người, cướp của tha hồ thẳng tay.
Dân ta trăm đắng nghìn cay,
Thóc ăn chẳng có trồng đay cho người.

Thanh Hóa, 1943

*
* *

CHỐNG NHẬT CƯỚP ĐẤT [2]

Đất này, đất của tổ tiên,
Đất này, chồng vợ bỏ tiền ra mua.
Bây giờ Nhật, Pháp kéo hùa,
Chiếm trồng đay lạc, ức chưa hỡi trời!

Thanh Hóa, 1942

*
* *

KÊU GỌI THANH NIÊN VÙNG TUNG DẬY

Vùng tung dậy, thanh niên toàn đất nước,
Với hăng sôi của sóng đẩy xô ghềnh.
Đây thành gang, đây đại đội hùng binh,
Đây tất cả tinh thần Trần Quốc Toản.
Bão điên uất thề không giây ngót hãm,
Phá tan tành, đổ trúc sức xâm lăng.
Gạt lùa trôi những xây dựng đất bằng,

1. Bài thơ trên đây đã đăng ở báo Cứu quốc, cơ quan của Tổng bộ Việt Minh, năm 1943.
2. Bài thơ trên đây đã đăng ở báo Cứu quốc, cơ quan của Tổng bộ Việt Minh, năm 1943.

Dám ngăn cản dòng tự do tràn rộng.
Với toàn cục, ta thẳng tung sức phóng,
Và oai hùng hơn ức triệu xe tăng.
Đè tan thây quân phát xít Phù Tang, [1]
Lũ giặc Pháp thạo chuyên nghề cướp giết.
Với chiến đấu đếm nài chi sống chết,
Sống là bom mà chết sẽ làm cầu.
Đà phóng lên cho thế hệ mai sau,
Thu vũ trụ dưới hai tàn cánh rộng. [2]

Thanh Hóa, 1943

*

* *

TỔ QUỐC

Rồi một mai đây máu tráng cường,
Tiêm đầy ngọc thể "Nước" yêu đương.
Cho "Người" quật khởi rung sông núi,
Lớp lớp cờ bay đỏ bốn phương.

"Người" sẽ lần thăm các chiến trường,
Hôn từng thi thể lạnh hơi sương.
Nâng niu từng thỏi sương khô rạn,
Cắm một cành hoa, một nén hương.

Nước mắt hiên ngang "Người" sẽ kể,
Với không gian và với thời gian.
Con ta là vạn mầm sinh khí,
Thép luyện rèn trong lửa thánh thần.
Sống làm búa chặt xiềng nô lệ,
Chết ủ tim làm hạt giống xuân. [3]

Thanh Hóa, 1943

*

* *

---

1. Quân phát xít Phù Tang: Quân phát xít Nhật.
2. Bài này tác giả cùng làm với Tố Hữu, khi hai người hoạt động ở Thanh Hóa
3. Bài này tác giả cùng làm với Tố Hữu, đã đăng ở báo *Đuổi giặc nước*, cơ quan của Tỉnh bộ Việt Minh Thanh Hóa, số 1.

CHỐNG BẮT PHU

I

Có chồng mà cậy mà nhờ,
Không ngờ Nhật, Pháp bắt bừa đi phu.
Bên mình ríu rít con thơ,
Dỗ được chúng nín, trời trưa mất rồi.
Cảnh tình thảm lắm, chàng ôi!
Chàng đi khổ chín, thiếp tôi khổ mười!
Ngẫm ra thật đúng như lời,
Nước mà đã mất, nhà thời cũng tan.

II

Thôi thôi xe đã chạy vù,
Con tôi nó giải đi phu mất rồi.
Cháu tôi thơ dại, ai nuôi?
Dâu tôi mới chết, còn tôi thì già.
Từ đây tan nát cửa nhà,
Đói no bà cháu biết nhờ cậy ai?

III

Ố làng! Nhật, Pháp đang lùng,
Bắt con, bắt bố, bắt chồng chúng ta.
Đưa đi rừng thẳm, núi xa,
Đốn cây, đào đá, để mà chết luôn.
Mau lên, ới hỡi bà con!
Ta xông ra cứu, chớ còn đợi chi.
Ta lôi, ta kéo, ta ghì,
Quyết không cho bắt, làm chi thì làm. [1]

Thanh Hóa, 1943

*

* *

1. Đã đăng ở báo *Đuổi giặc nước*.

ĐỘC LẬP GIẢ HIỆU [1]

Việt Nam "độc lập" thế nào?
Phải chăng giặc Nhật thay vào giặc Tây!
Việt Nam "độc lập" thế này,
Còn quân Lùn ở có ngày "độc đinh". [2]

Thanh Hóa, 3-1945

*
* *

ĐI CHIẾN KHU [3]

I

Gọi đàn chim nhạn bay cao,
Thăm quân du kích, em vào Chiến khu.
Bên vai đeo túi cơm khô,
Suối reo, rừng hát như hò tiến lên.
Say sưa quên cả ươn hèn,
Tim em rập với điệu kèn Việt Minh.

II

Ai lên xứ Lạng cùng anh,
Thăm quân du kích, xem thành Bắc Sơn.
Suối trong in mặt trăng tròn,
Hai cô gái Thổ trèo non đi tuần.

Thanh Hóa, 5-1945

*
* *

1. Đã đăng ở báo *Khởi nghĩa*, cơ quan của Tỉnh bộ Việt Minh Thanh Hóa, 1945.
2. Quân Lùn: Chỉ phát xít Nhật. Độc đinh: Một người.
3. Đã đăng báo *Khởi nghĩa*.

NGUYỄN THỊ MINH KHAI
(1910 - 1941)

Nguyễn Thị Minh Khai, tên thật là Nguyễn Thị Vịnh, sinh ngày 1–11–1910 tại Vinh, tỉnh Nghệ An.

Năm 1926, khi còn là nữ học sinh trường Cao Xuân Dục ở Vinh, Nguyễn Thị Minh Khai đã được Trần Phú, khi đó là giáo viên, giáo dục tinh thần cách mạng. Nguyễn Thị Minh Khai gia nhập hội Hưng Nam, sau đổi tên là Tân Việt Cách mệnh Đảng. Đầu năm 1930, khi Đông Dương Cộng sản Liên đoàn thành lập, Nguyễn Thị Minh Khai là một đảng viên; và đến giữa năm 1930, trở thành đảng viên của Đảng Cộng sản Đông Dương. Được Đảng cử ra nước ngoài hoạt động, công tác ở văn phòng của Chi nhánh Bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản ở Hương Cảng, Nguyễn Thị Minh Khai được Nguyễn Ái Quốc trực tiếp dìu dắt giáo dục, bồi dưỡng. Năm 1931, Nguyễn Thị Minh Khai bị bọn Quốc dân đảng ở Trung Quốc bắt giam. Năm 1933, ra tù, Nguyễn Thị Minh Khai được cử đến Thượng Hải, công tác ở Ban lãnh đạo của Đảng ta ở nước ngoài.

Cuối năm 1934, Nguyễn Thị Minh Khai tham gia đoàn đại biểu của Đảng ta do Lê Hồng Phong làm trưởng đoàn đi dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII họp ở Mátxcơva năm 1935.

Tại Đại hội Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Thị Minh Khai lấy tên là Phan Lan đọc tham luận về vấn đề phụ nữ Đông Dương.

Về nước, được Đảng chỉ định làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn, Nguyễn Thị Minh Khai ra sức hoạt động, góp phần tích cực đẩy mạnh phong trào cách mạng, cùng với cả nước đấu tranh sôi nổi đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống, chống phản động thuộc địa và các loại tay sai, chống phát xít và chiến tranh.

Sử dụng báo công khai của Đảng xuất bản ở Sài Gòn, Nguyễn Thị Minh Khai viết bài tuyên truyền cho quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và chính sách của Đảng ta về vấn đề phụ nữ, vạch trần những luận điểm lạc hậu và phản động làm cho phụ nữ xa lánh cuộc đấu tranh cho dân chủ, cho mục tiêu giải phóng phụ nữ.

Tháng 7–1940, vì có phần tử phản bội chỉ điểm, Nguyễn Thị Minh Khai bị địch bắt. Địch đã dùng mọi thủ đoạn để khai thác tài liệu, tin tức bí mật của Đảng, nhưng Nguyễn Thị Minh Khai đã nêu cao tinh thần trung kiên bất khuất. Địch hoàn toàn thất bại và chúng đã kết án tử hình người nữ đảng viên cộng sản.

Ngày 28–8–1941, Nguyễn Thị Minh Khai đã anh dũng hy sinh ở Hoóc Môn cùng với một số đồng chí khác.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NGUYỄN THỊ MINH KHAI

THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐẠI BIỂU ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG, TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ VII CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN HỌP Ở MÁTXCƠVA NGÀY 16-8-1935

(Trích)

Thưa các đồng chí! Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng ở nước chúng tôi, lần đầu tiên từ ngày có Đảng Cộng sản chúng tôi, một phụ nữ như tôi, nữ đảng viên ở Đông Dương, được hân hạnh chẳng những tham gia Đại hội Quốc tế Cộng sản, mà còn từ diễn đàn của Đại hội được báo cáo đến các đồng chí Tây Âu, đến công nhân nam nữ toàn thế giới, rằng chúng tôi là những nữ công nhân, nông dân của các nước phương Đông, các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, những người bị khổ cực gấp bội hơn các đồng chí Tây Âu, đã bước vào con đường đấu tranh cách mạng. Những nữ anh hùng Trung Quốc, những nữ công nhân Nhật Bản và Ấn Độ, những nữ công nhân và nông dân Đông Dương đang trở thành lực lượng thực sự trong hàng ngũ cách mạng của các nước thuộc địa phương Đông. Hàng trăm năm luật lệ phong kiến cũ rích đã làm cho phụ nữ phương Đông phải âm thầm và ngoan ngoãn làm nô lệ cho cha, mẹ và chồng, làm tê liệt ý chí, đàn áp và làm tối tăm trí tuệ của họ. Thưa các đồng chí! Nhiều lần tham gia đấu tranh cách mạng, song chúng tôi chưa lật được ách nô lệ ấy. Cùng với nam công nhân, nông dân trong nước, chúng tôi sẽ đấu tranh giành tiền lương và điều kiện lao động bình đẳng, đấu tranh chống đế quốc thống trị, giành độc lập hoàn toàn cho đất nước.

. . . .

Còn một vấn đề nữa mà tôi muốn đề cập tới là vấn đề vai trò phụ nữ trong cuộc đấu tranh chống việc chuẩn bị chiến tranh đế quốc mới, và đấu tranh cho hòa bình. Tôi cần phải nói rằng ở Đông Dương chúng tôi, đặc biệt trong thời kỳ cao trào cách mạng, phụ nữ đã tham gia đáng kể vào công cuộc đấu tranh cách mạng, họ tham dự các cuộc biểu tình và đã lãnh đạo một số cuộc ấy, đã diễn thuyết trong các cuộc mít tinh. Cần phải nhấn mạnh thêm là nhiều lần phụ nữ đã dũng cảm đi hàng đầu trong các cuộc biểu tình và buộc binh lính phải thoái lui, phải đồng tình. Phụ nữ Đông Dương tích cực tham gia phong trào Xô viết năm 1930 – 1931. Họ lui tới một số đơn vị quân đội, vận động binh lính ở đó. Trong Đảng chúng tôi đã có nhiều nữ đảng viên. Thời gian gần đây, tính tích cực của phụ nữ đang phát triển. Họ tham gia các

cuộc bãi công của thợ thuyền và đấu tranh của dân cày. Nữ công nhân và nữ dân nghèo thành thị đang say sưa đấu tranh.

Phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, cho sự thành lập Mặt trận Thống nhất chống bọn gây chiến. Đề ra công tác phụ nữ và phát triển công tác ấy là đúng với tầm quan trọng của nó. Cần nói rằng, trong thời gian vừa qua, mặt công tác ấy ở Đảng chúng tôi còn yếu, trong khi đó bọn quốc gia cải lương lại thu được kết quả đáng kể trong việc tích cực củng cố và tăng cường ảnh hưởng của chúng trong giới phụ nữ.

Thưa các đồng chí, tôi muốn nói rằng công tác phụ nữ chẳng những ở nước chúng tôi còn đặt ra nhẹ, mà rõ ràng là ngay cả ở hàng loạt các Đảng Cộng sản khác cũng vậy. Như chúng tôi thấy, qua những vấn đề quan trọng được thảo luận ở Đại hội này, rất ít phụ nữ phát biểu ý kiến. Vâng, đúng như vậy, ngay số đại biểu phụ nữ trong Đại hội VII của chúng ta cũng rất hạn chế. Cái đó nói lên cái gì? Nó chứng tỏ là công tác phụ nữ trong nữ công nhân, nữ nông dân, phụ nữ thất nghiệp và nội trợ đặt ra trong lĩnh vực đấu tranh cho Mặt trận Thống nhất chưa được đúng. Là đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương, chúng tôi sẽ hết sức cố gắng theo tinh thần mới hiện nay để chấn chỉnh và phát triển công tác của mình. Chúng tôi sẽ gắng sức để làm cho phụ nữ lao động Đông Dương thực sự là những chiến sĩ bảo vệ hòa bình, bảo vệ Xô viết Trung Quốc, bảo vệ Liên bang Xô viết.

16-8-1935

Văn kiện Đảng (từ 10-8-1935 đến 1939).
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương
xuất bản, Hà Nội, 1964, tr. 31-38.

*

PHỤ NỮ LUẬN ĐÀM
THẢO LUẬN VẤN ĐỀ PHỤ NỮ VỚI NỮ SĨ TUYẾT DUNG

Tờ tuần báo *Đọc* số 19 có đăng bài "Đàn bà con gái nhà Nam" của nữ sĩ Tuyết Dung, đó là một bài văn chương toàn là lý luận phản động của chủ nghĩa phát xít nhồi với học thuyết của tư bản và đạo đức lễ giáo phong kiến.

Bài luận văn như thế mà đăng ở báo *Đọc* là một tờ báo mới trở nên cơ quan ngôn luận của xu hướng bảo hoàng thì cũng không ai lấy làm lạ. Song chúng tôi nghĩ rằng đương lúc mà tàn tích đạo đức, tập quán lễ giáo phong kiến còn đầy trong đầu óc của nhân dân xứ Đông Dương, đương lúc mà cuộc vận động phụ nữ giải phóng ở xứ này mới bắt đầu, thì những lý luận phản động thủ cựu của nữ sĩ Tuyết Dung có ảnh hưởng tới những đám phụ nữ lừng chừng giữa con đường giải phóng hay thủ cựu và nhất là những bọn tu mi thủ cựu hết sức hoan nghênh và họ sẽ dùng những câu sáo ấy để làm vũ khí đàn áp vợ con của họ trong cuộc vận động phụ nữ giải phóng.

Bởi vậy chúng tôi có trách nhiệm phô bày hết thảy những lý thuyết phản động, những chủ trương ngược đời cố ngăn trở tiền đồ tiến hóa của dân tộc, của xã hội và đồng thời chúng tôi phải căn cứ lịch sử duy vật và xã hội khoa học [1] mà giải thích vấn đề phụ nữ cho anh, chị em nào có quan tâm tới cuộc đời được hiểu rõ.

Bài luận văn của nữ sĩ Tuyết Dung chia làm 6 đoạn, song không có đoạn nào nói rành rõi hết chuyện mà đoạn này bắt sang đoạn khác nói rất lộn xộn, nên chúng tôi có thể chiếu theo từng mục mà giải thích như sau này:

1. Về cuộc vận động phụ nữ giải phóng

Những ai có xem qua lịch sử tiến hóa của loài người thì đều hiểu rằng đời Thượng cổ, người ta không ai bóc lột ai, không có giai cấp, nam nữ đều bình đẳng.

Chỉ từ lúc chế độ cộng sản thời xưa bị tan vỡ, chế độ của riêng nảy ra, thì mới sinh ra sự người bóc lột người và địa vị của đàn bà cũng vì chế độ của riêng thịnh hành mà bị kém sút, bị bất bình đẳng.

Do từ đó mà trên lịch sử loài người nảy ra cuộc giai cấp tranh đấu, và cũng do từ đó mà có cuộc vận động giải phóng của đàn bà,

1. Vào những năm 1936 - 1939 thuật ngữ "lịch sử duy vật và xã hội khoa học" được hiểu như ngày nay chúng ta thường dùng: "Chủ nghĩa duy vật lịch sử" và "chủ nghĩa xã hội khoa học".

chớ không phải như nữ sĩ Tuyết Dung tự đặt ra rằng: "Người đàn bà con gái ở các nước văn minh, có cả bọn đàn ông con trai cố tình phỉnh phờ phe yếu cứ lấy thuần lý ra mà yêu cầu được bình đẳng với đàn ông".

Nam nữ xưa kia đã bình đẳng và sau này sẽ bình đẳng. Lúc chưa được bình đẳng thì phải tranh đấu đòi, đó là bước tiến hóa của lịch sử chứ không phải do ai phỉnh phờ. Do sự không hiểu lịch sử nên nữ sĩ Tuyết Dung mới cả gan phê bình cuộc phụ nữ vận động như sau này: "Chị em chạy xô cả vào việc thể dục, việc chính trị, việc viết báo, lại còn tổ chức công này việc khác, diễn thuyết vấn đề nọ vấn đề kia, nhẽ tất nhiên chốn buồng the, nơi bếp núc thiếu hẳn tay tề gia nội trợ".

Rồi hết đoạn đó, nữ sĩ Tuyết Dung cho rằng có nhiều bà vì thế mà "đẻ con ra đem gửi vào Sở Nhi đồng Nhà nước, hoặc cho các bà phước, bà sơ nuôi hộ, toàn nhiên không còn có lương tâm đoái hoài đến đứa con kia nữa".

Nữ sĩ Tuyết Dung thêu dệt một vài chuyện gửi con ở Sở Nhi đồng hoặc cho bà phước để buộc tội cho vấn đề phụ nữ giải phóng.

Ở đây chúng ta nên hiểu rằng: hiện thời, trừ ở Xô viết Liên bang là xứ phụ nữ đã được hoàn toàn giải phóng. Ở đó có nhiều Viện Dục anh, Vườn Ấu trĩ để cho đàn bà gửi con cái, còn ở các xứ tư bản, thiệt có một số rất ít chiến sĩ của phụ nữ giải phóng chứ không phải đa số họ, vì lấy công cuộc giải phóng nữ làm nghề, làm chức phận, họ cho con cái người cũng như con cái mình, nên một đôi khi họ buộc phải gửi con vào Sở Nhi đồng, thậm chí có khi họ phải cho con để người khác nuôi giùm.

Nếu mọi người đều lấy việc nuôi con làm trách nhiệm tột bực mà bỏ công việc xã hội thì sự nghiệp phụ nữ giải phóng không biết đến đời nào sẽ thực hiện?

Phụ nữ giải phóng là công việc của toàn thể phụ nữ, đồng thời cũng là nhiệm vụ chung của mỗi người.

Cuộc phụ nữ vận động đã phát triển khắp thế giới và đã đưa tới chỗ phụ nữ ở Xô viết Liên bang những thành tích vẻ vang. Sau cuộc Cách mạng Tháng Mười, chị em phụ nữ đã đòi được chân chính nam nữ bình đẳng về các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... Phụ nữ nhờ đó mà thoát khỏi bó buộc ở gia đình, nhờ đó mà tăng thêm một nửa số nhân dân tham gia công cuộc kiến thiết xã hội chủ

nghĩa, giúp cho nền kinh tế, chính trị, văn hóa của Xô viết Liên bang được phát triển một cách nhanh chóng.

Trái lại, ở Đức bọn phát xít mong giải quyết vấn đề thất nghiệp nên chúng mới ra khẩu hiệu "làm hiền thê, lương mẫu", "nội trợ tề gia". Bọn phát xít không những nêu ra lý thuyết mà đã thực hành đuổi đàn bà trong các nhà máy, các công sở, các Nghị trường, họ phải đưa nhau về nhà, về bếp. Vì thế mà biết bao nhiêu phụ nữ bị thất nghiệp, tiền lương của chồng đã không đủ nuôi vợ nuôi con, buộc đa số phụ nữ phải đói khổ, gia đình túng thiếu, số đàn bà làm đĩ vì thế mà tăng lên! Đó là chân tướng của khẩu hiệu "phụ nữ hồi gia" chớ không phải "phụ nữ hồi gia" là kết quả của cuộc phụ nữ vận động giải phóng như nữ sĩ Tuyết Dung đã thốt ra ở đầu bài này đang viện lý lẽ nọ kia để chứng minh lý thuyết "phụ nữ hồi gia" là trời sinh ra như vậy.

2. Về nhiệm vụ phụ nữ

Nữ sĩ Tuyết Dung theo lý luận phát xít, tán thành "phụ nữ hồi gia". Nữ sĩ sợ người ta phản đối chủ trương phát xít phản động, nên nữ sĩ tuyên bố rằng thuyết "phụ nữ hồi gia" là do những nhà trí thức Pháp xướng ra. Nữ sĩ nói "thuyết ấy tuyên truyền ra càng ngày càng được đại đa số người Pháp cả nam giới quốc tế tán thành". Trái lại, cái thuyết "phụ nữ hồi gia" ấy là do Hítle đề xướng ra, bị dư luận quốc tế hết sức công kích và nhân dân Đông Dương đặc biệt ghét.

Ai cũng hiểu rằng: "Nam ngoại, nữ nội", đàn ông chủ trì việc ngoài, đàn bà lo việc nhà, đó là cái thuyết của Khổng phu tử về thời đại phong kiến. Nữ sĩ đã lượm vào làm đầu bài, để dân chúng học thuyết đời xưa, rồi kế đó dân chúng học thuyết tư bản ngày nay để mong đàn áp phong trào phụ nữ vận động ở xứ ta. Nữ sĩ nhắc học thuyết "phụ nữ hồi gia" đại khái nói "đàn bà trời sinh ra để đẻ con, để làm vợ người đàn ông". Song những nhà khoa học nói: Loài người sinh ra bình đẳng, đàn bà sinh ra để làm vợ đàn ông cũng như đàn ông sinh ra để làm chồng đàn bà, tuyệt đối bình đẳng, không ai phục tùng ai, phụ thuộc ai, vì xã hội loài người không thể do toàn đàn ông hay toàn đàn bà tổ chức ra và kế tục phát triển được.

Nữ sĩ lại nói: "Đàn bà đã không có râu, đàn bà lại không có sức khỏe và đã phải mang cái "trống bụng" lúc chửa con, lại có cái bầu sữa của trời cho để nuôi trẻ. Như thế là tạo hóa đã cho chị em một cái nghĩa vụ tự nhiên chủ trì lấy mọi công việc gia đình rồi".

Đàn bà có nhiều cái cơ quan đặc biệt, bởi vậy đàn bà có cái

nhiệm vụ đặc biệt sinh con, làm mẹ, còn người ta phải bảo vệ và kính nể họ, chứ không phải vì thế mà người đàn bà phải thờ chồng, nuôi con, giúp việc nhà, như nữ sĩ Tuyết Dung đã nói.

Tuy rằng đàn bà sức yếu, nhưng không phải sinh ra sức yếu. Đàn bà về hồi cộng sản nguyên thủy, họ tham gia săn bắn, làm lụng như đàn ông, cho nên chẳng những họ có sức khỏe, họ lại được bình đẳng với đàn ông. Vả lại, trong thời đại mẫu quyền, họ còn có quyền hơn đàn ông nữa kia. Chỉ từ sau lúc chế độ cộng sản thời xưa bị tan vỡ, chế độ nô lệ và phong kiến thành hình thì đàn bà mới trở về chăm nom công việc gia đình chuyên môn sinh đẻ, vì thế mà đàn bà dần dần trở nên yếu sức.

Hãy xem nữ thanh niên ở Xô viết Liên bang ngày nay, nhờ họ tham gia sản xuất, tham gia thể dục vận động, nên chi sức khỏe của họ tăng lên nhiều và có nhiều người không kém đàn ông.

Lịch sử và sự thật chứng minh rằng lý thuyết nói đàn bà sinh ra hèn yếu, thuyết ấy hoàn toàn không đúng. Thuyết ấy là của tư bản đặt ra để nó trả nhân công rẻ cho đàn bà, mặc dầu người đàn bà cũng làm việc ngang đàn ông.

Chúng ta có căn cứ khoa học mà nêu lên họ là phần tử của xã hội như đàn ông, họ phải tùy theo thời đại và điều kiện lịch sử mà gánh vác công việc cho dân tộc, cho xã hội như đàn ông, chứ không phải như nữ sĩ Tuyết Dung nói: "Chị em đòi cho lấy được bình quyền".

"Như vậy mới có đường lối cho chị em; cho nên được những bậc anh thư, những trang nữ kiệt".

Cái lý luận thật là không đúng chút nào cả.

Trái lại, đàn bà cũng phải phát triển tài năng, đặng đóng vai anh thư trong lịch sử đã qua và sắp tới.

Nữ sĩ không muốn cho phụ nữ được giải phóng, không muốn cho phụ nữ tiến bộ, nên chi nữ sĩ lại viết ra những câu kết luận thủ cựu phản động này:

"Ôi, người đàn bà con gái nếu giúp đặng ông chồng mọi việc trong gia đình cho ổn, cố trong gia đình lúc nào cũng được hòa thuận, đầy vẻ xuân phong, mỗi khi đức ông chồng làm việc gì hay, lại khéo bề khuyến khích, khéo lời yên ủi, làm cho ông chồng mình được vui lòng nức chí, phấn đấu việc đời, há chẳng phải chị em đã cho quốc gia xã hội một người công dân đầy đủ bổn phận đấy ư?

Đó là chị em đã trọn vẹn bổn phận làm một người "hiền phụ" rồi. Lại đến khi sinh ra con, chị em thay chồng chăm chú dạy dỗ con vào trong khuôn khổ phép giáo dục. Chị em thi hành cái nghĩa vụ tự nhiên nuôi dạy con lớn khôn, mạnh giỏi, khiến cho con đều trở nên những bậc đại quốc dân cả."

Đó là toàn bộ lý thuyết "hiền thê", "lương mẫu", nó chỉ tồn tại trong chế độ phong kiến mà thôi. Ngày nay, nó đã trái mùa rồi. Nó không thể duy trì được nữa. Chỉ có bọn phát xít phản động mới trở lại chế độ phong kiến Trung cổ, thì mới chủ trương đàn bà quay về xó bếp.

KẾT LUẬN

Những câu kết luận cám dỗ của nữ sĩ Tuyết Dung hết sức nguy hiểm, vì không nói theo lối phong kiến "tam tòng tứ đức", mà toàn học theo kiểu nói của Hítle, đầy những giọng lừa đảo khôn khéo rằng: Phụ nữ nằm trong xó bếp mà gánh vác trách nhiệm "công dân đầy đủ bổn phận" cho quốc gia; nằm trong gia đình mà đào tạo ra những bực lương dân cho xã hội.

Tại sao chúng lại lừa gạt khéo thế?

Vì rằng ngày nay, chị em đã hiểu rõ sự cần thiết phải tham gia việc quốc gia xã hội, nếu mình muốn giải phóng, muốn bình đẳng, nên bọn phát xít mới tìm những câu bao gồm cái tính chất ấy để ru ngủ các chị em, khuyên chị em yên phận trong gia đình, làm nô lệ cho chồng con.

Những người phụ nữ tán thành giải phóng đều hiểu rằng: vợ chồng là tuyệt đối bình đẳng, song muốn bình đẳng thì mình không nên ăn bám vào đàn ông, nương dựa vào đàn ông và ai cũng nhận rằng: đẻ con là trách nhiệm đặc biệt của đàn bà, nhưng nuôi con không phải là bổn phận riêng của phụ nữ, sẵn có tiền mua sữa bò nuôi con, thì nuôi con đâu phải nhất định là đàn bà. Ngặt vì ở xã hội tư bản bất bình đẳng, những người nghèo buộc phải nuôi con.

Nếu có một chế độ công bình như ở Xô viết Liên bang và tương lai sẽ lập đầy đủ các nhà nuôi trẻ con thì việc nuôi trẻ con đâu có phải là trách nhiệm của đàn bà, mà nuôi trẻ em từ bé cho tới khôn lớn, đó là trách nhiệm của xã hội.

Muốn cho phụ nữ được hoàn toàn giải phóng, chị em phải cùng với đàn ông đồng một hoàn cảnh tranh đấu chống xã hội bất bình đẳng. Không ai điên cuồng gì mà có tư tưởng nam nữ chia ra hai phái để đánh nhau như nữ sĩ Tuyết Dung vu họa: "Đến nay chỉ vì cái "lưỡi không xương" của bọn chủ trương thuyết "cá nhân hạnh phúc", họ cũng xúi giục được cho hai phái xung đột lẫn nhau".

Nam nữ không thể chia ra hai được, vì trong giai cấp bị áp bức, bị bóc lột, đàn ông, đàn bà đều bị một số phận như nhau, song trong đám đàn ông, đàn bà cùng một giai cấp, đàn bà lại bị một tầng bất bình đẳng nữa. Sự nam nữ bất bình đẳng có thể giảm bớt được; mong muốn luôn luôn hoàn toàn giải phóng và bình đẳng thì cần phải thay đổi chế độ xã hội hiện thời mới được.

Bởi vậy cho nên sự tranh lấy nam nữ bình đẳng ở trong gia đình và đòi tự do tham gia công việc xã hội, đó chỉ là gây ra điều kiện cho phụ nữ được cùng với đàn ông gánh vác công việc giải phóng dân tộc và xã hội mà thôi.

Khuyên chị em an phận ở gia đình, đó chẳng những giam hãm chị em vào cảnh nô lệ, mà còn làm giảm mất một phần nửa lực lượng tranh đấu giải phóng cho dân tộc, cho xã hội, nói chung là cuộc giải phóng của loài người.

Các chị em Việt Nam đứng trước tình hình thế giới ngày nay và địa vị dân tộc hiện tại, muốn làm một người quốc dân có đầy đủ trách nhiệm, làm một phần tử trong xã hội nên họ chính đang cần đấu tranh chống đạo đức phong kiến, chống lý luận phát xít, đòi tham gia công việc xã hội, đòi quản lý việc quốc gia.

Hiện thời chưa ai, mà cũng không ai chủ trương đánh đổ chế độ gia đình, không ai chủ trương đàn ông và đàn bà xung đột nhau, trái lại còn chủ trương hòa thuận bình đẳng đối với nhau, vợ khuyên chồng, chồng nhắc vợ ra gánh vác xã hội, lo lắng chuyện đời, để mưu cho dân tộc được vẻ vang, được bình đẳng xã hội, được tiến bộ, được hòa bình, được tự do.

Lênin thường nói mỗi một người đàn bà nấu ăn, phải tham gia việc quản lý Nhà nước: "Giải phóng đàn bà ra khỏi bếp núc để kiến thiết xã hội chủ nghĩa".

Hiện thời dân tộc Việt Nam cần phải vợ chồng dạy bảo nhau, khuyến khích nhau bỏ những quan niệm quanh quẩn nơi gia đình

hạnh phúc mà xao lãng cả việc quốc gia xã hội. Mỗi một người đàn bà và đàn ông cần phải nhớ rằng: "Nước mất thì nhà tan", xã hội bất bình đẳng thì gia đình chưa có chân chính hạnh phúc và bình đẳng.

Đứng trước hoàn cảnh dân tộc Việt Nam, chẳng những phụ nữ cần phải giải phóng ra khỏi quan niệm gia đình chật hẹp, mà đàn ông cũng cần phải giải phóng ra khỏi gia đình, khỏi bếp núc.

Ở đây, tôi nói thoát ly gia đình là muốn cho mỗi người phải ra gánh vác công việc xã hội, đừng lẩn quẩn trong gia đình, chăm chú nơi gia đình, mà kết quả không xây được một gia đình đầy hạnh phúc, trái lại bỏ xã hội và dân tộc trụy lạc mà gia đình là một bộ phận trong ấy. Cũng có một bộ phận thoát ly quan hệ gia đình để làm công việc xã hội. Nhưng đó chỉ là một số ít mà thôi.

Một dân tộc mà bọn tu mi còn nằm khoanh tay trong xó bếp chưa biết quan tâm tới tiền đồ quốc gia, xã hội, và phụ nữ đang bị giam hãm nơi gia đình, xó bếp, mà nữ sĩ Tuyết Dung lại xướng to lên cái thuyết "phụ nữ hồi gia" đó, thiệt là trái ngược với thế giới trào lưu và trình độ dân tộc tiến hóa, nên chi tôi và chị em Sài thành phải tuyên chiến với nữ sĩ Tuyết Dung, tức là tuyên chiến với học thuyết phản động của phong kiến, của tư bản, của phát xít vậy. Muốn xem rõ vấn đề phụ nữ và trả lời cho nữ sĩ Tuyết Dung một cách đầy đủ hơn, các bạn hãy tìm quyển Vấn đề phụ nữ do Thân dân thư xã xuất bản.

9-1938

NGUYỄN THỊ KIM ANH

Báo *Dân chúng*, số 16, 17 và 19, ngày 14-9, 17-9 và 24-9-1938.

*

VẤN ĐỀ PHỤ NỮ GIẢI PHÓNG

Một dân tộc thuộc địa bị áp bức đến tột bực như xứ Đông Dương ta, trách chi địa vị phụ nữ không thấp kém, hèn hạ. Sống trong những hình thức tổ chức xã hội phong kiến, tư bản, dưới trăm ngàn cái xiềng xích của lễ nghi, tập quán và thành kiến hủ bại, sống trong chế độ mục nát của dân tộc lạc hậu ta, chị em bạn gái đã chịu biết bao nỗi uất ức, căm hờn, đè nén.

Trong gia đình cũng như ngoài xã hội, bạn gái đã từng trải trăm cay ngàn đắng, thiệt thòi, rẻ rúng.

Trong gia đình thì phạm vi "tứ đức tam tòng", trật tự "nam tôn nữ ty" đã giam hãm chị em trong luân lý ích kỷ, bất công, trói buộc chị em vào những phận sự bếp núc, nồi cơm, trách mắm, bị đối đãi bất bình đẳng, ít khi được đi học mà luôn luôn bị hành hạ, chửi mắng, đánh đập chẳng khác gì kiếp nô lệ. Con gái lớn là món hàng cho cha mẹ gả bán, đổi chác bằng tiền bạc, bắt ép "đặt đâu ngồi đấy" chớ không quyền lựa chọn bạn trăm năm theo ý riêng, theo tiếng gọi ái tình.

Sự hưởng gia tài và sự để tang chế đối với chị em lại càng chênh lệch, khinh thường. Ngoài xã hội, chị em trí thức không được bổ dụng vào các ngành hành chánh như đàn ông, dù chị em có tài cán ngang với họ; chị em thợ thuyền bị chủ hiếp, bạc đãi; chị em buôn bán hoặc cày cấy thường bị chất lên đầu lên cổ nhiều thuế má nặng nề, đến nỗi phá sản, thất nghiệp.

Bằng trí não hay chân tay, chị em từng bán sức lao động, lao thân bằng những đồng tiền lương, tiền công ít ỏi thua kém đàn ông, trong khi công việc của chị em vẫn nặng nề, khó khăn như đàn ông, mà chị em vẫn làm trọn như họ.

Hết thảy chưa có quyền bỏ phiếu, đầu phiếu và không được luật xã hội bảo hiểm khi tai nạn, ốm đau hay sinh đẻ. Vì bị đè nén, áp chế, bóc lột đủ mọi phương diện, bằng mọi hình thức, chị em tất nhiên phải đòi giải phóng để cứu thoát khỏi vòng tối tăm, khổ sở ấy.

Nhưng hai tiếng "giải phóng" với phần đông chị em vẫn chưa nhận thức được rõ ràng, đích đáng và triệt để.

Một số ít chị em tiên tiến, giác ngộ ý nghĩa giải phóng một cách chân chính, đã hăng hái ra gánh vác nhiệm vụ vận động phụ nữ.

Những phần tử hoạt động ấy, những quân tiên phong ấy, chúng ta chỉ biết ái mộ, hoan nghênh và khuyến khích cho công tác của chị em được ảnh hưởng lớn trong phong trào giải phóng sau này. Nhưng phần nhiều chị em chưa hiểu rõ ý nghĩa và tinh thần giải phóng, dùng những phương pháp sai lầm để làm cớ cho bọn phản động nắm lấy mà chế giễu, mỉa mai chị em, tấn công và đàn áp phong trào.

Chẳng hạn, có những chị em nông nổi vì hoàn cảnh gia đình áp bức, hành hạ, bó buộc, nên tưởng rằng giải phóng là thoát ly gia đình, trốn đi với một sự nhận định hồ đồ về tự do.

Chẳng hạn có những chị em không chịu gia đình ép uổng về tình duyên, bất phục bỏ đi với một trái tim non nớt, bồng bột tình yêu,... Nhưng ở dưới cái chế độ tư bản mà chị em còn bị rẻ rúng, bỏ rơi thì những chị em không chức nghiệp đã đành là không thể tự lập được, mà đến cả những chị em có nghề nghiệp trong tay cũng nhiều phen gặp lắm trở lực đau đớn ê chề. Không sở làm, không nơi dung túng, biết bao nhiêu chị em đành chịu thất nghiệp, bán thân trong sạch trong chốn giang hồ, làm món đồ chơi bán rao cho bọn trưởng giả đùa đẩy thỏa thích để làm kế sinh nhai.

Muốn đi làm tự nuôi sống thì công việc không có, – chế độ không cho dùng đàn bà trong mọi công việc –, muốn trở về với gia đình thì cha mẹ, anh em vì quá tiêm nhiễm những đạo đức trưởng giả phong kiến, dã man, giả dối, lại nghiêm khắc quá, hủ lậu quá, không thừa nhận chị em nữa.

Tình thế bối rối, hoàn cảnh xấu xa đã cố ý đẩy chị em vào vòng trụy lạc. Người nào chịu không kham nổi những tủi nhục khinh khi của dư luận, đành phải kết liễu đời sống bằng cách tự tử.

Chẳng hạn một số chị em hiểu lầm giải phóng ra phóng đãng, tưởng bình đẳng, tự do là lãng mạn, xô bồ nhau a dua những mốt này mốt khác, miệt mài trong những cuộc truy hoan ô uế, triền miên trong những sòng bạc, chất chứa đầy những xấu xa vật chất và nhục dục, mà quên lãng cả trách nhiệm trong gia đình, xã hội.

Vì không nhận định rõ ràng mục đích căn bản của vấn đề phụ nữ giải phóng, vì dùng những phương châm tranh đấu không đúng sát với hoàn cảnh xã hội nên chỉ hái được thất bại, sa ngã trên đường giải phóng!

Vả lại, khi nào xã hội còn đóng khuôn trong chế độ áp bức, bóc lột và bất công của tư bản chủ nghĩa, còn có giai cấp mâu thuẫn

nhau, phụ nữ chưa thể hoàn toàn giải phóng được.

Gây phong trào vận động để nam nữ bình quyền, để thoát khỏi ách gia đình chuyên chế, chúng tôi vẫn tán thành các nguyên tắc ấy, nhưng chủ trương cao hơn một bậc nữa: chúng tôi còn muốn sự bình đẳng giữa toàn thể nhân loại.

Vậy muốn giải quyết vấn đề phụ nữ đến triệt để, chị em không thể đứng tách riêng, xét về phương diện giới, nam nữ phân biệt. Trái lại, điều cốt yếu của vấn đề là ở phương diện chung, phương diện giai cấp mà chúng ta cần phải giải quyết chung.

Cũng bị bọn tư bản, phú hào bóc lột và áp chế như đàn ông, bạn gái phải tìm con đường phóng thích để tự cứu.

Cũng như đàn ông, bạn gái cũng có một trách nhiệm cũng phải mật thiết tham gia phong trào xã hội.

Chen vai thích cánh với bạn trai, chị em phải liên hiệp với họ, cùng tranh đấu trong hàng ngũ của họ để cải tạo cái chế độ xã hội, để tiêu diệt giai cấp, để thủ tiêu áp bức, các mâu thuẫn hiện tại, để kiến thiết cõi đời hoàn toàn bình đẳng, tự do và hạnh phúc.

Không những chỉ giải thoát riêng cho giới mình, bạn gái cũng như bạn trai, phải tranh đấu để giải thoát chung cho cả nhân loại, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm căn bản.

Bạn trai, bạn gái, hết thảy như nhau, phải cùng liên kết, nỗ lực tranh đấu đạp đổ chế độ tư bản, đạp đổ giai cấp bóc lột, kiến thiết xã hội chủ nghĩa, kiến thiết cơ sở bình đẳng, bình quyền, tự do, hạnh phúc đến hoàn toàn triệt để. Sứ mạng thiêng liêng của phụ nữ trong cuộc vận động giải phóng không phải chỉ ở phương diện biệt giới (phụ nữ), mà quan trọng ở phương diện giai cấp chung của con người.

Chị em phải tham dự một cách hăng hái trong các phong trào tranh đấu của quần chúng, phải đứng chung hàng ngũ với anh em bạn trai, chống phản động tấn công, đàn áp, bóc lột của bọn phản động thuộc địa, cướp giựt lại các quyền lợi kinh tế, chính trị.

Chị em ở xứ xã hội chủ nghĩa Liên bang Xô viết đã treo trước mắt ta một cái gương chói lọi, chị em trên một phần sáu quả địa cầu đã được hoàn toàn giải phóng, được bình đẳng với bạn trai và được tham dự các việc chính trị, kinh tế và văn hóa trên những địa vị cao quý.

12–1938

Báo *Dân chúng*, số 35,
ngày 7–12–1938.

4

PHỤ NỮ VỚI NGÀY TẾT

TIỂU DẪN – Với bút danh "Lê Thu", Nguyễn Thị Minh Khai viết một bức thư gửi "Chị Tư thân mến", đăng trên báo *Dân chúng* như một bức thư công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương gửi cho phụ nữ Đông Dương nhân ngày Xuân 1939.

Dưới hình thức ngôn ngữ của bức thư, tác giả thể hiện quan điểm của Đảng trong đấu tranh thời Mặt trận Dân chủ, rằng chỉ có đoàn kết rộng rãi phụ nữ thuộc các tầng lớp xã hội mới đấu tranh đòi được tự do dân chủ, cải thiện đời sống, chống được chiến tranh do bọn quân phiệt Nhật đang tích cực chuẩn bị gây ra.

Đặc biệt, tác giả động viên phụ nữ nối tiếp truyền thống của các vị nữ tiên liệt của dân tộc ta: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, noi gương phụ nữ Liên Xô đánh đổ giai cấp bóc lột, xây dựng cuộc sống ấm no, bình đẳng, hạnh phúc.

Chị Tư thân mến,

Em đang ngồi may áo cho mấy đứa nhỏ thì nhận được thư chị. Mở ra xem, thấy chị nói lúc này mắc sửa soạn Tết, không còn có chút thì giờ rảnh rang. Chị than phiền anh Tư và chị làm lụi hụi cả năm, nhịn ăn, nhịn mặc mà cảnh nhà vẫn túng thiếu, mấy tháng trước vì anh Tư đau và chị lại mới sanh thành ra mang công mắc nợ. Chị cho cái năm 1938 làm ăn sao nó xui xẻo quá, chẳng biết sang năm mới có gì may mắn dễ chịu hơn không?

Thay vào những lời chúc Tết thông thường của thiên hạ chúc nhau "giàu có sống lâu", "sanh con đầy đàn", v.v... em muốn thử bàn giải với chị những mối lo lắng nó đang luẩn quẩn trong đầu óc chị và cũng là một số đông chị em chúng ta.

Phải, bữa nay là tháng Chạp An Nam rồi! Chỉ còn hai ngày nữa là tới Tết. Tất nhiên thiên hạ nhộn nhịp lo sắm Tết. Những nhà giàu có, thật ra họ sắm Tết đã từ giữa tháng Giêng tây rồi. Vả chăng đối với họ thì quanh năm có ngày nào không phải ngày Tết, vì ngày nào cũng như ngày nấy, họ đều thảnh thơi lên xe, xuống ngựa, yến tiệc linh đình.

Chỉ có những anh, chị em lao động, tiểu tư sản cả năm làm không trở tay, Tết đến mới có dịp nghỉ 5, 3 ngày, và may ra mới còn dư ít đồng may cho con manh áo mới cùng mua sắm một vài thứ gì ăn. Trong việc sửa soạn Tết, chị em ta là "Tổng trưởng Bộ Tài chính", trong gia đình đã gặp nhiều sự khó khăn. Túi tiền ít mà trong nhà thiếu thốn cả trăm thứ, lại còn phải trang trải công nợ hoặc Tết chứ!

Nhiều chị em thấy sao năm 1938 làm ăn rất chật vật. Chị lao động than tiền lương cũng như xưa mà sao không đủ ăn, Luật Lao động năm 1938 có thi hành nhiều nơi, nhưng trong mấy sở lớn, bọn chủ vẫn làm lơ và khi sanh, nghỉ không được ăn lương. Nói ngay như chị mới rồi, sanh đẻ nghỉ chưa được 10 ngày đã phải đi làm, nếu ở nhà mãi, lấy gì mà mua gạo? Mấy chị làm khoán la trời vì càng cố gắng lắm, chủ càng tăng số đồ khoán lên.

Tháng trước đây, chị Ba tôi ở dưới ruộng lên chơi, chưa kịp nói gì đã thấy chị kêu rên năm nay vì bão lụt liên tiếp, mùa lúa gom góp không được trăm giạ, trả nợ không đủ, phải ăn vay mấy tháng nay rồi. Các chị em tiểu thương bị patăng [1] tiểu phố tăng dữ dội nên nhiều người không sống nổi. Tôi có mấy chị em bạn vì thua lỗ hết vốn mà phải dẹp cửa tiệm xoay ngồi bán rao. Chà! Nói đến mấy chị em buôn gánh bán bưng thì tình cảnh lại càng thảm hại, lời lãi bao nhiêu, bọn chủ chợ và chủ nợ bóp nặn hết. Nhưng mấy chị đã bước đầu hiểu quyền lợi? Năm 1938, có hàng chục cuộc bãi thị chống tiền chỗ quá cao.

Con cái chúng ta phần đông vì thiếu trường, thiếu tiền, không thể đi học và phải chịu một đời ngu dốt. Vẫn tưởng như câu tục ngữ thường nói: "Ngu si hưởng thái bình", nhưng vì muốn phòng thủ Đông Dương, Chính phủ đã mộ thêm 2 vạn lính, kết quả cho chị em chúng ta là 2 vạn chị em hoặc phải xa chồng, hoặc phải xa con.

Năm 1938, đối với chị em chúng ta, nói chung cả lao động, nông dân, tiểu tư sản, trí thức là một năm nặng nề lẫn với lo sợ. Nó không phải xui xẻo riêng cho mình chị đâu, chị Tư. Mà những cảnh tượng nặng nề ảm đạm chung ấy cũng tuyệt nhiên chẳng phải Trời, Phật nào làm nên, mà chính vì chế độ bóc lột tư bản, vì hầu hết của cải đều nằm trong tay một nhóm người bóc lột.

1. Patăng: Thuế môn bài.

Chắc chị sẽ hỏi em: nhưng biết làm thế nào? Chị ơi? Tình cảnh ấy cũng vẫn có thể vượt qua được, phá tan được. Chị em chúng ta có thể đòi được quyền lợi, đòi được bình đẳng, đòi được giải phóng, nếu chị em biết tự trọng, tự tin ở sức mình, biết đoàn kết chặt chẽ và thống nhất. Em không muốn nói xa xôi như chị em bên Liên bang Xô viết đã nhờ biết chen vai thích cánh với bình dân nam giới tranh đấu quyết liệt đánh đổ bọn Nga hoàng, địa chủ, tư bản nên nay mới được hưởng cuộc đời hạnh phúc, hoàn toàn giải phóng. Ngay như bên cạnh chúng ta, các chị em buôn gánh bán bưng cũng nhờ có đồng tâm đòi hỏi nên đôi nơi mới được giảm tiền chỗ ít nhiều.

Năm 1938, sinh hoạt rất chật vật; năm 1939, chị em ai là người không muốn được dễ thở hơn, phải không chị?

Tăng lương, thi hành đúng Luật lao động, khi chửa đẻ, nghỉ có lương, giảm tiền chỗ, tiền patăng v.v..., chị em ai là người không muốn? Nhưng, muốn được vậy, cần phải đoàn kết.

Vì chế độ xã hội giai cấp, vì những thành kiến hủ bại trói buộc nên địa vị phụ nữ rất thấp hèn, trình độ phụ nữ rất kém sút, những chị em có quan tâm tới vận mạng mình, tới tiền đồ dân tộc, xã hội, ai là người khỏi than phiền đau đớn? Nhưng chị em than thở không ích gì. Em rất mong những chị em hiểu biết nữ quyền đứng lên hô hào tất cả các lớp phụ nữ đoàn kết lại trong các tổ chức rộng rãi để bênh vực những quyền lợi kinh tế, chính trị, văn hóa đặc biệt của phụ nữ, để dự bị đi tới hoàn toàn tự do giải phóng. Các chị em cần tổ chức những hội lương hữu tương tế, những lớp dạy chữ, dạy nghề, những hội thể thao, ca hát, những lớp giảng vệ sinh, những cuộc thi đua nữ công và cách chăm nuôi con cái v.v... gây nên một phong trào xã hội lớn lao, bao quát hết các tầng lớp phụ nữ, mới mong được thắng lợi rực rỡ.

Tính đặc biệt của các phụ nữ là rất dễ cảm động, thương người, giàu lòng từ thiện, bác ái. Chị em phụ nữ Tây Ban Nha, Tàu, giữa cảnh nước mất nhà tan, chồng con xa cách, đã hăng hái giúp việc ở hậu phương, nào săn sóc các chiến sĩ bị thương, nào may quần áo gửi ra mặt trận. Phụ nữ xứ ta cũng đã từng có những bậc tiền nhân oanh liệt như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, có lẽ chịu thua sút mãi sao? Chị có đồng ý với em, ta nên xướng suất bỏ tục mê tín, đốt vàng, mà cũng tránh xa lối thưởng xuân bằng bài bạc không? Em ngồi tính thử, giá

tiền tiêu phí ấy góp lại sẽ được một số không nhỏ để giúp vào các việc phước thiện như mua vải, bánh, phát cho trẻ em nghèo đói, vun quén cho bình dân giáo dục, giúp dân đói, giúp nạn dân Tàu v.v... Và nếu quý bà tai mặt, các chị em trí thức tiên tiến mà đứng ra hô hào tổ chức những cuộc lạc quyên, những hội từ thiện mở rộng cho quảng đại quần chúng phụ nữ tham gia thì chắc chắn sẽ có ảnh hưởng tốt cho tương lai của xứ sở và giúp ích cho công cuộc hòa bình bác ái.

Bọn quân phiệt Nhật say máu người vẫn lăm le xâm chiếm Đông Dương, xứ sở chúng ta chưa biết bị lôi cuốn vào nạn binh lửa ngày nào. Chồng con ta đang nơm nớp lo sợ bị đem thân làm mồi cho súng đạn, và chừng đó chúng ta không thoát khỏi bị quân phát xít hãm hiếp, con cái ta bị chúng chém giết. Năm 1938 qua, năm 1939 tới. Những cơn giông tố chiến tranh càng kéo đen mờ mịt, cuộc vận động dân chúng chống phát xít, chống chiến tranh càng khẩn cấp hơn lúc nào hết. Chị em ta không thể đứng địa vị bàng quan được, cần phải tích cực tham gia phong trào dân chúng đòi tự do, ủng hộ hòa bình.

*

* *

Vì thấy những điều phàn nàn lo lắng của chị, cũng là của số đông chị em, nên em muốn cùng chị tìm những cách giải quyết đúng đắn. Chị hãy đưa thư này cho các chị em quen biết coi, và em mong mỗi chị sẽ tùy theo sức nữ nhi góp phần vào cuộc vận động phụ nữ Đông Dương.

1939
LÊ THU

Báo *Dân chúng*, số Xuân 1939.

*

* *

VỮNG CHÍ

TIỂU DẪN – Bài thơ này, Nguyễn Thị Minh Khai làm trong khi bị giam ở Khám Lớn Sài Gòn, trước ngày bị hành hình. Bài thơ này được lưu truyền rộng rãi trong tù, có tác dụng cổ vũ tinh thần các chiến sĩ cách mạng rất mạnh mẽ, đặc biệt đối với tù nhân nữ.

Vững chí bền gan, ai hỡi ai!
Kiên tâm giữ dạ mới anh tài. [1]
Thời cuộc đẩy đưa người chiến sĩ,
Con đường cách mạng vẫn chông gai.

1941

1. Kiên tâm: Có bản chép là "kiên gan", chúng tôi theo bản đã in trong sách *Những người cộng sản trên quê hương Nghệ Tĩnh*. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng – Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh xuất bản, Vinh, 1976.

TRẦN HUY LIỆU
(1901 - 1969)

Trần Huy Liệu sinh ngày 5-11-1901, tại làng Vân Cát, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Trần Huy Liệu đã viết sách, báo với nhiều bút danh: Đầu Nam, Còi Vị, Hải Khách, Hải Thu, Nam Kiều, Kiếm Bút, Ẩm Hận...

Năm 1922, Trần Huy Liệu chính thức vào làng báo với những bài chống thực dân Pháp và đòi tự do dân chủ. Năm 1924, viết cho *Nông cổ mín đàm* xuất bản ở Nam Kỳ: *Nông cổ mín đàm* bị cấm, Trần Huy Liệu xuất bản tập *Ngòi bút sắt, Ngòi bút sắt* cũng bị cấm. Năm 1925, Trần Huy Liệu làm Chủ bút *Đông Pháp thời báo*, biến tờ báo này thành một trung tâm của phong trào yêu nước và dân chủ ở Nam Kỳ lúc bấy giờ. Năm 1927, từ chức Chủ bút *Đông Pháp thời báo*, Trần Huy Liệu ra chủ trương tờ *Pháp - Việt nhất gia*, nhưng những bài chống chủ nghĩa Pháp - Việt đề huề trên tờ *Pháp - Việt nhất gia* làm cho tờ báo này bị đóng cửa và Trần Huy Liệu bị kết án 6 tháng tù. Năm 1928, Trần Huy Liệu sáng lập ra *Cường học thư xã*, xuất bản những sách cổ vũ lòng yêu nước.

Trần Huy Liệu gia nhập Việt Nam Quốc dân đảng (năm 1928) và tổ chức đảng bộ của đảng này ở Nam Kỳ. Cuối năm 1929, Trần Huy Liệu bị bắt, bị kết án 5 năm tù và bị đày ra Côn Đảo. Ở đây, được giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, Trần Huy Liệu tuyên bố không theo chủ nghĩa Tam dân của Việt Nam Quốc dân đảng nữa. Đầu năm 1935, ra tù, Trần Huy Liệu bị trục xuất về miền Bắc. Ở Hà Nội, Trần Huy Liệu lập ra Nhà xuất bản Đông Dương, chuyên xuất bản những sách yêu nước và lịch sử. Năm 1936, Trần Huy Liệu được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Trần Huy Liệu lần lượt viết cho các báo tiến bộ như *Đời mới, Tiếng vang, Hồn trẻ, Tiếng trẻ, Tân xã hội, Thời báo, Bạn dân, Thời thế* v.v..., năm 1938, làm chủ bút tờ *Tin tức* cơ quan công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương, khi tờ *Tin tức* này bị đóng cửa, thì chuyển sang làm chủ bút báo *Đời nay*.

Tháng 10-1939, Trần Huy Liệu bị bắt và bị kết án 3 năm tù, bị đày đi Sơn La, rồi giam ở Bá Vân, Nghĩa Lộ. Khi Nhật đảo chính Pháp, Trần Huy Liệu vượt ngục Nghĩa Lộ, về Hà Nội tham gia làm báo *Cứu quốc* bí mật của Mặt trận Việt Minh.

Tháng 8-1945, Trần Huy Liệu được cử đi dự Đại hội Quốc dân ở Tân

Trào và được cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban Dân tộc giải phóng. Cách mạng Tháng Tám thành công, Ủy ban Dân tộc giải phóng đổi thành Chính phủ lâm thời và Trần Huy Liệu giữ chức Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền. Cuối tháng Tám năm 1945, Trần Huy Liệu thay mặt Chính phủ lâm thời vào Huế tước ấn kiếm của Bảo Đại và chủ trì lễ thoái vị của Bảo Đại.

Năm 1959, Trần Huy Liệu được cử làm Viện trưởng Viện Sử học và Ủy viên Ủy ban Khoa học Nhà nước. Năm 1967 thành lập Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Trần Huy Liệu giữ chức Phó Chủ nhiệm kiêm Viện trưởng Viện Sử học; năm 1960, lại trúng cử Đại biểu Quốc hội lần thứ hai, được bầu làm Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, và đảm nhiệm chức vụ này cho đến khi mất.

Năm 1963, Trần Huy Liệu được tặng thưởng huân chương Humbôn của nước Cộng hòa Dân chủ Đức và được mời làm Viện sĩ thông tấn của Viện Hàn lâm khoa học nước Cộng hòa Dân chủ Đức.

Trần Huy Liệu mất ngày 28–7–1969, tại Hà Nội.

Trần Huy Liệu là một nhà báo yêu nước, một nhà thơ cách mạng giàu tình cảm, một nhà nghiên cứu Sử học nghiêm túc, một chiến sĩ cách mạng đã chiến đấu suốt đời cho lý tưởng Cộng sản vĩ đại.

Những tác phẩm chính đã được xuất bản trước Cách mạng Tháng Tám:

– *Ngòi bút sắt* (tập I, II). Sài Gòn, 1927.

– *Một bầu tâm sự*. Cường học thư xã, 1928.

– *Ngục trung ký sự*. Cường học thư xã, 1928.

– *Hiến thân vì nước*. Cường học thư xã, 1928.

– *Côn Lôn ký sự*, đăng trong báo *Đời mới, Ánh sáng*, 1935.

Những bài thơ của Trần Huy Liệu in sau đây tuyển trong tập *Thơ Trần Huy Liệu* của Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1977.

TIỄN ANH TRẦN TRỌNG TỰ RA TÙ

Tôi vừa vào Hỏa Lò,
Anh sắp được tự do.
Kẻ đi, người ở lại,
Cùng chung một con đò.

Cầm tay, tôi hỏi bạn:
Vì cớ sao gặp nhau?
Phải chăng vì muốn có,
Xã hội đẹp mai sau?

Trước mặt đầy chông gai,
Đã đi không dừng lại.
Tiến lên! Cứ tiến lên!
Trước vầng hồng le lói.

Cửa sắt chưa phá mở,
Trời Nam vẫn tối sầm.
Ai ra nhắn ai với!
Quyết chí và kiên tâm!

Hỏa Lò, Hà Nội, 12-1939.

*
* *

MỘT ĐÊM RA KHỎI HÀ NỘI

(Trích trong bài *Sơn La hành khúc)*

Từ hải đảo khách vừa dừng bước,
Cảnh bể, trời, mây, nước chưa quên.
Thì nay thế cục xui nên,
Khách lại dấn bước lên miền rừng xanh.
Vì xã hội bất bình nên phải,
Gánh gia đình gác lại một bên.
Đường trường, chinh khách đã quen,
Mắt quầng, chinh phụ bao phen lệ nhòa.
Đêm hôm ấy trước ga Hàng Cỏ,
Mấy bóng đen lấp ló bên hè.
Trời đông sương giá lạnh ghê,
Gió heo may thổi càng tê tái lòng!
Giờ phút trôi, ngóng trông nào thấy...
Túi hành trang để đấy chờ ai?
Phút đâu cát bụi tung trời,
Đoàn xe xịch đến chở người sinh ly.
Tiếng có gọi, người thì không thấy,
Tay có giơ, máy chạy không dừng.
Khách đi muôn dặm núi rừng,
Người còn ngơ ngác trông chừng bụi bay...

Hà Nội, đêm 11-1-1940

*
* *

RA ĐI

Rừng rậm, non cao vẫn đợi chờ,
Chả đi mà hái mấy vần thơ.
Anh em ta quyết đi "du lịch",
Đâu chịu loanh quanh xó Hỏa Lò.

Túi xách, chăn đeo, đứng sắp hàng,
Xăm xăm tiến bước thẳng rừng ngang.
Anh em ta học làm "du kích",
Trong lúc năm châu khói lửa tràn.

Một xích hai thằng khắp đó đây,
Ngủ, ăn, đái, ỉa chẳng rời tay.
Anh em ta thắt dây liên lạc,
Trên bước đường xa cát bụi đầy.

Chịu những gian lao, những ngược hình,
Nhục nhằn thay! Cái phận tù binh.
Anh em ta nuốt bao căm giận,
Chờ lúc ra tay rửa bất bình.

Trên đường Hà Nội – Sơn La,
từ 11 đến 21-1-1940

*
* *

QUA PHƯƠNG LÂM

Hữu tình thay! Cảnh Phương Lâm,
Gặp nhau vừa mới một lần đã quen.
Ô kìa, cô gái sông Đen [1]!
Non cao, rừng thẳm, con thuyền đợi ai?

Hòa Bình, 12-1-1940.
(Đoàn tù chính trị đày đi Sơn La)

*
* *

HỎI ĐÀO

Năm ngoái ngày rày chốn cố đô,
Hoa đào đỏ ối bến sông Tô [2].
Với ta, hớn hở đào khoe sắc,
Ngang dọc rừng đào, ta tự do.

Năm nay nơi đất đỏ rừng xanh,
Không hẹn mà ta lại gặp mình.
Đào nhỉ! Phải chăng ta khác trước?
Còn đào thêm tuổi lại thêm xinh.

Thì thầm, ta sẽ nhủ: đào ơi!
Sương nắng bao phen chẳng lạt mùi.
Giữa chốn bụi hồng tuy lận đận,
Lòng đào ta vẫn đỏ không phai.

Sơn La, 21-1-1940

---

1. Sông Đen: Tức sông Đà, thực dân Pháp gọi sông Đà là Hắc Giang (Rivière Noire).

2. Bến sông Tô: Phố sông Tô Lịch, nay là Hàng Lược nơi bán cành đào ngày Tết của thành phố Hà Nội.

ĐỜI TÙ SƠN LA

Soi bóng gương khe mặt thấy gầy,
Không dưng mình có đến chi đây.
Sương mù buổi sáng bâng khuâng ngắm,
Mây lạc chiều hôm lững thững bay.

Tiếng mõ cầm canh buồn tẻ quá!
Hồi kèn báo thức ngại ngùng thay!
Một ngày mấy lượt leo trèo dốc,
Thở chẳng ra hơi, cát bụi đầy.

Nào biết non xanh vẫn đợi chờ,
Đời tôi rày đã thú hay chưa?
Nằm bên nhà xác xa vài bước,
Ngửi cứt cầu tiêu đủ bốn mùa.

Đập đá tha hồ phơi dưới nắng,
Phá rừng nhân thể gội trời mưa.
Bạn cùng cát, bụi, sương, gai, vất,
Đèo núi đi về tối, sớm, trưa.

Nghe nói nhiều thằng sợ bỏ cha!
Rằng: ma Vạn Bú, nước Sơn La [1].
Quanh năm cơm nếp ăn đầy bụng,
Bên cạnh cầu tiêu thối nựng nhà.

Ruột nóng như nung vàng nước tiểu,
Người rung cơn sốt lợt màu da.
Vậy mà mình chẳng chi chi cả,
Gốc ổi không thèm ném xác ra [2].

Sơn La, 1940

*

* *

1. Tục ngữ có câu: "Nước Sơn La, ma Vạn Bú". Sơn La cũng có tên là Vạn Bú.
2. Gốc ổi: Nơi chôn xác người tù.

QUÀ RỪNG

Hẹn nhau từ những bao giờ,
Tìm nhau vượt mấy bụi bờ chông gai.
Củ mài với quả "má chai" [1]
Quà rừng một chút đãi người phương xa.

Sơn La, 1940

*
* *

TIỄN BẠN RA TÙ

I

Cửa xịch mở, một bóng đen vội thoát,
Lặng nhìn theo, tôi không nói nửa điều.
Bởi vì tôi, tôi đã nói quá nhiều,
Bằng sóng mắt, bằng những hồi trống ngực...
Thơ tống biệt cả một tràng thổn thức...
Không viết ra mà cũng chẳng đọc ra.
Nhưng nó gồm bao ý nghĩa thiết tha,
Mà kẻ ở người đi đều cảm thấy...
Đời tôi đã thuộc lòng bài thơ ấy,
Từ Sài thành, Côn Đảo, lại Sơn La.
Người tiễn tôi và tôi tiễn người ta,
Tường ngục tối ngăn rào hai thế giới.
Dưới chính lệnh dã man đầy ác hại,
Từ ngục trong lại đến ngục bên ngoài.
Kẻ ở trong đành đã chịu ngạt hơi,
Ai ngoài ấy cũng vẫn còn tức thở.
Bất bình ấy một ngày chưa xóa bỏ,
Cuộc đấu tranh còn mãi mãi không ngừng.
Khách hôm nay nằm tạm một xó rừng.
Đợi tin thắng của ngày mai đưa lại!

---

1. Quả "má chai": Quả thanh trà, tiếng Thái gọi là "má chai".

II

Tay cầm tay, đôi bên đều nắm chặt,
Một cảm thông như điện giật cùng mình.
Tôi gặp anh nơi đất đỏ rừng xanh,
Giữa cửa sắt và bốn tường vôi xám.
Đã từng sống chung những ngày ảm đạm,
Nuốt căm thù, no chán vị chua cay.
Trên đường đời anh dấn bước hôm nay,
Trong ngục tối tôi đếm ngày giải thoát.
Bóng anh khuất trong sương mù man mác...

Nhà tù Sơn La, 3-1940

*
* *

XUÂN VỀ

Ô nhỉ? Ngày xuân đã đến rồi,
Mà ngày xuân ấy có riêng ai,
Đường xa, gánh nặng, người đương bước,
Rừng rậm, non cao, khách tạm ngồi.
Bản Giảng gió trăng chừng cũng thú, [1]
Chiềng Lề phố xá có gì vui? [2]
Xuân sang, rũ bụi bên bờ suối,
Nhác thấy đào nương mỉm miệng cười. [3]

Sơn La, 1940

*
* *

TẾT ÂM LỊCH 1940

Côn Đảo, Sài thành mấy Tết qua,
Tết này ăn Tết ở Sơn La.
Dạ dày điểm tí mùi cơm tẻ, [4]
Mặt bủng tô thêm chén rượu khà.

---

1. Bản Giảng: Một bản người Thái ở ngoại ô thị xã Sơn La.
2. Chiềng Lề: Chợ tỉnh lỵ Sơn La.
3. Đào nương: Cây đào ở bên bờ suối được nhân cách hóa.
4. Cơm tẻ: Ba ngày Tết, tù được ăn cơm tẻ, ngày thường ăn cơm nếp.

Chơi Tết với bao thằng mất Tết,
Chung nhà tình những đứa xa nhà.
Chúc mừng năm mới: năm mau hết,
Có đái thì đừng đái máu ra. [1]

*
*   *

MƠ MÀNG

Rủ nhau quét sạch lá rừng,
Tay vun tay quén lên từng đống cao.
Lửa hồng, khói biếc chen vào,
Rừng xanh bát ngát, non cao chập chồng.
Dựa cây mình đứng mình trông,
Thả hồn theo khói bâng khuâng chập chờn.

Sơn La, hè 1940

*
*   *

MỘT BUỔI CHIỀU

Pháo cưới non ai lạch tạch đùng!...
Khói lam nghi ngút tỏa ngàn không.
Phải chăng là lúc nàng sơn nữ,
Ôm bó hoa tươi, vẻ thẹn thùng?

Cũng lúc trong tôi thổn thức buồn,
Bên khe ngắm bóng buổi chiều hôm.
Gió đâu đưa lại mùi thương nhớ,
Nhìn một ngày qua, mắt đã mòn...

Sơn La, hè 1940

*
*   *

---

1. Đái máu ra: Người sốt rét đến độ cao thường đi đái ra máu, nếu không cầm được, có thể chết rất nhanh. Ý muốn chúc nhau không bị sốt rét.

*****

NGÀY VỀ

Ngày về nhắn nhạn bay xuôi:
Hai lần núi đỏ ngả mùi xanh xanh. [1]
Đường xa thêm nặng gánh tình,
Nhớ ai, ai có như mình nhớ ai?

Sơn La, xuân 1940

*

* *

HỌA THƠ BẠN Ở TRẠI TẬP TRUNG BẮC MÊ (HÀ GIANG)

(Lấy vần: Sa, nhà, hoa, là, ta)

Đương cơn gió táp với mưa sa,
Thiên hạ bao nhiêu đứa bỏ nhà.
Bến Gấm, hiện hình bầy quỷ sống,
Rừng Mê treo giá mấy chùm hoa.
Không tù mà hóa tù, ô nhỉ?
Thôi thế thì thôi thế cũng là!
Nhắn với những người trong cảnh ấy:
Rằng: "Ma Vạn Bú" vẫn gờm ta.

(Lấy vần: trường, giang, gang, sương, trường)

Mòn mắt trông nhau những dặm trường,
Người thì Vạn Bú, kẻ Hà Giang.

1. Mỗi lần mùa đông tới, núi xanh rụng lá, xơ xác noen đỏ, đến mùa xuân mới xanh lại.

Rừng xanh bát ngát như xa vắng,
Hồn mộng đi về vẫn tấc gang.
Thân thế đã theo cùng vận hội,
Mặt mày sạm mãi với phong sương.
Hỡi ai, những lúc đêm không ngủ!
Đàn suối bao nhiêu khúc đoạn trường?

Sơn La, 1940

*
* *

TẾT ÂM LỊCH 1941

Chơi Tết năm nay bảy chục tù,
Cộng thêm vào đó mấy thằng phu. [1]
Rượu say bí tỉ không hề mửa,
Bạc đánh lu bù cóc thấy xu.

Lên mặt ngông nghênh chàng Phó Sứ, [2]
Dài mồm õng ẹo ả đào Thu. [3]
Riêng mình từ thuở sang năm mới,
Rửa bát hai lần, sướng bỏ bu. [4]

Sơn La, 1941

*
* *

1. Ngoài số tù ra, thực dân Pháp còn đem lên Sơn La một số người chính trị phạm không bị kết án, nhưng bị giam vào trại tập trung, cùng ở chung nhà tù. Để phân biệt, người ta gọi những người này là "phu".

2. Phó Sứ: Chỉ một anh nhà quê ở Quảng Yên bị bắt oan, thường khoe ở ngoài diện quần áo như Phó Sứ.

3. Đào Thu: Chỉ đồng chí Xuân Thủy đóng vai đào hát trong một buổi diễn văn nghệ của anh em tù ở Sơn La.

4. Tác giả được phân công rửa bát.

TIỄN BẠN ĐI CĂNG

Buổi sáng tôi đương ngắm lá vàng,
Từ làn cây sấu gió bay ngang.
Giật mình tưởng đến bao nhiêu bạn,
Đương bỏ gia hương bước vội vàng...

Bỗng cửa ngoài sân gõ biệt ly,
Hành trang gửi đến giục anh đi.
Anh đi chưa hẹn ngày về vội,
Tôi ở còn chưa có định kỳ.

Nhưng ở hay đi cũng đếch cần,
Đường trường, ta bước đã quen chân.
Sơn La, Côn Đảo chơi chưa chán,
Có lẽ phen này lại Bá Vân.

Ta cứ đi... đi... đến một ngày,
Vầng hồng đỏ chói khắp đông tây.
Ta về sẽ tắm ao ta nhỉ?...
Rũ sạch bao nhiêu cát bụi đầy.

Sở mật thám, Hà Nội, 10-1942.

*
* *

QUÁN TRỌ BÊN ĐỒI

(Đời sống Bá Vân)

Núi Guộc chưa quên người bạn cũ,
Sông Công vẫn đợi khách phong trần.
Bốn phương mưa gió đang dồn dập,
Ta tạm dừng chân, tạm nghỉ chân.

Đồi trọc, rừng xanh sẵn của nhà,
Tầng tầng lớp lớp rải gần xa.
Hòn non Tam Đảo như e thẹn,
Lúc ẩn chòm mây, lúc hiện ra.

Một buổi xuân về, đỉnh núi cao,
Nhìn xem non nước cảnh tân trào. [1]
Bao nhiêu màu sắc, bao thi vị,
Vừa thấy người quen đã vội chào.

Bỗng đâu tiếng hát tự nương chè,
Ngây ngất men lòng, khách mải nghe.
Nhìn dõi bóng người bên gốc trẩu,
Thấy lòng tràn ngập những say mê.

Xuống núi đi tìm bạn cố nhân,
Chén trà thơm ngát của đầu xuân.
Trong câu chuyện mới, bên người cũ,
Một mảnh đời xưa sống lại dần.

Một buổi thu về nghe tiếng gọi,
Đầu mùa sim chín giữa rừng xanh.
Vin cành, hái quả bao nhiêu thú,
Đỏ, thắm, hồng, tươi sẵn đợi mình.

---

1. Tân trào: Trào lưu mới.

Vội nhắn cùng ai tận cuối trời,
Rằng: mình thương nhớ vẫn không nguôi.
Quả rừng ngon quá, người xa quá!
Muốn gửi cho mà khó tới nơi.

Rồi nhận thư ai tiếng trả lời,
Rằng: mình thương nhớ cũng không nguôi.
Quả rừng ngon quá, người xa quá!
Nhưng nếm lòng nhau thế đủ rồi.

Những buổi chiều hôm bóng đã tàn,
Con thuyền xuôi ngược dải tràng giang.
Ven bờ sóc nhảy, chim ca hát,
Đàn suối bao nhiêu khúc nhịp nhàng.

Cắm sào thuyền đậu bến Cương Lăng,
Rẽ sậy, qua khe, lướt dặm rừng.
Mấy túp lều tranh chào khách lạ,
Tìm thăm miếu cổ mỏm đồi thông.

Có buổi quên về sáng đến trưa,
Nghe người cố lão: chuyện ngày xưa,
Nơi này đã trải bao chinh chiến,
Dấu cũ còn in nét chửa mờ.

Nào bóng cờ đen rợp khắp vùng,
Thổ hào hướng nghĩa nổi lung tung.
Nghĩa quân Đề Thám vừa lui gót,
Đội Cấn hùng sư lại vẫy vùng.

Nghe rồi điểm lại mặt non sông,
Hưng, phế, tồn, vong chập chập chồng.
Tráng sĩ sơn lâm dần khuất bóng,
Muôn năm còn để tiếng oai hùng.

Những buổi đêm trường, dưới bóng trăng,
Chiếc "sa" uốn khúc giữa dòng sông. [1]
Hai tay dang thẳng ôm ghì lấy,
Trắm, chép, mè, nheo lọt xuống lòng.

Trên "sa" khách đợi cá lai hàng,
Hồ hải thôi rồi mộng dọc ngang.
Rượu tốt, nhắm ngon thêm có bạn,
Nhìn trăng, cất tiếng hát ca vang,

Tiếng khải hoàn ca dội góc rừng,
Hòa cùng tiếng thác réo bên sông.
Bao nhiêu hào hứng, bao thi vị,
Trăng sáng, trời cao, một tấm lòng.

Và những đêm sương bóng tối nhòa,
Nhìn về rặng núi nẻo xa xa:
Ngàn xanh khoác áo hồng như lửa,
Ngọc dát, vàng tô, vạn đóa hoa. [2]

Lặng ngắm như chìm trong giấc mơ,
Phải chăng chốn ấy của nàng thơ?
Vô cùng trang nhã, vô cùng đẹp,
Quyến rũ hồn tôi tự thuở giờ.

Cho đến một ngày chí dọc ngang,
Ầm ầm nổi dậy rộn tâm can.
Động viên vừa mới ra quân lệnh,
Tiếng súng rừng sâu đã nổ vang.

Suốt vùng Bình Định đến Tân Cương,
Bỗng hiện ngay ra cảnh chiến trường.
Khói lửa mịt mùng, người lận lội,
Từng phen mất vía lũ sài lang.

---

1. Chiếc sa: Chiếc bè tre chắn giữa dòng sông để cá ngược dòng ngoi lên mà bắt.
2. Cảnh đốt rừng.

Còi hiệu thu quân đã đổ hồi,
Rừng xanh còn hẹn với ngày mai.
Tung hoành chí cũ chưa chồn bước,
Muôn dặm trường chinh sẵn đợi người.

Qua những ngày vui mải đó đây,
Lâm tuyền sơn dã dấu chân đầy.
Khi về quán trọ bên đồi vắng,
Nhìn túi hành trang vội đếm ngày.

Hai lần hoa gạo đỏ bên sông,
Và cánh hoa môi nở khắp đồng.
Tiếng "kéc kè ke", gô gọi bạn [1]
Nao nao, khách cũng rộn bên lòng.

Đi đi thôi! Đi đi thôi!
Cảnh vật quen nhau thế đủ rồi.
Rừng núi ví còn lưu luyến khách,
Hải hồ tiếng gọi tự xa xôi.

Thế rồi, cho đến một đêm đông,
Đình Cả xa trông ánh lửa hồng.
Dũng sĩ một đoàn mau cất bước,
Qua đò nhìn lại bến Sông Công.

Ngày từ biệt Bá Vân 18-11-1944

*
* *

1. Gà gô.

THỦ TƯỚNG BÙ NHÌN THÂN NHẬT TRẦN TRỌNG KIM

Kể từ Nhật chiếm Đông Dương,
Biết bao nhiêu lũ phường tuồng múa manh.
Vừa đây sân khấu triều đình,
Lại thêm ló mặt một anh bù nhìn.
Họ Trần ngành Trọng tên Kim,
Mang râu đội mũ bước lên diễn đàn.
Ngực đeo cái biển Việt gian,
Cúi đầu bái vọng Thiên hoàng phía đông.
Xung quanh mõ gióng cờ giong,
Người xem chậtních vòng trong vòng ngoài.
Cùng nhau thấy mặt cả cười,
Người đâu mà lại có người mặt mo.
Kẻ rằng giống chú oản Bô, [1]
Người rằng giống gã Bamô ra tuồng. [2]
Có người bảo giống thằng Uông, [3]
Có người lại bảo một tuồng Loren. [4]
Chẳng qua cùng dạ khác tên,
Cùng người một hội một thuyền đâu xa.
Chuyên môn bán nước béo nhà, [5]
Ở ăn quen thói ma tà xưa nay.
Người xem mắm miệng chỉ tay,
Gớm cho cái mặt quân này đáng băm.
Tiếng hò đả đảo rầm rầm!

4–1945

*
* *

1. Bô: Sángđờrabôdờ, đứng đầu Chính phủ thân Nhật ở Ấn Độ.
2. Bamô: Tên đứng đầu Chính phủ thân Nhật ở Miến Điện.
3. Uông: Uông Tinh Vệ, tên đứng đầu Chính phủ thân Nhật ở Trung Quốc.
4. Loren: Tên đứng đầu Chính phủ thân Nhật ở Philíppin.
5. Béo nhà: Theo chữ "phì gia".

NHẬT HOÀNG KHÓC HÍTLE [1]

(Phỏng theo bài *Khóc Nghè Dương*
của Nguyễn Khuyến)

Hítle, mạng bác toi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
Nhớ từ thuở tay ba ngày trước,
Trục Tam cường, tôi bác cùng nhau. [2]
Tưởng rằng đè bẹp năm châu,
Ai hay lụn bại biết đâu cơ trời.
Vẫn biết bác bỏ đời là phải,
Nhưng vội chi đã mải thành ma.
Thoắt nghe tôi những xót xa,
Thương thân bách chiến phải ra thua dồn.
Cờ chữ "vạn" không còn phấp phới, [3]
Ai người đem thế giới nhuộm đen?
Máu tanh không có bạn hiền,
Núi xương sông huyết có tiền khôn mua.
Thơ phát xít đấn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa?
Trời Âu vừa tạnh gió mưa,
Sóng cồn biển Thái, khổ chưa hỡi trời? [4]
Quân đổ bộ khắp nơi tua tủa,
Thành Đông Kinh khói lửa mịt mùng. [5]
Thằng Anh, thằng Mỹ tấn công,
Liên Xô sắp nhảy vào vòng đánh chơi.
Bác đã trọn cái đời của bác,
Trục mình tôi gánh vác sao đang?
Sóng dâng ngập cả ngai vàng,
Khóc tôi, khóc bác hai hàng chứa chan.

7–1945

---

1. Đã đăng ở báo Cứu quốc hồi bí mật, bút danh Kiếm Bút.
2. Trục Tam cường: Trục gồm ba nước lớn Đức, Ý, Nhật.
3. Ý nói cờ của phát xít Hítle.
4. Biển Thái: Chỉ Thái Bình Dương.
5. Thành Đông Kinh: Chỉ Tôkiô, Thủ đô Nhật Bản.

CÔN LÔN KÝ SỰ

(Trích)

TIỂU DẪN – Năm 1929, Trần Huy Liệu có viết *Ngục trung ký sự* kể chuyện những ngày bị tù ở Khám Lớn, Sài Gòn. Sau năm năm bị đày ra Côn Lôn, Trần Huy Liệu lại viết *Côn Lôn ký sự* kể những "chuyện có thực" ở Côn Đảo với hy vọng "giúp vào công việc điều tra của nhà nước đương cục" về những chế độ mà người thừa hành không làm đúng với những điều lệ Chính phủ đã định.

Côn Lôn ký sự là một bức tranh toàn cảnh về cuộc sống cơ cực của những chính trị phạm bị đày ở Côn Đảo.

Hồi ký này đăng nhiều kỳ trên báo. Thoạt tiên, đăng ở báo *Đời mới* (Sài Gòn) được ba kỳ thì báo ấy đình bản, sau đăng ở báo *Ánh sáng*, phát hành tại Huế, năm 1935, từ số 24 đến 52, nhưng không đều đặn, kéo dài từ ngày 7–5–1935 đến ngày 26–10–1935.

Chúng tôi trích in ở đây một số đoạn. Tài liệu do Viện Sử học Việt Nam cung cấp.

Chú ý của người viết

Trước khi lìa khỏi đảo Côn Lôn các bạn thân yêu còn ở lại đấy hỏi: "Anh về, có cái gì làm kỷ niệm với Côn Lôn không?". Tôi hứa bằng một thiên *Côn Lôn ký sự*.

Sau khi đã bước chân lên dải đất chữ S các bạn thân yêu ngày trước đón hỏi: "Anh về có mang theo món quà gì ở Côn Lôn không?". Tôi cũng hứa rằng một thiên *Côn Lôn ký sự*.

Đảo Côn Lôn! Nếu nó chỉ là một đám đất ở giữa bể cũng như vô số những đảo khác thì có làm chi nên chuyện!

Người Côn Lôn! Nếu nó cũng chỉ như dân cư ở các nơi khác thì có làm chi nên chuyện.

Chuyện Côn Lôn! Nếu nó cũng chỉ rặt những câu chuyện đánh cá, làm mắm, nấu muối v.v... như nhiều những đảo khác thì có làm chi nên chuyện.

Trái lại, đảo Côn Lôn là một đảo đã từng in ít dấu vết về lịch sử, người Côn Lôn là những người do chế độ xã hội đương thời sản xuất

ra; chuyện Côn Lôn có nhiều chuyện khác với những chuyện trong đất. Nhất là trong mấy năm gần đây, xứ Đông Dương xảy ra cuộc biến động, số tù chính trị bị đày ra đó, kể có nghìn người, vì vậy nên xã hội Côn Lôn không phải là cái xã hội cô độc ở giữa bể, mà là cái xã hội có nhiều mối quan hệ mật thiết với xã hội ở trên dải đất liền. Chẳng nói gì mấy nghìn gia đình có người nhà bị đày ra đó, mà hằng ngày trông tin Côn Lôn, hỏi chuyện Côn Lôn, ngay đến những người có để tâm đến chuyện đời đôi chút, đều muốn biết rõ cái chân tướng của xã hội Côn Lôn nó ra thế nào. Vậy thì một người ở Côn Lôn về mà kể chuyện Côn Lôn để cho những người chưa tới Côn Lôn muốn nghe chuyện Côn Lôn được rõ, câu chuyện ấy có lẽ cũng không đến nỗi lạt lẽo!...

Ừ thì kể chuyện Côn Lôn đi!... Thế nhưng chuyện Côn Lôn không phải ít và muốn kể chuyện cho đúng cũng không phải dễ. Đã lâu rồi có nhiều người đã từng đem chuyện Côn Lôn nói cho nhiều người biết, nếu chẳng đăng lên báo chí hay viết ra sách vở thì cũng đã từng làm đầu câu chuyện trong khi gặp những bạn hữu, bà con. Tuy vậy, muốn tỏ rõ chân tướng của xã hội Côn Lôn mà nếu người kể chuyện lại đứng về phương diện chủ quan (subjectif), thì cái chân tướng ấy không tài nào tả được rõ.

...

Khí hậu

Khí hậu Côn Lôn không lấy gì làm độc lắm tuy ở ven núi rừng, nhưng nhờ có gió biển thổi luôn, chế bớt những khí độc đi. Nếu đem so sánh với mấy nơi giam tù ở Đông Dương như ở Sơn La, Lai Châu, Lao Bảo, Buôn Ma Thuột thì chúng ta phải công nhận rằng khí hậu ở Côn Lôn còn lành hơn nhiều.

Ở đây mỗi năm có hai mùa: mùa mưa và mùa gió chướng. Mùa mưa bắt đầu vào khoảng từ tháng 3 Tây cho đến khoảng tháng 9 Tây, cũng như mùa mưa ở Nam Kỳ, nhưng vì gần bể nên mưa nhiều hơn. Còn những tháng kia là mùa gió chướng, mỗi khi gió chướng đến thì cát bụi tung trời ầm ầm như một cơn bão nhỏ, cứ như thế mỗi kỳ có đến 14, 15 ngày, rồi cách ít ngày lại có một kỳ. Gió chướng thổi nhiều, nhưng không lạnh vì gió khan.

Trong mấy tháng mùa mưa, người ta hay bị bệnh sốt rét, thương hàn và tê bại. Nhất là cuối mùa mưa đầu mùa gió chướng, người ta hay bị ốm nhiều.

Về phần nước uống, người ta phải đào giếng mà uống: nước ít, nhiều khi và nhiều người không đủ dùng. Chất nước cũng không được tốt lắm, duy có một cái giếng ở Bản Chế là nước tốt hơn hết thì dành riêng cho các viên chức Tây, Nam dùng, còn thừa mới tới tù. Còn các giếng khác, nếu đem so sánh thì cũng có hơn kém khác nhau, song chỉ hơn nhau "gọi là" thôi. Có mấy cái giếng tệ quá, tắm vào phát ngứa khắp mình. Ở đây, nhiều người sáng dậy kiêng không dám rửa mặt ngay, sợ bị mờ mắt. Mấy nơi ở châu thành hay ở gần bãi biển không kể, còn mấy Sở ở gần mé núi, nhiều người bị ngã nước, nhưng không nặng lắm.

Thổ sản

Thổ sản Côn Lôn gồm có những thứ ở trên rừng, dưới đất và dưới bể, nhưng vì số sản xuất không nhiều nên chỉ để cung cấp cho dân Côn Lôn. Chỉ trừ một vài thứ như đồi mồi, yến sào và dừa khô thì số thu được bao nhiêu phải nộp về trong đất và phải tính vào ngân quỹ của Chính phủ trong đất. Đồi mồi là một món sản vật quý nhất ở đây. Mấy bãi bể thường có đồi mồi lên đẻ trứng, người ta phải canh gác luôn để rình bắt lấy, có đặt ra một sở làm đồi mồi do những người tù thiện nghệ làm, nhận lĩnh hết thảy những kiểu hàng do những khách ở trong đất hay những viên chức ở đây đặt làm. Đôi khi cũng có bán vảy vào trong đất nữa. Những số đồi mồi phát ra và thu vào đều do một Hội đồng giám định cân rõ từng cân từng lạng.

Chẳng nói gì những người có dúng tay vào đấy, nếu ăn lậu một mảy may nào thì sẽ bị trừng phạt rất nặng, ngay đến cả một viên Chủ đảo chỉ vì việc đồi mồi mà bị kiện, rồi bị giáng chức ngay. Vì vậy những viên chức ở đấy nếu có chuyện gì bất bình mà muốn đạp đổ nhau thì người ta thường chú ý đến việc đồi mồi hơn hết. Những viên chức hay những người thường mỗi khi bước chân xuống tàu ra khỏi đảo đều bị khám xét hành lý rất kỹ, mà chỗ chú ý xét coi có mang theo đồi mồi lậu không? Nếu có những đồ bằng đồi mồi thì phải có giấy tờ cẩn thận mới được mang theo. Kế đồi mồi đến yến sào. Ở Côn Lôn, Hòn Tre và Hòn Cau có mấy cái hang, cứ mỗi năm tới kỳ thì đàn yến không biết từ phương nào bay lại làm tổ. Người ta thường lấy ba lượt, mỗi lượt cách nhau độ một tháng, kết quả mỗi

năm được nhiều ít không chừng. Lấy tổ yến khó nhọc và nguy hiểm lắm: mỗi năm tới mùa yến về, một viên đội chuyên trách việc lấy tổ yến dẫn lính và tù xuống thuyền tìm tới những hang yến ở. Yến thường làm tổ ở những hang rất sâu và cheo leo ra ngoài bể: một người tù bị buộc dây ở trên ròng xuống, miệng ngậm đèn để trông cho rõ, rồi hai tay đu đi đu lại ở trong hang để cậy lấy những tổ yến dính vào vách đá, bỏ vào cái giỏ đeo trước ngực. Khi làm xong việc rồi, mới động dây làm hiệu cho người ở trên kéo lên. Tổ yến mới lấy về tựa như cái hoa hồng, người ta còn phải chế hóa nhiều mới ăn được, nếu ăn ngay, bị lông của con yến dính vào thì bị bệnh ho lao. Câu chuyện đó không biết có hay không, hay người ta nói vậy để đề phòng những chú tù vì ham đồ bổ mà ăn vụng ngay ở dưới hang chăng. Những tổ yến lấy ở các hang về, đoàn đi yến về phải làm biên bản cẩn thận rồi đệ nộp.

Ngoài vài thứ đặc biệt ấy ra, còn thì là những sản vật thông thường mà chúng ta đã thấy ở trong đất. Rừng Côn Lôn không nghe nói có gỗ gì quý, chỉ có một ít gỗ thường để làm nhà, đóng đồ và làm củi; sản vật ở bể Côn Lôn thì cũng như sản vật ở các phần bể khác. Người ta còn lấy san hô ở dưới bể lên để nung vôi. Và nước mắm, nấu muối. Còn ở trên đất thì người ta lập ra những Sở để nuôi trâu, bò, dê, lợn, chim; và những vườn để trồng các thứ hoa quả, rau khoai, như: dừa, chuối, cau, mít, mãng cầu, dứa, chanh, hồ tiêu, khoai, ngô, sắn và các thứ rau. Trong các thứ rau có một thứ gọi là rau tầm ngây, nghe nói sản xuất từ Ấn Độ, nó giống như rau ngót và dùng để nấu canh ăn rất ngọt, có nhiều người ở Côn Lôn về đã lấy giống để đem về đất liền trồng.

...

Nghĩa địa tội

Xế trước cửa nhà thương Cùi là Nghĩa địa Tội (tù), mời các bạn đọc hãy ghé qua đó một chút, vì không xa xôi gì. Một người bạn tôi bị bệnh ho lao, hiện nay đương nằm chờ chết tại Sở nhà thương Cùi, viết thư cho vợ: "... tôi chỉ còn nằm cách nghĩa địa độ vài trăm thước...". Những anh bạn tù – tù dài hạn – của tôi thường hẹn nhau đi ứng mộ vào Sở mỏ Phốt phát (phosphate), [1] tức là chỗ này.

Ở Côn Lôn cả thảy có 3 nghĩa địa là: Nghĩa địa Tây, Nghĩa địa

1. Ý nói xương người chết.

Mã tà và Nghĩa địa Tội. Cái mà làm cho chúng ta chú ý nhất là cái thứ 3. Còn nhớ trước cái ngày tôi xuống tàu về đất, có làm đơn xin phép Chủ đảo để đi thăm mộ các bạn đã chết chôn ở nơi đó. Vừa ở nhà thương Cùi thăm người bạn sắp chết trở ra, trong người tôi đã không được bình tĩnh như thường, lại đối diện ngay với một cảnh thương tâm khác.

Từ ngoài đường cái đi vào, hai hàng cây keo đưa tới một cái lều gianh nhỏ, tức là nhà của người coi nghĩa địa. Trong nhà có một bàn thờ, dán một đôi câu đối chữ Nho và một đôi câu đối chữ Nôm. Câu đối không hay nên tôi đã quên mất, và thực sự ra, cũng không muốn nhớ.

Chào ông thủ từ, chúng tôi ra thăm mộ một giải đất gồ ghề chỗ cao, chỗ thấp, mỗi ngôi mộ cắm một cái cọc bằng gỗ, có dính một miếng chì nhỏ bằng lòng bàn tay, khắc số tù của người chết. Thỉnh thoảng mới có một đôi ngôi mộ xếp bằng mấy viên đá ong, đó là những ngôi mộ có bồi đắp cho cao. [1] Hôm ấy, tôi đã biên sẵn những số tù của mấy bạn chết mà tôi định thăm, nhưng ngoài cái mộ anh Hồ Văn Mịch, ở ngay vệ đường; vừa đắp cao; vừa có dựng mộ chí, ai mới bước chân vào nghĩa địa này cũng nhận thấy ngay ra, còn những ngôi khác thì tìm mãi không thấy. Trời mưa phùn, cỏ lên đến ngang ngực, tôi cứ chạy theo từng hàng cọc, vừa chạy vừa ghé mắt nhìn, lấm chỗ: mộ đã bằng, cọc đã mất, người nằm dưới là ai ai đó?... Chạy đến khi nước mưa đã ướt hết quần áo lạnh run cả người, mà vẫn không thấy tông tích những người bạn tôi đâu?... Trời u ám, cảnh thê lương, tôi ngậm ngùi ra về!

...

Chế độ nhà tù

Theo sự hỏi biết, số tù Côn Lôn vào khoảng tháng 10 năm 1934, còn cả thảy là 1.837 người, trong đó gồm có những tù ở có các án khác nhau như sau này:

1. Án cấm cố (détention) [2].

2. Án phát lưu (déportation).

3. Án phóng trục (bannissement).

---

1. Nếu người chết có anh em nào ở Sở ngoài bồi đắp cao thì chớ, bằng không, người ta thường phải thuê người khác bồi đắp cho.

2. Chữ "cấm cố" có lẽ dịch không đúng nhưng đã thành tiếng phổ thông rồi.

4. Án khổ sai (travaux foreés).

5. Án giam (prison).

6. Án lưu (relegation).

7. Án đồ [1] và án đồ bị giam luôn ở trong phòng (réclusion et réclusion cellulaire).

8. Những người chống án về tòa án bên Pháp (cour de cassation).

Trong các án trên đây lại phân biệt ra chính trị phạm và thường sự phạm: những người bị kết án vào những án cấm cố, phát lưu và phóng trục thì toàn là những chính trị phạm, vì những án ấy là án chính trị, ngoài ra lại có một số đông chính trị phạm bị kết án khổ sai và án giam: theo án thì những người này không có gì khác với những người thường sự phạm cũng bị kết vào án ấy, nhưng nguyên nhân của nó vẫn là nguyên nhân chính trị. Người ta nói: những án chính trị nào mà có tính chất kịch liệt hơn như bạo động, án mạng, lưu huyết v.v... thường bị kết vào án khổ sai, còn những án nào có tính chất nhẹ nhàng hơn như biểu tình, làm rối loạn cuộc trị an v.v... thì thường chỉ kết vào án giam. Án khổ sai là án nặng hơn những án chính trị kia, nhưng án giam thì lại nhẹ hơn. Tuy vậy, theo chỗ tôi thấy, thì nhiều chính trị phạm có những trường hợp (cas) rất thường mà cũng bị kết vào án khổ sai, nên không rõ trong đó còn có những nguyên nhân gì khác nữa.

Số chính trị phạm ở Côn Lôn hiện nay, người ta ước cả thảy độ non một nghìn người; còn thì là những thường sự phạm, theo danh từ mới trong nhà tù, người ta quen gọi là tù kinh tế. Các danh từ "tù kinh tế" không biết do đâu đặt ra, là có ý đối với "tù chính trị" mà nói.

Theo chỗ tôi thấy, thì, hai chữ "kinh tế" không bao quát được cả trường hợp khác nhau. Ví dụ: tội nhân bị vào những tội: như ăn cướp, ăn trộm, ăn cắp v.v... thì cắt nghĩa là vì vấn đề kinh tế đã đành; thế nhưng những tội như tức khí đánh nhau, cưỡng gian v.v... thì cắt nghĩa thế nào cho xuôi được là vì vấn đề kinh tế? Tuy vậy cái danh từ ấy đã lưu hành nhiều và phổ thông lắm rồi: từ mấy nơi nhà tù trong đất như: Hỏa Lò, Hà Nội, Sơn La, Khám Lớn, Sài Gòn, cho tới Côn Lôn đều thấy dùng cái danh từ ấy cả.

Theo chế độ nhà tù và sự giam giữ người ta chia những án tù ra

---

1. "Réclusion" cũng có người dịch là "cấm cố". Chữ "đồ" đây theo tự vị Tàu.

từng khu vực (catégorie) riêng, những tù khác án nhau không được ăn chung ở lộn và tiếp xúc với nhau. Nhất là tù chính trị và tù thường càng phải cách biệt nhau; mà ngay đến trong đám tù chính trị nếu khác án thì cũng không được gần nhau, nên nhiều khi đôi bên cách nhau chỉ một bức tường mà đã như ở vào một thế giới riêng. Một người bạn tôi có một lần xin với Xếp Khám cho được gặp mặt người em ruột bị giam ở một nơi gần đó để hỏi thăm việc nhà, vì người em bị bắt sau mà người anh bị bắt trước. Xếp Khám trả lời một cách tự nhiên và đúng luật: "Ở nhà tù không có anh em!..." Vì hoàn cảnh như vậy: nên mỗi khi có dịp gặp nhau là một dịp rất may mắn, một dịp từ trước đã không có và về sau không biết có nữa hay không. Gặp nhau có khi hỏi "chớp chảo" được một đôi câu, có khi chỉ nhìn nhau bằng cặp con mắt chớ không được hỏi nhau bằng miệng; nếu gặp phải lạc dang [1] khó thì cả đến nhìn nhau cũng không được nữa. Vì vậy nên trong những giây phút của chú lạc dang ngoảnh mặt đi hay cúi đầu xuống chính là cơ hội duy nhất cho hai bên được trao đổi ý kiến với nhau bằng cái lắc đầu, cái gật đầu hay đưa tay làm dấu, nếu không có việc gì nữa thì cũng tặng nhau một cái nụ cười. Cái nụ cười ở trong nhà tù nhiều khi rất có ý nghĩa: trong đầu óc chứa muôn vàn những nỗi đau đớn cùng muôn vàn những điều căm tức do một cuộc thất bại gây nên, gặp nhau muốn ôm nhau mà khóc, nhưng lại thay cho trận khóc bằng một nụ cười. Người nhận cái nụ cười ấy thấy như bị một sức điện truyền khắp mình cũng trả lời bằng cái nụ cười khác. Những người ở xã hội ngoài thường được tiếp xúc với nhau một cách dễ dãi, nên trong khi gặp nhau ít gây cho nhau một cái cảm giác sâu xa, chớ những người ở trong nhà tù, năm chừng mười họa nhờ cái kẹt cửa hay cái kẽ vách mà xa nhau có dịp gần nhau, thì cái giờ khắc ấy không thể lấy tiền bạc mà đánh giá được. Lắm lúc gặp nhau ở tận xa xa, chỉ được trông thoáng nhau coi vóc người gầy hay béo, sắc mặt buồn hay vui để đoán sức khỏe cùng tinh thần của nhau; lắm lúc mình trông thấy bạn mà bạn không trông thấy mình, cũng cứ việc nhìn cho tới khi không còn tăm dạng.

Ấy vì cái cảnh "gang tấc quan san" như vậy, vì sự gặp gỡ quý hóa như vậy, nên chúng ta thấy có nhiều người chỉ vì muốn đưa cho nhau một bức thơ, hay nói cùng nhau một câu chuyện mà đều bị những sự hình phạt hay gặp những điều nguy hiểm cũng không từ!

---

1. Lạc dang: Người gác, phiên âm tiếng Pháp "gardien".

Theo chế độ nhà tù về sự ăn mặc và râu tóc thì ngoài một vài trường hợp đặc biệt, hết thảy mọi người đều giống nhau.

Sự ăn uống – trừ mỗi năm hai kỳ: ngày Tết An Nam và ngày Hội kỷ niệm 14 tháng 7 Tây, là được ăn mỗi kỳ vài ngày bằng thịt bò hay thịt lợn ra, còn món đồ chính hằng ngày là cơm lứt và cá khô do người lĩnh trưng [1] đem từ trong đất ra; về đồ uống thì uống bằng nước lã. Duy tại banh mới từ khi bọn tù chính trị ra làm bếp, họ để dành cơm khô cùng bớt gạo của mình ăn đi để nấu nước uống, nên vẫn uống nước gạo.

Sự mặc – theo thường lệ mỗi năm hai lần vào ngày Tết An Nam và ngày Hội kỷ niệm 14 tháng 7 Tây, người ta phát cho mỗi người tù một bộ quần áo bằng vải xanh và một chiếc chiếu. Áo mặc phải chui đầu vào, chỉ có một cái cúc vải và một cái khuy cài ở cổ. Áo rộng quần dài, một người An Nam cao lớn mặc cũng vẫn còn xúng xính. Lại thợ may may quần áo chỉ khâu lược một lượt, vừa mới mặc đã sổ chỉ, vì vậy sau khi lĩnh quần áo, người ta thường phải cắt lại và khâu lại để mặc. Ngoài màu áo xanh là màu tù ra, người ta có thể mặc những màu khác, nhưng phải là để cụt để mặc áo vào trong hay mặc ở trong phòng, chớ hễ bước chân ra ngoài là phải mang sắc phục tù. Duy những người làm ở các phòng giấy cùng những bồi bếp ở ngoài mới được mặc đồ trắng.

Còn về râu tóc, thì theo lệ những tù đã thành án rồi không được phép để râu tóc dài: những tù bị nhốt trong banh, mỗi tháng phải cạo đầu một lần; còn những tù ở các Sở ngoài thì có thể cúp ngắn. Có một đôi người để búi tóc, trước khi mãn hạn tù độ một năm, họ thường làm đơn xin để tóc, nuôi cho tóc dài thêm.

Chế độ nhà thương

Theo chế độ nhà tù, về sự điều trị những tật bịnh, thì ở banh mới và banh cũ, mỗi sáng sớm đều có người đi biên số những người xin đi khai bệnh để ghi vào sổ của thầy thuốc ngày hôm ấy. Đến sáng, viên Y phó – nếu hôm nào viên Y phó mắc việc gì thì viên y khoa Bác sĩ đi thay – cùng một người Y sĩ, vài người tù làm ở nhà thương mang thuốc vào trong banh. Tại banh cũ không có phòng riêng, nên chỗ cho thầy thuốc ở ngay hàng hiên, còn banh mới thì tại một căn phòng ở trước cửa. Đến giờ những người khai bệnh ở trong

1. Lĩnh trưng: Người thầu.

mỗi khám được gọi ra ngồi trực ở trước cửa phòng thuốc, lần lượt hết khám này đến khám khác, ai nấy đợi đến khi gọi đến số của mình mới được vào. Đứng trước mặt thầy thuốc, người bệnh thường phải cởi áo ở trần từ lúc đi vào. Việc cởi trần này, trước tôi cứ tưởng là người bệnh cần phải cởi trần để tiện khi thầy thuốc nghe bệnh, sau hỏi ra mới có người thuật chuyện cho biết rằng: trước kia có một viên thầy thuốc thường đối đãi với những người bệnh một cách thậm tệ, ví dụ như người có bệnh nặng mà thầy thuốc cũng không cho thuốc và lại phạt phải ở hầm, hay có khi đấm đá người bệnh, nên nhiều người căm tức, một hôm có người bệnh thủ ngầm khí giới ở trong áo, rồi đợi khi tiến đến khai bệnh ở trước mặt thầy thuốc, liền "tương" cho thầy thuốc một cú báo thù. Sau khi việc ấy xảy ra, thì việc cởi trần đã thành một cái lệ. Tuy vậy, nếu gặp được thầy thuốc dễ dãi, thì có khi cái lệ đó không thi hành.

Người bệnh khai bệnh rồi thầy thuốc xướng những vị thuốc cho người tù giữ thuốc ngồi gần đó phát thuốc. Thuốc viên hay thuốc bột không kể, còn thuốc nước thì mọi thứ bệnh đều cùng uống chung một cái cốc, lần lượt hết người nọ đến người kia, cặn thuốc ứ đọng luôn ở trong cốc, rồi hễ ai uống, lại rót thêm vào. Nếu người nào mà thầy thuốc cho đi nhà thương thì không cần phát thuốc lúc đó, một lát sẽ có mã tà đến phòng gọi số dẫn đi.

Mỗi khi ai khai bệnh gì và phát thuốc gì, thầy thuốc đều biên vào sổ, nếu những người mà thầy thuốc đề là "không ốm" (non malade) hay "gọi là ốm" (consultation motive) thì thường hay bị phạt: hoặc từ 4 ngày hầm trở xuống; hoặc phải nhịn cơm mà uống nước trà[1] hoặc phải đóng xiềng. Hồi tôi ở banh mới, thấy viên Chủ đảo Buviê tìm được một phương pháp rất thần hiệu để hạn chế người ốm lại là: nếu hôm nào số người khai bệnh nhiều quá số đã định, thì hết thảy những "ma lách" [2] trong banh – không kể ốm nặng hay ốm nhẹ hay không ốm – đều phải nhịn cơm: hoặc một bữa hoặc hai bữa; nếu tật chết không chừa, thì có khi phải nhịn tới ba, bốn ngày luôn, vừa ốm bệnh, vừa ốm đói, tự nhiên là phải "cạch" không dám khai bệnh nữa.

...

Báo Đời mới (Sài Gòn)
và Ánh sáng (Huế, 1935).

1. Đây là sự trừng phạt bằng cách gây cồn ruột.
2. Malách: Phiên âm tiếng Pháp "malade", nghĩa là người ốm hay malát.

CHỦ NGHĨA QUỐC GIA ĐƯƠNG ĐẾN NGÀY PHÁ SẢN

(Trả lời bạn Lê Tràng Kiều)

TIỂU DẪN – Dưới đây là bài văn chính luận bút chiến của Trần Huy Liệu – lấy bút danh là Hải Khách – với Lê Tràng Kiều. Tác giả đã đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin vạch ra những "lý luận trái mùa" của những người theo chủ nghĩa quốc gia, khẳng định "con đường quốc gia không dẫn chúng ta đi đến cái đích cuối cùng đang nhằm "là giải quyết vấn đề độc lập" và "các vấn đề của xã hội". Tác giả đã phê phán thái độ hoạt đầu, nêu chủ nghĩa quốc gia để bênh vực cho bọn đế quốc, phát xít của Lê Tràng Kiều.

Bài bút chiến đăng trên báo *Nhành lúa*, năm 1937 làm sáng tỏ một phần thế nào là đấu tranh giai cấp, thế nào là chủ nghĩa cộng sản.

Giữa cuộc tranh luận về quốc gia và quốc tế của ông Lê Tràng Kiều với tôi, trước đây tôi đã gửi hai bài đăng trong *Hà Nội báo*. Nhưng, với một người trong khi không có sẵn cơ quan ngôn luận, mà phải nhờ vào cơ quan của đối phương thì cố nhiên là có nhiều điều không như ý. Trước khi bắt đầu vào cuộc bút chiến, ông Lê Tràng Kiều có hứa với tôi là sẽ đăng hết những bài của tôi cho tới cùng. Nhưng, sau khi đăng hai bài của tôi, và đăng luôn mấy bài của ông, ông đã trái lời hứa hẹn trước, không chịu đăng tiếp theo những bài của tôi trả lời ông, và vội kết thúc lại bằng một cách thiên lệch và dở dang. Dù tôi có yêu cầu ông đăng thêm những bài của tôi gửi đến trước khi ông viết bài kết thúc và có nhiều bạn đồng chí ở phương xa gửi bài đến hưởng ứng với tôi, ông cũng bưng bít đi, không muốn cho ai biết nữa. Trước cái thái độ không được ngay thẳng và mạnh bạo của ông, tôi phải gửi mấy bài mà tôi đã viết và gửi cho ông từ trước đăng vào tờ báo này.

Còn một điều mà tôi cũng cần phải thanh minh ra đây, là: trong cuộc tranh luận, tôi vẫn gọi ông Lê Tràng Kiều bằng bạn, đó chỉ là cái nhã ý của tôi và cũng là cái tình cá nhân giữa ông với tôi. Chữ "bạn" đây chẳng phải có cái ý nghĩa như một người đồng chí. Lại, trong những bài của ông viết có một đôi chỗ không nhã ý với tôi nhưng tôi cũng không cần nhìn vào cá nhân của ông mà chỉ cốt bàn về một vấn đề có quan hệ đến thời cục, thì chỗ bất nhã ấy cũng không làm cho tôi mếch lòng.

H.K.

Sau khi đọc hết mấy bài của bạn trả lời tôi đăng trong ba số *Hà Nội báo*, ra những ngày 5–12, 9–12 và 16–12 vừa rồi, tôi không có cái cảm tưởng như mình đương đứng trước một tay kình địch, vì cái người đứng trước mình đó, trong tay không có một thứ khí giới gì. Thật thế! Suốt cả mấy bài của bạn toàn là những lý luận non nớt cùng những tình cảm không căn cứ. Bạn muốn "đánh" tôi về phương diện tình cảm ư? Vâng, như lời bạn đã nói, tôi là người nhiều tình cảm thật. Hơn mười năm về trước, tôi đã từng say sưa và hăm hở khi đọc những áng văn cổ động quốc gia của Lương Khải Siêu, đã từng tuôn những giọt nước mắt trong khi xem đám rước kỷ niệm Dân quốc của người Tàu. Ấy chưa kể những tác phẩm trước kia mà bây giờ đã mâu thuẫn hẳn với cái quan điểm của tôi ngày nay. Tuy vậy, bên cái tư tưởng quyền lợi của giai cấp, tôi không phải đã ráo hết cả tình cảm hay đã tự dối mình. Có một điều là cái tình cảm của tôi trước kia chỉ ở trong phạm vi một dân tộc, một quốc gia thì bây giờ lan rộng ra cả những người bị áp bức và bị bóc lột như tôi. Không cần phân biệt quốc gia nào hay chủng tộc nào. Mà, trong số người bị bóc lột và áp bức đây, ai cũng biết rằng đại đa số dân tộc Việt Nam có ở đó.

Thôi nhưng, chúng ta hãy gác những chuyện tình cảm lại, vì nó không phải là cái lợi khí trong cuộc tranh đấu về lý luận. Khổ nữa, ngoài mấy câu tình cảm ra, bạn lại không có một cái lý luận chắc chắn gì. Thế rồi, muốn che cái chỗ yếu của mình và muốn đánh lừa bạn đọc, bạn lại làm như người "sợ" lý luận. Một người đứng ra tranh luận mà sợ lý luận đã là một chuyện buồn cười; lại nếu có một chỗ không thành thực trong cuộc tranh luận thì thật là đáng tiếc. Bạn bảo tôi đã từ chỗ thực tế rơi vào lý thuyết ư? Bạn không biết rằng: Trừ những lý thuyết của phái duy tâm huyền bí, không căn cứ vào thực tế không kể, còn lý thuyết của một chủ nghĩa, nhất là cái chủ nghĩa mưu phá hoại [1] và kiến thiết cả một xã hội thì, từ căn bản của đạo lý cho tới những nguyên tắc và phương pháp đều do những điều quan sát, nghiên cứu, kinh nghiệm ở những sự vật thực tế mà ra. Một nhà đại cách mạng kia có nói: "Không lý thuyết cách mạng không có phong trào cách mạng" (sans théorie révolutionnaire, pas de mouvement révolutionnaire). Ông Tôn Văn cũng có câu: "Biết khó làm dễ". Nhưng, theo bạn thì có lẽ không cần lý luận, cứ việc thực hành hay không cần biết, cứ việc làm, tôi muốn hỏi bạn: thực hành

1. Chữ "phá hoại" dùng ở đây với nghĩa là thủ tiêu, đánh đổ, lật đổ

không theo một lý thuyết thì thực hành cái gì? Cũng như làm mà không biết thì làm cái gì? Lý thuyết và thực tế đã không phải riêng lẻ mà rất có quan hệ mật thiết với nhau thì bạn sợ lý thuyết tức là sợ thực tế rồi, còn gì nữa?

Trong khi bạn đương định bỏ chỗ lý thuyết mà ẩn vào chỗ tình cảm, thì một "dịp may" đã xảy tới cho bạn là việc hai người Việt Nam bị bắn ở bên Xiêm, bạn liền "vồ" lấy nó chực dùng làm khí giới hộ thân. Bạn tưởng dùng cái khí giới hộ thân ấy có thể mua được những tình cảm đột nhiên của người trong nước mà bênh vực cho cái thuyết của bạn. Nhưng bạn tưởng như thế là lầm to!

Nói riêng về việc hai người Việt Nam bị bắn ở Xiêm, tôi cũng đầy những mối cảm xúc như nhiều người khác; nhưng mối cảm xúc của tôi là những người Việt Nam ấy đã bị áp bức như đại đa số những người Việt Nam khác: hoặc ở trong nước, hoặc ở ngoài nước. Lại, một điều cần thiết mà tôi phải nhắc với bạn là: trong những người Việt Nam ở Xiêm bấy nay có những người cùng một cảnh ngộ bị áp bức như những người mới bị vừa rồi; nhưng cũng có một đôi kẻ, nhất là cái kẻ đã lừng tiếng bấy nay về việc hãm hại đồng bào, thì đối với kẻ ấy hay những người cùng một loại như kẻ ấy, bạn có thể chỉ nghe hai tiếng "Việt Nam" cũng đã cảm xúc đầy lòng được không? Hỏi đùa vậy thôi, tôi không cần bạn trả lời.

Gác những mẩu chuyện vặt ấy lại, bây giờ chúng ta hãy trở lại câu chuyện chính là câu chuyện quốc gia.

Một bài trước, tôi có dẫn mấy cái yếu tố về huyết thống ngôn ngữ, tôn giáo, phong tục và sinh hoạt của cụ Tôn [1] ra đó chỉ là cốt bác cái thuyết của cụ. Nhưng một chỗ quan hệ nhất là vấn đề kinh tế. Kinh tế tư bản ngày nay đã phá toang cái giới hạn quốc gia và đem nhân loại đến những chỗ gần gũi nhau, thì chẳng nói gì một người chỉ thờ chủ nghĩa quốc gia bằng cái miệng như bạn, mà ngay đến một nhà thuần túy quốc gia chủ nghĩa như Hítle đã dùng đủ mọi cách muốn giữ cho máu giống Nhật Nhĩ Man không pha lẫn với máu nhân loại cũng chỉ là một trò cười. Tuy vậy, chúng ta chưa cần nhắc đến những chuyện "thế giới đại đồng" và "nhân loại đồng hóa" sau này, mà cứ nói ngay bây giờ đây, kinh tế tư bản đã chia những người một nước ra hai hạng bóc lột và bị bóc lột, thì thưa bạn, trong chỗ

1. Cụ Tôn: Tức Tôn Văn.

bóc lột nhau đó, dù về huyết thống, về ngôn ngữ, về tôn giáo, về phong tục họ có giống nhau cả trăm phần trăm chăng nữa cũng chẳng có chút tình quốc gia hay chủng tộc gì với nhau, hay cũng chẳng thể đem mấy món huyết thống ngôn ngữ, tôn giáo, và phong tục đó giữ cho quốc gia khỏi tan nát chia rẽ; chớ chưa nói đến những cái yếu tố quốc gia đó đã ngày một đổ dần.

Phải! Một bài trước, tôi có viết *"cái Tổ quốc Việt Nam theo như người ta nói thì là ở vào địa phận sao "dực" sao "chẩn" tại trên sách trời, câu ấy dịch ở câu sách Nho: "Thiên thư định phận, tinh phân dực, chẩn" mà ra"*. Nhưng khổ nỗi, vì nó huyền bí quá và lờ mờ quá, cho đến nỗi một người có cảm tình quá nhiều với non sông và nòi giống như bạn cũng phải duỗi nó ra, không dám nhận lấy nó, dù nó với bạn chẳng khác gì nhau. Thế rồi, muốn giữ thế thủ riêng về phần mình, ông bạn tôi buộc phải "ẩy" những cái quốc gia mê tín ấy đi, mà bảo chủ nghĩa quốc gia mỗi lúc mỗi khác. Ừ mà tôi cũng để cho ông bạn tự do ly dị với cái quốc gia huyền bí ấy, mà chỉ nói đến cái quốc gia theo thời đại bây giờ (!) của ông bạn. Thì, thưa ông bạn một lần nữa, cái quốc gia huyền bí ngày trước gặp vào lúc loài người còn bị đè nén nhiều và thần quyền nó còn có chỗ đứng được; chớ quốc gia ở vào cái giai đoạn kinh tế ngày nay thì quốc gia lại càng chóng bị tan rã vì những lẽ đã nói trên.

Cầu viện đến những lý luận trái mùa của người xưa, ông bạn họ Lê lại nhớ đến câu: *dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh* của Mạnh Tử mà ông Phan Văn Trường đã nêu trên tờ báo *L'Annam*. Bạn không biết rằng: cái câu của ông Mạnh kia ở vào thời đại quân chủ chuyên chế thì nó là một câu có tính chất cách mạng; nhưng ở vào ngày nay thì nó không hợp thời rồi. Vì, cái chữ "dân" mà ông Mạnh nêu ra đó, cũng như chế độ dân chủ ngày nay nó chỉ là một hạng dân về giai cấp tư bản, có quyền ứng cử và bầu cử, có hoàn cảnh ăn học hơn người; chớ những người nghèo khổ thì không được liệt vào hạng dân ấy đâu! Vả chăng, trên chế độ ngày nay, một chữ "dân" không thể bao gồm được những giai cấp đối lập mà quyền lợi hết sức trái ngược nhau. Mà, nó đã là cái danh từ của bọn tư bản quen dùng để lừa gạt quần chúng. Tôi khẩn khoản xin ông Lê Tràng Kiều đừng đem chữ "dân" ấy ra khoe với chúng tôi và đừng "đánh lận" thợ thuyền và dân quê nữa.

Vả chăng, một cái chứng cớ rõ ràng nó chỉ ra cho chúng ta thấy

rằng con đường quốc gia không thể dẫn chúng ta đi đến được cái đích cuối cùng mà chúng ta đương nhắm là, bạn hãy nhìn sang các nước Âu, Mỹ có tiếng giàu mạnh hiện nay: vấn đề quốc gia của họ đã giải quyết xong rồi đấy; nhưng sự thực đại đa số dân chúng trong nước họ có được hưởng hạnh phúc đâu! Trái lại, người ta chỉ thấy trong nước hiện ra cái cảnh tượng: một số rất ít là bọn tư bản tài chính, tư bản công nghệ và tư bản thương mại chuyên nghề bóc lột người và một số rất đông là công, nông và quần chúng lao khổ bị bóc lột một cách tàn nhẫn. Nếu bạn nhìn thấy chỗ đó, bạn sẽ phải nhận ra rằng: chủ nghĩa quốc gia không thể làm cho những đồng bào của bạn ai nấy đều được hưởng hạnh phúc. Và, một người trong dân tộc hèn yếu chỉ mong cho nước độc lập chưa đủ. Bên cái độc lập của quốc gia, còn phải giải quyết các vấn đề xã hội nữa. Bạn tưởng rằng: "Trong cái tình thế ngày nay, chỉ có chủ nghĩa quốc gia là có lợi cho ta và là con đường duy nhất để người khắp trong nước dễ hợp lại với nhau". Và, bạn muốn rằng: *"Người nước tự mình gây lại một cái tinh thần quốc gia mạnh mẽ, hùng tráng hơn... đủ lực lượng đối phó với thời cục"*. Như thế là bạn đã bỏ quên cái trào lưu thế giới hiện nay và không nhận rõ cái hoàn cảnh xã hội Việt Nam trong lúc này. Vì như trong bài thứ hai của tôi đã nói, xã hội Việt Nam hiện thời dẫu chưa bày ra cái cảnh tượng đối lập một cách gay gắt giữa hai giai cấp tư sản và vô sản như các nước Âu, Mỹ; nhưng chúng ta không thể chối được rằng: trong đám đồng bào của chúng ta đã có một số vừa đẻ ra từ chế độ tư bản và sót lại từ chế độ phong kiến, như bọn địa chủ ở Nam Kỳ sống về nghề thu địa tô của tá điền, một hạng tham quan ô lại ở Trung, Bắc Kỳ sống về nghề hút máu dân đen; cho cả đến một số tư bản mới nảy nòi cũng già tay bóc lột những nhân công và phu phen đủ mọi cách mà họ thường gọi là "đồng bào" của họ. Như vậy mà trong đồng bào họ còn có người "ngây thơ" mong đem tình nghĩa đồng bào ra kể lể với họ để họ cảm động thì thật là buồn cười hết sức!...

Bạn lại tưởng lầm rằng: sự nhận định của những người không chủ trương quốc gia, là: bất kỳ ai có chút tiền hay là có những tư tưởng rộng rãi hay dung túng (?) thì đều bị coi như những kẻ đi bóc lột... Thế là bạn không hiểu nghĩa hai chữ "bóc lột" rồi. Vì, trong chế độ tư bản ngày nay, chỉ những kẻ nào cướp thặng dư giá trị (plus – value) của người khác thì mới bị liệt vào hạng bóc lột, chớ chẳng phải những *ai có chút tiền hay là có những tư tưởng rộng rãi hay dung túng* (?) mà gọi là bóc lột đâu! Phải! *Phú hào vẫn không có tội gì hết*

theo lời bạn nói. Phú hào chỉ có cái tội là bóc lột thặng dư giá trị của người khác, như: chủ xưởng bóc lột thặng dư giá trị của công nhân, địa chủ bóc lột thặng dư giá trị của tá điền. Nhưng theo bạn, bóc lột thặng dư giá trị đâu có phải là một cái tội!...

Tuy vậy, tôi cũng cần nói rõ với ông Lê Tràng Kiều rằng: như lời chúng tôi đã nói, phú hào ở thuộc địa chưa phải như phú hào ở các nước tư bản, vì vẫn còn bị áp bức không nhiều thì ít. Vậy thì trừ khi nào họ đã ra mặt phản động không kể, còn những người nào còn muốn thoát ra khỏi vòng áp bức thì vẫn là người bạn đồng hành của chúng tôi trong lúc này. Bạn cũng đã phải nhận rằng: *"Đám thợ thuyền sở dĩ có những cuộc phản động"* [1] *đáng phục ấy phần nhiều là vì sự cấp bức của hoàn cảnh, vì sự đói khổ đến mức thúc bên lưng"*. Mà chính chúng tôi cũng nhận thế. Vì, chỉ có hoàn cảnh đó, mới có thể xô đẩy người ta tới cái ý muốn, nuôi cho người ta cái tinh thần phấn đấu cuối cùng. Chớ những người không ở hoàn cảnh ấy, mà chỉ có cái ý muốn nhất thời, thì khi gặp hoàn cảnh khó khăn, cái ý muốn ấy sẽ không đủ sức chống nổi mà tiêu tan ngay. Nói cho công bằng, cũng có những người không ở vào hoàn cảnh ấy mà cũng phấn đấu tới cùng, nhưng đó chỉ là một số rất ít. Chúng ta làm việc và xét người bao giờ cũng cần phải đứng về phương diện khách quan và nhìn vào đại đa số. Cái "huyết tính", cái "chí khí", cái "cử động khả dĩ đáng phục", cái "sức mạnh tiềm tàng ở trong người" mà bạn dẫn ra đó không phải là những cái huyền bí do đấng thiêng liêng nào trao cho mà chính do hoàn cảnh tạo nên. Đã vậy, cái lực lượng chính phá hoại [2] một xã hội và cải tạo một xã hội cũng chỉ có thể nhìn vào những người ở vào hoàn cảnh áp bức hơn hết mà thôi. Phải! Cái mà bạn gọi là "cái cớ thiển cận" đó chính là những vấn đề cơm, áo hằng ngày, nó chẳng có gì cao xa hay thiêng liêng theo ý bạn; nhưng nó thiết thực lắm, nó đưa người tới cái mặt trận xoay lưng về nước, chỉ có tiến chớ không có lui. Bạn chê nó là thiển cận, mà chúng tôi cũng chỉ nhìn vào chỗ thiển cận ấy trước hết thôi. Thật thế! Cái bổn phận gì cũng không bằng cái bổn phận cứu giúp mình cùng những người như mình. "Nước mất" nên quyền lợi của mình theo đó mà bị mất đã

---

1. Chữ "phản động" ở đây dùng với nghĩa là: Phản ứng, đấu tranh, nổi dậy dưới các hình thức mít tinh, biểu tình, kiến nghị... đòi quyền lợi cho giai cấp.

2. Chữ "phá hoại" ở đây dùng với nghĩa là: Phản ứng, đấu tranh nổi dậy đòi quyền lợi cho giai cấp.

đành, nhưng nếu nước còn, hơn nữa, nước mạnh mà quyền lợi của mình cũng bị cướp mất. Ví dụ như những người nghèo khổ ở các nước tư bản hiện nay, thì cái "nước" có thể đảm bảo cho họ về sự sống còn được đâu! Bạn nói: *"Chủ nghĩa cộng sản là chỉ phát sinh ở một sự bất bình về kinh tế. Cái chủ nghĩa quốc gia chân chính không những chỉ phát sinh ở một nguồn gốc ấy, mà còn có những nguồn gốc khác thiêng liêng hơn"*. Bạn không chỉ ra những cái nguồn gốc thiêng liêng nào, mà tôi cũng không dám biết đến cái thiêng liêng ấy, vì nó thiêng liêng lắm. Chủ nghĩa quốc gia đó không hề chia rẽ những người trong nước và có thể là cái chủ nghĩa chung của người dân thợ cũng như của kẻ phú hào như lời bạn nói hay không? Sự thật xảy ra ở xung quanh nó đã trả lời cho bạn rồi, chúng tôi không cần phải nói thêm nữa. Cái ví dụ ở trong một bài trước của bạn chỉ nói trống là người phú hào Việt Nam với người thợ Tây Ban Nha, nhưng trong một bài vừa rồi, bạn đã phải nói dè dặt là người phú hào đó không phải là hạng người bóc lột, thế là bạn đã lui một bước rồi đấy!

Có lẽ bạn lại tưởng rằng: theo cái chủ trương giai cấp đấu tranh thì lực lượng quốc gia sẽ tan nát, không đủ sức đối phó với thời cục; nhưng sự thực, cái lực lượng quốc gia ấy cũng chỉ có thể trông vào công, nông và quần chúng lao khổ là những phần tử chính, bị áp bức và bị bóc lột hơn hết nên cần phải tranh đấu để mưu sống còn hơn hết. Lại, đứng trước cái mặt trận liên hiệp của bọn phát xít quốc tế, công, nông và quần chúng lao khổ cũng không thể rời rạc riêng mỗi nước mà cần phải sắp hàng vào một mặt trận chung. Thành Mađơrít mất không đủ làm cho một người như bạn rộn một giấc ngủ trưa; nhưng với người xét rõ tình thế, họ sẽ thấy Mađơrít mất thì Chính phủ Bình dân Tây Ban Nha sẽ bị đổ mà Chính phủ Bình dân Pháp sẽ không khỏi lung lay vì cái sức phản động của bọn phát xít ở trong nước. Rồi, nếu Chính phủ Bình dân phải nhường chỗ cho Chính phủ phát xít thì dân thuộc địa như chúng ta đây sẽ bị vùi dập ở dưới chân sắt của bọn phát xít, lúc đó những người như bạn muốn yên một giấc ngủ trưa trong gian phòng nhà số 57, con đường Doudart de Lagrée cũng không được! Lúc đó những người như bạn sẽ thấy cái chủ nghĩa quốc tế nó chẳng "cao xa" và "rộng quá" đâu! Nó vừa cao vừa rộng mà cũng vừa hợp với bước đường lịch sử, với hoàn cảnh ngày nay nữa.

Trong bài của bạn có một câu này làm cho tôi thất vọng nhất là

"Một quốc gia, theo chúng tôi hiểu, không phải căn cứ ở một sự phân định mơ hồ ở trên trời, mà căn cứ ở sự đấu tranh rõ ràng của những dân tộc và kết quả của sự tranh đấu ấy". Nếu căn cứ vào thuyết của bạn, thì, những đế quốc ngày nay đi chiếm thuộc địa cũng là muốn mở rộng cái quốc gia của mình và những thuộc địa cướp được chính là kết quả của sự tranh đấu ấy. Này tôi nói thật! Trước kia tôi vẫn tưởng chủ nghĩa quốc gia của bạn là chủ nghĩa của một người dân mất nước, một người bị áp bức, thì, cái chủ nghĩa quốc gia ấy đều chưa phải triệt để, nhưng quyết không phải phản động, và những người theo chủ nghĩa quốc gia đó vẫn là bạn đồng hành của chúng tôi trong lúc này. Té ra, cái chủ nghĩa quốc gia của bạn lại không thế, mà nó lại giống chủ nghĩa quốc gia của bọn Mútxôlini và Hítle, như vậy bạn chẳng những là thù của chúng tôi, mà lại là thù cả với những người theo chủ nghĩa quốc gia ở các dân tộc bị áp bức nữa. Nếu thế, tôi tiếc cho một người như bạn sao lại phải "giáng sinh" làm người Việt Nam trong lúc này? Tuy vậy, trong tình bạn bè và trong cảnh bị áp bức, tôi mong rằng đó chỉ là một chỗ nhận lầm của bạn.

Sau hết, bạn nói *"Ta có trăm cách để thờ phụng nước nhà, ta có trăm cái phương tiện để sử dụng, ta có thể có cả một trăm tôn chỉ để theo"*, thì tôi khẩn khoản xin bạn đừng nghĩ thế, đừng nói thế. Vì chúng ta không phải là hạng "hoạt đầu", chúng ta hiện chỉ có một cách, một phương tiện, một tôn chỉ để theo thôi.

1–1937
HẢI KHÁCH

Báo *Nhành lúa*, số 2 và số 3,
ngày 22 và 29–1–1937.

ĐẶNG THAI MAI
(1902 - 1984)

Đặng Thai Mai sinh ngày 25–12–1902 tại xã Lương Điền, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, trong một gia đình trí thức có truyền thống yêu nước, chống đế quốc.

Khi là sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, Đặng Thai Mai tham gia Tân Việt Cách mạng Đảng, Đảng Tân Việt bị địch khủng bố, Đặng Thai Mai bị lộ, địch bắt xử một năm tù án treo. Đến năm 1930, trong cao trào Xô viết – Nghệ Tĩnh, Đặng Thai Mai tham gia phong trào Cứu tế đỏ, lại bị địch bắt tù. Được trả tự do, năm 1932, Đặng Thai Mai ra Hà Nội dạy học.

Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Đặng Thai Mai tham gia các hoạt động công khai dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ, tham gia Ban biên tập các tờ báo cách mạng viết bằng tiếng Pháp xuất bản ở Hà Nội, vừa dịch thuật (như trích dịch tập phóng sự *Ngục Kông Tum* của Lê Văn Hiến) vừa sáng tác một số truyện ngắn và tiểu phẩm đăng trên các báo *Le Travail (Lao động), Rassemblement (Tập hợp), En Avant (Tiến lên), Notre voix (Tiếng nói của chúng ta).*

Năm 1938, Đặng Thai Mai được Đảng đưa ra vận động thành lập Hội truyền bá chữ Quốc ngữ, và là thành viên Ban Quản trị của Hội.

Khi Phan Thanh, thành viên của Mặt trận Dân chủ, đại biểu của khu tuyển cử Hòa Vang – Đại Lộc (tỉnh Quảng Nam) tại Viện Dân biểu Trung Kỳ, từ trần 30–4–1939, Đặng Thai Mai được Đảng giới thiệu ra tranh cử bổ sung vào Viện Dân biểu Trung Kỳ ở khu vực Hòa Vang – Đại Lộc. Kết quả Đặng Thai Mai đã trúng cử.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đặng Thai Mai viết sách, báo xuất bản hợp pháp theo quan điểm tiến bộ. *Văn học khái luận* là một tác phẩm đầu tiên được trình bày một cách có hệ thống về lý luận văn học theo quan điểm Mác – Lênin ở nước ta. Đặng Thai Mai có công đầu giới thiệu và dịch thuật những tác phẩm văn học tiến bộ và cách mạng Trung Quốc từ cuộc vận động Ngũ Tứ trở đi, nhất là những tác phẩm của nhà đại văn hào Lỗ Tấn.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đặng Thai Mai vừa tham gia hoạt động chính trị vừa tham gia hoạt động trên các lĩnh vực văn hóa – văn nghệ và giáo dục: đại biểu Quốc hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục (1946), Chủ tịch

Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh Thanh Hóa (1947 – 1948), Hội trưởng Hội Văn hóa Việt Nam, Viện trưởng Viện Văn học, Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Giáo Sư Đại học Văn khoa, Giám đốc Sở Giáo dục Liên khu IV, Giám đốc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, v.v...

Đặng Thai Mai có nhiều công trình nghiên cứu về văn học có giá trị đã được xuất bản thành sách và đăng trên các tạp chí. Đặng Thai Mai thường ký bút danh là Thiết Hán, Thanh Bình, hoặc có khi không ký tên trên một số bài báo.

Ở phần tuyển sau đây, chúng tôi chỉ chọn những sáng tác của Đặng Thai Mai như thơ và tiểu phẩm, còn những công trình nghiên cứu, phê bình, lý luận về văn học của Đặng Thai Mai xin xem trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 37.

*

* *

MỪNG GẶP BẠN TRONG TÙ

Tặng Lê Thế Tiết [1]

Học hải thập niên phi ngộ ngã,
Trần đồ bán thế, kỷ tri quân. [2]
Có túc duyên xa lắc hóa nên gần,
Chốn linh ngụ mùi chi lan còn bát ngát. [3]
Thời nhân bất thức dư tâm lạc,
Tương vĩ du nhân học thiếu niên. [4]
Tam thích tình cùng thơ thánh, cờ tiên,
Bầu kinh tế hẳn còn phen thi thố.
Kìa đại chúng nổi chìm trên bể khổ.
Đời còn ta, ta há lẽ quên đời!
Quản chi thác ngược, ghềnh xuôi,
Mài gan mà chọi với trời một phen.

---

1. Lê Thế Tiết là một chiến sĩ cách mạng hoạt động trong phong trào Nghệ – Tĩnh, mặc áo tu hành, nhưng thực ra làm liên lạc cho cách mạng, trong tù anh em gọi là thầy tu.

2. Dịch nghĩa: Mười năm học không làm cho tôi lầm. Trên đường đời nửa kiếp người đã mấy ai hiểu anh đâu.

3. Linh ngụ: Lao tù.
Chi lan: Tình bạn.

4. Dịch nghĩa: Người đời không biết rằng ở đây mà lòng tôi vẫn vui. Họ bảo nhau rằng học đòi bọn thiếu niên, tìm thú nhàn cho qua ngày tháng.

Bước đường đời chi quản nỗi truân chiên,
Sẽ xí xóa hồi đen trong vận đỏ.
Ngày đắc ý là ngày tái ngộ,
Chữ tương kỳ ai có nhớ chăng ai?
Nên ra trời cũng chiều người.

Thơ ca cách mạng (1925 – 1945).
Nxb, Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

*
* *

TỪ BIỆT BẠN

Trần đồ phân Nam Bắc, [1]
Liếc phong quang chạnh tiếc lúc tao phùng.
Trước sông Hương gió cuốn bụi hồng,
Đường dặm liễu chân trời trông xanh ngắt.
Thử địa, thử nhân, tùng thử xuất [2],
Não cung đàn nghe réo rắt giọng hoài nhân.
Thôi can chi mà chuốc não cưu hờn,
Cười một tiếng nhấp ngon liều biệt hận. [3]
Mảnh thân thế hẹn tang bồng nợ sẵn,
Mượn vần thơ mà nhắn bạn tâm giao.
Tình sâu, bể rộng, non cao,
Yêu nhau hiểu thấu lòng nhau mới là.
Tiễn đưa một chén quan hà!

Lao Huế, 1930.

Thơ ca cách mạng (1925 – 1945).
Nxb, Khoa học xã hội,
Hà Nội, 1973.

---

1. Dịch nghĩa: Đường đời rẽ nẻo Nam Bắc.
2. Dịch nghĩa: Chỗ này, người này, từ đây đi ra.
3. Biệt hận: Biệt ly hận.

NHỮNG MŨI TÊN NHỎ

TIỂU DẪN – Trên báo *Tiếng nói chúng ta (Notre voix)* có mục *Những mũi tên nhỏ (Flèchetes)*, gồm 15 bài, đó là những tiểu phẩm nhằm mỉa mai, phê phán, đả kích bọn thực dân cai trị và tay sai của chúng về những hành động lố lăng, ngang ngược.

Đặng Thai Mai viết hai bài trong mục này:

– *Những từ làm người ta sợ hãi.*

– *Người ta chỉ khen những người có tiếng sẵn.*

Bài thứ nhất, mượn câu chuyện người phụ nữ Việt Nam xưa kia mê tín sợ những từ đẹp mà người ta khen con mình sẽ làm nổi lòng ghen tỵ của ma quỷ, tác giả dẫn đến câu chuyện bọn mật thám Pháp đương thời sợ hãi những từ đẹp đẽ như Tự do – Bình đẳng – Bác ái; Tự do, Cơm áo, Hòa bình, chẳng khác nào người phụ nữ mê tín kia. Thực chất sự sợ hãi của bọn thực dân kia là sợ công lý, chính nghĩa, dân chủ mà quần chúng đấu tranh đòi thực hiện trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Bài thứ hai, mượn câu tục ngữ Pháp làm đầu đề (On ne prête qu'aux riches),tác giả vạch ra rằng việc Chính phủ Pháp, năm 1939 tổ chức chuyến đi sang Pháp dự lễ kỷ niệm cuộc cách mạng tư sản 14–7 cho tên Phạm Lê Bổng, một phần tử bảo hoàng, tay sai đắc lực của chúng, là một việc làm mỉa mai: cho một tên bảo hoàng đi dự lễ kỷ niệm ngày lật đổ ngai vàng. Trong lúc này Phạm Lê Bổng lại đang thực hiện âm mưu đưa Bắc Kỳ trở lại chế độ cai trị đứng đầu là một Phó vương theo Hiệp ước 1884, và chức vụ đó giao cho Phạm Quỳnh nắm, để thực hiện chính sách cực kỳ phản động của đế quốc Pháp đối với nhân dân ta.

NHỮNG TỪ LÀM NGƯỜI TA SỢ HÃI

Từ ngữ có sức mạnh của chúng tôi, đôi khi tai hại. Đúng thế đấy!

Các bạn đừng cười. Đây là một vấn đề chưa được làm sáng tỏ.

Khi vào một số gia đình An Nam nào đó, bạn phải cẩn thận: chớ có khen đứa bé trong nhà bằng những tính từ: to, béo, xinh đẹp, hồng hào..., tóm lại, tất cả những từ ngữ gì quá đẹp.

Là vì rằng, bạn cần biết điều này: những cái gì quý thường khó giữ.

Là vì rằng, những từ ngữ quá đẹp làm nổi lòng ghen tỵ của ma quỷ. Và biết đâu đấy?...

Và, để khu trừ ảnh hưởng tai hại của những lời khen của bạn, bà chủ nhà sẽ khẽ nói, đôi khi nói thật to:

"Bỏ tro, đổ muối vào mồm ấy!"

Tro và muối! Đây là một công thức mà các nhà hóa học của chúng ta sẽ chế giễu phản ứng siêu hình của nó.

Tuy nhiên, có cười cũng chẳng giải thích được gì hết, nhất lại là "lôgích của một ảnh hưởng ác hại".

Về phần tôi, tôi ca ngợi sự hiểu biết rộng của một số các nhà cai trị của chúng ta.

Thí dụ, cũng theo tinh thần siêu hình ấy, tại Hội chợ Phaiphô [1] vừa qua, Sở Mật thám đã tịch thu tất cả các khăn tay ở "Quầy bán các đặc sản".

Tất cả các khăn tay ư? – Vâng, và tất cả các áo trẻ em có thêu những chữ "Bình đẳng – Tự do – Bác ái".

Thậm chí người ta còn bắt người thanh niên trông coi quầy hàng đó nữa.

Vậy thì, thưa các bạn độc giả, các bạn đã hiểu: phải cẩn thận đề phòng ảnh hưởng tác hại của từ ngữ viết hoa!

Vậy thì các bạn đã hiểu tại sao lại phải kết án những người đòi Hòa bình, Cơm áo và Tự do!

Ôi! Những danh từ, những ngôn ngữ gì vậy! Thật là khủng khiếp, khủng khiếp, khủng khiếp!

Thì tôi đã bảo mà, từ ngữ có sức mạnh của chúng!

Thí dụ nữa và chuyện này còn nực cười hơn: Ở Vinh, gần đây các thợ thủ công An Nam nảy ra ý định thành lập một hợp tác xã sản xuất.

Họ đã đến xin phép ông Công sứ. Ông Công sứ bảo: "Hay lắm! Các người cứ tin ở ta!".

Nhiều tuần lễ trôi qua. Các bà tiểu thương lo cho sức khỏe của hợp tác xã lại đến gõ cửa phòng làm việc của ông Công sứ.

Quan Công sứ lại mở tập hồ sơ đầy bụi bặm ra, khẽ thổi rồi trợn mắt:

1. Phaiphô (Falfoo): Tiếng Việt là Hội An, thuộc tỉnh – Đà Nẵng ngày nay.

– Trời đất, quỷ thần! Hợp tác xã! Hợp tác xã! Chà, thế này thì quá lắm! Tên quái gì lại tên thế này!

– Nhưng thưa quan Công sứ, tiếng Pháp dịch ra đúng tiếng An Nam...

– Phải, ta biết! Nhưng bộ ở Huế lại không nghe kia! Vậy ta có một lời khuyên thân mật thế này nhé: nếu muốn cho hợp tác xã của các người ra đời được thì chớ có gọi nó là hợp tác xã.

Thế rồi... Có thế thôi!

Nhưng không phải chỉ có thế thôi!

Vì rằng trong khi ở Huế người ta sợ danh từ đó thì Chính phủ Đông Dương, hay nói cho đúng hơn, Ban Giám đốc Ngân hàng Nông phố từ nhiều tháng nay đã cho xuất bản một tờ báo định kỳ mang tên đúng là *Hợp tác xã thông báo*.

Vậy là thế nào? Thật không sao hiểu nổi!

"Bạn không hiểu gì à? Buồn thật đấy!

Đêm nay tôi muốn ngủ với Giáo Hoàng!" [1]

6–1939

Báo *Tiếng nói của chúng ta (Notre voix)*
số 22, ngày 13–6–1930.
Ngô Vĩnh Viễn *dịch*

1. Đây là câu cuối cùng của bản Tuyên ngôn trường phái Đa đa. Ý nói vấn đề nêu ra thật khó hiểu.

NGƯỜI TA CHỈ KHEN NHỮNG NGƯỜI CÓ TIẾNG SẴN

Thế là cái nhà ông Phạm Lê Bổng đó sẽ đi xa!

Ông ta sẽ đi Pháp, mừng kỷ niệm lần thứ 150 ngày đánh chiếm ngục Batstiơ.

Số mệnh mỉa mai an bài mới khéo làm sao!

Tuy nhiên, vẫn có một điều đáng lo ngại: ông Bổng phân vân không biết cái phì nộn trưởng giả của ông ta liệu có chống lại nổi những cấu véo của thời tiết không thuận và những vất vả của chuyến đi không. Nhưng Chính phủ Đông Dương đã chú ý. Và sẽ gửi cái khối thịt đó bằng con đường hàng không! Đúng là một gói hàng được gửi đi một cách vương giả.

Là vì rằng Chính phủ của chúng ta đã cố ý có một cử chỉ không lấy tiền đối với ông Bổng, tuy là tốn kém cho ngân sách.

Có thế thôi!

Và khuôn mặt ông Bổng rạng rỡ vì hài lòng, sáng lên một niềm thú vị. *Thú vị* theo kiểu Oattô! Bạn có biết bộ mặt của Gilơ [1] ở bảo tàng Lơ Luvơrơ không?

Trong khi chờ đợi, ông Bổng là người nổi tiếng lúc này! Và chuyến đi của ông là đề tài của báo chí địa phương, kích động tinh thần của châm biếm, dấy lên sự chế nhạo của người dân Hà Nội.

Có người nói: Kể ra lựa chọn như thế cũng thật là kỳ. Vì mặc dầu ông Bổng nặng cân, ông ta cũng không có lấy một ly một lai thông minh, vậy thì sao?

Một người khác nói thêm: Chắc chắn là ông Bổng đã đọc cuốn lịch *Lịch sử nước Pháp* của ông ta. Chắc chắn ông ta không biết ngày 14 tháng 7 là một ngày cách mạng, chứ nếu biết thì ông ta đã không đi! Nghe nói thế, một họa sĩ châm biếm đã gán cho ông Bổng những lời nói sau đây:

"Cách mạng à? Không biết! Ta chỉ muốn noi gương Đức Hoàng thượng của ta, có thế thôi!"

---

1. Oattô (Watteau): Là một họa sĩ nổi tiếng ở đầu thế kỷ XVIII, tác giả bức tranh Gilơ (Gilles).

Một chú bé tinh quái, một hôm đi qua cửa nhà ông bán pháo đó, đã lấy bàn tay làm loa mà kêu to lên rằng:

"Này, sang Pari liệu mỡ có chảy ra không thế? Dạo này trời nóng lắm đấy!"

Một bạn đồng nghiệp của chúng tôi nghe nói là ông Bổng sẽ tìm cách xây dựng ở Pháp một chức Phó Vương nhỏ tại Bắc Kỳ cho ông chủ cận thị [1] của ông ta!

Cái đó cũng đúng! Vì những cái đầu ngu ngốc nhất thường lại không phải là nghèo tham vọng nhất.

Có người còn rỉ tai tôi:

"Chính phủ quả không còn cách nào hay hơn để bôi nhọ cách mạng. Chính phủ làm như thế là để bảo cho dân chúng Bắc Kỳ biết rằng: cách mạng không còn cách mạng nữa. Hãy xem đấy, ông Bổng đi kia mà!..."

Cả hai ý kiến này đều chẳng hay gì đối với ông Bổng: một con rối thì bao giờ cũng vẫn là con rối.

Nhưng trong đám bảo hoàng thì quả là hoang mang, trong cuộc họp gần đây, người ta đã lo lắng về chuyến đi này, mà lo lắng là đúng.

Lo lắng cho tính mệnh ông Bổng ư? Không phải. Người ta bảo:

"Ôi, nếu như Phạm Lê Bổng khi trở về với chúng ta, lại trở thành cộng hòa, dân chủ, hạ lưu hóa, đỏ lòm đến tận xương tủy thì thật là xấu hổ! Thật là xấu hổ nếu như ông Bổng đáng thương không đi đốt một nén hương dưới váy của Mari Angtoannét mà lại đi biểu tình ở đại lộ Misen hay tại trường đua xe đạp Mùa Đông, hay ở Quảng trường Ngôi Sao, thậm chí cả ở Quảng trường Quốc Gia, Quảng trường Batstiơ, với công nhân khu ngoại ô Thánh Angtoannơ".

"Ôi, thật là xấu hổ!..."

Bạn đọc thân mến, xin các bạn đừng hỏi tôi tại sao lúc này cái mặt bột ấy lại tiếng tăm lừng lẫy như vậy.

Người ta chỉ khen những người có tiếng sẵn.

6-1939

Báo *Tiếng nói của chúng ta (Notre voix)*
số 23, ngày 26-6-1939.
Ngô Vĩnh Viễn *dịch*

---

1. Ông chủ cận thị: Chỉ Phạm Quỳnh.

NHỮNG CHUYỆN CÓ THẬT CỦA CHÚNG TA

TIỂU DẪN – Trên báo *Tiếng nói của chúng ta (Notre voix)* có mục *Những chuyện có thật của chúng ta (Nos contes véridiques)* trong đó có bốn truyện ngắn do Đặng Thai Mai viết:

– *Đời xưa có một đứa bé.*

– *Cô câm đã nói.*

– *Vượt qua lễ nghĩa cổ truyền.*

– *Số mệnh đối lập hay là tất cả mọi người đi biểu tình.*

Bằng một văn phong điêu luyện, tác giả sử dụng ngôn ngữ văn học cổ điển Pháp để kể những câu chuyện có thật về những người cách mạng bình thường thông minh, dũng cảm, sẵn sàng hy sinh tính mệnh vì lý tưởng cao cả em bé cũng như phụ nữ và nam giới, nêu những tấm gương sáng chói cho tất cả chúng ta học tập, noi theo, trong đấu tranh một còn một mất với kẻ thù.

ĐỜI XƯA CÓ MỘT ĐỨA BÉ

Trời về chiều. Trên con đường lớn số 7 của địa phương, ô tô của ngài Công sứ phóng vù vù trở về tỉnh lỵ. Ngài Công sứ vừa đi thanh tra về, có ông Lơ Pơtít (Le Petit), chỉ huy lính khố xanh tháp tùng, trong dịp này ông Lơ Pơtít làm sĩ quan hầu cận cho ngài Công sứ. Tình hình đang lúc nghiêm trọng. Đã nhiều tuần nay, xảy ra hết cuộc biểu tình này đến cuộc biểu tình khác. Ngày nào cũng có báo cáo mật, điện mật mã, hành quân, tuần tra, khám xét, bắt bớ, hỏi cung, xử án... Vừa sáng nay thôi, tại thị trấn nhỏ T.T., lực lượng Nhà nước đã phải dẹp một đám đông khoảng chừng năm trăm người biểu tình. Người ta đã phải nổ súng vào đám đông, bắn chết bảy, tám thằng nông dân khốn nạn. Nhưng "cái đó không đáng kể gì!"

Bỗng xe chạy chậm lại. Thức giấc vì cảm giác bất thường đó, ngài Công sứ nhìn người lái xe, người lái xe cũng nhìn ngài Công sứ, hai tay, vẫn để trên tay lái. Theo bản năng, viên giám binh Lơ Pơtít vội đặt bàn tay lên khẩu súng ngắn, nhưng rồi lại bỏ tay ra ngay. Người ta trông thấy ở chỗ chắn đường xe lửa đầu tiên, đằng xa kia,

có một đứa bé đang đứng quay mặt về phía ô tô, giơ nón lên vẫy vẫy, ra hiệu cho xe dừng lại. Người lái xe lại nhìn ngài Công sứ và ngài Công sứ, rõ ràng là bực dọc, dằn giọng:

– Thằng bé kia nó muốn gì vậy?

Nhưng rồi ngài lại trả lời ngay:

– Ông Lơ Pơtít, có vẻ không có nguy hiểm gì lớn, ta có thể dừng lại xem sao! Ngài Công sứ chợt nhận ra là mình vừa chơi chữ, [1] và tiếc là mình đã không kịp mỉm cười.

Theo viên chỉ huy lính khố xanh ra hiệu, người lái xe đổ xe lại và đứa bé thở hổn hển chạy lại với ba người mặc chế phục ngồi trên xe.

Cần phải nói với các bạn rằng, thời buổi rối ren này, sự có mặt của một con người, dù là bé tý, cũng là khác thường ở nơi đây. Từ nhiều tháng nay, con đường đẹp đẽ đi Xa Nam đã trở thành vắng vẻ. Từ nhiều tháng nay, không còn vang tiếng xe cút kít, chiều chiều trở về từng đoàn dài dằng dặc, chở đầy chè xanh, lúa chín, tràn ngập sự sung túc và niềm vui. Câu hò, tiếng hát, những lời trêu chọc lẳng lơ đã im bặt trên đồng ruộng, trên sông nước, từ nhiều tháng nay và trong bóng tối chập chờn của các cây đa ven đường, không còn vang lên tiếng cười giòn giã của những cô gái nông dân nước da bánh mật, chân thô, mặc áo nâu, nhưng lại cố ý vá một mảnh vải trắng ở vai. Cuộc sống của cả một vùng đã rút khỏi bề mặt bên ngoài để rung động trong yên lặng của đêm tối, sục sôi ngầm trong các tổ chức của nhân dân. Cách mạng là một vụ động đất mà những rung chuyển bề mặt được quyết định bởi sự vận động liên tục của các tầng lớp xã hội cơ sở.

*

– Alô! Alô! Dinh Công sứ đấy phải không? Đây là Sở Mật thám. Kính chào ngài Công sứ. Chúng tôi sắp đưa sang trình ngài một "quý khách nhỏ bé". Thưa ngài Công sứ, đây là một đứa bé mười lăm tuổi mà nhân viên của tôi đã tóm được ở góc phố Thống chế Phốch (Foch) giữa lúc nó đang định dán truyền đơn Cộng sản ngay trên lưng một viên cảnh sát. Ghê gớm thật! Ghê gớm thật! Cứ như là toàn dân của cái tỉnh chết tiệt này khi còn bú sữa mẹ đã bú luôn hơi thở của cách mạng ấy!

---

1. Vid Lơ Pơtít (Le Petít) có nghĩa là *nhỏ*, đối chọi với nguy hiểm *lớn*.

Ngài Công sứ đặt ống nghe xuống, sau khi buông một tiếng "tốt" không lấy gì làm phấn khởi cho lắm. Vừa lúc ấy lại có tiếng gõ cửa, ngài lại buông tiếp luôn lệnh cần thiết: "Vào!".

Một viên cảnh sát mặc quần áo ka ki, số hiệu 78, đứng nghiêm ngay đơ và đưa bàn tay lên tận tai để chào theo kiểu nhà binh, rồi bỏ tay xuống, vẫn như máy, theo hai động tác.

Và viên cảnh sát số 78 hết sức ngạc nhiên, thấy ngài Công sứ đứng dậy, đi thẳng đến chỗ tên tù, ngắm nghía nó từ đầu đến chân. Sự chăm chú của vị đứng đầu tỉnh khiến thằng bé kia lúc này bỗng trở nên quan trọng khác thường và viên cảnh sát, nhận rõ trách nhiệm của mình, đứng sát kề bên nó. Bỗng ngài Công sứ lên tiếng:

– Á à! Á á à à! Chính mày đã xin đi nhờ xe ô tô tao hôm qua đó phải không?

– Đúng, đúng tôi! Đứa bé bình thản trả lời.

Một cái tát "bốp" vang lên trên khuôn mặt đứa bé đã đầy vết tím bầm.

– Thế mà mày, đồ rắn rết nham hiểm, mày lại bảo tao là mày trốn bọn Cộng sản, mày ra tỉnh để tìm việc, mày sợ cảnh sát kiểm soát đường vào tỉnh...

– Đúng, tôi có nói vậy!

– Mày lại còn quả quyết với tao là mày không phải là Cộng sản!

– Đúng thế, tôi cũng có nói như vậy!

– Mày bé thế, mày nói dối mà mày không thấy xấu hổ à?

– Với kẻ thù thì cần phải mưu mẹo.

– Được! Tao sẽ cho đem bắn mày.

– Đó là quyền của ông.

Lại một cái tát nữa giáng xuống má chú bé tội nghiệp, khiến chú loạng choạng, hai chân bị xích. Lập tức viên cảnh sát dựng chú đứng thẳng lại.

– Thế nào, tao hỏi một lần nữa, nếu mày không muốn bị xử bắn, nếu mà không muốn chết, mày hãy nói cho tao biết ai đã đưa cho mày những bó truyền đơn đó để mày đem đi phân phát?

– Các đồng chí đã đưa cho tôi.

– Các đồng chí của mày, tên chúng nó là gì?

– Họ gọi tôi là đồng chí và tôi cũng gọi họ là đồng chí, nhưng chúng tôi không hề biết nhau!

Ngài Công sứ đi đi lại lại trong phòng, châm một điếu thuốc lá nhưng rồi lại vứt điếu thuốc đi ngay. Viên cảnh sát đứng im. Đứa bé nhìn lên hình ảnh biểu tượng nước Cộng hòa Pháp, đồ trang trí đẹp nhất của căn phòng làm việc tối om này. Một phút im lặng trôi qua. Viên Công sứ quay lại:

– Bố mẹ mày đâu? Làm nghề gì? Tên họ là gì?

– Tôi không nhớ có lần nào được trông thấy người mà tôi gọi là bố. Còn mẹ tôi thì đã chết trong vụ ném bom mới rồi.

Và trong mắt chú bé long lanh hai giọt nước mắt. Ngài Công sứ hỏi tiếp:

– Nói đi! Mày có hiểu truyền đơn nói gì không?

– Sao lại không hiểu? Em gái tôi không được đi học bao giờ cũng còn hiểu nữa là.

– Thế em gái mày đâu?

– Đi xa lắm rồi, rất xa, cùng với tất cả làng.

– Được! Tao sẽ cho người bắt nó rồi đem về bắn.

– Ông không bắt được nó đâu. Nó biết cách tự bảo vệ nó. Đảng sẽ bảo vệ nó.

*

Chú bé tội nghiệp đó, bây giờ ra sao rồi? Cho đến nay, người ta không hay biết gì hơn. Khi ấy là thời kỳ những cuộc xét xử không có kháng án, những cuộc hành hình vội vã.

Ở phòng làm việc của ngài Tỉnh trưởng, trước một cái bàn, người ta tuyên án bừa bãi:

Lê Văn X...: hai mươi năm...

Nguyễn Văn L...: mười năm...

Thế là xong! Đi! Vào tù! Ai cũng biết số phận đang chờ mình. "Hỡi những người vào đây, hãy bỏ lại mọi hy vọng ngoài cửa!".

Tôi không bao giờ nhận ra được nguồn gốc của chú bé, tên họ của chú! Mà cũng chẳng phải là cần thiết lắm. Chú sinh ra trong lớp người có tinh thần hy sinh cũng tự nhiên như phong tục của họ, cũng

giản dị như cuộc đời giản dị của họ, có thế thôi. Như người ta thường nói, họ là những người bú sữa mẹ cùng với hơi thở của cách mạng.

Không ai rõ chú bé anh dũng ấy còn sống hay đã chết. Một lần nữa, điều đó cũng không quan trọng! Thậm chí có lẽ cứ như thế lại tốt hơn. Cách mạng không phải là sự nghiệp của một con người. Chú sẽ sống mãi trong cái tên vĩ đại của quần chúng đấu tranh đang nổi dậy. Và nhân cách là gì nếu không phải là một cá tính được thực hiện trọn vẹn và tạc vào khối đá của quần chúng đang chiến đấu, tổng hợp các nguyện vọng của cả một thời đại và cụ thể hóa lòng dũng cảm tản mạn và vô danh của cả một thế giới?

9–1939

THIẾT HÁN

Báo *Tiếng nói của chúng ta (Notre voix)*
số 22, ngày 11–6–1939.
của Ngô Vĩnh Viễn *dịch*

*

CÔ CÂM ĐÃ NÓI [1]

(Truyện kể của một nữ đồng chí)

Mùa đông năm 1931. Vào khoảng cuối năm nay, đường biểu đồ của "phong trào" cho thấy rõ là tụt xuống dần dần, một cách tuyệt vọng, bi thảm. Các tổ chức địa phương lần lượt tan rã. Phần lớn các người lãnh đạo bị bắt, bị đi đày, bị xử tử. Nhiều đồng chí thoát ly đã quay về, trở nên ngoan ngoãn, nhẫn nhục, ăn năn một cách hèn nhát. Một vài người quay lưng lại với sự nghiệp xa xưa kia họ đã bảo vệ một cách nhiệt thành. Thỉnh thoảng một tên phản bội lại làm mọi người chú ý đến hắn bằng một bản cung khai đồ sộ trong đó hắn từ bỏ niềm tin của hắn, tố giác các bạn cũ của hắn, nài xin tự do và tính mạng của hắn, lấy tính mạng và tự do của hàng trăm người khác để trả giá.

Sự phản bội của một trong những tên khốn nạn đó chứng minh cho lời nói ghê rợn này: "Nơi đâu nó bước qua, nơi ấy chủ nghĩa Cộng sản sẽ không bao giờ mọc lại được nữa".

Một hôm, một tên Giám binh khố xanh đã ném vào mặt chúng tôi lời thách thức kiêu ngạo như sau: "Năm 1914, chúng tao đã trị cả bọn Đức. Huống hồ là một nhúm Cộng sản chúng mày!..."

Tóm lại, cách mạng đang lụn bại. Cách mạng chỉ còn là một ý nghĩ, một kỷ niệm về một vài người, một cơn ác mộng đối với nhiều người.

*

* *

Con Câm – bọn cai ngục đã gọi chị bằng biệt hiệu đó.

Nhưng giữa tù với nhau, chúng tôi gọi chị là chị Bắc, tức là đồng chí người Bắc Kỳ, vì ở chị, cái gì cũng biểu lộ một vẻ thanh nhã đặc biệt của miền Bắc. Vẻ mặt điệu bộ, cách ăn mặc.

Có điều chị chẳng nói gì cả. Và bọn cai ngục chỉ còn cách gọi chị là Con Câm.

---

1. Đây là truyện kể về nữ đồng chí Nguyễn Thị Nghĩa.

Chị đến vào một chiều tháng Chạp. Nhà chức trách đã trao chị cho viên cai "xếp" của nhà tù, và người ta đã dặn dò viên cai "xếp" rất kỹ trước khi ra về. Điều đó khiến mọi người phỏng đoán đây hẳn phải là một "con mồi cỡ lớn".

Chị là ai? Chị có thể là ai được nhỉ? Cuối cùng, chúng nhốt chị cùng với chúng tôi. Sự tiếp đón nồng nhiệt của chúng tôi đối với chị cũng lớn bằng lòng xúc động và sự tò mò của phụ nữ chúng tôi. Nhưng... Thật là ngạc nhiên!... Thật là thất vọng!... Vì lúc này đây chị vừa thốt ra một tràng những tiếng hậm hự không ai hiểu nổi, kèm theo động tác đưa đẩy cứng đờ, kỳ khôi của hai hàm răng, đặc biệt ở những người mất khả năng lành mạnh nói ra lời. Cả phòng cố nín cười:

– Quái thật! Một người câm à?

*

* *

– Cậu phải đề phòng đấy – chị P. bảo tôi –, cậu tưởng chị ta câm thật à? Này mình bảo cho mà biết; năm ngoái mình sống với chị em công dân ở P.L., làm Bí thư Chi bộ. Một hôm, Trung ương cử một chị đại biểu về, một "đồng chí tốt". Cũng khuôn mặt tròn và đầy đặn "không chịu bắt nắng", như chị ấy nói; nhưng chị ấy chẳng câm tý nào đâu. Nói cứ như thánh phán ấy. Này, cậu có để ý thấy vết sẹo ở thái dương bên phải mà chị câm tìm cách kéo mái tóc xuống để che đi không?

– Thế vết sẹo ấy là thế nào?

– Vết sẹo ấy, mình đã để ý thấy chị Đại biểu của Trung ương cũng có. Nói riêng với cậu thôi, tớ đánh cuộc là chị ấy không câm đâu...

Chị P. nói đúng.

Chẳng bao lâu, nhà tù đồn đại những chuyện ly kỳ về nỗi cực khổ của chị Câm, bây giờ đối với chúng tôi, chị ấy đã trở thành "chị Bắc".

Mỗi ngày hai lần, suốt hai tháng trời, bọn nhân viên mặc quần áo ka ki cứ sáng và chiều lại đến tìm chị ở phòng số 1: "Lên Sở!".

"Lên Sở", tức là đến Sở Mật thám.

Rồi cứ buổi trưa và buổi chiều, chúng lại đưa chị về, bị đánh đập tơi tả, người ê ẩm, mặt dúm dó, tím bầm.

Nhưng chị Câm vẫn không nói.

Người ta nghĩ rằng "bọn" mật thám đã dùng hết mọi cách tàn khốc nhất, dã man nhất.

Nhưng chị Câm đã không nói.

Có lần tên cai ngục trông coi phòng chúng tôi, một tên nghiện thuốc phiện luôn luôn tự cho mình là cai ngục loại trên, vì nó biết đọc chữ Hán, từ phòng chúng tôi đi ra, vừa lắc đầu vừa lẩm bẩm một mình:

"Mình cứ tưởng anh hùng xương đồng da sắt là chuyện hoang đường. Ấy thế mà có đấy! Chính người đàn bà này!"

*

* *

Mười giờ tối. Sau bữa ăn, chị Câm, hấp hối từ mấy ngày nay, bỗng yêu cầu chúng tôi đỡ chị dậy để chị nhìn ra sân một lát. Chị cũng còn nói thêm, chị cũng muốn nói vài lời với mọi người. Hay lắm! Chúng tôi đã đợi mãi từ bao ngày tháng nay!

Lập tức, "chị Bắc" được chúng ta công kênh lên vai, bốn cánh tay đỡ chị nâng lên ngang khung cửa sổ. Vừa lúc ấy, cô C. bé nhỏ, cũng trổ tài leo lên bên cạnh chị:

"Này, các bạn – cô gọi các tù đang tụ tập ngoài sân –, chị Bắc không còn câm nữa. Chị ấy có vài lời muốn nói với các bạn!"

Cần phải thấy những lời đó đã có tác động kỳ diệu như thế nào đối với đám đông tù nhân. Người ta đặt cái bát gỗ dùng để uống nước chè tươi xuống. Các cái tăm dừng cả lại, dính chặt vào môi. Những người đang hút thuốc lá vội vứt mẩu thuốc lá đi. Những người đang trò chuyện cũng ngừng bông đùa. Cụ Quế, người ăn tám khẩu phần, nuốt vội miếng cuối cùng, giấu cái rá cơm ăn dở vào gốc cây, rồi đứng đó, phùng má, vừa nhai vừa nghe. Như một đám đông tín đồ chờ ban phước lành, tất cả những người đó quay cả về phía phòng số 1... Dưới mái nhà đầu hồi, bầy chim sẻ cũng im tiếng và sau đám lá lưa thưa của những cây khế, đêm tối như ngập ngừng... Tít trên cao, trên bầu trời mờ đục vẫn còn bảng lảng một ánh sáng mong manh, nhợt nhạt, ánh sáng cuối cùng của một ngày đang tàn...

Ôi! Tôi sẽ không bao giờ quên được cái giọng nói vừa dịu dàng lại

vừa kiên quyết ấy, tựa hồ như vọng lên từ thế giới xa xôi bên kia, giọng nói tưởng chừng như nghe thấy ở tận cùng của cuộc đời, vào giây phút tối hậu khi cái thực hòa vào cái hư, khi sự sống trở thành mơ hồ, đang biến thành số không và tiến sát tới cái vô định âm u và lạnh ngắt của hư vô.

Chị nói:

"Các đồng chí, chỉ vài giờ nữa, tôi sẽ không còn sống trên cõi đời này nữa. Chẳng bao lâu nữa Thần Chết sẽ đem tôi đi, – có lẽ là đêm nay thôi.

Tôi cảm thấy vậy, nhưng không hề run sợ. Vì Cách mạng sẽ sống. Cách mạng sẽ tiếp tục với các đồng chí, với những người đến sau này.

Các đồng chí hỏi tôi có nguyện vọng gì không ư? Vâng, tôi có nguyện vọng này, nguyện vọng tha thiết nhất, nguyện vọng duy nhất, là mong sao Cách mạng vẫn tiếp tục.

Các đồng chí, tôi sẽ nói với các đồng chí những lời khích lệ, chỉ nói những lời khích lệ thôi...

Hãy tiến lên, tiến lên nữa, tiến lên mãi cho đến ngày thắng lợi,– thế đấy! Kẻ thù tưởng đã tiêu diệt được Cách mạng.

Hỡi các đồng chí, hãy chứng tỏ cho chúng thấy là không phải như vậy!

Rằng khủng bố, phản bội sẽ không ngăn cản được Cách mạng.

Vì các đồng chí, các anh chị em sẽ tiếp tục Cách mạng.

Vì cùng với các đồng chí, vô sản các nước sẽ đấu tranh.

Hỡi các đồng chí, tôi chết và hô rằng: "Cách mạng muôn năm!".

Chị hô không trọn câu...

Chị gục xuống giữa lúc cố gắng quá sức mình.

Tuy nhiên, trong lúc chị Câm ngã xuống và bặt tiếng thì từ khắp sân vang lên lời hưởng ứng; tiếng nói vừa dứt sau những bức tường lạnh lẽo của phòng số 1, một tiếng hô đồng thanh do tất cả các tiếng hô gộp lại:

"Cách mạng muôn năm!"

Như một bản đồng ca.

Rồi trong giây lát, tiếng hô lan đi khắp phòng, vang lên từ các

"xà lim", dội vào các ngục tối, làm rung chuyển các lô cốt. Tiếng hô vang lên, kéo dài, do cả tù chính trị lẫn tù thường phạm cùng thét lên, đoàn kết với nhau vào giây phút thiêng liêng này!

"Cách mạng muôn năm!"

Trong khi đó, bọn cai ngục đáng thương mặc các kiểu chế phục khác nhau – như những thủy thủ mất phương hướng – đứng sững ra đó, mồm há hốc, dỏng tai ghi nhận tác động lời nói của chị Câm:

"Cách mạng muôn năm"

Tưởng đâu như Cách mạng đã thắng lợi rồi.

*

* *

Và đêm đó, trong lúc chúng tôi, nước mắt giàn giụa, thức cạnh thi hài người đồng chí đã vĩnh viễn im tiếng ở cửa phòng số 1, gã cai ngục có học thức và nghiện thuốc phiện cũng thức.

Giữa hai điếu thuốc phiện, trong lúc nạo tẩu và vê điếu thuốc cháy xèo xèo trên tẩu, gã tâm sự với người nằm cùng chiếu:

– Trong một cuốn sách rất cổ có nói rằng thời Tam Hoàng Ngũ Đế (đối với gã, đó là cùng một thời kỳ), đạo Thánh Hiền làm người mù sáng mắt ra, người câm nói được, kẻ liệt đi lại được và người chết sống lại! Tớ bảo thật cậu biết, chuyện thần kỳ ấy vừa mới diễn ra ngay trước mắt cậu, với chủ nghĩa Cộng sản đấy!

Ngày hôm ấy, chị Bắc "câm" đã nói.

6–1939

THIẾT HÁN

Báo *Tiếng nói của chúng ta (Notre voix)*
số 23, 23–6–1939.
Ngô Vĩnh Viễn *dịch*

VƯỢT QUA LỄ NGHĨA CỔ TRUYỀN
Tài liệu số 1

Điều I – Mở đầu

Tựa lưng vào dãy núi "Ba cô tiên", bên bờ con "sông Hòa Bình" uốn lượn, làng chúng tôi, sau lũy tre, trong "thung lũng Kim Tuyến" này, vẫn luôn luôn tránh được bụi bặm của các thành phố hủ bại và ảnh hưởng tai hại của những tư tưởng mới. Một phong cảnh vô thi vị, một cuộc sống xuềnh xoàng... cố nhiên bề ngoài của nó là nhũn nhặn. Nhưng cuộc sống yên tĩnh và thái độ hoàn toàn phục tùng cấp trên vẫn luôn luôn là lý do để nó tỏ ra nhũn nhặn một cách đúng mức. Cha ông chúng tôi vẫn luôn luôn biết sống và chết theo ngũ thường của Đạo lớn. Nơi đây, thời nào đàn ông cũng cần cù, đàn bà thì dốt nát và con trẻ thì ngây thơ.

Ôi, thời buổi sung sướng! Sự trong trắng nguyên thủy! Người ta sáng sớm đi làm, tối mịt trở về nhà, cào đất để sống, đào giếng để lấy nước uống và đêm đêm, vỗ bụng mà ngủ!

Noi gương thời xưa, chúng tôi, các chức sắc, bô lão và kỳ mục trong làng Kim Tuyến, chúng tôi cầu mong sao cho con cái chúng tôi mãi mãi sống theo lệ cũ cho đến ngày tận thế...

Điều XI – Con cái phải kính trọng cha mẹ, tuyệt đối vâng lời cha mẹ. Hễ sai sót các bổn phận đó là sẽ bị phạt đòn 50 roi mây, tái phạm sẽ trao cho quan trên trị tội...

Điều XIX – Tuyệt đối cấm thanh niên nam nữ trao đổi với nhau những lời bóng gió, trên đường cái, trên các ngõ, cấm *"không được nhìn nhau qua khe tường"*, không được theo đòi các thanh niên hư hỏng tìm cách tình tự với nhau *"trên bộc, trong dâu"*.

Giữa con trai và con gái, tuyệt đối cấm không được trao tay nhau bất cứ cái gì.

...

Điều XX – Bất cứ quả phụ hay người vợ nào bị bắt quả tang ngoại tình, bất cứ con gái nào tỏ ra phóng đãng đều bị trao cho quan trên xử tội.

(Trích hương ước của làng Kim Tuyến)

Tài liệu số 2

Chí trai là ở bốn phương trời. Trung trực vẫn sống được giữa bầy man rợ. Phận gái phải khuôn vào tam tòng tứ đức, ai không tuân theo những quy tắc đó, đàn ông hay đàn bà, đều không được vào đây.

(Vế trên của câu đối treo ở mặt phía đông của nhà thờ họ Trần, làng Kim Tuyến).

Tài liệu số 3

Ở làng Kim Tuyến, trong một gia đình danh gia thế phiệt, mới xảy ra một chuyện không những có liên can đến danh giá một cô gái, tiếng tăm của một gia đình mà còn liên can đến phong tục của cả nước, đến uy tín của toàn bộ nền luân lý Á Đông của chúng ta.

Cô T. T. L., mới mười chín cái xuân xanh, bỗng dưng mất tích.

Cần phải nói rõ ràng, cô T. T. L. quả là một "bông hoa đồng nội" tuyệt đẹp, lại có học thức cao.

Và các chàng trai vùng này, những kẻ có tài, những con ông cháu cha, những học trò tài hoa và có tương lai rực rỡ đều nuôi mộng kết duyên tơ hồng với giai nhân.

Vậy mà cách đây mấy hôm, dân làng để ý thấy trong cuộc sống của cô tiểu thư đó có cái gì có vẻ khả nghi.

Hình như người ta đã mấy lần trông thấy cô đi đâu rất sớm và về nhà rất muộn.

Thậm chí hình như một hôm còn có người gặp cô trên cầu làng được gọi là Cầu Xấu Hổ (ôi, duyên số!), tay cắp nón che trước bụng... như để giấu giếm kết quả của một cuộc dan díu vụng trộm...

Và từ đó, gia đình phao tin là cô ốm.

Người ta muốn biết cô ốm bệnh gì?

Trong khi chờ đợi, các bà kháo ầm lên, cánh con trai thì cười tủm; cả làng làm vè...

Chúng tôi chờ có thêm tin tức sẽ trở lại vụ cô T. T. L.

(Tin trích trong tờ "Báo thủ đô" ngày 15-5-1931)

Tài liệu số 4

Từ mười bốn tháng nay, chúng tôi đã cho một nhân viên rất thông minh lanh lợi của chúng tôi – nhân viên số 791 – theo dõi cô T. T. L.

Sự thật lúc này đã được xác định về hoạt động của cô gái cách mạng này.

Học hết Trung học năm 1929, cô L. đã bất chấp bố mẹ, gạt bỏ mọi lời cầu hôn của con trai trong vùng. Cô cũng phản đối ý muốn của bố mẹ cô tìm cho cô một việc làm với Nhà nước. Cô ở nhà quê cho đến ngày 10, tháng Hai, năm 1931 thì trốn khỏi gia đình.

Suốt thời gian đó, cô đã được anh cô, một kẻ trốn ra nước ngoài, một thủ lĩnh rất nguy hiểm, đang bị Sở chúng tôi lúc này truy lùng gắt gao, – tiếp tục giáo dục cho cô về cách mạng. Cô say sưa đọc các sách của Lênin, của Mác và báo chí bí mật.

Từ tháng Hai trở đi, vì muốn gia nhập tổ chức cách mạng, cô đã tìm kiếm mọi cách. Dĩ nhiên Sở chúng tôi luôn luôn biết rõ về mọi hành động của cô ta.

Một buổi tối nọ, cô trở về nhà bụng to phòng... đầy giẻ rách. Cả nhà hốt hoảng. Cô L. giả vờ khóc lóc, thú nhận là có chửa và xin mẹ cho đi đến "một nơi nào đó, trong một hai tháng" nói là để "trút bỏ cái nhục này của gia đình".

Mọi sự bịa đặt ấy chỉ có em gái cô, tên là T. T. N., mười bảy tuổi, biết mà thôi, hiện nay cô N., cũng đang đào tẩu.

Ra đi với số tiền là 50 đồng, cô L. lập tức tham gia Chi bộ phụ nữ của tổng B. T. và vẫn luôn luôn bị nhân viên số 791 của chúng tôi theo dõi, số 791 đã tìm cách được chấp nhận là "đồng chí", làm một thứ thư ký cho cô Bí thư Chi bộ Đảng.

Từ cuối tháng Hai, 1931 đến 15 tháng Ba, 1932 là ngày cô ta bị bắt, cô T. T. L. đã lãnh đạo mười tám cuộc biểu tình, nói tại ba mươi bảy cuộc mít tinh, luôn luôn bị tìm kiếm truy lùng, nhưng luôn trốn thoát bằng những thủ đoạn cải trang khác nhau, rất khéo léo.

Thậm chí Đảng còn phái cô đến tất cả các xã nào mà phong trào đang suy yếu. Và nơi nào có cô tới, phong trào cách mạng nơi ấy lại bùng lên: cô xúi giục nông dân, tổ chức "tự vệ đội", viết và phân phát báo bí mật, tổ chức "truy điệu" người chết, tổ chức cứu tế giúp người ốm, người bị nạn, khuyến khích người sống, nối lại các đường liên lạc bị đứt vì một vụ bắt bớ bất thần.

Tóm lại, suốt mười ba tháng trời, T. T. L. là linh hồn của cách mạng trong tỉnh X...

Mãi đến ngày 15 tháng Ba, T. T. L. mới bị bắt, sau một cuộc "theo dõi" sát sao, liên tục.

(Báo cáo của Sở Mật thám tỉnh X...)

Tài liệu số 5

Kính thưa mẹ, kính thưa cha,

Con không biết thư này có tới được tay cha mẹ không. Nhưng con vẫn thấy cần viết thư cho cha mẹ. Con thấy được nói "con gái của cha mẹ rất yêu quý cha mẹ" bao giờ cũng làm con cảm thấy êm ái. Và con tin ở sự giúp đỡ hết lòng của người đã nhận lời chuyển thư này tới cha mẹ.

Con viết đây không phải là để tự bào chữa vì con biết, con cảm thấy là con không có tội. Con biết là trong thâm tâm, cha mẹ tán thành hành vi của con. Nhưng sẽ có nhiều kẻ ngu xuẩn gièm pha tên họ nhà ta và cha mẹ sẽ không yên tâm. Nếu quả thật con là nguyên nhân làm cha mẹ buồn phiền, thì con xin trăm, ngàn lần cha mẹ tha lỗi cho con.

Rồi thiên hạ cũng sẽ bảo gia đình ta "vô phúc", rằng số mệnh đã rứt bỏ "phúc", "phận" của nhà ta. Chứ sao! Ba đứa con mà cả ba đều làm cách mạng! Đều bị kết án! Thiên hạ sẽ bảo nhà ta động mồ mả tổ tiên, bị ma quỷ quấy nhiễu... Thiên hạ sẽ nói nhiều khiến cha mẹ rồi cũng tưởng là thật!

Nhưng có những cái sung sướng, mà một con người xứng đáng là người, nhổ toẹt vào!

Còn về những lời lẽ ba hoa của bọn thầy địa lý, thì con có thể nói được rằng: chúng ta đang sống vào thời điểm mà toàn thể quả đất đang "động", rung chuyển đến tận nền móng, tận cơ sở đạo lý của nó, tận chế độ chính trị, kinh tế của nó, được xây dựng trên bất công và lộn xộn.

Kính thưa cha mẹ, con đã được đi học, con đã nhìn thấy mọi người sống ra sao. Con thấy rằng, mặc dầu những lời giảng giải của thầy giáo, mặc dầu sự hùng hồn hoa mỹ của những kẻ viết sách và của những bài diễn thuyết của các nhà chức trách, hỡi ôi! Mặc dầu những mơ ước hào hiệp của những con người có lòng nhân đạo hơn, thực tế vẫn là chỉ có tiền bạc thống trị, cai quản quả đất chúng ta,

chỉ có tiền bạc đem lại hiểu biết, cái đẹp, chỉ có tiền bạc đoàn kết hay chia rẽ bạn bè, gắn bó hay phá vỡ các cuộc tình duyên, nâng vài kẻ này lên, hạ hầu hết mọi người khác xuống và đẩy thế giới chúng ta đến chỗ sa đọa, đói khổ, chiến tranh, chết chóc.

Chúng con là một nhóm người ở nước này, dưới ánh mặt trời này, dám có ý đồ táo bạo thay đổi tất cả những cái đó! Chúng con có tội... vì muốn cho nhân loại có được những ngày tốt đẹp hơn, một cuộc sống xứng đáng hơn. Những hành vi của chúng con nằm ngay trong "lôgíc" của xã hội này, nó là một mâu thuẫn gắn liền với chế độ này.

Nhưng tạm thời lúc này chúng con là những người chiến bại. Và "thiên hạ", như xưa nay vẫn thế, sẽ còn thì thầm bàn tán nhiều về tên tuổi, "ngày nay là quỷ, là quái, ngày mai sẽ là anh hùng". Chiếc quan tài chôn chặt một thi hài không phải bao giờ cũng là ấn định những kết luận dứt khoát về một cuộc đời! Về phần con, con tin tưởng vững chắc vào chính nghĩa của sự nghiệp của chúng con, vào thắng lợi đã gần tới.

Ở đây, con sống trong một xà lim, nơi cách đây hai mươi năm, giam giữ một phụ nữ cách mạng và chị ấy đã chết trong xà lim này. Một tên lính già vừa lúc nãy có đọc cho con nghe bài thơ cuối cùng của chị ấy viết bằng máu của mình lên tường, trước khi chết. Đây là những câu thơ cuối cùng của bài thơ bi thảm ấy:

Chắp tay, cầu Phật xét soi,
Người trần trở lại cõi đời được chăng?
Cầu sao cho có nghìn tay,
Mỗi tay nghìn súng lòng này mới yên!

Kính thưa cha, kính thưa mẹ, con cảm thấy đúng như vậy: để đấu tranh chống bất công trên trái đất này, có sống 200 năm, cầm hàng triệu khẩu súng... cũng không phải là thừa! Nhưng không cần phải đầu thai sống lại, chúng con vẫn sẽ thấy sức mạnh của chúng con tồn tại mãi, lớn lên gấp bội vì sức mạnh của chúng con, cuộc sống của chúng con chính là sức mạnh và cuộc sống của vô sản tất cả các nước.

(Một bức thư)
6–1939
THIẾT HÁN

Báo *Tiếng nói của chúng ta (Notre voix)*,
số 24, ngày 30–6–1939.
Ngô Vĩnh Viễn *dịch*.

SỐ MỆNH ĐỐI LẬP HAY LÀ TẤT CẢ MỌI NGƯỜI ĐI BIỂU TÌNH

"Vâng, em cũng yêu anh, nhưng tình yêu của chúng ta không được ảnh hưởng đến công tác của Đảng".

N. là thợ dệt, đảng viên Cộng sản của Chi bộ X. T.

– Thế anh yêu em chứ?

– Yêu lắm, yêu nhiều lắm!

Nghe người yêu trả lời, nữ đồng chí N. cảm thấy rưng rưng nước mắt và cô mở to mắt, cố tìm cách chặn lại không cho nước mắt trào ra, nhưng không nổi. Trên đôi môi hồng của cô, thoáng một nụ cười vụng về nhưng duyên dáng. Cô thấy nóng bừng thái dương và đôi má cô ửng đỏ, đẹp hẳn lên. Cô vội lén giơ bàn tay trái lên ngang miệng để che một cái ngáp bẩn thần. Cùng lúc đó, trong lòng cô, khuấy lên một cảm giác mơ hồ vừa sung sướng lại vừa lo sợ. Sự hổ thẹn về tình yêu, về lòng ham muốn thường vẫn có những sự xáo trộn như thế về tâm lý.

Sự im lặng trở nên khó chịu. Đôi mắt to đẹp của N. nhìn qua cửa sổ, chập chờn nhìn thấy chân trời đỏ lựng ánh chiều tà. Người đối diện với cô đang tỳ khuỷu tay lên bàn.

Một thanh niên nông dân khỏe mạnh, chắc nịch, nước da bánh mật, ánh mắt táo bạo, đang tỳ vầng trán rộng lên bàn tay trái, còn bàn tay phải cầm bút chì, bất giác vẽ một chữ N hoa trên một mảnh giấy trắng. Đầu gối anh khẽ rung rung, như các nhà Nho xưa kia khi ngồi rỗi.

– Ô, họ ngáy mới ghê chứ! Bỗng anh nói, tay chỉ về phía cuối phòng, nơi có nhiều người đang ngủ; căn nhà này đã trở thành trụ sở của bộ tham mưu cách mạng của phủ X. T.

– Làm thế nào được, hở anh H., cô gái bình thản nói. Chắc là họ mệt lắm, chạy đi chạy lại suốt từ tờ mờ sáng còn gì.

Hai người chợt nhận ra là họ đã xa rời đầu đề câu chuyện lúc nãy và cảm thấy như luyến tiếc... Làm thế nào trở lại câu chuyện đó được?

Lần đầu tiên, cô N. nhận thấy người đàn bà thú nhận thật là khó... Xét cho cùng, yêu, tuyên bố là mình yêu khi mình yêu thật, yêu thành thực thì đâu phải là tội lỗi, là hèn yếu?

Mọi người đã thức suốt đêm để nghiên cứu vấn đề tổ chức nông dân địa phương. Sau cuộc họp, H. ra về, một mình đi trên đường làng,

ngẫm nghĩ về kế hoạch phát động cuộc biểu tình sắp tới. Bình minh trải lên đồi K. N. một ánh sáng chan hòa, rực rỡ, tươi mát. Và những ngọn đồi xanh rì nhấp nhô phía trước mặt cũng tràn ngập ánh vàng tươi xanh, mềm mại như một bãi cát thanh tân lúc sáng sớm khi nước triều đã rút. Trong bụi cây, chim sẻ kín đáo khẽ kêu chiếp... chiếp! Một đàn chim nhạn tung cánh bay ngang trời, đuôi hình lưỡi kéo, lao về phía mặt trời mọc rồi mất hút. Đàn chim bay nhịp nhàng như vẩy những giọt nước di động lên một bức tranh luôn luôn thay đổi. Tựa hồ như sau những đám mây rực rỡ, lộng lẫy kia, với màu sắc lạ kỳ, có những cảnh mê hồn, những lâu đài thần tiên được tạo dựng, mở cửa đón riêng chúng... Một làn gió mát mẻ từ phía sông thổi tới, lùa vào mái tóc rậm của chàng trai. H. cảm thấy hết cả mệt mỏi!

Tiếc thật! Anh thầm nghĩ, tiếc thật, trên trái đất này, có quá ít người biết thưởng thức những cái đẹp của thiên nhiên!

Bỗng anh nảy ra một ý làm anh băn khoăn. Cách đây năm hôm, cô ấy bảo anh: "Yêu nhau, em không thấy những lời đó có cái gì đó làm chúng ta phải sợ. Xét cho cùng, thật là đơn giản, thật là tự nhiên

Nhưng, anh H. này, liệu chúng ta yêu nhau có làm ảnh hưởng đến công tác của Đảng không?".

Tất nhiên, họ vẫn khinh những quan niệm rắc rối, thối nát về tình yêu, của giai cấp quý tộc cũng như của giai cấp tư sản. Họ đã cùng nhau cười mãi khi nghe kể về những trò nhiêu khê đó, những sự bịa đặt tiểu thuyết thuở xưa! Hầu như bao giờ cũng vẫn một kiểu như vậy: một cánh rừng vắng vẻ, những tên cướp mang vũ khí đầy mình (hoặc những bà tiên độc ác), một cô gái đẹp, một công chúa càng hay, hoặc ít ra cũng là tiểu thư của một vị quan to! – bị bắt cóc! Hoàng tử tới. Những trận xung đột dữ dội: ồn ào, hò hét – đánh nhau, tàn sát. rồi cuối cùng là một cuộc hôn nhân huy hoàng với của hồi môn là một vương miện!...

Nhưng những lúc rỗi rãi hiếm hoi, khi hai người cùng đọc một cuốn tiểu thuyết hiện thực hiện đại, thì họ có những nhận xét chua chát và hào hiệp về những cuộc hôn nhân tư sản đó, về những cuộc tình duyên trong đó giá trị con người chỉ được đánh giá bằng tiền, người phụ nữ bị coi như một cái máy đẻ hay là một kẻ canh gác không công để ra sức trông coi một cơ ngơi đóng kín, ích kỷ. Một hôm, N. nói: "Phải làm sao cho cuối cùng tất cả sự sỉ nhục đó của nhân loại chúng ta chấm dứt!".

Đúng, phải làm sao chấm dứt tất cả những cái đó, nhưng với cái

giá nào? Lần đầu tiên câu hỏi đó được đặt ra với tất cả sự gay gắt đau đớn của nó trong đầu H.

"Nhưng chúng ta yêu nhau có làm ảnh hưởng gì đến công tác của Đảng không?"

Ồ, cả đời anh, chưa bao giờ những danh từ "từ bỏ", "hy sinh", "mâu thuẫn", lại có một vị chua chát như thế trong đầu anh sáng hôm nay! Anh cố nhắc đi nhắc lại với mình hàng hai chục lần rằng yêu và được yêu là sung sướng, rằng chuyện đó là tự nhiên, đơn giản rất đơn giản và đủ có hạnh phúc rồi..., nhưng vẫn không ổn... Hàng hai chục lần liền, anh cố nhắc đi nhắc lại với mình rằng cuộc đời cách mạng không hề có gì mâu thuẫn với tình yêu. Anh vẫn cảm thấy bứt rứt, hoang mang. Và anh lo sợ. Lo sợ cho bản thân, cho cô ấy, cho hạnh phúc của họ và nhất là cho "công tác của Đảng".

*

* *

Đêm đó, có một lời kêu gọi mạnh mẽ, sinh động tung ra cho toàn phủ. Trăng rằm sáng vằng vặc. Sau những trận mưa như trút nước xuống "Ngày hội chọi trâu" như thường lệ, ánh trăng sáng thanh bình và lạnh, hầu như có vẻ nghiêm khắc.

Khoảng sáu giờ tối, toàn phủ có những cuộc họp ngoài trời, có nhiều diễn giả nói. Và hàng ngàn truyền đơn được phân phát như bươm bướm trên các nẻo đường, ở các ngã tư. Dân cày, chăn trâu, gánh nước, của ngoại ô, những người làm thuê làm mướn các lọai, các bà hàng xén, thợ dệt, gọi nhau í ới, hỏi nhau... Người ta giành giật nhau mảnh giấy in mực tím. Bọn kỳ hào len lén đi qua, lộ vẻ sợ hãi. Các cô tiểu thư "con nhà" chúi trong phòng the. Nhưng các anh em ruột, anh em họ của họ tham gia các cuộc thảo luận, các cuộc họp... để xem thế nào! Với lại, chẳng lẽ lại tỏ ra run sợ ư?

Và khi trời đã tối hẳn, khi dưới mái tranh, sau các liếp tre, ngọn đèn dầu lạc đã thắp lên, lệnh hỏa tốc được "truyền" đi từ nhà này qua nhà khác, tại từng thôn, từng làng, khắp tổng, khắp phủ.

"Báo để các đồng chí biết: ngày mai, từ tờ mờ sáng, biểu tình tại phủ; không chấp nhận bất cứ một sự vắng mặt nào. Đó là lệnh của Đảng!".

Và suốt đêm hôm đó, chiêng trống đánh liên hồi. Tiếng kêu của lệnh hỏa tốc kéo dài:

"Đi biểu tình! Tất cả đi biểu tình!".

Tiếng gọi lan đi, cấp bách, giục giã, ghê gớm, khắp vùng nông thôn đang rung chuyển. Cả phủ chấn động, vang dội, bị khuấy đảo đến tận đáy. Nếu không có sự phấn khởi của tất cả đám quần chúng đang thức thì có thể ngỡ là động đất.

Và khi bình minh hé rạng, mây mù đêm tối đã tan, thì trên khắp các ngả đường, trên khắp các ngõ làng, người ta thấy tựa hồ như từ dưới đất chui ra cả một đám đông dày đặc, sặc sỡ, oai vệ bước đi: đàn ông mặc áo nâu, áo đen, áo trắng, trẻ con ngây thơ, ông già còn ngái ngủ và rất nhiều phụ nữ. Ai nấy đều mặc bộ áo cánh đẹp nhất của mình – như là đi trẩy hội. Đi đầu đoàn người là những anh chị em lực lưỡng nhất, vẻ mặt rất tự hào. "Và này, đi chậm chậm đấy nhé!" Theo sau là các bà, các vị tóc hoa râm, các cụ già. Đi cuối cùng là một đám thanh thiếu niên. Đến chỗ Cây Đa Ô, làng X. T., người ta thấy lần lượt diễu qua những người thợ cưa ở M. S., thợ sơn tràng ở K. T., tá điền ở T. T., thợ săn ở P. H., thợ mộc ở H. H., những người trồng rau ở C. P., và dân chài ở S. P., cả những con bạc nhà nghề ở L. T. nữa, đầu chít khăn to, lúc nào cũng trắng, lúc nào cũng mới. Nhưng đến khi đổ ra đường cái quan thì thật là cả một sự hân hoan: đám đông vừa trông thấy những cô thợ dệt xinh đẹp ở N. L. tới nhập vào đoàn người, cùng với cha, chồng, người yêu, anh em của họ. Dải thắt lưng lụa uốn lượn quanh người các cô, buộc túm lại đằng sau. Vài cô làm dáng lại để thắt lưng buông lơi phía trước. Một chàng trai vừa nói vừa vỗ vai một người bạn mặt mũi đỏ gay, người tròn như cái thùng.

– Sáng nay đẹp quá nhỉ! Cứ như có đám cưới to ấy! Trông các cô kìa! Này, bợm rượu, bợm thịt, tối nay đến nhà mình ăn cơm nhé!

Nhưng anh chàng to tròn như cái thùng nổi cáu, viện cớ như thế là "không đứng đắn".

Trên con đường chạy ven bãi sông S. N., một lần người ta trông thấy một cô gái rất đẹp, chít khăn đỏ, thắt lưng đỏ, mắt đeo kính đen leo lên một gò đất có một cây đa đã mục. Một người biểu tình bảo bạn: "Đeo kính thế là để bọn chó săn không nhận được mặt đấy!". Cô gái diễn thuyết, hô khẩu hiệu kêu gọi đám đông hết sức giữ kỷ luật. Đám đông chăm chú lắng nghe rồi hoan hô... Tất cả mất đúng mười lăm phút. Rồi cô gái biến mất "như một nàng tiên".

Sau đó, mọi người lại xếp hàng bốn, hàng năm và diễu đi, như một hàng rào sống, một cuộc diễu hành vô tận, trải ra trên bốn kilômét. Đôi lúc nổ ra một cuộc cãi cọ về chuyện lấn hàng, nhưng ban trật tự lại xếp đặt mọi người đâu vào đấy. Người ta cười cười nói nói

trong đoàn người, chuyền tay nhau những tờ truyền đơn nhắc nhở các mệnh lệnh và các khẩu hiệu.

Và đoàn người cứ đi, đi mãi. Và con đường dài dằng dặc, lúc nhúc, nhấp nhô những người, như cùng tiến bước, nhảy lên với họ.

*

Ngồi trước khung cửi, nữ đồng chí N. đọc một mảnh giấy nhỏ. Mặt cô tái nhợt, đau khổ, buồn rười rượi như một bà vợ góa. Cô đọc nhanh hai trang in của tờ *Con đường tranh đấu*, cơ quan của Đảng, cô đọc các tiêu đề nhỏ: *Cuộc biểu tình đã diễn ra trong trật tự hoàn hảo – Viên Tri phủ đã chấp nhận chín yêu sách của quần chúng. Nhưng đồng chí H. của chúng ta đã hy sinh vì một viên đạn phản trắc của tên giám binh – Thêm một người nữa hy sinh mà mỗi đồng chí chúng ta phải trả thù.*

Cô đặt tờ báo bên cạnh. Tay run run, cô cầm lấy cái gói mà một đồng chí vừa trao cho cô, rút ra một tờ giấy to gập tư; cô đọc những dòng chữ sau đây của một bàn tay hấp hối đã viết nguệch ngoạc lên tờ giấy:

"Vĩnh biệt đồng chí, vĩnh biệt N. thân yêu! Anh chết đây. Em có nhiệm vụ phải cùng tất cả các đồng chí tiếp tục sự nghiệp đã bắt đầu. Hãy chuyển tới mọi người lời vĩnh biệt của anh! Và tiếp tục hoạt động. Anh sẽ sống mãi trong các đồng chí. N. thân yêu, cách mạng, tình yêu luôn luôn là cần thiết, là tự nhiên đối với anh. Ôi! Cái đêm hạnh phúc khi em nói với anh: Vâng, em cũng yêu anh, nhưng tình yêu của chúng ta không được ảnh hưởng đến công tác của Đảng.

Em thấy không, N. thân yêu, có ảnh hưởng gì đến cách mạng đâu! Cách mạng vẫn tiến tới.

Đúng, N. thân yêu, anh cũng yêu em, nhưng... anh vẫn muốn sống nữa, sống với em, phục vụ Cách mạng cùng với em, nhưng..."

Cô đọc đi đọc lại hàng mười lần những dòng chữ dở dang này và nước mắt cô nóng hổi, thành kính tưới đẫm tờ giấy.

Ngày hôm sau, lúc tảng sáng, khi thức dậy, cô thấy mình vẫn còn gục đầu trên trang giấy nhàu nát, ướt nhòe nước mắt. Cô lật trang giấy: mặt sau trống không, trắng bong, trắng bong như một đêm hạnh phúc, như hạnh phúc một đêm.

12–7–1939

THIẾT HÁN

Báo *Tiếng nói của chúng ta (Notre voix)*,
số 27 ngày 21–7–1939.
Ngô Vĩnh Viễn *dịch*

NGUYỄN VĂN NGUYỄN
(1910 - 1953)

Nguyễn Văn Nguyễn sinh ngày 15–2–1910 ở làng Điều Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, nay là tỉnh Tiền Giang.

Là một học sinh sớm giác ngộ tinh thần yêu nước, Nguyễn Văn Nguyễn tham gia cuộc bãi khóa của học sinh cả nước để tang Phan Chu Trinh năm 1926, sau đó bị đuổi học một thời gian. Ngày 18–7–1930, Nguyễn Văn Nguyễn bị địch bắt vì hoạt động cộng sản, nhưng không có chứng cớ rõ rệt, chỉ bị kết án treo. Tháng 6–1931, Nguyễn Văn Nguyễn lại bị địch bắt ở Trà Vinh, ngày 23–4–1932, bị đày ra Côn Đảo, ngày 20–8–1934, được trả lại tự do. Trong những năm tháng ở Côn Đảo, Nguyễn Văn Nguyễn tích cực tham gia viết báo của chi bộ Đảng Cộng sản trong tù và sáng tác, biểu diễn văn nghệ do tù chính trị tổ chức.

Về Sài Gòn, Nguyễn Văn Nguyễn bắt tay ngay vào hoạt động cách mạng, lợi dụng báo *La Lutte (Tranh đấu)* là cơ quan ngôn luận của nhiều thành phần chính trị (cộng sản, quốc gia và tờrốtkít), viết hàng loạt bài tố cáo chế độ nhà tù dã man, tàn bạo của thực dân Pháp đối với những người Cộng sản và những người yêu nước Việt Nam ở Côn Đảo.

Khi bọn tờrốtkít phá hoại sự liên minh tạm thời với những người theo chủ nghĩa quốc gia và cộng sản trên báo *La Lutte*, Nguyễn Văn Nguyễn tham gia Ban Biên tập báo *L'Avant garde (Tiên phong)*, rồi *Le Peuple (Nhân Dân)*, là hai tờ báo viết bằng tiếng Pháp của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương xuất bản ở Sài Gòn. Là một người cộng sản được phân công hoạt động công khai trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Nguyễn Văn Nguyễn tích cực tham gia cuộc vận động Đại hội Đông Dương và các phong trào đấu tranh sôi nổi của quần chúng đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống, chống tờrốtkít, chống phản động thuộc địa và chống chiến tranh. Nguyễn Văn Nguyễn viết nhiều bài đăng trên những tờ báo có khuynh hướng dân chủ của hồi đó, xuất bản ở Nam Kỳ, như: *Dân quyền* của một người Pháp tên là Xăngđơriơ, *Đuốc nhà Nam* của Nguyễn Văn Sâm, *Việt Nam* của Nguyễn Phan Long, *Mai* của Đào Trinh Nhất và *Đông phương tạp chí*, một tạp chí cách mạng do Nguyễn Văn Tây (Thanh Sơn) phụ trách.

Nguyễn Văn Nguyễn viết nhiều thể loại: phóng sự, tùy bút, phê bình văn

học, ký, bình luận chính trị với lập trường đúng đắn, nội dung sâu sắc, kiến thức văn hóa rộng, văn phong sáng sủa.

Giữa năm 1939, Nguyễn Văn Nguyễn bị thực dân Pháp bắt đưa ra Côn Đảo lần thứ hai. Đến giữa năm 1944, Nguyễn Văn Nguyễn được về đất liền, nhưng mang án biệt xứ đi Gò Công cho đến ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi mới được giải phóng.

Nam Bộ lại một lần nữa bị thực dân Pháp khiêu khích và tiến hành chiến tranh xâm lược, Nguyễn Văn Nguyễn được Đảng giao trách nhiệm làm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ, kiêm Giám đốc Sở Thông tin Nam Bộ và phụ trách Đài Phát thanh Nam Bộ.

Mặc dầu bận nhiều công việc, Nguyễn Văn Nguyễn vẫn tích cực tham gia viết bài cho các báo như *Nhân dân,* cơ quan của Trung ương Cục Miền Nam, *Cứu quốc* của Mặt trận Liên Việt Nam Bộ, *Lá lúa* của Chi Hội Văn nghệ Nam Bộ, v.v..., viết rất nhiều bài bình luận thời sự chính trị cho buổi phát thanh tiếng Pháp và tiếng Việt của đài *Tiếng nói Nam Bộ*, viết nhiều sách về những vấn đề công tác ở Nam Bộ.

Trong thời gian từ năm 1945 trở về trước cũng như sau năm 1945, cho đến ngày từ trần vì bệnh, ngày 25-3-1953, ở một nơi thuộc miền Nam Trung Bộ, Nguyễn Văn Nguyễn là một đảng viên Cộng sản trí thức đã viết sách, báo với khối lượng lớn nhất trong số các cán bộ miền Nam.

Sáng tác của Nguyễn Văn Nguyễn có những bài phóng sự dài gần 100 trang như bài viết về Côn Lôn đăng nhiều kỳ trên báo *La Lutte (Tranh đấu)*, bài *Theo sông Mê Kông*, đăng trên báo *Mai*. Tác giả thường ký tên là Nguyễn Văn Nguyễn, Ngũ Yến, có khi không ký tên.

Nguyễn Văn Nguyễn được Chính phủ truy tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất.

CÔN LÔN, ĐỊA NGỤC TRẦN GIAN
(Trích)

TIỂU DẪN – Tháng 8–1934, Nguyễn Văn Nguyễn từ nhà tù Côn Lôn về Sài Gòn. Lợi dụng tờ báo *Tranh đấu (La lutte)* khi ấy là tờ báo duy nhất có thể đăng những bài tố cáo chế độ vô cùng khắc nghiệt, dã man mà bọn thực dân Pháp dùng để đối xử với các người tù ở Côn Lôn không kể Cộng sản hay Quốc gia, chính trị hay thường phạm. Nguyễn Văn Nguyễn viết một loạt bài về nhà tù Côn Lôn.

Qua cuộc sống và đấu tranh của bản thân, và của đồng chí mình bị giam cầm, hành hạ ở Côn Lôn, lại thường xuyên trao đổi thư từ với những người còn bị tù đày ngoài đó để tiếp nhận những tin tức mới nhất, Nguyễn Văn Nguyễn đã phản ánh một cách trung thực, sinh động, hấp dẫn về hệ thống nhà tù này, tố cáo nó mãnh liệt và đấu tranh kiên quyết với chế độ tàn ác đó.

Những chức danh mà ngày nay chúng ta nghe lại vẫn trào máu căm hờn, đó là, những kẻ đã mất hết tính người ở Côn Lôn như: *gác diêng* (từ chữ Pháp gardien là coi tù); *cặp rằng* (từ chữ Pháp caplan, là người coi tù mà địch lấy từ tù nhân ra); *mã tà* (người coi tù là nhân viên của địch).

Những *banh* (từ chữ Pháp Bagne, ngục giam tù nhân), những *Sở*: *Nhà bò* (nơi nhốt bò); *Sở Củi* (kho củi đun); *Sở Lưới* (nơi để thuyền lưới đánh cá); *Sở Rẫy* (nơi làm ruộng rẫy trồng lúa, khoai); *Sở tiêu* (khu vực trồng hồ tiêu); *Sở Đá vôi* (kho để san hô làm đá nung vôi); *Chỉ Tồn* (nơi dự trữ lực lượng tù để đi làm những công việc nặng nhọc nhất, chủ yếu là đi lấy san hô); *Bản Chế* (nhà máy phục vụ cho sinh hoạt và sửa chữa đơn giản các máy móc trên đảo); *Hầm Xay Lúa* (một phòng rộng, kín, có 6 cối xay, mỗi cối 8 người kéo, trấu, cám bay mù mịt, làm hỏng mắt và hại phổi người xay – đây là những người tù bị phạt nặng); *Ông Hội* và *An Hải* (hai làng nhỏ, xưa kia, có tù nhân án nhẹ ra ở và đưa gia đình đến làm ăn) v.v... những nơi đây thấm nhiều máu và mồ hôi của tù nhân, ngày nay nghe lại vẫn không cầm được nước mắt.

Nguyễn Văn Nguyễn viết loạt bài này đăng liên tục bắt đầu từ số 6 ra ngày 11–10–1934, đến số 66 ra ngày 28–12–1935. Ở đây chúng tôi trích dịch, in lại một phần phóng sự dài này.

Đầu đề do chúng tôi đặt ra.

Côn Lôn! Côn Lôn!

Những danh từ ghê rợn kia thoát ra biết bao tiếng vọng nặng nề trong những gia đình vô số đồng bào chúng ta ở xứ Đông Dương này.

Các bạn! Những người thân thuộc và bạn bè, những người vợ, người chị, những bà mẹ, người ta đã cướp mất những người thân yêu của các bạn.

Các bạn, những người có tâm huyết, đương đau xót về thói dã man của loài người, nỗi bất công của xã hội.

Đối với các bạn, chúng tôi xin tường thuật rõ các tình cảnh khốn đốn của những tù nhân ở Côn Lôn.

Rất mong các bạn hãy đón xem, hãy thường xuyên theo dõi để lo làm sao cứu thoát khỏi sự chết dần chết mòn trong nhà ngục Côn Lôn tất cả những người đã bị kết án nặng, bị trừng trị để làm gương và việc này chỉ có phục vụ một mục đích là thử đánh liều để tìm cách thu cho được mấy trăm nghìn đồng bạc thuế thân vào cho ngân sách của xứ này mà không còn có cách gì lấp được lỗ hổng.

Đời sống của hạng tù phát lưu chung thân

Tù chính trị ở Côn Lôn chịu đựng hai chế độ khác nhau, nhưng cả hai đều như nhau: một chế độ đặc biệt ngục hình ghê rợn và một chế độ khổ sai. Chế độ thứ hai này áp dụng cho cả tù chính trị lẫn thường phạm.

Những người bị xử cấm cố và phát lưu chung thân đều bị nhốt ở nhà ngục số 2 thường gọi là "banh" hai, gồm có hai dãy khám giam, mỗi dãy năm khám.

Mỗi khám bề dài 12m, bề rộng 8,5m, đáng lý chỉ có thể nhốt được 40 người, thực ra thì nhốt đến trên 80 người.

Mỗi khám chỉ để mỗi một cửa ra vào và bốn cửa sổ bề dài 1m, cao 0m70, không để đủ thoáng khí cho những hầm đầy mọp người ấy.

Hơn nữa mùi hôi hám của cầu tiêu đầu độc hoàn toàn không khí đã ô uế trước nhiều rồi, bởi mùi mồ hôi toát ra do các thân hình trần như nhộng.

Mỗi ngày hai lần bọn tù nhốt trong các khám ấy được phép mở cho ra ngoài độ 45 phút, chỉ đủ thời gian để hít thở một vài hơi không khí thôi.

Buổi sáng, vừa mới rửa mặt xong thì trống đã điểm giờ rồi. Phải gấp rút ra ngay để chờ ăn cơm.

Mười giờ!

Giống hệt những bầy người đói khát, những người tù đổ xô nhau

vào những thùng cơm còn đầy những thóc và chỉ vẻn vẹn có vài con cá khô mục.

Người ta phải tự hỏi có phải là cá khô đó không?

Thực ra thì nó thành một loại cá mục nát hôi hám mà chó ngửi cũng không thèm nữa, thế mà cứ năm này qua năm khác dọn cho tù ăn!

Mà có cần gì, vì ai nấy đều đói cả. Nếu có kẻ không ăn được hay nuốt không vào thì rốt cuộc rồi cũng không có một tý gì để bỏ vào mồm đâu. Hơn nữa, bọn lính coi ngục đương trực sẵn đó, mỗi đứa đều cầm một cái gậy hầm hầm để bổ vào đầu bất kỳ cậu nào dám há miệng kêu nài một tý xíu gì. Bọn chủ thầu cung cấp thực phẩm cho các nhà ngục không dại gì không nắm lấy cơ hội này làm giàu và góp phần kết liễu cuộc đời của người tù cho sớm.

Khô mục, quanh năm suốt tháng, bao giờ cũng chỉ là khô mục.

Người ta phải chở bao nhiêu là khô mục để dự trữ đầy trong các nhà kho ẩm thấp.

Người ta phải trộn vôi bột vào kho để bảo quản!

Vì vậy, khi lấy ra ăn, cá khô đã rã rời, chỉ còn một tý thịt dính với xương, mà thịt ấy cũng đã mục hết rồi. Bao nhiêu chất bổ cũng đã bị thối hết rồi, bị rữa ra, hoặc bị sâu ăn hết. Cần phải ăn để khỏi chết đói, triển vọng được về xứ sở hãy còn xa vời!

Ăn trưa xong thì đã có lệnh phải vào khám! Dầu đang ăn cũng phải bỏ đũa. Phải coi chừng, ai còn nán lại để nuốt lấy nuốt để một vài hột cơm nữa thì bị đánh đập tàn nhẫn ngay.

Trở vào khám thì lại chôn đầu mình vào nơi tối om, hôi hám, không thở được nữa.

Trời nóng bức quanh năm.

Thế mà 80 mạng người bị giam vào một nơi chỉ vẻn vẹn đủ cho độ 40 người thôi, thật không sao chịu đựng được.

Trần như nhộng, anh em tù phải nằm chồng chất lên nhau. Thế giới "văn minh" của thế kỷ thứ XX này còn cần phải đày đọa cho người xuống ngang hàng với con vật, vì trong khám tù không khác nào một chuồng khỉ ở vườn bách thú, chỉ khác là chuồng khỉ còn rộng rãi, phóng khoáng, mát mẻ hơn!

Bốn giờ chiều thì ăn tối!

Ăn xong là ngục thất lại khóa kín cho đến tận sáng ngày mai. Những chuỗi ngày của người tù phát lưu là như thế đấy. Ngày hôm qua cũng giống ngày hôm nay, hệt như nhau không có gì thay đổi.

Mỗi tuần một lần, tù nhân cũng được quyền tắm với vẻn vẹn độ bốn lít nước mà thôi.

Thế bảo sao mà khỏe mạnh được?

Chúng tôi đương ở vào mùa gió bão. Và những tháng lạnh nhất trong năm lại đến làm cho những người kém chịu lạnh, những người sức khỏe kém sút phải lo âu.

Trước tiên xin kể các trận bão. Do nơi nhà cai trị ở đảo không làm đủ nhiệm vụ của họ, nên đã gây ra cho tù nhân lắm khi phải thiệt mạng. Những nhà cửa để giam hãm những tù nhân thường là không được chắc chắn, không đủ sức chống với bão táp.

Năm 1931, "banh" Sở lưới bị bão sập, đè chết mất bao nhiêu là tù. Đã phải dùng nhiều xe bò mới chở hết được xác tù lôi trong những đống nhà sụp đổ ra. Lúc gió to, có một ngục tối có người Việt đương đứng trước cửa "banh" tay cầm chìa khóa, nhưng người này không dám mở cửa "banh" thả tù ra, vì chưa có lệnh của cai ngục Tây.

Kinh nghiệm đau đớn kia chỉ bổ ích cho bọn Chủ ngục thôi, vì sau trận bão sập nhà "banh" này thì tên Quản đốc và bọn cai ngục được sửa chữa nhà cửa của chúng nó cho thật vững chắc để có thể chống với gió bão.

Còn những người tù thì vẫn tiếp tục ở trong những nơi mà nhà cửa làm đã lâu đời, luôn luôn lo sợ cho số phận của mình, vì nhớ đến những người đồng cảnh với họ vừa qua đã bị thiệt mạng.

"Banh" số 1 chắc chắn là khó lòng chống lại được những trận bão sắp xảy ra.

Mỗi khi gió mạnh, các mái nhà lợp tôn kêu rắc rắc. Người tù sợ mất vía, chạy chui rúc vào các hầm cầu tiêu hoặc trốn ở các hốc cửa để tránh cho khỏi bị mái nhà khi nó sập xuống có thể đè chết. Thật là một cảnh tượng đáng đau buồn khi trông thấy những người tù tranh cướp một vài chỗ trốn tránh mà thực tế cũng không đem lại hy vọng gì vững chắc cả. Những đêm mưa bão thì người tù đã phải thức suốt đêm run rẩy vì lạnh và vì lo sợ.

Sáng ngày, khi bão đã qua rồi gió lặng lại phải đi làm, mặc dù đêm qua đã thức đêm mệt nhọc lả người đi rồi.

Thế mà những đêm dài tai quái ấy lại thường kế tiếp nhau trong mùa bão táp, nghĩa là gần suốt nửa năm. Thực thế, mùa mưa, mùa sát nhân ấy kéo dài đến sáu tháng trời.

Còn như đời sống hằng ngày của người tù, không khi nào có gì vui hơn cả. "Banh" thì chật chội tối tăm. Trong khi đêm tối như mực, mỗi lúc đi cầu tiêu cũng có thể dẫm lên mình anh em khác. Do đó, ban đêm có người đi đại tiện hoặc tiểu tiện thì làm cho nửa khám phải thức dậy. Thế mà số người đi đại tiện, tiểu tiện ban đêm không phải là ít, cho nên tù nhân khổ sai ban ngày làm việc đã mệt nhọc, đêm đến, giấc ngủ lại luôn luôn bị quấy rầy chẳng yên.

Món ăn ghê tởm hằng ngày, toàn là khô mục, quanh năm sinh ra lắm bệnh đi ỉa chảy và kiết lỵ, làm cho sự kiệt quệ của sức lực tù nhân ngày càng trầm trọng.

Thế mà bọn lính coi ngục lại hay gắt gỏng, đối với việc tù nhân đi khai bệnh để thầy thuốc khám quá đông.

Thỉnh thoảng một thân hình tiều tụy giống như một miếng giẻ rách đã phải ngủ lăn ra trên nền nhà xi măng trơn và ẩm ướt để rồi không bao giờ trỗi dậy được nữa. Bọn cai trị nhà ngục rất quen thuộc với điều này, nên thấy thế cũng cho là chuyện thường, bỏ qua không hề có tý gì cảm xúc nữa. Năm 1931, bao nhiêu tù nhân đã phải bỏ mạng hàng loạt một cách bi đát cũng không làm cho bọn chủ ngục lay chuyển. Bảo chúng nó phải sửa chữa lại các "banh" cho chắc chắn, phải tổ chức lại đàng hoàng là một việc vô ích thôi.

Ở Côn Lôn cũng như ở trong tất cả các nhà ngục của đế quốc, tù chết chừng nào tốt chừng nấy.

Bọn làm chủ chế độ hiện hành lại cũng lấy thế làm thỏa mãn.

"Banh" số 1 là "banh" của những tù bị xử án giam và khổ sai. Ở đó thường phạm và chính trị phạm ở lẫn lộn với nhau. Nhà cai trị các ngục thất không hề phân biệt những kẻ sát nhân hay trộm cướp với những người lao động can đảm và ngay thật chỉ có một trọng tội là đã tổ chức một cuộc đấu tranh nào đó để bênh vực cho quyền lợi sống còn của họ. Giữa những kẻ chuyên đi phá phách cướp giựt những người đồng loại và những kẻ chỉ đòi hỏi đưa lại hạnh phúc cho quần chúng bị bóc lột, trước con mắt nhà cai trị ở ngục tù không có gì khác nhau cả.

Cả hai đều bị đưa đi làm những công việc khổ nhục nhất mà

người ta không thể tưởng tượng được.

Mỗi ngày bọn lính coi ngục tha hồ dùng roi mây, roi gân bò để xua đánh người đi làm khổ sai đủ việc, đại để như xuống đáy biển để lấy đá san hô, chở đá, kéo trục, lăn đường, dọn tàu.

Những người tù rất sợ hãi phải bị bắt đi làm những công việc khổ sai như thế.

Đi lấy đá san hô

Khi nước thủy triều rút xuống, bọn tù nhân ở "banh" số 1 phải bị bắt đi lấy đá san hô.

Ban ngày hay ban đêm, bất kỳ lúc nào, bất kể trời mưa hay trời nắng, cũng cứ phải đi lấy những thứ cây biển ấy.

Mỗi người tù chí ít cũng phải lấy cho được về nạp đủ 30 gốc san hô. Khi không nạp đủ số tối thiểu ấy thì bị gậy phang và bỏ vào ngục tối.

Biển thì nước sâu, đêm trời lạnh, mặc kệ, cứ phải lặn xuống mãi! Những san hô bé thường có những đầu rất nhọn, mặc dù thế cũng cứ phải lấy. San hô lớn hơn thì bám rất chắc xuống đá sỏi, phải dùng một thanh sắt ráng sức bẩy lên mới bứt rễ được. Khi bọn tù làm xong việc mà trở về "banh" thì chân tay bị đổ máu. Dầm tay nước mặn lâu quá, các vết thương càng thấy đau xót vô cùng.

Lạnh run lên, đau xót nhức nhối, mệt nhoài ra, những người tù khốn nạn vẫn phải tranh thủ nhắm mắt một tý để có sức sáng hôm sau trở lại công việc nặng nhọc ấy của đời tù khốn khổ.

Bắt phải làm như thế để mà "đền tội với xã hội", đó là câu đầu lưỡi của bọn thống trị.

Đàn bò không sừng

Thường thường người ta dùng bò để kéo những xe nặng nề. Ở Côn Lôn không cần gì bò, bọn tù có thể thay thế cho bò để làm công việc kéo xe nặng nhọc ấy. Chính họ là "đàn bò không có sừng", thật là những con vật để kéo!

Phải chở những hòn đá to nặng từ trên đỉnh núi xuống đường dốc. Lắm lúc tảng đá nặng kia lăn nhào, đè nát những thân hình da bọc xương của bọn khốn khổ!

Những mạng sống của người tù đáng giá là bao! Đá cứ đè chết đi năm bảy mạng thì bọn lính coi ngục lại có nhiều mạng khác để thay thế.

Côn Lôn cũng là một nguồn thu nhập có lợi đối với ngân sách. Chúng bay dẫu ăn cơm đầy thóc, ăn khô mục gì đi nữa, cũng cứ phải đóng góp vào khoản thu nhập cho ngân sách và mãi cho đến ngày bay bỏ mạng như chó chết!

Những kẻ phải kéo trục lăn đường cũng không hơn gì kẻ làm đá, trục lăn nặng lắm. Đá sỏi thì nhọn và sắc, trời nắng cháy da.

Con người phải thay cho thú kia, đi chân không, lưng còng muốn gãy, nhưng ráng thẳng gân, mọi người giống hệt như những bạn hữu đang bị hành hình trong địa ngục, đều phải cố hết sức để kéo cái trục khổng lồ ấy. Bọn ngục tốt đứng trực sẵn bên cạnh mọi người. Thấy ai hơi trễ biếng một chút là múa hèo, múa gậy giáng xuống chan chát không hề mỏi tay, mặc kệ cho kẻ tù bị bể đầu gãy xương.

Nhanh lên, mau lên! Làm hối hả đi! Bả vai, tay chân đều bị trúng thương đau đớn, mồ hôi như tắm, ướt đầm; thân hình trần trụi trông rõ lằn ngang lằn dọc dày đặc.

Bọn tù không còn phải là những con người nữa. Số phận của họ còn không bằng vật.

Sự trả thù của bọn tư bản bóc lột thật rõ ghê rợn!

Bức thư Côn Lôn

Hôm nay, chúng tôi cho đăng một bức thư sau đây vừa mới nhận được do những tù chính trị ở Côn Lôn gửi về.

Những việc mà các thông tin viên của bản báo kể ra sau này đều là những việc vừa mới xảy ra. Nhưng vẫn không phải là những trường hợp cá biệt.

Những việc sau đây là thuộc vào hệ thống của một chế độ dùng roi vọt và ngục tối để trừng phạt mà bọn cai ngục cho là không thể thiếu được, vì nếu không sử dụng chế độ ấy thì khó lòng mà bảo vệ ưu thế của bọn họ.

Anh chị em lao động có nhiệm vụ tranh đấu chống lại những việc tàn bạo nói trên và buộc bọn cai trị ở các nhà ngục phải chấm dứt chế độ hình phạt ghê tởm ấy đối với hàng trăm nghìn chiến sĩ thợ thuyền.

"Chúng tôi xin tường thuật một sự việc chuyên chế tối dã man mà đồng chí Nguyễn Chí Diểu của chúng tôi đã phải chịu đựng. Đây chỉ là một trong nhiều trường hợp như vậy.

Ngày 28 tháng 8 vừa qua, chúng tôi phải đi dọn một xà lan chở lúa ở ngay bãi Sở Lưới. Để tổ chức thời giờ và công việc làm cho được hợp lý, người cai trông nom công việc khổ sai đã chia chúng tôi thành hai kíp luân phiên nhau mà làm, hễ kíp này làm thì kíp kia nghỉ. Chúng tôi làm việc như thế đã trải qua bốn giờ đồng hồ thì thình lình, tên gác điêng Xếp Cờritsơchiani đến.

Hắn trông thấy một số tù nghỉ trong khi một số khác nai lưng làm thì hắn lấy cây gậy to tướng bằng nắm tay, đánh túi bụi mặc dù tên cai cắt nghĩa gì hắn cũng chẳng thèm nghe. Đồng chí Diểu của chúng tôi thấy thế nghĩ rằng cần phải trình bày cho tên gác điêng Xếp biết rằng nghỉ như thế là do người cai trông coi công việc đã cho phép. Nhưng đồng chí Diểu mới bước ra, vừa mới mở miệng thì những bản cù ngoéo (tức là cái gậy của tên gác điêng Xếp) đã bổ đốp đốp vào đầu Diểu, rồi tên Cờritsơchiani ra lệnh đưa Diểu giam ngay vào ngục tối. Sáng hôm sau, trước buồng giam phạt của Diểu đã có tấm bảng đề rõ:

"Không chịu làm việc.

Đã cổ động bọn đồng tù không chịu làm việc.

90 ngày phạt giam ngục tối với 10 ngày phạt cơm nhạt".

Không còn cần bình phẩm gì thêm nữa! Hai chân bị cùm cả ngày đêm, đồng chí Diểu của chúng tôi chỉ còn có quyền mỗi ngày một bát cơm nhạt với một ca nước lã mỗi bữa, phải chịu ở trong phòng giam bẩn thỉu hôi thối đóng kín mít không một tia sáng nào lọt vào được.

Chế độ đó kéo dài hơn một tháng thì cai ngục chuyển đồng chí Diểu xuống hầm xay lúa, một khám giam đóng kín mít đến ba mặt rưỡi. Ở đây phải làm việc suốt ngày trong bụi bặm mù mịt hết sức khó thở từ sáu giờ sáng đến 14 giờ rưỡi, trưa chỉ nghỉ độ mười phút để ăn cơm. Ban đêm bọn tù xay lúa ngủ trong khám đầy bụi bặm nhớp nhúa, hai chân phải cùm cả hai.

Một việc khác, về dọn xà lan lúa. Ngày 30-10 vừa rồi. Thói thường, tù đi làm từ 10 giờ sáng suốt cho đến 14 giờ 17 phút chiều thì nghỉ. Lần này tù chúng tôi làm suốt từ 7 giờ sáng đến 17 giờ 20 chiều không được nghỉ một phút nào. Cần nói rõ là chưa hề được ăn cơm chiều. Mệt lả người ra và đói, không còn có sức lực đâu tiếp tục công việc được nữa, chúng tôi quyết định phải xin phép được về "banh" nghỉ. Đúng lúc ấy tên Xếp Cờritsơchiani đến kiểm tra công

việc làm, chúng tôi kéo đến trước hắn và một người đồng chí của chúng tôi, tên là Truyền, đứng ra trình bày với hắn để đưa lời yêu cầu như đã sắp sẵn. Tên Cờritsơchiani chưa kịp nghe nói hết lời thì đã lập tức bổ cù ngoéo xuống người Truyền lia lịa và bảo dắt đi bỏ ngục tối. Trước cửa ngục cũng dán tấm bảng nhỏ đề rõ: "Đã diễn thuyết xúi giục các bạn bỏ công việc khi chưa đến giờ nghỉ vào hồi 17 giờ 20 phút, phạt 30 ngày ở hầm một người".

Cần chú ý rằng viên Quản đốc đề lao mới báo nhầm là Cờrêmadi, một tay trung thành với chính sách của Rôbanh và của Pagie lúc này cũng đang có mặt ở đó. Nhưng ông ta ngoảnh mặt làm lơ rồi cút luôn, cốt tránh cho khỏi phải bận lòng về công việc ấy.

Các việc vắn tắt trên đây phản ánh một phần nào cái chế độ chuyên chế và dã man hiện đương hành hạ anh em tù chúng tôi".

Cuối tháng 10 năm 1934

Bãi Bằng là cơn ác mộng của người tù. Công việc ở nơi này hết sức là khó nhọc. Chính là phải kéo những khúc gỗ khổng lồ

Trên 90 người tù ở đây thì ít nhất đã có đến 20 người phải nằm bệnh xá vì rằng họ bị gãy tay, gãy chân, hoặc bị mắc bệnh sốt rét rừng không hề dậy nổi. Độ 10 người khác thì bị phạt hầm xay lúa. Đấy chính là những kẻ bị bắt lại vì phải đánh liều bỏ trốn, thà ra sao thì ra chứ không sao chịu đựng nổi công việc làm quá sức đến ghê gớm như thế.

Tất cả số tù ở Bãi Bằng do tên đội Chay, số 52, coi giữ. Tên đội này sinh trưởng ở Côn Lôn nên cũng có thể hiểu được hắn ta vốn là người có tâm trạng chẳng khác gì như loài thú dữ. Đội Chay đã có một lần đánh một người tù phát lưu bị trọng thương gần chết.

Thầy thuốc Nhã buộc lòng phải làm báo cáo lên cho Quản đốc đề lao là Buviê về sự đánh người nói trên. Nhưng đội Chay chỉ bị chủ hắn quở sơ sài vô hại thôi, như thế là thông thường. Bọn gác điêng càng hung ác thì chúng càng được khen thưởng! Nhà cai trị ngục tù chịu trách nhiệm trước bọn chủ nhân của chế độ là phải tận lực thi hành sự trừng phạt ghê gớm để trả thù đối với người tù.

Từ năm giờ sáng đã phải trèo lên núi để đưa xuống bãi bao nhiêu khúc gỗ do một kíp tù nhân khác đã đốn sẵn.

Độ khoảng 40 tù phải làm xong tất cả công việc mà chí ít cũng phải khoảng 60 người mới làm nổi, vì những khúc gỗ kia hết sức nặng.

Mặc kệ, làm không nổi thì đã có cù ngoéo chực sẵn để thúc ép công việc tăng tiến, có hiệu quả. Sự độc ác của tên đội Chay thật khó mà tưởng tượng được.

Hắn chỉ cho tù ăn khi nào công việc khổ cực nặng nhọc của họ được hoàn thành. Từ 5 giờ sáng cho đến 3 giờ chiều, nếu khúc gỗ không được lôi về đến xưởng thì không cho dọn cơm ở "banh", mặc dù thức ăn đã hôi thối. Khi người ta đã thấy rằng từ đầu năm cho đến cuối năm, chỉ trừ ngày mồng Một Tết ra thôi, Sở Bãi Bàng công việc cứ chạy đều thì người ta mới hiểu rõ là bao nhiêu người tù phát lưu đã phải tự tử vì đuối sức rồi, vì quá đỗi mệt nhọc, đói khát; bị đánh đập thành thương tật nhiều bận lắm rồi. Cũng không thiếu những người tù đã tự để cho gỗ lăn nghiến giập hai chân, hoặc tự chặt tay, chặt chân đi cho thành người tàn phế, hòng được sống sót ở nhà thương của kẻ mắc bệnh hủi phong, vì ở đó có thể nghỉ ngơi!!! Xứ thuộc địa xuất cảng gỗ, ngân sách cần phải có thu nhập.

Mặc kệ cho bọn tù kia, "bọn phản đối chế độ" phải chết!

Sở Chuồng Bò

Một địa ngục khác nữa!

Sở Chuồng Bò chuyên môn đốn cây đốn củi. Tù Sở này cũng đi làm từ 5 giờ sáng. Mỗi người tù phải đốn cho được một thước rưỡi củi mỗi ngày, ai không làm đủ số củi thì phải bị phạt 60 ngày hầm và đánh đập bằng cù ngoéo.

Từ chân núi trèo lên đến Sở Củi đi mất 2 cây số đường qua những bụi bờ gai góc. Trần truồng như khỉ, những người tù phải lặn lội vào tận rừng sâu để chặt cho đủ số củi. Sau khi kiếm được đủ số củi rồi, cần phải khuân vác về "banh".

Rất nhiều người tù không kham nổi chế độ địa ngục như thế đành phải kiếm cách bỏ trốn. Nhưng hầu hết họ đều bị bắt lại và bị phạt, lần thứ nhất ba mươi ngày hầm tối, nhưng lần sau tăng lên 60 ngày. Có người đã bị phạt đến lần thứ hai mươi vì đã bỏ trốn, chính vì họ cho rằng thà ở hầm, thà bị cá mập biển Đông ăn thịt vẫn còn sướng hơn Sở Chuồng Bò.

Tù nhân tự tử

Từ nhà tù Sơn La đày ra Côn Lôn một trăm năm mươi tù phát lưu. Bọn lính coi ngục để họ nghỉ ngơi một lúc ở "banh" số 2.

Kế đó, chúng chọn tù nguy hiểm nhất – những người đã từng đấu

tranh ở nhà lao Hải Phòng – bỏ vào hầm xay lúa. Còn lại khoảng một trăm, chia đi các sở ở toàn đảo và để ở Chỉ Tồn. Phận sự chính của Chỉ Tồn là đi lấy san hô ở đáy biển.

Bọn tù khốn khổ mới đến kia như thế là được đẩy đến chỗ chết không nghi ngờ gì nữa.

Nhất là khi bọn họ đã mắc phải từ Sơn La chứng bệnh sốt rét đái ra máu, một chứng bệnh thường bị mắc phải ở nơi hết sức độc. Tất cả bệnh nhân đều đái ra máu và mỗi ngày lên cơn sốt chí ít cũng ba lần.

Thế mà suốt ngày đêm lại phải hụp lặn trong bể nước giá lạnh.

Thật rõ ràng sự độc ác của bọn Chúa ngục không sao kể xiết, kết quả là một số tù nhân – không chịu đựng nổi chế độ ghê tởm ấy– mới quyết tâm tự mình kết liễu cuộc sống của mình.

Một người tù trong bọn họ mới trèo lên cây; trong khi tên Quản đốc và tên gác điêng Xếp đề lao đi ngang qua đấy, buông tay rơi xuống cho chết. Người tù này tưởng rằng làm thế để cho nhà đương cục của đề lao lưu ý đến số phận của những người bị tù đày.

Một người tù khác thắt cổ chết ở bệnh xá. Một người tự treo cổ ở Sở Cống Dừa mà người ta chỉ tìm thấy xác của anh ta một khi xác ấy bị chó xé thịt và tha từng mảnh về "banh" ăn.

Cái chết đối với tù nhân còn hơn là cuộc sống khốn khổ!

Những công việc quá sức người, những sự bạc đãi, những sự đánh đập bằng cù ngoéo thường khó chịu hơn là một sợi dây định mệnh!

Các bệnh

Bệnh phổ biến nhất ở Côn Lôn là bệnh sốt rét rừng. Tất cả người tù làm khổ sai ở các Sở Bãi Bằng, Cỏ Ống, Sở Đầm, Sở Tiêu, Đất Dốc, Ông Hội, An Hải, đều ít nhiều mắc phải bệnh này.

Nhiều người bị, ruột có đầy cả mủ. Đến mùa mưa, trong số sáu chục người tù, hai mươi đã phải nằm bệnh xá.

Những người tù khác không khỏi có ba cơn mỗi ngày. Lắm lúc họ nằm bất tỉnh. Cuốn chiếu lại, mặc dù giờ làm việc đã đánh kiểng, đánh trống. Chỉ sau khi cù ngoéo của bọn gác điêng vụt lên đầu, lên mình họ, họ mới gắng trỗi dậy để đi làm, mặc dù là không làm nổi.

Năm 1933, ông già Phú, bị án bảy năm khổ sai, làm ở Sở Cỏ Ống dưới quyền cai quản của tên đội Liền, đã phải thắt cổ ở cây bồ

để lớn, vì rằng bọn lính coi ngục bắt buộc ông già phải đi làm trong khi đang lên cơn sốt.

Nhiều khi tù phải khiêng những người đồng cảnh của họ từ "banh" đến bệnh xá. Nhưng thường đến bệnh xá chỉ còn là những xác chết thôi. Vì ở Côn Lôn, người ta chỉ cho nghỉ khi nào đã hấp hối rồi.

Bệnh xá thường là ở xa Sở. Ví dụ từ Sở Đầm phải đi mất chí ít mười cây số mới xin được một viên thuốc ký ninh.

Ở Sở Đốn Cây cũng như Sở Đất Dốc, Chuồng Bò, Bãi Bằng, những tai nạn lao động luôn luôn xảy ra. Sáng nào người ta cũng thấy, khiêng đến bệnh xá những người tù bị gãy một chân hoặc một tay.

Những chứng bệnh khác cũng thường có, như bệnh đau ruột, ung túi dạ dày, chính là do chế độ ăn uống khô mục đầy vôi và cơm đầy thóc mà sinh ra.

Chẩn đoán của thầy thuốc thường đề trên sổ của các người chết là "ăn uống ngộ độc".

Bệnh lao phổi cũng hoành hành tợn trong đám người tù. Trong các khám giam thiếu không khí và số người tù ở khám lại quá nhiều làm cho bệnh lao phổi chóng phát triển.

Hàng ngày chỉ có một số độ 40 người tù được đi khám bệnh, vì sự khám bệnh rất hạn chế. Số thừa ra chưa được khám bệnh thì bị trả về Sở làm và bị phạt không được ăn cơm trong ngày ấy.

Chế độ vệ sinh

Không cần phải là một thầy thuốc lành nghề để làm Giám đốc Bệnh xá Côn Lôn. Vì ở đây việc khám bệnh, cho thuốc thường làm theo một tốc độ không thể tưởng tượng được.

Anh ho thì cho anh một liều thuốc nước chỉ khác đau phổi, anh tức ngực thì cho anh một gói thuốc bột Pheriê. Anh đương lên cơn sốt rét rừng thì cho một viên ký ninh!

Vì thế, tù nhân đã thuộc lòng các vị thuốc mà họ có thể xin được, mỗi khi đi khai bệnh.

Bệnh xá gồm có ba phòng để cho người bệnh nghỉ. Phòng số 1, và số 2 dành riêng cho những người tù đương chờ chống án lên tòa phá án. Trong hai phòng này, tù chính trị và tù thường bị ốm, đều nằm lẫn lộn với nhau trên xi măng ẩm ướt và bẩn thỉu.

Đối với những người tù bị giam ở "banh" 2 thì được ở trong một phòng đặc biệt, tức là phòng số 3 hết sức hẹp, tối tăm, hôi hám.

Thật là kỳ khôi các phòng ở bệnh xá! Cái phòng thoáng khí làm sao! Có bốn cửa sổ chỉ mở trong những giờ làm việc, sáng từ sáu giờ đến mười giờ, chiều hai giờ đến năm giờ. Ngoài ra thì đóng kín mít.

Phần đông người bệnh đều mắc bệnh lao phổi. Người ta có thể dễ hiểu là với một chế độ vệ sinh như thế thì người mắc bệnh lao phổi thế nào cũng phải qua thế giới bên kia mà thôi.

Các cuộc kinh lý thanh tra

Mỗi năm đều có một Thanh tra thuộc địa đến Côn Lôn. Ngài viên chức cao cấp của Đệ tam Cộng hòa đó cũng phải tốn công đến viếng các "banh" của nhà ngục.

Ngài có hỏi qua loa các người tù.

Này các người có kêu nài gì không? Được lắm, để rồi chúng tôi sẽ cho sửa đổi tất cả cái ấy!

Tuy nhiên, năm này qua năm khác, hết ngài Thanh tra này đến ngài Thanh tra khác, chế độ khắc nghiệt bất nhân của Côn Lôn vẫn cứ đè lên đầu lên cổ người tù ngày càng nặng thêm.

Này các người có kêu nài gì không?

Nhưng hãy coi chừng, chú nào láu táu phàn nàn bất kỳ một cái gì đi nữa thì chắc sau khi ngài Thanh tra đi rồi cũng sẽ bị trừng phạt mà thôi.

Năm 1933. Biện lý Lêgiê lãnh tránh nhiệm đi thăm viếng; các "banh" tội nhân có kêu nài xin được ăn thịt. Có biết Biện lý Lêgiê trả lời tù nhân sao không? Thì hãy nghe đây này:

Ăn thịt à, đối với các người chính là phải vệ sinh, cá khô mà các người ăn thường bữa cũng ngon như cá mòi của chúng tôi ăn chứ!

Rõ thật quan biện lý Lêgiê tính tình dễ dãi quá! Nhưng không biết ngài có bằng lòng đánh đổi cá mòi của ngài lấy khô mục thiu nát của người tù chăng?

Năm nay, quan Thanh tra Tờritông một mình ra thăm ngục, ngài ghi chép tất, ngài khuyên mọi người hãy tin tưởng vào lượng khoan hồng của Chính phủ.

Than ôi! Từ khi ngài về rồi, thì lời hứa của ngài chẳng qua cũng như bao nhiêu nước chảy ở dưới cầu!

Tình hình cảnh sống của người tù đâu vẫn đấy. Ghê rợn và vô nhân đạo đến tột bực.

Toàn xá

Các bạn đọc có thể thấy được trong mấy bài liền của chúng tôi đã đăng lên báo, rằng chế độ mà người tù phải chịu đựng do bọn Chủ ngục ở Côn Lôn thi thố thật không sao tưởng tượng được.

Cung cấp thức ăn không đủ ăn và không thể ăn được.

Nhà ở luôn luôn bị hăm dọa sẽ sụp đổ mỗi khi có xảy ra bão tố.

"Banh" hết sức chật hẹp, nhốt số tù quá đông đúc.

Chế độ vệ sinh hoàn toàn thiếu.

Công việc khổ sai hết sức khó nhọc.

Bọn cai ngục đối xử rất bất nhân.

Như thế là bọn thống trị, bọn đầu sỏ của chế độ hết sức bằng lòng về sự trả thù ghê tởm mà tay chân của chúng đã áp dụng đối với những kẻ bại trận.

Ngoài ra người tù có làm gì để xứng đáng phải chịu hình phạt trả thù, dầu nặng hay nhẹ?

Hiện nay mọi người đều nhất trí rằng quần chúng thợ thuyền và dân cày đời sống nghèo khổ đến ghê gớm. Hiện nay dân quê bao nhiêu người không có cơm ăn, áo mặc. Bao nhiêu nhà tranh vách đất, ban đêm không có đèn thắp.

Trong lúc ấy thì các quan Thủ hiến tìm đủ phương pháp cố thu thuế cho thật nhiều để thăng bằng cho được ngân sách của họ.

Đáng lẽ người ta cũng rõ được cái tình thế nó thúc bách quần chúng đói khổ phải đòi ruộng đất, đòi cơm áo.

Đáng lẽ người ta cũng cảm thông được những cuộc biểu tình khổng lồ làm lay động bao nhiêu tầng lớp khốn đốn nhất trong xã hội.

Thế nhưng sự hoảng hốt của bọn tư bản Pháp và tư bản Việt Nam trước đây đã bắt buộc và hiện nay cũng vẫn còn bắt buộc các tòa án đặc biệt phải phán xử những án dã man ghê tởm.

Hội đồng Đề hình ở Bắc Kỳ và tòa Đại hình Sài Gòn, cả hai tòa án lập ra bởi những nhân vật chính trị ở mẫu quốc đã từng quen biết với cựu Thủ tướng Pháp là ông Đalađiê, đảng viên Đảng Xã hội cấp tiến, cả hai tòa án hung dữ kia chỉ xử những án tử hình và chung thân phát lưu mà thôi.

Than ôi! Cuộc khủng hoảng vẫn cứ kéo dài, ngày càng sâu sắc

thêm. Những sự bất an trong xã hội này không tài nào chấm dứt, dù đã xử tử một ít người "Cộng sản quấy rối", vì rằng nguyên nhân của những sự bất an ấy là do sự nghèo khổ, khốn quẫn của quần chúng mà ra.

Tội lỗi không phải do những kẻ đói khổ gây ra. Những người thợ thuyền và dân cày bị đày đi Côn Lôn, đi các nhà ngục ở Ynini, và ở Đông Dương cần phải được trả lại tự do cho họ.

Một loạt ân xá rộng rãi hoàn toàn cần phải được ban bố, đó là yêu sách không phải chỉ của những người lao động ở xứ này, của toàn dân, mà còn chính là của giai cấp vô sản và giới trí thức nước Pháp nữa.

Thôi thôi! Đắng cay khổ cực đã quá lắm rồi! Sự đối xử vô nhân đạo như thế cũng vừa đủ rồi!

Lượng khoan hồng kỳ khôi và vụng về của ông Rôbanh vừa mới ban cho, cần phải ban bố tiếp lệnh phóng thích tức khắc và hoàn toàn tất cả những người đương còn bị giam giữ.

Trước khi chưa phóng thích hoàn toàn thì nay nhà chức trách ở các nhà ngục hãy sớm cải thiện chế độ khủng khiếp mà tù nhân đương phải chịu đựng.

Nhất thiết không được cho ăn khộ mục, trộn khô đầy vôi bột, nguyên nhân gây ra nhiều bệnh tật chết chóc. Phải thỏa mãn những sự đòi hỏi của người tù được ăn thịt, ăn rau tươi do họ tự trồng lấy, được phép nhận quà ở gia đình họ gửi tới.

Nhất thiết không được đánh đập, không được bắt tù nửa đêm, mưa bão phải lặn xuống biển để lấy đá san hô.

Đau ốm, phải cho nghỉ việc và được chăm sóc thuốc men; bệnh gì phải có thuốc nấy.

Phải lập tức bãi bỏ hầm cấm cố xay lúa.

Cho phép người tù được nhận sách gửi vào.

Những sự đòi hỏi trên đây hết sức hợp lý, không vì lẽ gì mà lại không được coi trọng.

Những người lao động, những người lương thiện phải thúc ép Chính phủ làm thế nào để cải thiện đời sống tình cảm của tù nhân.

Lập tức ân xá

Những người lương thiện cần phải hợp tác với anh em lao động đòi cho được phóng thích phạm nhân.

Đứng về danh nghĩa của hàng nghìn, hàng vạn người tù ở Côn Lôn cũng như ở các nhà ngục khác trong cõi Đông Dương, chúng tôi đã nêu ra ít nhiều nguyện vọng mà chỉ cần chút hảo tâm của các nhà cai trị thì cũng đã thực hiện được rồi. Nói rõ ra là cần có sự thúc ép không mệt mỏi của quần chúng lao động thì mới có hiệu quả.

Muốn cải thiện chế độ ăn uống, thuốc men, chỉ cần tuân theo đúng như các khoản ngân sách đã dự chi là cũng đủ rồi.

Không ai lại có thể tưởng lầm rằng chính quyền đã bắt buộc phạm nhân phải ăn cá khô. Nhưng những món khô mục có rắc vôi bột chẳng qua chỉ là công lao của bọn đấu thầu tham lam đồng lõa với bọn Chủ ngục ăn hối lộ gây nên khốn khổ cho tù đó thôi.

Thế thì rõ ràng là uy tín của Chính phủ không hề bị đả động gì đến, nếu người ta để ý kiểm soát nghiêm khắc công việc quản lý của các Sở đề lao, song tiếc rằng từ trước đến nay các Sở đề lao đã tha hồ làm mưa làm gió đối với người tù mà không ai ngó ngàng đến.

Một phần thuế do chúng ta đóng góp đã phải dành để gánh chịu những phí tổn về việc nuôi các người tù đã bị các tòa kết án một cách đặc biệt. Vì thế mà chúng ta có quyền đòi hỏi người ta phải cho người tù ăn uống đàng hoàng, đòi hỏi cho người tù đau ốm phải có thuốc men cứu chữa và được săn sóc chu đáo.

Chúng ta đòi từ nay trở đi, công việc khổ sai phải được bãi bỏ; những kẻ coi tù hung bạo bất nhân phải chịu trừng phạt bởi cái chế độ ghê tởm mà hiện nay chúng đương bắt những người tù phải gắng chịu hết sức dã man.

Nhất thiết không được dùng roi mây, cù ngoéo nữa; nhất thiết phải bỏ hẳn việc đánh đập tù nhân.

Nhất thiết không được dùng báng súng, gậy gộc, súng sáu, súng trường để đàn áp tù nhân như thế nữa.

Những yêu sách đó thật là thích đáng, thật là còn ít ỏi lắm. Những yêu sách đó không phải do ý chí cách mạng hay cộng sản gì nêu ra đâu. Đó chẳng qua là vì lòng nhân đạo mà nêu ra đó thôi.

Tất cả những kẻ nào không thể chịu đựng những sự bất công cần phải đấu tranh cùng chúng tôi để đòi cải thiện sinh hoạt của các nhà tù và đòi thả ngay lập tức và tất cả.

Vì rằng phóng thích hàng nghìn, hàng vạn những kẻ chỉ vì sự khủng bố của Chính phủ mà phải khổ hình, đối với tất cả những người lao động chúng ta, đó là một sự lo lắng và đòi hỏi trên hết.

Phải kéo họ ra khỏi các nhà tù!

Chúng ta càng phản đối mạnh bao nhiêu thì đòi hỏi của chúng ta sẽ được giải quyết có hiệu quả bấy nhiêu.

Dầu rằng những người cai trị có cứng rắn đến mấy đi nữa cũng phải nhượng bộ trước sức đấu tranh kiên quyết của quần chúng.

Ở bên Pháp, giới lao động đều ủng hộ chúng ta, họ luôn luôn đòi hỏi phải phóng thích tù nhân ở Đông Dương. Đối với họ thì công việc cứu thoát những kẻ đã bị các Hội đồng Đề hình, các tòa án quan lại, các tòa Đại hình kết tội là một danh dự và một nhiệm vụ.

Ở diễn đàn Quốc hội bên Pháp, ông Mutê vừa rồi đã trình lên Thượng thư Bộ Thuộc địa một danh sách gần 30 nghìn người ký tên đòi ân xá hoàn toàn. Danh sách ấy, đều là những người có danh tiếng ở bên Pháp như các ông Bacbuýtxơ, Rôlăng, Langgiơvanh, v.v...

Công việc đòi hỏi này thật là chính đáng lắm, không có lẽ gì mà những người lương thiện như chúng ta lại không đồng lòng với 30.000 người Pháp đã ký tên kia để cùng đấu tranh đòi cho được.

Hiện tại xứ Đông Dương này, tất cả chúng ta ai nấy đều có nhiệm vụ phải đấu tranh để đòi phóng thích tất cả những người hiện đương chết dở, sống dở trong khắp các nhà ngục.

Mặc dù tất cả những người Pháp hay người Nam tuy không phải là người vô sản đi nữa, nhưng mà vẫn có một tấm lòng nhân đạo và yêu chuộng công lý hãy nên mau mau gửi lên Chính phủ để yêu cầu.

Ân xá ngay lập tức cho tù nhân!

Triệt bỏ tất cả các tòa án đặc biệt và chế độ hình phạt hiện hành đối với người bản xứ!

Một nhân viên xứng đáng của ông Pagie: tên Cơrêmadi, Quản đốc Côn Lôn

Từ khi báo La Lutte của chúng tôi cho đăng một loạt bài về Côn Lôn, đã có một vài cải thiện đối với chế độ hèn hạ.

Những sự đòi hỏi của chúng tôi thật là đúng đắn và hợp lý, nên Chính phủ không thể làm ngơ mà không đếm xỉa đến.

Tuy vậy mà hiện nay ở Côn Lôn, có một chú Quản đốc nhiệt tâm với phận sự Chủ ngục của mình quá lắm, đến nỗi mà bao nhiêu những sự chú ý ít ỏi của quan Thống đốc Pagie không sao đưa lại chút ảnh hưởng gì may mắn cho tù nhân.

Nghĩa là hiện nay, tù nhân đã có quyền được hưởng thụ cá tươi với điều kiện là khi nào còn thừa cá tươi – vì rằng bọn mã tà và gác điêng đua nhau hưởng thụ cá tươi cho đủ trước đi rồi, còn lại mới đến người tù. Do đó mà thức ăn hằng bữa của tù nhân chỉ toàn là cá khô, muối mặn và mục thối.

Vả chăng đánh cá ở đảo thì có bao giờ được nhiều đâu?

Mỗi tháng được ăn thịt 2 kỳ, mỗi kỳ 2 lạng. Tuy vậy, ân huệ này lại còn phải tùy ở chỗ sở thích của Quản đốc Cờrêmadi nữa.

Gặp khi ông lớn đương bực mình thì những người tù đừng hòng mơ ước tý gì.

Người tù bị phạt ở hầm xay lúa không có quyền được hưởng ân huệ ăn thịt và thường thường người ta vẫn vin vào cớ là lợn bị dịch mà thủ tiêu chế độ ăn thịt.

Có thể được nhận quà của gia đình thân thích gửi từng gói ra đảo, sách cũng cho gửi từng gói; tù phát lưu ở "banh" 2 mỗi ngày được ra chơi trong 6 giờ đồng hồ.

Đó cũng đều là những điều được cải thiện về sinh hoạt.

Thế nhưng những sự cải cách bủn xỉn ấy cần phải được ông lớn ban hành thì mới có.

Ông lớn là người đã sống ở xứ thuộc địa này 34 năm trời rồi, cho nên ông lớn không đánh đập tù nhân đâu. Nhưng với ông lớn thì cần phải làm việc gắt gao mới được, ai không làm thì không ăn. Ông lớn bảo thế!

Nguyên tắc trên đúng quá, chính đấy là xã hội chủ nghĩa thuần khiết. Nhưng thực tế thì chỉ có ông lớn và những kẻ hạ thủ của ông lớn là không hề lao động, còn ở trong nhà tù thì tất cả người tù phải chết dần chết mòn cũng chỉ vì làm việc quá sức mình mà thôi.

Ông Cờrêmadi vẫn ăn, còn ăn quá nhiều kia! Còn người tù của ông đã không được hưởng thịt tươi mà trái lại còn hưởng những giờ làm việc tăng thêm của các ông Xếp "banh".

Sở Chuồng Bò phải nộp thêm củi, mỗi người một ngày phải nộp hai thước rưỡi củi. Để làm lấy mức, ông lớn Cờrêmadi chọn vài người Khơme khỏe mạnh nhất, cho ăn thịt lợn thả cửa, rồi bắt lên núi đốn củi và dặn họ phải cố đốn thật nhiều củi cho ông lớn.

Sau một ngày đốn củi như thế mỗi người ít ra cũng mang về nộp được hai thước củi.

Ông lớn bảo bọn tù chính trị: "Chúng bay cũng phải đốn cho được bấy nhiêu củi như người kia!"

Thế nhưng bọn tù chính trị đâu có khỏe như những người đó và cũng không hề được đãi thịt lợn bao giờ.

Ở Sở Lưới, sở thích của ông lớn Cờrêmadi là tù nhân không được ăn cá. Người nào dám ăn cá, bắt được thì phạt ba tháng hầm. Tù Sở Lưới còn không được phép lượm cá vụn lọt lưới rơi ở ngoài bãi.

Để đi ô tô dạo khắp, ông lớn Cờrêmadi còn bắt làm đường.

Công việc làm đường cho ô tô trên đất núi ở Côn Lôn không phải là một việc nhỏ nhen dễ dàng, đấy chính là một công việc vĩ đại, gian khổ.

Sinh mạng của người tù không đáng kể vào đâu, chỉ cần cho xe hơi độc nhất của ông lớn để lao được chạy khắp trên đảo, mặc dầu bọn tù có đổ máu bao nhiêu thì sá gì!

Cái tên Cờrêmadi, một tên mà bọn tù nghe thấy đã phải nôn oẹ, một kẻ khéo giả nhân giả nghĩa, một kẻ vờ nhân đạo, một tên chỉ có điều giết hại tù nhân bằng cách bắt họ phải làm việc bán sống bán chết.

Thật xứng đáng là một tên đầy tớ trung thành của chế độ!

Ai đã nói dối?

Cũng vì bản báo mở ra một mục đấu tranh bênh vực cho người tù, đòi cải thiện cho số phận của họ, đòi ân xá hoàn toàn và gấp rút cho tất cả tù chính trị mà ông Thủ hiến xứ thuộc địa trong bài diễn văn khai mạc khóa họp Hội đồng Chính phủ năm 1934 đã công khai đả kích, gọi chúng tôi là kẻ nói dối có chức nghiệp, là con sâu làm rầu nồi canh.

Để đáp lại, chúng tôi xin hiến ngay một tài liệu mới tinh và chính xác thêm vào bản hồ sơ để công chúng thấy rõ ai là kẻ đã cố tình bóp méo sự thật.

Sáng thứ hai này, một phạm nhân trong tù là Huỳnh Văn Giáp bị truy tố về tội mưu sát một người gác điêng tên là Aran, đã cung khai trước tòa, làm cho quan tòa hết sức ngạc nhiên và công chúng cảm động. Khai như sau:

"Đời sống của tù nhân chúng tôi ở Côn Lôn thực không sao chịu đựng nổi.

Làm việc quá sức người;

Ăn uống thiếu thốn và bẩn thỉu;

Ốm không có thuốc men, không được chạy chữa;

Ngoài ra, bọn gác điêng vô cùng tàn ác, hình phạt vô nhân đạo;

Lắm khi tôi tự hỏi, tôi có phải là người nữa không?

Những người gác điêng có phải là người nữa không?

Khi đánh đập, gậy gộc bổ vào đầu chúng tôi như mưa; khiên chúng tôi có những phát điên lên, bởi không còn biết than thở nỗi khốn cùng đó với ai nữa;

Chính là trong những trường hợp ấy mà tôi nảy ra ý nghĩ phải đập tên gác điêng, một tên hung ác nhất trong đám gác điêng. Tôi nghĩ rằng chỉ có làm như thế mới được đưa về Sài Gòn, đứng trước các vị quan tòa, rồi tôi sẽ thuật lại đời sống ở địa ngục của các tù nhân Côn Lôn, và dầu rằng tôi bị chết chém đi nữa, tôi cũng tự thỏa mãn và tự an ủi mà chết".

Huỳnh Văn Giáp là một người bị can án về thường phạm, một người không có học, anh đã phát biểu ý kiến của anh một cách rất tự nhiên, rất đơn giản nhưng hết sức kiên quyết.

Đây chính là lời nhắn cuối cùng của một con người mà cái chết đối với người ấy chẳng qua là một sự được giải thoát, vì rằng cuộc đời ở trong nhà ngục chỉ là một cuộc đau khổ kéo dài khốc liệt mà thôi.

Tống cổ tên Cờrêmadi ngay!

Lại còn chuyện về tên Cờrêmadi, Quản đốc đề lao Côn Lôn và chuyện người tù đấu tranh tuyệt thực vì đã cho họ ăn thịt súc vật bị bệnh ngày 2-1-1935.

Thật tình chúng tôi không hề muốn làm quảng cáo cho tên cáo già Quản đốc ấy. Nhưng hắn ta tìm phương này, kế kia để sát hại tù nhân ở Côn Lôn, như thi hành chế độ giết dần giết mòn người tù bằng cách bắt họ làm việc như thú vật và hơn thế lại còn đầu độc họ bằng cách cho họ ăn thịt súc vật bị bệnh, như thế thì bảo chúng tôi im sao được.

Hồi sáng, chúng tôi vừa tiếp chuyện với ông Đuyrôsê, cựu gác điêng ở Côn Lôn, ông Đuyrôsê đã kể cho chúng tôi một câu chuyện như sau:

Ngày mồng Một tháng Giêng vừa rồi, "banh" được lãnh phần thịt bò. Tù được ăn thịt, chao ôi, sung sướng biết bao! Vì muôn thuở chỉ có mục khô mà thôi.

Khốn thay lại vớ phải con bò bị bệnh. Bác sĩ Đờloruýt, thầy thuốc đề lao đã khám xét kỹ và đã có thông báo việc thịt bò bị bệnh này với tên gác điêng coi kho là Pêrinetti.

Lá gan của con bò bị sưng quá to, ruột và phổi bò đều có mủ.

Cũng ngày mồng Một tháng Giêng, Quản đốc đã thết tiệc rượu cho các gác điêng, nhân ngày chúc mừng năm mới. Khi các nhà cầm quyền đề lao đương uống rượu sâm banh và hưởng tiệc rượu ngon lành, thì người tù phải cam tâm nuốt phần cơm đỏ và những miếng thịt bò bị bệnh vừa kể trên một cách buồn rầu.

Dưới chế độ tư sản, những nhà gọi là có lòng nhân từ cũng xem những chuyện như thế là thông thường và tự nhiên thôi, vì đã là tù thì phải ăn thịt bò bị bệnh!

Tất cả các ngài Chủ ngục từ ông "lớn" Quản đốc cho đến những tên mã tà hạng thấp nhất thường thường là khi mà đánh chửi người tù thì ăn nói rất mực lưu loát, nhưng trong trường hợp trên họ đều im thin thít!

Thế nhưng khốn khổ thay người tù lại không chịu ăn thứ thịt bò này, vì họ hiểu rằng ăn thịt bò bị bệnh là tự đầu độc mình.

Một sự đồng tâm đáng khen ngợi!

Đồng thời cũng là một thử thách đối với tên hung thủ chính thức Cờrêmadi, tên này không những chỉ giết tù bằng cách bắt họ làm việc quá sức và chịu bao nhiêu là hành hạ khổ sở, mà còn giết tù bằng cách đầu độc như thế.

Tất cả những ai là người lương thiện đều cùng đòi hỏi phải cách chức tên Cờrêmadi.

Tù nhân Côn Lôn đấu tranh anh dũng đòi cải thiện sinh hoạt. Hiện nay họ bị hành hạ đủ mọi bề, họ đương hấp hối.

Dư luận ở Pháp nhất định sẽ thông qua các tổ chức thợ thuyền mà biết rất rõ về tin tức nói trên.

Chúng tôi kêu gọi những người có lương tâm, những người có lòng khoan hồng đại độ ở Đông Dương phải kịch liệt phản đối chế độ tàn ác của nhà tù hiện nay để đời sống người tù được giải quyết thỏa đáng và phải giải quyết ngay trước khi cù ngoéo của bọn gác điêng bổ trên da thịt rướm máu của những kẻ không hề có ai bênh vực.

Tổng bãi thực ở Côn Lôn. Hàng trăm mạng người đương bị nguy khốn

Từ ngày 1 tháng 3, tù nhân ở Côn Lôn đang đấu tranh chống lại chế độ cay nghiệt mà đề lao đã đối đãi với họ. Bây giờ chúng tôi mới hiểu được tại sao mà các ông Bari và Nađô đã được phái ra Côn Lôn để thi hành sứ mệnh mà họ được giao phó.

Nguyên nhân của phong trào đấu tranh

Ngày 12 tháng 2 vừa rồi, chiếc tàu Méclanh đã chở ra Côn Lôn 125 giỏ cá khô. Trong đó đã mất 100 giỏ toàn là khô mục lúc nhúc những dòi là dòi. Quan thầy thuốc ở đề lao và một số đại biểu của tù nhân loại bỏ thứ khô mục thối ấy đi. Quản đốc Cờrêmadi đến "banh" hai và tuyên bố với tù nhân ở đây như sau:

"Các anh là tù chính trị, nếu có gì không bằng lòng thì trình bày cho tôi rõ. Không nên bắt chước bọn kẻ cướp ở "banh" một. Tôi sẽ trả về cho người thầu một trăm giỏ khô thối, và cứ tin ở tôi là thế nào cũng có thứ cá khô tốt thay cho các anh".

Ông Quản đốc càng nói tốt bao nhiêu thì lại càng làm xấu bấy nhiêu. Đáng lẽ phải gửi trả khô thối ấy trở về Sài Gòn thì ông lớn Cờrêmadi lại đem phân phối cho các Sở tù ở ngoài. Các Sở tù như Sở Đá Trắng, Sở Tiêu, Sở Chuồng Bò hay biết việc này, nên không chịu nhận lãnh thứ khô đã hóa dòi ấy.

Rốt cuộc khi tù nhân đã bắt đầu mất tín hiệu ở lời hứa của ông Quản đốc thì ông lớn mới ra lệnh gửi trả 100 giỏ cá khô đã nhận trước kia, đưa đổ đi để làm phân.

Qua chuyến tàu kế đó, 150 giỏ khô được tiếp tục gửi ra mà chỉ có 50 giỏ ăn được thôi, 50 giỏ này được phân phối cho gác điêng của tù, số còn lại đem phát cho tù nhân ở các "banh" khác, mặc dù họ hết sức phản đối không chịu, cũng bắt buộc họ phải nhận.

Phong trào đấu tranh

Hôm thứ sáu, 1–3, có 27 tù nhân phải đưa đi Bãi Bằng đốn cây. Công việc đốn cây ở Bãi Bằng kéo dài 15 hôm. Số tù nhân bị đưa đi phải lãnh phần ăn cho 15 ngày, số tù nhân này đã từ chối không chịu nhận thứ khô thối kia. Khi ra đến Sở, họ không thể nào làm việc được, vì không có gì để làm thức ăn. Do đó họ bị xiềng lại rồi đưa trả về "banh" nhốt vào khám phạt cơm nhạt.

Ngày 2–3, có 50 tù nhân ở Sở Bản Chế, Sở Tải, bị tình nghi nên cũng bị đem nhốt khám, xiềng, phạt cơm nhạt. Chiều hôm đó, tù nhân ở Sở Chỉ Tồn tỏ lòng hưởng ứng, tương trợ với số tù nhân phạt xiềng, đã bãi thực để phản đối, đòi phải thủ tiêu lệnh phạt bất công

đối với 70 đồng chí của họ.

Tên xếp Cờrítsơchiani hăm dọa: "Súng của chúng tao sẽ trả lời cho những sự đòi hỏi của bọn bay".

Qua ngày thứ 5, tù nhân ở Sở Chuồng Bò cũng hưởng ứng đấu tranh cùng với những người bãi thực.

Hiện thời đã có đến 120 người tù bãi thực không ăn uống gì cả. Số đông đã kiệt sức. Quan thầy thuốc đã buộc phải bơm sữa cho một số ít người. Hoảng sợ vì có một tù nhân còn mấy ngày nữa thì được mãn tù, nhưng sức yếu quá đến nỗi thầy thuốc cấm không cho chở về Sài Gòn.

Chủ ngục Cờrêmadi lại cho phép bọn gác điêng đánh đập dã man các tù nhân. Hiện ông lớn đương tự mình đôn đốc công việc làm xiềng xích để phạt tù nhân.

Tám điểm yêu sách

Tù nhân bãi thực yêu cầu:

1. Cấm chỉ đối xử dã man, đánh đập, ngược đãi tù nhân;
2. Bớt giờ làm việc trong ngày;
3. Mỗi năm phát ít nhất 3 bộ quần áo, 3 chiếc chiếu;
4. Ban đêm phải thắp đèn trong các khám;
5. Ăn uống phải được cải thiện; không được cho ăn khô mục thối;
6. Mỗi tháng cho ăn 2 kỳ thịt bò;
7. Cho một chuyên viên điều trị bệnh lao phổi, vì 75% tù nhân mắc bệnh lao phổi;
8. Tù chung thân phát lưu được quyền sinh sống tự do ở ngoài các "banh".

Các nhà tự do ở xứ này có quyền phán đoán xem những yêu sách kia của tù nhân hợp lý hay không hợp lý. Thật là kỳ khôi mà thấy rằng bọn tù nhân ở xứ này còn phải tranh đấu đòi hỏi cho được những quyền lợi mà ở nhà tù các nước văn minh thực hiện đã lâu đời và thông thường rồi.

Dầu sao đi nữa thì hàng trăm mạng người đương bị nguy cấp.

Bao nhiêu các bà, các ông đang thành lập những hội bảo vệ thú vật!

Thử hỏi có những kẻ có lương tâm, hay có tấm lòng quảng đại nào đã nghĩ đến cần phải bảo vệ tù nhân hay không?

Không thể nào để cho bọn Chủ ngục đổ trút tất cả trách nhiệm lên đầu những kẻ không có gì bênh vực cả, đẩy tù nhân đến con đường cùng, mà phải phản kháng, lại phải tuyệt thực.

Tại sao tù nhân phải đấu tranh tuyệt thực?

Tất cả tù chính trị và tù thường đều chung một chế độ mà nó đã chôn hàng trăm, hàng nghìn người ở dưới bãi cát của nghĩa địa tù Côn Lôn, cái chế độ nó quật ngã không mấy chốc tất cả những thể chất khỏe mạnh nhất: chế độ bắt ăn cơm gạo lứt và cá khô mục.

Cơm gạo đỏ, về lượng đã không đủ, mà về chất thì lại còn đầy những trấu thóc, sạn cát và đủ mọi chất bẩn thỉu.

Phần ăn mỗi ngày 750 gam gạo đỏ, 10 gam mỡ và một vài cuộng rau sơ sài. Chế độ ăn uống quá ít ỏi như thế càng về lâu lại càng bóp chết con người.

Hơn thế nữa, còn có một thức ăn nó giết người một cách nhanh chóng và chắc chắn hơn mọi chế độ, tức là thức ăn mà chúng tôi gọi là "khô mục", một thứ cá khô thối ghê tởm!

Cá khô này phần nhiều là cá khô Biển Hồ Phnôm Pênh hoặc cá các sông lớn Nam Kỳ. Hàng bao nhiêu năm chúng đã được trữ nằm chồng chất ở trong các kho ở Chợ Lớn để đợi người mua. Khi không còn hy vọng đổ ra ngoài các đống rác, thì bọn buôn bán phân và bọn đấu thầu nhà tù mua tất thảy cả một kho dự trữ, vì rằng cơ hội giá cả hời như thế là nhiều lắm, thế là chất khô vào từng giỏ đầy để chở đến nhà lao. Trong khi chở đi dọc đường, tha hồ cho mưa ướt, nước biển thấm vào, do đó mà khi đến nơi thì khô này đã sặc mùi hôi thối. Cái mùi này khi ngửi thấy, chó cũng phải chạy trốn. Thế mà còn phải đem chất khô đó vào các phòng kín nhỏ khốn khổ mà người ta gọi là nhà kho, tối tăm, ẩm thấp, vách đã nứt nẻ, mái đã dột nát. Chất ở đấy tháng này qua tháng kia, không ai đả động đến, vì rằng hàng 30 tấn khô không thể nào trong một ngày ăn hết đi được. Trên thì nước mưa, dưới thì khí đất ẩm làm cho khô ấy mục rữa ra. Đây là một môi trường thuận lợi cho dòi bọ nảy sinh, hóa thành các ổ mục nát lúc nhúc đầy dòi đến ghê tởm.

Người ta cũng không còn lạ gì khi thấy rằng từ mười giờ rưỡi đến mười một giờ, một quang cảnh ghê rợn là, hàng nghìn người ngồi xúm quanh từng tốp, mười người một, bao tròn những đống cá thối nhỏ, tay cầm đũa moi bới kiếm tìm để gắp ra những mảnh thịt hôi cho vào mồm.

"Ăn như thế đã gây ra sự chết chóc ghê gớm, cướp đi có khi một ngày trên mười người tù ở Côn Lôn. Chính sự đầu độc vì khô mục là nguyên nhân sinh ra bệnh kiết lỵ và bệnh lao phổi". (Trích đoạn văn của J. Bácthen, trong cuốn sách nhan đề: *Nhìn lại Đông Dương*).

Hành trình của các ông Bari và Nađô

Công chức gian tham, gác điêng sát nhân, đấy là chế độ chưa từng thấy của nhà tù Côn Lôn.

Bản báo đã bị tố cáo là "con sâu làm rầu nồi canh" bởi vì bản báo đã đăng một loạt bài công kích chế độ đối xử ghê tởm mà tù nhân ở Côn Lôn phải gánh chịu.

Bản báo cũng đã bị tố cáo là gian dối, chỉ vì bản báo đã giới thiệu bọn Chủ ngục với hình dạng hiện thực là kẻ sát hại tù nhân.

Thế mà giờ đây đã được chính thức công nhận rằng có bao nhiêu việc lạ lùng đã xảy ra ở ngoài đảo từ bao nhiêu năm rồi. Hai viên chức cao cấp lại vừa mới đi điều tra tại chỗ ở ngoài ấy.

Khốn thay, những người lao động không hề có ảo tưởng gì về những kết quả của cuộc điều tra này đâu. Vì anh em lao động thừa hiểu rằng số phận của những tù nhân không hề chút nào tùy thuộc ở sự đi công cán của hai ngài Bari và Nađô. Anh em hãy còn nhớ những lời hứa hẹn của ông Pagie đối với vô số tù nhân ở đảo vừa qua, và từ bấy đến nay chưa hề thấy được thực hiện một tí gì đáng kể.

Cấp bậc của những nhân vật đã từng ra viếng Côn Lôn dầu cao đến bậc nào đi chăng nữa, mỗi khi mà họ quay lưng ra về rồi thì đời sống của những kẻ bị tù đày vẫn cứ bị đe dọa bởi những cảnh thiếu thốn, những công việc nặng nhọc, những sự ngược đãi sát nhân của chế độ nhà ngục.

Chỉ có thi hành ngay chế độ chính trị phạm ở trong các nhà lao và các nhà giam, và cũng chỉ có phóng thích ngay tất cả những nạn nhân của những cuộc đàn áp mù quáng, thù hằn của các nhà cầm quyền, chỉ có như thế mới mong rửa được phần nào cái chế độ thuộc địa đáng xấu hổ muôn đời.

Vì rằng dù trong muôn một, nếu Chính phủ có lưu ý đến tù nhân và chính sự ở đề lao, bản báo tưởng cũng cần trở lại câu chuyện về hòn đảo sát nhân ấy.

Tích trữ được những sự việc rõ ràng, cụ thể về chế độ xấu xa ghê tởm mà hàng nghìn, hàng vạn chiến sĩ thợ thuyền và dân cày bị tù

đày ra ở đấy đương phải chịu đựng, anh chị em lao động sẽ đấu tranh ủng hộ họ, đòi phóng thích ngay lập tức tất cả những người đương phải chịu đau khổ vì lý tưởng và quyền lợi chung.

Ông Pagie đã để cho người ta lừa dối như lừa dối một đứa trẻ con

Ngày 12-8-1934, một công điện cấp báo ra Côn Lôn là ông Pagie sẽ ra ngoài ấy vào tối ngày 18 tháng 8.

Nhận được công điện như thế thì Sở Quản đốc đề lao, tình hình hết sức xôn xao. Ông Buviê lúc ấy đương là Quản đốc, chạy ngược chạy xuôi ra lệnh này nọ, bố trí dàn cảnh một cách khôi hài kỳ cục, hy vọng làm như vậy sẽ che đậy tình cảnh thê thảm của nhà ngục để hòng làm cho đôi mắt của quan Thống đốc Nam Kỳ không soi thấu đến.

Hỏa tốc quét vôi vách tường nhà thương; phát lương thực cho tù nhân nhiều thêm lên; roi mây cù ngoéo cất sạch, gác điêng chỉ tay không!

Đồng thời quan thầy thuốc cũng nhận được lệnh phải đưa về khám 6 ở "banh" một 35 bệnh nhân mà phần lớn mắc bệnh sốt rét rừng hoặc vì tai nạn lao động.

Ông thầy thuốc Trần Văn Châu, người thay cho bác sĩ Nhã nói: "Cứ đưa họ nằm ở đây, nếu như mỗi khi quan Thống đốc có thấy họ và có hỏi thì chúng ta sẽ trả lời rằng đó là những kẻ do đi làm mệt nhọc, nên cho họ tạm nằm nghỉ".

Ngày 16, ông Pagie và đoàn tùy tùng đến Côn Lôn bằng thủy phi cơ.

Một toán 12 người phu toàn ăn mặc quần áo trắng khênh kiệu cho ông Pagie từ máy bay đậu trên biển lên bờ. Bọn phu khiêng trong bộ quần áo trắng tinh trông có vẻ tử tế lắm, nhưng cũng chỉ được tử tế nội trong một ngày đó thôi!

Sau lễ tiếp đón, ông Pagie cùng đoàn tùy tùng được các ông Quản đốc Buviê, ông gác điêng Cờrítsơchiani, ông Cô Vốtstờruki hướng dẫn đi diễu hành khắp các đường phố có treo đầy cờ, đi thăm "banh" một, "banh" hai, Nha đèn, Sở Chuồng Bò, rồi trở về dinh Quản đốc.

Đến nơi nào, quan Thống đốc cũng lấy làm toại nguyện về sự sắp đặt ở trong đề lao, vì rằng sự dàn cảnh đã được khéo léo sắp sẵn từ trước.

"Tù nhân đâu đâu cũng đều ăn no, mặc ấm, đối đãi tử tế cả".

Đó là những câu nói mà ông Buviê luôn mồm thốt ra khi ông

Thống đốc bất kỳ lưu ý đến một việc gì. Ông Pagie đi thăm tận nhà bếp trong "banh", canh rau cho tù mà ông khen ngợi là ngon.

Phải, mùi canh ngon thật! Thế mà những người tù khốn khổ ăn không trôi!

"Hôm nay ăn khô, mai quan lớn cho ăn heo". Ông Pagie mỗi khi hỏi đến một người tù nào thì đều khoe khoang đại lượng của ông.

Nhưng vì rằng tù được "ăn sướng" rồi thì cần gì phải cho họ ăn heo! Thịt heo thì mỗi năm họ được chén hai lần vào ngày Tết Nguyên đán và ngày lễ 14 tháng 7!

Rõ thật ông Pagie là một nhà nghề mị dân.

Ở nhà thương, ông thầy thuốc Châu đã tiếp đón quan Thống đốc và đọc bài diễn văn đã được học thuộc lòng rồi.

Ông nói: "Bệnh nhân không đông, bệnh nhân được nuôi dưỡng, chăm nom tử tế. Bệnh nhân được ăn sữa ăn thịt...".

Lẽ dĩ nhiên là ở nhà ngục cái gì cũng tốt cả chớ sao!

Đến bao giờ thì những lời hứa hẹn khoan hồng ân xá mới được thực hiện?

Ông Pagie bảo ghi số một vài tù bệnh như các ông già gầy ốm, chỉ còn xương bọc da và Nguyễn Văn Cư bị gãy chân trái vì tai nạn ở Sở Đốn Cây, và hứa rằng sau này xét ân xá cho họ.

Khi đến "banh" hai, nơi cấm cố ngày đêm hàng bốn trăm tù chính trị bị kết án chung thân phát lưu và cấm cố, ông Pagie đã thết họ cả hàng tràng những câu khuyên răn:

"Phải khôn ngoan, ăn ở cho tử tế, rồi nay mai sẽ giải phóng cho"...

Tù nhân vẫn không chú ý mấy đến lời ông nói. Họ không hề kêu nài một điều gì cả, vì họ thừa biết là sau khi quan Thống đốc ra về rồi thì chẳng có gì được thay đổi. Hơn nữa nếu họ kêu nài thì lại còn bị trả thù nữa là khác.

Khi quan Thống đốc hỏi Phan Bôi, một người bị xử án 15 năm cấm cố, câu hỏi đáp lễ thường xuyên của ngài "Có hối hận gì không?" thì liền được một lời đáp gắt gao và gọn trơn là "không". Quan Thống đốc mới hiểu rõ là tù chính trị không đời nào lại từ bỏ lý tưởng của họ. Vì thế ông ta vội vã bảo ghi tên Chuyên và Huân, hai người trẻ

tuổi nhất, mỗi người bị xử 5 năm tù thường, để gọi là có ân xá họ, xong thì vội vã từ giã "banh" hai. Cho đến nay, độ vài mươi tù nhân đã được ghi số tù trong sổ tay của ông Pagie còn đương nóng lòng mong mỏi sự tự do mà ông đã hứa với họ, cần nói thêm rằng công việc kinh lý đã xảy ra từ tháng 8 năm 1934, lâu rồi!!!

Trước khi lên máy bay trở về Sài Gòn, ông Pagie có thưởng cho các người khiêng kiệu ông một đồng bạc. Bây giờ đây thì ông ta phải xoa tay lấy làm tự hào về lòng hào hiệp của ông rồi đấy.

Tuy vậy, ông không nên quên rằng, nơi cầu tầu mà ông lên xuống khi từ giã Côn Lôn, đấy chính là công trình của hàng trăm tù nhân đã phải đổ ra bao nhiêu máu để xây dựng lên hồi năm 1932. Hồi đó, sáu đồng chí của chúng tôi trong đó có mấy người chỉ bị kết án thường như Đạo, Xuân, Chiểu v.v... đã phải bỏ mạng ở hầm đá vì bị đá đè trong khi đi lấy đá để xây cầu tàu.

Những tù nhân ấy sẽ được mãn hạn, sẽ được giải phóng khỏi công việc khổ sai và thần chết vào năm 1936!

Máy bay của ông Pagie đã bay lượn trên hòn Bãi Cạnh.

Ông Pagie ơi, ông có biết chăng là nơi đây 4 tù nhân chạy đi trốn đã bị bắn chết hồi năm 1933, trong đó có người thanh niên Khơme là Sơn Tom chỉ còn 3 năm trời nữa là mãn hạn tù?

Lúc ấy chính ông Buviê đã chỉ huy cuộc truy kích đổ máu này.

1934–1935

NGŨ YẾN

Báo *Tranh đấu (La lutte)*
từ Tháng 10–1934 đến tháng 12–1935.
Văn Khôi *dịch*

TÌNH TRONG TÙ
(Truyện ngắn)

TIỂU DẪN – Ở nhà tù Côn Lôn, Nguyễn Văn Nguyễn tình cờ đọc quyển *Tình yêu trong các nhà tù (L' amour dans les prisons)* của nữ phóng viên Pháp Maridơ Soadi (Marise Choisy). Quyển sách này không nói đến tình yêu của một loại tù: *Tù chính trị*, nhưng đã gợi ý anh viết tập *Tình trong tù* gồm những chuyện có thật về những người tù chính trị với tình yêu lứa đôi, tình bầu bạn, tình đồng chí trong cuộc sống và đấu tranh chống kẻ thù dân tộc và giai cấp.

Trong *Lời nói đầu* của tập *Tình trong tù*, Nguyễn Văn Nguyễn viết: "Còn gì hãi hùng bi đát bằng hãm thân vào bốn vách tường, trần truồng lạnh lẽo, còn gì chán nản bằng nhai lại những thời buổi của mình đã sống để sống, còn gì ghê gớm bằng những muôn hình vạn trạng của cái biến thái dục tình trong một cảnh mà nó không "xì" ra được.

Tôi không phải người theo học thuyết Phrớt (Freud). Nếu vì nhu cầu của cơ thể mà có dục tình thì ngoại cảnh không phải là không quan hệ đến sự phô trương dục tình ấy".

Những câu chuyện về *tình* "rất người", bình thường và cao thượng của người tù cách mạng khác hẳn với tình yêu tầm thường của những người tù mà Maridơ Soadi viết.

Những truyện ngắn của Nguyễn Văn Nguyễn được viết ra năm 1935 lần lượt đăng trên báo *Dân quyền*, rồi được tập hợp lại, sửa đôi chút và *Đông Dương thư xã* ở Mỹ Tho xuất bản thành tập năm 1938, với bút danh Ngũ Yến.

Toàn bộ có 6 truyện, chúng tôi trích in lại 3 truyện.

KẾT YÊU TẠI TÒA

Ở trong một hoàn cảnh chật hẹp, không tin tức vô ra, một chuyện nhỏ mọn thế nào cũng biến thành lớn lao, ăn sâu vào trí não. Từ cái giọng thánh thót của chị bán tàu bung buổi tối, đến cái tiếng guốc của mấy thím xẩm đi đêm cùng là mấy trận đòn bị lúc tranh đấu, hoặc bức thư tình đặc biệt và cái khăn thêu đẹp, mỗi món đó ai đã ở cảnh này, khó mà quên được. Mà hễ mỗi lượt có chuyện, là mỗi lượt làm cho người trong khám nhôn nhao, bàn luận cả canh không chán. Tôi còn nhớ lúc chúng tôi tiếp được tin tức của dân cày ở Nam

Kỳ biểu tình lần thứ nhất, chúng tôi thức sáng đêm mà nói chuyện, thêu vẽ trong trí tưởng đủ điều mãi đến sáng trắng mà không hay, trong người thơ thới, nỗi mừng vô hạn.

Nhờ việc lặt vặt như thế nó làm tạp trở cho cảnh buồn hiu, ngày nào như ngày nấy. Mới vô đầu, ăn uống thật ngon, gặp anh em đông đủ vui mừng, chuyện vãn. Được vài tháng ăn uống tầm thường, ngủ cũng có độ lượng, câu chuyện vừa hết. Đến một năm hay một năm rưỡi thì sanh quạo quọ, muốn đổi cảnh khác, không có ý gì làm cho mừng rỡ bằng được sanh khám hay đi đày.

Nhất là mấy lúc được phép ở nhà thăm. Có bánh ăn, có tin tức ngoài, ngoài ấy ai cũng bồi hồi, hy vọng cho anh bồi ròn kêu tên họ mình để đi ra cửa khám mà gặp người thăm. Các anh ở xa, nhà nghèo thì ở trong khám không mong "hưởng" các thức ăn ngon, mà chỉ nghĩ tới một chút đã chảy nước miếng. Các anh được người nhà thăm, khi nghe kêu tên mình đã nôn nao trong dạ, ra cửa khám, gặp người nhà, mắc ú ớ và nói vài ba câu chuyện lại thêm nằm yên trót tháng không quen với cái rộn rực xôn xao, phần thì thầy chú khám xét, quăng lên ném xuống các vật thưa, anh luýnh quýnh, mồ hôi ra, dầu thèm khát đến đâu, trở lên khám khó mà ăn ngon miệng. Khoái chí là mấy anh ở khám trọn hưởng cái mùi thú vị của các thức ăn mà đã lâu rồi, họ không nếm.

Ngày thường, ngoài ra công chuyện thảo luận những vấn đề chánh trị, là có khăn thêu, nó cho cái khám một điểm vui vẻ. Nhưng không phải ai cũng được khăn thêu, thơ tình hết. Người ta có vợ dưới khám đàn bà, vợ người ta gửi cho những khăn bát ngát mùi tình, còn mình trơ trọi. Không ai, mình chỉ có quyền ngó theo người ta chớ đâu được quyền sở hữu! Mình nghĩ lại cũng khen cho tấm thân cô độc của mình. Anh Nguyễn Văn Cưng ở vào cảnh ngộ ấy, như nhiều kẻ khác. Song anh mơ mộng bồi hồi hơn là vì anh sắp đi Côn Đảo. Anh bị một án trước 5 năm, thì cái đảo Côn Lôn anh đã mua đứt quyền, không chạy đâu được nữa, nhưng anh còn một vụ biểu tình khác, phải xử lần thứ hai.

Đã cầm vốn năm năm tù, sắp lên đường đi biển, mình đương tuổi xuân xanh như người khác, mà không được quả tim nào đập nhịp với quả tim mình lúc mình ra hải đảo, nghĩ thật buồn tanh.

Phải yêu, phải tìm cách mà yêu, yêu một người, cái nhu cầu yêu

thương bây giờ nó lộ ra kịch liệt. Kể ra thì tìm mà yêu lúc này, nó có hơi trễ, nhưng ở ngoài mình không rảnh thì giờ để yêu, vô tù mình yêu nhắm cũng chẳng muộn.

Anh nói với tôi:

– Phong trào khăn thêu rộn rực quá! Tôi cũng kiếm ít cái mà đi Côn Đảo mới được!

Bây giờ anh ngó phớt qua coi dưới khám đàn bà có ai trái tim còn trống chỗ mà anh được quen biết. Có chị Bảy! Chị Bảy, một chị ăn nói có duyên, ở ngoài cùng làm việc chung, cùng bị bắt một lúc, mà nay cũng phải cùng bị xử với anh về một vụ... Được, chị Bảy được. Biết đâu trước kia, chị đã nhiều phen thổn thức vì anh Cưng, biết đâu trước kia, chị chỉ chờ một tiếng hẹn yêu thương của anh rồi chị sẽ thật thà yêu lại. Cơ hội đã mất, thời gian đã qua, nhưng nay chưa muộn là bao.

Bữa xử vụ anh giáo học Cưng, và chị Bảy là một bữa nhóm tòa Tiểu hình xử vụ chánh trị như trăm ngàn vụ khác.

Trên thì viên tòa thung dung, ngồi chễm chệ trên ghế bố tơi, cặp mắt liếc các bị cáo, miệng cười chúm chím. Biện lý đọc bản cáo trạng dài thượt kể vô số tội, lâu lâu xen vào đôi câu khôi hài của kẻ "có trí". Tội phá rối trị an, âm mưu làm loạn, vận động âm thầm vào hội kín, bản cáo trạng đầy dẫy những chuyện ghê gớm, hùng tráng, mà chủ động là Nguyễn Văn Cưng và chị Bảy. Kết luận, muốn cho xã hội được tiến hóa theo văn minh dưới bóng cờ tam sắc, muốn giữ gìn Đông Dương, muốn cho dân sự làm ăn yên ổn, phải kêu án thật nặng bọn cầm đầu để diệt cho tiêu mầm phiến loạn.

Nhưng anh Cưng và chị Bảy có nghe mấy câu văn chương và đầy những sự khôn khéo về chánh trị ấy đâu. Mặc tình cho quan tòa kể lể, mặc tình cho Biện lý nói chánh trị văn chương, mặc tình cho cái nguy cơ xảy đến là mấy năm tù người ta sẽ phát cho, dưới này anh Cưng và chị Bảy rù rì, ước hẹn, nối sợi tơ lòng.

Cái tình cũng ngộ, súng một bên, Khám Lớn một bên, còn một bên, trên cái "bàn" đen của vị cao nhân mà nó còn thi thố một cách nồng nàn, hèn chi có người ca tụng mà thờ phụng nó cũng phải. Nhưng lâm cảnh ngộ anh Cưng, nếu không thừa cơ hội duy nhất gặp người yêu mà tỏ tình luyến ái thì bao giờ mới gặp nhau lần thứ hai nữa!

Rồi đó quan tòa ôn tồn, yên tĩnh, tay lật quyển sách luật kêu anh Cưng và chị Bảy mỗi người 4 năm tù.

Bốn năm tù nghe ra thì nó ít xịt và nó đơn sơ làm sao, nhưng có bị nhốt trong thời kỳ đó mới biết nó là dài đằng đẵng. Tòa kêu án vừa xong thì câu chuyện tình cũng vừa dứt. Mặc kệ cho pháp luật của loài người, mặc kệ cho cái hình thức mà người ta muốn tô điểm cho nó có vẻ oai nghiêm, một cặp tình nhơn cứ việc bện buộc sự yêu thương. Lúc dắt đi xử, chỉ một trai, một gái, khi trở về, nghiễm nhiên là một cặp vợ chồng, chẳng cần cố đạo, luật pháp hay hôn lễ rầy rà.

Anh Cưng nắm tay chị Bảy, lần đầu và lần chót rồi anh lên khám, mặt mày đỏ au, sung sướng. Anh kề vào vai tôi, nói nhỏ:

– Xong rồi! Tình lắm!

Bữa đó ai cũng ngạc nhiên mà thấy anh chỉ thuật lại qua loa cuộc tòa xử anh.

Bốn năm tù của anh – xử 2 vụ riêng – cộng với năm năm kia là 9 năm cũng bộn. Người ta lấy nhau rồi đi du lịch hưởng "trăng mật trăng đường", đời này lấy nhau, lén lút được vài phút rồi kẻ ở lại Khám Lớn, người đi Côn Lôn, mới nghe tưởng là sự thật chỉ có ở trong tiểu thuyết.

Cách vài bữa sau, chị Bảy gởi lên một cái khăn bàn lòng thêu chữ "Souvenir" bằng chỉ đỏ và vài ba cái musoa thêu tên họ rành rẽ. Được khăn ấy, anh Cưng yêu ấp đêm ngày, tối để trên ngực ngủ. Một anh nói chơi:

– Ra Côn Lôn mà có "đồ" này đem theo, dầu cực khổ đến đâu cũng yên dạ.

Ba ngày sau, giấy kêu anh Cưng đi Côn Đảo.

Ra đến nơi, đụng một cảnh khốc liệt nó lướt khỏi vòng tưởng tượng của anh, trước một tình thế khốn cùng, anh chỉ còn cách cuối cùng là đi trốn.

Trốn, làm bè phải ẩn mình trên núi một tuần lễ, phải nhịn đói, nhịn khát, sang qua mấy hòn nhỏ, lân cận Côn Lôn cho xa gác điêng, thầy chú, xa bọn Thổ gác tù, rồi mới đốn cây, kết bè mà về xứ.

Tính lại, anh Cưng ra đảo được ba tháng. Anh yếu nhỏ, tướng tá học trò, sức đâu mà đốn cây, bứt mây, quây bè, cho nổi. Anh rủ anh

Lành và anh Đủ, hai anh tù "đỏ" khác, người nông dân dộng lực, rồi một hôm, cả ba, không lương thực, không nước uống, chỉ có lối một chục bạc trong mình của anh em giúp đỡ, cả ba lên núi, ẩn núp.

Cách sắp đặt đâu đó cũng hoàn toàn, lương thực gởi mua sau cũng được, nhưng vì cái "ẩu" của một anh bạn mà ba mạng phải vùi chôn nơi biển thẳm.

Người ta hòng trốn, người ta phải lựa người cùng đi với mình cho kỹ càng, không khéo về đến đất hay đi bè gặp lúc nguy cơ, người tồi tàn có thể làm hại chung cả bọn. Xuống bè chia lương thực – cơm khô hoặc bánh tét – chia nước uống chịu trăm mùi tân khổ cùng sống cùng chết có nhau, thì ít nữa mấy người cùng chung nhau phải có tình đồng chí.

Ba anh Cưng, Lành, Đủ trốn trên núi trót tuần, rồi một hôm, sang hòn, được người giới thiệu đi chung bè với một bọn tù thường 5 người có sẵn lương thực, sẵn bè.

Không kinh nghiệm về sự trốn tránh, chỉ tin lời giới thiệu, 3 anh sẵn lòng chia tiền với bọn 5 người kia mà hưởng lương thực "quá giang" xuống bè về đất. Vừa ra khơi, không thuận gió, bè cứ lình bình ở giữa biển. Lương thực hết, nước uống sạch trơn, bè bị thấm nước biển, lại chở đến tám người, càng ngày càng chìm mãi.

Trong lúc nguy cấp, cái thú tánh của con người mới hiện ra. Bọn năm người kia là bọn lưu manh, chặt đầu người lấy của, ở ngoài, chuyên nghề ăn trộm, ăn cướp, vô tù, nịnh hót với thầy chú mà bóc lột anh em tù, chúng nó không còn lương tâm gì nữa hết.

Cái tấn kịch bi thương, thống thiết, âm thầm xảy ra giữa biển mênh mông, không ai làm chứng cớ, nhưng độ lời chúng nó thuật lại, ráp thành một chuyện đầu đuôi có lẽ như thế này:

Ba anh tù "đỏ" không hay biết gì đến âm mưu của bọn kia, cứ yên tĩnh nằm ngửa ra mà trông trời mưa có nước uống. Một đêm, thình lình chúng lại đè anh Đủ là người mạnh dạn hơn hết mà liệng xuống biển.

Hai anh kia dầu có hay cũng không kháng cự nổi lại với năm người. Rồi đến phiên anh Lành, cũng trong đêm đó. Chỉ còn có anh Cưng, chúng nó có lẽ còn cảm tình chút ít với cái thân hình nhỏ bé của anh nên nó để lại. Anh Cưng đau.

Nhưng bọn kia nghĩ lại nếu để một người cùng phe trở về có thể tố giác với anh em tù chính trị mà gây cuộc rửa thù, nên chúng nó ném luôn anh Cưng xuống biển. Giữa biển, có dòng nước đưa bè trôi thật mau, rớt xuống rồi dầu biết lội cũng không tài nào theo kịp, huống chi trước khi liệng xuống bọn chúng đã đập cho vài hèo để chết giấc, mới không thể đeo theo bè được. Lại còn cá mập, cái nạn của các biển Thái Bình Dương. Anh Cưng vừa xuống biển, thì đã thấy bọn quái vật ló đầu lên, chung quanh hiện ra một dòng nước lẫn máu, hiện ra đỏ lói.

Hôm sau, tàu vớt được bè gần đảo Hồng Kông, đem tội nhơn luôn về đó. Khi giải về Khám Lớn Sài Gòn, và lúc ra Côn Lôn, anh em tù chính trị mở cuộc điều tra, năm đứa chúng nó mỗi đứa nói một cách, sau rốt chúng nó thú thật rằng đã ném ba người là Cưng, Lành, Đủ xuống biển!

Hiện nay trong năm đứa chúng nó, 3 đứa đã chết bỏ xương nơi Côn Lôn. Còn hai đứa kia đang sống vất vả trong một cảnh cô độc. Tù chánh trị không thèm trả thù...

... Chị Bảy, ở Khám Lớn, khi hay được tin anh Cưng chết, chị biếng cười, biếng nói, một thời gian khá lâu. Từ đó, chị sanh bịnh hoạn mãi, cho đến lúc gần đây, mãn tù, chị viết một bức thơ cho một người bạn trong ấy có câu này:

"... Tôi muốn anh chị em để yên cho tôi một thời gian để tôi dưỡng bịnh..." Bịnh tình hay là bịnh trong tù?

Có lẽ cả hai...

TÙ VÀ TÙ

Cũng là tù, cùng chung một cảnh ngộ, nhưng do cái tập quán ở ngoài nên vào tù, mỗi người hay mỗi bọn đều có tánh chất khác nhau.

Một anh nông dân thiệt thà, vì ghen tuông lấy dao chặt khúc tình nhơn của vợ mà mang án chung thân, thì vô tù, thế nào anh cũng hết sức làm lụng, tiện tằn, ngay thẳng. Anh là *tù án*.

Anh khác vô nghiệp nghệ, thả rểu theo phố, móc túi, ăn cắp xe máy, ăn trộm, góp chóp một mình năm bảy án, đến lần chót tòa kêu *lưu*, thì mặt mày anh cũng láo liếng, gian xảo trông anh em tù để hở quần áo, tiền bạc thì chớp, ban đêm không đèn, đến mồi thuốc hút, rồi giật luôn thuốc đi mất.

Anh là *tù lưu*. Xã hội nó không nhận anh, sa thải anh vào hạng cặn bã nên để chỗ riêng cho anh ở.

Rồi đến tù chánh trị.

Ngó mặt một anh tù, có thể đoán mười lần không trật một rằng anh là tù lưu, tù án hay tù chánh trị.

Nhơn nói chuyện tù chánh trị với Quản đốc ở Đảo, ông W..., một gác điêng, nói câu ngộ nghĩnh:

– Chúng nó là tù chánh trị. Ở ngoài, chúng nó đã có tổ chức thì vô tù, không làm thế nào mà phá cái tổ chức vô hình của chúng nó được. Quý hồ chúng nó không phá rối trị an ở đảo thì thôi...

Mà tôi thấy chúng nó nói chuyện thế giới, ở đâu, chớ không nói đến chuyện ở đây. Còn chúng nó quyên góp tiền để mua thuốc phòng khi ốm đau, nuôi nấng cho nhau, cái đó không sao ngăn cản được...

Phải! Tù chánh trị đối với nhau có một tình bầu bạn chặt chịa, mà tình ấy chỉ ở tù mới có thấy.

Ở một trường hợp khốc liệt, cái sướng, cái cực nó vô hạn, thì họ phải làm thế nào chia sớt cho nhau những sướng cực ấy. Hơn nữa, họ cần phải duy trì cái *sống* cho nhau, chia nhau những khổ dịch mà tìm cái lạc lợi.

Trần truồng lội xuống biển lúc đêm khuya, để lấy đá san hô, giữa gió mưa đì đùng, họ để lại trên xà lan những anh đau yếu. Người nào

gần mãn án, sắp được về quê thì khỏi làm những chuyện nguy hiểm – như đứng nhún đòn [1] – có mấy anh *"chung thân"* họ đảm đương bảo lãnh.

Xe đá xuống dốc núi, thì họ lựa những anh mạnh dạn, lanh lẹ cầm cổ xe, khỏi bị cần xe đập vô hông, té xuống, xe cán chết.

Mấy điều ấy gác điêng, thầy chú khỏi mệt nhọc coi chừng! Công việc chẳng những được mau rồi, mà nhờ sự tổ chức, không có gì lộn xộn.

Đau yếu, có thầy thuốc ra toa theo lối thuốc nam, rễ cây, lá cỏ, có người sắc thuốc, đánh gió, thay phiên thức canh như bà mẹ ở nhà.

Nước, không khí nặng nề, bịnh rét, bịnh lao dần vật liên miên, không hiệp nhau mà tự vệ cuộc sinh tồn cho nhau, ắt chẳng thế nào sống được.

Tù án có người theo tù chính trị; họ đối với nhau, những người cùng chung một vụ, có cảm tình nhau đặc biệt. Tù lưu không được vậy. Với họ, mạnh ai nấy lo nịnh hót, lo kiếm chác riêng. Họ bị nhốt trong một cái "banh" tù túng, hôi thúi, ở Sở Bông Hường, họ bực mình, ghét ai, đập nhau chết lu bù. Qua mùa mưa, phần thì họ ở dơ, phần thì ai đau nấy chịu, tù lưu cũng chết nhiều hơn hết thảy.

Tù lâu năm, thạo công việc, khôn ngoan, trung thành thì được làm cặp rằng. Quần áo xanh mà sạch sẽ, cầm cây, roi, tay đeo lon, tù cặp rằng ở đâu bộ tịch cũng vác hất, thích chí mà được những quyền hành họ ao ước. Quyền hành ấy họ lạm dụng thả cửa; đánh anh em bạn, ăn hối lộ, bắt làm trối chết, cho họ được ban khen.

Tù áo trắng sung sướng. Làm thơ ký, làm bồi, họ khỏi dầm mưa, dãi nắng, khỏi công việc nhọc.

Hễ có tiền, có học, "xạo" giỏi thì bao giờ cũng lướt qua kẻ ngu si, tránh được nỗi bi khổ nó trút vô đầu kẻ ấy.

Đoàn kết là cái bản năng của tù.

Áo xanh, áo trắng, -phần tù đỏ, không tên họ, mất phẩm giá người, chỉ còn một số đính bài như con vật, họ không khéo, họ phải nghĩ cái giấc ngủ ngàn thu ở Hàng Keo, như vô số anh em trước của họ.

---

1. Cây đòn san hô. Rõ bằng cây cột nhà. Đá có miếng lớn bằng bọ ngựa. Phải moi cát làm miệng rồi đút đòn vô, leo lên đứng nhún cho cục đá trồi lên (chú thích của tác giả).

Người chung một nhiệm vụ, ra đảo, thế nào trong ấy cũng có anh thầy dùi, mưu sĩ nhiều, ăn nói giỏi mà chung đó em út theo phục tùng, hầu hạ. Anh ấy chết, em út có được địa vị cao, làm cặp rằng, nuôi gà vịt, có tiền bạc, thì cái mộ của anh chị ấy được sùng tu tử tế, có đá tấn chung quanh, đôi khi có trồng bông bên cạnh. Đến ngày kỷ niệm, em út bấy giờ đã già còm, cũng lui cui đem nhang đèn lên Hàng Keo tế lễ.

Nhưng, nghĩa kim bằng, tình bầu bạn theo truyện Tàu, bây giờ phai lạt nhiều.

Cái đời mả cạo, khó sống, nó đánh tan nghĩa đào viên kết cấu cao thượng, anh vỏ của một thời kỳ đã qua, chỉ còn một ít di tích nơi Côn Đảo.

Hồi tưởng lại lúc mới ra đảo, tôi bị nước độc, hai mắt lờ mờ, đêm không thấy đường mà phải bị xuống biển lấy đá san hô, nhờ anh em dìu dắt, tôi chẳng làm sao không cảm động.

Trên thì thầy chú chưởi rán, lấy sào quơ chung quanh "xà lan" mà đuổi những anh tù núp lánh, còn dưới chơn đầy những "lôm chôm" [1] đá bén, cắt thịt, đi trên ấy như đi trên chông, tình cảnh này mà mắt không trông thấy, thật là nguy hiểm.

Tôi, lõa thân như sâu rọm, gió biển, lạnh thấu xương, tay xách *"ki"*, vai mang *"cúp"*, lần mò, lập cập rung en như gà xuống nước, rồi anh em dắt tay, để ngồi một chỗ, người đưa thuốc hút, kẻ lấy đá giùm, chừng thầy chú điểm lại, tôi cũng vẫn có bốn chục cục đá bằng cái nón lá, như ai không thiếu.

Những khi kéo cây suốt ngày trên núi, đẩy xe xuống dốc An Hải, và lúc tôi đau gần chết, ngất ngủi, hấp hối, liệt chiếu, liệt giường ở nhà thương, nếu không có anh em bao bọc, đỡ vớt, nuôi nấng, thì ngày nay tôi đã ở yên nơi nghĩa địa tù như anh Chiến, anh Xuân, anh Cưng và nhiều anh khác nữa, đã được sớm mất sợi dây xiềng, vùi chôn thân thể dưới bóng mấy cành keo, lặng lẽ giấc thiên thu trên bãi cát vàng rì rào gió đưa sóng bủa.

1938

NGŨ YẾN

---

1. Lôm chôm. Oursin: San hô có gai (chú thích của tác giả).

ĐẶNG XUÂN THIỀU
(1909 - 1965)

Đặng Xuân Thiều, người làng Hành Thiện, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định, con một chiến sĩ của phong trào Văn thân. Đặng Xuân Thiều sinh năm 1909, và mất ngày 23-1-1965 tại Hà Nội.

Gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, rồi Đặng Xuân Thiều trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, ngay từ khi thành lập Đảng. Là Thành ủy viên trong Thành ủy đầu tiên của Hải Phòng năm 1930, Đặng Xuân Thiều đã đi vào phong trào "vô sản hóa", vận động công nhân trong các hãng tàu Sôva, nhà máy Quảng Sinh Long, nhà máy Carông, hiệu buôn Sápphănggiông; Đặng Xuân Thiều còn viết báo *Đồng lòng, Tranh đấu,* báo của Công đoàn và Đảng bộ Hải Phòng, hồi đó lưu hành bí mật.

Từ 1930 đến Cách mạng Tháng Tám 1945 cả thảy là 15 năm, thì Đặng Xuân Thiều đã phải sống 12 năm trong các nhà tù của đế quốc: Hải Phòng, Hà Nội, Côn Đảo, Bắc Mê, Bá Vân, Phấn Mễ, Chợ Chu, Phú Thọ, Yên Bái, Nghĩa Lộ.

Tuy vậy, sau khi vượt khỏi ngục Nghĩa Lộ, Đặng Xuân Thiều lại tích cực tham gia ngay vào công việc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, gây phong trào cách mạng tại các huyện Xuân Trường, Giao Thủy, Hải Hậu (nay thuộc Nam Định).

Từ 1945 đến 1965, Đặng Xuân Thiều đã phụ trách các công tác tuyên huấn của khu II, khu III, khu V, công tác giáo dục phổ thông và đại học chuyên nghiệp ở khu IV, sau làm Giám đốc Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

68 bài thơ của Đặng Xuân Thiều đã được Trần Đình Sóc ghi chép khi Đặng Xuân Thiều nằm trên giường bệnh và in thành tập *Thơ Đặng Xuân Thiều*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1978. Những bài thơ in dưới đây, chúng tôi chọn trong tập sách trên và sắp xếp lại theo trình tự thời gian.

CHẲNG ĐẸP LỜI THƠ

Ai vịnh trường đê lả cánh cò
Thấy đâu hồn lạnh cõi người ta.
Mắt già vải đỏ viền đôi mí,
Bụng bé gân xanh vẽ địa đồ.

Chẳng hột dính bồ trơ xác trấu,
Tháng ba ngày tám gặm xơ ngô.
Ôi "Thu thủy trường thiên nhất xắc"!
Ngâm mãi trời thu cứ xác xơ.

Nam Định, 1929

*
* *

TRẢ LỜI CHA

Ngày xưa con học chữ cha:
"Dĩ nông vi bản, nước nhà nhờ nông".
Lớn lên con hóa ra công.
Nhớ lời cha dạy hẳn không dông dài.
Nhưng nông không đất rạc rài,
Công thời xơ xác vẫn loài làm nô.
Lòng con học đến chữ "ngờ",
Lấy gì vi bản bây giờ, thưa cha!

Hải Phòng, 1929

*
* *

NGƯỜI THỢ

Đồn rằng nghề giỏi thì vinh,
Tài ba anh vẫn là anh thợ quèn.
Dầu, than, ngã nước nhom nhem,
Bốn mùa áo rách, bụi hoen sắc chàm.
Ấy đời đã thử lửa than,
Đã tay tôi luyện, thép gang lên màu.
Sớm hôm đe búa có nhau,
Cuaroa vẫn chuyển, trục cầu vòng dây.
Đã tay bào, tiện, gọt, phay,
Máy đời quay nhịp, vẫn tay thợ nhèm.
Kìa ai dừng bước mà xem!
Tàu sông đổi bến, xe chuyền nối ga.
Ấy ai sóng gió xông pha!
Pha đèn chỉ hướng, sương sa biển trùng.
Mà ta không vẫn hoàn không,
Người ta coi rẻ chữ công trên đời!
Hỏi ai biến đổi kiếp người,
Từ trong mông muội ra thời văn minh?
Mà sao trên mặt hành tinh,
Còn đây cướp lột nhân sinh đọa đày?

Hải Phòng, 1929

*
* *

TRƯỚC DINH TỔNG ĐỐC NAM ĐỊNH

Chúc tụng ngày xuân đáng yêu ơi!
Trên đường đói rách nối hàng dài.
Hào hoa choáng lộn trong phòng ấm,
Xác pháo hồng bay ngập cửa ngoài.

Đập cửa mà vào hỏi tận nơi,
Chủ nhân bữa tiệc máu là ai.
Thiên nhiên không lẽ lừa thiên hạ,
Dám rắc đào hoa lẫn máu người.

Nam Định, 1929

*
* *

THẤT NGHIỆP

Té ra mày giỏi cũng nằm queo,
Đời chẳng riêng ta chịu cái nghèo.
Mất việc đã đào chung một lỗ,
Há mồm mà đợi chiếc niêu treo.

Bà con mỉa móc thân lêu lổng,
Kìm búa hàm oan phận mốc meo.
Rô mặt thằng đen thời vận xám,
Sợ gì cởi khố vỗ tay reo.

Nhà máy Sôva, Hải Phòng, 1929

*
* *

SỐT RUỘT

Trước sau rồi cũng phải quai thôi.
Gần lửa cho hay rát mặt người.
Năm tháng chạy qua, màu gỉ sắt,
Xích xiềng đổi lấy giọt mồ hôi.
Năm xu nửa bụng, cơm dầu ghế,
Một mảnh bốn mùa, áo xác vai.
Soi bóng nước cầu trôi róc rách,
Bừng bừng nóng tiết tuổi hai mươi.

Hải Phòng, 1929

*
* *

XÓM LẠC VIÊN

Ở đời lúc nhúc chật hơn nêm,
Bụi nắng, bùn mưa xóm Lạc Viên.
Bợm, đĩ phập phồng trong váng tối,
Đói, nghèo ngoi ngóp trước cơn đen.
Rình mò mật thám luồn khe cống,
Láo nháo văn minh lọt ánh đèn.
Bất chợt truyền đơn vang tiếng thét,
Đòn xeo cách mạng bẩy đời lên.

Hải Phòng, 1930

*
* *

THĂM XÓM CHÀI

Lối mòn, ốc ngập chân đường,
Tháng năm nắng dãi chang chang xóm Chài.
Hỏi phường bạn, đã ra khơi,
Hỏi thôn xóm cũ, đã dời đi xa.
Biết đâu manh mối mà mò,
Lô nhô sóng vỗ chân bờ bâng khuâng.
Buồm mây cánh gió lâng lâng,
Trường đê một dải xăm xăm chạy dài.
Tìm về xóm mới hỏi ai,
Chừng đi cũng mất một hai thôi đường.
Mênh mông cát trắng bụi vàng,
Cỏ cây cháy bỏng như rang dưới hè.
Lè tè mươi nóc chân đê,
Trống thiên, trống địa, phên che hững hờ.
Đoái nhìn sa sút, xác xơ,
Lưới xưa rách lưới, buồm xưa rách buồm!
Người xưa lam lũ đói mòn!
Kẻ tù người khổ, hỏi còn nhớ chăng?
Gặp nhau chưa kịp thở than,
Òa lên tiếng khóc, bàng hoàng người nghe.
Dân chài, kẻ chết vì nghề,
Đầu ghềnh, chân sóng, đêm khuya bão bùng.
Xóm thôn chưa hết ngày tang,
Cơn bay vạ gió lại càng lăm lăm!
Tơ gai chồng chất nợ nần,
Tô thuyền phải nộp, mọi lần bằng hai!
Từ đi, còn biết hỏi ai,
Thương người đày đọa, xóm chài nhớ mong.

Người xưa ân nghĩa cũ càng,
Nhân dân còn đó, nặng mang mối thề.
Cát lầm, mặt cúi chân đê,
Bóng ai lững thững đi về cuối thôn.

Đồ Sơn, sau năm 1930

*
*   *

BÀI HỌC

"Nước sôi, sôi từ đáy",
Lời anh Ba thợ máy.
Mình đứng trước nồi hơi,
Mà sao nhìn chưa thấy?
Lòng người cũng giống thế thôi,
Lòng chưa đến độ, sục sôi chưa thành.
Chai tay nhát búa mới sành,
Phỏng tay nhát búa của mình còn ngây.
Ghi vào trong cuốn sổ tay,
Vỡ lòng học lấy từ ngày đấu tranh.

Hải Phòng, 1930

*
*   *

BÃI CÔNG Ở HẢI PHÒNG

Quan thầy múa tít cái ba tông,
Một lũ theo đuôi chạy cuống cuồng.
Tống cổ mấy thằng gây cuộc rối,
Tống thì tống lại chiếc bu loong.

Chủ bí mời Cha đến dụ ta,
Đêm ngày do Chúa đã sinh ra.
Thợ thuyền tận lực vì ông chủ,
Đánh cắp thời gian Chúa chẳng tha.

Thôi lạy Cha thôi cứ việc đòi,
Tăng lương chỉ chín phần trăm thôi.
Lệnh "Ban công xưởng" vừa tuyên bố,
Nổ cuộc đình công chẳng hẹn ngày.

Hội đồng "Đốc lý" họp hai phiên,
Đem "đội khố xanh" dẹp thợ thuyền.
Uất hận cháy bùng lên ngọn lửa,
Xuống đường kéo chật cả công viên.

Hải Phòng, 1930

*
* *

VÔ SẢN DIỄN CA

Báo *Đồng lòng* cùng Công hội đỏ,
Giở lịch trình soi tỏ việc đời.
Đã sinh trong cõi đất trời,
Đấu tranh là lẽ của người xưa nay.
Ngẫm đau khổ mới hay thù hận,
Đem Đảng cương mà diễn bài ca,
Ngỏ cùng vô sản xứ ta,
Đinh ninh tấc dạ xông pha trước đường.

Trò khai hóa vai tuồng kẻ cướp,
Bụi hoàng kim phủ lớp văn minh.
Công, thương xô xát đua tranh,
Lò tuôn khói tỏa xe nhanh chuyển đường.
Của khai thác kho tàng ăm ắp
Khách thị trường rù rập bán mua.
Đông Dương thục Pháp cơ đồ,
Ấy viên ngọc quý bên bờ Viễn Đông
Thóc, cao su, than, đồng, chì, thiếc...
Kho tài nguyên vơ vét lầu lầu.
Nhựa than dòng sống đục ngầu,
Tung bao hơi sức vào khâu bạc tiền.

Từng phường lũ thợ thuyền nô lệ,
Đem sức mình bán để kiếm cơm.
Nước non gió thác mưa ghềnh,
Đôi phen núi đỏ rừng xanh dạn dầy.
Mùi lao khổ đắng cay từng trải,
Giọt mồ hôi đổi lấy miếng cơm.
Kiếp người chiếc lá hơi sương,
Tầng lên thấm huyết nợ vương tối ngày.
Xuống hầm máy, máu xay lửa chất,
Ra biển khơi gió dập sóng dồn.
Bọt trần một chiếc con con,
Ba đào mấy lượt, vuông tròn cho không?
Đoái quê cảnh, tấc lòng thêm ngại,
Tình vợ con, vận rủi cơn đen.
Nghĩ câu máu chảy ruột mềm,
Nhìn cho sẻ nghé, tan đàn mà đau
Gánh sưu thuế, cất đầu không nổi,
Đeo nợ công, mòn mỏi vai cày.
Dây oan buộc lấy tháng ngày,
Chim lồng cá chậu, mắc tay giặc già.
Ngày mất việc, bơ vơ xó chợ,
Rét mùa đông, tối ngủ chân cầu.
Đói nghèo, trôi dạt về đâu,
Cơ cầu nào có cơ cầu nào hơn.
Đời gió kép mưa đơn tối mặt,
Liều đưa chân nhắm mắt mà coi.
Đem thân ra bán chợ người,
Phong trần đến bước lạc loài tha hương.
Tay ký giấy, ngập ngừng tấc dạ,
Còi thét vang, xô ngả chia ly.
Nước non rời bỏ ra đi,
Trùng dương Tân Đảo chắc chi thân mình?
Ai qua đó Vàng Danh, Cẩm Phả,
Kiếp lầm than thịt rã xương phơi.
Mồ ai lấm chấm chân đồi,
Tà dương quạnh quẽ, khóc người trăm năm.
Ai qua đó Phú Riềng, Đất Đỏ,
Số phận người, vùi hố cao su.

Đêm trường, gió thổi trăng lu,
Nhường lay động nắm xương khô lạnh lòng.
Đáy xã hội, hang cùng ngõ tối,
Thần đói nghèo, dẫn lối quan ôn.
Lập lòa đóm lửa chiều hôm
Ngàn cây bóng tắt, cuối thôn hồn lìa.
Nẻo số phận, bóng ma đi trước,
Lũ nạn nhân sướt mướt theo sau,
Mạch sầu khơi mãi càng sâu,
"Đoạn trường ai có qua cầu mới hay".
Lò địa ngục đọa đày bao thuở,
Ngày tối tăm biết độ nào tàn.
Lối ra ngăn ngắt cơ hàn,
Ngả vào nung nấu, lửa than dãi dầu.
Tiếng bạc mệnh, thầm lau nước mắt,
Thẹn má hồng, phai nhạt tiết trinh.
Thương Kiều, mình khóc cho mình,
Đành như giọt nước mong manh cuối trời.
Vốn đã biết cảnh đời là khổ,
Chốn gửi thân nào có hôm sau.
Dương gian quỷ sứ cầm đầu,
Còn đâu đạo lý, còn đâu nhân tình.

Phật đã biết chúng sinh lố nhố,
Sóng trầm luân bể khổ mông mênh.
Ngàn năm tiếng kệ câu kinh,
Luân hồi, cực lạc chúng sinh thấy gì?
Đạo Gia tô sáng vì nhân ái,
Cứu linh hồn thoát khỏi trần gian.
Đi vào cõi phúc thiên đàng,
Kìa xem nhân loại than van dưới trời!
Đức Khổng Tử, bầy tôi Hoàng đế,
Dạy đạo trời, lễ nghĩa trí nhân.
Năm Kinh, bốn Sách rành rành,
Mà sao đời cứ hôi tanh sặc mùi?
Bọn giặc cướp mượn bài khai hóa,
Dụ dân mình xơi bả văn minh.
Các ngài bảo hộ triều đình,

Đại Nam, Đại Pháp giả danh một tuồng.
Rằng vì dân mở đường khai lối,
Hỏi chúng mày thu lợi cho ai?
Tự do không đổ máu người,
Không dưng đâu dễ chúng mời cho không?
Những bọn ngửi hơi đồng nịnh hót,
Miệng lưỡi phường mãi quốc cầu vinh.
Công ty buôn giống Phạm Quỳnh,
Theo Tây đào bới ngọn ngành ông cha!
Dám lên giọng gia gia quốc quốc,
Trổ tài nghề chó cụp vẫy đuôi!
"Bảo Hoàng" vẽ phấn bôi vôi,
Ê a, "trực trị" vẫn lòi mũ râu!
Chẳng qua một bọn đầu lộn cứt,
Viện Hàn lâm loài chuột cãi bàn.
Huênh hoang ăn bậy nói càn,
Nhân danh "Trí đức" hoang đường giễu dân!
"Dân muốn giỏi trước cần phải học,
Đã giỏi rồi độc lập khó chi!"
Học xin, học lạy, học quỳ,
Học xalô bệt, học đi liếm... đầm [1]!
Còn giở giói chưa câm lỗ họng,
Tưởng vênh râu chửi Cộng mà chơi:
"Cộng thê, cộng tử, cộng tài",
Chính danh thủ phạm mặt bay chứ gì!
Ta hãy hỏi ai đi cướp của?
Ai cúi đầu dâng vợ mãi hôn?
Ai gây cảnh tượng bán trôn?
Mồ côi thất nghiệp đợ con ở đời?
Tội chúng bay bảy đời ba họ,
Chất tầy non mà đọ chưa cân!
Tức cười chủ nghĩa "Tam Dân",
Đưa ra lý thuyết "Bình quân địa quyền".
Đòi tư bản địa phương tiết chế,
Ảo tưởng rằng quốc kế dân sinh.
Quốc dân không lẽ đi xin,

1. Xalô bệt: Câu chửi phiên âm tiếng Pháp: salaud, bête.

Địa quyền đâu của mấy tên cáo già!
Có tư bản nào tha bóc lột?
Có phép trời trị được lòng tham?
Bình quân tiết chế cho cam,
Nghe ra như rót tiếng đàn vào tai!
Bậc quốc sĩ, hiền tài cao rộng,
Xướng "duy tân" gióng trống mở cờ.
Hợp đồng Âu hóa, Đông Nho,
Nam vô khoác áo thầy tu lạy thầy
Tấn kịch sống bi ai nhường ấy,
Tìm đâu ra cho thấy thánh hiền?
Cậy ai quét sạch oan khiên,
Đời ta ta cứu, thánh hiền là ta.
Dòng lịch sử, nhìn qua diễn biến,
Cuộc sinh tồn đã hiển nhiên thay.
Xưa kia nô lệ từng bầy,
Nhiều phen nổi dậy quật ngay chủ mình.
Nông nô đã đấu tranh giai cấp,
Hạ những tên chúa đất xuống mồ.
Hơn thua bày sẵn thế cờ,
Chính tay tư bản cũng xô ngai vàng.
Sự thật đã rõ ràng sự thật,
Giữa loài người đối lập đôi bên.
Lũ bè đế quốc một bên,
Một bên dân chúng thợ thuyền cần lao.
Trận giao chiến ào ào bão táp,
Dưới bóng cờ Các Mác, Lênin.
"Tháng Mười" thắng lợi đầu tiên,
Công nông giành lấy chính quyền vào tay.
Xóa nông nô, chia ngay ruộng đất,
Toàn Liên Xô, dân tộc tự quyền.
Dầu, than, lò máy, đồn điền,
Của chung Xô viết, thợ thuyền chủ nhân.
Đem lực lượng Hồng quân giữ nước,
Phá vòng vây đế quốc tiêu tan.
Từ đây hết cảnh nghèo nàn,
Hết ngày tăm tối, lầm than bất bình.
Chân trời ửng, bình minh nhân loại,

Đã bừng lên thế giới tự do,
Chúng ta xây đắp ấm no,
Mùa xuân mỹ lệ, điểm tô cảnh đời.

Triều cách mạng sục sôi bốn biển,
Sóng quang minh dội bến Đông Nam.
Trung Hoa, Ấn Độ, Nam Dương,
Mã Lai vùng dậy, Đông Dương bừng bừng.
Nghe chân lý, dặm chừng vang động,
Nhìn cờ bay, lồng lộng trời cao.
Đông Dương Đảng Cộng bước vào [1],
Vũ đài quốc tế đón chào anh em.
Đem lý tưởng Lênin chói lọi,
Quyết xua tan bóng tối đêm trường.
Màu hồng liềm búa khai trương,
Một thiên sử mới trên trường đấu tranh.
Lò lửa thép, tinh anh hun đúc,
Nghìn chín trăm ba chục ghi tên.
Tuyên ngôn "Tư sản dân quyền",
Bài phong, phản đế Việt Nam, Miên, Lào
Nền Xô viết đứng đầu vô sản,
Khối dân nghèo kết bạn liên minh.
Công nông chuyên chính thi hành,
Mở mang sự nghiệp, kinh dinh nước nhà.
Người tư sản quốc gia chống Pháp,
Được góp phần ích quốc lợi dân.
Thủ tiêu bóc lột công nhân,
Thuế theo lũy tiến quân phân vốn lời.
Không phân biệt gái trai, già trẻ,
Thái, Thổ, Mường... đều kể anh em.
Tự do dân chủ bình quyền,
Biển rừng sản nghiệp, tài nguyên cộng đồng.
Kẻ bóc lột sung công của cải,
Ai có làm thì phải có ăn.
Đồng lương được trả công bằng.
Ruộng chia theo lối miệng ăn tay làm.

1. Đông Dương Đảng Cộng: Đảng Cộng sản Đông Dương.

Ngày tám tiếng, bảo an lao động,
Quyền học hành, hưu bổng tuổi cao.
Ung dung tóc bạc vườn đào,
Tung tăng chân trẻ dập dìu ấu viên.
Gấm hoa nở, thần tiên đất nước,
Ca tương lai tiến bước đại đồng.
Bàn tay vĩ đại công nông,
Vá trời lấp biển nên công nghiệp đời.

Bóng đêm tắt, mặt trời sẽ mọc,
Đã báo giờ đế quốc cáo chung?
Năm châu cách mạng nổ bùng,
Chiến tranh đế quốc chôn chung một mồ.
Đảng Cộng nắm thời cơ trước mắt,
Dẫn công nông vững bước tiến lên.
Đường xe, nhà máy, hầm than...,
Rừng sâu, biển cả, dấy lên hỡi người!
Dấy lên hỡi, gái trai thuyền thợ!
Hỡi dân cày, đi ở đợ công!
Hỡi phường buôn thúng bán bưng!
Học trò, binh lính, thủ công, phường tuồng!
Hỡi những người tiểu thương, tiểu chủ!
Hỡi phố phường, thôn ổ nơi nơi,
Đời ta không chịu tôi đòi,
Thịt xương không chịu làm mồi sài lang.
Mau chỉnh đốn, đội hàng giai cấp,
Xiết tay nhau, nối chặt đồng tâm.

Đòi chế độ hiện hành nhượng bộ,
Tăng tiền lương, xóa bỏ công non.
Thủ tiêu cúp phạt, vọt đòn,
Việc làm theo sức trẻ con, đàn bà.
Ngày tám tiếng, cấm sa thải thợ,
Bỏ phù thu lạm bổ công sai.
Thuế sông, thuế thợ, thuế người...,
Hàng rong, cửa sổ, môn bài, trực thu.
Đòi cho được giảm tô, giảm tức,
Chống bách phân, cướp đất cướp nhà...

Tù chính trị phải thả ra,
Không dong mật thám, quan tòa, quản lao...
Chống xu xếp, cường hào, nha lại...
Tất cả loài tàn hại nhân dân.
Hướng lên nhắm thẳng địa bàn,
Phong ba không sợ, gian nan chẳng nề.
Diệt đế quốc và phe lũ nó,
Bọn triều đình, địa chủ tay sai...
Thù trong cho chí giặc ngoài,
Không dung cường bạo, dưới oai lực mình.
Ta đội ngũ trường thành vạn lý,
Triệu anh hùng khí thế non sông.
Dáng cờ đỏ rực trời đông,
Triều dâng lớp lớp đình công biểu tình.
Nền thống trị, rung rinh rạn vỡ,
Mộng cường quyền, giấc ngủ sao yên.
Quảng Châu lửa bốc chưa tàn,
Tiếp theo Xô viết Nghệ An nhuộm hồng.
Xương máu đổ: ruộng đồng, đường lộ,
Pháp trường reo: gươm múa, đầu bay.
Dù cho dúng máu đôi tay,
Bạo tàn không thể chuyển lay lòng người.
Đừng hy vọng đổi dời tình thế,
Gốc căm hờn bén rễ đã sâu.
Công nông giao chiến trận đầu,
Đánh dư trăm trận, sức lâu lực bền.
Một người ngã, trăm nghìn sẽ dậy,
Đất đã sôi, lửa cháy dầu loang.
Ông cha sự nghiệp vẻ vang,
Chi Lăng còn đó, Bạch Đằng còn đây.
Rừng Lam Sơn tiếng ai còn vọng?
Trận Đống Đa thoáng bóng anh hùng.
Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng,
Lời thề xưa vẫn còn chung mối thù.
Ta ôm chặt cây cờ vô sản,
Dưới cánh tay ngàn vạn cánh tay.
Tương lai đợi một sớm ngày,
Súng gươm lại nổi, khói mây lại trào.

BẮT CHỢT [1]

Hỏi nhau ăn mấy trận rồi,
Cười rằng: còn sống, tưởng đời ra ma!
Đã gan thì phải gan già,
Sống thì ra sống, chết thà chết vinh.
– Cất đi cái chuyện tử sinh,
Xoay đâu điếu thuốc khen anh là tài.

1930

*
* *

THỬ THÁCH

Trận đầu chơi với Đờvin,
Thử đem gan dạ mà xem một lần.
Ba hôm lửa thét tinh thần,
Đã qua thử thách, vừa cân đôi bề.
Đờvin bất lực rút đi.
Lơroa thay thế, thạo nghề khảo tra.
Trăm phương ngàn sách giở ra,
Áp, nung, xẻo, kẹp, rút xà, treo dây.
Om xương, nát thịt năm ngày,
Tờ cung vẫn trắng, chẳng khai việc nào.
Phải quay sang kế ngọt ngào,
Bôđanh lại được thay vào Lơroa.
Rằng: "Anh là gã tài hoa,
Thông minh tuổi trẻ, bỏ qua uổng đời.
Vinh hoa là phúc trên đời,
Lấy công chuộc tội, ta người nghĩa nhân".

---

1. Gặp nhau trong nhà xí khi đi đổ tinét (đổ thùng phân) ở Sở Mật thám Hải Phòng.

– Đảng tôi Cộng sản, Bôđanh!
Mai đây bắt buộc các anh phải hàng.
Bôđanh nổi giận hoang mang.
Vỡ mưu, chó lại cắn quàng cắn xiên.
Búa rìu máu lửa mấy phen,
Nghiến răng giữ lấy tuổi tên Đảng mình.
Điểm coi đồng chí hy sinh,
Đảng trong đại họa, một mình mình đau.
Lời thề trước Đảng lúc đầu,
Tự ta, ta hiểu lẽ nào đơn sai.
Tử sinh đã quyết một hai,
Để cho danh dự của đời chúng ta.
Mê man vừa chín ngày qua,
Chiến trường lại diễn trên da thịt người.
Rine, phán thuyết đổ hồi,
Mưa roi máu chảy, đặt ngồi bàn chông.
Bó giò, treo ngược, đốt lông,
Cạy răng nhét cứt, dận hông, quật thừng.
Đây, qua cửa ải cuối cùng,
Hơn thua thử mặt anh hùng là ai?
Lòng ta son sắt không phai,
Biết chăng chẳng biết có đời có ta.
Hữu tình chăng hỡi, bóng nga!
Cho ta gửi với lòng ta cho đời.
Sau song ngục, một mình thôi,
Ước lòng soi ánh khắp trời như trăng.

Hà Nội, 1931

*
*   *

GIỮ VỮNG

Trăm phép thần thông giống bạo tàn,
Giỏi nào hơn kiếp chó phường săn,
Thịt lông quăng lại cho đồ tể,
Chỉ đấu với mày độc cái gan.
Bao trượng thành sâu giữ tấc lòng,
Một thề không để thẹn non sông.
Qua đời thử thách trong than lửa,
Mới thấy hôm nay mặt thép đồng.

Nhà lao Hà Nội, 1931

*
* *

NGHIÊM THƯỢNG BIỀN

Hạc Đính, Kim Tôn, lại đến mày [1]
Ai ngờ, chó cả lũ chó Tây.
Bầu lên Xứ ủy, rằng tin cậy!
Phá nhẫn Bắc Kỳ, thế mới cay!
Cõng rắn cắn gà, vơ cả cụm!
Bới lông tìm vết, chẳng ghê tay!
Họ Nghiêm mà đẻ con không dạy,
Lộn kiếp ăn dơ mặt đã dày!

Trong khám Hải Phòng, 1931

*
* *

---

1. Nghiêm Thượng Biền, Dương Hạc Đính, Nguyễn Kim Tôn đều là những tên phản Đảng, chúng đã làm tay sai chỉ điểm cho đế quốc Pháp.

ĐÊM NGỤC

Thờ ơ chi lắm, nửa trăng soi,
Đêm hận vong nô, giấc thở dài.
Mõ điểm thay phiên, vòng địa ngục,
Xiềng kêu hồi tỉnh, mộng trần ai.
Khắc canh thao thức chờ thay cuộc,
Đầu cố gật gù chửa rụng vai.
Vì thấu tâm tư lòng gửi gắm,
Trăng ơi gió hỡi, ở bên ngoài!

Bóng mình những tưởng bóng ai,
Không điên, bỗng nổi giọng cười hơn điên.
Ngủ thôi, nhắm mắt không yên,
Thức ra, mắt vướng bốn bên những tường.
Thu ơi, lá rụng ngoài đường!
Bóng ai thoi thóp, hơi sương thu về?
Qua song, ngày kéo lê thê,
Mà xuân đâu mất, chưa về nước non.
Bấm tay đời nửa xuân tròn,
Ngại thay còn nửa, phai mòn ngày xanh.
Đổ hồi, mõ réo tan canh,
Máu căm lại bốc, trong mình nóng ran.

Sở Mật thám Hà Nội, 1931

*
* *

HỠI CÔ ĐỒNG CHÍ TÍ HON!

Nẻo đường phố, đổi thay từng lúc,
Bụi chiều thu, phủ lớp lao công.
Đường về như vỡ tổ ong,
Dòng người tất tưởi, khốn cùng lao đao.
Bỗng nghe vẳng tiếng rao hàng nước:
Bát chè xanh giải khát, một chinh.
Thoáng nhìn cô bé tinh, nhanh,
Nhưng trong lam lũ ra tình bơ vơ.
Miệng mời mọc, gửi thưa năng nỗ,
Vóc đói nghèo, lồ lộ đau thương!
Quần manh, áo mảnh thịt xương!
Cỏ cây cùng với gió sương một màu!
Vốn đã trải buồn đau xã hội,
Gặp bước đường, lòng mới nên quen.
Lựa lời ta hỏi họ tên,
Mẹ cha ấm lạnh, quê miền đâu ta?
Sao thơ trẻ đã sa cảnh ngộ,
Bán nước chè liệu đủ nuôi thân?
Nghe qua lòng những ngại ngần,
Đăm đăm đôi mắt, đẫm tình xót xa!
Nỗi u ẩn đậm đà e thẹn,
Tuổi thanh xuân, đời nghẹn phù sinh!
Lệ tràn nhỏ bát chè xanh,
Ta thay bát khác, buông mình ngẩn ngơ.
Ngập ngừng kể, ngây thơ to nhỏ,
Lời thiết tha như rỏ cung đàn.
Bi ai thay kiếp trần gian!
Biết đâu cuộc sống mà màng ước mơ.
Rằng: "Em mới mười ba tuổi lẻ,
Nào thấy đâu cha mẹ như ai!
Sinh ra phận mỏng kiếp người,
Cất lên tiếng khóc, bỏ rơi bụi bờ.
Người đi chợ, bất ngờ nghe tiếng,
Rước về nuôi, sẻ miếng cháo rau.

Xóm nghèo hiu hắt bấy lâu,
Lớn lên với cảnh dãi dầu nắng mưa.
Mẹ nuôi đặt tên em là Bụi.
Tuy xấu mà người gọi vẫn thương.
Nghèo nàn chi lắm đa đoan!
Mẹ nuôi cũng bỏ cõi trần mà đi.
Cảnh đói rét đầu hè xó chợ,
Bảy tuổi đầu, nương tựa vào ai!
Nhặt ăn lá bánh chợ trời,
Tìm ăn bã mía, bới moi rác đường.
Sống không tổ, chẳng bằng muông thú!
Nhặt hạt bàng khô, trữ mùa đông.
Đập nhân, ăn đỡ đói lòng,
Ngửa tay bé bỏng kêu ông, vái bà!
Một hôm gặp cụ già đầu bạc,
Độ trì cho một bát cơm suông.
Hỏi em cặn kẽ mọi đường,
Cởi lưng cho cả tình thương, hai hào:
Đây làm vốn, bán rao hàng nước,
Kế sinh nhai, tùy bước cùng đường.
Sau đây Trời, Phật sẽ thương,
Cốt lòng nhân đức đạo thường, con nghe!
Sông có khúc, người kia có lúc,
Ắt sau này, con gặp điều hay.
Nói xong, bà cụ biến ngay,
Biết bao hy vọng, đêm ngày những mong.
Hôm nay lại gặp lòng nhân đức,
Khiến lòng em nhớ bước đường xưa.
Phật đâu, đã hiện về chưa?
Gặp anh liệu có phen qua khốn cùng?
Lòng chua xót, nghe xong câu chuyện:
Phật tiên đâu hiển hiện trên đời,
Khắp đường bao giọt máu rơi!
Không cha không mẹ, kiếp người vất vương.
Thuở chiều sớm, hơi sương chiếc lá!
Đi về đâu, trăm ngả mịt mờ!
Hỏi ai vùi dập tuổi thơ?
Đời ta nhường rõ vết nhơ cuộc đời.

Ta vốn dĩ là người cộng sản,
Ở trong lòng vô sản sinh ra.
Lạnh lùng, đói rách từng qua,
Bao nhiêu đau khổ, ấy là tình thương.
Đảng ta đã vạch đường chỉ lối,
Giang đôi tay đón lấy nhân quần.
Dẫn vào cuộc sống đấu tranh,
Phá tan áp bức, bất bình, giàu sang.
Dạy nhân nghĩa, ai làm được hưởng,
Máy của người, và ruộng của người.
Công bình là lẽ trên đời,
Nghe ta, bước tới chân trời thần tiên.
Ta vụng nói, chẳng nên lời nói,
Lòng thương em, chưa phải bát cơm.
Hai hào đáng quý cho em,
Nhưng sao giải được nỗi oan đời mình?
Cô bé bỗng long lanh đôi mắt.
Lòng yêu đời tràn ngập tâm can.
Đưa tay vuốt mái đầu xanh,
Tâm tư nhường bớt phận mình lẻ loi.
Rồi lên tiếng ngỏ lời, cùng bước,
Với thâm tình nguyện chước đi theo.
Đón em, ta nhớ một chiều,
Một cô gái nhỏ veo veo đẩy goòng.
Trao em mớ truyền đơn hôm ấy,
Miệng mỉm cười, em lại cảm ơn.
"Hỡi cô đồng chí tí hon,
Từ đây cô đã thành con người rồi!
Đời cho cô ngày mai sẽ tới,
Ta gặp nhau ôn lại hôm qua:
Tình ai chan chứa bao la?
Lệ ai pha bát nước trà tươi xanh?"

1931

Việc xảy ra từ năm 1930.
Viết ở trong tù sau năm ấy.

*

* *

VÈ TƯỚNG CHUỘT [1]

Nay mừng mở hội tù nhân,
Anh em tôi xin góp vui xuân một bài:
Tiếng tăm đồn dậy trong ngoài,
Kiến An bạo động có tướng tài mới ra.
Tướng này, tướng khác người ta.
Tích này chèo mới diễn ra tỏ tường:
Tướng quen, tướng ở trong hang,
Tướng ra ngoài đàng, tướng rúc, tướng chui.
Đánh Tây nổ súng một hồi,
Quân đi tìm tướng, tướng lui bao giờ.
Hỡi ôi, câu chuyện bất ngờ!
Té ra tướng chuột bây giờ chẳng oan.
Đến khi Tây bắt tướng hàng,
Tướng co đôi càng, tướng hóa tướng cua.
Cãi rằng quan tướng không thua,
Đương cơn binh lửa, tớ sờ rơi mất cái gan.
Tướng lăn, nằm vạ kêu làng:
Ối đôi bên đường phố! Cộng sản lấy gan tôi rồi.
Gan ngài, gan muỗi, tướng ơi!
Chớ đừng vu khống ai chơi, làm gì.
Ngài bò, ngài dậy, ngài đi,
Tìm ngay lũ kiến tức thì lấy gan
Kiến co, kiến rút, kiến dát, kiến kệch, kiến càng,
Bay bé tí tẹo mà dám tha gan tướng tài.
Quốc dân xin có mấy lời,
Sờ xem cái "mật", xin ngài giữ cho.

1. Diễn chèo trong nhà lao Hải Phòng, năm 1931, tên "tướng chuột" này là Chí.

Kẻo rồi Tây lại xơi cho,
Bằng ba cái mất cái thua chạy làng.
Khốn thay quan tướng bằng rơm!
Mật gan chẳng có, nên cơm cháo gì.
Trách cho mười hai bà mụ sao khéo cũng kỳ,
Đã nặn ra quan tướng lại quên cái gan lì "xơ cua"!
Trách gì phỗng đá không cu!

*

* *

KHÓC NGUYỄN ĐỨC CẢNH [1]

Ôi thôi! Anh Nguyễn qua rồi,
Ngoài hai mươi đã ra người thiên thu.
Nhận lấy chết, không chờ mệnh số,
Với trăng sao cùng tỏ quang minh.
Yêu đời nên phải quên mình,
Tất dòng máu thắm, ngày xanh giữa vời.
Lớp chúng ta, những người đồng cảnh,
Bóng thế tình, một mảnh như in.
Hướng đi ánh mắt cùng tìm,
Hơi đời cùng thở, nhịp tim cùng hòa.
Trang tuổi trẻ, từng qua thử lửa
Đoạt tay chèo, sóng gió nhường ai.
Niềm tin đon đả vui đời,
Ước mơ chan chứa, giọng cười câu ca.
Yêu chân lý thiết tha say đắm,
Nét chân tình lời thắm nên chương.
Tinh hoa chung tụ mối rường,
Gây nền Cộng sản, mở đường tương lai.

1. Xem tiểu sử Nguyễn Đức Cảnh trong tập này, tr. 45–46.

Bước hăm hở, lòng trai chí khí,
Buổi nước non, thiên lý lội lầy.
Gian nguy dìu dắt bạn bầy,
Tình trong đồng chí, nghĩa ngoài nhân dân.
Gặp hoạn nạn, sa chân cạm bẫy,
Ngẩng mắt thần, thiêu cháy yêu ma.
Bình sinh chẳng hẹn đến già,
Đầu rơi trước giá, nở hoa muôn đời.
Nhận sống thác làm người là thế,
Đành tử sinh là lẽ tự nhiên.
Đương cơn sóng cả con thuyền,
Hoa tiêu thiếu một hải viên vững vàng.
Ôi, vội vã gió sương một kiếp!
Để tình người ướt nếp áo khăn!
Bóng dương qua lại tần ngần,
Xuân thu rầu rĩ thay lần cỏ xanh.
Đâu nấm đất vô danh tử sĩ,
Giọt mưa rơi rủ rỉ lá vàng:
"Đảng viên Đảng Cộng Đông Dương.
Bỏ mình vì nghĩa giữa đường hôm qua".
Sông núi hỡi, vòng hoa thiên cổ
Phủ cho người nấm mộ thời gian.
Nổi lên táp biển mưa ngàn,
Sóng gào, gió thét xua tan thảm sầu!

7-1932

*
* *

GHÉ QUA

Sáu năm lại ghé qua nhà,
Trúc xanh rậm giậu, ngõ già gốc cau.
Mẹ lo tóc đã bạc đầu,
Cha còn đâu, hỏi ngõ hầu vàng xương.

Cuộc đời trải mấy nắng sương,
Chưa tan giấc mộng cố hương người về.
Hoa đèn vương vất canh khuya,
Xa nhà thì nhớ mà về thì thương,
Biết chăng mai lại lên đường,
Phải đâu dừng bước, thầm thương riêng mình.
Xót xa hàng triệu sinh linh,
Một đi, lòng thấu cảnh tình nhân gian.

Nam Định, 1936

*
* *

VỀ NGUYỄN THẾ TRUYỀN

Nước Nam có Nguyễn Thế Truyền.
Sinh ra như thánh như hiền khác ta.
Sang ngay nước mẹ Lang Sa,
Đổi ngay ông Cử để ra cứu đời.
Đem chuông đi đấm nước người,
Thông minh đã sẵn tính trời mới hay.
Ông về, ông ở nhà Tây,
Ông xơi thịt chó, ông bày tổ tôm.
Ông cách ông mạng cái mồm,
Thương dân ông lắm, ông ôm bà đầm.
Làng Nho ý cũng xỏ ngầm,
Mời ông Tây cống vọng phần quan viên.
Nghênh ngang ông bước lên đền,
Áo khăn ra phét, nhọ nhem mặt mày.
Việt Nam hồn đã đi Tây, [1]
Ông về đất Việt ngây ngây cái hồn.
Ông thầm nghĩ chẳng ai khôn,
Chống Tây mà chịu xơi đòn đáng chê.

1. *Việt Nam hồn* nhắc đến ở đây là tên tờ báo của Đảng Quốc gia do Nguyễn Thế Truyền chủ trương.

Theo ông, thiên hạ hãy nghe,
Muốn yêu nước, sang Pari mà làm.
Chương trình tự trị An Nam,
Ông trình vạn quốc đường hoàng chẳng chơi.
Dù xin dù lạy hết lời,
Nó ấn sọt rác, nó mời ông ra.
Thế mà đồn đại gần xa,
Rằng ông Truyền mới gan già tướng quân!
Hỡi ơi, cái kiếp thằng dân!
Cái khố đã rách, cái quần thì không!
Bây giờ rỉa đến cái lông,
Còn đâu mà rỉa, xin ông miễn bàn.
Nhớ xưa cụ cố tuần Hàn,
Ăn bom ông Tráng, oang oang Thái Bình.
Bây giờ cụ Nhạc thân sinh.
Cũng lên ông lớn, sự tình ai hay?
Cuộc cờ cách mạng đương bày,
Chờ xem ắt thấy chuyển lay đùng đùng.
Thôi thôi xin vái tôn ông!
Đường dân dân bước, đạo ông ông mần.

Nam Định, 1937

*

* *

HY VỌNG NGÀY XUÂN

Tôi đón xuân về sau chấn song,
Cánh đào hy vọng hé bên lòng.
Lắng nghe thời đại giao thừa điểm,
Tiếng pháo đì đoành chúc núi sông.

Nêu cao pháo nổ bánh chưng xanh,
Thiên hạ là ai có phải mình.
Nước mắt nhỏ thầm vai áo mẹ,
Nào đâu sum họp cảnh gia đình?

Chiếm riêng cả nắng gió ngày xuân,
Đem cả nhân tình dận dưới chân,
Nếu máu con người không đổ xuống,
Hoa đào đâu nở giữa nhân dân.

Nghe như gõ mỗi cửa nghèo nàn,
Kêu mỗi tấm lòng đón chúa Xuân...
Hãy chút đọa đày đen tối cũ,
Xuống đường mà giành lại ngày xuân.

Nam Định, 1937

*
*   *

NGHE ĐÀN

Tỳ bà nức nở thấm đêm thanh,
Trăng bến Tầm Dương giọt lệ tình.
Không phải hồn sầu người hận nước,
Lại buồn thêm tóc rụng ngày xanh!

Man mác Nam Bình khúc biệt ly,
Sầu dài cát bụi gió Ô Ly.
Sao chưa soạn khúc Bình Ngô nhỉ!
Vạn lý san hà bóng ngựa phi.

Đàn ngả Nam thương nguyệt cũng tàn,
Thuyền nan móng mánh lướt trăng sương.
Dưới tranh, tay lật lần trăng mỏng,
Đêm đã tàn rồi ảo cũng tan.

Nam Định, 1938

*
*   *

CHIỀU BẠCH ĐẰNG

Có phải chiều nay chiều quá khứ,
Vàng son đổ bóng Bạch Đằng giang?
Núi sông mây khói trình thiên sử,
Buồm rẽ thời gian cánh nối hàng.

Có phải mây xưa khói chiến trường,
Hoàng Thao cờ giáp bỏ tan hoang?
Sá chi Nam Hán đàn ong kiến,
Một bóng Ngô Vương dõi dặm ngàn.

Kiêu tướng Nguyên Triều Ô Mã Nhi,
Vùi sâu lớp sóng có làm chi.
Chiến thuyền phơi xác bêu đầu cọc,
Vỡ mộng Nam chinh tắt hướng về.

Giữ trọn lời thề Hưng Đạo Vương,
Đầu còn, còn mãi mảnh giang sơn.
Với tay trí dũng yên thiên hạ,
Thao lược tung hoành đạp Bắc phương.

Bài phú Trần Triều Trương Hán Siêu,
Ào ào giáp mã lửa binh reo.
Còn đây uy lực hình sông núi,
Sóng vỗ bờ vang vọng nhạc triều.

Thế quân "sát thát" lừng biên ải,
Ngoảnh mặt phương Nam vững cõi bờ.
Châu quận lại thu hồi một mối,
Ngàn năm Thăng Long, ôi cố đô!

Tưởng mãi hoàng hôn vần khói chiến,
Cổng khua hiệu lệnh gọi xuân thu.
Chiều chiều thế kỷ dừng sông bến,
Một áng sương lan lớp bóng mờ.

Mây kéo đâu về đóng núi đêm.
Long lanh mặt sóng nổi trăng lên.
"Bạch Đằng phương tích" đền đâu đấy,
Chuông nện chiều khơi giọng đổ rền.

Có phải thuyền xưa rẽ sóng về?
Ánh đèn lấp lánh mắt sơn khê.
Trăng soi muôn dặm sa trường cũ,
Thuyền lướt trăng trôi dãi bốn bề.

Hải Phòng, 1938

*
* *

CỨ ĐI ĐI

Anh hỏi tôi nguồn nước trong?
Cứ đi đi, gặp dòng sông.

Anh hỏi tôi đâu bóng rợp?
Cứ đi đi, đường cây mát.

Anh hỏi tôi đâu no lòng?
Cứ đi đi, thấy lúa đồng.

Anh hỏi tôi có tình yêu?
Cứ đi đi, tình đi theo.

Anh hỏi tôi còn khổ đau?
Cứ đi đi, ta có nhau.

Anh đã uống nước trong,
Của dòng sữa núi sông.

Anh đã ngồi bóng rợp,
Giữa đại hội đời họp.

Anh đã thấy no lòng,
Bát cơm của ruộng đồng.

Anh nhận được tình yêu,
Người quý biết bao nhiêu!

Chúng ta là đồng chí,
Cùng mỉm cười ý vị.

Trao lại anh địa bàn,
Tôi kịp chuyến xe sang.

Nam Định, 1939

TỔ QUỐC

Ôi, Tổ quốc của tôi!
Nhớ biển rộng sông dài,
Yêu luống cày thửa ruộng,
Dòng sữa lành nuôi dưỡng,
Êm ấm nằm trong nôi,
Nơi chôn nhau cắt rốn.

Ôi, Tổ quốc của tôi!
Mang dấu vết ngàn đời,
Dù vinh quang Tổ quốc,
Dù đau thương đất nước,
Gửi tiếng nói, màu da,
Vì nguồn gốc ông cha!

Ôi, Tổ quốc của tôi!
Cho tôi cả cuộc đời,
Trao tay tôi vận mệnh,
Được vinh dự làm người,
Xin hiến dâng tất cả.
Dù trước đường phải ngã!

Ôi, Tổ quốc của tôi!
Nghe tiếng gọi bồi hồi.
Đâu nấm mồ cha anh,
Phủ mấy lần cỏ xanh?
Thiêng liêng thay Tổ quốc!
Tôi ngẩng nhìn lên trước.

Ôi, Tổ quốc của tôi!
Sống thề gửi trọn đời.
Chết gửi xương đất nước,
Ngủ trong lòng Tổ quốc,
Việt Nam dưới mặt trời,
Việt Nam yêu dấu ơi!

Hà Nội, 1939.

ÁNH SÁNG BAN TRƯA

Cứ phải tiến, chớ dừng quay bước lại,
Vì tương lai đâu có ở sau ta.
Chỉ dừng một bước cũng là thất bại,
Dù có lùi kẻ địch cũng không tha.
Là chân lý, hiển nhiên không phản bội,
Tìm đâu ra một đường lối thứ ba.
Đúng! Lịch sử có những ngày đen tối,
Nhưng không trở về với bi cảnh hôm qua.
Đứa nào rắc hoa hồng trên cứt thối,
Xóa đấu tranh gieo nọc độc dung hòa,
Tôi phải nói, phải nói, cần phải nói,
Có kẻ nào trong hàng ngũ chúng ta,
Bán rẻ mình đã thành tên cơ hội.
Đứng bên kia chiến lũy bắn vào ta.
Hãy bỏ lại những linh hồn tội lỗi,
Để thời gian cất đám dưới tha ma!

*

Ta chiến đấu không những vì danh dự,

Của giống nòi Tổ quốc với tình thương.
Ta chiến đấu trước bạo tàn hung dữ,
Tự hiểu mình mang sứ mạng lên đường.
Ta chiến đấu cho quyền người cụ thể,
Vì sống còn, cho hạnh phúc ấm no.
Không lò máy, ruộng cày, ôi vô nghĩa!
Rỗng tuếch thay là hai chữ "tự do"!

. . . .

. . . . [1]

Họ bày mâm, mời ta ăn bánh vẽ,
Điểm trang gì cho đường lối thứ ba?
Mảnh áo thầy tu, giáo kinh con đĩ,
Đã rữa rồi, lớp son phấn phù hoa.
Chủ nghĩa Mác – Lê đi vào lịch sử,
Hùng dũng thay một lực lượng mới ra!
Đoàn người cứ đi, mặc cho chó sủa,
Có sức gì ngăn được bước chân ta!
Cuộc chiến tranh còn đưa ma quá khứ,
Huyệt chiều tàn đợi đế quốc về già.
Mộng quốc xã đương tan trò bá chủ,
Khi húc đầu vào lũy thép Mạc Tư Khoa.
Cơn bão táp lần này qua thách thử,
Sẽ mọc thêm những Xô viết Cộng hòa.
Ta tin tưởng, muôn nghìn lần tin tưởng,
Quý biết bao là dòng máu anh hùng.
Đã nhuộm thắm ngọn Tiền phong cho Đảng,
Dấu trung thành của vô sản Đông Dương.
Dù bay xéo lên những cánh hoa xán lạn,
Thì nguồn tin vẫn tỏa ánh muôn hương.
Ai dám bảo máu Nam Kỳ đã cạn,
Để rút lui, hỡi những kẻ tầm thường!
Ta chỉ thấy vuốt nanh đàn chó sói,
Đã cùn rồi, không giữ nổi Đông Dương,
Ta chỉ nghe tiếng quang vinh thời đại.
Mà Đảng ta đang gióng giả hồi chuông.
Cứ phải tiến, chớ dừng quay bước lại,

1. Quên mất hai câu.

Tự do nào không đẫm vết đau thương!
Nhận thất bại không có nghĩa là chiến bại,
Cờ đấu tranh phấp phới mãi lên đường,
Lòng tin tưởng mang đôi hài vạn dặm,
Vượt đường trường và chiếm lĩnh thời gian.
Trước hiện tại chứa chan đầy hắc ám,
Ngôn ngữ ta không có tiếng "lui hàng".
Dận dưới gót những gian nguy hiểm nạn,
Đạp thành trì thống trị đổ tan hoang.
Lấy súng đạn để trả lời súng đạn,
Ta tiến lên trong lúc địch suy tàn.
Với sành sỏi trong đấu tranh dày dạn,
Trận cuối cùng sẽ quyết liệt nghiêm trang!
Vinh dự mấy bởi tay người cộng sản,
Dân tộc này xuất hiện đỏ trời Nam!
Tôi chép lại chân thành dòng hy vọng,
Như máu người, không trang sức lời thơ.
Trong khắc nghiệt, cửa ngục đời chôn sống,
Giọt tâm tư gạn lọc chất bùn nhơ.
Lòng tin đó không xây bằng ảo mộng,
Rõ ràng như ánh sáng giữa ban trưa!

Thái Nguyên, lao Phấn Mễ, 1943.

*
* *

THÈM KHÔNG GIAN

Một chiều Nghĩa Lộ đẹp thay,
Mênh mông sức sống mà say tâm hồn.
Lòng ta đỏ ráng hoàng hôn,
Máu ta suối chảy như tuôn mạch đời.
Rừng xuân gió thổi dặm dài,
Ngựa phi như gió mà người cũng phi.
Chân trời trong vắt xanh rì,
Đuổi trâu cô bé le te nhẹ nhàng.

Cánh cò trắng xóa vút ngang,
Chàm tươi gió lật, lau vàng lắt lay.
Nền trời dải lụa mây bay,
Tưởng mình trôi với áng mây giữa trời.
Mỏi vai, đặt gánh củi ngồi,
Mới hay đẫm áo mồ hôi thằng tù.
Thập thò trong mái tranh thưa,
Đầu già đã nhuộm bạc phơ tình đời.
Đứng lên lính thúc, về thôi,
Bốn bên lại nhốt khung trời như nêm.
Điểm danh cửa trại đóng liền,
Bầu tim muốn vỡ, ôi thèm không gian!

Nghĩa Lộ, 1944.

*
* *

TIẾNG TÙ

Nghe nức nở bên ngoài,
Sương lạnh cành trút lá,
Từng chiếc, từng chiếc rơi.
Lá vàng rơi trên lá,
Dưới cành, giọt sương rơi,
Từng giọt lại từng giọt,
Chiều, chiều, mai lại mai,
Nghe nức nở bên ngoài,
Thân lá bay phiêu giạt,
Hạt sương gieo thánh thót,
Chiều, chiều, mai lại mai.

Tiếng tim đập từng tiếng,
Hơi thở ngắt từng hơi.
Đời im không thấy tiếng
Mập mờ một bóng người.

Ngày đi không để lại,
Một cái chi cho đời,
Nghe mạch đời vẫn chảy,
Hy vọng ngày lại ngày,
Lòng man mác xa xôi,
Nghe mạch đời vẫn chảy.
Ánh lửa nhóm chân trời,
Vọng trong lòng tiếng gọi,
Có những bước chân người,
Dòng nước đi không lại.
Lá lìa cành vẫn rơi.
Ngày mai hỡi ngày mai ơi?
Đáp lên một tiếng cho vui một mình.
– Nếu khi lá đã rời cành,
Hỡi đời, xuân lại hồi sinh xuân về!

Nhà lao Phú Thọ, 1944.

LÊ ĐỨC THỌ
(1911 - 1989)

Lê Đức Thọ, tên thật là Phan Đình Khải, sinh ngày 10 –10 –1911, quê làng Dịch Lễ, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Lê Đức Thọ sớm giác ngộ cách mạng, tháng 10 –1929 đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1930, thực dân Pháp bắt Lê Đức Thọ, kết án mười năm cấm cố và đày ra Côn Đảo. Năm 1936, ra tù, Lê Đức Thọ trở về Nam Định. Từ năm 1936 đến 1939, Lê Đức Thọ phụ trách công tác công khai của Đảng ở Nam Định.

Năm 1939, Lê Đức Thọ lại bị thực dân Pháp bắt, bị giam ở các nhà tù Hà Nội, Sơn La, Hòa Bình, và năm 1944 thì vượt ngục ra ngoài hoạt động cách mạng. Cuối năm 1944, Lê Đức Thọ là Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng. Cuối năm 1945, Lê Đức Thọ dự Hội nghị Tân Trào, và được cử làm Ủy viên chính thức Trung ương Đảng.

Từ 1946–1948, Lê Đức Thọ là Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, phụ trách Ban Tổ chức của Đảng. Năm 1948, Lê Đức Thọ được đặc phái vào công tác ở Nam Bộ, làm Phó Bí thư Xứ ủy Nam Bộ. Tại Đại hội thứ hai của Đảng, Lê Đức Thọ được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, và năm 1955 ra Bắc, tham gia Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Tại Đại hội lần thứ ba, thứ tư, thứ năm của Đảng, Lê Đức Thọ đều được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và đều ở trong Bộ Chính trị.

Năm 1968, Lê Đức Thọ được cử làm cố vấn đặc biệt của phái đoàn Chính phủ tại cuộc đàm phán ở Pari (Pháp) về vấn đề Việt Nam.

Năm 1975, Lê Đức Thọ là một trong những người lãnh đạo chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn và cả miền Nam.

Cũng như nhiều nhà cách mạng Việt Nam, Lê Đức Thọ yêu thơ và làm thơ. Tiếc rằng, nhiều bài thơ làm trong thời kỳ hoạt động bí mật và trong nhà tù chưa sưu tầm được đầy đủ.

Thơ của Lê Đức Thọ sau này được tập hợp in thành cuốn *Trên những nẻo đường*, Nhà xuất bản Phổ thông, 1960 (Nhà xuất bản Văn học in lại năm 1968, có bổ sung). Năm 1977, Nhà xuất bản Văn học Giải Phóng ở thành phố Hồ Chí Minh bổ sung thêm một số bài nữa và in thành một tập nhan đề *Đường ngàn dặm*. Tất cả những bài thơ in sau đây đều trích ở cuốn *Đường ngàn dặm*.

XÀ LIM OÁN

Chốn xà lim một mình vò võ,
Hận thù này biết ngỏ cùng ai.
Trông ra cửa đóng then cài,
Tường cao che kín mặt trời khôn soi.
Đời sống khác chi đời trâu ngựa,
Chỗ ăn nằm sặc sụa tanh hôi.
Áo quần một bộ tả tơi,
Chân cùm lạnh buốt, chiếu thời nửa manh.
Muỗi, rệp đốt, năm canh không ngủ,
Nằm lại ngồi nhức mỏi khắp thân.
Giận thay cuộc thế xoay vần,
Xà lim này đã mấy lần vào ra.
Cơm thóc sạn, rau già, cá thối,
Thịt trâu gân chấm muối Thanh hoa.
Đầu xanh mấy lúc mà già,
Ruột ngày héo hắt, nước da xanh dần.
Giam hãm mãi hàng tuần không tắm,
Chấy rận bò, ghét lẫn mồ hôi.
Cảnh này khôn nói nên lời,
Đoạn trường ai có qua rồi mới hay.
Vì đâu phải đọa đày khổ cực,
Giận vì quân đế quốc dã man.
Bao năm giày xéo giang san,
Ngàn trùng áp bức muôn ngàn đắng cay.
Chế độ nọ ra tay tiêu diệt,
Xích xiềng kia phải quyết phá tan.
Sao cho đời hết lầm than,
Dựng nên xã hội hoàn toàn tự do.
Đêm trằn trọc nghe giờ kèn thổi,
Kiểng trên lầu giục vội tan canh.
Bâng khuâng một bóng, một mình,
Nghe chim ríu rít trên cành gọi ai?

Nhà tù Nam Định, năm 1939.

HẬN RỪNG XANH

Nhớ một đồng chí vượt ngục
bị giặc Pháp giết trong rừng.

Đêm nay tạm nghỉ quán bên đường,
Ai rắc tơ sầu mấy đoạn vương.
Chó sủa hình trăng nơi khóm lá,
Chim buồn buông tiếng rủa tang thương.

Hồn lắng trong khuya nghe gió than,
Nghe dòng suối chảy mạch thời gian.
Như mang mối hận sầu thiên cổ.
Giữa chốn rừng sâu ánh nguyệt tàn.

Có phải nơi đây, mới độ nào,
Cây rừng rung động, lá xôn xao.
Băng mình chiến sĩ khinh nguy hiểm,
Vực thẳm rừng xanh lớp lớp cao.

Âm thầm vội lén bước ra đi,
Với bạn nên không biết nói gì.
Yên lặng nhưng cùng như hứa hẹn,...
Hận thù, muôn thuở vẫn còn ghi.

Nhưng cánh chim lồng mới vượt ra,
Đường đời chưa toại chí xông pha.
Lưỡi dao thù địch, ôi! Oan nghiệt,
Giết cái tinh anh, máu chửa nhòa.

Bạn đã hy sinh trọn một đời,
Cành hoa sớm héo giữa ngày tươi,
Rừng xanh còn dấu vừng trăng giãi,
Lòng vẫn còn in vết hận đời.

Nhà tù Sơn La, 1942.

TRONG KHUYA

Đêm nằm nghe tiếng mưa rơi,
Trong khuya như có tiếng ai gọi đò.
Xa xa, vẳng tự bao giờ,
Ngàn thông hút gió bên bờ sông Đen,
Bình minh, hơi thở êm êm,
Bạn say trong giấc cô miên lạnh lùng.
Dế buồn oán cái lao lung,
Mõ buồn buông tiếng não nùng tàn canh.
Gà đâu gọi sáng quanh thành,
Non sông đón ánh bình minh bên ngoài.

Nhà tù Hòa Bình, 4-1944.

*
* *

RỪNG MAI

Khách vẫn bâng khuâng nhớ độ nào,
Mai về trang điểm mé đồi cao.
Nhìn mai e thẹn cười trong gió,
Hương gửi lòng xuân đượm ngọt ngào.

Rồi hoa yêu khách, khách yêu hoa,
Vui đón xuân về những buổi qua.
Giây phút để quên đời trói buộc,
Dặm trường đâu lãng bước xông pha.

Những ngày xuân đẹp lẹ làng trôi,
Giấc mộng yêu hoa tan mất rồi.
Mai hẹn xuân về mai lại nở,
Khách còn hẹn với bước chông gai.

Nào biết Đà Giang lại có ngày,
Con thuyền phiêu bạt ghé nơi đây.
Cánh buồm đã dãi màu sương nắng,
Xuống thác lên ghềnh vẫn vững tay.

Trải mấy gian nan mấy dặm chèo,
Nghe lời gió gọi tiếng thông reo.
Đường xa mải miết, quên ngày tháng,
Dòng nước thời gian vẫn chảy đều.

Nhụy vàng bỗng hé đón mưa bay,
Hớn hở mai cười, sắc đắm say.
Giấc mộng yêu hoa ngờ lỗi hẹn,
Xuân về đâu biết có hôm nay.

Trước dáng mai xưa khách mỉm cười,
Thuyền hồn trở lại bến xa xôi.
Đời mai nào phải trong mưa gió,
Mỗi độ xuân về lại trắng tươi.

Còn người khách lạ vốn yêu hoa,
Bão táp mưa sa vượt tới bờ.
Để hái một mùa xuân lý tưởng,
Đâu còn mơ đến những ngày qua.

Nhà tù Hòa Bình, xuân 1944.

*
* *

DUYÊN VĂN

Kỷ niệm một năm tờ Bình minh *ra đời*
ở nhà tù Hòa Bình.

Hơi sương để lạnh những chiều,
Lưng trời cánh gió đuổi theo lá vàng.
Thế là lại một thu sang,
Thuyền văn đổi bến Đà Giang vẫn còn.

Thời gian qua lớp sóng cồn,
Mực chưa cạn hết những nguồn thơ say.
Đời chưa hết kiếp đọa đầy,
Tơ lòng giăng mắc biết ngày nào thôi.

Hôm nay mưa gió đầy trời,
Trở về chốn cũ với lời thề xưa.
Sắt son hẹn chẳng bao giờ,
Quên nàng thơ ấy bên bờ sông Đen.

Mãn hạn tù ở Hòa Bình, thu 1944.

*
* *

Ý XUÂN

Xuân đến nơi đây giữa một chiều,
Căn buồng vắng lặng vẻ hoang liêu.
Với manh chiếu mỏng tình đơn chiếc,
Gió lạnh ngoài xa thổi lạnh nhiều.

Nằm đón xuân về trên ổ rạ,
Xóm làng đã vắng bóng cây nêu.
Pháo im, tiếng pháo không giòn giã,
Những mái nhà tranh vắng khói chiều.

Non nước đìu hiu xơ xác quá,
Xuân về như vẽ nét thê lương.
Biết bao kiếp sống đang quằn quại,
Giữa cảnh điêu tàn của máu xương.

Lòng tôi se lại trong đau khổ,
Máu hận hun lên lửa bất bình.
Muốn đập cho tan xiềng xích cũ,
Đời người xóa hết vạn điêu linh.

Những ngày tươi sáng không xa nữa,
Xuân mới đương về với thế gian.
Muôn cánh hoa lòng đều hớn hở,
Không còn tiếng khóc với lời than.

Nhà anh Hai Vẽ ở làng
Phú Gia, xuân 1944

*
* *

LÒNG XUÂN CHIẾN SĨ

Xuân ở lòng ta đã khác rồi,
Đâu còn ca ngợi cánh hoa tươi.
Như làn môi ngọc cô trinh nữ,
Trước gió xuân sang lả lướt cười.

Muôn hoa đua nở đón tin xuân,
Là cả muôn lòng của quốc dân.
Họp lại kết thành hoa lý tưởng,
Xuân về tô điểm lại giang sơn.

Xuân ở lòng ta đã khác rồi,
Đâu còn ly rượu nhấp trên môi.
Cùng nàng xuân nữ say trong mộng,
Uổng cái ngày xuân năm tháng trôi.

Tiệc rượu nay đà khác hẳn xưa,
Mừng xuân vang tiếng thét căm thù.
Chiến trường, tôi, bạn vui tay nắm,
Để thỏa cho lòng những ước mơ.

Xuân ở lòng ta đã khác rồi,
Đâu còn tiếng pháo để reo vui.
Ngõ hiền, xác pháo đưa xuân lại,
Như cưới lòng ai duyên thắm tươi,

Tiếng pháo nay là loạt súng vang,
Của quân du kích chốn sa trường.
Xác thù tan tác trong sương sớm,
Máu thấm vương trên vạn nẻo đường.

Xuân ở trong lòng ta đã khác rồi,
Bao nhiêu mơ mộng, bạn đời ơi!
Đã đem chôn xuống mồ quên lãng,
Thề hẹn non sông dám phụ lời.

Xuân 1945.

*

* *

HOÀNG VĂN THỤ
(1906 - 1944)

Hoàng Văn Thụ, tên thật là Hoàng Đình Hưng, người dân tộc Tày, sinh trưởng trong một gia đình nông dân lao động ở xã Nhân Lý, châu Điềm He, nay là xã Văn Thụ, huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn. Thuở nhỏ Hoàng Văn Thụ học chữ Quốc ngữ và chữ Hán ở trường làng, sau đó ra học trường Trung học ở thị xã Lạng Sơn.

Sau phong trào truy điệu Phan Chu Trinh, năm 1926, Hoàng Văn Thụ cùng với một số thanh niên lập ra nhóm thanh niên yêu nước ở Lạng Sơn. Một năm sau, Hoàng Văn Thụ trốn sang Trung Quốc tìm đường hoạt động cách mạng, được giới thiệu đến làm ở Xưởng Cơ khí Nam Hưng thuộc Quảng Tây, một xưởng máy do những người cách mạng Việt Nam hoạt động ở Trung Quốc lập ra để làm nơi liên lạc, hội họp và sản xuất lấy tiền hoạt động cứu nước. Tại đây, Hoàng Văn Thụ mau chóng trở thành một người thợ giỏi, được tín nhiệm, được cử làm quản lý xưởng. Cũng tại đây, cùng với Hoàng Đình Dong, Hoàng Văn Thụ thành lập Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đầu tiên ở vùng biên giới Trung - Việt và giữ vững con đường liên lạc trong và ngoài nước. Năm 1932, Lê Hồng Phong từ Liên Xô về Trung Quốc, Hoàng Văn Thụ giúp Lê Hồng Phong liên lạc với trong nước, và mở nhiều lớp huấn luyện ở Long Châu, đào tạo và huấn luyện thanh niên từ trong nước ra. Để dễ bề hoạt động, Hoàng Văn Thụ xin vào làm trong xưởng sửa chữa vũ khí của quân đội Tưởng Giới Thạch ở Long Châu.

Năm 1937, Hoàng Văn Thụ trở về hoạt động ở Cao Bằng; Hoàng Văn Thụ được bổ sung vào Xứ ủy Bắc Kỳ, phụ trách vận động công nhân và báo Giải Phóng cơ quan của Xứ ủy. Là một người am hiểu nhiều về lý luận, Hoàng Văn Thụ thường giữ mục xã luận của báo.

Hội nghị Xứ ủy Bắc Kỳ năm 1940 bầu Hoàng Văn Thụ làm Bí thư Xứ ủy. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (năm 1940) và Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (năm 1941), Hoàng Văn Thụ được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng và được cử vào Tổng bộ Việt Minh.

Tháng 8-1943, trên đường đi dự một cuộc họp ở Hà Nội, Hoàng Văn Thụ bị bọn mật thám Pháp bắt tại khu Tám Mái, Hà Nội. Chúng tra tấn Hoàng Văn Thụ rất dã man, nhưng không khai thác được gì. Mặc dù vậy, tòa án

binh Hà Nội vẫn kết án Hoàng Văn Thụ tử hình.

Ngày 24-5-1944, Hoàng Văn Thụ đã anh dũng hy sinh trước mũi súng quân thù tại trường bắn Tương Mai (Hà Nội).

Một số bài thơ ca vận động cách mạng bằng tiếng dân tộc Tày của Hoàng Văn Thụ có một vị trí đặc biệt trong kho tàng văn thơ vận động cách mạng Việt Nam. Riêng bài *Nhắn bạn* bằng tiếng Việt, Hoàng Văn Thụ viết trong khám tử hình đã gợi lại cho chúng ta thái độ hết sức bình tĩnh của người cách mạng trước cái chết vì lý tưởng, một sự bình tĩnh khiến kẻ thù bấy giờ phải khâm phục và sử sách mãi mãi còn ghi lại như một bằng chứng về cái chết cao đẹp của người chiến sĩ Cộng sản Việt Nam.

Thơ ca của Hoàng Văn Thụ đã được sưu tập và in trong *Thơ ca cách mạng ở Việt Bắc* (1936-1945), Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc 1977. Những bài chúng tôi chọn in sau đây là lấy ở tập thơ ca trên. Đối với những bài Hoàng Văn Thụ sáng tác bằng tiếng dân tộc Tày, chúng tôi có in theo nguyên tác.

NẬM TI VIỆT NAM

Sli xứng sloong vàm dủi slắc pan!
Mà slầu sli xứng slắc sloong vàm.
Slảy cán dú quây lẩn nàm chẳng,
Mà lầu tỉ chẳng tì An Nam.

Cần lầu pét slính pì lai nọi,
Vì lăng lầu chính nhựng cơ hàn.
Din vì pét slính lai cần khỏ,
Mí đảy pây thăng quá hạc tàng.
Cần lầu chỉ ký ăn pỏn quốc,
Mí slụ slam kỳ hu pjót hang.
Slam kỳ giàu chử: Trung, Nam, Bắc,
Nhằng mì Làu quốc xáu Cao Man.
Cụng mà tỉ mỉ mì pền hả xứ,
Tỉ giả tên này hất Tông Đàng.

Tỉ tổ vẻ lủm pên tu đủng,
Kho khót ti nòn dỏm chăn than.
Hang mìn chám tỉ thâng Cà Máu,
Hu mỉn păn chái dú Nam Quan.

Cần Keo, cần Khéc, chao cần Thổ,
Pàn Slình, Nùng ính, xán Cao Lan
Cần Lào hung mìn xày chảng Thổ,
Chảng mí tò tổng, chử Cao Man.
Mọi cần pét slính mì lai lớ,
Nhỉ hả triệu cần mí chử bang?

Nà slảy mảy mác tên pàn dỏng
Bó kim bó lếch pải pền hàng.
Sấn chử mí slín vàm nảy chảng.
Tày khỏ pây thâng tỉ Bắc Giang.

Slẩy nà tòi tẹp chăn dây báo,
Mí slắc ăn pò tằng tủng chang.
Slảy nà đay lai chan chử quảng,
Dòm oăn slí xứ tải kinh gian.
Slẻ quá mừ sla thâng Slan Sláy,
Pắc chich lồng pây thâng Hải Phòng.
Khây ha bát dỏm phing líu líu,
Cứ và nhân dân tải đay than.
Vàm và nảy cá công dẻn váng,
Ná, slẩy chẩu đây cú Lạo phan.
Slún mà tố nhằng mì lai nọi,
Dáu chừ tỷ chí sáu quan Nam.
Hung mần slửng kết tèo slim déo,
Áp pích nhân dân chăn da man.
Nằm mà tỷ chí slim mẩn toóc,
Slứ pỉ Kinh Giàu dú Lạng San.
Pẳng đảy ngần chèn mìn mí thúc,
Thích mẻ Nà Lềm hai tái đang.
Slửng mà tỉ mẻ chăn bó tảy,
Thích hai lần dá tổng nà chang.
Mừ thỉnh dòm slung bó hăn fạ,
Dèn mừ ti mí dảy thâng chang.
Ở Khay hết chi pây ti cáo,
Khửn thâng Công sứ chảng sloong vàm.
Vẳn lăng tìu cảy Kinh Giàu khỉn,
Ngần cèn khỉn bó nỏi cân hang.

Kinh Giàu khả giá mí dăm pjàng,
Din ví mìn khửn slẻng pây cón.
Thúc hử y sleng kỷ péc chàng,
Y sleng đảy chèn ha liền lắp.
Thúc xá bưởng chầu chủng mí tham,
Mè Khay phèng hai chăn dén váng.
Kinh Giàu khả giá mí can slăn,
Dòm hăn pện nẩy ti tèo slẩy.
Dầu slu hưng mìn hu mụt hang,
Bó lẩn mòn lăng lầu bó hất.
Mí ngám hoòng mìn thíc khẩu dang,
Phân lồng đét cóc lầu pây hất.
Đét chít lồng mà chấp phjan phjan,
Tẩu kha lướt oóc tu pinh khấp.
Táp pai hứ oóc lỏi thâng dang.
An vần náo đảy hào lình pún.
Slụ khẩu mà kin dì tố nàn,
Chử chúc pền chương nằng hở dị.
Tỉnh cà sloong tón tố nàn tang,
Cứ ca lao Fan day lai lớ?
Slỉu mí khè cò kin lượt hàm,
Lạo Fan tò tổng tu pinh héo,
Đứt thuổn lướt lài kí A Nam.
Ất mà păn hủ ô vùng táy,
Nhỉ mà păn hử kí quan Nam,
Slam mà păn hử ô sláy sláy,
Hử kí hôông mìn kin pác van.
Tang luóng dì tổng ò Páo Tả,
Tang sláy dì tổng ò lỉnh đoan.
Ất sin tố chừ pang ma thấu,
Đảy chèn mìn mí lị hu hang...

Slưởng mà pện nảy nàn lai lớ,
Pền lăng tỉ kết khảu pền pang.
Nâu khằm tò cạ lầu tổ chức,
Đoàn kết slèo căn dú thùng chang.
Đấu tranh ò Fan lìn đế quốc,
Liền tái tỉ chí đấu càn hang.

Dìn vì phong kín mìn sai lệch,
Dùng au ú khỉ áp dân quàng,
Mì lăng pò khỏ bó cháu đẩy?
Nải khỏ lồng slẻng tổ chức pang.

Sào Khi, 1938.

*
* *

Dịch thơ:

ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Sli hát lên đi hỡi bạn ơi [1]!
Để ta sli với một đôi lời.
Sự tình ở xa ta khoan nói,
Mà xin nói chuyện Việt Nam thôi.
Đồng bào ruột thịt ít gì đâu,
Vì sao ta chịu những khổ đau?
Dân ta trăm họ nhiều người khổ,
Không được đi khắp nơi đây đó.
Vốn chỉ biết quê cha đất tổ,
Không hiểu ba kỳ rõ đầu đuôi [2].

Ba kỳ chính là Trung, Nam, Bắc,
Lào quốc, Cao Miên, nước láng giềng.

Tất cả hợp lại thành năm xứ,
Thế giới thường gọi xứ Đông Dương.
Địa đồ trông tựa hình con nhộng,
Co quắp nằm ngủ, trông như thật.
Đầu từ Nam Quan, nơi biên giới,
Kéo dài tới tận mũi Cà Mau.
Người Kinh, người Hoa và người Tày,
Phàn Sình, Nùng Ích với Cao Lan,
Người Lào cùng nói giống tiếng Tày.
Người Cao Miên nói tiếng có khác.

---

1. Sli: tên một thể loại dân ca của dân tộc Tày - Nùng. Nội dung chính của loại dân ca này là lòng yêu lao động và tình yêu trai gái.

2. Ba kỳ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ.

Nhân dân chúng mình thật đông đúc,
Hai lăm triệu người, có ít đâu?

Ruộng nương, hoa trái đầy đồi núi,
Mỏ vàng, mỏ sắt xếp từng hàng.
Nếu còn ngờ ngợ điều chưa thực,
Hãy cố đi xem tỉnh Bắc Giang.
Ruộng đồng bát ngát trông đẹp lắm,
Không một mỏm đồi đứng giữa ngăn.
Ruộng đồng tươi tốt rộng mênh mông,
Trông thấu bốn phía, khắp không gian.
Bên phải tiếp giáp tận Sơn Tây,
Thẳng xuống là đi tới Hải Phòng.
Mở mắt nhìn ra xa tít tắp,
Ngỡ tưởng dân mình sống bình an.
Nào ngờ cực khổ, đời cay đắng,
Ruộng nương nào tốt Tây đoạt cả.
Kể ra cũng còn có ít nhiều,
Vào tay địa chủ cùng quan Nam.
Chúng nó kết lại thành một bụng,
Áp bức dân mình thật dã man.
Bọn địa chủ thật là thâm độc,
Như thằng Kinh Giàu ở Lạng Sơn.
Giá được bạc vàng chưa ưng ý,
Đá chị Nà Lềm chết đang chửa.
Nghĩ phận đàn bà thật đắng cay,
Đá chết lăn lóc giữa đồng không.
Lúc đó nhìn cao không thấy trời,
Với tay cũng không chạm tới đất.
Anh Khay mới làm đơn thưa kiện,
Lên tận Công sứ trình đôi câu.
Hôm sau điệu được Kinh Giàu đến,
Tiền bạc lên theo biết bao nhiêu.
Kinh Giàu giết người là sự thực,
Nhưng nó ngầm lên tỉnh chạy trước.
Đút mấy lạng vàng cho thầy thuốc,
Đốc tờ thấy của mắt liền nhắm,
Phải trái cần chi phải hỏi han.

Chị Khay rõ chết thật là oan!
Kinh Giàu giết người, tội không oan,
Trông thấy việc này lòng đau nhói.
Căm bọn chúng nó, đầu đến cuối,
Chẳng thiếu việc gì ta không làm.
Không vừa ý, chúng liền đấm đá,
Mưa dầm, nắng gắt ta cũng phải làm.
Nắng thiêu xuống mình đau nhức nhối,
Dưới chân đỉa cắn máu trào ra.
Sau lưng mồ hôi ướt sũng áo,
Cả ngày chỉ kiếm được hơn hào.
Mua gạo về ăn không đủ bữa,
Cháo loãng nấu không, còn khả dĩ.
Cầm hơi hai bữa cũng không xong,
Cứ bảo thằng Tây tốt lắm đấy?
Còn thiếu cắt cổ, uống tiết canh.
Thằng Tây ví như con đỉa đói,
Hút hết máu mủ người Việt Nam.
Thứ nhất, chia cho bọn vua chúa,
Thứ hai, chia cho bọn quan Nam,
Thứ ba, chia cho loại nho nhỏ,
Để cho chúng ngọt miệng, thêm gian tham.
Làm to ví như thằng Bảo Đại,
Làm bé ví như thằng lính đoan.
Tất cả đều là phường chó săn,
Được tiền, biết chi điều phải trái...

Ngẫm lại điều đó, thật đau nhói,
Làm sao đây, ta kết thành đoàn.
Sớm tối bảo nhau vào tổ chức,
Đoàn kết cùng nhau từ bên trong.
Đánh đuổi giặc Pháp, bọn đế quốc,
Cùng bọn địa chủ, đánh đổ theo.
Vì bọn phong kiến tàn ngược lắm,
Dùng thói vũ phu đè nén dân,
Có sao người nghèo không cứu được?
Hãy cố ra sức tổ chức đoàn.

Vũ Châu Quán
và Hoàng Tuấn Cư *dịch.*

BỐ PÂY LÍNH TÚC CÓN

Nước Fan dỉ ái mì lạo lùn,
Sắp sửa au lỉnh quá pây pang.
A Nam bó nả kỉ lai fàn,
Phủ báo mọi cần tó tin can.
Au thâng lỉnh cáu thêm linh mấu,
Pây thâng mền hai vải đúc dang.
Sơ tầu mìn láu nỉ: slung slửng,
Hử mẻ pây dú đuổi căn hang.
Hâng mà pỏ mẻ sày păn slán,
Sloong bẻng hảy thàn nơi cơ hàn.
Mẻ slắng cạ vạ vàm pện nảy:
"Mừ chầu nì thói đảy khoan giàng?"
Pó cạ vàm nâng: - Bó cẩn díu.
Pây thằng slẻ slén còi tỏ tham,
Pjục lừ cau đảy mà tỉ nảy".
Chính náu pền lườn đuổi pạu pan,
Pây thâng Fan cò lìn khay trăn.
Me dú vè lăng ón thủn đang,
Mì cần thình hin he quây giá
Công cha mín chính mí tò pang,
Slưởng cần A Nam chăn bó tảy.
Mìn chinh chỉnh ăn pang tẻo pang,
Din vì pác qiau lai, cần ới!
Lầu chính sèn sle lục tải lan,
Cần chầu hết linh chăm bo tảy.
Thai lồng chang hải chương pja ngàng,
Pền mè lìn lưc bó cần chương?
Mần slì slường bó nơi cơ hàn,
Mì tai nhằng pâng tai slắc ý.
Mí mì đau hí muốt ăn dang,
Vì lăng lầu chính mà pần slán;
Hết kin bó đảy chảng sloong vàn.

Tang cần thai dú sle táng ti,
Lục luông mí nà thinh phẩn san,

Sẳn sử cách mệnh pền công dá,
Slau nước slim lầu chính náo than.
Kỳ nạy boong mìn nà cướp nước,
Mìn fẩn vạ lầu cướp An Nam.
Lai cẩn tò pang mền ma thấu,
Chính mí lụ nả nghé hu hang.
Tảo sứ mọi tỉ lầu tổ chức,
Mọi cần chính náo đảy kheng dang.
Dìn vì slủng phảo lầu dị nọi,
Tẩu vàm phát bỉn tỉn tổng hàng.
Nạy mềm slưởng quả pi sli slíp,
Mọi cần chang nước slinh cân hang.
Pan ké pan ón sày hôn hỉ,
Slí tỉ boong lầu tổ chức can.
Lạo Fan chính sử cần cướp nước,
Chính sử boong mềm cướp An Nam.
Lầu khôm lầu khỏ thâng tị nạy,
Pác chảng vàm vàm tó sứ pjàng.
Ngần kim cống pan slâu mừ thuổn.
Au chỉ mà pjàng cẩn Ớn Nàm.
Ngòi sle tó sử mền slư trận.
Lót pây chìn cống ngoải ô fan,
Thăng vằn cách mạng pền công nảy,
Việt Nam thế giới đảy mình thàng.
Nàn xứ phính khèn tìn phình tắng.
Hết kin lầu tố đảy tò xam.
Hết "quan" bó lẩn cần lung sláy,
Khỏ mì lầu tố nắng phình hàng.

1939 - 1940.

*

* *

KHÔNG ĐI LÍNH ĐÁNH THUÊ

Nước Pháp sắp sửa có loạn to,
Đang mộ binh lính đi đánh thuê.
Việt Nam không biết bao nhiêu vạn,
Trai tráng mọi người sẽ đi nhiều.
Lấy cả lính cũ, lẫn binh mới,
Chết thay cho chúng uổng phí thân.
Lúc đầu, chúng dụ dỗ: sung sướng.
Cho vợ đi theo cùng ở ăn.
Về sau, vợ chồng phải ly biệt,
Đôi bên than khóc nỗi cơ hàn.
Vợ chỉ hỏi chồng được một lời:
"Biết đến bao giờ anh trở lại?"
Chồng vội đáp rằng: "Không đáng ngại.
Rồi tôi sẽ được trở lại nhà,
Sum họp gia đình, nghĩa trăm năm".
Sang tới nước Pháp, liền ra trận,
Vợ ở quê nhà lòng bủn rủn.
Có người nghe tin chồng đã mất,
Công việc trong nhà chả thiết chi.
Nghĩ người Việt Nam có đáng gì,
Chúng bỗng vét đi lần tiếp lượt,
Đời người phải khôn lên, ai ơi!
Ta truyền đời con tới đời cháu,
Kiếp đi lính thuê thật khổ đau.
Chết vứt xuống biển nuôi cá voi,
Bỏ lại vợ con ai trông coi?
Lúc ấy nghĩ thật là đáng tội,
Có bà ngoại còn nhờ đôi chút.
Không có, lo nghĩ suốt cuộc đời,
Vì đâu, ta chịu cảnh chia phôi,
Đời ta, không kịp nói đôi lời.
Bỏ xác, nơi đất khách quê người,
Con lớn không biết mộ cha đâu.

Nếu là cách mệnh thành công đó,
Giành nước, lòng ta mới sướng vui.
Hiện giờ, chúng còn đang xâm lược,
Pháp vu ta: "Phiến loạn Việt Nam!"
Có người theo chúng làm tay sai,
Do không biết chi điều phải trái.
Khắp chốn nơi nơi đã tổ chức,
Mọi người mới chắc được cái thân.
Súng đạn hiện giờ tuy còn ít,
Hãy kêu gọi nhau: Hãy kết đoàn!
Thời hạn cướp nước ta đã hết,
Cả nước mọi người đều nhận biết,
Tuổi già, tuổi trẻ đều sôi nổi,
Khắp nơi ta tổ chức cả rồi.
Chính Pháp là quân cướp nước,
Là quân cướp nước Việt Nam ta.
Trăm cay ngàn đắng ta phải chịu.
Câu nào chúng cũng lừa dối tất.
Vàng thoi, bạc trắng mang đi hết,
Đem giấy ra dối người Việt Nam.
Xem ra, bọn chúng đang thua trận,
Vét sạch của ta dâng nước ngoài.
Đến ngày cách mệnh thành công đó,
Thế giới biết tên tuổi Việt Nam.
Nam nữ được bình quyền, bình đẳng,
Làm ăn có gì cũng bảo ban.
Làm "quan" không kể ai to nhỏ,
Giàu nghèo không còn phân biệt nữa.

Vũ Châu Quán
và Mã Thế Vinh *dịch*.

*
* *

AN ÉC DÚ TONG DÀNG

(Theo điệu Madolông)

An tỉ Tông Dàng chính sláy slưởng mà chăn kinh dan.
Din vì tỉ cò lồng mài hết dảy chăn dạ man.
Poóc lột đìn mìn pét slính kỷ slíp pi cơ hàn,
Chím thủn đông phja nà slảy nằm nao dan.
Hêt chăn sli lường kỉ ò tỉ chí,
Lầu hết lám hai sle mền sỏng than.
Nắm mà chăn chếp slí chái ò Fan,
An lầu pây hết tang vài lào lộc phân đét cừu vằn,
Chái nầng slẻ mả phu đài hoong mìn ép pây,
Nằm mà chăn chếp cần lầu mí táng mò vài.
Tỉ cỏ chẻn tranh ăn lầu pây tang cháy hai,
Tang dìn tò báo khen lì lầu đẩy ca lăng!
Slăn fần lầu lăng bố chắc nắm?
Lăng mà dỉ dú cam slim nô lệ tỉ có?
Pền mìn Tông Dàng tín mà thon kè hử mắn!
Dè nàn cờ mỉnh oóc slèng tá tảo tỉ cò,
Tẩu bân kỳ phốn lín hai lầu dáng khỉn!

Dịch

CÁI ÁCH Ở ĐÔNG DƯƠNG

Mảnh đất Đông Dương thật bé, nhưng nghĩ thật ghê,
Bởi hành động dã man đế quốc chẳng từ gì.
Bóc lột dân mình mấy chục năm đói rách,
Chiếm hết núi sông, ruộng nương, nghĩ mà oán trách.
Mấy thằng địa chủ gây bao cảnh đau thương,
Ta làm kiệt sức để chúng sướng thân béo ụ.
Càng nghĩ càng căm mưu đồ giặc Pháp,
Bắt ta làm như trâu lăn lóc nắng mưa ngày dài, đêm thâu.
Lại thêm thuế má, phu phen, chúng thúc ép,

Nghĩ mà đắng cay, đời ta khác chi ngựa trâu.
Đế quốc gây chiến tranh, bắt ta chết thay cho chúng,
Hỡi các chàng trai khỏe mạnh, theo giặc được gì đâu!
Thân phận mình sao không biết nghĩ?
Sao yên phận cam tâm làm nô lệ?
Nhân dân Đông Dương hãy đoàn kết đứng lên!
Tiến theo cách mạng, ta đánh đổ cường quyền,
Cờ bay rợp trời, hăng hái ta tiến lên!

Vũ Châu Quán *dịch*.

*

* *

SLÁNG CẠ LAI CẦN

Phác kỷ tèo sli ca tán pang,
Sláng cạ lai cần slắc sloong vàm.
Khay ha dòm quá thâng thin dà,
Pận tảng pùn kỳ pải chằn sàng.
Dỏm quá châu Âu sloong pi nảy,
Nước Đức cần mìn slim tại san.
Sìn tẩu mìn há thàng nước Áo,
Nước Áo mìn lao dản lìn hàng.
Dỏm hăm quốc sláy sliêng chăn yếu,
Đảy ý hung mìn tải biết quàng.
Kỳ nay Ba Lan au đáy đá,
Chíc khắc lặp lìn con nước Fan.
Anh – Pháp đồng minh ca mắn tàng,
Cọp slíp lai vằn dảu lìn hàng.
Ba Lan phèng pay lầu mản chảng,
Mà lầu tẻo chảng tỉ Tung Dàng.
Lạo Fan kỳ nảy mìn phây nản,
Pét slính lai cần dú mí an.
Pin chái Nam Quan, Nhật pủn há,
Con khẩu Khau Lừ slẻng Lạng San,
Pì pồm slủng pháo, bom sáu đạn,
Phí kí bên mà pjói chá tàn.
Nhật Pủc ngám an chịu Cường Để,

Chin pinh mải má tỉnh giang san.
Tỉnh đẩy slan vằn sầu lìn pài,
Mứ thỉnh Lạng San náo chịu an.
Lầu dỉ sloong mừ úc éc nàm?
Cắm ca kẻm làng ký ô Pan?
Sái chử cần lầu mí chắc nàm,
Hết pện mò vài hử mìn tàng.
Chạu nâu bấn slùng lầu lìn tứn,
Béc thây oóc tổng sáu vài tàng.
Pây cảo hứ hai tằng lài kẻo,
Âu mà sle chựng kỳ ò Fan.
Băn xằng slủng day lìn oóc tổ ông,
Mèng món nưa thin chúṇ thủn đang.
Nay ngỏ slắng cạ lai pằng dạu,
Lăng mà nòn đắc tằng hai van...

1941

Dịch

NHẮN NHỦ NHIỀU NGƯỜI

Gửi mấy vần thơ cùng chúng bạn,
Nhắn nhủ nhiều người đôi ba câu.
Mở mắt nhìn qua khắp thế gian,
Như một ván cờ đang bày trận.
Nhìn sang châu Âu hai năm nay,
Giặc Đức lòng dạ hiểm độc thay.
Lúc đầu đe dọa tới nước Áo,
Nước Áo liền sợ xin quy phục.
Thấy những nước nhỏ không đủ sức,
Được thể chúng nó càng làm càn.
Giờ đây, chiếm đã xong Ba Lan,
Tức khắc dồn dập đánh nước Pháp.
Đồng minh Anh – Pháp ngỡ vững chắc,
Nó đánh mười ngày đã ngã gục.
Tạm gác Ba Lan, ta khoan nói,
Ta kể về đất Đông Dương thôi,
Giặc Pháp giờ đây đang bối rối,

Dân chúng nhiều người không được yên.
Biên giới Nam Quan, Nhật Bản đến,
Đánh vào Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn.
Đì đùng súng pháo, bom với đạn,
Máy bay lượn thả bom hàng tràng.
Nhật Bản định đưa Cường Để về,
Chiêu binh mãi mã giữ vững giang san.
Xung đột ba ngày rồi tạm ắng,
Lúc đó, Lạng Sơn mới chiêu an.
Mình cũng hai tay, bộ óc nghĩ,
Có phải kém chi thằng Pháp đâu?
Bởi vì người mình chưa nghĩ kỹ,
Làm thân trâu bò cho nó cày.
Sớm sớm, trời chưa sáng đã dậy,
Vác cày ra đồng cùng trâu làm.
Làm mà không chết, sức cũng cạn.
Lấy về nuôi béo mấy thằng Tây.
Mỗi buổi mờ sương ra giữa đồng,
Muỗi, rĩn ngoài trời khắp thân rúc.
Nay xin nhắn nhủ cùng các bạn,
Nếu cứ ngủ say, chết uổng thân...

Vũ Châu Quán
và Mã Thế Vinh *dịch*.

*
* *

NHẮN BẠN

Việc nước xưa nay có bại thành,
Miễn sao giữ trọn được thanh danh.
Phục thù chí lớn không hề nản,
Ngọc nát còn hơn giữ ngói lành.
Thân dẫu lao tù lâm cảnh hiểm,
Chí còn theo dõi buổi tung hoành.
Bạn hỡi, gần xa hăng chiến đấu,
Trước sau xin giữ tấm lòng thành!

1944

XUÂN THỦY

(1912 – 1985)

Xuân Thủy tên thật là Nguyễn Trọng Nhâm, sinh ngày 2 –9 –1912 trong một gia đình nông dân yêu nước ở xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

Xuân Thủy sớm giác ngộ cách mạng và hoạt động theo đường lối của Đảng Cộng sản Đông Dương. Từ năm 1938 đến cuối năm 1943, Xuân Thủy bị thực dân Pháp bắt giam hai lần qua các nhà tù Phúc Yên, Hà Đông, Hà Nội, Sơn La, và một lần đi "căng" Bắc Mê (Hà Tuyên), vì hoạt động cách mạng.

Ra khỏi nhà tù, Xuân Thủy phụ trách công tác tuyên truyền của Tổng bộ Việt Minh, làm Chủ bút báo *Cứu quốc* bí mật và phụ trách nhiều công tác khác.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Xuân Thủy là Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, đến năm 1956 được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tại Đại hội Đảng lần thứ ba (1960) và thứ tư (1976), Xuân Thủy đều được bầu lại vào Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Từ năm 1968 đến tháng 3–1982, Xuân Thủy được cử vào Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Xuân Thủy liên tục là đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa VI.

Năm 1961, Xuân Thủy làm Phó Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam tại Hội nghị Giơnevơ về Lào; từ năm 1963 đến 1965, làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; từ năm 1968 đến 1973, làm Bộ trưởng Chính phủ, Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ tại cuộc đàm phán Pari về vấn đề Việt Nam. Sau đó Xuân Thủy là Phó Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Xuân Thủy có thơ đăng trên nhiều tờ báo trước và sau Cách mạng Tháng Tám 1945. Khi ở nhà tù Sơn La, Xuân Thủy làm Chủ bút tờ báo *Suối reo* (báo bí mật của tù chính trị).

Thơ của Xuân Thủy đến nay đã được sưu tầm và in ở các tập: *Thơ Xuân Thủy,* Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1969; *Thơ văn Cách mạng (1930 – 1945),* Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1970.

Những bài thơ chúng tôi tuyển dưới đây đều lấy từ các tập thơ trên. Ngoài ra, chúng tôi còn được chính tác giả cung cấp thêm cho 3 bài.

CẢNH ĐỜI

Cái ngai vàng trơ mặt, [1]
Cái thụng xanh khom lưng, [2]
Thằng quỉ trắng trợn trừng, [3]
Lũ chó đen bắng nhắng. [4]

Người dân vai gánh nặng,
Người dân lòng giận căm,
Biết bao lớp sóng ngầm,
Chỉ chờ cơn bão nổi.

1929

*
* *

LOẠN LUNG TUNG

TIỂU DẪN – Bài thơ này được đăng trên một tờ báo hằng ngày ở Hà Nội năm 1936. Và khi đó, tác giả đang hoạt động ở Phúc Yên, nên đã bị Tuần phủ Phúc Yên gọi đến bàn giấy của y yêu cầu cắt nghĩa bài thơ và nói đây là lệnh của Công sứ Pháp. Tác giả đã giảng từng câu và toàn bài một cách rõ ràng. Tuần phủ tự tay ghi rất cẩn thận. Từ đó tên tuổi và các hoạt động cách mạng của Xuân Thủy được khắc đậm nét vào sổ đen của thực dân Pháp và phong kiến Nam Triều.

Chỉ vì giàu nghèo nỗi bất công,
Làm cho thế giới loạn lung tung.
Liên minh phát xít vung tay sắt, [5]
Chiến tuyến Bình dân kết giải đồng. [6]

---

1. Cái ngai vàng: Chỉ vua.
2. Cái thụng xanh: Chỉ quan lại.
3. Thằng quỷ trắng: Chỉ thực dân Pháp.
4. Lũ chó đen: Chỉ bọn mật thám.
5. Năm 1936, bọn phát xít Đức, Ý, Nhật đang hung hăng đàn áp phong trào dân chủ và cộng sản. Cũng năm đó Mặt trận Bình dân Tây Ban Nha, Mặt trận Bình dân Pháp giành được chính quyền.
6. Như trên.

Đức, Pháp những toan chia đất lại, [1]
Nhật, Hoa, không nhẽ đội trời chung. [2]
Ai ơi, liệu phải lo đời sớm!
Kia Étpanhon nhuộm máu hồng. [3]

1936

*
* *

KHÔNG GIAM ĐƯỢC TRÍ ÓC

Đế quốc tù ta, ta chẳng tù,
Ta còn bộ óc, ta không lo.
Giam người, khóa cả chân tay lại,
Chẳng thể ngăn ta nghĩ tự do.

Có lúc người toan đánh bể đầu,
Đầu ta chẳng bể, sống càng lâu.
Sống lâu ta nghĩ trăm ngàn kế,
Nghĩ kế đưa ngươi xuống vực sâu.

Đời ta đã có một con đường,
Ý nghĩ ta đi khắp bốn phương.
Đi đến hang sâu, vào ngục tối,
Gọi hồn nhân loại, nấn đau thương.

Này này đế quốc biết hay chăng?
Ngươi đã già nua, ta trẻ măng.
Trái đất ngươi ôm, ôm chẳng nổi,
Trời kia, ta với cả cung trăng.

---

1. Phát xít Đức đang đe dọa đánh Pháp. Cũng thời gian đó phát xít Nhật đã chiếm của Trung Quốc một phần đất rộng lớn và mưu đồ mở rộng chiến tranh.

2. Như trên.

3. Ta quen gọi Étpanhon là nước Tây Ban Nha. Bọn phát xít Phờrăngcô ở Étpanhon được phát xít quốc tế ủng hộ đã dùng lực lượng quân sự chống lại chính quyền Mặt trận Bình dân và cuộc chiến tranh ở Étpanhon đã bùng nổ.

Ngươi ơi, ngươi đã trở về già!
Trời đất non sông này trả ta.
Cửa kín tường cao bưng bít mấy,
Ta nhìn vũ trụ vẫn bao la.

Ta nghĩ ngày mai hết đói nghèo,
Hết tù, hết tội, hết gieo neo.
Trong ngoài bốn biển anh em cả,
Ôi, đẹp vườn xuân những sớm chiều!

1938

Thơ Xuân Thủy.
Nxb, Văn học, Hà Nội, 1969.

*
* *

TRONG NHÀ TÙ

Đời ta nghĩ cũng lạ đời,
Làm chi hôm sớm có người chăm lo.
Mùa đông sẵn có "hỏa lò",
Mùa hè "nhà đá" tha hồ nghỉ ngơi.
Đi đâu có Pháp đi bồi,
Ở đâu có lính gác ngoài mái hiên.
Mặc thì nhà nước ban khen,
Áo quần nền trắng hoa đen lạ kỳ.
Ăn thì chả thiếu thức chi:
"Gân bò", "mắm ớt" lại khi "mề gà". [1]
Chơi thì nức tiếng gần xa,
"Tàu bay", "tàu thủy" lại pha tàu ngầm. [2]
Một hôm cố đạo vào thăm, [3]
Hỏi han sức khỏe, lương tâm thế nào?

1. Cách gọi các hình thức tra tấn của đế quốc.
2. Như trên.
3. Cố đạo Pháp thường đến thăm tù nhân, giả vờ an ủi để dò xét và thường bị chính trị phạm chế giễu.

Thưa rằng: Tôi chẳng làm sao,
Lương tâm vẫn tốt, máu đào còn nguyên.
Ở đây đôi lúc cũng phiền,
Những tôi chưa định có lên thiên đàng.
Mỗi khi nghĩ đến dân làng,
Đời tôi lại đượm muôn vàn sức xuân.

1939

Thơ Xuân Thủy.
Nxb Văn học, Hà Nội, 1969.

*
* *

CĂNG BẮC MÊ

Ai đưa ta đến Bắc Mê.
Núi cao vòi vọi, nước khe rì rầm.
Chân non, cuồn cuộn sóng gầm,
Sườn non, con hổ nó nằm tự nhiên.
Cỏ tranh dày đặc bốn bên,
Muỗi rừng, vắt đá lại thêm dãn, mòng.
Đồn Tây nghiêm ngặt canh phòng.
Một khu biên giới bịt bùng vào ra.
Ô hay! Ta lại cùng ta,
Đi lên đi xuống vẫn là gặp nhau.
Bản, làng ở tận nơi đâu,
Cho ta nói nhỏ vài câu tâm tình? [1]

Thơ Xuân Thủy.
Nxb Văn học, Hà Nội, 1969.

*
* *

1. Lúc này, tác giả đang nghĩ cách tìm đến bản để liên lạc tổ chức vượt căng.

LẠI ĐẾN SƠN LA

Lại đến Sơn La, lại núi rừng,
Nằm trên đỉnh núi mà như bưng.
Lờ mờ cửa ngục thông ba lỗ,
Thăm thẳm hầm giam sâu mấy từng.
Tháng tháng cơm sôi đau cả bụng,
Đêm đêm sàn đá buốt sau lưng.
Sao cho sốt rét đừng ra máu,
Non nước chờ xem ta vẫy vùng!

1941

Thơ Xuân Thủy.
Nxb Văn học, Hà Nội, 1969.

*
* *

ĐỀ BÁO "SUỐI REO"

TIỂU DẪN – Năm 1941, anh chị em chính trị phạm trong nhà tù Sơn La cho ra một tờ báo tên là *Suối reo*. Đây là mấy câu đề trên bìa báo hồi ấy.

Thu sang, hoa cỏ già rồi,
SUỐI REO lên để cho đời trẻ trung.
Thu sang non nước lạnh lùng,
SUỐI REO lên để cho lòng ta reo!

1941

Thơ Xuân Thủy.
Nxb Văn học, Hà Nội, 1969.

*
* *

LỜI NGƯỜI LÍNH SƠN LA

TIỂU DẪN – Bài này làm tại nhà tù Sơn La nhằm tuyên truyền vận động lính khố xanh từ vùng đồng bằng bị đổi lên Sơn La chống lại bọn thực dân Pháp.

Sơn La ơi hỡi Sơn La!
Nỗi buồn xa vắng sao mà mênh mông.
Non cao bốn mặt trùng trùng,
Ngàn cây man mác, dặm rừng hoang vu.
Một vùng trời đất âm u,
Đêm hiu hắt lạnh, ngày mù mịt sương,
Tơ lòng mấy đoạn vấn vương,
Phần lo nước độc, phần thương phận mình.
Kể từ lỡ bước đầu binh,
Trải bao lưu lạc thị thành, sơn lâm.
Đến đây lặng lẽ âm thầm,
Ở đây sống thác ngấm ngầm ai hay.
Vị đời biết mấy chua cay,
Thân này mà đến thế này còn chi!
Ngày ngày vác súng ra đi,
Vai thì nặng trĩu, dốc thì leo cao.
Có khi dạ đói nao nao
Gò lưng xe đá như bào ruột gan.
Có khi vượt suối băng ngàn,
Chém tre đẵn gỗ muôn vàn khó khăn!
Có khi coi đám tù nhân,
Suốt ngày đằng đẵng hai chân rã rời.
Việc làm nhọc lắm, chao ôi!
Đêm còn thức gác cho người ngủ yên.
Canh trường tiếng mõ kêu lên,
Ngáp thôi lại ngáp, buồn rên lại buồn.
Những đêm gió núi mưa nguồn,
Chim kêu vượn hú bên vòm chiếc thân,

Chán ơi, sao chán vô ngần!
Hết xa xa nghĩ, đến gần gần lo.
Gặp phường nịnh hót bốn xu,
Tội không đáng tội cũng lo tày đình.
Thằng Tây đâu có thương mình,
Bất công khôn cãi, bất bình khôn kêu.
Giám binh phạt "đúp" ra nhiều, [1]
Lại thêm Công sứ phạt trèo mấy phân.
Phạt lương, lương cúp mấy phần,
Phạt giam, giam cũng mấy lần cửa canh.
Xoay nhau xoay đủ mọi vành,
Giờ đang "laxiết" bắt mình "cỏ vê". [2]
Cỏ vê công việc nặng nề,
Kéo cưa bổ củi, nắng hè chang chang.
Trông coi gặp kẻ phũ phàng,
Nghe câu chửi mắng nghĩ càng cực thân!
Ghê thay chế độ bất nhân!
Bắt làm làm khổ, bắt ăn ăn tồi.
Thường khi cơm hẩm, thịt ôi,
Thường khi rau thiếu khi thời muối không.
Bưng cơm lòng tự nhủ lòng:
Ăn hòng để sống, sống hòng về xuôi.
Ở đây lạ nước lạ trời,
Con ma sốt rét ghẹo người luôn luôn.
Sốt lên cơn sốt từng cơn,
Mà khai "malát" họ còn đánh "nông". [3]
Đến khi nguy kịch khốn cùng,
Thuốc thang cũng chẳng đủ dùng hôm mai.
Thế thôi, thôi thế là thôi,
Trông gương trước mắt bao người thác oan.
Dù ai thoát khỏi nguy nan,
Thì ra ma dại thân tàn còn đâu.
Da vàng, bụng ỏng mắt sâu,

---

1. Phạt "đúp": Phạt gấp đôi, phiên theo tiếng Pháp.
2. "Laxiết": Giấc ngủ trưa, phiên theo tiếng Pháp.
3. "Malát": Ốm, phiên theo tiếng Pháp. "Nông": Không, phiên theo tiếng Pháp.

Hết duyên trai tráng, hết màu trẻ trung.
Ai ơi có thấu cho cùng,
Ra đi đứt mấy đoạn lòng chia tay.
Biết đâu cơ sự nhường này,
Tấm thân âu cũng tù đày như ai.
Trưa mong tối, tối mong mai,
Rừng xanh hăm bốn tháng trời dài ghê!
Ngóng trông tin nhạn đi về,
Đường xa thăm thẳm lòng quê rộn ràng.
Hởi đâu là xóm là làng?
Hỡi đâu cha mẹ, họ hàng, vợ con?
Phong thư nhận lúc hoàng hôn,
Tưởng vui vui vậy, hóa buồn buồn thêm.
Nước nhà nay lại không yên,
Thuế sưu nay lại tăng lên mấy từng.
Thóc cao vải kém lạ lùng,
Thức ăn, thức mặc, thức dùng như nhau.
Cảnh nghèo càng nghĩ càng đau.
Gia đình thôi đến cơ màu chia tan.
Ta như chim đã lìa đàn,
Phương trời phiêu bạt chi bàn ấm no.
Lần hồi ngày tháng quanh co,
Tiền lương ít ỏi, thêm lo nợ nần.
Nào là tiền thuế, tiền ăn,
Nào là tiền phạt, nhó nhăn vì tiền.
Còn chi ơn trả nghĩa đền,
Còn chi cấp dưỡng vợ hèn, con thơ.
Cảnh tình này não gan chưa!
Mà tình cảnh ấy bây giờ tính sao?
Bốn phương rộn rã binh đao,
Nước nhà đang lúc lâm vào cơ nguy.
Một mai giông tố bất kỳ,
Cái thân binh lính mong gì mà mong.
Gớm thay chinh chiến hãi hùng
Ai đưa ta đến bước cùng rồi đây?
Vì ai ta phải chết thay?

Phải chăng vì mấy thằng Tây sang giàu?
Ăn ngon, mặc đẹp, người hầu,
Ô tô nó diện, nhà lầu nó sang.
Bao nhiêu lộng lẫy huy hoàng.
Chẳng qua là máu, là xương dân mình.
Bạo tàn thay giống hôi tanh.
Nghĩ bao nhiêu lại bất bình bấy nhiêu.
Nay ta nín nhịn đã nhiều,
Lẽ đâu chịu mãi những điều xưa nay.
Sức ta trai tráng nhường này,
Súng ta cầm sẵn trong tay đây rồi.
Trí ta nào có thua ai,
Bạn ta hẳn cũng lắm người như ta.
Trông sang bên phía nhà pha,
Kìa tù chính trị vốn là anh em.
Trông sang mường bản mà xem,
Kìa dân nghèo khổ đông thêm bạn bè.
Trông quanh non nước bốn bề,
Kìa rừng, kìa ruộng thiếu gì lương ăn.
Nếu ta liên hiệp quân dân,
Làm chi thời thế xoay vần chẳng xong.
Nào ta quyết chí một lòng,
Ta tìm liên lạc từ trong ra ngoài
Tìm người tâm sự một hai,
Than thân nô lệ, kể đời khổ đau.
Những ai ý hợp tâm đầu,
Cùng nhau kết bạn cùng nhau họp đoàn.
Việc đời mưu tính lo toan,
Nêu cao nghĩa lớn, đập tan quân thù.
Biến vùng trời đất âm u,
Thành nơi không khí tự do mới là.
Sơn La ơi hỡi Sơn La!
Vì dân, vì nước, vì nhà đứng lên.

Sơn La, 1943

Thơ Xuân Thủy,
Nxb Văn học, Hà Nội, 1969.

XUÂN TRONG NGỤC

Tường vây, canh gác bốn bề,
Mà xuân vẫn cứ đi về với xuân.
Non cao, trời đục, mây vần,
Mà trong ngục vẫn trắng ngần hoa mai.

Ngục Sơn La, Xuân 1943

*
* *

BÀI CA VIỆT MINH

Đồng bào hỡi! Nước nhà tan nát,
Giận căm thay Nhật, Pháp hung tàn.
Kể từ nước Pháp tan hoang
Pêtanh nhục nhã đầu hàng Hítle,
Dân thuộc địa trăm bề đau khổ,
Bọn Đờcu càng giở gươm đao.
Róc xương nạo tủy đồng bào,
Hết tăng sưu thuế lại đào lạc quyên.
Thức ăn mặc độc quyền chúng bán.
Kho bạc vàng vô hạn chúng vơ.
Dân ta đã xác như vờ, [1]
Còn thêm đi lính đi phu thảm sầu.
Trận Đức – Pháp, Tây Âu khủng khiếp!
Trời gió mưa, dân Việt tả tơi!
Chống Xiêm, ôi những nhân tài! [2]
Làm bia đỡ đạn thiệt thòi nhau chưa?

---

1. Xác như vờ: Câu thành ngữ cũ, ý nói lên sự gầy đói nghèo khổ. Vờ chính là con nhện nước.
2. Chỉ cuộc xung đột Thái Lan (Xiêm) – Pháp năm 1940.

Đời thê thảm không cho than văn.
Miệng thương dân khép án tội tù.
Những ai tranh đấu tự do,
Kìa dao máy chém, kìa mồ tang thương.
Kìa những vụ đốt làng cướp của!
Kìa những thân ném bể sông trôi!
Bắc Sơn bao chuyện não nùng,
Nam Kỳ bao chuyện rợn rùng điêu linh! [1]
Ngẫm nông nỗi bất bình có một,
Nhìn giang sơn chua xót không hai.
Đông Dương là đất của ai?
Mà Tây đem một phần mười cho Xiêm? [2]
Bọn Pháp đó, còn thêm bọn Nhật,
Gót giày đinh sục đất xô nhà.
Khắp nơi trai gái trẻ già,
Thân như giun dế, đời là ngựa trâu.
Cảnh nô lệ đậm màu nô lệ.
Tình xót xa lắm nhẽ xót xa.
Thương ôi, thân phận dân ta!
Ném vào giặc Pháp, tung ra giặc lùn!
Nhà thôn xóm Tây dồn, Nhật đuổi, [3]
Mả ông cha Nhật bới, Tây đào,
Ngày ngày mũi kiếm ngọn đao,
Ai than, ai khóc, ai gào mặc ai!
Bạn nhi nữ xót đời trinh tiết,
Quân bạo tàn nói xiết dâm ô! [4]
Biết bao ruộng đồi nương ngô.
Đến ngày ăn quả còn lo phá màu.
Hàng chợ búa ùa nhau giặc cướp,
Dân trồng đay nơm nớp roi song.
Nhà pha chậtních cùm gông,

---

1. Năm 1940, sau khi các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ thất bại, giặc Pháp đã khủng bố, trả thù một cách dã man và tàn bạo nhân dân ta.

2. Sau khi xung đột với Thái Lan, thực dân Pháp đã phải cắt một phần đất Cao Mên (Campuchia) cho Thái Lan.

3. Giặc Pháp và giặc Nhật đã bắt nhân dân ta phải phá nhà ở, phá ruộng vườn, thậm chí phải đào cả mồ mả để chúng lấy đất làm sân bay, mở đường làm đồn điền.

4. Dâm ô nói không hết được.

Đường đi kẻ đói, người cùng ngổn ngang.
Vì đâu hử, thân tàn ma dại?
Vì đâu mà cấm ải ngăn sông?
Vì đâu bom đạn hãi hùng?
Vì đâu nát thịt tan lòng, hỡi ai?
Thân ta thế, ôi đời ta thế!
Nghĩ nguồn cơn như xé tâm can.
Đồng bào hỡi, đập cho tan!
Hay đành nín nhịn, hay cam tôi đòi?
Không, không được! Giống nòi Hồng Việt,
Quyết kêu căng không chết bao giờ!

. . . .

Đồng bào hỡi! Trước nguy cơ,
Nhà ta nước mất bây giờ hỏi ai?
Đường cứu nước cứu nòi duy nhất,
Cờ Việt Minh đã phất trên đầu.

. . . .

Noi gương tranh đấu năm châu,
Moi gan Nhật Pháp, bêu đầu Việt gian.
Dưới cờ đỏ sao vàng năm cánh,
Hỡi đồng bào! Sát cánh chen vai.
Việt Nam riêng một góc trời,
Xây nền độc lập, xây đời tự do!

1944

Thơ văn cách mạng (1930 – 1945).
Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1970.

TỪ BIỆT

Một túp nhà tranh giữa cánh đồng,
Năm ba hàng chuối lá cong cong.
Vờn trên sóng lúa đôi chim nhỏ,
Trời tận xa xa ửng ánh hồng.

Tôi đến nơi đây một buổi mai,
Khách chào chủ một, chủ chào hai.
Bỗng trong giây lát, trong im lặng
Chủ liếc vu vơ, khách ngắm trời.

Nhưng rồi một phút trở nên thân,
Muối sạn, cơm ngô, ngọn cúc tần.
Ngày nắng sân rêu đôi bóng chụm,
Đêm trường muỗi réo chuyện khôn ngăn.

Hôm nay tôi tạm biệt nơi anh,
Hành lý mang theo "gói cảm tình".
Sương trắng long lanh bờ cỏ biếc,
Nắng vàng vương vấn khóm dâu xanh.

Biết đâu mai mốt tận phương xa,
Trong khóm tre thưa cùng túp nhà.
Bên ngọn đèn khuya trên chiếu mỏng,
Chẳng cùng nhau kể chuyện xông pha.

Vừa nặng tình riêng, nặng nghĩa chung,
Chuyến đò đang giục khách sang sông.
Bàn tay xiết chặt bàn tay nữa,
Thôi nhé, tôi đi, lòng hiểu lòng!

1944

Thơ Xuân Thủy.
Nxb Văn học, Hà Nội, 1969.

TRẬN MỎ NHÀI [1]

Núi cao đường dốc quanh co,
Trong màn sương trắng lô nhô bóng người.
Áo chàm đeo súng hỏa mai,
Xăm xăm rẽ lối Mỏ Nhài tiến sang.
Hôm nay châu lỵ sầu thương,
Cổng cài, sân vắng, công đường lặng im.
Bốn bề vọng gác như nêm,
Lầu quan cửa đóng, thang lên hững hờ.
Ngồi trong quan lớn bơ phờ,
Phần thương vợ đẹp, phần lo mất đầu.
– "Ông Tây, ông Nhật ở đâu?
Biết chăng chăng biết cho nhau lúc này...!
Nguy rồi! Súng nổ đến đây?
Nguy rồi! Đạn đã tung bay vèo vèo!
Lính ta đâu? Bắn ra theo!
Bắn đi, bắn nữa, bắn nhiều nhiều lên!"
Quan sang giữ phía buồng bên...
Thế là quan lẩn, quan len vào rừng.
Lính cơ, lính dõng ngập ngừng,
Anh co cẳng chạy, anh dừng chân đi.
Anh kêu: "Các bạn quay về,
Theo dân theo nước, dại gì theo quan".
Dân quân lớp lớp sóng tràn,
Vào dinh quan lớn trăm ngàn tiếng hô.
Thu tài sản, đốt giấy tờ,
Chốn oai nghiêm cũ bây giờ khinh khi.
Nào đâu nữa vẻ uy nghi,
Quan ngồi chễm chệ, quan đi đàng hoàng.

---

1. Mỏ Nhài là châu lỵ Bắc Sơn thuộc tỉnh Lạng Sơn. Năm 1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại. Đến năm 1944, ở Bắc Sơn, Đảng ta lại phát động chiến tranh du kích và đã thắng trận Mỏ Nhài.

Hôm xưa những kẻ dân làng,
Vào quan hai mắt đưa ngang ngại ngùng.
Hôm nay họ đã anh hùng.
Cầm dao vác súng đi lùng "cái quan".
Quân ra bỏ đống hoang tàn,
Mang theo ngọn lửa căm hờn chưa thôi!

Chu Lang, 1944

Báo Cứu quốc, số 14,
ngày 21-10-1944.

*
* *

THƠ XUÂN VỢ LÍNH GỬI CHỒNG

Anh ơi, mấy độ xuân rồi!
Hoa đào rớm máu, tình đời thương đau.
Xa anh mang nặng khối sầu,
Xuân về chỉ để cho nhau ngậm ngùi.
Cảnh nhà nhục lắm, anh ơi!
Có dăm thùng thóc vụ mười Tây thu.
Đi buôn mong gỡ cháo hồ,
Ít hàng giặc Nhật lại vừa cướp không.
Em buồn thân thế long đong,
Em lo loạn lạc quặn lòng chia ly.
Anh ơi, bom đạn bốn bề!
Thân anh đi lính mong về nữa đâu.
Đời em mang vết thương sâu,
Đời anh nào để mai sau những gì?
Chao ôi, anh chết thảm thê!
Chết vì ai thế? Chết vì theo Tây!
Chết vì giặc nước căm thay!
Đời sau mai mỉa, đời nay chê cười.
Anh ơi, súng ở tay ai?
Sao không quay lại diệt loài thù chung?

Anh xem bao những anh hùng,
Kìa ông Đội Cấn, Đội Cung dạo nào.
Hô quân ra cứu đồng bào,
Súng Tây ông lại bắn vào đầu Tây.
Tiếng tăm lừng lẫy đó đây,
Sử sách ghi mãi những ngày vẻ vang.
Anh ơi! Duyên đã lỡ làng,
Xin anh để tiếng phi thường cho em.
Ước gì kẻ lạ người quen,
Gần xa nhắc đến chồng em anh hùng?
Thư xuân lệ thấm đôi dòng,
Anh ơi! Anh tỏ nỗi lòng em chăng?

1945

Báo *Cứu Quốc*,
số Xuân 1942.

*
* *

TIỄN BẠN ĐI CHIẾN KHU

Cơn gió thổi tím bầm gan chiến sĩ,
Giọt mưa reo khôn dập lửa lòng ai.
Súng biên cương đã nổ giục anh rồi,
Trời tuy lạnh, nhưng tim anh nóng hổi.
Khuôn mặt tròn với bàn tay cứng cỏi,
Xách làn mây anh mạnh bước ra đi.
Cầm tay anh, tôi biết nói năng gì,
Ngày oanh liệt chờ nhau trên mặt trận.
Anh bóp súng, anh vung gươm rửa hận,
Nhớ tôi chăng, múa bút kích quân thù.
Tết này đây trong chiến địa biên khu,
Anh chống kiếm ngắm non sông hùng vĩ.
Hay nhằm lúc đêm trường đầy sát khí.
Anh xông ra giết giặc những nơi nào?

Gò xương lưng gắng sức vượt đèo cao?
Hay len lỏi khắp rừng sâu hang tối?
Anh hẳn đoán Tết này tôi cặm cụi,
Trong nhà gianh thảo hịch gọi nhân dân.
Hay xông pha hăm hở chạy xa gần,
Xô muôn lớp bất bình ra phấn đấu.
Giờ khởi nghĩa hẹn hò năm Ất Dậu,
Trận đầu tiên ai thắng, ấy là anh!
Tiếng tôi hô vang dậy cả rừng xanh,
Anh sẽ gặp tôi nhiều trên *Cứu quốc*.

1945

Báo *Cứu quốc*, số Xuân 1945.

PHẠM THỊ TRINH
(Sinh năm 1914)

Phạm Thị Trinh sinh năm 1914, ở xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, trong một gia đình có truyền thống yêu nước.

Phạm Thị Trinh vào Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930, và luôn luôn là một nữ đảng viên trung kiên và tận tụy. Phạm Thị Trinh đã kinh qua nhiều chức vụ: Tỉnh ủy viên, Hội trưởng kiêm Bí thư Đảng đoàn Phụ nữ Liên khu V, Ủy viên thường trực Ban Phụ vận kiêm Trưởng ban Ban Tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, đại biểu Quốc hội khóa II và khóa III. Phạm Thị Trinh hiện nay hưu trí tại Hà Nội.

Phạm Thị Trinh và Nguyễn Chánh [1] vừa là đồng chí, vừa là vợ chồng, vừa là đôi bạn thơ. Thơ của Phạm Thị Trinh trong thời kỳ bí mật là thơ truyền miệng, mang tính chiến đấu cao, được nhiều người ưa thích, sau này đã được tuyển chọn in trong nhiều tập thơ cùng với nhiều tác giả khác.

Tất cả những bài thơ in dưới đây đã được tác giả xem và chỉnh lý lần cuối, chúng tôi không làm khảo dị.

DỜI NON LẤP BỂ

Kìa lũ tham tàn thật bất công,
Làm con xa mẹ, vợ xa chồng.
Nhiều người đói rách, nhiều người có,
Lắm kẻ giàu sang, lắm kẻ không,
Chồng chất xương phơi trên đất nước,
Chứa chan máu đổ khắp non sông.
Ví bằng ông Tạo không xoay lại,
Ta cũng dời non lấp bể Đông.

1931

1. Tiểu sử và thơ của Nguyễn Chánh in ở *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 34.

TRONG LAO CẤM CỐ

Tháng ngày quanh quẩn chốn nhà lao,
Xiềng sắt, cùm lim xích má đào.
Ngang dọc chỉ trong vòng cửa sắt,
Nhảy bay khó vượt lớp tường cao.
Kìa bay nghiêm cấm bao điều nghiệt,
Mà sức hô hào chẳng lãng xao.
Chết bỏ, sống về tranh đấu mãi,
Gian nan chi núng phận tơ đào.

1931

*
* *

BỊ GIAM Ở XÀ LIM

Vừa bước chân ra cái cõi trần,
Kiếp đời vừa gặp bước gian truân.
Tấm thân phó thác mưa cùng nắng,
Tấc dạ xin thề nước với dân.
Tay trắng quyết nương cờ xã hội,
Máu đào nguyện rửa sạch non sông.
Nắng mưa nào quản thân bồ liễu,
Gian khổ càng cao chí tuổi xuân.

1932

*
* *

GẶP TOÀN QUYỀN PÁTXKIÊ

TIỂU DẪN – Năm 1932, đoàn đại biểu Bộ Thuộc địa Pháp sang kiểm tra tình hình chính trị ở Đông Dương. Toàn quyền Pátxkiê đến Quảng Ngãi gặp "hai cô thiếu nữ": Phạm Thị Trinh và Trần Thị Hiệp. Sau khi nói chuyện với Toàn quyền, về nhà lao, tác giả làm bài thơ này.

Ta gặp bay đây rất nực cười,
Một thằng chễm chệ ghế phô tơi. [1]
Hai thằng khúm núm khom sau trướng,
Ngực lại tòn ten những vật gì? [2]

Mi bảo ta rằng: "Chị đảng viên.
Đến đây để gặp quan Toàn quyền.
Chị vì *chủ nghĩa* bao giờ thắng?
Khi thắng ai người được ở yên?"

Mục đích của tôi, tôi cứ theo,
Tôi vì giai cấp, vì dân nghèo.
Khi nào đất nước về dân tộc,
Ai sống trên đời cũng giống nhau.

Con đường cộng sản khắp năm châu,
Không phân dân tộc nước non nào.
Yêu người lý tưởng, cùng chung hướng,
Kẻ cướp nơi này, xin cút mau.

Có hai nhà báo ghế bên kia,
Chăm chú ngồi nghe tay chép ghi.
Về Pháp truyền lời: "Cô thiếu nữ,
Việt Nam cộng sản: thế này đây!"

193.

1. Phô tơi: Ghế bành, phiên âm tiếng Pháp fauteuil.
2. Những vật gì: Chỉ một cách mỉa mai hai cái bài ngà đeo trên ngực bọn quan lại.

TRONG XÀ LIM NHỚ MẸ

TIỂU DẪN – Bài thơ này làm ở nhà lao Quảng Ngãi, năm 1933, lúc tác giả nhớ đến người mẹ kính yêu của mình.

Trong lúc tác giả đi trốn, bọn thực dân đã tra tấn mẹ, bắt mẹ đi tìm các con, và nói: "Mày có hai thằng con làm giặc, đi đày Lao Bảo, Buôn Ma Thuột phải không?" Mẹ chỉ cười, không khai, và không thèm trả lời chúng.

Xà lim ngoài cửa ánh trăng xa,
Nghĩ đến làng quê dạ thiết tha.
Con trẻ chỉ mong nhìn thấy mẹ,
Thử xem sức mẹ đến bao giờ.

Đầu mẹ hoa râm tóc rối bời,
Đôi hàng lệ nuốt chẳng thèm rơi.
Mắt đen năm trước giờ sâu thẳm,
Sâu tựa đầm xanh, tựa bể khơi.

Vì kẻ thù kia đánh mẹ nhiều,
Khảo tra: "Con mụ trốn giờ đâu?
Hai thằng Lao Bảo, Buôn Ma Thuột?"
Mẹ gật cười, nhưng nữa xót đau!

Mẹ sống qua ngày cảnh cháo rau
Thép nung, so với mẹ còn thua.
Mẹ ơi, mẹ mãi là gương sáng!
Sẽ đến cùng con dưới bóng cờ.

1933

*

* *

TIỄN ANH CHÁNH RA TÙ

TIỂU DẪN – Năm 1933, Nguyễn Chánh ra khỏi nhà tù. Phạm Thị Trinh đưa tiễn bằng mấy câu thơ dặn dò: Chí làm trai đừng ngại gian khổ trên bước đường chông gai sắp đến.

Anh đã ra về, anh bước đi.
Đi trên đường cũ bấy lâu ni.
Chông gai, càng bước, càng gian khổ,
Nhưng chí làm trai có quản gì.

1933

*

* *

EM ĐẾN THĂM ANH

TIỂU DẪN. – Tháng 11–1939, Nguyễn Chánh bị giam ở nhà lao Quảng Ngãi. Phạm Thị Trinh, hồi ấy đã là vợ của Nguyễn Chánh, đến thăm, gặp lúc chúng dẫn chồng đến "trường tra" để tra tấn hỏi cung. Phạm Thị Trinh chạy theo. Nguyễn Chánh nói ý một câu: "Tôi vẫn còn trong trắng...". Thằng Cứu là người dẫn tù nhớ mối thù Phạm Thị Trinh đánh nó năm 1932, nên nó đánh cả hai vợ chồng. Hắn nói: "Mày giỏi đưa tin thì đến trường tra sẽ biết". Nguyễn Chánh la lên phản đối chúng.

Em đến thăm anh trước cảnh tù,
Tay anh xiềng lại mặt anh tươi.
Anh đang bước đến "trường" tra tấn,
Anh vẫn chào em một nụ cười.

Em bước theo anh lửa đốt lòng,
Anh rằng: "Tôi vẫn trắng và trong".
Tim em hồi hộp, trào căm giận,
Một trận mưa rơi xối dập dồn.

Anh thét lên không nuốt hận thù,
Căm thù càng nghĩ, nghĩ càng sâu.
Chúng ta đâu phải thân cầm thú,
Đâu phải là thân kiếp ngựa trâu.

Rồi em quay lưng bước trở về,
Phong trần càng nếm, nếm càng tê.
Lửa hờn bốc cháy lòng sôi nóng.
Em quyết cùng anh quyết bước đi.

1939

*
* *

THĂM CHỒNG Ở LAO BA TƠ

Em đến thăm anh trước cảnh đày,
Ra về trăm đắng với nghìn cay.
Chia tay này biết bao thương nhớ!
Đòi đoạn lòng em mấy khúc nhôi.

Khúc nhôi ai thấu tấm lòng em?
Căm giận trào sôi, xé quả tim.
Ly biệt nghĩ càng thêm ứa máu,
Thù này tràn ngập bể mông mênh.

Mông mênh anh có biết chăng là?
Giọt lệ lòng rơi giọt máu pha.
Trở gót bâng khuâng còn ngoảnh lại,
Khói mây mù mịt ngóng xa xa.

Xa xa em vẫn đến nơi rồi,
Chỉ ngại phần anh ở đấy thôi.
Cá chậu chim lồng, thân thế mãi,
Khi nào tung cánh, cất mình bay?

1940

TIỄN CHỒNG ĐI ĐÀY

TIỂU DẪN – Năm 1940, Phạm Thị Trinh đến thăm Nguyễn Chánh ở lao Quảng Ngãi. Đến nơi thì xe chở tù đi đày vừa chuyển bánh. Lúc ấy, đôi mắt Phạm Thị Trinh bị mờ nên không thấy rõ người, chỉ nghe có mấy tiếng vọng lại: "Mình ở nhà cố gắng chữa bệnh và nuôi con".

Tiếng còi như xé nát tâm can,
Giọt lệ không ngăn nổi, ứa tràn.
Làn khói nỡ đưa người cách biệt,
Vòm cây đành choán kẻ yêu đang (đương).
Xót đau này khó dằn cơn giận,
Chia rẽ không ngăn nổi tấm lòng.
Tiếng gọi trên xe còn vọng mãi,
Dễ gì thù ấy lại mau tan.

1940

*
* *

EM CŨNG NHƯ ANH

TIỂU DẪN – Năm 1941, tác giả bị giam ở nhà lao Quảng Ngãi, làm bài thơ này gửi Nguyễn Chánh ở nhà lao Buộn Ma Thuột.

Em cũng như anh, cũng cảnh tù,
Chúng ta đâu phải vụng đường tu.
Tuy rằng cay đắng nhiều hơn nữa,
Ta vẫn cùng chung mối hận thù.

Từ đây giam hãm mỗi phương trời:
Cảnh ngộ chung, mà đứa một nơi.
Vì phận chim lồng, không cất cánh,
Nỗi lòng ai có thấu chăng ai?

Ta nuốt đau thương nửa cuộc đời,
Nhưng lòng ta vẫn cứ vui tươi.
Vui mà sống với ngày mai đẹp,
Ta cứ chờ nhau phút tái hồi.

Sống vẫn mang theo mối hận này,
Phá tan xiềng xích bấy lâu nay.
Trùng phùng, âu có ngày đưa lại,
Bùi ngọt ta bù lúc đắng cay.

1941

*

* *

NHỚ CÁC CHÚ

TIỂU DẪN – Năm 1942, Phạm Thị Trinh bị bắt vào tù lần thứ hai, và cùng thời gian ấy, chồng là Nguyễn Chánh bị đưa đi đày, nên không có ai trông nuôi hai đứa con dại. Phạm Thị Trinh phải đấu tranh quyết liệt mới đưa được một cháu là Tuyết Minh vào ở tù với mình để có điều kiện trông nuôi con. Lúc ấy Tuyết Minh chưa đầy ba tuổi.

Xà lim nhà ngục trong đêm tối,
Tiếng muỗi vo ve, chân lại cùm.
Có đứa trẻ thơ về quê nội,
Đứa thì quê ngoại, cách đôi phương.

Chả biết ngày mô tuyên án tù?
Con vào mẹ ngắm: thử ra sao.
Chiếc hôn trìu mến lòng sung sướng,
Lòng mẹ bây giờ đỡ khổ đau.

Ngày ấy con vừa đến ngõ lao,
Thương con mẹ lại bế con vào.
Lính canh giành lại nhưng không được,
Nhất định không ra và không ra.

Con đã vào đây các chú thương,
Bữa ăn chia sẻ phải nhường cơm.
Chú cho chiếc rổ vừa tay bé,
Đựng bánh trong tù – miếng cháy thơm.

Vì bởi tình thương nên chú trêu:
Bảo người chân xẹo giống ba nhiều [1]
Cháu hay hờn giận và hay khóc,
Miếng cháy thơm đền cháu mến yêu.

Chú hết trêu rồi, đến dạy thơ,
Thơ ca cháu cũng thuộc đôi bài.
Ngày ra cháu bước theo chân mẹ,
Nhớ cảnh nhà lao nhắc cháu hoài.

1942

*
* *

HỒI KÝ LAO QUẢNG NGÃI

Tôi nhớ lại trong nhà tù năm trước,
Nơi giam đây, thuộc chế độ của Nam Triều.
Ngục thất này ở dưới ách quan liêu,
Cảnh hà khắc nào khác gì ngục lớn.
Cảnh tra tấn, cảnh giết người rùng rợn,
Treo ngược người đốt lửa cháy đen da.
Chúng lại còn treo kiểu trói cánh gà,
Rồi gác sắt, lèn lưng, đè bể ngực.
Dùng gông tạ tra người thôi ác nghiệt,
Đồng chí Dung chết gục, cổ còn gông.
Dùng nước vôi, nước mặn, đổ vào mồm,
Cho đầy bụng, giẫm giày chông, cho máu trào lẫn nước.
Chúng dùng điện tra chị em vào chỗ nghiệt,
Không chừa già, chừa trẻ, một ai đâu.

1. Chân xẹo: Chân thọt.

Chúng lại còn cắt cả nhượng chân người,
Đồng chí Bùi Phong hai chân còn xương trắng.
Chúng dùng kim châm đầu ngón tay, ngón cẳng.
Là thường tình của thói dã man.
Kim sắt kia nướng đỏ như than,
Áp vào thịt của bao người cháy, thối.
Án chung thân, án tử hình thêm dữ dội,
Một số người phải chết ở nơi đây.

Trong nhà tù Nam án với chuồng cu,
Bốn bức tường che không chỗ hở.
Đóng cửa lại, người không còn hơi thở,
Hai mươi người ngồi, đứng suốt đêm ngày.
Cảnh giết người vì ngột thở nơi này,
Đau đớn ấy hằng ngày luôn tái diễn.
Cơm gạo mục sâu, bỏ phèn đun nhỏ biến,
Người ăn vào sinh thũng chết dường bao.
Trong nhà tù cứt đái lộn lên đầu,
Ăn với ỉa một nơi đà gớm guốc!

Ngoài khủng bố, chúng lại còn mua chuộc,
Dùng đủ mưu giết chết cả tinh thần.
Đồng chí ta anh dũng biết bao ngần!
Tra tấn thịt rơi, người không hề nao núng.
Có đồng chí tiếp mười lăm ngày tra tấn, [1]
Vững như đồng, đế quốc đã khiếp kinh.
Đồng chí Nguyễn Nghiêm khi kết án tử hình,
Trong khi chém, mười lăm gươm nhưng miệng
còn chửi chúng. [2]
Đồng chí Bùi Phong chân trong cùm, máu tràn cả vũng,
Rút bùloong đánh vỡ óc quân thù. [3]

---

1. Mười lăm ngày tra tấn: Chúng tra tấn Huỳnh Dụng 15 ngày, anh vẫn cứ ngồi yên, không thèm trả lời, không thèm kêu la, cũng không thèm cựa quậy.

2. Chém mười lăm gươm: Chúng chém Nguyễn Nghiêm 15 nhát; chưa chết, Nguyễn Nghiêm vẫn chửi chúng.

3. Rút bùloong: Chúng tra Bùi Phong hai chân lòi xương mất cá nhưng vẫn cùm trong xà lim. Bùi Phong rút sẵn bùloong, chờ cai ngục đội Dư vào liền đập vào đầu hắn. Chúng bắn anh chết ngay khi hai chân còn mắc trong cùm.

Có những người tranh đấu trong tù,
Gia án chín lần, nhưng không hề khuất phục.
Phiên tòa mở, xử những người yêu nước,
Bàn với nhau chống cho được phen này.
Khi ra tòa, Chánh án gọi dứt lời,
Chị đại biểu cho người tù: "Tôi xin hỏi", [1]
Án xử ấy là của người dân khổ,
Hay của người cướp nước với buôn dân?
Vậy hay là nên kết án các ông,
Người cộng sản chúng tôi là chính nghĩa!"
Rồi tiếp đó, mọi người đều phản đối,
Chúng bịt mồm, xích lại, dẫn vào lao.
Trong nhà tù vẫn tiếp tục làm reo,
Chống gia án, chống mắm giòi, cơm nát.
Chống đánh đập của lê dương, chống đi đày nước độc,
Chị em đòi không gánh đất nặng nề...
Đấu tranh này tiếp diễn mãi trong tù,
Quân đế quốc đã nhượng nhiều quyền lợi.
Nhưng mặt khác chúng dùng mưu khủng bố,
Thuốc độc kia tiêm vào một số người.
Thằng quan Ba dẫn lính tận vào lao,
Quyết đàn áp cho phong trào lắng xuống.
Nhưng chúng đến bước vào lao Tám, [2]
Toàn lao hô: "Đả đảo Giám binh!"
Chúng quay lưng, vứt mũ, chạy một mình,
Về đồn ở, thề từ đây không đến nữa!
Đối với bọn tay sai, với những thằng thám tử,
Thả vào lao thì trừng trị thẳng tay.
Đánh Chủ ngục, đánh Chủ thầu,
Làm cho chúng nó khiếp đầu với ta.
Làm cho quyền lợi buông ra,
Nhà tù ba mươi bốn (1934) nay đà đổi thay.

1942

*

1. Chị đại biểu: Là Phạm Thị Trinh.
2. Lao Tám: Là lao cấm cố có 8 lô cùm.

NGỌN LỬA BA TƠ

TIỂU DẪN – Tác giả làm bài thơ trong thời kỳ Ba Tơ khởi nghĩa, kêu gọi phụ nữ hưởng ứng phong trào cách mạng đánh đuổi Pháp – Nhật.

Lúc ấy, tác giả là Ủy viên của Ủy ban Vận động Cứu quốc Quảng Ngãi, phụ trách công tác phụ nữ.

Ngọn lửa Ba Tơ đã cháy bùng,
Phất cờ khởi nghĩa giữa mùa xuân.
Anh em du kích tay bồng súng,
Cách mạng từ đây cướp chính quyền.

Giặc Pháp đi rồi, Nhật lại sang,
Đấu tranh còn lắm trận gian nan.
Gươm kia tuốt vỏ đang mài sáng,
Ta bảo cùng nhau: "Ta kết đoàn".

Ta bảo cùng nhau: "Giữ ngọn cờ",
Ngọn cờ ánh sáng giữa Ba Tơ.
Tấm gương cứu nước còn soi mãi.
Nào chị em mình tiến bước theo.

Chị hãy cùng tôi, ta bước đi,
Việt Minh cờ đỏ rực ba kỳ.
Ta đi theo tiếng đoàn quân gọi,
Đuổi Pháp về Tây, đuổi Nhật về.

3–1945

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TẬP 36

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ BA